

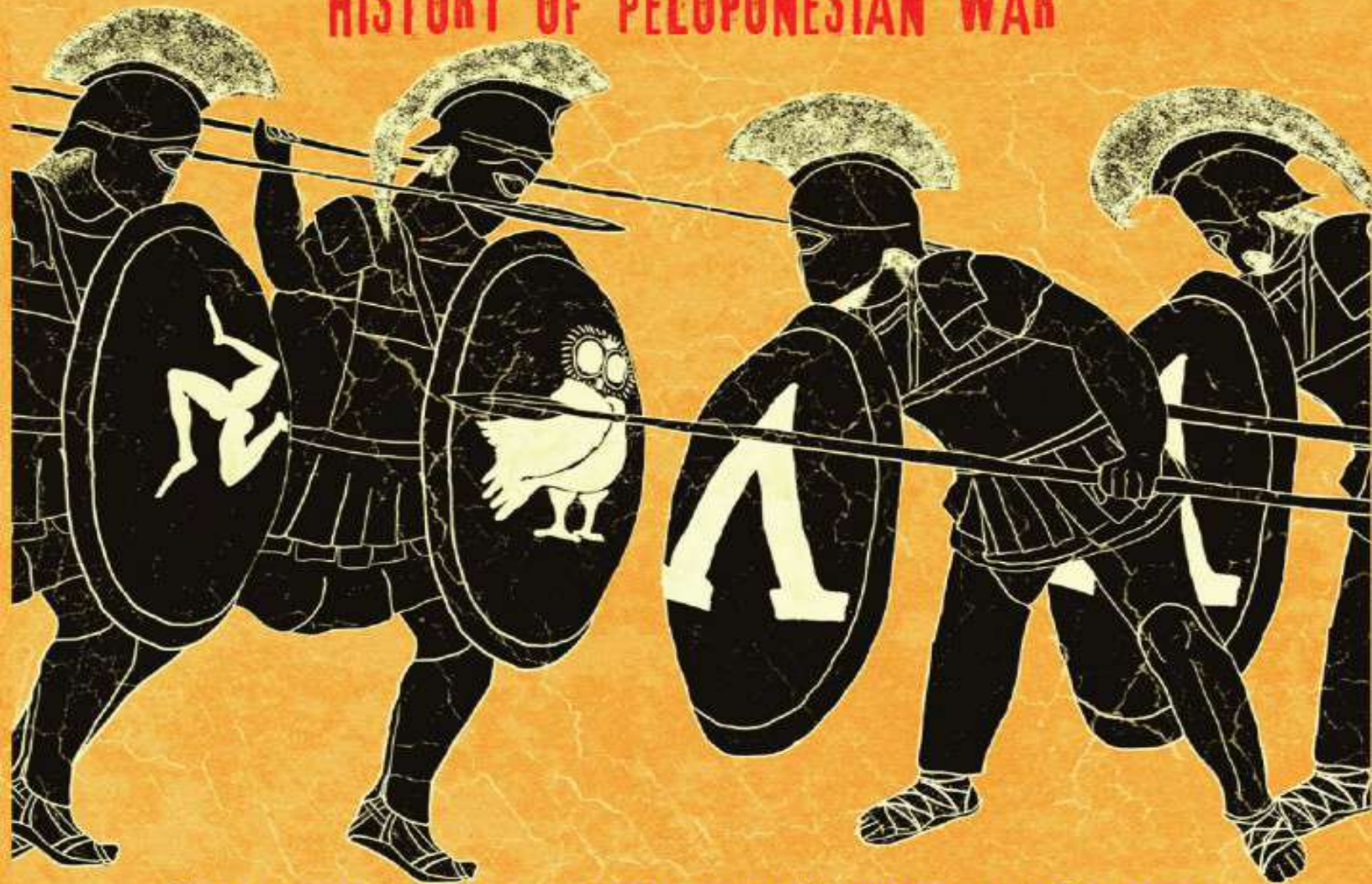
THUCYDIDES

Takya Đỗ, Nguyễn Chí Hoan, Nguyễn Chí Hiếu dịch

LỊCH SỬ CHIẾN TRANH

PELOPONNESSE

HISTORY OF PELOPONESIAN WAR



CUỘC CHIẾN LÙNG DANH GIỮA ATHENS VÀ SPARTA
HƠN 2500 NĂM TRƯỚC

THUCYDIDES

LỊCH SỬ CHIẾN TRANH PELOPONNESE

Cuộc chiến lừng danh giữa Athens và Sparta hơn 2500 năm trước

Nhóm dịch:

Takya Đỗ, Nguyễn Chí Hoan, Nguyễn Chí Hiếu

*(Dịch từ bản dịch tiếng Anh của Richard Crawley (1840-1893) –
Nhà văn, Viện sĩ Hàn lâm xứ Wales – và tham chiếu các bản dịch tiếng Anh
của Benjamin Jowett, Thomas Hobbes cùng một số bản dịch tiếng Anh khác)*

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

ĐÔI ĐIỀU VỀ TÁC PHẨM LỊCH SỬ CHIẾN TRANH PELOPONNESE

Thucydides (460-400 TCN) là nhà sử học nổi tiếng cùng thời với Herodotus. Từ chính tác phẩm *Lịch sử chiến tranh Peloponnesse*, Thucydides đã cho chúng ta những thông tin cơ bản về ông: ông vốn là một vị chỉ huy trong quân đội Athens, trực tiếp tham gia chiến tranh và viết nên cuốn sách này, trong đó miêu tả cuộc chiến tranh nhằm giành quyền bá chủ Hy Lạp giữa hai phe: phe Sparta và đồng minh là Peloponnesse, phe Athens và đồng minh là Delos (diễn ra từ năm 431 đến năm 404 TCN). Ông xuất thân trong gia đình giàu có, sở hữu nhiều của cải và phải sống lưu vong nhiều năm, đi qua nhiều thành bang ở Peloponnesse và nhờ đó ông có điều kiện sưu tầm, xem xét các câu chuyện liên quan đến cuộc chiến tranh này từ nhiều phía. Hình ảnh của ông thỉnh thoảng xuất hiện trong tác phẩm của mình như một nhân chứng, một người trực tiếp tham gia vào diễn tiến của cuộc chiến tranh này, ví dụ việc ông thuật lại sự kiện khiến ông tham gia cuộc chiến hoặc xuất xứ và nguyên nhân của bệnh dịch.

Tôi không muốn đi sâu vào việc phân tích cuốn sử ký đồ sộ này vì điều đó vượt ra khỏi khuôn khổ của một lời giới thiệu; mặt khác, độc giả có thể tìm hiểu trong quá trình đọc sách và rút ra những nhận xét lý thú cho riêng mình. Về phần mình, tôi cho rằng với tác phẩm *Lịch sử chiến tranh Peloponnesse*, Thucydides đã có hai đóng góp lớn lao.

Thứ nhất, có thể nói Thucydides là một hiện tượng đặc biệt trong sử học cổ đại, ông đã vượt lên trên nhiều tác giả khác về tính chân thực của sử liệu và phương pháp nghiên cứu sử liệu. Hãy đọc những dòng suy nghĩ chất chứa nhiều quan điểm sử học và sử liệu học của ông:

“Có nhiều ý kiến vô căn cứ phổ biến trong các dân Hy Lạp khác, thậm chí về những vấn đề trong lịch sử đương đại còn chưa kịp bị thời gian biến thành mơ hồ. Chẳng hạn như, có ý kiến cho rằng các vua của Lacedaemon mỗi người có hai quyền biểu quyết, mà thực ra họ chỉ có một; và rằng ở đó có một đội quân của Pitane, nhưng làm gì có đội quân đó. Dân chúng chẳng nhọc lòng để điều tra ra sự thật, họ vui lòng chấp nhận câu chuyện đầu tiên đến tai họ. Tuy vậy, tôi tin rằng nhìn chung thì những kết luận mà tôi đã rút ra từ những bằng chứng đã nêu đó có thể hoàn toàn tin cậy được. Nhất định là chúng sẽ không bị rối rắm hoặc bởi những vần thơ của một thi sĩ đang khoe tài cường điệu, hoặc bởi sự hư cấu của những người ghi chép biên niên sử rất lười cuốn nhưng lại làm tổn hại đến sự thật; những chủ đề mà họ đề cập đến vượt ngoài khả năng chứng minh được, và thời gian đã tước đoạt hầu hết giá trị lịch sử của chúng bằng cách tôn chúng lên hàng truyền thuyết. Tránh xa khỏi những chủ đề này, chúng ta có thể hài lòng với việc đã xuất phát dựa trên những dữ kiện chắc chắn nhất, và đi đến những kết luận chính xác nhất có thể hy vọng có được về những vấn đề xa xưa đến thế. Về cuộc chiến tranh này mà nói, cho dù những người đang tham gia vào một cuộc chiến tranh luôn có khuynh hướng coi cuộc chiến tranh ấy là trọng đại nhất và khi nó kết thúc họ lại quay về với việc ca tụng những sự kiện lịch sử trước nó, nhưng việc thẩm tra những sự kiện thực tế sẽ cho thấy rằng cuộc chiến tranh này vĩ đại hơn những cuộc chiến tranh trước nó rất nhiều.

Về những lời phát biểu của các nhân vật trong cuốn sử ký này, một số đã được phát biểu từ trước khi cuộc chiến bắt đầu, một số khác được phát biểu trong thời gian cuộc chiến tranh xảy ra; một số tôi đã được nghe tận tai, một số khác tôi có được từ nhiều nguồn tin khác nhau; trong mọi trường hợp thật khó mà ghi nhớ được từng lời vào đầu, vì vậy thói quen của tôi là lái người phát biểu nói những gì mà tôi nghĩ là cần phải hỏi ở họ vào những dịp khác nhau, dĩ nhiên là bám chặt hết mức có thể vào ý nghĩa tổng quát của những gì họ thực sự đã nói. Và về câu chuyện thuật lại các sự kiện này, chẳng những không cho phép

bản thân mình khởi thảo nó từ những tư liệu đầu tiên có được trong tay, tôi thậm chí còn không tin vào những cảm tưởng của chính mình, mà câu chuyện một phần dựa trên những gì tôi tận mắt thấy, một phần dựa trên những gì người khác đã thấy hộ tôi, độ chính xác của câu chuyện thuật lại này luôn được thử thách bằng những cuộc thẩm tra chi tiết nhất và nghiêm ngặt nhất có thể. Những kết luận của tôi đã khiến tôi phải tốn công ít nhiều vì thiếu sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa những lời kể của các nhân chứng khác nhau về cùng một sự kiện, lúc thì do trí nhớ không trọn vẹn, lúc thì do quá thiên kiến đối với bên này hoặc bên kia. Tôi e rằng việc thiếu tính lãng mạn trong cuốn sử ký của tôi sẽ làm nó bớt phần thú vị đi đôi chút; nhưng nếu nó được đánh giá là hữu ích bởi những người tìm tòi với mong muốn có được sự hiểu biết chính xác về quá khứ như một phương tiện giúp giải đoán tương lai, mà trong tiến trình của nhân loại nếu quá khứ đó không lặp lại ắt cũng phải có sự tương đồng, thì tôi sẽ lấy làm mãn nguyện. Nói tóm lại, tôi đã viết tác phẩm của mình không phải như một bài luận chỉ để nhận được tràng vỗ tay hoan nghênh trong chốc lát mà như một tài sản vĩnh tồn.”

Cũng như Herodotus, mục đích viết sử của Thucydides là để đời sau có “quan niệm rõ ràng hơn về quá khứ”. Ông dựng lại cuộc chiến tranh Peloponnese bằng những câu chuyện mình được chứng kiến hoặc nghe kể lại. Tuy nhiên, là một nhà sử học nghiêm túc, cẩn thận, ông luôn đặt tính chính xác của câu chuyện ở vị trí quan trọng hàng đầu. Bởi lẽ, ông nhận thức rõ vai trò của quá khứ đối với hiện tại và tương lai: “Tôi e rằng việc thiếu tính lãng mạn trong cuốn sử ký của tôi sẽ làm nó bớt phần thú vị đi đôi chút; nhưng nếu nó được đánh giá là hữu ích bởi những người tìm tòi với mong muốn có được sự hiểu biết chính xác về quá khứ như một phương tiện giúp giải đoán tương lai, mà trong tiến trình của nhân loại nếu quá khứ đó không lặp lại thì cũng phải có sự tương đồng...”. Vì thế, “tôi đã viết tác phẩm của mình không phải như một bài luận chỉ để nhận được tràng vỗ tay hoan nghênh trong chốc lát mà như một tài sản vĩnh tồn.”

Là nhà sử học đề cao tính khách quan của sử liệu, ông đã bước đầu nêu một số yếu tố ảnh hưởng đến sự chân xác của sử liệu, đó là tình cảm và trí nhớ. Ông viết: “Những kết luận của tôi đã khiến tôi phải tốn công ít nhiều vì thiếu sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa những lời kể của các nhân chứng khác nhau về cùng một sự kiện, lúc thì do trí nhớ không trọn vẹn, lúc thì do quá thiên kiến đối với bên này hoặc bên kia.”

Thucydides nghiên cứu cả những điều kiện tự nhiên, điều kiện vật chất và chế độ xã hội, coi đó như những yếu tố có ảnh hưởng đến sự phát triển của lịch sử. Xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, vị trí, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi thành bang trong các liên minh đều được xem xét, phân tích cẩn trọng. Thậm chí, sự cẩn trọng, tỉ mỉ trong việc xem xét, phân tích các nhân tố tác động đến tiến trình vận động sự kiện còn được thể hiện khá rõ qua mỗi trận chiến của mỗi bên, nó có thể là một cơn mưa, một đêm giá buốt, một ngọn núi, dòng sông, dịch bệnh hay trạng thái tâm lý của quân sĩ...

Là một nhà sử học nghiêm túc, đề cao sử liệu, như một logic tất yếu, Thucydides không tin vào những lời tiên tri, sấm truyền, bác bỏ sự can thiệp của thần linh vào hoạt động của con người: “Những lời tiên tri với nội dung rất khác nhau được những nhà tiên tri thuật lại, và tìm được những người háo hức lắng nghe trong số những người tranh luận ở nhóm này hoặc nhóm khác.” Hay khi nói về bệnh dịch hạch ở Athens (Chương VII, năm thứ hai của cuộc chiến tranh), ông viết: “Một trong những điều mà họ nhớ ra khi lâm vào cảnh khốn cùng đó là, rất tự nhiên thôi, lời sấm mà những người già nói rằng đã được truyền từ trước đó rất lâu: *“Một cuộc chiến tranh với người Doris sẽ đến và đi cùng với nó là cái chết.”* Vì thế đã nảy ra một cuộc tranh luận về việc liệu có phải cái đó mà không phải là *“cái chết”* là từ được viết trong câu sấm này hay không; nhưng vào lúc này, dĩ nhiên nó được quyết định thiên về từ *cái chết*; vì dân chúng thấy điều họ nhớ lại trùng khớp với những thống khổ mà họ đang phải chịu. Tuy vậy, tôi lại nghĩ rằng sau này nếu có khi nào một cuộc chiến tranh Doris khác lại đến với

chúng ta, và nạn đói sẽ xảy ra kèm theo nó, thì lời sấm truyền ấy chắc hẳn sẽ được diễn giải theo từ *cái đói*.”

Mặc dù lịch chưa ra đời nhưng thời gian trong tác phẩm của ông cũng được coi trọng, giúp cho người đọc định vị rõ sự kiện trong quá khứ: “Câu chuyện lịch sử này được ghi chép theo thứ tự thời gian của các sự kiện xảy ra vào những mùa hạ và những mùa đông”. Trên cơ sở những tư liệu trong trong tác phẩm gồm 8 quyển của Thucydides, người đời sau có thể hình dung khá rõ cuộc Chiến tranh Peloponnese: Đây là cuộc chiến tranh diễn ra từ năm 431 đến 404 TCN, giữa các thành bang Hy Lạp cổ đại do hai thành bang Sparta và Athens đứng đầu và kết quả là phe Athens thất bại. Cuộc chiến đã góp phần định hình lại thế giới Hy Lạp cổ đại: Athens, thành bang hùng mạnh nhất ở Hy Lạp trước cuộc chiến đã bại trận, kéo theo cả chế độ dân chủ chủ nô của nó, Sparta chiến thắng cùng với sự lên ngôi của chế độ toàn trị.

Những quan niệm viết sử của Thucydides được xem như là đỉnh cao của sử học Hy Lạp thời cổ đại. Thành tựu của ông không chỉ ảnh hưởng đến các sử gia thời cổ đại mà còn ảnh hưởng không nhỏ đến giới sử học phương Tây thời cận hiện đại.

Thứ hai, không chỉ là một tác phẩm lịch sử, *Lịch sử chiến tranh Peloponnese* còn được xem là một tác phẩm kinh điển của chính trị học, của nghiên cứu quan hệ quốc tế. Và Thucydides được xem là cha đẻ của chủ nghĩa hiện thực. Nhiều thể chế chính trị của Hy Lạp cổ đại như democracy, oligarchy, tyranny, prytany, ephor, archon... được ông mô tả khá rõ ràng cùng với các biến cố lịch sử; những ghi chép của ông trong Cuộc hội đàm ở Melos vẫn được giảng dạy cho sinh viên các khoa chính trị học, quốc tế học. Giới thiệu về cuộc hội đàm này, ban biên tập nghiencuuquocte.org viết:

“... Trước khi ra lệnh tấn công, các tướng lĩnh Athens đã cử người tới thương lượng với người Melos. Trong cuộc thương lượng đó, câu nói “*kẻ mạnh làm bất cứ những gì mình có thể, còn kẻ yếu thì phải*

*chấp nhận những gì họ phải chấp nhận” của người Athens đã trở thành một ví dụ kinh điển cho chủ nghĩa hiện thực trong quan hệ quốc tế. Dù đã diễn ra từ hơn 2.000 năm trước, những luận điểm của người Athens và người Melos trong cuộc đối thoại về mối quan hệ giữa nước mạnh và nước yếu, giữa chiến tranh và hoà bình, giữa lựa chọn đồng minh và kẻ thù... vẫn còn hết sức tương thích với hiện thực chính trị quốc tế ngày nay.”**

Một trong những tư tưởng quan trọng của chủ nghĩa hiện thực mà Thucydides đề cập đến trong tác phẩm của mình về cuộc chiến Peloponnese chính là cách ông phân tích để truy tìm nguyên nhân chiến tranh. Thucydides chỉ ra rằng lý do gây ra chiến tranh là bởi sự gia tăng sức mạnh, nhất là hàng hải, của Athens đã làm cho Sparta và các đồng minh của Sparta lo sợ. Như vậy, gia tăng quyền lực cũng như việc nhìn nhận sự gia tăng quyền lực của các bên mới là căn nguyên dẫn đến cuộc chiến khốc liệt, kéo dài đến vậy. Còn lại, tất cả chỉ là những cái cớ. Ông đã viết rõ điều này ngay trong chương đầu tiên của bộ sách 8 quyển của mình: “Tôi cho rằng nguyên nhân thực sự là nguyên nhân đã chính thức bị bưng bít nhiều nhất. Quyền lực của Athens ngày một lớn mạnh, và nỗi lo sợ mà quyền lực này khơi gợi ra với Lacedaemon đã khiến chiến tranh là điều không thể tránh được. Tuy vậy, cũng nên nêu ra những cái cớ được cả hai bên viện ra dẫn đến việc phá vỡ hoà ước và khởi chiến.”

Những tư tưởng chính trị học, quốc tế học của Thucydides không chỉ thể hiện trong tư duy về quyền lực, về chủ nghĩa hiện thực mà còn xuyên suốt trong tác phẩm, thông qua những bài diễn thuyết, các hoạt động ngoại giao lôi kéo đồng minh của hai phe, các văn bản, hiệp ước được ký kết giữa các bên tham chiến, những tính toán lợi ích của các thành bang... Và có lẽ, điều quan trọng hơn là, những tư tưởng này được tác giả trình bày trong một tác phẩm sử học. Tính liên ngành, đa ngành của Sử ký cuộc chiến Peloponnese được thể hiện một cách nhuần nhị, tự nhiên đến mức không thể tách bạch.

Có thể nói, với Thucydides, tất cả là một “câu chuyện” liền mạch của cuộc chiến tranh, của lịch sử.

Cuối cùng, tôi nghĩ những gì mình trình bày trên đây đơn giản là những cảm nhận của tôi hơn là một lời giới thiệu cho công trình đồ sộ này. Và đó cũng thay cho sự tri ân đối với Công ty Sách Omega, với dịch giả Takya Đỗ – những người gắng sức giới thiệu *Lịch sử chiến tranh Peloponnese* của Thucydides đến độc giả Việt Nam, nhất là đến với những người say mê tìm hiểu lịch sử, tìm hiểu các vấn đề chính trị học, quốc tế học.

Hà Nội, tháng 01 năm 2017

PGS. TS VĂN NGỌC THÀNH

Chủ nhiệm Bộ môn Lịch sử Thế giới, Đại học Sư phạm Hà Nội

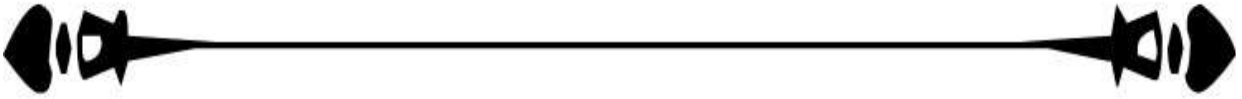
Lưu ý độc giả:

- Các chú thích trong bản dịch này chủ yếu được trích dịch và tổng hợp từ các nguồn: (i) Encyclopedia Britanica, (ii) *Dictionary of Greek and Roman Geography* (1854) (William Smith, LLD, Ed.), (iii) Wikipedia tiếng Anh, (iv) phần Indexes trong bản dịch tiếng Anh *The History of Peloponnesian War* của Benjamin Joweet, (v) một số trích đoạn từ các sách ‘*The Histories*’ của Herodotus, ‘*Geography*’ của Strabo, ‘*Descriptions of Greece*’ của Pausanias; (vi) một số từ điển khác như *Harpers Dictionary of Classical Antiquities* (Harry Thurston Peck), *A Dictionary of Greek and Roman Antiquities* (1890) (William Smith, LLD, William Wayte, G. E. Marindin, Ed.)... ; và các sách hoặc các bài viết từ một số website, v.v.;
- Nhiều địa danh được đề cập đến ở cuốn sách này hiện nay vẫn còn nhưng ranh giới địa lý đã thay đổi, một số nơi hiện giờ thuộc về quốc gia khác và/hoặc có tên gọi khác (tên mới hầu như sẽ không được đề cập trong các chú thích ở bản dịch này); những địa danh không tìm được thông tin từ các nguồn đã dẫn sẽ để ngỏ;
- Một số từ có gốc Hy Lạp như ‘*oligarchy*’, ‘*prytanis*’, ‘*proxenus*’... đã được phiên âm Latinh và trở nên phổ biến trên thế giới sẽ được giữ nguyên không dịch và sẽ được chú thích nghĩa của từ;
- Các bản đồ trong sách có nguồn từ Internet;
- Do cuốn sách cần nhiều chú thích, nguồn thông tin sẽ không được dẫn riêng cho từng chú thích; chú thích của người dịch sẽ được ghi ‘(ND)’, chú thích của biên tập viên sẽ được ghi ‘(BT)’; các chú thích ở đây chỉ mang tính chất tham khảo, phục vụ cho các độc giả không tiện tra cứu, do các nguồn tư liệu khác nhau có thể cung cấp những thông tin khác nhau.

– Nhóm dịch – Biên tập ấn bản tiếng Việt

QUYÊN THỨ NHẤT

Chương I



TÌNH HÌNH HY LẠP TỪ THUỞ SƠ KHAI ĐẾN KHỞI ĐIỂM CỦA CUỘC CHIẾN TRANH PELOPONNESE^[1]

Thucydides, một công dân thành Athens^[2], đã ghi chép cuộc chiến tranh giữa người Peloponnese và người Athens vào sử sách, khởi đầu từ thời điểm cuộc chiến tranh này bùng nổ, và tin rằng đó sẽ là một cuộc chiến tranh vĩ đại và đáng được thuật lại hơn bất kỳ cuộc chiến nào trước nó. Niềm tin này không phải vô căn cứ. Công cuộc chuẩn bị về mọi mặt của cả hai bên tham chiến đang ở bước hoàn thiện cuối cùng; và người chép sử đã thấy rằng toàn thể các dân còn lại của dòng giống Hy Lạp đang đứng về phe bên này hoặc bên kia trong cuộc tranh chấp đó; những người còn chùng chình chưa chọn phe phái ngay thì cũng đã toan tính trong đầu. Quả thật đây là biến động vĩ đại nhất mà lịch sử từ trước tới nay từng chứng kiến, không chỉ của các dân

Hy Lạp, mà của cả phần đông các dân phi-Hy-Lạp^[3] – kỳ thực tôi có thể nói là của cả nhân loại. Vì dầu rằng những sự kiện từ thuở xa xưa, và thậm chí cả những sự kiện xảy ra ngay trước cuộc chiến này, đều không thể xác định rõ được do thời gian đã qua đi, thế nhưng tất cả những bằng chứng từ một cuộc tìm hiểu ngược về quá khứ xa nhất có thể thực hiện được mà đã khiến tôi tin tưởng thấy đều dẫn đến một kết luận rằng thời trước chẳng có thứ gì đạt đến tầm vĩ đại, cả trong chiến tranh cũng như trong các vấn đề khác.

Chẳng hạn như, hiển nhiên cái quốc gia mà nay được gọi là Hy Lạp ấy xưa kia không có dân định cư ở đó; trái lại, những cuộc di cư xảy ra thường xuyên – một số bộ tộc sẵn sàng rời bỏ nhà cửa ra đi dưới sức ép của dân số quá đông. Đã không có buôn bán, không có tự do đi lại giao thiệp cả trên bộ lẫn trên biển, canh tác trên đất của mình không vượt quá nhu cầu mưu sinh cấp thiết, vốn liếng nghèo nàn, không bao giờ gieo trồng trên đất đai của mình (bởi họ không thể biết chắc được khi nào quân xâm lược có thể đến và cướp hết đi, và khi quân xâm lược đó đến thì họ cũng chẳng có thành lũy gì hầu ngăn chúng lại), lại cho rằng nhu cầu về đồ ăn thức uống hằng ngày có thể được cung cấp tại nơi này cũng như nơi khác, nên họ chẳng mấy bận lòng vì phải thay đổi nơi cư ngụ của mình, và hệ quả tất yếu là họ không xây dựng những kinh thành lớn, cũng chẳng đạt được đến bất kỳ hình thức vĩ đại nào khác. Những vùng đất màu mỡ nhất thường hay bị thay đổi chủ nhân nhiều nhất, chẳng hạn như những xứ mà bây giờ được gọi là Thessaly^[4], Boeotia^[5], phần lớn bán đảo Peloponnese ngoại trừ Arcadia^[6], và những vùng phong nhiêu nhất ở những nơi còn lại của Hy Lạp. Đất đai trù phú giúp tăng thêm quyền lực cho một số người, và vì vậy tạo ra phe phái, cái thứ đã chứng tỏ là một mảnh đất màu mỡ cho sự huỷ hoại sinh sôi. Nó cũng mời gọi xâm lăng. Thế nên Attica^[7], do đất đai của nó cằn cỗi mà từ thời xa xưa đến nay vẫn đang được hưởng quyền miễn trừ khỏi nạn phe phái, chưa từng có sự thay đổi nào về cư dân của nó. Và đây cũng là một thí dụ rất đáng kể minh họa cho điều tôi khẳng định rằng những cuộc di cư chính là nguyên do của việc không có sự tăng trưởng tương ứng ở các vùng khác. Những nạn nhân quyền lực nhất của chiến tranh hay phe phái từ những vùng còn lại của Hy Lạp đã chạy sang tị nạn bên người Athens như một nơi trú ẩn an toàn; và

ngay từ thời kỳ đầu, khi mới nhập cư, họ đã khiến dân số vốn dĩ đã cao ở kinh thành này tăng vọt đến mức rất cục Attica thành ra quá nhỏ bé không thể chứa nổi họ, và họ buộc phải đưa thực dân sang định cư ở Ionia^[8].

Cũng có một sự kiện khác góp phần không nhỏ khiến tôi càng tin chắc hơn về tình trạng yếu kém của thời cổ đại. Trước cuộc Chiến tranh thành Troy^[9] không có dấu hiệu gì cho thấy bất kỳ một trận đánh chung nào ở Hy Lạp, trên thực tế cũng không có dấu hiệu nào cho thấy cái tên Hy Lạp đã thành tên chung; trái lại, trước thời Hellen^[10], con trai của Deucalion, tên gọi đó còn chưa tồn tại, mà quốc gia này đã trải qua những cái tên của các bộ tộc khác nhau, đặc biệt là của bộ tộc Pelasgi^[11]. Tên đó vẫn chưa có mãi tận đến khi Hellen và các con trai của ngài dần hùng mạnh lên ở Phthiotis^[12], và được mời đến những thành khác như những đồng minh, để rời từ mối quan hệ đó dần dần từng tộc lần lượt được gọi là dân *Hellenes* [*Hy Lạp*]; mặc dù phải trải qua một thời gian dài cái tên đó mới bám rễ vào tất cả các tộc. Homer đã cho chúng ta một bằng chứng xác đáng nhất về vấn đề này. Được sinh ra sau cuộc Chiến tranh thành Troy rất lâu, nhưng chẳng có chỗ nào trong tác phẩm của mình mà ông lại đã gọi chung tất cả các tộc dân này bằng cái tên đó cả, kỳ thực ông cũng không gọi bất cứ một tộc nào trong bọn họ bằng cái tên đó ngoại trừ những người đi theo Achilles^[13] từ Phthiotis, họ là những dân Hy Lạp đầu tiên: trong sử thi của ông họ được gọi là người Danaoi, người Argos và người Achaea^[14]. Ông thậm chí còn không sử dụng từ “người phi-Hy-Lạp”, hẳn là vì người Hy Lạp cho đến lúc bây giờ chưa được phân biệt với cả thế giới còn lại bằng một tên gọi đặc trưng duy nhất. Vì vậy xem ra một số cộng đồng Hy Lạp – bao gồm không chỉ những cộng đồng đầu tiên được mang tên đó, lần lượt từng thành khi họ bắt đầu biết đến nhau, mà còn cả những cộng đồng mà về sau này mới mang tên đó như tên chung của cả dân tộc – trước cuộc Chiến tranh thành Troy đã bị ngăn trở do họ không đủ sức mạnh và không có sự tương giao nên đã chẳng thể cho thấy bất kỳ một trận chiến chung nào.

Quả thực là họ đã không thể liên minh vì cuộc viễn chinh này tận đến khi họ đã quen đi biển hơn. Và người đầu tiên thành lập ra một lực lượng hải

quân mà chúng ta biết qua truyền thuyết là Minos^[15]. Ông đã tự biến mình thành bá chủ của vùng biển mà bây giờ được gọi là biển Hy Lạp, và thống trị các đảo Cyclades^[16], ông đã gửi những thực dân đầu tiên đến hầu khắp quần đảo này, đuổi dân Caria^[17] đi và phong chính các con trai mình làm tổng trấn; và bằng cách đó ông đã nỗ lực hết mình để dẹp nạn cướp biển trên vùng biển này, một biện pháp cần thiết hầu giữ chặt ngân khố cho chính ông sử dụng.

Trong buổi sơ khai này, do việc giao thông đường biển đã trở nên phổ biến hơn, các dân Hy Lạp và dân phi-Hy-Lạp ở vùng duyên hải và các hải đảo có xu hướng trở thành cướp biển dưới sự dẫn dắt của những người có uy quyền nhất trong số họ; động cơ là để thoả mãn lòng tham của chính họ và giúp đỡ những kẻ thiếu thốn. Họ có thể tấn công vào một trấn không có thành lũy bảo vệ, kể cả những làng mạc, và có thể cướp bóc trấn đó; trên thực tế, việc này đã thành nguồn sống chính của họ, và lúc bấy giờ một thành tích kiểu ấy còn chưa bị gắn với một nỗi ô nhục nào, mà thậm chí lại được gắn với đôi chút vinh dự là đẳng khác. Một ví dụ minh họa cho điều đó là lòng tôn kính của một số cư dân ở lục địa này khi nhắc tới một tên cướp lừng lẫy, và cái câu hỏi mà chúng ta thấy những nhà thơ ngày xưa ở khắp mọi nơi thường thay mặt dân chúng hỏi những du khách từ biển đến – “Các vị có phải cướp biển không?” – cứ như thể những người được hỏi câu đó không có ý định chối bỏ sự quy kết này, hoặc những người hỏi không có ý định chỉ trích họ vì điều đó. Nạn cướp bóc y hệt cũng tràn lan trên đất liền.

Và thậm chí ngày nay nhiều tộc dân Hy Lạp vẫn noi theo cái tập tục lâu đời đó, chẳng hạn như dân Locri Ozoli^[18], dân Aetolia^[19], dân Acarnania^[20] và cả khu vực đó của đại lục; và tập quán mang vũ khí vẫn được duy trì trong những cư dân ở đại lục theo tập quán lâu đời của cướp biển. Tất cả các dân Hy Lạp từng có thời phải mang vũ khí bên mình, khi mà nơi cư ngụ của họ không được bảo vệ và việc giao thông liên lạc giữa họ với nhau không được an toàn; thật vậy, mang vũ khí đã là một phần của cuộc sống thường nhật đối với họ chẳng khác gì đối với các dân phi-Hy-Lạp. Và cái thực tế rằng cư dân ở những vùng này của Hy Lạp hiện vẫn đang sống theo kiểu ngày xưa ấy

cho thấy cách sống đó đã từng có thời thịnh hành đối với tất cả mọi tộc dân. Người Athens là những người đầu tiên đã gác vũ khí sang một bên, và tiếp nhận một lối sống phong lưu và xa hoa hơn; kỳ thực, chỉ đến gần đây các bậc trưởng lão giàu có trong số họ mới bỏ lối xa xỉ mặc đồ lót bằng vải lanh và buộc tóc bằng sợi dây đính những con châu chấu bằng vàng, một một thời trang lan đến tận những người Ionia đồng tông với họ và thịnh hành rất lâu giữa các bậc trưởng lão ở đó. Trái lại, lối ăn mặc khiêm tốn, phù hợp với những quan niệm hiện thời hơn, đã được người Lacedaemon^[21] thực hiện đầu tiên, khi những người giàu có nỗ lực đồng hoá cách sống của họ với cách sống của dân thường. Họ cũng làm gương về việc lỏa thể khi thi đấu, thoát y trước mặt công chúng và xúc dầu lên thân mình khi tập luyện thể thao. Trước kia, ngay cả trong các cuộc thi đấu ở Đại hội Olympic^[22], các vận động viên thi đấu còn thắt đai lưng; và thông lệ đó mới chỉ ngừng cách đây ít năm. Cho đến nay, ở một số dân phi-Hy-Lạp, nhất là ở châu Á, khi các giải đấu quyền hoặc đấu vật được tổ chức, các võ sĩ vẫn còn thắt đai. Và còn rất nhiều điểm khác nữa mà qua đó có thể thấy được sự tương đồng trong cách sống giữa thế giới Hy Lạp ngày xưa và thế giới phi-Hy-Lạp ngày nay.

Về phần những thị trấn của họ, sau này, vào thời mà phương tiện hàng hải gia tăng và nguồn cung vốn lớn hơn nhiều, chúng ta thấy những bờ biển trở thành địa điểm xây dựng những trấn có thành lũy bảo vệ, và những eo đất bị chiếm cứ vì mục đích thương mại và phòng vệ chống lại một trấn láng giềng. Nhưng những trấn cũ thì do nạn cướp biển lúc bấy giờ còn hoành hành dữ dội nên đã được xây dựng cách xa biển, dù là ở trên các hải đảo hay trên lục địa, và đến nay vẫn tồn tại ở nơi chốn cũ của chúng. Bởi chừng bọn cướp biển thường cướp bóc lẫn nhau, và thực tế cướp bóc mọi cư dân miền duyên hải, dù họ có đi biển hay không.

Dân ở các xứ đảo đó cũng là những tên cướp biển khét tiếng. Họ là dân Caria và dân Phoenicia^[23], hầu hết các hải đảo ở đây bị những dân này chiếm làm thuộc địa, như được minh chứng bằng thực tế sau đây. Vào thời kỳ người Athens thanh tẩy đảo Delos^[24] trong cuộc chiến tranh này, mồ mả trên đảo bị đào cả lên, và người ta thấy rằng hơn một nửa số người nằm dưới mộ

là dân Caria: họ được nhận ra bởi kiểu vũ khí được chôn theo họ, và bởi cách chôn táng, giống y như cách chôn táng mà người Caria vẫn đang noi theo. Nhưng trước kia, ngay khi Minos thành lập hạm đội của mình, giao thông đường biển đã trở nên thuận tiện hơn, do ông ta chiếm hầu hết các hải đảo này làm thuộc địa và vì vậy đã tống cổ những kẻ bất lương ra khỏi đó. Dân cư miền duyên hải trong bối cảnh ấy bắt đầu chăm chỉ làm giàu hơn, và cuộc sống của họ trở nên ổn định hơn; một số dân thậm chí đã bắt đầu xây thành đắp lũy phòng vệ cho mình nhờ vào cửa cái mà họ mới có được. Bởi lòng háms lợi có thể khiến những kẻ yếu hơn sẵn sàng quy phục ách thống trị của kẻ mạnh hơn, và việc sở hữu vốn đã cho phép những trấn hùng mạnh hơn bắt những trấn nhỏ hơn phải khuất phục. Và chính vào khoảng gần cuối thời kỳ phát triển này họ đã khởi cuộc viễn chinh đi đánh thành Troy.

Cái đã giúp Agamemnon^[25] phát động được đạo quân đó, theo như tôi nghĩ, chính là sự hùng mạnh siêu đẳng của ông ta chứ không phải lời thề của Tyndareus^[26] đã buộc những kẻ cầu hôn đi theo ông ta. Quả thực ra câu chuyện ấy đã được dân Peloponnese là những người kẻ thừa truyền thống đáng tin cậy nhất thuật lại như sau. Trước tiên là Pelops^[27] từ châu Á với sự giàu có vô tận của mình sang đó giữa đám dân nghèo đói, ông ta đã đạt được quyền lực đến độ xứ sở ấy^[28] mang tên ông ta cho dù ông ta là một kẻ ngoại bang; và vận may thấy rằng cần phải tăng thêm quyền lực này trong tay các hậu duệ của ông ta. Trước đó Eurystheus^[29] đã bị các hậu duệ của Heracles^[30] giết ở Attica. Atreus^[31] là anh ruột của mẹ Eurystheus và là người đã bị chính cha mình trục xuất vì cái chết của Chrysippus^[32], trước khi lên đường viễn chinh Eurystheus đã trao Mycenae^[33] và quyền chấp chính vào tay vị quyền thuộc này của mình. Khi thời gian qua đi và Eurystheus chẳng trở về, Atreus thuận theo lòng dân Mycenae lúc bấy giờ đang bị kinh động bởi nỗi khiếp sợ đối với các hậu duệ của Heracles – và lại quyền lực của ông này dường như rất lớn và ông ta đã không bỏ qua việc lấy lòng dân chúng – đã chiếm lấy ngôi báu ở Mycenae và các lãnh địa khác thuộc quyền cai trị của Eurystheus. Và vì vậy mà quyền lực trong tay các hậu duệ của Pelops trở nên hùng mạnh hơn quyền lực trong tay các hậu duệ của Perseus^[34].

Agamemnon đã kế tục toàn bộ quyền lực ấy. Ông ta còn có một hạm đội hùng mạnh hơn nhiều so với những kẻ đương thời với mình, thế nên, theo như tôi nghĩ, nỗi sợ hãi cũng là một nhân tố mạnh chẳng khác gì lòng yêu mến để hình thành nên một liên minh viễn chinh. Sức mạnh hải quân của ông ta được thể hiện trên thực tế là ông ta đã đóng góp lực lượng lớn nhất vào đạo quân liên minh, và lực lượng của Arcadia đã được ông ta trang bị; đó chỉ ít cũng là những gì Homer nói, nếu lời chứng thực của ông được coi là đủ để ta tin vào. Ngoài ra, trong câu chuyện ông thuật lại về việc truyền ngôi báu, ông đã gọi Agamemnon là “vị vua của nhiều hải đảo và của toàn Argos^[35]”. Lúc bấy giờ quyền lực của Agamemnon là quyền lực trên lục địa; và ắt hẳn ông ta đã chẳng thể thống trị bất kỳ hải đảo nào ngoài những hải đảo lân cận (mà những hải đảo đó không nhiều) nếu không cậy vào việc sở hữu một hạm đội.

Và từ cuộc viễn chinh này chúng ta có thể suy ra những đặc điểm của những chiến dịch liên minh trước đó. Có thể ngày nay Mycenae đã trở thành một nơi bé nhỏ, và nhiều trấn thời đó giờ đây xem ra có vẻ khá tầm thường, nhưng không một người quan sát tỉ mỉ nào lại vì thế mà thấy có lý do chính đáng để bài bác con số ước đoán mà các nhà thơ và truyền thuyết đưa ra về sự hùng hậu của đạo quân đó. Vì tôi đồ rằng nếu Lacedaemon mà bị tàn phá tiêu điều, và chỉ còn lại những ngôi đền và nền móng của các công trình công cộng, thì khi thời gian qua đi hậu thế sẽ có một khuynh hướng rõ rệt là không chịu thừa nhận rằng danh tiếng của kinh thành này thực sự biểu trưng cho quyền lực của nó. Ấy vậy mà nó chiếm đến hai phần năm bán đảo Peloponnese và đứng đầu toàn bộ bán đảo này, đó là chưa kể đến vô số những đồng minh của nó. Tuy nhiên, do kinh thành này không được xây dựng theo kiểu nhà cửa san sát với nhau cũng chẳng được tô điểm bằng những đền đài và những dinh thự nguy nga, mà chỉ gồm những làng mạc theo kiểu Hy Lạp cổ, nên có thể gây ấn tượng không tương xứng với danh tiếng của nó.

Trái lại, nếu Athens mà phải chịu sự rủi ro y như vậy, tôi đồ rằng bất kỳ suy đoán nào từ cái dáng vẻ bề ngoài đập vào mắt cũng sẽ khiến cho uy

đanh của nó lớn gấp đôi so với thực tế. Vậy nên chúng ta không được quyền hoài nghi, cũng như không được quyền tạm bợ lòng với việc xem xét một thành, một trấn mà lại không cân nhắc đến quyền lực của nó; nhưng chúng ta có thể kết luận một cách an toàn rằng đạo quân đang được nói đến ở đây vượt trội hơn hẳn mọi đạo quân trước nó, và rằng nó chưa đạt đến tầm của những đạo quân ngày nay; ở đây nếu chúng ta cũng có thể chấp nhận được lời chứng trong sử thi của Homer, không quan tâm đến sự cường điệu mà một nhà thơ cảm thấy mình được quyền làm vậy, thì chúng ta có thể thấy rằng nó còn xa mới bằng được lực lượng vũ trang của chúng ta. Ông đã mô tả lực lượng đó gồm một trăm hai mươi chiến thuyền, quân số của Boeotia đầy đủ ở mỗi chiến thuyền là một trăm hai mươi người, và quân số ở mỗi chiến thuyền của Philoctetes^[36] là năm mươi. Bằng cách này, là tôi nghĩ thế, ông muốn diễn đạt số quân tối đa và tối thiểu: dù sao mặc lòng, ông không nêu rõ quân số của bất kỳ chiến thuyền nào khác trong danh mục các chiến thuyền đó của ông. Rằng tất cả bọn họ đều là những tay chèo đồng thời cũng là những chiến binh thì chúng ta đã thấy trong cách ông mô tả những chiến thuyền của Philoctetes, trên đó tất cả mọi tay chèo đều là cung thủ. Vậy thì chưa chắc rằng đã có thêm nhiều người lên thuyền, nếu chúng ta không kể đến các vị vua và tướng lĩnh; nhất là khi họ phải mang vũ khí đánh trận vượt qua biển cả trên các chiến thuyền, thêm vào đó, các chiến thuyền ấy không có sẵn mà lại được trang bị theo kiểu thuyền cướp biển cổ. Vì vậy nếu chúng ta tính bình quân giữa chiến thuyền lớn nhất và nhỏ nhất thì số người đã lên thuyền đi chinh chiến xem ra sẽ chẳng là bao, dù thực tế họ đại diện cho tổng lực của Hy Lạp. Và đó chẳng phải là vì thiếu nhân lực mà là thiếu tiền bạc. Khó khăn về lương thảo, quân nhu khiến những kẻ xâm lăng phải giảm quân số xuống đến mức có thể sống còn được trên đất nước họ trong thời gian theo đuổi chiến tranh. Thậm chí sau chiến thắng mà họ giành được khi vừa đến nơi – và là một chiến thắng bắt buộc phải có, nếu không đã chẳng thể xây dựng được các công sự cho doanh trại hải quân – cũng không có dấu hiệu nào cho thấy rằng tổng lực của họ đã được huy động; trái lại, có vẻ là họ đã quay sang canh tác ở vùng Chersonese^[37] và làm cướp biển vì thiếu quân nhu tiếp tế. Đây chính là điều đã giúp cho quân dân thành Troy có thể

giữ vững trận địa trong suốt mười năm chống lại họ; việc quân địch phân tán rải rác đã khiến quân dân thành này luôn đủ sức đối địch với biệt đội được cầm lại. Nếu họ mang theo quân nhu dồi dào và chiến đấu bền bỉ mà không phân tán vào việc cướp biển và canh tác thì họ đã có thể dễ dàng đánh bại quân Troy trên chiến trường, bởi chỉ bằng mỗi biệt đội đang trực chiến đó họ đã có thể trụ vững được trước quân Troy. Tóm lại, nếu họ kiên trì vây hãm thì việc chiếm thành Troy lẽ ra đã đỡ tốn thời gian và đỡ nhọc nhằn hơn nhiều. Nhưng vì sự thiếu thốn tiền bạc đã chứng tỏ là nhược điểm của các cuộc viễn chinh trước đó, thì cũng vì cùng một nguyên nhân ấy mà ngay cả cuộc viễn chinh đang được bàn đến này – còn nổi tiếng hơn những cuộc viễn chinh trước nó – có thể dựa trên bằng chứng về những gì nó đã thực hiện được mà tuyên bố rằng nó còn thấp kém hơn nhiều so với danh tiếng của nó cũng như so với cách đánh giá hiện thời về nó được hình thành từ sự dẫn dắt của các nhà thơ.

Thậm chí là sau Chiến tranh thành Troy, Hy Lạp vẫn bận rộn với việc di cư và định cư, và vì thế cho nên không thể có được sự yên ổn cần thiết hầu mở đường cho sự phát triển. Chuyển hồi hương muộn màng của quân Hy Lạp từ Ilium^[38] đã khiến cho nhiều cuộc cách mạng nổ ra, và nạn phe phái nảy sinh hầu khắp mọi nơi; và cũng chính vì thế mà những công dân đã kiến lập nên các thành của Hy Lạp bị buộc phải lưu vong. Sáu mươi năm sau khi chiếm được Ilium, dân Boeotia thời bấy giờ bị dân Thessaly đuổi ra khỏi Arne^[39], và định cư ở xứ Boeotia hiện thời, mà trước kia là Cadmeis; mặc dù có một chi tộc của họ đã ở nơi ấy từ trước, một số trong chi tộc này đã gia nhập đạo quân viễn chinh tới Ilium. Hai mươi năm sau, người Doris^[40] và các hậu duệ của Heracles trở thành những kẻ thống trị ở Peloponnese^[41]; thế nên đã phải tốn rất nhiều công sức và đã phải mất rất nhiều năm Hy Lạp mới có thể đạt được sự bình ổn lâu bền không bị xáo trộn bởi những cuộc di dân, và có thể bắt đầu gửi thực dân – giống như người Athens đã gửi thực dân tới Ionia và tới hầu hết các hải đảo ở đó – và dân Peloponnese đến định cư ở hầu khắp Italy, Sicily^[42] và một số nơi còn lại của Hy Lạp. Tất cả những thuộc địa này đều được kiến lập sau cuộc Chiến tranh thành Troy.

Nhưng khi quyền lực của Hy Lạp lớn dần, và việc kiếm của làm giàu trở thành một mục tiêu rõ ràng hơn, ngân khố của các bang gia tăng, các chính thể chuyên chế nhờ vào những phương tiện đó đã được thiết lập hầu như ở khắp mọi nơi – một hình thức cai trị kiểu cũ với chế độ quân chủ cha truyền con nối có những đặc quyền xác định – và Hy Lạp bắt đầu trang bị cho các hạm đội và chú trọng vào biển hơn. Người ta nói rằng người Corinth^[43] là những người đầu tiên tiếp cận với phong cách kiến trúc hàng hải hiện đại, và rằng Corinth là nơi đầu tiên ở Hy Lạp đã đóng những con thuyền ga-lê^[44]; và chúng ta biết rằng Ameinocles, một nhà đóng thuyền người Corinth, đã đóng bốn chiến thuyền cho dân Samos^[45]. Nếu tính từ thời điểm kết thúc cuộc chiến tranh này, thì gần ba trăm năm trước đó Ameinocles đã đến Samos. Và lại, trận hải chiến sớm nhất trong lịch sử là trận giao tranh giữa quân Corinth và quân Corcyra^[46], trận này xảy ra khoảng hai trăm sáu mươi năm trước đó tính từ cùng thời điểm. Được kiến lập trên một eo đất, Corinth từ thuở xa xưa đã từng là một nơi buôn bán rất sầm uất, do trước kia hầu hết toàn bộ việc giao thông giữa các dân Hy Lạp bên trong và bên ngoài Peloponnese được thực hiện bằng đường bộ, và lãnh thổ Corinth là trục đường chính cho việc giao thông qua lại đó. Chính vì vậy nó có nguồn tiền bạc vô cùng dồi dào, như được thấy qua từ “giàu có” mà các nhà thơ thời xưa dành tặng nơi này, và khi giao thông đường biển trở nên thông dụng hơn thì nguồn tiền bạc dồi dào đó đã cho Corinth khả năng trang bị được lực lượng hải quân của mình và dẹp tan nạn cướp biển, và vì nó có thể cung cấp một trung tâm buôn bán cho cả hai nhánh thương mại trên bộ và trên biển, nó đã thu được về mình mọi quyền lực mà một ngân khố lớn cho phép. Rồi sau đó người Ionia đã có được một lực lượng hải quân hùng hậu dưới triều đại Cyrus^[47], vị vua đầu tiên của người Ba Tư, và triều đại của con trai vị vua này là Cambyses^[48], và lúc họ đang trong tình trạng chiến tranh với Vua Cyrus thì họ đã nắm quyền kiểm soát vùng biển Ionia^[49] được một thời gian. Polycrates^[50], kẻ bạo chúa ở Samos, cũng có một lực lượng hải quân hùng mạnh dưới triều đại Cambyses, với lực lượng này ông ta đã thôn tính được nhiều hải đảo, trong đó có đảo Rhenea^[51], mà ông ta đã dâng cúng thần Apollo Delos^[52]. Vào khoảng thời gian này cả người Phocaea^[53] cũng vậy, khi kiến lập Marseilles^[54]

họ đã đánh bại quân Carthage^[55] trong một trận hải chiến. Đó là những lực lượng hải quân hùng mạnh nhất. Và ngay cả những lực lượng hải quân này, cho dù bao thế hệ đã qua đi kể từ cuộc Chiến tranh thành Troy, xem ra chủ yếu vẫn gồm những con thuyền năm mươi tay chèo cổ lỗ và những con thuyền dài, và chỉ có vài con thuyền ga-lê trong đội ngũ của chúng mà thôi. Thực ra chỉ ít lâu trước cuộc Chiến tranh Ba Tư^[56] và cái chết của Darius Đại đế^[57] – người kế vị Cambyses, thì những bạo chúa ở Sicily và người Corcyra mới có được số lượng lớn thuyền ga-lê. Vì sau những lực lượng đó thì chẳng có lực lượng hải quân nào là đáng kể ở Hy Lạp cho đến tận cuộc viễn chinh của Xerxes Đại đế^[58]; Aegina^[59], Athens và một số thành bang^[60] khác có thể sở hữu một ít chiến thuyền, nhưng chủ yếu vẫn là những chiến thuyền năm mươi tay chèo. Phải đến cuối giai đoạn này thì cuộc chiến tranh với Aegina^[61] và viễn cảnh về cuộc xâm lăng của di địch^[62] mới cho Themistocles^[63] cơ hội thuyết phục được người Athens đóng thuyền lập hạm đội và bằng hạm đội này họ đã đánh trận Salamis^[64]; và ngay cả những chiến thuyền này cũng chưa có sàn thuyền hoàn chỉnh.

Vậy thì các lực lượng hải quân của Hy Lạp trong giai đoạn mà chúng ta vừa điếm qua chính là những gì mà tôi vừa mô tả. Toàn bộ sự tầm thường của chúng không ngăn cản chúng là một yếu tố mang lại quyền lực tối thượng cho những người đã gây dựng nên chúng, cả về mặt ngân khố lẫn quyền thống trị. Chúng là những phương tiện mà nhờ có chúng các hải đảo mới bị tiếp cận và bị chinh phục, những hải đảo nhỏ bé nhất trong số đó dễ dàng làm mồi cho các cuộc xâm lăng. Không có những cuộc chiến tranh trên đất liền, chí ít thì cũng không có những cuộc chiến mang lại thêm quyền lực; chúng ta vẫn có những cuộc giao tranh thường lệ ở vùng biên giới, nhưng những cuộc viễn chinh với mục đích xâm lăng của người Hy Lạp thì chúng ta chẳng nghe nói đến. Không có một liên minh nào giữa các thành lệ thuộc xung quanh một bang hùng mạnh, không có sự hợp lực tự nguyện nào giữa những thế lực ngang hàng vì mục đích liên minh viễn chinh; cái được gọi là giao tranh ở đó chỉ thuần là những xung đột địa phương giữa các lân bang thù địch. Cái gần giống nhất với một liên minh chỉ xảy ra trong cuộc chiến

tranh thời trước giữa Chalcis^[65] và Eretria^[66]; đó là một cuộc tranh chấp mà ở một chừng mực nào đó những thành bang còn lại của Hy Lạp đã đứng về phe bên này hoặc bên kia.

Cũng có nhiều trở ngại mà sự phát triển của các tộc dân phải đối mặt tại nhiều địa phương khác nhau. Quyền lực của người Inonia đang tăng vùn vụt khi Inonia bắt đầu xung đột với Ba Tư dưới triều đại Vua Cyrus, vị vua mà sau khi phế truất Croesus^[67] đã tàn phá khắp mọi nơi từ Halys^[68] ra đến tận biển khơi, không ngừng lại cho đến khi chinh phục được các thành duyên hải; duy các hải đảo được chừa lại để rồi bị hải quân của Vua Darius và Phoenicia chinh phục.

Vả lại, bất kỳ nơi nào có bạo chúa thì thói quen chỉ lo liệu cho chính mình, chỉ quan tâm duy nhất vào sự an nhàn sung túc của mình và làm cho gia tộc mình cường thịnh đã biến an toàn thành mục tiêu cao nhất trong chính sách của họ và ngăn trở chẳng để họ làm được điều gì lớn lao vĩ đại; dẫu rằng mỗi kẻ trong số họ đều có thể có những cuộc giao tranh với các lân bang. Toàn bộ điều này chỉ đúng với mẫu quốc^[69], vì ở Sicily họ đã đạt tới đại quyền lực rồi. Như vậy trong suốt một thời gian dài ở khắp mọi nơi trên đất Hy Lạp chúng ta có thể thấy những nguyên nhân khiến tất cả các bang đều không thể nào kết liên với nhau vì những mục đích trọng đại của toàn dân tộc, hoặc tiến hành bất kỳ một trận chiến hào hùng nào của chính họ.

Nhưng rốt cục cũng đã đến một thời kỳ khi các bạo chúa ở Athens và những chính thể chuyên chế còn cổ xưa hơn thế nhiều trên phần còn lại của Hy Lạp, ngoại trừ những kẻ ở Sicily, đã bị Lacedaemon hạ bệ vĩnh viễn; bởi vì mặc dù thành bang này sau khi người Doris – những cư dân hiện tại của nó – đến định cư đã phải chịu nạn bè phái trong một thời gian dài chưa từng thấy, nhưng nó vẫn là thành bang đã có luật pháp vững mạnh từ buổi sơ khai, và không phải chịu ách cai trị của các bạo chúa suốt một thời gian dài không gián đoạn; nó đã có một hình thức chính thể không thay đổi trong hơn bốn trăm năm ròng, tính đến cuối cuộc chiến tranh gần đây nhất, và vì vậy từ đó đến nay nó vẫn ở vào địa vị sắp đặt chình đốn công việc của các bang khác, ít năm sau khi các bạo chúa bị hạ bệ thì xảy ra trận chiến Marathon^[70]

giữa quân Ba Tư và quân Athens. Mười năm sau, quân di địch quay trở lại với hạm đội hùng mạnh hòng khuất phục Hy Lạp. Đối mặt với nguy cơ vô cùng to lớn này, người Lacedaemon nắm quyền chỉ huy liên minh toàn Hy Lạp vì họ có quyền lực tối thượng; còn người Athens sau khi quyết định lìa bỏ kinh thành của mình bèn phá huỷ nhà cửa, lên thuyền và trở thành một dân tộc hải quân. Liên minh này sau khi đẩy lui quân di địch Ba Tư chẳng mấy chốc đã tách thành hai phe, gồm các xứ dân Hy Lạp trước đó đã nổi dậy chống lại Nhà vua^[71], và các xứ dân đã ủng hộ Nhà vua trong cuộc chiến tranh đó. Đứng đầu một bên là người Athens, đầu bên kia là người Lacedaemon, một bên là thế lực hải quân đệ nhất, bên kia là thế lực quân sự đệ nhất trên bộ ở Hy Lạp. Liên minh này gắn bó với nhau thêm một thời gian ngắn, cho đến khi người Lacedaemon và người Athens tranh chấp và gây chiến với nhau cùng với các đồng minh của mỗi bên^[72], một cuộc tranh chấp tay đôi mà tất cả các dân Hy Lạp không sớm thì muộn đều đã bị cuốn vào đó, cho dù thoạt đầu một số còn đứng trung lập. Vậy nên toàn bộ giai đoạn từ cuộc Chiến tranh Ba Tư cho đến cuộc chiến tranh này, trừ vài khoảng thời gian thanh bình ngắn ngủi, đã bị mỗi thế lực tiêu phí vào chiến tranh, hoặc là với kẻ thù của họ, hoặc là với chính những đồng minh đã nổi loạn của họ, và kết quả là nó đã ban cho họ một sự tôi luyện không ngừng trong quân sự, và những kinh nghiệm mà họ học được trên trường nguy hiểm.

Chính sách của Lacedaemon không bắt ép các đồng minh của mình phải cống nạp, mà chỉ cần đảm bảo rằng các đồng minh này phụng sự vì lợi ích của nó bằng cách thiết lập những chính thể *oligarchy*^[73] ở các xứ đồng minh đó; trái lại, Athens đã dần dần tước đoạt tàu thuyền từ những đồng minh của mình, và áp đặt cống nạp bằng tiền lên tất cả bọn họ, ngoại trừ Chios^[74] và Lesbos^[75]. Cả hai bên đều thấy rằng nguồn lực của riêng từng bên dành cho cuộc chiến tranh này còn lớn hơn tổng lực của họ khi liên minh đó còn nguyên vẹn và đang thời thịnh vượng.

Giờ đây, khi đã đưa ra kết quả cuộc tìm hiểu của tôi ngược về những thời kỳ ban sơ, tôi thừa nhận rằng sẽ khó mà tin đến từng chi tiết được. Cái cách

mà hầu hết người ta xử sự với những điều được lưu truyền lại, ngay cả của quê xứ mình, là tiếp nhận tất thảy những điều đó y nguyên như chúng được truyền lại mà không làm bất cứ một phép thử cần thiết nào. Hết thảy công chúng Athens đều tưởng rằng Hipparchus^[76] là một bạo chúa khi ông ta bị sát hại bởi tay Harmodius và Aristogiton^[77], mà không biết rằng Hippias^[78], trưởng nam của Pisistratus^[79], mới thực là người nắm quyền lực tối cao, và rằng Hipparchus và Thessalus là các anh em của ông ta; và rằng vào chính ngày hôm đó, hơn nữa là vào đúng thời điểm được ấn định để thực hiện hành động ấy, Harmodius và Aristogiton, do nghi ngờ rằng các tông phạm của họ đã mật báo cho Hippias, đã đi đến kết luận rằng ông ta đã được cảnh báo và không tấn công Hippias nữa vì không muốn bị bắt giữ và liêu mạng vô ích, bèn tấn công Hipparchus gần đền thờ các nàng con gái của Leos^[80] và giết chết ông ta trong khi ông ta đang sắp xếp cho đám diễu hành ở Đại Lễ hội PanAthensea^[81]

Có nhiều ý kiến vô căn cứ phổ biến trong các dân Hy Lạp khác, thậm chí về những vấn đề trong lịch sử đương đại còn chưa kịp bị thời gian biến thành mơ hồ. Chẳng hạn như, có ý kiến cho rằng các vua của Lacedaemon^[82] mỗi người có hai quyền biểu quyết, mà thực ra họ chỉ có một; và rằng ở đó có một đội quân của Pitane^[83], nhưng làm gì có đội quân đó. Dân chúng chẳng nhọc lòng để điều tra ra sự thật, họ vui lòng chấp nhận câu chuyện đầu tiên đến tai họ. Tuy vậy, tôi tin rằng nhìn chung thì những kết luận mà tôi đã rút ra từ những bằng chứng đã nêu đó có thể hoàn toàn tin cậy được. Nhất định là chúng sẽ không bị rối rắm hoặc bởi những vần thơ của một thi sĩ đang khoe tài cường điệu, hoặc bởi sự hư cấu của những người ghi chép biên niên sử rất lôi cuốn nhưng lại làm tổn hại đến sự thật; những chủ đề mà họ đề cập đến vượt ngoài khả năng chứng minh được, và thời gian đã tước đoạt hầu hết giá trị lịch sử của chúng bằng cách tôn chúng lên hàng truyền thuyết. Tránh xa khỏi những chủ đề này, chúng ta có thể hài lòng với việc đã xuất phát dựa trên những dữ kiện chắc chắn nhất, và đi đến những kết luận chính xác nhất có thể hy vọng có được về những vấn đề xa xưa đến thế. Về cuộc chiến tranh này mà nói, cho dù những người đang tham gia vào một

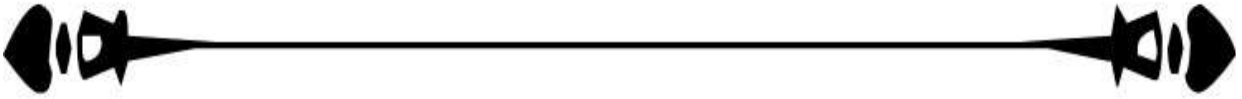
cuộc chiến tranh luôn có khuynh hướng coi cuộc chiến tranh ấy là trọng đại nhất và khi nó kết thúc họ lại quay về với việc ca tụng những sự kiện lịch sử trước nó, nhưng việc thẩm tra những sự kiện thực tế sẽ cho thấy rằng cuộc chiến tranh này vĩ đại hơn những cuộc chiến tranh trước nó rất nhiều.

Về những lời phát biểu của các nhân vật trong cuốn sử ký này, một số đã được phát biểu từ trước khi cuộc chiến bắt đầu, một số khác được phát biểu trong thời gian cuộc chiến tranh xảy ra; một số tôi đã được nghe tận tai, một số khác tôi có được từ nhiều nguồn tin khác nhau; trong mọi trường hợp thật khó mà ghi nhớ được từng lời vào đầu, vì vậy thói quen của tôi là lái người phát biểu nói những gì mà tôi nghĩ là cần phải hỏi ở họ vào những dịp khác nhau, dĩ nhiên là bám chặt hết mức có thể vào ý nghĩa tổng quát của những gì họ thực sự đã nói. Và về câu chuyện thuật lại các sự kiện này, chẳng những không cho phép bản thân mình khởi thảo nó từ những tư liệu đầu tiên có được trong tay, tôi thậm chí còn không tin vào những cảm tưởng của chính mình, mà câu chuyện một phần dựa trên những gì tôi tận mắt thấy, một phần dựa trên những gì người khác đã thấy hộ tôi, độ chính xác của câu chuyện thuật lại này luôn được thử thách bằng những cuộc thẩm tra chi tiết nhất và nghiêm ngặt nhất có thể. Những kết luận của tôi đã khiến tôi phải tốn công ít nhiều vì thiếu sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa những lời kể của các nhân chứng khác nhau về cùng một sự kiện, lúc thì do trí nhớ không trọn vẹn, lúc thì do quá thiên kiến đối với bên này hoặc bên kia. Tôi e rằng việc thiếu tính lãng mạn trong cuốn sử ký của tôi sẽ làm nó bớt phần thú vị đi đôi chút; nhưng nếu nó được đánh giá là hữu ích bởi những người tìm tòi với mong muốn có được sự hiểu biết chính xác về quá khứ như một phương tiện giúp giải đoán tương lai, mà trong tiến trình của nhân loại nếu quá khứ đó không lặp lại ắt cũng phải có sự tương đồng, thì tôi sẽ lấy làm mãn nguyện. Nói tóm lại, tôi đã viết tác phẩm của mình không phải như một bài luận chỉ để nhận được tràng vỗ tay hoan nghênh trong chốc lát mà như một tài sản vĩnh tồn.

Cuộc chiến chống Ba Tư là thành tích vĩ đại nhất trong quá khứ, thế nhưng nó đã phân thắng bại một cách chóng vánh trong hai trận hải chiến và hai trận bộ chiến. Cuộc chiến Peloponnese đã bị kéo dài rất nhiều năm, và

cho dù dài đến thế, nó vẫn là quá ngắn đối với những tai hoạ không gì sánh nổi mà nó giáng xuống Hy Lạp. Chưa từng thấy nhiều thành bị chiếm đoạt và tàn phá đến thế bao giờ, nơi thì bởi quân man di, nơi thì bởi các phe phái đang tranh giành (đôi khi những cư dân lâu đời bị đuổi sạch đi để lấy chỗ cho những dân khác), chưa từng thấy cảnh lưu đày và đầu rơi máu chảy nhiều đến thế bao giờ, khi thì trên chiến trường, khi thì trong cuộc xung đột phe phái. Những chuyện xảy ra thời xưa được lưu truyền hậu thế như truyền thuyết, nhưng hiếm khi được chứng thực bằng chiêm nghiệm, bỗng chốc không còn là chuyện lạ khó tin nữa; đã xảy ra những trận động đất với phạm vi và cường độ chưa từng thấy; nhật thực xảy ra với tần suất chưa từng được ghi lại trong sử sách trước đó; có những trận đại hạn ở nhiều vùng khác nhau đã kéo theo nạn đói, và cả cái tai ương thảm khốc nhất và gây chết chóc nhiều nhất là bệnh dịch nữa. Tất cả những thứ này ập xuống với họ cùng cuộc chiến tranh mới đây, khởi phát từ người Athens và người Peloponnese do sự phá vỡ bản hoà ước ba mươi năm được lập sau cuộc tái chiếm Euboea¹⁸⁴. Với câu hỏi tại sao họ phá vỡ hoà ước đó, trước hết tôi xin trả lời bằng cách thuật lại những lý do khiến họ cáo buộc lẫn nhau và những điểm bất đồng, để không một ai còn phải hỏi han gì về nguyên nhân đã trực tiếp đẩy người Hy Lạp vào một cuộc chiến tranh trọng đại nhường ấy. Tôi cho rằng nguyên nhân thực sự là nguyên nhân đã chính thức bị bùng phát nhiều nhất. Quyền lực của Athens ngày một lớn mạnh, và nỗi lo sợ mà quyền lực này khơi gợi ra với Lacedaemon đã khiến chiến tranh là điều không thể tránh được. Tuy vậy, cũng nên nêu ra những cái cớ được cả hai bên viện ra dẫn đến việc phá vỡ hoà ước và khởi chiến.

Chương II



NGUYÊN NHÂN CHIẾN TRANH – TRẬN ĐỤNG ĐỘ Ở EPIDAMNUS – TRẬN ĐỤNG ĐỘ Ở POTIDAEA

Epidamnus^[1] nằm ở bên tay phải cửa vịnh Ionia. Vùng lân cận với nó là nơi định cư của dân Taulantii^[2], một trong các tộc dân ở Illyria^[3]. Nơi này là thuộc địa của Corcyra, được kiến lập bởi Phalius con trai của Eratocleides, thuộc dòng dõi các hậu duệ của Heracles, người mà theo tập tục thời xưa đã được mời từ thành bang mẹ Corinth đến vì mục đích này. Những thực dân ở đó đã được một số dân Corinth và những dân khác thuộc chủng tộc Doris nhập vào với họ. Giờ đây, theo thời gian, thành Epidamnus trở nên hùng mạnh và dân cư đông đúc; nhưng là nạn nhân của các phe phái đang nổi lên, và như người ta nói, vì một cuộc chiến tranh với dân man di ở lân bang mà nó đã suy vi và mất đi một phần đáng kể sức mạnh của mình. Sự kiện cuối

cùng trước cuộc chiến này là việc dân chúng trục xuất giới quý tộc. Phe bị trục xuất gia nhập với dân man di kia, và bắt đầu cướp bóc dân chúng trong thành cả trên biển lẫn trên đất liền; và dân Epidamnus, khi thấy mình bị chèn ép mạnh, liền phái sứ thần sang Corcyra kêu van thành bang mẹ đừng để họ bị diệt vong, mà hãy điều giải những vấn đề giữa họ với những kẻ bị trục xuất và giải thoát cho họ khỏi cuộc chiến với dân man di nọ. Các sứ thần ngồi lì ở đền thờ Hera^[4] như những người thỉnh nguyện, và cầu xin người Corcyra những điều trên. Nhưng người Corcyra khước từ lời năn nỉ của họ, và họ bị đuổi về mà chẳng đạt được kết quả gì.

Khi dân Epidamnus thấy rằng không thể trông đợi sự cứu viện nào từ Corcyra, họ quần bách chẳng biết phải làm gì. Vì vậy họ phái người tới Delphi^[5] và hỏi vị thần ở đó xem họ có nên giao phó thành của mình cho người Corinth và cố gắng tranh thủ bằng được một sự cứu trợ nào đó từ những người đã kiến lập ra thành của họ không. Và Thần phán truyền cho họ là hãy giao phó thành đó và đặt mình dưới sự bảo hộ của Corinth. Thế nên dân Epidamnus, tuân theo lời phán truyền của ngài, đã đến Corinth và trao gửi thuộc địa này vào tay họ. Họ bày tỏ rằng người kiến lập nên thuộc địa này đã từ Corinth đến, và kể lại lời phán truyền của Thần, và họ van xin người Corinth đừng để họ bị diệt vong mà hãy cứu giúp họ. Người Corinth đã bằng lòng giúp đỡ họ. Tin rằng thuộc địa đó cũng thuộc về chính mình như thuộc về người Corcyra, họ thấy rằng việc bảo hộ dân Epidamnus như thế một nghĩa vụ mà họ phải gánh vác. Và lại, họ cũng căm ghét người Corcyra vì tội coi thường thành bang mẹ. Thay vì gặp gỡ với sự kính cẩn thường lệ mà mọi thuộc địa khác dành cho thành bang mẹ đó ở những nơi hội họp chung, như thứ bậc trong các cuộc hiến tế chẳng hạn, thì Corinth lại thấy mình bị khinh thị bởi một thế lực cường thịnh mà về mặt của cải có thể sánh ngang với bất kỳ một cộng đồng nào giàu có nhất ở Hy Lạp – một thế lực sở hữu một sức mạnh quân sự cực kỳ to lớn, và là một thế lực mà đôi khi không thể nén lòng kiêu hãnh về vị thế hải quân rất cao của một xứ đảo nổi danh về hàng hải từ thời những cư dân cổ xưa của nó là dân Phaeacia^[6]. Đó là lý do duy nhất khiến họ vung tiền không tiếc vào việc chăm chút hạm đội

của họ, cái hạm đội đã trở nên cực kỳ hùng mạnh; trên thực tế họ khởi sự cuộc chiến tranh này với lực lượng gồm một trăm hai mươi thuyền ga-lê.

Tất cả những mối bất bình này khiến Corinth nôn nóng phái viện binh tới Epidamnus như đã hứa. Họ ra yết thị cho những người tình nguyện đi định cư ở đó, và một lực lượng gồm quân Ambracia^[2], quân Leucas^[3] và quân Corinth đã được phái đi. Họ hành quân theo đường bộ tới Apollonia^[4], một thuộc địa của Corinth, tránh đi đường biển vì sợ Corcyra chặn đường. Khi người Corcyra nghe tin binh lính và dân định cư đã đến Epidamnus, và thuộc địa này đã tự dâng nộp cho Corinth, họ đã nổi trận lôi đình. Lập tức đưa hai mươi lăm chiến thuyền ra khơi và liền sau chúng là những chiến thuyền khác, họ trích thượng ra lệnh cho dân Epidamnus tiếp nhận lại những quý tộc bị trục xuất – ắt hẳn là vì những quý tộc Epidamnus bị trục xuất đó đã đến Corcyra và chỉ vào lăng mộ của tổ tiên mình mà cầu xin những người đồng tông với họ giúp họ hồi hương – và đuổi quân đồn trú cũng như dân định cư của Corinth đi. Nhưng dân Epidamnus đấp tai ngoảnh mặt trước tất thảy những mệnh lệnh này. Trước tình hình đó, phía Corcyra khởi sự đánh họ bằng một hạm đội bốn mươi chiến thuyền. Họ đem theo những kẻ bị trục xuất, với ý định đưa những kẻ đó hồi hương, và còn kiểm được cả quân Illyria trợ chiến cho họ. Hạ trại ở trước thành này, họ ra một tuyên cáo rằng bất kỳ một người bản xứ nào, và cả dân ngoại bang, mà quyết định ra đi thì đều có thể ra đi bình yên vô sự, còn như ở lại thì sẽ bị đối xử như những kẻ thù nghịch. Khi dân Epidamnus cự tuyệt, quân Corcyra bắt đầu hãm toà thành tọa lạc trên một eo đất này; và người Corinth khi nhận được tin do thám về cuộc phong tỏa Epidamnus đã tập hợp một đạo quân và tuyên bố Epidamnus là một thuộc địa của họ, quyền bình đẳng tuyệt đối về chính trị sẽ được đảm bảo cho tất cả những ai quyết định ra đi. Bất kể là ai không định ra đi ngay lập tức đều có thể, bằng cách nộp ngay một khoản năm mươi đồng *dracma* Corinth^[10], được dự phần vào thuộc địa này kể vai sát cánh với Corinth. Rất đông người đã tận dụng tuyên bố này, một số đã sẵn sàng ra đi ngay, số khác nộp khoản tiền phải nộp kia. Phòng khi chuyển đi của họ bị quân Corcyra ngăn chặn, một số thành bang khác được yêu cầu cho họ mượn một đoàn hộ tống. Megara^[11] sẵn sàng hộ tống họ bằng tám chiến

thuyền, Pale ở Cephallonia^[12] cung cấp bốn, Epidaurus^[13] năm, Hermione^[14] một, Troezen^[15] hai, Leucas mười và Ambracia tám chiến thuyền. Dân Thebes^[16] và dân Phlius^[17] được yêu cầu hỗ trợ bằng tiền bạc, dân Elis^[18] cũng được yêu cầu cung cấp các thân thuyền; trong khi đó chính Corinth cung cấp ba mươi chiến thuyền và ba ngàn bộ binh hạng nặng^[19].

Khi phía Corcyra hay tin về công cuộc chuẩn bị của các thành bang này, họ tới Corinth cùng với các sứ giả từ Lacedaemon và Sicyon^[20], những người mà họ đã thuyết phục đi cùng với họ, và đòi Corinth triệu hồi đơn vị đồn trú và những người đi định cư, vì xứ này chẳng mấy may liên quan đến Epidamnus. Tuy vậy, nếu Corinth có bất kỳ yêu sách nào thì Corcyra sẵn lòng đệ trình vấn đề lên các thành bang ở Peloponnese mà hai bên cùng đồng ý lựa chọn làm trọng tài phân xử, và rằng thuộc địa này sẽ thuộc về thành bang nào mà các vị trọng tài đó định đoạt. Họ cũng sẵn lòng đưa vấn đề này lên đền thờ ở Delphi. Nếu, bất chấp sự phản đối của họ, vẫn phải viện đến chiến tranh, thì vì sự vi phạm này họ buộc phải tìm kiếm đồng minh ở những nơi mà họ không mong muốn tìm kiếm, và khiến cho ngay cả những mối quan hệ lâu đời cũng phải nhường chỗ cho nhu cầu được chi viện. Câu trả lời mà họ nhận được từ phía Corinth là nếu họ rút hạm đội của họ và quân man di ra khỏi Epidamnus thì còn có khả năng đàm phán; nhưng khi mà thành đó vẫn bị vây hãm thì việc đưa ra trọng tài là việc không thể được. Phía Corcyra bắt bẻ lại rằng nếu phía Corinth rút quân của mình từ Epidamnus thì họ sẽ rút quân của họ, hoặc họ sẵn sàng để cả hai phía giữ nguyên hiện trạng, một thoả thuận hữu chiến sẽ được ký kết cho đến khi phán quyết trọng tài được ban ra.

Đắp tai ngánh mặt với tất cả những đề nghị này, khi mà các chiến thuyền của họ đã được cung cấp đủ người và các đồng minh của họ đã kéo đến, phía Corinth phái một viên sứ truyền lệnh lên trước để tuyên chiến và, nhổ neo ra khơi với bảy mươi lăm chiến thuyền và hai ngàn bộ binh hạng nặng, họ dong thuyền đến Epidamnus để đánh quân Corcyra. Hạm đội được đặt dưới quyền chỉ huy của Aristeus con trai của Pellichas, Callicrates con trai của Callias, và Timanor con trai của Timanthes; binh lính được đặt dưới quyền

chỉ huy của Archetimus con trai của Eurytimus, và Isarchidas con trai của Isarchus. Khi họ tới Actium^[21] trên lãnh thổ Anactorium^[22], ngay trước cửa vịnh Ambrada, nơi đền thờ Appollo đứng đó, phía Corcyra phái một viên sứ truyền lệnh trên một con thuyền nhẹ tới để cảnh báo phía Corinth đừng có bơi thuyền tiến về phía họ. Trong lúc đó họ bắt đầu đưa người lên những chiến thuyền của họ, tất cả các chiến thuyền này đã được vũ trang đầy đủ để đánh trận, những chiến thuyền cũ cũng đang được gia cố cho chắc hơn để có thể ra khơi được. Khi viên sứ truyền lệnh quay về mà không mang theo một lời phúc đáp hoà hoãn nào từ quân Corinth, những chiến thuyền của họ lúc đó đã được cung cấp đủ người, họ bèn cho thuyền ra khơi nghênh địch với một hạm đội tám mươi chiến thuyền (bốn mươi chiến thuyền còn lại đang bận vây hãm Epidamnus), dàn hàng và xung trận, và giành được chiến thắng quyết định, phá huỷ mười lăm chiến thuyền của Corinth. Ngày hôm đó cũng đã chứng kiến sự kiện Epidamnus bị những kẻ vây hãm buộc phải đầu hàng; điều kiện đầu hàng là những kẻ ngoại bang phải bị bán đi, và quân Corinth phải bị bắt giữ làm tù binh chiến tranh cho đến khi số phận của họ được định đoạt.

Sau trận giao tranh này, quân Corcyra dựng đài chiến tích^[23] ở Leukimme, vùng đất mũi của Corcyra, và giết sạch những kẻ bị họ bắt giữ ngoại trừ quân Corinth mà họ đang giam giữ làm tù binh. Bị bại trong trận hải chiến đó, quân Corinth và các đồng minh của mình hồi hương, và để mặc người Corcyra thống trị trên toàn bộ vùng biển quanh những khu vực ấy. Bơi thuyền đến Leucas, một thuộc địa của Corinth, quân Corcyra cướp phá lãnh thổ này, và thiêu huỷ Cyllene^[24], hải cảng của dân Elis, vì dân này đã cung cấp tàu thuyền và tiền bạc cho Corinth. Họ thống trị vùng biển này hầu như suốt thời kỳ sau trận chiến đó, và các đồng minh của Corinth bị thuyền tuần tiễu của Corcyra tấn công liên miên. Rốt cục, nổi giận vì đồng minh của mình bị khốn đốn, vào mùa thu của mùa hạ đó^[25] Corinth đã phái chiến thuyền và binh lính lập doanh trại ở Actium và xung quanh mũi Chimerium ở Thesprotis^[26] để bảo vệ Leucas và tất cả những thành bang đồng minh khác. Quân Corcyra về phần mình cũng lập một đồn trại tương tự tại mũi đất Leukimme. Không bên nào có động tĩnh gì, nhưng họ cứ duy trì thế đối địch

cho đến cuối mùa hạ đó, và mùa đông đã cận kề mà cả hai bên đều chưa rút quân về.

Corinth, phần khích vì cuộc chiến với Corcyra, đã bỏ cả năm trời sau cuộc giao tranh đó và một năm tiếp theo nữa vào việc đóng tàu thuyền, và cố công gắng sức hầu lập một hạm đội mạnh; các tay chèo được dẫn dụ từ Peloponnese và các nơi khác của Hy Lạp đến bởi sức hấp dẫn của những khoản tiền thưởng nhập ngũ lớn. Người Corcyra lo lắng với tin tức về công cuộc chuẩn bị của địch, khi không có bất kỳ một đồng minh nào ở Hy Lạp (vì bản thân họ chưa gia nhập liên minh cả với Athens lẫn Lacedaemon), bèn quyết định đến Athens để gia nhập liên minh và cố gắng tranh thủ sự trợ giúp của thành bang này. Corinth khi nghe ngóng được ý đồ của địch thì cũng phái một sứ bộ tới Athens nhằm ngăn ngừa việc hải quân Corcyra liên hợp với hải quân Athens, và như thế triển vọng sắp đặt cuộc chiến tranh đó theo ý muốn của họ sẽ bị cản trở. Một cuộc hội nghị công dân^[27] được triệu tập, và đại diện của hai phe đối địch ra tranh biện: phía Corcyra nói như sau:

“Hỡi người Athens! Khi dân một xứ mà từ trước tới nay chưa từng phụng sự hoặc hỗ trợ các lân bang để có thể đòi hỏi được đền đáp, trình diện trước các lân bang đó như chúng tôi đang trình diện trước mặt các ngài để khẩn khoản nài xin giúp đỡ, họ có thể bị đòi hỏi một cách công bằng là phải thoả mãn những điều kiện nào đó trước. Đầu tiên, họ phải cho thấy rằng việc chấp thuận yêu cầu của họ là có lợi hoặc chí ít thì cũng phải an toàn; tiếp theo, họ sẽ phải ghi nhớ ơn nghĩa đó mãi mãi. Nhưng nếu họ không thể chứng minh rõ được bất kỳ điểm nào trong những điểm đó thì họ chớ nên lấy làm tức giận nếu họ gặp phải sự khước từ. Hiện giờ người Corcyra tin rằng với lời cầu xin được giúp đỡ của mình, họ cũng có thể mang lại cho các ngài câu giải đáp thoả đáng về những điểm trên, và vì vậy họ phái chúng tôi đến đây. Cơ sự xảy ra để đến đối đối với quý bang thì đường lối hành động của chúng tôi thành ra tiền hậu bất nhất đối với lời thỉnh cầu này, và thành ra cực kỳ bất lợi trong cơn khủng hoảng hiện thời. Chúng tôi nói tiền hậu bất

nhất, là bởi một bang mà trong suốt quá trình lịch sử của mình từ trước đến nay chưa từng sẵn lòng liên minh với bất kỳ lân bang nào của mình, thì nay lại đang đề nghị họ liên minh với mình. Và chúng tôi nói bất lợi, là bởi trong cuộc chiến tranh hiện tại của chúng tôi với Corinth thì chúng tôi đã bị đặt vào vị thế hoàn toàn cô lập, và điều mà một thời dường như là sự thận trọng khôn ngoan khi chúng tôi khước từ ràng buộc mình vào mối liên kết với những thế lực khác, vì sợ rằng chúng tôi sẽ phải dính líu tới những hiểm họa rủi ro bởi quyết định của họ, giờ đây đã chứng tỏ là đại dột và ngu ngốc. Quả thực là trong cuộc giao tranh trên biển gần đây nhất chúng tôi đã đơn thương độc mã đẩy lui quân Corinth khỏi bờ bến của chúng tôi. Nhưng giờ đây họ đã tập hợp được một lực lượng vũ trang còn lớn hơn thế nhiều từ Peloponnese và các vùng còn lại của Hy Lạp; và chúng tôi, khi thấy mình tuyệt đối không có khả năng đương đầu với họ nếu không có ngoại viện, và cái nguy cơ vô cùng to lớn nếu chúng tôi bị họ khuất phục, chúng tôi thấy rằng cần phải xin quý bang và mọi thế lực khác hỗ trợ. Và chúng tôi hy vọng sẽ được miễn thứ nếu chúng tôi thế sẽ từ bỏ nguyên tắc cô lập hoàn toàn về mặt chính trị trước đây của chúng tôi, cái nguyên tắc đã được áp dụng chẳng phải vì bất kỳ ý định xấu xa nào mà đúng hơn chỉ là hệ quả của một sự suy xét sai lầm.

Giờ đây có rất nhiều lý do mà nếu các ngài chấp thuận thì các ngài sẽ tự chúc mừng mình vì lời thỉnh cầu này đã được đệ trình lên các ngài. Thứ nhất, vì sự trợ giúp của quý bang sẽ được ban cho một bang là nạn nhân của sự bất công do kẻ khác gây ra mà bản thân nó không có gì đáng trách. Thứ hai, vì tất cả những gì quý giá nhất đối với chúng tôi hiện đang lâm nguy trong cuộc tranh chấp hiện tại, và việc các ngài thu nạp chúng tôi trong hoàn cảnh này sẽ là một bằng chứng về thiện chí khiến sự hàm ơn mà các ngài gieo vào lòng chúng tôi sống còn mãi mãi. Ba là, ngoài quý bang ra thì chúng tôi hiện là thế lực hải quân hùng mạnh nhất ở Hy Lạp. Hơn thế nữa, các ngài có thể tưởng tượng được rằng có vận may nào hiếm có hơn, hoặc khiến kẻ thù của các ngài kinh sợ hơn, khi cái thế lực mà các ngài ắt phải đánh giá sự gắn bó của

nó cao hơn sức mạnh vật chất và tinh thần rất nhiều lại tự trình diện như vị khách không mời, tự trao mình vào tay các ngài mà không kèm theo nguy cơ cũng như phí tổn nào, và cuối cùng sẽ giúp quý bang giành được danh tiếng cao quý trong mắt nhân loại, giành được lòng biết ơn của những người mà các ngài sẽ giúp đỡ, và tăng thêm rất nhiều sức mạnh cho chính quý bang không? Các ngài có thể tìm kiếm trong suốt lịch sử cũng chẳng thấy được bao nhiêu tiền lệ về một dân tộc có được tất cả những lợi thế đó cùng một lúc, hoặc bao nhiêu tiền lệ về một bang đến để cầu viện mà ở vào vị thế có thể mang đến cho cái dân tộc mà nó đang khẩn nài để được liên minh đó sự an toàn và vinh dự lớn lao chẳng kém gì nó sẽ nhận được. Nhưng người ta sẽ cố thuyết phục rằng chỉ khi chiến tranh xảy ra thì chúng tôi mới hữu ích. Về việc này chúng tôi xin trả lời rằng nếu bất kỳ ai trong các ngài tưởng rằng chiến tranh còn xa lắm thì người đó đã lầm lẫn một cách tai hại, và mù quáng không thấy cái thực tế là Lacedaemon đang dòm dò quý bang với sự ganh ghét và chỉ mong chiến tranh, và rằng Corinth đang cường thịnh kia cũng vậy, hãy nhớ rằng đó là kẻ thù của quý bang, và thậm chí hiện giờ nó còn đang cố đánh bại chúng tôi như bước mở đầu để tiến tới tấn công quý bang. Và nó làm thế để ngăn ngừa chúng ta liên minh lại vì một mối thù chung, và để nó khỏi phải đương đầu với cả hai bang chúng ta cùng lúc, và cũng là để đảm bảo giành được lợi thế trước quý bang bằng một trong hai cách, hoặc làm tê liệt quyền lực của chúng tôi hoặc biến sức mạnh của quyền lực đó thành của chính nó. Vậy thì sách lược của chúng ta là phải đi trước nó một bước – nghĩa là, với Corcyra là đưa ra đề nghị liên minh và với quý bang là chấp thuận đề nghị đó; nói tóm lại, chúng ta phải bày mưu lập kế chống lại nó thay vì ngồi chờ để đánh bại những mưu kế mà nó bày ra chống lại chúng ta.

Nếu nó quả quyết rằng đối với quý bang việc thu nạp một thuộc địa của nó làm đồng minh là không đúng lẽ, thì hãy cho nó biết rằng mỗi thuộc địa mà được đối xử tốt đều tôn vinh thành bang mẹ của mình, nhưng sẽ xa lánh thành bang mẹ nếu phải chịu sự đối xử bất công. Bởi dân định cư tại các thuộc địa không bị gửi đi với điều kiện rằng họ phải

là nô lệ của những kẻ còn ở lại, mà với điều kiện họ phải được ngang hàng với những kẻ đó. Và rằng Corinth đã xâm hại chúng tôi thật đã rõ ràng. Được đề nghị đưa việc tranh chấp Epidamnus lên trọng tài phân xử, họ đã chọn cách phân xử những điều họ bất bình bằng chiến tranh chứ không phải bằng một phiên toà công bằng. Và hãy để hành vi của họ đối với chúng tôi, những người đồng tông tộc với họ, là lời cảnh báo đối với các ngài hãy đừng để mách khéo của họ khiến cho lầm lạc, cũng đừng nhượng bộ những yêu cầu trực tiếp của họ; những nhân nhượng đối với kẻ địch chỉ dẫn đến kết cục là ân hận mà thôi, và họ càng bị ngăn ngừa một cách nghiêm ngặt bao nhiêu thì cơ hội an ninh càng lớn hơn bấy nhiêu.

Nếu họ khẳng khái lý luận rằng việc các ngài kết nạp chúng tôi sẽ vi phạm hiệp ước hiện hành giữa quý bang và Lacedaemon, thì chúng tôi xin trả lời rằng chúng tôi là một bang trung lập, và rằng một trong những điều kiện được nêu rõ trong hiệp ước đó là bất kỳ một bang nào của Hy Lạp mà đứng trung lập đều có quyền gia nhập với bất kỳ bên nào mà nó muốn. Và thật là quá đáng khi Corinth được phép lấy người cho lực lượng hải quân không chỉ từ những đồng minh của mình mà còn từ tất cả các bang còn lại của Hy Lạp, một số lượng không nhỏ được các xứ lệ thuộc của chính quý bang cung ứng; trong khi chúng tôi thì vừa bị ngăn chặn không được gia nhập liên minh duy nhất mà hiệp ước để ngỏ cho chúng tôi, vừa bị ngăn chặn với bất kỳ sự cứu trợ nào mà chúng tôi có thể có được từ những xứ khác; và quý bang thì lại bị lên án vì sự phi đạo đức chính trị nếu các ngài thuận theo lời thỉnh cầu của chúng tôi. Mặt khác, chúng tôi sẽ có lý do chính đáng hơn rất nhiều để phiến trách quý bang, nếu các ngài không thuận theo lời thỉnh cầu ấy; nếu chúng tôi, những người đang trong cơn nguy cấp và không thù nghịch với quý bang, lại bị chính các ngài thẳng tay cự tuyệt, trong lúc Corinth, là kẻ gây hấn và là kẻ địch của quý bang, thì chẳng những không gặp bất kỳ cản trở nào từ phía quý bang mà thậm chí còn được phép thu hút nhân lực chiến tranh từ các xứ lệ thuộc của quý bang nữa. Không thể để chuyện này xảy ra được, mà hoặc là các ngài phải cấm

Corinth lấy người trên các thuộc địa của các ngài, hoặc là các ngài cũng phải dành cho chúng tôi mọi sự giúp đỡ mà các ngài cho là thích đáng.

Nhưng phương sách thực tế nhất với các ngài là ban cho chúng tôi sự tán đồng và sự hậu thuẫn được tuyên bố công khai. Những mối lợi của phương sách này, như chúng tôi đã trình bày ngay từ phần đầu lời phát biểu này của chúng tôi, là rất nhiều. Chúng tôi sẽ nói đến một trong những mối lợi đó mà có lẽ là mối lợi lớn nhất. Có sự đảm bảo nào cho thiện ý của chúng tôi chắc chắn hơn là cái thực tế rằng thế lực đang thù địch với quý bang cũng đang thù địch với chúng tôi, và rằng cái thế lực đó hoàn toàn có đủ năng lực để trừng phạt việc ly khai không? Và việc từ chối liên minh với một thế lực hùng mạnh trên đất liền với việc từ chối liên minh với một thế lực hùng mạnh trên biển khác nhau rất xa. Bởi chừng nỗ lực hàng đầu của các ngài phải nhằm ngăn chặn, nếu có thể, sự tồn tại của bất kỳ lực lượng hải quân nào ngoài lực lượng của chính quý bang; nếu không thể, thì phải đảm bảo có được mối giao hảo với thế lực mạnh nhất hiện hữu. Và nếu bất kỳ ai trong các ngài tin rằng điều chúng tôi đang khẩn nài là có lợi, nhưng lại e ngại hành động theo niềm tin đó vì sợ rằng nó có thể dẫn đến việc phá vỡ hiệp ước, thì các ngài nên nhớ rằng về một mặt, cho dù các ngài có e sợ điều gì đi chăng nữa thì sức mạnh được tăng cường của các ngài vẫn sẽ là khủng khiếp đối với địch thủ của các ngài; nhưng mặt khác, bất kể lòng tự tin của các ngài cao đến mức nào đi chăng nữa khi từ chối thu nạp chúng tôi, thì tình trạng thế độn lực bạc của các ngài cũng sẽ chẳng dọa nổi một kẻ địch hùng mạnh. Các ngài cũng cần nhớ thêm rằng quyết định của các ngài là vì Athens chẳng kém gì vì Corcyra, và rằng nếu có lúc nào đó các ngài lo lắng đôi mắt ra phía chân trời, nơi mà có lẽ các ngài đã sẵn sàng chờ đón một cuộc chiến tranh sắp nổ ra hầu như chỉ để chống lại quý bang, thì các ngài sẽ thấy rằng lúc này mình không dự liệu tốt nhất cho lợi ích của Athens khi mà các ngài còn do dự không muốn gắn kết vào phe mình một bang mà việc nó gia nhập hay ly khai dường như có thể mang lại những hệ quả sống còn nhất. Vì Corcyra nằm ở vị trí rất thuận tiện cho tàu bè qua lại ven biển về hướng Italy và Sicily, nó có

khả năng chặn đường tăng viện hải quân từ những nơi đó về Peloponnese, và từ Peloponnese tới những nơi đó; và về những phương diện khác nó là một địa điểm được khao khát nhất. Kết luận một cách vắn tắt nhất, bao gồm những lý do cả khái quát lẫn chi tiết cần cân nhắc, các ngài sẽ thấy rằng việc hy sinh chúng tôi là một hành động đại dột. Nên nhớ rằng ở Hy Lạp chỉ có ba thế lực hải quân đáng kể là Athens, Corcyra và Corinth, và rằng nếu các ngài để cho hai trong số ba lực lượng đó hợp nhất lại, và Corinth có được chúng tôi đứng về phía nó, thì quý bang sẽ phải một mình bám biển chống lại những hạm đội của Corcyra và Peloponnese liên hiệp lại. Nhưng nếu các ngài thu nạp chúng tôi, quý bang sẽ có những chiến thuyền của chúng tôi hầu tăng cường sức mạnh cho quý bang trong cuộc giao tranh đó.”

Lời lẽ của người Corcyra là vậy. Sau khi họ nói xong, người Corinth nói thế này:

“Trong diễn từ mà chúng ta vừa nghe, người Corcyra không giới hạn mình vào vấn đề thu nạp họ vào liên minh của quý bang. Họ còn nói về việc chúng tôi có lỗi vì không công bằng, và họ là nạn nhân của một cuộc chiến tranh phi lý. Thành thử chúng tôi buộc phải đề cập đến cả hai điểm này trước khi chúng tôi chuyển sang những gì còn lại mà chúng tôi cần phải nói, để các ngài có thể có một khái niệm chính xác hơn về nguyên do của điều mà chúng tôi đòi hỏi, và có lý do thích đáng để cự tuyệt lời thỉnh cầu của họ. Theo như họ nói thì cái phương sách cũ khước từ tất cả mọi đề nghị liên minh của họ là một phương sách ôn hòa. Trên thực tế phương sách này đã được áp dụng vì những mục đích xấu chứ không phải vì mục đích tốt; kỳ thực cách xử sự của họ như vậy là vì họ chẳng đời nào mong muốn có đồng minh hiện diện để chứng kiến hành động xấu xa của họ, hoặc không muốn phải hổ thẹn khi khẩn cầu những đồng minh đó đồng tình ủng hộ. Ngoài ra, vị trí địa lý của họ khiến họ độc lập khỏi những bang khác, và hậu quả là phán quyết

trong những trường hợp mà họ xâm hại bất kỳ ai lại không thuộc quyền hạn của các trọng tài được chỉ định bởi sự đồng thuận, mà thuộc về chính họ, vì rằng trong khi họ rất hiếm khi vượt biên tới các lân bang, thì các tàu thuyền ngoại bang buộc phải cập cảng ở Corcyra liên tục ghé thăm họ. Nói ngắn gọn là cái mục đích mà họ tự đề ra cho họ, trong cái phương sách hoàn toàn cô lập nghe như có vẻ hợp lý của họ, không phải là để tránh tham gia vào những hành động phi pháp của những bang khác, mà là để giành độc quyền cho chính họ thực hiện những hành động phi pháp – tự cho quyền được xâm phạm bất kỳ nơi nào mà họ có thể ép buộc được, quyền gian trá bất kỳ nơi nào mà họ có thể trốn tránh được pháp luật, và quyền hưởng những lợi lộc họ kiếm được không chút hổ thẹn. Thế nhưng nếu họ là những kẻ thành thực như họ giả bộ thì khi những người khác càng lơ lửng với họ bao nhiêu, cái ánh sáng mà lẽ ra họ đã đặt sự thành thực của họ dưới đó bằng cách thỏa hiệp với những gì là công bằng sẽ càng mạnh hơn bấy nhiêu.

Nhưng cách hành xử của họ lại chẳng phải vậy, dù là đối với những người khác hay đối với chúng tôi. Thuộc địa này của chúng tôi trước nay vẫn luôn có thái độ ghẻ lạnh và hiện giờ là thái độ thù địch với chúng tôi, vì cái cớ mà họ nại ra: ‘Chúng tôi không được gửi đi để bị đối xử tồi tệ.’ Chúng tôi kháng biện rằng chúng tôi không sáng lập ra thuộc địa đó để rồi bị họ sỉ nhục, mà để lãnh đạo họ và được đối xử bằng một sự kính trọng đúng mực. Bất kể là thế nào thì các thuộc địa của chúng tôi cũng luôn thể hiện lòng kính trọng với chúng tôi, và chúng tôi rất được các thuộc địa đó yêu mến; và rõ ràng là nếu phần đông họ hài lòng về chúng tôi, thì những kẻ này chẳng có lý do chính đáng nào để bất mãn khi chỉ riêng mình họ bất mãn, và chẳng phải là chúng tôi đang hành động không đúng mực trong việc tiến hành chiến tranh chống lại họ, chúng tôi cũng không tiến hành chiến tranh chống lại họ nếu không nhận thấy dấu hiệu khiêu khích. Và lại, giả dụ là chúng tôi sai trái, thì họ càng vinh dự khi nhượng bộ những mong muốn của chúng tôi, và chúng tôi càng phải hổ thẹn khi chà đạp lên sự ôn hòa của họ; nhưng, kiêu ngạo và phóng dật về của cải, họ phạm lỗi

với chúng tôi hết lần này đến lần khác, và chưa bao giờ quá quắt như khi Epidamnus – một thành bang lệ thuộc của chúng tôi đang lâm cảnh tai ương lúc chúng tôi đến cứu viện còn họ thì đã chẳng làm bất kỳ điều gì cần thiết để ngăn ngừa tai ương đó – bị họ chiếm và hiện thời đang bị giam hãm bởi lực lượng vũ trang của họ.

Về cái cơ mà họ vin vào rằng họ mong muốn vấn đề này trước hết phải được đệ trình lên trọng tài phân xử, thì hiển nhiên một thách thức từ bên đang an toàn ở cương vị bề trên là không đáng tin cậy, mà chỉ có thể tin cậy được từ bên mà trước khi cầu viện đến vũ khí, trong lời nói cũng như trong hành động, đã đặt mình ngang hàng với đối phương. Trong trường hợp của họ, không phải là trước khi họ vây hãm nơi đó, mà là sau khi rút cuộc họ cũng hiểu ra rằng chúng tôi không dễ dàng cam chịu điều đó, thì họ mới nghĩ đến cái cụm từ ‘trọng tài phân xử’ sáo rỗng ấy. Và chưa thỏa mãn với hành vi sai trái của chính mình ở đó, giờ họ chường mặt ra đây yêu cầu các ngài tham gia với họ không phải vào một liên minh mà vào một tội ác, và thu nạp họ bất chấp họ đang là kẻ địch của chúng tôi. Nhưng đúng ra họ đã phải đề nghị các ngài vào lúc họ đang vững như bàn thạch, chứ không phải vào lúc mà chúng tôi bị đối xử sai trái và họ thì đang lâm nguy; cũng không phải vào lúc mà các ngài định chấp nhận chia sẻ sự bảo hộ của mình với những kẻ mà chưa bao giờ chấp nhận chia sẻ quyền lực của họ với các ngài, và sắp sửa phải cùng với họ chia đều chịu sự trách cứ từ phía chúng tôi vì những tội lỗi của họ mà các ngài không hề nhúng tay vào. Không, lẽ ra họ đã phải chia sẻ quyền lực của họ với các ngài trước khi họ yêu cầu các ngài chia sẻ cơ đồ của mình với họ.

Như vậy sự thật về mối bất bình mà chúng tôi tới đây để bày tỏ, và tính tham tàn hung bạo của kẻ địch của chúng tôi đều đã được minh chứng. Nhưng các ngài vẫn cần phải biết rằng tại sao các ngài không thể thu nạp họ một cách chính đáng được. Có thể đúng là một trong những điều khoản của hiệp ước quy định rằng bất kỳ một bang nào, mà tên của bang đó không có trong danh sách cũng sẽ có quyền kết đồng minh với bất kỳ bên nào nó muốn. Nhưng hiệp ước này không dành

cho những bang mà mục đích của họ khi liên kết với nhau là để xâm hại những bang khác, mà dành cho những bang mà nhu cầu cần được chi viện của họ không phát sinh từ việc họ ly khai, và việc họ gia nhập liên minh không đem lại chiến tranh thay vì hòa bình cho cái thế lực đủ liều lĩnh để thu nạp họ; các ngài sẽ lâm vào tình thế này nếu các ngài từ chối lắng nghe chúng tôi. Vì các ngài không thể trở thành người giúp đỡ họ mà vẫn là đồng minh của chúng tôi được; nếu các ngài tham gia vào cuộc tấn công của họ thì các ngài phải chia sẻ cả đòn trừng phạt mà những người bảo vệ giáng xuống đầu họ. Thế nhưng các ngài vẫn có cái quyền tối ưu có thể có được là đứng trung lập, hoặc ngược lại, nếu không làm thế thì các ngài nên liên kết với chúng tôi để chống lại họ. Chí ít thì Corinth cũng đang nằm trong hòa ước với các ngài; còn như với Corcyra thì các ngài thậm chí còn chưa bao giờ có tạm ước cả. Nhưng xin đừng tạo ra tiền lệ là sự ly khai sẽ được bảo trợ. Khi dân Samos ly khai, chúng tôi đâu có bỏ phiếu chống lại quý bang, trong khi các bang còn lại của Peloponnese thấy đều tranh cãi về việc có nên cứu viện nó hay không? Không, chúng tôi đã nói thẳng vào mặt họ rằng mỗi bang có quyền trừng phạt các đồng minh của riêng mình. Vì lý do ấy, nếu các ngài xác lập chính sách của mình là thu nạp và hỗ trợ tất cả những kẻ phạm lỗi, các ngài sẽ thấy rằng cũng sẽ có nhiều băng ấy xử lệ thuộc của các ngài sẽ bỏ các ngài sang theo chúng tôi, và cái tiền lệ mà các ngài tạo ra sẽ đè nặng lên chính các ngài hơn là lên chúng tôi.

Vậy thì điều này chính là điều mà đạo luật Hy Lạp cho phép chúng tôi được đòi hỏi như một quyền lợi. Nhưng chúng tôi còn có lời khuyên cần đưa ra và có những đòi hỏi về lòng biết ơn của quý bang, lòng biết ơn mà, vì không có nguy cơ nào về việc chúng tôi xâm phạm đến các ngài bởi chúng ta không phải kẻ thù của nhau, và vì việc chúng ta là đồng minh không có nghĩa là chúng ta thường xuyên giao thiệp, chúng tôi tuyên bố rằng phải được đền đáp lại vào lúc này đây. Khi quý bang thiếu chiến thuyền để chống lại quân Aegina, trước khi xảy ra cuộc xâm lăng của Ba Tư, thì Corinth đã cung cấp cho quý bang hai mươi chiến thuyền. Sự chi viện ấy, cùng với cách ứng xử của chúng tôi trong

vấn đề Samos, khi chúng tôi là động cơ thúc đẩy người Peloponnese từ chối cứu viện xứ đảo ấy, đã giúp các các ngài đánh bại được Aegina và trừng phạt Samos. Và chúng tôi đã hành động như vậy trong những thời điểm khủng hoảng khi mà, trái lại, người ta thường có thói quen trong lúc đang dốc sức cự địch thì quên hết mọi thứ để chiến thắng, họ coi người giúp đỡ mình lúc đó như bằng hữu cho dù lúc trước hẳn có là kẻ thù, và coi người lúc đó chống lại họ như kẻ thù, cho dù lúc trước người ấy có là bằng hữu; thực ra là họ đã để lợi ích thực sự của họ bị thiệt thòi vì họ dồn hết tâm trí vào cuộc chiến.

Hãy cân nhắc những điều này cho thật kỹ, và các trưởng lão của quý bang hãy cho lớp trẻ biết những điều này, và hãy để họ quyết định đối xử với chúng tôi như chúng tôi đã đối xử với quý bang. Và đừng để họ chấp nhận điều chúng tôi vừa nêu là công bằng, mà hãy tranh luận về tính sáng suốt của nó nếu chiến tranh bất ngờ xảy đến. Nhìn chung, đường lối thẳng thắn nhất không chỉ là đường lối khôn ngoan nhất; mà cuộc chiến tranh người Corcyra đã dùng làm ngáo ộp hòng thuyết phục các ngài làm điều sai quấy vẫn chưa lấy gì làm chắc là sẽ nổ ra, và thật không đáng để bị nó lôi cuốn đến chỗ tuyên bố thù địch với Corinth ngay lập tức. Nếu sáng suốt ra thì các ngài nên gắng làm phai mờ cái ấn tượng bất lợi về cách cư xử của mình đối với Megara mới phải. Vì lòng tốt được thể hiện đúng lúc sẽ có nhiều khả năng hóa giải được những mối bất bình cũ hơn là những lập luận sơ đẳng có thể biện hộ. Và hãy đừng để bị cám dỗ bởi cái viễn cảnh một liên minh hải quân hùng mạnh. Việc tự kiềm chế không làm điều gì sai quấy đối với các thế lực siêu cường khác chính là điểm tựa vững chãi hơn bất kỳ mối lợi nhất thời nào có thể kiếm được bằng cách hy sinh sự bình yên vĩnh viễn. Giờ đến lượt chúng tôi hưởng lợi từ cái nguyên tắc mà chúng tôi đã đề ra tại Lacedaemon, rằng cường bang nào cũng có quyền trừng phạt đồng minh của riêng mình. Giờ đây chúng tôi yêu cầu được các ngài đối xử bằng cùng một cách như vậy, và kịch liệt phản đối nếu các ngài đền cái ơn chúng tôi đã bỏ phiếu làm lợi cho các ngài bằng cách làm chúng tôi tổn hại với lá phiếu của các ngài. Trái lại, hãy lấy ơn mà báo

ơn chúng tôi, và nhớ rằng đây chính là cơn khủng hoảng mà trong đó người chìa tay giúp đỡ là bằng hữu đích thực, và kẻ phản đối là kẻ thù đích thực. Và đối với những người Corcyra này – chớ thu nạp họ làm đồng minh mà chẳng đếm xỉa gì đến chúng tôi, cũng đừng làm kẻ xúi bẩy họ phạm tội. Làm được như vậy là các ngài sẽ hành động như chúng tôi có quyền trông đợi ở các ngài, và đồng thời cũng là cân nhắc thấu đáo lợi ích của chính quý bang.”

Lời lẽ của người Corinth là như thế.

Khi người Athens đã nghe cả hai bên nói hết ngọn ngành, hai cuộc hội nghị công dân đã được tổ chức. Trong cuộc hội nghị đầu tiên rõ ràng họ thiên về nghe theo lời phản kháng của Corinth; trong cuộc hội nghị thứ hai, ý kiến của công chúng đã thay đổi và một liên minh với Coryca đã được quyết định thành lập, với một sự dè dặt nhất định. Đó là một liên minh phòng vệ, không phải liên minh tấn công. Nó không kéo theo việc phá vỡ hiệp ước với Peloponnese: Athens sẽ không bị đòi hỏi phải tham gia vào bất kỳ cuộc tấn công nào của Corcyra nhằm vào Corinth. Nhưng mỗi bên liên minh đều có quyền được bên kia giúp đỡ chống ngoại xâm, bất kể ở lãnh thổ của chính họ hay ở lãnh thổ của một bang đồng minh nào khác. Bởi chừng lúc này người ta bắt đầu cảm thấy rằng việc cuộc Chiến tranh Peloponnese nổ ra chỉ còn là vấn đề thời gian, và không ai muốn thấy một thế lực hải quân hùng hậu như Corcyra bị dâng cho Corinth cả; mặc dù nếu họ mặc kệ hai bên xung đột với nhau để rồi cùng bị kiệt quệ thì đó cũng là sự chuẩn bị rất tốt cho cuộc giao tranh mà một ngày kia Athens có thể sẽ phải tiến hành với Corinth và với các thế lực hải quân khác. Và lại hải đảo đó dường như nằm ở vị trí rất thuận tiện trên tuyến đường biển ven bờ dẫn tới Italy và Sicily. Với những quan điểm đó, Athens thu nạp Corcyra vào liên minh, và không lâu sau đó, ngay khi người Corinth vừa ra về, họ phái mười chiến thuyền đi tiếp viện cho Corcyra. Chỉ huy các chiến thuyền này là Lacedaemonius con trai của Cimon, Diotimus con trai của Strombichus, và Proteas con trai của Epicles. Họ được chỉ thị phải tránh đụng độ với hạm đội

của Corinth ngoại trừ những tình huống nhất định. Nếu hạm đội Corinth dong thuyền đến Corcyra và nếu có nguy cơ là nó sẽ đổ bộ lên bờ biển đó, hoặc lên bất kỳ thuộc địa nào của xứ đảo đó, thì họ phải cố hết sức mà ngăn cản. Những chỉ thị này xuất phát từ lòng mong muốn tránh phá vỡ hiệp ước.

Trong lúc đó người Corinth đã chuẩn bị xong xuôi, và họ dong buồm đi Corcyra với lực lượng một trăm năm mươi chiến thuyền. Trong số này Elis cung cấp mười chiếc, Megara mười hai chiếc, Leucas mười chiếc, Ambracia hai mươi bảy chiếc, Anactorium một chiếc và Corinth tự mình cung cấp chín mươi chiếc. Mỗi đội quân trong lực lượng đồng minh này đều có chỉ huy riêng của mình, hạm đội của Corinth do Xenocles con trai của Euthycles chỉ huy, cùng với bốn vị đồng chỉ huy. Nhổ neo từ Leucas, họ nhìn thấy đất liền ở phần lục địa đối diện với Corcyra. Họ neo đậu tại cảng Chimerium, thuộc lãnh thổ Thesprotis; bên trên nơi này, cách biển một quãng, là thành Ephyre của thành bang Elis. Hồ Acherusia trút nước của nó ra biển qua thành này. Hồ này được đặt theo tên con sông Acheron^[29] chảy qua Thesprotis và đổ vào lòng hồ. Nơi đó còn có con sông Thyamis chảy qua, tạo thành ranh giới giữa Thesprotis và Kestrine^[29]; và giữa hai con sông đó là mũi đất Chimerium nhô lên. Lúc bấy giờ quân Corinth đã đến vùng này của lục địa để neo đậu và lập quân doanh. Người Corcyra nhìn thấy họ đang kéo đến bèn đưa binh lính và thủy thủ lên một trăm mười chiến thuyền do Meikiades, Aisimides và Eurybatus chỉ huy, và tự đóng quân tại một trong những hòn đảo nhỏ thuộc nhóm đảo Sybota^[30]. Mười chiến thuyền của Athens cũng có mặt. Họ bố trí lực lượng bộ binh tại mũi đất Leukimme, và một ngàn bộ binh hạng nặng của Zacynthus^[31] đã đến tiếp viện cho họ. Quân Corinth ở trên đất liền cũng chẳng thiếu gì đồng minh. Quân phi-Hy-Lạp ùn ùn kéo tới để trợ chiến, những cư dân ở phần lục địa này là đồng minh lâu đời của họ.

Khi quân Corinth đã chuẩn bị đâu vào đấy, họ mang theo ba ngày quân lương dự trữ và đêm đến họ nhổ neo từ Chimerium ra khơi, sẵn sàng chiến đấu. Bơi thuyền đến lúc bình minh, họ trông thấy hạm đội của Corcyra ngoài khơi và tiến về phía hạm đội đó. Khi nhìn thấy nhau, cả hai bên đều dàn trận

để giao tranh. Bên cánh phải quân Corcyra là những chiến thuyền của Athens, còn lại trong đội ngũ là những chiến thuyền của chính họ xếp thành ba đội, mỗi đội do một trong ba vị tướng quân chỉ huy. Đội hình của Corcyra là như vậy. Đội hình của Corinth như sau: bên cánh phải là các chiến thuyền của Megara và Ambracia, trung quân là chiến thuyền của tất cả các đồng minh khác dàn hàng. Nhưng bên cánh trái là những chiến thuyền tốt nhất trong lực lượng hải quân của Corinth, để đối đầu với chiến thuyền của Athens và cánh phải của Corcyra. Ngay khi hiệu lệnh được phát ra từ cả hai phía, họ bắt đầu giao chiến. Trên sàn thuyền của cả hai bên đều có rất nhiều bộ binh hạng nặng, một số rất đông cung thủ và quân phóng lao – lực lượng vũ trang kiểu cũ chưa hoàn bị vẫn đang thịnh hành. Trận hải chiến đó thật dai dẳng, tuy về mặt chiến thuật chẳng có gì đặc sắc; kỳ thực nó giống một trận bộ chiến hơn. Bất kỳ lúc nào họ tấn công nhau, các chiến thuyền quá đông và chen chúc đến nỗi chẳng dễ gì mà tách ra khỏi nhau được; vả lại, hy vọng chiến thắng của họ chủ yếu nằm ở bộ binh hạng nặng trên sàn thuyền đứng thành đội ngũ chỉnh tề để chiến đấu, còn những chiến thuyền vẫn đứng yên một chỗ. Chiến thuật chọc thủng phòng tuyến đã không được thử dùng; nói gọn lại là trong trận đánh này sức mạnh và sự đảm lược chiếm ưu thế hơn là chiến thuật. Náo loạn bao trùm khắp nơi, trận đánh là một cảnh hỗn chiến; trong khi đó những chiến thuyền của Athens đã dọa cho quân địch hoảng sợ bằng cách tiến đến bên quân Corcyra bất cứ lúc nào họ bị lấn ép, cho dù các tướng lĩnh của họ không thể tham gia trận đánh vì e ngại trước những chỉ thị được giao. Cánh phải của quân Corinth phải hứng chịu nhiều nhất. Quân Corcyra đánh cánh quân này tan tác, và bằng hai mươi chiến thuyền đã đuổi thuyền địch chạy tán loạn về phía đất liền, bởi thuyền thắng đến tận trại của quân Corinth, và đốt các lán trại mà họ thấy không có quân canh giữ, và cướp bóc đồ vật. Như vậy ở phía cánh này quân Corinth cùng các quân đồng minh bị đánh bại, và quân Corcyra thắng thế. Nhưng ở phía cánh trái nơi quân Corinth tự mình trấn giữ thì họ đã giành được thắng lợi quyết định; lực lượng của Corcyra vốn đã mỏng lại càng yếu hơn do thiếu đi hai mươi chiến thuyền mãi truy đuổi địch. Khi thấy quân Corcyra bị dồn ép mạnh, quân Athens rốt cục cũng bắt đầu ứng cứu họ một cách quyết liệt hơn.

Quả thực là thoát đầu họ đã cố kiểm chế không tấn công bất kỳ chiến thuyền nào; nhưng đến lúc cuộc bại trận đã thành hiển nhiên, và quân Corinth đang dồn ép tới, thì cuối cùng cũng đã đến lúc ai nấy đều xung trận, và tất cả danh dự bị gạt sang một bên, và đã đến lúc mà quân Corinth và quân Athens phải dùng vũ lực với nhau.

Sau khi đánh cho quân Corcyra tháo chạy, quân Corinth, thay vì quan tâm đến việc ràng chặt những con thuyền mà họ đã phá hỏng vào với nhau và kéo theo thuyền của họ, lại quay sang chú ý đến việc tàn sát những con người mà họ bơi thuyền qua, chẳng thiết bắt làm tù binh nữa. Thậm chí một số chiến hữu của họ cũng bị họ giết hại vì nhầm lẫn khi họ chẳng hề hay biết về thất bại của quân mình ở phía cánh phải. Vì số chiến thuyền của cả hai bên rất đông và khoảng cách mà chúng bao phủ trên mặt biển đã khiến họ một khi đã lâm trận thì thật khó mà phân biệt được kẻ thắng với người thua; về mặt số lượng thuyền tham chiến, trận chiến này đã chứng tỏ nó lớn hơn các trận chiến trước đó rất nhiều, chí ít cũng hơn bất kỳ trận chiến nào giữa quân Hy Lạp với nhau. Sau khi quân Corinth đuổi quân Corcyra vào đất liền, họ mới quay sang những xác thuyền bị họ phá hủy và xác binh lính của họ, những thi thể mà họ đã thành công trong việc đoạt lại được phần lớn và chuyển về Sybota, một điểm hẹn cho các lực lượng bộ binh được các đồng minh phi-Hy-Lạp của họ cung cấp. Nên biết rằng Sybota này là một hải cảng bỏ hoang của Thesprotis^[32]. Khi xong nhiệm vụ này, họ lại tập trung quân lần nữa, và bơi thuyền tiến đánh quân Corcyra, chính quân này cũng đang tiến lên để nghênh địch với tất cả những chiến thuyền còn lại và còn sử dụng được của mình, được hộ tống bởi các chiến thuyền của Athens, vì sợ rằng quân địch có thể sẽ cố thử đổ bộ lên lãnh thổ của mình. Lúc này chiều đã muộn, và khi bài tụng ca trước khi xung trận vừa vang lên thì quân Corinth đột ngột chèo lùi. Họ đã quan sát thấy hai mươi chiến thuyền của Athens đang bơi đến, những chiến thuyền này được phái đi sau để tăng viện cho mười chiến thuyền trước của Athens, do người Athens e rằng – mà hóa ra là đúng thể thật – quân Corcyra chiến bại và một nhóm thuyền bè con con của họ sẽ bất lực không thể bảo vệ được quân Corcyra. Những chiến thuyền này đã bị quân Corinth nhìn thấy trước. Họ ngờ rằng chúng từ Athens đến, và

những chiến thuyền mà họ thấy chưa phải là tất cả mà vẫn còn nữa ở đằng sau; vì vậy họ bắt đầu thoái lui. Trong lúc ấy thì quân Corcyra chưa nhìn thấy đoàn thuyền này, vì chúng đang tiến đến từ một điểm mà họ không thể quan sát rõ, và khi họ đang băn khoăn tự hỏi vì sao quân Corinth lại chèo lui thì một số người đã nhìn thấy đoàn thuyền đó, và hô hoán lên rằng có những chiến thuyền xuất hiện phía trước mặt. Khi đó họ cũng rút lui, do lúc đó trời đã nhá nhem và việc quân Corinth rút lui đã làm chiến sự tạm thời lắng xuống. Như vậy hai bên tách ra, và trận chiến đình lại khi đêm xuống. Quân Corcyra đã ở trong doanh trại của mình tại Leukimme khi hai mươi chiến thuyền đó của Athens dưới quyền chỉ huy của Glaucon con trai của Leagrus, và Andocides con trai của Leogoras tiếp tục lách qua những tử thi với xác thuyền và chèo về phía doanh trại, sau khi người ta nhìn thấy chúng không lâu. Lúc này đêm đã xuống, và quân Corcyra đã e rằng chúng có thể là thuyền địch, nhưng chẳng mấy chốc họ đã nhận ra chúng, và những chiến thuyền đó tiến vào neo đậu.

Ngày hôm sau ba mươi chiến thuyền của Athens đã ra khơi, theo sau chúng là toàn bộ chiến thuyền mà còn có thể đi biển được của Corcyra, và chèo đến cảng Sybota – nơi hạm đội của Corinth đóng – để xem họ có định giao chiến không. Hạm đội của Corinth từ đất liền ra khơi và dàn trận ở ngoài khơi xa, nhưng ngoài việc đó ra họ không có thêm một động thái nào khác, tuyệt không có ý định tấn công. Vì họ thấy lực lượng tăng viện mới từ Athens đến, và chính họ đang phải đối mặt với vô số khó khăn như cần phải canh gác tù binh mà họ đang giam giữ trên thuyền và thiếu tất cả mọi phương tiện để sửa chữa trang bị lại tàu thuyền của họ ở một nơi hoang vu như thế này. Điều mà họ mong nghĩ hơn hết là làm sao để thực hiện được chuyến hải hành hồi hương của họ; họ e rằng quân Athens có thể coi là hiệp ước đã bị hủy bỏ bởi cuộc xung đột vừa xảy ra, và sẽ ngăn cản không cho họ ra đi.

Vì vậy họ quyết định đưa vài người lên một con thuyền, và phái đến chỗ quân Athens mà không kèm theo biểu tượng của thuyền sang sứ để thăm dò. Khi đến nơi, họ nói như sau:

“Hỡi người Athens, các vị đang làm việc sai trái khi khởi chiến và phá vỡ hiệp ước. Khi đang giao tranh để trừng trị quân thù của chúng tôi, chúng tôi thấy rằng chính các vị ngáng đường chúng tôi bằng vũ lực chống lại chúng tôi. Giờ đây nếu ý định của các vị là ngăn cản chúng tôi dong thuyền đến Corcyra, hoặc đi bất kỳ nơi đâu mà chúng tôi muốn, và nếu các vị định phá vỡ hiệp ước, thì trước hết hãy bắt giữ những người chúng tôi đang hiện diện ở đây và đối xử với chúng tôi như kẻ địch đi.”

Đó là những gì họ đã nói, và tất cả những quân Corcyra ở gần đó nghe thấy bèn lập tức hô hoán đòi bắt lấy họ mà giết đi. Nhưng quân Athens trả lời như sau:

“Này người Peloponnese, chúng tôi không khởi chiến mà cũng chẳng phá vỡ hiệp ước; nhưng những người Corcyra này là đồng minh của chúng tôi, nên chúng tôi phải đến giúp họ. Vì vậy nếu các vị muốn đưa thuyền đi bất kỳ nơi nào khác, thì chúng tôi chẳng gây khó dễ gì để cản đường các vị cả; nhưng nếu các vị dong thuyền tiến đánh Corcyra hoặc bất kỳ thuộc địa nào của nó thì chúng tôi sẽ phải cố hết sức mình mà ngăn chặn các vị.”

Khi nhận được câu trả lời này từ quân Athens, quân Corinth bèn bắt đầu chuẩn bị chuyển hải hành hồi hương của mình, và dựng một đài chiến tích ở Sybota, trên lục địa; trong khi đó quân Corcyra thu nhặt những xác thuyền và xác binh sĩ đã được thủy triều cuốn về phía họ, mà cơn gió nổi lên giữa ban đêm đã thổi tung ra tứ phía, và dựng đài chiến tích của họ ở Sybotay trên đảo, như những người chiến thắng. Lý do mà mỗi bên đều tuyên bố mình chiến thắng là thế này: quân Corinth đã thắng trận hải chiến trước khi đêm xuống; và vì thế đã đoạt lại được phần lớn các xác thuyền và xác binh sĩ của mình, họ lại giữ trong tay không dưới một ngàn tù binh, và đánh chìm được gần bảy mươi chiến thuyền địch trong trận đó. Còn quân Corcyra thì

phá hủy được gần ba mươi chiến thuyền địch, và sau khi quân Athens tới tăng viện thì họ đã thu nhặt được các xác thuyền và xác binh lính của họ; ngoài ra họ đã chứng kiến quân Corinth phải rút lui trước họ, chèo ngược về khi nhìn thấy các chiến thuyền của Athens, và khi quân Athens đến tăng viện thì chùn lại không dám tiếp tục bơi thuyền từ Sybota ra đánh họ. Thế nên cả hai bên đều tuyên bố mình chiến thắng.

Quân Corinth trên hải trình hồi hương đã chiếm lấy Anactorium, nằm ở cửa vịnh Ambracia. Nơi này bị chiếm bằng gian kế, khi vẫn đang là đất chung của Corcyra và Corinth. Sau khi sắp đặt cho những người Corinth định cư vào đây, họ hồi hương. Tám trăm người Corcyra là nô lệ, họ đã bán những kẻ đó đi; hai trăm năm mươi người bị họ giữ lại làm tù binh và được đổi đãi rất tử tế, với hy vọng những kẻ này khi hồi hương có thể sẽ thuyết phục được xứ mình sang theo phe Corinth; tình cờ mà đa phần bọn họ đều là những người có địa vị cực cao ở Corcyra. Corcyra đã duy trì được sự tồn tại về mặt chính trị của nó trong cuộc chiến tranh với Corinth như thế đó, và các chiến thuyền của Athens đã rời khỏi hải đảo đó. Đây là nguyên do đầu tiên gây nên cuộc chiến tranh mà Corinth tiến hành chống lại Athens, tức là vì Athens đã cùng với Corcyra đánh họ trong thời gian hòa ước đang tồn tại.

Gần như ngay sau sự kiện trên, những mối bất hòa mới đã nảy sinh giữa người Athens và người Peloponnese, và những mối bất hòa đó đã góp phần thúc đẩy cuộc chiến này. Corinth đang lập mưu trả thù, và Athens đã sinh nghi về sự thù địch của nó. Dân Potidaea^[33] cư ngụ tại eo đất ở Pallene^[34] là thuộc địa của Corinth nhưng lại là đồng minh phải cống nạp của Athens, được lệnh phải san bức thành lũy nhìn về phía Pallene thành bình địa, giao nộp con tin, đuổi các quan cai trị^[35] của Corinth về, và sau này không được tiếp nhận những người mà hằng năm Corinth phái đến để thay thế họ. Athens lo rằng dân xứ này có thể bị Perdiccas^[36] và người Corinth kích động mà dấy loạn, và có thể lôi kéo các đồng minh còn lại ở mạn Thrace^[37] dấy loạn cùng họ. Những biện pháp đề phòng dân Potidaea được Athens thực hiện ngay sau trận chiến ở Corcyra. Rốt cuộc không chỉ có Corinth công khai thái độ thù địch, mà cả Perdiccas con trai của Alexander^[38], vua

của dân Macedonia^[39], từ một bằng hữu và đồng minh lâu năm cũng đã bị biến thành kẻ thù của họ. Ông ta bị biến thành kẻ thù của họ bởi Athens tham gia vào liên minh với người em trai của ông ta là Philip và Derdas, những kẻ đang cấu kết để chống lại ông ta. Trong cơn lo sợ, ông ta đã phái người tới Lacedaemon để cố gắng đẩy người Athens vào một cuộc chiến tranh với người Peloponnese, và đồng thời cố gắng lôi kéo Corinth đứng về phía mình để gây ra cuộc nổi loạn của Potidaea. Ông ta cũng đã thương lượng với dân Chalcis ở mạn Thrace^[40] và dân Bottiaea^[41] để thuyết phục họ tham gia nổi loạn; bởi ông ta nghĩ rằng nếu có thể biến những xứ ở miền biên viễn này thành đồng minh của mình thì sẽ dễ dàng tiến hành chiến tranh hơn với sự hợp tác của họ. Biết rõ toàn bộ âm mưu này, và mong muốn chặn trước cuộc nổi loạn của họ, người Athens đã hành động như thế này: ngay lúc đó họ cử ba mươi chiến thuyền và một ngàn bộ binh hạng nặng dưới quyền chỉ huy của Archestratus con trai của Lycomedes cùng bốn vị đồng chỉ huy^[42] đến xứ sở của ông ta. Họ hạ lệnh cho các thuyền trưởng bắt giữ các con tin người Potidaea, san bức thành lũy ở đó thành bình địa và phải cảnh giác để phòng cuộc nổi loạn của các thành lân cận.

Trong lúc ấy dân Potidaea đã cử các sứ giả tới Athens hy vọng vào cơ may thuyết phục người Athens đừng dẫn sâu thêm vào vấn đề của họ; họ còn cùng với người Corinth đến Lacedaemon hầu tranh thủ sự hậu thuẫn phòng khi cần đến. Thất bại sau cuộc đàm phán kéo dài với Athens mà không đạt được kết quả nào như mong đợi; cũng không thể, theo như họ nói, ngăn chặn các chiến thuyền đã được trù định đi Macedonia không đến đánh họ; và khi nhận được lời hứa của chính quyền Lacedaemon là sẽ xâm lược Attica nếu Athens tấn công Potidaea, dân Potidaea được thời cơ ủng hộ như vậy rốt cục cũng gia nhập liên minh với người Chalcis và người Bottiaea, và nổi loạn. Còn Perdiccas thì xúi người Chalcis rời bỏ và tiêu thổ các trấn bên bờ biển của họ, và định cư vào đất liền ở Olynthus^[43], để biến thành này thành một nơi kiên cố: trước mắt, ông ta cấp cho những kẻ làm theo lời khuyên của ông ta một phần lãnh thổ của ông ta ở Mygdonia^[44] xung quanh hồ Bolbe làm nơi cư ngụ trong khi cuộc chiến với Athens còn tiếp diễn. Theo lời ông ta họ đã tiêu thổ các trấn của mình, chuyển vào đất liền và

chuẩn bị chiến tranh. Ba mươi chiến thuyền của Athens khi đến trước những địa phương của Thrace thì thấy Potidaea và các xứ còn lại đang dấy loạn. Các tướng chỉ huy của họ cho rằng với quân lực hiện tại của mình thì việc cùng lúc tiến hành cuộc chiến với Perdiccas và với các trấn liên minh lại là việc hoàn toàn bất khả bèn quay sang Macedonia, điểm đến ban đầu của họ, và khi thiết lập xong căn cứ ở đó họ đã xúc tiến chiến tranh với sự cộng tác của Philip và các anh em của Derdas, những kẻ đã xâm chiếm xứ này từ phía đất liền.

Cùng lúc đó, trước tình hình Potidaea đang dấy loạn và các chiến thuyền của Athens đang ở bên bờ biển Macedonia, người Corinth bắt đầu quan ngại về sự an nguy của nơi này và coi hiểm họa của nó như của chính mình, họ bèn cử quân Corinth tình nguyện và lính đánh thuê từ những miền còn lại của Peloponnese đến đó, tổng số lên tới một ngàn sáu trăm bộ binh hạng nặng và bốn trăm bộ binh hạng nhẹ. Aristeus con trai của Adimantus, người luôn kiên định ủng hộ dân Potidaea, nắm quyền chỉ huy cuộc viễn chinh này, và chính là vì lòng yêu mến ông mà hầu hết đàn ông ở Corinth đã tình nguyện tòng chinh. Họ tới Thrace sau cuộc nổi loạn của Potidaea bốn mươi ngày.

Người Athens cũng ngay lập tức được tin về cuộc nổi loạn của các thành đó. Khi được báo rằng Aristeus và lực lượng tăng viện của ông đang trên đường đến đó, họ bèn cử hai ngàn bộ binh hạng nặng là công dân của chính họ và bốn mươi chiến thuyền đi đánh dẹp những vùng đang nổi loạn, dưới quyền chỉ huy của Callias con trai của Calliades, và bốn vị đồng chỉ huy khác. Họ đến Macedonia trước nhất và thấy lực lượng một ngàn quân được gửi đi trước đó vừa mới chiếm được Therme^[45] và đang vây hãm Pydna^[46]. Vì vậy họ cũng tham gia vào cuộc hãm thành này, và phong tỏa Pydna một thời gian. Sau đó họ đi đến chỗ thỏa thuận và ký kết một liên minh miễn cưỡng với Perdiccas, gấp rút vì tình hình cấp thiết ở Potidaea và vì Aristeus đã đến nơi ấy. Họ rút lui khỏi Macedonia, đi Beroea rồi từ đó tới Strepsa, và, sau một cuộc tấn công Strepsa không thành công, họ tiến quân theo đường bộ tới Potidaea với ba ngàn bộ binh hạng nặng là công dân Athens, ngoài ra còn

một số đồng minh của họ và sáu trăm quân kỵ Macedonia, những kẻ tùy tùng của Philip và Pausanias. Cùng với lực lượng này còn có bảy mươi chiến thuyền bơi dọc theo bờ biển. Tiến quân từng quãng ngắn, ngày thứ ba họ đến Gigonus, nơi họ hạ trại.

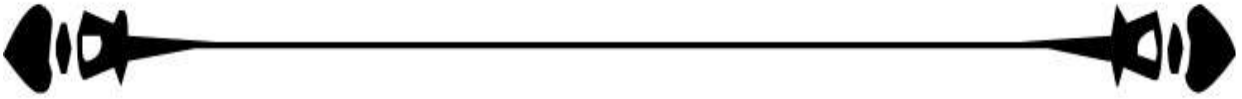
Trong lúc đó quân Potidaea và quân Peloponnese cùng với Aristeus lập quân doanh trên doi đất phía nhìn về Olynthus để đón đánh quân Athens, và đã lập khu chợ của họ bên ngoài thành. Các đồng minh bầu Aristeus làm tướng chỉ huy toàn thể bộ binh hạng nặng; trong khi đó việc chỉ huy quân kỵ được trao cho Perdiccas, ông này đã ngay lập tức rời bỏ liên minh với quân Athens và quay lại làm đồng minh với quân Potidaea sau khi cử Iolaus làm tướng của mình. Kế hoạch của Aristeus là để lực lượng của riêng ông trên eo đất này chờ cuộc tấn công của Athens; đồng thời cắt đặt quân Chalcis và các quân đồng minh ở bên ngoài eo đất và hai trăm quân kỵ của Perdiccas ở Olynthus để tấn công hậu quân của Athens nhằm lúc quân này tiến lên tấn công quân của ông; và như vậy sẽ đặt quân Athens vào thế lưỡng đầu thụ địch. Trong lúc ấy thì tướng quân của Athens là Callias và các vị đồng chỉ huy với ông ta đã cử quân kỵ Macedonia và một ít quân đồng minh đến Olynthus để phòng ngừa bất kỳ toán quân nào di chuyển từ vùng đó, còn quân Athens thì rời khỏi doanh trại của mình và tiến đánh Potidaea. Khi quân Athens đến chỗ eo đất, và thấy quân địch đang chuẩn bị chiến đấu, họ dàn trận trước quân địch, rồi lập tức giao chiến. Cánh quân của Aristeus, gồm quân Corinth và một số binh lính được lựa chọn khác chiến đấu bên cạnh ông, đã đánh tan tác cánh quân đối địch với họ và truy đuổi một quãng khá xa. Nhưng cánh quân còn lại của đạo quân này gồm quân Potidaea và quân Peloponnese đã bị quân Athens đánh bại và lẫn trốn trong các công sự. Khi quay về từ cuộc truy kích, Aristeus nhận thấy sự thất bại của cánh quân còn lại. Bối rối không biết nên lựa chọn cách nào trong hai cách mạo hiểm, hoặc chạy về Olynthus hoặc chạy về Potidaea, cuối cùng ông ta quyết định rút quân của mình về nơi càng gần càng tốt, và cướp đường chạy về Potidaea. Thật cam go, xuyên qua vòng tên, đá, mác, lao^[47] đang phóng ra như mưa bão, ông chạy dọc theo kè chắn sóng ra đến biển, và đã cứu được hầu hết quân của mình an toàn, dù cũng mất một ít quân. Trong thời gian ấy

quân tăng viện của Potidaea từ Olynthus, nơi cách đó khoảng bảy dặm^[48] đường và vẫn nằm trong tầm nhìn của Potidaea, đã tiến được một chặng ngắn trên đường đi cứu viện khi trận chiến vừa bắt đầu và các cờ hiệu được phát lên; còn quân kỵ Macedonia thì đã dàn trận đối diện với họ để cản đường. Nhưng khi chiến thắng mau chóng được tuyên bố là thuộc về Athens và các cờ hiệu bị hạ xuống, họ lại lui về bên trong thành lũy; và quân Macedonia quay trở về với quân Athens. Vì vậy quân kỵ của cả hai bên đều không hiện diện ở đó. Sau trận đánh này, quân Athens dựng đài chiến tích, và trao trả xác binh sĩ cho quân Potidaea theo thỏa thuận đình chiến tạm thời. Quân Potidaea và các quân đồng minh của họ tổn thất xấp xỉ ba trăm người; quân Athens thiệt hại một trăm năm mươi người gốc Athens và vị tướng Callias của họ.

Đằng trước thành lũy phía eo đất tức thì mọc lên những công sự, và quân Athens được bố trí vào đó. Đằng trước thành lũy phía Pallene thì không có công sự nào được dựng lên cả. Họ không tự tin có đủ lực để cùng lúc vừa giữ một đơn vị đồn trú ở eo đất vừa vượt sang Pallene và dựng lên những công sự ở đó; họ sợ rằng quân Potidaea và đồng minh của quân này có thể lợi dụng lúc họ chia quân ra để tấn công họ. Lúc bấy giờ người Athens ở hậu phương hay tin không có công sự nào tại Pallene bèn cử đến một ngàn sáu trăm bộ binh hạng nặng gốc Athens dưới quyền chỉ huy của Phormio^[49] con trai của Asopius. Đến Pallene, ông ta đặt tổng hành dinh tại Aphytis, và dẫn đạo quân của mình hành quân từng chặng một đánh Potidaea, quân đi đến đâu là tàn phá xứ sở này đến đó. Không ai dám mạo hiểm đối địch với ông ta trên chiến trường, ông ta đã dựng những công sự đối diện với thành lũy phía Pallene. Vậy là kết cục Potidaea bị vây chặt cả hai mặt, và từ phía biển những chiến thuyền cũng đang hợp lực vào cuộc phong tỏa. Khi thấy rằng cuộc vây hãm thành này đã hoàn bị và tuyệt vô hy vọng bảo vệ được nó, trừ phi phía Peloponnese có động thái quân sự nào đó hoặc xảy ra một sự bất ngờ nào đó nhưng chẳng lấy gì làm chắc, Aristeus đã khuyên tất cả ngoại trừ năm trăm người hãy chờ đến khi gió nổi và bơi thuyền ra khỏi nơi đó, cốt để lương thảo của họ có thể duy trì được lâu hơn. Ông tự nguyện là một trong những người ở lại. Không thể thuyết phục được họ, và nóng lòng bắt tay vào

hành động theo phương án khác ngay, và cũng để bố trí mọi việc bên ngoài thành một cách khả dĩ nhất, ông vượt qua được tuyến canh phòng của quân Athens và bơi thuyền ra khơi. Ở lại với dân Chalcis^[50], ông tiếp tục cuộc chiến; đặc biệt ông đã đặt mai phục gần thành của dân Sermylia^[51], và tiêu diệt nhiều quân của họ; ông cũng liên lạc với người Peloponnese và gắng xoay xở tìm cách hầu có thể đưa được cứu viện đến. Cùng trong thời gian này, sau khi việc phong tỏa Potidaea đã hoàn bị, Phormio tiếp tục đem một ngàn sáu trăm quân của ông ta tàn phá Chalcidice^[52] và Bottica^[53]: một số trấn ở các xứ này cũng đã bị ông ta chiếm cứ.

Chương III



ĐẠI HỘI LIÊN MINH PELOPONNESE^[1] TẠI LACEDAEMON

Phía Athens và phía Peloponnese có những căn nguyên để cáo buộc lẫn nhau như thế này: Corinth cáo buộc rằng thuộc địa Potidaea của mình cùng các công dân Corinth và Peloponnese ở đó đang bị vây hãm; Athens cáo buộc rằng người Peloponnese đã xúi giục một trấn của Athens – vừa là một thành viên trong liên minh của Athens vừa là một trấn đóng góp vào ngân khố của Athens – nổi loạn, và Corinth đã công khai đứng về phía dân Potidaea đánh lại mình. Dầu vậy, chiến tranh vẫn chưa nổ ra: vẫn còn đình chiến một thời gian ngắn nữa, vì đây chỉ là một động thái riêng về phần Corinth.

Nhưng tình trạng Potidaea bị bao vây đã đặt dấu chấm hết cho cảnh thụ động của xứ Corinth; có quân xứ này trong vùng bị vây hãm: thêm nữa, người Corinth lo lắng cho sự an nguy của Potidaea. Tức thì mời các đồng minh đến Lacedaemon, Corinth đến đó và lớn tiếng buộc tội Athens phá vỡ hiệp ước và xâm phạm đến các quyền lợi của Peloponnese. Cùng với Corinth là dân Aegina, dân này không cử đại diện một cách chính thức vì sợ Athens, nhưng đã ngầm chứng minh rằng họ không kém phần sốt sắng ủng hộ chiến tranh khi khẳng định rằng Aegina không có được sự độc lập mà hiệp ước đã đảm bảo cho xứ ấy. Sau khi mở rộng việc triệu tập đến bất kỳ thành viên nào trong khối đồng minh và cả các xứ dân khác có thể có những cáo buộc về sự xâm phạm của Athens, người Lacedaemon tổ chức hội nghị thường lệ của họ^[2], và mời bọn họ lên tiếng. Nhiều dân từ các xứ đã bước ra trước hội nghị để đưa ra những lời cáo buộc khác nhau; trong số ấy dân xứ Megara, giữa một danh mục dài những lời trách cứ, đã kêu gọi sự chú ý đặc biệt vào sự kiện dân này bị ngăn không cho vào các hải cảng và thương trường của đế chế Athens, đi ngược lại hòa ước. Đại diện Corinth bước lên cuối cùng, và sau khi đã để những người nói trước khích cho người Lacedaemon giận sôi lên, bấy giờ mới tiếp nối bằng một diễn từ như thế này:

“Hỡi người Lacedaemon! Lòng tự tin của các vị vào hiến pháp và trật tự xã hội của các vị, khiến các vị có khuynh hướng nghe bất kỳ lời chỉ trích nào của chúng tôi về những thế lực khác với đôi chút hoài nghi. Bởi đó mà sinh ra thái độ ôn hòa của các vị, nhưng cũng bởi đó mà các vị bộc lộ một kiến thức khá hạn chế khi bàn luận chính sự ở ngoại bang. Hết lần này đến lần khác chúng tôi đã lên tiếng để cảnh báo các vị về những cú đòn mà Athens sắp giáng xuống chúng tôi, và hết lần này lần khác, thay vì chịu khó xác minh giá trị của những thông tin từ phía chúng tôi, các vị lại tự bằng lòng với việc nghi ngờ rằng chúng tôi lên tiếng do lợi ích riêng tư thúc đẩy. Thế nên, thay vì triệu tập các đồng minh này họp lại cùng nhau trước khi cú đòn giáng xuống, thì các

vị lại trì hoãn việc đó cho tới khi chúng tôi tới bởi vì cú đòn đó; giữa những đồng minh ở đây, chúng tôi có tư cách chẳng kém gì họ để lên tiếng, bởi chúng tôi có những cáo buộc mạnh mẽ nhất để đưa ra, cáo buộc người Athens xúc phạm và người Lacedaemon lãnh đạm.

Giờ đây, nếu những cuộc tấn công vào các quyền lợi của Hy Lạp đã được thực hiện trong bóng tối, và các vị có lẽ vẫn chưa hay biết những sự thực đó, thì hẳn bốn phận của chúng tôi là khai sáng cho các vị. Thực tế là, chẳng cần nhiều lời ở nơi mà các vị thấy sự nô dịch đã xong xuôi trên vài xứ trong số chúng tôi, rồi được trù tính đến những xứ khác – đặc biệt là đến các đồng minh của chúng ta – và kéo dài thời gian cho kẻ xâm lược chuẩn bị trước giờ khai chiến. Nếu không phải thế thì xin các vị cho biết, việc người Athens thu nạp Corcyra bằng sự gian trá và đẩy nó ra chống lại chúng tôi bằng vũ lực có nghĩa gì? Việc vây hãm Potidaea là thế nào? – đó là những xứ mà một trong số ấy nằm ở vị trí thuận tiện nhất cho bất cứ hành động nào chống lại các trấn của Thrace; nơi còn lại thì có thể đóng góp một lực lượng hải quân lớn cho xứ Peloponnese?

Các vị phải chịu trách nhiệm về tất cả những việc ấy. Các vị chính là những người đầu tiên cho phép Athens củng cố thành trì của họ sau Chiến tranh Ba Tư, và sau đó dựng lên những bức tường thành – các vị là những người trước nay luôn luôn tước đoạt đi nền tự do không chỉ của những xứ đã bị phía Athens nô dịch, mà của cả những xứ vẫn là đồng minh của các vị. Vì kẻ thực sự nô dịch hóa một dân tộc không phải là kẻ trực tiếp làm việc đó, mà đúng hơn là cái thành bang có phương tiện để ngăn cản sự nô dịch hóa ấy nhưng lại cho phép nó; đặc biệt khi cái thành bang đó khao khát niềm vinh quang là người giải phóng của toàn Hy Lạp. Cuối cùng thì chúng ta cũng đã nhóm họp được. Để nhóm họp được đã chẳng dễ dàng gì, nhưng ngay cả lúc này cũng không dễ gì xác định được những mục tiêu của chúng ta. Chúng ta cần phải ngừng tra vấn về bản chất những sai lầm của chúng ta, để mà tìm hiểu phương thức phòng vệ cho chúng ta. Bởi những kẻ xâm lược với những kế hoạch chín muồi đem ra đối chọi với sự do dự của chúng

ta thì đã gạt lo sợ qua một bên và dẫn thân vào hành động rồi. Và chúng ta biết đâu là những đường lối mà cuộc xâm lăng của Athens sẽ noi theo, và tiến trình của nó nham hiểm thế nào. Athens có lẽ sẽ cảm thấy tự tin ở chừng mực nhất định khi nghĩ rằng tri giác thiếu nhạy bén của các vị sẽ ngăn không để các vị lưu ý đến chúng; nhưng sẽ chẳng có gì sánh được với sự thôi thúc mà Athens sẽ có được để dẫn tới khi biết rằng các vị nhìn thấy tình hình song chẳng buồn can thiệp. Các vị, hỡi người Lacedaemon, cả Hy Lạp này chỉ mình các vị tọa thủ bàng quan, và tự phòng vệ cho chính các vị không phải bằng cách có bất kỳ hành động gì mà bằng cách làm ra vẻ sẽ có hành động nào đó; chỉ duy có các vị mới chờ cho tới khi quyền lực của kẻ địch lớn gấp đôi tầm cỡ bản nguyên của nó thay vì nghiền nát nó khi nó còn trứng nước. Và tuy thiên hạ vẫn nói rằng các vị sẽ là nơi người ta nương tựa; nhưng trong tình cảnh này của các vị, chúng tôi e rằng các vị hữu danh vô thực. Quân Ba Tư, chính chúng tôi biết, đã có thời đi từ nơi cùng trời cuối đất đến Peloponnese, mà chẳng có một lực lượng nào của các vị xứng với danh tiếng của các vị tiến ra nghênh địch. Nhưng đó là một kẻ địch ở xa. Còn Athens bất kể thế nào cũng kè kè bên cạnh, thế nhưng Athens thì các vị hoàn toàn không thèm đếm xỉa đến; đối với Athens các vị thích hành động ở thế phòng ngự thay vì ở thế tấn công, và biến việc đó thành một trò may rủi bằng cách trì hoãn chiến đấu cho đến khi Athens lớn mạnh hơn rất nhiều so với lúc ban đầu. Lại nữa, các vị cũng biết rằng trong mọi trường hợp kẻ vô ý bị đắm thuyền đâu phải tại mỏm đá mà tại chính bản thân hấn, và rằng nếu kẻ địch hiện nay của chúng ta là Athens còn chưa hủy diệt chúng tôi hết lần này đến lần khác, thì chúng tôi mang nợ sự khinh suất của Athens hơn là sự che chở của các vị; thực ra, những trông đợi vào các vị trước đây đã hủy hoại vài ba dân tộc, mà lòng tin của bọn họ đã xui khiến bọn họ bỏ qua việc chuẩn bị.

Chúng tôi hy vọng sẽ không ai trong các vị lại coi những lời trách cứ này là những lời thù nghịch; người ta trách cứ bạn hữu khi bạn hữu lầm lỗi, còn những cáo buộc thì người ta dành cho kẻ địch đã gây thiệt hại cho mình. Hơn nữa, chúng tôi coi chúng tôi hoàn toàn có quyền như bất

cứ ai để chỉ ra lầm lỗi của một lân bang, đặc biệt khi chúng tôi nhìn vào sự đối lập gay gắt giữa hai tính cách dân tộc; sự đối lập đó, trong chừng mực mà chúng tôi thấy, các vị hầu như không nhận thấy, các vị chưa bao giờ cân nhắc xem các vị sẽ đương đầu với những kẻ địch loại nào ở phía Athens, những kẻ địch khác biệt một cách hoàn toàn và cực đoan đến thế với các vị. Người Athens say mê sự đối mới, và các mưu đồ của họ có đặc trưng là sự quyền biến trong dự định cũng như khi thực hiện; còn các vị thì lại được trời phú cho cái tính giữ chặt lấy những gì các vị đã đạt được, đồng thời hoàn toàn thiếu đi sự sáng tạo, và khi buộc phải hành động thì các vị lại không bao giờ tiến đủ xa. Lại nữa, người Athens có tính thích phiêu lưu mạo hiểm vượt quá khả năng bản thân, và táo bạo liều lĩnh vượt quá óc suy xét của mình, và họ lạc quan khi lâm vào cảnh hiểm nghèo; tính các vị thì ít nỗ lực hơn mức khả năng của các vị cho phép, hồ nghi ngay cả trong những việc mà óc phán đoán của các vị thừa nhận, và tưởng rằng trong nguy hiểm không hề có lối thoát. Hơn nữa, ở họ có một sự sốt sắng ngược lại với sự trì hoãn phía các vị; họ không bao giờ ru rú ở nhà, các vị không bao giờ rời quê xứ: vì họ hy vọng mở rộng những gì đã kiếm được bằng việc vắng mặt, các vị thì lại lo sợ việc bước chân ra đi sẽ gây nguy hiểm cho những gì các vị bỏ lại phía sau. Họ nhanh chóng tiếp tục sau thành công, và không vội thoái lui trước một nghịch cảnh. Họ không tiếc thân mình vì tổ quốc; họ hết sức dè sẻn trí tuệ của mình để còn cống hiến cho đất nước. Một kế hoạch không được thực hiện với họ là một mất mát đích thực, một nhiệm vụ thành công là một thất bại tương đối. Sự thiếu hụt bởi một nhiệm vụ thất bại nhanh chóng được bù đắp lại bằng những hy vọng mới; vì chỉ riêng họ có quyền gọi một thứ còn đang hy vọng là một thứ đã đạt được, với tốc độ hành động ngay khi vừa quyết định của họ. Vì vậy họ cặm cụi kéo cả chuỗi ngày trong cuộc đời mình qua khó khăn và nguy hiểm, với rất ít cơ hội để hưởng thụ, luôn luôn bận bịu kiếm được thêm: ý tưởng duy nhất về một kỳ nghỉ của họ là làm những gì mà dịp đó đòi hỏi, và đối với họ bận bịu một cách nhọc nhằn lại ít bất hạnh hơn sự yên bình của một cuộc sống trầm lặng. Để

miêu tả tính cách họ một cách vắn tắt, người ta có thể nói một cách chân xác rằng họ được sinh ra trên đời này không để chính họ được nghỉ ngơi cũng không để cho những người khác được nghỉ ngơi.

Athens, địch thủ của các vị, là thế đấy. Vậy mà, hồi người Lacedaemon, các vị vẫn trì hoãn, và không thấy rằng hòa bình sẽ ở lại dài lâu nhất với những người lo sao thể hiện quyết tâm không đầu hàng trước bất công của mình chứ không phải với những kẻ chỉ lo sử dụng quyền lực của mình sao cho đúng. Ngược lại, lý tưởng của các vị về quan hệ song phẳng lại dựa trên nguyên tắc mà, nếu các vị không làm tổn hại đến người khác, thì các vị sẽ chẳng cần đánh liều vận may của mình để ngăn chặn người khác làm tổn hại mình. Các vị ắt hẳn đã không thể thành công bằng chính sách này thậm chí là với một lân bang giống như mình; nhưng trong thời điểm hiện nay, như chúng tôi vừa chỉ ra, những thói quen của các vị là lạc hậu so với người Athens. Đó là quy luật, trong nghệ thuật thế nào thì trong chính trị cũng vậy, rằng những tiến bộ luôn thắng thế; và mặc dù những tập tục bất di bất dịch có thể là điều tốt nhất cho các cộng đồng dân cư yên bình, nhu cầu hành động liên tục chắc hẳn vẫn phải đi kèm với sự cải thiện liên tục về phương pháp. Vì vậy sự thật là kinh nghiệm dồi dào của người Athens đã đưa họ tiến xa hơn các vị trên con đường của sự đổi mới.

Ít ra là hãy chấm dứt sự trì hoãn của các vị từ đây. Trước mắt, hãy giúp đỡ những đồng minh của các vị và nhất là Potidaea, như các vị đã hứa, bằng cách lập tức xâm lược Attica, và đừng hy sinh bạn bè cùng thân tộc cho những kẻ thù tàn độc nhất của họ, và đẩy tất cả những dân còn lại trong số chúng tôi trong cơn tuyệt vọng phải liên minh với một nơi nào đó khác. Một bước đi như vậy sẽ không bị chỉ trích bởi các Thần đã chứng cho lời nguyện thệ của chúng ta, hoặc bởi những người đã chứng kiến những lời thề ấy. Việc vi phạm một hiệp ước không thể quy tội cho những dân bị ruồng bỏ buộc họ phải tìm kiếm các mối quan hệ mới, mà phải quy tội cho thế lực đã không hỗ trợ đồng minh của mình. Chỉ cần các vị hành động, chúng tôi sẽ đứng về phía các vị; sẽ là trái lẽ nếu chúng tôi thay đổi, và chúng ta sẽ chẳng bao giờ gặp được

những đồng minh tương đắc như thế này. Vì những lý do trên hãy chọn con đường đúng đắn, và cố gắng đừng để Peloponnese dưới quyền bá chủ của các vị dân mất đi uy danh mà nó có được dưới quyền bá chủ của tổ tiên của các vị.”

Lời lẽ của người Corinth là như thế. Thật tình cờ là các sứ giả của Athens lúc đó lại có mặt tại Lacedaemon vì công việc khác. Nghe được những lời trên, họ thấy cần phải đích thân phát biểu trước người Lacedaemon. Họ không định đưa ra bất kỳ lời bào chữa đối với bất cứ lời buộc tội nào mà các thành bang đưa ra chống lại Athens, mà nhằm trình bày trên một góc nhìn bao quát rằng vấn đề này đòi hỏi sự xem xét kỹ lưỡng hơn chứ không phải là vấn đề cần vội vàng quyết định. Họ cũng muốn lôi kéo cử tọa lưu ý đến thế lực hùng mạnh của Athens, và muốn khơi dậy ký ức của người già cũng như soi sáng cho sự thiếu hiểu biết của giới trẻ, bởi cho rằng những lời họ có thể dẫn dụ những dân này đến chỗ ưa sự yên bình hơn là chiến tranh. Vì thế họ đứng ra trước người Lacedaemon và nói rằng họ cũng mong muốn được phát biểu trước hội nghị này, nếu không ai phản đối. Người Lacedaemon trả lời bằng cách mời những người này lên phát biểu. Các sứ giả Athens tiến lên, và nói như sau:

“Mục tiêu sứ mệnh của chúng tôi ở đây không phải là để tranh cãi với các đồng minh của các vị, mà để tập trung vào những việc thành bang chúng tôi đã phái chúng tôi đi thực hiện. Tuy nhiên, những tiếng la ó ghê gớm phản đối chúng tôi buộc chúng tôi phải ra mặt. Đây không phải để đấu lại những cáo buộc của các thành bang (thực ra các vị không phải quan tòa để chúng tôi hay những dân kia có thể tranh tụng trước các vị), mà là để chúng tôi ngăn chặn việc các vị chọn con đường sai lầm bằng cách nhượng bộ dễ dàng đối với các vấn đề tối quan trọng trước sự thuyết phục của các đồng minh của các vị. Chúng tôi cũng muốn trình bày, trên cơ sở xem xét lại toàn bộ lời cáo buộc, rằng chúng tôi có danh vị đàng hoàng với những gì chúng tôi sở hữu, và xú sở

chúng tôi có các yêu cầu phải được xem xét. Chúng tôi không cân nhắc đến việc đòi xưa: ở điểm đó chúng tôi có thể gọi lên tiếng nói của truyền thống, nhưng không gọi lên được trải nghiệm của người nghe. Tuy nhiên chúng tôi phải nhắc đến Chiến tranh Ba Tư và lịch sử đương đại, dù rằng chúng tôi khá mệt mỗi khi phải liên tục đưa chủ đề này ra. Trong hoạt động chiến tranh đó chúng tôi đã phải mạo hiểm ghê gớm để đạt được một số lợi thế nhất định: các vị đã có phần của mình trong những thành quả bền vững đó, đừng cố cướp hết phần lợi mà vinh quang mang lại cho chúng tôi. Tuy vậy, câu chuyện sắp được kể ra không phải để phản đối sự thù địch mà đúng hơn là để làm chứng chống lại sự thù địch đó, và để cho thấy rằng, nếu các vị đại dốt đến nỗi tham gia vào một cuộc chiến tranh với Athens, thì Athens sẽ chứng tỏ mình là một địch thủ như thế nào. Chúng tôi khẳng định rằng tại trận Marathon chúng tôi đã ở tuyến đầu, và đơn thương độc mã đương đầu với quân man di. Rồi khi mà chúng quay lại tấn công lần thứ hai, không thể địch lại với chúng trên bộ nên hết thảy chúng tôi đã xuống thuyền, và cùng tham gia trận chiến tại Salamis. Trận này đã ngăn không cho quân man di chiếm lấy từng thành bang vùng Peloponnese và tàn phá các thành bang này bằng hạm đội của chúng; khi mà lực lượng tàu thuyền đông đảo của chúng lẽ ra đã khiến bất cứ sự liên kết phòng thủ nào cũng bất khả thi. Bằng chứng rõ ràng nhất cho sự kiện này do chính kẻ xâm lược bày ra. Bị đánh bại trên biển, chúng nghĩ rằng quyền lực của chúng không còn được như trước kia nữa, và vội vã hết mức rút lui với phần lớn đạo quân của chúng.

Kết quả của việc xảy ra hồi ấy là như thế, và điều đã được minh chứng rõ ràng là số phận của xứ Hy Lạp tùy thuộc vào hạm đội của nó. Vậy, chúng tôi đóng góp vào kết quả này ba yếu tố cực kỳ hữu ích, đó là: số lượng tàu thuyền nhiều nhất, vị tướng chỉ huy tài năng nhất và lòng yêu nước quả cảm nhất. Hải đội mà chúng tôi đóng góp có đến gần hai phần ba trên tổng số bốn trăm con thuyền; vị tướng chỉ huy là Themistocles, chính nhờ vào ông ấy mà cuộc chiến đã diễn ra tại các eo biển, là sự bảo vệ đáng ghi nhận đối với đại nghiệp của chúng ta. Quả

thực, đây chính là lý do các vị đón tiếp ông ấy với nghi lễ trọng thể chưa hề ban cho bất kỳ vị khách ngoại quốc nào khác. Trong khi đó về lòng yêu nước can trường thì chúng tôi không có đối thủ. Khi không được tiếp viện từ phía sau, nhìn thấy mọi thứ phía trước đã bị chinh phục, chúng tôi đã đủ can đảm rời bỏ kinh thành của mình, hy sinh điền sản của mình (thay vì bỏ mặc những xứ còn lại của liên minh hay tước bỏ quân đội chúng tôi khỏi họ bằng cách tự phân tán), để nhảy lên thuyền và đối mặt với nguy hiểm, mà không màng oán giận rằng các vị đã thờ ơ không giúp đỡ chúng tôi. Vì thế, chúng tôi khẳng định rằng chúng tôi đã ban cho các vị cũng nhiều như những gì chúng tôi nhận được. Bởi chừng các vị vẫn có một quyền lợi để chiến đấu vì nó; những kinh thành các vị bỏ lại vẫn còn đây nhà cửa của các vị, và các vị còn có hy vọng lại được yên hưởng nhà cửa ấy; và các vị đến giúp là do bị thôi thúc vì nỗi lo lắng cho chính mình chẳng khác gì nỗi lo lắng cho chúng tôi; dù sao đi nữa, các vị đã chẳng hề xuất hiện tận đến khi chúng tôi không còn gì để mất. Nhưng chúng tôi thì đã bỏ lại sau lưng một kinh thành không còn là kinh thành, và liều mạng vì một thành bang chỉ còn tồn tại trong niềm hy vọng cạn kiệt, và góp hết sức mình trong việc cứu giúp các vị và chính chúng tôi. Nhưng nếu chúng tôi mà học đòi những kẻ khác, và để nỗi lo lắng về lãnh thổ của mình khiến mình bỏ cuộc mà chịu gia nhập với quân Ba Tư trước khi các vị đến, hay nếu chúng tôi chịu để cảnh bị tàn phá của mình bẻ gãy tinh thần mình và ngăn cản mình xuống thuyền, thì tình trạng thua kém về hải quân của các vị đã có thể biến trận hải chiến đó thành không cần thiết, và kẻ địch đã có thể đạt được mục tiêu một cách êm thấm.

Hỡi người Lacedaemon, chắc chắn chẳng phải do lòng yêu nước mà chúng tôi thể hiện trong cơn khủng hoảng, hay bởi sự khôn ngoan của các cố vấn của chúng tôi, mà chúng tôi đáng bị dân Hy Lạp cực kỳ ghét bỏ, ít nhất cũng không đáng bị ghét bỏ vì đế chế của chúng tôi. Đế chế đó chúng tôi đã lập nên không nhờ vào bất cứ biện pháp bạo lực nào, mà bởi các vị đã không sẵn lòng theo đuổi đến cùng cuộc chiến đấu chống lại quân man di, và bởi vì các xứ đồng minh đã sát cánh cùng

chúng tôi và tự nguyện đề nghị chúng tôi nắm quyền chỉ huy. Và tính chất hoàn cảnh ấy buộc chúng tôi trước hết phải đẩy đế chế của mình lên tầm cao hiện thời; sợ hãi là động lực chính của chúng tôi, mặc dù sau đó danh dự và lợi ích cũng góp phần. Và cuối cùng, khi mà hầu như tất cả đều căm ghét chúng tôi, khi mà một vài xứ đã nổi loạn và bị trấn áp, khi các vị đã thôi không còn là những người bạn như trước nữa, và đã trở nên nghi ngờ và ghét bỏ, thì việc từ bỏ đế chế đối với chúng tôi xem ra đã không còn an toàn nữa; đặc biệt khi mà tất cả những ai rời bỏ chúng tôi sẽ đi theo các vị. Và không ai có thể phàn nàn dân một xứ vì, trước một mối nguy khủng khiếp, đã chuẩn bị một cách tốt nhất có thể cho lợi ích của chính mình.

Này người Lacedaemon, dù sao chẳng nữa thì các vị cũng đã sử dụng uy quyền bá chủ của mình để xếp đặt các thành bang ở Peloponnese sao cho thuận ý các vị. Và nếu trong cái thời kỳ chúng tôi đang nói tới mà các vị cứ kiên định đến tận cùng, và đã mua thù chuốc oán trong việc đứng ra chỉ huy, thì chúng tôi chắc chắn rằng các vị cũng đã biến mình thành kẻ gây khó chịu cho các đồng minh chẳng khác gì chúng tôi, và cũng đã buộc phải chọn giữa một nền cai trị mạnh tay hoặc sự nguy hiểm cho chính bản thân mình. Do vậy mà đó chẳng phải một hành động rất đáng ngạc nhiên, hoặc trái ngược với thông lệ của nhân loại, nếu chúng tôi đã chấp nhận một đế chế được dâng đến cho chúng tôi, và cự tuyệt việc từ bỏ nó dưới áp lực của ba động cơ mạnh mẽ nhất: lo sợ, danh dự và lợi ích. Và chúng tôi không phải là kẻ đi đầu làm gương, bởi đã luôn tồn tại quy luật kẻ yếu hơn phải thần phục kẻ mạnh hơn. Hơn nữa, chúng tôi tự tin rằng chúng tôi xứng đáng với vị trí của mình, và các vị cũng đã cho rằng chúng tôi xứng đáng như thế cho đến lúc này, khi những tính toán về lợi ích đã khiến các vị bắt đầu rêu rao vì công lý – một lý do mà chưa từng một ai đưa ra để ngăn cản tham vọng của mình khi có cơ hội đạt được bất kỳ thứ gì bằng sức mạnh. Và phải dành lời ca tụng cho tất cả những ai, dù không vượt hẳn lên trên bản chất con người để từ chối việc thống trị, nhưng vẫn tôn trọng công lý hơn là cái vị thế của họ buộc họ phải làm.

Chúng tôi thiết tưởng sự ôn hòa của chúng tôi sẽ được minh chứng rõ nhất thông qua cách cư xử của những kẻ nếu được đặt vào vị thế của chúng tôi; nhưng ngay cả sự công chính của chúng tôi cũng khiến chúng tôi bị lên án một cách vô lý thay vì được tán thưởng. Việc chúng tôi giảm bớt quyền của mình trong các phiên xét xử về hiệp ước với các đồng minh, và việc chúng tôi khiến họ đứng trước sự phán xét công bằng của luật pháp tại Athens, đã mang lại cho chúng tôi cái tiếng là những kẻ thích kiện tụng. Và không ai thêm quan tâm tìm hiểu tại sao sự chỉ trích như thế không được đưa ra chống lại các đế chế khác, những kẻ đối xử với thần dân của họ kém ôn hòa hơn chúng tôi; bí quyết là ở chỗ nơi nào có thể sử dụng sức mạnh, nơi đó không cần pháp luật. Nhưng xứ lệ thuộc của chúng tôi đã quen giao thiệp với chúng tôi như những kẻ ngang hàng đến nỗi bất kể sự thua thiệt nào mâu thuẫn với khái niệm về công lý của họ, dù nó xuất phát từ một phán quyết pháp lý hay từ quyền lực mà đế chế của chúng tôi cho chúng tôi, cũng khiến họ quên cả biết ơn vì đã được phép giữ lại phần lớn tài sản của mình, mà lại phật ý về phần bị lấy đi còn hơn cả là nếu ngay từ đầu chúng tôi đã gạt pháp luật sang một bên và công khai thỏa mãn lòng tham của mình. Nếu chúng tôi đã làm như thế, thậm chí họ đã chẳng thể tranh cãi chuyện kẻ yếu phải nhường bước người mạnh hơn. Sự căm phẫn của con người dường như bị kích thích bởi sai trái pháp lý nhiều hơn là sai trái bạo lực, sai trái pháp lý giống như bị một kẻ ngang hàng lừa gạt, còn sai trái bạo lực lại giống như bị kẻ bề trên bắt buộc. Dù thế nào thì họ cũng xoay sở chịu đựng được sự đối xử của quân Ba Tư còn tồi tệ hơn sự đối xử này nhiều, thế mà họ vẫn nghĩ rằng luật của chúng tôi là hà khắc, và điều đó chẳng có gì là lạ, vì cái hiện hữu trước mắt luôn luôn đè nặng lên những kẻ bị chinh phục. Ít nhất thì điều này là chắc chắn. Nếu các vị thành công trong việc lật đổ chúng tôi và chiếm được chỗ của chúng tôi, các vị sẽ nhanh chóng mất đi lòng tin yêu mà nỗi khiếp sợ chúng tôi đã đem lại cho các vị; cũng vậy nếu chính sách ngày nay của các vị có chút gì trùng hợp với cái chính sách khôn mầu mà các vị đã đưa ra trong khoảng thời gian ngăn ngui các vị

lãnh đạo cuộc chiến chống quân Ba Tư. Không chỉ đời sống riêng ở quê xứ các vị chịu sự điều chỉnh của các luật lệ và các thể chế không phù hợp với luật lệ và thể chế của các xứ khác, mà công dân của các vị ở ngoại bang cũng hành xử không dựa trên những luật lệ ấy cũng chẳng dựa trên những luật lệ đã được các bang còn lại của Hy Lạp công nhận.

Vậy thì hãy dành thêm thời gian để tìm ra cách giải quyết của mình, bởi vì vấn đề này là vô cùng quan trọng; và đừng bị thuyết phục bởi những ý kiến và lời phàn nàn của những kẻ khác để chuốc lấy rắc rối cho chính mình, mà hãy cân nhắc đến ảnh hưởng cực kỳ to lớn của tai họa trong chiến tranh trước khi các vị tham gia vào đó. Khi chiến tranh kéo dài, nó thường trở thành một trò may rủi, những may rủi mà không ai trong chúng ta được miễn, và kết quả của nó là ta phải mạo hiểm trong bóng tối. Một sai lầm phổ biến là khi bước vào chiến tranh mà bắt đầu từ mục đích sai lầm, cứ lâm trận trước đã, và chờ tai họa đến rồi mới đem vấn đề ra bàn. Nhưng chúng tôi thì tuyệt nhiên chưa sai lầm đến mức ấy, và theo chỗ chúng tôi nhận thấy thì cả các vị cũng vậy; do đó, trong khi vẫn còn có cơ hội cho cả hai phía chúng ta để lựa chọn đúng, chúng tôi yêu cầu các vị không hủy bỏ hòa ước, hay vi phạm những lời thề của các vị, mà giải quyết các mối bất đồng của chúng ta bằng cách đưa ra trọng tài phần xử theo thỏa thuận của chúng ta. Bằng không chúng tôi xin lấy các thần linh đã nghe những lời thề của chúng ta làm chứng, và nếu các vị bắt đầu hành động thù địch, dù các vị lựa chọn bất cứ phương hướng hành động nào, chúng tôi sẽ cố gắng không chậm trễ đẩy lùi các vị.”

Lời lẽ của người Athens là như vậy. Người Lacedaemon sau khi đã nghe những khiếu nại của các đồng minh chống lại người Athens, và những lời biện giải của người Athens, bèn lui cả vào, thương nghị về vấn đề đang đặt ra trước họ. Đa số ý kiến đều đưa đến cùng một kết luận: người Athens đã gây hấn một cách công khai, và phải tuyên chiến ngay lập tức. Nhưng

Archidamus^[3], vua của người Lacedaemon, có tiếng là vị vua vừa sáng suốt vừa ôn hòa, đã bước lên và phát biểu như sau:

“Hỡi dân chúng Lacedaemon, ta sống chưa đủ lâu để trải qua nhiều cuộc chiến tranh, và ta thấy trong số các người có những người cùng độ tuổi với ta, những người sẽ không rơi vào sự bất hạnh tầm thường của việc khao khát chiến tranh vì thiếu kinh nghiệm hay vì tin vào những lợi ích và sự an toàn của nó. Cuộc chiến này, mà các người đang tranh luận đó, sẽ là một trong những cuộc chiến có tầm quan trọng bậc nhất, nếu tinh táo xem xét vấn đề. Trong một cuộc tranh đấu giữa người Peloponnese và các lân bang thì lực lượng của chúng ta và họ có cùng đặc tính, và lực lượng đó có khả năng di chuyển linh hoạt trên nhiều mũi khác nhau. Nhưng một cuộc tranh đấu với một tộc dân sống ở vùng đất xa xôi, lại cực kỳ quen thuộc với biển, và đang trong trạng thái chuẩn bị cao nhất trên mọi lĩnh vực khác; với tư nhân và cộng đồng đều thịnh vượng, với chiến thuyền và chiến mã, với bộ binh hạng nặng và dân số mà không nơi nào ở Hy Lạp sánh bằng, và cuối cùng là một số khá đông những xứ đồng minh phải cống nạp – điều gì có thể biện hộ cho việc chúng ta hấp tấp bắt đầu một cuộc chiến như thế? Niềm tin của chúng ta đặt vào đâu mà lại phải vội vàng làm việc này khi chưa chuẩn bị? Có phải là ở những chiến thuyền của chúng ta? Về điểm này chúng ta còn thua kém; trong khi nếu chúng ta rèn luyện để thành đối thủ của họ, ta phải mất thời gian. Có phải là ở tiền bạc của chúng ta? Về điểm này chúng ta còn thua kém hơn nhiều. Chúng ta không có tiền trong kho, mà cũng không sẵn sàng đóng góp từ các quỹ riêng của chúng ta. Chúng ta có thể tự tin với ưu thế về bộ binh hạng nặng và dân số của chúng ta, điều sẽ cho phép chúng ta xâm chiếm và tàn phá đất đai của họ. Nhưng người Athens có nhiều vùng đất đai khác trong đế chế của họ, và có thể nhập khẩu những gì họ cần bằng đường biển. Lại nữa, nếu chúng ta định thử phát động một cuộc nổi loạn từ các xứ liên minh với họ, những xứ này sẽ phải được hậu thuẫn bằng một hạm đội,

do hầu hết trong số đó là dân các hải đảo. Lúc ấy thì cuộc chiến của chúng ta sẽ ra thế nào? Bởi vì trừ khi ta hoặc đánh bại được họ trên biển, hoặc tước đi được nguồn lợi dùng để nuôi hải quân của họ, ta sẽ chỉ gặp thảm họa mà thôi. Trong khi đó danh dự sẽ buộc chúng ta phải tiếp tục, đặc biệt nếu có ý kiến rằng chính chúng ta khởi đầu cuộc chiến tranh đó. Vì thế hãy đừng bao giờ phẫn khởi với niềm hy vọng chết người rằng cuộc chiến sẽ kết thúc nhanh chóng bằng việc phá hoại đất đai của họ. Ta còn sợ rằng chúng ta sẽ để lại cuộc chiến này như một di sản cho con em chúng ta; chẳng lấy gì làm chắc rằng tinh thần người Athens sẽ chịu nô lệ vào đất đai của họ hay kinh nghiệm của người Athens sẽ chịu để chiến tranh dọ nát cả.

Không phải ta sẽ bảo các người phải nhắm tâm đến mức để mặc những kẻ kia làm hại các đồng minh của các người, và cố nín nhịn mà không vạch trần mưu đồ của chúng; nhưng ta đề nghị các người đừng cầm vũ khí ngay lúc này, mà hãy phái người đến và lên tiếng và phản đối họ bằng một giọng không quá hiếu chiến, cũng không quá quy phục, và hãy dùng khoảng thời gian tạm ngừng ấy để hoàn thiện công cuộc chuẩn bị của chúng ta. Các bước đi sẽ là, đầu tiên, phải tranh thủ các đồng minh, không phân biệt là dân Hy Lạp hay dân man di, miễn họ là phần bổ sung vào cho sức mạnh hải quân hay tài chính của chúng ta – ta nói dân Hy Lạp hay dân man di, bởi việc dè bĩu một phần bổ sung như vậy cho tất cả những dân, mà giống như chúng ta họ là các mục tiêu vạch sẵn của người Athens, nay đã không còn nữa bởi quy luật tự bảo tồn – và thứ nữa là phải phát triển các nguồn lực của xứ sở chúng ta. Nếu Athens lắng nghe sứ giả của chúng ta, thì quá tốt; mà nếu không, sau khoảng thời gian hai hoặc ba năm vị thế của chúng ta sẽ mạnh mẽ hơn đáng kể, và lúc đó chúng ta có thể tấn công họ nếu thấy thích hợp. Có lẽ đến lúc đó cảnh tượng chuẩn bị của chúng ta, được hậu thuẫn bằng lời nói cũng quan trọng không kém, sẽ khiến họ phải phục tùng, trong khi đất đai của họ vẫn chưa bị động đến, và trong khi các cố vấn của họ có thể hướng về việc giữ lấy những ưu thế khi vẫn còn nguyên vẹn. Vì rằng cách duy nhất mà các người có thể nhìn nhận về

đất đai của họ là đất đai ấy như con tin trong tay chúng ta, một con tin càng được canh tác tốt thì càng đáng giá. Thứ con tin này các người phải để dành càng lâu càng tốt, và đừng khiến họ phải liều mạng, như vậy sẽ càng khó khăn hơn trong việc đối phó với họ. Vì nếu trong khi còn chưa chuẩn bị, lại vội vã xuất chinh do những lời phàn nàn từ các đồng minh của chúng ta, chúng ta sẽ bị xui khiến phải tàn phá đất đai đó, hãy nhớ rằng chúng ta sẽ không được mang nỗi ô nhục sâu sắc và rắc rối trầm trọng về cho Peloponnese. Những cáo buộc, dù là của các cộng đồng hay cá nhân, đều có thể khu xử được; nhưng chiến tranh do một liên minh tiến hành vì các lợi ích cục bộ, mà tiến trình của nó không có cách nào đoán trước được, sẽ không dễ dàng cho phép hòa giải một cách danh dự.

Và đừng ai cho là hèn nhát khi một khối đồng minh đông đảo như thế lại ngập ngừng do dự trước việc tấn công một thành bang đơn lẻ. Người Athens cũng có nhiều xứ liên minh như chúng ta, và những xứ liên minh đó phải cống nạp, mà trong chiến tranh vấn đề tiền bạc quan trọng hơn nhiều so với vũ khí, vì tiền bạc làm cho vũ khí hữu dụng. Và hơn bao giờ hết, đây là sự thật trong một cuộc chiến giữa một thế lực lục địa với một thế lực trên biển. Vậy, trước tiên, chúng ta hãy lo liệu tiền bạc, và đừng cho phép mình bị cuốn theo lời lẽ của các đồng minh trước khi chúng ta lo liệu xong: vì chúng ta sẽ chia sẻ phần trách nhiệm lớn nhất về các hệ quả dù tốt hay xấu, nên chúng ta cũng được quyền bình tĩnh tìm hiểu về chúng.

Và sự chậm rãi và trì hoãn, phần tính cách của chúng ta bị đả kích nhiều nhất trong những lời chỉ trích của họ, không thể khiến các người phải đỏ mặt. Nếu chúng ta tiến hành chiến tranh mà không chuẩn bị, chúng ta sẽ vội vã bắt đầu chiến tranh chỉ để trì hoãn kết thúc nó: hơn nữa, tự cổ chí kim thành bang của chúng ta vẫn là một thành bang tự do và danh tiếng. Cái phẩm chất bị họ lên án thực ra chẳng là gì khác ngoài một sự chùng mực khôn ngoan; nhờ có phẩm chất ấy, chỉ riêng có chúng ta là không trở nên vênh vang khi thành công và ít nhượng bộ hơn những dân khác khi thất bại; chúng ta không để những lời tung hô

lọt tai cuốn mình vào những rủi ro mà óc suy xét của chúng ta phản đối; cho dù có bị khiêu khích cũng không để mình bị thuyết phục bởi cái cách họ cố gắng khích bác chúng ta bằng những lời buộc tội. Chúng ta vừa thiện chiến vừa khôn ngoan, và chính là ý thức về trật tự đã làm nên chúng ta như vậy. Chúng ta thiện chiến, bởi vì sự tự chủ lấy danh dự làm trọng tâm, và tôn vinh lòng dũng cảm. Và chúng ta khôn ngoan, bởi vì chúng ta được dạy dỗ với quá ít những điều coi thường luật pháp, và với tính tự chủ quá khắt khe để không thể không tuân thủ luật, và chúng ta được nuôi dạy để không biết quá nhiều những vấn đề vô ích – ví như sự hiểu biết để đưa ra lời chỉ trích sáo rỗng về một kế hoạch của kẻ địch trên lý thuyết, nhưng lại không thành công như thế khi tấn công chúng trên thực tiễn – mà chúng ta được dạy để coi mưu đồ của kẻ địch không khác gì của chính chúng ta, và sự thay đổi khôn lường của cơ hội không thể được xác định bằng tính toán. Trên thực tiễn chúng ta luôn chuẩn bị chống lại địch dựa trên giả định kế hoạch của đối phương là hoàn bị; quả thực, đó là một việc làm đúng khi không đặt niềm tin vào những sai lầm ngớ ngẩn của kẻ địch, mà đặt vào tính đúng đắn trong sự chuẩn bị của chúng ta. Chúng ta cũng không nên tin rằng có quá nhiều khác biệt giữa con người với con người, mà nên nghĩ rằng sự vượt trội thuộc về kẻ được nuôi dạy trong trường đời khắc nghiệt nhất. Vậy thì, những thực tiễn mà tổ tiên chúng ta đã truyền lại cho chúng ta này, và bởi tuân giữ những thực tiễn ấy mà chúng ta luôn được ích lợi, không thể bị bỏ mất. Và chỉ trong có một ngày ngắn ngủi thì chúng ta không được vội vã quyết định một vấn đề liên quan đến nhiều sinh mạng và nhiều tài sản và nhiều thành bang, và can hệ sâu xa đến danh dự – mà chúng ta phải quyết định một cách từ tốn. Sức mạnh của chúng ta đặc cách cho chúng ta làm thế. Còn với người Athens, hãy phái sứ giả đến chỗ họ về vấn đề Potidaea, về cả những việc làm sai trái mà các đồng minh cáo buộc, đặc biệt là khi Athens sẵn sàng đáp ứng về mặt pháp lý; và việc tiến hành chiến tranh chống lại một kẻ yêu cầu được trọng tài phân xử mà cũng giống như chống một kẻ thủ ác, thì pháp luật cấm. Trong khi đó đừng bỏ qua việc chuẩn bị cho chiến tranh. Quyết

định này sẽ là tốt nhất cho các người, và khủng khiếp nhất cho kẻ thù của các người.”

Đó là những lời của Archidamus. Cuối cùng Sthenelaidas, một trong các đại pháp quan^[4] của năm đó, tiến lên và nói với người Lacedaemon như sau:

“Tôi sẽ không làm ra vẻ là mình hiểu cái diễn từ dài dòng của người Athens. Họ nói rất nhiều điều để tự ca ngợi mình, nhưng không hề chối cãi rằng họ đang xâm hại các xứ đồng minh của chúng ta và Peloponnese. Và nếu như họ đã cư xử tốt đẹp trong cuộc chiến chống quân Ba Tư trước đó, nhưng lại tồi tệ với chúng ta bây giờ, họ đáng bị trừng phạt gấp đôi vì đã thôi làm người tốt và biến thành kẻ xấu. Chúng ta trong khi đó vẫn trước sao nay vậy, và nếu khôn ngoan chúng ta sẽ không bỏ qua việc những đồng minh của mình bị xâm hại, hay tạm gác đến mai nhiệm vụ hỗ trợ những xứ hôm nay đang phải chịu đau khổ. Những kẻ khác có nhiều tiền bạc và tàu thuyền và chiến mã, nhưng chúng ta có những đồng minh tốt mà chúng ta không thể nhường lại cho Athens, cũng không quyết định vấn đề này bằng kiện cáo và lời lẽ, bởi lời lẽ chỉ làm chúng ta bị tổn hại, mà phải mang đến cho họ sự hỗ trợ mạnh mẽ và ngay lập tức. Và đừng để họ bảo rằng chúng ta phải tính toán cân nhắc trong cảnh bất công; việc tính toán cân nhắc lâu chỉ phù hợp với những kẻ định gây ra sự bất công. Do đó, hỡi dân chúng Lacedaemon, hãy biểu quyết tán thành chiến tranh, vì danh dự của Sparta đòi hỏi, và không cho phép để Athens bành trướng thêm nữa, cũng như phụ bạc các đồng minh của chúng ta để mặc họ bị hủy diệt, mà với thần linh ở bên, chúng ta hãy tiến lên chống lại bọn xâm lược.”

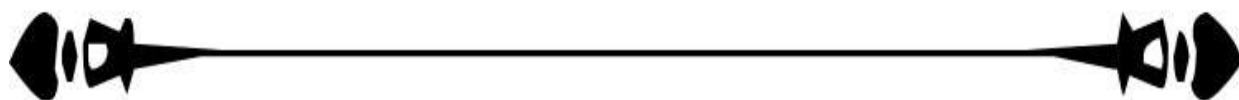
Bằng những lời đó, ông ta, với tư cách đại pháp quan, đích thân đặt vấn đề ra trước hội nghị công dân Lacedaemon^[5]. Ông ta nói ông ta không thể xác định được điều nào sẽ được tung hô nhiều nhất (họ quyết định bằng cách tung hô chứ không phải bằng bỏ phiếu); thật ra ông ta muốn khiến họ tuyên

bổ ý kiến của họ một cách công khai và nhờ vậy nâng cao tinh thần quyết chiến của họ. Vì vậy ông ta nói: “Tất cả những người Lacedaemon cho rằng hòa ước đã bị phá vỡ, và rằng người Athens có tội, hãy rời khỏi chỗ của mình và đứng sang bên này,” vừa nói ông ta vừa chỉ vào một vị trí; “tất cả những người có quan điểm trái lại, hãy đứng sang bên kia”. Theo lời ông ta, mọi người liền đứng dậy và phân thành hai nhóm; và những người cho rằng hòa ước đã bị phá vỡ chiếm đa số.

Triệu tập các đồng minh lại, họ nói với các đồng minh rằng ý kiến của họ là người Athens đã phạm tội bất công, nhưng họ muốn triệu tập tất cả các đồng minh và đưa vấn đề ra biểu quyết; cốt để họ có thể tiến hành chiến tranh, nếu các đồng minh quyết định như thế, theo một nghị quyết chung. Vì vậy khi đã đạt được mục đích của mình, các đoàn đại biểu lập tức hồi hương; các sứ giả Athens ra về muộn hơn chút ít, khi đã hoàn thành các sứ mệnh của họ. Quyết định này của hội nghị liên minh, khi xét rằng hòa ước đã bị phá vỡ, đã được đưa ra vào năm thứ mười bốn của hòa ước ba mươi năm, là bản hòa ước được ký kết sau trận đụng độ Euboea.

Người Lacedaemon đã biểu quyết tán thành rằng hòa ước đó đã bị phá vỡ, và rằng phải tuyên chiến, do họ bị thuyết phục bởi lập luận của các đồng minh thì ít mà do họ lo sợ rằng quyền lực của Athens ngày càng lớn mạnh thì nhiều, khi họ chứng kiến hầu hết các xứ Hy Lạp sẵn sàng thần phục Athens.

Chương IV



TỪ CUỐI CUỘC CHIẾN TRANH BA TƯ ĐẾN ĐẦU CUỘC CHIẾN TRANH PELOPONNESE – TIẾN TRÌNH TỪ BÁ QUYỀN ĐẾN ĐẾ CHẾ

Con đường dẫn Athens đến chỗ nó được đặt vào bối cảnh mà trong đó quyền lực của nó lớn mạnh lên là thế này: Sau khi quân Ba Tư bị quân Hy Lạp đánh bại cả trên biển lẫn trên bộ đã từ châu Âu trở về, và sau khi những tên trong số chúng chạy trốn trên những con thuyền tới Mycale^[1] cũng đã bị tiêu diệt, thì Leotychides^[2] vua của người Lacedaemon, chỉ huy quân Hy Lạp tại Mycale, cùng với các đồng minh cũng rời Peloponnese trở về quê xứ. Nhưng quân Athens và các đồng minh từ Ionia và Hellespont^[3], những xứ mà lúc này đã nổi loạn chống lại Nhà vua^[4], thì ở lại và vây hãm Sestos^[5], nơi

vẫn đang bị quân Ba Tư chiếm giữ. Sau khi đóng quân trước trấn này qua mùa đông, họ đã chiếm được nó khi quân man di rút đi; và sau việc đó họ lên thuyền rời Hellespont ai về xứ nấy. Trong lúc đó thì người Athens, sau khi quân man di rời khỏi đất họ, đã lập tức bắt tay vào việc chuyển vợ con cùng tài sản mà họ đã bỏ lại trước chiến tranh ra khỏi nơi họ gửi gắm, và chuẩn bị tái kiến thiết kinh thành và các thành lũy của họ. Bởi chỉ một số đoạn thành lũy bao quanh là còn trụ được, còn hầu hết nhà cửa đã bị phá hủy, mặc dù vẫn còn lại vài ba tòa nhà mà các tướng lĩnh của Ba Tư đã chiếm đóng tại đó.

Biết được họ sắp sửa làm gì, người Lacedaemon phái một sứ bộ sang Athens. Họ không muốn thấy Athens hay bất kỳ thành nào khác có thành lũy phòng vệ; cho dù ở điểm này họ hành động chủ yếu do sự xúi bẩy của các đồng minh của mình, những kẻ đang lo ngại về sức mạnh của lực lượng hải quân mà Athens mới có được và lòng dũng cảm mà người Athens thể hiện trong cuộc chiến với quân Ba Tư. Họ khẩn nài Athens không chỉ đừng xây dựng thành lũy cho mình, mà còn nên hợp lực với họ trong việc phá bỏ các thành lũy vẫn còn nguyên vẹn liên lạc của các thành ngoại vi Peloponnese. Ý nghĩa thực sự trong lời khuyên của họ, hàm chứa sự hoài nghi đối với Athens, không được tuyên bố ra; nó chỉ thuyết phục rằng nếu quân man di nọ có xâm lăng lần thứ ba, sẽ chẳng có nơi nào kiên cố như nơi chúng hiện có ở Thebes để làm căn cứ tác chiến, và rằng Peloponnese sẽ đủ để đáp ứng cho tất cả các xứ như một căn cứ vừa để rút lui về vừa để tấn công. Sau khi các sứ giả của Lacedaemon nói vậy, họ lập tức bị Athens trục khách theo lời khuyên của Themistocles, với câu trả lời rằng các sứ giả sẽ được phái đến Sparta để thảo luận về vấn đề này. Themistocles bảo người Athens hãy cử ông ta đến Lacedaemon càng sớm càng tốt, nhưng đừng có cử các đồng sự của ông ta đi ngay sau khi họ chọn lựa những người này, mà hãy đợi cho đến khi họ dựng được thành lũy của họ cao đến mức có thể phòng thủ được. Trong thời gian đó toàn dân trong thành, người Athens và vợ con họ, phải dốc sức mà xây thành lũy, không chừa lại một dinh thự nào, dù là công thự hay tư dinh mà có thể sử dụng vào bất kỳ việc gì cho công trình này đều phải phá dỡ xuống hết. Sau khi ra những chỉ thị như vậy, và nói thêm rằng

mình sẽ chịu trách nhiệm về tất cả mọi việc ở Sparta, ông lên đường. Tới Lacedaemon, ông không tìm cách yết kiến những người cầm quyền ở đó, mà cố gắng tranh thủ thêm thời gian và viện ra đủ cớ. Khi bất kỳ một ai đó trong những người cầm quyền ở đây hỏi tại sao ông không ra mắt trước hội nghị công dân, thì ông trả lời rằng ông đang đợi các đồng sự của mình, những người đang bị giữ chân ở Athens vì vương bận gì đó; song ông mong họ đến mau, và bản khoản tự hỏi vì sao họ vẫn còn chưa đến được đó. Thoạt đầu, người Lacedaemon tin những lời Themistocles nói vì tình cảm bạn bè giữa họ với ông, nhưng khi những người khác tới, tuyên bố rõ ràng rằng công trình phòng thủ đó vẫn đang tiếp tục được xây dựng và đã đạt đến một chiều cao nhất định, thì họ không biết làm sao để đừng tin điều đó. Khi biết vậy, ông bảo họ rằng những tin đồn kia là thất thiệt và không đáng tin cậy, rằng họ nên phái một số người có uy tín từ sparta đến để tra xét xem thông tin của ai đáng tin hơn. Theo lời ông, họ đã phái người đi. Về phần những người này, Themistocles đã bí mật chuyển lời cho người Athens cầm chân họ càng xa càng tốt mà không đặt họ vào tình thế bị câu thúc công khai, và không để họ ra đi chừng nào mà sứ bộ của Athens chưa trở về. Bởi các đồng sự của ông, Abronichus con trai của Lysicles và Aristides con trai của Lysimachus, lúc này đã đến gặp ông và báo tin rằng bức thành lũy đã được xây đủ cao; và ông sợ rằng nếu người Lacedaemon nghe biết sự thật này thì họ có thể từ chối không cho đoàn của ông rời khỏi đó. Vì thế người Athens đã giữ chân sứ bộ Sparta theo tin nhắn của ông, và Themistocles đã diện kiến người Lacedaemon, và rốt cục cũng nói thẳng với họ rằng hiện giờ Athens đã củng cố phòng thủ đủ vững chắc để bảo vệ cư dân của mình; và rằng bất kỳ sứ bộ nào mà về sau này Lacedaemon hoặc các đồng minh của nó muốn phái sang Athens nên khởi hành với giả định rằng cái dân mà họ đang đi gặp đó có thể phân biệt được đâu là lợi ích riêng và đâu là lợi ích chung. Rằng khi mà người Athens nghĩ là đã đến lúc phải bỏ lại kinh thành của mình và lên thuyền đi đánh giặc, họ đã liều dán thân vào nguy hiểm mà đâu có hỏi ý kiến người Lacedaemon; và mặt khác, bất kỳ khi nào họ tham nghị với Lacedaemon, họ đã chứng tỏ mình có óc phán đoán suy xét chẳng kém một ai. Rằng họ nghĩ giờ đã đến lúc kinh thành của họ phải có một thành lũy, và

rằng thành lũy đó sẽ có lợi hơn nhiều cho các công dân của cả Athens lẫn khối liên minh Hy Lạp; vì rằng nếu không có sức mạnh quân sự tương đương nhau thì không thể đóng góp ý kiến có giá trị hoặc tầm quan trọng ngang nhau vào lợi ích chung được. Chính vì vậy mà – ông nhận xét – hoặc tất cả các thành viên của liên minh đều phải phá bỏ hết thành lũy, hoặc biện pháp hiện thời này của Athens phải được coi là chính đáng.

Người Lacedaemon không công khai để lộ bất kỳ dấu hiệu tức giận nào trước sứ giả Athens về những lời họ vừa nghe. Họ cho rằng sứ bộ mà họ cử đi ấy không xuất phát từ mong muốn cản trở, mà từ mong muốn đưa ra lời khuyên cho chính quyền Athens: vả lại, tình cảm của Sparta với Athens lúc đó rất hữu hảo vì lòng yêu nước mà Athens đã thể hiện trong cuộc chiến với quân Ba Tư. Tuy vậy những mong muốn bất thành của họ chẳng thể không khiến họ ngấm ngấm tức giận. Sứ bộ của mỗi bên ra về mà không phàn nàn gì.

Bằng cách này người Athens đã xây thành lũy bao quanh kinh thành của họ trong một thời gian rất ngắn. Cho đến nay công trình này vẫn đang phô bày ra những dấu hiệu thi công vội vã: móng của nó được xây bằng thập cẩm các loại đá, và ở một số chỗ những tảng đá này không được đẽ gọt hoặc làm cho khớp với nhau, mà chỉ được đặt chồng lên nhau tuân tợ y như lúc chúng được những bàn tay khác nhau mang đến; và nhiều trụ cột từ các ngôi mộ, và các khối đá đã được điêu khắc cũng được đặt chung vào với những thứ đá khác. Cũng bởi ranh giới của kinh thành này mở rộng về mọi phía theo chu vi, nên trong lúc vội vàng họ vơ lấy hết không trừ một thứ gì. Themistocles còn khuyên họ nên hoàn thiện nốt các thành lũy ở Piraeus^[6], các thành lũy này đã được khởi công trước đó, trong năm mang tên ông khi ông đương nhiệm chấp chính quan tối cao^[7]; ông thiên vị nơi đó như vậy bởi ưu điểm của địa phương có ba hải cảng tự nhiên này, và bởi vị trí cực kỳ lợi thế mà người Athens sẽ có được trong việc thu tóm quyền lực bằng cách trở thành dân tộc hải quân. Vì ông là người đầu tiên đã dám bảo dân mình hãy bám lấy biển và lập tức bắt tay vào đặt nền móng cho đế chế đó. Cũng chính bởi lời khuyên của ông mà họ đã dựng lên những bức thành lũy xung

quanh Piraeus với bề dày mà ngày nay vẫn có thể thấy rõ, khi mà hai xe goòng chở đá tảng có thể đi ngược chiều nhau trên mặt thành. Giữa các tảng đá của những thành lũy được xây lên như vậy không chèn đá rám cũng không dùng vữa, mà là những khối đá tảng cực lớn được đẽo vuông vắn và đặt chồng khít lên nhau, được nẹp vào nhau ở phía ngoài bằng sắt và chì. Khoảng chừng một nửa chiều cao mà ông dự định đã được xây xong. Ý tưởng của ông là tầm cao và độ dày của chúng có thể giúp tránh được những cuộc tấn công của địch; ông cho rằng chỉ cần một đơn vị đồn trú nhỏ gồm những người không đủ sức khỏe để phục vụ trong quân ngũ là đủ để phòng thủ trên những thành lũy này, và những người khác sẽ được rảnh rỗi để phục vụ trên hạm đội. Bởi chưng hạm đội đã choán hầu hết tâm trí của ông. Ông thấy, theo như tôi nghĩ, rằng đạo quân của Nhà vua sẽ dễ dàng tiếp cận bằng đường biển hơn là tiếp cận bằng đường bộ: ông cũng nghĩ Piraeus quan trọng hơn thượng thành [Athens]; thực vậy, ông luôn khuyên dân Athens, nếu có ngày mà họ bị đánh rất quá ở trên đất liền, hãy kéo xuống Piraeus và thách thức cả thế giới bằng hạm đội của họ. Thế nên, bằng cách đó mà người Athens đã hoàn thiện các thành lũy của họ, và khởi công xây dựng các công trình khác ngay khi quân Ba Tư vừa rút lui.

Cũng trong thời gian này Pausanias^[9] con trai của Cleombrotus được Lacedaemon phái đi thống lĩnh liên quân Hy Lạp, cùng với hai mươi chiến thuyền từ Peloponnese. Quân Athens với ba mươi chiến thuyền và một số đồng minh khác cũng lên thuyền ra khơi cùng với ông ta. Họ tiến hành cuộc viễn chinh đánh Cyprus^[10] và chinh phục hầu hết hải đảo này, và sau đó đánh Byzantium^[10], lúc bấy giờ vẫn đang thuộc quyền kiểm soát của quân Ba Tư, và buộc thành ấy phải đầu hàng. Sự kiện này xảy ra khi người Sparta còn nắm quyền bá chủ. Nhưng sự bạo ngược của Pausanias đã bắt đầu khiến các dân Hy Lạp bất bình, nhất là đối với dân Ionia và những xứ dân mới được giải phóng. Những dân này cầu cứu người Athens và thỉnh cầu họ hãy vì tình thân tộc với họ mà trở thành người lãnh đạo của họ, và ngăn chặn bất kỳ nỗ lực xâm hại nào từ phía Pausanias. Người Athens chấp thuận lời thỉnh cầu của họ, và kiên quyết trấn áp bất kỳ nỗ lực như vậy và giải quyết mọi việc khác nữa theo cách thỏa mãn được lợi ích riêng của Athens. Trong khi

đó Lacedaemon triệu hồi Pausanias để điều tra những tin đồn đã đến tai họ. Những cáo buộc nghiêm trọng về nhiều vấn đề đã được những dân Hy Lạp đến Sparta đưa ra chống lại ông ta; và, rõ ràng là ai cũng thấy, ông ta toát ra một phong thái giống một kẻ bạo chúa hơn là một vị tướng quân. Lệnh triệu hồi ông ta tình cờ đến đúng vào lúc mà sự căm ghét ông ta gây ra đã lên cao độ khiến các đồng minh, chỉ trừ binh lính Peloponnese, rời bỏ ông ta và quy tụ về với Athens. Khi về đến Lacedaemon, ông ta đã bị khiển trách vì những hành vi bạo ngược của mình, nhưng được trắng án về những điểm luận tội nặng nhất và được tuyên bố không phạm tội; nên biết rằng lời cáo buộc thân Ba Tư là một trong những điều khoản luận tội chính, và hiển nhiên đó là một trong những điều khoản luận tội có căn cứ nhất chống lại ông ta. Thế nhưng Lacedaemon cũng không phục chức cho ông ta nữa, mà phái Dorkis và một số người khác cùng với một lực lượng nhỏ đến thay; những người này đến nơi thì thấy rằng các đồng minh không còn tỏ ý sẵn sàng thừa nhận bá quyền của họ nữa. Nhận thức được điều này họ ra về, và người Lacedaemon không phái thêm ai kế nhiệm họ nữa. Họ sợ rằng những người đi sang đó cũng sẽ trở nên sa đọa chẳng khác gì Pausanias; vả lại, họ mong muốn thoát khỏi cuộc Chiến tranh Ba Tư, và hài lòng với năng lực của Athens ở vị trí đó, và với tình hữu hảo của Athens đối với họ lúc bấy giờ.

Người Athens, sau khi được kế thừa bá quyền theo cái cách các đồng minh căm ghét Pausanias mà tự nguyện theo họ, đã quy định thành bang nào phải đóng góp tiền bạc để đánh quân man di^[11], thành bang nào phải góp tàu thuyền; mục đích mà họ tuyên bố ra miệng là phục thù những thống khổ họ đã phải chịu đựng bằng cách tàn phá xứ sở của Nhà vua^[12]. Đây là lúc chức vụ “các Thủ khố của Hy Lạp” lần đầu tiên được người Athens đặt ra. Các giới chức này thu nhận khoản cống nạp, như họ gọi khoản tiền phải đóng góp ấy. Khoản cống nạp này ban đầu được ấn định là bốn trăm sáu mươi *talăng*^[13]. Công khố chung được đặt tại Delos, và các đại hội Liên minh^[14] chính thức được tổ chức trong ngôi đền đó^[15]. Bá quyền của Athens khởi đầu với các xứ đồng minh độc lập, những đồng minh này hành động theo nghị quyết của một đại hội chung. Bá quyền ấy được biểu thị bằng những việc đảm trách tiếp theo trong chiến tranh và trong điều hành chính sự suốt

khoảng thời gian ngừng nghỉ giữa cuộc Chiến tranh Ba Tư và cuộc chiến tranh này, đối phó với các dân phi-Hy-Lạp, với các đồng minh của chính họ nổi loạn, và với các thế lực Peloponnese sẽ có thể đụng độ với họ vào nhiều dịp khác nhau. Lời biện minh cho việc tôi thuật lại những sự kiện đó, và mạo muội đi lạc đề như thế, là giai đoạn này của lịch sử cho đến nay đã bị tất cả những người tiền nhiệm của tôi lược bỏ đi, họ đã tự giới hạn mình hoặc vào lịch sử Hy Lạp trước cuộc Chiến tranh Ba Tư, hoặc vào chính cuộc Chiến tranh Ba Tư. Hellanicus^[16] quả thực có đề cập đến những sự kiện này trong cuốn lịch sử Athens của mình, nhưng ông có phần vắn tắt và không chính xác về ngày tháng. Hơn nữa, lịch sử của những sự kiện này bao hàm lời biện giải cho sự lớn mạnh của đế chế Athens.

Trước tiên, quân Athens dưới quyền chỉ huy của Cimon^[17] con trai của Miltiades^[18] đã vây hãm và chiếm được trấn Eion^[19] bên sông Strymon từ tay quân Ba Tư, và biến cư dân ở đó thành nô lệ. Tiếp theo đó họ nô dịch hóa Scyros, một hải đảo ở biển Aegea^[20], nơi dân Dolopia^[21] sinh sống, và biến nó thành thuộc địa của mình. Sau đó là cuộc chiến tranh với Carystus^[22], trong đó những vùng còn lại của hải đảo Euboea vẫn đứng trung lập, và cuộc chiến này được kết thúc bởi sự đầu hàng có điều kiện. Sau sự kiện này đảo Naxos^[23] ly khai liên minh, và kết cục là một cuộc chiến tranh nổ ra, và đảo này buộc phải trở lại liên minh sau một cuộc vây hãm; đây là trường hợp đầu tiên nổ ra một cuộc giao tranh để chinh phạt một thành bang đồng minh, một tiền lệ được tiếp nối bằng những cuộc chinh phạt các đồng minh còn lại theo thứ tự mà hoàn cảnh cho phép. Trong mọi nguyên nhân khiến các thành bang ly khai, thì nguyên nhân chủ yếu là việc khất nợ tiền bạc và tàu thuyền phải cống nạp, và không thực hiện nghĩa vụ quân dịch; bởi người Athens rất mực hà khắc và cực kỳ đòi hỏi, và tự biến mình thành những kẻ hung tợn đến mức sử dụng biện pháp cưỡng bức lao dịch đối với những người không quen, và trên thực tế không sẵn sàng, làm bất kỳ công việc cực nhọc liên tục nào. Về một số mặt khác người Athens không phải những kẻ thống trị được ưa chuộng như thuở ban đầu; và khi họ đã có quân lực hơn hẳn các đồng minh khác, thì hiển nhiên việc chinh phục bất kỳ đồng minh nào cố gắng rời

bỏ liên minh là việc chẳng khó khăn gì đối với họ. Về việc này các đồng minh phải tự trách mình; mong muốn thoát được quân địch khiến đa phần trong số họ thu xếp để đóng góp phần chiến phí của mình bằng tiền bạc thay vì bằng tàu thuyền, và dùng cách đó để tránh phải lìa bỏ mái ấm gia đình của họ. Vì vậy trong khi hải quân của Athens đang lớn mạnh bằng ngân quỹ mà họ đóng góp, thì mỗi cuộc nổi loạn lại luôn cho thấy rằng họ thiếu nguồn lực hoặc kinh nghiệm chiến tranh.

Sau đây, chúng ta sẽ đến với các trận đánh trên bộ và trên biển tại con sông Eurymedon^[24], giữa quân Athens cùng các đồng minh của họ với quân Ba Tư, khi quân Athens dưới quyền chỉ huy của Cimon, con trai của Miltiades, đã thắng cả hai trận trong cùng một ngày, vừa bắt giữ vừa phá hủy toàn bộ hạm đội gồm hai trăm chiến thuyền của Phoenicia. Sau đó ít lâu xảy ra việc dân Thasos^[25] ly khai, nguồn cơn là bởi những xích mích về các khu chợ trên bờ biển của Thrace ở đối diện, và về khu mỏ mà họ sở hữu. Ra khơi với một hạm đội tiến đến Thasos, quân Athens đã đánh bại họ trên biển và đổ bộ lên hải đảo này. Cũng trong khoảng thời gian đó Athens gửi đi một vạn công dân vừa của mình vừa của các xứ đồng minh đến để chiếm làm thuộc địa một nơi mà bấy giờ được gọi là Ennea Hodoi hay là Chín Con đường, nay là Amphipolis^[26]. Họ đã thắng lợi khi chiếm được Ennea Hodoi từ dân Edonia^[27], nhưng khi tiến sâu vào đất Thrace thì họ bị tiêu diệt ở Drabescus, một trấn của dân Edonia, bởi các dân ở Thrace liên kết lại, những dân này coi việc họ định cư ở Ennea Hodoi là một hành động thù địch. Cùng trong thời gian đó, quân Thasos bị đánh bại trên chiến trường và đang bị vây hãm đã cầu cứu Lacedaemon và mong muốn Lacedaemon giải vây cho họ bằng cách xâm lược Attica. Không báo cho Athens biết, Lacedaemon đã hứa hẹn và định làm thế thật, nhưng bị cản trở vì xảy ra một trận động đất^[28], theo sau trận động đất đó là cuộc ly khai của dân nô dịch *Helots*^[29] và hai trong số các dân tự trị *Perioeci*^[30] là dân Thuria^[31] và dân Aethaea^[32] chạy đến Ithome^[33]. Phần đông dân *Helots* là hậu duệ của dân Messenia^[34] trước đây đã bị bắt làm nô lệ trong cuộc chiến tranh nổi tiếng đó^[35]; và bởi nguyên do ấy mà tất cả bọn họ được gọi là dân Messenia. Vậy

nên khi người Lacedaemon đang bận rộn với cuộc chiến tranh đánh những kẻ dấy loạn ở Ithome thì dân Thasos trong năm thứ ba của cuộc vây hãm đã thỏa thuận được những điều kiện đầu hàng với quân Athens bằng cách san thành bình địa các thành lũy của mình, giao nộp tàu thuyền và thu xếp trả số tiền bị đòi ngay lập tức, và về sau này phải cống nạp; đồng thời từ bỏ các thuộc địa của mình trên lục địa cùng với khu mỏ ấy.

Trong lúc đó người Lacedaemon thấy rằng cuộc chiến với những kẻ phản loạn ở Ithome xem ra sẽ kéo dài nên đã cầu viện các đồng minh của họ, đặc biệt là Athens, Athens đã cử đến một lực lượng khá đông dưới sự chỉ huy của Cimon. Nguyên do của việc hiệu triệu cấp thiết này là ở kỹ năng đáng nể của quân Athens trong các chiến dịch vây hãm; cuộc vây hãm kéo dài đã cho quân Lacedaemon thấy rõ khiếm khuyết của họ trong thuật này, nếu không họ đã đánh chiếm được nơi đó rồi. Cuộc tranh cãi công khai đầu tiên giữa người Lacedaemon và người Athens phát sinh từ cuộc viễn chinh ấy. Khi cuộc đột kích không thành, quân Lacedaemon lo ngại vì bản tính cách mạng và táo bạo của quân Athens, và hơn nữa còn coi họ là dị tộc, bắt đầu sợ rằng nếu ở lại quân này có thể bị những kẻ đang nằm trong vòng vây hãm ở Ithome xúi giục mà thay đổi chính kiến. Vì vậy họ giải tán riêng quân Athens trong số các đồng minh nhưng không tuyên bố nổi nghi ngờ của họ ra mà chỉ nói rằng giờ đây họ không cần đến quân này nữa. Nhưng quân Athens biết rằng việc họ bị giải tán không xuất phát từ nguyên nhân danh dự hơn trong hai nguyên nhân trên, mà xuất phát từ sự nghi ngờ đã được ấp ủ từ trước, họ ra về mà cảm thấy bị xúc phạm nặng nề, và biết rõ mình chẳng làm gì để đáng bị người Lacedaemon đối xử như vậy; và ngay khi về đến quê xứ là họ cắt đứt quan hệ liên minh đã được thiết lập để chống lại quân Ba Tư, và họ liên minh với kẻ thù của Sparta là Argos^[36]; mỗi bên trong liên minh đều tuyên thệ như nhau và đều cùng liên minh với Thessaly^[37].

Trong khi đó những kẻ dấy loạn ở Ithome không thể kéo dài thêm nữa cuộc kháng cự đã mười năm trời nên đã đầu hàng Lacedaemon, với những điều kiện là họ sẽ được đảm bảo an toàn rời khỏi Peloponnese và không khi nào được đặt chân đến đó nữa: từ đó trở đi bất kể là ai mà bị thấy ở nơi ấy

đều sẽ phải làm nô lệ cho người bắt được mình. Nên biết rằng người Lacedaemon đã có một lời sấm truyền cũ từ Delphi, hàm ý rằng họ phải thả những kẻ thỉnh nguyện thần Zeus ở Ithome. Vì thế những kẻ này cùng với vợ con họ rời khỏi nơi đó, và được Athens thu nhận vì lòng căm ghét mà lúc này nó cảm thấy đối với Lacedaemon, họ được yên định ở Naupactus^[38], nơi Athens mới chiếm được gần đây của dân Locri Ozoli. Người Athens thu nhận thêm cả dân Megara vào liên minh của mình; dân này rời bỏ liên minh với Lacedaemon khi bị quấy nhiễu bởi một cuộc xung đột ở biên giới mà Corinth gây ra với họ. Quân Athens chiếm được Megara và Pegae^[39], và dựng cho dân Megara những thành lũy chạy dài từ thành này tới tận Nisaea^[40], nơi mà họ đã đặt một đơn vị đồn trú của Athens. Đó là nguyên nhân chính khiến người Corinth ấp ủ mối thù không đội trời chung đối với Athens.

Cùng trong thời gian này, Inaros con trai của Psammetichus và là một vị vua của dân Libya^[41] ở vùng biên giới Ai Cập, đóng đại bản doanh tại Marea^[42], một trấn ở phía trên Pharos^[43], đã gây ra một cuộc nổi loạn của gần như toàn bộ Ai Cập chống lại Vua Artaxerxes^[44]; và, tự phong mình làm người cai trị xứ đó, ông ta đồng thời mời quân Athens đến trợ giúp cho mình. Bỏ lại cuộc viễn chinh Cyprus mà lúc bấy giờ họ đang tham chiến với hai trăm chiến thuyền của mình và đồng minh, quân Athens đến Ai Cập và bơi thuyền từ biển vào sông Nile, nắm quyền kiểm soát con sông này và hai phần ba Memphis^[45], rồi họ dốc sức tấn công một phần ba còn lại, nơi được gọi là Lâu Đài Trắng. Trong đó có cả dân Ba Tư và dân Media^[46], những người đã lánh vào đây tị nạn, và dân Ai Cập, những người đã không tham gia vào cuộc nổi loạn đó.

Cũng trong thời gian ấy, quân Athens đang tiến hành một cuộc đột kích từ hạm đội của họ vào Haliae^[47] thì đụng độ với một lực lượng của Corinth và Epidaurus; và quân Corinth đã thắng trận này. Sau đó quân Athens giao chiến với hạm đội Peloponnese ngoài khơi Cecruphalia^[48]; và quân Athens thắng trận đó. Rồi chiến tranh nổ ra giữa Aegina và Athens, đã xảy ra một trận hải chiến lớn ngoài khơi Aegina giữa quân Aegina và quân Athens, mỗi

bên đều được đồng minh của mình trợ chiến; trong trận này chiến thắng vẫn thuộc về quân Athens, họ bắt giữ được bảy mươi chiến thuyền của địch, rồi đổ bộ lên xứ đảo này và khởi sự một cuộc vây hãm dưới quyền chỉ huy của Leocrates con trai của Stroeubus. Trong binh tình này quân Peloponnese, vì nóng lòng trợ chiến quân Aegina, đã ném vào đó ba trăm bộ binh hạng nặng, những quân này trước đó vẫn đang chiến đấu trong hàng ngũ của quân Corinth và Epidaurus. Cùng lúc ấy quân Corinth và đồng minh của họ chiếm được những cao điểm trên núi Geraneia^[49] và hành quân xuống Megarid^[50] chắc mẫm rằng khi phần lớn quân lực đang vắng mặt vì bận tham chiến ở Aegina và Ai Cập thì Athens sẽ không thể ứng cứu dân Megarid mà không rút khỏi cuộc bao vây Aegina được. Nhưng quân Athens, thay vì điều động quân ở Aegina, lại huy động một đạo quân gồm những người già và thiếu niên còn lại ở kinh thành, và tiến quân đến Megarid dưới quyền chỉ huy của Myronides. Sau một trận đấu bất phân thắng bại với quân Corinth, hai đạo quân thù địch này tách ra, mỗi bên đều có cảm tưởng rằng mình là kẻ chiến thắng. Dầu vậy, có thể nói rằng quân Athens có phần lợi thế hơn, và đã dựng lên một đài chiến tích khi quân Corinth rút khỏi. Bị khích động bởi những lời chế nhạo của những người cao tuổi trong kinh thành của họ, quân Corinth đã chuẩn bị và khoảng mười hai ngày sau họ quay lại và dựng đài chiến tích của mình như những kẻ thắng trận. Đột ngột từ Megara xông ra tấn công, quân Athens đã tiêu diệt toán quân được cử đến dựng đài chiến tích đó, rồi giao chiến và đánh bại đám quân còn lại. Trong lúc đội quân chiến bại này triệt thoái, một toán quân khá đông bị quân địch truy đuổi dồn ép và lạc đường, lao vào cánh đồng trong một điền trang tư nhân nào đó, có hào sâu bao quanh và không có đường ra. Do đã thông thối nơi này, quân Athens vây bọc tuyến trước của địch bằng bộ binh hạng nặng và sắp xếp quân hạng nhẹ thành vòng tròn bao quanh, và bắn đá vào bất kỳ ai xông vào trong đó. Quân Corinth ở đây đã hứng chịu một đòn khốc liệt. Phần đông đội quân này tiếp tục rút về hậu phương.

Vào khoảng thời gian này người Athens bắt đầu xây các trường thành chạy ra biển, là thành lũy về phía Phalerum^[51] và về phía Piraeus. Trong lúc ấy quân Phocis^[52] tiến hành một cuộc viễn chinh đánh Doris^[53], quê hương cũ

của người Lacedaemon, gồm các trấn Boeum, Kitinium và Erincum. Họ đã chiếm được một trong các trấn này, rồi quân Lacedaemon dưới quyền chỉ huy của Nicomedes^[54] con trai của Cleombrotus, cầm quân thay mặt Vua Pleistoanax con trai của Pausanias mà bấy giờ vẫn còn là một vị ấu vương, tới cứu viện Doris với một ngàn năm trăm bộ binh hạng nặng của chính họ và một vạn quân đồng minh của họ. Sau khi buộc quân Phocis phải trả lại trấn đó theo các điều kiện, họ bắt đầu rút quân. Hải trình băng qua vịnh Crisae^[55] đặt họ vào nguy cơ bị hạm đội của Athens ngăn chặn; lộ trình băng qua núi Geraneia có vẻ cũng không an toàn khi quân Athens đang trấn ở Megara và Pegae. Vì đường đèo xuyên qua đó hiểm trở, lại thêm lúc nào cũng bị quân Athens canh gác; và ngay lúc này đây, quân Lacedaemon vừa được tin rằng quân Athens định chặn đường đi của họ. Vậy nên họ quyết định ở lại Boeotia, và cân nhắc xem tuyến đường nào an toàn nhất để hành quân. Họ cũng có một lý do khác để quyết định như vậy. Họ được một phe phái ở Athens ngấm ngầm khích lệ, phe này hy vọng chấm dứt thời dân chủ ngự trị^[56] và việc xây dựng các Trường Thành^[57]. Trong lúc đó quân Athens hành quân tiến đánh họ với toàn bộ binh lực của mình và một ngàn quân Argos cùng với một lượng quân tương ứng từ mỗi đồng minh còn lại của họ. Tổng cộng họ có một vạn bốn ngàn quân tráng kiện. Cuộc hành quân này gấp rút bởi họ biết rằng quân Lacedaemon đang bối rối chưa biết làm cách nào để mở đường rút, và cũng bởi những mối nghi ngờ về một cuộc tấn công lật đổ chính thể dân chủ. Một số quân kỵ từ các đồng minh Thessaly cũng đến nhập vào đạo quân Athens, nhưng những quân kỵ này lại đào ngũ sang phe Lacedaemon khi lâm trận.

Trận đánh đã diễn ra tại trấn Tanagra^[58] ở Boeotia. Sau thiệt hại nặng nề của cả hai phía, chiến thắng được tuyên bố thuộc về quân Lacedaemon và các đồng minh của quân này. Sau khi tiến vào Megarid và đốn hạ những cây ăn quả, quân Lacedaemon băng qua núi Geraneia và Eo đất^[59] hồi hương. Sáu mươi hai ngày sau trận đánh đó, quân Athen dưới quyền chỉ huy của Myronides hành quân tiến vào Boeotia, đánh bại quân Boeotia trong trận đánh tại Oenophyta^[60], và trở thành chủ nhân của Boeotia và Phocis. Họ triệt

phá các thành lũy của dân Tanagra, bắt giữ một trăm người Locri Opuntii giàu nhất làm con tin, và hoàn công những bức tường thành của chính mình. Tiếp theo sự kiện này là việc dân Aegina đầu hàng Athens có điều kiện; họ phá bỏ các thành lũy của mình, giao nộp những chiến thuyền của mình, và đồng ý sau này sẽ cống nạp. Quân Athens dưới quyền chỉ huy của Tolmides con trai Tolmaeus đã dong thuyền quanh bán đảo Peloponnese, đốt kho vũ khí của Lacedaemon, chiếm Chalcis, một trấn của người Corinth, và trong cuộc đột kích từ biển vào Sicyon họ đã đánh bại quân Sicyon tại trận.

Trong khi đó quân Athens ở Ai Cập và các đồng minh của họ vẫn ở nguyên đó và ném trái mọi thắng trận của chiến tranh. Thoạt đầu quân Athens đã nắm quyền kiểm soát Ai Cập, và Nhà vua^[61] phái Megabazus, một người Ba Tư, tới Lacedaemon mang theo tiền bạc để đút lót mua chuộc người Peloponnese tiến quân xâm lược Attica và nhờ đó dụ quân Athens ra khỏi Ai Cập. Khi thấy rằng việc này không có chút tiến triển nào, và khoản tiền bạc đó chỉ bị phí hoài vô ích, Nhà vua bèn triệu hồi Megabazus cùng số tiền còn lại, và cử Megabazus^[62] người Ba Tư, con trai của Zopyrus, cùng một đạo quân lớn tới Ai Cập. Theo đường bộ đến nơi, ông ta đã đánh bại người Ai Cập và đồng minh của họ chỉ trong một trận, và đuổi quân Hy Lạp ra khỏi Memphis, và cuối cùng dồn họ vào đảo Prosopitis, nơi ông ta vây hãm họ suốt một năm rưỡi. Chung cục, khi rút cạn nước con kênh mà ông ta khơi vào một kênh khác, ông ta đã khiến tàu thuyền của họ mắc cạn và khiến phần lớn hải đảo đó nổi vào lục địa, rồi hành quân trên bộ và chiếm lấy nó. Chiến dịch của quân Hy Lạp đã đến nước thảm bại sau sáu năm chiến tranh như thế đó. Trong cả đạo quân lớn nhường ấy chỉ có vài mống đi xuyên qua Libya về được Cyrene^[63] an toàn, còn đa phần đã thiệt mạng. Và như vậy Ai Cập lại quay về thần phục Nhà vua, ngoại trừ Amyrtaeus, vị vua của vùng đầm lầy, người mà họ đã không thể bắt được vì vùng đầm lầy đó rộng bao la; dân vùng đầm lầy cũng là dân hiếu chiến nhất trong các dân Ai Cập.

Inaros, vị vua của Lybia đã một tay gây ra cuộc nổi loạn của Ai Cập, bị phản bội, bị bắt và bị đóng đinh câu rút. Trong khi đó một hải đội ứng cứu

gồm năm mươi chiến thuyền từ Athens và từ tất cả các nơi khác của khối liên minh này đã ra khơi để đi Ai Cập. Họ đổ bộ lên bờ tại cửa Mendes của sông Nile mà hoàn toàn không hay biết về những gì đã xảy ra. Bị bộ binh tấn công ở trên đất liền và hải quân Phoenicia tấn công từ biển vào, hầu hết các chiến thuyền đã bị phá hủy; vài chiếc còn lại đã rút lui và thoát được. Cuộc viễn chinh vĩ đại đến Ai Cập của quân Athens cùng đồng minh của họ có kết cục như vậy đó^[64].

Cũng trong thời gian này Orestes con trai của Echeocratidas và vua xứ Thessaly, là một người bị trục xuất khỏi Thessaly, đã thuyết phục người Athens khôi phục vương vị cho ông ta. Đem theo đồng minh là quân Boeotia và quân Phocis, quân Athens hành quân tới Pharsalus^[65] ở Thessaly. Họ chiếm cứ xứ đó, dù chỉ ở khu vực gần kề quân doanh của họ; họ không thể tiến quân ra ngoài khu vực đó vì sợ kỵ binh của Thessaly. Nhưng họ đã không thể chiếm được thành đó hay đạt được bất kỳ mục đích nào khác của cuộc chinh phạt, và họ hồi hương cùng Orestes mà chẳng nên công trạng gì. Ít lâu sau một ngàn quân Athens lên những chiến thuyền đang đậu tại Pegae (nên nhớ rằng Pegae giờ đã là của họ), và bơi thuyền dọc theo bờ biển tới Sicyon, dưới quyền chỉ huy của Pericles^[66] con trai của Xanthippus. Sau khi đổ bộ lên Sicyon và đánh bại quân Sicyon giao tranh với họ, họ lập tức đưa quân Achaea^[67] đi theo và, bơi thuyền vượt biển, rồi lại hành quân trên bộ tiến đánh và bao vây Oeniadae^[68] ở Acarnania. Nhưng rồi không chiếm được nó nên họ hồi hương.

Ba năm sau đó một thỏa thuận đình chiến năm năm đã được ký kết giữa người Peloponnese và người Athens. Thoát khỏi cuộc nội chiến Hy Lạp, quân Athens thực hiện một cuộc viễn chinh tới Cyprus với hai trăm chiến thuyền của họ và của các đồng minh, dưới quyền chỉ huy của Cimon. Sáu mươi chiến thuyền trong số đó tách ra tới Ai Cập theo lời khẩn cầu của Amyrtaeus, vị vua vùng đầm lầy; những chiến thuyền còn lại tiến hành bao vây Kitium^[69], tuy vậy từ nơi này họ buộc phải rút quân về khi Cimon chết và vì lương thảo đã cạn. Bơi thuyền ngoài khơi Salamis^[70] ở Cyprus, họ giao chiến với quân Phoenicia, quân Cyprus và quân Cilicia^[71] cả trên bộ lẫn trên

biển, và, khi đã chiến thắng cả trận bộ chiến lẫn hải chiến, họ lên đường hồi hương, và đi cùng với họ là hải đội từ Ai Cập trở về. Sau sự kiện này, Lacedaemon cất quân làm một cuộc thánh chiến, và khi họ làm chủ được đền thờ ở Delphi, họ đã trao nó vào tay dân Delphi. Ngay sau khi họ rút quân, Athens cất quân chiếm lại ngôi đền này, và trao nó vào tay dân Phocis.

Một thời gian sau, Orchomenus^[72], Chaeronea^[73], và một số nơi khác ở Boeotia bị những người Boeotia lưu vong chiếm cứ, quân Athens tiến đánh những nơi thù địch đó với một ngàn bộ binh hạng nặng của Athens và các đội quân đồng minh khác, dưới quyền chỉ huy của Tolmides con trai của Tolmaeus. Họ chiếm được Chaeronea, và biến cư dân ở đó thành nô lệ, và sau khi để lại một đơn vị đồn trú, họ lên đường ra về. Trên đường về họ bị tấn công tại Coronea^[74] bởi quân lưu vong Boeotia từ Orchomenus, cùng với một số quân lưu vong Locris, Euboea và những quân khác đồng chí hướng với những quân này, họ bị đánh bại trong trận đó, và một số bị giết, số khác bị bắt giữ. Người Athens rút khỏi toàn bộ Boeotia bằng một hiệp ước cho phép đưa những kẻ lưu vong đó hồi hương; và những người Boeotia lưu vong trở về, cùng tất cả những dân khác họ đã giành lại được độc lập của mình.

Tiếp ngay theo đó là cuộc nổi dậy của Euboea chống lại Athens. Trước đó Pericles đã cùng một đạo quân Athens vượt biển sang hải đảo này, ngay khi ông hay tin rằng Megara đã nổi dậy, rằng quân Peloponnese đang sắp sửa xâm lược Attica, và rằng đơn vị đồn trú của Athens đã bị quân Megara tiêu diệt, chỉ trừ vài người trốn thoát tới Nisaea. Dân Megara đã mời các quân Corinth, Sicyon và Epidaurus vào trấn này trước khi họ dấy loạn. Lúc bấy giờ Pericles hối hả kéo quân của mình từ Euboea quay trở lại. Sau đó quân Peloponnese tiến quân vào Attica cho tới tận Eleusis^[75] và Thrius^[76], tàn phá xứ sở đó dưới quyền chỉ huy của Vua Pleistoanax^[77] con trai Pausanias, và quay trở về mà không tiến xa thêm nữa. Rồi quân Athens dưới quyền chỉ huy của Pericles lại một lần nữa vượt biển tới Euboea, và chinh phục toàn bộ đảo này: tất cả các trấn ngoại trừ Histiaea^[78] được ổn định bằng một hiệp

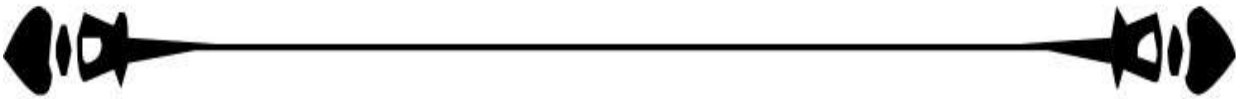
ước; quân Athens tống cổ dân Histiaea khỏi nhà của họ, và tự mình chiếm lấy lãnh thổ của dân này.

Chẳng mấy lâu sau khi từ Euboea trở về, người Athens đã lập một hòa ước ba mươi năm với người Lacedaemon và các đồng minh của họ^[79], trao trả các điểm đóng quân mà họ đã chiếm đóng ở Peloponnese là Nisaea, Pegae, Troezen, và Achaia^[80]. Trong năm thứ sáu của hòa ước này, chiến tranh đã nổ ra giữa dân đảo Samos và dân thành Miletus^[81] vì thành Priene^[82]. Bị đánh bại trong cuộc chiến đó, dân Miletus đến Athens lớn tiếng cáo buộc dân Samos. Tham gia cùng với họ trong việc này là một số cá nhân nào đó đến từ chính Samos, là những kẻ muốn làm cách mạng thay đổi chính quyền. Theo lời họ, quân Athens khởi bốn mươi chiến thuyền đi Samos và thiết lập một nền dân chủ ở đó; bắt các con tin từ dân Samos, năm mươi cậu bé và cũng chừng ấy đàn ông, đem nhốt ở đảo Lemnos^[83], và sau khi để lại một đơn vị đồn trú trên đảo này, họ ra về. Nhưng một số người Samos không ở lại đảo, mà đã trốn về lục địa. Lập một thỏa thuận với những người quyền lực nhất trong thành đó và liên minh với Pissuthnes^[84] con trai của Hystaspes, người mà bấy giờ là Phó vương của Sardis^[85], họ đã chiêu mộ được một đội quân bảy trăm lính đánh thuê, và trong màn đêm che chở họ vượt biển về Samos. Bước đầu của họ là nổi dậy chống lại phe dân chúng, và họ đã kiểm chế được phần lớn phe này; bước tiếp theo của họ là lén đoạt lại những con tin của họ ở Lemnos; sau việc đó họ dấy loạn, giao nộp quân đồn trú của Athens để lại chỗ họ cùng các chỉ huy của quân này cho Pissuthnes, và tức thì chuẩn bị cho một cuộc chinh phạt Miletus. Dân Byzantium cũng cùng dấy loạn với họ.

Người Athens ngay khi nghe được tin này liền lập tức khởi sáu mươi chiến thuyền đi đánh Samos. Mười sáu thuyền trong số này đến Caria để canh chừng hạm đội Phoenicia, và tới Chios và Lesbos mang theo lệnh đòi quân tăng viện, và vì vậy số chiến thuyền này đã không tham chiến; nhưng bốn mươi tư chiến thuyền dưới quyền chỉ huy của Pericles cùng với chín vị đồng chỉ huy khác đã giao chiến ngoài khơi đảo Tragia^[86] với bảy mươi thuyền của Samos, trong số đó có hai mươi thuyền chuyên vận, khi chúng

bơi từ Miletus ra. Chiến thắng vẫn thuộc về quân Athens. Sau đó được tăng viện với bốn mươi chiến thuyền từ Athens cùng hai mươi lăm chiến thuyền từ Chios và Lesbos, quân Athens đổ bộ, và vì có ưu thế vượt trội về quân lực trên bộ nên họ đã bao vây tòa thành có thành lũy bảo vệ cả ba mặt ấy; và nó cũng bị bao vây từ phía biển. Trong khi đó Pericles lấy sáu mươi chiến thuyền của hạm đội đang phong tỏa, và vội vã lên đường đi Caunus^[87] và Caria, khi có tin do thám báo rằng hạm đội Phoenicia đang tới gần để cứu ứng Samos; quả thực Stesagoras^[88] và những người khác đã rời hải đảo đó cùng năm chiến thuyền để đưa hạm đội này đến. Nhưng trong lúc ấy quân Samos đã bắt đầu phá vây, và tấn công vào trại địch mà họ thấy không được bố phòng. Phá hủy các chiến thuyền đang canh gác, giao chiến và đánh bại những chiến thuyền khác được hạ thủy để đối địch với họ, họ làm chủ vùng biển của mình suốt mười bốn ngày, và mang ra mang vào bất kỳ thứ gì họ muốn. Tuy nhiên khi Pericles đến nơi, họ lại một lần nữa bị bủa vây. Sau đấy quân tăng viện mới đã đến – bốn mươi chiến thuyền từ Athens cùng các tướng chỉ huy là Thucydides^[89], Hagnon^[90] và Phormio; hai mươi chiến thuyền với các tướng chỉ huy Tlepolemus và Anticles, và ba mươi chiến thuyền khác từ Chios và Lesbos đến. Sau khi đã nỗ lực chiến đấu ít lâu, quân Samos không thể cầm cự thêm nữa nên đã bị đánh bại sau cuộc bao vây kéo dài chín tháng và đầu hàng có điều kiện; họ san thành lũy của mình thành bình địa, nộp con tin, giao nộp những chiến thuyền của họ, và thu xếp để trả dần các khoản chiến phí. Dân Byzantium cũng chấp nhận quay lại tình trạng lệ thuộc như trước.

Chương V



ĐẠI HỘI LIÊN MINH LẦN THỨ HAI TẠI LACEDAEMON – CÔNG CUỘC CHUẨN BỊ CHO CHIẾN TRANH VÀ CÁC CUỘC ĐỤNG ĐỘ NGOẠI GIAO – CYLON – PAUSANIAS – THEMISTOCLES

Sau những sự việc đó, tuy nhiên không phải sau nhiều năm, cuối cùng chúng ta cũng đi đến những gì đã kể bên trên, những trận đụng độ ở Corcyra và Potidaea, và những sự kiện được dùng làm cái cớ cho cuộc chiến hiện thời. Tất cả những trận chiến của các dân Hy Lạp đánh lẫn nhau và đánh quân man di đã xảy ra trong khoảng thời gian năm mươi năm kể từ cuộc triệt

thoái của Xerxes^[1] đến khởi điểm của cuộc chiến hiện tại. Trong khoảng thời gian giữa hai cuộc chiến này người Athens đã thành công trong việc đặt đế chế của mình lên một nền tảng vững chắc hơn, và nâng quyền lực của xứ sở mình lên một vị thế rất cao. Người Lacedaemon, mặc dù hoàn toàn nhận thức được sự thế đó, đã chỉ phản đối trong ít lâu, nhưng vẫn án binh bất động gần như suốt thời kỳ này, bởi đã quen trì hoãn chỉ tham chiến khi bị áp lực bức thiết, và ngay lúc ấy lại đang bị vướng víu vào các cuộc chiến tại quê nhà; cho đến khi quyền lực của Athens tăng lên đến độ không thể làm ngơ được nữa, và khối đồng minh của chính họ trở thành mục tiêu cho các cuộc xâm lấn của Athens. Lúc ấy họ mới cảm thấy không thể chịu đựng thêm, mà đã đến lúc phải dốc lòng dốc sức tấn công thế lực thù nghịch, và phá vỡ thế lực ấy, nếu họ có thể, bằng việc bắt đầu cuộc chiến tranh hiện tại. Và dù người Lacedaemon đã tự đưa ra các quyết định về việc bản hòa ước bị vi phạm và về tội lỗi của người Athens, họ vẫn cho người đến Delphi và hỏi vị thần ở đó rằng liệu có may mắn cho họ không nếu họ quyết định chiến tranh; và, như người ta kể lại, thì họ đã nhận được câu trả lời của ngài rằng nếu họ dồn hết sức mạnh cho cuộc chiến tranh này, chiến thắng sẽ thuộc về họ, và lời hứa rằng ngài sẽ ở bên họ, dù họ có cầu khẩn hay không. Tuy vậy họ vẫn muốn triệu tập các đồng minh một lần nữa, và trưng cầu ý kiến về tính đúng đắn của việc tuyên chiến. Sau khi các sứ giả của các đồng minh đã đến và đại hội nhóm họp, tất cả đều đã nêu lên ý kiến của mình, phần lớn đều kịch liệt phản đối Athens và đòi phải khai chiến. Nhất là người Corinth. Trước đó họ đã tự mình đi vận động từng thành bang một để dụ các thành bang này biểu quyết tán thành chiến tranh, với nỗi lo sợ rằng có thể sẽ là quá muộn để cứu Potidaea; người Corinth cũng có mặt trong đại hội, họ bước lên sau rốt, và phát biểu như sau:

“Hỡi các đồng minh, chúng ta không thể buộc tội người Lacedaemon là không làm tròn bổn phận của họ thêm nữa: bản thân họ không những đã biểu quyết tán thành cuộc chiến, mà còn tập họp chúng ta tại đây vì

mục đích khởi chiến. Chúng ta nói rằng đó là trách nhiệm của họ, bởi vì quyền bá chủ đi kèm với những trách nhiệm của nó.

Ngoài việc chăm nom đến các lợi ích riêng một cách công bằng, những người đứng đầu còn bị đòi hỏi phải có sự quan tâm đặc biệt đến lợi ích chung để đền đáp những vinh dự đặc biệt mà mọi người dành cho họ bằng những cách khác. Với bản thân chúng ta, tất cả những xứ đã từng có mối bang giao với Athens thì không cần đến lời cảnh báo rằng phải cảnh giác với dân ấy. Những xứ ở sâu hơn trong nội địa và ở ngoài tuyến giao thông chính nên hiểu rằng nếu họ lờ đi không trợ giúp các bang ở vùng duyên hải thì hậu quả sẽ là tự gây thiệt hại cho việc trung chuyển các sản phẩm của họ để xuất khẩu và việc tiếp nhận hàng hóa nhập khẩu của họ từ biển vào; và họ không nên phán xét một cách bất cân những điều đang được bàn đến lúc này, như thể chẳng liên quan gì đến họ, mà phải cân nhắc rằng việc hy sinh các thành các trấn ngoài duyên hải một ngày nào đó sẽ dẫn đến việc mỗi nguy hiểm vươn vào nội địa, và phải thấy ra rằng những lợi ích của bản thân họ liên quan mật thiết đến cuộc thảo luận này. Vì những lý do trên họ không nên do dự đánh đổi hòa bình lấy chiến tranh. Nếu những kẻ khôn ngoan cứ làm thỉnh khi họ không bị tổn hại, thì trái lại những kẻ dững cảm từ bỏ hòa bình để đổi lấy chiến tranh khi họ bị tổn hại, và quay trở lại thỏa thuận hòa bình khi có cơ hội thuận lợi: trên thực tế, họ không say sưa với chiến thắng trong chiến tranh, cũng không sẵn sàng chịu đựng tổn hại chỉ để được vui thú bình yên. Thật vậy, nếu các vị cứ tự thủ bàng quan, thì sự nao núng vì những vui thú kiểu ấy sẽ là cách nhanh nhất để mất đi những lạc thú an nhàn mà các vị đang bám víu vào; trong khi đó ập ù những kỳ vọng phi lý về thắng lợi trong chiến tranh chính là quên mất rằng lòng tự tin khiến các vị hãnh diện rộng tuếch đến mức nào. Bởi vì nếu nhiều kế hoạch non yếu đã thành công được do sự non nớt thậm chí còn lớn hơn của đối phương, thì trái lại những kế hoạch tưởng như đã chín muồi nhưng kết thúc thảm bại còn nhiều hơn thế nữa. Sự tự tin mà chúng ta có khi hình thành nên các mưu đồ của ta chẳng phải khi nào cũng chứng tỏ được là hoàn toàn có lý khi thực hiện các mưu đồ ấy;

việc nghiên ngấm diễn ra trong an toàn, nhưng đến lúc hành động thì nỗi sợ hãi sẽ dẫn đến thất bại.

Áp dụng những quy luật này vào bản thân chúng ta, nếu bây giờ chúng ta chằm mỗi lửa chiến tranh thì bởi chúng ta đang chịu sức ép của sự tổn thương, với đủ những căn cứ để cáo buộc; và sau khi đã trừng trị Athens rồi chúng ta sẽ ngừng lại đúng lúc. Chúng ta có nhiều lý do để trông đợi thành công – trước hết là ưu thế về quân số và về kinh nghiệm quân sự, và thứ hai là sự tuân phục thống nhất và bất biến của chúng ta khi chấp hành các mệnh lệnh. Sức mạnh hải quân mà Athens hiện có thì chúng ta cũng sẽ gây dựng được từ các nguồn tài lực vốn có của từng thành bang chúng ta, và từ tiền ở Olympia^[2] và Delphi. Một khoản vay từ những nguồn này cho phép chúng ta lôi kéo các thủy thủ ngoại bang của Athens bằng cách đề nghị mức lương bổng cao hơn. Bởi vì sức mạnh của Athens nằm ở lính đánh thuê hơn là ở binh lính của chính mình; trong khi sức mạnh của chúng ta sẽ không bị đặt vào nguy cơ tương tự, bởi sức mạnh đó nằm ở con người hơn là ở tiền bạc. Một thất bại trên biển có nhiều khả năng đồng nghĩa với sự tiêu vong của Athens: nếu dân ấy còn trụ được thì trong trường hợp đó sẽ có nhiều thời gian hơn cho chúng ta thao luyện hải quân; và ngay khi chúng ta đã đạt đến sự ngang bằng về kỹ năng chiến đấu, chắc chắn chúng ta không cần hỏi liệu chúng ta có thể vượt trên chúng về lòng cam đảm hay không. Bởi những lợi thế chúng ta có được nhờ bản tính tự nhiên thì chúng không thể có được nhờ học tập; trong khi ưu thế về kỹ năng chiến đấu của chúng hẳn sẽ bị bỏ xa bằng vào sự rèn luyện của chúng ta. Số tiền cần thiết cho những mục tiêu này sẽ được cung cấp từ các khoản đóng góp của chúng ta: hẳn không có gì kỳ quặc hơn ý nghĩ rằng trong khi những xứ liên minh của chúng không thấy mệt mỏi vì phải đóng góp cho tình trạng bị nô dịch của chính họ, thì chúng ta lại từ chối chi tiêu cho việc trả thù và khư khư giữ lấy cái kho báu mà do việc từ chối như vậy chúng ta sẽ dâng cho lòng tham của người Athens và chứng kiến chúng sử dụng chính kho báu này để hủy hoại chúng ta.

Chúng ta cũng có những cách khác để tiến hành chiến tranh, chẳng hạn như việc nổi loạn của các xứ liên minh với Athens, là cách chắc chắn nhất để tước đoạt nguồn thu của chúng, chính là nguồn mang lại sức mạnh cho chúng, và thiết lập những vị trí phòng thủ trong xứ sở của chúng, và còn nhiều những hoạt động khác chưa thể biết trước ở thời điểm hiện tại. Bởi vì trong mọi thứ thì chiến tranh là thứ ít vận động dựa trên các quy luật xác định nhất, mà phần nhiều là nó tự rút ra những mưu mẹo đáp ứng một tình trạng khẩn cấp; và trong những trường hợp như thế phe nào đối mặt với khó khăn mà giữ được bình tĩnh nhiều nhất sẽ an toàn nhất, và phe nào càng mất bình tĩnh bao nhiêu sẽ càng gặp nhiều tai họa bấy nhiêu. Chúng ta cũng cần suy nghĩ rằng nếu đây chỉ đơn thuần là một số tranh chấp về lãnh thổ giữa những lân bang thù địch thì còn có thể chịu đựng được; nhưng ở đây chúng ta có một kẻ địch là Athens ngang tài ngang sức với cả khối đồng minh của chúng ta, và trên tài bất kỳ một thành viên đơn lẻ nào của khối đồng minh ấy; vì vậy trừ khi như một khối thống nhất và như những dân tộc và những thành bang đơn lẻ chúng ta cùng đồng lòng nhất trí chống lại chúng, chúng sẽ dễ dàng chinh phục chúng ta riêng rẽ và từng xứ một. Phải biết rằng cuộc chinh phục đó, nghe cũng đã thấy là kinh khủng, sẽ không có cái kết thúc nào khác ngoài cảnh nô lệ thuần túy; một từ mà người Peloponnese chỉ cần thoáng nghe cũng không thể không cảm thấy hổ thẹn, hay không thể không cảm thấy hổ thẹn khi trông cảnh nhiều thành bang đến thế bị một thành bang sỉ nhục. Trong khi đó dư luận sẽ cho rằng hoặc chúng ta chỉ đơn giản là đã quá quen với nó, hoặc chúng ta chịu đựng nó vì hèn nhát, và chúng ta đang tự chứng tỏ là những đứa con kém cỏi vì thậm chí không thể gìn giữ được cho mình sự tự do mà cha ông ta đã trao tặng cho dân Hy Lạp; và vì chúng ta cho phép thành lập ở Hy Lạp một thành bang bạo chúa, mặc dù ở từng thành bang riêng rẽ chúng ta coi bốn phận của mình là phải hạ bệ những kẻ cai trị chuyên chế. Và chúng tôi không hiểu làm thế nào cách ứng xử này có thể tránh được ba nhược điểm lớn nhất: thiếu khôn ngoan, thiếu can đảm, hoặc thiếu thận trọng. Bởi vì chúng tôi không

nghĩ rằng các vị đã lần trốn trong sự khinh miệt của chính kẻ địch đã tỏ ra tai hại đến thế trong nhiều trường hợp đến thế – một cảm nghĩ mà bằng vào số người mà nó đã hủy hoại được đã khiến nó phải được gọi là đê tiện thì đúng hơn là đáng khinh.

Tuy nhiên, chẳng ích gì khi suy ngẫm về quá khứ xa hơn những gì có thể có ích lợi cho hiện tại. Bởi vì chúng ta phải chuẩn bị cho tương lai bằng cách duy trì những gì hiện tại cho chúng ta và tăng gấp đôi nỗ lực của mình; chúng ta có truyền thống là đạt được phẩm hạnh như thành quả của lao động, và các vị không được thay đổi truyền thống đó, cho dù các vị có một chút lợi thế về của cải và tài nguyên; bởi thật vô lý khi những thứ giành được khi thiếu thốn lại bị mất đi khi sung túc; không, chúng ta phải mạnh dạn tiến đến chiến tranh vì nhiều lý do; thần linh đã ban lệnh cho việc đó và đã hứa sẽ ở bên chúng ta, và tất cả dân Hy Lạp đều sẽ tham gia chiến đấu, phần vì lo sợ, phần vì lợi ích. Các vị sẽ là người đầu tiên phá vỡ một hòa ước mà thần linh bằng việc khuyên chúng ta tiến hành chiến tranh đã phán quyết rằng nó đã bị phá vỡ từ trước, chứ không phải là ủng hộ một hòa ước đã bị vi phạm trắng trợn: thực vậy, các hòa ước bị phá vỡ không phải bởi bên kháng cự mà bởi bên xâm lược.

Do đó, địa vị của các vị, dù nhìn từ góc độ nào, cũng đủ biện minh cho các vị về việc đi đến chiến tranh; và chúng tôi khuyến nghị cần thực hiện bước đi này vì lợi ích của tất cả, với suy nghĩ rằng sự đồng nhất về lợi ích là mối liên kết chắc chắn nhất, dù là giữa các bang hay giữa các cá nhân với nhau. Vì thế nên, đừng chậm trễ trong việc cứu viện Potidaea, một thành của người Doris lại bị người Ionia bao vây, thật là thứ tự đảo điên; cũng đừng chậm trễ đòi quyền tự do cho những xứ còn lại. Chúng ta không thể chờ lâu thêm được nữa khi mà chờ đợi chỉ đồng nghĩa với thảm họa ngay trước mắt cho ai đó trong chúng ta, và nếu người ta biết rằng chúng ta đã bàn bạc nhưng không dám liều bảo vệ chính mình thì sẽ là thảm họa trong tương lai gần cho những kẻ còn lại. Đừng chậm trễ, hỏi các đồng minh, mà, khi đã tin chắc vào sự bức thiết trong cơn khủng hoảng và sự khôn ngoan của lời khuyên này,

hãy biểu quyết tán thành chiến tranh, đừng nao núng bởi mỗi kinh hãi trước mắt, mà nhìn xa hơn đến hòa bình bền vững sẽ kế tiếp sau nó. Ra khỏi chiến tranh nền hòa bình sẽ đạt đến độ ổn định mới, nhưng không chịu từ bỏ an nhàn để đi chiến đấu là một cách chẳng lấy gì làm chắc là sẽ tránh được hiểm nguy. Chúng ta phải tin rằng thành bang bạo chúa đó được lập ra ở Hy Lạp chính là đã được thiết lập để chống lại tất cả không chừa một ai, với một kế hoạch để thống trị tất cả mọi dân; một phần đã được hoàn tất, một phần đang nằm trong dự tính; vậy thì chúng ta hãy tấn công và chinh phục nó, và giành lấy tương lai an toàn cho bản thân chúng ta và tự do cho các dân Hy Lạp hiện đang bị nô dịch.”

Lời lẽ của người Corinth là như thế. Người Lacedaemon, lúc này đã nghe hết thảy các đồng minh đưa ra ý kiến của mình, bèn lấy biểu quyết từ tất cả các bang đồng minh có mặt ở đó theo thứ tự, dù lớn dù nhỏ; và đa số tán thành chiến tranh. Dù điều này đã được quyết định, họ vẫn chưa thể bắt đầu cuộc chiến ngay lập tức, do thiếu chuẩn bị; nhưng họ đã đi đến quyết định rằng những chiến cụ cần thiết sẽ phải được từng thành bang mua sắm chuẩn bị riêng, và không được chậm trễ. Và thật vậy, mặc dù mất một khoảng thời gian để thu xếp mọi thứ cần thiết, nhưng chỉ chưa đầy một năm trôi qua Attica đã bị xâm lược, và cuộc chiến tranh này đã công khai mở màn.

Khoảng thời gian đệm trước cuộc chiến này được dùng để gửi các sứ bộ đến Athens cùng những lời cáo buộc, nhằm có được một cái cớ càng hợp lý để khởi chiến càng tốt, phòng trường hợp Athens không quan tâm gì đến họ. Sứ bộ Lacedaemon đầu tiên đã được gửi đến để yêu cầu người Athens giải lời nguyện của vị nữ thần^[3], câu chuyện về lời nguyện này được kể lại như sau: Trong các thế hệ trước có một người Athens tên là Cylon, một nhà vô địch Olympic, một người có dòng dõi cao sang và địa vị đầy quyền lực, người đã cưới con gái của Iheagenes người Megara, thời bấy giờ là bạo chúa ở Megara. Lúc bấy giờ, khi Cylon hỏi ý vị thần ở Delphi, hắn đã được Thần mách bảo hãy chiếm lấy Acropolis^[4] của Athens vào dịp đại lễ hội vinh danh thần Zeus. Theo lời, hắn kiếm được một lực lượng từ Theagenes và lôi kéo

bạn bè cùng tham gia với hãn, khi lễ hội Olympic ở Peloponnese bắt đầu, hãn chiếm lấy Acropolis, với ý định tự biến mình thành một bạo chúa, nghĩ rằng đây là đại lễ hội vinh danh thần Zeus, và cũng chính là cơ hội thích hợp với một nhà vô địch Olympic. Đại lễ hội vinh danh thần Zeus được nhắc đến liệu có ở Attica hay ở nơi khác là một câu hỏi mà hãn chưa hề nghĩ đến, và lời tiên tri cũng không giúp giải thích điều đó. Bởi chừng người Athens cũng có một lễ hội được gọi là Đại lễ hội vinh danh thần Zeus Meilichios^[5] hay Zeus Nhân từ, tức là Lễ hội Diasia. Lễ hội này được tổ chức bên ngoài kinh thành, và người ta không dâng các vật hiến sinh thật mà dâng một số sản vật chay tịnh đặc sắc của địa phương mình. Tuy nhiên, tưởng đã lựa chọn đúng thời điểm, hãn bèn tiến hành cuộc tấn công. Ngay khi người Athen nhận ra sự việc, họ kéo tới, trăm người như một từ khắp xứ sở, họ hạ trại, và bao vây tòa thành [Acropolis]. Nhưng rồi thời gian kéo dài, mệt mỏi vì việc phong tỏa, hầu hết trong số họ đã bỏ đi; trách nhiệm canh giữ trao lại cho chín vị chấp chính quan, toàn quyền sắp xếp theo đoán định của các vị. Nên biết rằng vào thời đó hầu như tất cả trách nhiệm của chính quyền được chín vị chấp chính quan này gánh vác. Trong khi đó Cylon và các bạn của hãn bị bao vây đã kiệt sức vì thiếu cái ăn và nước uống. Rồi Cylon và người em của hãn đào thoát được; nhưng những kẻ còn lại vẫn bị vây khốn, và một số thậm chí chết vì đói, ngồi như những kẻ thỉnh nguyện quanh bệ thờ bên trong Acropolis. Những người Athens được giao canh gác, thấy những người này gần chết trong đền thờ, đã dựng họ dậy theo cách để họ hiểu sẽ không bị hại, mang họ ra ngoài, và hạ sát. Một vài kẻ khi những người gác đi qua đã trốn vào các ban thờ những nữ thần tôn kính đã bị kết liễu ngay tại chỗ. Do việc giết chóc này mà những kẻ truy sát bị coi là những kẻ bị nguyên rủa và mang tội chống lại vị nữ thần, cả họ lẫn các đời con cháu cũng phải gánh. Theo lời nguyên rủa đó bọn họ đã bị người Athens trục xuất, và lại tiếp tục bị Cleomenes vua của Lacedaemon và một phe phái người Athens trục xuất; người sống bị đuổi khỏi xứ, người đã chết bị quật mả quăng xương; cứ như vậy bọn họ đã bị loại ra khỏi đó. Dầu vậy, sau đó bọn họ đã quay lại, và con cháu bọn họ hiện vẫn sinh sống trong thành đó.

Lúc ấy, đây chính là lời nguyện mà người Lacedaemon yêu cầu người Athens phải giải. Họ làm ra vẻ bị thúc đẩy chủ yếu bởi mối quan tâm đến việc tôn kính các thần; nhưng họ cũng biết rằng Pericles con trai của Xanthippus dính líu đến lời nguyện về bên họ ngoại của ông, và họ nghĩ việc lưu đày ông sẽ đẩy nhanh đáng kể những ý đồ của họ đối với Athens. Không phải họ thực sự hy vọng sẽ thành công trong việc đòi được điều này; đúng hơn họ nghĩ cách tạo ra một thành kiến chống lại ông trong con mắt của đồng bào ông bởi cảm tưởng rằng chiến tranh xảy ra hẳn phần nào do vận rủi mà ông mang đến. Vì là người quyền lực nhất vào thời của ông, và là chính trị gia hàng đầu của Athens, ông phản đối người Lacedaemon về mọi việc, và không nhượng bộ, mà luôn luôn hối thúc người Athens bước vào chiến tranh.

Người Athens đáp trả bằng cách yêu cầu người Lacedaemon phải giải lời nguyện Taenarus. Người Lacedaemon đã từng lôi một vài nô dịch *Helots* đang cầu nguyện ra khỏi đền thờ thần Poseidon ở Taenarus^[6], dẫn đi nơi khác và thủ tiêu họ; vì việc đó người ta tin rằng đã xảy ra trận động đất lớn ở Sparta như một sự trừng phạt. Người Athens cũng yêu cầu họ giải lời nguyện của nữ thần Ngôi Đền Đồng^[7]; câu chuyện về lời nguyện này như sau: Sau khi Pausanias người Lacedaemon bị Sparta triệu hồi từ vị trí chỉ huy ở Hellespont (đây là lần đầu tiên họ triệu hồi ông ta), bị xét xử và được trắng án, nhưng không được phép đi với tư cách đại diện công quyền nữa, ông này đã tự lấy một chiếc thuyền ga-lê của trấn Hermione mà không được người Lacedaemon cho phép, và đến Hellespont với tư cách cá nhân. Ông ta đến đây bề ngoài là vì cuộc chiến Hy Lạp, mà thực ra là để xúc tiến những mưu đồ với Nhà vua^[8], những mưu đồ mà ông ta đã bắt đầu từ trước khi bị triệu hồi, với tham vọng thống trị toàn Hy Lạp. Hoàn cảnh ban đầu đã khiến ông ta được Nhà vua hàm ơn, và là bước khởi đầu trong toàn bộ âm mưu, là thế này: Một số người trong hoàng tộc và một số người có quan hệ với Nhà vua bị bắt ở Byzantium khi thành này bị đoạt lại từ tay quân Ba Tư, là lúc Pausanias lần đầu đến đó sau khi từ Cyprus trở về. Ông ta đã gửi trả những người bị bắt đó cho Nhà vua mà không để các đồng minh biết, viện lý do là họ đã trốn thoát. Ông ta thực hiện được việc đó với sự giúp đỡ của Gongylus

xứ Eretria, người mà Pausanias cắt đặt để cai quản Byzantium và tù nhân. Ông ta cũng đưa cho Gongylus một bức thư gửi cho Nhà vua, nội dung bức thư, mà sau này đã bị phát hiện, như sau: “Pausanias, tướng quân của Sparta, với lòng mong muốn được tỏ thiện ý với ngài, xin gửi trả cho ngài những tù binh này của tôi. Tôi cũng thỉnh cầu, với sự chấp thuận của ngài, xin được cưới con gái của ngài, và sẽ khiến Sparta cùng toàn cõi Hy Lạp thần phục ngài. Tôi có thể nói rằng tôi tin là mình đủ khả năng thực hiện việc này, với sự hợp tác của ngài. Vì vậy nếu bất kỳ điều gì trong thư này làm ngài vui lòng, xin hãy gửi một người tin cần đến vùng biển này^[9], thông qua kẻ đó chúng ta sẽ có thể trao đổi thư từ với nhau trong tương lai.”

Đó là tất cả những gì được tiết lộ trong bức thư, và Xerxes hài lòng với bức thư này. Nhà vua cử Artabazus con trai của Pharnaces theo đường biển với các mệnh lệnh để thay thế Megabates, phó vương trước của trấn Daskylion^[10], và để gửi đi nhanh hết mức cho Pausanias ở Byzantium một bức thư mà Nhà vua tin cậy giao phó cho Artabazus; để cho ông ta xem dấu ấn hoàng gia, và để thực hiện bất cứ sứ mạng nào về các vấn đề của Nhà vua mà anh ta có thể nhận được từ Pausanias bằng tất cả sự cần trọng và lòng trung thành. Ngay khi đến nơi Artabazus liền thực thi các mệnh lệnh của Nhà vua, và chuyển bức thư đi, trong đó có câu trả lời như sau: “Vua Xerxes bảo cho Pausanias biết thế này. Vì những người mà ông đã cứu cho ta từ Byzantium phía bên kia biển, sự tri ân đã được dành sẵn cho ông trong hoàng tộc của chúng ta, được ghi nhớ mãi mãi; và lời đề nghị của ông khiến ta rất đẹp lòng. Đừng để ngày hay đêm ngăn cản ông thực hiện một cách miễn cưỡng bất kỳ lời hứa nào ông đã hứa với ta; đừng để phí tổn dù là vàng hay bạc cản trở việc thực hiện những lời hứa đó, cũng không phải ngại nếu cần đến một số đông binh lính ở bất cứ nơi nào; còn với Artabazus, một người đáng trọng mà ta gửi đến chỗ ông, hãy cùng y mạnh bạo thúc đẩy các mục đích của ta và của ông, theo cách phù hợp nhất với vinh quang và lợi ích của cả hai chúng ta.”

Trước đó đã được người Hy Lạp tôn vinh là vị anh hùng của trận Plataea^[11], sau khi nhận được bức thư này Pausanias trở nên tự đắc hơn bao

giờ hết, và không thể sống theo phong cách bình thường như trước nữa, mà ra khỏi Byzantium trong trang phục Ba Tư, được đội vệ sĩ người Ba Tư và Ai Cập tháp tùng trong cuộc diễu hành của ông ta xuyên qua xứ Thrace, ăn uống tiệc tùng theo kiểu Ba Tư, và gần như không thể kiềm giữ những ý định của mình, mà qua cách cư xử của mình trong những việc nhỏ đã để lộ ra những gì mà tham vọng của ông ta trông đợi một ngày kia sẽ thực hiện chúng trên quy mô lớn hơn rất nhiều. Ông ta cũng tự làm cho mình trở nên khó gần, và bộc lộ một tính khí hung bạo đối với tất cả mọi người không trừ một ai khiến không ai có thể lại gần ông ta. Trên thực tế, đây chính là lý do tại sao liên minh đã bỏ sang theo Athens.

Cách hành xử nói trên, khi đến tai người Lacedaemon, đã dẫn đến lần triệu hồi đầu tiên với ông ta. Và sau chuyến đi thứ hai của ông ta trên con thuyền của Hermione, không được lệnh của họ, ông ta đã cho thấy những bằng chứng về cách hành xử tương tự. Bị người Athens bao vây và trục xuất khỏi Byzantium, ông ta không trở về Sparta; mà có tin rằng ông ta đã định cư tại thành Colonae^[12] ở Troad^[13], và đang ngấm ngấm vận động dân man di, và rằng ông ta ở lại đó chẳng phải vì mục đích tốt đẹp gì, và các vị đại pháp quan, bấy giờ đã không còn do dự, cử một viên sứ truyền lệnh mang đến chỗ ông ta một *scytale*^[14] với mệnh lệnh hoặc theo viên sứ truyền lệnh này về hoặc sẽ bị tuyên bố là một kẻ thù của toàn dân. Mong muốn trên hết là tránh bị nghi ngờ, và tự tin rằng có thể dùng tiền để hủy lời buộc tội, ông ta đã quay về Sparta lần thứ hai. Thoạt đầu bị các vị đại pháp quan tống vào tù (các vị này có quyền lực để bỏ tù cả nhà vua), song ông ta đã sớm dàn xếp được vấn đề đó và lại thoát được tù tội, và tự đề nghị đưa mình ra một phiên tòa cho bất kỳ ai muốn mở cuộc điều tra về ông ta.

Người Sparta lúc này không có bằng chứng xác thực chống lại ông ta – cả những kẻ thù của ông ta lẫn dân chúng đều không có – những bằng chứng thuộc loại không thể chối cãi để trừng phạt một người trong hoàng tộc, và tại thời điểm đó còn nắm chức vụ cao; ông ta đang là nhiếp chính cho người em họ thứ nhất của mình là Vua Pleistarchus, con trai Vua Leonidas, mà lúc ấy vẫn còn thơ ấu. Nhưng với sự coi thường luật pháp và việc bắt chước bọn

man di, ông ta đã tạo căn cứ cho nỗi nghi ngờ sâu sắc rằng ông ta bất mãn với những thứ đã là truyền thống; tất cả những tình huống mà trong đó ông ta đã chệch hướng khỏi tập quán chung bất kể theo cách nào đều bị đưa ra xét lại, và người ta nhớ rằng Pausinias đã tự tay viết lên chiếc đỉnh ở đền Delphi, vật được người Hy Lạp cung tiến như thành quả đầu tiên khi chiến thắng quân Ba Tư, hai câu thơ sau:

Giặc Ba Tư chiến bại, Pausania vĩ đại dựng lên

Đài tưởng niệm này, để ngợi ca Phoebus^[15].

Lúc bấy giờ người Lacedaemon đã lập tức xóa hai câu này, và viết lên đó tên các thành bang đã trợ chiến trong việc đánh bại quân man di và dâng lễ vật. Tuy nhiên hành động này của Pausanias vẫn bị quy là một tội nghiêm trọng, cái tội mà, diễn giải về phương diện thái độ ông ta đã thể hiện từ lúc ấy, đã mang một ý nghĩa mới, và dường như hoàn toàn phù hợp với các mưu đồ hiện tại của ông ta. Thêm nữa, họ được báo rằng ông ta thậm chí đã từng ngầm âm mưu với dân nô dịch *Helots*; và quả thực điều đó là có thật, bởi vì ông ta đã hứa cho họ quyền tự do và quyền công dân nếu họ tham gia cùng ông ta trong cuộc nổi loạn và giúp thực hiện kế hoạch của ông ta đến cùng. Thậm chí là lúc này, không tin tưởng ngay cả chứng cứ của chính dân *Helots*, các vị đại pháp quan không thuận cho thực hiện một biện pháp quyết liệt nào chống lại ông ta; đúng với thói quen thường lệ của họ đối với chính bản thân họ, ấy là, trì hoãn thực hiện bất cứ quyết định nào không thể vẫn hồi liên quan đến một công dân Sparta mà không có bằng chứng không thể chối cãi. Cuối cùng, nghe nói rằng kẻ đáng lẽ phải mang bức thư mới nhất đến gặp Artabazus để chuyển cho Nhà vua, một người đàn ông ở Argilus^[16] từng là đầy tớ thân cận và đáng tin cậy nhất của Pausanias, đã trở mặt khai báo. Lo lắng bởi ngầm thấy không có người đưa thư nào trước đây từng quay trở lại, anh ta đã làm giả chiếc triện, để nếu phỏng đoán của anh ta sai, hoặc giả Pausanias mà hỏi đến để chữa lại chỗ nào đó, thì anh ta sẽ không bị lộ, rồi anh ta mở lá thư, và tìm thấy phần tái bút mà anh ta đã nghi ngờ, đó là mệnh lệnh giết anh ta.

Khi được cho xem bức thư, các vị đại pháp quan bấy giờ mới cảm thấy chắc chắn hơn. Tuy nhiên, họ muốn chính tai mình nghe lời tự thú của Pausanias. Theo đó người đưa thư kia được phái đến Taenarus như một kẻ thỉnh nguyện, và tại đây anh ta tự dựng một túp lều chia làm hai gian bằng một vách ngăn; gian sau bức vách anh ta giấu vài vị đại pháp quan và để họ nghe được toàn bộ câu chuyện một cách rõ ràng. Bởi Pausanias đã đến chỗ người này và hỏi nguyên do vì đâu mà anh ta lại làm kẻ thỉnh nguyện; và anh ta đã trách móc Pausanias vì mệnh lệnh mà ông ta viết trong thư liên quan đến anh ta, và lần lượt nói ra mọi chi tiết còn lại, làm sao mà anh ta, người chưa từng gây bất cứ nguy hiểm nào cho Pausanias, khi được dùng làm phái viên giữa ông ta và Nhà vua lại cùng chung số phận như phần đông những kẻ tội tở khác của ông ta được thưởng công bằng cái chết. Thừa nhận tất cả chuyện này, và phủ dụ người đưa thư đừng tức giận về sự thể đó, Pausanias đã cho anh ta lời cam kết bằng cách đưa tay nâng anh ta đứng dậy ra khỏi đền thờ, và năn nỉ anh ta lên đường nhanh hết mức có thể, và đừng gây trở ngại cho nhiệm vụ được giao.

Các vị đại pháp quan đã lắng nghe kỹ, và sau đó ra đi, không có bất kỳ hành động nào ngay, nhưng, sau khi đã chắc chắn về vụ việc, họ chuẩn bị để bắt giữ ông ta tại kinh thành. Theo như kể lại, khi sắp bị bắt trên phố, Pausanias đã đọc được trên gương mặt của một trong các vị đại pháp quan cái điều sắp xảy đến với mình; một vị khác, cũng vậy, đã bí mật ra dấu cho Pausanias, để lộ điều đó cho ông ta vì lòng tốt. Bỏ chạy vào đền thờ nữ thần Ngôi Đền Đồng, nơi có hàng rào bao quanh ở ngay gần đó, Pausanias đã trốn được vào thánh đường trước khi bị bọn họ bắt, và khi vào được một căn phòng nhỏ, là một phần của ngôi đền, để tránh phải dãi dầu mưa nắng, ông ta nằm yên trong đó. Các vị đại pháp quan, nhất thời bị cách bức trong cuộc truy đuổi, sau đó đã cho dỡ mái căn phòng kia, và khi chắc chắn rằng Pausanias ở trong đó, đã nhốt ông ta lại, chặn các cửa ra vào bằng chướng ngại vật, và đứng canh bên ngoài, buộc ông ta ra hàng bằng cách bỏ đói. Khi họ thấy rằng ông ta sắp chết đến nơi trong căn phòng đó, mà quả đúng thế thật, họ bèn đem ông ta ra khỏi đền thờ, lúc ông ta vẫn còn thoi thóp, và khi vừa được đưa ra ngoài thì ông ta chết. Họ đã định ném ông ta xuống vực

Kaiadas, nơi họ ném lũ tội phạm, nhưng cuối cùng họ đã quyết định chôn ông ta ở một nơi gần đó. Nhưng vị thần ở Delphi sau đó đã lệnh cho người Lacedaemon phải rời ngôi mộ đó đến chỗ Pausanias chết – nơi mà hiện giờ ông ta đang nằm trong khu đất thánh, như văn bia trên cột đá ghi lại – và bởi những gì đã xảy ra là một lời nguyền dành cho họ, ngài bắt họ phải trả lại hai cái xác thay vì một cho nữ thần Ngôi Đền Đồng. Vì thế họ đã cho làm hai bức tượng bằng đồng, và dâng chúng thay thế cho thân xác của Pausanias. Người Athen trả miếng bằng cách yêu cầu người Lacedaemon giải lời nguyền mà vị thần ấy đã tuyên.

Lại nói về thái độ thân Ba Tư của Pausanias. Vấn đề được phát hiện ra trong quá trình điều tra liên can cả đến Themistocles; và người Lacedaemon do đó đã phái sứ giả đến Athens và yêu cầu phải trừng phạt Themistocles như họ đã làm với Pausanias. Người Athens đồng ý. Nhưng ngẫu nhiên mà Themistocles lại bị trục xuất từ trước đó, và, vì có tư dinh ở Argos, theo thói quen ông đang đi thăm thú các vùng khác thuộc Peloponnese. Vì vậy họ cử người đi cùng với người Lacedaemon, những kẻ sẵn sàng tham gia cuộc truy đuổi, với chỉ thị bắt giữ ông ở bất cứ nơi nào họ thấy ông. Nhưng Themistocles đã nghe phong thanh được ý định của họ, và từ Peloponnese chạy trốn sang đảo Corcyra, nơi vẫn mang ơn ông. Nhưng người Corcyra cho là họ không thể mạo hiểm che chở ông để phải trả giá bằng việc làm méch lòng Athens và Lacedaemon, và họ chuyển ông sang phía lục địa đối diện. Bị truy đuổi bởi những giới chức luôn bám theo tin tức về nhất cử nhất động của mình, bối rối không biết đi đâu, Themistocles buộc phải dừng lại tại nhà của Admetus, vua của dân Molossia^[17], dù họ không giao hảo với nhau. Admetus lúc đó không ở nhà, nhưng vợ ông ta, người mà Themistocles hạ mình cư xử như một kẻ cầu xin, đã bảo ông ta bế lấy đứa con của họ mà ngồi xuống bên cạnh lò sưởi. Chẳng mấy chốc Admetus về đến, và Themistocles nói với ông ta mình là ai, và cầu xin ông ta đừng trả thù Themistocle đang lưu vong này vì bất kỳ sự phản đối nào của Themistocles khi còn ở Athens đối với các yêu cầu của ông ta. Thực ra, ông ta giờ đây đã quá thấp kém để Admetus trả thù; sự báo thù chỉ cao thượng đối với những kẻ ngang hàng. Hơn nữa, sự phản đối của ông đối với vị vua

này chỉ ảnh hưởng đến việc đạt được một yêu cầu, chứ không phải đến an nguy sinh mạng nhà vua; nếu bây giờ nhà vua giao nộp ông cho những kẻ truy đuổi mà ông nói đến kia, và cho cái số phận bọn họ đã định sẵn cho ông, thì chẳng khác gì nhà vua đẩy ông vào một cái chết cầm chắc.

Nhà vua lắng nghe và nâng Themistocles cùng con trai mình dậy, vì cậu bé đang ngồi trong vòng tay ông là cách cầu xin hiệu quả nhất, và khi người Lacedaemon tìm đến sau đó không lâu, nhà vua đã từ chối giao nộp Themistocles dù bọn họ nói gì đi chăng nữa, mà đã đưa ông theo đường bộ sang vùng biển khác ở Pydna trong lãnh địa của Alexander^[18], vì ông muốn đến chỗ vua Ba Tư. Tại đây ông đã gặp một thương thuyền đang chuẩn bị nhổ neo đi Ionia. Đi trên con thuyền này, ông bị một cơn bão thổi dạt đến chỗ hải đội của Athens đang phong tỏa Naxos. Tuy ông đã may mắn vì những người trên thuyền không biết ông là ai, nhưng trong cơn lo lắng ấy ông đã tiết lộ cho thuyền trưởng biết thân phận của mình và vì đâu mà ông đang phải chạy trốn, và nói rằng, nếu thuyền trưởng từ chối che chở ông, ông sẽ tuyên bố rằng thuyền trưởng đã mang ông theo vì nhận hối lộ. Trong lúc này sự an toàn của họ là ở chỗ không để một ai rời tàu cho đến lúc trời yên biển lặng để lại ra khơi. Nếu thuyền trưởng đồng ý làm theo mong muốn của ông, Themistocles hứa sẽ đền bù xứng đáng. Vị thuyền trưởng làm theo điều ông muốn, và, sau khi thả neo ở đó qua một ngày và một đêm ở bên ngoài tầm kiểm soát của hải đội Athens, cuối cùng họ đã đến được Ephesus^[19].

Sau khi thưởng cho thuyền trưởng một món tiền ngay lúc nhận được một số tiền từ các bạn của ông ở Athens và từ kho bí mật của ông tại Argos, Themistocles khởi hành vào nội địa với một trong những người Ba Tư ở bờ biển, và gửi một lá thư đến Vua Artaxerxes con trai của Xerxes, người vừa mới lên ngai vàng. Nội dung bức thư đó như sau: “Tôi, Themistocles, đến với ngài, là người đã mang lại cho triều đình của ngài nhiều tổn hại hơn bất cứ người Hy Lạp nào, khi tôi buộc phải bảo vệ chính mình trước cuộc xâm lược của cha ngài – những tổn hại đó tuy vậy còn kém xa những điều tốt đẹp tôi đã làm cho ông ấy khi ông ấy rút lui, cuộc rút lui không gây ra bất cứ

nguy hiểm nào cho tôi nhưng lại gây ra rất nhiều nguy hiểm cho ông ấy. Vì quá khú đó, ngài nợ tôi một ân huệ” – ở đây ông nhắc đến lời cảnh báo đã được gửi cho Xerxes để rút quân khỏi Salamis, cũng như việc Xerxes thấy những cây cầu không bị phá, mà ông vờ bịa là nhờ có ông^[20] – “hiện tại, khi có thể phụng sự ngài rất nhiều, tôi đến đây, bị người Hy Lạp truy đuổi vì tình hữu hảo của tôi với các ngài. Tuy nhiên, tôi mong được ân hạn một năm, khi ấy tôi sẽ có thể tự mình trình bày mục đích đến của tôi.”

Người ta thuật lại rằng Nhà vua đã chuẩn y ý định của ông, và bảo ông hãy cứ làm như ông đã nói. Themistocles đã tranh thủ khoảng thời gian một năm này để cố gắng tiến nhanh hết sức trong việc học tiếng Ba Tư, và tìm hiểu phong tục của xứ sở này. Đến yết kiến triều đình Ba Tư vào cuối năm đó, ông đã giành được một sự quan tâm cao độ, trước ông hoặc sau ông chưa một người Hy Lạp nào từng được quan tâm như vậy; một phần là do danh tiếng lẫy lừng của ông trước đó, phần nữa là do những hy vọng mà ông khơi gợi về việc thực hiện cuộc chinh phục Hy Lạp cho Nhà vua, nhưng chủ yếu là bởi những bằng chứng mà họ chiêm nghiệm hằng ngày đã cho thấy năng lực của ông. Bởi vì Themistocles là một người cho thấy những dấu hiệu rõ ràng nhất của một thiên tài; thật vậy, riêng về mặt này ông có quyền được hưởng sự ngưỡng mộ đặc biệt và không gì sánh nổi của chúng ta. Chỉ bằng khả năng bẩm sinh của mình, chẳng phải do học hành từ tấm bé mà nên, ông đã đồng thời vừa là người xét đoán sáng suốt nhất trong những thời điểm khủng hoảng bất ngờ mà không có hoặc có rất ít thời gian để suy xét kỹ càng, vừa là nhà tiên tri lỗi lạc nhất về tương lai, ngay cả về những việc có khả năng xảy ra trong tương lai xa nhất. Là một người có khả năng lý luận kiến giải tất cả những gì trong phạm vi mà ông thông thạo, ông cũng không thiếu khả năng đưa ra một phán đoán thích hợp về những vấn đề mà ông chưa hề có kinh nghiệm. Ông còn có thể tiên đoán một cách xuất sắc họa phúc đang tiềm ẩn trong tương lai xa xôi. Tóm lại, bất kể chúng ta xem xét tầm cỡ tài năng bẩm sinh hay tính linh hoạt trong ứng biến của ông, người đàn ông xuất chúng này phải được công nhận là vượt qua tất cả mọi kẻ khác về năng lực trực giác khi đương đầu với tình huống khẩn cấp. Bệnh tật mới thực là nguyên nhân gây ra cái chết của ông, mặc dù có chuyện đồn đại về

việc ông tự kết liễu đời mình bằng thuốc độc khi thấy mình không thể thực hiện lời hứa với Nhà vua. Bất kể là thế nào, hiện vẫn có một đài tưởng niệm ông ở khu chợ của Asiatic Magnesia^[21]. Ông từng là phó vương xứ này, Nhà vua đã cho ông cai quản Magnesia – nơi mang lại lợi tức năm mươi *talăng* một năm – để ông có đồ ăn, Lampsacus^[22] – được coi là xứ rượu vang giàu có nhất – để ông có rượu uống, và Myos^[23] cho ông những nhu yếu phẩm khác. Hài cốt của ông, theo lời kể lại, đã được thân quyến đưa về cố hương theo ý nguyện của ông, và được chôn cất trên đất Attica. Việc này đã được thực hiện mà người Athens không hay biết; vì nếu chôn cất một tội phạm phản quốc ở Attica là trái luật. Chuyện về Pausanias và Themistocles, người Lacedaemon và người Athens, những người nổi tiếng nhất trong thời đại của họ ở Hy Lạp đã kết thúc như thế đó.

Lại nói về người Lacedaemon. Câu chuyện về sứ bộ đầu tiên của họ, các yêu sách mà sứ bộ đó truyền đạt, và những lời ăn miếng trả miếng nó gây nên liên quan đến việc trục xuất những người bị nguyền, đều đã được kể. Sứ bộ này được nối tiếp bởi một sứ bộ thứ hai, đòi Athens chấm dứt cuộc bao vây Potidaea và tôn trọng quyền độc lập của Aegina. Trên hết, nó truyền đạt cho Athens hiểu một cách rõ ràng nhất rằng có thể tránh được chiến tranh nếu bãi bỏ sắc lệnh Megara, cái sắc lệnh loại trừ dân Megara khỏi quyền sử dụng hải cảng cũng như thương trường của Athens. Nhưng Athens chẳng sẵn lòng hủy bỏ sắc lệnh đó, cũng không sẵn lòng thỏa mãn những yêu sách khác của Lacedaemon; Athens cáo buộc dân Megara về tội mở rộng canh tác trên vùng đất thiêng và vùng đất trung lập trên biên giới, và tội chứa chấp những nô lệ chạy chốn của Athens. Cuối cùng một sứ bộ đã tới mang theo tối hậu thư của người Lacedaemon. Các sứ giả gồm Ramphias, Melesippus và Agesander. Những vấn đề cũ không hề được đả động đến; họ chỉ đơn giản nói như sau: “Lacedaemon mong muốn hòa bình vẫn được duy trì, và không có lý do gì mà hòa bình lại không duy trì được, nếu các người để các dân Hy Lạp được độc lập”. Trước việc này người Athens bèn tổ chức một hội nghị công dân, và đưa vấn đề này ra hội nghị xem xét. Họ quyết định bàn tính một lần cho triệt để tất cả những yêu sách của người Lacedaemon, và cho họ một câu trả lời. Đã có nhiều diễn giả lên phát biểu và bày tỏ sự

ủng hộ cho bên này hay bên kia, nhấn mạnh sự cần thiết của chiến tranh, hoặc việc thu hồi sắc lệnh kia và thật ngu ngốc nếu để cho nó ngăn cản hòa bình. Trong số họ có Pericles con trai của Xanthippus, con người quan trọng hàng đầu ở Athens vào thời của ông, là người tài giỏi nhất về mưu lược cũng như hành động, đã tiến lên và đã đưa ra lời khuyên sau:

“Hỡi dân chúng Athens, có một nguyên tắc mà tôi luôn trung thành với nó trong tất cả mọi việc, và đó là nguyên tắc không nhượng bộ người Peloponnese. Tôi biết rằng cái tinh thần thôi thúc con người khi họ bị thuyết phục tiến hành chiến tranh không phải lúc nào cũng được duy trì trong hành động; và rằng khi hoàn cảnh thay đổi, thì quyết tâm cũng thay đổi. Tuy vậy tôi thấy rằng lúc này, chẳng khác gì trước đây, mọi người đang trông đợi ở tôi cùng một lời khuyên như vậy; và tôi đưa ra lời khuyên này cho những người đang tự cho phép mình bị thuyết phục để họ suy xét: hãy ủng hộ những quyết tâm của dân tộc ngay cả trong nghịch cảnh, kéo mất hết danh tiếng về sự sáng suốt của mình trong trường hợp thành công. Bởi đôi khi sự việc vận động theo chiều hướng tùy hứng chẳng khác gì các kế hoạch của con người; quả thật đó là lý do tại sao chúng ta thường đổ lỗi cho may rủi khi bất kỳ việc gì không xảy ra như chúng ta mong đợi. Trước đây đã thấy rõ rằng Lacedaemon áp ủ âm mưu chống lại chúng ta; giờ đây điều đó lại càng rõ ràng hơn. Hòa ước quy định rằng chúng ta sẽ cùng đệ trình những bất đồng để dàn xếp theo luật, và rằng trong lúc ấy mỗi bên sẽ giữ những gì mình có. Vậy mà người Lacedaemon chưa từng đề nghị chúng ta một điều như vậy bao giờ, cũng chưa từng chấp nhận một đề nghị như vậy từ phía chúng ta; ngược lại, họ muốn những lời cáo buộc được giải quyết bằng chiến tranh thay vì thương lượng; và cuối cùng, chúng ta thấy họ đến đây, bỏ cái giọng trách móc và dùng cái giọng ra lệnh. Họ đòi chúng ta triệt thoái cuộc vây hãm Potidaea, để Aegina được độc lập, thu hồi sắc lệnh Megara; và họ kết thúc bằng một tối hậu thư cảnh báo chúng ta phải để cho các dân Hy Lạp độc lập. Tôi hy vọng

rằng không ai trong số các vị nghĩ rằng chúng ta sẽ đi đến chỗ tranh chiến chỉ vì một chuyện vặt vãnh nếu chúng ta từ chối thu hồi sắc lệnh Megara, là vấn đề nổi lên hàng đầu trong các cáo buộc của họ và việc thu hồi sắc lệnh đó sẽ cứu chúng ta khỏi chiến tranh, hay là để bất cứ cảm giác ân hận nào đeo đẳng tâm trí chúng ta, như thể các vị bước vào chiến tranh chỉ vì một lý do không đáng kể. Không đáng kể là thế nào, khi mà chuyện vặt vãnh này chứa đựng toàn bộ phép thử và dấu ấn để khẳng định lòng quyết tâm của các vị. Nếu các vị nhượng bộ, các vị sẽ ngay lập tức phải đáp ứng những đòi hỏi lớn hơn, vì đã phục tùng ngay khi bị dọa dẫm lần đầu; trong khi một lời từ chối dứt khoát sẽ khiến họ hiểu rõ rằng họ phải cư xử với chúng ta đúng mực hơn như với những kẻ ngang hàng. Vì thế các vị hãy đưa ra quyết định ngay lập tức, hoặc là quy phục trước khi các vị bị tổn hại, hoặc nếu chúng ta tiến hành chiến tranh, điều mà cá nhân tôi nghĩ chúng ta cần phải làm, thì hãy tiến hành chiến tranh mà đừng quan tâm dù lý do bề ngoài lớn hay nhỏ, cương quyết chống lại việc nhượng bộ hay bằng lòng với việc nắm giữ một cách bấp bênh những gì thuộc quyền sở hữu của chúng ta. Bởi vì tất cả những yêu sách từ một thế lực ngang hàng, thúc ép một lân bang như thế ra lệnh trước khi có bất kỳ cố gắng dàn xếp nào theo luật, thì các yêu sách đó dù lớn dù nhỏ cũng chỉ có một ý nghĩa duy nhất, và đó là ách nô lệ.

Về chiến tranh và những nguồn lực của mỗi bên, một sự so sánh chi tiết sẽ cho các vị thấy Athens chẳng kém cạnh gì. Bản thân các dân ở Peloponnese bận bịu với việc canh tác trên đất đai của mình, không có nguồn tài chính nào dù là của tư hay của công, họ cũng chưa kinh qua những cuộc chiến tranh vượt biển dài ngày, do cảnh nghèo nàn thiếu thốn áp đặt một giới hạn rất hẹp cho các cuộc chiến giữa họ với nhau. Các thế lực loại này hoàn toàn không có khả năng thường xuyên cung cấp người cho một hạm đội hay cử một đạo quân ra ngoài cõi: họ không thể chịu cảnh vắng mặt khỏi nhà mình, không đủ sức đảm đương chiến phí bằng ngân quỹ của chính họ; và ngoài ra, họ không làm chủ được mặt biển. Nên nhớ rằng tiền bạc có sẵn sẽ duy trì một cuộc chiến

tốt hơn những đóng góp bắt buộc. Nông dân là tầng lớp luôn luôn sẵn sàng phục vụ bằng sức người hơn là bằng tiền bạc. Họ tin rằng con người sẽ sống sót qua những hiểm nguy, nhưng họ không lấy gì làm chắc rằng tiền bạc sẽ không cạn kiệt quá sớm, đặc biệt nếu chiến tranh kéo dài hơn họ chờ đợi, điều mà rất có khả năng sẽ là như vậy. Trong một trận chiến đơn lẻ dân Peloponnese và các đồng minh của họ có khả năng chấp tất cả các dân Hy Lạp, nhưng họ bất lực khi tiến hành một cuộc chiến chống lại một thế lực khác biệt với họ về tính cách, bởi họ thiếu một hội đồng duy nhất cần thiết để hành động nhanh chóng và mạnh mẽ, và thay vào đó là một đại hội-đồng hợp thành từ nhiều sắc tộc, trong đó mỗi thành bang sở hữu một lá phiếu bình quyền, và mỗi thành bang đều thúc đẩy mục đích của mình, một tình trạng mà thường không dẫn đến trận chiến nào cả. Mong ước lớn nhất của một số thành bang là báo thù cho riêng mình nhằm vào kẻ thù cụ thể nào đó, mong ước lớn nhất của số còn lại là tiết kiệm tiền túi của riêng họ. Chậm chạp trong việc tập hợp, họ dành một phần thời gian rất ít để xem xét bất cứ mục tiêu chung nào, phần lớn thời gian dành để theo đuổi mục tiêu của riêng mình. Trong khi đó mỗi người đều tưởng rằng thái độ thờ ơ của mình sẽ chẳng hại gì, rằng đó là việc của một ai khác phải lo việc này việc kia hộ hãn; và như vậy, bởi cùng cái ý nghĩ mà từng thành bang thấy đều áp ủ đó, mục tiêu chung sẽ tiêu tan mà không ai nhận thấy.

Nhưng vấn đề chính là sự cản trở mà họ sẽ phải trải qua do thiếu thốn tiền bạc. Tiền bạc chậm về sẽ dẫn đến sự trì hoãn; mà các cơ hội trong chiến tranh thì chẳng đợi một ai. Vả lại, chúng ta không cần lo hoảng dù về khả năng bọn họ dựng lên các công sự ở Attica, hay về lực lượng hải quân của họ. Sẽ khó khăn khi thiết lập bất cứ hệ thống phòng thủ nào ở một thành bang kinh địch, ngay cả trong thời bình, lại còn khó hơn nữa, chắc chắn đấy, là lập ở xứ sở của kẻ thù, nơi mà Athens phòng thủ chống lại nó chẳng kém gì nó phòng thủ chống Athens; trong khi đó một đồn trại đơn lẻ có thể gây một số thiệt hại cho xứ đó bằng những cuộc đột kích và bằng những cơ sở mà nó có thể tạo ra cho những kẻ đào ngũ và bỏ trốn, nhưng không bao giờ ngăn được thuyền

chúng ta đi vào xứ sở của họ và dựng lên các công sự ở đó, và tiến hành trả đũa bằng hạm đội hùng mạnh của chúng ta. Bởi kỹ năng hải quân của chúng ta hữu dụng cho chúng ta bộ chiến hơn là kỹ năng lục quân của họ hữu dụng cho hải chiến. Họ sẽ không dễ mà làm quen được với biển. Nếu các vị, những người đã từng thao luyện trên biển kể từ cuộc xâm lược của quân Ba Tư, còn chưa thể đẩy kỹ năng đó lên đến mức hoàn thiện, thì liệu có bất cứ cơ may nào để một dân thuần nông không quen với nghề đi biển có thể làm được điều gì đó đáng kể, mà hơn nữa việc thao luyện của dân này lại còn bị ngăn cản bởi sự hiện diện liên tục của các hạm đội cảnh giới hùng hậu của Athens? Họ có thể liều giao chiến với một hải đội nhỏ, khích lệ sự thiếu hiểu biết của mình bằng số đông; nhưng sự kiềm chế từ một lực lượng hùng hậu sẽ ngăn cản không cho họ di chuyển, và vì thiếu thao luyện họ sẽ càng vụng về hơn, và hậu quả là họ sẽ nhát sợ hơn. Cần phải ghi nhớ rằng thành thạo nghề đi biển, cũng giống như thành thạo bất cứ một việc gì khác, là một nghệ thuật, và nó không cho phép chỉ thỉnh thoảng thực hành như một việc làm lúc rảnh rỗi; trái lại, nó đòi hỏi nhiều cố gắng đến mức không chừa lại thời gian rảnh rỗi cho bất kỳ việc gì khác nữa.

Ngay cả nếu họ định động đến tiền bạc ở Olympia hay ở Delphi, và cố gắng chiêu dụ các thủy thủ ngoại bang của ta, cám dỗ bằng lương cao bổng hậu hơn, thì việc đó sẽ chỉ là mối nguy nghiêm trọng nếu chúng ta vẫn không thể địch nổi họ bằng đội ngũ trên các chiến thuyền là công dân của chúng ta và dân ngụ cư ở xứ chúng ta. Nhưng trên thực tế với đội ngũ này chúng ta luôn là một đối thủ ngang ngửa với họ; và, hay hơn hết là, chúng ta có rất nhiều thuyền trưởng và thủy thủ bản địa hạng ưu trong số công dân của chúng ta hơn tất cả những thành bang khác trên toàn cõi Hy Lạp. Và chưa kể đến nguy cơ của một bước đi như vậy, không có thủy thủ ngoại bang nào của ta lại đồng ý trở thành một kẻ ngoài vòng pháp luật ở xứ mình, và chấp nhận chiến đấu vì họ và vì những hy vọng của họ, chỉ vì dăm ngày lương cao.

Tôi nghĩ trên đây là một mô tả khá hợp lý về vị thế của dân Peloponnese; vị thế của Athens tránh được những nhược điểm mà tôi

đã chỉ trích ở dân đó, và có những lợi thế khác của riêng mình, những lợi thế mà dân Peloponnese chẳng thể phô ra thứ gì sánh ngang được. Nếu họ tiến quân đánh xứ sở của chúng ta thì chúng ta sẽ mang hạm đội đi đánh lại xứ sở họ, và rồi sẽ thấy ra rằng có tàn phá toàn bộ Attica cũng không bằng tàn phá với dù chỉ một phần nhỏ của Peloponnese; vì họ sẽ không có khả năng bù lại cho chỗ đất đai thiếu hụt ngoại trừ bằng cách đánh chiếm, trong khi chúng ta có nhiều đất đai cả trên các đảo lẫn trên đất liền. Quyền thống trị trên biển quả thực vô cùng quan trọng. Hãy ngắm mà xem. Giả sử chúng ta là dân hải đảo; các vị có thể nghĩ ra một vị trí nào bất khả xâm phạm hơn không? Thế đấy, điều này trong tương lai, càng lâu dài càng tốt, phải là quan niệm của chúng ta về vị trí của mình. Gạt bỏ tất cả những lo lắng về đất đai và nhà cửa của chúng ta, chúng ta phải cảnh giác canh giữ mặt biển và kinh thành. Chúng ta không thể để bất kỳ cảm giác lo lắng nào về đất đai nhà cửa của chúng ta kích động chúng ta tiến vào một trận chiến với ưu thế quân số thuộc về Peloponnese. Một trận thắng sẽ chỉ nối tiếp bằng một trận chiến khác chống lại cùng một ưu thế đó, nhưng một trận bại sẽ kéo theo việc chúng ta mất đi các đồng minh của mình, chính là nguồn sức mạnh của chúng ta, những đồng minh đó sẽ không còn giữ vẻ hòa hảo với chúng ta lấy một ngày sau khi chúng ta không còn khả năng tiến quân đánh họ nữa. Chúng ta không nên than khóc vì mất nhà cửa đất đai mà chỉ nên than khóc vì mất đi tính mạng của con người; bởi vì nhà cửa đất đai không đem lại con người, mà con người đem lại chúng. Và nếu tôi nghĩ rằng tôi đã thuyết phục được các vị, thì tôi hẳn đã yêu cầu các vị hãy tiêu thổ chúng bằng chính bàn tay của mình, và cho dân Peloponnese thấy rằng việc này bất luận thế nào cũng sẽ không khiến các vị phải khuất phục.

Tôi có nhiều lý do khác nữa để hy vọng có được một kết quả thuận lợi, nếu các vị có thể đồng ý không kết hợp các mưu đồ chinh phục mới với việc tiến hành chiến tranh, và sẽ tránh đừng cố tình để mình dính líu vào những hiểm nguy khác; thực vậy, tôi lo sợ vì những khinh suất của chính chúng ta còn hơn là vì mưu kế của địch. Nhưng những vấn

đề này sẽ được giải thích trong một lần phát biểu khác, khi hoàn cảnh đòi hỏi; trước mắt hãy giải tán những kẻ kia với câu trả lời rằng chúng ta sẽ cho Megara sử dụng thương trường và hải cảng của chúng ta khi người Lacedaemon đình chỉ những đạo luật ngăn cấm dân ngụ cư của họ để tạo thuận lợi cho chúng ta và các đồng minh của chúng ta, trong hòa ước không có quy định nào cản trở cả việc này lẫn việc kia; rằng chúng ta sẽ để các thành bang được độc lập, nếu chúng ta thấy họ đang độc lập khi chúng ta ký kết hòa ước đó, và khi người Lacedaemon ban cho các thành bang của họ nền độc lập không kéo theo sự phục vụ cho lợi ích của người Lacedaemon, mà là nền độc lập mà mỗi xứ có thể mong muốn cho riêng mình; rằng chúng ta sẵn sàng đáp ứng thỏa mãn về mặt pháp lý như các thỏa thuận của chúng ta quy định, và rằng chúng ta sẽ không khởi chiến, nhưng sẽ chống trả những kẻ khởi chiến. Đây là một câu trả lời tương thích đồng thời với cả quyền lợi lẫn phẩm giá của Athens. Cần phải thấu hiểu rằng chiến tranh là cần thiết; nhưng chúng ta càng sẵn sàng chấp nhận nó bao nhiêu, thì các địch thủ của chúng ta càng bớt nhiệt huyết đi bấy nhiêu, và rằng vì gặp những hoàn cảnh hiểm nghèo nhất mà các cộng đồng và cá nhân đạt được vinh quang cao cả nhất. Chẳng phải cha anh chúng ta đã chống lại quân Ba Tư không chỉ với các nguồn lực khác xa với chúng ta hiện giờ, mà thậm chí cả khi họ đã từ bỏ những nguồn lực đó; và bằng trí khôn nhiều hơn là bằng may mắn, bằng sự táo bạo nhiều hơn là bằng sức mạnh, chẳng phải họ đã chiến thắng quân man di và đưa sự nghiệp của họ lên đến đỉnh cao hiện thời đó sao? Chúng ta không được thụt lùi so với họ, mà phải chống lại những kẻ địch của mình bằng bất kỳ cách nào và bằng mọi cách, và nỗ lực để trao lại toàn vẹn quyền lực của mình cho con cháu.”

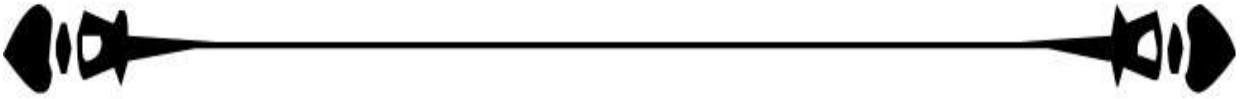
Pericles đã nói những lời như thế. Người Athens, bị thuyết phục bởi sự sáng suốt trong lời khuyên của ông đã biểu quyết tán thành như ông mong muốn, và trả lời người Lacedaemon như ông đề nghị, cả về từng điểm riêng

biệt và tổng quát; họ sẽ không làm gì theo lệnh đòi, mà sẵn sàng giải quyết các yêu sách theo cách công bằng và khách quan bằng con đường pháp lý mà các điều khoản trong hòa ước đã quy định. Vì vậy các sứ giả kia ra về và không trở lại nữa.

Đó là những cáo buộc và bất đồng tồn tại giữa các thế lực thù nghịch trước chiến tranh, phát sinh ngay tức thời từ vụ việc xảy ra ở Epidamnus và Corcyra. Tuy nhiên việc giao thiệp vẫn tiếp tục bất chấp những điều đó, cũng như việc liên lạc qua lại giữa hai bên. Việc liên lạc được thực hiện thiếu sứ giả, nhưng lại không thiếu sự ngờ vực lẫn nhau, vì các sự kiện đang xảy ra chính là vi phạm hòa ước và là nguyên nhân dẫn đến chiến tranh.

QUYÊN THỨ HAI

Chương VI



MỞ MÀN CHIẾN TRANH PELOPONNESE – CUỘC XÂM LƯỢC ATTICA LẦN ĐẦU – BÀI ĐIỀU VĂN CỦA PERICLES

Cuộc chiến giữa người Athens và người Polopponese cùng các đồng minh của mỗi bên lúc này mới thực sự bắt đầu. Vì giờ đây mọi giao thiệp ngoại trừ thông qua các sứ truyền tin trung gian đã ngừng hẳn, và chiến sự đã mở màn và không ngừng tiếp diễn. Câu chuyện lịch sử này được ghi chép theo thứ tự thời gian của các sự kiện xảy ra vào những mùa hạ và những mùa đông.

Hòa ước ba mươi năm được ký kết sau cuộc xâm lăng Euboea đã kéo dài được mười bốn năm. Vào năm thứ mười lăm, là năm thứ bốn mươi tám của

Nữ Tư tế Chrysis ở Argos^[1], là năm của Đại pháp quan Aenesias ở Sparta, là năm của Chấp chính quan tối cao Pythodorus ở Athens chỉ còn lại hai tháng, và là sáu tháng sau trận đưng độ Potidaea^[2], trời vừa bước vào xuân, một lực lượng Thebes khoảng trên ba trăm quân tráng kiện, dưới quyền chỉ huy của các *Boeotarch*^[3] là Pythangelus con trai của Phyleides, và Diemporus con trai của Onetorides, vào khoảng phiên gác đầu tiên^[4] đêm hôm đó, đã thâm nhập vũ trang vào Plataea, một trấn của Boeotia nằm trong liên minh với Athens. Cổng trấn được một người Plataea có tên là Naucleides mở cho họ, kẻ này cùng với phe cánh của hắn đã mời quân Thebes vào, định hạ sát các công dân thuộc phe đối lập để giao nộp trấn này cho Thebes, và bằng cách đó giành quyền lực về tay chúng. Việc này được thu xếp thông qua Eurymachus con trai của Leontiades, một người rất có thế lực ở Thebes. Bởi chưng Plataea trước nay vẫn luôn bất đồng quan điểm với Thebes; và Thebes, khi thấy trước rằng chiến tranh đang đến rất gần, đã muốn đột kích kẻ thù cũ của mình trong lúc còn đang hòa bình, trước khi chiến sự thực sự bùng nổ. Quả thật đây là cách để họ vào được bên trong dễ dàng đến thế mà không bị trông thấy, vì đã không có đội gác nào được cắt đặt ở đó. Sau khi quân này hạ vũ khí ở nơi họp chợ, những kẻ đã mời họ vào muốn họ bắt tay vào hành động ngay tức thì và xông đến nhà những kẻ thù của chúng. Nhưng quân Thebes từ chối không làm việc đó, mà quyết định ra tuyên bố hòa giải, và nếu có thể thì đạt được một thỏa thuận sơ bộ hữu hảo với các thị dân ở đó. Vì vậy sứ truyền tin của họ đã mời bất kỳ ai mong muốn khôi phục vị trí cũ của họ trong liên minh với những người đồng xứ của mình hãy hạ vũ khí xuống cùng với họ, vì họ nghĩ rằng bằng cách đó trấn này sẽ sẵn sàng theo họ.

Khi nhận thấy quân Thebes đã có mặt ở bên trong cổng trấn của họ, và bắt đầu xâm chiếm trấn ấy, dân Plataea trong cơn hoảng hốt đã ngỡ rằng quân Thebes thâm nhập vào trấn nhiều hơn con số trên thực tế, khi bóng đêm ngăn không cho họ thấy được quân kia. Thế nên họ chịu thỏa thuận và chấp nhận đề nghị đó mà không có một động thái nào; nhất là khi quân Thebes không cư xử hung bạo với bất kỳ một ai trong số họ. Nhưng thế nào đó mà trong lúc đàm phán họ lại phát hiện ra số quân Thebes rất ít ỏi, và quyết định

rằng họ có thể dễ dàng tấn công và chế ngự quân này; đại đa số dân Plataea không sẵn lòng nổi dậy chống lại Athens. Bất luận thế nào thì họ cũng quyết định thử tấn công. Đào thông qua những bức tường ngăn giữa các nhà với nhau, họ đã xoay xở bằng cách đó để nhập bọn với nhau mà không bị trông thấy khi đi xuyên qua các con phố, nơi họ sắp những cỗ xe không thẳng ngựa thành một rào cản, và bố trí mọi thứ khác mà họ thấy là tiện lợi cho tình huống này. Khi mọi việc đã xong xuôi như hoàn cảnh cho phép, họ theo dõi chờ thời cơ và ra khỏi nhà đi đánh địch. Lúc đó đêm còn chưa tàn dù ngày sắp rạng: họ cho rằng dưới ánh sáng ban ngày cuộc tấn công của họ sẽ bị những kẻ đầy dũng khí và ngang sức với những kẻ tấn công nghênh chiến, trái lại trong bóng đêm cuộc tấn công sẽ ập xuống khiến đám binh lính thất kinh và thêm vào đó còn bị mất lợi thế bởi kẻ tấn công thông thạo đất này. Thế nên họ tiến hành cuộc tấn công ngay lập tức, và tiến sát đến chỗ quân địch nhanh hết mức họ có thể.

Quân Thebes khi thấy mình bị mắc lõm thì lập tức xiết chặt hàng ngũ hòng đẩy lùi mọi cuộc tấn công nhằm vào họ. Họ đánh lui được những kẻ tấn công họ vài ba đợt. Nhưng đám đàn ông đó hét vang và tấn công họ dữ dội, phụ nữ và nô lệ hò la inh ỏi từ những ngôi nhà và ném gạch đá vào họ; thêm vào đó, trời mưa như trút suốt đêm; và vì vậy nên rất cục lòng dũng cảm của họ tiêu tan, và họ quay đầu tháo chạy xuyên qua trấn đó. Phần đông những kẻ chạy trốn hoàn toàn mù tịt chẳng biết đâu là đường ra khỏi trấn, và sự thế đã vậy, lại cộng thêm bùn lầy và bóng đêm đen kịt bởi trăng đương cũ hạ huyền, và cái thực tế là những người truy đuổi họ thông tỏ đường đi lối lại và dễ dàng ngăn chặn được việc đào thoát của họ, đã khiến tính mạng nhiều người trong số họ nguy ngập. Cánh cổng duy nhất đã mở là cánh cổng mà họ thâm nhập vào, và cánh cổng đó đã bị một người trong số dân Plataea dùng một cây lao gài vào gióng để đóng lại thay cho then cài; vậy nên cả ở đây cũng không còn cách nào mà thoát ra được. Lúc này họ bị dồn đuổi khắp trấn. Một số trèo lên mặt thành lũy và nhảy xuống, kết quả là phần lớn số này bỏ mạng. Một nhóm đã cố xoay xở tìm được một cánh cổng không người, và giật được một cái rìu từ tay một người đàn bà, họ chặt đứt gióng cửa, nhưng do ngay sau đó họ bị phát hiện ra nên chỉ vài mống trong số họ

thoát được ra ngoài. Số khác bị hạ sát lẻ tẻ ở nhiều nơi trong trấn. Nhóm quân đông nhất co cụm lại với nhau vội vã chạy vào một tòa nhà lớn bên cạnh bức thành lũy; những cánh cửa quay ra mặt đường tình cờ đang mở, và quân Thebes ngỡ đó là cổng trấn, và tưởng rằng ở đó có một lối thông thẳng ra ngoài được. Dân Plataea khi thấy kẻ địch của mình bị lừa vào bẫy bèn thảo luận xem liệu có nên đốt tòa nhà đó và thiêu cháy đám quân kia như hiện trạng, hoặc giả có thể làm điều gì khác với quân đó không; cho đến lúc rốt cục số quân này cùng với những quân Thebes khác còn sống sót bị bắt khi đang đi lạc trong trấn đồng ý đầu hàng vô điều kiện và giao nộp vũ khí cho dân Plataea.

Trong khi số phận của cánh quân ở Plataea là như thế, thì toàn bộ quân Thebes còn lại, mà theo kế hoạch phải đến phối hợp với cánh quân đó với tất cả lực lượng của họ trước khi ngày rạng, phòng khi có gì bất trắc với cánh quân đã vào thành, dọc đường đi đã nhận được tin về trận đùng độ và hối hả đi ứng cứu. Mà Plataea thì ở cách Thebes gần tám dặm đường, và cuộc hành quân của họ bị chậm trễ vì trận mưa đổ xuống hồi đêm, do nước sông Asopus^[5] dâng tràn và không dễ gì vượt qua được; và vì vậy, khi bị buộc phải hành quân trong mưa và gặp trở ngại khi vượt sông, họ đã đến quá trễ và thấy toàn bộ cánh quân đó hoặc đã bị tàn sát hoặc đã bị bắt giữ. Khi biết được những gì đã xảy ra, họ liền lập tức nghĩ ra kế đi đánh dân Plataea ở bên ngoài trấn. Do cuộc tấn công đã được thực hiện trong thời bình và hoàn toàn xuất kỳ bất ý, nên đương nhiên phải có người và gia súc trên đồng ruộng; và quân Thebes mong rằng có thể bắt được một số làm tù binh để đổi lấy những binh lính của họ trong trấn, nếu có bất kỳ cơ may nào bắt sống được dân kia. Mưu kế của họ là thế. Nhưng dân Plataea đã ngờ rằng họ định làm như vậy từ trước cả khi họ nghĩ ra mưu đó, và bắt đầu lo lắng cho dân chúng của mình ở bên ngoài trấn nên đã cử một viên sứ truyền tin đến chỗ quân Thebes, trách cứ quân này về cuộc tấn công vô đạo trong thời bình hòng chiếm trấn của họ, và cảnh cáo quân này không được xâm phạm đến bất kỳ ai ở bên ngoài thành. Nếu lời cảnh cáo không được đếm xỉa gì đến thì họ sẽ giết hết những người mà họ đang giữ, nhưng cũng nói thêm rằng nếu quân Thebes mà chịu rút khỏi lãnh thổ của họ thì họ sẽ trao trả tù binh cho bạn

hữu của các tù binh đó. Điều này trúng ý quân Thebes, và họ nói rằng dân ấy phải lập một lời thề với họ. Thế nhưng dân Plataea chẳng chịu hứa hẹn gì về việc trao trả tù binh ngay lập tức, mà bảo rằng điều đó còn tùy vào cuộc đàm phán tiếp theo: họ dứt khoát từ chối lập thề. Cho dù đã nói thế, nhưng ngay khi quân Thebes rút khỏi lãnh thổ của họ mà không gây chút tổn hại nào, dân Plataea vội vã thu vén tất cả những gì họ có trên đồng ruộng bên ngoài vào trấn và ngay lập tức đem tù binh ra hành quyết. Số tù binh là một trăm tám mươi người; Eurymachus, người đã thương lượng với những kẻ nội phản, cũng nằm trong số đó.

Xong xuôi, dân Plataea phái một người đưa tin tới Athens, trả lại xác binh sĩ cho quân Thebes theo thỏa thuận tạm đình chiến, và sắp xếp mọi việc trong trấn theo cách mà họ cho là chu toàn nhất để đối phó với tình trạng khẩn cấp hiện thời. Trong khi đó người Athens, đã được báo tin về ngay khi xảy ra việc ấy, đã lập tức bắt giữ tất cả những người Boeotia ở Attica và phái một viên sứ truyền lệnh đến Plataea để cấm dân ấy thực hiện những biện pháp tàn độc với những tù binh Thebes của họ nếu chưa có chỉ thị của Athens. Tin tức về cái chết của những người đó hiển nhiên là chưa đến tai họ, người đưa tin thứ nhất từ Plataea ra đi ngay khi quân Thebes vào trấn, người đưa tin thứ hai rời khỏi trấn đó ngay sau khi quân này bại trận và bị bắt giữ; vì vậy đã không có tin tức mới nhất. Thế nên người Athens đã gửi đi những mệnh lệnh mà không hay biết gì về thực tế; và khi viên sứ truyền lệnh đến nơi thì thấy những tù binh kia đã bị giết hại rồi. Sau việc này quân Athens hành quân đến Plataea và vận lương thảo dự trữ vào trấn, và để lại một đơn vị đồn trú ở nơi đó, và đồng thời cũng đem phụ nữ, trẻ em và những người đàn ông không đủ sức chiến đấu ra khỏi trấn.

Sau trận đụng độ ở Plataea, hòa ước đã bị phá vỡ bởi một hành động công khai, và Athens ngay lập tức chuẩn bị chiến tranh, và Lacedaemon cùng với các đồng minh của mình cũng vậy. Hai bên quyết định cử các sứ bộ đến gặp Nhà vua^[6] và các vị vua khác của các thế lực phi-Hy-Lạp mà bên này hoặc bên kia có thể trông đợi sự hỗ trợ của họ, và cố gắng kết đồng minh với những bang độc lập ở nước nhà. Để bổ sung vào lực lượng hải quân hiện có,

Lacedaemon lệnh cho các bang đã tuyên bố đứng về phe mình ở Italy và Sicily đóng tàu thuyền, nâng tổng số chiến thuyền của hạm đội lên tới năm trăm, phần đóng góp của mỗi thành bang được quyết định dựa trên quy mô của nó, và còn cung ứng thêm một khoản tiền được ấn định nữa. Cho đến khi những việc này được chuẩn bị xong xuôi, các bang này vẫn phải giữ thái độ trung lập và chỉ cho phép riêng các tàu thuyền của Athens vào cảng của họ mà thôi. Athens về phần mình đã rà soát lại liên minh hiện tại của nó, và phái các sứ bộ tới những vùng kề cận Peloponnese – Corcyra, Cephallenia^[2], Acarnania và Zacynthus – khi nhận thấy rằng nếu có thể trông cậy vào những xứ này thì có thể tiến hành chiến tranh khắp xung quanh Peloponnese.

Và nếu cả hai bên đều ấp ủ những hy vọng táo bạo nhất và dốc hết sức mạnh của mình vào chiến tranh thì đó cũng là điều đương nhiên. Nhiệt huyết luôn ở đỉnh cao khi khởi sự một công cuộc; và trong thời điểm đặc biệt này thì cả Peloponnese lẫn Athens đều chẳng hiếm những con người đầu xanh tuổi trẻ mà sự thiếu từng trải đã khiến họ hăm hở cầm vũ khí, trong lúc các xứ dân Hy Lạp còn lại đang háo hức căng mắt dõi theo cuộc xung đột giữa hai thành bang đứng đầu của họ. Khắp nơi nơi người ta thuật lại những lời tiên đoán, và những lời sấm truyền được những người nhận được chúng xướng tụng lên, và tình trạng này không chỉ xảy ra ở các thành bang đang sắp chiến tranh với nhau. Thêm nữa, trước đó không lâu đã xảy ra một trận động đất ở Delos, là lần đầu tiên theo trí nhớ của dân Hy Lạp. Người ta đồn đại và cho rằng đó là điềm báo về những sự kiện sắp xảy ra; quả thực, chẳng có hiện tượng nào tương tự như thế xảy ra lại được phép qua đi mà không có một bình luận nào. Những lời cầu chúc tốt đẹp của mọi người chủ yếu là dành cho người Lacedaemon, nhất là khi họ tuyên bố rằng họ là những người giải phóng Hy Lạp. Người ta không từ bất cứ một nỗ lực riêng hoặc chung nào mà có thể hỗ trợ họ bằng lời nói cũng như bằng hành động; mỗi người đều nghĩ rằng đại sự sẽ bị đình trệ nếu anh ta không tự mình trông coi. Tất cả đều cảm thấy căm phẫn cao độ đối với Athens, bất kể là những xứ mong muốn thoát khỏi ách đế chế của nó hay những xứ lo sợ bị nó cuốn vào

đó. Cuộc tương tranh này đã mở màn với công cuộc chuẩn bị và những cảm xúc như thế đó.

Các đồng minh của hai bên tham chiến như sau: những đồng minh của Lacedaemon gồm tất cả các xứ dân Peloponnese ở bên trong Eo đất ngoại trừ dân Argos và dân Achaea là những dân vẫn đứng trung lập; Pellene^[9] là thành duy nhất của Achaea tham gia vào cuộc chiến tranh ngay từ đầu, mặc dầu sau đó các thành còn lại đều noi gương nó. Bên ngoài Peloponnese là các dân Megara, Locris, Boeotia, Phocis, Ambracia, Leucas và Anactorium. Trong số các đồng minh này, thuyền chiến được các dân Corinth, Megara, Sicyon, Pellene, Elis, Ambracia và Leucas cung cấp; còn kỵ binh do các dân Boeotia, Phocis và Locris cung cấp. Các bang khác gửi bộ binh hạng nặng đến. Đó là liên minh của Lacedaemon. Liên minh của Athens bao gồm Chios, Lesbos, Plataea, Messenia ở Naupactus, phần lớn Acarnania, Corcyra, Zacynthus và một số thành phải cống nạp trong các xứ sau đây: Caria trên bờ biển cùng với các lân bang Doris của nó, Ionia, Hellespont và các trấn của Thrace, những hải đảo nằm giữa Peloponnese và đảo Crete^[10] về hướng đông, và tất cả các đảo Cyclades ngoại trừ Melos^[11] và Thera^[11]. Trong số này, thuyền chiến được Chios, Lesbos và Corcyra cung cấp, các nơi còn lại cung cấp bộ binh hạng nặng và tiền bạc. Các đồng minh và nguồn lực chiến tranh của mỗi bên là như vậy.

Ngay sau trận đụng độ ở Plataea, Lacedaemon phát lệnh tới khắp mọi thành bang ở Peloponnese và tất cả những thành bang khác trong liên minh của mình yêu cầu chuẩn bị binh lính và quân nhu cần thiết cho một chiến dịch ở ngoại bang, nhằm mục đích xâm lược Attica. Các thành bang đã chuẩn bị sẵn sàng vào thời điểm ấn định và hợp quân ở Eo đất: mỗi thành bang góp số quân bằng hai phần ba tổng lực lượng của mình. Sau khi toàn bộ đạo quân đã tập hợp lại, Archidamus vua xứ Lacedaemon, người cầm đầu cuộc viễn chinh này, triệu tập các tướng lĩnh của tất cả các thành bang cùng các chỉ huy và những người quan trọng, và cổ vũ họ như sau:

“Hồi quân Peloponnese và các đồng minh, cha ông chúng ta đã tiến hành biết bao chiến dịch cả bên trong lẫn bên ngoài Peloponnese, và những người lớn tuổi trong số chúng ta ở đây chẳng ai là chưa từng trải chiến tranh. Thế nhưng chúng ta chưa từng cất quân với một lực lượng lớn hơn thế này, và nếu quân số cũng như năng lực của chúng ta có xuất sắc, thì sức mạnh của cái thành bang mà chúng ta tiến đánh cũng chẳng khác nào. Vậy chúng ta không được tỏ ra thua kém cha ông chúng ta, hoặc không xứng với danh tiếng của chính mình. Bởi lẽ cả Hy Lạp đang dõi theo thành công của chúng ta với niềm hy vọng, và dành thiện cảm cho địch thủ của Athens mà họ căm hận.

Cho nên, dù đạo quân chinh phục này có đông như ta đang thấy, và một số người trong lòng có đang chắc chắn rằng kẻ địch của chúng ta sẽ không dám nghênh chiến với chúng ta trên chiến trường, thì đó tuyệt đối không phải là lý do biện minh cho sơ suất dù là nhỏ nhất trong cuộc tiến quân này; mà trái lại từ quân chí tướng của mỗi thành bang phải luôn sẵn sàng đối mặt với nguy hiểm xảy đến với cánh quân của mình. Diễn tiến của chiến tranh thật khôn lường, và những cuộc tấn công trong chiến tranh thường được quyết định bởi cơn bốc đồng nhất thời; và ở đâu mà sự tự tin hờn hĩnh khiến xem nhẹ việc chuẩn bị, thì thường ở đó chỉ cần biết e sợ một cách khôn ngoan là có thể kháng cự được quân số đông hơn. Chẳng phải là thái độ tự tin đó không phù hợp trong một đạo quân chinh phục, nhưng trên đất nước của địch nó phải đi kèm với sự dè chừng thận trọng: binh lính băng vào sự kết hợp này sẽ hăng hái hết mực khi giáng đòn xuống kẻ địch, và an toàn hết mực khi chống lại đòn giáng xuống mình. Trong tình huống hiện tại, thành bang mà chúng ta đang tiến đánh ấy chẳng những không bất lực trong việc phòng bị, mà trái lại đã được trang bị hoàn hảo về mọi mặt; vì thế cho nên chúng ta có mọi lý do để cho rằng chúng sẽ kéo quân đi nghênh chiến với chúng ta, và nếu chúng còn chưa cất quân trước khi chúng ta tới đó, thì chắc chắn chúng sẽ làm như thế khi nhìn thấy ta đang tàn phá hủy hoại điền sản của chúng trên lãnh thổ của chúng. Bởi chưng con người luôn bị kích động khi phải chịu đựng những tổn hại

mà họ chưa quen chịu, và khi thấy cảnh đất đai của mình bị xâm hại ngay trước mắt; và ở nơi mà người ta càng có thiên hướng ít suy nghĩ nhất thì lại càng hấp tấp lao vào hành động với sự nôn nóng cao độ nhất. Trong tất cả mọi dân tộc thì người Athens chính là những kẻ như thế đó, vì họ tham vọng cai trị cả thế giới, và có thói quen xâm lược và cướp phá lãnh thổ của các lân bang hơn là thói quen nhìn lãnh thổ của chính mình bị đối xử bằng cùng một cách như vậy. Thế nên khi cân nhắc thế lực của thành bang mà chúng ta đang tiến đánh, và thanh danh lừng lẫy mà chúng ta sẽ giành được cho cha ông chúng ta và cho chính chúng ta hay là đánh mất tùy thuộc cả vào trận này, hãy nhớ rằng khi các người theo bước đến nơi mà các người được dẫn dắt, trước tiên phải lấy tính kỷ luật và cảnh giác làm trọng, và phải sốt sắng tuân thủ những mệnh lệnh được truyền cho các người; vì chẳng có gì góp phần mang lại vinh dự và an toàn cho một đạo quân hơn là việc gắn kết những đội quân lớn bằng một kỷ luật duy nhất.”

Sau khi giải tán cuộc họp bằng diễn từ ngắn gọn đó, trước tiên Archidamus phái Melesippus người Sparta, con trai của Diacritus, đến Athens phòng khi thành bang này có ý quy phục vì thấy Peloponnese quá thật đã cất quân. Nhưng người Athens không cho phép sứ giả vào trong thành hoặc đến cuộc hội nghị công dân của họ, Pericles trước đó đã tiến hành vận động chống lại việc tiếp cả sứ truyền tin lẫn sứ bộ của Lacedaemon sau khi họ tiến quân ra ngoài cõi.

Sứ giả vì thế đã bị đuổi về mà không được tiếp kiến, và được lệnh phải ra khỏi biên giới ngay trong ngày hôm đó; sau này, nếu những kẻ phái sứ giả đi mà có điều gì cần đề nghị thì họ phải rút về lãnh thổ của họ đã rồi hãy cử sứ bộ tới Athens. Một đội hộ tống được phái đi kèm Melesippus để ngăn không cho ông ta liên lạc với bất kỳ ai. Khi ông ta đến biên giới và sắp sửa bị trục xuất, ông ta ra đi với những lời sau: “Ngày hôm nay là khởi đầu cho thảm họa vô cùng to lớn đối với dân Hy Lạp”. Ngay khi ông ta về tới quân doanh, và Archidamus biết tin rằng phía Athens vẫn chẳng hề có ý quy phục, rất

cục cũng bắt đầu hành quân, và cùng với đạo quân của mình tiến vào lãnh thổ của địch. Trong lúc ấy người Boeotia, sau khi đã cử số quân góp vào lực lượng đồng minh và kỵ binh của họ để tham gia đạo quân viễn chinh của Peloponnese, đã kéo số quân còn lại đến Plataea và tàn phá xứ này.

Trong lúc phía Peloponnese vẫn còn đang hợp quân tại Eo đất, hoặc đang trên đường hành quân đến Attica, thì Pericles con trai của Xanthippus, một trong mười vị tướng quân của Athens, khi thấy rằng cuộc xâm lăng sắp xảy ra đến nơi mới chợt nghĩ ra rằng Archidamus, người tình cờ là bạn của ông ta, có lẽ sẽ đi qua điền trang của ông mà không tàn phá nó. Archidamus có thể làm thế, hoặc là vì muốn khiến ông phải mang ơn, hoặc là làm theo chỉ thị từ Lacedaemon nhằm gây ra một định kiến bất lợi cho ông, như trước kia ông đã bị nhằm vào khi họ đòi Athens trục xuất dòng họ bị thần linh nguyên rủa. Vì vậy ông đã đề phòng bằng cách thông báo cho người Athens trên hội nghị công dân rằng mặc dù Archidamus là bạn của ông, nhưng tình bạn này không được phép gây tổn hại cho Athens, và rằng trong trường hợp kẻ địch có thể biến nhà cửa đất đai của ông thành ngoại lệ đối với tất cả những nơi khác mà không cướp phá nơi đó, thì ông sẽ ngay lập tức tự nguyện sung công nhà cửa đất đai của mình, để chúng không thể đẩy ông đến chỗ bị nghi ngờ được.

Ông còn cho những người dân xứ mình lời khuyên về những việc trước mắt theo tinh thần y như trước. Họ sẽ phải chuẩn bị cho cuộc chiến tranh này, và phải mang tài sản của họ từ thôn quê vào trong thành. Họ sẽ không kéo quân ra trận, mà vào trong thành để canh gác, và chuẩn bị hạm đội của họ sẵn sàng, sức mạnh thực thụ của họ nằm ở hạm đội đó. Họ cũng sẽ phải nắm giữ các đồng minh của họ cho chặt – sức mạnh của Athens bắt nguồn từ tiền bạc mà các đồng minh cống nạp, và trong chiến tranh thì chiến thắng dựa vào cách chỉ đạo và tiền bạc là chính. Họ chẳng có lý do gì để ngã lòng cả. Ngoài các nguồn thu nhập khác, một khoản thu nhập trung bình sáu trăm *talăng* bạc rút được từ khoản cống nạp hằng năm của các đồng minh; và vẫn còn sáu ngàn *talăng* đã đúc thành đồng bạc ở Acropolis trong số chín ngàn bảy trăm *talăng* vốn có ở nơi này khi trước, mà từ số này đã trích ra khoản tiền để xây cổng vòm cho Acropolis, xây các công thự khác và chi dùng cho

chiến sự ở Potidaea. Đó là chưa kể đến vàng và bạc chưa đúc thành tiền đồng trong các lễ vật cúng tiến của công và tư, những con thuyền linh thiêng dành cho các đám rước lễ hội và các cuộc thi đấu thể thao, những chiến lợi phẩm từ Ba Tư và các nguồn tương tự tổng số có đến năm trăm *talăng*. Ông còn thêm vào khoản này những kho báu của các đền thờ khác. Những khoản đó chẳng phải là ít, và hoàn toàn có thể sử dụng được. Không những thế, nếu có khi nào họ bị quần bách đến cùng cực, thì thậm chí họ có thể lấy những đồ trang sức bằng vàng của chính nữ thần Athene bởi vì bức tượng nàng mang trên mình bốn mươi *talăng* vàng ròng và toàn bộ số này có thể gỡ ra được. Khoản này có thể được dùng vào việc tự phòng vệ, và sẽ phải hoàn trả lại đủ từng xu. Tình hình tài chính của họ là thế – chắc chắn là đủ thỏa mãn nhu cầu. Và rồi họ còn có quân đội với một vạn ba ngàn bộ binh hạng nặng, chưa kể một vạn sáu ngàn quân ở các đơn vị đồn trú và đang làm nghĩa vụ hậu phương tại Athens – đây là số quân lúc đầu làm nhiệm vụ cảnh giới để phòng một cuộc xâm lược, gồm những quân già nhất và trẻ nhất chiêu mộ được, và những kiểu dân có giáp trụ hạng nặng. Bức thành lũy Phalerum chạy dài bốn dặm tính đến điểm nối với bức thành lũy bao quanh kinh thành này; và trên bức thành lũy bao quanh có gần năm dặm được đặt trạm gác, mặc dầu một phần của nó không có trạm gác nào, tức là đoạn giữa Trường thành và thành lũy Phalerum. Rồi đến những Trường thành chạy đến Piraeus, khoảng cách chừng bốn dặm rưỡi, mặt ngoài được đặt lính canh. Cuối cùng là chu vi của Piraeus gồm cả Munychia^[12] xấp xỉ bảy dặm rưỡi; tuy vậy chỉ có gần một nửa chu vi này được canh gác. Pericles cũng chỉ ra cho họ thấy rằng họ còn có một ngàn hai trăm quân kỵ bao gồm quân kỵ xạ, và một ngàn sáu trăm cung thủ không cưỡi ngựa, và ba trăm con thuyền galee đủ tốt để ra trận. Đó là những nguồn lực về mọi mặt của Athens khi cuộc xâm lược của quân Peloponnese đang đe dọa và chiến sự sắp mở màn. Pericles còn nhắc đi nhắc lại những luận cứ mà ông vẫn thường nêu ra rằng họ có thể trông đợi một kết quả đầy hứa hẹn cho cuộc chiến tranh này.

Người Athens nghe theo lời khuyên của ông, và bắt đầu đưa vợ con họ từ thôn quê vào thành, cùng tất cả đồ đạc của gia đình, thậm chí cả những phần làm bằng gỗ của ngôi nhà mà họ đã tháo dỡ ra. Họ gửi cừu và gia súc của họ

sang Euboea và các đảo lân cận. Nhưng họ thấy nặng lòng khi phải ra đi, vì đa phần trong số họ vẫn quen sống ở nông thôn.

Ngay từ thuở sơ khai việc này vẫn thường xảy ra với dân Athens nhiều hơn là với bất kỳ xứ dân nào khác. Từ thời Cecrops^[13] và các vua đầu tiên trị vì, cho đến triều vua Theseus^[14], Attica vốn luôn bao gồm một số trấn độc lập, mỗi trấn có tòa thị chính và các quan cai trị của riêng mình. Chỉ những lúc có nguy cơ đe dọa các trấn mới tham vấn ý kiến của nhà vua ở Athens; trong thời bình họ tự cai trị và giải quyết các công việc nội bộ của họ mà không cần đến sự can thiệp của nhà vua; đôi khi họ còn tiến hành chiến tranh chống lại nhà vua nữa, như việc dân Eleusis cùng Eumolpus^[15] chống lại vua Erechtheus^[16] chẳng hạn. Nhưng vào thời Theseus trị vì, họ đã có một vị vua vừa anh minh vừa hùng mạnh; và một trong những nét đặc trưng của việc tổ chức chính quyền ở xứ này của ông là bãi bỏ các tòa hội đồng^[17] và các quan cai trị của các thành các trấn riêng rẽ, và sáp nhập vào thành một tòa hội đồng duy nhất và tòa thị chính^[18] duy nhất của kinh thành hiện thời. Cá nhân vẫn được sở hữu điền sản riêng y như trước, nhưng kể từ đó trở đi họ buộc phải có một trung tâm chính trị duy nhất, tức là Athens; nơi mà bằng cách ấy đã bao gồm tất cả các cư dân của Attica vào số công dân của nó, vậy nên khi Theseus băng hà ngài đã để lại cho hậu thế một thành bang rất lớn. Quả thực, từ thời ngài còn trị vì thì Synoecia, tức Lễ hội Thống nhất, đã là lễ hội được thành bang chi tiền tổ chức, và là lễ hội mà cho đến nay người Athens vẫn ăn mừng để vinh danh nữ thần Athene. Trước kia kinh thành này bao gồm khu thành nội hiện tại và khu vực bên dưới thành nội nhìn về hướng nam. Điều này được chứng minh bởi thực tế là những ngôi đền thờ các vị thần khác, ngoài đền nữ thần Athene ra, hiện đều ở bên trong khu thành nội đó; và thậm chí cả những đền thờ ở bên ngoài thành nội hầu hết đều nằm trong khu vực ấy của kinh thành, chẳng hạn như đền thờ thần Zeus chúa tể Olympus^[19], đền thờ thần Apollo Pytho^[20], đền thờ thần Đất, và đền thờ thần Dionysus^[21] ở vùng Đầm lầy^[22], vị thần mà lễ hội Dionysia cổ xưa vinh danh ngài cho đến nay vẫn được không chỉ riêng người Athens mà còn cả người Ionia hậu duệ của họ tổ chức kỷ niệm vào tháng

Anthesterion^[23]. Trong khu vực này cũng có những ngôi đền cổ khác. Cả đài phun nước, mà kể từ khi được các bạo chúa tu tạo, đã được gọi là Enneacrounos, hay là Chín Vòi, nhưng khi dòng suối vừa được khai mở đã có tên là Callirhoe, hay Nước Lạnh, và vào thời đó, vì ở gần đến thế nên nguồn nước này đã được dùng cho hầu hết các lễ nghi quan trọng. Trên thực tế, cái tập tục từ xưa dùng nước ở đài phun nước này trong đám cưới và cho các mục đích thiêng liêng khác vẫn được duy trì. Thêm nữa, do người Athens đã cư ngụ lâu đời ở khu vực này nên khu thành nội này ngày nay vẫn được họ coi là kinh thành.

Như vậy người Athens bấy lâu vẫn sống trong những trấn độc lập rải rác khắp Attica. Ngay cả sau khi Theseus tập trung họ vào một mối, tập quán cũ vẫn thịnh hơn; và từ thời sơ khai cho đến cuộc chiến tranh này, hầu hết người Athens vẫn sống ở miền quê với gia đình họ mạc của mình, và vì vậy mà lúc này họ chẳng hề muốn thiên cư, nhất là khi họ vừa mới khôi phục lại cơ ngơi của mình sau cuộc xâm lăng của Ba Tư. Họ cực kỳ phiền muộn và bất bình khi phải bỏ lại nhà cửa của mình và các đền thờ cha ông truyền lại từ thời kiến lập xa xưa, khi phải thay đổi tập quán sinh hoạt và giã biệt nơi chốn mà mỗi người đều coi như kinh thành quê hương của mình.

Khi họ đến Athens, dù một vài người đã có nhà riêng của mình để ở hoặc có thể tìm được chỗ trú chân nơi bạn bè hoặc họ hàng, phần đông trong số họ phải trú ngụ ở những vùng còn chưa được xây dựng của kinh thành này và trong các đền đài hay những ngôi đền nhỏ thờ các vị anh hùng, ngoại trừ Acropolis và đền thờ nữ thần Demeter xứ Eleusis^[24] và những nơi khác tương tự mà lúc nào cũng kín cổng cao tường. Việc cư ngụ ở dưới chân tòa thành tại khu đất được gọi là Pelasgia^[25] trước vốn đã bị cấm bởi một lời nguyện; và nơi đó vẫn còn một trích đoạn báo điềm gở trong một lời tiên tri Pythia^[26] rằng:

Hãy để mặc mảnh đất Pelasgia này hoang phế,

Bất hạnh thay ngày mà con người đến cư ngụ nơi này!

Tuy nhiên giờ đây mảnh đất này vì nhu cầu bức thiết nhất thời đã bị xây dựng tràn lên. Và theo tôi nghĩ nếu lời tiên tri tỏ ra ứng nghiệm, thì là với

ngịch nghĩa của những gì được dự đoán. Bởi lẽ những tai ương bất hạnh của thành bang này không phát sinh từ việc cư ngụ trái phép đó mà từ nhu cầu trú ngụ tránh cuộc chiến tranh kia, và cho dù vị thần có không đề cập đến cuộc chiến này, ngài đã tiên tri rằng sẽ là một ngày đầy bất hạnh tai ương với người Athens khi mảnh đất này có người cư ngụ. Nhiều người còn đến trú ngụ ở trong các tòa tháp trên các thành lũy hoặc bất kỳ nơi đâu họ có thể. Bởi khi tất cả bọn họ cùng kéo về thì kinh thành này thực sự quá nhỏ không đủ chỗ chứa, cho dù sau đó họ phân chia các Trường thành và một phần lớn Piraeus thành những lô đất và định cư tại đó. Tất cả những việc này xảy ra trong lúc sự quan tâm cao độ đang được dồn hết cho cuộc chiến tranh đó; các quân đồng minh đang được tập hợp và một lực lượng gồm một trăm chiến thuyền đã được trang bị để đánh Peloponnese. Tình hình chuẩn bị bên phía Athens là như vậy.

Trong lúc này đạo quân của Peloponnese vẫn đang tiến tới. Trấn đầu tiên mà họ đến ở Attica là Oenoe^[27], là nơi họ thâm nhập vào xứ này. Hạ trại trước trấn, họ chuẩn bị tấn công thành lũy phòng thủ bằng những cỗ máy^[28] dùng để công thành và những phương tiện khác. Oenoe, nằm trên biên giới giữa Athens và Boeotia, là một trấn đương nhiên phải có thành lũy bảo vệ, và được người Athens sử dụng như một thành trì trong thời chiến. Thế nên quân Peloponnese đã phải chuẩn bị cho cuộc tấn công của họ, và uống phí mất một thời gian quý giá trước trấn này. Việc chậm trễ này đã gây ra sự chỉ trích nặng nề nhất đối với Archidamus. Thậm chí ngay cả trong thời gian tập trung binh lực để khai chiến ông ta cũng đã bị tai tiếng về tính nhu nhược của mình và vì những biện pháp lừng khừng mà ông ta chủ trương đã làm lợi cho quân Athens; và khi đạo quân đã tề tựu đông đủ, ông ta tiếp tục tự làm bề mặt mình trước sự đánh giá của công chúng vì cứ loanh quanh mãi ở nơi Eo đất, và tiếp theo đó lại cho quân đi dềnh dàng trong suốt chặng hành quân. Nhưng tất cả những điều đó chẳng là gì so với sự trì hoãn tại Oenoe. Trong quãng thời gian đó người Athens chuyển tài sản của họ vào trong thành, và quân Peloponnese tin rằng nếu tiến quân thật nhanh sẽ thấy mọi thứ vẫn còn nguyên bên ngoài thành, nếu chẳng vì sự trì hoãn của ông ta. Cảm tưởng của đạo quân về Archidamus trong cuộc vây hãm này là như

vậy. Nhưng, như người ta nói, ông ta những mong rằng người Athens sẽ nao núng vì không muốn để đất đai của mình bị tàn phá, và sẽ quy thuận khi nó còn chưa bị tổn hại; và đó chính là lý do mà ông ta chờ đợi.

Nhưng sau khi ông ta tấn công Oenoe, và mọi nỗ lực khả dĩ để chiếm nó đều bất thành, khi chẳng có một sứ giả nào từ phía Athens tới, rốt cuộc ông ta đành nhổ trại và xâm lược Attica. Việc này xảy ra khoảng tám mươi ngày sau cuộc đột kích của Thebes vào Platea, ngay giữa mùa hạ, khi ngũ cốc đang chín, và Archidamus con trai của Zeuxis, vua của Lacedaemon, đang cầm quyền chỉ huy. Hạ trại tại Eleusis và đồng bằng Thria họ bắt đầu cuộc tàn phá, và đánh đuổi một số quân kỵ của Athens phải tháo chạy tại một nơi có tên là Rheiti^[29], hay Brooks, rồi họ tiến lên, căn đường để núi Aegaleus^[30] luôn ở phía bên phải họ, xuyên qua Cropia^[31] cho tới khi họ đến Acharnae^[32], trấn lớn nhất trong các trấn phụ cận của Athens. Dừng quân trước trấn này, họ lập doanh trại ở đó và tiếp tục cuộc cướp phá của mình trong một thời gian dài.

Nguyên do vì đâu mà Archidamus vẫn dàn quân trực chiến tại Acharnae trong cuộc xâm nhập này thay vì kéo quân đột ngột tấn công xuống vùng đồng bằng, theo người ta nói là thế này: ông ta hy vọng rằng quân Athens, do đa phần là những kẻ đầu xanh tuổi trẻ và chưa từng chinh chiến, có thể bị khích động mà xông ra trận và cố ngăn chặn việc tàn phá đất đai của họ. Do vậy, khi quân địch không đương đầu với ông ta tại Eleusis hoặc đồng bằng Thria, ông ta cố nhử bằng cách cho họ thấy một doanh trại ở Acharnae xem họ có bị khích động mà xông ra tấn công không. Ông ta nghĩ rằng chính nơi này là một vị trí đặc địa để hạ trại; và nhiều khả năng là một khu vực quan trọng đến thế của bang này với ba ngàn bộ binh hạng nặng như Acharnae sẽ không chịu thúc thủ ngồi nhìn điền sản của họ bị hủy hoại, và sẽ buộc tất cả các công dân còn lại của bang này phải ra đánh. Mặt khác, nếu quân Athens không chịu xuất trận đối địch trong cuộc xâm lược này, thì khi đó ông ta sẽ chẳng ngại cướp phá vùng đồng bằng ấy trong những cuộc xâm lược tiếp theo, và tiến quân đến tận chân thành Athens. Một khi dân Acharnae đã mất hết điền sản của chính mình, họ sẽ bớt sẵn lòng liều mạng vì tài sản của

những trấn lân cận với họ; và như vậy sẽ có sự chia rẽ về ý kiến trong nội bộ Athens. Đó là những động cơ khiến Archidamus nấn ná ở Acharnae.

Trong lúc ấy, khi đạo quân Peloponnese còn đang ở Eleusis và đồng bằng Thria, người Athens vẫn ấp ủ hy vọng rằng nó sẽ không tiến gần thêm nữa. Người ta nhớ lại rằng mười bốn năm trước, Pleistoanax, con trai của Pausanias và vua của Lacedaemon, đã kéo một đạo quân Peloponnese đến xâm lược Attica, nhưng rồi rút lui mà không tiến quân xa hơn Eleusis và Thria, trên thực tế việc này chính là nguyên nhân khiến ông ta bị trục xuất khỏi Sparta, vì người ta cho rằng ông ta đã bị mua chuộc để rút lui^[33]. Nhưng khi họ thấy đạo quân này ở Acharnae, cách Athens chỉ bảy dặm đường, thì họ không nhẫn nại được nữa. Lãnh thổ này của Athens đã bị cướp bóc tàn phá ngay trước mắt chính người Athens, một cảnh tượng mà lứa thanh niên chưa từng chứng kiến và người già mới chỉ thấy trong những cuộc chiến tranh với Ba Tư; và lẽ đương nhiên họ coi việc đó là kỳ sỉ đại nhục, và toàn dân, nhất là lớp thanh niên, quyết một lòng xông ra để chặn quân địch. Những nhóm người tụm lại trên các con phố và tham gia vào những cuộc thảo luận sôi nổi; vì dù rằng đề xuất xông ra phá vây đó được đón nhận một cách nồng nhiệt, trong một số trường hợp nó vẫn bị phản đối. Những lời tiên tri với nội dung rất khác nhau được những nhà tiên tri thuật lại, và tìm được những người háo hức lắng nghe trong số những người tranh luận ở nhóm này hoặc nhóm khác. Đứng đầu trong việc thôi thúc tấn công phá vây là dân Acharnae, vì họ là một phần không nhỏ trong đạo quân của thành bang này, và cứ như tình cảnh lúc đó thì chính là đất đai của họ đang bị cướp phá. Nói tóm lại, toàn kinh thành đang ở trong một tình trạng khích động nhất. Pericles là đối tượng của sự căm phẫn của tất cả; những lời khuyên trước đây của ông hoàn toàn bị quên biển; ông bị lăng mạ vì đã không dẫn cái đạo quân mà ông chỉ huy xông ra, và ông phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nỗi thống khổ của dân chúng.

Còn ông trong lúc đó, thấy sự giận dữ và điên cuồng đang lúc cao trào, và tin tưởng vào sự sáng suốt của mình khi khước từ một cuộc phá vây, đã chẳng muốn triệu tập hội nghị công dân hay họp dân chúng vì lo ngại những

kết quả tai hại của một cuộc tranh luận được khơi ra bởi cảm xúc giận dữ mà không phải bởi sự cần trọng khôn ngoan. Vì vậy ông đã chuyên tâm vào việc phòng thủ của kinh thành này, và cố gắng hết sức giữ cho kinh thành yên ổn, mặc dù ông vẫn liên tục phái quân kỵ ra ngoài thành để ngăn chặn các cuộc lùng sục cướp bóc của những toán quân địch láng vảng ở những vùng đất gần kinh thành. Đã xảy ra một trận đụng độ nhỏ tại Phrygia^[34] giữa một liên đội kỵ binh Athens và Thessaly với kỵ binh Boeotia; trong trận này kỵ binh phía Athens đã thắng thế cho đến khi bộ binh hạng nặng tiến đến yểm trợ quân Boeotia thì quân Thessaly và quân Athens mới bị đánh tan tác và thiệt hại một ít quân, tuy vậy xác binh sĩ của họ đã được thu hồi ngay trong ngày mà không có thỏa thuận đình chiến nào. Ngày hôm sau quân Peloponnese đã lập một đài chiến tích. Tình liên minh lâu đời đã khiến Thessaly mang quân đến trợ chiến cho Athens; những quân đã đến đó là quân từ Larissa^[35], Pharsalos^[36], Cranon^[37], Pyrasos^[38], Gyrtion^[39] và Pherae^[40]. Các chỉ huy của quân Larissa là Polymedes và Aristonus, thủ lĩnh của hai phe phái ở Larissa; vị tướng chỉ huy quân Pharsalos là Menon; mỗi thành khác đều có chỉ huy riêng của mình.

Trong thời gian này, do quân Athens không xuất trận để giao chiến với họ, quân Peloponnese đã tản ra khỏi Acharnae và cướp phá một số trấn phụ cận nằm giữa núi Parnes^[41] và rặng núi Brilessus^[42]. Khi quân này đang ở Attica, người Athens cử một trăm chiến thuyền mà họ vẫn đang chuẩn bị cho chuyến viễn chinh vòng quanh Peloponnese, với một ngàn bộ binh hạng nặng và bốn trăm cung thủ trên các chiến thuyền đó, dưới quyền chỉ huy của Carcinus con trai của Xenotimus, Proteas con trai của Epicles, và Socrates con trai của Antigones. Lực lượng này nhổ neo và khởi cuộc tuần dương của mình, và quân Peloponnese, sau khi ở lại Attica cho đến khi lương thảo đã cạn, bắt đầu rút về qua Boeotia bằng con đường khác với con đường mà họ đã xâm nhập. Khi đi qua trấn Oropus^[43], họ tàn phá lãnh thổ Graea^[44] nơi dân Oropus phụ thuộc Athens đang sinh sống, và khi về đến Peloponnese, họ giải tán ai về thành nấy.

Sau khi họ rút về thì người Athens cắt đặt lính gác trên đất liền và trên biển tại những điểm mà họ dự định đặt các đồn thường trực trong suốt cuộc chiến tranh này. Họ cũng quyết định để riêng ra một ngân quỹ đặc biệt một ngàn *talăng* từ món tiền ở Acropolis. Ngân quỹ này sẽ không được động đến, nhưng mặt khác tất cả các khoản chiến phí hiện tại sẽ được cung cấp từ ngân quỹ này. Nếu bất kỳ ai đưa ra đề xuất hoặc đưa ra đề biểu quyết một đề xuất sử dụng khoản tiền đó vào bất kỳ mục đích nào ngoại trừ mục đích bảo vệ thành này trong trường hợp quân địch mang một hạm đội đến tấn công từ biển vào, thì kẻ đó sẽ bị khép tội tử hình. Cùng với khoản tiền này, họ còn để riêng ra một hạm đội gồm một trăm con thuyền ga-lê, là những con thuyền tốt nhất được đóng mỗi năm, cùng với các thuyền trưởng của chúng. Không một con thuyền nào trong số đó được đem ra sử dụng trừ khi được sử dụng cùng với khoản tiền dành riêng đó nhằm chống lại cùng một hiểm họa, nếu hiểm họa đó xảy ra.

Cùng lúc ấy quân Athens trên một trăm chiến thuyền quanh Peloponnese, được tăng viện với bởi một hải đội năm mươi chiến thuyền Corcyra và một số thuyền khác của các đồng minh tại khu vực đó, tuần tiễu quanh vùng bờ biển và tàn phá xứ này. Ở những nơi khác, họ đổ bộ lên Laconia^[45] và tấn công Methone^[46]; ở đó không có đơn vị đồn trú nào cả, mà thành lũy thì rất yếu. Nhưng tình cờ là Brasidas^[47] người Sparta, con trai của Tellis, lại đang chỉ huy một đội gác để phòng thủ nơi này. Nghe tin về cuộc tấn công đó, ông vội vàng cùng một trăm bộ binh hạng nặng tới cứu ứng nơi bị vây hãm, và xông qua đạo quân Athens lúc này đang tán nát khắp xứ và đang mãi chăm chú hướng về phía thành lũy, ông lao thẳng vào Methone. Ông mất vài quân lính khi mở đường máu vào được bên trong, nhưng đã cứu được nơi đó và kỳ công của ông được Sparta tri ân, và như vậy ông là vị chỉ huy đầu tiên giành được danh dự đó trong cuộc chiến tranh này. Quân Athens ngay lập tức nhổ neo và tiếp tục chuyển hải hành của họ. Cập vào Pheia^[48] ở Elis, họ tàn phá xứ này trong hai ngày và đánh bại một lực lượng ba trăm quân được tuyển chọn từ thung lũng Elis và vùng kế cận đến cứu ứng. Nhưng rồi một trận cuồng phong ập đến với họ, và vì không muốn đương đầu với nó ở một nơi không có bến cảng, phần đông bọn họ lên thuyền và chèo vòng qua mũi

Ichthys^[49] vào bến cảng của Pheia. Cùng lúc này quân Messenia và một số quân khác không kịp lên thuyền đã hành quân theo đường bộ và chiếm Pheia. Hạm đội sau đó đã vòng đến và đón họ lên và rời ra khơi. Quân Athens triệt thoái khỏi Pheia vì đạo quân chủ lực của Elis lúc này vừa đến. Quân Athens tiếp tục chuyển hải hành của họ, và tàn phá những vùng khác trên bờ biển đó.

Khoảng cùng thời gian này người Athens cử ba mươi chiến thuyền đi tuần tiễu quanh Locris và cũng là để canh gác Euboea; Cleopompus con trai của Clinias là chỉ huy. Thực hiện những cuộc đột kích từ hạm đội của mình vào, ông ta đã cướp phá một số vùng trên bờ biển, chiếm thành Thronium^[50] và bắt các con tin từ thành này. Tại trấn Alope^[51] ông ta còn đánh bại cả quân Locris đã tập hợp lại để kháng cự lại ông ta.

Trong mùa hạ đó, quân Athens cũng đuổi dân Aegina cùng vợ con họ ra khỏi đảo Aegina, vì cố họ là tác nhân chính mang cuộc chiến tranh này đến cho người Athens. Và lại, Aegina nằm gần Peloponnese đến nỗi nếu gửi thực dân của chính họ đến để giữ lấy nó ắt sẽ an toàn hơn, và chỉ ít lâu sau đó dân đi khai khẩn đất mới đã được gửi đi. Dân Aegina bị đuổi đã tìm được nơi tị nạn tại Thyrea^[52], nơi được người Lacedaemon ban cho họ, không chỉ vì Lacedaemon đang tranh chấp với Athens, mà còn vì dân Aegina đã có ơn với họ trong thời gian xảy ra động đất và cuộc nổi loạn của dân nô dịch *Helots*. Lãnh thổ của Thyrea nằm trên biên giới giữa Argolis^[53] và Laconia, trải dài xuống biển. Những dân Aegina không định cư tại đó thì tứ tán khắp nơi trên đất Hy Lạp.

Cũng mùa hạ này, vào đầu tuần trăng đầu tiên, là thời gian duy nhất có thể xảy ra, đã xuất hiện nhật thực sau buổi trưa. Mặt trời, sau khi chỉ còn như một lưỡi liềm và một vài vì sao đã mọc lên, đã trở lại nguyên hình như trước.

Cũng trong mùa hạ này, Nymphodorus người Abdera^[54], con trai của Pythes – Sitalces^[55] đã cưới chị gái của Nymphodorus – được người Athens phong làm *proxenus*^[56] của họ và được cho mời đến Athens. Trước đó họ đã coi ông ta là kẻ thù của họ; nhưng ông ta lại có ảnh hưởng rất lớn đến

Sitalces, mà họ thì mong muốn vị hoàng tử này trở thành đồng minh của họ. Sitalces là con trai của Teres và là vua xứ Thrace. Teres, cha của Sitalces, là người đầu tiên kiến lập nên vương quốc vĩ đại của tộc người Ordysae mà bờ cõi nó tưởng như khôn cùng đối với phần còn lại của xứ Thrace, nơi mà một phần lớn dân Thrace vẫn độc lập.

Vị vua Teres này chẳng có mối liên quan gì với Tereus^[57] người đã cưới cô con gái Procne của Pandion người Athens; trên thực tế họ cũng không thuộc về cùng một khu vực ở Thrace. Tereus sống tại Daulis^[58], một phần của nó hiện giờ được gọi là Phocis, nhưng thời đó dân Thrace cư ngụ tại nơi này. Chính tại đất này, hai người đàn bà ấy đã phạm tội trút oán hờn lên Itys; và nhiều nhà thơ khi nói đến chim sơn ca thường gọi nó là con chim xứ Daulis. Và lại, khi đính ước cho con gái mình với một đồng minh hẳn Pandion phải cân nhắc đến lợi thế hai bên tương trợ lẫn nhau, và đương nhiên là sẽ thích một cuộc hôn nhân ở một khoảng cách xa vừa phải hơn là một chặng đường nhiều ngày chia cách Athens với Ordysae. Và lại danh tính của họ cũng khác nhau, và Teres này là vua của dân Ordysae, là vị vua đầu tiên của họ đã đạt tới đỉnh cao quyền lực. Sitalces, con trai của vị vua này, hiện giờ được người Athens sẵn đón làm đồng minh, Athens mong muốn có được sự trợ giúp của ông ta hầu chinh phục các trấn của Thrace và các trấn của Perdiccas.

Đến Athens, Nymphodorus đã ký kết liên minh với Sitalces và biến Sadocus con trai Sitalces thành một công dân Athens, và hứa sẽ chấm dứt cuộc chiến tranh ở Thrace bằng cách thuyết phục Sitalces gửi cho người Athens một lực lượng quân kỵ và quân đeo khiên của Thrace. Ông ta còn hòa giải họ với Perdiccas, và xui họ trả lại xứ Therme cho Perdiccas; nhờ vậy Perdiccas ngay lập tức tham gia cùng với Athens và Phormio trong cuộc viễn chinh chống dân Chalcis. Và Sitalces, con trai của Teres, vua của xứ Thrace cùng Perdiccas, con trai của Alexander, vua của xứ Macedonia đã trở thành đồng minh của Athens như thế đó.

Trong lúc đó quân Athens trên một trăm chiến thuyền vẫn đang tuần tiễu quanh Peloponnese. Sau khi chiếm Sollium^[59], một trấn thuộc Corinth, và trao trấn đó cùng vùng lãnh thổ của nó cho dân Acarnania ở Palaira^[60], họ đột

chiếm trấn Astacus^[61], trục xuất bạo chúa Evarchus^[62] của trấn, và gộp thêm được trấn này vào liên minh của mình. Tiếp theo họ đi thuyền đến đảo Cephallenia và thuyết phục được đảo này sang theo phe họ mà không cần dùng vũ lực. Cephallenia nằm ngoài khơi Acarnania và Leucas, và bao gồm bốn bang Palea, Crania, Samaea và Pronaea. Ít lâu sau, hạm đội này trở về Athens. Gần đến mùa thu năm đó quân Athens xâm lược Megarid với toàn bộ số quân mà họ chiêu mộ được, bao gồm cả dân ngụ cư, dưới quyền chỉ huy của Pericles con trai của Xanthippus.

Quân Athens trên một trăm chiến thuyền tuần tiễu quanh Peloponnese đang trên hải trình hồi hương vừa đến Aegina, và khi nghe tin các công dân ở quê hương họ đang tập trung toàn bộ quân lực tại Megara, bèn lập tức vượt biển đến nơi để hợp quân với họ. Đây chắc chắn là đạo quân lớn nhất của Athens từng tập hợp, khi sức mạnh của thành bang này vẫn đang trong thời kỳ nở rộ nhất và chưa gặp phải tai ương nào. Và cũng chưa bị bệnh dịch giáng xuống. Trọn một vạn bộ binh hạng nặng đang có mặt ở chiến trường đó, toàn bộ là công dân Athens, chưa kể ba ngàn quân đang tham chiến ở Potidaea. Rồi đến dân ngụ cư tham gia vào cuộc xâm lược này ít nhất là ba ngàn quân tráng kiện; ngoài ra còn một số rất đông bộ binh hạng nhẹ. Họ tàn phá phần lớn lãnh thổ này, rồi rút đi. Sau đó năm nào quân Athens cũng thực hiện những cuộc đột kích khác vào Megarid trong suốt cuộc chiến tranh này, có lúc chỉ dùng kỵ binh, có lúc lại dùng toàn bộ lực lượng của họ. Việc này tiếp diễn tận đến khi chiếm được Nisaea. Atalanta^[63], hoang đảo ở ngoài khơi bờ biển của dân Locri Opuntii, gần cuối mùa hạ năm đó cũng được quân Athens biến thành một vị trí đóng quân được củng cố phòng ngự, hầu ngăn chặn những thuyền hải tặc xuất phát từ Opus^[64] và những nơi khác ở Locris đến tấn công Euboea. Những việc xảy ra trong mùa hạ năm ấy sau khi quân Peloponnese từ Attica trở về là như vậy.

Vào mùa đông nối tiếp mùa hạ đó, Evarchus bạo chúa của Acarnania vì mong muốn trở về Astacus nên đã thuyết phục Corinth khởi bốn mươi chiến thuyền cùng một ngàn năm trăm bộ binh hạng nặng để khôi phục ngôi vị cho ông ta; ông ta cũng tự chiêu mộ một số lính đánh thuê. Chỉ huy của lực

lượng này là Euphamidas con trai của Aristonymus, Timoxenus con trai của Timocrates, và Eumachus con trai của Chrysis, những người đã vượt biển để khôi phục ngôi vị cho ông ta và, sau những cuộc tấn công không thành lên một vài vùng trên bờ biển Acarnania mà họ mong chiếm được, họ bắt đầu chuyến hải hành hồi hương. Đi men theo bờ biển, họ cập vào Cephallenia và đột kích vào lãnh thổ của Cranii^[65], và thiệt hại mất một số quân vì sự trí trá của dân Cranii, những kẻ đột ngột tấn công họ sau khi đã chấp nhận hòa đàm, họ vội vã lên thuyền ra khơi và trở về nhà.

Cũng trong mùa đông năm ấy người Athens đã tổ chức tang lễ cho những người đầu tiên ngã xuống trong cuộc chiến tranh này bằng chi phí công. Đó là một tục lệ từ thời tổ tiên của họ, và tang lễ được tiến hành theo cách thức như sau: Ba ngày trước nghi lễ, hài cốt của các binh sĩ trận vong được đặt trong một nhà rạp đã được dựng sẵn; bạn bè thân hữu của họ mang tới cho họ những lễ vật tùy ý. Trong lễ đưa tang những chiếc quan tài gỗ bách được chở trên những cỗ xe tang, mỗi chiếc quan tài dành cho một thị tộc; hài cốt của những người quá cố được đặt vào quan tài thuộc về thị tộc của họ. Trong số đó có một quan tài rỗng dành cho những người mất tích, nghĩa là dành cho những người mà thi thể đã không thể thu hồi lại được. Bất kỳ là dân chúng hay người lạ nào đều có thể tham gia vào đám rước nếu muốn, và những thân quyến là phụ nữ ở nơi an táng để than khóc. Hài cốt các binh lính trận vong được đặt trong một hầm mộ chung ở vùng ngoại ô xinh đẹp của kinh thành, nơi những người hy sinh trong chiến tranh luôn được chôn cất ở đó; ngoại trừ những người tử trận ở Marathon, mà vì lòng dũng cảm hiếm có và phi thường của mình đã được an táng tại chính nơi họ ngã xuống. Sau khi các thi hài được đặt vào lòng đất, thành bang sẽ chọn ra một người đàn ông, được công nhận là thông thái và có danh tiếng xuất chúng, để đọc trên mộ họ một bài diếu văn theo nghi tiết; sau đó tất cả ra về. Đó là tục lệ an táng; và trong suốt cuộc chiến tranh này, hễ khi nào xảy ra sự kiện như vậy là người ta lại cử hành theo tục lệ truyền đời ấy. Trong đợt này, đây là những người đầu tiên ngã xuống trong cuộc chiến tranh này, và Pericles con trai của Xanthippus đã được chọn để đọc bài diếu văn cho họ. Khi thời

điểm thích hợp đã đến, ông từ hàm mộ tiến lên một bậc cao để đám đông có thể nghe thấy ông rõ nhất, và nói những lời sau:

“Tại nơi này, hầu hết các bậc tiền nhiệm của tôi đã ca ngợi người đã biến bài điều văn này thành một phần của luật tục, chỉ ra cho chúng ta rằng thật vinh dự khi điều văn này được đọc tại lễ an táng những người đã ngã xuống trong chiến trận. Về phần mình, lẽ ra tôi phải mong rằng cái giá trị đã tự mình thể hiện bằng hành động sẽ được tưởng thưởng thích đáng bởi những sự tôn vinh cũng được thể hiện bằng hành động; như giờ đây các vị thấy rằng tang lễ này đã được chuẩn bị bằng phí tổn của dân chúng. Và lẽ ra tôi đã có thể mong rằng danh tiếng của rất nhiều người dũng cảm không bị đe dọa bởi khẩu tài của một cá nhân nào, để còn hay mất tùy thuộc vào việc anh ta nói hay hoặc dở. Bởi vì thật chẳng dễ gì để nói cho đúng về một vấn đề nơi mà ta thậm chí khó thuyết phục được người nghe rằng ta đang nói lên sự thật. Một mặt, người bạn nào mà đã biết đến từng chi tiết của câu chuyện có thể cho rằng có điểm nào đó đã không được nêu ra đầy đủ như anh ta mong muốn và cho rằng nó đáng được nêu ra; mặt khác, kẻ không biết về việc đó có thể bị lòng đố kỵ dẫn tới chỗ nghi ngờ rằng đó là sự cường điệu nếu anh ta nghe được điều gì cao thượng hơn bản tính tự nhiên của mình. Vì rằng con người ta chỉ có thể chịu nghe người khác được ca ngợi chừng nào họ còn có thể tự thuyết phục mình rằng bản thân họ cũng có năng lực hành động ngang bằng với những hành động được kể lại đó: khi vượt quá ngưỡng này, lòng đố kỵ sẽ nảy ra và cùng với nó là sự hoài nghi. Tuy vậy, vì tổ tiên chúng ta đã đóng triện để chuẩn y tục lệ này, thành thử nghĩa vụ của tôi là phải tuân theo luật tục và cố gắng thỏa mãn những mong muốn và ý kiến khác nhau của các vị ở mức cao nhất mà tôi có thể.

Tôi sẽ bắt đầu từ tổ tiên chúng ta: sẽ là công bằng và thích đáng khi họ được vinh dự nhắc đến đầu tiên vào một dịp như thế này. Họ đã sinh sống ở xứ này mà không làm gián đoạn sự kế tục từ thế hệ này sang thế

hệ khác, và họ đã hào phóng truyền lại nó cho đến ngày nay bằng sự quả cảm của mình. Và nếu tổ tiên xa xưa của chúng ta xứng đáng được ca ngợi, thì cha ông của chúng ta còn xứng đáng nhiều hơn thế nữa vì họ đã thêm vào di sản của tổ tiên cái đế chế mà chúng ta hiện đang nắm trong tay, và đã không quản ngại khó nhọc hầu có thể để lại những thành quả của họ cho thế hệ chúng ta ngày nay. Và cuối cùng, chỉ còn lại một vài vùng trong các lãnh thổ mà chúng ta đang cai trị là chưa được tăng thêm nhờ vào những người trong số chúng ta ở đây, những người hầu hết vẫn còn đang niên tráng lực cường; trong khi thành bang mẹ đã được chúng ta cung ứng mọi thứ để có thể trồng cấy vào nguồn lực của chính mình dù là trong thời chiến hay trong thời bình. Cái phần trong sử sách của chúng ta kể về những chiến công đã mang lại cho chúng ta một số thuộc địa, hoặc về lòng quả cảm vốn có mà nhờ đó cả chúng ta lẫn cha ông chúng ta đã ngăn chặn những đợt sóng xâm lăng của các dân Hy Lạp hay giặc ngoại xâm, là một chủ đề đã quá quen thuộc đối với thính giả của tôi nên tôi chẳng thể dài dòng, do đó tôi sẽ bỏ qua nó. Nhưng đâu là con đường đã dẫn chúng ta đến chỗ đạt được vị thế của mình, đâu là hình thức chính thể mà dưới chính thể đó đế chế của chúng ta ngày càng vĩ đại, đâu là những tập quán của dân tộc mà từ đó sự vĩ đại ấy nảy sinh; đó là những câu hỏi mà có lẽ tôi sẽ cố gắng giải đáp trước khi bắt đầu bài diễn văn của mình trên mộ những con người này; vì tôi cho rằng vào một dịp như thế này thì đây là một chủ đề mà một diễn giả có thể chú trọng một cách thích đáng, và toàn thể những người tụ họp tại đây, dù là những công dân của ta hay ngoại bang, nghe nó đều có ích.

Hiến pháp của chúng ta không sao chép lại luật pháp của các lân bang; nói đúng hơn chúng ta làm khuôn mẫu cho những kẻ khác chứ không đi bắt chước. Việc thực thi hiến pháp có lợi cho đa số thay vì thiểu số; đó là lý do vì sao hiến pháp đó được gọi là dân chủ. Nếu chúng ta trông vào luật pháp, các luật mang lại công bằng cho tất cả mọi người như nhau với những điểm khác biệt riêng của chúng; nếu không tồn tại địa vị xã hội, thì sự thăng tiến trong đời sống cộng đồng

sẽ dựa vào danh tiếng vì năng lực, những cân nhắc về giai tầng không được phép gây trở ngại cho công trạng; thêm nữa, sự nghèo hèn cũng không thể cản đường, nếu một người có năng lực phụng sự tổ quốc, anh ta sẽ không bị thân phận không tên tuổi của mình gây trở ngại. Sự tự do mà chúng ta được hưởng từ thể chế của chúng ta cũng rộng mở đến tận đời sống bình thường của chúng ta. Ở đó, chẳng những không ganh ghét dòm dòm lẫn nhau, chúng ta cũng không thấy phải bức tức với hàng xóm của mình vì anh ta làm những gì mà anh ta thích, hoặc thậm chí phải cho phép mình nhìn anh ta một cách xúc phạm và không thiếu tính công kích, cho dù cách nhìn đó chẳng gây ra một hình phạt cụ thể nào. Nhưng mọi sự dễ dãi trong các mối quan hệ cá nhân của chúng ta không biến chúng ta thành những công dân không tôn trọng pháp luật. Đối lập với mối lo sợ này là tấm lá chắn vững vàng của chúng ta, dạy cho chúng ta biết tuân theo các quan tòa và luật lệ, nhất là quan tâm tới việc bảo vệ những người bị xâm hại, cho dù luật lệ đó trên thực tế đã thành văn, hay thuộc về những quy tắc ứng xử mà cho dù bất thành văn cũng chẳng thể vi phạm mà không cảm thấy hổ thẹn.

Thêm vào đó, chúng ta còn cung cấp rất nhiều phương tiện để tâm trí thư giãn sau công việc. Chúng ta cử hành các cuộc thi đấu và hiến tế quanh năm, và vẻ trang nhã trong những công trình kiến trúc tư nhân của chúng ta tạo nên một nguồn vui thường nhật và xua tan tâm trạng u uất; trong khi đó kinh thành rộng lớn của chúng ta hội tụ sản vật từ khắp thế giới vào hải cảng của mình, vì vậy đối với một người Athens những sản vật của các xứ khác là thứ anh ta quen được hưởng thụ như những sản vật của xứ mình.

Nếu đề cập đến sách lược quân sự của chúng ta thì về điểm đó chúng ta cũng khác biệt với những kẻ đối địch. Chúng ta rộng mở kinh thành của mình với thế giới, và không bao giờ dùng những luật lệ phân biệt người ngoại bang để loại trừ họ khỏi bất kỳ cơ hội học hỏi hay quan sát nào, dầu cho tai mắt kẻ địch đôi khi có thể lợi dụng được tính hào phóng của chúng ta; chúng ta ít trông cậy vào hệ thống và chính sách mà chủ yếu là trông cậy vào tinh thần dân tộc của công dân chúng ta;

trong khi đó trên lĩnh vực giáo dục, lĩnh vực mà những kẻ địch của chúng ta từ lúc còn nằm trong nôi đã phải tôi rèn khí chất đàn ông bằng một phương pháp vất vả khó nhọc, thì tại Athens lúc nào chúng ta cũng được sống thoải mái tùy thích, nhưng đồng thời lúc nào cũng sẵn sàng đương đầu với mọi hiểm nguy thực sự. Để minh chứng cho điểm này, điều dễ nhận thấy là quân Lacedaemon không xâm lược xứ sở của chúng ta một mình, mà mang theo tất cả các xứ liên minh với chúng; trái lại, người Athens chúng ta tiến quân vào lãnh thổ của một lân bang mà chẳng cần ai trợ chiến, và khi chiến đấu trên một vùng đất lạ vẫn thường dễ dàng đánh bại những kẻ đang bảo vệ quê hương mình. Chưa kẻ thù nào từng chạm trán với lực lượng hợp nhất của chúng ta, vì chúng ta đồng thời vừa phục vụ cho hải quân của mình vừa phái công dân của mình đi chinh chiến ở hàng trăm nơi khác nhau trên bộ; thế nên, ở bất cứ nơi đâu mà địch giao tranh với một phần rất nhỏ nào đó trong quân số hiện có của chúng ta, thì chiến thắng một biệt đội được thối phòng lên thành chiến thắng cả một dân tộc, và ngược lại chiến bại mà chúng phải chịu cũng lại là bởi lực lượng của toàn dân chúng ta. Vậy mà, cho dù với thói quen thư thái mà không nhọc nhằn, và dũng khí từ bản chất mà không phải do rèn luyện, chúng ta vẫn sẵn lòng giáp mặt với hiểm nguy, chúng ta có lợi thế kép là vừa tránh được khỏi phải kinh qua những thử thách cam go vì đã lường trước được và vừa có thể đối mặt một cách không sợ hãi với những thử thách cam go đó trong những lúc cần thiết như những người không bao giờ được miễn trừ với chúng.

Đó cũng không phải những điểm duy nhất mà kinh thành của chúng ta đáng được ngưỡng mộ. Chúng ta trau dồi sự tinh tế mà không thái quá và trau dồi sự hiểu biết mà không nhu nhược; của cải được chúng ta đem ra sử dụng hơn là để khoe mẽ, và coi nghèo hèn thực sự đáng hổ thẹn ở chỗ không chịu đấu tranh chống lại nó chứ không phải ở chỗ thừa nhận cái thực tế ấy. Ngoài chính sự ra, những người tham gia việc công của chúng ta còn có những vấn đề riêng cần phải quan tâm đến, và những thường dân của chúng ta dù bận bịu với những công việc làm

ăn vẫn là những người phán xét công bằng đối với các vấn đề chung; bởi lẽ, không giống như bất kỳ một dân tộc nào khác, thường coi những kẻ không tham gia vào những nhiệm vụ chung chẳng phải là những người không tham vọng mà là những kẻ vô dụng, người Athens chúng ta có khả năng xét đoán trong mọi trường hợp cho dù chúng ta không có khả năng khởi xướng, và, thay vì coi việc thảo luận là một chướng ngại vật trên con đường hành động, chúng ta coi đó là một bước chuẩn bị không thể thiếu đối với bất kỳ hành động khôn ngoan nào. Lại nữa, trong các chiến dịch của mình, chúng ta cho thấy một hình ảnh phi thường về sự can trường và tính thận trọng, cả hai đều lên đến đỉnh điểm, và cả hai hợp nhất trong cùng những con người đó; mặc dù theo lẽ thường thì táo bạo cả quyết là kết quả của sự bất tri bất trí, mà e dè do dự mới là kết quả của sự cân nhắc cẩn trọng. Nhưng phần thưởng cho lòng can đảm chắc chắn sẽ được ban phát một cách công bằng nhất cho những người biết rõ gian khổ cam go khác xa với lạc thú khoái hoạt song chẳng khi nào bị lung lạc mà chùn bước trước hiểm nguy. Về tính hào phóng chúng ta cũng phi thường như vậy, chúng ta có được bạn bè bằng cách cho đi những ân huệ chứ không phải bằng nhận lại. Nhưng dĩ nhiên kẻ gia ơn bao giờ cũng là kẻ mạnh hơn trong hai người, giữ cho kẻ chịu ơn luôn mắc nợ anh ta bằng cách duy trì sự hảo tâm, trong khi đó kẻ mắc nợ cảm thấy kém nhiệt tình hơn chính vì nhận thấy rằng sự báo đáp của anh ta sẽ là sự trả nợ, không phải món quà tự nguyện. Và chỉ có người Athens, những người không ngại hậu quả, mới đem trao tặng những lợi ích của họ không vì những toan tính thực dụng, mà bởi tự tin vào sự hào hiệp phóng khoáng.

Tóm lại, tôi muốn nói rằng là một kinh thành, chúng ta là học đường của cả Hy Lạp, dù tôi tự hỏi không biết thế giới có thể sản sinh ra một con người mà, khi chỉ có thể trông cậy duy nhất vào chính bản thân mình, anh ta vẫn đủ sức đương đầu với rất nhiều tai họa, và được ban cho cái tính linh hoạt vui vẻ đến thế, như người Athens không. Và rằng đây không phải là những lời khoe khoang được phát ngôn một cách tùy tiện, mà là sự thực hiển nhiên, quyền lực mà thành bang chúng ta đạt

được nhờ vào những tập quán này đã chứng thực điều đó. Vì trong những thành bang cùng thời với mình, chỉ riêng có Athens khi bị thử thách mới cho thấy là vĩ đại hơn danh tiếng của mình, và chỉ riêng Athens mới không cho những kẻ tấn công mình cơ hội hồ thẹn vì đã bị đánh bại bởi một địch thủ như mình, hay cho các xứ lệ thuộc cơ hội nghi ngờ tư cách của mình bởi phẩm chất xứng đáng để cai trị. Đúng ra là, thời đại này và những thời đại kế tiếp sẽ ngưỡng mộ chúng ta, vì chúng ta đã không để lại sức mạnh của mình mà không có chứng nhân, trái lại chúng ta đã cho thấy sức mạnh ấy bằng những bằng chứng hùng hồn; và chẳng cần đến một người như Homer để ca tụng chúng ta, hoặc một người cũng là thi sĩ như ông mà những vần thơ của anh ta chỉ có thể mê hoặc người ta trong khoảnh khắc vì cái ấn tượng mà chúng gây ra sẽ bị tan biến khi chạm vào sự thật, chúng ta đã buộc mọi vùng biển và mọi vùng đất phải mở lối cho sự can trường của mình, và ở khắp mọi nơi, cho dù vì là bạn hay là thù, chúng ta đã để lại phía sau những đài kỷ niệm trường tồn. Athens là như thế đó, vì nó mà những người đàn ông này, để khẳng định ý chí kiên quyết không để mất nó, đã chiến đấu một cách cao thượng và hy sinh; và vì vậy cầu chúc tất cả những thân nhân còn sống của họ sẵn sàng chịu gian khổ vì đại nghiệp của Athens.

Kỳ thực nếu tôi có dừng lại quá lâu ở chủ đề về tính cách của xứ sở chúng ta, cũng là để chỉ ra rằng sự mạo hiểm của chúng ta trong chiến đấu không giống với sự mạo hiểm của những kẻ chẳng có những may mắn nhường ấy để mất, và rằng bài điệu văn dành cho những người mà lúc này tôi đang đọc trên mộ họ có căn cứ là những chứng cứ rõ ràng. Bài điệu văn đó giờ đây đã hoàn thiện phần lớn; vì Athens mà tôi vừa ca tụng chỉ có thể là những gì mà tinh thần anh dũng của những con người ấy và những người giống như họ đã tạo nên, những con người mà danh thơm của họ, không như danh tiếng của đa phần những người Hy Lạp khác, sẽ được thấy là chỉ xứng đáng duy nhất với công trạng của họ mà thôi. Và nếu cần phải có một chứng nghiệm cho sự xứng đáng đó, chứng nghiệm đó sẽ được tìm thấy trong cảnh chiến đấu cuối

cùng của họ, và không chỉ trong những trường hợp mà nó đóng dấu ấn cuối cùng lên phẩm chất ưu tú của họ, mà còn trong những trường hợp nó cho ta thấy dấu hiệu ban đầu của bất kỳ phẩm chất ưu tú nào mà họ có. Bởi công bằng mà nói, tinh thần trung kiên bất khuất trong những trận chiến đấu vì tổ quốc của một người cũng giống như tấm áo che đi những điểm chưa hoàn hảo khác của anh ta; vì hành động tốt đã xóa sạch đi cái xấu, và công trạng của anh ta với tư cách một công dân có ảnh hưởng lớn hơn những lỗi lầm với tư cách một cá nhân. Nhưng không một ai trong số họ đã cho phép hoặc sự giàu sang với viễn cảnh được hưởng thụ trong tương lai làm nhụt chí anh ta, hoặc sự nghèo khó với hy vọng rằng một ngày kia sẽ trở nên tự do và giàu có xui khiến anh ta chùn bước trước hiểm nguy. Không, cho rằng việc trả thù kẻ địch của mình còn đáng khao khát hơn bất kể hạnh phúc cá nhân nào, và coi đó là vinh quang lớn nhất trong hiểm họa, họ đã vui vẻ quyết định chấp nhận rủi ro, để chắc chắn có cơ hội trả thù, và mặc cho những điều họ mong ước phải chờ đợi; và trong khi đặt hy vọng vào một chiến thắng tối hậu còn đang bấp bênh, với nhiệm vụ trước mắt họ cho rằng cần phải hành động một cách táo bạo và tin vào chính bản thân mình. Vì vậy, quyết định thà chết vinh còn hơn sống nhục, họ chỉ chạy trốn khỏi sự ô danh, nhưng lại dũng cảm đối mặt với hiểm nguy, và chỉ sau một khoảnh khắc ngắn ngủi, đang lúc trên đỉnh cao may mắn, họ đã thoát ra khỏi sự vinh quang chứ không phải nỗi sợ hãi của họ.

Những con người này đã hy sinh xứng đáng với danh tiếng người Athens như thế đó. Các vị, những người còn sống, cần phải quyết tâm có được cái ý chí không nao núng trên chiến trường như họ, tuy các vị có thể cầu nguyện để có một kết quả may mắn hơn. Và chớ hài lòng với những tư tưởng chỉ bắt nguồn từ những lời hứa hẹn về lợi ích gắn liền với việc bảo vệ tổ quốc của các vị, cho dù những lời hứa hẹn đó có thể cung cấp một chủ đề giá trị cho một diễn giả thậm chí là trước một cử tọa hiểu rõ chúng như các vị đây, thì các vị vẫn phải tự mình nhận thức rõ sức mạnh của Athens, và ngày ngày đừng rời mắt khỏi nó, cho đến khi tình yêu đối với nó tràn đầy trong tim các vị; và rồi, khi sự vĩ đại

của nó hiện ra trọn vẹn trước các vị, các vị cần phải nghĩ rằng chính là nhờ vào lòng dũng cảm, ý thức nghĩa vụ và nhiệt huyết với danh dự trong trận chiến mà người ta mới có thể giành được tất cả sự vĩ đại ấy, và rằng không một thất bại cá nhân nào trong một chiến dịch đã có thể khiến họ cho phép tước đi mất của xứ sở này lòng dũng cảm của họ, mà trái lại họ đã đặt lòng dũng cảm ấy dưới chân Athens như phần đóng góp vinh dự nhất mà họ có thể dâng tặng. Vì tất cả những người này đã đồng lòng dâng tặng tính mạng của mình nên mỗi người trong bọn họ đều nhận được cho riêng mình danh thơm muôn thưở, và với một lăng mộ, không chỉ là nơi ký cốt của họ, mà đúng hơn là điện thờ linh thiêng nhất nơi vinh quang của họ được lưu giữ để thiên thu tưởng nhớ, vào mỗi dịp cần tưởng niệm bằng hành động hay bằng lời nói. Bởi khắp trái đất này đâu đâu cũng là nơi có thể an táng các vị anh hùng; và ở những miền viễn xứ, nơi mà cột đá với văn bia trên đó ghi khắc chiến công này, có một ghi chép được cất giữ thiêng liêng trong mỗi lồng ngực mà không được viết lên bất kỳ bài vị nào để lưu giữ ngoài con tim. Hãy lấy họ làm những tấm gương cho mình và, khi đã coi hạnh phúc là thành quả của tự do và là tự do là thành quả của lòng quả cảm, đừng bao giờ từ chối những nguy hiểm trong chiến tranh. Vì rằng những người xả thân đích thực chẳng phải là những kẻ khốn cùng, những kẻ đó đâu có gì để hy vọng, mà đúng hơn là những người mà đối với họ nếu cuộc sống tiếp tục có thể sẽ mang đến những thay đổi nghịch đảo mà lúc này còn là ẩn số, và đối với họ nếu chẳng may ngã xuống sẽ kéo theo hậu quả kinh khủng nhất. Và điều chắc chắn là đối với một con người đầy lòng dũng cảm, việc mất danh dự vì hèn nhát phải đáng buồn hơn rất nhiều so với cái chết không nhận thấy thành linh giáng xuống anh ta giữa lúc anh ta đang tràn trề sức lực và lòng yêu nước.

Thế nên, niềm an ủi, chứ không phải lời chia buồn, mới là điều tôi phải bày tỏ với các bậc sinh thành của những người đã khuất mà có lẽ đang hiện diện tại đây. Những may rủi tình cờ mà cuộc sống của con người khó tránh khỏi nhiều không đếm xuể; nhưng quả thực may mắn thay những người mà số mệnh đã cho họ một cái chết vinh quang như

cái chết đã gây cho các vị nỗi đau tang tóc này, và may mắn thay những người mà cuộc đời đã được dự liệu chính xác để kết thúc trong niềm hạnh phúc đã cùng họ đi suốt quãng đời đó. Tuy vậy, tôi vẫn biết rằng thật là khó nói, nhất là khi chúng ta đang nói đến những người mà các vị sẽ luôn chạnh lòng nhớ đến khi thấy những gia đình khác đang có được những niềm hạnh phúc mà các vị đã từng có lúc rất tự hào về chúng: bởi nỗi đau buồn chẳng phải là vì thiếu thốn cái mà chúng ta chưa từng biết đến mà đúng hơn là vì mất đi thứ mà chúng ta quen thuộc đã lâu. Nhưng những ai trong các vị còn đang ở độ tuổi có thể sinh con đẻ cái hẳn phải có nghị lực chịu đựng với hy vọng sinh những đứa con khác thay thế cho họ; chẳng những chúng sẽ giúp các vị nguôi quên những người mà các vị đã mất đi, mà đối với thành bang này chúng cũng sẽ là lực lượng tăng cường và là bảo vệ an ninh; vì chẳng khi nào có thể trông đợi một chính sách công bằng hay đúng đắn từ một công dân mà, không giống như bạn hữu của mình, anh ta không đem những mối quan tâm và lo lắng của một người cha vào quyết sách đó. Trái lại, những ai trong các vị đã qua thời kỳ sung mãn nên tự chúc mừng bản thân mình khi nghĩ rằng phần lớn cuộc đời các vị đã thật may mắn, và rằng khoảng thời gian ngắn ngủi còn lại sẽ được khích lệ bởi danh thơm của những người đã khuất. Vì rằng chỉ có tình yêu đối với danh dự là không bao giờ cũ đi; và danh dự không phải là lợi lộc như một số người cho rằng thế, mà là cái làm vui trái tim lúc về già và không nơi nương tựa.

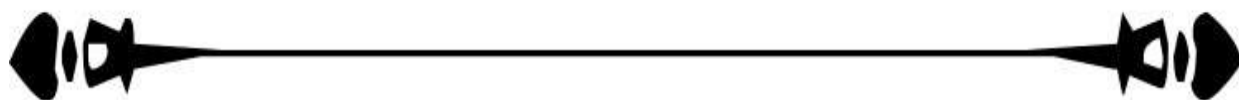
Với những cậu con trai hoặc anh em trai của những người đã khuất, tôi thấy một cuộc tranh đấu cam go trước mặt các người. Khi một người đã hy sinh, mọi người đều có thói quen ca ngợi anh ta, và nếu có ngày công trạng của các người ưu tú đến mức ấy, thì các người vẫn sẽ thấy rằng thậm chí đạt được danh tiếng gần bằng họ cũng còn khó huống hồ là vượt lên trên. Người sống có sự ganh tị để tranh đấu, trong khi đó những người không còn ở trên con đường của chúng ta được tôn vinh với cả tấm lòng nơi sự ganh đua không thâm nhập vào được. Mặt khác, nếu tôi cần phải nói bất kỳ điều gì về phẩm hạnh của phụ nữ với

những người trong các vị mà giờ đây sẽ phải chịu cảnh góa bụa, thì toàn bộ điều đó sẽ gói gọn trong lời khích lệ vẫn tắt này: Cao quý thay thanh danh của các vị vì đã không thiếu nghị lực bầm sinh; và cao quý hơn cả là thanh danh của những người phụ nữ ít được nhắc đến nhất giữa những người đàn ông, bất kể là vì điều tốt hay điều xấu.

Nhiệm vụ của tôi đến đây là hoàn thành. Tôi đã thực hiện nhiệm vụ ấy với hết khả năng của mình, và chỉ ít thì những gì mà luật tục đòi hỏi giờ đã được thỏa mãn bằng lời nói. Nếu nói về hành động thì những người được an táng tại đây đã nhận được phần nghi lễ tôn vinh họ rồi, và phần còn lại thì con cái của họ sẽ được nuôi dưỡng đến khi trưởng thành bằng phí tổn công: bằng cách đó thành bang này dâng tặng một phần thưởng giá trị, như vòng hoa chiến thắng trong cuộc tranh đua về lòng dũng cảm này, để tưởng thưởng cả những người đã ngã xuống và những thân nhân còn sống của họ. Và nơi đâu có phần thưởng chiến công lớn nhất, thì nơi đó sẽ thấy những công dân tốt nhất.

Và giờ đây khi các vị đã khóc thương người thân của mình xong, các vị có thể ra về.”

Chương VII



NĂM CHIẾN TRANH THỨ HAI – BỆNH DỊCH Ở ATHENS – LẬP TRƯỜNG VÀ SÁCH LỢC CỦA PERICLES – POTIDAEA THẤT THỦ

Đám tang diễn ra trong mùa đông này là như vậy, và năm thứ nhất của cuộc chiến tranh này cũng kết thúc cùng với nó. Vào những ngày đầu tiên khi mùa hạ đến, quân Lacedaemon cùng các đồng minh của mình, với hai phần ba lực lượng của mỗi xứ đồng minh y như lần trước, dưới quyền chỉ huy của Archidamus, con trai của Zeuxidamus và là vua của Lacedaemon, đã xâm lược Attica, hạ trại và tàn phá đất này. Chỉ ít ngày sau khi họ đến Attica thì bệnh dịch lần đầu bộc phát ở Athens. Người ta đồn rằng trước đó nó đã bùng nổ ở nhiều nơi trong khu vực lân cận đảo Lemnos và ở những

nơi khác nữa; nhưng bệnh dịch hạch với quy mô và số người tử vong đến mức ấy chưa từng được nhắc đến ở bất kỳ đâu. Ngay từ đầu các thầy thuốc đã chẳng giúp được gì, vì họ mù tịt về biện pháp thích hợp để chữa trị bệnh dịch này, bản thân các thầy thuốc cũng chết như ngã rạ vì họ thường xuyên đến thăm người bệnh nhất; bất kể một thuật nào khác của con người cùng chẳng thành công gì hơn y thuật. Kêu cầu trong các đền thờ, bói toán và những điều tương tự thấy đều cho thấy là không hiệu nghiệm như nhau, cho đến khi bản chất lẫn át của thảm họa này cuối cùng đã đặt dấu chấm hết cho tất cả những nỗ lực đó.

Nghe đồn rằng thoát đầu từ những vùng miền của Ethiopia bên trên Ai Cập, rồi từ đó nó tràn xuống Ai Cập và Libya và vào hầu khắp xứ sở của Nhà vua^[1]. Đột ngột ập xuống Athens, trước tiên nó tấn công dân chúng ở Piraeus – đó là duyên cớ mà họ đồn rằng người Peloponnese đã đầu độc các hồ chứa nước, vì nơi ấy lúc bấy giờ vẫn chưa có giếng – và sau đó xuất hiện ở thượng thành^[2], khi cái chết xảy ra ngày một thường xuyên hơn. Mọi suy đoán về xuất xứ và nguyên nhân của bệnh dịch này, nếu có thể tìm ra được nguyên nhân đủ để sinh ra một sự xáo động ghê gớm đến thế, tôi xin nhường lời cho những tác giả khác, dù là chuyên nghiệp hay nghiệp dư; về phần mình, tôi sẽ chỉ ghi chép lại trạng thái tự nhiên của nó, và mô tả các triệu chứng mà biết đâu nhờ đó nó có thể được một nhà nghiên cứu nhận diện, nếu có khi nào nó bùng phát thêm lần nữa. Tôi có thể làm việc này tốt hơn cả, bởi chính tôi đã mắc phải bệnh dịch này, và đã quan sát quá trình diễn biến của nó trong trường hợp của những người khác.

Cái năm ấy sau này được thừa nhận là một năm miễn dịch chưa từng thấy với các căn bệnh khác; và một số ít ca bệnh khác đã xảy ra trước đó cuối cùng đều dẫn đến bệnh dịch này. Mặc dù trong phần lớn các trường hợp không có nguyên nhân nào rõ rệt, nhưng người đang khỏe mạnh bỗng bất thành linh bị tấn công bởi cơn sốt nóng hầm hập trong đầu, và cặp mắt tấy đỏ lên, những bộ phận bên trong như họng hoặc lưỡi bắt đầu xuất huyết và hơi thở tỏa ra một mùi hôi hám bất thường. Tiếp theo những triệu chứng này là hắt hơi và khản giọng, sau đó cơn đau sẽ sớm lan xuống ngực, và gây ho

nặng. Khi nó đóng đờ trong bụng, nó đảo lộn cả dạ dày lên, khiến nôn ra thứ mật được các thầy thuốc gọi bằng đủ các thứ tên, đi kèm với nó là cơn đau khủng khiếp. Đa phần các ca bệnh còn kéo theo chứng nôn khan, gây ra những cơn co thắt dữ dội mà trong một số trường hợp thì dịu ngay, nhưng những trường hợp khác thì rất lâu sau mới dịu. Sờ vào người không thấy nóng hầm hập, da dẻ cũng không tái nhợt, mà tấy đỏ, bầm tím, và phát ra thành những mụn mủ và lở loét. Nhưng bên trong nó thiêu đốt đến nỗi con bệnh không thể chịu được khi mặc lên người bất kỳ quần áo hoặc đắp lên bất kỳ thứ vải nào ngay cả loại mỏng nhẹ nhất; mà kỳ thực chỉ còn nước trần như nhộng. Điều mà ắt hẳn họ muốn nhất là gieo mình vào nước lạnh; như một số người bệnh bất cẩn đã làm thế thật, họ đã nhảy vào thùng chứa nước mưa khi bị cơn khát không sao dịu được hành hạ; bất kể họ uống nhiều hay ít cũng chẳng khác gì. Ngoài ra, cái cảm giác khốn khổ vì không thể ngủ nghỉ được không ngừng tra tấn họ. Trong khi đó cơ thể không gầy mòn đi chừng nào bệnh trạng còn đang ở đỉnh điểm, mà cầm cự dai dẳng đến lạ lùng đối với những tàn phá nó phải chịu; thế nên khi họ chết, như trong hầu hết các ca bệnh, vào ngày thứ bảy hoặc thứ tám vì cơn thiêu đốt bên trong, họ vẫn chưa kiệt quệ hẳn. Nhưng nếu họ qua được giai đoạn này, và căn bệnh tiếp tục xuống đến ruột, bao gồm cả việc gây loét trầm trọng trong đó kèm theo chứng tiêu chảy dữ dội, thì nó dẫn đến tình trạng yếu lả mà thường là trí mạng. Vì bệnh thoát tiên khu trú ở trong đầu, rồi theo lộ trình của nó chạy khắp châu thân, và, thậm chí cả ở nơi nó không tỏ ra trí mạng, nó vẫn để lại dấu ấn của mình trên tứ chi; do nó khu trú ở những bộ phận riêng rời, như ngón tay ngón chân, mà nhiều người thoát được nhưng mất các bộ phận này, một số người mất cả đôi mắt. Những người khác lại đột nhiên mất hẳn trí nhớ khi họ mới bình phục, và không nhận ra cả bản thân mình lẫn bạn bè của mình.

Nhưng trong lúc bản chất của bệnh dịch này dường như là để cản trở mọi mô tả về nó, và những cơn bệnh hầu như trầm trọng quá mức thể trạng tự nhiên của con người có thể chịu đựng được, thì trong tình huống sau sự khác biệt của nó với mọi căn bệnh thông thường đã được thể hiện rõ ràng nhất: tất cả các loại chim muông săn mồi trên những xác người, thì hoặc là tránh

không động vào họ (dù có nhiều xác nằm đó chưa được chôn cất), hoặc là chết sau khi ăn thịt họ. Bằng chứng cho điều này là người ta nhận thấy rằng những loài chim ấy thực sự đã biến mất; chúng không còn quanh quẩn bên các xác chết, mà kỳ thực là không ai nhìn thấy chúng nữa. Nhưng tất nhiên những ảnh hưởng mà tôi đã đề cập đến có lẽ tốt nhất là nên nghiên cứu ở vật nuôi như chó chẳng hạn.

Vậy, nếu chúng ta bỏ qua tính đa dạng của những ca bệnh cụ thể, là những ca đã xảy ra rất nhiều và rất kỳ lạ, thì đặc điểm chung của bệnh dịch này là như thế đó. Trong lúc ấy thì kinh thành này được hưởng sự miễn dịch với tất cả mọi bệnh tật thông thường; hoặc nếu xảy ra bất kỳ ca bệnh nào thì đều kết thúc bằng bệnh này. Một số người chết trong tình trạng bị bỏ mặc, những người khác thì chết trong sự quan tâm chăm sóc của mọi người. Người ta không tìm ra một phương thuốc nào có thể sử dụng như một phương thuốc đặc trị, vì thuốc nào có tác dụng trong ca bệnh này lại gây tác hại trong ca khác. Thể chất dù khỏe dù yếu đều tỏ ra không có khả năng kháng cự như nhau, tất cả đều bị quét phăng đi như nhau, mặc dù đã kiêng khem với sự phòng ngừa cao nhất. Điểm đặc thù khủng khiếp nhất trong bệnh dịch này tâm trạng chán nản nảy sinh khi bất kỳ người nào cảm thấy mình mắc bệnh, vì nỗi tuyệt vọng mà họ lập tức rơi vào đã lấy mất hết sức kháng cự của họ, và bỏ họ lại như những con mồi ngoan ngoãn hơn nhiều cho căn bệnh đó; ngoài điểm đó ra, lại còn thêm cái cảnh tượng đáng sợ là người ta chết như ngã rạ vì lây nhiễm khi chăm sóc lẫn nhau. Đây là nguyên nhân gây ra tỷ lệ tử vong cao nhất. Một mặt, nếu họ sợ đến thăm nom nhau thì họ chết vì bị bỏ mặc; trên thực tế nhiều ngôi nhà đã không còn một bóng người vì thiếu người chăm sóc; mặt khác, nếu họ liều đến thăm nom, thì hậu quả sẽ là cái chết. Điều này đặc biệt ứng với những người có tính khoe khoang lòng tốt: danh vọng đã khiến họ không tiếc thân mình trông nom chăm sóc gia đình bè bạn của họ, nơi mà ngay cả những người trong gia đình đó rất cục cựa cũng đã kiệt sức trong cơn rên rỉ hấp hối, và chịu thua sức mạnh của thảm họa ấy. Thế nhưng chính từ những người mắc dịch đã hồi phục đó mà con bệnh và những người đang hấp hối tìm thấy lòng trắc ẩn nhiều nhất. Những người này từ trải nghiệm của chính mình đã biết rõ nó thế nào, và lúc này không

còn lo sợ gì cho chính mình nữa, vì cùng một người không bao giờ bị nó tấn công hai lần – ít ra là không bao giờ đến mức trí mạng. Và những người như thế không chỉ nhận được lời chúc mừng từ những người khác, mà chính họ trong giây phút hân hoan ấy cũng có phần ấp ủ hy vọng hão huyền rằng trong tương lai chắc chắn họ sẽ bình an vô sự trước mọi tật bệnh bất kể là gì.

Một điều làm nguy ngập thêm cái tai ương đang hiện hữu ấy là dòng người từ thôn quê đổ xô về kinh thành, và những kẻ mới đến này bị nó hành nhiều hơn cả. Do không có nhà cửa để tiếp nhận họ, họ phải trú ở những túp lều ngọt ngào trong mùa nóng nực của năm, nơi tỷ lệ tử vong tăng vùn vụt không gì kiềm chế nổi. Thân xác những người hấp hối nằm chồng lên nhau, và những sinh linh sống dở chết dở vật vờ ngoài phố và tụ tập quanh những đài phun nước trong cơn khát cháy cổ của họ. Những nơi thờ phụng linh thiêng mà họ đã tự ý vào trú thân cũng đầy tử thi của những người đã gục chết ở đó, nằm nguyên tại chỗ; vì khi mà bệnh dịch đó đã vượt qua mọi giới hạn, con người ta không biết mình rồi sẽ ra sao nên đã trở nên cực kỳ cầu thả với bất kỳ thứ gì, dù linh thiêng hay trần tục. Mọi lễ nghi an táng trước đây vẫn được dùng đã hoàn toàn đảo lộn, và họ chôn cất các xác chết bằng cách tốt nhất trong khả năng của họ. Nhiều người vì thiếu phương tiện cần thiết, bởi quá nhiều bạn hữu của họ đã chết, đã nhờ cậy đến những kiểu an táng vô liêm sỉ nhất: đôi khi bắt đầu từ một giàn hỏa của những người khác chất lên, họ ném tử thi của họ lên giàn thiêu của kẻ xa lạ và thiêu xác; đôi khi họ ném tử thi mà họ đang đưa đi đê lên trên tử thi khác đang được hỏa thiêu, và bỏ đi.

Đây cũng không phải là cách cư xử cực kỳ vô thiên vô pháp duy nhất khởi phát từ bệnh dịch này mà ra. Những việc mà trước đó người ta phải làm lén lút và không dám làm tùy thích, giờ đây họ坦然 nhiên làm không e ngại khi nhìn thấy những biến chuyển cực kỳ nhanh chóng từ việc những người giàu có bỗng lăn ra chết và những người trước đó tay trắng được kế thừa tài sản của họ. Vậy nên họ quyết tiêu pha cho thật nhanh và tự mình hưởng thụ khi cho rằng cuộc sống và sự giàu sang của họ là những thứ chỉ tồn tại trong một ngày mà thôi. Việc kiên trì theo đuổi cái mà người ta gọi là danh dự không còn được ai ưa chuộng nữa, vì chẳng chắc gì họ được bệnh dịch chừa

ra để mà đạt được mục đích đó; mà điều chắc chắn là sự hưởng thụ hiện thời, và tất cả những gì góp phần vào đó, vừa là danh giá vừa thiết thực. Sự kính sợ thần linh hay luật lệ của con người đều chẳng thể kiềm chế được họ. Vì đối với các thần linh họ cho rằng dù họ tôn thờ hay không cũng chẳng khác gì, như họ thấy thì tất cả mọi người đều đang chết dần mòn như nhau; và đối với luật lệ, chẳng một ai hy vọng còn sống để bị đưa ra xét xử vì tội lỗi của mình, trái lại mỗi người đều cảm thấy rằng một bản án còn nghiệt ngã hơn rất nhiều đã được tuyên cho họ và đang lơ lửng trên đầu họ, và trước khi nó giáng xuống thì hưởng thụ cuộc đời một chút đâu có gì là quá đáng.

Bản chất của tai họa này là thế, và nó đã đè nặng lên dân Athens; cái chết hoành hành bên trong thành và dịch tàn phá ở bên ngoài thành. Một trong những điều mà họ nhớ ra khi lâm vào cảnh khốn cùng đó là, rất tự nhiên thôi, lời sấm mà những người già nói rằng đã được truyền từ trước đó rất lâu: “*Một cuộc chiến tranh với người Doris sẽ đến và đi cùng với nó là cái chết.*” Vì thế đã nảy ra một cuộc tranh luận về việc liệu có phải *cái đỏi* mà không phải là *cái chết* là từ được viết trong câu sấm này hay không; nhưng vào lúc này, dĩ nhiên nó được quyết định thiên về từ *cái chết*; vì dân chúng thấy điều họ nhớ lại trùng khớp với những thống khổ mà họ đang phải chịu. Tuy vậy, tôi lại nghĩ rằng sau này nếu có khi nào một cuộc chiến tranh Doris khác lại đến với chúng ta, và nạn đói sẽ xảy ra kèm theo nó, thì lời sấm truyền ấy chắc chắn sẽ được diễn giải theo từ *cái đỏi*. Cũng có lời sấm truyền cho người Lacedaemon mà hiện giờ vẫn còn được những người biết về nó nhắc lại. Khi họ hỏi vị thần ấy^[3] xem họ có nên khai chiến không, ngài đã trả lời rằng nếu họ dồn sức mạnh của họ vào cuộc chiến, thì chiến thắng sẽ thuộc về họ, và chính ngài sẽ đứng về phía họ. Với lời sấm này thì các sự kiện được cho là trùng khớp. Vì bệnh dịch đã bùng phát ngay khi quân Peloponnese xâm lược Attica, nhưng nó chưa bao giờ thâm nhập vào đất Peloponnese (hoặc ít nhất là ở mức độ không đáng để nhận ra), nó đã thực hiện những cuộc tàn phá kinh khủng nhất tại Athens, và sau Athens là tại các trấn khác đông dân nhất. Chuyện về bệnh dịch này là như vậy.

Sau khi cướp phá vùng đồng bằng nói trên, quân Peloponnese tiến vào vùng Paralia^[4] xa đến tận Laurium^[5], nơi có các mỏ bạc của Athens, và trước hết họ tàn phá ở phía nhìn sang Peloponnese, rồi sau đó đến các phía đối diện với đảo Euboea và đảo Andros^[6]. Nhưng Pericles, lúc bấy giờ vẫn đương là tướng quân, giữ nguyên quan điểm như trong cuộc xâm lược trước, và không để quân Athens xuất trận cự địch.

Tuy nhiên, trong lúc quân địch vẫn còn đóng trên vùng đồng bằng và chưa kéo vào đất Paralia, ông đã chuẩn bị một lực lượng gồm một trăm chiến thuyền để đi đánh Peloponnese, và khi tất cả số thuyền này đã sẵn sàng liền nhổ neo ra khơi. Ông đã đem bốn ngàn bộ binh hạng nặng của Athens lên những con thuyền đó, và ba trăm quân kỵ lên các thuyền chở ngựa, mà lúc bấy giờ là những con thuyền lần đầu tiên được hoán cải từ những con thuyền ga-lê cũ; năm mươi chiến thuyền của Chios và Lesbos cũng tham gia vào cuộc viễn chinh này. Khi lực lượng này của Athens ra khơi, họ bỏ mặc quân Peloponnese lại vùng Paralia ở Attica. Đến Epidaurus ở Peloponnese, họ tàn phá hầu hết vùng lãnh thổ đó, và thậm chí còn hy vọng chiếm được trấn đó bằng một trận đột kích: tuy nhiên họ không thành công trong trận này. Từ Epidaurus ra khơi, họ tàn phá vùng lãnh thổ của Troezen, Halieis^[7] và Hermione, tất cả các trấn duyên hải của Peloponnese, và rồi bơi thuyền đến Prasiai^[8], một trấn duyên hải của Laconia, tàn phá một phần lãnh thổ của nó, đánh chiếm và cướp phá nơi này; sau đó họ hồi hương, và thấy quân Peloponnese đã đi khỏi không còn ở Attica nữa.

Trong suốt thời gian quân Peloponnese đang ở Attica và quân Athens đang trên thuyền đi viễn chinh, người ta vẫn không ngừng chết vì bệnh dịch, cả trong đạo quân viễn chinh ấy lẫn ở Athens. Kỳ thực có tin khẳng định rằng quân Peloponnese vội vã rút khỏi đó vì sợ bệnh dịch, vì họ đã nghe những kẻ đào ngũ nói rằng bệnh dịch đó đang lan tràn trong thành, và họ cũng có thể nhìn thấy những cuộc hỏa táng đang diễn ra. Tuy vậy trong cuộc xâm lăng này họ đã lưu lại lâu hơn bất kỳ cuộc xâm lăng nào khác, và tàn phá toàn bộ xứ đó, vì họ đã lưu lại Attica khoảng bốn mươi ngày.

Cùng trong mùa hạ đó, Hagnon con trai của Nicias, và Cleopompus con trai của Clinias, là các tướng đồng chỉ huy với Pericles, cất đạo quân mà Pericles vừa mới dùng xong đi chinh phạt dân Chalcis ở mạn Thrace và Potidaea, nơi vẫn đang bị vây hãm. Vừa đến nơi, họ liền đưa những cỗ máy công thành của họ lên để đánh thành Potidaea, và cố chiếm nó bằng mọi cách, nhưng đã chẳng chiếm được thành mà bất kỳ việc gì khác cũng chẳng nên công trạng gì cho xứng với sự chuẩn bị của họ. Do bệnh dịch cũng tấn công họ cả ở nơi này, và tàn hại đến nỗi khiến họ hoàn toàn tê liệt, ngay cả những chiến binh khỏe mạnh từ cuộc viễn chinh lần trước cũng bị lây bệnh dịch này từ binh lính của Hagnon; trong khi đó Phormio và một ngàn sáu trăm quân mà ông ta chỉ huy đã thoát được bệnh dịch vì không còn ở vùng lân cận Chalcidice nữa. Kết cục là Hagnon cùng với các chiến thuyền của mình trở về Athens, tổn thất một ngàn và năm mươi quân trong số bốn ngàn bộ binh hạng nặng trong khoảng bốn mươi ngày; dù vậy quân lính đóng ở đó từ trước vẫn ở lại xứ ấy và tiếp tục cuộc vây hãm Potidaea.

Sau cuộc xâm lăng thứ hai của Peloponnese, đã có một sự thay đổi bao trùm lên tinh thần người Athens. Đất đai của họ đến lúc đó đã bị tàn phá hai lần; và cả chiến tranh lẫn bệnh dịch đã cùng lúc đè nặng lên họ. Họ bắt đầu chỉ trích Pericles một cách gay gắt, vì ông là người khơi ra cuộc chiến tranh này và là căn nguyên của mọi nỗi bất hạnh họ phải chịu, và họ tha thiết mong muốn giảng hòa với Lacedaemon, và trên thực tế đã phái những sứ giả sang bên đó, nhưng những sứ giả này đã không thành công với sứ mệnh của mình. Nỗi tuyệt vọng của họ lúc này đã tràn đầy và trút cả lên Pericles. Khi ông thấy họ giận sôi vì tình thế hiện tại đã đổi chiều và hành động đúng như mình đã tiên liệu, ông bèn triệu tập một cuộc hội nghị công dân, vì ông vẫn đương chức tướng quân (đừng quên điều đó), với mục đích kếp là khôi phục lòng tin và lái họ ra khỏi những cơn giận dữ này sang một tâm trạng bình tĩnh và hy vọng hơn. Thế nên ông bước lên và nói những lời sau:

“Chẳng phải là tôi không chuẩn bị đối phó với sự phẫn nộ mà tôi vẫn đang là đối tượng, khi tôi biết rõ nguyên cơ của nó; tôi đã triệu tập cuộc

hội nghị công dân này với mục đích nhắc nhở các vị về một số điểm nhất định, và phản đối vì các vị giận tôi một cách vô lý, hay hoảng sợ vì những thống khổ của mình. Tôi cho rằng sự vĩ đại của dân tộc sẽ tốt cho lợi ích của cá nhân các công dân hơn là sự hưng thịnh của bất kỳ cá nhân nào đi đôi với việc cả dân tộc bị sỉ nhục. Cá nhân một người có thể phong lưu sung túc đến tột cùng, nhưng nếu xứ sở của anh ta bị tàn phá thì anh ta cũng sẽ bị hủy hoại cùng với nó; trong khi đó một xứ sở đang phồn thịnh luôn ban cho những cá nhân thiếu may mắn những cơ hội được cứu giúp. Vì rằng một thành bang có thể là trụ cột cho các công dân khi cá nhân họ gặp bất hạnh rủi ro, trong khi cá nhân họ lại không thể là trụ cột cho thành bang ấy khi nó lâm nguy, nên chắc chắn nghĩa vụ của mỗi người là phải sốt sắng bảo vệ nó, chứ chẳng như các vị bối rối với những hoạn nạn trong nhà đến nỗi từ bỏ mọi lo lắng quan tâm đến an ninh chung, và đổ lỗi cho tôi vì đã khuyên nên tiến hành chiến tranh đồng thời tự trách mình vì đã tán thành điều đó. Thế nhưng nếu các vị vẫn cứ giận tôi, là người mà – theo như tôi nghĩ – am hiểu về sách lược hợp lý hoặc khả năng dẫn giải sách lược đó chẳng thua kém bất kỳ ai, và hơn thế nữa không những là một người yêu nước mà còn là một người rất chân thật. Một người có được sự hiểu biết nhường ấy nhưng lại không có khả năng dẫn giải như vậy thì có lẽ cũng chẳng có ý tưởng gì về vấn đề đó cả: nếu anh ta có cả hai tài năng ấy mà lại không có tình yêu đối với đất nước mình thì anh ta chỉ có thể là một kẻ chẳng mấy nhiệt tình ủng hộ cho lợi ích quốc gia; trái lại, nếu lòng yêu nước của anh ta không giúp anh ta cưỡng lại được sự mua chuộc, thì mọi thứ sẽ phải trả giá đắt. Thế nên nếu các vị đã cho rằng tôi cũng có ít nhiều phẩm chất đặc biệt đó khi các vị làm theo lời khuyên của tôi và khởi sự chiến tranh, thì lúc này chắc chắn chẳng có lý do gì khiến tôi phải bị lên án là đã làm điều sai trái cả.

Dĩ nhiên với những người có quyền tự do lựa chọn trong vấn đề này và là những người mà gia sản của họ không bị đe dọa, thì có họa là điên rồ hết mức mới lựa chọn chiến tranh. Nhưng nếu chỉ có một lựa chọn duy nhất giữa chịu quy phục kèm theo mất độc lập, và chịu nguy hiểm

kèm theo hy vọng giữ được nền độc lập đó, thì trong trường hợp đó chính kẻ không chấp nhận mạo hiểm mới là kẻ đáng trách chứ không phải là người chấp nhận mạo hiểm. Tôi vẫn là con người trước đây và không thay đổi, chính các vị mới là những người thay đổi, vì trên thực tế các vị làm theo lời khuyên của tôi khi còn bình yên vô sự, và đợi cho tai họa xảy ra mới hối tiếc điều đó; và sai lầm thấy rõ trong sách lược của tôi là ở chỗ các vị thiếu kiên định trong quyết tâm của mình, bởi nó dẫn đến nỗi thống khổ mà tất cả các vị đang phải chịu đựng, trong khi đó những lợi ích của nó còn rất xa xôi và mơ hồ đối với hết thảy mọi người, và chỉ cần một vận rủi to lớn bất ngờ giáng xuống các vị là các vị ngã lòng không kiên trì với quyết tâm của mình được nữa. Bởi đứng trước những gì là bất ngờ, không mong đợi và ít dự liệu được nhất thì tinh thần nao núng; và đặt mọi thứ khác sang một bên, thì bệnh dịch ấy chắc chắn phải là một tình trạng khẩn cấp thuộc loại này. Tuy vậy, như các vị đây, sinh ra là những công dân của một thành bang vĩ đại, và đã được giáo dục bằng những tập quán cũng vĩ đại chẳng kém gì nơi chôn rau cắt rốn của các vị, các vị cần phải sẵn sàng đối mặt với những thảm họa lớn nhất mà vẫn phải giữ được nguyên vẹn danh tiếng lẫy lừng của mình. Vì rằng sự phán xét của con người rất nghiệt ngã đối với những kẻ yếu đuối nhu nhược không xứng với một danh tiếng đã được công nhận, cũng chẳng khác gì nó đố kỵ với tính ngạo mạn luôn tham vọng cao hơn những gì đáng được hưởng. Vậy thì hãy thôi đau buồn than khóc về những tai ách của riêng mình, và thay vì thế hãy chú tâm vào sự an nguy của cả dân tộc.

Nếu các vị chùn bước trước những nỗ lực mà chiến tranh đòi hỏi và lo ngại rằng rốt cục chúng sẽ chẳng mang lại kết quả tốt đẹp nào, thì các vị cũng đã biết những lẽ phải mà tôi thường dùng để chỉ ra rằng những mối lo sợ của các vị hoàn toàn vô căn cứ. Nếu những lẽ phải đó còn chưa đủ, thì bây giờ tôi sẽ tiết lộ một lợi thế nhờ vào quyền bá chủ vĩ đại của các vị mà có, điều mà tôi cho rằng chưa từng nảy ra trong đầu các vị, điều mà tôi chưa từng đề cập đến trong những lần phát biểu trước đó của tôi, và là điều mà nghe có vẻ táo bạo đến đổi lẽ ra tôi

không nên đánh liều tiết lộ vào lúc này, nếu không vì sự thất vọng phi lý mà tôi đang thấy quanh mình. Có lẽ các vị nghĩ rằng đế chế của các vị chỉ vươn đến những đồng minh của mình, nhưng tôi sẽ công bố sự thật cho các vị hay. Có thể thấy phạm vi hoạt động gồm hai phần, trên bộ và trên biển. Các vị toàn quyền bá chủ ở toàn bộ một trong hai phần đó, không chỉ giới hạn ở phạm vi các vị đang sử dụng trong hiện tại, mà còn mở rộng tới bất kể phạm vi nào xa hơn nữa mà các vị thấy hợp ý: nói tóm lại, nguồn lực hải quân của các vị đã đến mức tàu thuyền của các vị có thể đi bất kỳ đâu chúng muốn, mà ngay cả Nhà vua hay bất kỳ dân tộc nào khác trên trái đất này cũng không thể ngăn cản chúng được. Vậy nên dù các vị có nghĩ rằng mất đi quyền sử dụng đất đai nhà cửa của các vị là một tổn thất vô cùng lớn lao, thì các vị vẫn phải thấy rằng quyền lực này là một thứ khác xa; và thay vì băn khoăn lo lắng về đất đai nhà cửa đó, các vị thực sự chỉ nên coi chúng như những khu vườn và những công trình phụ trợ khác tô điểm cho một cơ ngơi rất lớn, và nếu đem so sánh thì chúng chẳng nghĩa lý gì. Các vị cũng cần biết rằng nền tự do mà các vị gắng công gìn giữ sẽ dễ dàng đem trở lại cho chúng ta những gì chúng ta đã mất; trái lại, một khi đã khom lưng quỳ gối thì ngay cả những gì các vị đang có sẽ dần dần tuột mất khỏi tay các vị. Cha anh các vị đã có được những tài sản này chẳng phải từ tay người khác mà tự tay mình làm nên, thế nên họ đã không để tuột mất những gì họ đã phải nhọc nhằn vất vả mới có được, mà trao lại nguyên vẹn cho các vị; và về mặt này chỉ ít các vị cũng phải chứng tỏ bản thân mình không thua kém họ, nên nhớ rằng để mất thứ gì mà ta đã có được còn đáng hổ thẹn hơn là không kiếm được thứ ấy, và các vị phải đương đầu với những kẻ thù của mình không chỉ với tinh thần can đảm mà còn với thái độ khinh khi. Quả thực sự thiếu hiểu biết, thiếu từng trải có thể truyền lòng tự tin vào lòng ngực một kẻ thậm chí là hèn nhát, nhưng thái độ khinh khi là đặc quyền của những người, giống như chúng ta, tự tin bởi hiểu rõ tính ưu việt của họ so với địch thủ. Và khi các cơ hội ngang bằng như nhau, sự hiểu biết làm tăng thêm lòng dũng cảm bằng thái độ khinh thường tất yếu, tín nhiệm của nó không được đặt vào hy

vọng, cái luôn là tiền đề của thất vọng, mà được đặt vào sự phán đoán có cơ sở vững chắc là các nguồn lực hiện tồn, những tiên lượng về các nguồn lực đó đáng tin cậy hơn nhiều.

Hơn nữa, xứ sở của các vị có quyền đòi hỏi các vị phụng sự để duy trì địa vị vinh quang của nó. Đây là niềm tự hào chung đối với tất cả các vị, và các vị không thể từ chối những gánh nặng của đế chế mà vẫn mong đợi được chia sẻ những vinh dự của nó. Các vị cũng nên nhớ rằng cái thứ mà các vị đang đấu tranh chống lại không chỉ đơn thuần là ách nô lệ là một thứ tráo đổi cho tự do, mà còn là sự bại vong của đế chế và hiểm họa từ những hận thù mà chúng ta đã chuốc lấy trong khi thực thi quyền đế chế. Và lại, không còn có thể lùi lại được nữa, nếu quả thực trong cơn kinh hoàng nhất thời này bất kỳ ai trong số các vị lại dâm ra ưa thích sắm vai một kẻ trung thực thiếu tham vọng đến vậy. Vì cái mà các vị đang nắm giữ, dang thẳng ra mà nói, là một chính thể chuyên chế; giữ lấy nó có lẽ là không đúng, nhưng từ bỏ nó thì không an toàn. Và những kẻ có quan điểm rứt đầu rứt cổ lại như vậy, khi khiến được những kẻ khác thay đổi chính kiến theo, sẽ mau chóng làm suy vong cả một thành bang; thực ra kết cục cũng sẽ y như vậy nếu họ có thể sống độc lập riêng một xứ; vì những kẻ hèn nhát và không tham vọng chẳng khi nào được an toàn nếu thiếu những người bảo vệ dũng mãnh bên cạnh họ; tóm lại, những tính cách như vậy là vô dụng đối với một thành bang đế quốc, dẫu chúng có thể giúp một thuộc quốc được yên thân trong cảnh tôi đòi.

Nhưng các vị chớ để mình bị dẫn dụ bởi những công dân giống như những kẻ đó, cũng đừng tức giận với tôi – nếu tôi có biểu quyết tán thành chiến tranh thì cũng chỉ là làm cái việc y như các vị đã làm – mà không đoái hoài gì tới việc quân địch đã xâm lược quê hương của các vị và đã làm những gì mà các vị có thể cầm chắc rằng chúng sẽ làm nếu các vị từ chối tuân theo những yêu sách của chúng; và mặc dù ngoài những gì mà chúng ta đã tính đến, bệnh dịch kia đã bất ngờ giáng xuống chúng ta – kỳ thực đây là điểm duy nhất mà chúng ta sai lầm không tính toán đến. Chính điều này, tôi biết thế, đã góp phần quan

trọng khiến tôi bị ghét bỏ nhiều hơn mức lẽ ra phải bị – khá là bất công, trừ phi các vị cũng sẵn lòng dành cho tôi sự khen ngợi về bất kỳ thành công nào mà có thể mở ra cơ hội cho các vị. Và lại, đã đành là phải cam chịu bàn tay của thượng đế xoay vần với sự nhẫn nhục, nhưng đối với bàn tay của kẻ thù phải có sự ngoan cường; đây là đường lối từ xưa của Athens, và các vị chớ có lung lạc sự bất di bất dịch của nó. Cũng nên nhớ rằng nếu xứ sở của các vị lừng danh nhất trên khắp hoàn cầu, thì chính là vì nó không bao giờ khuất phục trước thảm họa, vì nó đã chịu hao tổn sinh mạng và nỗ lực trong chiến tranh nhiều hơn bất kỳ thành bang nào khác, và đã giành được cho mình một quyền lực lớn hơn bất kỳ quyền lực nào mà người ta từng biết từ trước tới nay, ký ức về nó sẽ được truyền đến thế hệ xa nhất; cho dù là lúc này, tuân theo quy luật suy tàn chung, nếu có bao giờ chúng ta bị buộc phải đầu hàng, người ta vẫn nhớ rằng chúng ta đã nắm quyền thống trị nhiều dân Hy Lạp hơn bất cứ một bang Hy Lạp nào khác, rằng chúng ta đã trụ vững trong những cuộc chiến vĩ đại nhất chống lại sức mạnh liên minh hay riêng rẽ của họ, và sinh sống ở một kinh thành mà không đâu sánh được về nguồn lực cũng như tầm vóc. Những vinh quang này có thể chuốc lấy lời chỉ trích của những kẻ tri độn và thiếu tham vọng; nhưng trong lồng ngực nhiệt huyết chúng sẽ thức tỉnh sự tranh đua, và thức tỉnh sự nuối tiếc đầy ghen tị trong lòng những kẻ phải tiếp tục sống mà không có chúng. Hận thù và sự ghét bỏ của dân chúng lúc này đã ập xuống số phận của những ai có tham vọng cai trị những kẻ khác; nhưng nơi nào phải chịu nhận sự ghét bỏ thì sẽ chịu nhận sự ghét bỏ ấy với sự sáng suốt đích thực vì mục đích cao cả nhất. Hận thù chỉ là thoáng chốc; nhưng những gì làm cho hiện tại huy hoàng và tương lai xán lạn sẽ vĩnh viễn không bị quên lãng. Vì vậy cho nên hãy đưa ra quyết định của các vị vì vinh quang tương lai và danh dự hiện tại, và hãy gắng đạt được cả hai mục đích bằng những nỗ lực nhiệt thành và khẩn trương: chớ có phái sứ giả đến Lacedaemon, và chớ có để lộ bất kỳ dấu hiệu nào là các vị đang bị những nỗi thống khổ hiện thời của mình đè nặng, bởi chừng chính những người mà tâm trí ít bị xúc động nhất vì thảm

họa và nhanh tay đối phó với nó nhất mới là những người tài giỏi nhất và những cộng đồng vĩ đại nhất.”

Bằng những lập luận như vậy Pericles đã cố gắng làm nguôi cơn giận của dân Athens đối với ông và để đánh lạc hướng suy nghĩ của họ ra khỏi những họa nạn trước mắt. Ông đã thành công trong việc thuyết phục họ trên phương diện là một cộng đồng; họ không những hoàn toàn từ bỏ ý định phái sứ giả đến Lacedaemon, mà còn chuyên chú vào chiến tranh hơn với sự hăng hái tăng cao; song trên phương diện từng cá nhân riêng rẽ họ không thể không đau đớn vì những nỗi thống khổ của họ, thường dân thì bị tước đoạt đi những thứ ít ỏi mà họ từng sở hữu, trong khi những tầng lớp cao hơn đã mất đi những điền sản lớn với nhiều cơ ngơi và những tòa nhà đáng giá ở thôn quê, và điều tồi tệ hơn cả là phải chịu chiến tranh thay vì được hưởng hòa bình. Kỳ thực, cảm giác chống đối của công chúng đối với ông đã không lắng xuống tận đến khi ông bị xử phạt^[9]. Tuy nhiên, chỉ ít lâu sau đó, theo thói thường của đám đông dân chúng, họ lại bầu ông làm tướng quân và trao tất cả mọi công việc của họ vào tay ông, bấy giờ họ đã trở nên bớt nhạy cảm với những họa nạn của riêng mình và trong gia đình họ, và hiểu rằng khi dân chúng cần đến thì tất cả mọi người chẳng ai được như ông. Vì suốt thời gian mà ông ở cương vị đứng đầu thành bang này trong thời bình, ông đã theo đuổi một chính sách ôn hòa và thận trọng; và dưới thời ông lãnh đạo, Athens đã đạt đến đỉnh điểm của sự vĩ đại. Khi chiến tranh nổ ra, dường như ông cũng đã tiên lượng đúng về sức mạnh của xứ sở mình. Ông sống qua được khởi điểm của cuộc chiến tranh này thêm hai năm rưỡi, và sự chính xác trong những tiên liệu của ông về cuộc chiến này được người ta biết đến nhiều hơn khi ông đã chết. Ông bảo họ hãy âm thầm chờ đợi, phải chú trọng vào hải quân của họ, đừng cố thử những cuộc chinh phục mới và đừng đẩy kinh thành vào tình thế nguy hiểm trong cuộc chiến tranh này, và nếu họ làm như vậy, ông hứa với họ một kết quả đầy triển vọng.

Những gì họ làm hoàn toàn ngược lại, họ để cho những tham vọng cá nhân và lợi ích riêng, trong những vấn đề dường như chẳng liên quan gì tới

chiến tranh, dẫn dắt họ vào những kế hoạch không xứng đáng với chính họ và với cả các đồng minh của họ – những kế hoạch mà thành công của chúng chỉ mang lại vinh dự và lợi ích cho một số cá nhân, còn thất bại của chúng chắc chắn sẽ kéo theo thảm họa đến cho cả xứ sở trong cuộc chiến tranh đó. Những nguyên nhân dẫn đến sự thể này chẳng phải tìm ở đâu xa. Trên thực tế Pericles, bằng địa vị, khả năng và tính liêm chính nổi tiếng của mình, đã được trao quyền thực thi việc kiểm soát độc lập đối với dân chúng – nói gọn lại là dẫn dắt họ thay vì để họ dẫn dắt mình, vì rằng ông chẳng khi nào mưu cầu quyền lực bằng những phương cách không chính đáng nên ông không bao giờ bị buộc phải xu nịnh họ, mà trái lại còn được rất mực kính trọng đến nỗi ông có thể cho phép mình làm họ tức giận bằng ý kiến bất đồng. Bất cứ khi nào ông thấy họ ngạo mạn vô lối và xúc phạm là ông dùng lời lẽ để cảnh tỉnh họ; mặt khác, nếu họ không chống chọi được nỗi lo sợ thì ngay lập tức ông có thể khôi phục lòng tự tin cho họ. Nói tóm lại, nền dân chủ trên danh nghĩa vào tay ông đã trở thành quyền lực cai trị được thực thi bởi công dân kiệt xuất ấy. Với những người kế nhiệm ông thì khác. Quyền lực họ ngang bằng với nhau hơn, và mỗi người đều cố nắm lấy uy quyền tối thượng, rốt cục họ đi đến chỗ trao quyền chỉ đạo quốc sự cho cơ cấu đồng của dân chúng. Việc này, như vẫn thường xảy ra ở một bang lớn và có chủ quyền, đã dẫn đến một loạt những sai lầm ngớ ngẩn, mà một trong số đó là cuộc viễn chinh Sicily; mặc dù nó thất bại không phải do tiên lượng sai lầm về sức mạnh của những kẻ bị chinh phục, mà đúng ra là do lỗi của những kẻ cử đạo quân viễn chinh ấy đi nhưng sau đó đã không thực hiện những biện pháp tốt nhất để hỗ trợ những người đã xuất chinh, mà lại quyết định bỏ hết thì giờ vào những mưu đồ bè phái riêng tây hòng chiếm lấy quyền lãnh đạo dân chúng, bởi thế không những họ làm tê liệt các chiến dịch trên chiến trường, mà còn mở màn cho sự xung đột ở hậu phương. Thế nhưng sau khi mất phần lớn hạm đội của mình ngoài các lực lượng khác ở chiến trường Sicily ra, và với nạn phe phái đã có ảnh hưởng chi phối ở kinh thành này, họ vẫn có thể kháng cự thắng lợi những kẻ địch ban đầu của họ ba năm nữa, gia nhập thêm vào số những kẻ địch này không chỉ có quân dân Sicily mà còn cả hầu hết những đồng minh của chính họ đã dấy loạn, và sau rốt là Cyrus^[10], con trai

của Nhà vua, kẻ đã tài trợ tiền bạc cho hải quân của Peloponnese. Họ cũng đã không ngừng kháng cự đến cùng cho đến khi họ trở thành nạn nhân của những cuộc nội loạn của chính họ. Những nguồn lực mà dựa vào đó bậc thiên tài Pericles đã tiên liệu một chiến thắng dễ dàng đối với các lực lượng Peloponnese không nguồn hỗ trợ thật dồi dào mà vô dụng.

Cũng trong mùa hạ đó, quân Lacedaemon cùng đồng minh của họ đã khởi một cuộc viễn chinh với một trăm chiến thuyền đi chinh phục Zacynthus, một hải đảo nằm ngoài khơi Elis, dân cư ở đó là thực dân người Achaea từ Peloponnese sang, và là đồng minh với Athens. Trên thuyền có một ngàn bộ binh hạng nặng của Lacedaemon, và Cnemus người Sparta là đô đốc. Họ tiến hành một cuộc đột kích từ thuyền vào, và tàn phá hầu khắp xứ này; nhưng vì cư dân ở đó không chịu quy hàng nên họ quay thuyền hồi hương.

Cuối mùa hạ đó, những người Corinth là Aristeus, Aneristus, Nicolaus và Stratodemus, là các sứ giả của Lacedaemon, cùng Timagoras người Tegea^[11] và một thường nhân Argos tên là Pollis đang trên đường sang châu Á để thuyết phục Nhà vua^[12] cung cấp tiền bạc và tham gia vào cuộc chiến tranh đó, họ đến gặp Sitalces con trai của Teres xứ Thrace, với ý định nếu có thể thì chiêu dụ ông ta từ bỏ liên minh với Athens và tiến quân tới Potidaea lúc đó vẫn đang bị quân Athens vây hãm, và cũng để nhờ ông ta cho phương tiện chở họ qua Hellespont đến chỗ Pharnabazus^[13], người có nhiệm vụ tiếp tục gửi họ đến xứ sở của Nhà vua để bệ kiến ngài. Nhưng tình cờ một số sứ giả của Athens – Learchus con trai của Callimachus, và Ameiniades con trai của Philemon – lại đang ở chỗ Sitalces, họ đã thuyết phục con trai của Sitalces là Sadocus, công dân mới của Athens, trao những người này vào tay họ và bằng cách đó ngăn chặn sứ bộ này vượt biển đến chỗ Nhà vua và thực hiện nhiệm vụ làm tổn hại đến cái xứ sở mà anh ta đã lựa chọn liên minh. Sadocus y lời đã cho một nhóm người mà anh ta cử đi theo Learchus và Ameiniades bắt giữ họ, khi họ đang đi xuyên qua Thrace đến chỗ con thuyền mà họ sẽ lên để vượt qua Hellespont, và ra lệnh giao họ cho các sứ giả Athens, là những kẻ đã giải họ về Athens. Khi họ vừa về đến, người Athens sợ rằng Aristeus, người nổi tiếng là động cơ thúc đẩy hàng đầu trong trận

đụng độ giữa Potidaea và các thuộc địa Thrace của Athens, nếu thoát được sẽ sống để gây thêm tổn hại cho Athens, nên đã hành quyết họ ngay ngày hôm đó mà không cho họ được xét xử hoặc nghe lời biện hộ mà họ yêu cầu được đưa ra, rồi ném xác họ xuống một hố đất; tự cho rằng mình có lý do chính đáng để trả đũa bằng cách sử dụng cùng một cách thức chiến tranh mà người Lacedaemon đã khởi xướng khi hạ sát và ném vào hố đất tất cả những thương nhân Athens và đồng minh mà họ bắt được trên các thương thuyền xung quanh Peloponnese. Quả thực là khi chiến tranh bắt đầu, quân Lacedaemon đã tàn sát tất cả những người mà họ bắt được trên biển như kẻ địch, bất kể những người đó là đồng minh của Athens hay trung lập.

Cũng trong khoảng thời gian này khi mùa hạ sắp tàn, các lực lượng Ambracia, với một số rất đông quân phi-Hy-Lạp mà họ chiêu mộ được, tiến đánh thành Argos ở Amphilochia^[14] và những nơi còn lại của xứ này. Căn nguyên sự thù địch của họ đối với người Argos ở đó là thế này: Amphilochus con trai của Amphiarus đã biến Argos này và toàn bộ xứ Amphilochia^[15] thành thuộc địa. Bất mãn với tình hình chính sự ở quê hương khi trở về sau cuộc chiến Thành Troy, ông ta đã kiến lập thành này trên vịnh Ambracia, và gọi nó là Argos theo tên quê xứ của mình. Đây là thành lớn nhất ở Amphilochia và dân cư của nó hùng mạnh nhất. Nhiều thế hệ về sau, do tai họa thúc bách, họ đã mời dân Ambracia lân bang giáp biên giới Amphilochia gia nhập thuộc địa của họ; và chính vì sự hợp nhất với dân Ambracia mà họ học nói tiếng Hy Lạp như hiện nay, toàn bộ những dân còn lại của Amphilochia là dân phi-Hy-Lạp. Sau một thời gian, dân Ambracia đuổi dân Argos ra khỏi đó và chiếm cứ thành này. Khi đó dân Amphilochia tự quy thuận dân Acarnania; và hai dân này đồng thanh kêu gọi người Athens giúp đỡ, người Athens đã phái Phormio làm tướng chỉ huy và ba mươi chiến thuyền đến giúp họ; khi quân Athens đến nơi, họ chiếm Argos bằng một cuộc tấn công ồ ạt và bắt dân Ambracia làm nô lệ; dân Amphilochia và dân Acarnania cùng nhau cư ngụ ở trấn này. Sau việc này Athens và Acarnania bắt đầu liên minh với nhau. Hận thù của dân Ambracia đối với dân Argos như vậy đã bắt nguồn từ việc dân của họ bị bắt làm nô lệ; và sau đó trong cuộc chiến họ trưng tập đạo quân này từ dân họ và dân

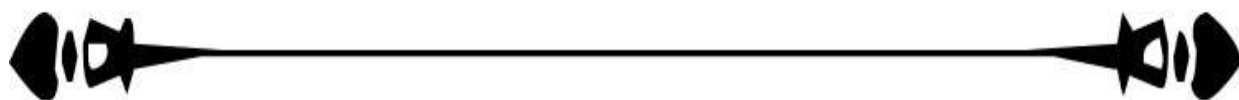
Chaonia^[16], cùng những quân khác từ các dân phi-Hy-Lạp láng giềng. Đến trước thành Argos, họ đã chiếm được xứ này; nhưng không thành công trong những cuộc tấn công vào thành, họ hồi hương và giải tán dân nào về xứ nấy.

Những sự kiện của mùa hạ năm ấy là thế. Vào mùa đông kế tiếp, Athens cử hai mươi chiến thuyền tuần tiễu quanh Peloponnese dưới quyền chỉ huy của Phormio, ông ta đích thân đóng quân ở Naupactus và canh phòng bất kỳ tàu thuyền nào ra vào Corinth và vịnh Crisae. Sáu chiến thuyền khác dưới quyền chỉ huy của Melesander đi Caria và Lycia^[17] để thu đồ cống nạp ở những vùng đó, và cũng để ngăn chặn không cho các thuyền hải tặc của Peloponnese chiếm cứ điểm của họ ở vùng lãnh hải ấy và quấy nhiễu đường ra vào của các thương thuyền từ Phaselis^[18], Phoenicia và lục địa liền kề. Nhưng Melesander, khi ngược lên xứ đó tiến vào Lycia cùng với một lực lượng quân Athens từ các chiến thuyền và các đồng minh, đã bị đánh bại và bị tiêu diệt tại trận, tổn thất khá nhiều quân.

Cùng mùa đông năm đó, dân Potidaea cuối cùng đã tự thấy ra rằng họ không còn khả năng cầm cự với những kẻ vây hãm họ thêm nữa. Những cuộc xâm nhập của quân Peloponnese vào Attica không mang lại kết quả như ý muốn là khiến quân Athens triệt thoái cuộc phong tỏa này. Lương thảo dự trữ ở đó đã cạn sạch; và cảnh cùng quẫn vì đói ăn đã diễn ra ở Potidaea đến mức mà, ngoài rất nhiều những nỗi khủng khiếp khác, thậm chí còn xảy ra những vụ người ta ăn thịt lẫn nhau. Lâm vào bước đường cùng, rốt cục họ đành đưa ra đề nghị đầu hàng có điều kiện với các tướng lĩnh Athens đang chỉ huy vây hãm họ là Xenophon con trai của Euripides, Hestiodorus con trai của Aristocleides, và Phanomachus con trai của Callimachus. Các tướng lĩnh này đã chấp nhận đề nghị của họ khi thấy đạo quân của mình cũng đang khốn đốn ở một nơi dãi dầu đến thế; vả lại, thành bang của họ đã tiêu tốn hai ngàn talăng vào cuộc vây hãm này. Điều kiện đầu hàng như sau: mở một lối cho họ, vợ con họ và quân đồng minh trợ chiến với họ ra khỏi trấn, mỗi người được mang theo một bộ quần áo, phụ nữ thì hai bộ, và một khoản tiền cố định cho chuyến đi của họ. Theo hiệp ước này họ đã ra đi, đến Chalcidice và những nơi khác, tùy vào khả năng sức lực của họ. Tuy vậy, người Athens

đã trách cứ các vị tướng này vì đã chấp nhận điều kiện cho dân đó đầu hàng mà không có chỉ thị từ hậu phương, họ cho rằng nơi ấy lẽ ra phải đầu hàng với điều kiện theo ý muốn của họ. Sau đó họ gửi dân đi định cư của họ sang Potidaea, và biến nó thành thuộc địa. Các sự kiện xảy ra trong mùa đông năm đó là như vậy, và năm thứ hai của cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách đã kết thúc như thế đó.

Chương VIII



NĂM CHIẾN TRANH THỨ BA – CUỘC PHONG TỎA PLATAEA – NHỮNG CHIẾN THẮNG HẢI QUÂN CỦA PHORMIO – SITALCES ĐEM QUÂN THRACE XÂM LƯỢC MACEDONIA

Mùa hạ tiếp theo, quân Peloponnese và các đồng minh của họ thay vì xâm lược Attica đã cất quân đi đánh Plataea, dưới quyền chỉ huy của Archidamus, con trai của Zeuxidamus và là vua xứ Lacedaemon. Ông ta vừa cho đạo quân của mình hạ trại và đang sắp sửa tàn phá đất ấy thì dân Plataea vội vã cử các sứ giả đến chỗ ông ta, và nói những lời sau: “Hỡi Archidamus

và quân Lacedaemon, khi xâm lược lãnh thổ Plataea, các vị đang làm một việc mà tự bản thân nó đã là sai trái, và không xứng với chính các vị mà cũng không xứng với cha ông đã sinh thành ra các vị. Pausanias, con trai của Cleombrotus và là người đồng xứ với các vị, sau khi giải phóng Hy Lạp khỏi quân Ba Tư với sự hỗ trợ của các dân Hy Lạp sẵn lòng chấp nhận hiểm nguy trong trận chiến xảy ra gần thành chúng tôi¹⁴, đã dâng tế vật lên thần Zeus Người Giải phóng¹⁵ tại nơi họp chợ của Plataea, và kêu gọi tất cả các đồng minh cùng trao trả kinh thành và lãnh thổ cho dân Plataea, và tuyên bố nó độc lập và bất khả xâm phạm đối với mọi cuộc xâm lăng hoặc chinh phạt. Nếu bất kỳ kẻ nào cố thử xâm lăng hay chinh phạt nó, thời các đồng minh hiện diện sẽ phải cứu ứng tùy theo sức mạnh của mình. Bằng cách này, cha ông của các vị đã thưởng công cho lòng dũng cảm và tinh thần yêu nước mà chúng tôi thể hiện trong cơn nguy biến đó; nhưng các vị lại đang làm chính cái điều ngược lại khi đến cùng với kẻ thù không đội trời chung của chúng tôi, bọn Thebes đó, để biến chúng tôi thành nô lệ. Vì vậy, chúng tôi khẩn cầu những vị thần đã được dâng lời thề nguyện, khẩn cầu chư vị thần linh của tổ tiên các ngài, và cuối cùng là chư vị thần linh của quê xứ chúng tôi, và kêu gọi các vị đừng xâm phạm lãnh thổ chúng tôi hoặc đừng vi phạm những lời thề đó, và hãy để chúng tôi được sống độc lập, như Pausanias đã ban sắc lệnh.”

Các sứ giả Plataea mới nói được đến đây thì bị Archidamus cắt ngang bằng những lời sau:

“Này người Plataea, trong những điều các người nói sẽ có lẽ phải nếu các người làm được như lời. Theo sắc lệnh mà Pausanias đã ban, các người hãy cứ tiếp tục tự mình độc lập, và tham gia việc giải phóng những dân đồng xứ sở với các người, những dân mà sau khi đã chia sẻ những nguy nan trong thời kỳ đó đã cùng phát thệ với các người, mà hiện giờ là những xứ dân lệ thuộc của Athens; chính là để giải phóng họ và những dân khác mà toàn bộ công cuộc chuẩn bị và cuộc chiến tranh này đã được tiến hành. Ta những mong rằng các người sẽ chia sẻ

những vất vả nhọc nhằn với chúng ta và tự các người tuân thủ những lời đã tuyên thệ; nếu chẳng được như thế, thì hãy làm những gì chúng ta đã yêu cầu các người – hãy đứng trung lập mà tận hưởng những gì các người có; đừng đứng về một bên nào, mà hãy tiếp nhận cả hai bên như bạn bè chứ không phải là đồng minh trong cuộc chiến tranh này. Chúng ta sẽ hài lòng với chừng đó.”

Archidamus đã nói những lời như vậy. Các sứ giả Plataea sau khi nghe ông ta nói thì trở về thành và cho dân chúng biết những gì đã được đề cập đến, sau đó họ liền quay lại với câu trả lời rằng họ không thể làm những gì ông ta đề nghị khi chưa thương nghị với Athens, mà lúc này vợ con họ đang ở cả bên đó; thêm vào đó họ còn lo sợ cho thành^[3] này. Sau khi ông ta rời khỏi đó, lấy gì để ngăn chặn không cho quân Athens đến cướp nó từ tay họ, hoặc ngăn quân Thebes, những kẻ sẽ được bao gồm trong lời tuyên thệ, không lợi dụng việc đứng trung lập được đề nghị ấy mà tấn công lần thứ hai hòng chiếm lấy thành này. Về những điểm này ông ta đã cố gắng cam đoan với họ thêm một lần nữa bằng những lời sau: “Các người chỉ cần giao thành cùng nhà cửa cho người Lacedaemon chúng ta, vạch rõ ranh giới đất đai của các người, nêu rõ số lượng cây ăn quả của các người và bất kỳ thứ gì có thể xác định được bằng con số, và bản thân các người có thể lui đi bất kể nơi đâu tùy ý chừng nào cuộc chiến tranh này còn tiếp diễn. Khi nó kết thúc, chúng ta sẽ hoàn trả cho các người bất kỳ thứ gì chúng ta đã nhận được, và trong thời gian chuyển tiếp đó chúng ta giữ gìn theo sự ủy thác và tiếp tục canh tác nuôi trồng, đồng thời trả cho các người một khoản tiền hỗ trợ thỏa đáng”.

Khi nghe hết những điều ông ta nói, họ lại trở về thành, và sau khi bàn bạc với dân chúng, họ nói rằng trước hết họ muốn báo cho phía Athens biết về đề nghị này, và trong trường hợp Athens chuẩn y thì họ sẽ đồng ý; trong lúc chờ đợi họ xin ông ta cho họ được đình chiến tạm thời và đừng tàn phá lãnh thổ của họ. Theo tinh thần đó ông ta đã cho phép đình chiến một số ngày cần thiết cho chuyến đi ấy, và trong lúc chờ đợi sẽ chưa vội cướp phá

lãnh thổ của họ. Các sứ giả của Plataea đi Athens, và thương nghị với người Athens, rồi trở về với thông điệp cho những người ở trong thành như sau: “Hỡi dân chúng Plataea, người Athens nói rằng kể từ khi chúng ta là đồng minh của họ cho đến giờ, dù là trong bất kỳ tình huống nào họ đã chẳng bao giờ bỏ mặc chúng ta cho bất kỳ kẻ địch nào, giờ đây họ cũng không thờ ơ bỏ mặc chúng ta mà sẽ chi viện cho chúng ta tùy theo khả năng của họ; và họ khẩn nài các người hãy vì những lời thề cha ông các người đã lập mà giữ cho tình liên minh nguyên vẹn.”

Khi được các sứ giả truyền đạt lại thông điệp này, dân Plataea quyết định không phản bội lại Athens mà cam lòng, nếu buộc phải thế, nhìn đất đai của họ bị tàn phá và bất kỳ thử thách cam go nào có thể đến với họ, và không phái người ra khỏi thành nữa mà từ thành lũy trả lời vọng ra rằng họ không thể làm theo những gì mà Lacedaemon đề nghị được. Ngay khi nhận được câu trả lời này, trước hết Vua Archidamus bắt đầu trang trọng cầu khẩn các thần linh và các anh hùng của xứ đó bằng những lời như sau: “Hỡi chư vị thần linh và anh hùng trên lãnh thổ Plataea, xin hãy chứng cho rằng chúng tôi vốn không phải là những kẻ gây hấn, chỉ đến khi những kẻ kia từ bỏ lời thề chung trước, chúng tôi mới xâm lược đất này, mảnh đất mà trên đó cha ông chúng tôi đã dâng lên các ngài những lời khẩn nguyện của họ trước khi đánh bại quân Ba Tư, và các ngài đã biến nó thành địa lợi cho quân Hy Lạp thắng trận; chúng tôi cũng sẽ không phải là những kẻ gây hấn với những biện pháp mà chúng tôi hiện giờ có thể phải sử dụng đến, vì chúng tôi đã đưa ra những đề nghị công bằng nhưng không được chấp nhận. Xin các ngài hãy độ lượng thuận cho để những kẻ xúc phạm người khác trước sẽ phải bị trừng trị vì sự xúc phạm đó, và để những kẻ có quyền trả thù sẽ trả được mỗi thù đó”.

Sau khi cầu khẩn các thần linh, Archidamus cho quân hành động. Trước tiên ông ta cho dựng tường rào bao quanh trấn bằng lũy cọc nhọn từ những cây ăn quả mà họ đốn hạ, để chặn đường ra từ Plataea; tiếp tới họ đắp một cái ụ đất đối diện với thành, hy vọng rằng phần lớn quân lực được huy động vào công việc sẽ đảm bảo chinh phục được nơi này một cách chóng vánh. Vì

vậy họ đốn những cây lấy gỗ từ Cithaeron^[4] và dựng chúng lên cả hai phía, đặt chúng theo kiểu hàng rào bắt chéo để làm một bức lũy giữ cho cái ụ khỏi bị tràn ra ngoài, và mang tới đó gỗ, đá, đất và bất kể là loại vật liệu gì khác có thể dùng để hoàn thiện nó. Họ tiếp tục công việc đắp cái ụ này trong bảy mươi ngày đêm liền không nghỉ, chia thành các toán thay phiên nhau để một số người khuân vác trong lúc những người khác ngủ nghỉ lấy sức; các chỉ huy của quân Lacedaemon tham gia với từng đội quân để giữ cho mọi người liên tục làm việc. Nhưng dân Plataea, khi quan sát thấy cái ụ này cao dần, liền dựng một bức vách bằng gỗ và gắn nó lên trên phần của thành lũy đối diện với cái ụ đất đang được dựng lên, và phía bên trong bức vách này họ xây gạch mà họ lấy từ những ngôi nhà lân cận. Những thân gỗ súc được dùng để ràng công trình đó với nhau, và để gia cố phòng nó bị yếu khi xây lên cao; nó còn có cả lớp phủ bên ngoài bằng da thú và da sống chưa thuộc, những thứ này có tác dụng bảo vệ công trình gỗ chống các cuộc tấn công bằng tên bắn lửa và để cho họ an toàn khi đang thi công. Theo cách đó bức vách đã được dựng lên đến tầm rất cao, và cái ụ đất đối diện cũng có tiến độ nhanh chẳng kém. Dân Plataea còn nghĩ ra một mưu chước khác; họ dỡ một đoạn bức thành lũy nơi ụ đất tiếp giáp với nó ra, và khoét đất ở ụ chõ vào thành.

Khi phát hiện ra điều này, quân Peloponnese đã trát đất sét lên những phen liếp bằng sậy và ném vào lỗ thủng trên ụ đất, nhằm gia cố cho nó chắc chắn và ngăn cho nó khỏi bị chõ đi mất giống như chỗ đất kia. Bị cản trở bằng cách đó, dân Plataea thay đổi biện pháp hành động của mình, và họ đào một hầm ngầm từ trong thành ra, tính toán sao cho đường đi của họ đến đúng phía dưới ụ đất, và lại bắt đầu đoạt lấy vật liệu của cái ụ này như trước. Việc này diễn ra trong một thời gian khá dài mà không bị kẻ địch bên ngoài phát hiện ra, đến đổi tất cả những gì họ ném lên trên chốc cái ụ đất đó chẳng có tiến triển gì tương quan vì bị rút đi từ bên dưới và liên tục lún xuống ở chỗ bị moi rỗng. Nhưng dân Plataea, sợ rằng ngay cả bằng cách này họ cũng không tri tri được với số lượng quân địch đông đến áp đảo đó, lại nảy ra một sáng kiến khác. Họ ngừng không xây bức vách lớn phía trước cái ụ đất đó nữa, mà từ cả hai đầu phía bên trong nó từ bức thành lũy thấp cũ ra, họ khởi

công một bức thành lũy mới hình lưỡi liềm chạy vào phía trên; để trong trường hợp mà bức thành lũy lớn bị chiếm thì bức thành lũy này có thể vẫn còn, và quân địch lại phải đắp một cái ụ mới phía trước nó, và khi địch tiến vào bên trong thì chẳng những có thể bị họ quấy rầy lần nữa, mà còn bị phơi mình cho tên đạn bắn vào hai bên cánh quân của chúng. Trong lúc đắp cái ụ đất đó, quân Peloponnese cũng mang đến các cỗ máy để công thành, một trong số ấy được mang đặt trên ụ đất đối diện với bức thành lũy lớn và phá đổ một mảng lớn của nó, khiến dân Plataea lo sợ không ít. Những cỗ máy khác được đưa lên công phá những điểm khác nhau của bức thành lũy này nhưng bị dân Plataea quăng thòng lọng và phá hỏng; dân này còn treo những thanh xà lớn bằng những sợi xích sắt dài từ đầu này hay đầu kia của hai chiếc cọc được đóng trên bức lũy và nhô ra bên ngoài lũy, lựa cho chúng xiên chéo xuống bất kỳ điểm nào bị các cỗ máy đó đe dọa, và thả sợi xích sắt chùng ra để thanh xà đó rơi xuống thật nhanh, đập gãy mũi những cỗ máy phóng gỗ phiến nặng đang công thành.

Sau việc này quân Peloponnese, khi thấy rằng những cỗ máy để công thành của họ chẳng làm suy yếu được gì, và rằng cái ụ đất của họ đã gặp phải công trình đối kháng, bèn kết luận rằng những phương pháp tấn công hiện thời của họ không đủ sức để chiếm thành này, và chuẩn bị đắp công sự để bao vây nó. Tuy thế, trước tiên họ quyết định thử hiệu lực của hỏa công và xem liệu nếu có một cơn gió trợ lực thì họ có thể thiêu rụi cái trên đó không, vì nó chẳng rộng lớn gì cho lắm; kỳ thực họ nghĩ đến đủ mọi mưu kế hòng chinh phục nơi đó mà không phải tốn công phong tỏa nó. Vì thế họ mang đến những bó củi khô nỏ và ném chúng từ ụ đất xuống, đầu tiên là vào khoảng trống giữa ụ đất và thành lũy; và nơi đó đầy lên rất nhanh bởi rất đông người chung tay vào, sau đó họ ném những bó củi nỏ thành đống hướng vào thành xa hết mức họ có thể với tới được từ trên đỉnh ụ, và rồi nhen lửa để phóng hỏa bằng lưu huỳnh và hắc ín. Kết quả là một đám cháy lớn hơn bất kỳ đám cháy nào từng được thấy do con người gây ra, mặc dù dĩ nhiên là nó không thể sánh với những đám cháy lớn tự phát thỉnh thoảng vẫn xảy ra do gió cọ xát những cành cây ở cánh rừng trên núi với nhau. Và trận hỏa công này không chỉ đáng kể về độ lớn của nó, mà vào lúc tối hậu của

biết bao hiểm họa nguy nan, suýt nữa thì nó đã chứng tỏ là đòn trí mạng đối với dân Plataea; một phần lớn thành này tuyệt nhiên không thể tiếp cận được, và chỉ cần một cơn gió thổi qua đó, đúng như quân địch đang mong, thì không gì có thể cứu được họ. Nhưng thực tế lại có một tình tiết khác là một trận mưa lớn kèm theo sấm chớp đã bất thành linh trút xuống mà nhờ đó đám cháy bị dập tắt và nguy cơ đã bị đẩy lui.

Thất bại trong nỗ lực tấn công cuối cùng này, quân Peloponnese để lại một phần lực lượng của họ tại nơi đó, giải tán phần còn lại, và xây một thành lũy làm công sự bao vây quanh trấn này, họ phân chia vị trí giữa [các đội quân của] những thành bang khác nhau đang hiện diện tại đó; họ đào hào ở cả bên trong lẫn bên ngoài công sự, và lấy đất làm gạch từ đấy. Mọi việc hoàn tất vào khoảng thời gian sao Arcturus^[6] lên, họ để lại người đủ để trang bị quân cho một nửa công sự đó, phần còn lại được Boeotia cấp quân, và khi rút đạo quân của mình khỏi nơi đó, họ giải tán ai về thành nấy. Dân Plataea trước đó đã gửi vợ con và những người già cả cùng số đông những người không tham chiến sang Athens; vì vậy số người bị vây hãm còn lại ở đó gồm bốn trăm dân của họ, tám mươi người Athens và một trăm mười phụ nữ để nấu cho họ ăn. Đó là tổng số từ khi bắt đầu cuộc vây hãm, ngoài ra trong thành không còn ai khác, dù là nô lệ hay người tự do. Việc bố trí sắp đặt cho cuộc phong tỏa Plataea là thế.

Cùng mùa hạ đó và đồng thời với cuộc viễn chinh xâm lược Plataea, đúng lúc ngũ cốc ngoài đồng đang chín, Athens kéo hai ngàn bộ binh hạng nặng và hai trăm quân kỵ do Xenophon con trai của Euripides, và hai vị tướng khác đồng chỉ huy đi đánh dân Chalcis ở mạn Thrace và dân Bottiaea. Đến trước Spartolus^[6] ở Bottiaea, họ phá hoại ngũ cốc và hy vọng thành này sẽ trở cờ sang theo họ nhờ những âm mưu của một phe phái trong thành. Nhưng phe phái có tư tưởng đối lập đã cử người tới Olynthus cầu viện; và vì vậy một đội quân đồn trú gồm bộ binh hạng nặng và các binh lính khác đã tới đó. Toán quân này từ Spartolus xuất trận đã giao chiến với quân Athens ngay trước cửa thành: bộ binh hạng nặng của Chalcis và một số quân đồng minh trợ chiến với họ đã bị đánh bại và rút vào Spartolus, nhưng kỵ binh và

bộ binh hạng nhẹ của Chalcis đã đánh bại quân kỵ và bộ binh hạng nhẹ của Athens. Quân Chalcis vốn đã có một ít quân đeo khiên từ Crusis^[2] đến, và ngay sau trận chiến đó lại có thêm một số quân khác từ Olynthus đến gia nhập với họ; khi thấy quân này đến thì bộ binh hạng nhẹ từ Spartolus, phấn khích bởi có thêm quân mới và bởi chiến thắng trước đó của mình, lại được quân kỵ Chalcis và quân tăng viện vừa tới trợ chiến, bèn mở đợt tấn công quân Athens một lần nữa, quân Athens bắt đầu rút lui về phía hai toán quân mà trước đó họ để lại cùng với quân trang quân dụng. Cứ lúc nào quân Athens tiến đánh thì địch thủ của họ lui lại, và ngay khi họ vừa chực rút lui thì địch lại phóng mác, lao, tên, đá ra đánh rát. Kỵ binh của Chalcis cũng vậy, mặc sức phi về phía trước và xông vào tấn công họ, cuối cùng cũng gây hoảng loạn cho quân Athens và đánh quân này tan tác rồi truy kích một quãng rất xa. Quân Athens trốn vào Potidaea, và sau đó thu nhặt xác binh sĩ của họ theo thỏa thuận tạm đình chiến, và quay trở về Athens với đám tàn quân của mình; bốn trăm ba mươi binh lính và tất cả các tướng lĩnh chỉ huy đã ngã xuống. Quân Chalcis và quân Bottiaea dựng một đài chiến tích, thu nhặt xác binh sĩ của mình rồi giải tán ai về thành nấy.

Không lâu sau trận này, cũng trong mùa hạ ấy, dân Ambracia và dân Chaonia, với mong muốn chinh phục toàn bộ Acarnania và tách nó ra khỏi Athens, đã thuyết phục người Lacedaemon trang bị cho một hạm đội từ liên minh của họ và cử một ngàn bộ binh hạng nặng đến Acarnania, các xứ dân này trình bày rằng nếu động binh đồng thời cả trên biển lẫn trên bộ thì quân Acarnania ở miền duyên hải sẽ không thể tiến được, và một khi đã chiếm được Acarnania thì việc chinh phục Zacynthus và Cephallenia sẽ rất dễ dàng, cuộc tuần tiễu xung quanh Peloponnese sẽ không còn thuận lợi đối với hạm đội Athens như thế nữa. Ngoài ra còn có hy vọng chiếm được Naupactus. Người Lacedaemon y lời lập tức gửi đi ngay vài chiến thuyền cùng với Cnemus, lúc bấy giờ vẫn là đô đốc, và bộ binh hạng nặng trên các chiến thuyền đó; và thông tri đi khắp các thành bang liên minh lệnh cho trang bị hạm đội nhanh hết mức và dong buồm đến Leucas. Người Corinth sốt sắng nhất trong việc này, Ambrada là thuộc địa của họ. Trong khi các chiến thuyền từ Corinth, Sicyon và vùng lân cận đang chuẩn bị sẵn sàng, và

những chiến thuyền từ Leucas, Anactorium, Ambracia đã đến trước và đang đợi họ ở Leucas, thì Cnemus và một ngàn bộ binh hạng nặng của ông ta đã cho thuyền chạy vào trong vịnh, qua mặt được Phormio, vị chỉ huy hải đội Athens đóng ở ngoài khơi Naupactus, và ngay lập tức bắt đầu chuẩn bị cho cuộc viễn chinh trên bộ. Quân Hy Lạp đi theo ông ta bao gồm quân Ambracia, quân Leucas, quân Anactorium và một ngàn quân Peloponnese đã cùng ông ta tới đó; quân phi-Hy-Lạp gồm một ngàn quân Chaonia, quân này thuộc về một tộc dân mà lúc đó không có vua, do Photys và Nicanor lãnh đạo, hai người này là hai thành viên trong hoàng tộc đã được giao phó quyền thủ lĩnh trong năm ấy. Cùng đến với quân Chaonia còn có quân Thesprotis, cũng không có vua giống như họ, một số quân Molossia và Atintania^[8] dưới quyền chỉ huy của Sabylinthus, vị nhiếp chính của Vua Tharyps hãy còn ấu niên, một số quân Parauaea^[9] do vua của họ là Oroedus chỉ huy, kèm theo một ngàn quân của Orestis^[10] là xứ dân lệ thuộc của Vua Antichus và được nhà vua đặt dưới quyền chỉ huy của Oroedus. Ngoài ra còn có một ngàn quân Macedonia do Perdiccas gửi đến mà người Athens không hay biết, nhưng quân này đã đến quá trễ. Cnemus lên đường với lực lượng này mà không chờ hạm đội từ Corinth đến. Vượt qua lãnh thổ Argos ở Amphilochia, và cướp phá ngôi làng Limnaea^[11] bỏ ngõ, rồi tiến quân đến Stratus^[12] thủ phủ của Acarnania; họ chắc chắn rằng một khi chiếm được nó là cả xứ này sẽ mau chóng theo họ.

Dân Acarnania, khi thấy mình bị một đội quân lớn từ đất liền xâm lược, và từ phía biển cũng bị một hạm đội thù địch đe dọa, đã chẳng cố gắng liên kết với nhau để kháng cự mà lại ở nhà để bảo vệ nhà cửa của mình, và cử người tới Phormio cầu viện, ông ta trả lời rằng khi một hạm đội từ Corinth đang rắp ranh ra khơi thì ông ta không thể để mặc Naupactus không người bảo vệ được. Cùng lúc đó quân Peloponnese và các đồng minh của họ tiến quân thành ba mũi đến Stratus, với ý định lập trại gần đó và dùng vũ lực công thành nếu việc đàm phán bất thành. Đội hình hành quân như sau: trung quân gồm quân Chaonia và các quân phi-Hy-Lạp khác, cánh bên phải là quân Leucas, quân Anactorium và những người đi theo trong quân họ, cánh bên trái là Cnemus cùng quân Peloponnese và quân Ambracia; mỗi cánh

quân ở cách nhau rất xa, và thậm chí đôi lúc còn không nhìn thấy nhau nữa. Quân Hy Lạp tiến lên theo hàng ngũ rất tề chỉnh, canh phòng cẩn mật cho đến khi họ lập trại xong xuôi ở một vị trí thuận lợi; nhưng quân Chaonia, đầy tự tin và có tinh thần anh dũng nhất trong các tộc dân ở vùng lục địa đó, không đợi lập trại đã xông lên cùng với toàn thể các quân phi-Hy-Lạp khác, nghĩ rằng họ sẽ chiếm được trấn đó bằng một trận đột kích và độc chiếm vinh quang của chiến dịch này.

Trong lúc mũi quân này tiến lại gần, thì dân Stratus bắt đầu nhận thấy binh tình đang diễn biến ra sao, và cho rằng nếu đánh bại được mũi quân này thì sẽ làm nhụt nhuệ khí của quân Hy Lạp ở phía sau, liền cắt những toán mai phục chiếm lĩnh các vùng phụ cận của trấn ấy và ngay khi mũi quân này tiếp cận họ lập tức từ trong thành và các điểm mai phục xông ra đánh giáp lá cà. Cơn hoảng loạn bất đồ ập xuống quân Chaonia, một số đông quân này đã bị tiêu diệt; ngay khi thấy họ bị đánh bật, tất cả những quân phi-Hy-Lạp còn lại quay lưng tháo chạy. Do các đồng minh đến trước họ đã ở cách họ một quãng, cả hai cánh quân Hy Lạp đều không hay biết gì về trận đánh này, mà tưởng rằng họ đang gấp rút lập doanh trại. Tuy nhiên, khi toán quân phi-Hy-Lạp đó tháo chạy xông về phía họ, họ mở cửa trận cho quân này vào, rồi hợp các cánh quân vào với nhau, và án binh tại chỗ suốt ngày hôm đó. Quân Stratus không khiêu chiến với họ, vì những quân Acarnania còn lại vẫn chưa kịp đến, mà tạm bằng lòng với việc bắn nả vào họ từ đằng xa, làm họ rất khốn đốn vì không nhúc nhích được nếu không có khiên che. Quân Acarnania có vẻ thiện nghệ hơn hẳn về cách đánh này.

Ngay khi đêm xuống, Cnemus vội vã rút đạo quân của ông ta về sông Anapus cách Stratus khoảng chín dặm đường, ngày hôm sau thu nhặt xác binh sĩ của mình trong thời gian tạm đình chiến, và được quân đồng minh Oeniadae đến hợp quân ở đó, ông ta đã rút lui về thành của họ trước khi quân tăng viện của địch đến. Từ nơi đó quân nào rút về xứ này; và quân Stratus dựng một đài chiến tích về trận giao tranh này với quân phi-Hy-Lạp.

Trong lúc này hạm đội từ Corinth và các bang đồng minh khác ở vịnh Crisae, theo dự kiến đã phải phối hợp với Cnemus và ngăn chặn không để

quân Acarnania ở bờ biển đến nhập với quân đồng xứ của họ trong nội địa, đã không thể làm được việc đó vì cũng trong khoảng thời gian xảy ra cuộc chiến ở Stratus hạm đội này buộc phải giao chiến với Phormio và hai mươi chiến thuyền của Athens đóng tại Naupactus. Bởi họ đã bị Phormio phát hiện khi họ bơi thuyền men theo bờ biển để ra khỏi vịnh, ông ta định bụng tấn công họ ở ngoài khơi. Song hạm đội Corinth và đồng minh đã nhổ neo đi Acarnania mà không nghĩ gì đến việc phải giao tranh trên biển, và thuyền của họ giống thuyền chuyên vận binh lính hơn; vả lại, có năm mơ họ cũng chẳng thể tưởng được rằng hai mươi chiến thuyền của Athens dám liều lĩnh giao tranh với bốn mươi bảy thuyền của họ. Thế nhưng trong khi họ đang men theo bờ biển của chính mình, thì quân Athens cũng bơi thuyền song song với họ; và khi họ cố gắng vượt biển từ Patrae^[13] ở Achaea sang bên kia đại lục, trên lộ trình đến Acarnania, họ thấy quân địch xông ra từ Chalcis và sông Evenus để đón đầu họ. Nửa đêm họ lén ra khỏi nơi thả neo, nhưng bị phát hiện, và rốt cục buộc phải giao tranh giữa đường đi. Mỗi bang góp quân vào đạo quân đó đều có tướng chỉ huy riêng của họ; các tướng lĩnh Corinth là Machaon, Isocrates và Agatharchidas. Quân Peloponnese dàn các thuyền của mình thành một vòng tròn rộng hết mức có thể mà không chừa ra một khe hở nào, hướng mũi thuyền ra ngoài và đuôi thuyền quay vào trong; và đặt tất cả đội thuyền nhỏ đi cùng bên trong vòng này, và năm thuyền buồm tốt nhất của họ để xông ra ngay khi có tín hiệu cảnh báo và tăng cường cho bất kỳ điểm nào bị quân địch đe dọa.

Các chiến thuyền của Athens dàn thành hàng dọc, và lượn tròn quanh họ hết vòng này đến vòng khác, và buộc thuyền họ phải co tròn lại bằng cách liên tục lướt qua và làm ra vẻ như sẽ tấn công ngay lập tức nhưng đã được Phormio cảnh báo trước là chỉ tấn công khi ông ta phát hiệu lệnh. Hy vọng của ông ta là những con thuyền của Peloponnese sẽ không thể giữ vững mãi đội hình như một lực lượng trên bộ, mà các thuyền sẽ va đụng phải nhau và đội thuyền nhỏ sẽ gây rối loạn; và nếu có cơn gió từ vịnh thổi vào (để chờ đợi cơn gió này ông ta đã không ngừng cho thuyền bơi vòng quanh địch, mà cơn gió này thường nổi lên khi trời rạng sáng), thì ông ta chắc chắn rằng họ sẽ lập tức không thể trụ vững được nữa. Ông ta còn cho rằng mình muốn tấn

công lúc nào tùy thích, vì chiến thuyền của ông ta là những thuyền buồm tốt hơn, và một cuộc tấn công được lựa chọn đúng thời điểm cơn gió về thì còn gì bằng. Khi cơn gió ập xuống, các chiến thuyền của địch đang ở trong một khoảng chật hẹp, với cơn gió ấy và những con thuyền nhỏ bị quăng quật va đụng, chúng bị rối loạn tức thì; thuyền nọ đụng phải thuyền kia, trong lúc toàn bộ thủy thủ đang dùng những cây sào đẩy chúng ra, và bởi họ quất tháo, chửi thề và chen lấn lẫn nhau nên đã khiến những mệnh lệnh của thuyền trưởng và tiếng hô hét của những viên đốc thuyền đều không thể nghe thấy được, và bởi không có khả năng chèo lái trong sóng gió vì ít được thao luyện nên họ đã khiến những con thuyền bị cản trở không làm theo đúng khẩu lệnh từ các hoa tiêu. Đúng lúc ấy Phormio phát hiệu lệnh, và quân Athens tấn công. Đầu tiên họ đánh chìm thuyền của các đô đốc chỉ huy, và rồi phá hủy tất cả mọi con thuyền mà họ tình cờ đụng độ, khiến địch bấn loạn đến độ không một ai còn nghĩ đến chuyện kháng cự mà tháo chạy về Patrae^[13] và Dyme^[14] ở Achaea. Quân Athens đuổi theo và đoạt được mười hai con thuyền, và bắt hầu hết những người trên thuyền rồi dong thuyền về Molycrium^[15], và sau khi họ dựng một đài chiến tích ở mũi đất Rhium^[16] và hiến tế một con thuyền cho thần Poseidon^[17], họ trở về Naupactus. Về phần quân Peloponnese, họ lập tức lên những con thuyền còn lại bơi men theo bờ biển từ Dyme và Patrae tới Cyllene, vũng đậu của Elis; nơi đây Cnemus và các chiến thuyền từ Leucas lẽ ra đã phải đến gia nhập với họ từ trước, cũng vừa về đến nơi sau trận chiến ở Stratus.

Trước tình hình đó, người Lacedaemon phái đến chỗ hạm đội của Cnemus ba vị cố vấn – Timocrates, Brasidas và Lycophron – cùng mệnh lệnh chuẩn bị tái chiến mà phải thành công hơn, và chớ có để cho vài mống thuyền đẩy bật mình ra khỏi vùng biển đó; bởi họ không sao lý giải được sự thất bại của quân mình, càng không thể lý giải được vì đó là cuộc thử sức đầu tiên của họ trên biển; và họ cứ ngỡ rằng chẳng phải là lực lượng hải quân của họ thua kém mà là ở đâu đó đã có sự chỉ huy tồi, chẳng buồn suy xét đến kinh nghiệm lâu năm của hải quân Athens để so sánh với chút thời gian tập luyện rất ít ỏi của chính họ. Thế nên các vị cố vấn được phái đi trong cơn nóng giận. Ngay khi vừa đến nơi, họ bắt tay vào làm việc cùng Cnemus để yêu

cầu các bang khác gửi chiến thuyền đến, và sắp đặt các chiến thuyền mà họ đã có để sẵn sàng chiến đấu. Trong lúc đó Phormio báo tin cho Athens về công cuộc chuẩn bị của địch và chiến thắng của chính ông ta, mong họ nhanh chóng gửi đến cho ông ta càng nhiều chiến thuyền càng tốt, vì ông ta đang ở trong tình thế phấp phỏng chờ đợi một trận đánh. Y lời ông ta, hai mươi chiến thuyền đã được phái đi, nhưng chỉ thị được trao cho chỉ huy của hải đội này là trước tiên phải đi Crete. Bởi vì Nicias, một người Crete ở Gortys^[18] và là một *proxenus* của Athens, đã thuyết phục họ đưa hải đội ấy đi đánh Cydonia^[19], đảm bảo với họ rằng sẽ chinh phục được cái trấn thù địch này; kỳ thực ông ta chỉ muốn mua chuộc lòng dân Polichna^[20], láng giềng của dân Cydonia. Vì thế ông ta đi theo các chiến thuyền đến Crete, và được quân Polichna hộ tống, ông ta đã tàn phá đất đai xứ sở của dân Cydonia; và rồi vừa vì gió ngược lại thêm thời tiết xấu nên đã không nấn ná thêm chút nào ở đó nữa.

Trong khi quân Athens bị cầm chân ở Crete như vậy, thì quân Peloponnese ở Cyllene đã chuẩn bị sẵn sàng để đánh trận, và bởi thuyền men theo bờ biển đến Panormus^[21] ở Achaea, nơi đạo quân trên đất liền của họ đã đến để trợ chiến. Phormio cũng bởi thuyền men theo bờ biển đến Rhium của Molycreium và neo đậu hai mươi chiến thuyền ở ngoài khơi nơi ấy, chính là những chiến thuyền mà ông ta đã cùng chiến đấu trước đó. Rhium này thân thiện với Athens. Còn Rhium kia^[22], ở Peloponnese, nằm đối diện với nó; vùng biển ở giữa hai doi đất này rộng khoảng ba phần tư dặm và hình thành nên cửa vịnh Crisae. Tại nơi này, Rhium của Achaea, cách Panormus nơi đạo quân của họ đang đóng không xa là mấy, lúc bấy giờ hạm đội của Peloponnese đã neo đậu bảy mươi bảy chiến thuyền khi họ thấy quân Athens đang neo đậu. Khoảng sáu hoặc bảy ngày ròng họ cứ giữ nguyên thế đối lập nhau như vậy, đồng thời thao luyện và chuẩn bị giao chiến; một bên quyết không bởi thuyền khỏi Rhium ra biển khơi vì sợ cái tai họa đã xảy ra với họ trước đó, bên kia không bởi thuyền vào eo biển đó vì cho rằng quân địch có lợi thế hơn khi đánh trận ở nơi chật hẹp. Cuối cùng thì Cnemus và Brasidas và những chỉ huy khác của quân Peloponnese, do mong muốn tiến hành trận đánh đó càng sớm càng tốt trước khi quân tăng

viện từ Athens kịp đến, và nhận thấy rằng quân mình đa phần khiếp sợ bởi cuộc chiến bại lần trước và chẳng còn lòng dạ nào mà đánh trận, bèn triệu tập họ lại và khích lệ họ như sau:

“Hỡi binh lính Peloponnese, trận giao tranh mới đây, mà có lẽ đã khiến một số kẻ trong các người lo sợ vì trận giao tranh trước mắt, thật sự chẳng cho một cái cớ chính đáng nào để mà phải lo sợ. Việc chuẩn bị cho trận giao tranh lần trước, như các người cũng biết, khá là sơ sài; và chuyến hải hành lần đó của chúng ta không nhằm mục đích đánh trận trên biển mà đúng hơn là nhằm thực hiện một cuộc viễn chinh trên bộ. Ngoài ra, trong trận chiến đó vận may hầu như đã phản lại chúng ta; và có lẽ cả sự thiếu kinh nghiệm cũng có phần liên quan tới thất bại trong trận hải chiến đầu tiên đó của chúng ta.

Vì vậy, không phải là sự hèn nhát đã gây ra thất bại cho chúng ta, cũng chẳng phải lòng quyết tâm không sức mạnh nào đê bẹp được đã bị nhụt đi vì một biến cố bất ngờ, tuy lòng quyết tâm này vẫn phải có lời phân biện về địch thủ của nó; nhưng khi chấp nhận khả năng không may thất bại, chúng ta nên biết rằng những trái tim quả cảm sẽ luôn phải quả cảm, và khi chúng còn quả cảm như vậy thì không thể viện sự thiếu kinh nghiệm ra mà biện hộ cho hành vi hèn nhát. Các người thua kém kẻ địch về kinh nghiệm thì ít mà các người vượt trên chúng về sự can trường thì nhiều; và cho dù chiến thuật và kỹ năng chiến đấu của kẻ địch có thể giúp chúng nhanh trí trong lúc khẩn cấp để thực hiện những gì đã học được với điều kiện phải có lòng quả cảm đi kèm, nhưng một trái tim nhút nhát sẽ biến toàn bộ kỹ năng đó thành bất lực khi đối mặt với hiểm nguy. Vì rằng nỗi khiếp sợ sẽ tước đoạt mất sự cấp trí, và thiếu lòng quả cảm thì kỹ năng cầm bằng vô dụng. Hãy đem lòng quả cảm vượt trội của các người mà chống lại kinh nghiệm dày dặn hơn của chúng, và đem cái thực tế là lúc đó các người chưa được chuẩn bị sẵn sàng mà chống lại nỗi sợ hãi do thất bại gây ra; và cũng nên nhớ rằng các người luôn có lợi thế vì quân số đông áp đảo, và vì giao tranh trong

hải phận của các người, lại được các bộ binh hạng nặng của các người hỗ trợ; và quy luật thông thường là quân số đông và vũ trang tốt làm nên chiến thắng. Vậy nên, chẳng có lý gì để thất bại; còn như những sơ sẩy trước đây của chúng ta, thì chính việc chúng đã xảy ra sẽ dạy cho chúng ta khôn ngoan hơn trong tương lai. Vì thế hoa tiêu và thủy thủ các người có thể tự tin làm những nhiệm vụ riêng của mình, không ai được rời bỏ vị trí đã được phân công: về phần chúng ta, chúng ta hứa sẽ chuẩn bị cho trận giao tranh này chỉ ít cũng tốt bằng các chỉ huy trước của các người, và không tha thứ cho bất kỳ một kẻ nào có hành vi sai trái. Nếu bất kỳ ai giữ lối hành xử như vậy, hẳn sẽ nhận hình phạt thích đáng, trái lại những người can trường sẽ được vinh danh bằng những phần thưởng xứng đáng với lòng quả cảm.”

Các chỉ huy Peloponnese đã khích lệ binh lính của họ theo cách đó. Trong lúc ấy, chính Phormio cũng không khỏi lo ngại về lòng dũng cảm của quân mình, và nhận thấy họ tụm thành từng nhóm với nhau và tỏ ra lo lắng vì lợi thế không nghiêng về phía họ, ông ta muốn triệu tập họ lại, truyền cho họ sự tự tin và cho họ những lời khuyên trong tình thế khẩn cấp hiện thời. Tuy trước đó ông ta đã không ngừng nói với họ, và tập cho đầu óc họ quen với ý nghĩ rằng chẳng có một quân số đông đảo hơn nào mà họ lại không thể đương đầu được; và chính bản thân những con người ấy từ lâu đã bị thuyết phục rằng quân Athens chẳng khi nào lùi bước trước bất kỳ một số lượng chiến thuyền dù đông đến bao nhiêu của Peloponnese. Nhưng vào lúc này ông ta thấy họ đã mất tinh thần bởi những gì họ nhìn thấy trước mắt, và vì muốn khôi phục lại lòng tự tin của họ, ông ta bèn triệu tập họ lại và nói như sau:

“Này binh lính của ta, ta thấy rằng các người đang kinh hãi bởi quân địch quá đông, thế nên ta đã triệu tập các người lại đây, vì không muốn các người khiếp sợ cái thứ mà kỳ thực chẳng hề đáng sợ. Trước hết, quân Peloponnese, đã bị bại trận và ngay cả chính bản thân chúng cũng

không cho rằng chúng địch nổi chúng ta, đã không dám liều đương đầu với chúng ta với lực lượng ngang bằng, mà phải trang bị số đông tàu thuyền đến thế này để chống lại chúng ta. Thứ nữa, về cái mà chúng trông cậy vào nhiều nhất, tức là lòng dũng cảm mà chúng xem như là bản chất của chúng, thì sự tự tin của chúng ở đây chỉ xuất phát từ thành công mà kinh nghiệm đánh bộ của chúng thường đem lại cho chúng, và là thành công mà chúng tưởng rằng sẽ lặp lại y hệt trên biển. Nhưng lợi thế này công bằng mà nói sẽ phải thuộc về chúng ta trong lĩnh vực hải chiến, nếu như trong bộ chiến nó thuộc về chúng; bởi chúng đâu có hơn gì chúng ta về lòng dũng cảm, mà mỗi người chúng ta lại đều tự tin hơn với kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên sâu của mình. Và lại, khi người Lacedaemon dùng quyền bá chủ của mình mà sai khiến các đồng minh nhằm tăng thêm vinh quang cho riêng chúng, thì phần đông bọn chúng đang bị đẩy vào vòng nguy hiểm trái với mong muốn của chúng, hoặc giả sau một thất bại hiển nhiên như thế chúng sẽ chẳng khi nào dám mạo hiểm với một trận giao tranh mới. Thế nên các người không cần phải lo lắng về nhiệt huyết của địch. Trái lại, các người đang gây ra cho chúng một nỗi lo sợ lớn hơn và có căn cứ chắc chắn hơn nhiều, vừa vì chiến thắng mới đây của các người vừa vì chúng tin chắc rằng chúng ta đã chẳng đổi mặt với chúng nếu chúng ta không sắp sửa làm điều gì đó tương xứng với một chiến thắng nổi bật đến thế. Một kẻ địch vượt trội về số lượng, như kẻ địch trước mặt chúng ta, lâm trận với lòng tin vào sức mạnh hơn là vào quyết tâm; trong khi đó kẻ tự nguyện đương đầu với quân số cực kỳ chênh lệch thì bên trong phải có mưu lược để mà trông cậy vào. Vì những lý do ấy, hiện giờ quân Peloponnese khiếp sợ tinh táo bạo đến mức phi lý của chúng ta còn hơn cả lúc chúng có sự chuẩn bị tương xứng với ta hơn. Và lại, trước đây đã có rất nhiều đạo quân chịu thua kẻ địch kém thế hơn mình vì thiếu kỹ năng hoặc đôi khi là thiếu can đảm; mà cả hai khiếm khuyết đó chắc chắn chúng ta không mắc phải. Về trận đánh này, nó sẽ không được phép xảy ra trong eo biển kia nếu ta có thể ngăn nó, ta cũng sẽ chẳng đời nào cho thuyền bơi vào đó, khi thấy rằng trong một trận đấu giữa một số đông tàu thuyền

được điều khiển rất vụng về và một hải đội không đông nhưng nhanh nhẹn, được điều khiển thuần thục, thì thiếu chỗ di chuyển trên biển là một bất lợi hiển nhiên. Một người không thể lao mũi vào thuyền địch một cách chính xác để đánh đắm nó nếu không nhìn thấy nó từ tận đằng xa, anh ta cũng chẳng thể rút lui ngay khi cần nếu bị vây chặt; một người không thể chọc thủng tuyến địch cũng như không thể tiến lùi tùy ý, tức là không thể sử dụng được những chiến thuật thích hợp đối với thuyền buồm chạy nhanh; mà trận hải chiến ấy tất yếu sẽ biến thành một trận bộ chiến trong đó số đông chắc chắn sẽ nắm quyền quyết định. Ta sẽ trù liệu xa hết mức đối với toàn bộ vấn đề này. Các người hãy túc trực ở vị trí của mình trên thuyền và nhanh nhẹn nắm bắt mệnh lệnh được ban ra, và còn sẵn sàng, nhanh nhẹn hơn thế nữa vì chúng ta thấy địch trong khoảng cách gần đến thế; và khi lâm trận hãy xem trật tự và im lặng là những đặc tính cực kỳ quan trọng trong chiến tranh nói chung, đặc biệt là trong các trận hải chiến; và hãy xử sự trước quân địch bằng một cung cách xứng đáng với những thành tích chói lọi của các người trong quá khứ. Những vấn đề mà các người sẽ chiến đấu vì chúng thật trọng đại – hoặc làm tiêu tan hy vọng về hải quân của Peloponnese, hoặc mang những mối lo về vùng biển đó đến gần với người Athens hơn. Và ta có thể nhắc nhở các người thêm lần nữa rằng các người đã từng đánh bại hầu hết bọn chúng; mà những kẻ chiến bại sẽ không đối mặt với một mối nguy hiểm hai lần bằng cùng một quyết tâm như nhau.”

Lời khích lệ của Phormio là thế. Quân Peloponnese, khi thấy rằng quân Athens không bơi thuyền vào vịnh và eo biển đó và để dẫn dụ được quân địch vào trong đó cho dù chúng có muốn hay không, đã ra khơi vào lúc bình minh, và dàn hàng tư, họ bơi thuyền vào vịnh hướng về xứ sở của mình, cánh phải dẫn đầu theo thứ tự mà họ đã neo đậu. Ở cánh này họ cắt đặt hai mươi thuyền buồm tốt nhất của mình, để nếu Phormio nghĩ rằng mục tiêu của họ là Naupactus mà cho thuyền bơi men bờ biển theo hướng đó đến cứu

chỗ ấy, thì quân Athens sẽ chẳng thể thoát được sự tấn công khi lách ra bên ngoài cánh này của họ, mà có khả năng sẽ bị những chiến thuyền đó tiêu diệt. Đúng như họ đã tiên liệu, Phormio phát hoảng vì Naupactus lúc đó không có quân đồn trú, ngay khi thấy quân địch ra khơi ông ta đã buộc phải vội vã lên thuyền và cho thuyền bơi men theo bờ biển; các lực lượng trên bộ của Messenia cũng di chuyển theo để yểm trợ ông ta. Quân Peloponnese khi thấy ông ta cùng những chiến thuyền của mình bơi theo hàng một men bờ biển, và cứ theo hàng một như thế tiến vào trong vịnh và bơi gần sát bờ đúng như họ đang nóng lòng mong đợi, thì nhất tề theo cùng một hiệu lệnh đột ngột trở buồm đối hướng và dàn hàng xông tới các chiến thuyền của Athens với tốc độ nhanh nhất, hy vọng sẽ kết liễu toàn bộ hải đội đó. Tuy vậy, mười một chiến thuyền đi đầu đã thoát được cánh này của quân Peloponnese và động thái xuất kỳ bất ý của nó, và ra ngoài khơi thoáng dăng hơn; nhưng toàn bộ những chiến thuyền còn lại đã bị bắt kịp khi chúng cố gắng chạy luồn qua, bị lừa vào bờ và loại khỏi vòng chiến đấu; thủy thủ đoàn nào trên những chiến thuyền đó mà chưa kịp bơi thoát khỏi thuyền đều bị giết sạch. Một số thuyền trong số ấy bị quân Peloponnese buộc vào thuyền của họ, và lai dắt những con thuyền không người đó ra khơi; họ bắt được một con thuyền có người trên đó; những chiếc khác chỉ vừa mới bị lai dắt đi thì đã được quân Messenia cứu, quân này lao xuống biển với nguyên giáp trụ và chiến đấu từ trên các sàn thuyền mà họ trèo được lên.

Cho đến lúc này chiến thắng đang thuộc về quân Peloponnese, và hạm đội Athens bị phá hủy; trong khi đó hai mươi chiến thuyền bên cánh phải đang truy đuổi mười một chiến thuyền của Athens đã thoát khỏi động thái bất ngờ của chúng và đã ra được ngoài khơi thoáng rộng hơn. Tất cả những chiến thuyền này, ngoại trừ một thuyền, đã bỏ xa thuyền địch và đến được Naupactus an toàn, và dàn trận sát bờ biển đối diện với đền thờ thần Apollo, hướng mũi thuyền của họ về phía kẻ địch, chuẩn bị sẵn sàng tự vệ phòng khi quân Peloponnese bơi thuyền vào gần bờ đánh họ. Một lát sau quân Peloponnese kéo đến, vừa chèo thuyền tới vừa hát vang khúc tụng ca mừng chiến thắng của mình; con thuyền của Athens tụt lại đang bị một con thuyền của Leucas truy đuổi xa phía trước những con thuyền khác. Nhưng tình cờ

nơi đó có một thương thuyền đang thả neo ở vũng đậu, con thuyền kia của Athens đã có đủ thời gian để bơi vòng qua nó, và đâm vào giữa con thuyền Leucas đang đuổi theo và đánh chìm nó. Một hành động táo bạo quá đột ngột và bất ngờ đã khiến quân Peloponnese thất kinh; và do tâm trạng bùng bùng phấn khích với thắng lợi các chiến thuyền của họ đã bơi lộn xộn chẳng ra hàng ngũ gì, một số thuyền buồm chèo và dừng lại giữa dòng để đợi những con thuyền đi sau bắt kịp – một hành động chẳng an toàn gì xét về khía cạnh họ đang kề cận những mũi thuyền của quân địch đến thế nào; trong khi đó những thuyền khác bị mắc cạn ở những nơi nước nông do không thông thuộc hải phận này.

Phấn chấn với sự kiện tình cờ này, quân Athens đồng thanh cất tiếng reo hò và xông thẳng vào thuyền địch, các chiến thuyền của Peloponnese lúc này đang lúng túng bởi sai lầm của mình và bởi lâm vào rối loạn nên chỉ chống đỡ được chốc lát rồi tháo chạy về Panormus, nơi họ đã nhổ neo ra khơi. Quân Athens đuổi theo sát gót họ và bắt được sáu con thuyền gần nhất, và thu hồi những con thuyền của mình đã bị loại khỏi vòng chiến đấu ở gần bờ và bị lai dắt ra khơi lúc trận đánh mới bắt đầu; họ giết một số trong các thủy thủ đoàn và bắt một số làm tù binh. Trên con thuyền của Leucas đã bị đánh chìm gần con thuyền buôn có Timocrates xứ Lacedaemon, người đã tự vẫn khi con thuyền này bị đánh chìm, và thi thể bị sóng đánh dạt vào bến cảng Naupactus. Quân Athens trên đường về đã dựng một đài chiến tích tại địa điểm mà họ đã ra khơi và đã chuyển bại thành thắng, thu lượm những xác thuyền và xác binh sĩ dạt vào bờ biển của mình, và trả lại xác binh sĩ của địch theo thỏa thuận tạm đình chiến. Quân Peloponnese cũng dựng một đài chiến tích như những kẻ chiến thắng vì đã đánh bại những con thuyền mà họ đã loại khỏi vòng chiến đấu gần bờ, và hiến tế con thuyền mà họ đã bắt tại Rhium ở Achaea, sát cạnh đài chiến tích. Sau việc này, lo ngại quân tăng viện dự kiến từ Athens đến, toàn bộ hạm đội ngoại trừ Leucas đã bơi thuyền vào vịnh Crisae để trở về Corinth. Không lâu sau khi họ rút lui, hai mươi chiến thuyền Athens mà lẽ đã phải đến tăng cường cho Phormio trước khi trận chiến diễn ra, mới tới được Naupactus.

Mùa hạ này đã kết thúc như vậy. Mùa đông giờ đã cận kề, nhưng khi định giải tán hạm đội đã rút lui về Corinth và vịnh Crisae, Cnemus, Brasidas và những chỉ huy Peloponnese đã để dân Megara thuyết phục họ đi tấn công Piraeus, hải cảng của Athens, mà do quyền bá chủ không ai tranh được của Athens trên biển nên vốn dĩ vẫn được bỏ ngỏ không người canh gác. Kế hoạch của họ là thế này: mỗi người đều phải mang theo mái chèo, miếng đệm và dấy cột mái chèo của mình, và vượt đường bộ từ Corinth ra biển về phía Athens để đến được Megara nhanh hết mức có thể, rồi hạ thủy bốn mươi con thuyền, mà tình cờ đang ở trong các âu thuyền tại Nisaea, và lập tức nhổ neo đi Piraeus. Tại hải cảng này không có một hạm đội nào canh phòng, và chẳng ai mảy may nghĩ đến việc quân địch bất đồ đánh úp; trong khi đó người ta nghĩ rằng một cuộc tấn công công khai sẽ chẳng khi nào được chủ tâm liêu thủ, hoặc nếu mới đang được trù tính thì ở Athens cũng sẽ biết ngay. Kế hoạch của họ đã hình thành, bước tiếp theo là đưa nó vào thực hiện. Đến nơi vào ban đêm và hạ thủy những con thuyền từ Nisaea, họ ra khơi, không đi Piraeus như thoạt đầu họ đã định vì sợ mạo hiểm rủi ro, và lại cũng có tin đồn về một cơn gió đã ngăn cản họ, mà đi đến điểm đất mũi của Salamis trôi về phía Megara; nơi đó có một pháo đài và một đội gồm ba con thuyền để ngăn chặn bất cứ thứ gì ra vào Megara. Họ đã đánh úp pháo đài này, lai dắt đi những con thuyền không người, và vừa đột kích dần cư ở đó họ vừa bắt đầu phá hủy những nơi còn lại trên hải đảo này.

Trong khi đó lửa hiệu đã được nổi lên để báo động Athens, và một cơn hoảng loạn đã xảy ra ở đó nghiêm trọng chẳng kém bất kỳ cơn hoảng loạn nào xảy ra trong chiến tranh. Ở kinh thành thì tưởng rằng địch đã bơi thuyền đến Piraeus: ở Piraeus lại tưởng rằng địch đã chiếm được Salamis và có thể đến hải cảng đó chỉ trong phút chốc; việc mà kỳ thực quân địch lẽ ra đã có thể dễ dàng làm được nếu họ quả cảm hơn một chút: chắc chắn đã chẳng cơn gió nào ngăn cản nổi họ. Ngay khi ngày vừa rạng, quân Athens tập hợp toàn bộ lực lượng, hạ thủy những con thuyền của mình, hấp tấp và nhốn nháo xuống thuyền cùng hạm đội của họ đi Salamis, đồng thời binh lính của họ được cắt đặt ở lại canh gác ở Piraeus. Quân Peloponnese khi biết rằng quân cứu viện của địch đang đến sau khi họ đã tàn phá gần hết đảo Salamis, đã

vội vàng nhổ neo rời khỏi đó cùng chiến lợi phẩm, tù binh và ba con thuyền từ Pháo đài Budorum về Nisaea; tình trạng những con thuyền của họ cũng khiến họ có phần lo lắng, vì kể từ khi chúng được hạ thủy đến lúc đó cũng đã khá lâu, và chúng không kín nước. Đến Megara, họ lên bộ về Corinth. Quân Athens thấy họ không còn ở Salamis nữa thì chèo thuyền ngược về; và từ đó về sau đã cắt đặt canh phòng Piraeus cẩn mật hơn, bằng cách đóng cửa các bến cảng, và bằng những biện pháp đề phòng thích hợp khác.

Khoảng cùng thời gian ấy, vào đầu mùa đông đó, Sitalces, con trai của Teres và là vua của dân Odrysae xứ Thrace, đã khởi một cuộc viễn chinh đi đánh Perdiccas, con trai của Alexander và là vua xứ Macedonia, và dân Chalcis ở vùng lân cận Thrace; mục đích của ông ta là đòi thực hiện một lời hứa và chính mình hoàn thành một lời hứa khác. Một mặt Perdiccas khi bị thúc ép vào lúc cuộc chiến tranh này mới nổ ra đã hứa với ông ta một điều, với điều kiện là Sitalces phải hòa giải ông ta với người Athens và không cố đưa Philip kẻ mạo danh, em trai và là kẻ thù của ông ta, lên ngai vàng, nhưng lại không tỏ ý muốn thực hiện cam kết của mình; mặt khác chính Sitalces khi gia nhập liên minh với Athens đã thỏa thuận chấm dứt cuộc chiến với dân Chalcis tại Thrace. Đó là hai mục đích trong cuộc xâm lăng của ông ta. Ông ta mang theo Amyntas con trai của Philip, người mà ông ta dự định đặt vào ngôi báu của Macedonia, và một vài sứ giả Athens lúc đó đang hiện diện tại triều đình của ông ta vì việc này, và Hagnon làm vị tướng chỉ huy; vì người Athens dự định tham gia cùng ông ta đi đánh Chalcis với một hạm đội và tất cả quân binh mà họ có thể trưng tập được.

Khởi sự với quân Odrysae, trước hết ông ta gọi quân từ các bộ tộc ở Thrace dưới quyền cai trị của ông ta giữa những rặng núi Haemus^[23], Rhodope^[24] và biển Euxine^[25] và Hellespont; tiếp theo là dân Getae^[26] bên ngoài dãy Haemus, và những bộ tộc di cư khác định cư ở phía nam sông Danube^[27] lân cận biển Euxine, những bộ tộc mà, cũng như tộc Getae, giáp ranh với dân Scythia^[28] và được vũ trang theo cùng một kiểu, toàn là những dân cưỡi ngựa bắn cung. Thêm vào đó ông ta còn triệu tập nhiều kiếm thủ độc lập từ vùng đồi núi của Thrace, thường được gọi là Dii và đa phần cư

ngụ ở vùng núi Rhodope, một số kiếm thủ này đến như lính đánh thuê, những kẻ còn lại là quân tình nguyện; cả tộc dân Agrianes^[29] và tộc dân Laeaea^[30], và những tộc dân còn lại trong các bộ tộc của Paeonia^[31] thuộc đế chế của ông ta, các tộc này nằm rải rác ở miền biên viễn của đế chế đó, mở rộng đến tận chỗ tộc dân Laeaea của Paeonia và con sông Strymon chảy từ núi Scombrus^[32] xuyên qua xứ sở của tộc Agrianes và tộc Laeaea; đến đó đế chế của Sitalces kết thúc và lãnh thổ của các tộc dân Paeonia độc lập bắt đầu. Giáp ranh với Triballi^[33], cũng độc lập, là tộc dân Treres và tộc dân Tilataci^[34], họ cư ngụ ở phía bắc núi Scombrus và trải dài về hướng mặt trời lặn xa đến tận con sông Oskius. Con sông này bắt nguồn từ cùng rặng núi như sông Nestus và Hebrus, một rặng núi hoang dã và rộng lớn nối với Rhodope.

Đế chế của người Odrysae trải dài theo bờ biển từ Abdera đến cửa sông Danube đổ ra biển Euxine. Một thương thuyền đi hết dải bờ biển này bằng hải trình ngắn nhất mất bốn ngày đêm nếu thuận buồm xuôi gió suốt chặng đường: theo đường bộ thì một người nhanh nhẹn đi bằng con đường ngắn nhất từ Abdera có thể đến Danube sau mười một ngày. Chiều dài đường bờ biển của đế chế này là như vậy. Trong đất liền từ Byzantium đến chỗ tộc dân Laeaea và sông Strymon, giới hạn xa nhất mà vùng đất này vươn vào nội địa, là một hành trình mười ba ngày đối với một người nhanh nhẹn. Cống phẩm từ tất cả các xứ man di và các thành bang Hy Lạp, chỉ tính những gì họ cống tiến dưới thời Seuthes^[35], người nối ngôi Sitalces và là người đã tăng cống phẩm đó đến mức cao nhất, lên tới khoảng bốn trăm *talăng* vàng và bạc. Còn có cả những tặng phẩm bằng vàng và bạc với số lượng không ít hơn, ngoài những đồ thô hoặc trơn, và những vật phẩm khác, không chỉ được chế riêng cho nhà vua mà còn cho các lãnh chúa và quý tộc Odrysae. Bởi chưng ở đó đã xác lập một tập quán đối lập với tập quán đang thịnh hành ở vương quốc Ba Tư, ấy là nhận về nhiều hơn cho đi; người ta cho rằng khi được hỏi xin mà không cho còn đáng hổ thẹn hơn là khi hỏi xin mà bị từ chối; và dù tập quán này thịnh hành ở mọi nơi khác tại Thrace, nó đã thành thông lệ phổ biến nhất giữa những người Odrysae quyền thế, chẳng

việc gì xong được mà không có quà biếu. Nhờ vậy nó là một vương quốc rất hùng mạnh; về quốc khố và sự phồn thịnh chung nó vượt xa mọi quốc gia ở châu Âu nằm giữa vịnh Ionia và biển Euxine, và về quân số và các nguồn lực quân sự rõ ràng nó chỉ đứng sau tộc dân Scythia, tộc dân mà chắc chắn không có tộc dân nào ở châu Âu có thể sánh bằng, thậm chí ở châu Á cũng không một tộc dân đơn lẻ nào xứng là đối thủ của họ nếu họ đoàn kết lại, cho dù dĩ nhiên họ không ở cùng một trình độ với các chủng tộc khác về trí tuệ và những nghệ thuật của cuộc sống văn minh nói chung.

Chính vị chủ nhân của đế chế này giờ đây đang chuẩn bị xuất chinh. Khi mọi thứ đã sẵn sàng, ông ta cất quân đến Macedonia, trước tiên đi xuyên qua những lãnh địa của mình, tiếp theo vượt qua rặng núi Cercine hoang vu chia cắt dân Sinti^[36] và dân Paeonia, băng qua đó bằng một con đường mà ông ta đã làm bằng cách đốn hạ cây lấy gỗ trong một chiến dịch đi đánh dân Paeonia trước đây. Vượt qua những ngọn núi đó, với các tộc dân Paeonia nằm bên tay phải và tộc Sinti cùng tộc Maedi^[37] nằm bên tay trái mình, cuối cùng ông ta đã đến Doberus^[38], thuộc xứ Paeonia, không mất một binh lính nào trong đạo quân của mình trên đường hành quân, có lẽ trừ phi là do ốm đau bệnh tật, mà lại nhận được thêm một số quân bổ sung, nhiều tộc dân Thrace độc lập tình nguyện gia nhập đạo quân của ông ta với hy vọng đoạt được chiến lợi phẩm, đến mức tổng số binh lính nghe nói lên đến mười lăm vạn. Đa phần đạo quân này là bộ binh hạng nặng, mặc dù chừng độ một phần ba là kỵ binh, chủ yếu được chính dân Odrysae cung cấp rồi đến dân Getae. Thiệt chiến nhất trong bộ binh là những kiếm thủ độc lập từ miền núi Rhodope xuống; phần còn lại của đạo quân ô hợp đi theo ông ta chủ yếu chỉ đáng sợ vì quân số đông đảo của họ.

Hợp quân ở Doberus, họ chuẩn bị tràn xuống từ miền núi cao bên trên vùng Hạ Macedonia, là nơi những lãnh địa của Perdiccas nằm ở đó; vì dân Lyncestis^[39], dân Elimeia^[40] và những tộc dân khác nằm sâu trong đất liền hơn, dù vẫn mang huyết thống Macedonia và là những đồng minh và những xứ dân lệ thuộc của những người đồng tông với họ, vẫn có những nền cai trị riêng của họ. Xứ sở nằm trên bờ biển, mà giờ đây được gọi là Macedonia, từ

buổi ban sơ được Alexander, cha của Perdiccas, và tổ tiên của ông ta thu tóm, khởi thủy là triều đại các hậu duệ của Temenus^[41] từ Argos đến. Họ thu tóm bằng cách đuổi dân Pieria^[42] khỏi xứ Pieria, dân này sau đó cư ngụ tại Phagres^[43] và những nơi khác dưới chân núi Pangaeus^[44] phía bên kia sông Strymon (thực ra miền đất nằm giữa núi Pangaeus và biển vẫn được gọi là Thung lũng Pieria); và đuổi dân Bottiaea ra khỏi xứ Bottia^[45], hiện giờ họ là láng giềng của dân xứ Chalcidice, và bằng vào việc chiếm được một dải đất hẹp ở Paeonia dọc theo con sông Axius^[46] trải dài đến Pella^[47] và biển; còn có cả xứ Mygdonia, nằm giữa sông Axius và sông Strymon, cũng được thêm vào bằng cách đuổi dân Edonia đi. Dân Eordia^[48] cũng bị đuổi khỏi đất Eordia, đa phần họ diệt vong, dù vài mống trong số này vẫn sống quanh quần ở Physca^[49], và dân Almopia^[50] bị đuổi khỏi Almopia. Dân Macedonia này còn xâm lược cả những nơi đang thuộc về những tộc dân khác nữa, những nơi mà hiện nay vẫn đang thuộc về họ – như Anthemus^[51], Crestonia^[52], Bisaltia^[53] và một phần lớn của chính Macedonia. Toàn bộ những nơi ấy giờ đây được gọi là Macedonia, và vào lúc Sitalces tiến hành cuộc xâm lăng này thì Perdiccas con trai của Alexander, là vị vua đang trị vì xứ đó.

Dân Macedonia này, do không thể xuất trận chống lại một kẻ xâm lăng đông quân đến thế, đã lùi vào những nơi kiên cố và các pháo đài mà xứ này vốn có và đóng kín lại. Những nơi như thế cũng chẳng nhiều nhận gì, hầu hết những thành lũy pháo đài mà hiện giờ còn được thấy ở xứ này đã được Archelaus^[54] con trai của Perdiccas xây dựng về sau này khi ông ta lên ngôi, ông ta cũng là người đã làm những con đường thẳng một mạch, và ngoài ra so với tất cả tám vị vua tiền nhiệm, ông ta còn đặt vương quốc lên một nền tảng vững mạnh hơn, tính về kỵ binh, bộ binh hạng nặng và các vật dụng chiến tranh khác. Tiến quân từ Doberus, trước tiên đạo quân Thrace xâm chiếm nơi một thời đã từng là lãnh địa do Philip cai trị, chiếm Idomene^[55] bằng cuộc đột kích, chiếm Gortynia^[56], Atalanta^[57] và một số nơi khác thông qua điều đình đàm phán, những nơi này theo về với họ vì cảm tình với Amyntas con trai của Philip, lúc bây giờ đang đi theo Sitalces. Vây hãm

Europus^[58] mà không chiếm được nó, ông ta bèn tiến vào những vùng còn lại của Macedonia ở bên trái Pella và Cyrrhus^[59], nhưng không tiếp tục vượt qua nơi này vào Bottiaea và Pieria, mà ở lại để tàn phá Mygdonia, Crestonia, và Anthemus.

Dân Macedonia thậm chí còn không nghĩ đến việc mang bộ binh ra đối địch với ông ta; nhưng khi dịp may xuất hiện, đạo quân Thrace đã bị một nhóm quân kỵ của họ tấn công, những kỵ binh này đã được các đồng minh của họ ở trong nội địa tăng viện. Được trang bị áo giáp và những kỵ sĩ ưu tú, toán kỵ binh này đột kích bất cứ nơi nào cũng đều hạ gục tất cả những ai đối mặt với họ, nhưng khá là mạo hiểm khi mắc vào vòng những đám quân địch quá đông, và vì vậy cuối cùng họ thôi không cố nữa khi xét thấy mình không đủ lực để mạo hiểm chống lại số lượng đông đến áp đảo như thế.

Trong lúc ấy Sitalces đã bắt đầu những cuộc đàm phán với Perdiccas về các mục tiêu trong cuộc chinh phạt của mình; và khi thấy rằng quân Athens đã không xuất hiện cùng hạm đội của họ vì không tin là ông ta sẽ cử sự, dù họ đã gửi tặng phẩm và phái các sứ giả đến, ông ta bèn điều một phần lớn đội quân của mình đi đánh dân Chalcis và dân Bottiaea, và vừa hãm chặt họ bên trong những thành lũy của họ vừa tàn phá xứ sở của họ. Trong khi ông ta lưu lại ở những vùng này, những tộc dân ở xa hơn về phía nam như dân Thessaly, dân Magnesia^[60], và những bộ tộc khác là những xứ dân lệ thuộc của Thessaly, và cả các dân Hy Lạp xa đến tận Thermopylae^[61], hết thảy đều sợ rằng đạo quân đó có thể tiến đánh họ, và vì thế họ đã chuẩn bị sẵn sàng. Chia sẻ nỗi lo đó với họ còn có các tộc dân Thrace về hướng bắc phía bên kia sông Strymon, là những dân cư ngụ ở những vùng đồng bằng, như dân Panaei^[62], dân Odomanti^[63], dân Droi, và dân Dersaei^[64], tất thảy những dân này đều độc lập. Thậm chí đó còn là chủ đề bàn tán trong các dân Hy Lạp mà thù địch với Athens rằng biết đâu ông ta lại chẳng được đồng minh của mình mời đến để đánh cả họ nữa. Trong khi đó ông ta đã chiếm được Chalcidice, Bottice và Macedonia, và đang tàn phá tất cả những xứ đó; nhưng thấy rằng mình không đạt được bất kỳ mục tiêu nào của cuộc xâm lăng, và rằng quân đội của ông ta đã cạn lương thảo lại thêm khốn khổ vì

thời tiết khắc nghiệt, ông ta đã nghe theo lời khuyên của Seuthes, con trai của Spardacus, cháu trai và là chỉ huy cấp cao nhất của ông ta, và quyết định triệt thoái không chậm trễ. Gã Seuthes này đã bị Perdiccas bí mật mua chuộc bằng lời hứa gả em gái ông ta cho gã cùng món hồi môn rất béo bở. Theo lời khuyên này, và sau khi đã lưu lại đó tổng cộng ba mươi ngày, tám ngày trong số đó ở Chalcidice, ông ta gấp rút hồi hương; và Perdiccas sau đó gả cô em gái Stratonice của mình cho Seuthes như đã hứa. Câu chuyện lịch sử về cuộc viễn chinh của Sitalces là như vậy.

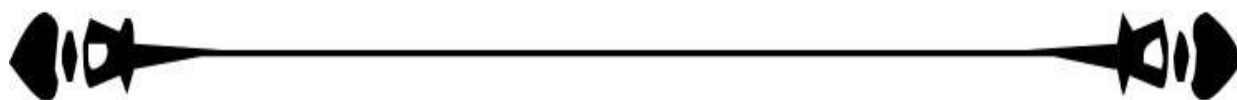
Trong diễn tiến của mùa đông này, sau khi hạm đội Peloponnese giải tán, quân Athens ở Naupactus dưới quyền chỉ huy của Phormio đã đi thuyền men theo bờ biển đến Astacus và đổ bộ lên bờ, rồi hành quân vào nội địa xứ Acarnania với lực lượng gồm bốn trăm bộ binh hạng nặng của Athens và bốn trăm của Messenia. Sau khi trục xuất một số kẻ mà họ nghi ngờ khỏi Stratus, Coronta^[65] và một số nơi khác, và đưa Cynes con trai của Theolytus về lại ngôi vị cũ ở Coronta, họ quay về thuyền của mình, quyết định rằng trong mùa đông tháng giá không thể tiến quân đánh Oeniadae, một trấn mà – không giống những nơi còn lại ở Acarnania – lúc nào cũng thù địch với họ; bởi con sông Achelous^[66] khi chảy từ núi Pindus xuyên qua Dolopia và xứ sở của dân Agraea^[67] và dân Amphilochia và vùng đồng bằng Acarnania, chảy qua trấn Stratus ở thượng lưu dòng chảy của nó, đã tạo thành các hồ nước nơi nó đổ vào biển gần Oeniadae, và do đó khiến đạo quân không thể vượt qua được vào mùa đông bởi nước lớn. Năm đối diện với Oeniadae là hầu hết những hòn đảo được gọi chung là Echinades^[68], gần sát với các cửa của con sông Achelous đến đổi dòng chảy mạnh mẽ đó đang liên tục tạo thành những bãi bồi cho chúng, và đã nối liền một số trong các đảo này với đất liền, và dường như sẽ chẳng tốn mấy thời gian để làm như thế với những đảo còn lại. Vì dòng chảy rất xiết, sâu và đầy bùn, và các đảo kề nhau san sát đến đổi chúng góp phần hãm phù sa lắng đọng lại và ngăn không để nó phân tán đi, những đảo này nằm tự nhiên như thế, không theo một hàng lối nào mà lộn xộn, không để chừa một lối thẳng nào cho dòng nước chảy ra biển khơi. Các đảo đang được nói đến này không có người ở mà cũng chẳng lớn là bao. Ở đó còn lưu truyền một câu chuyện rằng Alcmaeon^[69] con trai

của Amphiraus, trong những chuyến lang bạt khắp chốn sau khi sát hại mẹ đẻ của mình đã được thần Apollo truyền phải cư ngụ tại đây, thông qua một lời sấm phán bảo rằng hãn sẽ chẳng được giải thoát khỏi những nỗi khiếp sợ của mình chừng nào còn chưa tìm ra một chốn để trú thân, nơi ánh mặt trời chưa bao giờ rọi đến, hoặc chưa từng tồn tại vào lúc hãn sát hại mẹ mình; mọi nơi tồn sinh khác với hãn đều đã bị uế tạp. Câu chuyện kể tiếp rằng, bối rối với lời phán truyền này, rốt cục hãn trông thấy bãi bồi bên sông Achelous, và cho rằng một nơi đủ điều kiện để sống được trên đó thì ắt hãn phải mới được bồi đắp lên trong quãng thời gian dài đã qua kể từ khi mẹ hãn chết và những chuyến lang thang phiêu bạt của hãn bắt đầu. Vì vậy, khi định cư ở xứ sở gần Oeniadae, hãn đã gây dựng nên một lãnh địa và đặt cho xứ đó cái tên theo tên con trai hãn là Acarnan. Câu chuyện được truyền lại cho chúng ta về Alcmaeon là thế.

Quân Athens và Phormio cho thuyền từ Acarnania trở về, và khi đến Naupactus họ bơi thuyền vượt biển về Athens trong mùa xuân đó, mang theo những con thuyền mà họ đã chiếm được và những người tự do đã bị biến thành tù binh trong những cuộc giao tranh gần nhất; những tù binh này đã được đem ra trao đổi lấy người của Athens. Và mùa đông này, và năm thứ ba của cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách đã kết thúc như thế đó.

QUYÊN THỨ BA

Chương IX



NĂM CHIẾN TRANH THỨ TƯ VÀ THỨ NĂM – CUỘC NỔI LOẠN CỦA MITYLENE^[1]

Mùa hạ tiếp đó, ngay lúc ngũ cốc ngoài đồng vừa độ chín, người Peloponnese và các đồng minh của họ xâm lăng Attica dưới sự chỉ huy của Archidamus, con trai của Zeuxidamus và là vua của người Lacedaemon, họ hạ trại bên ngoài và cướp phá miền đất ấy; như thường lệ, quân kỵ Athens tấn công họ, ở bất cứ nơi nào có thể tấn công, và ngăn cản phần đông bộ binh hạng nhẹ tiến ra ngoài trại và cướp phá những khu vực lân cận thành. Sau một thời gian ở lại để thu vét lương thảo, những kẻ xâm lược rút đi và giải tán ai về thành nấy.

Ngay sau cuộc xâm lược của quân Peloponnese, toàn bộ xứ đảo Lesbos, trừ Methymna^[2], đã nổi loạn chống Athens. Dân Lesbos vốn đã muốn nổi

dậy ngay từ trước chiến tranh, song người Lacedaemon không thu nhận họ; và ngay cả giờ đây khi họ đã khởi loạn, thì họ đã buộc phải làm chuyện này sớm hơn nhiều so với dự tính. Vì trong khi họ đang đợi cho hoàn tất việc xây dựng các tường thành, các kè cảng và đóng tàu thuyền, và đợi những cung thủ và ngũ cốc mà họ đang bận đi kiếm từ Pontus^[4] về đến, thì dân xứ Tenedos^[4] vẫn đang thù nghịch với họ, và dân Methymna, và một số kẻ bè phái ngay trong thành Mytilene – những kẻ là *proxenus* của Athens – đã báo tin cho người Athens rằng dân Mytilene đang ép hợp nhất xứ đảo này dưới quyền thống trị của họ, và rằng công cuộc chuẩn bị mà họ đang tích cực thực hiện đó được phối hợp về mọi mặt với dân Boeotia thân tộc của họ và người Lacedaemon với ý đồ nổi loạn, và rằng, trừ phi lập tức ngăn chặn họ, Athens sẽ mất Lesbos.

Tuy nhiên, người Athens, đã khổ sở vì dịch bệnh, và vì chiến sự vừa bùng nổ mới đây và nay đang diễn ra ác liệt, nghĩ rằng sẽ là một vấn đề nghiêm trọng nếu thêm xứ Lesbos với hạm đội cùng các nguồn lực còn nguyên vẹn của xứ ấy vào danh sách địch thủ của mình; và nhất là không muốn tin vào lời cáo buộc này, vì rất mong rằng nó không đúng. Nhưng khi một sứ bộ do Athens cử đi thất bại trong việc thuyết phục người Mytilene từ bỏ cuộc hợp nhất cùng công cuộc chuẩn bị đã bị cáo giác, thì người Athens trở nên lo ngại và hạ quyết tâm ra đòn trước. Theo đó Athens bắt đầu cho xuất phát bốn mươi chiến thuyền vốn đã được chuẩn bị sẵn sàng để đi tuần tiễu quanh Peloponne, dưới quyền chỉ huy của Cleippides con trai của Deinias, và hai vị chỉ huy khác; hạm đội này đã nhận được tin báo về một lễ hội tôn vinh thần Apollo Malea^[5] bên ngoài trấn, toàn thể dân Mytilene sẽ ăn mừng lễ hội này, và thừa dịp đó, nếu hạm đội kịp khẩn trương, thì sẽ có cơ làm dân đó trở tay không kịp. Nếu kế hoạch này thành công, thì tốt; ngược lại không thành công, thì hạm đội sẽ lệnh cho dân Mytilene giao nộp tàu thuyền của họ và phá bỏ các thành lũy của họ, và nếu họ không tuân lệnh, thì tuyên chiến. Các chiến thuyền của Athens theo đó ra khơi; mười thuyền ga-lê, là hải đội của Mytilene hiện diện cùng hạm đội này theo điều khoản liên minh, bị người Athens bắt giữ và các thủy thủ đoàn này bị giam lại. Tuy nhiên, dân Mytilene đã được một người đi ngang Athens để tới Euboea báo cho biết về

cuộc chinh phạt này, người này đã đi đường bộ đến Geraestus^[6], rồi từ đó đi đường biển theo thuyền của một thương nhân mà anh ta gặp khi xuống biển, do đó anh ta đã đến Mytilene vào ngày thứ ba sau khi rời Athens. Dân Mytilene biết tin thì cố gắng không ra khỏi trấn để đến đền thờ ở Malea, và thêm vào đó họ lập các chướng ngại vật và canh gác quanh những phần đang làm dở của các thành lũy và hải cảng.

Không lâu sau đó khi hạm đội Athens tới nơi và nhận thấy hiện tình, các tướng lĩnh bèn truyền lệnh đến, và khi dân Mytilene từ chối tuân theo, hạm đội này liền khai chiến. Dân Mytilene như vậy buộc phải giao chiến mà không có cảnh báo và không được chuẩn bị, thoát đầu xuất chiến bằng hạm đội của mình và dàn trận như thể định giao chiến, ngay phía trước hải cảng; nhưng khi bị các thuyền của Athens dồn trở lại bờ, họ lập tức đề nghị thương lượng với các vị chỉ huy kia, vì mong muốn, nếu có thể, thoát khỏi hạm đội của Athens ngay lúc này với bất kỳ điều kiện nào có thể chấp nhận được. Các tướng lĩnh của Athens chấp nhận đề nghị của Mytilene, bởi chính bản thân họ cũng sợ rằng mình không đủ sức đương đầu với cả xứ Lesbos; và một thỏa thuận tạm đình chiến đã được ký kết, dân Mytilene gửi đến Athens một trong những kẻ đã báo tin cho Athens, mà hiện đã biết ăn năn về cách cư xử của mình, và những người khác đi cùng với anh ta, cố thuyết phục Athens về những ý định vô hại của mình và thuyết phục Athens triệu hồi hạm đội. Cùng lúc đó, không hy vọng gì nhiều về một câu trả lời thuận cho từ Athens, họ cũng phái các sứ giả lên một con thuyền ga-lê đi Lacedaemon, mà không bị phát hiện bởi hạm đội của Athens khi ấy đang neo đậu ở Malea về phía bắc trấn này.

Trong lúc sứ bộ này, đến được Lacedaemon sau một hải trình đầy khó khăn bồng qua biển cả, đang đàm phán về việc xin quân cứu viện cho Mytilene, thì các sứ giả từ Athens trở về mà không đạt được điều gì; và chiến sự lập tức mở màn bởi dân Mytilene và các dân còn lại của xứ Lesbos, trừ dân Methymna, dân này đã đến trợ chiến với Athens cùng các dân Imbros^[7] và Lemnos và vài đồng minh khác nữa. Quân Mytilene đã xông ra phá vây với toàn bộ lực lượng để đánh trại quân của Athens; một trận giao

tranh nổ ra, quân Mytilene giành được chút lợi thế, thế nhưng họ lại rút về, vì cảm thấy không đủ tự tin để qua đêm trên trận địa. Sau trận này họ án binh bất động, trông đợi xem may ra lực lượng tăng cường từ Peloponnese có đến được trước khi họ liều xông ra lần nữa không, họ được khích lệ bởi Meleas người Laconia, và Hermaeondas người Thebes vừa đến nơi, hai người này vốn đã được cử đi từ trước cuộc nổi dậy nhưng đã không thể đến được Lesbos trước cuộc viễn chinh của quân Athens, và lúc bấy giờ họ vừa lén bơi một con thuyền ga-lê vào trấn sau trận chiến, và khuyến dân Mytilene phải đi một con thuyền ga-lê khác cùng các sứ giả quay lại Lacedaemon với họ, điều mà dân Mytilene đã y lời thực hiện.

Trong khi ấy quân Athens, phấn khích bởi dân Mytilene không vọng động, bèn triệu tập các đồng minh để trợ giúp mình, những đồng minh này đều đã nhanh chóng đến ngay do thấy dân Lesbos tỏ ra kém cương cường, và họ đưa những chiến thuyền của mình đến hội tại bến mới ở phía nam trấn này, củng cố hai doanh trại, mỗi trại đóng một bên thành, và thiết lập vòng vây cả hai hải cảng. Vậy là mặt biển đã đóng lại với dân Mytilene, dẫu vậy họ vẫn kiểm soát toàn bộ xứ sở này, với tất cả các xứ dân ở Lesbos còn lại nay đã đến nhập với họ; quân Athens chỉ giữ được một khu vực giới hạn quanh các trại của mình, và sử dụng Malea chủ yếu làm bến thuyền và làm khu chợ của họ.

Trong khi chiến tranh đang diễn tiến như vậy tại Mytilene, khoảng cùng thời gian ấy trong mùa hạ này, người Athens cũng đã phái ba mươi chiến thuyền tới Peloponnese dưới quyền chỉ huy của Asopius con trai của Phormio; dân Acarnania khăng khăng đòi vị tướng chỉ huy được phái đến phải là con trai hoặc người thân của Phormio. Khi hạm đội bởi thuyền men theo bờ biển, họ tàn phá vùng duyên hải của Laconia; sau đó Asopius cho phần lớn hạm đội này quay về, còn anh ta cùng mười hai chiến thuyền đi Naupactus, và sau đó phát động toàn dân Acarnania làm một cuộc viễn chinh đi đánh Oeniadae, hạm đội này đi dọc theo sông Achelous, trong khi đạo quân trên bộ tàn phá xứ sở đó. Tuy vậy, khi cư dân ở đây không tỏ dấu hiệu gì thần phục, anh ta bèn giải tán lực lượng trên bộ và tự mình cho

thuyền đi Leucas, và trong lúc thực hiện một cuộc đột kích vào Nericus^[8], anh ta và hầu hết binh lính theo bên mình đã bị dân chúng ở các vùng đó với sự yểm trợ của một số lính tuần duyên giết chết trong lúc rút lui; sau đó quân Athens lên thuyền ra đi, khi đã thu hồi xác binh sĩ của họ từ dân Leucas theo thỏa thuận tạm đình chiến.

Trong khi đó các sứ giả của Mytilene phái đi trong chuyến thuyền đầu tiên đã được người Lacedaemon bảo cho biết phải đi đến Olympia, để tất cả các đồng minh khác nghe họ trình bày và quyết định vấn đề của họ, vậy là họ lên đường tới đó. Lúc ấy đang kỳ Đại hội Olympic, trong đại hội này, Dorieus người đảo Rhodes đã giành được chiến thắng thứ hai của anh ta, và sau lễ hội các sứ giả đã được giới thiệu để phát biểu, họ nói như sau:

“Hỡi người Lacedaemon và các đồng minh, phép tắc luật lệ được thiết lập giữa các dân Hy Lạp không phải chúng tôi không biết. Những kẻ nổi loạn trong chiến tranh và chối bỏ liên minh cũ được những người tiếp nhận đối xử một cách ưu ái, chừng nào mà kẻ đó có ích cho họ, nhưng mặt khác lại bị coi chằng ra gì, do bị xem như kẻ phản bội bạn bè cũ của mình. Đó cũng chẳng phải là một cách xét đoán không công bằng, khi những kẻ nổi loạn và cái quyền lực mà họ đã ly khai nhất trí về đường lối và có sự đồng tình, và sánh được với nhau về các nguồn lực và quyền lực, và khi không có nguyên cơ hợp lý cho việc nổi loạn. Nhưng trường hợp chúng tôi với người Athens không phải như thế; và đừng ai nghĩ xấu về việc chúng tôi nổi dậy chống họ trong cơn nguy biến, sau khi đã được Athens tưởng thưởng trong thời bình.

Công lý và sự trung thực sẽ là các chủ đề hàng đầu trong lời phát biểu của chúng tôi, đặc biệt là khi chúng tôi đang kêu gọi liên minh; vì chúng tôi biết rằng không bao giờ có thể có được bất kỳ tình bạn bền vững nào giữa các cá nhân, hay mối liên kết giữa các cộng đồng mà xứng với cái danh đó, trừ khi các bên tham gia tin cậy được nhau về lòng thành thực, và nhìn chung là hợp ý với nhau, bởi từ khác biệt trong cảm tính cũng nảy sinh khác biệt trong hành xử. Liên minh giữa

chúng tôi với người Athens đã bắt đầu khi các vị rút khỏi cuộc Chiến tranh Ba Tư và bọn họ lưu lại để hoàn tất công cuộc đó. Nhưng chúng tôi đã không làm đồng minh với người Athens để chinh phục các dân Hy Lạp, mà là đồng minh với các dân Hy Lạp trong cuộc giải phóng họ khỏi quân Ba Tư; và chừng nào người Athens còn dẫn dắt chúng tôi một cách chính đáng thì chúng tôi còn theo họ một cách trung thành; nhưng khi chúng tôi thấy họ trở nản lòng thù nghịch với Ba Tư, để cố thu lấy sự thần phục của các xứ đồng minh, thì chúng tôi bắt đầu lo sợ. Tuy nhiên, họ đã không thể liên kết lại và tự bảo vệ mình, tính trên số lượng các xứ đồng minh có quyền biểu quyết thì tất cả các đồng minh đều đã bị nô dịch, trừ có chúng tôi và dân Chios, là những dân còn tiếp tục góp quân của mình vào liên minh với tư cách độc lập và còn tự do trên danh nghĩa. Tuy nhiên, chúng tôi không còn cảm thấy tin tưởng được Athens với vai trò lãnh đạo, khi xét các ví dụ đã được dẫn ra; chắc gì khi Athens chinh phục các bang trong liên minh đồng bạn với chúng tôi mà lại sẽ không làm như vậy với chúng tôi, những dân còn được chừa ra, một khi Athens đã có quyền lực.

Giả như tất cả chúng tôi vẫn còn độc lập thì chúng tôi đã có thể tin tưởng hơn rằng họ đang không cố gây ra bất kỳ đổi thay nào; nhưng đa số đang là những xứ dân lệ thuộc của họ, trong khi họ đối xử với chúng tôi như những kẻ ngang hàng, lẽ tự nhiên họ sẽ nổi giận với cái trường hợp độc lập duy nhất này vì nó tương phản với sự thần phục của đa số; đặc biệt là khi bọn họ ngày càng hùng mạnh hơn, và chúng tôi thì càng suy vi hơn. Mà nền tảng chắc chắn duy nhất của một liên minh là sao cho mỗi bên đều phải sợ bên kia như nhau, một bên nào muốn xâm lấn sẽ bị chùn lại bởi suy nghĩ rằng lợi thế không nghiêng về phía anh ta. Và lại, nếu chúng tôi còn được độc lập, thì chỉ là do Athens nghĩ rằng họ đã thấy con đường tiến lên đế quốc của họ rõ ràng là bằng vào lời lẽ giả dối và đường lối chính trị thì hơn là bằng vào sức mạnh. Không chỉ vì chúng tôi hữu dụng với tư cách làm chứng rằng các thế lực có quyền biểu quyết, như chính bọn họ, chắc chắn sẽ không tham gia vào những cuộc viễn chinh của bọn họ, đi ngược lại với ý chí của mình, nếu bên bị

tấn công không mắc lỗi; mà cùng một phương thức ấy còn cho phép bọn họ trước tiên là cầm đầu các bang mạnh hơn đánh các bang yếu hơn, và như vậy để chừa các bang mạnh hơn đến lượt cuối, khi họ đã bị tước hết những đồng minh vốn có của mình, và ít có khả năng kháng cự. Nhưng nếu bọn họ bắt đầu từ chúng tôi, trong khi tất cả các thành bang vẫn còn tự kiểm soát được nguồn lực của mình, và có một trung tâm để tập hợp nhau lại, thì bọn họ hẳn sẽ thấy công cuộc nô dịch chẳng dễ dàng. Ngoài điều đó ra, hải quân của chúng tôi đã khiến cho họ có phần e ngại: luôn có khả năng lực lượng ấy liên kết với các vị hay với thế lực nào đó khác, và trở nên nguy hiểm cho Athens. Cái cách chúng tôi lấy lòng dân chúng và các nhà lãnh đạo của bọn họ nhất thời cũng đã giúp chúng tôi duy trì được nền độc lập của mình. Tuy nhiên, từ các ví dụ mà chúng tôi đã nêu về cách hành xử của bọn họ với tất cả những xứ còn lại, chúng tôi không nghĩ mình có khả năng duy trì độc lập lâu hơn được nữa, nếu cuộc chiến này không nổ ra.

Vậy thì làm sao chúng tôi có thể đặt niềm tin vào cái tình hữu nghị hay cái tự do như chúng tôi đã có đến nay? Chúng tôi chấp nhận lẫn nhau trái lại với khuynh hướng của chúng tôi; nỗi lo sợ khiến họ tranh thủ chúng tôi trong chiến tranh, và chúng tôi tranh thủ họ trong hòa bình; sự thông cảm, cái nền tảng thông thường của lòng tin cậy, đã bị thế chỗ bởi nỗi khủng cụ, sự sợ hãi chiếm phần nhiều hơn so với tình hữu nghị để giam chân chúng tôi trong liên minh; và một bên nếu được khích lệ bởi hy vọng không bị trừng phạt ắt sẽ bội ước. Vì vậy, nếu lên án chúng tôi vì là kẻ tuyệt giao trước, bởi bọn họ trì hoãn giáng cú đòn mà chúng tôi khiếp sợ, mà đáng lẽ chúng tôi phải trì hoãn để biết chắc liệu cú đòn ấy có giáng xuống hay không, tức là sẽ có một cái nhìn sai lạc về trường hợp chúng tôi. Vì nếu chúng tôi có khả năng ngang bằng với bọn họ để đối phó các âm mưu của bọn họ và bắt chước sự trì hoãn của bọn họ, thì chúng tôi đã phải được bình đẳng với họ và không nhất thiết phải là xứ dân lệ thuộc của họ; nhưng đặc quyền tấn công luôn luôn thuộc về họ, mà đặc quyền phòng thủ rõ ràng là của chúng tôi.

Hỡi người Lacedaemon và các đồng minh, những căn cứ và lý do cho việc nổi dậy của chúng tôi là như thế đó; rõ ràng đủ để thuyết phục những ai nghe chúng tôi nói về sự công bằng trong cách hành xử của chúng tôi, và đủ để báo động chính bản thân chúng tôi, khiến chúng tôi quay sang tìm kiếm một số phương cách bảo toàn. Điều này chúng tôi đã muốn làm từ lâu, khi mà chúng tôi đã gửi đến các vị thông điệp về vấn đề này trong lúc vẫn còn hòa bình, nhưng bị ách lại bởi các vị từ chối tiếp nhận chúng tôi; và bây giờ, khi Boeotia kêu gọi chúng tôi, chúng tôi lập tức đáp ứng lời kêu gọi đó, và quyết định một cuộc nổi dậy với hai mục đích song trùng, vì các dân Hy Lạp và vì người Athens, không phải để hỗ trợ người Athens để làm tổn hại đến các dân Hy Lạp, mà là để tham gia vào công cuộc giải phóng các dân Hy Lạp, và không để người Athens rốt cục sẽ tiêu diệt chúng ta, mà hành động đúng lúc chống lại bọn họ. Thế nhưng cuộc nổi dậy của chúng tôi đã xảy ra khi còn chưa chín muồi và không có chuẩn bị – một thực tế khiến các vị có bốn phen hơn bao giờ hết để tiếp nhận chúng tôi vào liên minh và nhanh chóng gửi tiếp viện đến cho chúng tôi, để cho thấy rằng các vị đang hỗ trợ bạn bè của mình, và cùng lúc gây phương hại cho kẻ địch của mình. Các vị đang có một cơ hội chưa từng có. Bệnh tật và chiến phí đã làm mòn mỏi người Athens: chiến thuyền của họ hoặc tuần tiễu quanh các bờ biển của các vị, hoặc tham gia vào cuộc phong tỏa chúng tôi; và khó có khả năng là họ còn lại chiến thuyền dự trữ nào, nếu các vị xâm lăng lần thứ hai trong mùa hạ này bằng đường biển và đường bộ; mà bọn họ sẽ hoặc sẽ không có khả năng chống cự lại chiến thuyền của các vị, hoặc sẽ rút lui khỏi cả hai bờ biển của chúng ta. Cũng đừng nên nghĩ rằng đây là một trường hợp đặt chính các vị vào hiểm nguy vì một xứ sở chẳng phải của các vị. Lesbos có thể xa xôi, nhưng khi cần giúp đỡ thì sẽ thấy xứ ấy ở đủ gần. Cuộc chiến này sẽ được quyết định không phải ở Attica, như một số người vẫn tưởng, mà là ở các xứ sẽ trợ giúp Attica; và quốc khố của Athens thì được bòn rút từ các xứ đồng minh, quốc khố ấy sẽ còn lớn hơn nếu Athens thôn tính được chúng tôi; bởi không những sẽ chẳng có thành

bang nào khác nổi dậy nữa, mà các nguồn lực của chúng tôi còn bị thêm vào cho họ, và chúng tôi sẽ bị đối xử tồi tệ hơn so với những dân đã bị nô lệ từ trước. Nhưng nếu các vị thật lòng hỗ trợ chúng tôi, các vị sẽ được thêm về phía mình một thành bang có một lực lượng hải quân lớn, lực lượng mà các vị rất thiếu; các vị sẽ mở đường cho việc lật đổ Athens bằng cách tước đoạt đi những xứ đồng minh của họ, những xứ dân đó sẽ được khích lệ rất nhiều để theo sang phe các vị; và các vị sẽ tránh được việc bị quy kết là có lỗi vì đã không ủng hộ cuộc nổi dậy. Nói tóm lại, các vị chỉ có mỗi một cách là thể hiện mình như những người giải phóng thì mới có thể hy vọng có lợi thế trong cuộc chiến tranh này.

Bởi vậy, hãy coi trọng những hy vọng mà dân Hy Lạp đặt vào các vị, và kính trọng thần Zeus chúa tể Olympus, mà trong đền thờ của ngài chúng tôi đang đứng như những kẻ thỉnh nguyện khẩn thiết; hãy trở thành các đồng minh và người che chở cho dân Mitylen, và đừng từ bỏ chúng tôi, những người đang đặt mạng sống của mình vào nguy hiểm, trong một sự nghiệp mà lợi ích chung cho tất cả sẽ là kết quả từ thành công của chúng tôi, và tổn hại còn chung hơn thế nếu chúng tôi thất bại bởi các vị từ chối giúp chúng tôi; mà hãy là những con người như dân Hy Lạp nghĩ về các vị, và như chúng tôi mong muốn khi sợ hãi.”

Đó là những lời của dân Mitylen. Sau khi đã nghe hết, người Lacedaemon và các xứ liên minh chấp thuận những gì dân Mytilene nài nỉ, và nhận Lesbos vào hàng ngũ đồng minh, và sau khi quyết định ủng hộ cuộc xâm lược Attica, họ lệnh cho các đồng minh hiện diện tại đó hành quân càng nhanh càng tốt đến Eo đất với hai phần ba lực lượng của mỗi xứ; và tự mình đến đó trước tiên, họ chuẩn bị các xe tời để kéo các chiến thuyền của họ băng qua Corinth ra biển về phía Athens, để tiến hành tấn công bằng đường biển và đường bộ cùng một lúc. Tuy nhiên, nhiệt tình mà họ thể hiện đã không được các đồng minh còn lại noi theo, những đồng minh cũng kéo đến

nhưng chậm chạp vì còn bận thu hoạch ngũ cốc của mình và chán ớn những cuộc viễn chinh.

Trong khi đó, người Athens, nhận thức được rằng việc chuẩn bị của địch là do địch tin chắc vào sự yếu kém của họ, và mong muốn cho địch thấy rằng chúng đã lầm, và rằng không cần di chuyển hạm đội ở Lesbos họ vẫn có thể đẩy lùi dễ dàng cái hạm đội từ Peloponnese đang uy hiếp họ, đã cung cấp người cho một trăm chiến thuyền bằng cách đưa các công dân Athens – trừ các hiệp sĩ và tầng lớp tinh hoa *Pentacosimedimni*^[9] – và dân nhập cư lên thuyền; và khi ra khơi tiến về phía Eo đất, họ phô trương thanh thế của mình, và đột ngột tấn công quân Peloponnese ở bất cứ nơi nào tùy thích. Một nỗi thất vọng thật tràn trề khiến quân Lacedaemon nghĩ rằng dân Lesbos đã không nói thật; và bối rối bởi không thấy các xứ liên minh xuất hiện, kèm theo tin tức rằng ba mươi chiến thuyền tuần tiễu quanh Peloponnese đang tàn phá các vùng đất gần Sparta, họ bèn rút về hậu phương. Thế nhưng sau đó họ đã chuẩn bị một hạm đội sẵn sàng để cử đến Lesbos, và lệnh đòi tổng cộng bốn mươi chiến thuyền từ các thành bang khác trong khối liên minh, bổ nhiệm Aicidas chỉ huy cuộc viễn chinh với tư cách là đô đốc hạm đội. Trong khi đó quân Athens trên một trăm chiến thuyền kia, khi thấy quân Lacedaemon hồi hương thì cũng hồi hương.

Nếu vào lúc hạm đội này đang triển khai trên biển Athens đã có một số lượng gần như nhiều nhất những chiến thuyền hạng nhất được trang bị đầy đủ so với bất kỳ thời điểm nào trước đây xứ này từng có, thì khi cuộc chiến mới bắt đầu Athens đã có bằng chùng đó hoặc thậm chí còn nhiều hơn con số đó. Khi ấy nó có một trăm chiến thuyền canh giữ Attica, Euboea và Salamis; một trăm chiến thuyền nữa đang tuần tiễu quanh Peloponne, ngoài ra còn các chiến thuyền đang làm nhiệm vụ tại Potidaea và những nơi khác; đưa tổng số lên tới hai trăm năm mươi chiến thuyền được sử dụng vào hoạt động quân sự chỉ trong một mùa hạ. Chính vì số thuyền này, cùng với Potidaea, đã khiến quốc khố của xứ ấy hầu như kiệt quệ – Potidaea bị phong tỏa bởi một lực lượng bộ binh hạng nặng (mỗi binh sĩ này lĩnh lương hai *dracma* một ngày, một cho mình và một cho người phục dịch của mình), số

binh lính này ban đầu là ba ngàn, và quân số này đã được duy trì đến tận cuối cuộc bao vây; thêm vào đó là một ngàn sáu trăm quân của Phormio mà đã rời khỏi nơi đó trước khi cuộc vây hãm kết thúc; và tất cả các chiến thuyền đều được trả một mức lương như nhau. Theo cách đó tiền của xứ này bị tiêu phí ngay từ đầu; và đây là con số chiến thuyền đông nhất từng được Athens trang bị thủy thủ và quân binh.

Khoảng cùng thời gian quân Lacedaemon có mặt ở Eo đất, quân Mytilene cùng với lính đánh thuê của họ hành binh đường bộ đi đánh Methymna, nơi họ nghĩ sẽ chiếm được vì có nội phản. Sau khi tấn công trấn này, không đạt được thành công như mong đợi, họ rút lui đến Antissa^[10], Pyrrha^[11], và Eresus^[12]; và sau khi tiến hành các biện pháp để củng cố an ninh của các trấn thành này và gia cường các thành lũy ở đó, họ vội vã hồi hương. Sau khi họ đi khỏi thì quân Methymna tiến đánh Antissa, nhưng đã bị đánh bại trong một cuộc xung trận phá vây của dân Antissa và lính đánh thuê của họ, và đã rút lui một cách vội vàng sau khi thiệt hại rất nhiều quân. Tin này về tới Athens, và khi người Athens biết rằng dân Mytilene đã làm chủ xứ đó và binh lính của mình không đủ lực để khống chế được dân đó, vào đầu mùa thu ấy họ phái Paches con trai của Epicurus đến nắm quyền chỉ huy, cùng với một ngàn bộ binh hạng nặng người Athens; đội quân này đã tự chèo thuyền đi và, khi đến Mytilene, họ đắp lên một thành lũy vây quanh kinh thành này, dựng công sự tại một số điểm xung yếu nhất. Như vậy Mytilene đã bị phong tỏa nghiêm ngặt từ cả hai phía, trên bộ và trên biển; và mùa đông lúc này đã đến gần.

Người Athens cần tiền cho cuộc bao vây, mặc dù họ đã quyên góp lần đầu được hai trăm *talăng* từ các công dân Athens, lúc này họ phái mười hai con thuyền đi thu các khoản đảm phụ chiến phí từ các xứ đồng minh, cùng với Lysicles và bốn người khác nắm quyền chỉ huy. Sau một hải trình qua nhiều nơi khác nhau và buộc những địa phương này đóng góp, Lysicles đã lên bộ từ trấn Myus^[13], thuộc xứ Caria^[14], vượt qua vùng đồng bằng sông Meander^[15], đến tận đối Sandius; và bị dân Caria cùng dân Anaia^[16] tấn công, khiến Lysicles bị giết cùng nhiều binh lính của mình.

Cũng mùa đông đó dân Plataea, vẫn đang bị quân Peloponnese và Boeotia bao vây, khốn đốn vì cạn kiệt lương thực phẩm dự trữ, và chẳng còn hy vọng vào cứu viện từ Athens, cũng không có bất kỳ phương kế nào khác để bảo toàn, bèn lập mưu với quân Athens cùng bị vây khốn với họ để đào thoát, nếu có thể, bằng cách liêu đánh để mở đường vượt qua những tường lũy của quân bao vây; cuộc tấn công này được đề xuất bởi Theaenetus con trai của Tolmides, một thầy bói, và Eupompides con trai của Daimachus, một trong những vị tướng của họ. Thoạt đầu tất cả đều định sẽ tham gia, sau đó, một nửa chùn lại khi nghĩ rằng mạo hiểm quá lớn; tuy vậy, khoảng hai trăm hai mươi người xung phong theo đuổi cuộc tấn công này, nó được thực hiện theo cách như sau. Những cái thang được đóng vừa với chiều cao thành lũy của địch, mà họ đã đo bằng cách tính các hàng gạch, do bên mặt tường quay về phía họ không được quét vôi trắng toàn bộ. Việc đếm gạch được nhiều người cùng thực hiện đồng thời; và mặc dù một số người có thể đếm không đúng, hầu hết đã đếm được, nhất là bởi họ đếm đi đếm lại nhiều lần, và khoảng cách đến thành lũy đó không hề xa mà trái lại có thể dễ dàng nhìn thấy nó để họ thực hiện mục đích của mình. Chiều dài cần thiết cho các thang đã được lấy theo cách đó, được tính từ chiều rộng của viên gạch.

Mà thành lũy của quân Peloponnese thì được xây dựng như sau: Nó bao gồm hai phòng tuyến chạy vòng quanh địa bàn này, một để chống lại dân Plataea, một nửa để chống lại bất kỳ cuộc tấn công nào ở mặt ngoài từ Athens vào, cách nhau khoảng mười sáu *foot*^[17]. Khoảng không gian mười sáu *foot* ở giữa dành cho những điểm canh được chia ra cho các binh lính trực chiến, và được xây nối liền thành một khối, để từ bên ngoài trông vào chỉ như một thành lũy đơn rất dày với các tháp chiến đấu trên cả hai mặt. Cứ mỗi mười tháp chiến đấu lại có một toà tháp lớn, rộng ngang bề rộng bức thành lũy, chạy từ phía bên trong thành lũy ra đến tận mặt bên ngoài của nó, không có lối nào đi qua ngoại trừ đi qua chính giữa. Thế nên vào những đêm mưa bão các tháp chiến đấu bị bỏ không, lính gác sẽ canh trong các toà tháp lớn này, không cách xa nhau và có mái che ở trên.

Đó là cấu trúc của bức thành lũy đã phong toả dân Plataea, khi việc chuẩn bị của họ đã hoàn thành, họ chờ một đêm mưa gió không trăng, và rồi xuất phát theo sự dẫn dắt của những người chủ mưu trong âm mưu này. Trước tiên họ vượt qua con hào bao quanh trấn, tiếp đó họ đến được thành lũy của địch mà không bị lính gác nhận ra, đám lính gác này không thấy được họ trong bóng tối, cũng chẳng nghe tiếng họ, bởi gió át đi tiếng động khi họ tiếp cận trong tiếng gầm gào của nó; và lại họ giữ đúng khoảng cách giữa người nọ với người kia, để không bị va chạm binh khí thành tiếng làm lộ. Họ cũng chỉ trang bị nhẹ, và chỉ mang giày có một chân bên trái để khỏi bị trượt trong bùn. Họ đã lên được đến các tháp chiến đấu tại một trong những khoảng cách giữa hai thành lũy nơi họ biết không có lính gác: những người vác thang đi đầu tiên và dựng thang lên; tiếp đến mười hai chiến binh vũ trang nhẹ chỉ mang một con dao găm và giáp che ngực, do Ammias con trai của Coroebus dẫn đầu, và anh ta là người đầu tiên leo lên được mặt thành lũy; những người theo sau cũng lên và đi thành nhóm sáu người đến mỗi tháp chiến đấu. Tiếp sau nhóm này đến những tốp bộ binh hạng nhẹ khác mang giáo, những tấm khiên của họ – để họ có thể nhẹ nhàng hơn mà tiến – được chuyển lên từ những người phía sau, những người đó sẽ chuyển chúng đến tay họ khi đối diện quân địch. Lúc đã có một số khá đông lên được thành thì họ bị các lính canh trong các toà tháp phát hiện, vì tiếng động phát ra từ một miếng ngói bị rơi ra khi một trong những người Plataea đang bám vào tháp chiến đấu. Lệnh báo động lập tức phát ra, và binh lính vội vã kéo ùa đến thành lũy, mà không biết mối nguy thực chất là gì, do đêm tối và mưa bão; dân Plataea trong trấn cũng đã chọn thời điểm đó để tiến hành cuộc phá vây về phía thành lũy của quân Peloponnese đối diện với phía mà người của họ đã lên được, để đánh lạc hướng chú ý của quân bao vây. Thế nên quân bao vây bối rối cứ ở nguyên tại các vị trí khác nhau họ đang giữ, mà không dám mạo hiểm chạy đi cứu viện từ trạm canh của mình, và cố gắng lên không đoán được chuyện gì đang xảy ra. Trong khi đó, ba trăm binh lính được cắt đặt riêng để đối phó trong các trường hợp khẩn cấp tiến ra ngoài bức thành lũy theo hướng báo động. Những đám lửa hiệu báo có cuộc tấn công cũng đã được đốt lên hướng về phía Thebes; nhưng dân Plataea

trong trấn cũng đồng thời đốt lên nhiều đồng lửa hiệu khác, đã được chuẩn bị trước cho chính mục đích này, khiến tín hiệu của địch bị nhiễu loạn không thể đoán định được, và ngăn không cho đồng minh của địch biết được sự thực về những gì đang diễn ra mà đến hỗ trợ trước khi đồng bọn của họ thoát ra được bên ngoài sườn sè và an toàn.

Trong khi đó toán leo thang đầu tiên mà đã leo lên được mặt thành, sau khi chiếm được cả hai toà tháp lớn và kết liễu các lính canh liền cố thủ trong đó nhằm ngăn chặn bất kỳ quân địch nào đi qua để đánh họ; và dựng những chiếc thang trên mặt thành, rồi cho một số người leo lên ngọn tháp, và từ trên đỉnh và từ dưới nền các toà tháp họ khống chế tất cả những quân địch tiến đến gần bằng tên, đá, lao, mác của họ, trong khi lực lượng chính của họ dựng một số thang tựa vào thành lũy, và phá đổ các tháp chiến đấu, rồi vượt qua ở khoảng giữa các tháp lớn; mỗi người ngay khi vừa vượt qua liền chiếm lĩnh vị trí cho mình ở rìa con hào, và từ đó liên tục dùng cung tên, phi tiêu bắn vào bất kỳ kẻ nào tiến đến bức thành lũy để ngăn chặn đường đồng bọn của họ đi qua. Khi tất cả đã vượt qua, toán ở bên trên các toà tháp bèn leo xuống, những người đi cuối trong số họ không phải không gặp khó khăn, và họ tiến đến con hào, vừa lúc ba trăm địch quân kéo đến mang theo đuốc cháy sáng. Quân Plataea, đứng trong bóng tối trên bờ con hào, trông rõ quân địch, và bắn tên và phi tiêu của họ vào những phần không được vũ trang trên thân thể quân địch trong khi chính họ lại không bị nhìn thấy rõ vì ánh đuốc đến chỗ họ chỉ lơ mờ; và như vậy ngay cả những người cuối cùng của bọn họ cũng đã vượt được qua con hào, mặc dù không ít nỗ lực và khó khăn; bởi băng đã đóng trong con hào, không đủ chắc để bước lên, mà là dạng băng lẫn nước thường đến theo một trận gió đông hơn là gió bắc, và tuyết theo cơn gió này rơi xuống trong đêm đã làm cho mặt nước trong hào phình lên, vậy nên họ phải khó khăn lắm mới bước được trên mặt băng đó khi vượt qua. Tuy nhiên, dù sao chăng nữa, chính cơn bão dữ dội này đã tạo điều kiện cho họ thực hiện được cuộc đào thoát.

Từ con hào đó, quân Plataea tất cả cùng nhau đi theo con đường dẫn đến Thebes, noi theo hướng mà đền thờ vị anh hùng Androcates^[18] ở bên phía

tay phải của họ, tính toán rằng con đường cuối cùng mà quân Peloponnese có thể nghi ngờ là họ chọn ắt sẽ là con đường đưa họ tới xứ sở của kẻ thù của họ. Quả thực họ đã nhìn thấy địch quân đuổi theo với những bó đuốc trên đường đi Athens theo hướng rặng núi Cithaeron và Druoskephalai hay Oakheads^[19]. Sau khi đi hơn nửa dặm trên con đường dẫn tới Thebes, dân Plataea rẽ khỏi đường này và đi theo đường dẫn lên núi, đến Erythrae^[20] và Hysiae^[21], và khi đến được những quả đồi, họ đã thành công trong cuộc đào thoát của họ về Athens, cả thầy hai trăm mười hai người; một số trong bọn họ đã quay trở lại trấn trước khi vượt qua thành lũy, và một cung thủ bị bắt làm tù binh tại bờ hào bên ngoài. Trong khi đó quân Peloponnese đã từ bỏ cuộc truy đuổi và quay lại vị trí của họ; và dân Plataea trong thị trấn, không biết gì về những việc đã xảy ra bên ngoài thành, và nghe những người quay lại kể rằng không một người nào thoát được, bèn cử ngay một viên sứ truyền tin ngay khi ngày mới rạng để lập một thoả thuận tạm đình chiến hầu thu nhặt xác người tử trận, và rồi khi biết được sự thật, họ bèn thôi. Bằng cách đó toán người Plataea ấy đã vượt qua và thoát được.

Về cuối mùa đông năm đó, Salaethus, một người Lacedaemon, được cử đi Mytilene trên một con thuyền ga-lê. Ông ta theo đường biển đến Pyrrha, từ đó đi đường bộ dọc theo lòng của một dòng suối lớn, nơi phòng tuyến có thể vượt qua được, và bằng cách đó khi đã lên vào được Mytilene rồi ông ta nói với các vị quan cai trị ở đó rằng Attica chắc chắn sẽ bị xâm lăng, và bốn mươi chiến thuyền đã được bố trí để giải vây cho họ chắc chắn sẽ tới, và rằng ông ta được phái đến đây để báo tin này và giám sát các vấn đề chung. Dân Mytilene nhờ đó lấy lại được lòng can đảm, và gác ý tưởng thoả hiệp với người Athens lại; và bấy giờ mùa đông kết thúc, và kết thúc cùng với nó là năm thứ tư của cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách.

Mùa hạ tiếp đó người Peloponnese gửi bốn mươi hai chiến thuyền tới cho Mytilene, dưới quyền chỉ huy của Alcidas, đô đốc hạm đội của họ, và chính họ và các đồng minh thì xâm lược Attica, mục đích là để đánh lạc hướng người Athens bằng động thái trên hai hướng cùng lúc, và như vậy làm khó cho Athens hơn khi chống lại hạm đội đang dong buồm đến Mytilene. Vị

tướng chỉ huy cuộc xâm lược này là Cleomenes, thay mặt Vua Pausanias, con trai của Pleistoanax và là cháu trai của Cleomenes, mà lúc bấy giờ vẫn còn là một ấu vương. Chưa thoả lòng với việc tàn phá bất cứ thứ gì đã mau chóng sinh sôi ở những vùng đất mà họ đã tàn phá trước đây, những kẻ xâm lược lúc này mở rộng cuộc cướp phá đến những vùng đất họ đã bỏ qua trong cuộc xâm lược lần trước; vậy nên cuộc xâm lược này khiến người Athens cảm thấy khốc liệt hơn bất kỳ cuộc xâm lược nào trừ cuộc thứ hai; quân địch cứ ở lại cho đến khi đã phá gần sạch xứ sở này, trong khi ngóng đợi tin từ Lesbos về thành quả nào đó của hạm đội mình, mà họ nghĩ lúc ấy đã phải vượt qua biển rồi. Tuy nhiên, bởi họ không có được thành quả nào như mong đợi, và lương thảo của họ bắt đầu cạn, họ rút lui và giải tán ai về thành nấy.

Cũng trong thời gian đó dân Mitylen, thấy rằng lương thảo của họ đang cạn kiệt, trong khi hạm đội từ Peloponnese vẫn la cà trên đường thay vì xuất hiện ở Mytilene, nên buộc phải thoả hiệp với Athens theo cách như sau: Bản thân Salaethus đã thôi trông chờ hạm đội đến, lúc bấy giờ đem vũ trang cho thường dân bằng vũ khí và giáp trụ nặng, thứ mà họ chưa bao giờ được sở hữu, với ý định làm một cuộc phá vây đánh lại Athens. Thế nhưng thường dân ngay khi thấy mình sở hữu vũ khí liền từ chối tuân phục các chỉ huy của họ; và tụ tập thành các bè nhóm với nhau, đòi những người nắm quyền phải đem lương thảo dự trữ ra chia công khai cho tất cả bọn họ, nếu không bọn họ sẽ tự thoả thuận với người Athens và giao nộp kinh thành.

Chính quyền, nhận thấy rằng mình không đủ sức ngăn chặn việc này, và rằng chính mình sẽ lâm nguy, nếu bị gạt ra ngoài trong việc đầu hàng, bèn công khai đồng ý với Paches và đạo quân đó để tự nguyện giao nộp Mytilene và chấp nhận cho quân binh vào trong trấn; theo thoả thuận sơ bộ là dân Mytilene phải được phép gửi một sứ bộ đến Athens để tự biện hộ, và Paches sẽ không được bỏ tù, bắt làm nô lệ, hoặc sát hại bất kỳ công dân nào cho đến khi sứ bộ đó trở về. Các điều khoản đầu hàng là như vậy; dầu có các điều khoản đó, những người đứng đầu chủ trương đàm phán với Lacedaemon đã hoàn toàn bị mất tinh thần vì kinh hãi khi quân Athens tiến vào đến đổi họ đến và ngồi lì bên các bệ thờ, Paches cho người đến lôi bọn

họ đứng dậy với lời hứa rằng ông ta sẽ không hại họ, và đem nốt bọn họ ở Tenedos, cho đến khi ông ta biết được người Athens muốn làm gì với họ. Paches cũng phá vài con thuyền ga-lê đi chiếm giữ Antissa, và thực hiện các biện pháp quân sự khác mà ông ta nghĩ là nên làm.

Trong khi ấy quân Peloponnese trên bốn mươi chiến thuyền kia, là những người phải hết sức khẩn trương để cứu viện Mytilene, lại mất thời gian cho việc đi vòng qua chính Peloponnese, và thông thả đi tiếp quãng hải trình còn lại, đã đến được Delos mà không bị người Athens ở Athens phát hiện ra, và từ đó họ đến Icarus^[22] và Myconus^[23], ở đây họ mới lần đầu nghe được tin Mytilene thất thủ. Mong muốn biết sự thật, họ cập vào Embatum^[24] ở Erythraeid^[25], khoảng bảy ngày sau khi trấn Mytilene bị chiếm. Tại đây họ biết được sự thật, và bắt đầu cân nhắc xem họ sẽ làm gì; và Teutiaplus người Elis, nói với họ những lời sau:

“Hỡi Đô đốc Alcidas và những người Peloponnese chia sẻ với tôi việc chỉ huy đạo quân này, lời khuyên của tôi là hãy dong buồm thẳng tới Mytilene như chúng ta đã định trước khi ta nghe tin nó thất thủ. Chúng ta có thể hy vọng thấy quân Athens mất cảnh giác như thói thường của những kẻ vừa chiếm được một thành: điều này chắc chắn sẽ xảy ra như vậy trên biển, nơi họ không hề nghĩ có bất kỳ kẻ địch nào dám tấn công họ, và là nơi mà, thật ngẫu nhiên, sức mạnh của chúng ta chủ yếu đang nằm ở đó; trong khi ngay cả các lực lượng trên bộ của họ với sự bất cẩn của những kẻ chiến thắng có lẽ cũng đang tàn sát khắp các nhà dân. Vì vậy nếu chúng ta tấn công chúng đột ngột và trong đêm tối, tôi hy vọng rằng, với sự giúp đỡ của những người ủng hộ mà chúng ta có thể đã để lại bên trong trấn ấy, chúng ta sẽ làm chủ được nơi đó. Chúng ta hãy đừng chùn lại vì mạo hiểm, mà hãy nhớ rằng đây chính là dịp có thể gây ra một trong những nỗi hoảng loạn vô căn cứ rất thường thấy trong chiến tranh: và rằng có khả năng tránh được những nỗi hoảng loạn kiểu ấy trong trường hợp của riêng mình, và phát hiện được

thời điểm khi một cuộc tấn công sẽ bắt gặp một địch thủ ở thế hoảng loạn bất lợi như vậy, là những gì làm nên một vị tướng thành công.”

Khi những lời đó của Teutiaplus không lay chuyển được Alcidas, vì việc đó dường như quá nguy hiểm, một số người Ionia lưu vong và người Lesbos đi theo đoàn viễn chinh bắt đầu cố thuyết phục ông ta chiếm lấy một trong các thành của Ionia hoặc trấn Cyme^[26] thuộc Aeolis^[27], hầu sử dụng nơi đó như một căn cứ để phát động cuộc nổi loạn của Ionia. Đây là một kế hoạch táo bạo mà không hề vô vọng chút nào, vì họ đến đâu cũng được chào đón ở đó; mục đích của họ là băng nước đi này tước đi nguồn thu chính của quốc khố Athens, và cùng lúc chất lên xứ này gánh nặng chi phí, nếu Athens quyết định phong toả họ; và có thể họ sẽ lôi kéo Pissuthnes về cùng phe họ trong cuộc chiến tranh này. Tuy nhiên, Alcidas đã không mẫn mà gì với đề nghị này chẳng khác gì với đề nghị trên, trong khi ông ta chỉ chăm chăm mong sao trở về Peloponnese càng sớm càng tốt, khi mà đã đến với Mytilene quá muộn.

Vậy nên ông ta cho thuyền ra khơi từ Embatum và tiến dọc theo bờ biển; và cập bờ tại trấn Teos^[28] xứ Myonnesus, ở đó ông ta giết hầu hết các tù nhân mà ông ta đã bắt được trên hành trình. Khi ông ta đến để neo đậu ở Ephesus, các sứ giả của dân Samos ở Anaia đã đến gặp và nói với ông ta rằng ông ta đã đi không đúng với đường lối giải phóng Hy Lạp khi tàn sát những người chưa bao giờ giơ tay chống lại ông ta, và là những người không phải kẻ thù của ông ta, mà chỉ là các dân buộc phải liên minh với Athens trái với ý muốn của họ, và rằng nếu ông ta không dừng lại, thì ông ta sẽ biến nhiều bạn bè thành kẻ thù hơn là biến kẻ thù thành bạn. Alcidas đồng ý với họ, và thả hết dân Chios còn bị giữ và một số dân xứ khác đã bị ông ta bắt; họ là dân cư quanh vùng, lẽ ra phải bỏ chạy khi nhìn thấy những chiến thuyền của ông ta thì họ lại kéo đến chỗ chúng, tưởng rằng đó là thuyền của Athens, họ không thể ngờ rằng khi người Athens đang kiểm soát vùng biển đó mà tàu thuyền của Peloponnese dám mạo hiểm vượt biển sang Ionia.

Từ Ephesus, Alcidas vội vàng cho hạm đội nhổ neo và chạy như bay. Ông ta đã bị các linh thuyền Salaminia và Paralus^[29] trông thấy, những con thuyền này tình cờ đang trên đường từ Athens đi, trong lúc ông ta còn thả neo ngoài khơi Clarus^[30]; và sợ rằng bị truy đuổi nên ông ta cho hạm đội băng qua biển rộng, nhất quyết không ghé vào bến nào, nếu có thể tránh được việc đó, cho đến khi về tới Peloponnese. Trong khi đó tin tức về ông ta đã đến tai Paches từ Erythraeid, và thật ra là từ tất cả các vùng. Vì xứ Ionia không được củng cố phòng thủ, nên dân ở đó cảm thấy cực kỳ lo sợ rằng khi quân Peloponnese bơi thuyền ven bờ biển này, cho dù họ không có ý định ở lại, có thể sẽ thực hiện những cuộc đột kích khi đi ngang qua và cướp bóc các trấn ở đó; và lúc này hai linh thuyền Paralus và Salaminia thấy ông ta ở Clarus thì đã đích thân đưa tin về sự kiện đó. Paches theo đó đã mở cuộc truy đuổi cấp kỳ, và tiếp tục đuổi đến tận đảo Patmos^[31], rồi thấy rằng Alcidas đã đi quá xa không thể bắt kịp được, bèn lại quay về. Đồng thời Paches nghĩ may mắn thay là mình đã không tình cờ đụng độ với địch ngoài biển khơi, ông ta đã không bắt kịp địch ở bất kỳ nơi nào mà chúng có thể đã buộc phải hạ trại, và như thế sẽ khiến ông ta phải nhọc công bao vây chúng.

Khi trở về dọc theo bờ biển, trong số những nơi đi qua, ông ta đã cập bến tại Notium, cảng biển của Colophon^[32], nơi dân Colophon đã định cư sau khi chiếm được thượng trấn nhờ tay Itamenes^[33] và quân man di, những kẻ đã được mời đến bởi một số cá nhân nào đó trong một cuộc tranh chấp bè phái. Việc chiếm trấn này diễn ra vào khoảng thời gian quân Peloponnese xâm lược Attica lần thứ hai. Tuy thế, những dân tị nạn sau khi định cư tại Notium lại chia rẽ thành các phe phái, một phe trong số đó đã gọi quân Arcadia và lính đánh thuê của dân man di từ chỗ Pissuthnes đến và bố trí lực lượng này trong một khu công sự tách biệt, họ đã lập nên một cộng đồng mới cùng với phe Colophon thân Ba Tư là những kẻ đã gia nhập với họ từ thượng trấn. Các đối thủ của họ đã phải lánh đi lưu vong, và bây giờ những đối thủ này khẩn cầu Paches tới, Paches đã cho mời Hippias, vị chỉ huy của quân Arcadia trong khu công sự kia, tới thương lượng hoà đàm, với điều kiện là nếu họ không thoả thuận được, Hippias sẽ được đưa về khu công sự của mình bình an vô sự. Thế nhưng khi Hippias ra gặp Paches liền bị ông ta tổng

giam mặc dù không bị xiềng xích, và bất ngờ tấn công và chiếm khu công sự đó, và chém giết quân Arcadia và quân man di tìm thấy trong đó, sau đó đưa Hippias vào khu công sự như ông ta đã hứa, và ngay khi ông này đã ở bên trong liền bắt ông ta và hạ sát. Sau đó Paches đã trao xứ Notium cho dân Colophon không thuộc phe thân Ba Tư; và sau đó những dân định cư mới được chuyển từ Athens tới, và nơi này bị thuộc địa hóa theo pháp luật Athens, sau khi gom về tất cả dân Colophon tìm được ở bất kỳ thành bang nào.

Đến Mytilene, Paches chinh phục Pyrrha và Eresus; và phát hiện Salaethus người Lacedaemon đang lẩn trốn trong trấn, bèn cho giải ông này về Athens, cùng với những người Mytilene mà ông ta đã giữ ở Tenedos, và bất kỳ người nào khác mà ông ta nghĩ có liên can trong cuộc nổi loạn. Ông ta cũng gửi về phần lớn lực lượng của mình, để số còn lại với mình ổn định Mytilene và những nơi còn lại của xứ Lesbos theo cách ông ta cho là tốt nhất.

Ngay khi các tù nhân cùng với Salaethus đến Athens, người Athens lập tức hành hình Salaethus, cho dù ông này đưa ra đề nghị, không phải chỉ một điều này, là sẽ khiến được Peloponnese rút quân khỏi Plataea, nơi còn đang bị bao vây; và sau khi cân nhắc để xem họ nên làm gì với các tù nhân còn lại kia, trong cơn thịnh nộ nhất thời họ quyết định xử tử không chỉ các tù nhân vừa đưa về Athens, mà còn tất cả đàn ông trưởng thành của dân Mytilene, và bắt hết phụ nữ và trẻ em làm nô lệ. Đáng chú ý là Mytilene đã nổi dậy khi mà xứ này không phải là xứ dân lệ thuộc của đế chế đó như các xứ còn lại; và điều đã thổi bùng cơn thịnh nộ của người Athens hơn cả là sự kiện hạm đội của Peloponnese đã dám vượt qua Ionia để trợ chiến Mytilene, một sự kiện đã khiến họ phải tranh luận về một cuộc nổi loạn đã được mưu tính từ lâu. Theo đó họ phái một con thuyền ga-lê đi truyền sắc lệnh cho Paches, lệnh cho ông ta kíp tuyệt diệt dân Mytilene. Ngày hôm sau đã khiến họ ân hận và suy ngẫm về tính tàn ác khủng khiếp của cái sắc lệnh kết án cả một kinh thành bằng số phận chỉ đáng dành cho những kẻ có tội. Ngay khi sứ bộ Mytilene tại Athens và những người Athens ủng hộ họ biết được việc này, họ lập tức vận động những người nắm quyền đưa vấn đề này ra lần nữa để

biểu quyết; một cuộc biểu quyết mà họ dễ dàng ưng thuận cho tiến hành hơn, bởi chính họ thấy rõ rằng hầu hết người dân mong muốn ai đó đem đến cho họ một cơ hội để xem xét lại vấn đề này. Do vậy một cuộc hội nghị tức thì được triệu tập, và sau rất nhiều những quan điểm đã được cả hai bên thể hiện, Cleon con trai của Cleaenetus, chính là người trước đây đã kiến nghị xử dân Mytilene tội chết, là kẻ hung bạo nhất ở Athens, và vào thời đó là người quyền lực nhất đối với dân chúng, bước lên một lần nữa và nói như sau:

“Trước đây tôi vẫn thường bị thuyết phục rằng một nền dân chủ thì không có khả năng của đế chế, và chưa bao giờ bị thuyết phục hơn thế như bởi hiện tại các người thay đổi quyết định về vấn đề Mytilene. Những sợ hãi hay âm mưu mà các người không hề biết đến trong những mối quan hệ hằng ngày với nhau, vì các người có cảm tưởng về những đồng minh của các người hết như nhau và không hề suy ngẫm gì về những sai lầm mà các người có thể bị dẫn tới khi nghe theo lời cầu xin giúp đỡ của bọn họ, hoặc bởi nhượng bộ lòng thương xót của riêng mình, những lỗi lầm ấy đầy nguy hiểm cho chính các người, và chẳng mang lại cho các người một lời cảm ơn nào từ các đồng minh của các người về sự nhu nhược của các người; các người hoàn toàn quên rằng đế chế của các người là một chế độ chuyên chế và những xứ phụ thuộc của các người là những xứ mưu mô bất trung, sự phục tùng của chúng được đảm bảo không phải bằng những nhượng bộ mang tính tự sát của các người, mà bởi quyền bá chủ mà sức mạnh của các người đã cho các người chứ không phải do lòng trung thành của chúng. Điểm đặc trưng đáng sợ nhất trong trường hợp này là việc thay đổi liên tục những biện pháp mà với chúng xem ra chúng ta có thể bị đe dọa, và là việc chúng ta tỏ ra phớt lờ cái thực tế rằng những luật lệ dở mà bất di bất dịch lại tốt cho một thành bang hơn là những luật lệ hay mà không có hiệu lực thi hành; rằng lòng trung thành mù quáng thì hữu ích hơn sự bất phục tùng trí trá; và rằng những người bình thường lại thường quản trị việc

công tốt hơn so với những bạn bè tài ba hơn của họ. Những kẻ tài ba đó luôn luôn muốn tỏ ra khôn ngoan hơn luật lệ, và bác bỏ mọi đề xuất được đưa ra, khi nghĩ rằng họ không thể có những vấn đề quan trọng hơn thế này để mà phô diễn sự khôn ngoan của họ, và bằng vào lối hành xử như vậy họ quá thường xuyên huỷ hoại xứ sở của mình; trong khi những người không tự tin vào sự thông minh của mình thì bằng lòng rằng mình kém hiểu biết hơn so với luật lệ, và ít có khả năng vạch ra những kẽ hở trong diễn từ của một diễn giả hùng biện; và là những trọng tài công bằng chứ không phải là những đối thủ kinh địch, nên nhìn chung họ thường quản trị việc công một cách thành công. Chúng ta phải bắt chước những người đó, thay vì bị sự ganh đua về thông minh và trí lực dẫn dắt mà khuyến dân chúng của các người chống lại ý kiến đúng đắn của chúng ta.

Về phần mình, tôi giữ vững ý kiến trước đây của tôi, và lấy làm lạ cho những người đã đề nghị mở lại vụ việc của dân Mytilene, và là những người gây ra một sự trì hoãn mà hoàn toàn có lợi cho tội phạm, bằng cách khiến cho người bị hại khởi kiện kẻ phạm tội khi mà lý lẽ sắc sảo của lòng căm giận đã bị cùn nhụt đi; dù nơi nào mà sự báo thù theo sát ngay sau hành động sai quấy, nơi đó sẽ đáp trả hành động ấy một cách tương xứng nhất và đầy đủ nhất. Tôi cũng lấy làm lạ cho cái người sẽ bênh vực điều trái lẽ ấy, và sẽ nguy hiểm để chỉ ra rằng những tội lỗi của dân Mytilene có lợi cho chúng ta, và những tai hoạ của chúng ta có hại cho các xứ lân minh. Một người như thế rõ ràng hoặc phải tự tin vào tài hùng biện của mình đến mức có thể mạo hiểm chứng minh rằng những gì đã được quyết định dứt điểm lại thành chưa được quyết định, hoặc bị mua chuộc để cố lừa dối chúng ta bằng những xảo biện. Trong các cuộc đua tranh như vậy thành bang chúng ta sẽ trao phần thưởng vào tay những kẻ khác, và nhận những mối nguy về mình. Những kẻ đáng bị khiển trách chính là các người, những kẻ thậm ngốc khi khởi ra các cuộc đua tranh này; những kẻ đi xem một buổi diễn thuyết như các người sẽ nghe bằng mắt, xem xét những sự thực mà các người thấy tận mắt dựa trên những gì nghe đồn, xét đoán tính khả thi

của một kế hoạch bằng tài dí dỏm của những người biện thuyết cho nó, và liên quan đến các sự kiện quá khứ thì các người chỉ tin vào những lời chỉ trích khôn ngoan mà các người nghe được chứ không tin vào những sự thực mà các người đã tận mắt thấy; các người là những nạn nhân dễ dãi của những luận cứ lạ tai, không muốn làm theo những kết luận đã được đa số công nhận là đúng; là những kẻ nô lệ cho mọi nghịch lý mới lạ, những kẻ coi khinh những gì là thông thường; mong muốn đầu tiên của mỗi người ở đây là anh ta có thể tự mình phát biểu, tiếp theo là đua tranh với những người có thể phát biểu bằng cách tỏ ra bắt kịp những ý tưởng của họ khi vỗ tay tán thưởng mỗi lời chỉ trích cay độc gần như là trước cả lúc lời đó được nói ra, và bằng cách nắm bắt một luận cứ càng nhanh bao nhiêu các người càng chậm thấy trước hậu quả của nó bấy nhiêu; các người đòi hỏi, có thể nói thẳng ra là như vậy, cái gì đó khác với hoàn cảnh mà trong đó chúng ta đang sống, thế nhưng lại chẳng nhận thức được đầy đủ về chính những hoàn cảnh ấy; đúng là nô lệ cho việc làm vui tai, và giống cử tọa ngồi nghe một nhà hùng biện hơn là Hội đồng^[34] của một thành bang.

Để giữ cho các người tránh khỏi điều đó, tôi sẽ tiếp tục chỉ ra cho thấy rằng không một thành bang đơn lẻ nào từng làm tổn hại cho các người nhiều như Mytilene. Tôi có thể chiếu cố cho những kẻ nổi dậy vì không thể chịu đựng đế chế của chúng ta, hoặc những kẻ bị quân địch buộc phải làm như vậy. Nhưng đối với những kẻ sở hữu một hòn đảo với những công sự, những kẻ có lẽ chỉ sợ bọn địch thủ của chúng ta từ phía biển, và ở đó chúng đã có lực lượng thuyền ga-lê riêng để tự bảo vệ; những kẻ độc lập và được các người đối xử với danh dự cao nhất mà lại hành động như những kẻ đó vừa mới hành động, thì đây không phải là cuộc nổi dậy – vì sự nổi dậy hàm ý bị áp bức; mà là cố tình gây hấn một cách vô đạo; một nỗ lực để huỷ hoại chúng ta bằng cách đứng về phía những kẻ thù ngiệt ngã nhất của chúng ta; một sự vi phạm còn tồi tệ hơn là tự chúng gây ra một cuộc chiến để giành quyền lực. Số phận những lần bang của chúng, những kẻ đã nổi loạn và đã bị chinh phục, đã không thành bài học cho chúng; sự thịnh vượng của riêng

chúng đã không thể ngăn chúng đương đầu với nguy hiểm; trái lại chúng mù quáng tin tưởng vào tương lai, và chất chứa những hy vọng vượt quá khả năng của chúng mặc dù không vượt quá tham vọng của chúng, chúng gây chiến và quyết định thích sức mạnh hơn là lẽ phải, cuộc tấn công của chúng được quyết định không phải vì bị khiêu khích mà do thời cơ có vẻ như thuận lợi. Sự thật là vận may quá lớn đến đột ngột và ngoài mong đợi có khuynh hướng làm cho một dân tộc trở nên xác xược; trong hầu hết mọi trường hợp, đối với nhân loại thì thành công vừa phải sẽ an toàn hơn là thành công quá mức; và có thể nói là họ sẽ ngăn chặn tai ương dễ dàng hơn là bảo toàn sự thịnh vượng. Sai lầm của chúng ta là đã đề cao riêng dân Mytilene như chúng ta đã làm: nếu từ lâu họ đã được đối xử như các xứ khác trong đế chế thì đến nay họ đã chẳng quên mất thân phận mình, bản chất con người chắc chắn sẽ sinh kiêu ngạo bởi sự quan tâm cũng như sinh kính sợ bởi sự cương quyết. Do đó hãy để chúng bị trừng phạt ngay lúc này như tội lỗi của chúng đòi hỏi phải thế, và hãy đừng xá tội cho dân chúng trong khi các người kết tội tầng lớp quý tộc. Điều chắc chắn là tất cả bọn chúng bất kể là ai đã tấn công các người, mặc dù lẽ ra chúng phải theo sang phía chúng ta và bây giờ vẫn được sở hữu kinh thành của chúng như trước. Nhưng không, chúng nghĩ sẽ an toàn hơn khi chung tay với tầng lớp quý tộc và vì thế chúng tham gia vào cuộc nổi loạn của bọn đó! Do vậy, hãy cân nhắc: nếu các người áp đặt sự trừng phạt như nhau cho một đồng minh vì bị địch ép buộc mà phải nổi loạn, và một đồng minh nổi loạn vì tự do lựa chọn của riêng mình, thì các người thử nghĩ xem có kẻ nào trong số chúng lại không nổi loạn dựa trên cái cớ nhỏ nhất; khi mà phần thưởng cho thành công là tự do, và hình phạt cho thất bại chẳng có gì quá khủng khiếp? Trong khi đó chúng ta phải liều chịu rủi ro với tiền bạc và mạng sống của chúng ta đi đánh hết thành bang này sang thành bang khác; và nếu thành công, sẽ nhận được một trấn đồ nát mà từ đó chúng ta không còn có thể thu lợi cho quốc khố mà sức mạnh của chúng ta phụ thuộc vào đó; trong khi nếu không thành công, chúng ta sẽ có thêm một kẻ thù phải giải quyết, và sẽ tổn phí thời gian có thể

dùng cho cuộc chiến chống kẻ địch hiện hữu của chúng ta vào việc tiến hành chiến tranh với các xứ liên minh với chúng ta.

Do đó, phải kiên quyết không cho dân Mytilene một niềm hy vọng nào – mà sự hùng biện có thể khơi gợi ra hoặc tiền bạc có thể mua được – vào lòng thương xót do tính yếu đuối của con người. Sự vi phạm của chúng không phải là vô tình, mà vì ác ý và cố ý; vào lòng thương xót chỉ được dành cho những kẻ bất đắc dĩ phải vi phạm. Vì vậy mà bây giờ cũng như trước đây, tôi kiên quyết chống lại việc các người đảo ngược quyết định ban đầu của các người, hoặc mở đường cho ba nhược điểm chết người nhất đối với đế chế này – lòng thương hại, tình cảm và sự khoan dung. Lòng trắc ẩn là để dành cho những ai có thể đền đáp lại tình cảm, không dành cho những kẻ sẽ không bao giờ thương xót lại chúng ta, mà là những kẻ vốn dĩ buộc lòng phải là kẻ thù của chúng ta: những diễn giả mê hoặc chúng ta bằng tình cảm có thể tìm những khán đài khác ít quan trọng hơn mà thể hiện tài năng của mình, ở nơi nào mà thành bang này trả được món phạt nặng đối lấy một sự hài lòng nhất thời thì bản thân các diễn giả sẽ nhận được sự tưởng thưởng tốt đẹp cho những lời hay ý đẹp của họ; trong khi sự bao dung nên dành cho những người sẽ là bạn hữu của chúng ta trong tương lai, thay vì cho những kẻ sẽ vẫn mãi giữ nguyên bản tính, và vẫn là kẻ thù của chúng ta chẳng khác gì trước đây. Tóm lại, tôi nói rằng nếu các người theo lời khuyên của tôi là các người sẽ làm điều công bằng đúng đắn đối với dân Mytilene, và đồng thời là thiết thực; trái lại nếu quyết định khác đi, thì không phải là các người sẽ gia ơn cho họ mà đúng hơn là thông qua bản án chống lại chính các người. Vì nếu họ đã đúng trong việc nổi loạn, thì hẳn là các người đã sai lầm trong việc cai trị. Tuy nhiên, đúng sai mặc lòng, nếu các người quyết tâm cai trị thì các người phải thực hiện các nguyên tắc của mình và trừng phạt dân Mytilene như lợi ích của các người đòi hỏi; bằng không thì các người phải từ bỏ đế chế của mình và nuôi dưỡng thiện tâm mà không sợ nguy hiểm. Vậy nên hãy quyết định, hãy cho chúng chơi lửa thì bỏng tay; và đừng để cho những nạn nhân đã thoát được âm mưu đó bị thờ ơ hơn so với những kẻ ấp ủ âm mưu;

mà hãy nghĩ xem chúng đã có thể làm những gì nếu chiến thắng các người, đặc biệt khi chúng là những kẻ gây hấn. Chính chúng là kẻ làm hại lân bang của mình mà không có lý do, là kẻ truy đuổi nạn nhân của mình cho đến chết, vì mỗi nguy mà chúng thấy trước nếu để kẻ thù sống sót; bởi đối tượng của một sự xâm hại cố ý nếu thoát được thì còn nguy hiểm hơn là một kẻ thù không phải chịu sự xâm hại như thế để mà oán trách. Do đó, đừng phản bội lại chính mình, mà hãy nhớ lại thời điểm khổ ải gần đây nhất và tầm quan trọng bậc nhất mà lúc đó các người gán cho việc triệt hạ chúng; và bây giờ đến lượt chúng hãy bắt chúng trả giá, mà đừng nhân nhượng với sự nhu nhược hiện thời hoặc quên mỗi nguy hiểm đã một lần lơ lửng trên đầu các người. Hãy trừng phạt chúng như chúng đáng phải vậy, và dạy cho các đồng minh khác của các người bằng một ví dụ kinh động rằng hình phạt cho sự nổi loạn là cái chết. Hãy để bọn họ chỉ một lần hiểu được điều này và các người sẽ không phải thường xuyên bỏ bê những kẻ thù của mình trong khi bạn đánh nhau với các xứ đồng minh của mình.”

Đó là những lời của Cleon. Sau ông ta thì Diodotus con trai của Eucrates, người đã cất tiếng nói mạnh mẽ nhất ở hội nghị công dân lần trước để phản đối việc diệt dân Mytilene, đã bước lên và nói như sau:

“Tôi không trách cứ những người đã mở lại vụ án dân Mytilene, tôi cũng không tán thành những lời phản đối mà chúng ta vừa nghe chống lại việc những vấn đề quan trọng phải được tranh luận nhiều lần. Tôi nghĩ rằng hai điều đối lập nhất với việc bàn bạc thảo luận thấu đáo là nóng vội và giận dữ; nóng vội thường đi đôi với mất khôn, giận dữ đi đôi với lỗ mãng và thiếu cận. Về cái lập luận rằng lời nói không được phép là điều diễn giải cho hành động, người sử dụng lập luận này hẳn phải là kẻ hoặc mất trí hoặc vụ lợi: là kẻ mất trí nếu anh ta tin rằng có thể luận giải cái tương lai bất định bằng bất cứ một phương tiện nào khác; là vụ lợi nếu như, khi mong muốn thực hiện một biện pháp đáng

hổ thẹn và không tin là mình có thể nói hay nói tốt được về một mục đích xấu xa, anh ta nghĩ đến việc đe dọa các đối thủ và người nghe bằng sự vu khống nhằm đích danh. Điều còn quá quắt hơn là buộc tội một diễn giả nói năng khoa trương để được trả tiền cho việc đó. Nếu chỉ bị quy cho là ngu dốt, một diễn giả không thành công có thể lui về nghỉ với một danh tiếng về lòng trung thực, dù không phải về sự uyên bác; trong khi lời buộc tội về sự không trung thực sẽ biến diễn giả ấy thành kẻ đáng ngờ nếu thành công, và không chỉ bị coi là một kẻ ngốc mà còn là một kẻ lừa gạt nếu thất bại. Thành bang này chẳng được lợi gì theo cái cách như vậy, bởi nỗi sợ sẽ tước đoạt mất các cố vấn của nó; mặc dù thực ra, nếu các diễn giả của chúng ta định đưa ra những lời khẳng định như thế, hẳn sẽ tốt hơn cho xứ sở này nếu họ không thể nói gì, vì khi ấy chúng ta chắc sẽ phạm ít những sai lầm ngớ ngẩn hơn. Các công dân tốt cần chiến thắng không phải bằng việc dọa nạt các đối thủ của mình, mà bằng cách đánh bại họ một cách ngay thẳng trong tranh luận; và một thành bang sáng suốt, tuy không quá tôn sùng những cố vấn giỏi nhất của mình, nhưng cũng sẽ không tước đi của họ quyền mà họ được hưởng, và, chẳng những không trừng phạt một cố vấn thiếu may mắn, mà cũng sẽ không coi anh ta là kẻ đáng hổ thẹn. Theo đường lối đó các nhà hùng biện thành công sẽ ít bị cám dỗ nhất vào việc từ bỏ niềm xác tín của họ để được công chúng yêu thích, với hy vọng vào những vinh dự còn cao hơn thế, và những diễn giả không thành công sẽ không phải nhờ đến những nghệ thuật mị dân hết như thế để lôi kéo công chúng.

Đấy không phải là đường lối của chúng ta; và ngoài ra, vào lúc mà một người bị nghi ngờ rằng anh ta đưa ra lời khuyên vì những động cơ đồi bại, dù lời khuyên ấy hữu ích đến thế nào chúng ta cũng vẫn sẽ cảm thấy cực kỳ ác cảm với anh ta về mối lợi mà rốt cục chúng ta cũng không chắc chắn rằng anh ta sẽ nhận được, đến nỗi chúng ta tước đoạt mất của thành bang này mối lợi chắc chắn của nó. Lời khuyên chân thực và hữu ích vì thế mà thành ra không ít đáng ngờ hơn lời khuyên tai hại; và người ủng hộ những biện pháp sai trái nhất thì hiếm khi bị buộc

phải sử dụng sự lừa dối để được lòng dân chúng hơn so với vị cố vấn giỏi nhất phải nói dối để được tin tưởng. Thành bang này và chỉ duy thành bang này, do những thủ đoạn tinh vi đó, mà có thể chẳng bao giờ được phụng sự một cách thẳng thắn và không trá ngụy; cái người phụng sự thành bang một cách thẳng thắn thì luôn luôn bị nghi ngờ là vụ lợi để được đền đáp theo cách ngấm ngầm nào đó. Tuy nhiên, cần nhắc tầm quan trọng của những lợi ích liên quan, và tình hình các vụ việc, những nhà hùng biện chúng tôi phải coi nhiệm vụ của mình là nhìn xa hơn những kẻ phán xét bộp chộp các người một chút; đặc biệt là khi chúng tôi, những cố vấn của các người, phải chịu trách nhiệm, trong khi các người, cử tọa của chúng tôi, không phải gánh trách nhiệm như vậy. Vì nếu những người đưa ra lời khuyên và những người nhận nó phải chịu đựng như nhau, thì các người sẽ phán xét một cách bình tĩnh hơn; chứ như thực trạng này thì khi các người lâm vào tai họa, mà có thể là do cơn bốc đồng nhất thời đã dẫn dắt các người vào, các người sẽ chỉ trừng phạt một cá nhân duy nhất là cố vấn của các người, mà không trừng phạt bản thân các người, những kẻ đồng hành đồng đảo với vị cố vấn đó trên con đường sai lầm.

Tuy nhiên, tôi không lên đây để hoặc phản đối hoặc cáo buộc về việc Mytilene; thực ra, vấn đề đặt ra trước chúng ta như những con người có lý trí thì không phải là tội lỗi của họ, mà là lợi ích của chúng ta. Dầu tôi có chứng minh được là họ mắc tội hết sức lớn, tôi sẽ không vì thế mà khuyên diệt họ, trừ khi việc đó có lợi thiết thực; và cho dù nếu họ có kêu xin xá tội, tôi cũng sẽ không khuyên xá tội cho họ, trừ khi việc đó là vì lợi ích thiết thân của xứ sở chúng ta. Tôi cho rằng chúng ta đang toan tính về tương lai hơn là về hiện tại; và khi mà Cleon quả quyết đến thế về những hiệu quả ngăn chặn hữu ích sẽ đến theo việc bắt dân nổi loạn chịu đại hình, thì tôi – là người toan tính đến lợi ích của tương lai chẳng kém gì ông ấy – cũng bảo lưu quan điểm đối lập một cách quả quyết không kém. Và tôi yêu cầu các người đừng bác bỏ những cân nhắc hữu ích thực sự của tôi vì những cân nhắc chỉ hợp lý mẽ ngoài của ông ta: diễn từ của ông ta có thể có sức hấp dẫn vì xem ra nó phù hợp

với tâm trạng tức giận hiện thời của các người đối với Mytilene hơn, nhưng không phải chúng ta đang ở trong một phiên toà công lý, mà là trong một hội nghị chính trị; và vấn đề ở đây không phải là công lý, mà là làm sao để biến dân Mytilene thành đặc dụng cho Athens.

Dĩ nhiên các cộng đồng đã ban hành hình phạt tử hình đối với nhiều tội còn nhẹ hơn tội này nhiều; nhưng hy vọng vẫn cứ dẫn người ta đến chỗ mạo hiểm, và không ai dẫn thân vào nguy hiểm mà không có niềm tin trong lòng rằng anh ta sẽ thành công với mưu đồ của mình. Cũng vậy, có bao giờ một thành bang nổi loạn mà không tin rằng nó sở hữu hoặc nội tại hoặc trong các xứ liên minh với nó những nguồn lực đủ cho công cuộc đó? Tất cả, các thành bang và các cá nhân, giống nhau ở chỗ đều có khuynh hướng dễ bị sai lầm, và không có luật lệ để ngăn chặn họ; hay vì sao người ta đã phải lục lọi toàn bộ danh mục các hình phạt hầu tìm ra các điều luật để bảo vệ họ khỏi những kẻ thủ ác? Có thể là trong những thời kỳ sơ khai các hình phạt cho những tội nặng nhất ít nghiêm khắc hơn, và có thể là, khi những hình phạt này bị coi thường, dần dà mới đi đến hình phạt tử hình cho hầu hết các trường hợp phạm tội, mà rồi chính hình phạt này lại cũng bị coi thường giống như thế. Hoặc về sau một số phương cách để khùng bố còn ghê gớm hơn hình phạt này phải được tìm ra, hoặc phải thừa nhận rằng sự kiềm chế này là vô ích; và rằng chừng nào nghèo đói còn cho người ta lòng can đảm tất yếu, hoặc chất đầy trong họ cái tham vọng gắn liền với sự xấc xược và ngạo mạn, và những cảnh đời khác vẫn còn phải chịu sự áp chế của niềm đam mê mạnh mẽ và nguy hiểm nào đó, thì chừng đó sẽ không bao giờ thiếu cái động lực đẩy người ta vào nguy hiểm. Cũng vẫn là hy vọng và lòng tham, một thứ dẫn dắt và thứ kia đi theo, một thứ âm mưu liều thử và thứ kia gợi ý khả năng thành công, sẽ gây ra sự huỷ hoại rộng khắp nhất, và mặc dù là các nhân tố không thấy được, chúng còn mạnh hơn nhiều so với những mối nguy thấy được. Vận may cũng mạnh mẽ trợ lực cho ảo tưởng và, bởi sự trợ giúp bất ngờ mà đôi khi vận may đem lại, nó cám dỗ người ta mạo hiểm bằng những phương tiện thiếu thốn, sơ sài; và điều này đặc biệt đúng với các cộng đồng, bởi

các khoản cước được đặt là cao nhất: tự do hoặc bị cai trị, và khi mà tất cả đều cùng nhau hành động, thì mỗi người đều thổi phồng khả năng của mình một cách phi lý. Nói tóm lại là không thể ngăn chặn điều đó, và chỉ những kẻ thậm ngu mới hy vọng ngăn chặn nó, bằng sức mạnh của luật pháp hoặc bằng bất kỳ sức mạnh ngăn chặn khác nào, khi mà bản năng con người sẽ cứ làm những gì nó đã quyết định làm.

Do đó, chúng ta đừng khư khư bám lấy một chính sách sai lầm vì tin vào hiệu quả của hình phạt tử hình, hoặc không cho những kẻ nổi loạn hưởng niềm hy vọng về sự ăn năn và sớm chuộc tội. Hãy ngẫm nghĩ một chút. Hiện nay, nếu một thành bang đã nổi loạn mà nhận thức được rằng nó không thể thành công thì thành bang đó sẽ đi đến thỏa hiệp trong khi nó vẫn có khả năng bồi hoàn chiến phí và cống nạp sau đó. Ở vào trường hợp khác, các người hãy nghĩ xem có thành bang nào không chuẩn bị tốt hơn so với thành bang này mà lại kháng cự đến cùng chống lại quân bao vây nó, nếu nó đầu hàng sớm hay muộn cũng chẳng khác gì nhau? Và việc này sao có thể không gây tổn hại cho chúng ta được khi buộc phải tốn phí cho một cuộc bao vây, bởi việc đầu hàng là bất khả; và nếu chúng ta chiếm được thành này, để tiếp nhận một trấn đã bị huỷ hoại mà chúng ta không còn có thể thu lợi cho quốc khố mà nhờ vào đó chúng ta có sức mạnh thực sự để chống kẻ thù? Vì vậy chúng ta đừng nên ngồi đây như những quan toà khắc nghiệt xử những kẻ phạm tội nhưng lại làm phương hại đến chính chúng ta, mà đứng ra hãy xem làm cách nào để bằng hình phạt ôn hoà chúng ta có thể thu lợi trong tương lai từ những thành bang sản sinh nguồn thu nhập trong số các thành bang lệ thuộc của chúng ta; và chúng ta phải quyết định chọn cách tìm kiếm sự bảo vệ cho mình không theo hướng khủng bố hợp pháp mà theo hướng cai trị thận trọng. Hiện thời chúng ta đang làm chính cái điều ngược lại. Khi một cộng đồng tự do, bị kiềm chế bắt phải phục tùng bằng vũ lực, nổi dậy, như một lẽ tất yếu, và khẳng định sự độc lập của nó, nó sẽ phải đầu hàng ngay khi chúng ta cho rằng mình có nghĩa vụ phải trừng phạt nó một cách khắc nghiệt; dầu vậy cách xử trí đúng đắn với những người tự do không phải là trừng phạt họ nghiệt

ngã khi họ vùng lên, mà là giám sát nghiêm ngặt họ trước khi họ vùng lên, và ngăn họ đừng bao giờ ấp ủ cái ý tưởng đó, và khi đã dẹp được cuộc nổi loạn đó rồi thì phải làm sao để càng ít người phải chịu trách nhiệm về nó càng tốt.

Hãy chỉ xem xét riêng việc các người sẽ phạm sai lầm ngớ ngẩn đến thế nào nếu các người làm như Cleon khuyên cáo. Như tình hình hiện nay, dân chúng ở tất cả các thành bang đều là bạn hữu của các người, và hoặc là họ không nổi loạn cùng phe phái theo chính thể oligarchy, hoặc nếu buộc phải làm như vậy, họ sẽ lập tức trở nên thù địch với bọn nổi dậy; vì vậy mà trong chiến tranh với thành bang thù địch các người sẽ có dân chúng đứng về phía các người. Nhưng nếu các người tàn sát dân chúng Mytilene, những người đã chẳng dính dáng với cuộc nổi dậy, và là những người mà ngay sau khi được vũ trang đã tự đề nghị giao nộp trấn đó, thì trước tiên các người sẽ phạm tội giết ân nhân của mình; và tiếp đó các người sẽ vô tình tiếp tay cho các tầng lớp cao hơn, những kẻ khi dụ dỗ thành bang của họ nổi dậy sẽ lập tức có được dân chúng đứng về phía mình, nhờ các người đã tuyên cáo trước cùng một hình phạt như nhau cho cả kẻ có tội và những người không phạm tội. Ngược lại, ngay cả nếu họ đã phạm tội, các người cũng nên làm như không để ý đến, để tránh làm cho tầng lớp duy nhất còn thân thiện với chúng ta trở nên xa lánh. Tóm lại, tôi cho rằng để bảo toàn được đế chế của chúng ta thì tự mình chịu sự bất công sẽ hữu ích hơn rất nhiều so với đem giết đi – dù có công bằng đến mấy – những người mà lợi ích của chúng ta đòi hỏi phải giữ cho họ sống. Về ý kiến của Cleon rằng việc trừng phạt sẽ thoả mãn những đòi hỏi cả về công lý lẫn lợi ích thiết thực, thì thực tế không xác nhận khả năng có sự kết hợp như vậy.

Vậy nên, hãy thừa nhận rằng đây là cách xử trí khôn ngoan nhất, và đừng quá nhân nhượng đối với cả lòng thương hại lẫn sự khoan dung, vì tôi cũng mong chẳng kém gì Cleon là các người không bị ảnh hưởng bởi cả hai động cơ đó, mà hãy dựa trên những sự kiện rõ ràng của vụ việc trước mặt các người, hãy để tôi thuyết phục các người bình tĩnh xét xử những người Mytilene mà Paches gửi về như những kẻ có tội, và

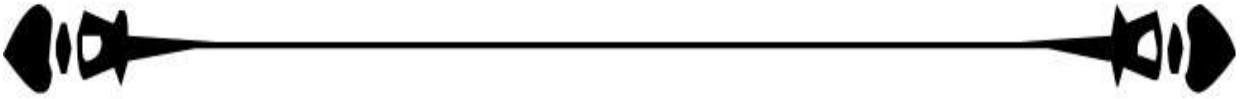
để cho những người còn lại được yên. Cách này vừa tốt nhất cho tương lai, vừa khiến những kẻ thù của các người phải kinh sợ nhất trong thời điểm hiện tại; bởi vì chính sách nhân đạo chống lại một kẻ địch hơn dứt những cuộc tấn công mù quáng bằng bạo lực.”

Đó là những lời của Diodotus. Hai ý kiến được bày tỏ như thế là những ý kiến mâu thuẫn trực tiếp với nhau nhất; và người Athens, cho dù cảm xúc của họ đã thay đổi, giờ đây đi đến chỗ chia phe biểu quyết, trong cuộc biểu quyết đó số người giơ tay hầu như ngang nhau, mặc dù đề nghị của Diodotus đã thắng thế trong ngày hôm đó. Một con thuyền ga-lê khác đã lập tức được cử đi gấp, vì sợ rằng con thuyền ga-lê đầu tiên có thể đến Lesbos trong khoảng thời gian đêm ấy, và kinh thành đó đã bị huỷ hoại; con thuyền trước đã xuất phát được khoảng một ngày và một đêm. Rượu vang và bánh bột mạch đã được sứ bộ Mytilene cấp cho chuyến thứ hai này, cùng với những lời hứa hậu hĩnh nếu họ đến kịp thời; những lời hứa ấy khiến họ siêng năng suốt hải trình đến đổi họ ăn bánh bột mạch trộn với dầu và rượu vang trong lúc chèo thuyền, và chỉ thay phiên nhau ngủ trong khi những người khác cầm chèo. May mắn thay họ không gặp phải gió ngược, và thuyền thứ nhất thì chẳng vội vàng gì với một nhiệm vụ kinh khủng đến thế, trong khi thuyền thứ hai vội vã đi gấp như vừa tả; thuyền thứ nhất đến trước họ chưa được mấy nổi, kết quả là Paches chỉ vừa mới kịp đọc bản sắc lệnh và chuẩn bị thi hành thì con thuyền thứ hai vào cảng và ngăn được vụ thám sát. Hiểm hoạ đối với Mytilene thực sự đã rất nghiêm trọng.

Nhóm người Mytilene mà Paches đã gửi về Athens như những kẻ đầu trò trong cuộc nổi loạn, đã bị người Athens xử tử theo đề nghị của Cleon, con số đến hơn một ngàn người. Người Athens cũng phá hủy các bức thành lũy của dân Mytilene, và đã đoạt hết tàu thuyền của họ. Sau đó việc cống nạp không bị áp đặt cho dân Lesbos; nhưng tất cả đất đai của họ, ngoại trừ của dân Methymna, bị chia thành ba ngàn lô, ba trăm lô trong số đó được dành làm đất cung tiến lên các thần linh, và phần còn lại giao theo lô cho những người Athens được chia phần, những người này được đưa ra hải đảo đó. Với

những lô đất này dân Lesbos đã đồng ý trả tiền thuê hai *mina* một năm cho mỗi lô, và chính họ canh tác trên đó. Người Athens cũng đã đoạt quyền sở hữu các trấn trên lục địa thuộc Mytilene, do vậy các trấn này về sau đã trở thành các trấn lệ thuộc của Athens. Những sự kiện đã xảy ra tại Lesbos là như vậy.

Chương X



NĂM CHIẾN TRANH THỨ NĂM – CUỘC XÉT XỬ VÀ HÀNH QUYẾT DÂN PLATAEA – CUỘC CÁCH MẠNG Ở CORCYRA

Cũng trong mùa hạ năm đó, sau khi chinh phục xứ Lesbos, quân Athens dưới quyền chỉ huy của Nicias^[1] con trai của Niceratus đã khởi một cuộc viễn chinh đi đánh Minoa^[2], một hải đảo nằm ngoài khơi Megara và được dân Megara sử dụng như một vị trí được củng cố phòng thủ, dân này đã xây một pháo đài có tháp trên đảo. Nicias mong muốn quân Athens có thể duy trì cuộc phong toả của họ từ cứ điểm gần hơn này thay vì từ Pháo đài Budorum và Salamis; để ngăn những con thuyền ga-lê của Peloponnese và thuyền hải tặc từ đảo ra khơi mà không bị phát hiện, như trước nay chúng

vẫn quen làm như vậy; và đồng thời ngăn chặn bất kỳ thứ gì vào Megara. Vì thế, sau khi đã chiếm hai toà tháp nhô ra bên phía Nisaea bằng những cỗ máy công thành từ phía biển vào, và thông lối vào eo biển nằm giữa hải đảo đó và bờ biển, tiếp tới ông ta bắt đầu cắt đứt toàn bộ đường giao thông bằng cách xây một thành lũy trên đất liền tại điểm có một cây cầu bắc qua đầm lầy cho phép đồ cứu trợ có thể được đưa vào đảo ấy, nơi cách lục địa chẳng xa là mấy. Chỉ vài ngày là đủ để hoàn thành công trình này, sau đó ông ta còn xây đắp một số công sự khác ở trên đảo, và sau khi để lại một đơn vị đồn trú ở đó, ông ta đã cùng lực lượng của mình rời đi.

Cũng vào khoảng thời gian này trong mùa hạ ấy, dân Plataea, lúc bấy giờ đã cạn kiệt lương thực dự trữ và không thể kháng cự được cuộc vây hãm nữa, đã đầu hàng quân Peloponnese theo cách sau đây. Một cuộc đột kích vào thành lũy này đã được thực hiện mà dân Plataea không thể đẩy lùi được. Vị tướng chỉ huy của Lacedaemon, khi nhận thấy điểm yếu của dân Plataea thì muốn tránh việc chiếm nơi này bằng một cuộc tấn công ồ ạt; từ Lacedaemon đã có chỉ thị cho ông ta ngụ ý rằng, nhằm để sau này nếu bất kỳ lúc nào hoà bình được ký kết với Athens và mỗi bên sẽ phải đồng ý trả lại những nơi mà họ đã chiếm trong thời gian chiến tranh, thì Plataea có thể sẽ được coi là tự nguyện theo về với họ, và sẽ không bị đưa vào danh sách đó. Theo tinh thần ấy, ông ta cử một viên sứ truyền tin đến để hỏi dân này xem họ có chịu tự nguyện dâng nộp trấn cho quân Lacedaemon và chấp nhận người Lacedaemon làm quan toà của họ không, với điều kiện là những kẻ phạm tội sẽ phải bị trừng phạt, nhưng không ai là không được xét xử theo đúng thể thức luật định. Dân Plataea lúc này đang lâm vào tình trạng suy kiệt đến cùng cực, và khi viên sứ truyền tin vừa truyền đạt thông điệp đó là họ dâng nộp trấn ngay tức thì. Quân Peloponnese cấp lương thực cho họ vài ngày cho đến khi các quan toà từ Lacedaemon, gồm năm người cả thầy, đến đó. Khi họ đến nơi, đã không có một lời buộc tội nào được đưa ra; họ chỉ gọi dân Plataea đến và hỏi xem dân ấy đã làm gì để giúp đỡ quân Lacedaemon và đồng minh trong lúc cuộc chiến tranh này đang diễn ra khốc liệt hay chưa. Dân Plataea xin được phép trình bày một cách chi tiết hơn, và cử hai người trong số đó để đại diện cho họ: Astymachus con trai của Asopolaus,

và Lacon con trai của Aeimnestus và là *proxenus* của Lacedaemon, những người này bước lên và nói như sau:

“Hỡi người Lacedaemon, khi chúng tôi dâng nộp kinh thành của mình chúng tôi đã tin tưởng vào các ngài, và trông đợi một phiên toà phù hợp với thể thức luật định hơn là phiên toà này, cái phiên toà mà chúng tôi đã chẳng hề hay biết mình sẽ bị đưa ra xét xử theo kiểu như vậy; vả lại, những quan toà mà chúng tôi đã đồng ý trao bản thân mình vào tay chính là các ngài, và chỉ duy các ngài (những người mà chúng tôi cho là có khả năng đem lại công lý cho chúng tôi nhất) chứ không phải là ai khác cả, đúng như tình huống lúc này. Cứ như những gì đang diễn ra thì chúng tôi e rằng chúng tôi đã bị phụ lòng tin về cả hai mặt. Chúng tôi có lý do chính đáng để nghi ngờ rằng không những cái vấn đề sẽ được đưa ra phán xét là vấn đề đáng sợ hơn hết thảy, mà các ngài cũng sẽ chẳng tỏ ra là công bằng nữa; nếu chúng tôi có thể tranh luận từ cái thực tế rằng trước tiên đã không một lời buộc tội nào được đưa ra để chúng tôi biện minh, mà tự chúng tôi đã phải xin phép được giải bày, và từ cái câu hỏi đã được đưa ra một cách vắn tắt đến đối câu trả lời đúng với sự thật về vấn đề đó sẽ bất lợi cho chúng tôi, trong khi câu trả lời sai với sự thật lại có thể bị phủ nhận. Trong tình thế tiến thoái lưỡng nan này, phương cách an toàn nhất, và thực tế là phương cách duy nhất của chúng tôi, dường như là phải đánh liều mà nói điều gì đó: ở vào địa vị chúng tôi hiện giờ, chúng tôi khó có thể làm thinh mà không bị giày vò bởi ý nghĩ rằng nếu nói ra có lẽ đã cứu được mạng chúng tôi. Một khó khăn khác mà chúng tôi phải đương đầu là khó có thể thuyết phục được các ngài. Giá như chúng ta chưa biết rõ về nhau thì chúng tôi có thể có lợi khi đưa ra một câu chuyện mới mà các ngài chưa hay biết: cứ như thực tại thì chúng tôi chẳng thể nói điều gì mà các ngài chưa thông tỏ, và chúng tôi sợ, chẳng phải sợ rằng trong đầu các ngài đã kết án chúng tôi sẵn vì đã lơ là nghĩa vụ đối với các ngài và biến điều đó thành tội của chúng tôi, mà là sợ rằng để làm hài lòng một bên thứ ba nào đó,

chúng tôi buộc phải chịu một phiên xét xử mà kết quả đã được định trước rồi. Tuy vậy, chúng tôi sẽ đặt trước các ngài những gì mà chúng tôi có thể viện chứng theo lẽ công bằng, không chỉ là về cuộc tranh chấp mà dân Thebes lấy đó để chống lại chúng tôi, mà còn nhằm bày tỏ với các ngài và toàn thể các dân Hy Lạp nữa; và chúng tôi sẽ nhắc đến các ngài nhớ đến sự phụng sự tận tâm của chúng tôi, và chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để thuyết phục các ngài.

Để trả lời câu hỏi ngắn gọn của các ngài, rằng chúng tôi đã làm gì hầu giúp đỡ quân Lacedaemon và các đồng minh trong cuộc chiến tranh này hay chưa, chúng tôi xin nói rằng nếu các ngài hỏi chúng tôi với tư cách kẻ thù, thì không giúp đỡ các ngài tức là đã không gây tổn hại cho các ngài; nếu với tư cách bằng hữu, thì lỗi về phần các ngài nhiều hơn vì đã tiến quân đánh chúng tôi. Trong thời bình, và lúc chống quân Ba Tư, chúng tôi đã hành động đúng đắn: cho đến giờ chúng tôi vẫn không phải là kẻ xâm phạm hoà bình trước, và chúng tôi từng là dân duy nhất ở Boeotia lúc ấy đã tham gia đánh quân Ba Tư để bảo vệ nền tự do của Hy Lạp. Mặc dù là một dân tộc ở trong đất liền, chúng tôi cũng có mặt trong trận Artemisium^[3]; trong trận chiến diễn ra trên lãnh thổ của chúng tôi, chúng tôi đã kề vai chiến đấu cùng các ngài và Pausanias; và trong tất cả mọi chiến dịch mạo hiểm của Hy Lạp thời ấy, chúng tôi đã tham gia vượt quá sức mình rất nhiều. Hơn thế nữa, là người Lacedaemon, các ngài đừng nên quên rằng sau trận động đất đó, vào lúc tình trạng ở Sparta vô cùng hoảng loạn bởi dân nô dịch Helots ly khai chiếm Ithome, chúng tôi đã gửi một phần ba dân mình đến cứu viện các ngài.

Trong những dịp trọng đại mang tính lịch sử ấy thì vai trò mà chúng tôi đã lựa chọn là thế đó, dù về sau chúng tôi trở thành kẻ đối địch với các ngài. Về việc này các người mới là những người đáng trách. Khi chúng tôi xin các ngài liên minh chống lại bọn Thebes áp bức chúng tôi, các ngài đã từ chối lời thỉnh cầu của chúng tôi, và bảo chúng tôi đến cầu Athens là lân bang của chúng tôi, vì các ngài ở quá xa. Trong

cuộc chiến tranh này cho đến giờ chúng tôi vẫn chưa và chắc chắn sẽ chẳng khi nào định làm bất kỳ điều gì không phải đối với các ngài. Cho dù chúng tôi từ chối ly khai phía Athens khi các ngài yêu cầu chúng tôi, thì chúng tôi cũng chẳng làm điều sai trái; họ đã giúp chúng tôi chống lại Thebes khi các ngài thoái thác, và vì danh dự chúng tôi không thể bỏ họ được; nhất là khi họ đã chịu liên minh với chúng tôi và ban cho chúng tôi quyền làm công dân của họ theo lời thỉnh cầu của chính chúng tôi, và sau khi đã nhận những lợi ích từ tay họ; mà trái lại, hiển nhiên là chúng tôi có nghĩa vụ phải trung thành tuân theo những mệnh lệnh của họ. Vả lại, những sai lầm mà một trong hai bên các ngài có thể phạm trong khi thực thi quyền bá chủ của mình không nên đổ lên đầu những người noi theo, mà phải quy cho những kẻ cầm đầu dẫn dắt họ lầm đường lạc lối.

Về phần dân Thebes, họ đã xử tệ với chúng tôi hết lần này đến lần khác, và cuộc xâm lược mới đây của họ, là nguồn cơn đã đưa chúng tôi vào tình thế hiện tại, thì chính các ngài cũng biết rồi. Trong cuộc tấn công chiếm lấy thành của chúng tôi vào thời bình, và hơn thế nữa còn vào đúng thời điểm tế lễ linh thiêng trong tháng đó, họ đã vấp phải sự trả đũa chính đáng của chúng tôi, theo đúng luật lệ chung cho phép kháng cự lại một kẻ xâm lược; và thật là trái lẽ nếu như bây giờ chúng tôi phải chịu hình phạt vì họ. Bằng cách lấy mỗi lợi trước mắt của chính các ngài và nỗi oán hận của họ làm thước đo công lý, các ngài sẽ chứng tỏ rằng bản thân các ngài chẳng phải là những vị quan toà công bằng mà đúng hơn là những kẻ đợi thời cơ để trục lợi; cho dù nếu hiện giờ họ có tỏ ra hữu ích cho các ngài, thì chính chúng tôi và những dân Hy Lạp khác thực đã mang lại cho các ngài sự giúp đỡ còn quý giá hơn rất nhiều trong lúc khó khăn hoạn nạn hơn nhiều. Giờ đây các ngài là những kẻ tấn công và những dân khác khiếp sợ các ngài; nhưng trong cơn đại họa mà chúng tôi nhắc đến, khi quân man di đe dọa đặt ách nô lệ lên tất cả chúng ta, thì dân Thebes đã về phe với chúng. Như vậy, sẽ là công bằng khi đem đặt lên bàn cân lòng yêu nước hồi ấy của chúng tôi đối lại với lỗi lầm lúc này của chúng tôi, nếu quả đã có lỗi lầm; và

các ngài sẽ thấy cán cân nghiêng về công trạng đó hơn lỗi lầm này rất nhiều, và công trạng đó thể hiện vào lúc mà các dân Hy Lạp chỉ có vài xú dâm đem lòng dũng cảm ra đối chọi với sức mạnh của Xerxes, và là lúc mà càng đáng khen cho những người thích chọn con đường vinh quang đầy nguy hiểm hơn là con đường an toàn đảm bảo lợi ích của riêng mình trong cuộc xâm lăng ấy. Chúng tôi thuộc về số vài kẻ ít ỏi đó, và vì vậy chúng tôi đã được vinh danh hết mực; thế nhưng lúc này chúng tôi lo sợ sẽ bị diệt vong bởi đã lại một lần nữa hành động theo cùng một nguyên tắc, và đã quyết định chọn hợp tác với Athens vì lẽ phải hơn là hợp tác với Sparta vì khôn ngoan. Tuy nhiên trong luật pháp thì những vụ việc giống nhau phải được phân xử bằng cùng một cách như nhau, và cách phân xử chẳng phải là gì khác ngoài việc tri ân lâu dài đối với công lao phụng sự của một đồng minh tốt kết hợp với sự quan tâm đúng mực tới lợi ích sát sườn của riêng mình.

Cũng nên cân nhắc rằng hiện giờ hầu hết các dân Hy Lạp coi các ngài là mẫu mực về phẩm giá và danh dự; và nếu các ngài thông qua một bản án bất công đối với chúng tôi trong vụ phân xử này, một vụ không có gì khuất tất cả, mà trái lại là một vụ trong đó các ngài, những vị quan toà, sáng suốt bao nhiêu thì chúng tôi, những tù nhân, cũng vô tội bấy nhiêu, các ngài hãy cẩn thận lưu tâm chớ để nảy sinh bất mãn chỉ vì một phán quyết không xứng đáng với những người có danh dự được đưa ra bởi những người danh dự còn cao hơn họ, và vì việc cung tiến những chiến lợi phẩm đoạt được từ dân Plataea, những người đã giúp đỡ dân Hy Lạp, vào các đền thờ của cả nước. Đây quả thực sẽ bị xem là việc sai trái ghê gớm nếu người Lacedaemon huỷ diệt Plataea, và nếu kinh thành này – mà tên nó đã được cha ông các ngài ghi khắc lên chiếc đỉnh thờ tại Delphi vì công lao phụng sự của nó – bị các ngài xóa sổ trên bản đồ Hy Lạp để làm hài lòng dân Thebes. Chúng tôi đã rơi sâu vào tai hoạ đến nỗi, khi quân Ba Tư chiến thắng chúng tôi cũng đã bị huỷ hoại, giờ đây lại bị bọn Thebes thế chỗ chúng tôi trong lòng quý trọng một thời các ngài đã dành cho chúng tôi; và chúng tôi đã phải đối mặt với hai nguy cơ, lớn hơn tất thảy mọi nguy cơ khác – là phải

chết đói lúc ấy nếu chúng tôi không dâng nộp trấn của chúng tôi, và bây giờ là sinh mạng của chúng tôi bị đem ra phán quyết. Kết cục là dân Plataea chúng tôi, sau những nỗ lực vượt cả sức mình vì đại nghiệp của dân Hy Lạp, đang bị tất cả hắt hủi, bị bỏ rơi và không người giúp đỡ; chẳng được một đồng minh nào của chúng tôi cứu giúp, và buộc phải nghi ngờ không biết hy vọng duy nhất của chúng tôi, chính là các ngài, có đáng tin cậy hay không.

Tuy vậy, nhân danh các thần linh mà ngày nào đã chủ trì cho liên minh của chúng ta, và nhân danh công lao chúng tôi phụng sự đại nghiệp của Hy Lạp, chúng tôi khẩn cầu các ngài hãy động lòng thương xót; xin hãy rút lại phán quyết mà chúng tôi sợ rằng dân Thebes có thể đã tranh thủ được từ các ngài; hãy yêu cầu họ trả lại món quà mà các ngài đã ban tặng cho họ, để họ đừng làm ô danh các ngài bằng việc sát hại chúng tôi; hãy thu lấy lòng biết ơn thanh sạch thay vì lòng biết ơn tội lỗi, và xin đừng làm hài lòng kẻ khác để chính bản thân các ngài được tưởng thưởng bằng sự hổ thẹn. Tước đi sinh mạng của chúng tôi có thể rất nhanh chóng, nhưng gột rửa nỗi nhơ của hành vi đó sẽ là một việc rất nặng nề; bởi chừng chúng tôi chẳng phải là kẻ thù để các ngài có thể trừng phạt một cách thích đáng, mà là bằng hữu bị buộc phải cầm vũ khí chống lại các ngài. Vậy nên, gia ân cho chúng tôi được sống sẽ là một phán quyết công bằng; các ngài cũng nên chiếu cố rằng chúng tôi là những tù nhân đã đầu hàng một cách tự nguyện đang chìa tay xin tha mạng, những kẻ mà luật pháp Hy Lạp cấm không được giết hại, và hơn thế nữa lại là những kẻ đã luôn giúp đỡ làm lợi cho các ngài. Hãy nhìn vào lăng mộ cha ông của các ngài, những người bị quân Ba Tư tàn sát và được chôn cất trên đất chúng tôi, những người mà năm này qua năm khác chúng tôi vẫn tôn kính cúng dâng quần áo và mọi phẩm vật khác, và hoa trái đầu mùa mà đất đai chúng tôi sản sinh ra mùa nào thức ấy, như những bằng hữu ở một xứ sở thân thiện và như những đồng minh đối xử với những chiến hữu thân thiết của mình. Nếu các ngài phán quyết không công bằng thì cách xử sự của các ngài sẽ đi ngược lại với cách xử sự của chúng tôi. Chỉ cần xét điều này: khi

Pausanias chôn cất họ, ông nghĩ rằng ông đã để họ nằm lại một miền đất thân thiết và giữa những con người cũng thân thiết như thế; nhưng các ngài, nếu các ngài giết chúng tôi và biến lãnh thổ của người Plataea thành lãnh thổ của Thebes là các ngài sẽ để mặc cha ông và những người đồng tộc của các ngài nằm lại trên một miền đất thù địch và bị vây quanh bởi những kẻ đã sát hại họ, tước đoạt đi sự tôn vinh mà lúc này họ đang được hưởng. Còn hơn thế nữa, các ngài sẽ nô dịch hóa một xứ sở nơi đã giành được tự do cho dân Hy Lạp, khiến các đền thờ chư thần mà cha ông các ngài đã cầu nguyện trước khi chiến thắng quân Ba Tư trở thành hoang phế, và tước đi mất của cha ông các ngài những lễ hiến tế từ những người đã đặt ra và khởi đầu những nghi lễ đó. Bề nào thì người Lacedaemon các ngài cũng chẳng vẻ vang gì, hoặc vi phạm luật lệ chung của các dân Hy Lạp và xúc phạm tổ tiên của các ngài hoặc giết hại chúng tôi là những kẻ đã giúp đỡ các ngài để xoa dịu lòng căm hận của kẻ khác mà chính các ngài không tránh được tiếng xử sự bất công; các ngài sẽ vẻ vang hơn nhiều khi dung thứ cho chúng tôi và nhường chỗ cho những cảm giác về một lòng trắc ẩn hợp lẽ; đồng thời suy nghĩ cho thấu đáo không chỉ riêng về số phận thảm khốc định dành cho chúng tôi mà còn về phẩm cách của những kẻ phải chịu đựng số phận đó, và về điều mà không ai đoán trước được là tai họa có thể giáng xuống những kẻ không đáng phải chịu nhanh đến mức nào. Chúng tôi, vừa được quyền làm cũng vừa vì hoàn cảnh bắt buộc, khẩn khoản nài xin các ngài, đồng thời kêu cầu chư vị thần linh mà tất cả các dân Hy Lạp cùng thờ phụng, xin hãy nghe thấu lời cầu khẩn của chúng tôi, xin đừng quên những lời thề mà cha ông các ngài đã phát thệ, và là những lời thề mà giờ đây chúng tôi viện đến – chúng tôi van xin các ngài trên lăng mộ cha ông các ngài, và khẩn cầu những người quá cố cứu giúp không để chúng tôi rơi vào tay quân Thebes và không để những bằng hữu thân thiết nhất của họ bị bỏ mặc cho những kẻ thù ghê gớm nhất của mình. Chúng tôi cũng nhắc để các ngài nhớ đến cái ngày dân chúng tôi đã lập nên những chiến công vẻ vang nhất khi sát cánh bên cha ông các ngài, ngày hôm nay vẫn chính là chúng tôi lúc này

dường như sắp phải chịu số phận bi thảm nhất. Cuối cùng, để làm cái việc cần thiết nhưng lại là việc khó khăn nhất đối với những kẻ ở vào hoàn cảnh của chúng tôi – tức là kết thúc lời phát biểu, vì rằng cùng với sự kết thúc này thì hiểm họa đối với sinh mệnh của chúng tôi cũng đến gần – để kết luận chúng tôi xin nói rằng chúng tôi đã không giao nộp thành của chúng tôi cho bọn Thebes (với bọn đó chúng tôi chẳng tà chết nhục vì đói khát) mà đã tin tưởng vào các ngài và đầu hàng các ngài có điều kiện; và nếu chúng tôi không thuyết phục được các ngài thì công bằng hơn cả là hãy đặt trả chúng tôi về nguyên vị và để chúng tôi đánh liều với may rủi tình cờ. Và đồng thời chúng tôi khẩn khoản xin các ngài đừng đem trao chúng tôi – những người đang van vỉ các ngài, hỡi người Lacedaemon, dứt khỏi bàn tay và thiện ý của các ngài những người Plataea yêu nước nhất trong số các dân Hy Lạp – cho bọn Thebes kẻ thù không đội trời chung với chúng tôi, mà hãy là cứu tinh của chúng tôi, và xin hãy đừng đẩy chúng tôi đến chỗ diệt vong trong khi các ngài mang lại tự do cho mọi dân Hy Lạp khác.”

Lời lẽ của dân Plataea là như thế đó. Dân Thebes, sợ rằng người Lacedaemon có thể động lòng vì những gì vừa nghe được, liền tiến lên và nói rằng họ cũng muốn trình bày ý kiến của mình với người Lacedaemon, vì rằng dân Plataea, trái với mong muốn của họ, đã được phép trình bày dài dòng đến thế thay vì bị giới hạn trong một câu trả lời đơn giản cho câu hỏi kia. Khi được cho phép, họ nói như sau:

“Lẽ ra chúng tôi đã chẳng khi nào yêu cầu được nói những lời này nếu dân Plataea về phần họ đã tự chấp nhận trả lời ngắn gọn câu hỏi đó, và đã không trở mặt mà cáo buộc chúng tôi, kèm theo lời tự biện hộ dài dặc bằng những chuyện ngoài lề câu hỏi hiện tại và thậm chí chẳng liên quan gì đến vấn đề bị cáo buộc, và kèm theo cả lời ca tụng những gì mà không ai bối lông tìm vết được. Tuy nhiên, vì họ đã làm như vậy, thì chúng tôi phải đáp lại những lời cáo buộc và bác bỏ những lời tự tán

dương của họ, để cả tiếng xấu của chúng tôi lẫn tiếng tốt của họ đều không thể giúp gì được họ, mà để các ngài có thể nghe được sự thật chân chính về cả hai điểm đó, và rồi quyết định.

Đầu đuôi việc chúng tôi tranh chấp là thế này: chúng tôi ổn định Plataea sau khi đã ổn định những nơi còn lại của Boeotia, cùng với những nơi khác nữa mà chúng tôi đã đuổi những dân cư hỗn tạp ra khỏi đó. Đối với dân Plataea, vì bọn họ không định thừa nhận quyền bá chủ của chúng tôi như ban đầu đã thoả thuận, mà lại tách mình ra khỏi tất cả những nơi còn lại của Boeotia và chứng tỏ là những kẻ phản bội lại dân tộc mình, nên chúng tôi đã phải sử dụng biện pháp cưỡng bách; ngay khi bị cưỡng bách họ đã chạy sang theo phe Athens, và cùng với quân này họ đã gây ra bao tổn hại mà chúng tôi phải trả đũa.

Tiếp theo, khi quân man di xâm lược Hy Lạp, họ nói rằng họ là dân duy nhất ở Boeotia không theo Ba Tư; và đây là điểm mà họ tự ca ngợi mình nhất và lảng mạ chúng tôi nhất. Chúng tôi nói rằng nếu như họ đã không theo Ba Tư, thì cũng chỉ là vì Athens đã không làm như vậy mà thôi; quả nhiên sau đó khi quân Athens tấn công các dân Hy Lạp thì chính họ, dân Plataea đó, lại một lần nữa là dân duy nhất ở Boeotia đã theo phe Athens. Thế nhưng hãy xem xét các hình thức chính thể riêng của mỗi bên chúng tôi vào lúc chúng tôi hành động như vậy. Thành bang của chúng tôi vào lúc đó đã không có một thể chế oligarchy, trong đó tất cả giới quý tộc được hưởng quyền bình đẳng, cũng chẳng có một thể chế dân chủ, mà là một thể chế hầu như đối lập nhất với luật pháp và đối lập với thể chế tiến bộ, và gần nghĩa với một chính thể chuyên chế nhất – đó là sự cai trị của một bè đảng ít người. Những kẻ này, hy vọng củng cố quyền lực cá nhân của họ nhờ vào chiến thắng của quân Ba Tư, đã kiềm chế dân chúng bằng vũ lực và đưa quân Ba Tư vào trong trấn. Toàn bộ thành bang này không có quyền tự chủ khi nó hành động như vậy, và không thể bị trách cứ về những lỗi lầm mà nó phạm phải trong lúc thiếu khuyết thể chế của nó. Chỉ nên xét xem chúng tôi đã hành động thế nào sau khi quân Ba Tư đã rời khỏi đó và thể chế được khôi phục ra sao; khi quân Athens tấn công tất cả những xứ dân

Hy Lạp khác và cố gắng nô dịch hóa xứ sở của chúng tôi, thì trên phần lớn xứ sở này nạn phe phái đã giúp chúng nắm quyền cai trị sẵn rồi. Chẳng phải lúc bấy giờ chúng tôi đã chiến đấu và chiến thắng tại trận Coroneal⁴ và giải phóng Boeotia đó sao, và chẳng phải bây giờ chúng tôi đang tích cực đóng góp vào công cuộc giải phóng những nơi còn lại đó sao, khi mà chúng tôi cung cấp kỵ binh cho công cuộc ấy cùng một lực lượng mà bất kỳ bang nào trong liên minh cũng chẳng thể sánh bằng?

Hãy coi điều này là đủ để biện minh cho việc theo Ba Tư của chúng tôi. Bây giờ chúng tôi sẽ cố gắng chỉ ra cho thấy rằng các người đã làm tổn hại cho dân Hy Lạp còn nhiều hơn chúng tôi, và đáng phải chịu hình phạt đích đáng. Rằng để phòng vệ đối phó với chúng tôi, là các người nói thế, mà các người trở thành đồng minh và công dân của Athens. Nếu vậy, các người lẽ ra chỉ cần gọi quân Athens đến đánh chúng tôi, thay vì tham gia với chúng đi tấn công những dân khác: chẳng ai buộc các người làm việc này nếu có lúc nào các người cảm thấy rằng chúng dẫn dắt các người đến chỗ mà các người không muốn đi theo, bởi lẽ Lacedaemon đã là đồng minh với các người chống lại quân Ba Tư, như các người cứ khăng khăng một mực; và điều đó chắc chắn đủ để giữ chúng tôi tránh xa các người, và trên hết là cho phép các người được an toàn mà cân nhắc kỹ càng. Thế nhưng, tự mình lựa chọn và không hề bị ép buộc, các người đã quyết chọn chia sẻ số phận với Athens. Các người nói rằng phản bội lại những người đã giúp đỡ các người là việc đê tiện; nhưng còn đê tiện và vô đạo đức hơn nhiều khi từ bỏ tất cả các dân Hy Lạp, những bang liên minh anh em với các người, những bang đang giải phóng Hy Lạp, so với từ bỏ chỉ một dân Athens, là những kẻ đang nô dịch Hy Lạp. Bởi vậy việc các người đã báo đáp lại chúng đã không tương xứng mà cũng chẳng danh dự gì, vì các người đã mời chúng vào, như các người bảo thế, bởi chính các người đang bị đàn áp, để rồi trở thành những kẻ tòng phạm với chúng đi đàn áp những dân khác; dù sự đê tiện là ở chỗ không lấy ơn mà báo ơn chứ

không phải ở chỗ không báo đáp những ơn huệ nhận được theo cách chính đáng nhưng lại buộc phải báo đáp theo cách không chính đáng.

Thế nhưng, sau khi đã bày tỏ thẳng thừng ra như thế, rằng chẳng phải vì dân Hy Lạp mà riêng mình các người lúc đó đã không về phe Ba Tư mà là vì Athens cũng đã không làm như vậy và các người muốn kẻ vai sát cánh với chúng và chống lại mọi dân khác, giờ đây các người lại đòi hỏi được đền đáp cho những việc hay ho các người đã thực hiện để làm hài lòng lân bang của các người. Điều này là không thể chấp nhận được: các người đã chọn bên Athens, và các người sẽ phải hưng vong cùng với chúng. Các người cũng không thể vin vào cái liên minh được thành lập lúc đó và đòi nó phải bảo vệ các người lúc này. Các người đã từ bỏ liên minh đó và đã làm điều lầm lỗi với nó bởi đã tiếp tay thay vì ngăn cản việc nô dịch hóa dân Aegina và những xứ thành viên khác của liên minh, và làm thế không phải vì bị bắt buộc mà là trong lúc đã có được những thể chế mà các người vẫn đang an hưởng đến tận giờ, và không ai o ép các người như trong trường hợp của chúng tôi. Cuối cùng, một lời kêu gọi đã được gửi thẳng tới các người trước khi các người bị phong toả để các người đứng trung lập và không theo một bên nào cả: các người đã không chấp nhận lời kêu gọi đó. Vậy thì theo lẽ công bằng ai là kẻ đáng bị dân Hy Lạp căm ghét hơn là các người, khi các người chính là những kẻ đã mưu cầu sự diệt vong của họ dưới chiêu bài danh dự? Những phẩm chất trước đây mà các người viện ra thì hiện giờ các người cho thấy là chúng không đúng với tính cách của các người; cái khuynh hướng thực trong bản chất của các người rất cục cựa cũng đã bị tỏ lộ ra một cách tệ hại: khi người Athens đi vào con đường sai trái bất công thì các người đã noi theo chúng.

Vậy nên lời phản biện của chúng tôi chính là việc chúng tôi bắt đắ dĩ phải theo Ba Tư còn các người chủ động theo Athens. Hành động bất công sai trái mà các người kêu rêu là việc chúng tôi đã, như các người nói, bất chấp luật lệ mà xâm lược trấn của các người trong thời bình và vào lúc đang lễ hội. Ở điểm này một lần nữa chúng tôi không thể cho rằng chúng tôi sai trái hơn chính bản thân các người. Nếu vì động cơ

của riêng mình mà chúng tôi tiến hành một cuộc tấn công vũ trang vào kinh thành của các người và tàn phá lãnh thổ của các người thì chúng tôi có lỗi; nhưng nếu những người đứng đầu trong trấn và trong gia tộc các người, vì mong muốn chấm dứt quan hệ với ngoại bang và đưa các người về lại xứ sở chung là Boeotia, đã tự nguyện mời chúng tôi đến, thì đâu là tội lỗi của chúng tôi? Nơi nào xảy việc sai trái, thì những kẻ cầm đầu, như các người nói thế, đáng bị khiển trách hơn là những kẻ noi theo. Nhưng theo quan điểm của chúng tôi thì cả họ lẫn chúng tôi đều không làm gì sai trái cả. Là những công dân như chính bản thân các người, và đang bị nguy cơ đe dọa nhiều hơn các người, họ mở cửa thành của chính họ và mời chúng tôi vào kinh thành của chính họ như bạn hữu chứ không phải như kẻ thù, để ngăn ngừa những kẻ xấu trong các người khỏi trở nên xấu xa hơn, để đem lại lẽ công bằng cho những người trung thực, để sửa đổi lại các phép tắc mà không nhằm tấn công một ai, vì các người sẽ không bị xua đuổi ra khỏi thành của các người, mà sẽ được đưa về lại với những đồng bào ở quê nhà của mình, cũng sẽ không bị biến thành kẻ thù của bất cứ ai, mà thành bạn hữu với tất cả các dân khác. Rằng chúng tôi không có ý định thù địch thì cách xử sự của chúng tôi đã chứng tỏ điều đó. Chúng tôi không làm hại một ai, mà công khai mời những người mong muốn được sống dưới cùng một chính thể chung của các dân tộc ở Boeotia sang theo phe chúng tôi; điều mà các người thoạt đầu đã vui vẻ làm theo, và đã lập một thoả thuận với chúng tôi mà không vọng động cho đến khi các người nhận ra rằng chúng tôi chỉ có một nhóm người. Giờ cứ cho là có lẽ đã có điều gì đó không công bằng khi chúng tôi thâm nhập mà không được sự đồng thuận chung của các người đi. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, các người đã không đối lại với chúng tôi như cách chúng tôi đối xử với các người. Thay vì tự kiềm chế bạo lực, như chúng tôi đã làm, và thuyết phục chúng tôi rút lui bằng cách thương lượng, các người tấn công chúng tôi bằng bạo lực, và hạ sát một số người của chúng tôi trong lúc đánh nhau, mà chúng tôi không phàn nàn gì nhiều về việc này vì ở đó có một lẽ công bằng nhất định; nhưng những người khác đã

chìa tay cầu xin và đã được tha tội chết, và tính mạng của họ đã được các người đã hứa hẹn với chúng tôi giữ lại, thì các người đã tàn sát họ bất chấp luật lệ. Nếu việc này không đáng ghê tởm thì là việc gì? Và sau ba tội ác được thực hiện liên tiếp này – sự vi phạm thoả thuận của các người, việc sát hại người của chúng tôi sau đó, và việc các người trì trệ vi phạm lời cam kết không giết họ cho dù chúng tôi đã tự kiềm chế không huỷ hoại điền sản của các người ở thôn quê các người – các người vẫn cả quyết rằng chúng tôi là tội phạm và các người viện cớ để thoát được công lý. Không thể thế được, nếu các quan toà này của các người phân xử đúng đắn, mà trái lại các người sẽ phải bị trừng trị vì tất cả mọi tội lỗi đó.

Thưa các vị Lacedaemon, sự thật là thế đó. Chúng tôi đã có phần đi hơi sâu vào chi tiết những sự thật đó, vừa vì lợi ích của các vị mà cũng vì lợi ích của chúng tôi; về phần các vị, các vị có thể chắc chắn hơn rằng các vị sẽ phán xử những tù nhân kia một cách công bằng, và về phần chúng tôi, chúng tôi đã bổ sung thêm tính công bằng cho sự trả thù của mình. Chúng tôi cũng muốn ngăn không để các vị mềm lòng khi nghe về những công trạng của bọn chúng trong quá khứ, nếu quả thật chúng đã lập nên công trạng nào như vậy, những công trạng này có thể được những nạn nhân của sự bất công viện ra để kháng cáo một cách chính đáng, nhưng trái lại sẽ chỉ làm tội lỗi của những kẻ tội phạm nặng thêm, bởi bọn chúng đã phản lại cái bản chất tốt đẹp hơn của mình. Chúng tôi cũng không để bọn chúng tranh thủ được bất kỳ điều gì bằng khóc lóc than van, mang mồ mả cha ông các vị và tình cảnh bị ruồng bỏ của chính chúng ra mà nài nỉ. Đối lại điều này, chúng tôi xin chỉ ra cái số phận còn thảm khốc hơn rất nhiều của những người trẻ tuổi trong chúng tôi, đã bị giết hại bởi chính tay bọn họ; cha ông của những người đó hoặc đã ngã xuống ở Coronea khi đem xứ Boeotia về với các vị, hoặc là những người già nua tuyệt vọng đang ngồi bên bếp lửa cô đơn, còn có lý hơn nhiều để cầu xin sự công bằng của các vị đối với bọn tù nhân này. Lòng thương hại mà bọn chúng khẩn khoản cầu xin đó nên được dành cho những người phải chịu đựng những nỗi đau

khổ không đáng phải chịu thì mới đúng; trái lại, những kẻ chịu đau khổ một cách đích đáng như những kẻ này là dịp để ta vui mừng. Chúng chỉ có thể tự trách chính mình về tình cảnh bị ruồng bỏ của chúng lúc này, vì rằng chúng đã cố ý khước từ một liên minh tốt đẹp hơn. Hành động vô thiên vô pháp của chúng không nảy sinh bởi bất kỳ hành động nào của chúng tôi: không phải sự công bằng mà là lòng thù ghét đã thôi thúc chúng quyết định; và ngay cả lúc này đây cái cảm giác thoả hận mà chúng đem đến cho chúng tôi vẫn chưa phải là đủ; chúng sẽ phải chịu một bản án pháp lý, không phải như chúng giả bộ làm những kẻ cầu xin tha mạng trong chiến trận, mà như những tù nhân đã đầu hàng theo thoả thuận phải bị xét xử. Vì vậy, hỡi các vị Lacedaemon, xin hãy chứng minh cho tính chính đáng của luật pháp Hy Lạp mà chúng đã vi phạm; và đối với chúng tôi, những nạn nhân của sự vi phạm đó, xin hãy thưởng công xứng đáng với nhiệt huyết của chúng tôi. Cũng đừng để lời biện thuyết của chúng chiếm mất chỗ của chúng tôi trong thiện cảm của các vị, mà hãy nêu một tấm gương cho các dân Hy Lạp, rằng những cuộc tranh cãi mà các vị mời họ tham gia là những cuộc tranh cãi bằng hành động thực tế, không phải bằng những lời nói suông: những hành động tốt đẹp có thể chỉ cần nêu ra một cách vắn tắt, chỉ nơi nào hành động sai trái mới cần đến những lời xảo biện hòng che đậy cái xấu của nó. Tuy nhiên, nếu những thế lực đứng đầu sẽ làm những gì mà các vị đang làm lúc này, và đặt ra một câu hỏi ngắn gọn cho tất cả mọi người như nhau để theo đó mà quyết định, thì con người ta sẽ bớt mong muốn tìm những lời hay ý đẹp hòng che giấu đi những hành động xấu xa.”

Người Thebes đã nói những lời như thế. Các quan toà Lacedaemon quyết định rằng câu hỏi họ đã nhận được bất kỳ sự giúp đỡ nào từ dân Plataea trong cuộc chiến tranh này hay chưa là một câu hỏi công bằng để họ đưa ra; vì lẽ họ đã luôn yêu cầu dân ấy đứng trung lập, theo đúng tinh thần hiệp ước đầu tiên của Pausanias sau khi đánh bại quân Ba Tư, và thêm một lần nữa đã dứt khoát đề nghị dân ấy cùng những điều kiện y như vậy trước cuộc phong

toả này. Lời đề nghị này đã bị cự tuyệt, nên giờ đây họ coi là họ được giải phóng không còn bị ràng buộc với hiệp ước đó nữa vì họ đã có ý định trung thành với nó; và vì cho rằng mình đã phải chịu tai hoạ bởi tay dân Plataea, họ lại đưa dân này từng người một vào và hỏi mỗi người cùng một câu hỏi đó, tức là những người này đã làm được gì để giúp đỡ Lacedaemon và các đồng minh trong cuộc chiến tranh này hay chưa; và khi kẻ nào nói rằng chưa, họ liền điệu những kẻ đó ra và giết tuốt, không trừ một ai. Số dân Plataea bị tàn sát như vậy không dưới hai trăm người, cùng hai mươi lăm người Athens đã đồng cam với họ trong cuộc phong toả ấy. Đàn bà bị bắt làm nô lệ. Người Thebes để thành này cho một số kẻ tị nạn chính trị từ Megara đến và những dân Plataea về phe với họ còn sống sót cư ngụ trong khoảng một năm, và sau đó san phẳng nó đến tận nền móng, và xây kê vào khu thánh thất thờ nữ thần Hera một nhà trọ mỗi bề hai trăm *foot*, với các căn phòng chạy vòng xung quanh từ trên xuống dưới, tận dụng từ các mái nhà và các cánh cửa của dân Plataea cho mục đích này; còn từ các vật liệu khác trên tường nhà như đồng và sắt thì họ chế ra những chiếc trường kỷ mà họ cung tiến lên Hera, họ cũng xây một nhà thờ bằng đá mỗi bề một trăm *foot* cho vị nữ thần ấy. Đất đai thì họ tịch thu và cho những người Thebes sống ở đó thuê với thời hạn mười năm. Thái độ thù địch của người Lacedaemon từ đầu đến cuối vụ việc Plataea chủ yếu là để làm hài lòng dân Thebes, những kẻ được xem là hữu dụng trong cuộc chiến tranh tại thời điểm đang khốc liệt đó. Kết cục của Plataea vào năm thứ chín mươi ba kể từ khi nó liên minh với Athens^[5] là thế đó.

Trong thời gian ấy, bốn mươi chiến thuyền Peloponnese trước đó đã lên đường đi cứu viện dân Lesbos, và là những con thuyền mà chúng ta tạm gác lại bên trên khi chúng đang tháo chạy như bay qua biển cả vì bị quân Athens truy đuổi, đã mắc phải một cơn bão ở ngoài khơi Crete và chạy tán loạn từ nơi đó về hướng Peloponnese, trên hải trình này, tại Cyllene chúng gặp mười ba thuyền ga-lê của Leucas và Ambracia cùng với Brasidas con trai của Tellis, ông vừa đến nơi với tư cách cố vấn cho Alcidas; người Lacedaemon kể từ cuộc viễn chinh Lesbos thất bại đã quyết tâm tăng cường hạm đội của mình và nhổ neo đi Corcyra, nơi vừa nổ ra một cuộc cách mạng, hầu có thể

đến đó trước khi mười hai chiến thuyền của Athens ở Naupactus kịp được tăng viện từ Athens. Brasidas và Alcidas cũng bắt đầu chuẩn bị vì mục đích đó.

Cuộc cách mạng ở Corcyra khởi đầu từ sự trở về của các tù binh bị bắt trong trận hải chiến ngoài khơi Epidamnus^[6]. Những tù binh này đã được người Corinth thả ra, trên danh nghĩa là bằng khoản bảo lãnh tám trăm *talăng* được các *proxenus* của họ chi trả, nhưng trên thực tế là bằng lời họ hứa hẹn sẽ thuyết phục Corcyra về với Corinth. Những người này xúc tiến vận động từng người dân một, và dẫn dụ họ với mục đích tách thành này ra khỏi Athens. Khi một con thuyền của Athens và một con thuyền của Corinth chở các sứ giả vừa cập bến, một cuộc hội nghị được tổ chức trong đó dân Corcyra biểu quyết tán thành việc vẫn là đồng minh của Athens theo thoả ước của họ, nhưng vẫn là bạn của Peloponnese như trước đây họ đã là bè bạn. Trong lúc đó, những tù binh trở về mang Peithias, một *proxenus* tình nguyện đại diện cho Athens và đồng thời là thủ lĩnh của dân chúng, ra xét xử với tội danh đặt Corcyra vào ách nô lệ của Athens. Ông ta, khi được trắng án, đã trả đũa bằng cách buộc tội năm người giàu nhất trong số họ về việc chặt bỏ những cây cọc^[7] trong khu thánh địa thờ thần Zeus và Alcinous^[8]; khoản phạt theo luật định là một *xtato*^[9] đối với mỗi cây cọc. Khi họ bị định tội, tiền phạt là một khoản rất lớn, họ bèn ngồi lì trong những ngôi đền đó để cầu xin được phép trả dần khoản này; nhưng Peithias, là một thành viên của Hội đồng^[10], đã thuyết phục được Hội đồng thi hành luật này; ngay khi biết vậy, những kẻ bị kết tội, bị đẩy vào bước đường cùng vì điều luật ấy, và hơn nữa còn biết rằng Peithias – trong lúc vẫn còn là thành viên của Hội đồng – vốn có ý định thuyết phục dân chúng ký kết liên minh phòng vệ và tấn công với Athens, bèn tụ tập nhau lại mang theo dao găm, và đột ngột xộc vào phòng họp hội đồng, hạ sát Peithias cùng sáu mươi người khác, cả các thành viên Hội đồng lẫn những thường dân; chỉ vài mống trong phe Peithias trốn được vào con thuyền của Athens, lúc đó vẫn chưa rời khỏi bến.

Sau vụ vi phạm trắng trợn này, những kẻ âm mưu đã triệu tập dân Corcyra tới một cuộc hội nghị công dân, và nói rằng việc này dù sao chẳng nữa cũng sẽ dẫn đến kết cục tốt đẹp nhất, và sẽ cứu họ khỏi ách nô dịch của người Athens: trong tương lai, họ đề nghị sẽ không tiếp đón bất kỳ phe nào trừ khi phe ấy đến một cách hoà bình trên một con thuyền duy nhất, đồng thời họ sẽ coi bất kỳ số thuyền nào nhiều hơn thế như kẻ địch. Sau khi đưa ra đề nghị này, những kẻ đó đã thúc ép để nó được thông qua, và ngay lập tức phái các sứ giả đến Athens để biện minh những gì đã làm và ngăn cản không để những người đến tị nạn ở đó thực hiện bất kỳ việc kiện cáo thù địch nào mà có thể dẫn đến một hành động phản ứng.

Khi sứ bộ đó đến nơi, người Athens đã bắt các sứ giả và tất cả những ai nghe theo họ, như những kẻ làm cách mạng, và giam giữ họ ở Aegina. Trong thời gian đó, khi một con thuyền ga-lê của Corinth đến đảo ấy cùng những sứ giả Lacedaemon, phe thống trị ở Corcyra đã tấn công phe dân chúng và đánh bại họ trong trận chiến. Đêm đến, những người dân thường đã ẩn náu trong Acropolis [vê thành] và những khu vực cao hơn ở kinh thành, và khi tập trung về nơi đó họ đồng thời cũng làm chủ hải cảng Hylleicus^[1]; kẻ địch của họ đang chiếm giữ nơi họp chợ, là nơi phần đông những kẻ đó đang sống, và bến cảng kế cận nhìn về phía đất liền.

Ngày hôm sau trôi qua với những cuộc đụng độ không quan trọng lắm, mỗi phe cử người vào vùng nông thôn để đề nghị trả tự do cho nô lệ và lôi kéo họ gia nhập phe mình. Đại đa số nô lệ đáp lại lời kêu gọi của dân chúng; phe đối địch với họ được tăng viện bằng tám trăm lính đánh thuê từ đại lục đến.

Sau một ngày tạm ngưng, những trận xung đột lại khởi sự, chiến thắng vẫn thuộc về dân chúng, là phe có lợi thế về số lượng và vị trí, phụ nữ cũng trợ chiến rất dũng cảm, họ ném gạch ngói từ nhà mình ra và cổ vũ cuộc hỗn chiến náo động với một dũng khí vượt xa giới tính của họ. Khi trời nhá nhem, các *oligarch*^[2] đã bị đánh bại hoàn toàn sợ rằng dân chúng thừa thắng có thể đột kích và chiếm kho vũ khí và giết mình nên đã đốt các căn nhà xung quanh nơi họp chợ và những nhà trọ để ngăn cản cuộc tấn công của họ;

không chừa cả nhà của chính mình lẫn của láng giềng; bởi cuộc đốt phá này mà nhiều hàng hóa của những người buôn bán đã bị cháy sạch và kinh thành có nguy cơ bị thiêu huỷ hoàn toàn nếu xảy một cơn gió làm bùng ngọn lửa đó lên. Các cuộc xung đột lúc này đã tạm ngưng, cả hai bên cùng án binh bất động, đồng thời trải qua một đêm cảnh giác, trong khi con thuyền của Corinth lén ra khơi ngay khi dân chúng chiến thắng, và phần lớn lính đánh thuê đã bí mật vượt biển về đại lục.

Ngày hôm sau vị tướng chỉ huy người Athens là Nicostratus con trai của Diitrephes từ Naupactus đã đến nơi cùng với mười hai chiến thuyền và năm trăm bộ binh hạng nặng của Messenia. Ông ta đã ngay lập tức cố gắng dàn hoà, và thuyết phục hai phe nhất trí với nhau để đưa ra xét xử mười kẻ đầu sỏ mà lúc đó đã trốn chạy, trong khi đó những người còn lại sẽ chung sống hoà bình, lập thoả thuận với nhau, và tham gia vào một liên minh phòng vệ và tấn công cùng với người Athens. Dàn xếp xong việc này, ông ta vừa định nhổ neo ra khơi thì các thủ lĩnh của dân chúng thuyết phục ông ta để lại cho họ năm trong số những chiến thuyền của ông ta để khiến cho những kẻ địch của họ bớt ý định khuấy đảo, đồng thời họ sẽ cung cấp thuỷ thủ binh lính cho một số lượng thuyền tương đương của họ và phái đi cùng ông ta. Ông ta chỉ vừa kịp đồng ý thì họ đã bắt đầu ghi danh kẻ địch của họ cho những con thuyền ấy; và những kẻ này, sợ rằng có thể bị tống sang Athens, đã tự thân ngồi lì như những kẻ thỉnh nguyện trong đền thờ Dioscuri^[13]. Nicostratus đã gắng trấn an và thuyết phục họ đứng dậy mà không được, dân chúng vin vào việc này đã vũ trang, lấy cớ việc kẻ địch từ chối không đi cùng họ là một bằng chứng cho những ý đồ trí trá của bọn này, và họ cầm vũ khí ra khỏi nhà, và lẽ ra họ đã kết liễu một số người mà họ tình cờ gặp nếu Nicostratus không ngăn chặn việc này. Phần còn lại của phe đó khi nhìn thấy những gì đang diễn ra đã ngồi lì như những kẻ thỉnh nguyện trong đền thờ Hera, số lượng không dưới bốn trăm; cho đến khi dân chúng e rằng những kẻ đó sẽ dùng đến biện pháp liều mạng nào đó nên đã thuyết phục họ đứng dậy, và chuyển họ đến hòn đảo phía trước ngôi đền ấy, nơi lương thực vật dụng được gửi sang cho họ.

Ở thời điểm này của cuộc cách mạng, vào ngày thứ tư hoặc thứ năm sau khi những kẻ kia được đưa sang đảo, những chiến thuyền của Peloponnese đã tới từ Cyllene, nơi mà họ đã đóng quân kể từ khi họ từ Ionia trở về, năm mươi ba thuyền cả thảy, vẫn dưới quyền chỉ huy của Alcidas, nhưng có thêm Brasidas ở trên thuyền làm cố vấn cho ông ta; và sau khi neo đậu tại Sybota, hải cảng trên đất liền, vào rạng sáng hôm sau họ đã nhổ neo đi Corcyra.

Dân Corcyra trong lúc cực kỳ bối rối và hoảng hốt vì tình trạng trong thành và vì việc quân xâm lược đã đến gần, đã lập tức tiến hành trang bị sáu mươi chiến thuyền và cấp đủ người cho thuyền nào xong họ liền phái thuyền đó đi nghênh địch ngay, bất chấp việc quân Athens đã khuyên họ để quân này nhổ neo ra khơi trước rồi hãy theo ra với tất cả các chiến thuyền của họ cùng một lúc. Khi thuyền của họ tiến gần đến hạm đội địch theo kiểu rải rác lẻ tẻ này, hai chiếc lập tức bỏ chạy: trên những chiếc khác các thủy thủ đoàn đang đánh lẫn nhau, và chẳng có một trật tự nào trong bất kể việc gì họ làm cả; vì vậy quân Peloponnese khi nhìn thấy sự rối loạn của họ đã cắt đứt hai mươi chiến thuyền để đối địch với quân Corcyra, và dàn trận những chiến thuyền còn lại đối đầu với mười hai chiến thuyền của Athens, trong số đó có cả hai linh thuyền Salaminia và Paralus.

Trong khi quân Corcyra tấn công mà không suy tính và đội ngũ rời rạc lẻ tẻ nên đã bị chính sự rối loạn của mình khiến cho tê liệt, thì quân Athens, e ngại vì số đông kẻ địch và sợ bị bao vây, đã không dám mạo hiểm tấn công vào bộ phận chủ lực hoặc thậm chí là vào giữa đội hình phân đội thuyền đối đầu với họ, mà đã tấn công phía cánh của nó và đánh chìm một thuyền; sau hành động này quân Peloponnese đã vây thuyền thành vòng tròn, và quân Athens chèo thuyền vòng quanh bên ngoài họ và cố đẩy họ vào tình trạng rối trận. Nhận thấy điều này, phân đội đang đối địch với quân Corcyra sợ rằng thảm họa ở Naupactus sẽ lặp lại nên đã đến để yểm trợ các chiến hữu của mình, và toàn bộ hạm đội, lúc này đã hợp nhất lại, xông tới quân Athens, những kẻ đã phải rút lui trước họ, vừa chèo giật lùi vừa rút lui thông thả hết mức để quân Corcyra có thời gian đào thoát, trong khi quân địch cứ tiếp tục bị giữ cho vương bận theo cách ấy. Đặc điểm của của cuộc hải chiến này là như vậy, nó kéo dài đến lúc mặt trời lặn.

Quân Corcyra lúc bấy giờ lo sợ rằng quân địch có thể thừa thắng bơi thuyền đến đánh trấn của họ và giải cứu những người ở trên đảo, hoặc giáng đòn nào khác không kém phần nguy hiểm, thế nên họ đã chở những kẻ trên đảo ngược về đền thờ Hera, và bố trí phòng thủ thành này. Thế nhưng quân Peloponnese dù thắng lợi trong trận hải chiến đã không mạo hiểm tấn công trấn đó, mà lại dặt mười ba con thuyền của Corcyra mà họ đã chiếm được, và cùng với chúng bơi thuyền về lục địa, nơi mà lúc trước họ đã ra khơi. Ngày hôm sau họ vẫn tránh không tấn công thành đó y như hôm trước, mặc dù tình trạng rối ren và hoảng loạn đang lên đến đỉnh điểm và mặc dù Brasidas, như người ta đồn, đã thúc giục Alcidas là cấp trên của ông ta làm điều đó, mà lại đổ bộ lên mũi đất Leukimme và tàn phá xứ này.

Trong khi đó dân chúng ở Corcyra, do vẫn đang vô cùng khiếp hãi cái hạm đội tấn công họ, đã đi đến nước chịu hoà đàm với những kẻ thỉnh nguyện trong đền thờ và cả các bạn hữu của những kẻ đó để cứu lấy trấn này; và họ đã thuyết phục được một số trong số đó lên những con thuyền trong số ba mươi chiến thuyền mà họ vẫn cung cấp thuỷ thủ binh lính để đương đầu với cuộc tấn công mà họ ngờ rằng sẽ xảy ra. Nhưng quân Peloponnese sau khi tàn phá xứ sở này cho đến giữa ngọ đã rời nơi đó ra khơi, và vào lúc chập tối đã được báo tin bằng tín hiệu hải tiêu rằng sáu mươi chiến thuyền Athens đang từ Leucas tiến đến gần, dưới quyền chỉ huy của Eurymedon con trai của Thucles; những chiến thuyền này đã được Athens phái đi khi nghe tin về cuộc cách mạng và về hạm đội của Alcidas đang chuẩn bị vượt biển tới Corcyra.

Quân Peloponnese hay tin đó giữa lúc đêm hôm lập tức vội vã nhổ neo hồi hương, họ bơi thuyền men theo bờ biển; và kéo những con thuyền của họ băng qua Eo đất Leucas để khỏi bị trông thấy là đang bơi thuyền vòng qua đó, họ đã rời khỏi nơi này theo cách ấy. Dân Corcyra khi biết rằng hạm đội Athens đang đến gần và quân địch đã bỏ đi thì đã đưa quân Messenia từ bên ngoài thành lũy vào trong trấn, và lệnh cho hạm đội mà họ đã cung cấp thuỷ thủ binh lính bơi vòng vào cảng Hyllaicus; và trong khi hạm đội đó đang làm theo lệnh, họ đã tiêu diệt những kẻ trong phe đối địch mà họ tóm được, rồi trong lúc họ cho người trên thuyền lên bờ họ đã kết liễu nốt những

kẻ mà họ đã thuyết phục lên những con thuyền đó. Tiếp tới họ đến đền thờ Hera và thuyết phục khoảng năm mươi người chịu sự xét xử của họ, và tuyên tất cả bọn này tội chết. Số đông những kẻ thỉnh nguyện mà đã từ chối theo lời họ, khi nhìn thấy những gì đang diễn ra, đã giết lẫn nhau trong thánh thất đó; trong khi một số đã tự treo cổ lên cây, và những kẻ khác đã tự sát bằng những cách khác mà họ có thể thực hiện được. Trong bảy ngày mà Eurymedon cùng sáu mươi chiến thuyền của ông ta lưu lại đó, dân Corcyra bận rộn tàn sát đồng bào của họ mà họ coi là kẻ thù, và mặc dù những kẻ tội phạm đã bị quy là nỗ lực hạ bệ nền dân chủ, một số người cũng đã bị giết vì tư thù, một số khác bị những con nợ của mình sát hại vì số tiền chưa trả được. Cái chết vì vậy đã hoành hành dưới mọi dạng thức; và, như thường vẫn xảy ra vào những thời điểm như vậy, không có nơi nào mà bạo lực không vươn tới; những đứa con trai đã bị chính những người cha của mình giết hại, và những kẻ thỉnh nguyện đã bị kéo khỏi bệ thờ hoặc bị giết ngay trên đó; trong khi một số thậm chí đã bị nhốt trong đền thờ Dionysus và chết ở đó.

Tiến trình của cuộc cách mạng thật đẫm máu, và ấn tượng mà nó tạo ra còn kinh hoàng hơn thế nhiều vì nó là một trong những cuộc cách mạng đầu tiên nổ ra. Có thể nói là sau cuộc cách mạng này toàn cõi Hy Lạp bị chấn động; những trận giao tranh khởi phát ở khắp các xứ bởi các thủ lĩnh của dân chúng định mời quân Athens vào, và bởi các thủ lĩnh *oligarch* định mời quân Lacedaemon vào. Thời bình ắt chẳng có duyên có gì cũng chẳng ai mong muốn gì mà mời mọc kiểu ấy; nhưng thời chiến, lúc nào cũng luôn sẵn có một liên minh cho một trong hai phe phái tùy ý sử dụng để làm hại đối thủ của mình và để giành lợi thế tương ứng cho riêng họ, thì những phe làm cách mạng chẳng khi nào thiếu cơ hội đưa ngoại bang vào cả. Những thống khổ mà cách mạng đã gây ra cho các thành bang thật nhiều và thật khủng khiếp, là những gì đã xảy ra và sẽ còn xảy ra mãi không thôi, chừng nào bản chất của loài người còn chưa thay đổi, dù dưới dạng thức khốc liệt hơn hay ôn hòa hơn, và các biểu hiện của chúng luôn thay đổi theo sự đa dạng của các tình huống cụ thể khác nhau. Trong lúc thái bình thịnh vượng, các thành bang và các cá nhân có quan điểm thái độ tốt hơn bởi họ không

thấy mình đột nhiên phải đương đầu với nhu cầu cấp thiết; nhưng chiến tranh lấy đi mất nguồn cung thoải mái cho những nhu cầu hằng ngày, và nó chứng tỏ mình là một chủ nhân khắc nghiệt đến độ đẩy phẩm cách của hầu hết mọi người xuống ngang hàng với mức tài sản của họ. Như vậy cách mạng đã tiến triển theo con đường tự nhiên của nó từ thành bang này sang thành bang khác, và những nơi nó đến sau cùng, vì đã nghe được những gì người ta làm trước đó, đã đẩy những sáng tạo tinh vi của họ lên một tầm còn cao hơn thế rất nhiều, như họ đã thể hiện ở những mưu mô xảo quyệt và những cuộc trả thù tàn bạo của mình. Ngôn từ đã phải cởi bỏ ý nghĩa thông thường của chúng để khoác lấy những ý nghĩa mà lúc này người ta gán cho chúng. Tính táo bạo khinh suất thành ra lại được coi là lòng dũng cảm của một đồng minh trung thành; tính e dè cẩn trọng bị coi là ẩn chứa sự hèn nhát; sự khiêm tốn là cái lốt che đậy tính nhu nhược; khả năng nhìn thấy mọi mặt của một vấn đề là không đủ năng lực hành động trên bất kỳ mặt nào. Bạo lực điên cuồng mới xứng với tố chất nam nhi; mưu mô cẩn trọng là phương cách tự vệ chính đáng. Kẻ chủ trương những biện pháp cực đoan luôn đáng tin cậy; kẻ đối lập với anh ta bị coi là đáng ngờ. Thành công trong một âm mưu tức là có đầu óc sắc bén, đoán trước được một âm mưu tức là đầu óc còn sắc bén hơn thế nữa; nhưng cố gắng phòng xa lại liên can đến hoặc định ly khai phe phái hoặc sợ hãi kẻ thù của mình.

Tóm lại, ngăn chặn trước một tội ác sắp xảy ra hay gợi ý gây tội ác ở nơi chưa có tội ác đều đã được hoan nghênh như nhau đến nỗi ngay cả quan hệ máu mủ ruột rà đã trở nên nhạt nhẽo hơn quan hệ phe phái, do sự sẵn sàng cao độ của những kẻ liên kết với nhau bởi phe phái dám làm tất thảy mọi việc mà chẳng phải e ngại gì; bởi những mối liên kết như vậy đã không có ý định hướng đến những điều tốt đẹp do các thể chế đã được xác lập mang lại mà được hình thành từ tham vọng lật đổ các thể chế đó; và lòng tin tưởng lẫn nhau của các thành viên trong những phe phái đó chẳng dựa trên bất kỳ một giáo luật nào mà đúng hơn là dựa trên sự đồng lõa phạm tội. Những đề xuất đúng đắn của một đối thủ gặp phải sự đề phòng đầy ghen tị của đối thủ kia mạnh hơn mà không gặp được sự tin tưởng hào hiệp. Trả thù cũng được trọng vọng hơn tự vệ. Những lời tuyên thệ giảng hoà, được bên này hoặc

bên kia đưa ra nhằm đối phó với tình thế gay go trước mắt, chỉ được tuân thủ chừng nào trong tay không có vũ khí khác; nhưng một khi thời cơ xuất hiện, kẻ dám liều trước để chớp lấy và tóm được kẻ địch lúc sơ hở sẽ cho rằng sự trả thù lén lút này còn khoái trá hơn là sự trả thù công khai, bởi vì chưa kể đến sự an toàn, thì thành công bằng sự trí trá đã đem lại cho hẳn niềm vui chiến thắng vì cao thủ hơn kẻ địch. Quả thực nhìn chung thì người ta sẵn lòng gọi những kẻ trí trá là thông minh hơn là gọi những người khờ khạo là trung thực, và thấy xấu hổ phải làm loại người thứ hai cũng y như tự hào được làm loại người thứ nhất. Căn nguyên của tất cả những điều xấu xa này là lòng thèm khát quyền lực nảy sinh từ tính háo danh và tham vọng; và những ham hố đó dẫn đến bạo lực của các phe phái một khi đã dẫn vào cuộc ganh đua. Những thủ lĩnh ở các thành bang, mỗi người đều đưa ra những tuyên bố hay ho nhất, một bên kêu gọi bình đẳng chính trị cho toàn dân, bên kia hô hào ủng hộ chế độ quý tộc ôn hoà, họ mưu cầu lợi lộc cho bản thân mình trong những lợi ích của dân chúng mà họ giả bộ bảo vệ, và không chùn tay với bất kỳ biện pháp nào trong cuộc tranh giành quyền lực, họ tham gia vào những hành vi cực đoan tàn khốc nhất; họ không từ một thủ đoạn nào trong những hành động trả thù của mình, không dừng lại ở những gì mà công lý hoặc lợi ích của bang đòi hỏi, mà biến tính bốc đồng nhất thời của phe phái thành chuẩn mực duy nhất của họ, và họ sẵn sàng vin vào một phán quyết không công bằng cũng như sẵn sàng vin vào quyền lực của một bàn tay mạnh để trút hận tức thời. Thế nên chẳng phe phái nào coi trọng tín ngưỡng cả, mà chỉ để cao việc dùng những lời hoa mỹ để đạt được mục đích tội lỗi. Trong khi đó bộ phận dân chúng ôn hoà bị thiệt mạng giữa hai phe phái đó, hoặc vì không tham gia vào tranh chấp, hoặc vì sự đố kỵ đã không để cho họ thoát thân.

Như vậy mọi hình thức tội lỗi đã bắt rễ vào các xứ Hy Lạp vì tình trạng rối loạn đó. Tính dung dị thuở xưa rất được kính trọng nay bị chê cười nhạo báng và rồi biến mất; và xã hội đi đến chỗ phân chia thành các phe phái mà trong đó chẳng một ai tin được những kẻ đồng hội đồng thuyền với mình. Để chấm dứt tình trạng này lại chẳng có một lời hứa nào có thể trông cậy vào được, cũng chẳng có một lời thề nào có thể khiến người ta kính trọng;

mà trái lại tất cả các bè phái trong lúc nhất mực cho rằng tình hình vĩnh viễn vô vọng, đã chăm chăm tự phòng vệ hơn là tin cậy lẫn nhau. Trong cuộc ganh đua này thì những kẻ đầu óc ngu si lại là những kẻ thành công nhất. Lo lắng vì sự kém cỏi của bản thân và trí thông minh của địch thủ, họ sợ sẽ bị đánh bại trong cuộc tranh luận và bị những đối thủ linh hoạt hơn họ liên hiệp lại công kích bất ngờ, thế nên họ chỉ còn cách liều lĩnh hành động ngay lập tức: trong lúc các đối thủ của họ – đang ngạo mạn nghĩ rằng sẽ biết được đúng lúc, và rằng không nhất thiết phải chiếm được bằng hành động những gì mà đường lối chính sách có thể mang lại – thường bị thua vì thiếu cảnh giác.

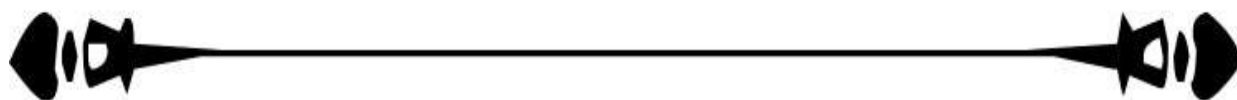
Trong thời gian này Corcyra đã nêu tấm gương đi đầu về hầu hết mọi tội lỗi nêu trên; về những vụ trả thù mà những người bị thống trị khăng khăng đòi hỏi khi thời của họ đến – những người này chưa từng được nếm trải cách đối xử công bằng mà kỳ thực là chưa từng được nếm trải gì ngoài sự bạo ngược của những kẻ thống trị họ ra; về những quyết tâm tội lỗi của những kẻ ước ao trút bỏ sự nghèo đói quen thuộc của họ và thèm nhỏ dãi tài sản của láng giềng; và cuối cùng là về sự độc ác và tàn nhẫn cực độ mà những kẻ vừa khởi cuộc tranh giành, với tinh thần bè đảng chứ chẳng phải với tinh thần giai cấp, đang hối hả lao vào với nhiệt tình không kiềm chế được. Trong cảnh rối ren mà cuộc sống ở các trấn, các thành lâm vào lúc bấy giờ, bản chất của con người, vẫn luôn nổi loạn chống lại luật lệ và lúc này lại làm chủ luật lệ đó, sung sướng tỏ ra mình không bị kiềm chế trong cơn say sưa cuồng nhiệt của nó, đứng trên cả sự tôn trọng công lý, và là kẻ thù của mọi thứ ưu trội hơn; bởi sự phục thù lẽ ra đã chẳng được đặt cao hơn tín ngưỡng và cao hơn công lý, nếu không có sức mạnh huỷ diệt của lòng đố kỵ. Thực ra trong lúc theo đuổi việc trả thù riêng của mình, người ta thường rất hay khoác lên mình cái trách nhiệm làm gương về việc thủ tiêu những luật lệ chung mà ai cũng có thể tìm kiếm sự che chở ở đó khi gặp nghịch cảnh, thay vì để cho những luật lệ ấy tồn tại phòng một ngày nguy khốn biết đâu lại cần đến sự trợ giúp của chúng.

Trong lúc nhiệt tình cách mạng lần đầu tiên được thể hiện như vậy trong các phe phái ở Corcyra, thì Eurymedon và hạm đội của Athens lên thuyền

rời khỏi đảo này; sau khi họ đi khỏi, khoảng năm trăm người Corcyra bị lưu đày may mắn trốn thoát được đã chiếm một số công sự trên lục địa, và trở thành các chủ nhân vùng lãnh thổ của Corcyra ở phía bờ biển đối diện^[14], biến nơi đó thành căn cứ của mình để cướp bóc những đồng bào của chúng trên hải đảo đối diện, và đã gây tổn hại rất lớn khi khiến trấn này lâm vào nạn đói trầm trọng. Chúng cũng gửi các sứ giả của mình tới Lacedaemon và Corinth để thương lượng về việc đưa chúng về lại Corcyra; nhưng không thành, sau đó chúng tập hợp thuyền bè và lính đánh thuê, và vượt biển sang hải đảo này, chừng sáu trăm tên cả thủy; rồi đốt hết thuyền bè để tuyệt đường hy vọng ngoại trừ hy vọng duy nhất là trở thành chủ nhân xứ đó, chúng lên núi Istone, và sau khi tự củng cố phòng vệ ở đó, chúng bắt đầu quấy rối dân chúng trong thành và giành được quyền kiểm soát xứ này.

Vào cuối mùa hạ năm ấy, Athens phái hai mươi chiến thuyền dưới quyền chỉ huy của Laches^[15] con trai của Melanopus, và Charoeades con trai của Euphiletus đến Sicily, nơi dân Syracuse^[16] và dân Leontini^[17] đang đánh nhau. Dân Syracuse có đồng minh là tất cả các thành bang Doris ngoại trừ Camarina^[18] – những thành bang đó đều nằm trong liên minh của Lacedaemon ngay từ đầu cuộc chiến tranh này mặc dù không chủ động tham gia vào cuộc chiến, dân Leontini thì có đồng minh là Camarina và các thành thuộc Chalcis. Ở Italy có dân Locris^[19] về phe với Syracuse và dân Rhegium^[20] về phe Leontini thân tộc của họ. Các đồng minh của Leontini lúc bấy giờ đã cử người tới Athens và khẩn khoản cầu viện liên minh lâu đời và dòng dõi Ionia với mình, hầu thuyết phục người Athens gửi cho họ một hạm đội, vì Syracuse đang phong tỏa họ cả trên đất liền lẫn trên biển. Athens đã cử hạm đội đi trên danh nghĩa là cùng dòng dõi với họ, nhưng trên thực tế là để ngăn chặn việc xuất khẩu ngũ cốc từ Sicily sang Peloponnese và để thăm dò khả năng chinh phục Sicily. Vì vậy họ đóng tại Rhegium trên đất Italy, và từ nơi đó họ tiến hành chiến tranh phối hợp với các đồng minh của mình.

Chương XI



NĂM CHIẾN TRANH THỨ SÁU – CÁC CHIẾN DỊCH CỦA DEMOSTHENES Ở MIỀN TÂY HY LẠP – AMBRACIA THẢM BẠI

Lúc này mùa hạ đã qua đi. Mùa đông tiếp theo đó, bệnh dịch hạch tấn công người Athens lần thứ hai; vì dù nó chưa hề rời hẳn khỏi họ nhưng đã có một đợt thừa ngớt đi trong những cuộc tàn phá của nó. Cuộc viếng thăm lần thứ hai này kéo dài không dưới một năm, lần thứ nhất kéo dài hai năm; và chẳng có gì khiến người Athens khổ hơn và khiến sức mạnh của họ suy giảm hơn là bệnh dịch đó. Không dưới bốn ngàn bốn trăm bộ binh hạng nặng và ba trăm kỵ binh đang tại ngũ đã chết vì nó, ngoài một số đông dân chúng mà chẳng bao giờ xác định được. Đồng thời đã xảy ra nhiều trận động

đất ở Athens, Euboea và Boeotia, đặc biệt là ở thành Orchomenus của xứ sở được kể đến cuối cùng.

Cùng mùa đông năm đó, quân Athens ở Sicily và quân Rhegium, với ba mươi chiến thuyền, đã khởi một cuộc viễn chinh đánh các đảo Aeolus^[1]; vào mùa hạ không thể xâm lược quần đảo này được vì nước cạn. Các hải đảo này do dân Lipara một thuộc địa của Cnidus^[2], chiếm giữ; họ sống trên một trong những hải đảo ấy, diện tích chẳng lớn là mấy, được gọi là Lipara^[3], và từ nơi trung tâm đó của mình họ sang canh tác trên những đảo còn lại là Didyme^[4], Strongyle^[5] và Hiera^[6]. Dân xứ đảo Hiera tin rằng thần thợ rèn Hephaestus đặt lò rèn của ngài tại đảo này, bởi họ thấy nó phụt ra vô số những ngọn lửa lúc ban đêm và khói lúc ban ngày. Những hải đảo này nằm ngoài khơi vùng bờ biển của dân bản địa Sicily^[7] và dân Messina^[8], và là đồng minh của dân Syracuse. Quân Athens tàn phá đất đai của họ, và vì những cư dân ở đây không chịu quy hàng, họ quay thuyền về Rhegium. Mùa đông đó đã kết thúc như vậy, và kết thúc cùng với nó là năm thứ năm của cuộc chiến tranh này, cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách.

Mùa hạ tiếp theo người Peloponnese và các đồng minh của họ cất quân xâm lược Attica dưới quyền chỉ huy của Agis^[9] con trai của Archidamus, và họ đã đi tới tận Eo đất, nhưng nhiều trận động đất đang xảy ra nên họ lại quay về mà không tiến hành cuộc xâm lược đó. Trong khoảng thời gian này những trận động đất đó rất thường xảy ra, biển ở Orobiae^[10], thuộc Euboea, rút khỏi nơi mà lúc đó vẫn còn là đường bờ biển, rồi quay lại với một đợt sóng khổng lồ và ập vào đại bộ phận trấn này, và khi rút đi nó để lại một số nơi vẫn còn ngập nước; vì thế nơi mà một thời đã từng là đất liền thì bây giờ thành biển; cư dân của những vùng đó thiệt mạng vì không kịp chạy lên vùng đất cao hơn. Một cơn sóng lũ tương tự cũng đã xảy ra tại Atalanta, một hải đảo ngoài khơi bờ biển của dân Locri opuntii, cuốn theo một phần công sự của Athens và đập tan tành một trong hai con thuyền bị cuốn vào bờ. Ở Peperethus^[11] biển cũng rút ra bên ngoài một chút nhưng không kéo theo cơn sóng lũ nào; và một trận động đất đã quật đổ một đoạn thành lũy, toà thị chính và một vài toà nhà khác. Căn nguyên của hiện tượng này, như tôi nghĩ,

phải tìm trong trận động đất. Tại điểm nó gây chấn động mãnh liệt nhất, biển bị đẩy lui và bất thành lình dội ngược lại mạnh gấp hai lần, gây ra đợt sóng thần ấy. Nếu không vì động đất thì tôi không thấy có nguyên nhân nào để một thiên tai như vậy có thể xảy ra.

Trong cùng mùa hạ đó, những chiến dịch khác nhau đã được xúc tiến bởi các bên tham chiến ở Sicily; bởi chính các thực dân Hy Lạp ở Sicily^[12] đánh lẫn nhau và bởi quân Athens và các đồng minh của họ: tuy vậy tôi sẽ phải tự giới hạn mình trong những trận đánh mà quân Athens tham gia, đồng thời lựa chọn những trận đánh quan trọng nhất. Cái chết của vị tướng Athens là Charoeades, bị quân Syracuse giết trong trận đánh, đã để cho một mình Laches quyền chỉ huy toàn bộ hạm đội mà lúc này ông ta đang chỉ đạo phối hợp với các đồng minh đánh Mylae^[13], một nơi thuộc Messina. Hai đội quân của Messina đồn trú tại Mylae đã bố trí một cuộc phục kích toán quân đang đổ bộ từ các chiến thuyền xuống, nhưng lại bị quân Athens và các đồng minh của họ đánh cho tan tác và chém giết tơi bời, rồi ngay sau đó họ đột kích công sự và bắt quân đồn trú phải dâng nộp Acropolis [Vệ thành] và hành quân theo họ tiến đánh Messina. Trấn này sau đó cũng quy hàng khi quân Athens và các đồng minh tiến vào, và giao nộp con tin và những khoản đảm bảo khác như bị đòi.

Cùng mùa hạ ấy Athens phái ba mươi chiến thuyền tuần tiễu quanh Peloponnese dưới quyền chỉ huy của Demosthenes^[14] con trai của Alcisthenes, và Procles con trai của Theodorus cùng sáu mươi người khác, với hai ngàn bộ binh hạng nặng dưới quyền chỉ huy của Nicias con trai của Niceratus tiến đánh Melos; họ mong muốn chinh phục dân Melos, những người dù chỉ là dân xứ đảo nhưng đã từ chối không chịu thần phục Athens hoặc thậm chí là tham gia liên minh với nó. Cuộc tàn phá đất đai của dân này không buộc được họ phải quy phục, nên hạm đội ấy nhổ neo từ Melos dong buồm tới trấn Oropus trên lãnh thổ Graea, và đổ bộ lúc màn đêm buông xuống, các bộ binh hạng nặng ngay lập tức rời thuyền khởi hành theo đường bộ đến trấn Tanagra trên đất Boeotia, nơi mà theo một hiệu lệnh phối hợp, toàn bộ đạo quân của Athens dưới quyền chỉ huy của Hipponicus con

trai của Callias, và Eurymedon con trai của Thucles đón họ ở đó. Họ lập trại, và tàn phá lãnh thổ Tanagra suốt ngày hôm đó, rồi ở lại qua đêm; và hôm sau, khi đã đánh bại những quân Tanagra bơi thuyền ra nghênh chiến và một số quân Thebes vừa đến trợ chiến cho quân Tanagra, họ đoạt được một số vũ khí, dựng một đài chiến tích, và rút lui, một phần binh lính về thành và số khác lên thuyền. Nicias và sáu mươi chiến thuyền của ông ta dong buồm men theo bờ biển và tàn phá vùng duyên hải của Locris, và hồi hương.

Vào khoảng thời gian này người Lacedaemon kiến lập thuộc địa Heraclea ở Trachis^[15], mục đích của họ là thế này: dân Malis^[16] được hình thành từ ba tộc dân gồm dân Paralii^[17], dân Hierii^[18] và dân Trachinii^[19]. Dân Trachinii, đã phải chịu tổn thất nặng nề trong một cuộc chiến tranh với dân Oetaea^[20] láng giềng của họ, thoát đầu đã định theo Athens, nhưng sau lại e rằng sẽ không tìm được ở đó sự đảm bảo an toàn mà họ mưu cầu, liền chọn Tisamenus làm sứ giả của họ và cử ông ta sang sứ Lacedaemon. Trong sứ bộ này có cả những người Doris từ xứ mẹ của Lacedaemon tham gia, với cùng một đề nghị như thế, do họ cũng bị khốn khổ bởi một kẻ thù chung. Sau khi nghe họ trình bày, người Lacedaemon quyết định phái người sang đó lập thuộc địa, vì mong muốn giúp dân Trachinii và Doris, và cũng vì họ nghĩ rằng cái trấn được dự kiến đó sẽ nằm ở vị trí thuận lợi cho những mục đích của cuộc chiến tranh chống lại Athens. Một hạm đội có lẽ sẽ được đặt sẵn ở đó để đánh Euboea, với lợi thế là con đường gần để sang hải đảo đó; và trấn này cũng sẽ hữu dụng như một đồn trạm trên con đường dẫn tới Thrace. Nói tóm lại, mọi thứ đều khiến người Lacedaemon háo hức muốn kiến lập trấn đó. Sau khi thỉnh ý vị thần tại Delphi trước nhất và được thần thuận cho, họ đưa những thực dân của mình sang đó, là dân Sparta và dân tự trị *Perioeci*, đồng thời còn mời thêm bất kỳ dân nào khác ở Hy Lạp muốn đi cùng với họ, ngoại trừ dân Ionia, dân Achaea và một số xứ dân nhất định; ba người Lacedaemon đứng đầu như những người sáng lập thuộc địa này là Leon, Alcidas và Damagon. Cuộc định cư đã được thực hiện, họ lại bắt tay vào củng cố phòng thủ cho thành này, giờ đây được gọi là Heraclea, cách Thermopylae chừng bốn dặm rưỡi và cách biển hai dặm một phần tư, và bắt

tay vào xây dựng các âu cho tàu thuyền đậu, khép lại phía nhìn sang Thermopylae bằng chính con đèo Thermopylae, để họ dễ bề phòng thủ.

Việc kiến lập trấn này, hiển nhiên là nhằm quấy rối Euboea (con đường vượt biển sang mũi Ceneum^[21] trên đảo đó là một con đường ngắn), thoát đầu đã khiến Athens lo lắng, nhưng thực tế đã chẳng có gì xảy ra để chứng minh cho điều đó cả, trấn này chẳng hề gây bất kỳ phiền hà nào cho họ. Nguyên ủy của việc ấy là thế này: dân Thesaly, là những người đang nắm chủ quyền ở những vùng đất đó và lãnh thổ của họ bị đe dọa vì việc kiến lập trấn đó, sợ rằng nó có thể chứng tỏ là một láng giềng rất hùng mạnh, và vì vậy liên tiếp quấy rối và gây chiến với những dân mới định cư ở đó, cho đến khi rốt cục họ làm cho những người này kiệt quệ bất chấp số lượng ban đầu đông đáng kể – dân chúng đã từ khắp mọi miền ùn ùn kéo về cái nơi do người Lacedaemon kiến lập nên ấy và vì vậy được coi là nơi được đảm bảo là sẽ phồn thịnh. Mặt khác người Lacedaemon, mà đại diện là các quan tổng trấn ở đó, đã góp phần nhiều nhất trong việc huỷ hoại sự thịnh vượng và làm giảm dân số của nơi này, do họ đã khiến phần đông cư dân ở đó hoảng sợ mà bỏ đi bởi sự cai trị hà khắc và đôi khi bất công, và như vậy đã tạo điều kiện cho lân bang của họ dễ dàng đánh bại họ hơn.

Cùng mùa hạ năm đó, cũng khoảng chừng thời gian mà quân Athens bị cầm chân tại Melos, những công dân đồng bào của họ^[22] trên ba mươi chiến thuyền đang tuần tiễu quanh Peloponnese, sau khi tiêu diệt một số lính gác trong một cuộc đột kích tại trấn Ellomenus trên đảo Leucadia^[23] liền đi đánh chính Leucas^[24] với một đạo quân lớn, họ đã được tăng viện bằng toàn bộ quân lực của Acarnania ngoại trừ Oeniadae, và quân Zacynthus và quân Cephallenia cùng mười lăm chiến thuyền từ Corcyra. Trong lúc dân Leucas tận mắt chứng kiến đất đai của mình bị tàn phá, cả bên ngoài lẫn bên trong doi đất nơi trấn Leucas và đền thờ Apollo tọa lạc, mà không có bất cứ một động thái nào vì quân địch đông đến áp đảo, thì quân Acarnania hối thúc Demosthenes, vị tướng của Athens, xây một thành lũy nhằm tách rời trấn đó ra khỏi lục địa, một biện pháp mà họ tin chắc là sẽ đảm bảo chiếm được nó và tổng khứ kẻ địch khó nhằn nhất ấy một lần là mãi mãi.

Thế nhưng Demosthenes trong lúc đó đã bị dân Messenia thuyết phục rằng đây thật là một cơ hội tốt để ông ta tấn công dân Aetolia khi đã tập hợp được một đạo quân lớn đến thế, vì chẳng những dân này là kẻ thù của Naupactus, mà nếu chinh phục được họ thì còn có thể dễ dàng lấy được những nơi còn lại ở vùng đó của đại lục về cho Athens. Dân tộc Aetolia dù đông đảo và thiện chiến nhưng lại sinh sống ở những làng mạc không có thành lũy bảo vệ nằm rải rác xa nhau, và chẳng có gì ngoài áo giáp nhẹ, và theo lời dân Messenia nói thì chẳng khó khăn gì cũng đánh bại được dân ấy trước khi quân cứu viện kịp đến. Kế hoạch mà họ đề xuất là trước hết hãy tấn công dân Apodotia^[25], tiếp đến dân Ophionea^[26], và sau đó là dân Eurytania^[27], dân này là tộc dân đông nhất ở Aetolia và nghe đồn họ bằng nói một thứ ngôn ngữ cực kỳ khó hiểu và ăn thịt sống. Một khi những xứ dân này bị chinh phục rồi thì những dân còn lại sẽ dễ dàng về với họ.

Demosthenes đồng ý với kế hoạch này, không chỉ để làm hài lòng dân Messenia, mà còn vì tin rằng thêm xứ Aetolia vào những đồng minh trên lục địa của mình là ông ta không cần viện trợ từ hậu phương cũng có thể tiến đánh Boeotia theo con đường từ lãnh thổ của dân Locri Ozoli đến Kytinium^[28] ở Doris, căn đường để núi Parnassus luôn ở bên tay phải của mình cho đến khi ông ta đột ngột kéo quân xuống chỗ dân Phocis, những kẻ mà ông ta có thể dùng vũ lực bắt phải theo nếu mỗi bang giao từ xưa của họ với Athens không khiến được họ theo ông ta ngay lập tức như ông ta tiên liệu. Đến được Phocis là ông ta đã ở trên biên giới của Boeotia rồi. Vì thế ông ta bèn nhổ neo từ Leucas, trái với mong muốn của quân Acarnania, và cùng toàn bộ đạo quân của mình bơi thuyền men theo bờ biển tới Sollium^[29], nơi ông ta truyền đạt cho quân Acarnania biết ý đồ của mình; và khi họ từ chối không đồng thuận với ý đồ đó vì không vây hãm Leucas, ông ta đã tự mình mang toàn bộ lực lượng còn lại, là quân Cephallenia, quân Messenia và quân Zacynthus cùng ba trăm lính thủy đánh bộ Athens từ các chiến thuyền của ông ta (mười lăm chiến thuyền của Corcyra đã rời khỏi đó), khởi cuộc viễn chinh đi đánh Aetolia. Ông ta lập căn cứ của mình ở Oeneon^[30] trên đất Locris, vì dân Locri Ozoli là đồng minh của Athens và sẽ phải đón ông ta với toàn bộ quân lực của họ trong nội địa. Là xứ láng giềng của

Aetolia và được vũ trang theo cùng một cách, họ được cho là sẽ rất đặc dụng trong cuộc viễn chinh đó vì họ thông thạo và quen với cách đánh trận của những xứ dân ở vùng này.

Sau khi cùng với đạo quân của mình lập trại ngoài trời qua đêm trong khu thánh địa thờ thần Zeus Nemea^[31], nơi mà tương truyền nhà thơ Hesiod^[32] đã bị dân xứ này sát hại theo một lời tiên tri rằng ông sẽ phải chết ở Nemea, rạng sáng hôm sau Demosthenes kéo quân đi xâm lược Aetolia. Ngày đầu tiên ông ta chiếm Potidania^[33], hôm sau chiếm Krokyale^[34], và ngày thứ ba chiếm Tichium^[35], nơi ông ta tạm nghỉ lại và gửi chiến lợi phẩm về Eupalium^[36] ở Locris, sau khi hạ quyết tâm theo đuổi những cuộc chinh phục của mình đến tận xứ dân Ophionia, và nếu họ không chịu quy hàng, ông ta sẽ quay trở về Naupactus và sẽ biến họ thành mục tiêu của cuộc viễn chinh lần thứ hai. Trong khi đó dân Aetolia đã biết ý đồ của ông ta từ khi nó mới hình thành, và ngay khi đạo quân này xâm phạm vào bờ cõi của họ, họ liền kéo đến với một lực lượng rất lớn của tất cả các tộc dân của họ, thậm chí ngay cả dân Ophionia ở nơi xa xôi nhất, dân Bomi và dân Callium^[37], những tộc dân trải dài đến tận vùng vịnh Malis^[38], cũng nằm trong số đó.

Song quân Messenia vẫn bám vào lời khuyên ban đầu của họ. Đoan chắc với Demosthenes rằng chinh phục dân Aetolia là việc dễ như không, họ giục ông ta đẩy mạnh cuộc xâm lược càng nhanh càng tốt, và cố gắng chiếm những làng mạc đó ngay khi ông ta đến nơi mà đừng đợi đến khi cả xứ đó vũ trang chống lại ông ta. Được những kẻ tham mưu đó dẫn dắt và tin tưởng vào vận may của mình khi ông ta chưa gặp phải bất kỳ một sự kháng cự nào, không đợi quân tăng viện từ Locris – nơi lẽ ra đã phải cung cấp cho ông ta quân phóng lao giúp trợ nhẹ mà ông ta thiếu nhất, ông ta tiến quân và tấn công ồ ạt vào trấn Aegitium^[39], dân chúng ở đây tháo chạy trước ông ta và đóng trên những mỏm đồi bên trên trấn, mà trấn thì ở trên một vùng đất cao cách biển khoảng chín dặm đường. Trong khi đó quân Aetolia đã tập hợp lại để đi cứu nguy, và bấy giờ họ bắt đầu tấn công quân Athens và các đồng minh, họ vừa chạy từ những mỏm đồi xuống từ mọi phía vừa phóng ra những cây lao của mình, lùi lại mỗi khi đạo quân Athens tiến lên, và xông

tới mỗi khi quân kia lùi lại; và chiến trận cứ dang dai như vậy hồi lâu, hết tiến lại thoái, trong cả hai động thái này thì quân Athens bị bất lợi hơn cả.

Tuy vậy chừng nào các cung thủ của họ vẫn còn tên để bắn và còn đủ lực để dương cung bắn những mũi tên đó, thì họ vẫn tri tri không nhượng bộ, quân Aetolia mang giáp trụ nhẹ thoái lui trước những loạt tên bắn ra; nhưng sau khi vị chỉ huy quân cung thủ tử trận và quân của ông ta tứ tán, thì binh lính, đã mệt lử vì liên tục phải vận sức hết lần này sang lần khác và bị quân Aetolia dồn ép mạnh bằng những cây lao của họ, rốt cục đành quay lưng tháo chạy, và rơi vào những khe rãnh không lối thoát và những nơi mà họ không thuộc đường, vì vậy mà bỏ mạng, Chromon người Messenia là kẻ dẫn đường cho họ chẳng may cũng đã bị giết. Một số rất đông bị bắt kịp trong cuộc truy đuổi của quân Aetolia mang giáp nhẹ và rất lẹ chân, và gục xuống dưới những mũi lao của họ; nhưng một số còn đông hơn thế đã lạc đường và chạy vội vào trong rừng nơi không có lối ra, cánh rừng đó mau chóng bị kẻ địch của họ phóng hỏa và lửa bủa vây họ tứ phía. Quả thực đạo quân Athens đã trở thành nạn nhân của mọi cách chết, và đã phải hứng chịu mọi nỗi gian truân khi trốn chạy; những kẻ sống sót khó khăn lắm mới chạy thoát được ra biển và tới trấn Oeneon ở Locris, rồi từ nơi đó họ lên đường. Rất nhiều quân đồng minh của họ đã bị giết, và khoảng một trăm hai mươi bộ binh hạng nặng của Athens, không kém, và tất cả đều đang độ đầu xanh tuổi trẻ. Đó là những con người ưu tú nhất của thành Athens đã ngã xuống trong cuộc chiến tranh này. Trong số những người bị giết có cả Procles, một vị tướng đồng chỉ huy với Demosthenes. Lúc bấy giờ quân Athens thu nhặt xác binh lính của mình theo thoả thuận tạm đình chiến với quân Aetolia, và rút về Naupactus, rồi từ đó họ lên thuyền về Athens; Demosthenes ở lại Naupactus và vùng lân cận, vì sợ phải đối mặt với người Athens sau thảm họa này.

Cũng vào khoảng thời gian này quân Athens trên bờ biển Sicily lên thuyền đi Locris, và trong một cuộc đột kích mà họ thực hiện từ thuyền vào, họ đã đánh bại quân Locris khi quân này ra nghênh chiến với họ, và chiếm một pháo đài bên sông Halex^[40].

Cùng mùa hạ năm ấy dân Aetolia – dân này trước cuộc viễn chinh của Athens đã gửi một sứ bộ tới Corinth và Lacedaemon, gồm Tolophus người Ophionia, Boriades người Eurytania và Tisander người Apodotia – đã thuyết phục được các thành bang đó cử một đạo quân đến giúp họ đánh Naupactus vì nó đã mời quân Athens vào xâm lược. Người Lacedaemon y lời gần đến mùa thu năm đó đã cử ba ngàn bộ binh hạng nặng của các đồng minh đi, năm trăm quân trong số đó là từ thành Heraclea mới được lập ở Trachis, dưới quyền chỉ huy của Eurylochus người Sparta, cùng đi với ông ta còn có Macarius và Menedaius, cũng là người Sparta.

Sau khi đạo quân này tề tựu đông đủ tại Delphi, Eurylochus phái một viên sứ truyền tin tới dân Locri Ozoli; con đường đi Naupactus chạy xuyên qua lãnh thổ của họ, ngoài ra ông ta còn ấp ủ ý đồ ly gián họ khỏi Athens. Những kẻ ở Locris xúi giục ông ta chủ yếu là dân trấn Amphissa^[41], họ đang lo lắng vì sự thù địch của dân Phocis. Dân này trước hết đã tự giao nộp con tin, và dụ những dân còn lại cũng làm theo mình vì sợ đạo quân xâm lược ấy; đầu tiên là dân Myonia láng giềng với họ, dân này kiểm soát những đường đèo hiểm trở nhất, và sau họ là dân các trấn Ipnus, Messapia, Tritaea, Chalaenum, Tolophon, Hesus và Oeantheia^[42], tất cả các dân này đều tham gia cuộc viễn chinh đó; dân Olpae chấp nhận giao nộp con tin nhưng không đi theo cuộc xâm lược; còn dân Hyle^[43] từ chối cả hai việc cho đến khi Polis, một trong những làng mạc của họ, bị chiếm đoạt.

Việc chuẩn bị đã hoàn tất, Eurylochus an trí các con tin tại thành Kytinium của Doris, và tiến đánh Naupactus xuyên qua xứ sở của dân Locri, trên đường đi ông ta đã chiếm Oeneon và Eupalium, là hai trong số các trấn của họ đã từ chối tham gia viễn chinh với ông ta. Đặt chân vào lãnh thổ Naupactus, và lúc này đã có thêm quân Aetolia nhập vào, đạo quân này tàn phá miền đất ấy và chiếm khu vực ngoại ô của trấn, nơi không được củng cố phòng thủ; và sau trấn này họ còn chiếm cả Molycrium, một thuộc địa của Corinth nhưng phụ thuộc Athens. Trong lúc đó Demosthenes của Athens, người mà từ trận Aetolia vẫn ở gần Naupactus, hay tin về đạo quân này và lo lắng cho trấn ấy, đã đến thuyết phục dân Acarnania đi cứu

Naupactus, dù chẳng dễ dàng gì do việc ông ta rút quân khỏi Leucas. Dân này y lời phái lên thuyền cùng với ông ta một ngàn bộ binh hạng nặng, những quân này đã liều mình xông vào và cứu được trấn đó; nếu không thì bức thành lũy dài với số lượng người bảo vệ quá ít đã đặt nó vào nguy cơ cực kỳ to lớn. Trong lúc đó Eurylochus và các đồng đội của mình, thấy rằng lực lượng này đã vào được trong trấn và việc đột chiếm nó là bất khả, liền rút lui, không về Peloponnese mà đến một xứ ngày xưa được gọi là Aeolis, và bây giờ là Calydon và Pleuron^[44], và những nơi lân cận đó, và Proschium^[45] ở Aetolia. Dân Ambracia đã tới và nài nỉ họ phối hợp với dân này đi tấn công thành Argos ở Amphilochia và những nơi còn lại của Amphilochia và Acarnania, họ cả quyết rằng cuộc chinh phục những xứ đó sẽ đem cả lục địa này vào liên minh với Lacedaemon. Eurylochus ưng thuận điều này, và giải tán quân Aetolia, lúc này ông ta ém quân của mình trong những vùng đó chờ thời cơ để Ambracia cất quân và để ông ta hợp quân với họ trước thành Argos.

Mùa hạ lúc này đã qua. Khi mùa đông nối tiếp mùa hạ ấy, quân Athens ở Sicily cùng với các đồng minh Hy Lạp của mình, và các đồng minh là dân bản địa Sicily lệ thuộc Athens hoặc các đồng minh của Syracuse mà đã nổi dậy chống lại nó và tham gia đội quân của họ, tiến đánh trấn Inessa^[46] của dân bản địa Sicily, vệ thành của trấn này đang bị quân Syracuse chiếm giữ, và sau khi tấn công mà không thể chiếm được nó, họ rút lui. Trong cuộc rút lui, những quân đồng minh rút lui sau quân Athens bị quân Syracuse từ pháo đài tấn công, và một phần lớn quân đồng minh đã bị đánh tan bằng một cuộc đại tàn sát. Sau cuộc tấn công này Laches và quân Athens từ các chiến thuyền đã thực hiện một số cuộc đột kích từ biển vào Locris, và đánh bại quân Locris đi cùng Proxenus con trai của Capaton ra nghênh chiến với họ bên sông Caicinus^[47], tước đoạt một số vũ khí rồi ra đi.

Cùng mùa đông đó người Athens thanh tẩy đảo Delos, cuộc thanh tẩy dường như tuân theo một lời tiên tri nào đó. Delos đã được Pisistratus bạo chúa thanh tẩy trước đó; kỳ thực không phải toàn bộ hòn đảo, mà chỉ trong tầm nhìn xa nhất từ ngôi đền. Nhưng giờ đây toàn bộ hải đảo được thanh tẩy

theo cách này: tất cả lăng mộ của những người đã chết ở Delos được đào lên và di đi, và đã có lệnh rằng từ đây về sau không ai được phép chôn hay sinh một đứa trẻ trên đảo này, mà họ phải được đưa đến Rhenea^[48], nơi gần Delos đến đổi Polycrates, bạo chúa xứ Samos, sau khi đã thêm Rhenea vào những cuộc chinh phục các đảo khác vào thời ông ta có uy lực về hải quân, ông ta đã hiến nó cho thần Apollo Delos bằng cách dùng một sợi xích buộc nó vào Delos.

Người Athens sau cuộc thanh tẩy đó lần đầu tiên đã tổ chức lễ hội thi đấu thể thao Delos năm năm một lần. Kỳ thực từ thời xưa đã có một cuộc đại lễ hội tại Delos của người Ionia và dân các xứ đảo lân cận, là những người đã từng đến dự đại lễ hội ấy, giống như thời nay người Ionia thường đi dự lễ hội ở Ephesus, và ở đó đã diễn ra các cuộc thi đấu thể thao và thơ ca, và các thành bang đã mang đến cả những đoàn vũ công. Không gì có thể miêu tả rõ lễ hội này bằng những câu thơ sau của Homer, trích từ một bài tụng ca thần Apollo:

Hỡi Phoebus, dù ngài dong chơi nơi xa hay gần

Delos vẫn là chốn ngài ưa tới nhất

Hướng về đó, người Ionia áo xông lên đường

Cùng vợ con đến lễ hội ăn mừng

Cầu ngài ban ân cho mỗi trận đấu của người trần

Và để vinh danh ngài, họ nhảy múa và ca hát.

Ở đó cũng có một cuộc thi thơ mà người Ionia đã đến để tranh tài, lại một lần nữa được thể hiện trong những câu thơ được trích từ cùng bài tụng ca trên. Sau khi tán dương vũ điệu của phụ nữ Delos, ông kết thúc bài tụng ca của mình bằng những câu thơ này, trong đó ông cũng ám chỉ chính mình:

Nào, cầu thần Apollo phù hộ mọi người!

Các nàng mến yêu ơi, tạm biệt, nhưng chớ bảo tôi

Rằng cách mặt xa lòng, và nếu một ngày mai

Có kẻ lang thang phiêu bạt đến xứ này

*Cập bến bờ, và hỏi những nàng trinh nữ nơi đây
Ai đã ca những lời êm ái nhất bên tai,
Thì hãy nhớ đến tôi, và đáp lại với nụ cười,
'Là một ông lão mù trên đảo Scio^[49] sỏi đá.'*

Homer qua những vần thơ đó đã chứng cho rằng từ xa xưa đã có một cuộc đại hội và lễ hội ở Delos. Vào thời gian sau đó, mặc dù dân đảo này và người Athens vẫn tiếp tục gửi những vũ đoàn cùng đồ hiến tế đến, nhưng những cuộc thi đấu và phần lớn các nghi lễ đã bị bãi bỏ, hẳn là do nghịch cảnh, cho đến khi người Athens tổ chức lại các cuộc thi đấu trong dịp này với môn đua ngựa mới lạ.

Cũng mùa đông năm đó, dân Ambracia, y lời hứa với Eurylochus khi họ xui đạo quân của ông ta ở lại, đã cất quân đi đánh Argos ở Amphilochia với ba ngàn bộ binh hạng nặng, và khi xâm lược lãnh thổ Argos họ chiếm lấy Olpae^[50], một pháo đài trên một ngọn đồi gần bờ biển, nơi trước đây đã được dân Acarnania củng cố phòng ngự và được sử dụng làm nơi xử án của dân họ, và cách thành Argos bên bờ biển khoảng hai dặm ba phần tư. Trong khi đó quân Acarnania đã mang một phần lực lượng của họ lên đường đi cứu Argos, và phần còn lại đóng trại ở Amphilochia tại một nơi được gọi là Crenae, hay Những Suối nguồn, để canh chừng Eurylochus và quân Peloponnese của ông ta, và để ngăn không cho họ vượt sang và hợp quân với quân Ambracia; đồng thời họ cũng phái người đi mời Demosthenes, vị tướng chỉ huy cuộc viễn chinh Aetolia, để lãnh đạo quân họ, và mời hai mươi chiến thuyền Athens đang tuần tiễu ngoài khơi Peloponnese dưới sự chỉ huy của Aristotle con trai của Timocrates, và Hierophon con trai của Antimnestus đến. Về phần mình, quân Ambracia ở Olpae phái một người đưa tin về thành mình để xin toàn bộ binh lực đến trợ chiến, vì sợ rằng đạo quân của Eurylochus có thể sẽ không vượt qua được quân Acarnania, và rằng có thể họ sẽ buộc phải chiến đấu đơn thương độc mã, hoặc nếu muốn họ cũng không thể rút lui mà không gặp nguy hiểm.

Trong khi đó Eurylochus và quân Peloponnese của ông ta, khi biết rằng quân Ambracia tại Olpae đã đến nơi, liền hết sức gấp rút khởi hành từ

Proschium để phối hợp với họ, và vượt qua sông Achelous họ tiến quân xuyên qua Acarnania, nơi họ thấy người dân đã bỏ thành không nhà trống để đi cứu viện Argos; họ cản đường để bên tay phải luôn là thành của dân Stratus và đơn vị đồn trú của nó, và bên tay trái là những vùng còn lại của Acarnania. Vượt qua lãnh thổ của dân Stratus, họ tiến quân xuyên qua Phytia^[51], tiếp đó đi men theo Medeon^[52], xuyên qua Limnaea; đi hết nơi này họ đã bỏ lại xứ Acarnania đằng sau và tiến vào một xứ sở thân thiện, là xứ sở của dân Agraea. Từ đó họ đã đến và vượt qua núi Thymaus thuộc về dân Agraea, và từ trên núi kéo xuống lãnh thổ của dân Argos khi màn đêm buông, và xuyên qua một bên là thành Argos và một bên là những đồn quân Acarnania ở Crenae, họ đã hợp với quân Ambracia tại Olpae.

Hợp quân ở đây vào lúc hừng đông, họ đóng quân tại một nơi được gọi là Metropolis^[53], và hạ trại. Sau đó không lâu quân Athens trên hai mươi chiến thuyền đã vào vịnh Ambracia để yểm trợ quân Argos, cùng Demosthenes với hai trăm bộ binh hạng nặng Messenia và sáu mươi cung thủ Athens. Trong lúc hạm đội ngoài khơi Olpae đã phong toả ngọn đồi này từ phía biển, thì quân Acarnania và một ít quân Amphilochia – phần đông quân này đã bị quân Ambracia dùng vũ lực cầm chân – đã đến được Argos, và đang chuẩn bị để chiến đấu với quân địch sau khi đã chọn Demosthenes thống lĩnh toàn bộ quân đồng minh phối hợp với các tướng lĩnh của riêng họ. Demosthenes dẫn quân đến gần Olpae và hạ trại, một khe núi rất rộng đã ngăn cách hai đạo quân. Trong năm ngày họ vẫn án binh bất động; vào ngày thứ sáu cả hai bên đã dàn trận để chiến đấu. Đạo quân Peloponnese đông hơn và đã dàn quân lấn vào sườn quân địch; và Demosthenes vì sợ rằng cánh quân bên phải của ông ta có thể bị bao vây nên đã đặt mai phục trên một con đường hẻm trong thung khe được các bụi cây che kín với khoảng bốn trăm bộ binh hạng nặng và hạng nhẹ, ngay khi cuộc tấn công bắt đầu những quân này sẽ phải bật dậy phía sau cánh trái nhô ra của địch, và xông vào tiêu diệt hậu quân của chúng. Khi đã dàn trận xong, hai bên bắt đầu giao chiến; Demosthenes ở phía cánh phải với quân Messenia và một ít quân Athens, trong khi phần còn lại của cánh quân này bao gồm các toán quân khác nhau của Acarnania và quân đánh xe Amphilochia. Quân Peloponnese và quân

Ambracia được sắp xếp lẫn với nhau, trừ quân Mantinea^[54] ra, quân này tập trung cả về phía bên trái, mà không dàn đến mũi cánh quân đó, nơi Eurylochus và quân của ông ta đối địch với quân Messenia và Demosthenes.

Quân Peloponnese lúc bấy giờ đang giao chiến cật lực và với cánh quân dàn lấn sang sườn địch của mình đang sắp sửa vây bọc phía bên phải quân địch, thì quân Acarnania từ chỗ mai phục tấn công họ từ phía sau, và đập tan họ ngay đợt tấn công đầu tiên mà họ không thể trụ lại để kháng cự; trong khi đó cơn hoảng loạn bao trùm lấy họ đã khiến phần lớn đạo quân của họ tháo chạy vì kinh hoàng khôn xiết khi nhìn thấy toán quân của Eurylochus cùng những người lính thiện chiến nhất của họ bị đánh cho tan tác. Đây phần lớn là công trạng của Demosthenes và quân Messenia của ông ta, những người đã được cắt đặt tại vị trí này trên trận địa. Trong khi đó quân Ambracia (là những quân thiện chiến nhất trong các xứ đó) và cánh quân bên phải đã đánh bại toán quân đối địch với họ và truy đuổi đến tận Argos. Từ cuộc truy đuổi đó quay về, họ thấy bộ phận quân chủ lực của mình đã bị đánh bại; và họ bị quân Acarnania dồn ép mạnh nên phải chật vật lắm mới mở được đường máu về đến Olpae, chịu tổn thất nặng nề trên đường đi, vì họ nháo nhào xông lên chẳng có kỷ luật hay đội ngũ gì, ngoại trừ quân Mantinea, quân này vẫn hàng ngũ chỉnh tề nhất so với bất kể quân nào khác thuộc đạo quân này trong suốt cuộc rút lui.

Trời chưa tối thì trận chiến còn chưa kết thúc. Ngày hôm sau Menedaius, người mà vì cái chết của Eurylochus và Macarius đã kế thừa quyền chỉ huy duy nhất, đang bối rối sau cuộc thảm bại trầm trọng đến nỗi không biết làm sao để trụ lại và chống chọi cuộc vây hãm, khi mà ông ta đang bị bủa vây trên đất liền và bởi hạm đội Athens từ phía biển, và cũng không biết làm sao để rút lui cho an toàn, bèn mở cuộc thương lượng với Demosthenes và các tướng lĩnh của Acarnania để được đình chiến tạm thời và được phép rút lui, đồng thời để thu nhặt xác binh lính. Xác binh lính thì họ trả lại ông ta, và vừa dựng lên một đài chiến tích họ vừa thu nhặt xác binh lính của chính họ tổng cộng lên đến khoảng ba trăm. Cuộc triệt thoái do ông ta yêu cầu thì họ đã công khai từ chối đối với toàn bộ đạo quân đó, nhưng Demosthenes và

các tướng đồng chỉ huy Acarnania của mình đã bí mật cho phép quân Mantinea và Menedaius cùng các chỉ huy khác và những nhân vật quan trọng của quân Peloponnese rút lui không chậm trễ; vì họ mong muốn tước bỏ những kẻ trợ chiến ấy khỏi quân Ambracia và đạo quân ngoại bang đánh thuê của chúng; và trên hết là làm mất uy tín của quân Lacedaemon và quân Peloponnese đối với các dân Hy Lạp ở những vùng đó, biến họ thành những kẻ phản bội và tư lợi.

Trong khi phía địch đang thu nhặt xác binh lính của họ và gấp rút chôn cất, và những kẻ đã được phép rút lui đang ngấm ngấm lên kế hoạch của mình, thì có tin báo đến Demosthenes và quân Acarnania rằng quân Ambracia từ thành đó, thể theo thông điệp đầu tiên từ Olpae, đang cùng toàn bộ binh lực của họ hành quân qua Amphilochia để tham gia chiến đấu với đồng bào của họ tại Olpae mà không hề hay biết về những gì đã xảy ra. Demosthenes chuẩn bị cùng đạo quân của mình tiến ra nghênh địch, đồng thời lập tức phái một đội quân tinh nhuệ để vây chặn những con đường và chiếm lấy những vị trí hiểm yếu. Trong lúc đó quân Mantinea và những kẻ khác được bao gồm trong thoả thuận ngầm kia đã ra ngoài giả bộ hái rau kiếm củi, và lén chuồn đi hai hoặc ba chục người một, vừa đi vừa hái lượm những thứ mà họ vờ ra ngoài để kiếm, cho đến khi đã đi cách Olpae một quãng họ mới nhanh chóng tăng tốc. Quân Ambracia và những quân khác, mà đã cùng đi kiếm củi với họ thành những nhóm lớn hơn, khi nhìn thấy họ đang đi xa dần, đến lượt mình cũng vội vàng đi theo, và bắt đầu chạy để bắt kịp bọn họ. Quân Acarnania thoát đầu tưởng rằng tất cả đều đang ra đi mà không được phép thì bắt đầu truy đuổi quân Peloponnese, và cho rằng mình đã bị lừa nên thậm chí đã phóng một vài cây lao vào một số tướng lĩnh của quân kia đang cố ngăn họ và nói với họ rằng việc ra đi đã được cho phép. Tuy vậy rốt cục họ cũng để quân Mantinea và Peloponnese đi qua, và chỉ giết quân Ambracia, lúc ấy đã xảy ra nhiều tranh cãi và rất khó phân biệt một kẻ là người Ambracia hay Peloponnese. Thế nên số bị giết hại vào khoảng hai trăm; phần còn lại đã chạy thoát vào lãnh thổ giáp ranh của Agraea, và tìm được nơi ẩn náu ở chỗ Salynthius, vị vua xứ Agraea thân thiện với họ.

Cùng trong thời gian ấy quân Ambracia từ thành ra đi đã tới Idomene^[5]. Idomene gồm hai ngọn đồi sừng sững, ngọn đồi cao hơn đã bị binh lính do Demosthenes phái đi chiếm đóng sau khi màn đêm buông xuống mà không bị quân Ambracia phát hiện, quân này trong lúc đó đã trèo lên ngọn đồi thấp hơn và hạ trại dưới chân nó. Sau bữa ăn tối, ngay lúc nhá nhem Demosthenes đã xuất phát cùng toàn bộ đạo quân còn lại; ông ta đích thân cùng một nửa lực lượng của mình tiến đến đường đèo, và nửa còn lại đi qua những ngọn đồi của Amphilochia. Trời vừa rạng ông ta đã ập xuống tấn công quân Ambracia khi họ còn chưa tỉnh ngủ, không hề hay biết về những gì đã xảy ra, và cứ tưởng đó là người của chính họ – Demosthenes đã chủ tâm cắt đứt quân Messenia đi tiên phong và lệnh cho họ nói với quân địch bằng thổ ngữ Doris, và như vậy đã khiến đám lính canh tin tưởng vì chẳng thể nhìn thấy bọn họ trong lúc trời vẫn còn nhập nhoạng. Bằng cách này ông ta đã đập tan quân địch ngay khi vừa tấn công, tiêu diệt phần lớn tại trận, phần còn lại chạy tháo thân qua những ngọn đồi. Nhưng những con đường ở đó đã bị chiếm đóng từ trước rồi, và trong khi quân Amphilochia thông thạo xứ sở của chính mình thì quân Ambracia lại mù tịt đường nơi đó và không biết rẽ lối nào, và lại thêm giáp trụ nặng nề trong khi đối đầu với kẻ địch được vũ trang nhẹ, vì vậy đã rơi vào những khe hẻm và những ổ phục kích đã được đặt sẵn để đón lõng bọn họ, và bỏ mạng ở đó. Trong lúc họ cố gắng thoát thân bằng mọi cách, một số người thậm chí còn chạy ra biển, cách đó không xa, và khi nhìn thấy những con thuyền Athens bơi ven bờ trong lúc trận đánh đang diễn ra, liền bơi ra chỗ những con thuyền đó, trong cơn hoảng loạn họ nghĩ rằng nếu buộc phải chết thì thà chết dưới tay quân Athens còn hơn là chết dưới tay quân Amphilochia man rợ và kinh tởm kia. Trong số rất đông quân Ambracia bị tiêu diệt theo kiểu này, chỉ còn vài mống an toàn về được thành; trong lúc đó quân Acarnania, sau khi lột hết giáp trụ khí giới từ xác quân địch và dựng lên một đài chiến tích, đã quay trở về Argos.

Ngày hôm sau một viên sứ truyền tin của cánh quân Ambracia, mà đã chạy thoát được khỏi Olpae tới chỗ dân Agraea, đã đến đó để xin phép thu thập thi hài những binh lính ngã xuống sau trận giao tranh thứ nhất, khi họ

rời trại cùng với quân Mantinea và những người đồng hành của họ, mà chẳng giống như những kẻ đồng hành đó, họ đã không được phép ra đi. Khi trông thấy đồng khí giới giáp trụ của cánh quân Ambracia từ thành đến sau, sứ giả đã kinh ngạc bởi số lượng khí giới này, do chẳng hề hay biết gì về thảm họa đó cả và tưởng rằng những khí giới đó là của cánh quân đến trước cùng anh ta. Một người nào đó đã hỏi anh ta xem điều gì khiến anh ta ngạc nhiên, và bao nhiêu người trong số họ đã bị giết, người này đến lượt mình cũng lại tưởng rằng đây là sứ giả từ cánh quân ở Idomene. Anh ta đáp: “Khoảng hai trăm”; nghe thấy vậy người đó căn vặn lại anh ta, mà rằng: “Sao kia, những khí giới người thấy đây có đến hơn một ngàn kia mà?” Sứ giả trả lời: “Nếu vậy thì đây không phải vũ khí của những người đã cùng chiến đấu với chúng tôi chẳng?” Người kia đáp: “Phải chứ, chính là chúng đó, chỉ ít là nếu các người đã đánh trận Idomene ngày hôm qua.” “Nhưng hôm qua chúng tôi đâu có đánh đấm gì với ai; mà là từ hôm kia trong cuộc rút lui đấy chứ.” “Dù sao mặc lòng, hôm qua chúng ta đã chiến đấu với những kẻ từ thành của dân Ambracia đến tặng viện cho các người.”

Khi sứ giả nghe thấy vậy và biết rằng quân tặng viện từ thành đến đã bị tiêu diệt, anh ta đã òa khóc và, tê tái vì những thảm họa này quá lớn, đã lập tức bỏ đi mà không làm tròn nhiệm vụ của mình, hoặc hỏi xin lại xác binh lính tử trận một lần nữa. Quả thực, trong suốt cuộc chiến này thì đây là thảm họa lớn hơn hết thảy đã ập xuống bất kỳ một thành bang nào của Hy Lạp chỉ trong có vài ngày như thế; và tôi đã không ghi chép lại số người chết, bởi con số được công bố dường như bất tương xứng với tầm vóc của thành ấy đến mức khó tin. Bất luận thế nào, tôi biết rằng nếu như quân Acarnania và Amphilochia mà muốn chiếm Ambracia như quân Athens và Demosthenes đã khuyên bảo, họ đã có thể làm được thế mà chẳng cần phải đánh giết; nhưng kỳ thực là họ sợ rằng nếu Athens chiếm được thành đó thì nó sẽ trở thành kẻ láng giềng còn tai hại hơn là láng giềng hiện tại đối với họ.

Sau đó quân Acarnania đã chia một phần ba chiến lợi phẩm cho quân Athens, và phân chia phần còn lại giữa những trấn của họ với nhau. Phần chia của quân Athens đã bị đoạt mất trên chuyến hải hành hồi hương của họ; những khí giới hiện giờ được để trong các ngôi đền ở Attica là ba trăm bộ

giáp trụ nguyên vẹn mà quân Acarnania đã dành riêng cho Demosthenes, và ông ta đã tự mình mang chúng về Athens, việc hồi hương của ông ta sau thảm họa Aetolia nhờ chiến công vang dội này mà bớt nguy hiểm hơn. Quân Athens trên hai mươi chiến thuyền kia cũng rời khỏi đó đi Naupactus. Dân Acarnania và Amphilochia, sau khi Demosthenes và quân Athens ra đi, đã cho phép quân Ambracia và quân Peloponnese đang nung nấu nơi Salynthius và dân Agraea được tự do rút khỏi Oeniadae, nơi mà trước đó họ đã từ xứ sở của Salynthius di chuyển đến, và vì tương lai họ đã ký kết với dân Ambracia một hiệp ước hoà bình và liên minh trong vòng một trăm năm, với những điều khoản như sau: Liên minh này sẽ phải là một liên minh để phòng vệ, không phải để tấn công; Ambracia sẽ không bị buộc phải cất quân cùng với Acarnania chống lại Peloponnese, cũng như Acarnania không cất quân cùng với Ambracia chống lại Athens; với những điều khoản còn lại, dân Ambracia phải giao nộp những địa điểm và những con tin mà họ nắm giữ của Amphilochia, và không được chi viện cho Anactorium là nơi đang thù địch với dân Acarnania. Bằng cách dàn xếp này họ đã chấm dứt chiến tranh. Sau sự việc này người Corinth đã gửi một đội quân đồn trú là công dân của chính họ đến Ambracia, gồm ba trăm bộ binh hạng nặng, dưới quyền chỉ huy của Xenocleides con trai của Euthycles, đội quân này đã đến được đích sau một cuộc hành trình cam go vượt qua lục địa. Lịch sử về trận Ambracia là thế đó.

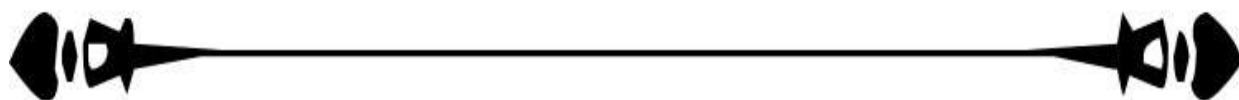
Cùng mùa đông năm đó quân Athens ở Sicily đã thực hiện một cuộc đột kích từ những chiến thuyền của họ vào lãnh thổ Himera^[56], phối hợp với dân bản địa Sicily, dân này đã xâm nhập biên giới của nó từ trong đất liền, và họ cũng bơi thuyền đến quần đảo Aeolus. Khi về đến Rhegium họ đã gặp Pythodorus, tướng quân của Athens và là con trai của Isolochus, đến để thay thế Laches chỉ huy hạm đội. Các đồng minh ở Sicily đã lên thuyền đi Athens và thuyết phục được người Athens gửi thêm tàu thuyền đến tiếp viện cho họ, vạch rõ rằng dân Syracuse, những kẻ đã nắm quyền kiểm soát đất đai của các đồng minh này, đang cố gắng tập hợp một lực lượng hải quân nhằm ngăn ngừa không để cho vài mống thuyền loại họ ra khỏi vùng biển đó nữa. Người Athens đã tiến hành cung cấp thủy thủ binh lính cho bốn mươi chiến

thuyền để gửi cho các đồng minh này, họ cho rằng chiến tranh ở Sicily nhờ vậy sẽ được kết thúc sớm hơn và đồng thời cũng muốn thao luyện hải quân của mình. Pythodorus, một trong số các tướng lĩnh, vì thế đã được cử đi trước cùng vài chiến thuyền; Sophocles con trai của Sostratides và Eurymedon con trai của Thucles đã được lệnh cùng với bộ phận chủ lực của hạm đội theo sau. Trong lúc này Pythodorus đã lĩnh quyền chỉ huy những chiến thuyền của Laches, và đến cuối mùa đông đó đã cho thuyền đi đánh cái pháo đài của Locris mà trước đây Laches đã chiếm được^[57], và rút về sau khi bị quân Locris đánh bại trong trận chiến.

Vào những ngày đầu tiên trong mùa xuân này, dòng lửa đã phun trào từ ngọn núi lửa Etna, y như những lần trước, và tàn phá một vùng đất đai của dân Catana^[58] đang sinh sống ở vùng núi Etna, ngọn núi hùng vĩ nhất ở Sicily. Nghe nói rằng đã năm mươi năm trôi qua kể từ lần cuối nó phun trào, và cả thầy đã có ba lần phun trào kể từ khi người Hy Lạp đến định cư ở Sicily. Những việc diễn ra trong mùa đông năm ấy là như vậy; và mùa đông đó đã kết thúc đồng thời với năm thứ sáu của cuộc chiến tranh này, cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách.

QUYÊN THỨ TƯ

Chương XII



NĂM CHIẾN TRANH THỨ BẢY – PYLOS BỊ CHIẾM – QUÂN SPARTA ĐẦU HÀNG Ở SPHACTERIA

Mùa hạ tiếp theo, vào độ ngũ cốc đang trở bông, mười chiến thuyền của Syracuse và cũng bằng ấy chiến thuyền của Locris đã nhổ neo đi Messina ở Sicily, và chiếm lấy trấn này khi được cư dân ở đó mời vào; và Messina đã nổi loạn chống người Athens. Dân Syracuse đã dự mưu việc này chủ yếu bởi họ nhìn thấy rằng nơi ấy cho họ một con đường tiếp cận Sicily, và sợ rằng sau này quân Athens có thể sử dụng nó như một căn cứ để tấn công họ với một lực lượng lớn hơn; dân Locris thì tham dự vì muốn xúc tiến chiến sự từ cả hai bên eo biển đó và chinh phục kẻ thù của mình là dân Rhegium. Cùng lúc đó, Locris đã kéo toàn bộ quân lực của mình đến xâm lược lãnh thổ Rhegium, hòng ngăn chặn không để họ cứu viện Messina và cũng là theo lời

xúi giục của một số người Rhegium lưu vong ở cùng với họ; nạn bè phái kéo dài đã tàn phá trấn này khiến nó không còn khả năng kháng cự vào thời điểm đó, và vì thế lại càng thêm phần căm dỗ đối với quân xâm lược. Tàn phá đất này xong, các lực lượng trên bộ của Locris triệt thoái, các chiến thuyền của họ ở lại để canh gác Messina, trong khi những chiến thuyền khác đang được cung cấp thủy thủ binh lính nhằm cùng một đích đến để tiến hành chiến tranh từ nơi ấy.

Cũng khoảng thời gian đó trong mùa xuân, trước khi ngũ cốc chín, quân Peloponnese và các đồng minh của họ xâm lược Attica dưới quyền chỉ huy của Agis, con trai của Archidamus và là vua của người Lacedaemon, họ hạ trại để vây hãm và tàn phá xứ này. Cùng lúc đó quân Athens phái bốn mươi chiến thuyền mà họ đã chuẩn bị đi Sicily, với các tướng lĩnh còn lại là Eurymedon và Sophocles; Pythodorus vị chỉ huy đồng cấp của họ đã đến đó trước họ. Họ cũng được chỉ thị khi đi qua Corcyra phải quan tâm đến dân Corcyra trong trấn đang bị những kẻ lưu vong trên núi cướp bóc. Để hậu thuẫn những kẻ lưu vong này, sáu mươi chiến thuyền của Peloponnese vừa mới ra khơi, họ cho rằng nạn đói đang hoành hành trong thành ấy sẽ khiến họ dễ dàng thôn tính nó. Demosthenes, người vẫn nhàn cư từ khi ở Acarnania trở về, cũng đã đề nghị và được phép tùy ý sử dụng hạm đội này trên hành trình qua vùng bờ biển của Peloponnese.

Ở ngoài khơi Laconia, họ nghe tin rằng những chiến thuyền của Peloponnese đã có mặt ở Corcyra, được tin này Eurymedon và Sophocles muốn gấp rút đến đảo đó, nhưng Demosthenes đã yêu cầu họ đầu tiên phải cập bến tại Pylos^u và làm những gì nơi đó cần trước khi tiếp tục chuyển hải hành của họ. Trong khi họ còn đang phản đối, một cơn gió giạt đã tình cờ nổi lên và đẩy hạm đội dạt vào Pylos. Demosthenes đã lập tức hối thúc họ củng cố phòng thủ cho nơi đó, chính vì việc ấy mà ông ta đã đi theo chuyển hải hành này, và ông đã chỉ cho họ thấy nơi đó có vô số đá và cây lấy gỗ, và rằng nó vốn dĩ đã rất kiên cố, và cả nơi đó lẫn hầu khắp xứ sở rộng lớn xung quanh đều hoang vắng không người cư ngụ; Pylos, hay Coryphasium như người Lacedaemon gọi nó, nằm cách Sparta khoảng bốn mươi lăm dặm và

nằm trong xứ sở xưa kia thuộc về dân Messenia. Các vị tướng quân đó đã nói với ông ta rằng thiếu gì những mũi đất hoang ở Peloponnese nếu như ông ta muốn bắt kinh thành của họ phải chịu phí tổn để chiếm hữu chúng. Dầu vậy, ông ta cho rằng nơi này khác với những mũi đất khác bởi có một bến cảng gần đó; trong khi dân Messenia, là dân bản địa lâu đời ở vùng này, nói cùng một thứ tiếng với người Lacedaemon, có thể gây tổn thất lớn nhất cho họ bằng những cuộc tấn công bất ngờ từ nơi đó, nhưng đồng thời cũng có thể là một đội quân đồn trú đáng tin cậy.

Sau khi nói với các chỉ huy của các phân đội về việc này và không thể thuyết phục được cả tướng lẫn quân, ông ta đành ngồi yên một chỗ cùng tất cả mọi người vì thời tiết xấu; cho đến khi chính đám binh lính nhàn cư vì đột nhiên hứng chí muốn ra ngoài và củng cố phòng thủ cho nơi này. Vì vậy họ đã bắt tay vào việc một cách nghiêm túc, và khi không có một dụng cụ bằng sắt thép nào, họ đã nhặt đá và ghép chúng lại với nhau nếu chúng ngẫu nhiên vừa khớp, và ở những chỗ cần vữa thì họ công trên lưng vì không có xô đựng, cúi gập người để vữa đọng được, và bắt chặt hai bàn tay lại sau lưng để vữa khỏi rớt xuống; họ không tiếc sức để có thể hoàn thiện những điểm dễ bị tấn công nhất trước khi quân Lacedaemon đến, hầu hết nơi này địa hình tự nhiên vốn đã đủ kiên cố không cần phải gia cố thêm nữa.

Trong lúc ấy người Lacedaemon đang ăn mừng một lễ hội, và thoạt đầu cũng coi thường tin đó khi nghĩ rằng bất kỳ lúc nào họ quyết định tiến đánh thì quân địch sẽ ngay lập tức rút lui khỏi vị trí đó hoặc họ sẽ dễ dàng chiếm được nó bằng vũ lực; đạo quân của họ lúc đó vắng mặt vì còn đang ở phía trước Athens cũng ít nhiều liên quan đến sự trì hoãn của họ. Trong sáu ngày quân Athens đã củng cố phòng thủ cho nơi đó về phía đất liền và những nơi cần nhất xong xuôi, và để lại Demosthenes cùng năm chiến thuyền đồn trú ở đó, họ cùng với bộ phận chủ lực của hạm đội vội vã lên thuyền đi Corcyra và Sicily.

Ngay khi quân Peloponnese ở Attica hay tin về việc chiếm đóng Pylos, họ đã tất tả quay về; quân Lacedaemon và vua Agis của họ nghĩ rằng việc đó sắp động chạm đến họ. Hơn nữa họ đã tiến hành cuộc xâm lăng của họ ngay

đầu mùa, khi ngũ cốc vẫn còn xanh, nên hầu hết binh lính của họ đang thiếu lương thảo; thời tiết cũng xấu một cách bất thường đối với thời điểm này trong năm và đã khiến quân của họ vô cùng khốn đốn. Nhiều nguyên nhân đã kết hợp với nhau như vậy khiến họ vội vàng rời khỏi đó và khiến cuộc xâm lăng này trở nên cực kỳ ngắn ngủi; thực tế họ chỉ lưu lại Attica có mười lăm ngày.

Cũng trong khoảng thời gian đó, tướng quân Simonides của Athens sau khi tập hợp được một ít quân Athens từ các đơn vị đồn trú, và một số quân đồng minh ở những vùng đó, đã chiếm trấn Eion ở Thrace – một thuộc địa của Mende^[2] và thù địch với Athens – nhờ nội phản, nhưng vừa chiếm được nó thì quân Chalcis và quân Bottiaea đã kịp đến và đánh bật ông ta ra khỏi đó, khiến ông ta thiệt hại rất nhiều quân.

Khi quân Peloponnese từ Attica trở về, người Sparta và những dân tự trị *Perioeci* ở gần đó nhất ngay lập tức cất quân đi đánh Pylos, các cánh quân Lacedaemon khác từ từ theo sau, do vừa mới từ một chiến dịch khác trở về. Tin tức cũng đã được gửi đi khắp Peloponnese để các quân đồng minh hết sức khẩn trương đến Pylos; trong lúc đó sáu mươi chiến thuyền của Peloponnese đã được gọi từ Corcyra về đó, và được các thủy thủ đoàn kéo băng qua eo đất Leucas, chúng vượt qua mà không bị hải đội Athens ở Zacynthus phát hiện, và cập vào Pylos, nơi các lực lượng trên bộ đã đến trước họ. Trước khi hạm đội Peloponnese tiến vào, Demosthenes đã kịp phái đi hai con thuyền mà không bị phát hiện để báo cho Eurymedon và quân Athens trên hạm đội ở Zacynthus về nguy cơ tại Pylos và gọi họ về trợ chiến cho ông ta. Trong khi những chiến thuyền ấy đang gấp rút trên hải trình y lệnh Demosthenes, thì quân Lacedaemon chuẩn bị đột kích công sự ở đó cả trên đất liền lẫn từ biển vào, hy vọng sẽ dễ dàng chiếm được cái công sự được xây cất vội vàng và được một đơn vị đồn trú lèo tèo canh giữ. Trong lúc đó, vì họ tiên liệu những con thuyền Athens từ Zacynthus sắp sửa về đến nơi, họ định rằng nếu không thể chiếm nơi ấy trước thì họ sẽ phong tỏa các cửa vào bến cảng để ngăn không cho thuyền địch vào neo đậu trong cảng. Vì rằng đảo Sphacteria^[3], trải dài theo một đường dọc gần sát và đối diện với

bến cảng, vừa che chở cho nó an toàn vừa thu hẹp những lối vào của nó, chỉ chừa lại một lối qua lại cho hai con thuyền ở đầu gần nhất với Pylos và các công sự của quân Athens, và cho tám hoặc chín chiếc ở đầu kia kể với phía đất liền còn lại: ở những phía khác, hòn đảo đó được rừng cây bao phủ hoàn toàn và không có lối đi bởi không người sinh sống, và dài khoảng một dặm và năm fulông⁴⁴. Những luồng lạch dẫn vào cảng thì quân Lacedaemon đã có ý định chặn bằng một dãy thuyền kề sát bên nhau mũi thuyền hướng ra biển, và đồng thời, vì e rằng kẻ địch có thể lợi dụng hòn đảo ấy để tiến hành các chiến dịch chống lại họ, nên họ đã đưa một số bộ binh hạng nặng sang đó, đồng thời bố trí một số khác dọc theo bờ biển. Bằng cách này cả hòn đảo đó và lục địa đều sẽ thành nơi thù địch với quân Athens, vì quân này sẽ chẳng thể đổ bộ lên cả hai nơi; và khi mà bờ biển của Pylos ở phía bên ngoài cửa vịnh hướng ra biển không có bến cảng, và do đó không cho quân Athens một địa điểm nào có thể dùng làm căn cứ để cứu viện người của mình, thì họ, quân Lacedaemon ấy, không cần phải mạo hiểm hải chiến cũng có rất nhiều khả năng trở thành chủ nhân của cái nơi đã bị chiếm cứ một cách đột ngột không tính toán trước, và không được cung cấp lương thảo dự trữ. Quyết định như vậy rồi, họ liền đưa sang bên đảo một lực lượng bộ binh hạng nặng, được lựa chọn bằng cách rút thăm từ tất cả các phân đội. Một số khác đã vượt biển sang đảo từ trước trong các toán quân thay phiên, nhưng những người còn lại sau cùng này là bốn trăm hai mươi người cả thủy, cùng với những nô dịch *Helots* phục dịch cho họ, dưới quyền chỉ huy của Epitadas con trai của Molobrus.

Trong lúc ấy thì Demosthenes cũng không khoan tay ngồi nhìn khi thấy rằng quân Lacedaemon sắp sửa đồng thời tấn công mình bằng cả đường biển lẫn đường bộ. Ông ta đã cho kéo những con thuyền ga-lê chưa dùng đến trong số thuyền được để lại cho ông ta lên bờ bên dưới công sự và dựng hàng rào bao bọc chúng, vũ trang cho các thủy thủ từ những con thuyền này bằng những tấm khiên sơ sài hầu hết được bện bằng liễu gai, vì không thể kiếm được vũ khí ở một nơi hoang vu như vậy, và thậm chí những tấm khiên này cũng là tịch thu được từ một thuyền hải tặc Messenia ba mươi tay chèo và một thuyền nhỏ thuộc về một số người Messenia nào đó vừa tình cờ đến

chỗ họ. Trong số những người Messenia này có bốn mươi bộ binh hạng nặng mà ông ta đã tận dụng cùng với những người khác còn lại. Cắt đặt xong đa phần những người của mình, bất kể được vũ trang hay không, vào những điểm đã được củng cố phòng thủ vững chắc nhất của nơi đó hướng vào nội địa với mệnh lệnh phải đẩy lùi bất kỳ cuộc tấn công nào của các lực lượng trên bộ của địch, ông ta lựa ra sáu mươi bộ binh hạng nặng và một ít cung thủ trong toàn bộ lực lượng của mình, và cùng những người này ra bên ngoài mặt thành lũy chạy xuống biển, nơi mà ông ta cho rằng rất có khả năng quân địch sẽ cố gắng đổ bộ lên đó. Mặc dù địa thế hiểm trở và toàn đá tảng, nhìn ra biển khơi, nhưng ông ta nghĩ rằng cái thực tế đây là chỗ yếu nhất của thành lũy sẽ khuyến khích quân địch thêm hăng hái, bởi quân Athens quá tự tin vào sự ưu việt về hải quân của mình nên đã chẳng mấy quan tâm đến việc phòng thủ của họ ở nơi đây, và quân địch nếu đã đánh ép để đổ bộ lên được thì có thể đảm bảo là sẽ chiếm được nơi này. Vì vậy, từ điểm này chạy xuống đến sát mép nước ông ta đã bố trí bộ binh hạng nặng của mình để ngăn chặn một cuộc đổ bộ nếu có thể, và khích lệ họ bằng những lời như sau:

“Hỡi các chiến binh và các chiến hữu trong cuộc mạo hiểm này, ta hy vọng rằng không một ai trong số các người trong tình cảnh hiểm nghèo của chúng ta hiện nay lại nghĩ đến chuyện khoe khoang tài trí của mình bằng cách tính toán chính xác tất cả những hiểm họa đang bủa vây chúng ta, mà trái lại ta hy vọng rằng các người thà vội vã xông lên giáp chiến với kẻ thù, chứ không đứng lại tính toán hơn thua, khi thấy rằng cơ hội lớn nhất để các người được an toàn nằm cả trong trận chiến này. Trong những tình cảnh nguy cấp như tình cảnh chúng ta hiện giờ không có chỗ cho việc tính toán, đối mặt với hiểm nguy càng sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Ta cũng nghĩ rằng hầu hết vận may đứng về phía chúng ta, với điều kiện chúng ta chỉ cần quyết tâm không lùi bước và không bỏ uổng các lợi thế của mình khi bị số đông kẻ địch làm cho khiếp đảm. Một trong những điểm có lợi cho chúng ta là địa hình này

bất tiện cho việc đổ bộ. Nhưng điều này cũng chỉ hữu ích cho chúng ta nếu chúng ta giữ vững được vị trí của mình. Nếu chúng ta lùi bước, thì chỗ ấy sẽ đủ dễ dàng để vượt qua được khi không người bảo vệ, bất chấp sự hiểm trở tự nhiên của nó; và kẻ địch sẽ lập tức trở nên ghê gớm bội phần nếu chúng gặp phải trở ngại khó khăn khi rút lui, giả sử chúng ta thành công trong việc đẩy lùi chúng, điều mà chúng ta phải thấy là đẩy lùi chúng ngay trong lúc chúng còn đang ở trên những con thuyền của chúng thì dễ hơn khi chúng đã đổ bộ được lên và đối địch với chúng ta trong những điều kiện ngang bằng. Về việc quân số của chúng đông, thì các người chẳng cần phải quá lo lắng. Tuy chúng đông như vậy nhưng chúng chỉ có thể giao chiến bằng những toán quân nhỏ, vì chẳng thể đưa quân vào đây. Và lại, ưu thế về số đông mà chúng ta phải đương đầu chẳng phải là ưu thế của một đạo quân trên bộ với mọi điều kiện khác đều ngang bằng, mà là của những toán bộ binh trên thuyền, ở một lĩnh vực đòi hỏi nhiều may mắn ngẫu nhiên xảy ra thì mới chiến đấu hiệu quả được. Vì thế ta cho rằng những khó khăn của chúng có thể chẳng kém gì sự thiếu hụt về số lượng của chúng ta, và đồng thời ta giao nhiệm vụ cho các người – là những người Athens mà bằng vào kinh nghiệm của mình biết rõ hơn ai hết việc đổ bộ từ những con thuyền lên một lãnh thổ thù địch là như thế nào, và việc đẩy lùi một kẻ địch đủ quyết tâm để giữ vững vị trí của mình mà không bị những con thuyền đang tràn vào như sóng doạ cho khiếp sợ bỏ chạy sẽ bất khả thi ra sao – các người phải trụ vững trong tình cảnh nguy cấp hiện tại, đánh lui quân địch ngay ở mép nước này, hãy cứu lấy chính mình và cứu cả nơi này.”

Được Demosthenes khích lệ như vậy, quân Athens cảm thấy tự tin hơn và kéo xuống nghênh địch, họ tự đứng vào vị trí dọc theo mép biển. Quân Lacedaemon lúc này bắt đầu tiến lên và nhất tề tấn công vào công sự bằng các lực lượng trên bộ và bằng các chiến thuyền của họ, cả thảy bốn mươi ba con thuyền, dưới quyền chỉ huy của đô đốc Thrasymelidas, con trai của

Cratesicles và là người Sparta, ông ta thực hiện cuộc tấn công đó đúng vào nơi mà Demosthenes đã tiên liệu. Quân Athens vì vậy đã phải phòng ngự từ cả hai phía, từ đất liền và từ biển; quân địch chèo thuyền đến theo từng toán nhỏ, hết toán này đến toán khác – nhiều toán vào cùng lúc là việc bất khả – và vừa bồng bồng nhiệt huyết vừa cổ vũ lẫn nhau trong lúc nỗ lực đột phá lấy đường vào và chiếm công sự đó. Người nổi bật nhất là Brasidas. Đích thân chỉ huy một con thuyền ga-lê, và thấy rằng các thuyền trưởng và những tay chèo sững sờ trước vị trí hiểm trở đó nên đã chùn lại ngay ở những nơi có thể đổ bộ được vì sợ phá hỏng chiến thuyền của mình, ông hét vang về phía họ, rằng họ đừng bao giờ cho phép kẻ thù tự củng cố chắc chắn trên quê xứ của họ chỉ để tiết kiệm mấy mảnh ván gỗ, mà phải lao thuyền của mình vào bờ để đổ bộ cho bằng được; và yêu cầu các quân đồng minh đừng do dự trong một thời điểm như vậy mà hãy hy sinh những con thuyền của họ vì Lacedaemon để báo đáp nhiều lợi ích mà nó đã đem lại cho họ, hãy mạnh dạn lao thuyền thẳng lên bờ, đổ bộ bằng mọi cách, và biến mình thành chủ nhân nơi này và bắt những quân đồn trú ở đây.

Chưa bằng lòng với việc hô hào này, ông còn thúc những tay chèo của mình cho thuyền lao thẳng lên bờ, và trèo lên cầu thang mạn, ông đang gắng hết sức để lên bờ thì bị quân Athens chém và sau khi bị rất nhiều vết thương ông đã ngã đi. Khi ngã xuống mũi thuyền, chiếc khiên của ông trượt ra khỏi tay rơi xuống biển, và khi nó bị đánh dạt lên bờ quân Athens đã nhặt được, và sau đó đã được dùng cho đài chiến tích mà họ dựng lên vì cuộc tấn công này. Những người còn lại cũng cố gắng hết sức nhưng không thể đổ bộ được, vì địa thế hiểm trở và vì sự ngoan cường không nao núng của quân Athens. Thứ tự đảo điên kỳ quặc vì quân Athens đang phải đánh từ trên bộ xuống, và cũng là từ mảnh đất của Laconia, chống lại quân Lacedaemon từ biển đánh lên; trong khi đó quân Lacedaemon thì đang cố đổ bộ từ các chiến thuyền lên mảnh đất quê hương mình nhưng giờ đây đã thành đất địch, để đánh quân Athens, mặc dù lúc bấy giờ người Lacedaemon chủ yếu nổi tiếng là dân ở sâu trong nội địa và thiện chiến nhất trên bộ, còn người Athens nổi tiếng là dân đi biển với lực lượng hải quân không ai sánh bằng.

Sau khi tiếp tục tấn công trong ngày hôm đó và gần suốt ngày hôm sau, quân Peloponnese tạm ngừng chiến, và ngày hôm sau nữa họ cử một số thuyền của họ đến Asine^[6] lấy gỗ súc về làm những cỗ máy công thành, hy vọng với những phương tiện trợ giúp này họ sẽ chiếm được bức thành lũy đối diện bến cảng bất chấp chiều cao của nó, là nơi đổ bộ dễ dàng nhất. Vào đúng lúc đó hạm đội của Athens từ Zacynthus đã đến nơi, hiện có năm mươi chiến thuyền cả thảy, nó đã được tăng viện bằng một số thuyền canh gác ở Naupactus và bốn chiến thuyền của Chios. Thấy rằng cả ngoài bờ biển lẫn trên đảo đông đặc bộ binh hạng nặng và những con thuyền của địch trong bến cảng chẳng tỏ vẻ gì là định ra khơi, bối rối không biết neo đậu ở đâu, họ bèn tạm thời cho thuyền đến hoang đảo Prote^[6], cách đó không xa, và nghỉ qua đêm ở đấy. Ngày hôm sau họ lên đường trong tư thế sẵn sàng giao chiến ngoài biển khơi nếu quân địch quyết định bơi thuyền ra nghênh chiến với họ, đồng thời họ cũng quyết tâm nếu quân địch không ra khơi thì sẽ bơi thuyền vào cảng để tấn công chúng. Quân Lacedaemon không ra khơi, và đã lơ là không đóng kín những luồng lạch dẫn vào cảng như đã định, họ án binh trên bờ, bện rộn đưa người lên các chiến thuyền của họ và chuẩn bị sẵn sàng để nếu có bất kỳ thuyền nào bơi vào sẽ giao chiến ngay trong hải cảng này, một hải cảng khá rộng lớn.

Nhận thấy binh tình như vậy, quân Athens cho thuyền tiến theo từng luồng lạch dẫn vào cảng, và ập vào tấn công hạm đội của địch, mà đa số thuyền của hạm đội ấy lúc này đang dập dềnh trên mặt nước và dàn thành hàng, và ngay lập tức buộc hạm đội đó phải tháo chạy, và truy đuổi nó xa hết mức mà khoảng cách ngăn đó cho phép, phá hỏng rất nhiều thuyền và bắt giữ năm chiếc, một chiếc có thủy thủ đoàn trên thuyền; họ đâm bổ vào tất cả những chiến thuyền còn lại đã được kéo lên bờ để lẩn tránh, và đập nát một số thuyền vẫn đang được đưa người lên trước khi chúng kịp ra khơi, và buộc những con thuyền không người mà thủy thủ đoàn của chúng đã bỏ chạy hết vào những con thuyền của mình rồi lai dắt đi. Nhìn thấy vậy, quân Lacedaemon sôi lên sùng sục vì cái tai họa đã chia cắt người của họ ở trên đảo, vội xông đến cứu, và mặc nguyên giáp trụ nặng họ lội ào xuống biển, tóm chặt lấy những con thuyền đó và gắng hết sức kéo chúng trở lại, mỗi

người đều nghĩ rằng thành công phụ thuộc hoàn toàn vào sự ráng sức của riêng mình. Thật là một cuộc đại hỗn chiến và cực kỳ trái ngược với các chiến thuật hải quân vẫn thường được hai bên tham chiến này sử dụng; quân Lacedaemon trong tình trạng khích động và tuyệt vọng của mình thực sự đã bị cuốn vào một trận hải chiến trên bộ, trái lại quân Athens đang thẳng thẽ hăm hờ đẩy mạnh chiến thắng lên đỉnh điểm nên đã tiến hành một trận bộ chiến từ thuyền của mình. Sau khi cả hai bên đã đánh nhau cật lực và nhiều người đã bị thương, họ tách khỏi nhau, quân Lacedaemon cứu được những con thuyền không của họ, trừ những con thuyền bị bắt đầu tiên; và khi hai bên ai về trại nấy, quân Athens đã dựng một đài chiến tích, trả lại xác địch, chiếm giữ các xác thuyền, và lập tức bơi thuyền tuần tiễu xung quanh và canh gác thật cẩn mật hải đảo này, với đơn vị đồn trú bị hăm trên đó, trong khi quân Peloponnese trên lục địa, với tất cả các đội quân đồng minh của họ lúc này đã đến, giữ nguyên vị trí của mình phía trước Pylos^[2].

Khi tin tức về những diễn biến tại Pylos về đến Sparta, thảm họa này được coi là trầm trọng đến nỗi người Lacedaemon đã ra quyết nghị rằng các nhà cầm quyền phải xuống tận quân doanh, và quyết định ngay tại trận xem tốt nhất cần phải làm gì. Ở đó, khi thấy rằng việc cứu viện người của mình trên đảo là bất khả thi, và không muốn liêu để họ bị buộc phải đầu hàng vì đói hoặc bị chế ngự bởi quân địch đông đến áp đảo, họ quyết định rằng với sự ưng thuận của tướng lĩnh Athens, họ sẽ ký kết một tạm ước tại Pylos và cử sứ giả đến Athens để tìm cách đạt được một hoà ước, và gắng lấy lại được những người của họ nhanh bao nhiêu tốt bấy nhiêu.

Khi tướng lĩnh Athens chấp thuận đề nghị của họ, một tạm ước đã được ký kết với những điều khoản sau:

Rằng người Lacedaemon phải đưa đến Pylos và giao nộp cho quân Athens những con thuyền đã tham chiến trong trận đánh mới đây, và tất cả những con thuyền ở Laconia mà là thuyền chiến, và sẽ không được tấn công công sự ở đó bằng cả đường bộ lẫn đường biển.

Rằng người Athens sẽ phải cho phép người Lacedaemon trên lục địa gửi cho người của mình trên đảo đó một định lượng bột ngũ cốc đã được trộn

sẵn, tức là hai *quart*^[9] bột lúa mạch xay thô, một *pint*^[9] rượu vang, một miếng thịt cho mỗi người, và một nửa lượng đó cho mỗi đầy tở.

Rằng khẩu phần trợ cấp này phải được gửi sang [đảo] dưới sự giám sát trực tiếp của người Athens, và rằng không một con thuyền nào được lén lút bơi đến đảo đó.

Rằng quân Athens vẫn sẽ tiếp tục canh gác đảo này như trước, tuy nhiên sẽ không đổ bộ lên đảo, và sẽ không được tấn công binh lính Peloponnese ở đó dù là từ đường biển hay đường bộ.

Rằng nếu một trong hai bên mà vi phạm bất kỳ điều nào trong các điều khoản đó dù là ở mức độ nhẹ nhất, thì tạm ước này sẽ lập tức không còn hiệu lực.

Rằng thoả thuận đình chiến này sẽ có hiệu lực đến khi các sứ giả Lacedaemon từ Athens trở về – người Athens đưa họ đến đó bằng một con thuyền ga-lê và rồi lại đưa họ quay lại – và ngay khi họ về tới nơi thì thoả thuận này chấm dứt, và các chiến thuyền sẽ được phía Athens sẽ trả lại nguyên trạng như khi họ nhận.

Những điều khoản của tạm ước là thế, và cả thầy có sáu mươi chiến thuyền đã được giao nộp, và các sứ giả đã được phái đi theo các điều khoản này. Khi đến Athens, họ trình bày như sau:

“Hỡi người Athens, người Lacedaemon cử chúng tôi đến đây để cố tìm ra cách dàn xếp nào đó cho người của chúng tôi trên đảo kia, mà đồng thời vừa phải thoả mãn những lợi ích của các vị, vừa không mâu thuẫn với phẩm giá của chúng tôi trong cơn hoạn nạn này nếu hoàn cảnh cho phép. Chúng tôi xin mạo muội nói hơi dài dòng một chút nhưng không đi trệch khỏi truyền thống của xứ sở chúng tôi. Là những người kiệm lời khi không cần phải nhiều lời, nhưng chúng tôi cũng có thể chi tiết hơn khi có vấn đề quan trọng cần phải diễn giải và một mục đích sẽ được đáp ứng nhờ việc diễn giải nó sáng tỏ.

Đồng thời chúng tôi khẩn khoản xin các vị tiếp nhận những gì chúng tôi nói, không phải với tinh thần thù địch, cũng không phải như thể chúng tôi nghĩ rằng các vị không biết gì và định dạy bảo các vị, mà đúng hơn là như một gợi ý về đường lối tốt nhất nên theo, được để đạt lên những người phân xử anh minh. Lúc này, nếu các vị muốn thì các vị có thể dùng chiến thắng hiện thời của các vị theo cách có lợi nhất, để mà giữ lấy những gì các vị đã có được và ngoài ra còn giành được thêm vinh dự và danh tiếng, và các vị có thể tránh được lỗi lầm của những kẻ gặp được một vận may đặc biệt, và bị dẫn dắt bởi hy vọng sẽ còn tiếp tục vơ thêm được gì đó nữa vào tay, bởi đã thành công ngoài mong đợi. Trái lại những người đã biết lẽ đời hoạ phúc vô thường thì thực sự sẽ đặt rất ít lòng tin vào thành công của họ; và để dạy kinh thành của các vị và kinh thành của chúng tôi thì bài học kinh nghiệm này tư trước tới nay không thiếu.

Để tin chắc điều này các vị chỉ cần nhìn vào tai hoạ hiện thời của chúng tôi thôi. Đã có thành bang nào ở Hy Lạp được nể trọng hơn chúng tôi chưa? Vậy mà lúc này chúng tôi phải đến cầu cạnh các vị, mặc dù trước đây chúng tôi tự cho rằng chúng tôi có nhiều khả năng hơn để ban phát những gì mà giờ chúng tôi ở đây để cầu xin. Tuy vậy, chúng tôi bị đẩy tới nông nổi này chẳng phải bởi quyền lực của chúng tôi suy yếu, hay bởi chúng tôi vênh vác vì quyền lực lớn mạnh; không phải thế, các nguồn lực của chúng tôi hiện giờ vẫn y nguyên như trước, và lỗi lầm của chúng tôi là lỗi lầm về suy xét, cái thứ lỗi lầm mà ai ai cũng đều có thể mắc phải. Do đó, sự phồn thịnh mà thành bang của các vị hiện đang được hưởng, và những gì mà gần đây nó vừa nhận được thêm, chớ nên làm các vị ảo tưởng rằng vận may luôn ở bên các vị. Kỳ thực những người có óc suy xét luôn đủ cẩn trọng để coi lợi lộc kiếm được là thứ chẳng bền, họ cũng sẽ luôn giữ cho đầu óc minh mẫn trong nghịch cảnh, và nghĩ rằng chiến tranh sẽ chẳng chịu đứng yên bên trong cái giới hạn mà một bên tham chiến mong muốn kiểm chế nó ở đó, trái lại nó sẽ chạy theo con đường mà những may rủi tình cờ của nó vạch ra; và vì vậy, khi mà họ không ngạo ngễ bởi tự tin vào chiến

công thì họ có nhiều khả năng tránh được đau khổ nhất, và sẵn sàng giảng hoà nhất, nếu họ có thể, trong khi vận may của họ vẫn còn. Hồi người Athens, đây là việc mà các vị đang có một cơ hội tốt để thực hiện với chúng tôi, và bằng cách đó có thể tránh khỏi những tai hoạ tiềm ẩn có thể xảy đến ngay sau sự từ chối của các vị, và tránh được sự quy kết về sau rằng ngay cả những lợi thế hiện tại của các vị cũng nhờ ngẫu nhiên mà có, trong khi lẽ ra các vị phải được lưu danh muôn thuở về quyền lực và sự sáng suốt, cái danh tiếng không gì gây tổn hại được.

Người Lacedaemon chúng tôi vì vậy mời các vị ký kết một hoà ước và chấm dứt chiến tranh, và đem tặng các vị hoà bình và tình đồng minh cùng mối quan hệ hữu hảo và thân thiết nhất giữa chúng ta trên cơ sở toàn diện và lâu dài; và để đổi lại chúng tôi xin các vị trả lại cho chúng tôi những người đang ở trên đảo đó, chúng tôi thiết nghĩ sẽ tốt hơn cho cả hai bên nếu không phải chống lại nhau đến cùng, phó mặc may rủi hoặc một biến cố thuận lợi tình cờ nào đó cho phép người của chúng tôi mở đường máu mà thoát ra được, hoặc buộc phải đầu hàng dưới sức ép của cuộc phong toả. Kỳ thực nếu những mối thâm thù có lúc nào đó được hóa giải hoàn toàn, thì chúng tôi cho rằng chúng sẽ được hóa giải không phải bằng cách trả thù và bằng thắng lợi quân sự, và bằng cách dùng vũ lực buộc một kẻ địch phải thề tuân thủ một hiệp ước không có lợi cho hẳn, mà sẽ được hóa giải khi một bên tham chiến may mắn hơn từ bỏ những đặc quyền đó của mình, khi bên ấy được dẫn dắt bởi những tình cảm hoà ái hơn để khuất phục địch thủ của mình bằng lòng khoan dung, và chấp nhận hoà bình với những điều kiện chừng mực hơn so với đòi hỏi của mình. Từ đó trở đi, thay vì món nợ oán thù thế nào cũng kéo theo bạo lực, địch thủ của họ mắc một món nợ từ lòng khoan dung ấy và sẽ báo đáp tương đương, và vì danh dự bên địch sẽ sẵn lòng thực hiện thoả thuận của họ. Và người ta thường hay hành động theo cách này với những địch thủ lớn nhất của họ hơn là với những vụ tranh chấp vặt vãnh; về bản chất họ vốn dĩ vẫn sẵn lòng nhượng bộ những kẻ đầu hàng họ trước, cũng như họ dễ bị

khiêu khích bởi sự ngạo mạn đến độ mạo hiểm trái với sự suy xét sáng suốt của họ.

Đem vận điều này vào chính chúng ta: nếu hoà bình có bao giờ được cả hai bên đồng thời mong muốn, thì chắc chắn là vào đúng lúc này đây, trước khi bất kỳ điều gì không thể cứu vãn được giáng xuống chúng tôi và buộc chúng tôi phải vĩnh viễn căm thù các vị, cả thù riêng lẫn thù chung, và khiến các vị bỏ lỡ mất những lợi ích mà lúc này chúng tôi đem tặng các vị. Trong lúc vấn đề này còn chưa quyết, và danh tiếng cũng như tình hữu nghị của chúng tôi vẫn đang chờ các vị ở phía trước, và chúng tôi có triển vọng phải thoả hiệp vì rủi ro của mình trước khi bất kỳ tai ương nào xảy đến, xin hãy để chúng ta hoà giải với nhau, và hãy lựa chọn hoà bình thay vì chiến tranh cho chính chúng ta, và ban ơn cho toàn cõi Hy Lạp được miễn trừ khỏi những nỗi thống khổ chiến tranh, về việc này chắc chắn họ sẽ phải biết ơn các vị nhiều nhất. Họ chẳng biết bên nào đã khơi mào cuộc chiến mà họ là nạn nhân, nhưng nền hoà bình khép lại cuộc chiến này, do nó phụ thuộc vào quyết định của các vị, sẽ được đặt trước cửa nhà các vị với lòng biết ơn của họ. Bằng vào quyết định như vậy các vị có thể trở thành bằng hữu lâu bền với người Lacedaemon chúng tôi theo lời mời của chính chúng tôi, các vị không buộc chúng tôi phải làm thế mà là gia ơn cho chúng tôi khi chấp nhận lời mời đó.

Và từ tình hữu nghị này xin hãy cân nhắc những lợi ích rất có khả năng sẽ đến theo nó: khi Attica và Sparta là một, thì toàn cõi Hy Lạp còn lại chắc chắn sẽ giữ nguyên địa vị những kẻ bề tôi lễ phép trước các thủ lĩnh của họ.”

Lời lẽ của người Lacedaemon là thế, họ cho rằng người Athens đã rất mong một hoà ước và bị trì hoãn chỉ vì sự phản đối của họ, sẽ hân hoan chấp nhận một nền hoà bình được đem tặng một cách hào phóng, và trả lại người cho họ. Nhưng người Athens, vì đã nắm được những người trên đảo, cho rằng hoà ước đó sẽ luôn sẵn sàng bất kỳ lúc nào họ định ký, và cố kiểm soát

thêm thứ gì đó nữa. Người đầu tiên khuyến khích họ theo đường lối này là Cleon, con trai của Cleaenetus và lúc đó đang là một thủ lĩnh của dân chúng và rất có uy lực với đại đa số quần chúng, ông ta đã thuyết phục được họ trả lời như sau: Trước hết, những người trên đảo phải tự nộp mình và vũ khí và phải bị giải về Athens. Tiếp theo, người Lacedaemon phải trả lại Nisaea, Pegae, Troezen và Achaia, tất cả những nơi này họ đã giành được không bằng binh lực mà bằng vào hiệp ước trước đây, mà theo hiệp ước đó thì chính Athens đã phải nhường lại quyền sở hữu những nơi này lúc nó lâm vào tai hoạ, khi mà một hoà ước đối với Athens cần thiết hơn lúc này. Hoàn thành những việc đó thì họ có thể lấy lại người của mình, và ký kết hoà ước với thời hạn mà hai bên có thể thoả thuận được.

Với câu trả lời này thì các sứ giả không đáp lại, mà đề nghị rằng nên lựa chọn ra những đại diện được ủy nhiệm để họ có thể thảo luận từng điểm một với những người đó, và thương lượng vấn đề này một cách hoà bình và cố gắng đạt được thoả thuận nào đó. Đến đây thì Cleon công kích họ kịch liệt, nói rằng ông ta đã biết ngay từ đầu là họ chẳng có ý định tử tế gì, và rằng lúc này điều đó càng rõ ràng bởi họ từ chối không phát biểu trước mặt dân chúng, mà muốn thảo luận bí mật với một tiểu ban gồm hai hoặc ba người. Không thể được, nếu họ muốn nói bất kỳ điều gì trung thực thì hãy để họ nói điều đó trước mặt tất cả mọi người. Thế nhưng các sứ giả Lacedaemon thấy rằng cho dù họ có thể sẵn sàng nhượng bộ bất cứ điều gì trong cảnh tai hoạ của mình, thì điều bất khả đối với họ là phát biểu trước mặt dân chúng và mất mặt với các đồng minh của họ vì một cuộc thương lượng mà cuối cùng có thể thất bại, và mặt khác họ thấy rằng người Athens sẽ chẳng khi nào chấp nhận những gì mà họ yêu cầu với những điều kiện phải chăng, nên họ rời Athens trở về mà chẳng đạt được bất kỳ kết quả nào.

Việc họ trở về tức thì đặt dấu chấm hết cho tạm ước tại Pylos, và người Lacedaemon đòi lại những chiến thuyền của họ theo tạm ước. Thế nhưng quân Athens, nại có một cuộc tấn công vào công sự đó trái với tạm ước này và những cáo buộc khác xem ra rất nhỏ mọn, và từ chối trả lại những chiến thuyền cho họ, khăng khăng bám vào cái điều khoản mà theo đó thì một sự vi phạm nhẹ nhất cũng khiến tạm ước này vô hiệu. Người Lacedaemon, sau

khi phủ nhận việc vi phạm và phản đối ý đồ lật lọng của người Athens về những chiến thuyền của họ, đã bỏ đi và dốc hết tâm sức cho cuộc chiến đó. Lúc bấy giờ chiến sự được cả hai bên hăng hái xúc tiến tại Pylos. Quân Athens tuần tiễu quanh đảo suốt ngày với hai chiến thuyền đi theo những hướng khác nhau; và ban đêm, ngoại trừ phía hướng ra biển trong thời tiết đông gió, cả hạm đội của họ thả neo xung quanh đảo, hạm đội này đã được tăng cường thêm hai mươi chiến thuyền từ Athens tới để trợ chiến trong cuộc phong toả, lúc bấy giờ lên đến bảy mươi chiếc cả thảy; trong khi quân Peloponnese vẫn đóng tại lục địa, thực hiện những cuộc tấn công vào công sự, và rình chờ bất kỳ cơ may nào tự nhiên xuất hiện để giải cứu người của họ.

Trong khi ấy thì quân Syracuse và các đồng minh của họ ở Sicily đã đưa đến cho hải đội đang canh gác Messina những chiến thuyền tăng viện mà chúng ta tạm gác lại bên trên lúc họ đang chuẩn bị, và tiến hành chiến tranh từ nơi ấy, chủ yếu họ bị người Locris xúi giục vì căm ghét dân Rhegium, lãnh thổ của dân này đã bị họ xâm lược với toàn bộ quân lực của họ. Quân Syracuse cũng muốn liều thử vận may của mình trên biển, khi thấy rằng quân Athens thực ra chỉ có vài chiến thuyền ở Rhegium, và nghe nói rằng hạm đội chính được trù định để phối hợp với chúng đã vương bận bao vây phong toả hòn đảo trên. Họ nghĩ rằng một chiến thắng trên biển sẽ cho phép họ phong toả Rhegium cả trên biển lẫn trên bộ, và dễ dàng thôn tính nó; một thành công mà có thể lập tức đặt vị thế quân sự của họ lên một nền tảng vững chắc, mũi đất Rhegium ở Italy và Messina ở Sicily nằm gần nhau đến nỗi quân Athens sẽ không thể tiến thuyền đến đánh họ và kiểm soát eo biển này. Cái eo biển đang được nói đến này là vùng biển ở giữa Rhegium và Messina, tại điểm mà Sicily tiếp cận gần nhất với lục địa, và chính là eo biển Charybdis^[10] mà chuyện kể rằng Ulysses đã đi thuyền qua đó; và lối đi chật hẹp và cường độ của dòng hải lưu đổ từ các biển lớn Tyrrhenia^[11] và biển Sicily^[12] vào đó đã làm nó mang tai tiếng quả không sai chút nào.

Trên eo biển này quân Syracuse và các đồng minh của họ đã buộc phải chiến đấu, vào lúc ngày đã muộn, vì tranh chấp một con thuyền đi ngang

qua, họ đã ra khơi với hơn ba mươi chiến thuyền của mình để đánh mười sáu chiến thuyền của Athens và tám chiến thuyền của Rhegium. Bị quân Athens đánh bại, họ vội vã rút lui, mạnh thuyền nào thuyền nấy chạy tháo thân đến các đồn của họ ở Messina và Rhegium, và họ mất một chiến thuyền; khi đêm đến trận chiến vẫn chưa kết thúc. Sau trận này quân Locris rút khỏi lãnh thổ Rhegium, và những chiến thuyền của Syracuse và đồng minh của họ hợp nhất lại và đến neo đậu ở mũi Pelorus^[13], trên lãnh thổ Messina, nơi các lực lượng trên bộ của họ hợp quân với họ. Quân Athens và quân Rhegium cho thuyền tiến đến nơi này, và thấy rằng các chiến thuyền địch không có người bèn tấn công, trong cuộc tấn công này đến lượt họ cũng mất một chiến thuyền, nó bị bắt bằng một cây móc sắt, thủy thủ đoàn phải bơi ra để thoát thân. Sau sự việc này quân Syracuse đã lên thuyền của mình, và trong khi thuyền của họ đang được lai dắt men theo bờ biển đến Messina thì lại bị quân Athens tấn công lần nữa, nhưng họ đột ngột ra được ngoài khơi và quay sang phản công, và khiến quân Athens mất thêm một thuyền nữa. Sau khi đã giữ vững vị thế và kiểm soát được tình hình như vậy trong hải trình dọc theo bờ biển và trong trận giao tranh kể trên, quân Syracuse tiếp tục bơi thuyền vào cảng Messina.

Trong lúc đó quân Athens, nhận được tin cảnh báo rằng Camarina sắp sửa bị những kẻ nội phản là Archias và phe phái của ông ta dâng nộp cho Syracuse, liền bơi thuyền đến đó, và quân Messina chớp thời cơ này đã tấn công tổng lực cả trên bộ lẫn trên biển vào Naxos^[14], một thành của người Chalcis lân cận với họ. Ngay ngày đầu tiên họ đã buộc dân Naxos phải rút vào bên trong thành lũy của họ, và đã tàn phá vùng nông thôn ở đây; hôm sau họ bơi thuyền vòng vào sông Akesines nơi họ tàn phá miền đất quanh con sông đó, trong lúc các lực lượng bộ binh của họ uy hiếp thành này. Cùng lúc ấy, rất đông quân bản địa Sicily đã từ vùng cao kéo xuống để trợ chiến chống quân Messina; và quân dân thành Naxos, phấn khởi tinh thần khi nhìn thấy họ và bừng bừng nhiệt khí vì tưởng rằng đó là quân Leontini và các đồng minh Hy Lạp khác đến cứu ứng, đột ngột phá vây xông ra khỏi trấn và tấn công, đánh cho quân Messina tan tác, tiêu diệt hơn một ngàn quân này; trong lúc số còn lại chịu tổn thất nặng nề trong cuộc rút chạy về hậu phương

khi bị quân man di tấn công trên đường, và phần đông bị tiêu diệt. Những chiến thuyền của Syracuse cập cảng Messina, và sau đó giải tán ai về xứ nấy. Quân Leontini và các đồng minh của họ, cùng với quân Athens, khi sự việc xảy ra lập tức quay vũ khí sang Messina lúc này đã bị suy yếu, và tấn công, quân Athens tấn công từ phía hải cảng vào bằng các chiến thuyền, và các lực lượng trên bộ tấn công từ phía trấn. Thế nhưng quân Messina đã phá vây xông ra cùng với Demoteles và một số quân Locris đã được để lại làm quân đồn trú bảo vệ thành này sau cuộc chiến bại kể trên, đột ngột tấn công và đánh cho quân Leontini tan tác gần hết, tiêu diệt một số rất đông quân địch; thấy vậy, quân Athens liền đổ bộ từ các chiến thuyền của mình xuống và xông vào tấn công quân Messina đang hỗn loạn và đuổi họ ngược vào trong trấn, và sau khi dựng một đài chiến tích họ rút về Rhegium. Sau trận này các dân Hy Lạp ở Sicily vẫn tiếp tục đánh lẫn nhau trên bộ mà không có sự tham gia của quân Athens.

Cùng trong thời gian này quân Athens ở Pylos vẫn đang vây hãm toán quân Lacedaemon trên đảo, các lực lượng Lacedaemon trên lục địa vẫn án binh tại chỗ. Cuộc bao vây rất nhọc nhằn gian khổ đối với quân Athens vì thiếu lương thảo và nước uống; nơi đó không có một nguồn nước nào trừ một nguồn phía bên trong thành lũy Pylos, và nguồn đó cũng chẳng nhiều nhận gì, và phần đông bọn họ buộc phải đào bới những chỗ nhiều đá cuội trên bờ biển và uống cái thứ nước mà họ tìm được. Họ lại còn phải chịu thêm cảnh thiếu chỗ ở nữa, vì lập trại ở nơi chật hẹp, và vì nơi đó không có chỗ cho thuyền của họ neo đậu, một số phải đem khẩu phần ăn lên bờ khi đến phiên, trong lúc một số khác neo đậu ngoài biển khơi. Nhưng cái khiến họ nản chí nhất lại phát sinh từ việc tốn nhiều thời gian một cách không ngờ để chinh phục một nhóm người bị nhốt trên một hoang đảo chỉ có duy một thứ nước lợ để uống, một việc mà họ những tưởng rằng chỉ mất vài ngày. Thực tế là người Lacedaemon đã yết thị cho những người tình nguyện mang sang hải đảo đó bột ngũ cốc, rượu vang, pho-mát và bất kỳ thực phẩm gì khác hữu dụng trong một cuộc vây hãm; họ treo giá cao, và hứa trả tự do cho bất kỳ kẻ nào thuộc dân nô dịch *Helots* mang được thức ăn ra đó. Dân nô dịch *Helots* vì thế đã tham gia vào việc vận chuyển mạo hiểm này một

cách sốt sắng nhất, ra khơi từ nơi này nơi khác trên đất Peloponnese, và đêm đến họ chạy thuyền vào phía đảo hướng ra biển. Nhưng họ khoái nhất là khi gặp được một con gió thuận đẩy họ vào. Để tránh được sự canh chừng của những con thuyền ga-lê khi gió từ hướng biển thổi vào hơn vì chúng không thể neo đậu xung quanh hòn đảo ấy; trong khi đó những con thuyền của dân *Helots* đã được định giá thành tiền, nên họ đâm thẳng chúng vào bờ mà không quan tâm xem chúng cập bờ ra sao, họ chắc chắn sẽ gặp quân mình đang chờ đón họ ở những nơi đổ bộ. Nhưng tất cả những kẻ mạo hiểm làm việc đó khi trời yên biển lặng đều bị bắt. Thợ lặn cũng lặn từ hải cảng sang, buộc dây da kéo theo hạt anh túc trộn với mật ong, và hạt lanh đã chà vỏ; những thợ lặn này thoạt đầu né tránh được cặp mắt cảnh giới của những con thuyền ga-lê, nhưng sau đó một đội canh phòng đã được cắt đặt để canh chừng họ. Nói tóm lại, hai bên đều không từ một mưu chước khả thi nào, cả bên ném lương thảo vào lẫn bên ngăn chặn việc đưa vào đó.

Trong khi đó ở Athens, cái tin rằng quân đội đang lâm vào cảnh cực kỳ khốn đốn, và rằng ngũ cốc đã tìm được đường đến với những người trên đảo, đã gây ra không ít hoang mang; và người Athens bắt đầu lo sợ rằng có lẽ khi mùa đông đến họ vẫn còn bị vướng vào cuộc phong toả đó. Họ thấy rằng vận lương thảo vòng qua Peloponnese lúc bây giờ là việc bất khả. Xứ đó không cho một nguồn cung nào ngay tại chỗ, và thậm chí ngay cả trong mùa hạ họ cũng không thể vận đủ lương thảo theo đường vòng qua Peloponnese. Cuộc phong toả một nơi không có hải cảng không thể trụ lâu thêm được nữa; và những người bị vây hãm có thể hoặc thoát được nhờ cuộc vây hãm đó bị giải toả, hoặc sẽ rình chờ thời tiết xấu và ra khơi theo những con thuyền đã mang ngũ cốc vào cho họ. Điều khiến họ lo lắng nhiều hơn cả là thái độ của người Lacedaemon, mà người Athens cho rằng chắc hẳn dân ấy đang bình chân như vại nên không phải thêm sứ giả nào đến Athens nữa; và họ bắt đầu hối tiếc vì đã khước từ hoà ước đó. Cleon nhận thấy sự ghét bỏ mà họ dành cho ông ta bởi đã ngăn trở hoà ước ấy, lúc bấy giờ bèn nói rằng những kẻ mang tin về cho họ đã nói không đúng với sự thật; và khi những kẻ đưa tin đó đã đề nghị rằng nếu dân chúng không tin tưởng họ thì hãy cử một sos đặc phái viên đi thị sát, thì chính Cleon và Theagenes đã

được người Athens lựa chọn để ủy quyền đi. Biết rằng lúc này mình sắp bị buộc phải hoặc nói chính những điều mà những người đã bị ông ta vu khống đã nói hoặc sẽ bị lật tẩy rằng mình là một kẻ dối trá nếu nói ngược lại, ông ta bảo với dân chúng Athens – mà ông ta thấy là không phải tất cả mọi người đều không thích một cuộc viễn chinh mới – rằng thay vì phái người đi và lãng phí thời gian và cơ hội của họ, nếu họ tin vào những tin tức đã được báo cho họ thì họ cần phải lên thuyền đi đánh những người trên đảo đó. Và chỉ vào Nicias con trai của Niceratus, khi ấy đang là tướng quân và là người bị ông ta căm ghét, ông ta nói khích rằng nếu họ có những vị tướng quân đáng mặt trượng phu thì việc lên thuyền cùng với một đội quân và bắt những kẻ trên hòn đảo kia thật dễ như bỡn, và rằng nếu chính ông ta mà có quyền chỉ huy thì ông ta đã làm việc đó rồi.

Nicias, thấy dân chúng Athens đang thì thào tỏ ý bất bình với Cleon vì không lên thuyền đi ngay lúc ấy nếu ông ta xem việc đó dễ dàng đến thế, và hơn nữa thấy chính mình là mục tiêu công kích, đã nói với ông ta rằng các vị tướng quân chẳng lấy thế làm phiền, ông ta có thể lấy bất kỳ lực lượng nào ông ta chọn và thực hiện cuộc tấn công. Thoạt đầu Cleon tưởng rằng việc thoái nhượng này chỉ là nói mẽ, và định tỏ ý sẵn sàng ra đi, nhưng rồi thấy rằng câu ấy ngụ ý nghiêm túc, ông ta đã rụt lại, và nói rằng Nicias mới là tướng quân chứ không phải ông ta, lúc bấy giờ ông ta phát hoảng vì chẳng thể ngờ được rằng Nicias lại đi đến nước từ chức để nhường cho ông ta. Thế nhưng Nicias đã lặp lại đề nghị của mình, và nhường chức chỉ huy đi đánh Pylos, và kêu gọi người Athens làm chứng cho rằng ông đã làm như thế. Và dân chúng, theo thói thường, Cleon càng chùn lại trước cuộc viễn chinh và càng cố rút lại lời ông ta đã nói bao nhiêu thì họ càng cố vũ Nicias trao lại quyền chỉ huy của mình bấy nhiêu, và la hét đòi Cleon phải lên đường. Cuối cùng, chẳng biết làm cách nào để nuốt lời cho được, ông ta đành chấp nhận viễn chinh, và tiến lên phía trước mà nói rằng ông ta chẳng sợ gì quân Lacedaemon, và sẽ ra khơi mà không lấy bất kỳ một người nào từ kinh thành đi cùng mình, ngoại trừ quân Lemnos và quân Imbros lúc đó đang ở Athens, và một số quân đeo khiên vừa từ Aenus^[15] tới, và bốn trăm cung thủ từ các vùng miền khác. Với lực lượng này và số quân đang đóng ở Pylos, trong hai

mười ngày ông ta hoặc sẽ bắt sống quân Lacedaemon về, hoặc sẽ tiêu diệt chúng ngay tại trận. Người Athens đã không thể không cười nhạo sự ngu ngốc của ông ta, trong khi những người am hiểu thì tự an ủi với ý nghĩ rằng dù tình huống có thể nào thì họ cũng sẽ được lợi: hoặc họ sẽ loại bỏ được Cleon, điều mà họ mong muốn hơn, hoặc nếu họ thất vọng với mong đợi này, thì họ sẽ chinh phục được quân Lacedaemon ở đó.

Sau khi ông ta đã giải quyết xong xuôi mọi việc trong cuộc hội nghị công dân đó, và người Athens đã biểu quyết bầu ông ta làm chỉ huy cuộc viễn chinh, ông ta đã chọn Demosthenes, một trong các tướng lĩnh tại Pylos, làm vị tướng đồng chỉ huy với mình, và gấp rút chuẩn bị cho chuyến hải hành của mình. Ông ta nhắm chọn Demosthenes vì nghe nói rằng ông này đang trù tính một cuộc đột kích từ biển vào hòn đảo ấy; binh lính khốn đốn vì những khó khăn gian khổ ở nơi đó, và chẳng thà làm những kẻ bị vây còn hơn làm kẻ đi vây, đang nóng lòng quyết một trận sống mái, đồng thời vụ hỏa hoạn trên hòn đảo đó đã làm vị tướng này tự tin hơn. Thoạt đầu ông ta đã lo sợ, vì hòn đảo chưa từng có dân cư sinh sống đó hầu như bị cây cối vây phủ hoàn toàn và không đường đi lối lại, ông ta cho rằng đây là lợi thế của kẻ thù vì dù có thể đổ bộ với một lực lượng lớn đi chẳng nữa thì vẫn có khả năng thua trận nếu bị tấn công từ một vị trí không nhìn thấy được. Cánh rừng sẽ che giấu đáng kể những sơ hở và thực lực của quân địch, trong khi mỗi sơ hở của quân Athens sẽ bị phát hiện tức thì, và do đó địch có thể xuất kỳ bất ý tấn công ông ta ở chỗ nào chúng muốn, khi mà chúng luôn ở thế chủ động để tấn công. Mặt khác, nếu như ông ta muốn buộc địch giao tranh trong rừng cây rậm rạp, thì ông ta nghĩ rằng bên ít quân nhưng thông thạo đất này sẽ có lợi thế hơn bên đông quân mà mù mờ về đường đất, trong khi đạo quân của chính ông ta có thể sẽ bị tiêu diệt mà không hay biết, cho dù rất đông, vì họ không thể nhìn thấy được nơi nào cần mà cứu ứng lẫn nhau.

Thảm họa ở Aetolia^[6], mà chủ yếu là do rừng cây gây ra, có can hệ không ít đến những suy nghĩ này. Trong lúc ông ta còn đang trăn trở, thì một người trong toán binh lính mà vì thiếu chỗ đã buộc phải đổ bộ lên những điểm địa đầu của hòn đảo và ăn bữa tối, với những tiền đồn được bố trí trước để đề

phòng bị đột kích bất ngờ, đã vô tình gây hỏa hoạn cho một phần nhỏ khu rừng; và khi ngọn lửa bất ngờ bùng lên ngay sau đó, hầu hết cánh rừng đã bị thiêu huỷ trước khi họ kịp nhận ra. Bây giờ Demosthenes mới có thể lần đầu trông thấy quân Lacedaemon thực sự đông đến mức nào, từ trước tới giờ ông ta vẫn tưởng rằng họ tiếp tế lương thảo vào cho một số quân ít hơn; ông ta cũng thấy rằng quân Athens coi trọng thành công và đang nóng lòng mong đợi nó, và rằng lúc này việc đổ bộ lên hòn đảo đã dễ dàng hơn và vì vậy nên đã chuẩn bị sẵn sàng để tấn công, ông ta bèn phái người đi triệu thêm binh lính từ các quân đồng minh ở gần khu vực đó, và gấp rút chuẩn bị những thứ khác. Lúc này Cleon vừa đến Pylos cùng với những binh lính mà ông ta đã yêu cầu, sau khi đã phái người đưa tin rằng ông ta đang trên đường đến. Biện pháp đầu tiên được hai vị tướng này thực hiện sau khi họ gặp nhau là phái một viên sứ truyền tin tới doanh trại địch trên lục địa để hỏi xem họ có mong muốn tránh mọi rủi ro và lệnh cho những người trên đảo phải tự nộp mình và giao nộp vũ khí hầu được giam giữ một cách khoan hoà cho đến khi một thoả thuận chung nào đó được ký kết hay không.

Khi đề nghị này bị khước từ, hai vị tướng đó đã để cho qua một ngày, và ngày hôm sau họ cho tất cả bộ binh hạng nặng của họ lên một số chiến thuyền, ra khơi trong đêm, và ngay trước bình minh vừa rạng họ đổ bộ lên cả hai phía của hòn đảo từ biển khơi và từ hải cảng, quân số khoảng tám trăm, và xông gấp lên đánh đồn địch đầu tiên ở trên đảo.

Phía địch đã phân bố lực lượng của mình như sau: ở tiền đồn có khoảng ba mươi lính bộ binh hạng nặng; ở trung tâm và là chỗ bằng phẳng nhất, là nơi có nước, do bộ phận chủ lực nắm giữ và Epitadas chỉ huy; đồng thời một toán quân nhỏ canh giữ tận cuối hòn đảo nhìn về phía Pylos, là nơi dốc đứng bên bờ biển và rất khó mà tấn công được từ đất liền, và là nơi còn có một công sự cũ được dựng bằng những tảng đá ghép vào nhau một cách thô sơ, mà họ cho là có thể sẽ hữu ích với mình trong trường hợp bị buộc phải rút lui. Cách bố phòng của họ là như vậy.

Tiền đồn vì thế đã lập tức bị tiêu diệt ngay khi quân Athens tấn công vào, quân lính chỉ vừa kịp ra khỏi giường và đang bắt đầu mặc giáp trụ, cuộc đổ

bộ đã bắt đồ thộp được họ, vì họ tưởng rằng những con thuyền kia như thường lệ chỉ đang bơi về những nơi neo đậu khi đêm đến. Ngay khi rạng sáng, cánh quân còn lại đã đồ bộ nốt, tức là toàn bộ thủy thủ đoàn của chừng hơn bảy mươi chiến thuyền, trừ những tay chèo có cấp bậc thấp nhất, cùng với vũ khí họ mang theo, tám trăm cung thủ và cũng bằng ấy quân đeo khiên, viện binh từ Messenia và toàn bộ những quân khác đang làm nhiệm vụ quanh Pylos, trừ quân đồn trú ở công sự. Chiến thuật của Demosthenes là chia họ thành những đội khoảng hai trăm quân, hoặc hơn hoặc kém, và ra lệnh cho họ chiếm lấy những điểm cao nhất nhằm làm quân địch phải chôn chân một chỗ bằng cách bao vây từ mọi phía và như vậy sẽ khiến địch không thể thấy được quân Athens mà lại bị phơi mình dưới làn tên đạn đan nhau, bị quân Athens phục phía sau đánh dồn lên nếu tấn công lên phía trước, và bị cánh quân bên này đánh ép sang nếu tiến đánh cánh bên kia. Tóm lại, dù di chuyển theo hướng nào thì quân địch cũng sẽ có những kẻ tấn công từ sau lưng, và những kẻ tấn công vũ trang nhẹ này là những kẻ nguy hiểm nhất; tên, lao, đá và ná bắn đá khiến họ cực kỳ lợi hại ở khoảng cách xa, và không có cách nào để đến gần họ mà đánh giáp lá cà, vì họ có thể khắc chế địch trong khi thoái lui, và ngay khi kẻ truy đuổi họ quay đi là họ liền xông lên tấn công hấn. Ý tưởng đã thôi thúc Demosthenes hình thành nên kế hoạch đột kích là như thế, và đó cũng là ý tưởng chủ đạo để tiến hành cuộc đột kích.

Trong khi đó bộ phận chủ lực của đội quân trên đảo (do Epitadas chỉ huy), khi thấy tiền đồn của họ đã bị tiêu diệt và một đội quân đang tiến đánh họ, đã siết chặt hàng ngũ và xông lên giáp chiến với bộ binh hạng nặng của Athens trước mặt họ, bộ binh hạng nhẹ ở hai bên cánh và đoạn hậu. Thế nhưng họ đã không thể giao chiến hay lợi dụng được kỹ năng vượt trội của mình, bộ binh hạng nhẹ của Athens đã kiềm chế họ ở cả hai bên sườn bằng tên, đá, mác, lao, còn bộ binh hạng nặng của Athens vẫn đứng yên tại chỗ thay vì tiến lên đối địch với họ; và mặc dù họ đã đánh cho bộ binh hạng nhẹ của Athens chạy tan tác ở bất cứ nơi nào quân này xông đến và tiến lại quá gần, nhưng quân này vẫn vừa lùi vừa đánh, do được vũ trang nhẹ và dễ dàng chiếm được lợi thế trong khi rút chạy, vì địa hình tự nhiên hiểm trở và gập

ghênh trên hòn đảo mà cho đến lúc ấy vẫn hoang vu nên quân Lacedaemon đã không thể truy đuổi địch khi mang giáp trụ nặng.

Sau khi cuộc giao tranh cứ thế dằng dai một hồi, quân Lacedaemon không còn nhanh nhẹn xông lên các vị trí đang bị tấn công như trước nữa, và bộ binh hạng nhẹ của Athens thấy rằng quân địch lúc này chiến đấu đã kém hăng thì trở nên tự tin hơn. Họ có thể tận mắt thấy là họ đông gấp bội quân địch; giờ họ nhìn quân địch đã quen hơn và thấy địch bớt đáng sợ hơn, thực tế này không biện minh cho những nỗi sợ đã khiến họ nơm nớp, khi họ vừa mới đổ bộ lên đảo mà lòng chùn lại vì nghĩ đến việc phải tấn công quân Lacedaemon; thế nên nỗi sợ hãi của họ đã biến thành sự coi thường, và lúc này họ nhất tề xông lên với những tiếng la hét âm ỉ về phía quân địch, và ném đá, phóng lao và bắn tên vào địch, dùng bất cứ khí giới gì họ vớ được trước tiên. Tiếng reo hò đi kèm với cuộc tấn công của họ đã khiến quân Lacedaemon bối rối và kinh ngạc vì không quen với kiểu đánh này; khói bụi bốc lên từ cánh rừng mới bị đốt cháy, và phía trước mỗi người không thể nhìn thấy gì khi mà tên đá từ vô số kẻ tấn công bắn ra bời bời bay xuyên qua những đám mây bụi. Quân Lacedaemon giờ đây phải chống chọi với một cuộc xung đột khốc liệt; những chiếc mũ trụ của họ không thể ngăn được mũi tên, những cây lao đã gãy lìa trong làn giáp của những kẻ bị đâm, trong khi bản thân họ vô phương phản công bởi mắt họ bị che mờ chẳng thể nhìn thấy những gì phía trước, và không thể nghe được mệnh lệnh của chỉ huy vì quân địch hò hét động trời; nguy cơ bủa vây họ tứ phía, và tuyệt vô hy vọng vào bất kỳ biện pháp phòng thủ hoặc cứu nguy nào.

Cuối cùng, sau khi rất nhiều người đã bị thương trong khoảng đất chật hẹp nơi họ đang chiến đấu, họ siết lại hàng ngũ và triệt thoái về công sự ở cuối hòn đảo, cách đó không xa, và về với những chiến hữu của họ đang chốt giữ công sự ấy. Ngay khi họ vừa thoái lui, bộ binh hạng nhẹ của địch đã trở nên táo tợn hơn và dồn ép họ, reo hò inh ỏi hơn lúc nào hết, đùng ai giết nấy trong cuộc rút lui của họ, nhưng hầu hết quân Lacedaemon đã thoát được về công sự, và cùng với quân đồn trú ở đó tất cả bọn họ đã dàn hàng suốt từ đầu đến cuối công sự nhằm đẩy lùi quân địch ở bất cứ chỗ nào có thể bị tấn công. Quân Athens đuổi tới, không thể vây bọc họ lại vì địa thế nơi đó

rất vững, bèn tấn công họ từ phía trước và cố đột chiếm nơi này. Trong một thời gian dài, kỳ thực là hầu như suốt ngày, cả hai bên đã kiên trì chống chọi với mọi nỗ lực của trận chiến, cơn khát và cái nắng chói chang, một bên thì cố gắng đẩy kẻ địch khỏi vị trí trên cao, bên kia thì cố trụ lại trên đó, lúc này quân Lacedaemon dễ tự vệ hơn lúc trước, vì họ không thể bị bao vây từ phía sườn.

Trận chiến dường như bắt đầu đi đến chỗ dang dai không hồi kết, thì chỉ huy của quân Messenia đến chỗ Cleon và Demosthenes và nói với họ rằng họ đang uống phí sức lực của mình: nhưng nếu họ cấp cho anh ta một số cung thủ và bộ binh hạng nhẹ để đi vòng phía sau quân địch bằng một con đường mà anh ta đảm bảo là sẽ tìm ra thì anh ta nghĩ mình có thể chiếm được đường lên. Ngay khi nhận được những gì mình yêu cầu, anh ta đã khởi sự từ một vị trí khuất tầm mắt địch, và leo lên bất kỳ chỗ nào mà những vách đá dựng đứng trên đảo cho phép, và là nơi mà quân Lacedaemon tin chắc rằng địa thế vững vàng nên đã không cất đặt canh phòng; anh ta đã thành công sau khó khăn lớn nhất là vòng được qua mà không bị địch nhìn thấy, và bất thành linh xuất hiện trên mỏm núi cao ở phía sau quân địch, khiến quân địch hoảng hồn vì bị bất ngờ và khiến các chiến hữu đang chờ đợi của anh ta cực kỳ hân hoan phấn khởi. Quân Lacedaemon vì vậy đã bị đặt vào thế lưỡng đầu thụ địch, và nếu ví von cường điệu lên thì họ đang ở trong cùng một tình thế tiến thoái lưỡng nan y như Trận Thermopylae^[12] nơi quân hậu vệ đã bị tiêu diệt khi quân Ba Tư bọc hậu họ bằng con đường mòn, lúc này họ đang bị tấn công từ cả phía trước và phía sau, bắt đầu phải lùi bước và bị đánh bại bởi phải lấy ít địch nhiều và kiệt lực vì tình trạng thiếu đói, đã phải thoái lui.

Khi quân Athens đã đoạt được lối vào thì Cleon và Demosthenes nhận thấy rằng nếu quân địch lùi thêm một bước thì sẽ bị đội quân của họ tiêu diệt, bèn cho dừng trận đánh và hô quân của mình lùi lại; họ muốn bắt sống quân Lacedaemon về Athens, và hy vọng rằng tính ngoan cường của quân này sẽ dịu bớt khi nghe đề nghị về các điều kiện, và rằng quân đó có thể sẽ đầu hàng và lùi bước trước mỗi nguy không thể chống lại được lúc này.

Tuyên bố đã được đưa ra theo tinh thần đó, xem liệu quân địch có tự nguyện đầu hàng và giao nộp vũ khí cho quân Athens để được xử trí theo quyết định của họ hay không.

Quân Lacedaemon nghe thấy đề nghị này thì hầu hết đã hạ những tấm khiên của mình xuống và vẫy tay để thể hiện rằng họ chấp nhận. Chiến sự lúc bấy giờ ngừng hẳn, và một cuộc hoà đàm đã được tiến hành giữa Cleon và Demosthenes với phía bên kia là Styphon con trai của Pharax; vì Epitadas, vị chỉ huy đầu tiên trong số các chỉ huy trước đó, đã tử trận trước đó, và chỉ huy kế nhiệm là Hippagretas đã bị bỏ lại giữa những người bị giết vì tưởng là đã chết mặc dù vẫn còn sống, và vì thế quyền chỉ huy đã được trao cho Styphon theo đúng luật, trong trường hợp xảy ra bất cứ điều gì với thượng cấp của ông ta. Styphon và đồng đội của ông ta nói rằng họ muốn cử một viên sứ truyền tin sang chỗ quân Lacedaemon bên lục địa để hỏi xem họ phải làm gì. Quân Athens đã không cho bất cứ ai trong bọn họ ra đi, mà tự mình gọi các sứ truyền tin từ đất liền đến, và sau khi những câu hỏi đã được chuyển tới chuyển lui vài ba lần, người cuối cùng từ chỗ quân Lacedaemon bên lục địa đến mang theo lời nhắn nhủ như thế này: “Người Lacedaemon bảo các người hãy tự mình quyết định miễn là các người không làm gì đáng hổ thẹn”; bằng vào những lời này, sau khi bàn bạc với nhau họ đã đầu hàng và giao nộp vũ khí. Sau khi canh giữ tù binh ngày và đêm hôm đó, sáng hôm sau quân Athens đã dựng một đài chiến tích trên hải đảo này, và chuẩn bị ra khơi, giao tù binh của họ thành từng nhóm cho chỉ huy các chiến thuyền canh giữ; và quân Lacedaemon đã cử đến một viên sứ truyền tin và thu thập xác binh lính của mình. Số binh lính tử trận và tù binh bị bắt giữ trên hòn đảo là như sau: trước đó cả thủy đã có bốn trăm hai mươi bộ binh hạng nặng được đưa sang đảo; hai trăm chín mươi hai người đã bị bắt sống giải tới Athens; số còn lại đã bị giết. Khoảng một trăm hai mươi trong số tù binh là quân Sparta. Tổn thất của quân Athens không đáng kể vì trận này không phải là một trận đánh giáp lá cà.

Cuộc phong toả tổng cộng, tính từ trận hải chiến tới trận đánh trên đảo đó, đã kéo dài bảy mươi hai ngày. Trong đó có hai mươi ngày, khi các sứ giả được phái đi để thương lượng lập lại hoà bình, là những người trên đảo đã

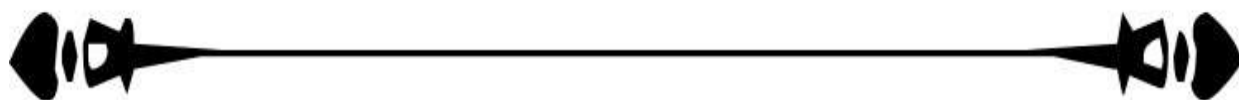
được tiếp viện lương thảo, trong những ngày còn lại họ đã được cung cấp bởi những kẻ mang lậu vào. Người ta thấy ngũ cốc và các loại đồ ăn thức uống khác vẫn còn lại trên đảo, chỉ huy Epitadas đã nuôi quân chỉ với một nửa khẩu phần ăn. Bây giờ quân Athens và Peloponnese từng bên rút lực lượng của họ khỏi Pylos, và hồi hương, và cho dù lời hứa của Cleon có điên khùng đến mấy, ông ta đã thực hiện được bằng cách đưa những người trên đảo ấy về Athens trong vòng hai mươi ngày đúng như ông ta đã cam kết.

Trong suốt cuộc chiến tranh này chưa từng có việc gì xảy ra khiến dân Hy Lạp ngạc nhiên nhiều như việc này. Vì người ta vẫn cho rằng không một sức mạnh nào hoặc sự đói khổ thiếu thốn nào có thể khiến quân Lacedaemon buông vũ khí, mà họ sẽ tiếp tục chiến đấu chừng nào còn có thể, và chết với vũ khí trong tay: thật vậy, người ta khó có thể tin được rằng những kẻ đã đầu hàng lại có cùng phẩm chất với những người hy sinh; và một đồng minh của Athens sau đó ít lâu đã đặt một câu hỏi có tính chất lăng mạ cho một trong số các tù binh từ hải đảo đó rằng những người đã ngã xuống có phải những người trọng danh dự không, thì liền nhận được câu trả lời rằng *atraktos* – nghĩa là mũi tên – sẽ vô cùng giá trị nếu nó có thể chọn ra được người trọng danh dự trong số những kẻ khác; ám chỉ cái thực tế rằng những người bị giết chỉ là những kẻ mà mũi tên hòn đạn tình cờ bắn trúng.

Khi những tù binh đó đến nơi, quân Athens đã quyết định giam giữ họ trong tù cho đến lúc hoà bình lập lại, và nếu quân Peloponnese xâm lược xứ sở của họ trong khoảng thời gian trước hoà bình, thì họ sẽ mang tù binh ra hành quyết. Trong khi đó việc phòng thủ ở Pylos đã không bị sao nhãng; dân Messenia từ Naupactus gửi đến miền đất cũ của họ – vì trước kia Pylos từng thuộc về họ – những quân thiện chiến nhất trong số họ, và khởi sự một loạt các cuộc đột kích vào Laconia và tàn phá nơi này, mà lý do tàn phá chỉ vì cùng nói chung một thứ tiếng. Người Lacedaemon, cho tới lúc đó chưa từng trải qua những cuộc đột kích hay cách thức chiến tranh theo kiểu ấy, đồng thời thấy rằng dân nô dịch *Helots* đang bỏ trốn, lại thêm lo sợ cuộc cách mạng sẽ tiến triển trong xứ sở của họ, bắt đầu đứng ngồi không yên, và mặc dù không muốn để lộ điều này cho phía Athens biết, họ đã bắt đầu phái sứ giả tới Athens, và cố gắng lấy lại Pylos cùng các tù binh. Thế nhưng người

Athens vẫn tiếp tục yêu sách nhiều hơn và đuổi hết sứ giả này đến sứ giả khác khiến những sứ giả đó chẳng đạt được bất cứ điều gì. Lịch sử trận Pylos là thế đó.

Chương XIII



NĂM CHIẾN TRANH THỨ BẢY VÀ THỨ TÁM – CUỘC CÁCH MẠNG CORCYRA CHẤM DỨT – HÒA BÌNH Ở GELA – NISAEA BỊ CHIẾM

Cùng mùa hạ năm đó, ngay sau những sự kiện trên, người Athens đã khởi cuộc viễn chinh đi đánh lãnh thổ Corinth với tám mươi chiến thuyền, hai ngàn bộ binh hạng nặng Athens và hai trăm kỵ binh đi trên những con thuyền chuyên chở ngựa, cùng với quân các xứ Miletus, Andros và Carystus trong số các đồng minh của họ, dưới quyền chỉ huy của Nicias con trai của Niceratus và hai vị tướng đồng chỉ huy. Sau khi nhổ neo ra khơi, họ cập bờ vào lúc rạng sáng giữa Chersonese^[1] và Rheitus^[2], trên bãi biển của miền đất dưới chân đồi Solygia^[3], nơi mà thuở xưa người Doris đã định cư và tiến

hành chiến tranh từ đó đánh đuổi các cư dân Aeolis^[4] của Corinth, và là nơi hiện có một ngôi làng được gọi là Solygia. Bãi biển mà hạm đội đã cập vào nằm cách ngôi làng đó khoảng một dặm rưỡi, cách Corinth bảy dặm, và cách Eo đất hai dặm một phần tư. Người Corinth đã nghe được tin từ Argos rằng đạo quân của Athens đang tiến đến, và đã kéo cả về Eo đất trước đó đã lâu, ngoại trừ những người sống bên ngoài Eo đất và năm trăm quân đang đóng tại những đơn vị đồn trú ở Ambracia và Leucas cách xa nơi ấy; và toàn bộ quân lực họ đang tập trung ở đó canh chừng quân Athens đổ bộ. Tuy quân Athens đến sau nhưng đã qua được mắt họ bằng cách đổ bộ khi trời đã tối mịt; và khi được tín hiệu báo về việc quân địch đã đổ bộ, Corinth đã để một nửa quân số của mình lại Cenchreae^[5] phòng khi quân Athens có thể tấn công Crommyon^[6], rồi gấp rút kéo đi cứu ứng.

Battus, một trong hai vị tướng quân có mặt trong trận này, đã mang một đội quân đi bảo vệ ngôi làng Solygia, nơi không được củng cố phòng thủ; Lycophon ở lại cùng số quân còn lại để chiến đấu. Quân Corinth trước hết tấn công vào cánh phải của quân Athens vừa mới đổ bộ phía trước Chersonese, và sau đó tấn công toàn bộ quân địch còn lại. Đó là một trận chiến dằng dai, từ đầu đến cuối toàn đánh giáp lá cà. Cánh phải của quân Athens và quân Carystus được sắp đặt ở tuyến cuối đã tiếp chiến và cũng phải vất vả mới đẩy lùi được quân Corinth, quân này đã lập tức rút về một thành lũy trên chỗ đất cao dốc đứng phía đằng sau, và ném đá xuống quân địch, rồi vừa xông xuống lần nữa vừa hát khúc tụng ca chiến thắng, và khi quân Athens tiếp chiến, họ lại một lần nữa đánh giáp lá cà. Vào lúc này một toán quân Corinth đã đến tiếp viện cho cánh trái, đã đánh bật và truy đuổi cánh phải của quân

Athens ra biển, tại nơi đó đến lượt họ lại bị quân Athens và Carystus từ những chiến thuyền đẩy lùi. Trong khi đó số quân còn lại của cả hai bên vẫn kiên trì chiến đấu, đặc biệt là cánh phải của quân Corinth, nơi Lycophon ngoan cường chống đỡ cuộc tấn công của cánh trái quân Athens, do sợ rằng cánh quân đó có thể tấn công làng Solygia.

Sau khi cầm cự dằng dai hồi lâu mà không bên nào chịu lùi, quân Athens được quân kỵ của mình đến trợ chiến, mà phía địch không có quân kỵ, rút cục cũng đánh cho quân Corinth chạy tan tác, quân này đã rút về ngọn đồi và tạm ngừng, họ án binh bất động ở đó không xông xuống nữa. Chính trong cuộc tháo chạy này của cánh quân bên phải mà quân của họ bị tiêu diệt nhiều nhất, Lycophron vị tướng của họ cũng nằm trong số đó. Phần còn lại của đội quân này, vỡ trận và buộc phải bỏ chạy theo cách như vậy mà không bị truy đuổi rất hay đánh ép, đã lui về vị trí trên cao và trụ lại nơi đó. Quân Athens nhận thấy rằng quân địch không còn muốn xông ra giao chiến với họ nữa, đã lột sạch giáp trụ trên xác binh lính của địch và thu thập xác binh lính của chính mình, và lập tức dựng lên một đài chiến tích. Trong khi đó phân nửa quân Corinth để lại Cenchreae để canh gác phòng quân Athens bơi thuyền tới Crommyon, mặc dù không thể nhìn thấy trận đánh vì núi Oneion chắn tầm mắt, đã biết là đang có chuyện do đám bụi bốc lên, và vội vàng đến cứu viện; cả những quân Corinth già hơn trong trấn khi phát hiện có chuyện xảy ra cũng kéo đến. Quân Athens nhìn thấy tất cả bọn họ đang kéo đến đánh mình thì tưởng rằng họ là lực lượng tăng viện từ các vùng Peloponnese lân cận phái đến, đã vội vã rút về thuyền với chiến lợi phẩm và xác binh lính của họ, trừ hai xác họ bỏ lại đằng sau vì không thể tìm thấy, và sau khi lên thuyền họ vượt biển sang những hải đảo đối diện, và từ nơi đó phái đi một viên sứ truyền tin, và theo thoả thuận tạm đình chiến đã thu thập nốt hai xác binh lính mà họ đã bỏ lại. Hai trăm mười hai quân Corinth đã ngã xuống trong trận này, phía Athens tổn thất chưa đến năm chục quân.

Nhổ neo rời khỏi những hải đảo nói trên, quân Athens cùng ngày hôm đó đã bơi thuyền đến Crommyon trên lãnh thổ của Corinth, cách kinh thành này khoảng mười ba dặm, và tiến vào neo đậu rồi tàn phá vùng đất này, và qua đêm ở đó. Ngày hôm sau, trước hết họ bơi thuyền men theo bờ biển đến lãnh thổ Epidaurus và thực hiện một cuộc đột kích từ biển vào nơi đó, rồi họ đến Methana^[2] ở giữa Epidaurus và Troezen, và xây đắp một thành lũy từ bên này sang bên kia eo đất của bán đảo này và củng cố phòng thủ cho nó, và để lại một đồn quân ở đó, sau này từ đồn ấy họ thực hiện các cuộc tập kích vào

các trấn Troezen, Haliae và Epidaurus. Sau khi xây đắp thành lũy cho nơi này xong, hạm đội nhổ neo lên đường hồi hương.

Trong lúc những sự kiện này đang diễn ra thì Eurymedon và Sophocles đã cùng hạm đội Athens từ Pylos lên đường đi Sicily và khi đến Corcyra họ tham gia vào một cuộc chinh phạt với những người dân trong trấn đi đánh cái phe phái đã thiết lập căn cứ trên núi Istone, những kẻ mà tôi đã kể bên trên là đã vượt biển sang đó sau cuộc cách mạng và trở thành những chủ nhân của xứ này, khiến cư dân ở đó phải điêu đứng. Pháo đài của chúng đã bị chiếm bằng một cuộc tấn công, toàn bộ đội quân đồn trú đã kéo cả đi ẩn náu trên một mỏm núi nào đó và từ nơi ấy đã đầu hàng có điều kiện, đồng ý giao nộp đội quân đánh thuê đến trợ chiến, giải giáp và cam kết để người Athens toàn quyền xử trí. Theo thoả thuận tạm đình chiến, các vị tướng đã mang bọn chúng vượt biển sang đảo Ptychia^[8] để giam giữ cho tới khi có thể gửi chúng đến Athens, với điều kiện là nếu bất kỳ kẻ nào bị bắt khi đang chạy trốn thì tất cả sẽ mất quyền theo thoả thuận tạm thời này. Trong khi đó những thủ lĩnh của dân chúng Corcyra, sợ rằng quân Athens có thể tha mạng cho những tù binh ấy, đã cậy đến một mưu chước như sau: họ tranh thủ tác động được một vài kẻ nào đó trên đảo bằng cách lén cử bạn hữu của chúng đến với chỉ thị cung cấp cho chúng một con thuyền và nói với chúng, làm ra vẻ là vì lợi ích của bản thân chúng, rằng tốt nhất là chúng nên trốn thoát cho thật nhanh vì các tướng lĩnh Athens đang sắp sửa giao chúng cho dân chúng Corcyra.

Màn kịch đó thành công, mọi việc đã được dàn xếp sao cho những kẻ này bị bắt khi đang ra khơi trên con thuyền đã được cung cấp, và thoả thuận tạm đình chiến vì thế đã trở nên vô hiệu, và cả đám này đã bị giao lại cho dân Corcyra. Các tướng lĩnh Athens là nguyên nhân chính gây ra việc này; họ tỏ ra miễn cưỡng phải lên thuyền đi Sicily, và bằng cách ấy để cái vinh dự áp giải những kẻ đó đến Athens cho những người khác, đã khích lệ những kẻ mưu mô kia thực hiện ý đồ của mình và dường như lại còn xác nhận màn kịch mà những người ấy diễn là thật. Các tù binh được giao lại như vậy đã bị dân Corcyra nhốt trong một toà nhà lớn, và sau đó bị lôi ra từng nhóm hai

mười người một và bị dẫn giải qua hai hàng bộ binh hạng nặng đứng hai bên, bị trói giằng với nhau, và bị những binh lính ở hai hàng đánh đập và đâm chém mỗi khi ai đó nhìn thấy một kẻ có tư thù với mình đi qua; trong khi những kẻ áp giải mang roi đi kèm bên cạnh họ và trên đường đi luôn vục roi thúc những kẻ đi quá chậm.

Có đến sáu mươi người đã bị giải ra ngoài và bị thủ tiêu theo cách này mà đồng đảng của chúng còn lại trong toà nhà đó không hề hay biết, những kẻ đó tưởng rằng đám kia chỉ bị chuyển từ nhà tù này sang nhà tù khác. Nhưng cuối cùng cũng có kẻ đã nhìn ra sự thật, và những kẻ đó liền lập tức kêu gọi quân Athens hãy tự mình kết liễu chúng đi, nếu đó là điều họ muốn, và cự tuyệt không chịu đi ra khỏi toà nhà nữa, và nói rằng sẽ làm tất cả những gì có thể để ngăn cản bất kỳ ai tiến vào. Dân chúng Corcyra không muốn tự mình phải dùng vũ lực mở lối vào qua cửa nên đã trèo lên nóc toà nhà và phá mái nhà ra để lấy lối, họ ném gạch ngói xuống và bắn tên vào những kẻ đó, vì thế mà các tù binh phải tìm chỗ ẩn tránh bằng mọi cách. Hầu hết những kẻ này trong khi ấy đang mãi bận tự sát bằng cách lấy những mũi tên mà địch bắn vào đâm vào cổ họng, và tự treo cổ bằng những sợi dây được lấy từ một vài chiếc giường tình cờ có sẵn ở đó và những dây vải được xé từ quần áo của mình; nói tóm lại là sử dụng mọi cách khả thi để tự huỷ hoại bản thân, và đồng thời cũng trở thành những nạn nhân bị sát hại bởi gạch đá cung tên của kẻ thù trên mái nhà. Màn đêm buông xuống trong lúc những cảnh kinh hoàng này đang diễn ra và đêm đã gần tàn mà những cảnh ấy vẫn chưa chấm dứt. Khi ngày đã rạng dân Corcyra ném xác chúng chồng chất lên những xe ngựa chở hàng và mang ra khỏi thành. Tất cả những phụ nữ bị bắt trong pháo đài đó đã bị bán làm nô lệ. Phe Corcyra ở trên núi đã bị dân chúng tiêu diệt bằng cách này, và như vậy sau những biến cố cực đoan khủng khiếp đó thì cuộc xung đột phe phái đã chấm dứt, ít nhất là trong suốt thời gian của cuộc chiến tranh này, bởi trên thực tế một phe đã chẳng còn sót lại mống nào^[9]. Trong khi đó quân Athens đã lên thuyền đi Sicily, là nơi ban đầu họ định đến, và cùng với các đồng minh của họ xúc tiến cuộc chiến tranh ở đó.

Khi mùa hạ sắp qua, quân Athens ở Naupactus và quân Acarnania đã khởi cuộc viễn chinh đi đánh Anactorium, một trấn của Corinth nằm ở cửa vịnh Ambracia, và chiếm được nó nhờ nội phản; và rồi chính dân Acarnania đã gửi những dân đi định cư từ tất cả mọi miền của Acarnania sang cư ngụ ở nơi này.

Lúc này mùa hạ đã qua. Trong mùa đông tiếp theo đó, Aristides con trai của Archippus, một trong các vị chỉ huy của những con thuyền được Athens cử đi để thu tiền từ các đồng minh, đã bắt giữ Artaphernes người Ba Tư tại trấn Eion bên sông Strymon, khi ông này đang trên đường từ chỗ Nhà vua^[10] tới Lacedaemon. Ông ta bị dẫn giải tới Athens, ở đó người Athens đã cho dịch những điệp văn ông ta đem theo từ tiếng Assyria^[11] ra và đọc chúng. Các điệp văn này đề cập đến vô số vấn đề khác, nhưng về căn bản là nói với người Lacedaemon rằng Nhà vua không hiểu họ muốn gì, bởi vì rất nhiều sứ giả mà họ đã phái đến chỗ Nhà vua thì mỗi người nói một phách; nhưng nếu lúc này họ đã sẵn sàng nói không quanh co úp mở thì họ có thể phái các sứ giả đi cùng người Ba Tư này đến chỗ ngài. Quân Athens sau đó đã đưa Artaphernes về Ephesus bằng một con thuyền ga-lê, và cử những sứ giả của họ đi cùng ông ta, ở nơi đó những sứ giả này đã nghe tin Vua Artaxerxes con trai của Xerxes vừa băng hà, và vì vậy họ đã quay về.

Cùng mùa đông ấy dân Chios đã phá đổ bức thành lũy mới của mình theo lệnh của người Athens do họ đã nghi ngờ dân này âm mưu một cuộc nổi loạn; tuy nhiên trước khi làm việc đó dân Chios đã có được những cam kết từ người Athens, và sự đảm bảo lâu dài nhất có thể, rằng họ sẽ tiếp tục đối xử với dân này y như trước. Mùa đông đã kết thúc như thế đó, và kết thúc cùng với nó là năm thứ bảy của cuộc chiến tranh này, cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách.

Những ngày đầu tiên của mùa hạ kế tiếp đã xuất hiện nhật thực vào đầu tuần trăng, và cũng vào đầu tháng đó đã xảy ra một trận động đất. Trong lúc ấy, những kẻ lưu vong người Mytilene và người Lesbos đã xuất chinh, phần đông là từ đại lục, cùng với lính đánh thuê được chiêu mộ ở Peloponnese và những quân khác được trưng tập tại chỗ, và chiếm lấy Rhoeteum^[12], nhưng

đã trao trả nó nguyên vẹn khi nhận được hai ngàn *xtato* tiền Phocaea^[13]. Sau đó họ tiến đánh Antandrus^[14] và chiếm được trấn này do nội phản, kế hoạch của họ là giải phóng Antandrus và tất cả các trấn Actaea^[15] còn lại, vốn là của Mytilene nhưng hiện giờ do người Athens chiếm giữ. Một khi đã củng cố vững vàng tại đó, họ sẽ có được tất cả các cơ sở phương tiện đóng tàu thuyền từ các vùng lân cận núi Ida và kéo theo là gỗ súc dồi dào và vô số những nguồn cung khác, và từ căn cứ này có thể dễ dàng tàn phá cướp bóc đảo Lesbos, ở cách đó không xa, và trở thành chủ nhân của các trấn Aeolis trên lục địa này.

Trong khi những kẻ lưu vong đang mưu đồ như vậy, thì cùng mùa hạ năm đó người Athens đã khởi một cuộc viễn chinh với sáu mươi chiến thuyền, hai ngàn bộ binh hạng nặng, một ít kỵ binh và một số quân đồng minh từ Miletus và những vùng khác gửi đến, đi đánh Cythera, dưới quyền chỉ huy của Nicias con trai của Niceratus, Nicostratus con trai của Diotrepes, và Autocles con trai của Tolmaeus. Cythera là một hải đảo nằm ngoài khơi Laconia, đối diện với Malea; cư dân ở đó là người Lacedaemon thuộc tầng lớp dân tự trị *Perioeci*; và hằng năm có một giới chức được gọi là quan toà của Cythera vẫn được Sparta cử sang đảo này. Một đơn vị đồn trú gồm toàn bộ binh hạng nặng cũng được định kỳ cử tới đó, và hải đảo này rất được quan tâm vì nó là bến đỗ cho các thương thuyền từ Ai Cập và Libya ghé vào, và đồng thời bảo vệ Laconia khỏi những cuộc tấn công của các thuyền hải tặc từ biển vào, tại điểm duy nhất có thể tấn công được, vì toàn bộ bờ biển này đột ngột nhô lên về phía biển Sicily và biển Crete^[16].

Đến đó bộ tại đây cùng lực lượng của mình, quân Athens với mười chiến thuyền cùng hai ngàn bộ binh hạng nặng của Miletus đã chiếm được trấn Scandea^[17] bên bờ biển; và với lực lượng còn lại họ đổ bộ lên phía đảo trông sang Malea, rồi tiến đánh hạ trấn Cythera, nơi họ thấy toàn bộ cư dân đã lập doanh trại. Một trận chiến nổ ra, dân Cythera cầm cự chẳng được bao lâu, và rồi quay đầu trốn chạy vào thượng trấn, nơi sau đó họ đã mau chóng đầu hàng Nicias và các vị tướng đồng chỉ huy của ông ta, đồng ý để quân Athens định đoạt số phận của họ, chỉ cần được toàn mạng. Một cuộc giao thiệp đã

diễn ra từ trước giữa Nicias và một số cư dân ở đây, nó đã khiến cho việc đầu hàng được thực hiện mau lẹ hơn, và theo những điều khoản có lợi hơn cho dân Cythera, hiện tại cũng như về sau; nếu không thì dân đó đã bị quân Athens trục xuất vì họ là người Lacedaemon và đảo của họ ở gần Laconia đến thế. Sau cuộc đầu hàng có điều kiện này, quân Athens đã đóng tại trấn Scandea gần hải cảng, và sau khi cắt cử một đơn vị đồn trú ở Cythera, họ dong buồm tới Asine, Helus^[18] và hầu hết các nơi ở vùng biển đó, và tiến hành những cuộc đột kích từ biển vào và tiện đâu thì qua đêm ở đó trên bờ biển ấy, tiếp tục tàn phá xứ sở ấy khoảng chừng bảy ngày.

Người Lacedaemon khi thấy quân Athens đã chiếm Cythera, và lường trước những cuộc đột kích giống như vậy lên các bờ biển của họ, đã không đưa tổng lực ra để chống địch ở bất kỳ nơi nào, mà lại đưa những đội quân đồn trú đến nơi này nơi kia trên khắp xứ này, gồm bộ binh hạng nặng đủ cho những nơi bị đe dọa có thể cần đến, và nhìn chung là chỉ chăm chăm giữ thế phòng thủ. Sau cú đòn thảm khốc và bất ngờ giáng xuống họ ở hải đảo đó^[19], sau khi Pylos và Cythera bị chiếm đóng và bóng đen chiến tranh hiện hình từ mọi phía với tốc độ mau lẹ khó nổi để phòng, họ sống trong lo sợ triền miên về cuộc cách mạng nội trong xứ họ, và bấy giờ đã đi một nước bất thường là gầy dựng một đội bốn trăm quân kỵ và một lực lượng cung thủ, và thành ra nhát sợ hơn bao giờ hết trong các vấn đề quân sự, khi thấy mình mắc vào một cuộc chiến tranh trên biển, là mặt trận mà trước nay họ chưa từng tính đến, và là cuộc chiến tranh với quân Athens, những kẻ luôn coi một kế hoạch không được cố thử thực hiện là một chiến công bị bỏ phí. Và lại, nhiều vận rủi gần đây đã liên tiếp theo nhau đến với họ mà chẳng có nguyên do gì, khiến họ mất hết cả tinh thần và luôn luôn lo sợ một thảm họa thứ hai giống như thảm họa xảy ra trên đảo đó, và vì vậy họ chẳng dám xuất trận, trái lại họ cứ nghĩ rằng họ không thể hành động mà không mắc sai lầm, bởi còn bỡ ngỡ với việc trải nghiệm nghịch cảnh nên họ đã mất hết sự tự tin vào chính mình.

Vậy nên giờ đây họ để mặc quân Athens tàn phá cướp bóc suốt dải bờ biển của mình mà chẳng có động thái gì, các đơn vị đồn trú đóng gần những

vùng bị đột kích từ biển vào luôn nghĩ rằng quân của họ không đủ, và tất cả đều có chung một cảm nghĩ như vậy. Một đơn vị đồn trú duy nhất đã mạo hiểm kháng cự lại, ở lân cận Cotyrta^[20] và Aphrodisia^[21], đã bất ngờ khiến địch kinh hãi khi tấn công vào đám bộ binh hạng nhẹ đang tản mát, nhưng đã rút lui ngay khi bộ binh hạng nặng đến tiếp chiến, họ tổn thất mất vài người và một số vũ khí, vì thắng lợi này quân Athens đã dựng một đài chiến tích, và rời nhổ neo đi Cythera. Từ nơi ấy họ bơi thuyền vòng sang Epidaurus Limera^[22], tàn phá một phần trấn đó, và rồi họ đến Thyrea trong lãnh thổ Cynuria^[23], nằm trên biên giới giữa Argos và Laconia. Vùng đất này đã được các chủ nhân Lacedaemon của nó ban cho những người Aegina bị trục xuất cư ngụ, để đền đáp công lao phụng sự của họ vào lúc xảy ra trận động đất và cuộc nổi loạn của dân nô dịch *Helots*; và cũng vì họ vẫn luôn đứng về phía Lacedaemon mặc dù là xứ dân lệ thuộc của Athens.

Trong lúc quân Athens vẫn còn đang ở ngoài biển khơi, dân Aegina đã sơ tán khỏi một pháo đài mà họ đang xây dựng trên bờ biển, và rút lui về thượng trấn nơi họ sinh sống, cách biển chừng hơn một dặm đường. Một trong những đơn vị đồn trú tại địa hạt này của Lacedaemon đang giúp họ xây dựng pháo đài đó đã từ chối không cùng về trấn với họ mặc dù họ khẩn nài, vì nghĩ rằng tự nhốt mình bên trong thành lũy còn nguy hiểm, và đơn vị này rút lui về vùng cao án binh bất động, cho rằng mình không địch nổi quân Athens.

Trong lúc ấy quân Athens đã đổ bộ, và lập tức dốc toàn bộ lực lượng của mình tiến đánh và chiếm Thyrea. Trấn thì họ thiêu huỷ sau khi cướp bóc hết mọi thứ trong đó; dân chúng Aegina mà không bị giết trong trận đánh thì bị họ bắt về Athens, cùng với Tantalus con trai của Patrocles, vị chỉ huy Lacedaemon của dân Aegina, ông ta đã bị thương và bị bắt làm tù binh. Họ cũng đem theo vài người từ Cythera mà họ nghĩ rằng đưa đi là an toàn hơn cả. Những kẻ này đã bị quân Athens quyết định giam giữ trên các hải đảo, những người Cythera còn lại sẽ được giữ lại đất đai của họ và phải cống nạp bốn *talăng*; những người Aegina bị bắt sẽ phải bị giết sạch, vì mối thâm thù

từ xưa, và Tantalus sẽ bị giam cầm cùng quân Lacedaemon bị bắt trên hòn đảo kia.

Cùng mùa hạ năm đó, những cư dân Camarina và Gela^[24] ở Sicily lần đầu tiên đã lập một thoả thuận tạm đình chiến với nhau, sau thoả thuận này các sứ đoàn từ khắp các thành bang khác của Sicily đã hội họp tại Gela để cố gắng tiến đến một hoà ước. Sau khi bên này bên khác đã bày tỏ rất nhiều ý kiến, thể theo những nỗi đau khổ và những mong muốn mà các bên đang kể lễ trình bày, Hermocrates người Syracuse và là con trai của Hermon, là người có ảnh hưởng nhất trong số họ, đã phát biểu với hội nghị những lời như sau:

“Hỡi các xứ dân ở Sicily, nếu lúc này tôi phát biểu với các vị, thì chẳng phải là vì kinh thành của tôi bị tổn hại ít nhất hay nhiều nhất ở Sicily vì cuộc chiến tranh này, mà là để công khai tuyên bố cái sách lược mà tôi thấy là tốt nhất cho toàn bộ hải đảo này. Rằng chiến tranh là thảm hoạ đã thành một câu cửa miệng đối với tất cả mọi người nên dài dòng thêm về nó sẽ là vô vị. Không một ai bị buộc phải tham gia vào cuộc chiến này nếu chưa hiểu biết gì về nó, cũng như chẳng nỗi sợ nào có thể đẩy được một người tránh xa nó ra nếu anh ta nghĩ rằng có thể kiếm chác được lợi lộc gì từ nó. Đối với loại người thứ nhất thì lợi lộc xem ra lớn hơn nguy hiểm, trong khi loại người thứ hai chẳng thà chịu đựng rủi ro còn hơn phải từ bỏ bất kỳ thứ gì ngay trước mắt. Nhưng nếu cả hai loại người đó tình cờ đều đã lựa chọn nhầm thời điểm để hành động như vậy, thì lời khuyên lập lại hoà bình sẽ không phải là vô ích; và chỉ cần chúng ta xem xét kỹ lời khuyên đó, chúng ta sẽ thấy đây chính là cái mà chúng ta đang cần nhất vào lúc này.

Thiết nghĩ không một ai phản bác rằng lúc đầu chúng ta khởi sự chiến tranh nhằm thoả mãn những lợi ích riêng khác nhau của mỗi thành bang chúng ta, rằng vì cùng những lợi ích đó mà lúc này chúng ta đang tranh luận làm cách nào để lập lại hoà bình; và rằng nếu chúng ta chia tay mà không đạt được cái mà chúng ta coi là quyeefn lợi của

mình, chúng ta sẽ lại khởi sự chiến tranh một lần nữa. Thế nhưng, là những người biết phải trái, chúng ta phải thấy rằng không chỉ những lợi ích của riêng mình là vấn đề cần phải bàn trên đại hội này, mà còn cả vấn đề chúng ta có đủ thời gian để cứu Sicily hay không, khi mà toàn bộ xứ sở này, theo như tôi nghĩ, đang bị tham vọng của Athens đe dọa; và chính vì cái dân tộc đang đe dọa chúng ta đó, chúng ta phải tìm cho ra những luận cứ về hoà bình thuyết phục hơn bất kỳ luận cứ nào mà tôi có thể đưa ra, khi mà chúng ta thấy cái quyền lực đệ nhất ở Hy Lạp đang rình rập mọi sơ sẩy của chúng ta bằng vài chiến thuyền của nó đang hiện diện trong hải phận của chúng ta, và dưới cái danh nghĩa tốt đẹp là một đồng minh nó đang tìm xem có cách nào mà bề ngoài có vẻ hợp lý để trục lợi từ tình trạng thù nghịch vốn dĩ vẫn đang tồn tại giữa chúng ta. Nếu chúng ta khởi sự chiến tranh, và mời đến trợ chiến cho chúng ta cái dân tộc đang rất sẵn sàng mang vũ khí đến cả những nơi không được mời, và nếu chúng ta tiêu phí tiền bạc của mình để tự gây tổn hại cho chính mình, và đồng thời làm những kẻ mở đường cho chúng đến thống trị, thì chúng ta có thể thấy trước được rằng một ngày kia khi thấy chúng ta đã kiệt quệ, chúng sẽ mang một đạo quân lớn hơn tới và tìm cách bắt tất cả chúng ta phải thần phục.

Thế nhưng là những người có đầu óc suy xét bén nhạy, nếu chúng ta có gọi các đồng minh đến và rước hiểm hoạ về, thì việc đó phải nhằm làm giàu thêm các xứ sở riêng của mỗi chúng ta bằng những gì mới thu tóm được về, và không phương hại đến những gì đã có; và chúng ta nên biết rằng những mối bất hoà nội bộ đang gây hiểm hoạ cho toàn thể các cộng đồng cũng sẽ là hiểm hoạ chẳng kém đối với Sicily, nếu chúng ta, những cư dân của nó, mãi mê tranh chấp nội bộ mà sao nhãng đi kẻ thù chung. Những suy xét như vậy phải điều giải cá nhân này với cá nhân khác, thành bang này với thành bang kia, và liên kết chúng ta vào một nỗ lực chung để cứu lấy toàn bộ Sicily. Đừng ai tưởng rằng chỉ có dân Doris mới là kẻ thù của Athens, trong khi đó dân Chalcis sẽ được an toàn bởi dòng máu Ionia của mình; cuộc tấn công mà chúng ta đang bàn đến đây được khơi mào chẳng phải bởi sự thù địch của một

trong hai dân tộc, mà bởi sự thèm khát những tài nguyên giá trị ở Sicily, là của cải chung của tất cả chúng ta. Điều này được minh chứng bằng việc Athens tiếp nhận lời mời của dân Chalcis: một đồng minh chưa từng giúp đỡ bất kể là gì cho chúng mà lại lập tức nhận được từ chúng hầu như còn nhiều hơn là hiệp ước liên minh ấy cho phép được nhận. Việc người Athens ấp ủ tham vọng này và thi hành sách lược này là việc hoàn toàn có thể thông cảm được; tôi không trách những kẻ mong muốn thống trị, mà trách những kẻ quá sốt sắng làm nô dịch. Bản tính con người thích thống trị những kẻ thần phục mình cũng như thích kháng cự lại những kẻ gây hấn với mình; tính này không kém phần cố hữu hơn tính kia. Trong khi đó, tất cả những ai nhìn thấy những nguy cơ này và từ chối chuẩn bị đối phó với chúng một cách đúng mực, hoặc những ai đến đây mà không quả quyết rằng trách nhiệm hàng đầu của chúng ta là liên kết lại để rũ sạch mọi hiểm họa chung, thì họ đã nhầm rồi đó. Cách nhanh nhất để rũ bỏ hiểm họa là lập lại hoà bình giữa chúng ta với nhau; bởi quân Athens đang uy hiếp chúng ta chẳng phải từ xứ sở của chúng, mà từ xứ sở của những kẻ đã mời chúng đến đây. Theo cách này hoà bình sẽ kết thúc những tranh chấp của chúng ta một cách êm thấm thay vì chiến tranh dẫn đến chiến tranh liên miên; và những vị khách kia đến đây mà khẩu phật tâm xà thì sẽ phải ra đi vì lý do chính đáng mà không kiểm chác được gì hết.

Để đối phó với quân Athens, những lợi thế to lớn nhường ấy đã được chứng minh là luôn đi kèm với một sách lược khôn ngoan. Ngoài điểm này ra, đứng trước sự đồng lòng nhất trí của tất cả mọi người rằng hoà bình là điều may mắn hàng đầu, sao chúng ta có thể từ chối lập lại hoà bình giữa chúng ta với nhau; hoặc chẳng lẽ các vị lại không nghĩ rằng những gì tốt đẹp mà các vị hiện có sẽ được bảo toàn và những nỗi đau mà các vị đang than phiền sẽ được chữa lành bằng hoà bình thì tốt hơn là bằng chiến tranh hay sao; rằng hoà bình hàm chứa những danh dự và vinh quang mà lại ít nguy hiểm hơn, chưa kể đến rất nhiều may mắn khác mà người ta có thể liệt kê ra rất dài, đối lại với những bất hạnh của chiến tranh cũng nhiều chẳng kém gì thế hay sao? Những cân nhắc suy

xét này sẽ mách bảo các vị chớ coi thường những lời tôi nói, mà mỗi người nên xem xét chúng kỹ lưỡng vì sự an toàn của chính mình thì hơn. Nếu bất kỳ người nào ở đây cảm thấy chắc chắn sẽ đạt được mục tiêu của mình nếu không bằng lẽ phải thì bằng sức mạnh, hãy đừng để sự bất ngờ này trở thành nỗi thất vọng ê chề đối với anh ta. Hãy để anh ta nhớ rằng rất nhiều người trước đây đã cố gắng trừng phạt kẻ phạm tội, và khi thất bại không trừng phạt nổi kẻ địch đó thì họ cũng chẳng cứu được ngay cả chính bản thân họ; trong khi đó rất nhiều người cũng đã trông cậy vào vũ lực để giành được một mối lợi, nhưng thay vì kiếm chác được thêm chút gì họ đã phải chịu số phận bi đát là mất hết những gì đã có. Sự trả thù không phải lúc nào cũng thành công chỉ vì đã có kẻ thực hiện hành vi tội lỗi, hoặc sức mạnh không phải lúc nào cũng là chắc chắn chỉ vì nó đáng tin cậy; trái lại, cái yếu tố không lường trước được trong tương lai gây ra ảnh hưởng sâu rộng nhất và đồng thời là yếu tố yếm trá nhất, song trên thực tế lại là yếu tố đặc dụng nhất trong tất cả mọi yếu tố, vì nó làm tất cả chúng ta kinh sợ như nhau và bằng cách đó nó khiến chúng ta phải cân nhắc kỹ trước khi tấn công lẫn nhau.

Thế nên lúc này chúng ta hãy cứ để mặc cho nỗi sợ mơ hồ về cái tương lai bí ẩn này, cũng như nỗi kinh sợ ngay trước mắt vì sự hiện diện của quân Athens, gây ra ấn tượng tự nhiên của chúng, và chúng ta hãy coi việc không thực hiện được bất kỳ kế hoạch nào mà mỗi thành bang chúng ta có thể đã vạch ra cho mình đều được giải thích thoả đáng là do các trở ngại này, và chúng ta hãy đuổi cổ kẻ không mời mà đến đó ra khỏi xứ sở này; và nếu một nền hoà bình vĩnh viễn là điều bất khả giữa chúng ta với nhau, thì bất luận thế nào chúng ta hãy cứ lập một hoà ước lâu dài hết mức có thể được, và tạm gác những mối bất hoà riêng của chúng ta sang một ngày khác. Nói tóm lại, chúng ta hãy nhìn nhận rằng làm theo lời khuyên của tôi thì mỗi chúng ta sẽ được yên ổn làm công dân của một thành bang tự do, và toàn quyền quyết định vận mệnh của mình, có khả năng đáp trả những hành động hoặc tốt hoặc xấu một cách tương xứng; trái lại, chối bỏ lời khuyên ấy sẽ khiến chúng

ta trở thành các xứ lệ thuộc vào những kẻ khác, và do vậy chúng ta chẳng những bất lực không phản kháng được sự sỉ nhục, mà giả sử có may mắn lắm thì cũng phải bè bạn với kẻ thù tàn bạo nhất của chúng ta và gây thù chuốc oán với những bạn hữu vốn có của chúng ta.

Về phần mình, như tôi đã nói lúc đầu, mặc dù là đại diện cho một thành bang rất lớn, và có đủ khả năng để nghĩ đến việc tấn công kẻ khác hơn là việc phòng thủ bản thân, tôi sẵn sàng nhân nhượng điều gì đó khi thấy trước những hiểm họa kia. Tôi không có ý định huỷ hoại chính mình để gây thương tổn cho kẻ thù của tôi, hoặc mù quáng vì hận thù đến độ cho rằng mình có thể làm chủ được cả những dự định của riêng mình lẫn cái vận mệnh mà tôi không thể kiểm soát được; nhưng tôi sẵn sàng nhân nhượng bất kể điều gì hợp lý. Tôi kêu gọi tất cả các vị hãy tự nguyện noi theo cách xử sự của tôi, khi còn chưa bị kẻ thù buộc phải noi theo chúng. Chẳng có gì đáng hổ thẹn trong việc nhân nhượng lẫn nhau, khi một người Doris nhượng bộ một người Doris, hay một người Chalcis nhượng bộ anh em của mình; còn hơn thế nữa, chúng ta là những lân bang, cùng chung sống trên một xứ sở, được cùng một biển cả bao quanh, và cùng được gọi chung là dân Sicily. Tôi đồ rằng sẽ có lúc chúng ta lại khởi sự chiến tranh, và rồi tái thiết hoà bình giữa chúng ta với nhau bằng những đại hội tương lai; nhưng nếu chúng ta khôn ngoan sáng suốt thì kẻ xâm lược ngoại bang kia sẽ luôn thấy chúng ta đoàn kết lại để chống lại hẳn, bởi làm tổn hại đến một người là đe dọa tất cả mọi người; và trong tương lai chúng ta sẽ không khi nào mời đến đảo này dù là đồng minh hay kẻ trung gian hoà giải nữa. Làm như vậy chúng ta sẽ lập tức mang lại cho Sicily một lợi ích kép, giải thoát nó khỏi quân Athens và đồng thời giải thoát nó khỏi cuộc nội chiến, và trong tương lai chúng ta sẽ sống tự do ở quê xứ của mình, và ít bị ngoại bang uy hiếp hơn.”

Lời lẽ của Hermocrates là thế. Dân Sicily tiếp thu lời khuyên của ông ta và đạt được một thoả thuận sơ bộ giữa họ với nhau để chấm dứt chiến tranh,

mỗi bên giữ lấy những gì họ đã có – dân Camarina nhận được Morgantina^[25] với một khoản tiền cố định phải trả cho người Syracuse – và các đồng minh của Athens mời các vị chỉ huy của Athens đến và bảo rằng họ sắp lập lại hoà bình và họ sẽ nằm trong hoà ước đó. Các vị tướng của Athens tán thành, hoà bình đã được ký kết, và sau đó hạm đội Athens rời khỏi Sicily. Ngay khi họ về đến Athens, người Athens trục xuất Pythodorus và Sophocles, và phạt tiền Eurymedon vì đã nhận hối lộ để rời khỏi đó khi mà lẽ ra họ đã có thể chinh phục Sicily rồi. Sự phồn vinh hiện tại đã khiến các công dân Athens tin tưởng tuyệt đối rằng không gì có thể chống lại họ được, và rằng họ có thể đạt được bất kể điều gì dù khả thi hay bất khả thi, với tiềm lực dư thừa hay thiếu hụt cũng chẳng hề gì. Bí mật của niềm tin này là ở chỗ thành công phi thường về mọi mặt của họ đã khiến họ nhầm lẫn sức mạnh với hy vọng của mình.

Cùng mùa hạ năm đó dân Megara trong thành, bị thúc bách bởi các hành động thù địch của quân Athens, những kẻ cứ mỗi năm lại huy động tổng lực xâm lược xứ sở của họ hai lần, và bị quấy rầy liên miên bởi các cuộc tập kích của những kẻ đồng hương của chính họ đang lưu vong ở Pegae, những kẻ mà đã bị phe dân chúng trục xuất trong một cuộc cách mạng, bắt đầu hỏi nhau xem liệu tiếp nhận những kẻ bị họ trục xuất về, và giải thoát cho trấn này khỏi một trong hai tai hoạ đó, thì có đỡ hơn không. Bè bạn của những kẻ lưu vong đó, nhận thấy tâm trạng bối rối của họ, lúc bấy giờ công khai đòi thông qua đề xuất này hơn trước; và các thủ lĩnh của dân chúng, khi thấy rằng những nỗi thống khổ của thời kỳ đó đã khiến tính kiên định của những người ủng hộ họ mòn mỏi, trong cơn lo lắng đã bắt đầu thông đồng với các tướng lĩnh của Athens là Hippocrates con trai của Aripbron, và Demosthenes con trai của Alcisthenes, và quyết định làm nội phản dâng nộp trấn đó bởi nghĩ rằng việc này sẽ ít nguy hiểm cho chính bản thân họ hơn là việc hồi hương của cái phe phái mà họ đã trục xuất đó. Do đó mọi việc được thoả thuận là quân Athens trước tiên sẽ chiếm những trường thành chạy dài gần một dặm từ thành này đến cảng Nisaea, để ngăn quân Peloponnese đến giải cứu từ địa điểm đó, là nơi mà quân Peloponnese đã lập một đội đồn trú duy nhất để đảm bảo lòng trung thành của Megara; và sau đó những kẻ chủ

mưu sẽ cố gắng để trao cho quân Athens vùng thượng trấn, nơi mà họ nghĩ rằng sẽ sang theo phe họ chẳng mấy khó khăn.

Quân Athens, sau khi đã sắp đặt xong xuôi kế hoạch với những kẻ thông mưu với họ, cả bàn bạc lẫn hành động, đêm đến đã nhổ neo đi Minoa, một hải đảo ngoài khơi Megara, với sáu trăm bộ binh hạng nặng dưới quyền chỉ huy của Hippocrates, và đóng ở một vị trí tại một mỏ đá không xa là mây, nơi người ta thường lấy đá đem đi xây các thành lũy; trong lúc vị tướng còn lại là Demosthenes đem một toán bộ binh hạng nhẹ Plataea và một toán nữa là lính *Peripoli*^[26] đi mai phục ở khu vực phụ cận đền thờ Enyalios^[27], là nơi còn gần hơn thế. Đêm hôm đó chẳng ai hay biết gì về việc này cả, ngoại trừ những kẻ dự mưu. Trời sắp rạng sáng thì những kẻ nội phản ở Megara khởi sự. Trước đó đã lâu, giả bộ là đi săn lùng cướp biển để có cơ mở các cổng thành và được phép của sĩ quan chỉ huy ở đó, cứ đêm đến là họ đem một con thuyền nhẹ trên xe chở hàng chạy dọc theo con hào ra biển và bơi thuyền ra ngoài, rồi lại mang nó về trên xe chở hàng trước rạng đông và đưa nó qua cổng thành vào bên trong thành lũy, nhằm che mắt quân Athens đang phong toả tại Minoa, là họ lấy cớ như vậy, trong hải cảng không thấy bóng một con thuyền nào. Vào lúc này chiếc xe chở hàng đã đỗ ở cổng thành được mở sẵn cho con thuyền ra như thường lệ, khi quân Athens – được họ thông mưu để phối hợp từ trước – nhìn thấy nó liền chạy cật lực từ vị trí phục sẵn để đến được các cổng thành trước khi bị đóng, và trong lúc ấy chiếc xe hàng vẫn đỗ nguyên tại chỗ để ngăn không cho cổng bị đóng lại; những người Megara đồng lõa với họ đúng lúc đó đã hạ sát đội canh gác ở các cổng thành. Người đầu tiên chạy vào trấn là Demosthenes cùng với quân Plataea và lính *Peripoli* của ông ta, chính tại nơi mà đài chiến tích nay vẫn còn đứng đó, và ngay khi ông ta vào được trong cổng trấn thì quân Plataea đã giao chiến và đánh bại cánh quân Peloponnese ở gần đó nhất vừa nhận được lệnh báo động và đến cứu nguy, họ đã chiếm được các cổng trấn cho bộ binh hạng nặng của Athens đang tiến đến.

Sau đó, mỗi quân lính Athens ngay khi vào được bên trong trấn liền tận lực chạy đến đánh thành lũy. Thoạt tiên, một ít quân đồn trú Peloponnese

còn trụ được tại vị trí của họ, và cố gắng đẩy lui cuộc tấn công, và một số người của họ đã bị giết; nhưng đại bộ phận đội quân đồn trú ấy đã hoảng sợ mà tháo chạy; cuộc tấn công lúc nửa đêm và cảnh tượng những kẻ phản phúc Megara vũ trang đánh họ khiến họ tưởng rằng toàn dân Megara đã trở cờ theo địch. Thật tình cờ đúng lúc đó lại xảy ra việc một viên sứ truyền tin của Athens tự ý kêu gọi và lôi kéo chào mời bất kỳ người Megara nào mong muốn tham gia vào hàng ngũ quân Athens; và ngay khi đội quân đồn trú nghe thấy thế họ đã nản lòng, và tin chắc rằng mình là nạn nhân của một cuộc tấn công phối hợp, họ liền trốn về Nisaea. Khi ngày vừa rạng, các trường thành lúc này đã bị chiếm giữ và dân Megara trong trấn đó đang vô cùng bối rối hoang mang, những kẻ đã thương lượng với quân Athens, được ủng hộ bởi toàn bộ phe dân chúng, là phe đã ngầm tham gia vào âm mưu đó, tuyên bố rằng họ phải mở các cổng thành để xuất trận. Họ đã bàn tính trước với nhau rằng quân Athens sẽ xông ào vào ngay khi cổng thành vừa mở, lúc ấy những kẻ đồng mưu sẽ được phân biệt với những người khác bằng cách xúc dầu lên người, và vì vậy sẽ tránh khỏi thương vong. Họ có thể mở cổng một cách an toàn hơn, vì bốn ngàn bộ binh hạng nặng Athens và sáu trăm kỵ binh đã hành quân thâu đêm từ Eleusis đến theo thoả thuận với họ, và lúc bây giờ đã đến rất gần. Những kẻ âm mưu đã xúc dầu lên người và đứng vào vị trí của mình ở các cổng trấn, vào lúc đó một trong những kẻ đồng lõa với họ đã tố giác cho phe đối lập biết âm mưu này, phe này đã tập hợp lại và kéo đến đó rất đông và nói thẳng thừng rằng họ không được xuất trận – một việc mà trước đó họ chưa từng liều thử ngay cả khi với một lực lượng lớn hơn hiện tại rất nhiều – hoặc cố tình phương hại đến sự an toàn của trấn, và rằng nếu những gì họ nói không được quan tâm thì trận chiến này sẽ phải được giao tranh ở bên trong trấn Megara. Đối với những kẻ ở phe kia họ không tỏ ra một dấu hiệu nào là họ đã biết về âm mưu đó, nhưng họ khẳng khẳng một mực rằng lời khuyên của họ là tốt nhất, và đồng thời cứ ở lì gần đó và canh phòng các cổng thành, khiến những kẻ âm mưu không thể nào thực hiện được ý định của mình.

Các tướng lĩnh Athens thấy rằng một số trở ngại đã phát sinh, và rằng việc chiếm đoạt trấn này bằng vũ lực đã không còn khả thi nữa, liền lập tức

tiến quân bao vây Nisaea, vì cho rằng nếu chiếm được hải cảng này trước khi quân cứu viện đến thì Megara sẽ sớm phải đầu hàng theo. Sắt thép, thợ đá và tất cả mọi thứ cần thiết khác từ Athens được gấp rút chở tới, quân Athens khởi công từ bức thành lũy mà họ đã chiếm được, và từ điểm này xây dựng một bức thành lũy cắt ngang nhìn về hướng Megara chạy xuôi xuống biển ở cả hai phía của Nisaea; việc đào hào và xây thành lũy được phân công trong quân, gạch đá lấy từ vùng ngoại ô, cây ăn quả và cây lấy gỗ được đốn hạ để làm lũy cọc nhọn ở bất cứ nơi nào họ thấy cần phải có; những ngôi nhà ở ngoại ô cũng được bổ sung thêm tường có lỗ châu mai và đôi chỗ biến thành công sự. Việc xây dựng kéo suốt ngày hôm đó, và vào chiều hôm sau khi bức thành lũy đó còn chưa xây xong thì đội quân đồn trú ở Nisaea, lo hoảng vì đã cạn sạch lương thảo – thường thì ngày nào họ vẫn nhận lương thảo từ thượng trấn cho ngày đó – và chẳng thể trông mong quân cứu viện Peloponnese đến nhanh được, lại cho rằng Megara đã thành thù địch, nên họ đã đầu hàng quân Athens với điều kiện là họ phải giải giáp, và mỗi người phải chuộc mình bằng một khoản tiền đã được ấn định; viên chỉ huy người Lacedaemon của họ và tất cả những người đồng hương của anh ta ở nơi này sẽ phải để cho quân Athens toàn quyền định đoạt. Với những điều kiện này họ đã đầu hàng và ra khỏi đó, và quân Athens phá đổ bức tường thành tại điểm giao cắt với Megara, chiếm lấy Nisaea và tiếp tục các công cuộc chuẩn bị khác của họ.

Đúng lúc đó Brasidas người Lacedaemon, con trai của Tellis, tình cờ đang có mặt ở vùng lân cận Sicyon và Corinth khi đang chuẩn bị một đạo quân sẵn sàng cho cuộc viễn chinh Thrace. Ngay khi ông nghe tin các thành lũy bị chiếm đoạt, lo lắng cho quân Peloponnese ở Nisaea và sự an nguy của Megara, ông đã cho người đi triệu quân Boeotia gấp rút đến gặp ông ở Tripodiscus, một ngôi làng của Megarid dưới chân núi Geraneia, và chính ông cũng lên đường cùng với hai ngàn bảy trăm bộ binh hạng nặng của Corinth, bốn trăm quân Phlius, sáu trăm quân Sicyon và những binh lính riêng mà ông đã chiêu mộ được, hy vọng rằng sẽ thấy Nisaea chưa bị chiếm đoạt. Khi nghe tin nó đã thất thủ (ông đã cất quân đi Tripodiscus vào lúc ban đêm), ông bèn chọn lấy ba trăm quân trong đạo quân đó, và không chờ đến

lúc địch biết được rằng ông đang đến, ông đã tiến sát Megara mà không bị quân Athens phát hiện, do quân này đang ở phía dưới biển, hư trương thanh thế như định đánh chiếm lại Nisaea và sẽ đánh chiếm thật nếu có thể, nhưng chính là để thâm nhập vào Megara và chiếm lại trấn đó. Vì vậy ông đã kêu gọi những người dân trong trấn cho quân của ông vào, bảo với họ rằng ông hy vọng sẽ giành lại được Nisaea.

Thế nhưng, một trong hai phe phái ở Megara lo sợ rằng ông có thể trục xuất họ và đưa những kẻ đã bị trục xuất trở về; phe kia là phe dân chúng thì sợ rằng chính mối hoạ đó có thể ập xuống đầu họ, và vì thế thành của họ sẽ bị huỷ hoại bởi một trận nội chiến bên trong cổng thành ngay dưới mắt quân Athens đang phục sẵn rình chờ. Thế nên ông bị khước từ không cho vào, trong khi cả hai phe đều quyết định án binh bất động chờ xem cơ sự ra sao; mỗi bên đều trông đợi một trận chiến giữa quân Athens và đội quân giải cứu, và nghĩ rằng sẽ an toàn hơn khi thấy các đồng minh của mình chiến thắng đã rồi hãy tuyên bố đứng về phía họ.

Không thể thực hiện được mục đích của mình, Brasidas đành quay về chỗ toàn bộ đạo quân mà ông đã để lại. Rạng sáng thì quân Boeotia đến hợp quân với ông. Đã quyết một lòng cứu Megara từ trước vì họ coi hiểm hoạ của xứ này như của chính mình, thậm chí trước cả khi nghe lệnh từ Brasidas, họ đã tập trung toàn bộ quân lực của mình ở Plataea, khi người đưa tin của ông ta đến càng thôi thúc thêm quyết tâm của họ; và họ lập tức phái đến chỗ ông hai ngàn hai trăm bộ binh hạng nặng và sáu trăm quân kỵ, rồi trở về quê xứ của mình với bộ phận quân chủ lực. Như vậy, toàn bộ đạo quân của ông sau khi hợp lại với nhau lên đến sáu ngàn bộ binh hạng nặng. Bộ binh hạng nặng của Athens dàn trận ở Nisaea và trên biển; nhưng bộ binh hạng nhẹ phân tán khắp vùng đồng bằng ấy đã bị quân kỵ Boeotia đánh dồn ra biển, do hoàn toàn bị bất ngờ vì trước đây chưa từng bao giờ có quân cứu viện từ bất kỳ vùng nào đến để giải cứu dân Megara cả. Tại đây quân Boeotia đến lượt mình bị tấn công và phải giao chiến với quân kỵ Athens, và một trận kỵ chiến đã xảy ra và kéo dài khá lâu, và trong đó cả hai bên đều tự cho mình là kẻ chiến thắng. Quân Athens đã đuổi đánh chỉ huy kỵ binh Boeotia cùng một vài đồng đội của anh ta đến tận Nisaea rồi giết chết và lột sạch giáp trụ

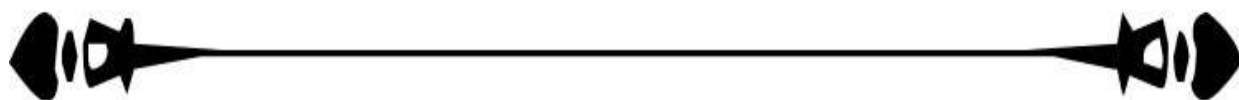
khí giới của những người này, và khi nắm xác các kỵ binh đó trong tay họ đã trao trả lại theo thoả thuận đình chiến, và dựng một đài chiến tích; nhưng xét về tổng quan trận đánh đó thì khi hai lực lượng phân ly không bên nào giành được lợi thế quyết định cả, quân Boeotia quay trở về với đạo quân của họ và quân Athens quay về Nisaea.

Sau trận này Brasidas và đạo quân của ông tiến gần hơn về phía biển và Megara, và sau khi chiếm đóng một vị trí thuận lợi, họ bài binh bố trận sẵn sàng nhưng án binh bất động, chờ đợi quân Athens tấn công mình và biết rằng dân Megara đang chờ xem ai sẽ là người chiến thắng. Thái độ này dường như đem lại hai điều có lợi. Không khởi sự tấn công cũng không định khởi lên những hiểm hoạ của một trận chiến, nhưng họ vẫn công khai phô diễn tính sẵn sàng chiến đấu của mình, và như vậy họ đã không phải mang gánh nặng của ngày hôm ấy mà lại đường đường chính chính gặt hái vinh quang của nó; trong khi đó họ đồng thời bảo vệ quyền lợi của họ ở Megara một cách hữu hiệu. Vì rằng nếu họ không phô trương thanh thế như vậy thì ắt họ đã chẳng có cơ may nào cả, mà chắc chắn là bị coi như kẻ chiến bại và đã mất trấn đó rồi. Như binh tình này, thì quân Athens có lẽ sẽ không sẵn sàng chấp nhận sự thách thức của họ, và họ sẽ đạt được mục đích mà không phải chiến đấu. Và quả đúng thế thật. Quân Athens lập trận bên ngoài những bức tường thành và, khi quân địch không tấn công, họ cũng án binh bất động ở đó; các tướng lĩnh của họ đã quyết định rằng rủi ro quá thiên lệch. Trên thực tế họ đã đạt được hầu hết những mục đích của mình; và họ sẽ phải khai trận đánh một kẻ địch đông đến áp đảo, và nếu có chiến thắng thì cũng chỉ giành được mỗi Megara, trái lại nếu chiến bại thì lực lượng bộ binh hạng nặng tinh nhuệ của chính họ sẽ bị huỷ diệt. Đối với kẻ địch thì lại khác: do thực tế các bang cử số quân đại diện trong đạo quân của địch đồng đều như nhau nên mỗi bang chỉ mạo hiểm một phần trong tổng lực của mình, kẻ địch táo gan hơn là phải. Vì thế, sau khi chờ đợi một lúc mà chẳng bên nào khởi cuộc tấn công, quân Athens rút về Nisaea, và quân Peloponnese sau đấy cũng rút về nơi mà từ đó họ đã khởi hành. Phe thân với những người Megara lưu vong lúc này đã gạt sự lưỡng lự của họ sang một bên, và mở cửa đón Brasidas và các vị chỉ huy của các bang khác – họ coi ông là người chiến

thắng và coi quân Athens là kẻ không dám giao chiến – và khi tiếp đón các tướng lĩnh này vào trấn rồi họ liền bắt đầu nghị sự với các vị đó; phe thông mưu với quân Athens thì chết điếng bởi cơ sự đã xoay chiều như thế.

Sau đó Brasidas đã cho các quân đồng minh hồi hương, còn bản thân ông quay về Corinth, chuẩn bị cuộc viễn chinh Thrace, là nơi ban đầu ông định đến. Quân Athens cũng hồi hương, những người Megara ở trong thành có liên can nhiều nhất đến việc thương lượng với Athen khi biết rằng mình đã bị phát giác đã biến ngay khỏi trấn; trong khi đó những người còn lại hội ý với bạn bè của những kẻ bị trục xuất, và đưa cái phe phái đó ở Pegae hồi hương, sau khi buộc họ phải nặng lời thề thốt rằng sẽ không trả thù vì những việc đã qua, và sẽ chỉ bàn bạc thảo luận về những lợi ích đích thực của trấn này. Thế nhưng ngay sau khi họ lên cầm quyền họ liền tổ chức rà soát lại lực lượng bộ binh hạng nặng, và họ tách riêng các đội quân, chọn ra khoảng một trăm người trong số kẻ thù của họ và trong số những kẻ bị coi là can dự nhiều nhất đến việc thông mưu với quân Athens, đưa những kẻ đó ra trước dân chúng và buộc phải biểu quyết công khai, khiến những kẻ đó bị kết tội và bị hành hình, rồi thiết lập một chính thể *oligarchy* cực đoan ở trấn này – một cuộc cách mạng đã kéo dài thật lâu mặc dù được đẩy lên chỉ bởi vài kẻ phe phái^[28].

Chương XIV



NĂM CHIẾN TRANH THỨ TÁM VÀ THỨ CHÍN – CUỘC XÂM LƯỢC BOEOTIA – AMPHIPOLIS THẤT THỦ – NHỮNG CHIẾN CÔNG RỰC RỠ CỦA BRASIDAS

Cùng mùa hạ đó dân Mytilene đang sắp sửa củng cố phòng thủ thành Antandrus như họ đã định từ trước, vào lúc đó Demodocus và Aristides, là các chỉ huy của hải đội Athens đang trên đường đi thu những khoản đảm phụ chiến phí, đã hay tin tại Hellespont về những gì đang được thực hiện với thành ấy (vị đồng chỉ huy với họ là Lamachus đã cùng với mười chiến thuyền bơi vào biển Pontus) và cảm thấy lo sợ rằng nó có thể biến thành một Anaia thứ hai – nơi mà những người Samos lưu vong đã đến định cư tại đó

để quấy rối Samos, giúp người Peloponnese bằng cách gửi hoa tiêu cho hải quân của họ, khiến thành này luôn trong trạng thái bất an và chứa chấp tất cả những kẻ ngoài vòng pháp luật. Vì vậy, các vị chỉ huy đó đã tập hợp một lực lượng từ các xứ đồng minh và dong buồm ra khơi, họ đã đánh bại tại trận lực lượng từ Antandrus đến ngênh chiến với họ, và tái chiếm nơi này. Không lâu sau, Lamachus, người đã đưa hải đội của mình vào biển Pontus, đã mất những chiến thuyền đó tại nơi thả neo trên sông Calex thuộc lãnh thổ Heraclea^[1], trời đổ mưa trong đất liền và cơn lũ đã bất ngờ ập xuống bọn họ; ông ta cùng đội quân của mình đã đi theo đường bộ xuyên qua xứ sở của dân Thrace ở Bithynia^[2] ở phía châu Á, và đã đến được Chalcedon^[3], thuộc địa của người Megara tại cửa biển Pontus.

Cùng mùa hạ đó, vị tướng Athens là Demosthenes đã đến Naupactus với bốn mươi chiến thuyền ngay sau khi từ Megarid trở về. Hippocrates và chính Demosthenes trước đó đã nhận được những đề nghị từ một số người nào đó trong các thành ở Boeotia, những người này mong muốn thay đổi hiến pháp và thiết lập nền dân chủ như ở Athens; Ptoeodorus, một người Thebes lưu vong, là người chủ mưu trong âm mưu này. Theo đó, trấn cảng Siphae^[4], tại vịnh Crisae, trên lãnh thổ Thespieae^[5], sẽ được một phe phái làm nội phản để trao cho họ; Chaeronea (một trấn phụ thuộc của nơi mà trước kia được gọi là kinh thành Orchomenus của Mynia và bây giờ là của Boeotia) cũng sẽ được trao vào tay họ bởi một phe phái của trấn đó, những kẻ lưu vong của trấn ấy rất tích cực trong việc này, đã thuê quân từ Peloponnese. Một vài người Phocis cũng nằm trong nhóm âm mưu, Chaeroneae là trấn biên giới của Boeotia và sát với Phanotis ở Phocia. Trong khi đó, quân Athens theo kế hoạch sẽ cướp lấy Delium^[6], khu đền thờ thần Apollo, trên lãnh thổ của Tanagra trông về hướng Euboea; và tất cả những sự kiện này đã được trù tính để diễn ra cùng lúc vào một ngày được định sẵn, sao cho quân Boeotia không thể tập hợp để chống lại họ tại Delium, khi đang bị cầm chân bởi những cuộc nổi loạn khắp nơi tại xứ sở mình. Nếu âm mưu này thành công, và Delium được củng cố phòng thủ, những kẻ chủ mưu tự tin nghĩ rằng cho dù không có cuộc cách mạng nào nổ ra ngay sau đó ở Boeotia, nhưng với những nơi đó ở trong tay và xứ sở này bị quấy

nhieu bởi các cuộc đột kích, và một nơi ẩn náu gần gũi vào mỗi lúc cấp thiết để những kẻ theo phe họ rút về đó, thì mọi sự sẽ không còn như hiện tại, mà trái lại khi những kẻ nổi loạn được người Athens trợ giúp và khi các lực lượng của phe *oligarchy* bị chia rẽ, rất có thể sau một thời gian họ sẽ sắp xếp được nội vụ theo mong muốn của họ.

Đó là âm mưu được dự tính. Hippocrates với một lực lượng chiêu tập tại Athens chờ đến đúng lúc để cất quân đi đánh quân Boeotia; trong khi đó ông ta cử Demosthenes đi cùng bốn mươi chiến thuyền nói trên đến Naupactus, để chiêu tập ở những vùng đó một đạo quân người Acarnania và người các xứ đồng minh khác, và bởi thuyền đến tiếp nhận cảng Siphae từ tay những kẻ âm mưu; một ngày hẹn đã được nhất trí từ trước để đồng thời tiến hành cả hai chiến dịch này. Demosthenes khi đến nơi thì thấy rằng trấn cảng Oeniadae đã bị các tộc dân Acarnania hợp nhất buộc phải gia nhập liên minh với Athens, ông ta bèn tự mình phát động tất cả đồng minh ở các xứ đó tiến đánh và chinh phục vua Salynthius và dân Agraea; sau đó ông ta dành hết tâm huyết cho những việc cần chuẩn bị để có thể có mặt ở Siphae vào thời gian đã được ấn định.

Cũng khoảng thời gian ấy trong mùa hạ này, Brasidas khởi cuộc hành quân đến các xứ ở Thrace với một ngàn bảy trăm bộ binh hạng nặng, và khi đặt chân đến Heraclea ở Trachis, ông đã gửi một người đưa tin từ nơi đó đến bạn hữu của mình ở Pharsalus, đề nghị họ dẫn đường cho ông và đạo quân của ông đi xuyên qua xứ này. Theo lời ông, Panaerus, Dorus, Hippolochidas, Torylaus và Strophacus, một *proxenus* của dân Chalcis^[2], đã đến Melitia^[8] ở Achaia^[9], với sự hộ tống của họ Brasidas tiếp tục cuộc hành quân của mình, theo bên ông còn có những người Thessaly khác, trong đó có Niconidas từ Larissa, một người bạn của Perdicas. Chưa bao giờ đi qua Thessaly không có người hộ tống mà lại dễ dàng được; và khắp cõi Hy Lạp này đối với một đạo quân vũ trang đi qua một xứ láng giềng mà không được họ cho phép là một việc nhạy cảm. Hơn thế nữa dân Thessaly vốn luôn có cảm tình với Athens. Thật ra nếu ở Thessaly mà có chính thể lập hiến thay vì chính thể *oligarchy* nặng chất truyền thống, thì Brasidas đã chẳng thể tiến quân qua đó

được; vì kể cả như hiện trạng thì ông cũng đã chạm trán và bị phe đối lập chặn lại trên đường hành quân tại sông Enipeus^[10], và trách cứ ông cố tình đi qua mà không có sự đồng thuận của xứ này. Về lời trách cứ này những người hộ tống ông đã trả lời rằng họ không có ý đưa ông đi qua trái với ý nguyện của dân xứ đó; họ chỉ là những người bạn tháp tùng một vị khách bất ngờ. Brasidas tự mình nói thêm rằng ông đến với tư cách một người bạn của Thessaly và dân chúng xứ này, vũ khí của ông không nhằm chống lại họ mà là chống quân Athens, những kẻ đang chiến tranh với ông, và cho dù ông biết rằng không có mối bất hoà nào giữa người Thessaly với người Lacedaemon ngăn cấm hai nước tiếp cận lãnh thổ của nhau, ông không muốn mà cũng không thể đi ngược lại ý nguyện của họ; ông chỉ có thể xin họ đừng ngăn chặn ông ta. Nghe vậy phe đối lập bỏ đi, và Brasidas làm theo lời khuyên của những người hộ tống, và cứ dẫn tới không dừng nghỉ, trước khi một lực lượng lớn hơn kịp tập hợp lại để chặn đường ông. Như vậy vào cái ngày khởi hành từ Melitia ông đã đi cả chặng đường dài đến Pharsalus, và hạ trại bên sông Apidanus; và tiếp tục đi như vậy đến Phacium^[11], rồi từ đó đến Perrhaebia^[12]. Từ đây đoàn hộ tống người Thessaly của ông quay về, và dân Perrhaebia, là tộc dân lệ thuộc của Thessaly, đã đưa ông an toàn đến Diium trong lãnh địa của Perdiccas, một trấn của Macedonia dưới chân núi Olympus, nhìn về hướng Thessaly.

Bằng cách đó, Brasidas đã gấp rút vượt qua lãnh thổ Thessaly trước khi bất kỳ lực lượng nào kịp sẵn sàng để ngăn chặn ông ta, và đến được chỗ Perdiccas và đất Chalcidice. Việc xuất quân từ Peloponnese là theo lời cầu của các trấn ở Tharce nổi loạn chống lại Athens và của Perdiccas, người đang lo lắng trước những thành công của Athens. Dân Chalcis ở đây nghĩ rằng họ sẽ là đối tượng đầu tiên của cuộc chinh phạt của Athens, chứ chẳng như những trấn lân cận chưa nổi dậy mà cũng không bí mật tham gia vào việc mời quân Peloponnese đến; và Perdiccas cũng có những lo sợ về những tranh chấp cũ của riêng ông ta với người Athens, mặc dù không công khai chiến tranh với họ, và trên hết ông ta muốn chinh phục Arrhabaeus, vua của dân Lyncestis. Việc xin được một đạo quân từ Peloponnese đã bớt khó khăn hơn với họ, do vận rủi của người Lacedaemon vào lúc này. Họ hy vọng rằng

các cuộc tấn công của quân Athens vào Peloponnese, và nhất là vào Laconia, có thể sẽ bị đánh lạc hướng một cách hiệu quả nhất bằng việc quấy rối lại địch, và bằng cách gửi một đạo quân đến các xứ liên minh với địch, đặc biệt là khi các xứ ấy sẵn lòng cung đốn cho đạo quân ấy và yêu cầu có được nó để hỗ trợ họ trong cuộc nổi dậy. Người Lacedaemon cũng mừng khi có một cái cớ để đưa một số dân nô dịch *Helots* ra khỏi xứ sở của họ, vì sợ rằng tình thế lúc này và việc Pylos bị chiếm đóng sẽ có thể khuyến khích dân ấy nổi dậy. Thật ra nỗi lo sợ về số đông và tính ương ngạnh của dân ấy thậm chí đã thuyết phục người Lacedaemon thực hiện hành động mà tôi sẽ thuật lại sau đây, chính sách của họ ở mọi thời đã luôn bị chi phối bởi sự cần thiết phải đề phòng dân này. Dân nô dịch *Helots* đã được mời theo một công bố để chọn ra trong dân mình những người tự khẳng định họ là người ưu tú nhất khi chiến đấu với kẻ địch, để những người này có thể nhận được quyền tự do; mục đích của việc này là để thử họ, vì người Lacedaemon nghĩ rằng những kẻ đầu tiên khẳng định quyền tự do của mình là những kẻ can đảm nhất và có khả năng nổi loạn hơn cả. Theo đó đã có đến hai ngàn người được chọn, họ đội vòng nguyệt quế và đi vòng quanh các ngôi đền, ăn mừng sự tự do mới của mình. Tuy nhiên, người Sparta ngay sau đó đã thủ tiêu họ, và chẳng ai biết được mỗi người trong số họ đã chết như thế nào. Người Sparta vì vậy giờ đây vui lòng gửi bảy trăm bộ binh hạng nặng đi theo Brasidas, và ông đã chiêu mộ số còn lại cho lực lượng của mình ở Peloponnese bằng tiền.

Bản thân Brasidas được Lacedaemon cử đi chủ yếu theo nguyện vọng riêng của ông, mặc dù dân Chalcis cũng thiết tha mong muốn có một người thấu đáo như ông đã thể hiện mỗi khi làm bất cứ việc gì ở Sparta, và là người mà việc tiếp tục đi chinh chiến ở ngoại bang của ông đã chứng tỏ là vô cùng giá trị cho xứ sở mình. Hiện thời, thái độ công bằng và ôn hoà của ông đối với các trấn đó nhìn chung đã thành công trong việc khiến họ dấy loạn, ngoài những nơi ông đã chiếm được nhờ nội phản; và do đó khi người Lacedaemon muốn giảng hoà, việc mà cuối cùng họ cũng muốn, thì họ đã có những trấn những thành để đổi chác, và gánh nặng chiến tranh lúc bây giờ được trút khỏi vai Peloponnese. Giai đoạn sau của cuộc chiến này, sau

những sự kiện ở Sicily, đảm lược và phẩm cách hiện thời của Brasidas, được một số người biết đến do tự mình chứng nghiệm, số khác biết do nghe tiếng, là điều căn bản đã gây được thiện cảm với những xứ đang liên minh với Athens về người Lacedaemon. Ông là người đầu tiên ra khỏi xứ mình và thể hiện mình là một người tốt đẹp mọi bề để lưu lại niềm tin rằng dân xứ ông đều như ông cả.

Trong lúc đó ngay khi người Athens biết Brasids đã đến đất Thrace, họ bèn lập tức tuyên chiến với Perdiccas, người mà họ coi là chủ mưu của cuộc viễn chinh ấy, và để mắt sát sao hơn đến các xứ liên minh với họ trong vùng đó.

Khi Brasidas và đạo quân của ông vừa đến, Perdiccas ngay lập tức khởi sự cùng họ và với lực lượng của riêng mình để đi đánh Arrhabaeus, con trai của Bromerus và là vua của dân Lyncestis ở Macedonia, lân quốc của Perdiccas, kẻ mà ông ta có mâu thuẫn và muốn đánh bại. Tuy nhiên, khi Perdiccas cùng với đạo quân của mình và Brasidas đến được con đèo dẫn vào Lyncus^[13], Brasidas nói với ông ta rằng trước khi khai chiến ông muốn thử đi thuyết phục Arrhabaeus làm đồng minh với Lacedaemon, vị vua này đã có lời đề nghị ngụ ý rằng ông ta bằng lòng để Brasidas làm trọng tài phân xử giữa bọn họ, và các sứ giả người Chalcis đi theo Brasidas đã cảnh báo ông đừng cất bỏ gánh lo cho Perdiccas, để đảm bảo rằng ông ta sẽ hăng hái hơn với sự nghiệp của họ. Và lại, các sứ giả của Perdiccas đến Lacedaemon đã nói về việc Perdiccas sẽ đem nhiều xứ xung quanh ông ta vào liên minh với họ, và do vậy Brasidas nghĩ rằng ông ta có thể có cái nhìn xa hơn về vấn đề Arrhabaeus. Thế nhưng Perdiccas cự lại rằng ông ta không đưa Brasidas đi cùng để làm người phân xử chuyện bất hoà của bọn họ, mà là để hạ bệ những địch thủ mà ông ta sẽ chỉ ra cho Brasidas; và rằng khi mà ông ta, Perdiccas, cung đốn cho một nửa đạo quân thì sẽ là một sự vi phạm lời hứa nếu Brasidas đàm phán với Arrhabaeus. Tuy vậy Brasidas đã chẳng để ý đến mong muốn của Perdiccas và tiến hành đàm phán bất chấp ông ta, và bản thân ông chịu để bị thuyết phục dẫn quân đi khỏi mà không xâm chiếm xứ sở của Arrhabaeus; sau việc này Perdiccas nghĩ rằng lời cam kết với mình đã

bị phá vỡ nên chỉ đóng góp một phần ba thay vì một nửa khoản cung ứng cho đạo quân ấy.

Cùng mùa hạ đó, không bỏ lỡ thời gian, Brasidas đã cất quân cùng với quân Chalcis đi đánh Acanthus^[14], một thuộc địa của Andros, trước mùa hái nho chỉ ít lâu. Dân cư ở đó chia thành hai phe về vấn đề tiếp đón ông: phe những người đã phối hợp với dân Chalcis để mời ông đến, và phe dân chúng. Tuy nhiên, nỗi lo lắng về vụ nho đang chín của họ vẫn còn ở ngoài đồng ruộng đã khiến Brasidas có thể thuyết phục dân chúng cho một mình ông vào, và lắng nghe những gì ông muốn nói trước khi họ đưa ra quyết định; vì vậy ông đã được phép vào và đã xuất hiện trước dân chúng, và là một diễn giả không tồi dù là một người Lacedaemon, ông đã nói với họ như sau:

“Hỡi dân Acanthus, người Lacedaemon đã phái tôi và đạo quân của tôi đến để thực hiện bằng được cái lẽ phải mà chúng tôi đã nêu ra về cuộc chiến này khi chúng tôi khởi chiến, tức là, chúng tôi sẽ phải dùng biện pháp chiến tranh với người Athens để giải phóng Hy Lạp. Việc chúng tôi chậm đến đây là do những tiên lượng sai lầm về cuộc chiến này ở quê xứ chúng tôi, những tiên lượng này đã khiến chúng tôi hy vọng rằng bằng những nỗ lực tự thân của chúng tôi và không cần các người phải mạo hiểm chút gì để hỗ trợ, chúng tôi có thể khiến Athens phải nhanh chóng sụp đổ; và các người đừng trách cứ chúng tôi về điều đó, vì chúng tôi giờ đã đến đây ngay khi chúng tôi có thể, đã sẵn sàng với sự giúp đỡ của các người để mang hết sức mình ra đánh bại chúng. Trong lúc đó tôi kinh ngạc khi thấy rằng cánh cổng của các người đóng lại trước tôi, và chúng tôi không nhận được một sự chào đón nồng nhiệt hơn. Người Lacedaemon chúng tôi nghĩ rằng các người là những đồng minh háo hức mong chờ chúng tôi có mặt, là những người mà chúng tôi thậm chí phải đến bằng tinh thần trước khi hiện diện bên các người bằng xương bằng thịt; và vì trông đợi vào điều này mà chúng tôi đã liều gánh mọi rủi ro của một cuộc hành quân dài ngày qua một miền đất lạ,

và chỉ có nhiệt huyết của chúng tôi mới đưa chúng tôi đi được xa đến thế này. Sẽ vô cùng tệ hại nếu sau nỗ lực này của chúng tôi các người lại có những ý định khác, và muốn ngáng trở con đường đến với tự do của chính các người và của cả Hy Lạp. Đây không chỉ là riêng các người phản đối tôi; mà rồi bất cứ nơi đâu tôi đến dân chúng cũng sẽ bớt sẵn lòng tham gia với tôi hơn, vì rằng các người, những người mà tôi tìm đến trước tiên – một trấn quan trọng như Acanthus, và những người khôn ngoan như người Acanthus – đã từ chối không cho tôi vào. Tôi sẽ chẳng có gì để chứng minh nguyên nhân của việc tôi tiến quân là đúng đắn; người ta sẽ bảo hoặc có điều gì đó không chính đáng trong nền tự do mà tôi đem lại, hoặc tôi không có đủ lực lượng và đủ khả năng bảo vệ các người chống lại các cuộc tấn công của Athens. Tuy nhiên khi tôi đến với đạo quân mà hiện tôi đang có để cứu viện Nisaea, quân Athens đã không dám mạo hiểm giao chiến với tôi mặc dù có lực lượng đông hơn; và xem ra chẳng khi nào bọn chúng lại cử một đạo quân đông như đạo quân tại Nisaea vượt biển sang để đánh các người. Còn về phần mình, tôi tới đây không để làm tổn hại mà để giải phóng dân Hy Lạp, để làm chứng cho những lời thề trang trọng mà tôi đã buộc chính quyền của tôi cam kết rằng những đồng minh mà tôi có thể đem về sẽ phải được độc lập; và lại mục đích của tôi tới đây không phải để tranh thủ được sự liên minh với các người bằng sức mạnh hay gian dối, mà để đề nghị với các người sự liên minh của tôi nhằm giúp các người đánh bại bọn Athens đang cai trị các người. Do vậy, tôi phản đối bất kỳ sự nghi ngờ nào về những ý định của tôi sau những bảo đảm mà tôi đưa ra, và cũng phản đối những nghi ngờ về khả năng của tôi trong việc bảo vệ các người, và tôi kêu gọi các người hãy liên minh với tôi đừng do dự.

Một số trong các người có thể còn do dự vì họ có những kẻ thù riêng, và sợ rằng tôi có thể đặt thành này vào tay của một phe: họ là những người cần an tâm hơn hết. Tôi không đến đây để giúp phe này hay phe kia; và tôi cho rằng tôi sẽ không mang đến cho các người nền tự do thực sự nào, nếu tôi coi thường thể chế của các người, và biến số đông thành nô lệ cho số ít hoặc số ít thành nô lệ cho số đông. Điều này sẽ

nặng nề hơn một ách thống trị của ngoại bang; và người Lacedaemon chúng tôi, thay vì được cảm tạ vì công sức của mình, sẽ chẳng có được cả danh dự lẫn vinh quang, mà trái lại còn bị phi báng. Những lời cáo buộc đã khiến đôi tay chúng tôi mạnh mẽ hơn trong cuộc chiến chống lại Athens, thì rất có thể chính chúng tôi sẽ tỏ ra là mình đáng phải chịu những cáo buộc đó, và nếu vậy chúng tôi sẽ đáng bị cảm phẫn hơn là những kẻ không thêm giả bộ chân thực, vì nỗi ô nhục sẽ lớn hơn đối với những kẻ quen tính chiếm đoạt những gì chúng thêm muốn bằng sự lừa lọc khoác vẽ ngay thẳng hơn là công khai dùng vũ lực; kẻ gây hấn thì còn có thể biện minh cho mình bằng cái sức mạnh mà số phận trao tặng, kẻ kia chỉ thuần là kẻ ranh ma quỷ quyết. Một vấn đề sát sườn với chúng ta như vậy thì mặc nhiên là chúng ta phải quan tâm một cách sát sao nhất; ngoài những lời thề mà tôi đã nhắc đến, các người còn có sự đảm bảo nào chắc chắn hơn không, khi mà các người thấy rằng những lời của chúng tôi, so với những sự việc trên thực tế, sẽ tạo ra sức thuyết phục cần thiết rằng chính vì lợi ích của mình chúng tôi sẽ làm như đã nói?

Nếu các người lấy cớ rằng những lý do này của tôi là không thể chấp nhận được, và quả quyết rằng tình cảm bạn bè của các người với chúng tôi sẽ cứu giúp các người khỏi bị tổn hại vì lời từ chối của mình; nếu các người nói rằng theo quan điểm của các người tự do nào mà chẳng đi đôi với những nguy hiểm của nó, và sẽ là đúng đắn khi trao tự do cho những người có thể chấp nhận nó mà không ép buộc ai phải nhận nó trái với ý nguyện của họ, thì tôi xin chư vị thần linh và liệt vị anh hùng của xứ sở các người chứng giám cho rằng tôi đã đến đây vì lợi ích của các người và đã bị từ chối, và tôi sẽ làm hết sức mình để ép buộc các người bằng cách tàn phá đất đai của các người. Tôi sẽ làm vậy mà không do dự, khi tôi được biện hộ bởi hoàn cảnh lúc này buộc tôi phải làm, trước hết là để tránh cho người Lacedaemon khỏi bị tổn hại bởi những người bạn như các người, khi mà các người không tham gia với chúng tôi, vì rằng các người vẫn cống nạp tiền bạc cho Athens; và thứ nữa, để tránh cho các dân Hy Lạp khỏi bị cản trở bởi các người khi họ

rũ bỏ ách nô dịch. Nếu chẳng phải thế thì quả thực chúng tôi không có quyền hành động như chúng tôi đề nghị; ngoại trừ nhân danh một lợi ích chung nào đó, người Lacedaemon chúng tôi có nguyên cớ gì để mà giải phóng những kẻ không muốn được giải phóng? Chúng tôi không khao khát trở thành đế chế, đế chế là thứ chúng tôi đang nỗ lực để lật đổ; và chúng tôi sẽ xử sự bất công với đa số nếu chúng tôi để các người ngăn trở con đường đến với nền độc lập mà chúng tôi mang lại cho tất cả các xứ dân. Vì vậy, hãy ráng quyết định cho sáng suốt, và nỗ lực để bắt đầu công cuộc giải phóng các dân Hy Lạp, và vì chính bản thân các người hãy để lại danh thơm muôn thuở, đồng thời các người sẽ tránh được thiệt hại cá nhân, và làm cho toàn thể dân chúng của các người được vẻ vang.”

Đây là những lời Brasidas đã nói. Dân Acanthus, sau khi cả hai phe đã phát biểu rất nhiều về vấn đề đó, đã biểu quyết kín, và đa số, bị tác động bởi những lý lẽ cảm dỗ của Brasidas và bởi lo lắng cho mùa nho của họ, đã quyết định nổi dậy chống lại Athens; tuy nhiên vẫn chưa cho đạo quân đó vào trấn cho đến lúc họ có được cam kết của chính Brasidas về những lời thề của chính quyền trước khi cử ông đi, là đảm bảo quyền độc lập của những đồng minh mà ông mang về. Không lâu sau, Stagirus^[15], một thuộc địa của đảo Andros, đã theo gương họ và nổi dậy.

Đó là những sự kiện xảy ra vào mùa hạ này. Những ngày đầu tiên của mùa đông tiếp theo sau đó chính là lúc mà những trấn nội phản của Boeotia sẽ phải được trao vào tay các tướng lĩnh Athens là Hippocrates và Demosthenes, trong hai vị tướng này thì Demosthenes là người sẽ phải đưa các chiến thuyền của mình đến Siphae, còn Hippocrates thì đến Delium. Tuy thế đã xảy ra một sự nhầm lẫn về cái ngày mà mỗi người bọn họ phải khởi hành; và Demosthenes, khi nhổ neo trước đến Siphae cùng với quân Acarnani và nhiều quân đồng minh ở vùng đó trên thuyền, đã chẳng làm nên trò trống gì, bởi âm mưu đã bị Nicomachus, một người Phocis từ Phanotis^[16] đến tiết lộ cho quân Lacedaemon, và quân Lacedaemon lại tiết lộ cho dân

Boeotia. Vì thế nên quân cứu viện đã lũ lượt kéo đến từ khắp xứ Boeotia, trong khi Hippocrates lại chưa kịp có mặt ở đó để thực hiện chiến thuật nghi binh, và Siphæ và Chaeronea đã nhanh chóng được bảo vệ, và những kẻ âm mưu, được thông báo về sự nhầm lẫn này, đã không dám mạo hiểm có bất kỳ hành động nào ở các trấn đó.

Trong khi đó Hippocrates đã mở một đợt tuyển quân ồ ạt từ các công dân, dân ngụ cư và người ngoại bang ở Athens, và đến điểm hẹn của mình sau khi quân Boeotia đã từ Siphæ trở về, và quân của Hippocrates sau khi hạ trại liền bắt đầu tăng cường phòng thủ cho Delium, khu đền thờ thần Apollo, theo cách thức như sau. Một con hào được đào xung quanh đền thờ và vùng thánh địa, đất đào lên được dùng đắp một bức thành lũy, bên trong thành lũy cắm cọc, những cây nho quanh đền bị cắt xuống và ném vào đó, cùng với đá và gạch lấy từ các ngôi nhà gần đấy; nói tóm lại, mọi thứ đều được lấy để xây đắp bức thành lũy đó một cách vội vàng. Những tháp canh bằng gỗ cũng được dựng lên ở những điểm cần đặt, và tại những nơi không còn lại một phần cấu trúc nào của ngôi đền, như ở phía một thời đã từng có hành lang mái vòm nay đã bị sụp đổ. Công việc này bắt đầu vào ngày thứ ba sau khi họ rời quê xứ, và tiếp tục suốt ngày thứ tư, và đến tối ngày thứ năm, khi mà phần lớn công trình đã hoàn thành thì đạo quân rời khỏi Delium và đi được khoảng một dặm một phần tư trên đường về nhà. Từ điểm này phần lớn số bộ binh hạng nhẹ tiếp tục thẳng tiến, trong khi bộ binh hạng nặng dừng lại và ở nguyên tại chỗ; Hippocrates đã ở lại Delium để bố trí đồn trú, và chỉ đạo quân lính hoàn tất những công sự phụ bên ngoài còn đang dang dở.

Trong những ngày quân Athens bận rộn như vậy thì Boeotia đang lục tục kéo quân đến tập hợp tại Tanagra, và vào lúc họ đã từ tất cả các trấn đến được đó thì thấy rằng quân Athens đã đang trên đường hồi hương. Hầu hết trong số mười một *Boeotarch* phản đối việc giao chiến với quân Athens, vì địch đã không còn trên đất Boeotia nữa, quân Athens vừa vượt qua biên giới Oropia^[17] khi quân này dừng lại; nhưng Pagondas con trai Aeolidas, một trong hai *Boeotarch* của Thebes (người còn lại là Arianthides con trai của Lysimachidas), và lúc bấy giờ là vị tổng chỉ huy, cho rằng nên liều đánh một

trận thì hơn. Vì vậy ông ta gọi quân đến, từng đội một, để tránh việc tất cả bọn họ rời vũ khí cùng một lúc, và để thúc giục họ tấn công quân Athens, đồng thời giữ vững quan điểm phải đánh một trận, ông ta nói như sau:

“Hỡi binh lính Boeotia, ý nghĩ rằng chúng ta không nên giao chiến với quân Athens, trừ khi chúng ta bắt kịp chúng trong lãnh thổ Boeotia, là ý nghĩ không bao giờ được lọt vào đầu bất kỳ ai trong chúng ta, những vị tướng quân của các người. Chính là để quấy nhiễu Boeotia mà quân địch đã vượt qua biên giới và xây dựng một công sự trên đất của chúng ta; và do đó ta cho rằng chúng là những kẻ thù địch với chúng ta dù ở bất kỳ nơi nào ta bắt gặp chúng, và ở bất kỳ nơi nào chúng có thể sẽ đến để hành động như những kẻ thù địch vẫn hành động. Và nếu bất kỳ ai bám lấy ý nghĩ nói trên vì những lý do an toàn, thì đã đến lúc người đó phải thay đổi suy nghĩ của mình. Bên bị tấn công, mà xứ sở của chính mình đang lâm nguy, khó có thể tranh luận điều gì là khôn ngoan với những kẻ đang diễm nhiên vui hưởng những gì họ đã có, và đang nghĩ đến việc tấn công một láng giềng để lại có thêm nữa. Truyền thống của dân tộc các người là kháng cự lại bất kỳ kẻ ngoại xâm nào cho dù chúng ở bên trong hay bên ngoài xứ sở các người; và khi kẻ xâm lược đó là quân Athens, và hơn thế nữa lại ở ngay bên kia biên giới của các người, thì việc chống lại chúng còn cấp bách gấp đôi. Vì thông thường giữa những lân bang với nhau, tự do chỉ đơn giản có nghĩa là giữ vững vị trí và kiểm soát được tình hình; và với những lân bang như những kẻ đó, những kẻ cố gắng nô dịch gần xa cả lượt, thì chỉ có thể đánh đuổi nó đến cùng. Hãy nhìn vào tình trạng của dân Euboea và các dân Hy Lạp khác, và thấy rằng những dân khác đều phải chiến đấu với các lân bang của họ vì phần đất này hay cương giới khác, nhưng đối với chúng ta bị chinh phục có nghĩa là một cương giới duy nhất cho cả xứ sở này, không thể bàn cãi gì về cương giới đó, vì chúng sẽ cứ đến và chiếm đoạt bằng vũ lực những gì chúng ta có. Chúng ta phải lo sợ về lân bang này hơn là lo về những lân bang khác rất nhiều.

Vả lại, những kẻ giống như người Athens trong lúc này, bị cám dỗ bởi lòng tự cao về sức mạnh mà tấn công những láng giềng của mình, thường rất tự tin kéo quân đi đánh những xứ dân chỉ biết ngồi yên và phòng thủ trên đất của mình, nhưng lại cân nhắc kỹ càng trước khi chúng gây chiến với những ai dám đương đầu với chúng bên ngoài cương thổ của họ và ra đòn trước nếu cơ hội cho phép. Bản thân quân Athens đã cho chúng ta thấy điều này; cuộc chiến bại mà chúng ta bắt chúng phải chịu tại Coronae^[18], vào thời mà những tranh chấp giữa chúng ta với nhau đã cho phép chúng vào xâm chiếm, đã mang lại sự yên ổn lâu dài cho Boeotia đến tận ngày nay. Khi nhớ đến việc đó, người già phải hành động sao cho xứng với những công trạng xưa của mình, và người trẻ, những đứa con trai của các anh hùng thời ấy, phải gắng gỏi để không làm ô danh lòng dũng cảm của nòi giống, và tin vào sự phù hộ của vị thần mà ngôi đền thờ ngài đã bị xây thành công sự một cách bất kính, và tin tưởng vào những điềm lành hiển hiện trên những vật hiến tế trong các lễ hiến sinh của chúng ta; chúng ta phải tiến lên đánh địch, và dạy cho chúng biết rằng chúng hãy đi mà chiếm những gì chúng muốn bằng cách tấn công những ai không kháng cự, nhưng những người mà vinh quang đối với họ là luôn sẵn sàng chiến đấu cho tự do của xứ sở mình, và không bao giờ nô dịch hóa những người khác một cách bất công, sẽ không để chúng thoát đi mà không đánh một trận.”

Bằng những lý lẽ này Pagondas đã thuyết phục được quân Boeotia tấn công quân Athens, và ông ta nhanh chóng nhổ trại và dẫn đạo quân của mình tiến tới, lúc này đã là cuối ngày. Gần đến chỗ địch quân, ông ta cho dừng quân tại một vị trí có một ngọn đồi chắn giữa không cho hai bên trông thấy nhau, rồi dàn quân và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Trong khi đó Hippocrates ở Delium, được tin báo rằng quân Boeotia đang đến gần, đã phát các mệnh lệnh cho binh lính của mình khẩn trương vào hàng ngũ, và không lâu sau đó chính Hippocrates đã đến nhập với họ, để lại khoảng ba

trăm quân kỵ ở Delium, để cùng lúc canh chừng vị trí đó phòng trường hợp bị tấn công, và rình chờ cơ hội và ập đến tập kích quân Boeotia giữa chừng trận đánh. Quân Boeotia cắt đặt một phân đội để đối phó hướng tấn công này, và khi mọi việc đã được sắp đặt vừa ý, vượt qua ngọn đồi họ xuất đầu lộ diện, và dừng lại theo đội hình mà họ đã định trước, với bảy ngàn bộ binh hạng nặng, hơn một vạn bộ binh hạng nhẹ, một ngàn quân kỵ và năm trăm quân mang khiên. Cánh bên phải của họ là quân Thebes và quân các trấn trong lãnh thổ của họ, trung quân là quân Haliartus^[19], Coronae, Copae^[20] và quân các trấn khác quanh hồ Copais^[21], và cánh bên trái là quân Thespieae, Tanagra và Orchomenus, kỵ binh và bộ binh hạng nhẹ dàn ở đầu mỗi cánh. Quân Thebes xếp thành đội hình chiều sâu hai mươi lăm hàng khiên, số còn lại xếp theo vị trí tùy chọn. Đó là quân lực và cách bố trận của đạo quân Boeotia.

Bên phía quân Athens, toàn bộ bộ binh hạng nặng của đạo quân này xếp thành đội hình chiều sâu tám hàng, quân số ngang bằng với đối phương, kỵ binh bố trí ở hai bên cánh. Bộ binh hạng nhẹ được trang bị đúng quy cách không có một móng nào trong đạo quân này, cũng chưa từng có ở Athens. Những người tham gia cuộc xâm lăng này, dù đông gấp bội số quân của đối phương nhưng phần lớn đã đi theo quân mà không được vũ trang, là một phần của đợt trưng quân ồ ạt gồm các công dân và dân ngoại bang tại Athens, và là những người đầu tiên đã lên đường về nhà không còn một ai hiện diện ở đó nữa. Hai đạo quân giờ đã dàn thành hàng ngũ và sẵn sàng xung trận, Hippocrates, vị tướng chỉ huy, đi duyệt từng hàng quân Athens, và khích lệ họ như sau:

“Hỡi binh lính Athens, tôi chỉ nói với các người đôi lời, nhưng những kẻ quả cảm không cần nhiều hơn thế, và những lời đó nhằm vào sự hiểu biết của các người hơn là vào lòng dũng cảm của các người. Không ai trong số các người được phép tưởng rằng chúng ta nhọc nhằn vô cơ đi mạo hiểm ở xứ người. Chiến đấu trận này trên lãnh thổ của chúng ta là vì lãnh thổ của chúng ta: nếu chúng ta chiến thắng, quân

Peloponnese sẽ không bao giờ xâm phạm xứ sở của các người khi không có kỵ binh của Boeotia, và chỉ đánh một trận các người sẽ thắng Boeotia và bằng trận thắng ấy cũng đem lại tự do cho Attica. Hãy tiến lên giáp mặt chúng như những công dân của một xứ sở mà tất cả các người tự hào là thành bang đứng đầu toàn cõi Hy Lạp, và như những đứa con của những người cha đã cùng với tướng quân Myronides đánh bại chúng ở Oenophyta và vì thế đã chiếm được Boeotia.”

Hippocrates mới đi qua được nửa đội hình đạo quân với lời hô hào của ông ta, thì quân Boeotia, sau vài lời thôi thúc còn ngắn gọn hơn nhiều của Pagondas, cất cao tiếng tụng ca phấn chấn, và từ trên đồi ào xuống xung trận; quân Athens tiến lên đối địch, và nhanh chóng xông vào cận chiến. Đầu mũi cánh quân của cả hai bên đã không nhập trận, bên này cũng như bên kia bị chặn lại bởi những dòng nước trên đường; những đội quân còn lại tham chiến ngoan cường tột bậc, khiên đối khiên. Quân Boeotia từ phía cánh trái cho đến tận trung quân bị quân Athens đánh bại. Quân Thespieae ở khu vực này của chiến trường chịu thiệt hại nặng nề nhất. Các hàng lính bên phía họ đã phải lùi bước, họ bị bao vây trong một khu vực chật hẹp và bị hạ trong lúc đánh giáp lá cà; một vài quân Athens cũng rơi vào loạn chiến trong khi bao vây kẻ địch và giết lẫn nhau vì nhầm lẫn. Ở phía này của chiến trường quân Boeotia bị đánh bại, và vừa đánh vừa lùi; nhưng bên cánh phải, nơi quân Thebes trấn giữ, đang thắng thế so với quân Athens và đẩy quân này ngày càng lui xa hơn, dù ban đầu chỉ là từng chút một. Thật tình cờ là cũng vào lúc đó Pagondas, nhìn ra tình trạng nguy ngập bên cánh trái của mình, đã điều tới đó hai đội kỵ binh từ vị trí mà lực lượng này không bị đối phương nhìn thấy, vòng qua quả đồi, và sự xuất hiện bất ngờ của họ gây hoảng loạn cho cánh quân Athens đang thắng thế, cánh quân này nghĩ mình bị một đạo quân khác xông đến tấn công. Rốt cục ở cả hai phía trên chiến trường, náo loạn vì hoảng sợ, và với trận tuyến bị phá vỡ bởi quân Thebes tiến công, toàn bộ đạo quân Athens tháo chạy. Một phần đạo quân chạy đến Delium và tới biển, một phần đến Oropus, phần khác chạy đến núi Parnes,

hay bất kỳ nơi nào họ hy vọng được an toàn, bị quân Boeotia truy kích và hạ sát, và đặc biệt bị tiêu diệt bởi toán kỵ binh một phần của Boeotia và một phần của Locris, những kỵ binh này vừa đến chiến trường ngay khi cuộc tháo chạy bắt đầu. Tuy nhiên đêm xuống làm gián đoạn cuộc truy kích, nếu không thì phần lớn quân chạy trốn đã chẳng thoát đi được dễ dàng như thế. Ngày hôm sau số quân ở Oropus và Delium theo đường biển hồi hương, sau khi để lại một đơn vị đồn trú ở Delium, nơi quân Athens tiếp tục chiếm giữ bất chấp cuộc bại trận vừa rồi^[22].

Quân Boeotia dựng một đài chiến tích, thu nhặt xác binh lính của mình, và lột lấy giáp trụ khí giới trên xác quân địch, và để lại một đội gác trông coi xác binh lính rồi lui về Tanagra, ở đó tiến hành các biện pháp chuẩn bị tấn công Delium. Trong khi đó một viên sứ truyền tin từ Athens đến xin lại xác binh lính của họ, nhưng đã gặp một viên sứ truyền tin của Boeotia và quay lại, bởi viên sứ truyền tin của Boeotia bảo chừng nào anh ta chưa trở về thì người kia có đến cũng chẳng được việc gì, và rồi anh ta đến gặp người Athens, và nhân danh người Boeotia nói với họ rằng họ đã hành động sai trái khi vi phạm lề luật của Hy Lạp. Lề luật chung về việc bảo vệ đền đài trong một xứ sở bị xâm chiếm để làm gì, nếu người Athens định củng cố phòng thủ cho Delium và sống tại đó, hành xử như thể họ đang ở trên mảnh đất không dành cho việc thờ phụng, và mức nước lên và sử dụng vào các mục đích sinh hoạt của mình nguồn nước mà người Boeotia không bao giờ động đến trừ khi dùng vào việc linh thiêng? Do đó vì vị thần ấy^[23] cũng như vì chính họ, nhân danh chư thần cũng được thờ phụng ở đây và nhân danh thần Apollo, người Boeotia đề nghị họ trước hết hãy triệt thoái khỏi ngôi đền, nếu họ muốn thu thập tử sĩ thuộc phía họ.

Sau những lời như thế của viên sứ truyền tin ấy, quân Athens gửi viên sứ truyền tin của mình đến chỗ quân Boeotia để nói rằng họ chưa hề làm gì bất kính đối với ngôi đền, và tương lai cũng sẽ không gây thêm tổn hại gì nếu họ có thể dừng được; ngay từ đầu họ đã không chiếm ngôi đền với một mục đích nào như vậy, mà là với mục đích tự phòng vệ chống những kẻ đang làm điều đích thực là sai trái với họ. Lề luật của Hy Lạp quy định rằng việc

chinh phục được một xứ sở, rộng hẹp mặc lòng, luôn đi kèm với quyền sở hữu những ngôi đền trong xứ sở đó, cùng với nghĩa vụ phải tiếp tục duy trì các nghi lễ thường lệ, ít nhất là càng lâu càng tốt. Dân Boeotia cũng như hầu hết các dân khác đã đuổi những chủ nhân của một xứ sở đi, và dùng vũ lực để tự đặt mình vào vị trí của những chủ nhân cũ, giờ đây đã nắm giữ bằng quyền hợp pháp những ngôi đền mà ban đầu họ bước vào với tư cách những kẻ tiếm quyền. Nếu người Athens mà chiếm được thêm lãnh thổ Boeotia thì trường hợp của họ đâu có khác: cứ như tình hình hiện tại, mảnh đất mà họ đã chiếm thì họ phải xem như đất của mình, và không từ bỏ trừ khi buộc phải bỏ. Nguồn nước họ đã làm ô uế là do sự thô thúc của nhu cầu bức thiết đã không vô cơ mà nảy sinh, khi họ bị buộc phải sử dụng nước ấy để tự vệ chống lại quân Boeotia là kẻ đã xâm lược Attica trước. Ngoài ra, bất cứ việc gì thực hiện dưới áp lực của chiến tranh và hiểm họa có thể được dung thứ một cách hợp lẽ ngay cả trong con mắt thần linh; nếu không thì thử hỏi tại sao các ban thờ lại là nơi nung nấu cho những kẻ không chủ tâm phạm tội? Sự phạm thánh là một thuật ngữ chỉ áp dụng cho những kẻ cả gan phạm tội, không áp dụng cho những nạn nhân của nghịch cảnh. Nói tóm lại, ai là kẻ bất kính hơn – quân Boeotia muốn đổi chác những xác chết lấy nơi linh thiêng, hay quân Athens từ chối giao nộp nơi linh thiêng để giành được những gì mà đúng lý ra là của họ? Vì vậy Boeotia phải rút lại điều kiện triệt thoái. Họ đâu còn ở đất Boeotia nữa. Họ đang ở cái nơi họ có được bởi quyền lực của lưỡi kiếm. Tất cả những gì quân Boeotia phải làm là cho phép quân Athens thu nhặt xác tử sĩ của họ bằng một thỏa thuận tạm đình chiến theo tập quán của cả nước.

Phía Boeotia trả lời rằng nếu quân Athens đang ở trên đất Boeotia thì họ phải rút khỏi đất đó trước khi thu nhặt xác binh lính của họ; nếu họ ở trên lãnh thổ của mình thì họ có thể làm gì tùy ý: vì họ biết rằng, mặc dù Oropid^[24], tình cờ là nơi mà những tử sĩ nằm ở đó (vì trận chiến đã xảy ra trên biên giới), là lãnh thổ phụ thuộc của Athens, nhưng quân Athens không thể lấy lại những người chết đó nếu không có sự cho phép của họ. Và lại, tại sao họ lại phải chấp nhận một thỏa thuận tạm đình chiến cho mảnh đất của người Athens? Và còn gì công bằng hơn là yêu cầu quân Athens triệt thoái

khỏi Boeotia nếu muốn lấy được cái mà họ yêu cầu? Viên sứ truyền tin của Athens vì vậy đành trở về với câu trả lời này mà không hoàn thành được sứ mệnh của mình.

Trong khi đó phía Boeotia lập tức phái người đi gọi quân phóng lao và quân bắn nỏ từ vùng vịnh Malis đến, và cùng hai ngàn bộ binh hạng nặng từ Corinth đã đến hợp quân với họ sau trận đánh, thêm đơn vị đồn trú của Peloponnese đã rút khỏi Nisaea và một ít quân Megara đi theo đơn vị này, họ tiến đánh Delium, và tấn công pháo đài, và sau khi cố thử nhiều cách khác nhau cuối cùng họ cũng chiếm được vị trí này bằng một chiến cụ như miêu tả sau đây. Họ cưa dọc làm đôi một cây xà rất lớn và khoét rỗng, rồi lại ghép khít vào nhau như một cái ống, một đầu dùng dây xích treo một chiếc vạc, chiếc vạc này nối với một ống sắt thò ra từ cây xà, mà cây xà thì hầu hết đã được bọc sắt. Chiến cụ này được chở bằng xe ngựa từ một khoảng cách xa đến bức thành lũy được dựng chủ yếu bằng dây leo và ván gỗ, và khi đến gần, họ cho một ống bễ rất lớn vào cuối cây xà rỗng và thổi bễ. Luồng hơi thổi lên qua ống kín vào chiếc vạc, trong vạc chứa đầy than đã nhóm lửa, lưu huỳnh và hắc ín, làm bùng lên một ngọn lửa lớn, và phóng hỏa bức tường thành, bức tường thành này chẳng mấy chốc đã không còn đứng vững để bảo vệ những quân phòng thủ bên trong, khiến bọn họ phải bỏ chỗ đó mà tháo chạy; và bằng cách này công sự ấy đã bị chiếm. Quân đồn trú ở đó một số bị giết và hai trăm người bị bắt làm tù binh; phần lớn số còn lại đã lên được thuyền và hồi hương.

ít lâu sau khi Delium thất thủ, nó đã thất thủ sau trận chiến kia mười bảy ngày, viên sứ truyền tin của Athens, không hay biết gì về những việc đã xảy ra, lại đến lần nữa để đòi các thi thể, mà lần này phía Boeotia trao trả, không từ chối như lần trước. Chưa đến năm trăm quân Boeotia ngã xuống trong trận này, và gần một ngàn quân phía Athens, gồm cả viên tướng Hippocrates, chưa kể một số đông bộ binh hạng nhẹ và những kẻ đi theo trong quân.

Ngay sau trận này, và là sau khi chuyển hải hành của mình đến Siphac và âm mưu chiếm trấn này thất bại, Demosthenes đã tranh thủ lúc đang có quân

lính Acarnania và Agraea và bốn trăm bộ binh hạng nặng người Athens trên thuyền để thực hiện cuộc đột kích vào bờ biển Sicyon. Thế nhưng trước khi tất cả các chiến thuyền của ông ta kịp cập bờ, quân Sicyon đã xông ra và đánh cho những binh lính của Athens vừa đổ bộ tan tác và đuổi theo họ đến tận các con thuyền của họ, giết một số và bắt một số khác làm tù binh; sau đó quân này lập một đài chiến tích, và trả xác binh lính của địch theo thoả thuận tạm đình chiến.

Khoảng cùng thời gian với trận Delium, Sitalces, vua của dân Odrysae, đã chết; ông ta đã bị đánh bại trên chiến trường, trong một chiến dịch đi đánh Triballi; Seuthes, con trai của Sparadocus và là cháu của vị vua này, thừa kế ngai vàng của vương quốc Odrysae và những lãnh địa khác của xứ Thrace mà trước đó Sitalces trị vì.

Cũng mùa đông đó Brasidas cùng với các đồng minh ở các địa phương của Thrace đã tiến quân đi đánh Amphipolis, thuộc địa của Athens bên sông Strymon. Vùng đất mà hiện giờ thành này đang nằm trên đó trước kia đã bị Aristagoras^[25] người Miletus cố gắng thử chiếm làm thuộc địa (khi ông ta chạy trốn Vua Darius), nhưng ông ta đã bị dân Edonia đánh bật khỏi đó; và ba mươi hai năm sau người Athens lại cố gắng chiếm nơi này làm thuộc địa, họ đã gửi đến đây một vạn dân định cư là công dân của họ, và bất cứ ai khác muốn đi. Những dân định cư này đã bị dân Thrace giết tại Drabescus. Hai mươi chín năm sau, người Athens trở lại (Hagnon con trai của Nicias được cử đi làm người đứng đầu thuộc địa) và đuổi dân Edonia ra khỏi đó, và kiến lập nên một trấn tại nơi này, trước kia được gọi là Ennea Hodoi hay là Chín Con đường^[26]. Căn cứ mà họ đã khởi đầu từ đó là Eion, thương cảng của họ ở cửa sông, cách trấn hiện tại không quá ba dặm, nơi Hagnon đặt tên là Amphipolis, bởi vì dòng sông Strymon chảy vòng bao lấy hai mặt của trấn này, và ông ta đã xây dựng nó sao cho nó nổi bật nhất kể cả nhìn từ biển hay đất liền, đồng thời đắp một bức tường thành chạy từ khúc sông bên mặt này sang khúc sông bên mặt kia, để khép lại thành một vòng tròn.

Lúc bấy giờ Brasidas tiến quân đi đánh trấn này, ông cất quân từ Arne^[27] ở Chalcidice. Chập tối, sau khi đến được Aulon^[28] và Bromiscus^[29], nơi hồ

Bolde đổ ra biển, ông cho quân ăn tối tại đây, và tiếp tục hành quân thâu đêm. Trời giông gió và tuyết bắt đầu rơi lác đác khiến ông phải thúc quân đi gấp hơn, để nếu kịp sẽ gây bất ngờ cho tất cả mọi người ở Amphipolis, ngoại trừ phe phái định làm nội phản. Mưu làm phản được thực hiện bởi một số dân bản địa Argilus, một thuộc địa của Andros, đang cư ngụ ở Amphipolis, nơi họ còn có cả những kẻ đồng phạm khác mà Perdiccas hoặc dân Chalcis đã tranh thủ được. Nhưng tích cực nhất trong việc này chính là những cư dân của Argilus ở ngay gần đó, họ vốn đã luôn bị người Athens nghi ngờ, và sẵn có mưu đồ đối với nơi này. Lúc bấy giờ những người này thấy cơ hội của mình đến cùng với Brasidas, và vì họ đã thông mưu với những đồng hương của họ sống ở Amphipolis một thời gian để làm phản và giao nộp trấn này, đã lập tức đón Brasidas vào Argilus, và nổi dậy chống người Athens, và ngay trong đêm đó đã đưa Brasidas đến cây cầu qua sông; tại đó ông chỉ thấy một đội lính gác nhỏ chống lại ông, vì trấn Argilus nằm cách lối đi này một đoạn, và bức thành lũy lúc bấy giờ không vươn tới đó. Trạm gác này Brasidas dễ dàng vượt qua, phần vì có những kẻ nội ứng trong hàng ngũ quân canh phòng, phần vì thời tiết xấu và cuộc tấn công của ông rất bất ngờ, và như vậy ông đã vượt qua cầu, và ngay lập tức kiểm soát tất cả đất đai điền sản bên ngoài; dân Amphipolis có nhà cửa ở khắp vùng này.

Brasidas vượt sông là việc hoàn toàn bất ngờ đối với người trong trấn; và việc bắt giữ nhiều người ở bên ngoài cùng với sự tháo chạy của số còn lại bên trong thành lũy kết hợp lại gây ra một sự náo loạn lớn trong dân cư; đặc biệt là khi họ không tin tưởng lẫn nhau. Người ta thậm chí còn nói rằng nếu Brasidas, thay vì dừng lại và cướp phá, cứ tiến thẳng vào đánh trấn này thì ắt hẳn ông đã chiếm được nó. Tuy nhiên, trên thực tế, ông đã dừng lại đóng quân tại nơi vừa chiếm và tàn phá vùng nông thôn bên ngoài, và lúc bấy giờ vẫn án binh bất động, hoài công chờ đợi một động thái từ phía những người bạn của mình bên trong trấn. Trong khi đó phe đối lập với những kẻ làm phản đã đủ đông để ngăn không cho mở cổng trấn ngay, và phối hợp với Eucles, viên tướng đã từ Athens đến để phòng thủ nơi này, cử người đến cầu viện viên tướng khác ở Thrace là Thucydides con trai của Olorus, tác giả của cuốn sử ký này, lúc bấy giờ đang đóng tại đảo Thasos, một thuộc địa của

Paros^[30], cách Amphipolis nửa ngày đi thuyền, gọi ông ta đến cứu viện cho họ. Nhận được tin này Thucydides ngay lập tức lên đường với bảy chiến thuyền mà ông ta có, để đến Amphipolis ngăn trấn này đầu hàng nếu còn kịp, hoặc bất luận thế nào cũng cứu lấy trấn Eion.

Trong khi đó, vì sợ rằng quân cứu viện sẽ từ Thasos đến theo đường biển, và hãy tin rằng Thucydides sở hữu quyền khai thác những mỏ vàng ở khu vực này của Thrace, và vì vậy rất có thể lực đối với người dân ở xứ này, Brasidas đã gấp rút hết mức có thể để giành lấy trấn này trước khi dân chúng Amphipolis được khích lệ bởi việc Thucydides đến mà hy vọng rằng ông ta có thể cứu họ bằng việc tập hợp một lực lượng gồm các quân đồng minh từ biển và từ Thrace đến giải cứu họ, và vì vậy mà từ chối đầu hàng. Do đó Brasidas liền đưa ra những điều kiện ôn hoà, ông tuyên bố rằng bất cứ người Amphipolis và người Athens nào chọn những điều kiện này đều có thể tiếp tục ở lại thụ hưởng tài sản của mình với đầy đủ mọi quyền công dân; trong khi những kẻ không muốn ở lại có năm ngày để ra đi, mang theo của cải của mình.

Đại bộ phận dân chúng khi nghe thấy thế đã bắt đầu thay đổi ý kiến, đặc biệt là khi trong dân chúng chỉ có một số ít là người Athens, phần lớn là các dân những vùng khác đến, và rất nhiều tù binh bên ngoài có quan hệ thân thích với người trong trấn. Họ thấy lời bố cáo này khá tốt đẹp so với những gì mà nỗi lo sợ đã khiến họ hình dung ra; người Athens vui sướng được ra đi vì nghĩ mình sẽ phải chịu nhiều rủi ro hơn các cư dân khác, và hơn nữa, họ không cho rằng sẽ sớm có cứu viện, và dân chúng nói chung hài lòng về việc được phép giữ nguyên quyền công dân của họ, và về việc bất ngờ được giải thoát khỏi mối nguy hiểm này. Những người ủng hộ Brasidas giờ đây công khai tán thành cách giải quyết này, khi thấy rằng tình cảm của dân chúng đã thay đổi, và rằng dân chúng không còn lắng nghe viên tướng Athens đang hiện diện tại đây nữa; vậy là việc đầu hàng được tiến hành và Brasidas đã được dân này tiếp đón vào trấn dựa trên các điều kiện trong lời bố cáo của ông. Theo cách đó họ đã giao nộp trấn này cho Brasidas, và vào cuối ngày hôm đó khi Thucydides cùng các chiến thuyền của ông ta vào

cảng Eion thì Brasidas vừa mới chiếm được Amphipolis và đang chuẩn bị chiếm Eion nội trong đêm ấy: nếu những chiến thuyền kia đến cứu viện chậm trễ hơn thì đến sáng cảng này đã là của ông ta rồi.

Sau khi cập bến Thucydides thiết lập trật tự tại Eion nhằm bảo vệ trấn này khỏi bất cứ cuộc tấn công nào của Brasidas ngay lúc ấy hoặc về sau, và tiếp nhận những người đã quyết định từ nội địa^[31] ra đây theo các điều khoản đã được thoả thuận. Trong khi đó Brasidas xuất kỳ bất ý đem một số thuyền nhỏ xuôi dòng đến Eion để xem có thể chiếm được vị trí chạy từ thành lũy ra bên ngoài hay không, nếu chiếm được sẽ kiểm soát được lối vào cảng; đồng thời ông cũng thử tấn công nó trên bộ, nhưng bị đánh lui cả trên hai mặt và phải tạm bằng lòng với việc sắp đặt mọi việc ở Amphipolis và vùng lân cận. Myrcinus^[32], một trấn của Edonia, cũng đã theo về với Brasidas; vua của dân Edonia là Pittacus đã bị các con trai của Goaxis và chính hoàng hậu của ông ta là Brauro sát hại; thành Galepsus^[33] và thành Oesime^[34], những thuộc địa của Thasos, không lâu sau cũng noi gương Myrcinus. Perdiccas cũng đến ngay sau khi Brasidas lấy được những thành đó và tham gia sắp đặt công việc ở đây.

Tin Amphipolis đã lọt vào tay địch gây ra một nỗi lo ngại lớn ở Athens. Không chỉ vì trấn này có giá trị về lượng gỗ nó cung cấp để đóng thuyền, cùng với tiền bạc nó cống nạp mà còn vì cho dù đoàn hộ tống của Thessali đã cho quân Lacedaemon một phương tiện để với tới các xứ liên minh của Athens xa mãi đến tận sông Strymon, nhưng chừng nào họ còn chưa làm chủ cây cầu, lại thêm bị những con thuyền ga-lê của Athens rình rập về phía Eion, và trên bộ thì bị ngăn trở bởi một hồ nước vừa rộng vừa dài do nước từ con sông tạo nên, thì họ chẳng thể tiến xa hơn nữa. Trái lại, con đường giở đây dường như đã mở ra với họ. Cũng có cả nỗi sợ rằng các xứ đồng minh sẽ nổi dậy, do sự ôn hoà mà Brasidas thể hiện trong mọi hành vi ứng xử của ông, và do các bố cáo mà ông tuyên ra khắp nơi rằng ông được cử đến để giải phóng dân Hy Lạp. Những trấn phụ thuộc của Athens, khi nghe tin chiếm giữ cùng những điều khoản kèm theo, và về tính khoan hoà của Brasidas, đều cảm thấy nguồn khích lệ mạnh mẽ nhất để thay đổi vị thế của

mình, và họ bí mật nhắn tin cho ông, nài xin ông đến với họ; mỗi trấn đều mong là trấn đầu tiên nổi dậy. Quả tình việc nổi dậy có vẻ như chẳng nguy hiểm gì; sai lầm của họ trong việc họ ước lượng sức mạnh của Athens cũng lớn y như cái sức mạnh đó về sau hóa ra là rất lớn, và sự xét đoán của họ đã dựa trên lòng mong muốn mù quáng hơn là trên bất kỳ tiên liệu hợp lý nào; bởi thói quen của con người là gửi gắm những gì mà họ mong ước vào niềm hy vọng bất cần, và dùng lý do độc đoán để gạt sang một bên những điều họ không mong muốn. Và lại, cú đòn khốc hại mà người Athens vừa hứng chịu tại Boeotia, được bồi thêm bằng những tuyên bố dù không thật nhưng rất cảm dỗ của Brasidas rằng quân Athens không dám mạo hiểm giao chiến với một đạo quân đơn độc của ông tại Nisaea, đã khiến những xứ đồng minh đó tự tin, và khiến họ tin rằng Athens sẽ không cử lực lượng nào đi đánh họ. Trên hết là mong muốn làm cái việc mà họ thích thú ngay lúc này, và cơ hội để họ thấy quân Lacedaemon sục sôi nhiệt huyết khi khởi sự, khiến họ háo hức muốn mạo hiểm. Thấy vậy, người Athens đã cử những đơn vị đồn trú đến các trấn khác nhau, xa hết mức có thể trong một thời gian ngắn và ngay lúc mùa đông tháng giá; trong khi đó Brasidas gửi tin báo về Lacedaemon yêu cầu quân tăng viện, và ông tự mình chuẩn bị cho việc đóng thuyền ga-lê ở Strymon. Người Lacedaemon tuy vậy không gửi cho ông một tên quân tăng viện nào, phần vì lòng đố kỵ của một số nhà lãnh đạo, phần khác vì họ thiên về việc đòi lại những tù binh trên đảo và kết thúc chiến tranh.

Cùng mùa đông đó người Megara đã chiếm và san thành bình địa bức tường thành do quân Athens chiếm giữ; và Brasidas sau khi chiếm được Amphipolis đã tiến quân cùng các đồng minh đánh Acte, một mũi đất nhô ra từ con kênh của Nhà Vua^[35], cong lẹm vào bên trong và kết thúc tại Athos, một ngọn núi sừng sững nhìn ra phía biển Aegea. Trên mũi đất này có nhiều trấn, trong đó có Sane, một thuộc địa của Andros, gần con kênh, và quay mặt ra biển về hướng Euboea; những trấn khác là Thyssus, Cleone, Acrothoi, Olophyxus và Dium^[36], cư dân là những sắc tộc man di ở lẫn với nhau nói bằng cả hai thứ tiếng^[37]. Cũng có một ít dân Chalcis, nhưng phần lớn là dân Tyrrheno-Pelasgi^[38] đã có thời từng định cư ở Lemnos và Athens, và dân Bisaltia, dân Crestonia, dân Edonia; những trấn này đều là trấn nhỏ.

Hầu hết họ đều theo Brasidas; nhưng Sane và Dium không nhượng bộ và đành trông đất đai của họ bị ông và đạo quân của ông cướp phá.

Khi thấy họ không chịu quy thuận, ông bèn lập tức tiến quân đánh Torone^[39] ở Chalcidice, nơi được một đơn vị đồn trú của Athens canh giữ, do ông được một số người đang rắp ranh giao nộp trấn đó mời đến. Đến nơi trong đêm tối ngay trước bình minh, Brasidas hạ trại cùng đạo quân gần ngôi đền thờ Dioscuri, cách thành chừng hơn một phần tư dặm. Những cư dân khác ở trấn Torone và đơn vị đồn trú Athens không hay biết rằng ông đang tiến đến gần; nhưng những kẻ ủng hộ khi biết ông đang đến (một vài người trong số đó đã bí mật ra ngoài để gặp ông) đang trông chừng ông tới, và ngay khi biết ông đã tới liền đón bảy người vũ trang nhẹ với dao găm do Lysistratus người Olynthus chỉ huy vào trấn, chỉ có bảy người này trong số hai mươi người được lệnh đi làm nhiệm vụ dảm vào. Những người này vượt qua đoạn thành lũy phía biển mà không bị phát hiện, họ trèo lên hạ sát toán lính gác đóng ở vị trí cao nhất trong trấn, trên một ngọn đồi, và phá cổng hậu về phía Canastraeum^[40] để lấy lối vào.

Brasidas trong lúc đó đã tiến đến gần hơn chút ít và rồi dừng lại cùng đội quân chủ lực, cử một trăm quân đeo khiên tiên phong để sẵn sàng xung trận, ngay khi một cánh cổng mở toang và lửa hiệu được đốt lên như đã thoả thuận. Sau một lúc trong chờ đợi và băn khoăn về sự chậm trễ, những quân đeo khiên tiến dần đến gần thị trấn hơn. Những người Torone bên trong tham gia với nhóm bảy người đột nhập vào trước lúc này đã phá cổng hậu và mở các cánh cổng dẫn vào khu họp chợ bằng cách chặt đứt các then cài cổng, rồi trước hết đưa theo một số quân đi vòng và dẫn họ vào qua cửa hậu, nhằm gây hoảng loạn cho dân trong trấn đang bàng hoàng bằng cách bất ngờ tấn công từ đằng sau và từ hai bên cùng lúc; sau đó họ đốt lửa làm hiệu như đã thoả thuận, và cho số quân đeo khiên còn lại vào qua các cổng chợ.

Brasidas nhìn thấy lửa hiệu bèn lệnh cho quân tiến lên, và ông xông lên dẫn trước giữa tiếng reo hò của binh sĩ, tiếng reo hò vang dậy đã gieo nỗi kinh hoàng vào dân nội trấn đang sửng sốt. Một số quân xộc thẳng qua cổng, số khác vào bằng một vài tấm ván gỗ đặt dựa vào thành lũy (thành lũy này

đã bị đổ và đang được xây dựng lại) dùng để kéo đá lên; Brasidas và đại bộ phận quân số tiến thẳng lên dốc đến nơi cao hơn của trấn, để từ trên cao đánh chiếm xuống dưới, và đánh dứt điểm, trong khi số quân còn lại chạy tản ra tất cả các hướng.

Trấn này đã bị chiếm đoạt trước khi phần đông dân chúng ở Torone kịp trấn tĩnh lại sau cơn sửng sốt và bối rối; nhưng những kẻ âm mưu và những công dân về phe họ đã ngay lập tức tham gia cùng quân xâm lăng. Khoảng năm mươi bộ binh hạng nặng người Athens tình cờ đang ngủ tại khu họp chợ khi hiệu lệnh báo động đến chỗ họ. Một vài người bọn họ bị giết trong khi giao chiến, số còn lại chạy trốn, một số theo đường bộ, số khác chạy đến hai chiếc thuyền đang làm nhiệm vụ canh gác tại đó, và ẩn náu ở Lecythus, một pháo đài do quân Athens nắm giữ ở góc trấn chạy thông ra biển và bị cắt ngang bởi một eo đất hẹp; nơi đây những người Torone thuộc phe họ đã đến nhập với họ.

Bình minh ló rạng, và khi đã nắm chắc trấn này trong tay, Brasidas đưa ra một bố cáo cho những người Torone đã ẩn náu với quân Athens, rằng tất cả những ai muốn về hãy ra khỏi đó để trở về nhà mình mà không phải lo sợ về các quyền hay nhân thân của mình, và phái một viên sứ truyền tin đi kêu gọi quân Athens chấp nhận một thoả thuận tạm đình chiến, và triệt thoái khỏi Lecythus cùng với của cải của họ, bởi đó là đất của dân Chalcis. Quân Athens từ chối đề nghị này, nhưng yêu cầu tạm đình chiến trong một ngày để thu nhặt xác binh lính của họ. Brasidas đồng ý cho họ hai ngày, quãng thời gian này ông dùng để củng cố phòng vệ cho những ngôi nhà gần đó, và quân Athens cũng làm như vậy với các vị trí của họ. Trong khi đó Brasidas triệu tập một cuộc họp với người Torone, và nói chính những điều ông đã nói tại Acanthus, ấy là, họ không nên coi những người đã dàn xếp với ông việc chiếm trấn này là những người xấu hay những kẻ phản bội, bởi những người này không làm điều đó vì những động cơ trục lợi xấu xa hay nhằm nô dịch trấn này, mà vì lợi ích và tự do của Torone; còn những người đã không tham gia vào kế hoạch này cũng đừng nghĩ rằng họ sẽ không được hưởng thành quả của nó một cách công bằng, bởi vì ông không đến để huỷ hoại dù là thành này hay cá nhân nào. Đây là lý do mà ông bố cáo với những người

đã chạy trốn đến chỗ quân Athens: ông không coi ai là kẻ xấu vì tình bạn của họ với người Athens; ông tin rằng chỉ cần họ thử trải nghiệm với người Lacedaemon là họ cũng sẽ quý y như vậy, hay thậm chí còn quý hơn thế nhiều, bởi người Lacedaemon hành động một cách chính đáng hơn: chính vì họ chưa thử nên lúc này họ thấy sợ người Lacedaemon. Nhưng đồng thời ông cũng cảnh báo tất cả bọn họ phải sẵn sàng để trở thành những đồng minh trung thành và phải chịu trách nhiệm với mọi lỗi lầm trong tương lai: về quá khứ, không phải họ đã làm điều sai trái với người Lacedaemon mà chính là họ đã bị dẫn dắt vào con đường sai trái bởi những kẻ khác quá mạnh so với họ, và dù họ có tỏ ra chống đối ông thế nào trong quá khứ đều có thể được tha thứ.

Khích lệ họ với diễn từ này rồi, ngay khi thoả thuận tạm đình chiến hết hạn Brasidas đã tấn công Lecythus; quân Athens chống giữ sau một bức thành lũy sơ sài và sau một số ngôi nhà có tường rào chắn. Cả ngày hôm ấy họ đã đánh bật được ông ra; ngày tiếp đó quân địch chuẩn bị mang đến một cỗ máy dùng để phóng hỏa vào những hàng rào phòng thủ bằng gỗ, và binh lính đã kéo đến vị trí mà họ nghĩ là tốt nhất để đặt cỗ máy, và là nơi dễ bị tấn công nhất; trong khi đó quân Athens dựng một toà tháp gỗ trên nóc một ngôi nhà đối diện, rồi mang lên đó nhiều vò, thùng chứa nước cùng những tảng đá lớn, và cũng rất nhiều người leo lên đó. Ngôi nhà bị chất tải quá nặng thành linh sập đánh rầm một tiếng; cảnh ấy khiến những người đang ở gần trông thấy thì bực mình hơn là sợ hãi; nhưng những kẻ không ở gần, và còn nhiều những kẻ ở chỗ xa khuất hẳn, lại nghĩ nơi đó đã bị chiếm vào đúng lúc ấy, bèn vội tháo chạy ra biển và ra những con thuyền.

Brasidas, quan sát thấy họ đang bỏ chạy khỏi tường rào và thấy những gì đang diễn ra, đã xông lên trước cùng binh lính của mình, và ngay lập tức chiếm lấy pháo đài, giết tất cả những kẻ ông gặp bên trong đó. Quân Athens đã triệt thoái khỏi nơi đó theo cái cách như thế này, họ đã vượt biển bằng thuyền nhỏ và chiến thuyền sang Pallene. Bấy giờ họ thấy một ngôi đền thờ nữ thần Athene tại Lecythus, và trước đó Brasidas đã tuyên bố ngay khi bắt đầu tấn công rằng ông sẽ ban thưởng ba mươi *mina* bạc cho người đầu tiên lên được tường thành. Giờ đây khi cho rằng việc đánh chiếm hầu như không

do công sức con người, ông dâng ba mươi đồng *mina* đó lên nữ thần để cung tiến cho ngôi đền ấy, và san Lecythus thành bình địa, và biến toàn bộ nơi này thành thánh địa. Quảng thời gian còn lại trong mùa đông ông đã dành để ổn định những nơi đã nằm trong tay mình, và đổ mưu lập kế với những nơi còn lại; và cùng với sự kết thúc của mùa đông này năm thứ tám của cuộc chiến cũng kết thúc.

Vào mùa xuân của mùa hạ kế tiếp^[41], người Lacedaemon và người Athens đã đình chiến trong một năm; người Athens thì nghĩ rằng họ sẽ vì thế mà có thời gian rảnh rỗi để thực hiện các biện pháp đề phòng trước khi Brasidas có thể gây thêm một cuộc nổi dậy ở bất kỳ trấn nào của họ, và cũng có thể ký kết một hoà ước chung nếu họ thấy là thích hợp; người Lacedaemon thì suy đoán được những lo sợ thực sự của người Athens, và nghĩ rằng khi đã được nếm trải một thời gian nghỉ ngơi sau bao phiền muộn và đau khổ họ sẽ sẵn sàng đồng ý hoà giải hơn, và trao trả tù binh, và ký một hoà ước mới cho một thời kỳ lâu dài hơn. Chủ ý của người Lacedaemon là lấy lại được những người của họ đang bị giam giữ trong lúc vận may của Brasidas vẫn còn: chiến thắng thêm nữa có thể khiến chiến cục ở Chalcidice bớt chênh lệch, nhưng họ vẫn có thể bị mất những người của họ đang bị giam giữ, và ngay cả ở Chalcidice họ mới chỉ là một địch thủ ngang tầm với Athens và chẳng có gì đảm bảo là họ sẽ thắng. Một tạm ước vì thế đã được Lacedaemon cùng những đồng minh của mình ký kết [với Athens] theo các điều khoản sau:

1. Về ngôi đền và là nơi xin lời tiên tri của thần Apollo Python^[42], chúng tôi cùng đồng thuận rằng bất kỳ ai đều có quyền đến đó theo tập quán của tổ tiên mình mà không bị lừa bịp hay phải sợ hãi. Người Lacedaemon và các đồng minh của mình hiện diện tại đây nhất trí với điều này, và hứa sẽ gửi sứ truyền tin đến Boeotia và Phocis, và cố gắng hết sức để thuyết phục họ cũng đồng ý như vậy.
2. Về kho báu của thần Apollo, chúng tôi nhất trí sẽ gắng sức mình để phát hiện ra mọi kẻ tham ô, nghiêm túc và trung thực noi theo tục lệ của tổ tiên chúng tôi; chúng tôi và các người và tất cả những dân khác

sẵn lòng làm như vậy, tất cả đều noi theo tục lệ của tổ tiên chúng ta. Về những điểm này người Lacedaemon và các đồng minh khác đều nhất trí như đã nói.

3. Về những điểm sau đây, người Lacedaemon và các đồng minh khác nhất trí, nếu người Athens ký kết một hiệp ước, mỗi xứ chúng ta sẽ giữ nguyên trong lãnh thổ của mình, đồng thời vẫn giữ lại những lãnh thổ mà mỗi bên đã giành được: quân đồn trú tại Coryphasium^[43] sẽ chỉ giữ ở trong vùng đồi núi giữa Buphras và Tomeus^[44]; quân đồn trú ở Cythera không có giao thiệp với các đồng minh trong khối liên minh Peloponnese, chúng tôi không giao thiệp với họ, họ cũng không giao thiệp với chúng tôi; quân đồn trú ở Nisaea và Minoa sẽ không vượt qua con đường từ các cổng đền Nisus đến cổng đền Poseidon và từ đó thẳng đến cây cầu ở Minoa; quân Megara và các quân đồng minh cũng vậy, đều không được vượt qua con đường này, và người Athens giữ hòn đảo họ đã chiếm, cả hai bên sẽ không có bất kỳ sự giao thiệp nào; về trận Troezen, mỗi bên sẽ giữ phần mình có, và theo những gì đã thoả thuận với người Athens.
4. Đối với quyền đi lại trên biển, trong vùng bờ biển của riêng mình và bờ biển của liên minh mình, người Lacedaemon và các đồng minh của mình có thể đi lại ở đó bằng mọi loại thuyền sử dụng mái chèo và trọng tải không vượt quá năm trăm talăng, không phải là chiến thuyền.
5. Tất cả các sứ truyền tin và các sứ bộ với số lượng tùy tùng không hạn chế, để chấm dứt chiến tranh và giải quyết các yêu sách, sẽ có quyền tự do đi lại giữa Peloponnese và Athens bằng đường bộ và đường biển.
6. Trong thời gian đình chiến, những kẻ đào tẩu bất kể là nô lệ hay tự do đều không được tiếp nhận dù bởi các người, hay bởi chúng tôi.
7. Thêm vào đó, các người sẽ phải ửng thuận với chúng tôi và chúng tôi sẽ phải ửng thuận với các người theo luật pháp chung của các xứ chúng ta, rằng mọi tranh chấp sẽ được giải quyết bằng luật mà không sử dụng đến hành động chiến tranh.
8. Người Lacedaemon và các đồng minh tán thành các điều khoản này; nhưng nếu các người có bất cứ điều khoản nào công bằng hay chính

đáng hơn để đề xuất, hãy đến Lacedaemon và cho chúng tôi biết: bất kể là điều khoản nào mà chính đáng đều sẽ không bị người Lacedaemon hay các đồng minh phản đối. Nhưng hãy cử những người có đầy đủ thẩm quyền đến đó, như các người cũng muốn thế từ phía chúng tôi. Thời hạn đình chiến sẽ là một năm.

[Hiệp ước này] đã được nhân dân [Athens] phê chuẩn.

Thị tộc Acamantis^[45] đang trong nhiệm kỳ *prytany*^[46], Phoenippus là thư ký, Niciades là chủ tịch. Tướng quân Laches đã đề nghị, vì cơ hội may mắn của người Athens, rằng họ nên ký kết tạm ước ấy theo những điều khoản mà người Lacedaemon và các đồng minh kia đã đồng thuận. Ý lời ông ta hội nghị công dân đã đồng thuận rằng tạm ước sẽ có thời hạn một năm, bắt đầu tính từ ngày hôm đó, là ngày thứ mười bốn tháng Elaphebolion^[47]; trong thời gian này các sứ giả và các sứ truyền tin sẽ qua lại giữa hai thành bang để thương thảo những nguyên tắc cơ bản của một bản hoà ước. Rằng các tướng lĩnh và các *Prytanis* sẽ phải triệu tập một cuộc hội nghị công dân, trong đó người Athens sẽ thảo luận trước hết là về hiệp ước hoà bình, và về cách thức theo đó sứ bộ đến để thương thảo vấn đề chấm dứt cuộc chiến sẽ được chấp nhận. Rằng sứ bộ bấy giờ đang hiện diện tại đó sẽ lập tức cam kết trước dân chúng là sẽ giữ cho tạm ước này được thực hiện đúng và nghiêm túc trong một năm.

Theo các điều khoản đó người Lacedaemon đã ký kết tạm ước với người Athens và các đồng minh của họ vào ngày thứ mười hai tháng Gerastius^[48] theo lịch Sparta; các đồng minh cũng tuyên thệ. Những người đã ký kết và rót rượu thề gồm Taurus con trai của Echetimides, Athenseus con trai của Pericleidas, và Philocharidas con trai của Eryxidaidas, người Lacedaemon; Aeneas con trai của Ocytus và Euphamidas con trai của Aristonymus, người Corinth; Damotimus con trai của Naucrates và Onasimus con trai của Megacles, người Sicyon; Nicasus con trai của Cecalus và Menecrates con trai của Amphidorus, người Megara; và Amphias con trai của Eupaidas, người Epidaurus; và các tướng quân Athens Nicostratus con trai của Diitrephes, Nicias con trai của Niceratus và Autocles con trai của Tolmaeus.

Tạm ước ấy là như vậy, và trong suốt thời gian đình chiến đã liên tục diễn ra các hội nghị với chủ đề về một bản hoà ước.

Trong những ngày mà hai bên đang qua lại với các hội nghị này, Scione^[49], một trấn ở Pallene, đã nổi loạn chống Athens, và chạy sang theo Brasidas. Dân Scione nói rằng họ là dân gốc Pallene từ Peloponnese đến, và rằng những người đầu tiên sáng lập ra trấn của họ trên chuyến hải hành từ Troy trở về đã bị dạt vào đây vì cơn bão mà quân Achaea gặp phải, và đã định cư ở đó. Ngay khi dân Scione vừa nổi dậy, Brasidas đã vượt biển đến Scione trong đêm, với một thuyền ga-lê thân thiện đi trước và ông đi một chiếc thuyền nhỏ một quãng phía sau; ý định của ông là nếu ông tình cờ đụng đầu một thuyền chiến lớn hơn con thuyền của mình thì ông sẽ được con thuyền ga-lê kia bảo vệ, trong khi một con thuyền xứng tầm với chiếc ga-lê chắc sẽ bỏ qua con thuyền nhỏ mà tấn công thuyền lớn, và vì vậy sẽ cho ông thời gian để chạy thoát. Chuyến đi suôn sẻ, ông mời dân Scione đến họp với mình và phát biểu đúng những lời đã nói tại Acanthus và Torone, lại thêm rằng họ xứng đáng nhận được lời khen ngợi cao nhất, khen rằng, mặc dù Pallene phía bên trong eo đất bị tách rời bởi cuộc chiếm đóng của quân Athens tại Potidaea và bất chấp vị trí hầu như bị tách biệt chẳng khác gì một hải đảo của họ, họ vẫn để ý chí tự do của mình tiến lên đón nhận quyền tự do của mình thay vì chờ đợi một cách sợ sệt cho đến khi bị bạo lực buộc phải chấp nhận vì lợi ích hiển nhiên của mình. Đây là một dấu hiệu cho thấy họ sẽ can trường trải qua bất cứ thử thách nào, dù lớn đến đâu; và nếu ông có thể sắp đặt được mọi việc đâu vào đấy như đã dự định, ông sẽ coi họ là một trong số những người bạn đáng tin cậy nhất và chân thành nhất của người Lacedaemon và sẽ tôn vinh họ bằng mọi cách.

Dân Scione phấn khích bởi những lời của ông, và thậm chí những kẻ ban đầu không đồng tình với những việc đã làm nhưng khi thấy được sự tự tin của vị tướng này, họ quyết định tiến hành cuộc chiến một cách hăng hái nhất, và chào đón Brasidas với tất cả lòng kính trọng, công chúng đội cho ông một chiếc vương miện bằng vàng như người giải phóng Hy Lạp; trong khi rất nhiều cá nhân xúm quanh ông và tô điểm cho ông bằng những tràng

hoa như thế ông là một vận động viên. Lúc ấy Brasidas đã tạm để lại cho họ một đơn vị đồn trú và vượt biển trở về, và không lâu sau gửi đến một lực lượng lớn hơn, dự định với sự giúp đỡ của dân Scione ông sẽ tấn công Mende và Potidaea trước khi quân Athens kịp đến; ông cho rằng Scione quá giống một hòn đảo nên Athens sẽ không thể không cứu giữ nó. Thêm vào đó ông đã có tin mật báo ở các trấn nói trên về việc họ làm nội phản.

Giữa lúc ông đang lập mưu tính kế về các trấn như trên vừa kể, một con thuyền ga-lê đã đến với các đặc phái viên mang tin về tạm ước vừa ký đi khắp nơi, Aristonymus mang tin cho quân Athens và Athenseus mang tin cho quân Lacedaemon. Quân lính bấy giờ vừa vượt biển về đến Torone, và các vị đặc phái viên đó đưa cho Brasidas bản thông báo về tạm ước. Tất cả các đồng minh của Lacedaemon tại Thrace chấp nhận những gì đã được thực hiện; và Aristonymus không khó dễ gì với số còn lại, nhưng khi tính ngày tháng thì phát hiện ra rằng dân Scione đã nổi dậy sau thời điểm ký tạm ước, nên đã từ chối bao gồm họ trong tạm ước này. Về việc này Brasidas cực lực phản đối, ông khẳng định rằng cuộc nổi dậy diễn ra trước đó, và sẽ không nhường trấn này. Khi Aristonymus báo cáo trường hợp này về Athens, dân chúng lập tức chuẩn bị cử quân đi chinh phạt Scione. Trước động thái đó, phái viên từ Lacedaemon đến cho rằng đó sẽ là một hành động vi phạm hiệp ước đình chiến, và khẳng định chủ quyền đối với trấn này dựa trên niềm tin vào sự quả quyết của Brasidas, và đồng thời đề nghị đưa vấn đề ra phân xử trọng tài. Tuy nhiên, phân xử trọng tài không phải là việc người Athens muốn mạo hiểm, mà quyết tâm gửi quân đội đến nơi này ngay lập tức, và nổi giận trước ý nghĩ rằng giờ đây ngay cả những dân hải đảo cũng dám nổi loạn vì trông cậy hão huyền vào sức mạnh trên bộ của người Lacedaemon. Và lại sự thật về cuộc nổi loạn này đúng như người Athens quả quyết, dân Scione đã nổi dậy hai ngày sau tạm ước. Cleon tiếp đó đã thành công trong việc thông qua một sắc lệnh để đánh dẹp và tiêu diệt dân Scione; và người Athens dùng quãng thời gian nhàn rỗi mà bấy giờ họ đang hưởng thụ để chuẩn bị cho cuộc viễn chinh.

Trong khi đó Mende nổi dậy, là một trấn ở Pallene đồng thời là một thuộc địa của Eretria, và đã được Brasidas thu nhận không hề do dự, bất chấp việc

trấn này rõ ràng là đã sang theo phe mình trong thời gian tạm ước, vì những vi phạm tạm ước nào đó mà ông viện ra để chống lại người Athens. Sự căm giận này của Mende một phần do nhận thấy Brasidas sốt sắng với vấn đề này và do những kết luận mà họ rút ra từ việc Brasidas từ chối phản bội Scione; và ngoài ra, số kẻ âm mưu ở Mende khá ít, và, như tôi đã nói, những kẻ đó đã tiến hành việc này quá lâu nên chẳng thể không sợ mình bị phát hiện, và chẳng phải không muốn ép buộc dân chúng theo mình. Tin này khiến người Athens giận dữ hơn bao giờ hết, và họ ngay lập tức chuẩn bị đi đánh cả hai trấn đó. Brasidas, lường trước việc người Athens đến, đã chuyển đàn bà con trẻ của Scione và Mende đi Olynthus ở Chalcidice, và gửi cho hai trấn đó năm trăm bộ binh hạng nặng của Peloponnese và ba trăm quân đeo khiên Chalcis, tất cả được đặt dưới quyền chỉ huy của Polydamidas.

Để lại hai trấn này cùng nhau chuẩn bị chống cuộc tiến quân nhanh chóng của Athens, Brasidas và Perdiccas bắt đầu cuộc viễn chinh chung thứ hai đến Lynceus đánh Arrhabaeus; Perdiccas cùng với các lực lượng thần dân Macedonia của ông ta, và một lực lượng bộ binh hạng nặng hợp thành từ dân Hy Lạp cư trú ở xứ này; Brasidas thì cùng với quân Peloponnese mà ông vẫn giữ bên mình và quân Chalcis, quân Acanthus, và quân từ các trấn còn lại với lực lượng theo khả năng họ có thể cung cấp. Tổng số có khoảng ba ngàn bộ binh hạng nặng người Hy Lạp, kèm theo toàn bộ kỵ binh của Macedonia cùng với kỵ binh Chalcidice, gần một ngàn quân tráng kiện, thêm vào đó là vô số quân man di. Khi đi vào xứ sở của Arrhabaeus, họ thấy rằng quân Lyncestis đã dựng trại chờ họ, và họ bèn chiếm lĩnh vị trí đối diện. Bộ binh hạng nặng của mỗi bên dàn quân trên một quả đồi, giữa họ là một khoảng đất bằng, kỵ binh của cả hai bên phi xuống đó và bắt đầu một trận kỵ chiến. Sau đó bộ binh hạng nặng của Lyncestis tiến từ phía đồi bên họ để tiếp ứng quân kỵ và nghênh chiến; thấy vậy Brasidas và Perdiccas cũng tiến quân xuống đón đầu và giao chiến, đánh tan địch quân và gây tổn thất lớn cho chúng; những quân sống sót trốn chạy lên các mỏm đồi cao và ở yên trên đó. Bên thắng trận bây giờ dựng đài chiến tích và chờ vài ba ngày để quân lính đánh thuê Illyria theo dự kiến đến nhập với quân Perdiccas. Perdiccas khi ấy mong muốn tiếp tục tiến quân và tấn công làng mạc của

Arrhabaeus, và sẽ không ngồi yên một chỗ lâu hơn nữa; nhưng Brasidas lo rằng quân Athens có thể theo đường biển đến trong lúc ông vắng mặt, và sợ rằng có chuyện xảy ra với Mende, và hơn nữa thấy rằng quân Illyria không đến, nên ông chẳng những không ủng hộ mong muốn này mà lại nóng lòng quay về.

Trong khi họ đang vì thế mà tranh cãi, có tin đến rằng quân Illyria thực ra đã phản lại Perdiccas và đã theo Arrhabaeus; và nỗi sợ tính hiếu chiến của quân Illyria khiến cả hai lúc này đều nghĩ tốt nhất là nên rút lui. Tuy nhiên, do bất đồng ý kiến, họ đã chẳng quyết định việc lúc nào họ nên khởi hành; và khi đêm vừa đến, quân Macedonia và đám đông quân man di lập tức lâm vào một trong số những cơn hoảng loạn khó giải thích mà một đạo quân lớn dễ bị lâm vào; và đĩnh ninh rằng một đạo quân đông gấp nhiều lần đạo quân vừa đến trên thực tế đang tiến đến tấn công họ, họ đột nhiên tan rã và tháo chạy theo hướng về quê xứ, và tình hình đó buộc Perdiccas, người lúc đầu còn chưa hiểu được đã xảy ra chuyện gì, ra đi mà không gặp Brasidas, do hai đạo quân lúc đó đóng trại cách nhau một quãng khá xa. Lúc ánh ngày hừng lên, Brasidas nhận thấy rằng quân Macedonia đã đi mất và quân Illyria đang cùng Arrhabaeus chuẩn bị tấn công mình, bèn dàn bộ binh hạng nặng của mình thành đội hình hình vuông, với bộ binh hạng nhẹ ở giữa, và bản thân ông cũng chuẩn bị để rút lui. Bố trí những binh lính trẻ nhất của mình để đánh ra bất cứ chỗ nào địch tấn công họ, chính Brasidas với ba trăm quân được lựa chọn đi đoạn hậu dự định vừa đánh vừa lui và đẩy lùi những đội tiên phong của quân tấn công. Trong khi đó, trước lúc quân địch đến gần, ông tìm cách nâng cao lòng dũng cảm của quân mình với những lời cổ vũ vội vàng sau:

“Hỡi binh lính Peloponnese, nếu ta không nghi ngờ các người đang mất tinh thần vì phải một mình chống đỡ cuộc tấn công của một kẻ địch đông đảo và dã man, thì ta đã chỉ nói một vài lời với các người như thường lệ mà không giải thích thêm. Bởi sự thể là, đối mặt với việc những người bạn của chúng ta đã bỏ rơi chúng ta và quân số địch đông

đến thế, ta có vài lời khuyên và thông báo, những lời mà, dù ngắn gọn như cần phải thế, ta hy vọng rằng sẽ đủ cho những vấn đề quan trọng hơn. Tính can đảm mà các người quen thể hiện trong chiến tranh không phụ thuộc vào việc các người có các đồng minh bên cạnh trong cuộc đụng độ này hay khác, mà vào bản tính dũng cảm của các người; số đông cũng chẳng thể gieo bất kỳ nỗi kinh hoàng nào cho công dân các thành bang như thành bang của các người, những thành bang mà trong đó số đông không thống trị số ít, mà là số ít thống trị số đông, có được vị thế của mình chỉ nhờ vào tính ưu việt trên chiến trường mà không vào gì khác nữa. Sự thiếu kinh nghiệm lúc này đang khiến các người sợ quân man di; tuy vậy sức mạnh mà các người đã thử nghiệm cùng quân Macedonia trong số bọn chúng, và phán đoán của riêng ta, được khẳng định bởi những gì ta nghe từ những kẻ khác, sẽ đủ để thuyết phục các người rằng chúng sẽ chẳng tỏ ra là đáng sợ. Khi một kẻ địch tỏ vẻ là mạnh nhưng thực tế là yếu, thì hiểu biết thật sự về thực tế này sẽ khiến đối thủ của chúng táo bạo hơn, cũng giống như một địch thủ đáng sợ sẽ bị những kẻ không hiểu rõ hẳn đối mặt một cách tự tin nhất. Vì vậy kẻ địch hiện giờ có thể khiến một trí tưởng tượng thiếu kinh nghiệm khiếp sợ; chúng chỉ đáng sợ vì nhìn bề ngoài chúng rất đông, tiếng hò hét rầm rĩ của chúng đình tai nhức óc và vũ khí của chúng vung lên trong không khí có vẻ hăm dọa. Nhưng đến khi chiến đấu thực thụ với một địch thủ vững như bàn thạch, thì thực chất chúng chẳng phải như mẽ ngoài của chúng; chúng không có hàng ngũ quy củ để thấy khổ nhục vì bỏ vị trí chiến đấu khi bị đánh ép mạnh; tháo chạy và tấn công đối với chúng cũng đều danh dự như nhau, và không chịu nổi thử thách về lòng dũng cảm; phương thức chiến đấu độc lập của chúng chưa bao giờ để bất kỳ kẻ nào muốn bỏ chạy thiếu một lý do hợp lý để làm thế. Nói tóm lại, chúng nghĩ rằng đe dọa các người ở một khoảng cách an toàn là một cuộc đấu chắc chắn hơn là giáp mặt tay đôi với các người; bằng không chúng đã xông lên giáp chiến chứ chẳng dậm dọa từ xa thế kia. Như vậy các người có thể thấy rõ những ấn tượng kinh hoàng chúng gây ra ban đầu trên thực tế khá là tầm thường, mặc dù đập ngay vào tai vào

mắt người ta. Vì thế hãy giữ vững trận thế của các người khi chúng tiến lên, và một lần nữa chờ đến cơ hội của mình để rút lui trong trật tự, và các người tất cả sẽ sớm đến được vị trí an toàn, và cho đến mãi về sau sẽ luôn nhớ rằng cái đám đông ô hợp như đám quân này, với những người chống chịu đợt tấn công đầu tiên của chúng thì chúng chỉ khoe cái mẽ dũng cảm của mình bằng việc đe dọa những điều ghê gớm mà chúng định làm từ tận đằng xa, nhưng với những ai lùi bước trước chúng thì chúng sẽ rất nhanh chóng thể hiện thái độ anh hùng của mình trong việc truy đuổi một khi chúng có thể truy đuổi mà không bị nguy hiểm.”

Với diễn từ ngắn gọn đó Brasidas bắt đầu lui quân. Thấy vậy, quân man di tiến đến trong tiếng la hét và reo hò náo loạn, nghĩ rằng ông đang tháo chạy và rằng chúng sẽ bắt kịp và kết liễu ông. Nhưng ở bất cứ chỗ nào chúng nhằm vào chúng cũng thấy những binh lính trẻ sẵn sàng xông ra phản kích, trong khi Brasidas và toán quân chọn lọc theo ông đã chống đỡ được đợt công kích của chúng. Như vậy quân Peloponnese đã trụ vững được sau đợt tấn công đầu tiên trước sự ngạc nhiên của quân địch, và sau đó nghênh chiến và đẩy lùi chúng ngay khi chúng vừa tiến đến, và rút lui ngay khi địch đứng yên. Bộ phận chủ lực của đạo quân man di vì vậy đã ngừng quấy rối quân Hy Lạp của Brasidas ở vùng đất trống trải, và để lại một số quân để quấy rối cuộc hành quân của họ, số còn lại tiếp tục đuổi theo quân Macedonia đang tháo chạy, hạ sát những kẻ chúng đuổi kịp, và vì thế đã kịp đến để chiếm giữ con đường hẹp giữa hai ngọn đồi dẫn vào xứ sở của Arrhabaeus. Chúng biết rằng đây là con đường duy nhất để rút lui của Brasidas, và lúc bây giờ bắt đầu bao vây ông ngay khi ông lọt vào chỗ khó đi qua được nhất của con đường, hòng tiêu diệt ông.

Brasidas nhận thấy ý định của chúng bèn lệnh cho ba trăm quân của mình tiếp tục chạy không cần hàng ngũ, mỗi người đều chạy nhanh hết sức mình, đến ngọn đồi có vẻ dễ chiếm nhất, và cố gắng đánh bật những quân man di đã lên đó trước khi chúng hợp được với quân chủ lực của chúng đang siết

vòng vây quanh ông. Toán ba trăm quân này đã tấn công và chế ngự được quân địch trên đồi, và đội quân chủ lực của Hy Lạp bấy giờ tiến về phía ngọn đồi đã bớt khó khăn hơn – quân man di kinh sợ khi thấy người của chúng bên phía đó bị đánh bật từ trên cao xuống và không đuổi theo đội quân chủ lực của địch nữa, chúng tưởng đội quân chủ lực đó đã ra đến biên giới và đã tẩu thoát. Một khi đã chiếm được các cao điểm, Brasidas kéo quân đi tiếp an toàn hơn, và trong cùng ngày đã đến được Arnisa^[50], là trấn đầu tiên thuộc lãnh thổ của Perdiccas. Binh lính, điên tiết vì sự đào ngũ của quân Macedonia, đã trút giận lên tất cả những con bò bị đóng ách mà họ thấy trên đường đi, và vào bất kỳ thứ quân trang quân dụng nào bị vứt bỏ tứ tung (như vẫn thường thấy trong cơn hoảng loạn của một cuộc rút chạy ban đêm), bằng cách tháo ách bò, làm thịt lũ gia súc đó và tự lấy quân trang quân dụng để dùng. Từ giờ phút ấy Perdiccas bắt đầu coi Brasidas như kẻ thù và đối với quân Peloponnese ông ta cảm thấy một nỗi căm ghét không hề thích hợp với một kẻ đang đối địch với Athens. Thế nhưng, Perdiccas đã từ bỏ những lợi ích vốn có của mình và biến căm thù thành nỗ lực để thoả hiệp với người Athens và trừ khử Brasidas.

Khi từ Macedonia về đến Torone, Brasidas thấy quân Athens đã chiếm được Mende, và ông án binh bất động tại đó, nghĩ rằng lúc này mình không đủ lực để vượt biển sang Pallene và hỗ trợ Mende, nhưng ông vẫn canh phòng chặt Torone. Khoảng cùng thời gian diễn ra chiến dịch tại Lynceus, quân Athens đã lên thuyền làm cuộc viễn chinh mà chúng ta đã đề cập đến đoạn họ chuẩn bị đi đánh Mende và Scione, với năm mươi chiến thuyền, mười trong số đó là của Chios, một ngàn bộ binh hạng nặng của Athens và sáu trăm cung thủ, một trăm lính đánh thuê từ Thrace và một số quân đeo khiên lấy từ những xứ liên minh lân cận, dưới quyền chỉ huy của Nicias con trai của Niceratus, và Nicostatus con trai của Diitrephes. Nhổ neo từ Potidaea, hạm đội này đổ bộ trước đền thờ thần Poseidon, và tiến đánh Mende; dân trấn này, được tăng cường bởi ba trăm quân Scione, cùng với quân Peloponnese trợ chiến, tất cả bảy trăm bộ binh hạng nặng, dưới quyền chỉ huy của Polydamidas, dựng trại trên một ngọn đồi hiểm trở bên ngoài trấn. Nicias cùng một trăm hai mươi bộ binh hạng nhẹ người Methone^[51], sáu

mười binh lính chọn lọc từ bộ binh hạng nặng Athens và tất cả các cung thủ cố gắng tiếp cận quân địch theo một con đường mòn chạy lên đồi, nhưng ông ta bị một vết thương và thấy mình không thể đánh chiếm vị trí này; trong khi đó Nicostratus với tất cả số quân còn lại tiến lên ngọn đồi, nơi địa hình vốn dĩ khó leo, bằng một con đường khác xa hơn, đã bị rơi vào tình trạng hoàn toàn hỗn loạn; và toàn bộ đội quân Athens thoát khỏi chiến bại trong gang tấc. Ngày hôm đó, do quân Mende và đồng minh của họ không có dấu hiệu đầu hàng, quân Athens rút lui và hạ trại, và quân Mende khi trời tối đã trở về trấn.

Ngày hôm sau quân Athens bơi thuyền vòng sang phía Scione, và chiếm vùng ngoại ô, cướp bóc trong xứ sở này suốt một ngày mà không ai ra đánh lại họ, một phần vì những bất ổn nội bộ trong trấn này; và đêm hôm sau ba trăm quân Scione đã trở về trấn nhà. Vào ngày hôm sau Nicias đem một nửa quân số đến biên giới của Scione và tàn phá vùng này; trong khi Nicostratus với số quân còn lại hạ trại vây trước trấn gần cổng vào phía thượng trấn trên con đường đi Potidaea. Lực lượng Mende và quân trợ chiến Peloponnese bên trong thành lũy tình cờ đồn lại ở chỗ đó, vì vậy từ nơi này Polydamidas bắt đầu kéo họ ra trận, đồng thời cổ vũ dân Mende xông ra phá vây. Vào lúc ấy một người bên phe dân chúng trả lời anh ta với giọng bè phái rằng họ sẽ không ra ngoài và không muốn chiến tranh, và bởi câu trả lời như vậy người này đã bị tóm tay lôi ra và bị Polydamidas đánh tàn bạo. Đến đây thì dân chúng tức giận lập tức nắm lấy vũ khí và xông vào tấn công quân Peloponnese và đồng minh của quân này là phe đối lập. Binh lính bị tấn công như vậy đã lập tức bị đánh chạy tan tác, phần vì sự bất ngờ của cuộc xung đột và phần vì sợ cổng thành sẽ bị mở cho quân Athens, bởi những kẻ mà họ tưởng rằng cuộc tấn công này đã được dàn xếp phối hợp với chúng.

Bao nhiêu kẻ không bị giết tại chỗ đều chạy vào ẩn bên trong thành lũy, nơi họ đã nắm giữ từ trước; và toàn bộ quân Athens, vì Nicias lúc này đã quay lại và ở ngay gần thành này, bèn xông vào Mende, nơi đã mở toang các cổng mà không có thoả thuận ngầm nào, và cướp phá như thể quân ấy đã chiếm nơi này bằng một cuộc tấn công ồ ạt, các tướng lĩnh thậm chí phải khó khăn mới kiềm chế được binh lính không cho thăm sát cả cư dân. Sau

đó quân Athens bảo dân Mende rằng họ vẫn được giữ quyền công dân của mình, và họ hãy tự xử trí những kẻ được cho chủ mưu nổi loạn; và quân này cô lập toán quân trong thành nội bằng cách xây một bức thành lũy chạy xuống tận biển về cả hai phía, rồi cắt đặt binh lính để duy trì việc phong tỏa. Sau khi đã chiếm được Mende bằng cách đó, quân Athens tiếp tục tiến đánh Scione.

Quân Scione và quân Peloponnese đã tiến ra khỏi trấn để nghênh địch, họ chiếm đóng một ngọn đồi hiểm yếu trước mặt trấn, là vị trí quân địch sẽ phải chiếm được trước mới có thể bao vây trấn này. Quân Athens tấn công ồ ạt lên đồi, đánh bại và đuổi được quân chiếm đóng ở đó, và sau khi dựng trại, lập đài chiến tích ở đây, họ chuẩn bị xây lũy giữ trại. Không lâu sau khi quân Athens khởi công xây lũy, số quân trợ chiến bị vây hãm trong thành nội của Mende đã đánh lấy đường vượt qua trạm gác bên bờ biển và đến được Scione trong đêm, nơi phần lớn bọn họ đã vào được trong trấn, vượt qua vòng vây của địch.

Trong khi cuộc bao vây Scione đang diễn tiến, Perdiccas cử một viên sứ truyền tin đến chỗ các vị tướng quân của Athens và giảng hoà với người Athens, do căm hận Brasidas về cuộc rút lui ở Lynceus, mà thực ra ngay từ hồi đó ông ta đã bắt đầu việc thương lượng. Người Lacedaemon là Ischagoras đứng vào lúc ấy chuẩn bị khởi hành với một đạo quân vượt đường bộ đến hội quân với Brasidas; và Perdiccas, bấy giờ đang bị Nicias đòi đưa ra bằng chứng về lòng thành trong yêu cầu giảng hoà của ông ta với Athens, và bản thân ông ta không còn sẵn sàng để quân Peloponnese vào xứ mình nữa, liền vận động bạn bè ông ta ở Thessaly, mà các thủ lĩnh của họ là những người ông ta vẫn luôn cẩn thận giữ mối quan hệ, và đã chặn được đạo quân Peloponnese và sự chuẩn bị của họ một cách hiệu quả đến nỗi họ thậm chí còn không cố thử yêu cầu dân Thessaly nữa. Tuy nhiên, chính Ischagoras cùng Ameinias và Aristeus đã đến được chỗ Brasidas; họ đã được người Lacedaemon ủy quyền để kiểm tra tình hình chung, và mang theo từ Sparta (trái với mọi tiền lệ) một số người trẻ tuổi để đưa vào nắm quyền tại các trấn ở đây, tránh phó thác các trấn này cho những người tại địa phương. Brasidas

theo đó cử Clearidas con trai của Cleonymus vào Amphipolis, và Pasitelidas con trai của Hegesander vào Torone.

Cùng mùa hạ đó quân Thebes đã phá huỷ bức thành lũy của dân Thespieae vì cáo buộc dân này tội thân Athens, việc họ đã luôn muốn làm và giờ đây thấy đó là một việc dễ dàng vì những thanh niên ưu tú của Thespieae đã hy sinh trong trận chiến sát cánh với quân Athens. Cùng mùa hạ đó ngôi đền thờ Hera tại Argos đã bị cháy trụi, do Chrysis, nữ tư tế của đền, đã để ngọn đuốc đang cháy gần các tràng hoa và sau đó ngủ quên, đến nỗi tất cả những tràng hoa đó đã bắt lửa và bùng cháy trước khi bà ta nhìn thấy. Chrysis ngay trong đêm đó đã chạy trốn đến Phlius vì sợ dân Argos, dân này chiếu theo luật trong trường hợp như vậy đã phong một nữ tư tế khác tên là Phaeinis. Cho đến khi chạy trốn Chrysis đã làm nữ tư tế tám năm và một nửa của năm thứ chín trong cuộc chiến hiện tại. Cuối mùa hạ này công cuộc bao vây Scione đã hoàn tất, và quân Athens sau khi để lại một chi đội duy trì cuộc bao vây đã mang số quân còn lại trở về.

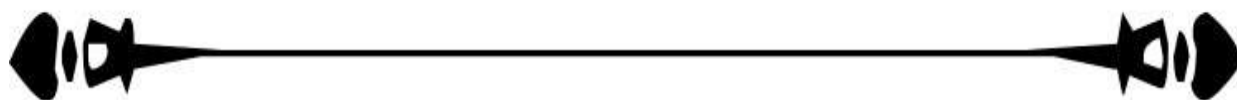
Trong mùa đông tiếp đó, người Athens và người Lacedaemon cùng án binh bất động theo tạm ước; nhưng quân Mantinea và quân Tegea, và các đồng minh tương ứng của từng bên, đã đánh nhau một trận ở Laodicium^[52], tại Oresthid^[53]. Chiến thắng vẫn không rõ thuộc về ai, vì mỗi bên đều đã đánh tan tác cánh quân đối mặt với họ, và cả hai bên đều lập đài chiến tích và đều gửi chiến lợi phẩm đến Delphi. Sau tổn thất nặng nề ở cả hai phía trận đánh vẫn chưa ngã ngũ, và màn đêm gián đoạn việc chiến đấu; nhưng quân Tegea đã qua đêm trên chiến trường và dựng đài chiến tích ngay lập tức, trong khi quân Mantinea rút về Bucolion^[54] và sau đó mới dựng đài chiến tích của mình.

Vào cuối mùa đông này, thực ra gần như đã vào xuân, Brasidas đã thử đánh chiếm Potidaea. Ông đến đây trong đêm, và đã dựng được một cái thang lên tường thành mà không bị phát hiện, thang được đặt đúng trong khoảng thời gian giữa lúc một người [lính gác] đi vòng qua chiếc chuông và quay trở lại mang theo chiếc chuông đó. Tuy nhiên, vì ngay sau đó quân đồn trú đã báo động trước khi người của ông kịp trèo lên, nên ông đã nhanh

chóng dẫn quân mình rút đi, không chờ đến khi trời sáng. Mùa đông và năm thứ chín của cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách đã kết thúc như vậy đó.

QUYÊN THỨ NĂM

Chương XV



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI – CÁI CHẾT CỦA CLEON VÀ BRASIDAS – HÒA ƯỚC NICIAS

Mùa hạ tiếp theo tạm ước một năm đã hết hạn, sau khi đã kéo dài đến hết Đại lễ hội Pythia^[1]. Trong thời gian đình chiến, người Athens trục xuất dân Delos ra khỏi đảo Delos vì cho rằng dân này hẳn đã bị ô uế bởi sự phạm thánh cũ nào đó vào lúc họ làm lễ hiến tế, và rằng việc này đã bị bỏ sót trong lễ thanh tẩy hải đảo này trước đó, mà như tôi đã thuật lại, lễ thanh tẩy này trước đó được coi là đã được thực hiện đúng cách bằng việc di dời mồ mả những người đã chết ra khỏi đảo. Dân Delos được phó vương Pharnaces ban cho trấn Atramyttium^[2] ở châu Á, và họ định cư tại đó khi rời khỏi Delos.

Cùng trong thời gian đó, vào lúc tạm ước vừa hết hạn, Cleon đã thuyết phục được người Athens để ông ta lên thuyền đi đến các trấn ở mạn Thrace

với một ngàn hai trăm bộ binh hạng nặng và ba trăm quân kỵ từ Athens, một lực lượng quân đồng minh đông đảo và ba mươi chiến thuyền. Đầu tiên ông ta cập vào Scione vẫn đang bị vây hãm, và sau khi lấy một số bộ binh hạng nặng từ đó, ông ta cho thuyền đi tiếp đến Cophos, một hải cảng nằm trong lãnh thổ Torone, cách trấn đó không xa là mấy. Từ nơi đó, khi nghe được tin từ những kẻ đào ngũ rằng Brasidas không có mặt ở Torone, và rằng đội quân đồn trú ở đó không đủ lực để chiến đấu với ông ta, ông ta liền cùng đạo quân của mình tiến đánh trấn này, đồng thời phái mười chiến thuyền bơi vòng vào hải cảng. Trước tiên ông ta đến công sự vừa mới được Brasidas cho đắp phía trước trấn để bao cả vùng ngoại ô vào, để làm được điều đó Brasidas đã phá đổ một phần bức thành lũy cũ và khiến ngoại ô nhập vào với trấn làm một. Đến lúc ấy, Pasitelidas, vị chỉ huy người Lacedaemon cùng với đơn vị đồn trú đang có mặt tại nơi này mới vội vàng kháng cự đợt tập kích của quân Athens; nhưng thấy quân mình bị đánh rất quá, và nhìn thấy những chiến thuyền được phái đi vòng đang vào bến cảng, Pasitelidas bắt đầu lo rằng địch có thể tràn vào thành trước khi quân của mình kịp về bảo vệ thành, và khi công sự này cũng bị đánh chiếm thì anh ta có thể bị bắt làm tù binh, thế nên anh ta bỏ lại công sự bên ngoài và chạy vội về trấn. Nhưng quân Athens từ các chiến thuyền đổ bộ lên đã chiếm được Torone, và các lực lượng trên đất liền của họ đuổi theo sát gót anh ta đã xô vào trấn cùng lúc với anh ta bằng cách ồ ạt xông qua chỗ bức thành lũy cũ bị phá đổ, giết chết một số quân Peloponnese và quân Torone trong cuộc hỗn chiến, và bắt tất cả số còn lại làm tù binh, cả Pasitelidas vị chỉ huy của họ cũng nằm trong số tù binh ấy. Trong lúc đó Brasidas đã tiến quân để giải cứu Torone, và chỉ còn phải đi chừng bốn dặm nữa thì ông nhận được tin trấn này thất thủ, và ông lại quay trở về. Cleon và quân Athens dựng hai đài chiến tích, một ở hải cảng và một ở sát công sự, và biến vợ con của người Torone thành nô lệ, còn đàn ông bị giải về Athens cùng với quân Peloponnese và bất kỳ quân Chalcis nào có mặt ở đó, con số lên tới bảy trăm người; tuy nhiên sau đó từ nơi này tất cả bọn họ được hồi hương, quân Peloponnese được thả khi ký kết hiệp ước hoà bình, những người còn lại thì được trao đổi bằng những tù binh khác mà dân Olynthus đang giữ. Cũng khoảng thời gian này Panactum, một pháo đài trên

biên giới Athens, bị quân Boeotia chiếm do nội phản. Trong lúc ấy thì Cleon, sau khi cắt đặt một đơn vị đồn trú ở Torone, đã nhổ neo và cho hạm đội bơi vòng qua núi Athos trên đường ông ta đi Amphipolis.

Cũng vào khoảng thời gian đó các sứ giả của Athens là Phaeax con trai của Erasistratus, cùng hai đồng sự từ Athens lên thuyền đi Italy và Sicily. Dân Leontini đã thu nạp một số đông dân mới ngay khi quân Athens rời khỏi Sicily sau hoà ước, và dân chúng dự định chia lại đất đai; nhưng tầng lớp thượng lưu, khi biết được ý định của họ, đã gọi quân Syracuse đến và đuổi dân chúng đi. Dân này tản mát bốn phương; riêng tầng lớp thượng lưu đã đi đến một thoả thuận với người Syracuse, họ lìa bỏ và phá huỷ thành của mình, và đến sống ở Syracuse, nơi họ được nhận làm công dân. Sau đó một số người trong bọn họ cảm thấy bất mãn, rời khỏi Syracuse, chiếm cứ Phocaeae, một khu vực của trấn Leontini, và Bricinniae, một thành trì kiên cố trong lãnh thổ Leontini, và nơi đó hầu hết dân chúng bị trục xuất đã gia nhập với họ để tiến hành chiến tranh từ thành trì này. Người Athens hay tin bèn cử Phaeax đến xem liệu có thể dùng cách nào đó thuyết phục các đồng minh của mình ở Sicily và các dân Sicily khác về âm mưu đầy tham vọng của người Syracuse, với ý định xui họ lập ra một liên minh chống lại Syracuse, và bằng cách đó cứu dân chúng Leontini. Đến Sicily, Phaeax thành công ở Camarina và Agrigentum^[3], nhưng vấp phải sự phản kháng ở Gela nên ông ta không tiếp tục đi đến những nơi còn lại nữa, mà băng qua xứ sở của dân bản địa Sicily trở về Catana^[4], và sau khi ghé thăm Bricinniae trong lúc đi ngang qua, động viên khích lệ các cư dân ở đó, ông ta đã lên thuyền về Athens.

Trong chuyến hải hành của mình dọc theo bờ biển đến Sicily và từ Sicily trở về, ông ta đã thương nghị với một số thành bang ở Italy về việc thiết lập quan hệ hữu nghị với Athens, và cũng tình cờ gặp một số người định cư ở Locris bị trục xuất từ Messina, những người này được gửi đến đó khi dân Locris được một trong hai phe phái đã chia cắt Messina sau hoà ước Sicily mời đến, và Messina trong một thời gian đã nằm trong tay dân Locris. Những người này trên đường hồi hương đã gặp Phaeax mà không bị ông ta

làm tổn hại gì, vì dân Locris đã thoả thuận với ông ta một hiệp ước với Athens. Họ là dân duy nhất trong số các đồng minh mà khi việc giảng hoà giữa các dân Sicily với nhau diễn ra đã không ký kết hoà ước với Athens, kỳ thực ngay cả lúc này lẽ ra họ cũng chẳng làm việc đó nếu họ không bị thúc ép bởi một cuộc chiến tranh với dân Hipponium^[5] và dân Medma^[6] sống trên biên giới của họ, và là những thực dân của chính họ. Trong lúc ấy Phaeax tiếp tục hành trình của mình và cuối cùng đã về đến Athens.

Cleon, người mà chúng ta tạm gác lại trên chuyến hải hành của ông ta từ Torone đến Amphipolis, đã biến Eion thành căn cứ của mình, và sau một cuộc đột kích không thành vào thuộc địa Stagirus^[7] của Andros, đã chiếm thành Galepsus, một thuộc địa của Thasos bằng một cuộc tấn công ồ ạt. Lúc bấy giờ ông ta phái các sứ giả đến gặp Perdiccas để đòi ông này mang một đội quân đến tham gia, theo quy định của liên minh; và phái những sứ giả khác đến Thrace gặp Polles, vua của dân Odomanti, ông này theo kế hoạch sẽ đưa lính đánh thuê Thrace nhiều hết mức có thể đến; còn chính ông ta thì án binh bất động ở Eion để chờ họ đến. Được tin này, Brasidas về phần mình chiếm một vị trí có thể quan sát được trên Cerdylum^[8], một nơi nằm trong trấn Argilus trên vùng đất cao bên kia sông, cách Amphipolis không xa, và có tầm nhìn bao quát khắp mọi phía, và vì thế đã khiến cho đạo quân của Cleon không thể có bất kỳ động tĩnh gì mà lọt qua mắt quân của ông được; vì ông đã tiên liệu rằng do khinh thường số quân ít ỏi của địch nên Cleon sẽ tiến đánh Amphipolis bằng lực lượng mà ông ta hiện có. Đồng thời Brasidas cũng chuẩn bị sẵn sàng, ông triệu đến dưới cờ của mình một ngàn năm trăm lính đánh thuê Thrace và toàn bộ quân Edonia, kỵ binh và quân đeo khiên; ông cũng có một ngàn quân đeo khiên Myrcinus và Chalcidice, ngoài số quân ở Amphipolis ra, và một lực lượng bộ binh hạng nặng cả thủy lên tới khoảng hai ngàn, và ba trăm kỵ binh Hy Lạp. Một ngàn năm trăm trong số này ông đưa theo mình lên Cerdylum; số còn lại đóng tại Amphipolis cùng với Clearidas.

Sau khi án binh bất động một thời gian, rốt cục Cleon buộc phải hành động như Brasidas đã tiên liệu. Binh lính của ông ta, đã phát chán với cảnh

ngồi yên một chỗ, bắt đầu chỉ trích nặng nề vị tướng lĩnh của mình là nhu nhược và bất tài, và khen ngợi tài năng, lòng dũng cảm của người sắp đối địch với ông ta, và ngấm lại rằng chính họ đã không muốn đi theo ông ta ngay từ đầu. Khi những lời xì xầm đó đến tai Cleon, ông ta quyết định không án binh bất động để khiến họ cảm phẫn nữa, mà nhổ trại và tiến quân. Tâm trạng của vị tướng này không khác gì lúc ở Pylos, thành công của ông ta hồi đó đã cho ông ta sự tự tin vào năng lực của mình. Ông ta chưa bao giờ nghĩ đến chuyện có kẻ dám xuất trận giao chiến với mình, mà tuyên bố rằng ông ta chỉ muốn lên quan sát nơi đó; và nếu ông ta chờ đợi lực lượng tăng viện của mình thì không phải là để đảm bảo chiến thắng trong trường hợp ông ta buộc phải giao tranh, mà để có thể bao vây và đột chiếm thành này. Do vậy ông ta đã đến và bố trí đạo quân của mình trên một ngọn đồi hiểm yếu trước mặt Amphipolis, tiến hành xem xét hồ nước do con sông Strymon tạo thành, và địa thế trấn đó chạy về hướng Thrace ra sao. Ông ta cho rằng có thể lui quân bất kỳ lúc nào mình muốn mà không phải đánh đấm gì hết, vì chẳng thấy một móng nào trên mặt thành lũy hoặc ra khỏi cổng trấn cả, tất cả các cổng trấn đều đóng im ỉm. Quả thực, việc ông ta không mang theo những cỗ máy công thành có vẻ là một sai lầm; nếu mang theo hẳn ông ta đã chiếm được trấn đó rồi, khi mà chẳng có lấy một người bảo vệ nó.

Ngay khi thấy quân Athens bắt đầu di chuyển, Brasidas liền từ Cerdylum xuống và vào trấn Amphipolis. Ông không liêu xuất quân dàn trận như thường lệ để đối địch với quân Athens: ông không tin chắc vào sức mạnh của mình, và nghĩ rằng không đủ lực để tấn công; không phải ở số quân – quân số hai bên không chênh lệch là mấy – mà là ở phẩm chất, quân tinh nhuệ nhất của Athens đang ở trên chiến trường này, cùng những quân Lemnos và Imbros thiện chiến nhất. Vì vậy ông chuẩn bị dùng mưu để đánh. Dùng cách phô trương thanh thế với địch và luân phiên hoán đổi những vũ khí mà ông trang bị cho quân thì ông chắc rằng cơ may thắng địch sẽ chẳng bằng cách không để cho địch thấy thực hư quân tình của ông ra sao, và như vậy địch sẽ không thể coi thường quân ông được. Nghĩ rồi, ông bèn chọn ra một trăm năm mươi bộ binh hạng nặng và đặt toàn bộ số quân còn lại dưới quyền chỉ huy của Clearidas, quyết tấn công bất thành linh trước khi quân

Athens rút đi, vì chắc rằng sẽ chẳng còn thời cơ nào như vậy để thọt riêng được quân này một khi lực lượng tăng viện của chúng đến nơi; và vì vậy ông triệu tập quân lại để khích lệ họ và giải thích với họ dự định của mình, ông nói như sau:

“Hỡi các chiến binh Peloponnese, xứ sở chúng ta nổi tiếng là có được tự do nhờ lòng dũng cảm, và cái thực tế rằng các người là người Doris và quân địch mà các người sắp đánh là người Ionia, những kẻ mà các người đã quen đánh bại, là những điều không cần phải dài dòng thêm nữa. Nhưng cái kế hoạch tấn công mà ta đề xuất để thực hiện, mà nhân đây ta cũng giải thích, cốt để việc chúng ta mạo hiểm bằng một toán quân nhỏ thay vì bằng toàn bộ lực lượng của chúng ta không làm nhuệ khí của các người nhụt đi bởi cái thế bất lợi hiển nhiên mà các người bị đặt vào đó. Ta cho rằng kẻ địch đánh giá thấp chúng ta, và cái thực tế là địch nghĩ rằng chẳng một kẻ nào dám xuất trận giao chiến với chúng, chính là điều đã khiến địch tiến quân lên nơi đó và bất cẩn chẳng nhìn trước ngó sau trong khi hành động nên không trông thấy quân ta. Những chiến binh thành công nhất sẽ luôn là người vui mừng phát hiện ra một sai lầm như thế nhất, và là người cẩn trọng xem xét những phương tiện mình có để thực hiện cuộc tấn công của mình không theo lối tiếp cận thông thường và công khai mà theo cách chớp lấy thời cơ; và những mưu kế như thế này, giúp ích nhiều nhất cho các đồng minh của chúng ta bởi hoàn toàn có thể lừa được địch, nổi tiếng là những kỳ mưu diệu kế trong chiến tranh. Vì thế cho nên trong lúc địch vẫn tiếp tục tự tin một cách khinh suất, và theo như phán đoán của ta thì chúng vẫn đang nghĩ đến việc rút lui hơn là giữ vững vị trí của chúng, trong lúc tinh thần chúng trở nản và chẳng còn chút phấn khích nào với triển vọng, ta cùng với những binh lính dưới quyền chỉ huy của ta nếu có cơ hội sẽ xuất kỳ bất ý tấn công chúng và xông thẳng vào trung quân của chúng; còn anh, Clearidas, sau đó, khi anh thấy ta đã xông vào tấn công chúng và rất có khả năng là đang khiến chúng hoảng

hồn, thì anh hãy mang quân Amphipolis và các quân đồng minh còn lại bất thành lĩnh mở cổng trấn và xông tới chúng, khẩn trương giao chiến với chúng nhanh hết sức các người có thể. Đây là cơ hội tốt nhất để chúng ta gây kinh hoàng cho chúng, vì đối với quân địch thì một kẻ xuất kỳ bất ý tấn công luôn gây kinh hoàng hơn là một kẻ mà chúng giao chiến trực tiếp. Hãy cho thấy anh là người dũng cảm, như một chiến binh Sparta cần phải thế; và các người, hỡi quân đồng minh, hãy noi theo anh ta như những người đàn ông đích thực, và hãy nhớ rằng nhiệt huyết, danh dự và sự phục thù biểu trưng cho một chiến binh giỏi, và rằng ngày hôm nay sẽ biến các người hoặc thành những người tự do và là đồng minh của Lacedaemon, hoặc thành nô lệ của Athens; cho dù các người có thoát được thân mà cá nhân các người không bị mất đi tự do hoặc tính mạng, thì cảnh nô lệ của các người sẽ phải chịu những điều kiện hà khắc hơn trước đây nhiều, và các người cũng sẽ cản trở công cuộc giải phóng của những dân Hy Lạp còn lại. Vậy nên về phần các người không thể hèn nhát được khi thấy những gì đang lâm nguy trọng đại đến thế, và ta sẽ cho các người thấy rằng ta khuyên bảo các người thế nào thì chính ta cũng làm đúng như vậy.”

Sau lời phát biểu ngắn gọn này, Brasidas tự mình chuẩn bị cho cuộc đột kích đó, và cắt đặt toàn bộ binh lính còn lại cùng Clearidas ở các cổng ngõ được gọi là cổng ngõ của Thrace để yểm trợ cho ông như đã nhất trí. Trong thời gian ấy địch nhìn thấy ông từ Cerdylum đi xuống rồi vào thành, nơi mà từ bên ngoài có thể nhìn thấy, làm lễ hiến tế gần đền thờ Athene; nói tóm lại, nhất cử nhất động của ông đều bị theo dõi và tin tức được báo cho Cleon, mà lúc bây giờ vẫn đang tiếp tục do thám động thái của ông, rằng có thể nhìn thấy toàn bộ quân lực của đối phương tập trung trong trấn, và rằng chân ngựa và người với số lượng rất đông hiện rõ dưới chân cổng thành, như thể có ý định đột kích. Nghe thấy vậy ông ta liền lên trên cao để quan sát, và khi trông thấy rồi thì không muốn mạo hiểm quyết chiến khi quân tăng viện của ông ta còn chưa đến, và tưởng rằng rút lui vẫn còn kịp, nên ra lệnh rút lui và

truyền cho quân của mình thi hành lệnh này bằng cách di chuyển cánh quân bên trái về hướng Eion, mà trên thực tế đó là con đường duy nhất có thể đi được. Tuy nhiên, thấy rằng như vậy vẫn chưa đủ mau lẹ, nên ông ta đã đích thân tham gia vào cuộc rút lui và khiến cánh quân bên phải xoay vòng ngược lại, và bởi vậy đã quay mặt không được vũ trang che chắn về phía quân địch. Chính vào lúc đó, Brasidas, thấy rằng quân Athens đang di chuyển và thời cơ của mình đã tới, đã nói với toán quân đi theo ông và với cả những binh lính ở lại: “Những kẻ kia sẽ chẳng khi nào đối mặt với chúng ta, cứ nhìn cái hướng những ngọn giáo và đầu của chúng hướng tới thì thấy ngay. Quân sĩ mà hành động như chúng hiếm có khả năng trụ nổi một cuộc tấn công ồ ạt. Ai đó hãy mau mở những cánh cổng mà ta đã dặn, và chúng ta hãy xông ra đánh chúng chẳng phải sợ gì vì thế nào cũng thắng.” Nói rồi ông liền xông ra khỏi cánh cổng có lũy cọc nhọn bên ngoài và là cánh cổng đầu tiên trên bức tường thành mà lúc đó vẫn còn, ông chạy hết tốc lực dọc theo con đường thẳng, nơi hiện giờ có đài chiến tích khi ta đi qua chỗ sườn đồi dốc đứng nhất, và tấn công và đánh tan tác đạo trung quân của quân Athens đang hoảng hốt bởi hàng ngũ của chính họ rối loạn và sững sờ vì sự táo bạo của ông. Đúng lúc đó Clearidas thực hiện những chỉ thị của ông đã vọt ra khỏi các cổng ngõ về hướng Thrace để yểm trợ ông, và cũng tấn công kẻ địch. Kết quả là quân Athens, bất ngờ bị tấn công cả hai mặt và vô cùng sững sốt, đã rơi vào tình trạng hỗn loạn; và cánh trái của quân này, đã đi được một quãng về hướng Eion, lập tức vỡ trận và tháo chạy. Ngay khi cánh quân này đã rút chạy hết, Brasidas chuyển sang tấn công cánh quân bên phải, ông bị một vết thương; nhưng ông ngã xuống mà quân Athens không nhận thấy vì đã được những người bên cạnh mình đỡ lên và mang ra khỏi trận. Quân Athens bên cánh phải trụ được khá hơn, và mặc dù Cleon ngay từ đầu chẳng màng gì đến chiến đấu đã lập tức tháo chạy và bị quân đeo khiên Myrcinus bắt và giết chết, nhưng bộ binh hạng nặng của ông ta siết chặt hàng ngũ trên đỉnh đồi đã đôi ba lần kháng cự lại những cuộc tấn công của Clearidas, và kiên quyết không lùi bước tận đến khi bị bao vây và bị đánh cho tơi bời tan tác bởi các vật phóng của quân Myrcinus, và bởi quân kỵ và quân đeo khiên Chalcis. Vậy là toàn bộ quân Athens lúc này đang tháo chạy;

và những kẻ thoát được không bị giết tại trận, hoặc không bị quân kỵ và quân đeo khiên Chalcis tàn sát, đã tản mát giữa vùng đồi núi, và nhọc nhằn lắm mới về được tới Eion. Những người đã nâng Brasidas dậy và cứu ông đã đem ông vào trấn khi ông vẫn còn hơi thở: ông đã sống để nghe tin chiến thắng của quân mình, và không lâu sau đó ông trút hơi thở cuối cùng. Đội quân còn lại từ cuộc truy đuổi trở về cùng với Clearidas đã lột sạch vũ khí giáp trụ của quân địch tử trận và lập một đài chiến tích. Sau đó tất cả các đồng minh giáp trụ, vũ khí chỉnh tề cùng có mặt và chôn cất Brasidas bằng phí tổn công ở trong thành, đối diện với nơi mà bây giờ là khu chợ, và dân Amphipolis đã xây tường bao quanh lăng mộ ông, từ đó về sau năm nào họ cũng làm lễ hiến tế ông như một anh hùng và tôn vinh ông bằng những cuộc thi đấu và tế phẩm. Họ tôn ông là người sáng lập thuộc địa của họ, và đập đổ những công trình mà Hagnon đã dựng nên, xóa sạch dấu vết những gì gợi nhớ đến việc ông ta đã kiến lập nên nơi này; bởi họ cho rằng Brasidas là người đã bảo vệ họ, và một khi họ đã tranh thủ tình đồng minh với Lacedaemon vì sợ Athens, thì trong tình trạng thù địch hiện thời của họ với Athens họ không thể tiếp tục tôn vinh Hagnon khi chẳng còn được lợi lộc hoặc đền đáp như trước nữa. Họ cũng trao trả xác binh lính của Athens. Khoảng sáu trăm quân Athens đã thiệt mạng trong khi quân địch chỉ tổn thất có bảy người, vì đó không phải là một cuộc giao tranh thông thường, mà là một trận đụng độ đầy bất ngờ và hoảng loạn như tôi đã mô tả. Sau khi thu nhặt xác binh lính của mình, quân Athens nhổ neo hồi hương, trong khi đó thì Clearidas và binh lính của anh ta ở lại để ổn định chính sự ở Amphipolis.

Cũng trong khoảng thời gian đó ba vị tướng quân Lacedaemon là Ramphias, Autocharidas và Epicydidas dẫn một đội quân tăng viện gồm chín trăm bộ binh hạng nặng đến những trấn ở mạn Thrace, và khi đến Heraclea ở Trachis họ đã cải cách mọi việc ở đó cho hợp ý họ hơn. Trong lúc họ còn đang chùng chình ở đấy, trận chiến này đã diễn ra và mùa hạ đã kết thúc như thế đó.

Vào đầu mùa đông nối tiếp, Ramphias và các chiến hữu của mình đã thâm nhập đến tận Pierium^[9] thuộc Thessaly; nhưng dân Thessaly đã phản đối

không cho họ tiến xa hơn nữa, và Brasidas là người mà họ đến để tăng viện thì đã mất, nên họ quay về vì cho rằng thời điểm đã qua đi, rằng quân Athens đã bị đánh bại và rút hết, và rằng tự họ không đủ sức thực hiện những ý đồ của Brasidas. Thế nhưng nguyên nhân chính khiến họ quay về là vì họ biết rằng khi họ xuất chinh thì quan điểm của Lacedaemon thực ra đã thiên về hoà bình rồi.

Quả thực sự tình là ngay sau trận Amphipolis và quân của Ramphias triệt thoái khỏi Thessaly, cả hai bên cùng ngừng theo đuổi chiến tranh và quay sang chú tâm vào hoà bình. Athens đã tổn thất nặng nề ở Delium, ngay sau đó lại tiếp tục tổn thất tại Amphipolis, và không còn tự tin vào sức mạnh của mình, cái sức mạnh mà trước đây đã khiến nó khước từ điều đình thương lượng khi những thành công nhất thời đã gây cho nó niềm tin vào chiến thắng tối thượng của mình; và lại, nó cũng sợ những đồng minh của mình bị xúi giục bởi những thất bại rủi ro của nó mà cùng nhau dấy loạn, và ân hận vì đã bỏ lỡ mất cơ hội giảng hoà tuyệt vời mà trận thắng ở Pylos đã mang lại. Mặt khác, Lacedaemon thấy rằng chiến cuộc đã chứng minh quan điểm của mình là sai lầm, rằng chỉ cần vài năm là đủ để lật đổ quyền lực của người Athens bằng cách tàn phá đất đai của họ. Trên hải đảo kia, nó đã phải hứng chịu một tổn thất mà cho đến bây giờ Sparta chưa từng phải chịu; nó nhìn thấy đất đai của mình bị cướp đoạt từ Pylos đến Cythera; dân nô dịch *Helots* đang bỏ trốn dần, và nó luôn lo canh cánh rằng những kẻ còn lại ở Peloponnese sẽ cậy vào những kẻ đã trốn ra ngoài và lợi dụng tình hình để lập lại những cố gắng nổi dậy trước đây của chúng. Thêm vào đó, tình cờ hoà ước ba mươi năm giữa Lacedaemon và Argos vừa lúc hết hạn; và người Argos từ chối không ký tiếp trừ phi Cynuria được trao trả lại cho họ; mà chiến tranh cùng một lúc với cả Argos và Athens dường như là bất khả. Lacedaemon cũng đã nghi ngờ một số thành bang ở Peloponnese đang định chạy sang phe Athens và nghi ngờ đó quả không sai.

Những nguyên cớ này khiến cả hai bên sẵn sàng đi đến thoả hiệp; người Lacedaemon chắc là sốt sắng hơn cả, vì họ nóng lòng mong lấy lại được những người đã bị bắt ở trên đảo, những người Sparta trong số ấy thuộc về những gia tộc cao quý nhất và vì vậy có quan hệ với giới cai trị ở

Lacedaemon. Các cuộc điều đình đã bắt đầu ngay sau khi họ bị bắt, nhưng người Athens trong giờ phút hân hoan chiến thắng đã không ưng thuận bất kỳ điều kiện hợp lý nào; thế nhưng sau thảm bại của họ tại Delium, biết rằng lúc bấy giờ họ sẽ có khuynh hướng sẵn sàng lắng nghe hơn nên Lacedaemon đã ngay lập tức ký kết tạm ước một năm, trong thời gian đó hai bên sẽ phải thương nghị để xem có thể thoả thuận một thời gian dài hơn không.

Tuy nhiên lúc này, sau thảm bại của Athens tại Amphipolis và cái chết của Cleon và Brasidas, là những người đã cực lực phản đối hoà bình nhất của mỗi bên – Brasidas phản đối vì thành công và vinh dự mà chiến tranh mang lại cho ông, Cleon phản đối là vì nghĩ rằng nếu hoà bình lập lại thì những tội lỗi của ông ta sẽ càng dễ bị phát hiện hơn và những lời vu khống của ông ta càng ít đáng tin hơn – thì những ứng cử viên hàng đầu vào vị trí quyền lực nhất của cả hai thành bang đó, Pleistoanax con trai của Pausanias và là vua của Lacedaemon, và Nicias con trai của Niceratus và là vị tướng quân may mắn nhất đương thời, mỗi người đều nhiệt thành mong muốn hoà bình hơn bao giờ hết. Nicias đang lúc hạnh vận và vinh hiển rất mong bảo toàn được vận may của mình, mong chính ông và đồng bào của ông trút được gánh nặng vất vả lo âu trong hiện tại, và để lại cho hậu thế thanh danh của một chính khách luôn thành công, và cho rằng cái cách để biến mong muốn này thành hiện thực là tránh xa nguy hiểm và phó mặc cho vận may càng ít càng tốt, và rằng chỉ có hoà bình mới giúp tránh xa được nguy hiểm. Về phần mình, Pleistoanax luôn bị kẻ thù công kích vì ông ta được phục vị^[10], và thường xuyên bị họ quy cho là làm phương hại đến quyền lợi của đồng bào mình mỗi khi vận rủi ập xuống với họ, như thế việc phục vị không chính đáng cho ông ta chính là duyên do vậy; họ cáo buộc rằng ông ta và người anh em Aristocles của mình đã mua chuộc nữ tiên tri ở Delphi để phán bảo cho lần lượt các phái đoàn Lacedaemon đến ngôi đền này là phải đưa hậu duệ của vị á thần con trai của thần Zeus từ ngoại quốc trở về, bằng không họ sẽ phải cày bằng lưỡi cày bạc. Bằng cách này, vì lời tiên tri cứ khẳng khẳng một mực, sau mười chín năm lưu vong đến vùng núi Lycaeaum^[11] (nơi ông ta đã đến khi bị trục xuất vì họ nghi ngờ ông ta đã bị mua chuộc để rút quân khỏi Attica, và ông ta đã phải xây dựng ngôi nhà của

mình một nửa năm trong khu thánh địa thờ thần Zeus vì sợ người Lacedaemon), cuối cùng ông ta đã thuyết phục được người Lacedaemon phục vụ cho ông ta bằng chính những điều nhảm và lễ tế sinh như họ đã làm lễ dâng quang cho các vua của mình vào buổi đầu kiến lập thành bang Lacedaemon. Nỗi đau nhức nhối vì lời kết tội này, và ý nghĩ rằng trong thời bình sẽ không một tai hoạ nào có thể xảy ra được, và rằng khi Lacedaemon đòi lại được những người của mình sẽ chẳng còn lý do gì để những kẻ thù của ông ta có thể bám vào nữa (trái lại, trong khi chiến tranh còn tiếp diễn thì người ở ngôi vị cao nhất luôn phải hứng chịu búa rìu dư luận về mọi chuyện không may), đã khiến ông ta thiết tha mong muốn một hiệp ước hoà bình. Thế nên mùa đông này thật bận rộn với các cuộc đàm phán; và khi mùa xuân nhanh chóng đến gần, người Lacedaemon đã thông tri đi khắp các thành bang để chuẩn bị chiếm đóng và củng cố phòng thủ ở Attica, và coi đó như thanh gươm trên đầu người Athens để khiến họ lắng nghe những lời đề xuất của mình; và cuối cùng, sau rất nhiều yêu sách đã được mỗi bên nêu ra trên các cuộc đàm phán thì hoà bình đã được đồng thuận trên cơ sở như sau: mỗi bên sẽ phải hoàn trả lại những lãnh thổ mà họ đã xâm chiếm được, nhưng Athens sẽ được giữ lại Nisaea; việc Athens đòi lại Plataea đã vấp phải sự khăng khăng cả quyết của người Thebes rằng họ có được xứ đó không phải bằng vũ lực hay do nội phản mà bằng vào việc Plataea tự nguyện theo về với họ thể theo sự đồng thuận của dân xứ đó; và theo lý giải của Athens thì câu chuyện nó giành được Nisaea cũng chẳng khác gì. Việc này được dàn xếp xong xuôi, người Lacedaemon bèn triệu tập các đồng minh của họ lại, và khi tất cả đều tán thành hoà bình, ngoại trừ dân Boeotia, dân Corinth, dân Elis và dân Megara không tán thành cách phân xử đó, họ đã ký kết hiệp ước và lập lại hoà bình, từng thành bang của mỗi bên trong hiệp ước đã tuyên thệ với những điều khoản sau:

Người Athens và người Lacedaemon cùng các đồng minh của mình đã lập ra một hiệp ước, và từng thành bang một tuyên thệ với hiệp ước này như sau:

1. Về các đền thờ quốc gia, sẽ phải có một con đường tự do trên bộ và trên biển cho tất cả những ai muốn đi cúng tế, hành hương, hỏi ý các vị thần và tham dự lễ cầu xin lời tiên tri hoặc các cuộc thi đấu, theo tục lệ ở các xứ sở của họ.
2. Đền thờ và điện thờ thần Apollo tại Delphi và dân ở Delphi sẽ được cai quản theo những luật lệ của riêng họ, được đánh thuế bởi thành bang của họ, và được phán xử bởi các quan toà của riêng họ, cả đất đai và dân chúng, theo tục lệ ở xứ sở của họ.
3. Hiệp ước sẽ có tính ràng buộc trong năm mươi năm đối với người Athens và các đồng minh của người Athens, cũng như đối với người Lacedaemon và các đồng minh của người Lacedaemon, mà không được gian lận hoặc xâm phạm trên đất liền hoặc trên biển.
4. Việc khởi chiến với ý định xâm phạm là phạm luật, dù là đối với người Lacedaemon và các đồng minh của mình để chống lại người Athens và các đồng minh của họ, hay đối với người Athens và các đồng minh của mình để chống lại người Lacedaemon và các đồng minh của họ, bất kể là bằng cách thức hoặc phương tiện nào. Trường hợp giữa các bên nảy sinh bất kỳ sự bất đồng nào thì họ sẽ phải trông cậy vào luật lệ và những lời tuyên thệ, theo như các bên có thể đã thoả thuận với nhau.
5. Người Lacedaemon và các đồng minh của họ sẽ phải trao trả Amphipolis cho người Athens. Tuy nhiên, với các thành được người Lacedaemon trao trả cho người Athens, cư dân ở đó sẽ được phép mang theo tài sản của mình di cư đi bất kỳ nơi nào mà họ muốn; và các thành đó sẽ được độc lập, chỉ phải nộp khoản cống nạp như được quy định từ thời Aristides^[12]. Và chừng nào mà khoản cống nạp này còn được nộp thì việc người Athens hoặc các đồng minh của họ tiến hành chiến tranh chống lại các thành này sau khi hiệp ước đã được ký kết sẽ là phạm luật. Các thành được

kế đến ở đây là Argilus, Stagirus, Acanthus, Scolus^[13], Olynthus và Spartolus. Các thành này sẽ phải đứng trung lập, không liên minh với Lacedaemon cũng không liên minh với Athens; nhưng nếu các thành này nguyện ý thì việc Athens thu họ làm đồng minh của mình sẽ là hợp pháp, với điều kiện bất di bất dịch là các thành này phải tự nguyện. Các dân Mecyberna^[14], Sane và Singus^[15] sẽ cư ngụ ở các thành của chính họ, và cả dân Olynthus và Acanthus cũng vậy. Nhưng người Lacedaemon và đồng minh của họ sẽ phải trả lại pháo đài Panactum cho người Athens.

6. Người Athens sẽ phải trả lại Coryphasium, Cythera, Methana, Pteleum^[16] và Atalanta^[17] cho người Lacedaemon, cũng như toàn bộ những người Lacedaemon đang bị cầm tù tại Athens hoặc tại bất kỳ thuộc địa nào của Athens, và sẽ phải thả những người Peloponnese đang bị vây hãm ở Scione và tất cả những người khác ở Scione là đồng minh của người Lacedaemon, cùng tất cả những người mà Brasidas đã cử tới đó, và bất kỳ ai trong số các đồng minh của người Lacedaemon đang bị cầm tù tại Athens hoặc tại bất kỳ thuộc địa nào của Athens.
7. Tương tự như trên, người Lacedaemon và các đồng minh của mình sẽ phải trao trả bất kỳ người Athens hoặc người của bất kỳ đồng minh nào của Athens mà người Lacedaemon và các đồng minh của mình đang nắm giữ.
8. Đối với Scione, Torone và Sermylum^[18], và bất kỳ thành nào khác mà người Athens có thể đang sở hữu, người Athens có thể tùy ý áp dụng bất kỳ biện pháp nào.
9. Người Athens sẽ tuyên thệ với người Lacedaemon và các đồng minh của họ, từng thành bang một. Mỗi người sẽ tuyên thệ với lời tuyên thệ ràng buộc nhất của xứ mình, mười bảy người từ mỗi thành bang. Lời tuyên thệ như sau: “Tôi sẽ tuân thủ bản thoả thuận và hiệp ước này một cách trung thực và không bội ước.” Người Lacedaemon và các đồng minh của họ cũng sẽ tuyên thệ với người

Athens cùng một lời tuyên thệ như vậy; và lời tuyên thệ đó sẽ phải được cả hai bên nhắc lại mỗi năm. Những cây cột trụ sẽ được dựng lên tại Olympia, Pythia, Eo đất, tại Acropolis của Athens và tại ngôi đền ở Amyclae^[19] của Lacedaemon.

10. Nếu có điều gì bị bỏ sót, bất kể là điều gì và về bất kỳ điểm nào, cả hai bên, người Athens và người Lacedaemon, y theo lời tuyên thệ của họ đều được phép sửa đổi điều đó, theo ý nguyên chung của hai bên.

Hiệp ước hoà bình này bắt đầu có hiệu lực từ nhiệm kỳ của Đại pháp quan Pleistolas ở Lacedaemon, vào ngày thứ 27 của tháng Artemisium^[20], và nhiệm kỳ của Chấp chính quan tối cao Alcaeus tại Athens, vào ngày thứ 25 của tháng Elaphebolion. Những người đã tuyên thệ và rót rượu thề về phía người Lacedaemon có Pleistoanax, Agis, Pleistolas, Damagetis, Chionis, Metagenes, Acanthus, Daithus, Ischagoras, Philocharidas, Zeuxidas, Antippos, Tellis, Alcinadas, Empedias, Menas và Laphilus; về phía người Athens có Lampon, Isthmionicus, Nicias, Laches, Euthydemus, Procles, Pythodorus, Hagnon, Myrtilus, Thrasyclus, Theagenes, Aristocrates, Iolcius, Timocrates, Leon, Lamachus và Demosthenes.

Hiệp ước hoà bình này đã được lập vào mùa xuân năm ấy, lúc mùa đông vừa cạn ngày, ngay sau lễ hội tôn vinh thần Dionysus, tròn mười năm chỉ hơn kém một vài ngày kể từ cuộc xâm lược Attica đầu tiên và khởi điểm của cuộc chiến tranh này. Con số này phải được tính bằng các mùa chứ không phải bằng cách trồng cây vào bảng liệt kê tên một số vị đại pháp quan hoặc quan chấp chính tối cao hay những người có danh vọng được dùng để đánh dấu những sự kiện đã qua. Chẳng thể nào chính xác được khi mà một sự kiện có thể đã xảy ra vào lúc bắt đầu, hoặc vào giữa, hoặc vào bất kỳ lúc nào trong nhiệm kỳ của họ. Nhưng tính bằng những mùa hạ và mùa đông, phương pháp đã được áp dụng trong cuốn sử ký này, người ta sẽ thấy rằng mỗi mùa này tương đương với nửa năm, đã qua đi mười mùa hạ và cũng bằng ấy mùa đông trong cuộc chiến tranh đầu tiên này^[21].

Trong khi đó người Lacedaemon, do việc rút thăm trúng vào họ phải bắt đầu công việc trao trả, đã lập tức trả tự do cho toàn bộ tù binh chiến tranh mà họ nắm giữ, và phái Ischagoras, Menas và Philocharidas làm sứ giả đến những trấn về mạn Thrace để lệnh cho Clearidas trao trả Amphipolis cho người Athens, và các đồng minh còn lại của họ từng xứ một phải chấp nhận bản hoà ước vì nó có ảnh hưởng tới họ. Thế nhưng họ không thích những điều khoản của nó, và từ chối chấp nhận nó; ngay cả Clearidas vì muốn giúp dân Chalcis nên sẽ không trao trả trấn ấy, khẳng khẳng quả quyết rằng mình không thể đi ngược lại ý nguyện của dân đó mà làm như thế được. Đồng thời anh ta vội vàng đích thân về Lacedaemon cùng các sứ giả từ nơi ấy, để biện hộ cho sự bất tuân của mình chống lại những cáo buộc mà Ischagoras và những người đồng hành của ông ta có thể đưa ra, và cũng để xem liệu đã quá muộn để sửa đổi hoà ước này hay chưa; và khi thấy rằng người Lacedaemon đã bị ràng buộc với nó, anh ta nhanh chóng lên đường trở lại đó lần nữa với chỉ thị của họ là phải trao trả lại trấn ấy nếu có thể, hoặc bất luận thế nào cũng phải đưa được quân Peloponnese đang ở trong trấn rời khỏi đó.

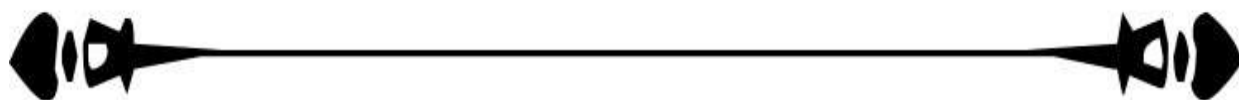
Những đồng minh tình cờ đang có mặt tại Lacedaemon, và là những đồng minh đã không chấp nhận bản hoà ước, lúc này được người Lacedaemon yêu cầu thông qua nó. Nhưng họ từ chối việc đó, vì cùng một lý do như trước, trừ phi một hoà ước công bằng hơn hoà ước hiện tại được thoả thuận; và vì khẳng khẳng giữ vững lập trường của mình nên họ đã bị người Lacedaemon loại ra khỏi hoà ước, người Lacedaemon bấy giờ đã quyết định thành lập một liên minh với người Athens khi cho rằng Argos, mà trước đó đã từ chối lời thỉnh cầu của Ampelidas và Lichas về việc ký tiếp hoà ước, nếu không có Athens sẽ chẳng còn là mối đe dọa nữa, và rằng những xứ còn lại của Peloponnese chắc sẽ không dấy loạn nếu cái liên minh đáng thèm muốn của Athens đã đóng cửa với họ. Vì vậy, sau khi hội đàm với các sứ giả Athens, một liên minh đã được nhất trí thành lập và hai bên đã tuyên thệ với nhau theo những điều kiện như sau:

1. Lacedaemon sẽ là đồng minh của Athens trong năm mươi năm.
2. Nếu bất kỳ kẻ địch nào xâm lược lãnh thổ Lacedaemon và xâm hại người Lacedaemon, thì người Athens tùy theo khả năng của mình sẽ chi viện bằng cách hữu hiệu nhất mà họ có thể. Nhưng nếu kẻ xâm lược đã rút khỏi sau khi cướp bóc xứ này thì nó sẽ trở thành kẻ thù chung của Lacedaemon và Athens, và sẽ bị cả hai bên trừng trị, và một bên không thể giảng hoà với nó nếu thiếu bên kia. Điều này sẽ được thực hiện một cách trung thực, kiên định và không gian trá.
3. Nếu bất kỳ kẻ địch nào xâm lược lãnh thổ Athens và xâm hại người Athens, thì người Lacedaemon tùy theo khả năng của mình sẽ chi viện bằng cách hữu hiệu nhất mà họ có thể. Nhưng nếu kẻ xâm lược đã rút khỏi sau khi cướp bóc xứ này, thì nó sẽ trở thành kẻ thù chung của Lacedaemon và Athens, và sẽ bị cả hai bên trừng trị, và một bên không thể giảng hoà với nó nếu thiếu bên kia. Việc này sẽ được thực hiện một cách trung thực, kiên định và không gian trá.
4. Nếu dân nô lệ dấy loạn thì người Athens tùy theo khả năng của mình sẽ chi viện người Lacedaemon bằng toàn bộ sức mạnh của mình.
5. Hiệp ước liên minh này phải được chính những người của mỗi bên đã tuyên thệ hoà ước trước đó cùng tuyên thệ. Hiệp ước này sẽ được tuyên thệ lại hằng năm bằng cách người Lacedaemon đến Athens tuyên thệ tại lễ hội Dionysia^[22], và người Athens đến Lacedaemon tuyên thệ tại lễ hội Hyacinthia^[23], và mỗi bên sẽ dựng một cây cột: tại Lacedaemon dựng gần tượng thần Apollo ở Amyclae, và tại Athens dựng trên Acropolis gần tượng nữ thần Athene. Nếu người Lacedaemon và người Athens thấy cần bổ sung hoặc rút bỏ bất kỳ điều khoản cụ thể nào khỏi hiệp ước liên minh này, thì hai bên được phép làm việc đó miễn là không trái với những lời tuyên thệ, theo ý nguyện chung của họ.

Về phía Lacedaemon, những người đã tuyên thệ là Pleistoanax, Agis, Pleistolas, Damagetus, Chionis, Metagenes, Acanthus, Daithus, Ischagoras, Philocharidas, Zeuxidas, Antippus, Alcinadas, Tellis, Empedias, Menas và Laphilus; về phía Athens là Lampon, Isthmionicus, Laches, Nicias, Euthydemus, Procles, Pythodorus, Hagnon, Myrtilus, Thrasycles, Theagenes, Aristocrates, Iolcius, Timocrates, Leon, Lamachus và Demosthenes.

Liên minh này thành lập không lâu sau hoà ước; và người Athens trả lại cho Lacedaemon những người đã bị bắt trên đảo, và mùa hạ năm thứ mười một bắt đầu. Lịch sử của cuộc chiến tranh thứ nhất đã hoàn thành trọn vẹn ở thời điểm này, cuộc chiến tranh đã chiếm trọn mười năm trước đó.

Chương XVI



PHẢN CẢM ĐỐI VỚI SPARTA TẠI PELOPONNESE – LIÊN MINH GIỮA MANTINEA, ELIS, ARGOS VÀ ATHENS – TRẬN MATINEA VÀ SỰ TAN VỠ CỦA LIÊN MINH

Sau hoà ước và liên minh giữa người Lacedaemon và người Athens, được ký kết vào năm thứ mười của cuộc chiến, trong nhiệm kỳ của Đại pháp quan Pleistolas tại Lacedaemon, và nhiệm kỳ của Chấp chính quan tối cao Alcaeus tại Athens, các thành bang mà đã chấp nhận hoà ước và liên minh đó đã có được hoà bình; nhưng người Corinth và một số thành bang ở Peloponnese đang cố xáo trộn tình hình đã lăng dụ này, một sự khích động mới đã ngay lập tức được khởi phát bởi các đồng minh để chống lại

Lacedaemon. Hơn nữa, sau một thời gian, người Lacedaemon đã bắt đầu bị người Athens nghi ngờ rằng họ không thực hiện một số điều khoản của hoà ước; và mặc dù trong sáu năm và mười tháng họ đã kiềm chế không xâm lược lãnh thổ của nhau, tuy nhiên ở bên ngoài lãnh thổ của họ thì một cuộc đình chiến bấp bênh đã không ngăn được cả hai bên gây cho nhau những tổn hại nặng nề nhất, cho đến khi cuối cùng họ buộc phải phá vỡ hoà ước đã ký sau mười năm chiến tranh đó và phải cậy đến các hành động chiến tranh công khai.

Vấn chính là Thucydides người Athens đã ghi lại lịch sử của thời kỳ này theo thứ tự biên niên của các sự kiện xảy ra vào mùa hạ và mùa đông, cho đến thời điểm mà người Lacedaemon và các đồng minh của họ kết liễu đế chế Athens, và chiếm được Trường Thành và Piraeus. Cuộc chiến cho đến lúc ấy đã kéo dài hai mươi bảy năm cả thảy. Chỉ có ý kiến sai lầm mới phản đối việc bao gồm khoảng thời gian ngừng chiến của hoà ước vào cuộc chiến. Người ta sẽ thấy rằng nếu xem xét dưới góc độ các sự kiện thực tế thì không có lý gì khoảng thời gian đó lại được coi là một tình trạng hoà bình, khi mà cả hai bên đều không trao trả hay lấy lại được toàn bộ những gì họ đã thỏa thuận, chưa kể các vi phạm hòa ước của cả hai bên trong cuộc chiến Mantinea và cuộc chiến Epidaurus và các trường hợp khác, và chưa kể cái thực tế là các xứ đồng minh ở mạn Thrace vẫn công khai thù địch y như trước, trong khi đó Boeotia chỉ được hưởng một thỏa thuận tạm đình chiến được ký lại mười ngày một lần. Do đó mười năm đầu của cuộc chiến, tiếp theo là bản hòa ước phản trắc và cuộc chiến lại xảy ra sau đó, nếu tính theo các mùa, sẽ hợp thành số năm mà tôi đã đề cập, hơn kém chỉ một vài ngày, và cho một ví dụ về niềm tin vào những lời sấm truyền chỉ ít một lần đã được chứng minh bằng sự kiện. Tôi nhớ rõ là suốt từ đầu đến cuối cuộc chiến tranh này người ta thường vẫn cả quyết nó sẽ kéo dài trong vòng ba lần chín năm. Tôi đã sống suốt cả thời kỳ đó, ở vào độ tuổi nhận thức thấu đáo được các sự kiện, và rất chú tâm để tìm hiểu sự thật chính xác về chúng. Cũng là do số phận tôi phải làm kẻ lưu đày khỏi quê xứ suốt hai mươi năm sau khi giữ quyền chỉ huy ở Amphipolis; và vì hiện diện cùng với cả hai bên tham chiến, và đặc biệt hơn là cùng với người Peloponnese do cảnh lưu đày

của mình, tôi đã có thời gian rảnh rỗi để quan sát mọi việc khá đầy đủ. Vì vậy tôi sẽ thuật lại những mối bất hòa này sinh sau cuộc chiến mười năm, sự vi phạm hoà ước, và các hành động thù địch nối tiếp theo đó.

Sau khi ký kết bản hoà ước năm mười năm và tiếp đó là hiệp ước liên minh, các sứ bộ từ Peloponnese trước đó được triệu tập cho việc này đã trở về từ Lacedaemon. Mọi sứ bộ khác về thẳng quê xứ mình, nhưng sứ bộ Corinth trước tiên đổi hướng rẽ sang Argos và bắt đầu thương nghị với một số người có quyền lực tại đây, chỉ ra rằng Lacedaemon không thể có một mục đích tốt đẹp nào trước mắt, ngoài một mục đích duy nhất là nô dịch dân Peloponnese, nếu không thì Lacedaemon đã chẳng khi nào tham gia vào hiệp ước và liên minh với Athens mà một thời đã từng bị cấm hận, và rằng nhiệm vụ cố vấn vì sự an toàn của Peloponnese bây giờ đang đặt cả lên vai Argos, và xứ này nên lập tức thông qua một sắc lệnh mời bất cứ thành bang Hy Lạp nào mong muốn, những thành bang độc lập và quen giao tiếp với các bang đồng minh trên nền tảng bình đẳng và công bằng của luật pháp và công lý, để lập một liên minh phòng thủ với Argos; đồng thời chỉ định một vài cá nhân có toàn quyền đại diện, thay vì dùng dân chúng làm trung gian trong đàm phán, để nếu một người thỉnh cầu bị từ chối thì sự thật về những đề nghị của anh ta có thể không bị công khai. Họ nói rằng nhiều thành bang sẽ sang theo liên minh này vì căm ghét người Lacedaemon. Sau khi trình bày quan điểm đó của mình, sứ bộ Corinth ra về.

Những người đã nói chuyện với người Corinth trình đề nghị này lên chính quyền và dân chúng xứ mình, và dân Argos đã thông qua sắc lệnh và chọn ra mười hai người để thương nghị về một liên minh cho bất kỳ thành bang Hy Lạp nào muốn có, ngoại trừ Athens và Lacedaemon, cả hai xứ này sẽ không được tham gia mà không có ý kiến của Argos. Argos càng sẵn sàng tham gia vào kế hoạch này hơn vì xứ này thấy rằng cuộc chiến với Lacedaemon là không thể tránh khỏi, thỏa thuận đình chiến sắp hết hiệu lực đến nơi; và cũng bởi vì họ mong muốn giành ngôi bá chủ Peloponnese. Vì tại thời điểm đó uy tín của Lacedaemon đã xuống rất thấp trong sự đánh giá của công chúng do những thảm họa mà nó phải gánh chịu, trong khi Argos đang trong tình trạng hưng thịnh nhất vì không tham gia vào cuộc chiến ở Attica, mà

trái lại đã hưởng lợi lớn từ thái độ trung lập của mình. Dân Argos theo kế hoạch này chuẩn bị để tiếp nhận vào liên minh bất cứ xứ dân Hy Lạp nào muốn tham gia.

Mantineia và các đồng minh của họ là những xứ dân đầu tiên sang theo phe đó vì sợ người Lacedaemon. Khi đã lợi dụng cuộc chiến chống Athens để thôn tính một phần lớn xứ Arcadia, họ nghĩ Lacedaemon sẽ không để yên cho họ đi chinh phạt nữa vì giờ đây Lacedaemon đã rảnh tay để can thiệp, và vì thế Mantineia vui mừng quay sang với một thành bang hùng mạnh như Argos, kẻ thù lịch sử của Lacedaemon và là một nền dân chủ chị em gần gũi với họ. Ngay khi Mantineia ly khai, tất cả các xứ dân còn lại của Peloponnese ngay lập tức bắt đầu xôn xao xem làm theo dân ấy liệu có đúng đắn hay không, họ nảy ra ý nghĩ rằng Mantineia đã không đổi phe mà không có lý do chính đáng; vả lại họ đang tức giận Lacedaemon vì nhiều lẽ trong đó có việc Lacedaemon đã đưa vào hoà ước với Athens điều khoản nói rằng miễn là không trái với lời tuyên thệ của họ thì hai bên Lacedaemon và Athens được phép bổ sung hoặc rút bỏ bất kỳ điều gì khỏi hoà ước theo ý nguyện chung của hai bên. Chính điều khoản này là nguồn cơn của nỗi hoang mang ở Peloponnese, bởi nó dấy lên những nghi ngờ về việc người Lacedaemon và người Athens liên kết với nhau để chống lại quyền tự do của họ: lẽ ra điều kiện hợp thức là bất kỳ sự sửa đổi nào cũng đều phải dựa trên sự tán thành của tất cả các xứ đồng minh. Với những lo ngại này mỗi thành bang đều cùng mong muốn một điều là gia nhập liên minh với Argos.

Chính lúc đó người Lacedaemon nhận thấy sự náo động đang diễn ra ở Peloponnese và Corinth là chủ mưu gây nên sự náo động này và bản thân Corinth đang sắp sửa gia nhập liên minh với Argos, bèn phái các sứ giả tới đó với hy vọng ngăn chặn những gì còn đang trong dự tính. Họ cáo buộc Corinth đã gây ra mọi chuyện, và nói rằng Corinth không thể rời bỏ Lacedaemon và trở thành đồng minh của Argos, mà lại không thêm vào việc vi phạm lời thề của mình cái tội mà dân ấy đã phạm khi không chấp nhận hiệp ước với Athens, khi mà Corinth đã tuyệt đối nhất trí rằng quyết định của số đông trong khối đồng minh sẽ có tính bắt buộc, trừ khi chư vị thần linh và liệt vị anh hùng ngăn cản điều đó. Corinth trong câu trả lời của mình,

được phát biểu trước những đồng minh cũng từ chối hoà ước đó như nó và là những xứ mà Corinth đã mời đến từ trước, thì kiềm chế không công khai đề cập đến những tổn hại xúc phạm mà Corinth oán trách, như việc người Athens không trao trả lại Sollium hay Anactorium, hay bất kỳ một điểm nào mà Corinth cảm thấy mình bị thiệt hại bất công, mà núp dưới chiêu bài rằng nó không thể bỏ mặc các đồng minh ở Thrace, những dân mà Corinth đã thỏa thuận an ninh riêng với từng xứ, khi họ nổi dậy lần đầu với Potidaea, cũng như trong những dịp tiếp sau đó. Vì vậy, Corinth chối cãi rằng nó không vi phạm bất kỳ lời thề nào của mình với các đồng minh trong việc không tham gia vào hoà ước với Athens; khi đã thề trên niềm tin vào các vị thần linh với những đồng minh Thrace của mình, Corinth thực sự không thể bỏ rơi họ. Hơn nữa, văn từ đã viết “trừ khi chư vị thần linh hay liệt vị anh hùng ngăn cản.” Mà ở đây, như Corinth thấy, thì chính là các vị thần đang ngăn cản điều này. Đây là những gì Corinth nói về lời thề trước kia của mình. Về việc liên minh với Argos, Corinth sẽ bàn bạc với các đồng minh của mình và làm bất kỳ điều gì là đúng đắn. Các sứ giả của Lacedaemon ra về, một vài sứ giả Argos tình cờ có mặt ở Corinth bèn thúc ép xứ này ký kết liên minh không chần chừ thêm nữa, nhưng họ lại được bảo hãy đến tham dự kỳ đại hội sắp tới được tổ chức tại Corinth.

Ngay sau đó một sứ bộ của Elis đến, và trước tiên kết đồng minh với Corinth rồi từ đây đi Argos, như họ đã được chỉ thị, và trở thành đồng minh với Argos, xứ sở họ đúng lúc đó đang trong tình trạng thù địch với Lacedaemon và Lepreum^[4]. Trước đó một thời gian đã có một cuộc chiến giữa dân Lepreum với tộc dân nào đó của Arcadia; và dân Elis được dân Lepreum mời đến can thiệp với đề nghị trao tặng một nửa phần đất đai của mình, đã giúp kết thúc cuộc chiến tranh này, và khi để lại phần đất ấy trong tay dân Lepreum đang cư ngụ ở đó họ đã áp cho dân này khoản cống nạp mỗi năm một *talăng* dâng lên thần Zeus ở Olympia.

Cho đến khi chiến tranh nổ ra ở Attica khoản cống nạp này vẫn được dân Lepreum trả, dân này sau đó đã lấy cuộc chiến làm cái cớ để bỏ cống nạp, và khi dân Elis sử dụng vũ lực họ liền kháng cáo với Lacedaemon. Vụ việc này

vì thế đã được đệ trình lên Lacedaemon làm trọng tài phân xử; nhưng dân Elis, do nghi ngờ về tính công bằng của tòa án này, đã không thừa nhận thẩm quyền của nó và tàn phá lãnh thổ của dân Lepreum. Người Lacedaemon dẫu vậy vẫn quyết định rằng dân Lepreum là dân độc lập và dân Elis là những kẻ xâm lược, và vì dân Elis không chịu tuân theo sự phân xử trọng tài này, Lacedaemon đã phái một đơn vị đồn trú bộ binh hạng nặng đến Lepreum. Trước việc này dân Elis, cho rằng Lacedaemon đã tiếp nhận một trong những xứ dân lệ thuộc của mình nổi loạn, đã đề xuất quy ước rằng mỗi thành viên liên minh sẽ bước ra khỏi cuộc chiến tranh ở Attica với tất cả những gì họ đã sở hữu khi bước vào chiến tranh, và xét rằng công lý đã bỏ qua họ nên họ chạy sang phe Argos, và lúc này đã gia nhập liên minh thông qua các sứ giả của mình, những sứ giả này đã được chỉ thị về mục đích đó. Ngay sau họ, người Corinth và dân Chalcis ở Thrace đã thành đồng minh với dân Argos. Trong khi đó Boeotia và Megara, những xứ dân đã hành động cùng nhau, vẫn không động tĩnh gì khi được Lacedaemon để cho tùy ý hành xử, và cho rằng nền dân chủ Argos sẽ không phù hợp với chính quyền quý tộc của họ bằng thể chế của Lacedaemon.

Khoảng cùng thời gian đó trong mùa hạ này, Athens đã thành công trong việc đánh hạ Scione, giết những người đàn ông trưởng thành và biến phụ nữ trẻ em thành nô lệ, rồi họ cho dân Plataea vùng đất này để sinh sống. Athens cũng đưa dân Delos về lại Delos, trước đã bị di dời vì những vận rủi của Athens trên chiến trường và theo lệnh của vị thần ở Delphi. Trong khi đó dân Phocis và dân Locris đã khai chiến. Người Corinth và Argos, nay đã là đồng minh, cùng đến Tegea để xui khiến xứ này ly khai Lacedaemon, vì xét rằng, nếu một thành bang quan trọng như vậy có thể bị thuyết phục tham gia, tất cả Peloponnese sẽ theo về phe họ. Nhưng khi dân Tegea nói rằng họ sẽ không làm gì chống lại Lacedaemon, người Corinth, cho đến nay vẫn luôn sốt sắng, đã hạ bớt nhiệt huyết trong hoạt động của mình và bắt đầu lo sợ rằng không ai trong số còn lại sẽ sang theo phe họ. Tuy vậy người Corinth vẫn đến Boeotia và cố gắng thuyết phục Boeotia gia nhập liên minh và chung tay hành động với Argos và với chính họ, và cũng nài nỉ người Boeotia cùng đến Athens và giúp họ đạt được một thỏa thuận đình chiến

mười ngày giống như thỏa thuận giữa Athens và Boeotia đã được lập không lâu trước hòa ước năm mười năm, và, nếu người Athens từ chối, thì huỷ bỏ hiệp ước đình chiến đang có, và không ký kết bất kỳ thỏa thuận đình chiến tạm thời nào khác trong tương lai mà không có Corinth. Đó là những yêu cầu của người Corinth. Người Boeotia không muốn nghe người Corinth nói về việc liên minh với Argos, nhưng đã đi cùng Corinth đến Athens, tuy nhiên ở đó bọn họ đã không đạt được thỏa thuận hưu chiến mười ngày; người Athens trả lời rằng Corinth đã có thỏa thuận đình chiến rồi, với tư cách là đồng minh của Lacedaemon. Tuy vậy người Boeotia không huỷ bỏ thỏa thuận mười ngày của họ, bất chấp những lời khẩn cầu và trách móc của người Corinth về việc họ đã vi phạm lời hứa; người Corinth đành phải bằng lòng với một thỏa thuận đình chiến không chính thức với Athens.

Cùng mùa hạ đó quân Lacedaemon kéo toàn bộ binh lực của mình đến Arcadia, dưới quyền chỉ huy của Pleistoanax, con trai của Pausanias và là vua của Lacedaemon, để đánh dân Parrhasia^[2], là xứ dân lệ thuộc của Mantinea, và một phe phái của xứ dân này đã cầu viện Lacedaemon. Quân Lacedaemon cũng định nếu có thời cơ thì phá huỷ pháo đài Cypsela mà dân Mantinea đã xây và đặt quân đồn trú trên lãnh thổ của dân Parrhasia để quấy nhiễu vùng Sciritis^[3] ở Laconia. Vì vậy quân Lacedaemon đã tàn phá xứ sở của dân Parrhasia, và dân Mantinea sau khi giao phó trấn mình cho một đơn vị đồn trú của Argos liền dốc sức bảo vệ liên minh của mình, nhưng vì không cứu được pháo đài Cypsela hay các trấn của dân Parrhasia nên đã quay về Mantinea. Trong khi đó quân Lacedaemon biến dân Parrhasia thành xứ dân độc lập, san phẳng pháo đài đó, và hồi hương.

Cùng mùa hạ đó binh lính đi trận cùng Brasidas đã từ Thrace trở về, họ được Clearidas đưa về từ nơi đó sau hoà ước với Athens; và người Lacedaemon ra sắc lệnh rằng những binh lính là dân nô dịch *Helots* đã chiến đấu với Brasidas sẽ được tự do và được phép sống ở nơi đâu họ muốn, và không lâu sau đưa họ đi định cư cùng với dân *Neodamodes*^[4] ở Lepreum, trấn nằm giữa biên giới Laconia và Elis; vì Lacedaemon lúc bấy giờ đang trong tình trạng thù địch với Elis. Nhưng với những người Sparta đã bị bắt

làm tù binh trên đảo Sphacteria và đã giao nộp vũ khí cho địch thì người ta e rằng giả sử họ phải chịu một sự sỉ nhục do rủi ro của họ, biết đâu họ lại chẳng vì thế mà cố thử làm cách mạng nếu còn được giữ quyền công dân. Vậy nên họ đã ngay lập tức bị tước quyền công dân, mặc dù một vài người trong số họ đã nắm giữ chức quyền tại thời điểm đó, và như thế đã thành không đủ tư cách để nhậm chức, đảm trách, hoặc mua bán bất cứ thứ gì. Tuy vậy, sau một thời gian, họ đã được khôi phục quyền công dân.

Cùng mùa hạ đó dân Dium^[5] đã chiếm Thyssus, một trấn trên bán đảo Acte bên núi Athos trong liên minh với Athens. Trong suốt mùa hạ này mỗi giao hữu giữa người Athens và người Peloponnese vẫn tiếp tục, mặc dù mỗi bên đều bắt đầu nghi ngờ bên kia ngay sau hoà ước, bởi các địa phương được quy định cụ thể trong hoà ước đã không được trao trả. Lacedaemon, mà khi rút thăm đã rơi vào lượt đầu phải trao trả Amphipolis và các trấn khác, đã không thực hiện đúng như vậy. Lacedaemon cũng đã thất bại trong việc thuyết phục cả các đồng minh ở Thrace cũng như Boeotia và Corinth chấp nhận hoà ước đó; mặc dù nó liên tục hứa hẹn cùng hành động với Athens trong việc ép buộc những xứ kia phải tuân thủ, nếu họ vẫn tiếp tục từ chối. Lacedaemon vẫn tiếp tục ấn định một thời hạn mà đến đó những xứ nào vẫn từ chối sẽ bị tuyên cáo là kẻ thù của cả hai bên, nhưng lại giữ gìn không để chính mình bị trói buộc bởi bất cứ thỏa thuận bằng văn bản nào. Trong khi ấy thì Athens vì không thấy bất cứ lời tuyên bố nào trong số đó được thực hiện trên thực tế nên đã bắt đầu nghi ngờ tính trung thực trong ý định của Lacedaemon, và do đó không chỉ từ chối tuân thủ những đòi hỏi của xứ này về Pylos, mà còn hối hận vì đã thả các tù nhân ở đảo, và vẫn giữ chặt lấy những nơi khác, cho đến khi nào phần trách nhiệm của Lacedaemon trong hoà ước được thi hành. Trái lại, Lacedaemon nói rằng họ đã làm những gì có thể, vì đã thả những tù nhân chiến tranh của Athens mà họ giam giữ, đã triệt thoái khỏi Thrace và làm mọi việc khác trong khả năng của mình. Amphipolis nằm ngoài khả năng trao trả của họ; nhưng họ sẽ cố gắng để kéo Boeotia và Corinth vào hoà ước, trả lại Panactum, và cho hồi hương tất cả những tù nhân chiến tranh Athens ở Boeotia. Đồng thời họ yêu cầu rằng Pylos phải được trả lại, hoặc bất luận thế nào thì quân Messenia và

quân *Helots* phải được triệt thoái, cũng như quân của họ đã rút khỏi Thrace, và việc đặt quân đồn trú cho nơi đó, nếu cần thiết, phải là quân Athens. Sau một số cuộc hội đàm khác nhau được tổ chức vào mùa hạ đó, Lacedaemon đã thành công trong việc thuyết phục Athens rút khỏi Pylos số quân Messenia và *Helots* còn lại và những quân Laconia đào ngũ, số này sau đó đã được Athens cho định cư tại Cranii ở Cephallenia. Vì vậy trong suốt mùa hạ đó đã có hoà bình và giao hữu giữa hai dân tộc.

Tuy vậy, đến mùa đông tiếp theo, các vị đại pháp quan tiến hành ký kết hoà ước đó đã không còn tại vị, và một vài trong số những người kế nhiệm họ đã thẳng thừng phản đối bản hoà ước. Bây giờ các sứ bộ từ liên minh Lacedaemon, từ Athens, từ Boeotia và từ Corinth cũng đã có mặt tại Lacedaemon, và sau nhiều cuộc thảo luận mà không đạt được thỏa thuận nào giữa họ, các đoàn chia tay ai về xứ nấy; trong khi đó Cleobulus và Xenares, hai vị đại pháp quan nóng lòng phá vỡ hiệp ước nhất, đã lợi dụng cơ hội này để bí mật thông đồng với người Boeotia và người Corinth, vừa khuyên họ nên phối hợp hành động với nhau càng nhiều càng tốt, vừa hướng dẫn người Boeotia trước nhất liên minh với Argos, sau đó cố gắng đưa Boeotia và Argos vào liên minh với Lacedaemon. Boeotia vì thế sẽ ít có khả năng bị bắt buộc phải vào hoà ước Attica; và Lacedaemon sẽ mong muốn giành được tình bằng hữu và mối quan hệ liên minh với Argos dù cái giá phải trả là sự thù địch của Athens và hoà ước bị phá vỡ. Người Boeotia biết rằng mối quan hệ hữu hảo với Argos từ lâu đã là mong muốn của Lacedaemon bởi vì người Lacedaemon tin rằng điều này sẽ tạo thuận lợi đáng kể cho việc tiến hành cuộc chiến bên ngoài Peloponnese. Trong khi đó người Lacedaemon cầu xin người Boeotia trao Panactum vào tay mình để nếu có cơ hội thì họ sẽ đòi lại Pylos bằng cách đánh đổi lấy pháo đài này, và vì vậy họ sẽ ở vào thế mạnh hơn để tái chiến với Athens.

Sau khi nhận được những chỉ dẫn như vậy cho những nhà cầm quyền ở xứ họ từ Xenares, Cleobulus và bạn bè của họ ở Lacedaemon, các sứ bộ Boeotia và Corinth ra về. Trên đường về có hai nhân vật quyền cao chức trọng ở Argos nhập đoàn, là những người đã chờ sẵn họ trên đường, và là những người lúc này đang thăm dò họ về khả năng Boeotia bắt tay với

Corinth, Elis và Mantinea để cùng trở thành đồng minh với Argos, với ý nghĩ rằng nếu việc đó mà thành thì khi đã cố kết với nhau như vậy họ sẽ có thể giảng hoà hoặc gây chiến tùy ý dù là với Lacedaemon hay với bất kỳ một thế lực nào khác. Các sứ giả Boeotia lúc đó rất hài lòng khi thấy mình ngẫu nhiên được đề nghị cái việc mà bạn bè họ tại Lacedaemon đã bảo họ làm; và hai người Argos nhận thấy rằng đề nghị của mình sẵn sàng được tán thành, đã ra đi với lời hứa sẽ gửi sứ giả đến Boeotia. Khi về đến nơi các sứ giả Boeotia đã thuật lại với các vị Boeotarch những điều họ đã được nghe tại Lacedaemon và cả những điều hai người Argos mà họ gặp đã nói, và các vị Boeotarch, thích thú với ý kiến đó, háo hức chớp ngay lấy nó vì sự trùng hợp may mắn khi Argos khẩn khoản đề nghị chính cái việc mà những người bạn của họ ở Lacedaemon mong muốn. Ngay sau đó các sứ giả đã từ Argos đến với những đề nghị đã được trình bày trước đó; và các vị *Boeotarch* chấp thuận các điều khoản và tiễn các sứ giả với lời hứa sẽ gửi sứ giả đến Argos để đàm phán việc liên minh.

Trong thời gian này, các vị *Boeotarch* cùng với người Corinth, người Megara và các sứ giả Thrace đã quyết định trước tiên sẽ tuyên thệ giúp đỡ lẫn nhau mỗi khi được yêu cầu và không gây chiến hay giảng hoà trừ khi là cùng nhau tiến hành; sau đó Boeotia và Megara, hai xứ cùng hành động, sẽ liên minh với Argos. Nhưng trước khi tuyên thệ thì các vị *Boeotarch* chuyển những đề nghị này lên bốn ủy ban^[6] của Boeotia, gồm những người nắm quyền lực cao nhất, và khuyến nghị họ cùng tuyên thệ với tất cả những thành bang nào muốn tham gia vào một liên minh phòng thủ với Boeotia. Song ủy viên của các ủy ban này đã từ chối tán thành đề nghị đó, vì sợ sẽ làm méch lòng Lacedaemon nếu họ tham gia vào một liên minh với Corinth, kẻ đào ngũ; trước đó các *Boeotarch* đã không thuật lại cho các vị ủy viên này biết về những gì đã diễn ra tại Lacedaemon và về lời khuyên mà Cleobulus và Xenares và phe thần Boeotia tại đó đã đưa ra, cụ thể là họ cần trở thành đồng minh với Corinth và Argos như bước mở đầu cho sự liên kết với Lacedaemon; họ tưởng rằng cho dù họ không nói gì về điều này thì các ủy ban cũng sẽ không biểu quyết phản đối những gì mà các *Boeotarch* đã quyết định và tham mưu. Khi nảy sinh khó khăn này, người Corinth và các

sứ giả của Thrace ra về mà chưa ký kết được gì; và các *Boeotarch*, lúc đầu đã định sau khi việc này thành công sẽ cố gắng thực hiện việc liên minh với Argos, bấy giờ liền lờ đi việc đưa vấn đề Argos ra trước các ủy ban, hay phái đến Argos các sứ giả như họ đã hứa; và một sự lãnh đạm và trì hoãn hoàn toàn đã phát sinh trong công cuộc liên minh này.

Trong cùng mùa đông ấy trấn Mecyberna đã bị quân Olynthus đánh chiếm, trong trấn đó có một đơn vị đồn trú Athens.

Việc này xảy ra khi đang diễn ra cuộc thương lượng giữa người Athens và người Lacedaemon về những đất chiếm được mà mỗi bên vẫn giữ, và Lacedaemon, với hy vọng rằng nếu Athens có thể lấy lại Panactum từ Boeotia thì chính mình sẽ lấy lại Pylos, bấy giờ liền gửi một sứ bộ đến Boeotia và cầu xin họ trao Panactum và các tù binh Athens vào tay mình, để có thể trao đổi chúng lấy Pylos. Người Boeotia từ chối không thực hiện việc này, trừ khi Lacedaemon thành lập một liên minh riêng với họ như Lacedaemon đã làm với Athens. Lacedaemon biết rằng điều này sẽ là vi phạm cam kết với Athens, vì hai bên đã thỏa thuận rằng không bên nào sẽ gây chiến hay giảng hoà mà không có sự đồng ý của bên kia; thế nhưng muốn có được Panactum để đổi lấy Pylos, và các phe phái thúc ép huỷ bỏ hoà ước đang tác động mạnh để kết liên minh với Boeotia, cuối cùng Lacedaemon đã thành lập liên minh này khi mùa đông nhường chỗ cho mùa xuân; và pháo đài Panactum đã lập tức bị san phẳng. Và năm thứ mười một của cuộc chiến tranh đã kết thúc như vậy.

Trong ngày đầu tiên của mùa hạ tiếp theo, khi dân Argos thấy rằng những sứ giả được hứa gửi từ Boeotia đã không đến, và rằng Panactum đã bị phá huỷ, và rằng một liên minh riêng đã được thành lập giữa Boeotia và Lacedaemon, thì bắt đầu lo sợ rằng Argos có thể bị bỏ lại một mình, và tất cả các xứ liên minh sẽ chạy sang theo Lacedaemon. Họ tưởng Boeotia đã bị người Lacedaemon thuyết phục để san phẳng Panactum và để tham gia vào hiệp ước với Athens, và rằng Athens đã được biết riêng về dàn xếp này, và thậm chí vì thế mà liên minh của Athens đã không còn chào đón họ – một liên minh mà họ đã luôn trông cậy, bởi những mối bất đồng hiện tồn giữa hai

thế lực, trong trường hợp hiệp ước của họ với Lacedaemon bị chấm dứt. Trong tình thế khó khăn này dân Argos lo sợ rằng hậu quả của việc từ chối gia hạn hiệp ước với Lacedaemon và khao khát quyền bá chủ ở Peloponnese sẽ dẫn đến việc họ phải đối đầu với Lacedaemon, Tegea, Boeotia và Athens cùng một lúc, nên vội vã cử Eustrophus và Aeson, là những người có vẻ dễ được chấp nhận nhất, làm sứ giả đến Lacedaemon, với ý định lập một hiệp ước tốt nhất có thể được với người Lacedaemon, theo các điều khoản có thể đạt được, và được để cho yên.

Khi đến Lacedaemon, các sứ giả của họ tiến hành đàm phán những điều khoản của bản hiệp ước được đề xuất. Điều mà người Argos đòi hỏi đầu tiên là họ phải được phép đưa lên trọng tài của một thành bang hoặc cá nhân nào đó để xét xử vấn đề vùng đất Cynuria, lãnh thổ miền biên giới mà trước nay hai bên vẫn luôn tranh chấp, và là nơi bao gồm các trấn Thyrea, Anthene^[7], và đang bị Lacedaemon chiếm giữ. Người Lacedaemon lúc đầu nói rằng họ không thể cho phép mang điều này ra bàn luận được, nhưng sẵn sàng ký kết hiệp ước dựa trên các điều khoản cũ. Tuy nhiên, cuối cùng, các sứ giả Argos đã đạt được từ Lacedaemon sự nhân nhượng thế này: hiện tại sẽ có một hiệp ước đình chiến năm mươi năm, nhưng cả hai bên đều sẽ được quyền – với điều kiện lúc đó không có bệnh dịch hay chiến tranh đang xảy ra ở Lacedaemon hay Argos – chính thức thách thức và quyết định vấn đề vùng lãnh thổ này bằng trận chiến, như trong trận chiến lần trước, khi cả hai bên đều tuyên bố chiến thắng; việc truy đuổi không được phép vượt qua biên giới của Argos hay Lacedaemon. Thoạt đầu người Lacedaemon nghĩ rằng đây chỉ là một điều vớ vẩn; nhưng cuối cùng, nóng lòng có được tình hữu nghị với Argos bằng mọi giá họ đã đồng ý với các điều khoản được yêu cầu, và đưa chúng vào văn bản. Tuy nhiên, trước khi bất cứ điều gì của hiệp ước này trở thành ràng buộc đối với hai bên, các sứ giả sẽ phải trở về Argos và thông báo cho dân chúng và, trong trường hợp được dân chúng chấp thuận, họ sẽ đến lễ hội Hyacinthia và tuyên thệ.

Các sứ giả theo tinh thần đó đã trở về. Trong thời gian ấy, khi người Argos đang vướng bận với các cuộc đàm phán này, các sứ giả Lacedaemon

là Andromedes, Phaedimus và Antimenidas – những người đáng ra sẽ tiếp nhận tù nhân từ Boeotia và trả họ cùng Panactum về cho Athens – nhận ra rằng dân Boeotia đã tự tay san Panactum thành bình địa, lấy cố là từ xưa dân họ và người Athens đã tuyên thệ với nhau, sau một cuộc tranh cãi về nơi này, rằng sẽ không bên nào được đưa dân vào sinh sống trong vùng này, mà sẽ làm bãi chướng táp gia súc chung. Về phần những tù binh chiến tranh người Athens trong tay dân Boeotia, họ đã được chuyển giao cho Andromedes cùng các đồng sự của ông ta, và những người này đã chuyển tù binh về Athens và trao trả cho người Athens. Các sứ giả đồng thời đã thông báo về vụ san phá Panactum, việc mà họ cho là cũng tốt đẹp như việc trao trả nó vậy, vì nó sẽ không còn là nơi chứa chấp một kẻ địch của Athens. Người Athens tiếp nhận thông báo này mà bưng bưng phẫn nộ, họ cho rằng người Lacedaemon đã lừa dối họ, cả về việc phá huỷ pháo đài Panactum mà lẽ ra phải được trao trả nguyên vẹn như trước cho họ, lẫn việc họ vừa mới nghe nói là Lacedaemon lập một liên minh riêng rẽ với Boeotia, bất chấp lời hứa trước đó của họ rằng sẽ cùng với Athens bắt buộc những dân đã từ chối tán thành hòa ước phải tham gia. Người Athens còn tính đến cả những điểm khác mà người Lacedaemon đã không làm được như họ thỏa thuận, và khi cho rằng mình bị qua mặt, người Athens đã đưa ra một câu trả lời giận dữ cho những sứ giả này và đuổi họ đi.

Khi mối rạn nứt giữa người Lacedaemon và người Athens đã sâu sắc đến mức đó, một phe phái tại Athens cũng đang muốn huỷ bỏ hoà ước ngay lập tức bắt tay vào hành động. Người đi đầu trong số đó là Alcibiades, con trai của Clinias, một người tuy còn đầu xanh tuổi trẻ đối với bất cứ thành bang Hy Lạp nào, nhưng nổi bật bởi hào quang tiên tổ của mình. Alcibiades cho rằng liên minh với Argos thực sự đáng mong hơn, chưa kể là nổi khó chịu cá nhân chẳng phải đã không góp phần rất lớn vào sự phản đối của y; y cảm thấy bị người Lacedaemon xúc phạm vì họ đã thương nghị hiệp ước với Nicias và Laches mà phớt lờ y đi vì coi y là trẻ người non dạ, và cũng vì họ đã không tỏ ra tôn trọng y để đáp lại mối quan hệ cũ của gia đình y với tư cách là những proxenus của họ, cái địa vị mà ông nội y đã chối từ nhưng bản thân y gần đây đã nghĩ đến việc nối lại bằng sự quan tâm của y đối với

những tù nhân bị bắt trên đảo. Bị coi thường về mọi mặt đến thế, như y nghĩ, trước hết y phát biểu phản đối bản hoà ước, nói rằng người Lacedaemon không đáng tin, mà họ chỉ dàn xếp để có thể bằng cách này diệt Argos, sau đó tấn công khi Athens đơn độc; và lúc bấy giờ, ngay khi sự việc nói trên xảy ra, y ngăm phái người đến Argos, bảo với dân đó hãy đến Athens càng nhanh càng tốt, đi cùng dân Mantinea và dân Elis, và mang theo những đề xuất liên minh, vì thời điểm đang thuận lợi và bản thân y sẽ làm mọi cách có thể để giúp họ.

Ngay khi nhận được thông tin đó và phát hiện ra rằng người Athens, chẳng những không biết gì về liên minh với Boeotia mà còn dính vào một vụ tranh cãi nghiêm trọng với người Lacedaemon, thì dân Argos đã không còn quan tâm đến sứ bộ mà họ vừa phái đến Lacedaemon để bàn về hiệp ước, và bắt đầu nghiêng về phía Athens hơn, vì suy xét rằng trong trường hợp có chiến tranh, họ sẽ vì thế mà có bên phe mình một thành bang không chỉ là một xứ liên minh cũ của Argos, mà còn là một xứ dân chủ anh em và rất có uy quyền trên biển. Vì vậy họ lập tức phái các sứ giả đến Athens để thương lượng việc liên minh, đi cùng với những sứ giả khác từ Elis và Mantinea.

Cùng khoảng thời gian đó một sứ bộ từ Lacedaemon gồm những người được cho là hữu hảo với Athens – Philocharidas, Leon và Endius – đã vội vàng đến đó vì sợ rằng người Athens trong cơn giận dữ sẽ thành lập liên minh với dân Argos, và cũng để đòi lại Pylos đổi lấy Panactum, bảo vệ cho việc liên minh với Boeotia với lời biện hộ rằng liên minh này không được lập nên nhằm xâm hại người Athens. Ngay khi các sứ giả trình bày với Hội đồng^[8] về các vấn đề đó, và tuyên bố họ đến với toàn quyền quyết định để dàn xếp tất cả các bất đồng khác giữa họ, Alcibiades bắt đầu lo sợ rằng nếu họ lặp lại những tuyên bố này trước hội nghị công dân, họ sẽ có thể tranh thủ được dân chúng, và liên minh với Argos sẽ có thể bị từ chối, do đó đã nhờ cậy đến mưu mẹo sau: Y thuyết phục người Lacedaemon bằng một lời cam đoan long trọng rằng nếu họ không nói gì về việc họ có toàn quyền quyết định trước hội nghị công dân, y sẽ trả lại Pylos cho họ (chính y, kể

hiện đang phản đối việc hoàn trả Pylos, cam kết sẽ đạt được điều này từ người Athens), và sẽ dàn xếp các điểm bất đồng khác. Kế hoạch của y là tách họ ra khỏi Nicias và làm nhục họ trước dân chúng, vì không có sự chân thành trong các ý định của họ, hoặc thậm chí không có sự nhất quán thông thường trong lời nói của họ, và do đó khiến cho các dân Argos, Elis và Mantinea được nhận vào khối liên minh. Kế hoạch này thực tế đã thành công. Khi các sứ giả xuất hiện trước dân chúng, và trước câu hỏi được đặt ra cho họ, họ đã không nói như đã nói trong Hội đồng, rằng họ đến đây với toàn quyền quyết định, người Athens đã mất hết kiên nhẫn, và bị Alcibiades lôi kéo – y lớn tiếng thóa mạ người Lacedaemon hơn bao giờ hết – nên họ đã ngay lập tức sẵn sàng mời dân Argos và các xứ đồng hành để kết nạp vào liên minh. Thế nhưng một trận động đất đã xảy ra trước khi bất cứ điều gì được quyết định, nên cuộc hội nghị công dân này bị hoãn lại.

Trong cuộc hội nghị công dân được triệu tập ngày hôm sau, Nicias, bất chấp việc người Lacedaemon đã tự để mình bị đánh lừa và để cho ông ta cũng bị đánh lừa theo khi họ không thừa nhận rằng họ đã đến với toàn quyền quyết định, vẫn bảo lưu ý kiến rằng tốt nhất là tiếp tục làm đồng minh với người Lacedaemon, và hãy cứ hoãn lại những đề xuất của dân Argos để phái người đến Lacedaemon một lần nữa và xem ý định của họ ra sao. Việc đình hoãn cuộc chiến tranh này chỉ có thể làm tăng uy thế của chính Athens và làm tổn hại uy thế của địch thủ; tình trạng cực kỳ phồn thịnh của họ khiến họ phải quan tâm để duy trì sự phồn thịnh này càng lâu dài càng tốt, trong khi tình trạng của người Lacedaemon tuyệt vọng đến nỗi họ có thể sẽ cố liều thử vận may của mình bằng chiến tranh một lần nữa càng sớm càng tốt. Với ý kiến đó ông ta đã thành công trong việc thuyết phục người Athens cử các sứ giả, trong đó có ông ta, để yêu cầu người Lacedaemon, nếu họ thực sự chân tâm thành ý, khôi phục và hoàn trả lại Panactum nguyên trạng cùng với Amphipolis, và từ bỏ liên minh với dân Boeotia (trừ khi dân này đồng ý tham gia bản hoà ước của họ), phù hợp với quy định của hoà ước ngăn cấm một bên giảng hoà với bên khác mà không có bên còn lại. Các sứ giả cũng đã được chỉ thị phải nói rằng người Athens nếu muốn lừa dối thì đã liên minh với dân Argos khi dân này thực ra đã đến Athens vì chính mục đích

đó, và sứ bộ ra đi được trang bị đầy đủ bằng những chỉ thị về bất cứ khiêu nại nào khác mà Athens phải đưa ra. Khi đến Lacedaemon, các sứ giả đã truyền đạt những điều họ đã được chỉ thị, và kết luận bằng việc nói với người Lacedaemon rằng trừ khi họ từ bỏ liên minh với dân Boeotia, trong trường hợp dân ấy không tham gia hoà ước của họ, thì người Athens sẽ liên minh với Argos và các đồng minh của dân này. Tuy vậy, người Lacedaemon cự tuyệt việc từ bỏ liên minh với dân Boeotia – phe phái của Đại pháp quan Xenares và tất cả những ai chia sẻ quan điểm với bọn họ đã thắng thế với quan điểm này – mà tuyên thệ lại theo yêu cầu của Nicias, người sợ phải quay về mà chưa hoàn thành được bất cứ việc gì và sẽ bị mất mặt; thực ra đây là điều mà ông ta không thể tránh khỏi khi được coi là người khởi xướng bản hiệp ước với người Lacedaemon. Khi ông ta trở về, và người Athens nghe tin rằng không đạt được điều gì ở Lacedaemon, họ đã nổi cơn thịnh nộ, và kết luận rằng lời cam kết với họ đã không được giữ, bèn nhân sự có mặt của sứ giả Argos và các đồng minh của dân này, do Alcibiades tiến cử trước đó, mà ký một hoà ước và liên minh với họ theo những điều khoản sau:

Người Athens, người Argos, người Mantinea và người Elis, đại diện cho chính mình và các đồng minh thuộc quyền cai trị của mình, lập một hiệp ước với thời hạn một trăm năm, không gian lận hoặc xâm hại trên đất liền và trên biển.

1. Tiến hành chiến tranh là phạm luật, dù là về phía Argos, Elis, Mantinea và các đồng minh của họ để chống lại Athens hay các đồng minh trong đế chế Athens, hay về phía Athens và các đồng minh của họ để chống lại Argos, Elis, Mantinea hay các đồng minh của họ, dù bằng bất cứ cách thức hay phương tiện nào. Athens, Argos, Elis và Mantinea sẽ là các bên liên minh trong thời hạn một trăm năm theo các điều khoản sau đây:

2. Nếu kẻ địch xâm lược lãnh thổ của Athens, thì Argos, Elis và Mantinea sẽ đến cứu viện Athens khi được người Athens gửi thông điệp yêu cầu, bằng cách mà họ có thể giúp hữu hiệu nhất, với tất cả sức mạnh của họ. Nếu kẻ xâm lược đã rút đi sau khi cướp bóc lãnh thổ đó, nó sẽ là kẻ thù chung của cả Argos, Mantinea, Elis và Athens, và tất cả các thành bang này sẽ tiến hành chiến tranh chống lại nó; và không thành bang nào được ký hòa ước với kẻ xâm lược đó, trừ khi được tất cả các thành bang nói trên đồng ý.
3. Tương tự, nếu kẻ địch xâm lược lãnh thổ của Elis, Mantinea hay Argos, thì Athens sẽ đến cứu viện Argos, Mantinea và Elis khi được các thành bang này gửi thông điệp yêu cầu, bằng cách mà họ có thể giúp hữu hiệu nhất, với tất cả sức mạnh của họ. Nếu kẻ xâm lược đã rút đi sau khi cướp bóc lãnh thổ đó, nó sẽ là kẻ thù chung của Athens, Argos, Mantinea và Elis, và tất cả các thành bang này sẽ tiến hành chiến tranh chống lại nó, và không thành bang nào được ký hoà ước với kẻ xâm lược đó, trừ khi được tất cả các thành bang nói trên đồng ý.
4. Không một lực lượng vũ trang nào vì những mục đích thù địch được phép đi qua lãnh thổ hoặc lãnh hải của các thành bang ký kết hiệp ước này, hoặc của những đồng minh thuộc quyền cai trị của từng bên, trừ khi tất cả các thành bang – gồm Athens, Argos, Mantinea và Elis – đều biểu quyết tán thành cho đi qua.
5. Quân cứu viện sẽ được thành bang gửi đi ứng cứu trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày họ đến được thành bang yêu cầu họ đến, và khi họ trở về cũng vậy: nếu sự phục vụ của họ được yêu cầu kéo dài hơn thì thành bang đã yêu cầu họ đến sẽ phải chu cấp cho họ, ở mức ba đồng ôbon Aegina mỗi ngày cho mỗi lính bộ binh hạng nặng, cung thủ, hay lính bộ binh hạng nhẹ, và một đồng *dracma* Aegina cho mỗi kỵ binh.

6. Thành bang yêu cầu quân cứu viện sẽ nắm quyền chỉ huy khi cuộc chiến diễn ra trên chính xứ sở của mình, nhưng trong trường hợp các thành bang quyết định tiến hành một cuộc viễn chinh chung thì quyền chỉ huy sẽ được chia đều giữa các thành bang đó.
7. Hiệp ước này sẽ được Athens đại diện cho chính mình và cho các đồng minh của họ tuyên thệ, và được Argos, Mantinea, Elis và các đồng minh của họ từng thành bang một tuyên thệ riêng. Mỗi thành bang sẽ tuyên thệ bằng lời thề ràng buộc nhất của xứ mình trên những con vật hiến sinh đã trưởng thành, lời thề như sau:

“Tôi trung thành với liên minh này và các điều khoản liên minh một cách chính trực, chân thành và không gian dối, và tôi sẽ không vi phạm các điều khoản liên minh này bằng bất cứ cách thức hay phương tiện nào.”

Lời thề sẽ được tuyên thệ tại Athens bởi Hội đồng và các quan chấp chính, các vị *Prytanis* chịu trách nhiệm thi hành; tại Argos được tuyên thệ bởi Hội đồng, [ủy ban] Tám mươi và các vị *Artynas*^[9], Ủy ban Tám mươi thi hành; tại Mantinea được tuyên thệ bởi các vị *Demiurgus*^[10], Hội đồng và các quan chức khác, các vị *Theori*^[11] và các vị *Polemarch*^[12] thi hành; tại Elis do các vị *Demiurgus*, các quan chấp chính và Hội đồng Sáu trăm^[13] tuyên thệ, các vị *Demiurgus* và các vị *Thesmophylace*^[14] thi hành việc này. Những lời thề sẽ được người Athens nhắc lại khi đến Elis, Mantinea và Argos ba mươi ngày trước Đại hội Olympic: được người Argos, Mantinae và Elis nhắc lại khi đến Athens mười ngày trước Đại lễ hội PanAthensea. Các điều khoản của hiệp ước, lời thề và liên minh này sẽ được khắc lên một cột đá trong thành nội của Athens, trong đền thờ thần Apollo ở nơi họp chợ của Argos, trong đền thờ thần Zeus ở nơi họp chợ của Mantinea, và một cây cột bằng đồng thau sẽ được họ cùng nhau dựng ở Đại hội Olympic sắp đến. Nếu các thành bang nói trên thấy cần bổ sung bất kỳ điều gì vào các điều khoản này,

bất kể là điều gì mà tất cả các thành bang trên đây đều đồng ý sau khi đã tham vấn lẫn nhau sẽ đều có hiệu lực ràng buộc.

Mặc dù bản hiệp ước và liên minh như vậy đã được ký kết, hiệp ước giữa người Lacedaemon và người Athens vẫn chưa bị cả hai phía bãi bỏ. Trong lúc ấy, Corinth, mặc dù là đồng minh của dân Argos, đã không đồng tình với bản hiệp ước mới, chẳng khác gì trước đó nó đã không đồng tình với liên minh phòng thủ và tấn công đã được thành lập trước liên minh này giữa các dân Elis, Argos và Mantinea, trái lại Corinth tuyên bố đồng tình với liên minh đầu tiên được thành lập, liên minh chỉ phòng thủ và ràng buộc họ để giúp đỡ lẫn nhau, nhưng không cùng tham gia vào tấn công bất kỳ xứ nào. Người Corinth vì thế đã tách khỏi các xứ liên minh kia, và một lần nữa lại hướng về phía Lacedaemon.

Tại Đại hội Olympic được tổ chức vào mùa hè, trong kỳ Đại hội mà Androstenes người Arcadia lần đầu trở thành người chiến thắng trong môn đấu vật và quyền thuật, người Lacedaemon đã bị dân Elis không cho vào đền thờ, và như vậy đã bị ngăn không cho hiến tế hay thi đấu, vì đã từ chối nộp món phạt được quy định trong luật của Đại hội Olympic mà họ bị dân Elis áp đặt khi cáo buộc họ đã tấn công Pháo đài Phyracus^[15] và đưa bộ binh hạng nặng của mình vào Lepreum trong thời gian tạm đình chiến vì Đại hội Olympic. Số tiền phạt là hai ngàn *mina*, hai *mina* cho mỗi hộ binh hạng nặng, như luật quy định. Người Lacedaemon đã cử các sứ giả đến, và phân biện rằng việc áp đặt này bất công, nói rằng thỏa thuận tạm đình chiến chưa được công bố ở Lacedaemon khi số bộ binh hạng nặng đó được phái đi. Nhưng dân Elis quả quyết rằng việc đình chiến với họ đã bắt đầu từ trước (họ luôn công bố trong dân mình trước nhất) và rằng cuộc xâm lược của người Lacedaemon khiến họ bị bất ngờ khi họ đang sống yên ổn trong hòa bình và không đề phòng gì. Trước những lời này người Lacedaemon bèn lập luận rằng nếu dân Elis thực sự tin Lacedaemon đã tiến hành một cuộc xâm lược, thì thật vô ích nếu sau hành động đó lại đi công bố tạm đình chiến tại Lacedaemon; nhưng bất luận thế nào thì họ cũng đã công bố, bởi tin rằng không có bất cứ cuộc xâm lược nào như vậy, và từ thời điểm đó

Lacedaemon đã không thực hiện bất kỳ cuộc tấn công nào vào đất của dân Elis. Song dân Elis khẳng khái bám chặt vào những gì họ đã nói, và không gì có thể thuyết phục họ rằng cuộc xâm lược đó đã không diễn ra; tuy nhiên, nếu người Lacedaemon trả lại Lepreum, họ sẽ từ bỏ phần của mình trong số tiền kia và trả hộ cho người Lacedaemon khoản phải dâng cho vị thần đó^[16].

Khi đề xuất này không được chấp nhận, dân Elis đã thử đề xuất thứ hai. Thay vì trả lại Lepreum, nếu điều này bị phản đối, người Lacedaemon phải đi lên đàn tế thần Zeus ở Olympia, vì họ nóng lòng được vào đền, và thề trước toàn dân Hy Lạp rằng chắc chắn họ sẽ trả tiền phạt sau. Khi điều này cũng bị từ chối, người Lacedaemon bị ngăn chặn không cho vào ngôi đền đó, không được tham gia lễ hiến tế và Đại hội Olympic, và họ đã hiến tế tại quê xứ; dân Hy Lạp khác duy nhất không tham gia là dân Lepreum. Dù vậy dân Elis sợ người Lacedaemon sẽ dùng vũ lực để vào hiến tế, nên đã cho một đội bộ binh hạng nặng gồm toàn binh lính trẻ canh giữ; cùng tham gia canh giữ với họ là một ngàn quân Argos, và cũng bằng đó quân Mantinea, cộng thêm một số kỵ binh Athens đóng tại Harpina^[17] trong dịp đại lễ hội. Những người tham dự đại hội này lo ngay ngáy về việc người Lacedaemon sẽ vũ trang kéo đến, đặc biệt sau khi Lichas người Lacedaemon, con trai của Arcesilaus, bị các trọng tài trên trường đua vung roi đánh; bởi vì, khi những con ngựa của anh ta chiến thắng mà người Boeotia lại được công bố là người thắng cuộc vì anh ta không được quyền tham gia thi đấu, anh ta đã tiến ra trước trường đua và trao vòng nguyệt quế cho người đánh xe, để cho thấy rằng cỗ xe thắng cuộc là của anh ta. Sau sự cố này tất cả càng sợ hơn bao giờ hết, và cầm chắc một cuộc náo động: tuy nhiên, người Lacedaemon vẫn im ắng, và để lễ hội qua đi, như ta đã thấy. Sau Đại hội Olympic, dân Argos và các đồng minh kéo nhau đến Corinth để mời họ theo sang phe mình. Tại đó họ thấy một số sứ giả Lacedaemon; và một cuộc thảo luận dài đã diễn ra, mà rồi rốt cục không dẫn đến kết quả nào vì một trận động đất đã xảy ra, và bọn họ giải tán ai về xứ nấy.

Mùa hạ bấy giờ đã hết. Mùa đông tiếp theo đó một trận chiến đã xảy ra giữa dân Heraclea ở Trachinia^[18] với các dân Aeniania^[19], Dolopia, Malis và

một số dân vùng Thessaly, tất cả các tộc dân giáp ranh và thù địch với trấn này vì nó trực tiếp đe dọa xứ sở của họ. Vì vậy, sau khi đã chống đối và liên tục tấn công quấy rối trấn này bằng mọi phương tiện có trong tay ngay từ khi trấn mới lập, trong trận chiến này bọn họ đã đánh bại người Heraclea, Xenares con trai của Cnidis, viên chỉ huy người Lacedaemon của họ, nằm trong số những người bị giết. Mùa đông đã kết thúc như vậy và năm thứ mười hai của cuộc chiến tranh cũng kết thúc. Sau trận đánh này, Heraclea sa sút nhiều đến mức trong những ngày đầu tiên của mùa hạ tiếp đó dân Boeotia đã chiếm giữ nơi này và đuổi Agesippidas người Lacedaemon khỏi đó do sự cai trị tồi, họ sợ rằng trấn này sẽ bị người Athens chiếm mất khi người Lacedaemon bị phân tâm với những cuộc xung đột ở Peloponnese. Tuy nhiên, người Lacedaemon cảm thấy bị xúc phạm vì cách hành xử đó của dân Boeotia.

Cùng mùa hạ ấy, Alcibiades – con trai của Clinias, lúc này là một trong các tướng lĩnh của Athens, đã phối hợp cùng với dân Argos và các đồng minh tiến vào Peloponnese với một ít bộ binh hạng nặng và cung thủ của Athens và một số quân của các đồng minh ở các vùng đó mà y thu nhận trên đường đi, và cùng với đội quân này hành quân trên khắp Peloponnese, giải quyết nhiều vấn đề khác nhau liên quan tới liên minh, và trong những việc đó có việc xúi giục dân Patrae xây nổi thành lũy của họ chạy tới biển, với ý định y sẽ tự xây một pháo đài gần Rhium ở Achaea. Thế nhưng người Corinth, Sicyon và các dân khác mà có thể sẽ phải chịu tổn hại khi pháo đài này được xây đã đến đó và cản trở y.

Cùng mùa hạ này chiến tranh đã bùng nổ giữa dân Epidaurus và dân Argos. Cái cơ được viện ra là dân Epidaurus đã không dâng lễ vật lên thần Apollo Pythaeus^[20] cho vùng đất chôn thả của họ, việc mà đáng nhẽ họ phải làm, trong khi dân Argos nắm quyền cai quản ngôi đền này; nhưng ngoài cái cơ này ra, Alcibiades và dân Argos đã định chiếm lấy Epidaurus nếu có cơ hội, và bằng cách đó đảm bảo sự trung lập của Corinth và cho người Athens một con đường để gửi quân tiếp viện từ Aegina đến gần hơn con đường mà

họ vẫn phải đi thuyền vòng qua Scyllaeum^[21]. Dân Argos vì thế đã chuẩn bị tự mình xâm lăng Epidaurus để đòi khoản lễ dâng cúng đó.

Vào khoảng cùng thời gian đó người Lacedaemon đã kéo toàn quân tiến đến Leuctra^[22] trên biên giới của họ, đối diện với núi Lycaeum, dưới quyền chỉ huy của Agis, con trai của Archidamus, mà không một ai biết đích đến của mình là đâu, kể cả các thành bang đã gửi những đội quân tham gia lực lượng này. Tuy vậy, các lễ hiến sinh để xin vượt qua biên giới đã chứng tỏ điểm không lạnh, nên người Lacedaemon lại quay về, và gửi lời hẹn các đồng minh sẵn sàng để cất quân sau một tháng nữa, tình cờ là tháng lễ hội Carneus^[23], tháng thiêng của người Doris. Nhân khi người Lacedaemon rút lui, người Argos đã cất quân ra khỏi xứ vào ngày trước cuối tháng ba ngày^[24] ngay trước tháng lễ hội Carneus, và vừa cử hành ngày lễ đó trong suốt thời gian ra khỏi xứ mình, họ vừa xâm lăng và cướp phá vùng Epidaurus. Dân Epidaurus đã hiệu triệu các đồng minh đến cứu viện, một số đồng minh nại có tháng thiêng đã chối từ; số khác chỉ tiến đến biên giới của Epidaurus và án binh bất động ở đó.

Trong khi quân Argos đang ở Epidaurus, các sứ bộ của các thành bang hội họp tại Mantinea, theo lời mời của người Athens. Khi hội nghị bắt đầu, Euphamidas người Corinth nói rằng việc làm của họ không đi đôi với lời nói; trong khi họ đang ngồi bàn thảo về hoà bình, thì dân Epidaurus cùng với đồng minh của họ và dân Argos đã cầm vũ khí và dàn trận đánh nhau; mỗi bên ở đây trước hết cần cử đại diện đến và tách hai đạo quân đó ra, sau đó có thể nhóm lại cuộc hòa đàm. Thế theo ý kiến này, họ đã đi và khiến quân Argos rút khỏi Epidaurus, sau đó hội nghị nhóm họp lại, nhưng cũng không thành công hơn chút gì vì chẳng đi đến kết luận nào; và Argos đã xâm lược Epidaurus lần thứ hai và cướp phá xứ này. Người Lacedaemon cũng đã tiến quân ra Caryae^[25]; những lễ hiến sinh ở biên giới lại một lần nữa tỏ ra là điểm không thuận, họ lại quay về, và quân Argos sau khi tàn phá khoảng một phần ba lãnh thổ Epidaurus cũng đã rút về. Trong khi đó một ngàn bộ binh hạng nặng của Athens đã đến để hỗ trợ quân này dưới sự chỉ huy của

Alcibiades, nhưng thấy rằng cuộc viễn chinh của người Lacedaemon đã kết thúc, và bọn họ không còn cần thiết nữa, nên đã quay về.

Mùa hạ đã trôi qua như vậy. Sang mùa đông người Lacedaemon đã xoay sở để vượt qua được sự canh chừng của người Athens, và đưa được một đơn vị đồn trú ba trăm quân vào Epidaurus, dưới sự chỉ huy của Agesippidas. Về việc này người Argos đã đến gặp người Athens và trách cứ họ đã để một kẻ địch đi qua lãnh hải của họ, bất chấp cái điều khoản trong hiệp ước mà theo đó các xứ liên minh không được cho phép một kẻ địch đi qua xứ sở mình. Do đó, trừ khi lúc này Athens đưa quân Messenia và quân *Helots* vào Pylos để quấy rối người Lacedaemon, thì dân Argos bọn họ sẽ coi lời cam kết đã không được thực hiện với họ. Người Athens bị Alcibiades thuyết phục để cho khắc vào chân cột ở Laconia rằng người Lacedaemon đã không giữ lời thề, và đưa quân *Helots* ở Cranii đến Pylos để cướp phá xứ này; nhưng về những việc khác họ vẫn im lặng như trước. Trong suốt mùa đông này chiến sự vẫn tiếp diễn giữa quân Argos và quân Epidaurus mà không xảy ra một trận đánh lớn nào, chỉ có các cuộc đột kích và phục kích, trong đó thiệt hại là không đáng kể và lúc bên này lúc bên kia phải hứng chịu. Vào cuối mùa đông, sắp sang xuân, quân Argos tiến đến Epidaurus với những chiếc thang leo thành, tưởng rằng sẽ thấy thành này không được canh gác bởi điều động chiến tranh và sẽ có thể đột kích để chiếm lấy, nhưng đã ra về không thành công. Và mùa đông đó kết thúc, cũng kết thúc năm thứ mười ba của cuộc chiến tranh này.

Vào giữa mùa hạ tiếp theo, người Lacedaemon, thấy rằng dân Epidaurus đồng minh của họ đang khốn đốn và phần còn lại của Peloponnese hoặc đang nổi dậy hoặc bất tuân, kết luận rằng đã đến lúc cấp thiết họ phải can thiệp nếu muốn ngăn chặn tiến trình của tai họa, và vì vậy đã cất toàn bộ quân, gồm cả quân *Helots*, đi đánh Argos, dưới sự chỉ huy của Agis con trai của Archidamus, vua của người Lacedaemon. Quân Tegea và các đồng minh khác của Lacedaemon ở Arcadia đã tham gia cuộc viễn chinh. Các đồng minh đến từ những vùng còn lại của Peloponnese và từ bên ngoài đã tập trung ở Phlius; Boeotia với năm ngàn bộ binh hạng nặng và cũng bằng ấy bộ binh hạng nhẹ, cộng với năm trăm kỵ binh và bằng ấy kỵ binh đánh bộ;

Corinth với hai ngàn bộ binh hạng nặng; các đồng minh còn lại nhiều hay ít tùy theo tình hình; và dân Phlius với toàn bộ quân lực của họ, vì đạo quân này hợp quân ở xứ sở họ.

Việc chuẩn bị của người Lacedaemon ngay từ đầu đã bị người Argos biết được, tuy nhiên dân ấy đã không xuất quân cho đến khi quân địch đã lên đường đến Phlius để hội quân với các đồng minh. Được tăng cường bằng quân Mantinea cùng với quân các xứ đồng minh của họ, và với ba ngàn bộ binh hạng nặng của Elis, họ tiến quân và tình cờ đụng độ quân Lacedaemon tại Methydrium^[26] xứ Arcadia. Mỗi bên chiếm vị trí trên một ngọn đồi và quân Argos chuẩn bị giao chiến với quân Lacedaemon khi đạo quân này còn chưa hội với các quân đồng minh, nhưng Agis qua mắt họ bằng cách nhổ trại ra đi trong đêm, và đến hội quân với các đồng minh ở Phlius. Quân Argos phát hiện ra điều này vào lúc rạng sáng, bèn trước hết tiến quân về Argos và sau đó đến đường Nemean, con đường mà họ tiên liệu rằng quân Lacedaemon cùng với các đồng minh sẽ đi xuống. Tuy nhiên, Agis, thay vì đi con đường đã bị đón lõng, đã truyền lệnh cho các quân Lacedaemon, Arcadia và Epidaurus, đi theo một con đường khác hiểm trở hơn, rồi tràn xuống đồng bằng Argos. Quân Corinth, quân Pellene và quân Phlius tiến theo một con đường dốc khác; trong khi quân Boeotia, quân Megara và quân Sicyon đã được lệnh đi xuống theo đường Nemean nơi quân Argos đóng chốt, để khi quân Argos tiến vào đồng bằng đánh quân của Agis thì họ có thể đánh tập hậu bằng kỵ binh của mình. Cắt đặt xong xuôi, Agis xâm lăng vùng đồng bằng và bắt đầu tàn phá Saminthus^[27] cùng những nơi khác.

Phát hiện ra tình thế này, quân Argos đã từ Nemea^[28] kéo đến, khi ngày vừa mới rạng. Trên đường đi họ bắt gặp các đội quân Phlius và Corinth, và giết được một ít quân Phlius và có lẽ họ cũng bị thiệt hại một số quân ít hơn dưới tay quân Corinth. Trong khi đó quân Boeotia, quân Megaria và quân Sicyon khi tiến đến Nemea theo chỉ thị thì thấy quân Argos không còn ở đó, bởi quân Argos thấy điền sản của mình bị cướp phá đã kéo xuống đồng bằng, và bây giờ đang dàn đội hình để vào trận, quân Lacedaemon cũng theo đó dàn trận. Quân Argos bây giờ đã bị vây bọc hoàn toàn: từ phía đồng bằng

quân Lacedaemon và các đồng minh chia cắt họ với kinh thành của họ; phía trên họ là quân Corinth, quân Phlius và quân Pellene; và phía Nemea là quân Boeotia, quân Sicyon và quân Megara. Trong khi đó quân Argos không có kỵ binh, trong số các quân liên minh còn mỗi quân Athens là vẫn chưa đến. Lúc này phần lớn quân Argos và các đồng minh của mình không nhìn ra tình thế nguy hiểm của họ, mà cho rằng họ đã chiếm lĩnh được vị trí không nơi nào tốt hơn trên trận địa, đồng thời đã chặn được quân Lacedaemon trong xứ sở của mình và gần thành Argos. Tuy vậy, có hai người trong quân Argos, là Thrasyllus – một trong năm vị tướng quân, và Alciphron – *proxenus* của Lacedaemon, ngay khi hai đạo quân sắp sửa giao chiến, đã đi ra và mở cuộc đàm phán hòa bình với Agis và kêu gọi ông này không khai chiến, vì người Argos sẵn sàng trưng cầu trọng tài phân xử công bằng và bình đẳng về bất cứ khiếu nại nào của người Lacedaemon đối với Argos, và lập một hiệp ước và sống hoà bình trong tương lai.

Hai người Argos đã ra tuyên bố như vậy theo thẩm quyền riêng của mình, không theo lệnh của dân chúng, và Agis theo thẩm quyền cá nhân của mình đã chấp nhận các đề nghị của họ mà không tham khảo ý kiến đa số, chỉ đơn giản trao đổi việc này với một cá nhân duy nhất, một trong những người có quyền chức cao đi cùng trong cuộc viễn chinh, và đã chấp thuận cho Argos một thỏa thuận đình chiến bốn tháng, thời gian để dân Argos thực hiện lời hứa của họ; sau đó ông ta lập tức rút quân đi mà không đưa ra bất cứ lời giải thích nào với các đồng minh. Quân Lacedaemon và các đồng minh đi theo vị tướng của họ vì tôn trọng luật lệ, nhưng giữa họ với nhau thì họ lớn tiếng trách cứ Agis vì đã bỏ đi trước một trận đánh thuận lợi như vậy (khi kẻ địch bị vây chặt bởi bộ binh hạng nặng và kỵ binh) mà không làm gì cho đáng với sức mạnh của họ. Quả thực cho đến lúc này đây là đạo quân Hy Lạp hùng mạnh nhất từng được tập hợp; và cần phải thấy họ khi đang hợp quân tại Nemea, quân Lacedaemon với toàn bộ binh lực, quân Arcadia, quân Boeotia, quân Corinth, quân Sicyon, quân Pellene, quân Phlius và quân Megara, tất cả họ đều là tinh hoa trong dân của mỗi xứ đó, tự coi mình không chỉ xứng tầm là đối thủ với liên minh Argos, mà với cả một liên minh lớn gấp đôi như thế. Đạo quân này vì thế đã rút lui mà không ngừng oán

trách Agis, và ai về xứ nấy. Tuy vậy dân Argos còn lớn tiếng hơn khi trách cứ những người đã ký kết tạm ước mà không tham vấn dân chúng, khi chính họ nghĩ rằng họ đã để sống theo quân Lacedaemon một cơ hội mà sẽ không bao giờ thấy lại lần nữa; bởi trận đánh lẽ ra đã diễn ra dưới chân thành lũy của họ, và sát cánh bên họ là các quân đồng minh vừa đông vừa dũng cảm. Vì thế khi đạo quân về đến nơi họ bắt đầu ném đá Thrasyllus trong khu hội quân ở khu vực lòng sông Charadrus, nơi họ xét xử tất cả các vụ tố tụng quân sự trước khi vào thành. Thrasyllus đã chạy vào ban thờ để trốn, và nhờ vậy mà giữ được mạng; tuy nhiên điền sản của ông ta đã bị tịch biên.

Sau sự kiện này một ngàn bộ binh hạng nặng người Athens và ba trăm kỵ binh mới đến nơi, dưới quyền chỉ huy của Laches và Nicostratus; người Argos tuy vậy vẫn phải nài nỉ các chỉ huy Athens dẫn quân này ra đi vì không muốn phá vỡ hiệp ước đình chiến tạm thời với người Lacedaemon, và từ chối đưa họ ra trước đám đông dân chúng, những người mà họ muốn thương lượng, cho đến khi họ buộc phải làm vậy vì những lời cầu khẩn của quân Mantinea và quân Elis, mà lúc bấy giờ vẫn đang ở Argos. Người Athens, qua miệng Alcibiades là sứ giả đang có mặt tại đó của họ, đã nói với dân Argos và các đồng minh rằng họ không có quyền lập một thỏa thuận đình chiến mà không có sự đồng ý của các bên khác trong liên minh của họ, và giờ khi quân Athens đã đến đúng lúc như vậy, cuộc chiến phải được bắt đầu lại. Những lập luận này đã thuyết phục được các quân đồng minh, họ lập tức tiến quân đánh thành Orchomenos^[29], tất cả ngoại trừ quân Argos, quân này mặc dù đã tán thành như các quân đồng minh khác, thoát đầu vẫn ở lại phía sau, nhưng cuối cùng cũng gia nhập với quân các xứ kia. Tất cả đạo quân liên minh này hạ trại và bao vây Orchomenos, tiến hành các cuộc đột kích vào nơi này; một trong những nguyên nhân họ mong chiếm được nơi này là do các con tin từ Arcadia đã bị người Lacedaemon đưa về nhốt ở đây. Dân Orchomenos lo sợ vì các bức thành lũy yếu, vì quân địch quá đông và vì nguy cơ họ sẽ bị tiêu diệt trước khi cứu viện đến nên đã đầu hàng với điều kiện phải gia nhập liên minh này, giao người của mình làm con tin cho quân Mantinea, và trao trả những người bị Lacedaemon cầm giữ ở đây. Orchomenos như vậy đã được yên, quân liên minh lúc bấy giờ bàn bạc về

việc họ nên tấn công tiếp nơi nào trong những xứ còn lại. Quân Elis thúc giục đi đánh Lepreum; quân Mantinea thì muốn đánh Tegea; còn quân Argos và quân Athens thì ủng hộ quân Mantinea, quân Elis ra về với lòng tức giận vì quân liên minh không tán thành đánh Lepreum; trong khi đó số còn lại của liên minh này đã sẵn sàng tại Mantinea để đi đánh Tegea, nơi một phe phái bên trong đã xếp đặt để giao thành này vào tay họ.

Trong khi đó quân Lacedaemon vừa trở về từ Argos sau khi ký kết thỏa thuận đình chiến bốn tháng đã kịch liệt lên án Agis vì không chinh phục được Argos, dù đã có được một cơ hội mà họ cho là chưa từng có; vì chẳng dễ gì mà tập hợp được các đồng minh đông đến thế và mạnh đến thế. Khi có tin về việc Orchomenos bị chiếm, họ nổi giận hơn bao giờ hết, và, trái với mọi tiền lệ, trong giây phút phẫn nộ họ đã suýt nữa quyết định san bằng nhà của Agis, và phạt ông ta mười ngàn đồng *dracma*. Tuy vậy, Agis đã khẩn nài họ đừng làm những việc ấy, hứa sẽ chuộc lỗi bằng cống hiến trên chiến trường, nếu lại thất bại thì họ có thể trừng phạt ông ta bằng bất cứ cách nào họ muốn; do đó họ đã kiềm chế không phá nhà và không phạt ông ta như họ đã đe dọa, và bấy giờ đặt ra một luật lệ, cho đến khi ấy chưa từng thấy ở Lacedaemon, là cử mười người Sparta làm cố vấn cho ông ta, nếu không có sự đồng thuận của họ thì ông ta sẽ không có quyền cầm quân ra ngoài cõi.

Đúng lúc đó tin tức từ bè bạn của họ ở Tegea đưa đến cho hay rằng nếu họ không đến cho mau thì Tegea sẽ sang theo phe Argos và liên minh của nó, nếu chẳng phải đã sang theo phe ấy mất rồi. Khi nghe tin này, một lực lượng đã từ Lacedaemon kéo ra, gồm quân Sparta và *Helots* cùng toàn bộ dân của họ, ngay tức khắc và trên một quy mô trước đó chưa từng thấy. Tiến đến trấn Orestheum^[30] ở Maenalia^[31], họ lệnh cho quân Arcadia trong liên minh của mình đi liền theo sau đến Tegea, và khi đã tự đi đến tận Orestheum, họ gửi từ đó về một phần sáu quân Sparta, gồm những người già nhất và trẻ nhất, để canh giữ quê xứ của họ, và cùng với toàn thể đạo quân còn lại họ đã đến Tegea; nơi những đồng minh vùng Arcadia không lâu sau đó đã hội quân với họ. Trong khi đó họ phái người đến Corinth, Boeotia, Phocis và Locris, lệnh cho những xứ này hết sức khẩn trương kéo quân đến Mantinea. Các đồng

minh này đã được thông báo đột ngột; và việc kéo quân đi không dễ dàng gì trừ khi tất cả chờ đợi nhau để cùng lúc đi qua xứ sở của kẻ địch, xứ này nằm ngay trên đường và chặn tuyến giao thông của họ. Dầu vậy họ đã khẩn trương hết mức có thể. Trong khi đó quân Lacedaemon với các đồng minh vùng Arcadia đã hội quân cùng họ tiến vào lãnh thổ Mantinea, và sau khi đóng quân gần đền thờ Heracles họ bắt đầu cướp bóc xứ này.

Tại đây quân Argos và các quân liên minh của mình đã trông thấy họ, những quân này liền tức tốc chiếm lĩnh một vị trí vững chắc, hiểm trở, và dàn trận để chiến đấu. Quân Lacedaemon ngay lập tức tiến đánh, và đã xông tới trong tầm ném đá hay phóng lao, khi đó một trong số những người lão luyện hơn, thấy vị trí của địch quân là một vị trí mạnh, đã hét lên với Agis rằng ông ta đúng là định sửa một lỗi lầm bằng một lỗi lầm khác; tức là ông ta mong muốn chuộc lỗi cho cuộc rút lui khỏi Argos lần trước đã bị chỉ trích rất nhiều bằng sự hấp tấp không đúng lúc hiện giờ. Khi ấy Agis, hoặc do tác động từ tiếng kêu này hoặc do ý tưởng mới bất chợt nảy ra của chính ông ta, đã nhanh chóng dẫn quân lui về không giao chiến, và khi đã xâm nhập vào lãnh thổ Tegea, ông ta bắt tay vào khơi chệch dòng nước sang lãnh thổ Matinea, dòng nước mà dân Mantinea và dân Tegea vẫn luôn giao tranh vì nó, do thiệt hại nặng nề mà nó gây ra với bất kể xứ nào trong hai xứ nếu nó đổ vào. Mục đích của Agis trong việc này là khiến quân Argos và quân liên minh của họ phải kéo xuống khỏi ngọn đồi, để chống lại việc đảo hướng dòng nước, điều mà họ chắc chắn sẽ làm khi họ biết được sự thế, và như vậy sẽ đánh trận này ở đồng bằng. Do đó ngày hôm ấy ông ta giữ nguyên vị trí, tập trung vào việc chuyển hướng dòng chảy. Quân Argos và quân liên minh của mình lúc đầu ngạc nhiên trước sự rút lui đột ngột của địch sau khi đã tiến gần đến thế, và không biết hư thực ra sao; nhưng khi Agis đã đi xa và biến mất mà quân họ không phát động cuộc truy kích, họ lại một lần nữa bắt đầu kịch liệt phê phán các viên tướng của mình, những người không những đã để quân Lacedaemon thoát lẩn trước khi họ rất may mắn chặn được địch lại trước thành Argos, mà bây giờ lại một lần nữa cho phép quân ấy tháo lui không ai truy đuổi, và ung dung thoát đi trong khi đạo quân của Argos bị phản bội một cách thong thả.

Các vị tướng này sẽ sờ giây lát rồi kéo quân xuống đồi, và tiến lên và hạ trại trong vùng đồng bằng, với ý định tấn công địch.

Ngày hôm sau quân Argos và các quân đồng minh của họ bài binh bố trận sẵn sàng định đánh, nếu họ tình cờ chạm mặt địch quân; và khi quân Lacedaemon từ chỗ dòng nước quay về nơi cắm trại cũ của họ gần đền thờ Heracles, hốt nhiên nhìn thấy địch thủ của họ ở ngay gần trước mắt, tất cả đã hàng ngũ tề chỉnh và từ phía quả đồi tiến đến. Quân Lacedaemon không nhớ được mình đã từng trải qua nỗi bàng hoàng chấn động đến thế hay chưa: hầu như không có thời gian để chuẩn bị, trong lúc họ lập tức và vội vã lao vào hàng của mình, Vua Agis của họ đang chỉ huy mọi việc theo đúng luật. Bởi khi một vị vua có mặt trên chiến trường thì mọi mệnh lệnh đều phải do ông ta ban ra: ông ta truyền khẩu lệnh cho các *Polemarch*, các *Polemarch* truyền xuống các *Lochage*^[32], những chỉ huy này truyền xuống cho các *Pentecoster*^[33], các *Pentecoster* này lại truyền xuống cho các *Enomotarch*^[34], và các *Enomotarch* này cuối cùng truyền lệnh ấy cho các *Enomoty* của mình. Nói ngắn gọn tất cả các mệnh lệnh cần phải được truyền đi theo đúng cách đó và nhanh chóng đến binh lính; vì hầu như toàn thể quân đội Lacedaemon, chỉ trừ một phần nhỏ, là gồm các chỉ huy dưới quyền các chỉ huy khác, và trách nhiệm với những việc phải thực hiện do đa số cùng gánh vác.

Trong trận này cánh phải được hợp thành bởi quân Sciritis^[35], trong một đạo quân Lacedaemon vị trí đó luôn dành riêng cho quân này; bên cạnh họ là quân lính của Brasidas từ Thrace và quân *Neodamodes* đi cùng với họ; rồi đến chính quân Lacedaemon, binh đội nối tiếp binh đội, sát cánh với quân Arcadia từ Heraea^[36]. Sau các binh đội này là quân Maenalia, và ở bên cánh phải là quân Tegea với một ít quân Lacedaemon ở phía ngoài cùng; kỵ binh của họ được bố trí ở cả hai cánh. Đó là đội hình của người Lacedaemon. Đội hình quân địch của họ như sau: về phía cánh phải là quân Mantinea, trận chiến này đang diễn ra trên xứ sở của họ; kế bên họ là các quân đồng minh vùng Arcadia; sau họ là một ngàn quân được tuyển chọn của Argos, những người này đã được huấn luyện quân sự dài ngày bằng chi phí công của thành bang ấy; tiếp đến là toàn bộ quân còn lại của Argos, và sau quân này là các

đồng minh của Argos là quân Cleonae^[37] và quân Orneae^[38] và cuối cùng quân Athens ở cuối cánh trái, với kỵ binh riêng của họ.

Đó là trận thế và lực lượng của hai bên tham chiến. Đạo quân của Lacedaemon trông có vẻ đồng hơn cả; dù về phần xác định quân số của cả đạo quân bên này lẫn bên kia, hoặc của các đơn vị hợp thành thì tôi không thể làm chính xác. Do chính quyền bên họ giữ bí mật nên quân số Lacedaemon là ẩn số, và con người ta có khuynh hướng khoe khoang về quân lực của xứ mình đến nỗi ước tính của các kẻ thù của họ là không đáng tin cậy. Tuy thế, cách tính toán sau đây khiến việc ước lượng quân số Lacedaemon có mặt trong trận này có thể thực hiện được. Có bảy *Lochos* trên chiến trường không kể cánh quân Sciritis, cánh quân này có sáu trăm binh lính: mỗi *Lochos* có bốn *Pentecostys*, và mỗi *Pentecostys* có bốn *Enomoty*. Hàng đầu tiên của mỗi *Enomoty* gồm bốn binh lính: về chiều sâu đội hình, mặc dù không được bố trí như nhau trong mọi trường hợp mà tùy theo lựa chọn của mỗi viên chỉ huy, họ thường được dàn thành tám hàng; hàng đầu tiên trên toàn tuyến của đội quân này, trừ quân Sciritis, gồm bốn trăm bốn mươi tám binh lính.

Các đạo quân lúc bấy giờ đang trước giờ xung trận, mỗi đạo quân nhận lời động viên từ chỉ huy của mình. Quân Mantinea được nhắc nhở rằng họ sắp chiến đấu cho xứ sở của họ và để tránh quay lại đời nô lệ sau khi đã ném trái quyền cai trị; quân Argos thì được nhắc rằng họ sẽ chiến đấu vì quyền bá chủ từ xưa của họ, để lấy lại phần chia đều Peloponnese mà một thời họ từng được hưởng nhưng đã bị tước đoạt quá lâu, và để trừng phạt kẻ địch đồng thời là một lân bang vì cả ngàn việc sai trái; quân Athens thì là về niềm vinh quang của việc giành được danh dự ngày nay với những đồng minh vũ trang đông đảo và dũng cảm như vậy, và vì một chiến thắng trước quân Lacedaemon tại Peloponnese sẽ củng cố và mở rộng đế chế của họ, hơn nữa sẽ bảo vệ Attica khỏi tất cả những cuộc xâm lược trong tương lai. Đó là những lời khích lệ được dành cho quân Argos và đồng minh. Quân Lacedaemon trong khi đó, từng người quay sang nhắc nhở nhau, và với bài ca xuất trận cất lên trong các hàng quân, cổ vũ từng đồng đội dũng cảm nhớ

lại những gì họ đã học hỏi được trước đó; họ nhận thức rõ sự rèn luyện chiến đấu lâu dài có hiệu quả cứu nguy nhiều hơn bất cứ lời hô hào ngắn gọn nào, dù chưa bao giờ chúng được phát biểu hay ho đến thế.

Sau đó hai bên lâm trận, quân Argos và quân liên minh của họ tiến lên ồ ạt và sôi sục, quân Lacedaemon chậm rãi và theo nhạc hiệu của nhiều lính kèn – một truyền thống bất di bất dịch trong quân này, không liên quan gì đến tôn giáo mà nhằm giúp tiến quân nhịp nhàng, đều bước, không rối đội hình, như những đạo quân lớn thường làm trong thời khắc khai chiến.

Ngay trước khi giao chiến, Vua Agis đã quyết định dùng chiến thuật sau đây. Tất cả các đạo quân đều giống nhau ở điểm này: khi lâm trận họ bị buộc phải đẩy đội hình bên cánh phải ra phía ngoài hơn, và cả bên này lẫn bên kia đều cố dùng cánh phải của mình đánh lấn lên cánh trái của đối phương; bởi nỗi sợ khiến mỗi người cố hết sức che đỡ cho phía bên sườn không có khiên che của mình bằng tấm khiên của người đứng bên cạnh anh ta về bên phải, anh ta cho rằng những tấm khiên khóa vào nhau càng khít thì anh ta sẽ càng được che chở tốt hơn. Người chịu trách nhiệm trước nhất cho việc này là người đầu tiên bên cánh phải, anh ta luôn luôn phải gắng lùi phía bên sườn không có khiên che của mình khỏi địch quân; và cùng một nỗi lo sợ đó khiến số còn lại cũng làm theo anh ta. Trong trận này lúc bấy giờ quân Mantinea đã đẩy bên cánh của họ vươn ra xa khỏi cánh quân Sciritis, và quân Lacedaemon và quân Tegea còn vươn xa hơn thế nữa qua quân Athens, vì đạo quân của họ là đạo quân lớn nhất. Agis sợ rằng cánh trái của mình bị bao vây, và nghĩ rằng quân Mantinea đã đánh lấn nó đi quá xa, nên đã ra lệnh cho quân Sciritis và quân của Brasidas rời khỏi vị trí của họ trong hàng ngũ và tạo thành trận tuyến cân đều với quân Mantinea, và lệnh cho hai *Polemarch* là Hipponoidas và Aristocles lấp vào chỗ trống vừa hình thành, bằng cách tự mình chạy đến thế vào chỗ đó cùng với hai binh đội lấy từ cánh phải; ông ta nghĩ rằng cánh phải của mình sẽ vẫn đủ mạnh và để dự phòng, và rằng tuyến quân đối mặt với quân Mantinea sẽ vững chắc hơn.

Thế nhưng, vì ông ta đã đưa ra những mệnh lệnh này vào đúng lúc khai trận, và khá gấp, nên đã xảy ra việc Aristocles và Hipponoidas không di

chuyển sang cánh trái, vì tội này mà về sau họ đã bị trục xuất khỏi Sparta như những kẻ phạm tội hèn nhát; và trong lúc đó quân địch đã đến sát trận tuyến trước khi quân Sciritis (những quân này khi Agis thấy hai binh đội kia không di chuyển bèn ra lệnh họ trở về chỗ cũ) có thời gian để lấp đầy khoảng trống nói trên. Tuy nhiên, chính lúc này là lúc quân Lacedaemon, tuyệt đối kém thế về mặt kỹ năng chiến thuật, đã chứng tỏ mình hơn hẳn về lòng dũng cảm. Ngay khi giáp chiến với đối phương, quân Mantinea về phía cánh phải đã phá vỡ trận tuyến của quân Sciritis và quân của Brasidas, cùng các quân đồng minh của mình và một ngàn quân Argos tuyển chọn đánh thọc vào điểm vỡ trận không được bịt của đối phương, chia cắt và bao vây quân Lacedaemon, dồn họ tháo chạy về phía những cỗ xe lương thảo, đồng thời giết một số lính già hơn gác ở đây. Tuy quân Lacedaemon bị đánh bại ở mặt này của chiến trường, với số quân còn lại của mình, và đặc biệt là trung quân nơi ba trăm hiệp sĩ, như họ được mệnh danh, đang chiến đấu quanh Vua Agis, đã tấn công những binh lính Argos lão luyện hơn và những toán quân được gọi là *năm binh đội*, tiếp đó tấn công quân Cleonae, quân Orneae và quân Athens, và mau chóng đánh cho bọn họ tơi tả; số quân đông hơn thậm chí còn không chờ để đánh trả, mà tháo lui ngay khi quân Lacedaemon vừa đến, một số thậm chí còn bị giày xéo dưới gót địch, trong nỗi sợ bị quân tấn công bất kịp.

Đạo quân của Argos và của các đồng minh của họ, sau khi bị thua ở khu vực này, lúc bấy giờ đã hoàn toàn bị cắt làm đôi, và cánh phải quân Lacedaemon và quân Tegea cùng lúc siết chặt vòng vây quanh quân Athens bằng những binh lính đã đánh tạt vào sườn quân này, quân Athens thấy mình ở vào thế lưỡng đầu thụ địch, bị bao vây một phía và đã bị đánh bại ở phía kia. Thực ra đáng lẽ họ đã phải chịu tổn thất nặng nề hơn bất cứ phần nào của đạo quân đó nếu không được lực lượng kỵ binh họ đem theo bên mình giúp đỡ. Agis khi nhận thấy sự khốn đốn bên cánh trái của quân mình đối địch với quân Mantinea và một ngàn quân Argos, cũng đã lệnh cho toàn quân tiến lên trợ chiến cho cánh quân bị đánh bại; và khi việc này diễn tiến, vì quân địch đã vượt qua và chệch hướng khỏi chỗ họ, quân Athens ung dung thoát đi, và cùng với họ là đội quân Argos đã bị đánh bại. Trong lúc đó

quân Mantinea và các quân đồng minh của mình và đội quân tuyển chọn Argos đã ngừng dồn ép đối phương, và khi nhìn thấy các đồng minh của mình bị đánh bại và quân Lacedaemon toàn lực xông tới họ, bèn tháo chạy. Nhiều quân lính Mantinea đã thiệt mạng, nhưng phần lớn số quân tuyển chọn Argos đã thoát được. Tuy vậy, cuộc tháo chạy và rút lui không kịp mà cũng không hoãn; quân Lacedaemon đã chiến đấu bền bỉ và ngoan cường cho đến khi đánh tan quân địch, nhưng một khi đã thắng, chỉ truy kích một lúc và một quãng ngắn.

Đó là diễn biến trận đánh, gần sát với thực tế nhất như tôi đã miêu tả; trận đánh lớn nhất từng diễn ra trong suốt một thời gian dài giữa các dân Hy Lạp với nhau, và được những thành bang hùng mạnh nhất tham dự. Quân Lacedaemon chiếm một vị trí phía trước xác các binh lính địch, lập tức dựng đài chiến tích và lột lấy giáp trụ khí giới của những kẻ bị giết; họ thu nhặt tử sĩ bên mình và mang về Tegea, nơi họ chôn cất những người này, và trao trả xác binh lính cho quân địch theo một thỏa thuận đình chiến tạm thời. Quân Argos, quân Orneae và quân Cleonae có bảy trăm người thiệt mạng; quân Mantinea thiệt mất hai trăm, quân Athens và quân Aegina cũng mất hai trăm, cùng với cả hai viên tướng của họ. Về phía quân Lacedaemon, các quân đồng minh không chịu bất cứ tổn thất đáng kể nào: riêng về phần quân Lacedaemon thì khó mà biết được con số thật; tuy nhiên, nghe nói có ba trăm quân của họ đã bị giết.

Trong lúc trận đánh này sắp nổ ra, vị vua khác của Lacedaemon là Pleistoanax đã xuất chinh với một đội quân tiếp viện gồm những người lính già nhất và trẻ nhất, đã đi tới tận Tegea, nơi nhà vua nghe tin chiến thắng và lại quay về. Quân Lacedaemon cũng gửi trả và cho hồi hương các quân đồng minh từ Corinth và từ bên ngoài Eo Đất đến, bản thân họ cũng trở về đồng thời giải tán các đồng minh, và tổ chức ăn mừng lễ hội Carneia, tình cờ trùng vào thời điểm ấy. Những tội mà dân Hy Lạp quy kết cho người Lacedaemon vào thời đó, hoặc về sự hèn nhát trong tai họa trên đảo [*Sphacteria*], hoặc về sự cai trị yếu kém và sự trì trệ nói chung, tất cả đều được xóa sạch bởi một trận chiến duy nhất này: vận rủi, như người ta nghĩ, có thể đã hạ thấp họ, nhưng bản thân con người họ bao giờ cũng vẫn vậy.

Ngày hôm trước trận đánh này, quân Epidaurus với tất cả lực lượng của mình đã xâm chiếm lãnh thổ bỏ ngõ của Argos, và giết chết nhiều người ở lại đó canh giữ khi quân đội Argos vắng mặt. Sau trận đánh này ba trăm bộ binh hạng nặng của Elis đã đến để cứu viện Mantinea, cùng một đội quân tăng viện gồm một ngàn quân Athens, tất cả lực lượng liên minh này lập tức tiến quân đi đánh Epidaurus trong khi người Lacedaemon đang ăn mừng lễ hội Carneia, và sau khi phân chia công việc giữa họ với nhau, các quân liên minh này bắt đầu xây một bức thành lũy bao vây thành đó. Các quân đồng minh khác bỏ dở; nhưng quân Athens đã hoàn thành ngay phần được phân bổ cho họ bao quanh Mũi Heraeum^[39]; và khi tất cả đã cùng góp quân để lại một đơn vị đồn trú trong thành lũy công sự nói trên, bọn họ ai về xứ nấy.

Mùa hạ bây giờ đã hết. Vào những ngày đầu tiên của mùa đông tiếp đó, khi lễ hội Carneia đã qua, quân Lacedaemon xuất chinh, và khi đến Tegea họ phái người đi trước mang cho Argos các đề xuất về hoà ước. Trước đây họ đã có tay trong là một phe phái ở trấn này rất mong lật đổ nền dân chủ; và sau trận đánh vừa qua, phe phái này đã có vị thế thuận hơn nhiều để thuyết phục dân chúng lắng nghe những điều kiện được đề xuất. Kế hoạch của họ là trước tiên ký một hoà ước với người Lacedaemon, hoà ước này sẽ được nối tiếp bằng một hiệp ước đồng minh, và xong việc sẽ tấn công phe dân chúng. Lichas con trai của Arcesilau, *proxenus* của Argos, theo kế hoạch đó đã đến Argos với hai đề xuất từ Lacedaemon, để chinh hợ cho chiến tranh hoặc hòa bình, tùy theo họ thích cái này hay cái kia. Sau khi bàn luận hồi lâu – Alcibiades tình cờ cũng đang có mặt tại trấn này – phe thân Lacedaemon, những người giờ đây đã dám hành động một cách công khai, đã thuyết phục được dân Argos chấp nhận đề xuất hoà ước đã được dự thảo như sau:

Hội nghị công dân Lacedaemon nhất trí thỏa thuận hiệp ước với dân Argos dựa trên các điều khoản sau đây:

1. Người Argos sẽ trả lại con cái của dân Orchomenus cho dân này, trả lại cho dân Maenalia những người của họ, và sẽ trả lại

những người họ giữ ở Mantinea cho người Lacedaemon.

2. Họ sẽ phải triệt thoái khỏi Epidaurus, và san phẳng pháo đài ở đấy. Nếu quân Athens từ chối rút lui khỏi Epidaurus, họ sẽ bị tuyên bố là kẻ thù của Argos và Lacedaemon, và của các đồng minh của Lacedaemon và Argos.
3. Nếu người Lacedaemon đang giam giữ bất cứ đứa trẻ nào, họ sẽ phải đem trả tất cả những trẻ đó về thành bang của chúng.
4. Về phần lễ vật hiến tế thần linh, người Argos nếu muốn sẽ áp đặt một lời thề cho người Epidaurus, nhưng nếu không muốn thì bản thân họ sẽ tự thề.
5. Tất cả các thành bang ở Peloponnese, dù nhỏ hay lớn, sẽ phải được độc lập theo luật tục của xứ họ.
6. Nếu bất kỳ thế lực nào bên ngoài Peloponnese xâm lược lãnh thổ Peloponnese, các bên tham gia hiệp ước sẽ liên kết để đẩy lùi chúng, theo những điều kiện mà họ có thể thỏa thuận nhất trí, và là những điều kiện công bằng nhất cho dân Peloponnese.
7. Tất cả đồng minh của người Lacedaemon bên ngoài Peloponnese sẽ được đối xử ngang bằng với người Lacedaemon, và các đồng minh của người Argos sẽ được đối xử ngang bằng với người Argos, được yên hưởng các đất đai thuộc địa của riêng họ.
8. Hiệp ước này sẽ được đưa cho các xứ đồng minh xem, và sẽ được ký kết, nếu họ chấp thuận; nếu các đồng minh cho là cần thiết, họ có thể gửi hiệp ước về xứ mình để xem xét.

Người Argos khởi đầu bằng việc chấp nhận đề nghị này, và đạo quân Lacedaemon từ Tegea đã trở về. Sau đó việc giao thiệp được nối lại giữa hai bên, và không lâu sau cũng phe phái thân Lacedaemon đó đã mưu tính rằng Argos nên từ bỏ liên minh với Mantinea, Elis và Athens, và nên lập một hoà ước và liên minh với Lacedaemon, hiệp ước này bởi vậy đã được thực hiện dựa trên các điều khoản sau:

Người Lacedaemon và người Argos thỏa thuận một hoà ước và liên minh trong vòng năm mươi năm dựa trên các điều khoản sau đây:

1. Tất cả mọi tranh chấp sẽ được giải quyết bằng phân xử trọng tài công bằng và không thiên vị, phù hợp với các tập quán của hai bên.
2. Tất cả các thành bang khác ở Peloponnese có thể được bao gồm trong hòa ước và liên minh này, như những thành bang độc lập và có chủ quyền, được hưởng đầy đủ những gì họ sở hữu, mọi tranh chấp sẽ được giải quyết bằng phân xử trọng tài công bằng và không thiên vị, phù hợp với tập quán của các thành bang này.
3. Tất cả đồng minh của Lacedaemon bên ngoài Peloponnese sẽ được đối xử ngang bằng như Lacedaemon, và các đồng minh của Argos sẽ được đối xử ngang bằng như Argos, tiếp tục hưởng thụ những gì mà họ sở hữu.
4. Nếu cần thiết phải tiến hành một cuộc viễn chinh chung ở bất kỳ nơi nào, Lacedaemon và Argos sẽ tham khảo ý kiến về việc đó và quyết định theo cách công bằng nhất cho tất cả các đồng minh.
5. Nếu bất cứ thành bang nào, dù ở trong hay ngoài Peloponnese, có bất đồng dù là về các đường biên giới hay việc gì khác, bất đồng đó sẽ phải được dàn xếp, nhưng nếu một thành bang đồng minh có tranh chấp với một thành bang đồng minh khác thì phải nhờ đến một thành bang thứ ba nào mà được cả hai bên cho là không thiên vị. Cá nhân các công dân sẽ được giải quyết tranh chấp của họ theo luật lệ ở xứ mình.

Bản hoà ước và hiệp ước liên minh trên đây được ký kết, mỗi bên ngay lập tức trả tự do và giao trả mọi thứ đoạt được bằng chiến tranh hay bằng cách khác, và từ đây đã cùng nhau biểu quyết thông qua việc không đón tiếp sứ truyền tin hay sứ bộ của Athens trừ khi họ triệt thoái khỏi các pháo đài

của mình và rút lui khỏi Peloponnese, và cũng không giảng hoà hay gây chiến với bất kỳ xứ nào, trừ khi là cùng nhau. Nhiệt tâm thì không thiếu: cả hai bên đã phái sứ giả đến các trấn ở Thrace và đến Perdiccas, và thuyết phục Perdiccas gia nhập liên minh của họ. Tuy nhiên ông ta đã không cắt đứt ngay với Athens, mặc dù đã định làm như vậy khi thấy con đường mà Argos, quê hương bản quán của gia tộc ông ta, đã chỉ ra cho ông ta. Họ cũng nhắc lại lời thề cũ của mình với các dân Chalcis và lập những lời thề mới: thêm vào đó, Argos đã gửi sứ bộ đến Athens, yêu cầu họ triệt thoái khỏi pháo đài ở Epidaurus. Athens thấy quân của mình bị áp đảo về số lượng bởi những quân khác của đơn vị đồn trú bèn cử Demosthenes đến để đưa họ ra. Viên tướng này, dưới chiêu bài một cuộc thi đấu thể thao mà ông ta dàn dựng ngay khi vừa đến nơi, đã đưa số còn lại từ đơn vị đồn trú ra khỏi nơi này, và đóng lại cánh cổng phía sau họ. Sau đó người Athens đã ký lại hiệp ước của họ với dân Epidaurus, và tự trao trả lại pháo đài này.

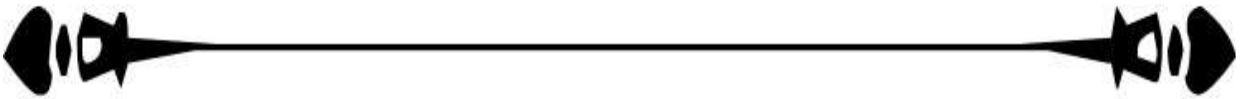
Sau khi Argos ly khai khỏi liên minh, dân Mantinea dù lúc đầu vẫn cố cầm cự song cuối cùng thấy mình bất lực khi không có Argos nên cũng tự thoả hiệp với người Lacedaemon, và từ bỏ quyền thống trị của họ đối với các trấn đó. Lúc này Lacedaemon và Argos, mỗi bên một ngàn quân tráng kiện, cùng xuất chinh, và quân Lacedaemon ban đầu một mình đến Sicyon và khiến trấn này có chính thể *oligarchy* hơn trước, sau đó cả hai bên hợp sức với nhau cùng hạ bệ nền dân chủ ở Argos và lập nên một chính thể *oligarchy* có lợi hơn cho Lacedaemon. Những sự kiện này xảy ra vào cuối mùa đông, ngay trước mùa xuân; và năm thứ mười bốn của cuộc chiến tranh đã kết thúc. Mùa hạ năm sau dân chúng Dium ở miền núi Athos đã nổi dậy bỏ Athens sang phe Chalcidice, và người Lacedaemon đã sắp xếp chính sự ở Achaea theo cách phù hợp hơn với lợi ích của xứ mình. Trong khi đó phe dân chúng ở Argos dần dà từng bước một đã lấy lại được tính kiên định và lòng dũng cảm, và chờ đến thời điểm lễ hội Gymnopaediae^[40] ở Lacedaemon, rồi bất ngờ tấn công phe *oligarchy*. Sau một trận đánh trong thành, chiến thắng thuộc về phe dân chúng, họ đã giết một số trong những kẻ đối địch với họ và trục xuất số còn lại. Người Lacedaemon trong một thời gian dài bỏ bằng những tin báo của bạn bè họ từ Argos. Cuối cùng thì họ cũng hoãn lễ

hội Gymnopaediae và cất quân đi cứu, nhưng tại Tegea khi hay tin về sự thất bại của các thủ lĩnh *oligarch*, họ bèn từ chối đi tiếp mặc cho những lời cầu xin của những kẻ trốn thoát, và quay về quê xứ và cho tiếp tục lễ hội. Sau đó các sứ giả đã đến với những thông điệp từ dân Argos ở trong trấn đó và từ những kẻ bị trục xuất, khi các đồng minh cũng đang có mặt ở Sparta; và sau khi cả hai phe đã trình bày rất dài dòng, người Lacedaemon phân xử rằng phe dân chúng trong trấn đã làm việc sai trái, và quyết định tiến quân đánh Argos, nhưng cứ liên tục trì hoãn và gác lại vấn đề này. Trong khi đó dân chúng ở Argos vì sợ người Lacedaemon nên một lần nữa lại bắt đầu cầu cạnh liên minh của Athens, điều mà họ tin chắc rằng sẽ có lợi nhất cho họ; và tiếp đó bắt tay vào xây dựng những bức tường thành chạy đến biển, để phòng trường hợp bị phong tỏa trên đất liền; với sự giúp đỡ của người Athens họ có thể có lợi thế nhập khẩu những thứ họ cần bằng đường biển. Một vài thành bang ở Peloponnese cũng ngầm biết việc xây dựng những bức tường thành này; và toàn bộ dân chúng Argos, không trừ một ai kể cả phụ nữ và nô lệ, dốc lòng vào việc xây dựng, đồng thời thợ mộc và thợ xây từ Athens cũng đến giúp họ.

Mùa hạ bấy giờ đã hết. Mùa đông nối tiếp, người Lacedaemon hay tin về những bức thành lũy đang được xây bên cùng với các đồng minh của mình, ngoại trừ Corinth, tiến đánh Argos, cũng không thiếu những tin mật báo cho họ ngay trong thành đó; Agis con trai của Archidamus, vua của họ, nắm quyền chỉ huy. Tin mật báo từ trong trấn mà họ trông cậy vào té ra không có ích gì; tuy vậy, họ đã chiếm và san bằng các bức thành lũy đang xây, và sau khi chiếm trấn Hysiae của Argos và giết tất cả những dân tự do rơi vào tay mình, họ đã quay về và giải tán ai về thành nấy. Sau việc này quân Argos đã tiến đánh Phlius và cướp bóc nơi này vì đã chứa chấp những kẻ lưu vong của họ, hầu hết số lưu vong đó đã định cư yên ổn ở đây, và sau đó họ trở về bản quán. Cùng mùa đông đó quân Athens phong tỏa Macedonia, vì cố Perdiccas gia nhập liên minh với Argos và Lacedaemon, và cũng vì cố ông ta vi phạm cam kết của mình về cuộc viễn chinh do Athens chuẩn bị để đi đánh Chalcidice ở mạn Thrace và đánh Amphipolis, dưới quyền chỉ huy của Nicias con trai của Niceratus, cuộc viễn chinh đã không thực hiện được chủ

yếu là vì sự ly khai của ông ta. Ông ta vì thế mà đã bị tuyên bố là kẻ thù. Và mùa đông ấy đã kết thúc như thế, và kết thúc cùng với nó là năm thứ mười lăm của cuộc chiến tranh này.

Chương XVII



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI SÁU – CUỘC HỘI ĐÀM MELOS – SỐ PHẬN CỦA MELOS

Mùa hạ tiếp theo Alcibiades khởi hai mươi chiến thuyền đi Argos và bắt giữ những kẻ bị tình nghi là bè phái thân Lacedaemon vẫn còn ở đó, cả thảy lên đến ba trăm người, những kẻ này ngay lập tức bị quân Athens giam giữ trên những hải đảo lân cận thuộc quyền cai trị của họ. Quân Athens cũng khởi cuộc viễn chinh đánh đảo Melos với ba mươi chiến thuyền của riêng họ, sáu thuyền của Chios và hai thuyền của Lesbos, một ngàn sáu trăm bộ binh hạng nặng, ba trăm cung thủ và hai mươi quân kỵ xạ của Athens, cùng khoảng một ngàn năm trăm bộ binh hạng nặng của các đồng minh và của dân các xứ đảo. Dân Melos là xứ dân thuộc địa của Lacedaemon sẽ không chịu quy phục Athens như dân các xứ đảo khác, ban đầu họ vẫn đứng trung

lập và không tham gia vào cuộc chiến này, nhưng sau đó khi Athens dùng bạo lực và cướp bóc lãnh thổ của họ thì họ đã công khai tỏ thái độ thù địch. Các tướng lĩnh là Cleomedes con trai của Lycomedes và Tisias con trai của Tisimachus, khi hạ trại trên lãnh thổ của họ cùng với đạo quân nói trên, chưa vội gây bất cứ thiệt hại nào cho đất đó mà cử các sứ giả đến điều đình trước. Người Melos không đưa các sứ giả đó ra trước dân chúng, mà bảo họ trình bày mục tiêu sứ mệnh của mình cho các pháp quan và phe thiểu số^[1]; các sứ giả Athens y lời đã nói như sau:

Các sứ giả Athens: Vì rằng cuộc đàm phán này không được phép diễn ra trước dân chúng, cốt để chúng tôi không thể nói thẳng một mạch mà không bị cắt lời, và không phỉnh tai dân chúng bằng những lập luận cảm dỗ có thể đưa ra mà không ai bắt bẻ gì được (bởi chúng tôi biết rằng đây chính là ý nghĩa của việc đưa chúng tôi ra phát biểu trước phe thiểu số), vậy nếu các người ngồi đây sẽ tiếp tục theo một biện pháp thậm trọng hơn thế nữa thì sao? Các người đừng đọc diễn từ đã chuẩn bị sẵn, mà hãy ngắt lời chúng tôi ở điểm mà các người không bằng lòng, và giải quyết điểm đó trước khi chúng tôi nói tiếp. Và trước hết hãy cho chúng tôi biết đề nghị này của chúng tôi có hợp ý các người không.

Các đại biểu của Melos trả lời:

Đối với tính công bằng của việc trao đổi ý kiến với nhau một cách hoà bình như các vị đề nghị thì chẳng có gì đáng phải phản đối; nhưng những động thái chuẩn bị chiến tranh của các vị đã tiến quá xa khó mà đi đôi với những gì các vị nói đây, như chúng tôi thấy rằng các vị đến đây để làm quan tòa trong vụ án của chính mình^[2], và rằng chúng tôi chỉ có thể trông đợi một điều có lý duy nhất từ cuộc đàm phán này là chiến tranh nếu chúng tôi chứng minh được là về phần mình chúng tôi có lẽ phải và từ chối quy thuận, trong trường hợp ngược lại thì lại là cảnh nô lệ.

Các sứ giả Athens: Nếu các người gặp chúng tôi để lý luận về những dự cảm về tương lai hoặc bất kỳ điều gì khác ngoài việc thương nghị về sự an toàn cho thành bang của các người dựa trên những thực tế mà các người đang thấy ngay trước mắt, chúng tôi sẽ chấm dứt thảo luận ở đây; nếu không thì chúng tôi sẽ tiếp tục.

Các đại biểu Melos: Ở vào địa vị chúng tôi thì xoay xở nhiều đường cả trong suy nghĩ lẫn bày tỏ thành lời là điều hoàn toàn tự nhiên và có thể được miễn trách. Tuy nhiên, chủ đề của cuộc thảo luận này, như các vị vừa nói, là sự an toàn của xứ sở chúng tôi; vậy xin các vị vui lòng tiến hành cuộc thảo luận này theo cách mà các vị đề nghị.

Các sứ giả Athens: Về phía chúng tôi, chúng tôi sẽ không làm phiền các người bằng những lời lẽ khoa trương – dù là về việc chúng tôi có quyền thống trị vì chúng tôi đã đánh bại quân Ba Tư ra sao, hay hiện giờ chúng tôi tấn công các người vì các người đã làm điều sai quấy với chúng tôi – và nói dài dòng vãn tự mà chẳng ai tin được một lời; và chúng tỏ hy vọng rằng để đáp lại, các người sẽ tập trung vào những gì khả thi, đồng thời xem xét những quan điểm thực sự của cả hai bên chúng ta, thay vì nghĩ đến chuyện thuyết phục chúng tôi rằng các người không liên minh với người Lacedaemon mặc dù là xứ dân thuộc địa của họ, hoặc rằng các người không làm điều gì sai trái đối với chúng tôi cả; vì các người cũng như chúng tôi đều hiểu rõ rằng lẽ phải, theo thói thường, chỉ được bàn đến giữa những quyền lực ngang hàng, trái lại kẻ mạnh làm những gì họ có thể và kẻ yếu chịu đựng những gì họ phải chịu.

Các đại biểu Melos: Như chúng tôi nghĩ, bất luận thế nào thì điều có lợi thiết thực là – chúng tôi nói theo cách chúng tôi buộc phải nói, do các vị lệnh cho chúng tôi không được đả động đến lẽ phải và chỉ nói về lợi ích – các vị không nên huỷ hoại những gì là sự bảo vệ chung cho tất cả chúng ta: đặc quyền trong lúc lâm nguy được phép viện dẫn những gì là công bằng và đúng đắn, và thậm chí là lợi dụng những luận cứ không hoàn toàn vững chắc nếu chúng được công nhận. Và các vị cũng

quan tâm đến điều này nhiều như bất kỳ ai khác, vì sự suy vong của các vị sẽ mở rộng đường cho sự trả thù nặng nề nhất và là một ví dụ để thiên hạ suy ngẫm.

Các sứ giả Athens: Sự cáo chung của đế chế chúng tôi, nếu nó phải cáo chung, chẳng khiến chúng tôi sợ hãi: một đế chế đối địch như Lacedaemon, giả như Lacedaemon là địch thủ đích thực của chúng tôi, đâu có ghê gớm bằng những kẻ đã bị đánh bại là những xứ dân lệ thuộc mà tự mình tấn công và chế ngự những người thống trị họ. Tuy vậy, đây là rủi ro mà chúng tôi sẵn lòng chấp nhận. Giờ chúng tôi sẽ tiếp tục cho các người thấy rằng chúng tôi đến đây vì lợi ích của đế chế chúng tôi, và rằng chúng tôi phải nói ra những điều chúng tôi định nói để bảo toàn cho xứ sở của các người; do chúng tôi mong muốn thực thi quyền thống trị của chúng tôi đối với các người mà tránh được phiền phức, và mong thấy các người được an toàn vì lợi ích của cả hai bên chúng ta.

Các đại biểu Melos: Xin hỏi, làm sao mà điều đó lại có lợi cho chúng tôi khi làm nô lệ cũng y như có lợi cho các vị khi làm kẻ thống trị?

Các sứ giả Athens: Vì các người sẽ có lợi thế của việc quy thuận để không phải chịu đựng điều tồi tệ nhất, còn chúng tôi sẽ có lợi bởi không phải huỷ diệt các người.

Các đại biểu Melos: Thế nghĩa là các vị không bằng lòng với việc chúng tôi đứng trung lập, là bạn hữu thay vì kẻ thù, mà không phải là đồng minh của bên nào cả.

Các sứ giả Athens: Không, vì sự thù địch của các người chẳng thể làm chúng tôi tổn hại nhiều bằng tình bạn của các người, tình bạn đó sẽ là nguyên cớ khiến những xứ dân lệ thuộc của chúng tôi tranh luận về điểm yếu của chúng tôi, còn sự thù địch của các người chỉ khiến họ tranh luận về quyền lực của chúng tôi.

Các đại biểu Melos: Đó có phải là quan điểm về sự công bằng của các xứ dân lệ thuộc của các vị không, khi họ đánh đồng những xứ dân không liên quan gì đến các vị vào cùng một hạng với những xứ dân mà

hầu hết đang là thuộc địa của các vị, và một số kẻ phiến loạn đã bị đè bẹp?

Các sứ giả Athens: Về lẽ công bằng thì họ cho rằng kẻ này cũng như kẻ kia đều được công bằng như nhau, và rằng nếu bất kỳ ai duy trì được nền độc lập của mình thì đó là vì họ mạnh, và rằng nếu chúng tôi để yên cho họ thì đó là vì chúng tôi sợ họ; thế nên ngoài việc mở mang đế chế của mình, chúng tôi còn phải tăng thêm tính an toàn bằng vào sự quy thuận của các người; cái thực tế rằng các người là dân xứ đảo và nhược tiểu hơn các dân khác khiến cho việc không để cho các người thành công khi ngăn trở những chủ nhân của vùng biển này càng trở nên quan trọng hơn nhiều.

Các đại biểu Melos: Nhưng các vị có cho rằng không có sự an toàn trong đường lối mà chúng tôi chỉ ra không? Vì một lần nữa ở điểm này, nếu các vị ngăn cấm không cho chúng tôi nói về lẽ phải và yêu cầu chúng tôi tuân theo lợi ích của các vị, thì chúng tôi vẫn phải biện minh cho mình, và cố gắng thuyết phục các vị, để xem hai bên tình cờ có thể nhất trí được không. Các vị làm sao mà tránh không biến tất cả những xứ hiện đang trung lập thành kẻ thù được, những xứ mà sẽ trông vào tấm gương của chúng tôi để thấy một ngày nào đó các vị sẽ tấn công họ ấy? Và nếu đây chẳng phải là làm đông thêm số kẻ thù các vị đã có, và ép buộc những người khác trở nên thù địch với các vị, điều mà trước nay họ chưa từng nghĩ đến, thì là gì?

Các sứ giả Athens: Sao kia, thực tế là các xứ lục địa nhìn chung chẳng làm chúng tôi lo lắng là mấy; sự tự do mà họ đang hưởng sẽ ngăn không để họ áp dụng những biện pháp đề phòng với chúng tôi dài dài; mà trái lại những dân xứ đảo như các người đây, ở bên ngoài đế chế của chúng tôi, và những xứ dân lệ thuộc đang khốn khổ dưới ách áp bức, những dân đó rất có khả năng sẽ đánh nước liều vừa tự dẫn thân vừa kéo cả chúng tôi vào hiểm nguy thấy rõ.

Các đại biểu Melos: Ô vậy là, nếu các vị mạo hiểm nhiều đến thế để giữ vững đế chế của mình, và các xứ dân lệ thuộc của các vị lại mạo

hiểm nhiều đến thế để thoát khỏi nó, thì chắc hẳn tính kém cỏi và hèn nhát trong dân chúng tôi mới lớn làm sao, khi chúng tôi vẫn còn tự do mà lại không gắng làm tất cả những gì có thể gắng được trước khi quy phục cái ách nô lệ của các vị.

Các sứ giả Athens: Không phải thế nếu các người suy nghĩ cho đúng đắn, đó không phải là một cuộc tranh đấu cân sức, với danh dự là phần thưởng và ô nhục là hình phạt, mà là vấn đề tự bảo toàn và không kháng cự lại những kẻ mạnh hơn các người rất nhiều.

Các đại biểu Melos: Nhưng chúng tôi biết rằng may rủi của chiến tranh đôi khi công bằng hơn là sự chênh lệch về quân số có thể khiến người ta phán đoán; quy thuận nghĩa là đem chính bản thân chúng tôi trao gửi cho nỗi tuyệt vọng, trong khi chiến đấu thì vẫn giữ cho chúng tôi niềm hy vọng rằng chúng tôi có thể thắng lừng mà đứng.

Các sứ giả Athens: Hy vọng, cái thứ an ủi trong nguy nan ấy, chỉ những kẻ dồi dào nguồn lực mới có thể tự cho phép mình được hưởng thụ nó, vì nếu có bị mất mát thì bất luận thế nào cũng không bị diệt vong; nhưng về bản chất cái giá của nó là quá đắt, và những kẻ đi xa đến mức đặt cược tất cả mọi thứ họ có để mạo hiểm sẽ chỉ thấy được bản chất thật của nó khi họ bị huỷ hoại; nhưng chừng nào mà việc phát hiện ra bản chất đó còn giúp họ dè chừng nó, thì người ta chẳng bao giờ thấy cần nó cả. Các người chớ nên để mình hy vọng như thế, vì các người yếu ớt và đang ở thế ngàn cân treo sợi tóc; và cũng đừng để mình giống như đa số các dân kia, vứt bỏ sự an toàn mà những phương tiện của con người có thể vẫn còn ban cho, và khi những hy vọng hữu hình bỏ rơi họ trong bước đường cùng, họ quay sang cầu cứu những thế lực vô hình, những lời tiên tri, sấm truyền và những điều hão huyền khác tương tự, là những thứ đánh lừa con người ta bằng hy vọng để huỷ hoại họ.

Các đại biểu Melos: Các vị có thể tin chắc rằng chúng tôi cũng nhận thức được y như các vị về những khó khăn trong việc đấu tranh chống lại quyền lực và sự thịnh vượng của các vị, trừ phi chúng tôi ở vào

những điều kiện ngang bằng. Nhưng chúng tôi tin rằng các đấng thần linh có thể ban cho chúng tôi những vận hội cũng may mắn không kém phần vận hội của các vị, bởi chưng chúng tôi là những người chiến đấu chống lại sự bất công, và tin rằng sức mạnh mà chúng tôi còn thiếu sẽ được đồng minh của chúng tôi là người Lacedaemon bù vào, họ chắc chắn sẽ phải đến, cho dù chỉ là vì danh dự, để cứu giúp những người đồng tông tộc với mình. Vậy nên sự tự tin của chúng tôi xét cho cùng chẳng phải hoàn toàn phi lý.

Các sứ giả Athens: Khi các người nói đến ân huệ của các đấng thần linh, chúng tôi cũng có thể hy vọng vào ân huệ đó chẳng kém gì các người; cả những kỳ vọng lẫn cách hành xử của chúng tôi về mọi mặt đều không đi ngược lại với những gì người ta tin vào thánh thần, hoặc xử sự với nhau. Về các đấng thần linh thì chúng tôi tin, và về con người thì chúng tôi biết, rằng bằng vào quy luật tự nhiên tất yếu của mình họ sẽ thống trị ở bất kỳ nơi nào họ có thể. Và chẳng phải chúng tôi là những người đầu tiên làm ra quy luật này, hoặc là người đầu tiên thực thi nó: chúng tôi thấy nó đã tồn tại từ trước khi có chúng tôi, và sẽ để cho nó tồn tại mãi về sau; tất thảy những gì chúng tôi làm là tận dụng nó, khi biết rằng các người và bất kỳ một ai khác mà có cùng một quyền lực như chúng tôi sẽ làm những gì y như chúng tôi đang làm. Vì vậy, về phần các đấng thần linh, chúng tôi không sợ và cũng không có nguyên cớ gì phải sợ rằng chúng tôi sẽ bị bất lợi cả. Nhưng nói đến ý nghĩ của các người về người Lacedaemon, cái ý nghĩ khiến các người tin rằng danh dự sẽ khiến họ đến cứu viện các người, thì ở điểm này chúng tôi cầu thần linh phù hộ cho tính ngây thơ của các người mà chẳng hề ghen tị với ý nghĩ nực cười đó của các người. Người Lacedaemon, khi nói đến quyền lợi của riêng họ hoặc luật pháp của xứ họ, thì họ là những kẻ đáng trọng nhất đương thời; về cách xử sự của họ đối với những dân khác có thể có nhiều điều đáng nói, nhưng không thể đưa ra một ý kiến nào rõ ràng hơn về điều đó bằng một lời ngắn gọn rằng trong số tất cả những dân mà chúng tôi biết thì họ là những kẻ nổi bật nhất về cân nhắc tính toán đâu là danh dự và đâu là hài lòng, đâu là

lẽ phải và đâu là lợi ích. Cách suy nghĩ như vậy chẳng hứa hẹn gì nhiều về sự an toàn mà hiện giờ các người đang trông mong một cách mù quáng.

Các đại biểu Melos: Nhưng chính vì lẽ đó mà lúc này chúng tôi tin tưởng rằng sự coi trọng lợi ích của họ sẽ ngăn họ không phụ lòng dân Melos là dân thuộc địa của họ, và vì thế mà mất đi sự tín nhiệm của các đồng minh ở Hy Lạp và làm lợi cho kẻ địch của họ.

Các sứ giả Athens: Vậy là các người không thừa nhận quan điểm rằng lợi ích đi kèm với sự an toàn, trái lại lẽ công bằng và danh dự không thể không đi kèm hiểm họa, mà hiểm họa thì người Lacedaemon nhìn chung sẽ cố gắng chuốc lấy càng ít càng tốt.

Các đại biểu Melos: Trái lại, chúng tôi tin rằng rất có khả năng là họ sẽ đối mặt với hiểm nguy vì chúng tôi, và mạo hiểm vì chúng tôi hơn là vì những kẻ khác, vì chúng tôi ở gần Peloponnese nên họ dễ dàng hành động hơn nhiều, và việc chúng tôi cùng huyết thống với họ đảm bảo cho sự trung thành của chúng tôi.

Các sứ giả Athens: Đúng thế, nhưng cái mà một đồng minh tương lai trông cậy vào không phải là thiện chí của những kẻ đang xin nó giúp đỡ, mà là một sự ưu việt rõ ràng về sức mạnh để hành động; và người Lacedaemon quan tâm đến điều này hơn ai hết. Chí ít thì, chính vì không trông cậy được vào nguồn nội lực của họ như vậy nên họ chỉ tấn công một lần bang khi họ có đông đảo đồng minh; giờ đây khi mà chúng tôi làm chủ vùng biển này thì có khả năng họ sẽ vượt biển để sang một hải đảo hay không?

Các đại biểu Melos: Nhưng họ có những đồng minh khác có thể cử đi. Biển Crete rất rộng, và sẽ khó cho những kẻ kiểm soát vùng biển này chặn đường người khác hơn là cho những người mong muốn lẩn tránh những kẻ đó thoát được an toàn. Và nếu người Lacedaemon thất bại trong việc này, thì họ sẽ tấn công xứ sở của các vị và những đồng minh còn lại của các vị mà Brasidas chưa động đến; và thay vì những

nơi không phải đất của các vị, các vị sẽ phải chiến đấu vì chính xứ sở và liên minh của các vị.

Các sứ giả Athens: Một ngày kia các người có thể sẽ được chiêm nghiệm sự chuyển hướng như các người nói đó, chỉ để thức ngộ, như những kẻ khác cũng đã thức ngộ, rằng người Athens chưa một lần nào phải triệt thoái một cuộc phong toả vì sợ bất kỳ ai. Nhưng chúng tôi vô cùng sững sốt bởi thực tế là, sau khi nói rằng các người sẽ thương nghị về sự an toàn cho xứ sở mình, trong suốt cuộc thảo luận này các người đã chẳng nhắc đến điều gì mà người ta có thể trông cậy vào và tin rằng được cứu mạng bởi điều đó sắt. Những lập luận vững chắc nhất của các người dựa vào hy vọng và tương lai, và nguồn lực thực tế của các người quá đỗi eo hẹp, nếu đem so với đạo quân đã dàn trận chuẩn bị đánh các người, để các người có thể làm người chiến thắng. Vì vậy các người sẽ cho thấy sự xét đoán vô cùng mù quáng, trừ phi là sau khi chúng tôi rời khỏi đây các người có thể tìm được lời khuyên khôn ngoan thận trọng hơn thế này. Các người chắc chắn sẽ chẳng bận tâm đến nỗi nhục nhã mà, trong những nguy hiểm đáng hổ thẹn, đồng thời là những nguy hiểm quá hiển nhiên không thể nhằm lẫn được, nó chứng tỏ là huỷ hoại đối với bất kỳ ai; bởi trong quá nhiều trường hợp chính những người nhìn thấy rất rõ cái mà họ đang vội vã lao vào – hãy cứ gọi cái đó là nỗi ô nhục – chỉ vì bị cái từ danh dự cám dỗ, khiến họ trở thành nô lệ cho cái danh suông đó đến nỗi trên thực tế họ tự nguyện lao vào một tai hoạ không lối thoát, và chuốc lấy nỗi nhục còn đáng nhục hơn vì nó đi kèm với lỗi lầm, không như khi nó là hậu quả của sự thiếu may mắn. Nỗi ô nhục này, nếu các người suy nghĩ cho sáng suốt, thì các người sẽ dè chừng nó cẩn thận; và các người sẽ không nghĩ rằng quy thuận một thành bang hùng mạnh nhất ở Hy Lạp là mất thể diện, khi thành bang đó đưa ra một đề nghị rất ôn hoà mời các người trở thành đồng minh cống nạp của nó, mà không mất đi cái xứ sở thuộc về các người; khi các người được cho một cơ hội lựa chọn giữa chiến tranh và sự an toàn, lẽ nào các người lại mù quáng đến mức lựa chọn điều tồi tệ hơn. Và điều chắc chắn là những ai không nhân nhượng

những kẻ ngang hàng với mình, đồng thời khôn khéo giao hảo với những kẻ bề trên và ôn hoà với những kẻ bề dưới, sẽ là những người thành công nhất về mọi mặt. Vậy nên hãy nghĩ cho chín về vấn đề này sau khi chúng tôi tạm lui, và hãy suy ngẫm thêm lần nữa rằng chính vì xứ sở của mình mà các người đang tính toán cân nhắc, rằng các người chỉ có duy nhất một xứ đó thôi, và rằng xứ đó phồn thịnh hay bại vong phụ thuộc vào chỉ một lần cân nhắc suy tính này.

Người Athens bấy giờ lui khỏi bàn đàm phán; và dân Melos, còn lại với nhau, đã đi tới một quyết định đúng như những ý kiến mà họ đã bảo lưu trong cuộc hội đàm, và trả lời: “Thưa các vị sứ giả Athens, quyết định của chúng tôi vẫn y như lúc ban đầu. Chúng tôi sẽ không thể trong phút chốc tước đoạt đi tự do của một thành mà ở đó dân chúng tôi sinh sống đã bảy trăm năm nay; nhưng chúng tôi đặt niềm tin của mình vào vận may mà bằng vận may ấy các đấng thần linh đã bảo vệ thành của chúng tôi đến tận lúc này, và vào sự cứu giúp của con người, tức là của người Lacedaemon; và vì thế chúng tôi sẽ cố gắng tự cứu lấy mình. Đồng thời chúng tôi cũng thỉnh cầu các vị cho phép chúng tôi trở thành bạn hữu của các vị và không trở thành kẻ thù của bên nào cả, và hãy rút khỏi xứ sở của chúng tôi sau khi lập một hiệp ước được coi là phù hợp với cả hai bên chúng ta.”

Câu trả lời của dân Melos là như thế đó. Người Athens lúc bấy giờ bèn nói khi sắp sửa rời cuộc hội đàm ra về: “Lạ thật, như chúng tôi thấy khi suy luận từ quyết định này, thì có vẻ như chỉ mỗi các người coi những gì trong tương lai còn chắc chắn hơn là những gì ngay trước mắt các người, và trong niềm háo hức các người coi những gì còn chưa trông thấy là thứ đã xảy ra rồi; và vì các người đã đặt cược nhiều nhất và tin tưởng nhiều nhất vào người Lacedaemon, vào vận mệnh của các người, vào hy vọng của các người, các người sẽ bị thất vọng nhiều nhất.”

Sứ giả Athens lúc bấy giờ đã trở về với đạo quân của họ; và khi dân Melos không tỏ ra một dấu hiệu nào là chịu đầu hàng, các tướng lĩnh Athens đã lập tức tự mình khai chiến và xây một thành lũy vây bọc Melos, họ phân

chia công việc đó giữa những thành bang khác nhau. Xong xuôi, quân Athens đã hồi hương với phần lớn đạo quân của mình, để lại đó một số quân là công dân của chính họ và của các đồng minh để canh giữ trên bộ và trên biển. Lực lượng được để lại này đã tiếp tục lưu trú và vây hãm nơi này.

Khoảng cùng thời gian đó quân Argos xâm lược lãnh thổ Phlius và thiệt mất tám mươi quân bị giết trong một cuộc mai phục của quân Phlius và những người Argos lưu vong. Trong lúc ấy quân Athens tại Pylos đã chiếm đoạt quá nhiều chiến lợi phẩm từ người Lacedaemon đến nỗi người Lacedaemon dù vẫn cố kiềm chế để khỏi vi phạm hiệp ước và gây chiến tranh với Athens, nhưng đã tuyên bố rằng bất cứ người nào của họ nếu muốn có thể cướp lại chiến lợi phẩm từ quân Athens. Người Corinth cũng khai chiến với người Athens vì những tranh chấp riêng của họ; nhưng những xứ dân Peloponnese còn lại không động tĩnh gì. Trong khi đó quân Melos đã tấn công vào ban đêm và chiếm một phần những phòng tuyến của Athens đối diện với khu chợ, giết một số quân ở đó và thu lấy ngũ cốc cùng tất cả những thứ khác mà họ thấy hữu dụng cho mình, rồi trở về và án binh bất động, trong khi đó quân Athens đã áp dụng những biện pháp để sau này canh phòng cẩn mật hơn.

Mùa hạ lúc này vừa tàn. Mùa đông nối tiếp quân Lacedaemon đã định xâm lược lãnh thổ Argos, nhưng khi đến biên giới họ thấy rằng những vật tế sinh để xin vượt qua biên giới báo điềm không thuận, và họ lại quay về. Ý định này của họ đã khiến dân Argos nghi ngờ một số đồng bào của mình, một số trong những kẻ đó đã bị họ bắt giữ; tuy vậy những người khác đã trốn thoát. Khoảng cùng thời gian đó dân Melos lại chiếm một phần khác trên phòng tuyến của Athens, nơi lực lượng quân đồn trú đóng rất thưa thớt. Hệ quả là sau đó quân tăng viện từ Athens đã đến, dưới quyền chỉ huy của Philocrates con trai của Demeas, cuộc vây hãm giờ đây được siết lại quyết liệt hơn; và vì ở bên trong đã xảy ra việc nội phản thế nào đó mà dân Melos đã tự nguyện đầu hàng quân Athens vô điều kiện, quân này đã giết hết những người đàn ông trưởng thành mà họ bắt giữ, và bán phụ nữ và trẻ em làm nô lệ, và rồi gửi đến năm trăm thực dân và tự mình định cư ở nơi đó.

QUYỀN THỨ SÁU

Chương XVIII



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI BẢY – CHIẾN DỊCH SICILY – VỤ BÁNG BỔ TƯỢNG THẦN – LÊN ĐƯỜNG VIỄN CHINH

Cùng mùa đông năm đó quân Athens quyết định lên thuyền viễn chinh Sicily¹⁴ một lần nữa, với quân lực lớn hơn nhiều so với quân lực thời Laches và Eurymedon, và chinh phục đảo này nếu có thể; đa phần đạo quân này hoàn toàn mù tịt về quy mô và dân cư của đảo này, cả dân Hy Lạp lẫn dân phi-Hy-Lạp, và không hề hay biết rằng thực tế họ đang tiến hành một cuộc chiến chẳng thua kém cuộc chiến với các dân Peloponnese là mấy. Bởi lẽ một chuyến hải hành bằng thương thuyền vòng quanh đảo Sicily mất không

dưới tám ngày; thế nhưng dù hải đảo này rộng đến thế, chỉ có hai dặm biển^[2] để ngăn không cho hải đảo này thành lục địa.

Hải đảo này có người đến ở từ thuở sơ khai như thế này, và dân đã cư ngụ ở đó là những tộc dân này: những cư dân sớm nhất được nói đến ở bất kỳ vùng nào trên xứ đảo này là các Cyclops^[3] và các Laestrygones^[4]; nhưng tôi không thể khẳng định họ thuộc chủng tộc nào, và họ từ đâu tới, hay họ đã đi đâu, và phải để bạn đọc của tôi lại với những gì các nhà thơ đã nói về họ và với những gì mà có thể là ai cũng biết về họ. Dân Sicani^[5] dường như là những dân định cư tiếp theo, mặc dầu họ tuyên bố họ là những những cư dân đầu tiên trong tất cả mọi tộc dân, và là thổ dân ở đó; nhưng thực tế cho thấy rằng họ là dân Iberia^[6] bị dân Liguria^[7] đuổi khỏi con sông Sicanus ở Ibreá. Chính vì họ mà hải đảo này, trước đó được gọi là Trinacria, đã được gọi là Sicania, và cho đến nay họ vẫn cư trú ở phía tây đảo Sicily. Khi Ilium thất thủ, một số dân thành Troy trốn thoát khỏi tay quân Achaea, đã đến đảo Sicily bằng thuyền, và định cư tiếp theo sau dân Sicani dưới một tên chung là dân Elymi; các trấn của họ có tên gọi là Eryx^[8] và Egesta^[9]. Cùng định cư tại đó với họ còn có một số người Phocis, trên đường đi bị một cơn bão xô dạt và thoát đầu vào Libya, rồi từ đó vào Sicily. Dân bản địa Sicily từ quê xứ ban đầu của họ là Italy đã vượt biển sang Sicily khi trốn chạy khỏi dân Opici^[10], như truyền thuyết kể lại và dường như không phải là bịa đặt, trên những chiếc bè, đã chờ lúc gió thuận thổi vào eo biển đó để cập vào; mặc dầu có lẽ họ đã bơi thuyền vượt biển sang đây bằng cách nào đó khác.

Thậm chí ngày nay vẫn còn dân bản địa Sicily ở Italy, và xứ sở này được đặt tên là Italy theo tên của Italus, một vị vua của dân bản địa Sicily. Những kẻ này tiến vào Sicily với một đạo quân lớn, đánh bại người Sicani trên chiến trận và buộc họ phải rời đến phía nam và phía tây của đảo, đảo này vì vậy được mang tên là Sicily thay cho Sicania, và sau khi vượt biển sang đó họ tiếp tục hưởng thụ những miền trù phú nhất của xứ đó gần ba trăm năm nữa trước khi người Hy Lạp đến Sicily; trên thực tế họ vẫn đang nắm giữ vùng trung tâm và phía bắc của hải đảo này.

Ở đó cũng có dân Phoenicia sống rải rác khắp Sicily, dân này chiếm lĩnh những mũi đất nhô ra trên các bãi biển và những đảo nhỏ lân cận nhằm mục đích buôn bán với dân bản địa Sicily. Nhưng khi người Hy Lạp bắt đầu theo đường biển kéo đến rất đông, dân Phoenicia đã rời bỏ hầu hết các địa điểm đó, và khi tập hợp lại một chỗ, họ lấy Motye^[11], Soloeis^[12] và Panormus^[13] lân cận với dân Elymi làm nơi sinh sống, phần vì họ tin tưởng vào liên minh với dân này, phần nữa vì đó là những điểm gần nhất đối với hành trình giữa Carthage^[14] và Sicily.

Đó là những dân phi-Hy-Lạp ở Sicily, họ định cư ở đây theo cách tôi vừa kể. Trong các dân Hy Lạp thì dân Chalcis từ Euboea cùng với Thucles người sáng lập của họ là dân đầu tiên đến đó. Họ kiến lập thành Naxos và dựng một đàn tế thần Apollo Archegetes^[15], đàn tế đó hiện giờ vẫn còn ở bên ngoài trấn, và trên đó các vị đại diện thường làm lễ hiến tế cho các cuộc thi đấu^[16] trước khi lên thuyền rời Sicily. Syracuse được Archias kiến lập vào năm sau đó, ông là một trong những hậu duệ của thần Heracles từ Corinth tới, khởi đầu bằng việc đuổi dân bản địa Sicily khỏi hòn đảo nơi mà ngày nay khu thành nội vẫn còn đứng đó, dù bây giờ nó không còn bị nước vây quanh nữa: theo dòng thời gian phía ngoại trấn cũng được bao gồm vào bên trong các bức thành lũy và trở nên đông đúc. Trong thời gian đó Thucles và người Chalcis xuất chinh từ Naxos vào năm thứ năm sau khi kiến lập Syracuse, và dùng vũ lực đuổi dân bản địa Sicily ra khỏi đó rồi kiến lập Leontini và sau đó là Catana; dân Catana tự họ lựa chọn Evarchus làm người sáng lập của mình.

Cũng khoảng thời gian này Lamis đến Sicily cùng với một đoàn thực dân từ Megara, và sau khi kiến lập nên một nơi gọi là Trotilus bên kia sông Pantacyas, và sau đó bỏ nó lại và đến sống với người Chalcis ở Leontini, sau một thời gian ngắn ông ta bị họ đuổi và kiến lập Thapsus^[17]. Sau khi ông ta chết, những người đi theo ông ta bị đuổi khỏi Thapsus, và lập nên một nơi gọi là Megara Hyblaea^[18]; Hyblon, vua của dân bản địa Sicily, đã nhường lại nơi này và mời họ đến đó. Họ sống tại đây hai trăm bốn mươi lăm năm, sau đó họ bị bạo chúa Gelo của Syracuse trục xuất khỏi thành này và xứ này.

Tuy vậy trước khi họ bị trục xuất, một trăm năm sau khi họ định cư ở đó, họ đã phái Pamillus đi và kiến lập trấn Selinus^[19]; ông ta từ Megara xứ mẹ^[20] của họ đến để tham gia cùng với họ kiến lập nên nơi đó. Trấn Gela được kiến lập bởi Antiphemus từ đảo Rhodes^[21] và Entimus từ Crete đến, những người này cùng dẫn một đoàn thực dân đến đó, vào năm thứ bốn mươi lăm sau khi kiến lập Syracuse. Trấn này được đặt tên theo dòng sông Gela, cái nơi mà ngày nay thành nội vẫn còn đứng đó và là nơi được củng cố phòng ngự đầu tiên được gọi là Lindii. Thể chế mà họ kế tục và áp dụng là thể chế của Doris. Gần một trăm lẻ tám năm sau khi kiến lập Gela, dân Gela kiến lập thành Acragas (Agrigentum), được đặt theo tên dòng sông Acragas, và tôn vinh Aristonous và Pystilus là những người sáng lập của mình; đồng thời ban thể chế của chính họ cho thuộc địa đó. Zancle^[22] thoát kỳ thủy được kiến lập bởi bọn cướp biển từ Cuma, một thành của dân Chalcis ở xứ của dân Opici; tuy vậy sau đó rất nhiều người từ Chalcis và các nơi còn lại ở Euboea đã đến đó, và góp phần làm nên dân cư nơi này; những người sáng lập là Perieres từ Cuma và Crataemenes từ Chalcis đến. Ban đầu nó được dân bản địa Sicily gọi là Zancle, bởi bờ biển ở đây cong như hình lưỡi liềm, mà theo ngôn ngữ của dân đó là *zanclon*; nhưng sau này khi những dân định cư đầu tiên bị một số người Samos và người Ionia – những kẻ này đã cập bờ Sicily trong khi trốn chạy quân Ba Tư – đuổi khỏi đó, và sau đó không lâu đến lượt người Samos bị Anaxilas, bạo chúa của Rhegium đuổi khỏi đó, trấn này bị ông ta thuộc địa hóa bằng dân tứ chiếng, và Zancle lúc bấy giờ được đổi tên thành Messina, theo tên cổ hương của ông ta.

Himera được Euclides, Simus và Sacon kiến lập sau Zancle, hầu hết những người đến thuộc địa này là dân Chalcis; tuy vậy cũng có một số người Syracuse lưu vong vì chiến bại trong một cuộc nội chiến đã nhập cư với họ, những người này được gọi là *Myletidae*. Ngôn ngữ của họ pha trộn giữa tiếng Chalcis và tiếng Doris, nhưng thể chế thịnh hành là thể chế của Chalcis. Acrae^[23] và Casmeneae^[24] được người Syracuse kiến lập; Acrae sau Syracuse bảy mươi năm, Casmeneae sau Acrae gần hai mươi năm. Camarina lần đầu được người Syracuse kiến lập suýt soát một trăm ba mươi lăm năm sau khi xây dựng Syracuse; những người kiến lập nên thành này là Daxon và

Menecolus. Nhưng dân Camarina vì dấy loạn nên đã bị người Syracuse dùng vũ lực đuổi khỏi đó, một thời gian sau bạo chúa Gela là Hippocrates, khi thu nhận đất này như khoản tiền chuộc cho một số tù binh Syracuse, đã tái định cư cho Camarina, làm người tái thiết thành này. Cuối cùng, cư dân nơi này lại một lần nữa bị Gelo đuổi đi, và nó được dân Gela đến định cư thêm lần nữa là lần thứ ba.

Danh sách những dân Hy Lạp và phi-Hy-Lạp sinh sống ở Sicily là như vậy, và tầm cỡ của hải đảo mà quân Athens đang hăm hở đi xâm lược là thế đó; thực sự là họ rất tham vọng chinh phục được toàn bộ hải đảo này, mặc dù họ cũng bày ra một mưu chước giả bộ đi cứu viện những người đồng tông tộc và các đồng minh khác của họ trên đảo đó. Nhưng trên hết họ bị các sứ giả từ Egesta đến xúi giục, những sứ giả này đến Athens và cầu cứu họ một cách khẩn thiết hơn bao giờ hết. Dân Egesta đã đi đến chỗ phải đánh nhau với dân Selinus láng giềng vì vấn đề hôn nhân và tranh chấp lãnh thổ, và Selinus đã tranh thủ được Syracuse làm đồng minh với mình, và đánh Egesta rất rát cả trên bộ lẫn trên biển. Lúc bấy giờ các sứ giả Egesta nhắc người Athens về liên minh được thiết lập từ thời tướng quân Laches, trong cuộc chiến Leontini trước đây^[25], và khẩn nài Athens gửi một hạm đội đến cứu viện, và trong vô số những lý do khác thì lý do chính mà họ nêu ra là nếu dân Syracuse được để yên không bị trừng phạt vì tội đuổi dân Leontini đi, để tiếp tục huỷ diệt những đồng minh còn lại của Athens ở Sicily và thôn tóm toàn bộ quyền lực ở hải đảo đó vào tay mình, thì rất có nguy cơ một ngày kia họ sẽ kéo một lực lượng lớn đến với tư cách là người Doris trợ chiến cho đồng bào Doris của họ, và với tư cách những thực dân ở thuộc địa trợ chiến cho dân Peloponnese, những người đã gửi họ sang Sicily, và tham gia cùng với dân này để lật đổ đế chế Athens. Vì vậy tốt nhất là người Athens nên liên kết với các đồng minh vẫn còn ở lại với mình, và đối đầu với Syracuse, nhất là khi dân Egesta bọn họ đã chuẩn bị cung đốn tiền bạc đầy đủ cho cuộc chiến đó. Người Athens khi nghe những lý lẽ đó được các sứ giả Egesta và những người ủng hộ họ nhắc đi nhắc lại mãi trên các cuộc hội nghị công dân của mình thì biểu quyết thông qua trước hết là phái sứ giả đến Egesta để xem có thật là khoản tiền mà họ nói đó đang nằm trong công

khố và các đền thờ không, đồng thời tìm hiểu đích xác thực trạng cuộc chiến với dân Selinus là thế nào.

Các sứ giả Athens vì thế đã được cử đi Sicily. Cùng mùa đông năm ấy quân Lacedaemon và các đồng minh của họ, ngoại trừ Corinth, đã tiến vào lãnh thổ Argos và tàn phá một phần nhỏ đất này, và bắt một số xe chở thặng những cặp bò và đoạt một số ngũ cốc mang đi. Họ cũng đưa những người Argos lưu vong vào định cư tại Orneae, và để lại cho những kẻ đó một ít quân đồn trú được cắt từ đạo quân này; và sau khi lập thoả thuận đình chiến cho một khoảng thời gian nhất định, mà trong thời gian đó cả dân Orneae lẫn dân Argos đều không được xâm phạm lãnh thổ của nhau, họ đem quân trở về. Chẳng bao lâu quân Athens đem ba mươi chiến thuyền và sáu trăm bộ binh hạng nặng đến đó, và dân Argos tham gia với họ bằng toàn bộ binh lực của mình, tiến quân ra khỏi bờ cõi và vây hãm những người ở Orneae một ngày, nhưng đêm đến đội quân đồn trú ở đó đã thoát ra được, khi những kẻ vây hãm hạ trại ở cách đó khá xa. Ngày hôm sau quân Argos phát hiện ra việc đó liền san Orneae thành bình địa, rồi lại quay về; sau trận này quân Athens đã hồi hương trên những chiến thuyền của mình. Trong khi ấy người Athens đưa một số kỵ binh của chính họ và những người Macedonia lưu vong đang ở Athens theo đường biển đến Methone trên biên giới của Macedonia, và cướp bóc xứ sở của Perdiccas. Ngay khi xảy ra việc này người Lacedaemon đã cử sứ giả đến gặp dân Chalcis ở Thrace – dân này có thoả thuận đình chiến với Athens ký lại từng mười ngày một – thuyết phục họ hợp quân với Perdiccas để chiến đấu, nhưng họ đã từ chối. Và mùa đông đó kết thúc, và kết thúc cùng với nó là năm thứ mười sáu của cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách.

Vào đầu xuân của mùa hạ kế tiếp các sứ giả Athens đã từ Sicily về đến, và người Egesta theo cùng với họ, mang đến sáu mươi *talăng* bạc chưa đúc, là một tháng lương cho sáu mươi chiến thuyền mà họ định yêu cầu Athens gửi cho họ. Người Athens tổ chức một cuộc hội nghị công dân và, sau khi nghe người Egesta và các sứ giả do chính họ phái đi thuật lại – hấp dẫn bao nhiêu thì cũng thiếu chân thực bấy nhiêu – về thực trạng cuộc chiến nói chung, và đặc biệt là về tiền bạc mà họ nói rằng nhiều vô kể trong các đền thờ và công

khố, đã biểu quyết thông qua việc cử sáu mươi chiến thuyền đi Sicily, dưới quyền chỉ huy của Alcibiades con trai của Clinias, Nicias con trai của Niceratus và Lamachus con trai của Xenophanes, là những vị tướng được bổ nhiệm toàn quyền; họ có nhiệm vụ giúp dân Egesta đánh dân Selinus, khôi phục lại Leontini khi giành được bất kỳ lợi thế nào trong cuộc chiến đó, và sắp đặt mọi việc khác ở Sicily theo cách mà họ thấy là có lợi nhất cho Athens. Năm ngày sau, cuộc hội nghị công dân thứ hai đã được tổ chức để xem xét cách thức trang bị các chiến thuyền nhanh nhất, và biểu quyết bất kỳ thứ gì khác mà các vị tướng đó có thể yêu cầu cho cuộc chiến này; và Nicias, người được lựa chọn làm chỉ huy trái với ý muốn của ông ta, và là người nghĩ rằng thành bang này đã thiếu sáng suốt chỉ với cái cố đi cứu viện hời hợt bề ngoài mà háo hức muốn chinh phục toàn bộ Sicily, là một mục tiêu quá cao khó có thể đạt được, ông ta bèn tiến lên phát biểu với hy vọng lái người Athens ra khỏi chiến dịch đó, và khuyên họ như sau:

“Mặc dù cuộc hội nghị này được triệu tập để cân nhắc những việc cần chuẩn bị cho việc lên thuyền đi Sicily, song tôi nghĩ rằng chúng ta vẫn còn vấn đề này cần phải xem xét kỹ, rằng liệu có nên phái hạm đội của chúng ta đi hay không, và rằng chúng ta có nên cân nhắc quá vội vàng về một vấn đề có tầm quan trọng đến thế, hoặc để mình bị những kẻ ngoại bang thuyết phục ghé vai gánh vác một cuộc chiến mà chúng ta chẳng mấy may liên quan đến hay không. Tuy rằng về phần mình, tôi đạt được vinh dự bằng con đường chiến tranh đó, và cũng như những người khác tôi ít lo sợ cho bản thân mình – không phải tôi cho rằng một người nhất định là một công dân tồi hơn nếu quan tâm lo lắng cho riêng mình hoặc tài sản của mình, trái lại, một người như vậy sẽ vì lợi ích của chính mình mà mong muốn sự thịnh vượng của xứ sở mình hơn những người khác – song vì tôi chưa từng bao giờ nói điều gì trái với nhận thức của mình để được tiếng, nên lúc này tôi cũng sẽ không bắt đầu làm thế, mà sẽ nói những gì tôi cho là tốt nhất. So với chí khí của các vị thì bất kỳ lời nào của tôi cũng sẽ khá là yếu ớt, nếu tôi có định khuyên các

vị giữ lấy những gì các vị đã có được và đừng liêu những gì các vị thực sự đang nắm trong tay vì những lợi ích mà bản thân chúng vẫn còn rất mơ hồ, và là lợi ích mà các vị có thể đạt được mà cũng có thể không. Thế nên tôi sẽ tạm bằng lòng với việc chỉ ra rằng nhiệt huyết của các vị là không đúng nơi đúng lúc, và tham vọng của các vị là không dễ gì thực hiện được.

Và tôi cũng xin khẳng định rằng các vị bỏ rất nhiều kẻ thù lại đây để đi đến nơi xa xôi ấy mà mang về theo mình thêm nhiều kẻ thù khác. Có lẽ các vị tưởng rằng bản hoà ước mà các vị đã ký kết có thể tin cậy được; bản hoà ước mà sẽ chỉ tiếp tục tồn tại trên danh nghĩa chừng nào các vị còn án binh bất động – bởi nó đã trở thành hữu danh vô thực, vì những thủ đoạn của một số người nào đó ở đây cũng như ở Sparta – nhưng lại là bản hoà ước mà chỉ cần xảy ra một thất bại nghiêm trọng ở bất kỳ nơi nào cũng sẽ không ngăn được những kẻ địch của chúng ta tấn công chúng ta dù chỉ chậm thêm giây phút; thứ nhất, là vì chúng buộc phải ký kết bản hoà ước đó trong cơn bĩ cực và đối với chúng nó kém danh dự hơn là đối với chúng ta; và thứ hai là, vì chính trong hoà ước này có rất nhiều điểm còn đang phải tranh cãi. Lại nữa, cho đến lúc này một số trong các bang hùng mạnh nhất đâu đã chịu chấp nhận sự hoà giải này. Một số trong các bang này đang công khai chiến tranh với chúng ta; số khác (vì Lacedaemon chưa có động tĩnh gì) còn đang dè dặt bởi những tạm ước gia hạn từng mười ngày một, và điều hầu như chắc chắn sẽ xảy ra là nếu chúng thấy sức mạnh của chúng ta phân tán ra, như lúc này chúng ta đang vội vã phân tán đây, thì cùng với thực dân ở Sicily – những thực dân mà ắt hẳn từ trước chúng đã coi trọng việc liên minh với họ hơn là liên minh với một vài kẻ khác, chúng sẽ lập tức ủa đến tấn công chúng ta ngay. Vì thế mỗi người phải cân nhắc những điểm này, và đừng có nghĩ đến chuyện mạo hiểm với một xứ sở đang bị đặt vào tình thế nguy cấp đến thế, hoặc nghĩ đến chuyện giành giật lấy một đế chế khác khi mà chúng ta còn chưa bảo toàn được cái đế chế mà chúng ta đã có đây; bởi trên thực tế dân Chalcis ở Thrace suốt những năm này đã dấy loạn chống lại chúng ta mà vẫn chưa bị đè

bep, và những dân khác ở các vùng trên lục địa quy phục chúng ta nhưng sự tuân phục của họ thật đáng ngờ. Trong khi đó thì dân Egesta đồng minh với chúng ta vừa mới bị dân khác làm tổn hại là chúng ta vội vã đi cứu viện họ, trái lại những dân nổi loạn đã khiến chúng ta tổn hại bấy lâu vẫn đang chờ đòn trừng phạt.

Vậy mà, dân phiến loạn Chalcis này nếu bắt phải vào khuôn vào phép được thì còn có thể thống trị được họ, trái lại những dân ở Sicily cho dù có chinh phục được thì cũng ở quá xa và quá đông, chẳng dễ gì mà cai trị họ cho được. Trong tình trạng này có hoạ là diên mới đi đánh những kẻ mà ta không thể thống trị được cho dù có bị đánh bại, trái lại chiến bại sẽ đặt chúng ta vào một vị thế khác xa với vị thế mà chúng ta đã giành được trước khi tiến hành chiến dịch này. Và chẳng dám thực dân ở Sicily, xét tình thế hiện tại của chúng, nếu có xảy ra việc quân Syracuse xâm lăng (là vấn đề khiến dân Egesta thường xuyên lo lắng), thì theo suy nghĩ của tôi thậm chí chúng sẽ bớt nguy hiểm đối với chúng ta hơn trước. Hiện tại chúng có thể đến đây trợ thủ với tư cách từng bang riêng rẽ vì tình cảm với Lacedaemon; nhưng nếu tình huống khác đi thì một đế chế sẽ khó lòng tấn công một đế chế khác; bởi sau khi liên kết với dân Peloponnese để lật đổ chúng ta, chúng chỉ có thể chờ đợi để thấy rằng cùng những bàn tay ấy sẽ lật đổ chúng bằng đúng cái cách như vậy mà thôi. Dân Hy Lạp ở Sicily sẽ sợ chúng ta nhất nếu chúng ta chẳng bao giờ đặt chân tới đó, và sẽ bớt sợ chúng ta hơn nếu sau khi phô trương sức mạnh của mình chúng ta lại nhanh chóng ra đi. Chúng ta thấy đều biết rằng kẻ nào ở nơi xa xôi nhất và danh tiếng của kẻ đó ít có khả năng được kiểm chứng nhất mới là đối tượng của sự khâm phục; nếu chúng ta gặp vận rủi dù là nhỏ nhất, chúng sẽ ngay lập tức khinh thường chúng ta, và sẽ liên kết với những kẻ địch của chúng ta ở đây để chống lại chúng ta. Bản thân các vị đã trải nghiệm điều này với người Lacedaemon và đồng minh của chúng, những kẻ mà chiến thắng bất ngờ của các vị đối với chúng, khi so với những gì mà thoát đầu các vị đã lo sợ, đã khiến các vị đột nhiên khinh suất, đồng thời cảm dỗ các vị tiếp tục thêm muốn chinh phục Sicily.

Tuy nhiên, thay vì dương dương tự đắc bởi những rủi ro của kẻ địch, các vị phải nghĩ đến việc bẻ gãy ý chí của chúng trước khi quá mãi tự tin, và nên biết rằng ý nghĩ duy nhất mà sự nhục nhã đã thức tỉnh trong lòng người Lacedaemon là ý nghĩ làm sao để ngay lúc này đây, nếu cơ hội cho phép, họ có thể đánh bại được chúng ta để rửa mối nhục của mình; bởi danh tiếng về quân sự là cái mà họ đã gắng hết sức mình từ bao đời để có được. Vì vậy cuộc chiến đấu của chúng ta, nếu chúng ta khôn ngoan ra, sẽ không phải là chiến đấu vì dân Egesta man di ở Sicily, mà là làm sao để bảo vệ chính chúng ta một cách hữu hiệu nhất chống lại những mưu đồ oligarchy của Lacedaemon.

Chúng ta cũng phải nhớ rằng chúng ta chỉ vừa mới được trận đại dịch hạch và chiến tranh bùng nổ chốc lát, là điều có lợi không ít cho chúng ta về người và của, và rằng đúng ra ta phải tận dụng những thứ này tại quê xứ cho chính bản thân mình, thay vì sử dụng chúng cho những kẻ lưu vong kia, những kẻ chỉ quan tâm đến việc nói dối sao cho như thật, những kẻ chẳng làm gì ngoài việc nói suông và đẩy nguy hiểm cho người khác, và là những kẻ mà nếu thành công thì chẳng bao giờ thể hiện lòng biết ơn đúng mực, và nếu thất bại thì sẽ kéo cả bè bạn chết chìm theo chúng. Và nếu có bất kỳ kẻ nào ở đây quá vui mừng khi được chọn làm chỉ huy, kẻ thúc giục các vị tiến hành cuộc viễn chinh này chỉ vì những mục đích của cá nhân anh ta – đặc biệt là nếu kẻ đó vẫn còn quá non trẻ với vị trí chỉ huy – kẻ mưu toan để được ngưỡng mộ vì đàn ngựa nòi mà anh ta có, nhưng vì chi phí vào nó quá cao nên hy vọng có thể trục lợi bằng vị trí được bổ nhiệm của mình, thì đừng để kẻ nào như vậy duy trì sự hào nhoáng phô trương của mình với cái giá phải trả là xứ sở của anh ta phải chịu rủi ro, mà hãy nhớ rằng những kẻ như thế làm hại đến vận mệnh cơ đồ của toàn dân trong lúc họ phung phí vận mệnh của chính mình, và hãy nhớ rằng đây là một vấn đề trọng đại, và không thể để cho một người trẻ tuổi định đoạt hoặc vội vã nắm lấy quyền chỉ huy vào tay.

Khi tôi thấy những người như thế hiện đang ngồi nơi đây bên cạnh chính cái kẻ mà tôi vừa đề cập và là kẻ đã triệu tập họ đến, một nỗi lo

sợ xâm chiếm tôi; và đến lượt mình, tôi kêu gọi bất kỳ ai nhiều tuổi hơn mà đang ngồi bên cạnh một kẻ như vậy chớ nên để mình sau này phải hổ thẹn, chỉ vì sợ bị coi là hèn nhát nếu không tán thành chiến tranh, và hãy để giấc mơ chinh phục điên rồ đó cho bọn họ khi biết rằng thành công hiếm khi có được nhờ ao ước mà thường có được nhờ biết lo xa, và là một người thực sự yêu quê hương xứ sở của mình, nơi đang bị nguy cơ khủng khiếp nhất trong lịch sử đe dọa, hãy giơ tay ủng hộ phía bên kia; hãy biểu quyết tán thành rằng thực dân ở Sicily phải được để yên trong ranh giới hiện tồn giữa chúng ta với họ, những ranh giới mà không ai có thể phàn nàn gì cả (là biển Inonia đối với hành trình ven biển, và biển Sicily ở phía bên kia đại dương), để họ hưởng thụ những thuộc địa của riêng họ và giải quyết những tranh chấp của riêng họ; rằng về phần dân Egesta, họ sẽ được bảo cho biết phải tự mình kết thúc cuộc chiến tranh với dân Selinus mà họ đã khởi sự khi chưa hỏi ý kiến người Athens; và rằng trong tương lai chúng ta không tham gia liên minh, như trước nay chúng ta thường vẫn làm thế, với những dân mà chúng ta phải chi viện cho họ khi họ cần nhưng họ chẳng bao giờ có thể chi viện cho chúng ta khi chúng ta cần cả.

Và ngài, thưa ngài Prytanis [Chủ tịch], nếu ngài cho rằng nhiệm vụ của ngài là chăm lo đến sự thịnh vượng chung, và nếu ngài mong muốn thể hiện mình là một công dân tốt, xin hãy đưa vấn đề này ra biểu quyết, và hãy lấy ý kiến của người Athens lần thứ hai. Nếu ngài ngại phải động đến vấn đề này một lần nữa, xin hãy nghĩ rằng với đông đảo người chứng kiến nhường này thì một vi phạm luật lệ không thể dẫn đến bất kỳ tổn hại nào, rằng ngài sẽ là một người cứu thành bang của mình ra khỏi chỗ lằm lạc, và rằng đạo đức của những người nắm quyền bính trong tay chỉ đơn giản là thế này: dốc lòng dốc sức làm điều có lợi nhất, hoặc bất luận thế nào cũng không gây tổn hại cho xứ sở mình nếu có thể tránh được.”

Lời phát biểu của Nicias là thế. Hầu hết người Athens đứng lên phát biểu đều ủng hộ cuộc viễn chinh và không muốn bãi bỏ những gì đã biểu quyết thông qua, mặc dù một số người phát biểu ủng hộ phía bên kia. Nhưng người nhiệt tình ủng hộ cuộc viễn chinh nhất là Alcibiades con trai của Clinias, kẻ đang mong phá đám Nicias vì ông ta là đối thủ của y trên chính trường và cũng vì sự công kích mà ông ta nhằm vào y khi phát biểu, và hơn nữa, là người cực kỳ tham vọng nắm quyền chỉ huy mà bằng vào đó y hy vọng sẽ thôn tính được Sicily và Carthage, và cá nhân y sẽ được thêm của cải và danh tiếng nhờ vào những chiến thắng của mình. Vì rằng địa vị mà y có giữa các công dân đã khiến y nuông chiều những sở thích cá nhân vượt quá mức của cải tiền bạc của mình cho phép, vào việc nuôi đàn ngựa và vào tất cả những phí tổn khác, và điều này về sau đã liên quan không ít đến sự suy vong của Athens. Lo ngại trước sự phóng túng vô hạn của y trong cuộc sống và các sở thích của cá nhân y, và trước tham vọng mà y bộc lộ trong bất kể việc gì mà y đảm trách, dân chúng coi y là kẻ đang khao khát chính thể chuyên chế và họ trở nên thù địch với y; và mặc dù về mặt công chúng thì việc y chỉ đạo cuộc chiến tranh này là vừa ý họ nhất, nhưng về mặt cá nhân y thì những sở thích của y đã khiến tất cả mọi người chướng tai gai mắt, và đó là nguyên nhân khiến họ giao phó việc này vào những bàn tay khác, và như vậy là chẳng bao lâu nữa sẽ khiến thành bang này lụn bại. Lúc này y bước lên và khuyên người Athens những lời như sau:

“Hỡi dân chúng Athens, quyền chỉ huy đúng ra phải thuộc về tôi hơn thuộc về bất kỳ ai khác – tôi phải bắt đầu bằng câu này vì Nicias đã công kích tôi – và đồng thời tôi tin rằng bản thân tôi xứng đáng với quyền đó. Tôi đang bị lãng mạ vì những điều đã mang lại thanh danh cho tổ tiên tôi và cho chính bản thân tôi, và hơn thế nữa còn mang lại lợi ích cho xứ sở này. Dân các xứ ở Hy Lạp, sau khi mong được thấy thành bang của chúng ta suy tàn bởi chiến tranh, đã kết luận rằng Athens thậm chí còn hùng mạnh hơn thực trạng của nó, là bởi ấn tượng huy hoàng mà tôi đem đến Đại hội olympic để đại diện cho thành bang

này, khi tôi đăng vào danh sách tới bảy cỗ xe đua, một con số mà trước đây chưa từng được đăng ký bởi bất kỳ một cá nhân nào, và đã thắng giải nhất, giải nhì và cả giải tư nữa, và chăm nom sao cho những việc khác theo một cung cách xứng với chiến thắng của tôi. Truyền thống coi những cuộc phô diễn như vậy là danh giá, và không thể làm nên những cuộc phô diễn đó mà không để lại đằng sau một ấn tượng về sức mạnh. Và lại, bất kỳ sự lộng lẫy huy hoàng nào mà có lẽ tôi đã phô diễn ở chính xứ sở này khi cung cấp các dàn ca vũ kịch hoặc bất kỳ thứ gì khác, lẽ tự nhiên là bị những đồng bào của tôi ganh ghét nhưng trong con mắt những người ngoại bang thì nó lại toát ra cái vẻ của sức mạnh chẳng khác gì trường hợp trên. Và đây chẳng phải là việc nông cuồng vô ích, khi mà một người bằng tiền túi của mình không chỉ làm lợi cho riêng mình mà còn làm lợi cho thành bang của anh ta: cũng chẳng phải là bất công gì khi một người lấy làm kiêu hãnh về địa vị của mình từ chối đứng ngang hàng với tất cả những người khác. Kẻ bị xa lánh sẽ phải giữ sự bất hạnh cho riêng mình, và do chỗ chúng ta chẳng thấy ai phù kẻ suy, thì cũng cùng một nguyên tắc như vậy mà một người buộc phải chấp nhận sự vênh vang của kẻ thịnh; bằng không, cứ để anh ta đưa ra những chuẩn mực công bằng cho tất cả mọi người trước đã rồi hãy đòi hỏi chuẩn mực đó được áp dụng cho chính anh ta. Điều mà tôi biết rõ là những kiểu người như thế và tất cả những ai mà đã đạt được bất kỳ danh hiệu nào, cho dù có thể suốt đời họ không được yêu mến trong quan hệ với những đồng bào của họ và nhất là với những người ngang hàng với họ, họ vẫn để lại cho hậu thế niềm mong ước được tuyên bố là có dây mơ rễ má với họ ngay cả khi chẳng có cơ sở nào, và họ được thành bang này vinh danh không phải như những kẻ ngoại tộc hoặc những kẻ bất hảo mà là những huynh đệ đồng bào và là những vị anh hùng. Khát vọng của tôi là thế đó, và cho dù vì chúng mà cá nhân tôi có bị phi báng đến thế nào chẳng nữa, nhưng vấn đề lại ở chỗ có ai cai quản việc công giỏi hơn tôi hay không. Sau khi đã liên kết được những thành bang hùng mạnh nhất ở Peloponnese vào với nhau mà chẳng gây nguy hiểm hoặc tổn kém gì nhiều cho các vị, tôi đã buộc

người Lacedaemon phải liều đánh cược tất cả những gì chúng có vào may rủi chỉ trong một ngày ở Mantinea; và dầu rằng chúng đã thắng trận ấy nhưng từ đó trở đi chúng đã chẳng thể khôi phục lại hoàn toàn sự tự tin như trước nữa.

Tuổi đời non trẻ của tôi và cái bị gọi là nông cuồng phi lý đó đã tìm ra được những lập luận thích đáng để đối phó với quyền lực của dân Peloponnese như vậy đó, và bằng vào nhiệt huyết của mình, tuổi trẻ này đã chiếm được lòng tin của họ và thắng thế. Và lúc này xin đừng lo ngại vì tuổi đời tôi còn non trẻ, mà trái lại trong khi tôi còn đang độ thanh xuân, và Nicias xem ra đang gặp vận may, các vị hãy lợi dụng triệt để những gì cả hai chúng tôi có thể cống hiến được. Cũng đừng rút lại quyết định cử hạm đội đi Sicily của các vị chỉ vì lý do các vị sắp sửa đi đánh một thế lực rất hùng mạnh. Các thành bang ở Sicily rất bộn tạp dân, chúng dễ dàng thay đổi thể chế của mình và chấp nhận những thể chế mới thay cho thể chế của chúng; và vì vậy cư dân ở đó, đã chẳng mấy may có chút lòng yêu nước nào, lại không trang bị được vũ khí cho người của chúng, và bản thân chúng cũng chưa củng cố phòng vệ vững chắc được trên đất đó theo cách chính quy; mỗi người đều cho rằng hoặc bằng tài ăn nói hoặc bằng xung đột đảng phái hãn có thể kiếm chác được gì đó bằng chi phí của dân, và rồi nếu có xảy ra tai hoạ gì thì chạy sang định cư ở xứ khác, và hãn luôn chuẩn bị sẵn sàng theo hướng đó. Từ đám dân chúng hỗn tạp như thế này thì các vị đừng mong chúng có sự nhất trí trong bàn bạc cũng như sự phối hợp trong hành động; mà chắc chắn chúng sẽ từng tên một theo sang phe ta khi chúng có được lời mời chào lọt tai, nhất là khi chúng đang tơ bời vì cuộc xung đột nội bộ như chúng ta được tin báo. Hơn nữa, các thực dân Hy Lạp ở Sicily không có nhiều bộ binh hạng nặng như chúng khoe khoang; cũng y như tất cả các dân Hy Lạp đã không chứng minh được rằng tổng quân số của họ bằng quân số mỗi bang tự tính toán là mình có gộp lại, mà là Hy Lạp đã thổi vống quân số của họ lên, và cho đến giờ khó lòng mà có một lực lượng bộ binh hạng nặng đủ dùng cho suốt cuộc chiến tranh này. Vậy nên, từ tất cả những gì mà tôi nghe ngóng

được, người ta sẽ thấy tình hình ở Sicily đúng như lời tôi nói, và tôi còn chưa chỉ ra hết những lợi thế của chúng ta, vì chúng ta sẽ được rất nhiều dân phi-Hy-Lạp chi viện, những dân mà vì căm ghét bọn Syracuse sẽ tham gia với chúng ta đi đánh bọn chúng; và cũng không một thế lực nào ở quê xứ của chúng ta cho thấy dấu hiệu sẽ ngăn trở, nếu các vị xét đoán đúng. Cha ông chúng ta cũng với chính những kẻ địch mà như người ta nói là giờ đây chúng ta sẽ để lại đằng sau khi chúng ta lên thuyền đi chinh chiến, và thêm cả quân Ba Tư là kẻ địch của họ nữa, đã gây dựng được đế chế này chỉ nhờ vào mỗi sự ưu việt trên biển của họ. Dân Peloponnese chưa bao giờ có ít hy vọng chống lại chúng ta như bây giờ; và cứ kệ cho chúng lạc quan hết mức đi, tuy chúng có đủ mạnh để xâm lược xứ sở chúng ta dù chúng ta đi viễn chinh hay ở quê nhà, chúng cũng không bao giờ có thể xâm hại chúng ta bằng hải quân của chúng, vì khi xuất chinh chúng ta sẽ để lại một hạm đội cân sức với chúng.

Trong tình trạng này thì có cái lý nào mà chúng ta có thể viện ra cho chính mình để do dự, hay có cái lý nào mà chúng ta có thể viện ra với các đồng minh ở Sicily để không đến giúp họ? Họ là các xứ liên minh với chúng ta, và chúng ta có nghĩa vụ phải giúp họ, mà đừng phản đối rằng họ chưa giúp gì chúng ta. Chúng ta nhận họ vào liên minh chẳng phải để họ giúp chúng ta ở Hy Lạp, mà là để họ có thể quấy nhiễu những xứ thù địch với chúng ta ở Sicily nhằm ngăn ngừa chúng đến đây tấn công chúng ta. Chính bằng cách đó mà đế chế này được gây dựng nên, bởi công sức của chúng ta và của những người đã giữ gìn nó, bởi luôn sẵn sàng hỗ trợ tất cả những ai đang kêu gọi giúp đỡ, dù là dân phi-Hy-Lạp hay Hy Lạp; vì rằng nếu tất cả mọi người chỉ định khoanh tay đứng nhìn, hoặc phân biệt và lựa chọn ai là kẻ nên giúp đỡ, thì chúng ta sẽ chỉ tiến hành một vài cuộc chinh phạt mới, và sẽ chỉ gây nguy hiểm cho những kẻ mà đến nay chúng ta đã chiến thắng họ rồi. Con người ta thường không ngồi yên mà bằng lòng với việc né tránh những đòn tấn công của một kẻ trên cơ mình, mà thường ra đòn trước để ngăn không cho những đòn tấn công đó thực hiện được. Và chúng ta

không thể định ra một điểm chính xác mà đế chế của chúng ta sẽ phải dừng ở đó; chúng ta đã lên đến một vị thế mà ở đó chúng ta không được phép bằng lòng với việc giữ gìn mà phải mưu toan mở mang đế chế, vì nếu chúng ta ngừng thống trị những kẻ khác thì chính chúng ta sẽ có nguy cơ bị thống trị. Các vị cũng không thể xem xét việc án binh bất động theo quan điểm của những dân khác được, trừ phi các vị sẵn sàng thay đổi tập quán của mình và biến chúng thành những tập quán giống như của họ.

Vậy nên hãy tin chắc rằng chúng ta sẽ tăng thêm quyền lực ở quê xứ bằng cuộc mạo hiểm ở viễn xứ này, và hãy để chúng tôi thực hiện cuộc viễn chinh này, và đề bẹp niềm kiêu hãnh của dân Peloponnese bằng cách đem hạm đội khởi hành đi Sicily, và cho chúng thấy rằng chúng ta chẳng màng hưởng thụ nền hoà bình mà chúng ta đang có; và đồng thời chúng ta hoặc sẽ trở thành bá chủ của cả Hy Lạp, vì việc này đối với chúng ta chẳng khó gì khi mà dân Hy Lạp ở Sicily tham gia với chúng ta, hoặc chí ít thì cũng huỷ diệt Syracuse, làm lợi không ít cho chính chúng ta và các đồng minh của mình. Khả năng ở lại nếu thành công hoặc quay trở về an toàn sẽ được hạm đội của chúng ta đảm bảo chắc chắn cho chúng ta, bởi trên biển thì chúng ta sẽ mạnh hơn toàn thể thực dân ở Sicily gộp lại. Và đừng để cái chủ trương khoan-tay-đứng-nhìn mà Nicias ủng hộ, hoặc việc ông ta đặt người trẻ vào thế đối kháng với người già, khiến các vị đi chệch ra khỏi mục đích của mình; mà bằng truyền thống lâu đời tốt đẹp, mà theo truyền thống đó cha ông chúng ta trẻ già cùng tham nghị để đưa đế chế của chúng ta lên đỉnh cao hiện thời, các vị hãy gắng sức để đẩy cao thêm nữa; nên biết rằng cả trẻ lẫn già đều chẳng thể làm được gì nếu thiếu nhau, mà tính bông bột, sự điềm tĩnh và óc phán đoán thận trọng khi kết hợp với nhau sẽ trở thành mạnh nhất, và rằng nếu chìm vào trạng thái án binh bất động thì thành bang này cũng như bất kỳ thứ gì khác sẽ tự mỗi mòn suy kiệt, và năng lực của nó về mọi mặt sẽ sa sút; trái lại mỗi trận đánh mới sẽ cho nó một kinh nghiệm mới, và khiến nó quen hơn với việc tự bảo vệ mình không phải bằng lời nói mà bằng hành động. Nói tóm lại, tôi tin chắc

rằng một thành bang vốn dĩ không phải là thụ động chẳng thể chọn cách nào để tự huỷ hoại mình nhanh hơn là cách đột nhiên thông qua một chủ trương thụ động nhường ấy, và rằng quy luật sống an toàn nhất là giữ vững tính cách và truyền thống của mình bất luận hay dở thế nào, và sống cho đúng với tính cách và truyền thống đó hết mức có thể.”

Lời lẽ của Alcibiades là thế. Sau khi nghe y và các sứ giả Egesta và một số kẻ lưu vong Leontini phát biểu, những kẻ này đã đứng ra trước dân chúng nhắc họ nhớ đến lời thề của họ và cầu khẩn họ cứu viện, người Athens trở nên háo hức với cuộc viễn chinh hơn trước. Nicias nhận thấy rằng lúc này mà cố can ngăn họ với những lập luận như trước cũng cầm bằng vô ích, nhưng nghĩ rằng ông ta có thể thay đổi quyết định của họ bằng cách nói vống những ước tính của mình lên, bèn tiến lên lần nữa và nói như sau:

“Hỡi dân chúng Athens, tôi thấy rằng các vị đang cực kỳ háo hức quyết tâm với cuộc chinh phạt này, và vì vậy tôi hy vọng rằng mọi việc sẽ diễn ra như chúng ta mong muốn, và tiếp tục nêu ý kiến với các vị theo tình huống này. Cứ như những gì tôi vừa nghe được thì chúng ta sẽ đi đánh những thành bang rất lớn mà đã không bị phụ thuộc vào nhau, lại chẳng cần phải thay đổi hầu mong sung sướng được chuyển từ cảnh nô dịch cưỡng bức sang một hoàn cảnh dễ chịu hơn, hay ít nhất cũng không chấp nhận sự cai trị của chúng ta để đổi lấy tự do; và chỉ tính riêng những trấn của Hy Lạp thì cũng đã nhiều vô số kể đối với một hải đảo rồi. Ngoài Naxos và Catana mà tôi mong đợi là sẽ tham gia với chúng ta vì mối quan hệ của họ với Leontini, còn có bảy trấn nữa được vũ trang hoàn bị về mọi mặt chẳng khác gì lực lượng của chính chúng ta, đặc biệt là Selinus và Syracuse, những mục tiêu chính trong cuộc chinh phạt của chúng ta. Những trấn này có đầy đủ bộ binh hạng nặng, cung thủ và quân phóng lao, có vô số thuyền ga-lê và cơ man là người để trang bị cho các chiến thuyền này; chúng cũng lăm tiền nhiều bạc, phần nằm trong tay các cá nhân, phần nằm ở những đền thờ tại Selinus,

và ở Syracuse còn có sản vật đầu mùa do một số xứ dân phi-Hy-Lạp cống nạp. Nhưng những lợi thế chính mà chúng hơn đứt chúng ta nằm ở chỗ chúng rất đông quân kỵ, và chúng trông ngũ cốc ngay tại bản xứ thay vì phải nhập khẩu.

Đi đánh một thế lực loại này nếu chỉ có một lực lượng hải quân yếu ớt là không đủ, mà chúng ta còn cần cả một đạo quân đánh bộ lớn để cùng chúng ta lên thuyền vượt biển, nếu chúng ta định làm bất cứ điều gì xứng với tham vọng của mình, và không định để bị số đông quân kỵ đánh chặn ngay từ ngoài bờ cõi xứ đó; nhất là khi những thành bang đó lo lắng mà liên kết lại với nhau, và chúng ta sẽ bị bỏ rơi không còn đồng minh nào (ngoại trừ Egesta) cung cấp quân kỵ cho chúng ta để bảo vệ lấy mình. Sẽ rất nhục khi bị ép đến nước phải thoái quân, hoặc phải phái người quay về xin tiếp viện, chỉ vì ngay từ đầu đã không suy tính cho hết mọi nhẽ: vì vậy cho nên chúng ta phải từ nhà ra đi với một lực lượng đủ mạnh, khi thấy rằng chúng ta sắp vượt biển sang nơi rất xa quê xứ của mình, và theo cuộc viễn chinh không giống bất kỳ cuộc viễn chinh nào mà các vị có thể đã tự thực hiện hoặc thực hiện với vai trò là đồng minh giữa các thành bang lệ thuộc của mình ở Hy Lạp này, nơi mà mọi nguồn quân nhu bổ sung cần thiết đều có thể dễ dàng lấy được từ lãnh thổ thân cận; trái lại, chính chúng ta sẽ tự chia lìa, và tới một miền đất hoàn toàn xa lạ, nơi mà suốt bốn tháng mùa đông thậm chí để một người đưa tin từ đó về được Athens cũng chẳng dễ dàng gì.

Vì thế, tôi nghĩ rằng chúng ta phải huy động một quân số bộ binh hạng nặng rất đông, cả từ Athens và từ các đồng minh của mình, và không chỉ từ các xứ lệ thuộc của chúng ta, mà còn là bất cứ xứ nào chúng ta có thể chiêu mộ được bằng tình cảm hay tiền bạc ở Peloponnese, và còn thêm rất nhiều cung thủ và quân bắn ná để khắc chế quân kỵ của Sicily. Trong khi đó chúng ta phải có một ưu thế áp đảo trên biển để có thể mang vào đảo những gì mình thiếu dễ dàng hơn; và chúng ta phải chở theo ngũ cốc của mình bằng các thương thuyền, tức là lúa mì và lúa mạch khô, và thợ làm bánh từ các xưởng buộc phải phục vụ trong quân được trả công theo mức tương xứng; có như vậy thì

trong trường hợp bị thời tiết ngăn trở đạo quân của chúng ta mới không bị thiếu lương thảo, bởi vì không phải tất cả mọi thành bang đều đủ khả năng cấp dưỡng cho một số đông như quân ta. Chúng ta cũng phải lo xa mà tự trang bị cho đạo quân của chúng ta mọi thứ cần dùng khác nhiều hết mức có thể để không bị phụ thuộc vào những nguồn cung khác; và quan trọng hơn hết là khi từ nhà ra đi chúng ta phải mang theo càng nhiều tiền bạc càng tốt, bởi những khoản tiền mà người ta nói là đã sẵn sàng ở Egesta thì các vị có thể chắc chắn một điều là chúng sẵn sàng ở miệng lưỡi hơn ở bất kỳ nơi nào khác.

Kỳ thực dù chúng ta có rời Athens với một lực lượng không chỉ tương đương với lực lượng của địch ngoại trừ về quân số bộ binh hạng nặng trên chiến trường, mà thậm chí vượt hẳn quân số của địch về mọi mặt, chúng ta vẫn sẽ thấy rằng khó lòng chinh phục Sicily hoặc bảo toàn lực lượng của mình. Chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thật rằng chúng ta đi kiến lập một kinh thành giữa những thế lực xa lạ và thù địch, và rằng ai là người đảm nhận trách nhiệm về một chiến dịch như thế sẽ phải được chuẩn bị sẵn sàng để làm chủ được xứ sở đó ngay ngày đầu tiên anh ta đặt chân lên, bằng không sẽ thấy tất cả đều thù địch với mình. Vì lo ngại việc này, và vì biết rằng chúng ta cần phải có nhiều tham mưu giỏi và còn cần may mắn nhiều hơn thế nữa – những cái mà kẻ phàm trần chẳng phải cứ mong mà được – tôi muốn chuẩn bị ở mức cao nhất có thể để bản thân mình không bị phụ thuộc vào may mắn trước khi ra khơi, và khi tôi ra khơi thì được an toàn ở mức cao nhất mà một lực lượng hùng mạnh có thể bảo vệ cho tôi. Tôi tin rằng đây chính là biện pháp chắc chắn nhất cho xứ sở chúng ta nói chung, và an toàn nhất cho chúng tôi những người sắp sửa lên đường viễn chinh. Nếu bất cứ ai nghĩ khác, tôi xin nhường lại quyền chỉ huy của mình cho người đó.”

Nicias đã kết thúc với câu đó mà nghĩ rằng hoặc ông ta phải khiến được người Athens nản lòng bởi trọng trách này quá lớn, hoặc nếu bị buộc phải

lên thuyền viễn chinh, thì nhờ đó ông ta sẽ khởi hành bằng cách an toàn nhất có thể. Tuy vậy người Athens chẳng những không hề bị gánh nặng của công cuộc chuẩn bị làm giảm đi niềm hứng khởi với chuyến hải hành, mà thành ra lại háo hức với nó hơn bao giờ hết; và tình hình diễn ra hoàn toàn trái ngược với những gì Nicias đã tưởng, cứ như thể người ta cho rằng ông đã đưa ra lời khuyên chí lý, và rằng cuộc viễn chinh đó sẽ an toàn nhất trên đời. Ai ai cũng hăng say với chiến dịch đó. Những người già hơn nghĩ rằng hoặc họ sẽ chinh phục được những nơi mà họ sắp lên thuyền tới đó, hoặc bất luận thế nào thì với một lực lượng lớn như vậy họ cũng sẽ chẳng gặp tai hoạ gì; những kẻ còn đang niên tráng lực cường thì cảm thấy khao khát được thấy những danh thắng ở miền đất lạ, và không chút hoài nghi rằng họ sẽ lại trở về quê hương bản quán an lành; trong khi dân thường và binh lính thì chỉ nghĩ đến việc kiếm công xá lương bổng ngay trước mắt, và làm những cuộc chinh phục mà sẽ cung cấp một quỹ lương không bao giờ cạn cho tương lai. Với sự nhiệt tình này của đại đa số, vài người không thích nó sợ rằng sẽ tỏ ra là không yêu nước nếu giơ tay phủ quyết nó, và vì vậy họ lặng thinh.

Cuối cùng một trong những người Athens đã bước lên yêu cầu Nicias phát biểu và bảo ông ta rằng ông ta không được viện lý do hoặc can ngăn họ, mà phải lập tức nói ngay trước mặt tất cả bọn họ xem người Athens cần biểu quyết cấp cho ông ta quân lực bằng nào. Lúc đó ông ta trả lời, chẳng phải là không miễn cưỡng, rằng khi thông thả ông ta sẽ hỏi ý kiến các đồng sự của mình thêm về vấn đề này; tuy vậy, cứ như những gì ông ta có thể thấy ngay lúc này, thì họ nên ra khơi với ít nhất một trăm thuyền ga-lê – người Athens sẽ cung cấp tàu thuyền chuyên vận quân binh nhiều hết mức họ có thể, và gọi các đồng minh cung cấp phần còn lại – bộ binh hạng nặng tất thảy không dưới năm ngàn, quân Athens và quân đồng minh, hoặc nhiều hơn nếu có khả năng; và những quân chủng còn lại tương ứng; cung thủ lấy từ Athens và từ Crete, cùng với quân bản ná, và bất kỳ thứ gì khác mà xem ra là cần thiết đều phải được các tướng lĩnh chuẩn bị sẵn sàng và mang theo.

Khi nghe thấy thế, người Athens đã lập tức biểu quyết nhất trí rằng các vị tướng chỉ huy sẽ có toàn quyền quyết định về quân số của đạo quân và về toàn bộ cuộc viễn chinh nói chung, để thực hiện những gì mà họ cho là tốt

nhất vì lợi ích của Athens. Sau đó công cuộc chuẩn bị đã bắt đầu; những thông điệp đã được gửi tới các đồng minh và danh sách binh lính đã được lập tại Athens. Và vì kinh thành vừa hồi phục sau bệnh dịch và cuộc chiến tranh kéo dài, với một số lượng lớn trai tráng và vốn liếng đã được tích lũy nhờ hoà ước, mọi thứ được cung ứng càng dễ dàng hơn.

Giữa lúc công cuộc chuẩn bị này đang diễn ra, tất cả những tượng đá *Herma*^[26] trong thành Athens, tức là những khối đá vuông tạc hình người theo kiểu truyền thống, rất phổ biến ở các lối ra vào của các tư dinh và đền thờ, chỉ trong một đêm hầu hết đã bị đẽ đi những khuôn mặt tạc trên đó. Không ai biết kẻ nào đã làm việc ấy, nhưng chính quyền đã treo những phần thưởng rất cao để tìm ra những kẻ chủ mưu; và tiếp theo đó dân chúng đã biểu quyết thông qua rằng bất kỳ ai biết được hành động báng bổ thánh thần nào khác đã được thực hiện phải đến và cung cấp thông tin mà không phải lo sợ hậu quả, bất kể anh ta là công dân, người ngoại bang hay nô lệ. Vấn đề đã được xem xét ở góc độ nghiêm trọng hơn, vì nó được coi là điềm gở cho cuộc viễn chinh và là một phần của âm mưu gây ra một cuộc cách mạng và lật đổ nền dân chủ.

Vì vậy thông tin đã được một số dân ngụ cư và đầy tớ cung cấp, không phải về các bức tượng *Herma* này mà về một số vụ phá hoại những tượng thần khác từ trước đó do những thanh niên gây ra trong một cuộc chè chén say sưa, và về những buổi lễ bắt chước để báng bổ các nghi lễ bí truyền được khẳng định là đã diễn ra trong các tư dinh. Alcibiades bị liên can tới lời cáo buộc này, khẳng khẳng bám chặt vào nó là những kẻ khó chịu với y nhất vì y đã ngáng trở không để họ giành được trọn vẹn quyền điều khiển dân chúng, và là những kẻ nghĩ rằng một khi y bị loại bỏ thì địa vị cao nhất sẽ về tay họ. Những kẻ này do đó đã cường điệu vấn đề đó lên và lớn tiếng tuyên bố rằng vụ việc báng bổ các nghi lễ bí truyền và phá hoại các bức tượng *Herma* đó là một phần không thể thiếu được của một âm mưu lật đổ nền dân chủ, và chẳng một việc nào trong toàn bộ âm mưu này được thực hiện mà lại thiếu bàn tay Alcibiades; những bằng chứng được viện ra là cách sống và những thói quen phóng túng phản dân chủ về mọi mặt của y.

Alcibiades lập tức phản kháng lại những cáo buộc nói trên, và trước khi lên đường viễn chinh, mà công cuộc chuẩn bị lúc này đã hoàn tất, còn đề nghị được đưa ra xét xử, rằng người ta sẽ thấy y có tội trong những hành vi bị quy kết cho mình hay không; y vui lòng bị trừng phạt nếu bị thấy là có tội, nhưng nếu trắng án y sẽ nắm quyền chỉ huy. Đồng thời y đã phản đối việc họ tin vào những vu cáo sau lưng chống lại y, và khẩn khoản yêu cầu thà rằng họ cứ xử tử y ngay nếu y có tội, và chỉ ra sự khinh suất khi cử y cầm một đạo quân lớn đến thế đi viễn chinh trong lúc một cáo buộc hệ trọng nhường ấy còn chưa được phán quyết. Nhưng những kẻ đối địch với y sợ rằng y sẽ được đạo quân ủng hộ nếu như y được xét xử ngay lập tức, và rằng biết đâu dân chúng lại chẳng thiên vị kẻ mà họ vốn đã nâng niu vì là nguyên nhân khiến quân Argos và một số quân Mantinea tham gia vào cuộc chinh phạt, nên đã cố làm mọi cách để đề nghị này bị bác bỏ, họ đưa ra những kẻ hùng biện khác nói rằng y phải lên thuyền ra khơi ngay lúc này và không được trì hoãn việc khởi hành của cả đạo quân, và sẽ bị xét xử khi y trở về trong vòng một số ngày đã được ấn định; kế hoạch của họ là khiến y bị phái đi và rồi lại bị giải về Athens để xét xử với lời cáo buộc nghiêm trọng hơn, mà họ sẽ dễ dàng bày đặt hơn khi y vắng mặt. Mệnh lệnh theo đó được ban hành là y phải nhổ neo ra khơi.

Sau vụ việc này, cuộc khởi hành đi chinh phạt Sicily đã diễn ra, lúc ấy vào khoảng giữa mùa hạ. Đa số các đồng minh, với những thuyền chuyên vận ngũ cốc và những con thuyền nhỏ hơn cùng tất cả đạo quân viễn chinh còn lại, đã nhận được lệnh hợp quân tại Corcyra, để vượt qua biển Ionia rồi từ đó toàn quân kéo đến mũi đất Iapygia^[27]. Nhưng chính quân Athens và những quân đồng minh tình cờ đang ở bên họ đã kéo xuống Piraeus vào một ngày đã định ngay lúc bình minh, và bắt đầu đưa người lên thuyền để ra khơi. Có thể nói là toàn bộ dân chúng ở kinh thành đã kéo xuống nơi này cùng với họ, cả dân của họ lẫn dân ngoại bang; các cư dân chính xứ mỗi người đi theo những người thân của mình: bạn bè, họ hàng hoặc con trai của họ, với niềm hy vọng và nước mắt trên đường họ đi, khi họ nghĩ về những cuộc chinh phục mà họ hy vọng sẽ thực hiện được, hay về những người bạn mà có thể họ sẽ không bao giờ gặp nữa, nếu xét đến chuyến hải hành dang dở mà

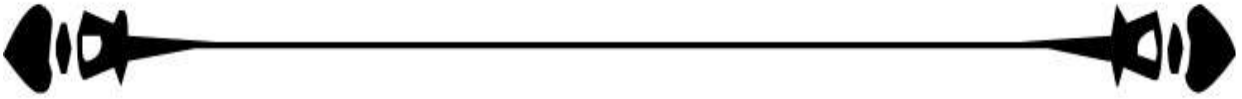
những người đó sắp đi từ quê xứ của mình. Quả thật vào thời khắc này, khi mà họ sắp sửa phải chia ly, hiểm nguy đã cận kề bên họ hơn là khi họ biểu quyết tán thành cuộc viễn chinh này; tuy nhiên sức mạnh của đạo quân đó và nguồn lương thảo quân nhu dồi dào mà họ đã trông thấy ở mọi quân chủng là một cảnh tượng chẳng thể nói là không làm họ an lòng. Đối với những kẻ ngoại bang và những người còn lại của đám đông, họ chỉ đơn giản kéo đến để thấy một cảnh tượng đáng xem và không thể tin nổi.

Thực tế lực lượng vũ trang lên thuyền đi đợt đầu tiên này là lực lượng Hy Lạp tốn kém và hùng tráng nhất, hơn hẳn mọi lực lượng khác đã từng được phái đi bởi một thành bang đơn lẻ cho tới lúc bấy giờ. Chỉ riêng về số lượng tàu thuyền và bộ binh hạng nặng thì đạo quân dưới quyền chỉ huy của Pericles đi đánh Epidaurus và đạo quân y như vậy dưới quyền chỉ huy của Hagnon đi đánh Potidaea là không thua kém gì nó mà thôi; thời ấy đạo quân này gồm bốn ngàn bộ binh hạng nặng Athens, ba trăm kỵ binh và một trăm con thuyền ga-lê đi kèm với năm mươi chiến thuyền của Lesbos và Chios và ngoài ra còn có rất nhiều quân đồng minh nữa. Nhưng những lực lượng đó được cử đi trên một hải trình ngắn với trang thiết bị nghèo nàn. Cuộc viễn chinh hiện tại được chuẩn bị có tính đến thời gian chiến đấu lâu dài trên bộ cũng như trên biển, và được trang bị với tàu thuyền và binh lính cốt để sẵn sàng cho cả hai nơi khi cần đến. Hạm đội đã được dày công trang bị bằng phí tổn vô cùng lớn do các thuyền trưởng và thành bang chi trả; ngân khố thành bang trả cho mỗi thủy thủ một đồng *dracma* mỗi ngày, và cung cấp những con thuyền không người, sáu mươi chiến thuyền và bốn mươi thuyền chuyên vận, và trang bị cho chúng những thủy thủ đoàn tốt nhất có thể kiếm được; đồng thời các thuyền trưởng đã ban thêm một khoản tiền thưởng nhập ngũ vào khoản lương từ ngân khố cho những tay chèo đặng mũi thuyền và toàn bộ thủy thủ đoàn, chưa kể việc vun tiền không tiếc tay vào những hình chạm khắc ở mũi thuyền, các trang thiết bị, và ai nấy đều nỗ lực tột bậc để làm cho những con thuyền của mình đẹp hơn và chạy nhanh hơn. Trong khi đó các lực lượng đánh bộ đã được lựa chọn từ những danh sách quân chính quy tinh nhuệ nhất, và ganh đua với nhau về khoản đặc biệt chăm lo đến vũ khí và trang bị cá nhân của mình. Việc này không chỉ dẫn

đến sự ganh đua giữa những quân chủng khác nhau của họ, mà còn khiến các dân Hy Lạp còn lại nghĩ rằng đó là cuộc biểu dương sức mạnh và nguồn lực chứ không phải một đạo quân đi chinh chiến. Vì nếu bất cứ ai tính gộp các chi tiêu từ công quỹ của bang và chi tiêu riêng của các cá nhân – tức là tổng số tiền mà bang này đã chi cho cuộc viễn chinh này và đang trao vào tay các tướng lĩnh chỉ huy để gửi đi chi tiêu bên ngoài lãnh thổ, và tổng những khoản mà mỗi cá nhân đã chi tiêu vào trang bị cá nhân của họ, hoặc tổng những khoản mà các thuyền trưởng của những con thuyền ga-lê đã và vẫn đang tiêu tốn cho các con thuyền của mình; và nếu như người tính cộng thêm vào tổng số đó cả khoản tiền đi đường mà mỗi người rất có thể đã tự dự phòng cho mình, ngoài tiền lương họ được trả từ ngân khố, cho một hành trình dài đến thế, và cả những gì mà binh lính hay thương nhân mang theo mình để đổi chác – thì chắc chắn có thể thấy rằng tổng cộng lại là rất nhiều *talăng* đang bị chảy ra khỏi kinh thành. Quả thật cuộc viễn chinh này đã trở nên nổi tiếng về sự táo bạo phi thường và vẻ huy hoàng của nó chẳng kém gì về sức mạnh áp đảo của nó so với các dân mà nó nhằm đánh, và về cái thực tế rằng cho đến nay đây là hành trình dài nhất từ quê xứ mà họ cố gắng vượt qua, và là cuộc viễn chinh tham vọng nhất về các mục tiêu của nó nếu xét về nguồn lực của những người thực hiện nó.

Những con thuyền giờ đây đang được cung cấp thủy thủ binh lính, và mọi thứ họ dự định mang theo để ra khơi đã được đưa lên thuyền, tiếng kèn lệnh khiến mọi người im phắc, và những lời cầu nguyện theo thống lệ trước khi ra khơi đã được cất lên, không phải từng thuyền một mà tất cả cùng nhau cầu nguyện theo giọng xướng của một viên sứ truyền lệnh; và những bát rượu vang đã được chuyền tay khắp đạo quân, và binh lính cùng chỉ huy của họ làm lễ tưới rượu bằng những chiếc cốc vàng cốc bạc. Lời cầu nguyện của họ hoà lẫn với tiếng cầu nguyện của đám đông trên bờ, dân chúng và tất cả những người khác đang cầu chúc họ may mắn. Bài tụng ca đã được hát lên và lễ tưới rượu đã hoàn tất, họ nhổ neo ra khơi, thoát đầu họ chạy thuyền theo đội hình hàng dọc rồi sau đó đưa nhau chạy cho tới tận Aegina, và rồi vội vã đến Corcyra, nơi các lực lượng đồng minh còn lại của họ cũng đang hợp quân ở đó.

Chương XIX



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI BẢY – NHỮNG PHE PHÁI Ở SYRACUSE – CHUYỆN VỀ HARMODIUS VÀ ARISTOGITON – ALCIBIADES THẤT THỂ

Trong lúc đó tại Syracuse tin tức về cuộc chinh phạt đã từ nhiều nơi bay đến, nhưng một thời gian dài chẳng một ai tin vào điều nghe được cả. Kỳ thực, một hội nghị công dân đã được tổ chức mà trong đó những diễn từ, như ta sẽ thấy, được trình bày bởi những diễn giả khác nhau, hoặc khẳng định hoặc phủ định tin tức về cuộc chinh phạt của Athens; một trong số những diễn giả đó là Hermocrates con trai của Hermon đã tiến lên phát biểu

vì tin chắc rằng mình biết rõ thực chất của vấn đề này, và đưa ra lời khuyên như sau:

“Mặc dù có lẽ tôi cũng chẳng được tin tưởng gì hơn những người khác khi tôi nói rằng đạo quân viễn chinh đó quả có thực, và mặc dù tôi biết rằng những người hoặc đưa ra hoặc nhắc lại những lời phát biểu bị xem là không đáng tin cậy chẳng những sẽ không thuyết phục được ai mà còn bị coi là những kẻ dở hơi vô tích sự, nhưng chắc chắn tôi sẽ chẳng sợ đến rớt lưỡi vào khi thành bang này đang lâm nguy, và khi mà tôi tin chắc rằng tôi có thể nói về vấn đề này với căn cứ đáng tin cậy hơn là những người khác. Dầu các người có hồ nghi về tin ấy, nhưng người Athens quả đã khởi binh đi đánh chúng ta với một lực lượng lớn, cả trên biển lẫn trên bộ, với danh nghĩa cứu viện dân Egesta và khôi phục Leontini, nhưng thực ra là để xâm lược Sicily, và trên hết là thành bang của chúng ta, chúng nghĩ rằng một khi chiếm được thành bang này thì những thành bang còn lại cũng sẽ chiếm được chẳng khó khăn gì. Vì vậy hãy quyết định lựa chọn, giữa việc biết rằng chúng đang cấp kỳ tới đây và toan tính xem các người có thể đẩy lùi chúng bằng cách nào là tốt nhất với những phương tiện có sẵn trong tay, với việc đột ngột bị đánh chiếm trong lúc lơ là cảnh giác vì xem thường tin tức đó, hoặc bỏ mặc sự thịnh vượng của cả cộng đồng vì không tin vào nó. Trong khi đó, những người tin vào lời tôi chẳng cần phải hoang mang lo sợ trước sức mạnh hay sự liêu lĩnh của quân địch. Chúng sẽ chẳng thể gây tổn hại cho chúng ta nhiều hơn những tổn hại chúng ta sẽ gây cho chúng, kể cả quân lực hùng hậu của chúng cũng chẳng phải là lợi thế đối với chúng ta. Kỳ thực nó càng hùng hậu càng tốt, nếu xét về khía cạnh các thực dân Hy Lạp khác ở Sicily vì sợ hãi đạo quân hùng hậu ấy sẽ sẵn sàng tham gia với chúng ta hơn; và nếu chúng ta đánh bại hoặc đuổi được chúng ra khỏi bờ cõi, khiến chúng bị thất bại không đạt được các mục tiêu tham vọng của chúng (vì tôi chẳng mảy may lo lắng rằng chúng sẽ đạt được điều chúng muốn), đó sẽ là kỳ tích vẻ vang nhất

đối với chúng ta, và theo như tôi nghĩ kỳ tích đó chẳng có lý nào lại không xảy ra. Kỳ thực chỉ có một vài lực lượng quân sự lớn đến như vậy, kể cả quân Hy Lạp lẫn quân phi-Hy-Lạp, đã từng đi chinh chiến xa hãn quê hương mà thành công được. Chúng không thể đông hơn dân số tại và dân các lân bang của họ, tất cả những xứ dân mà nỗi sợ hãi sẽ liên kết họ lại, và nếu chúng thất bại vì thiếu nguồn cung ứng quân nhu ở một miền đất lạ, chúng sẽ phải nhường lại danh tiếng cho những người mà chúng đã đồ mưu lập kế để đánh họ, mặc dù nông nỗi đó chủ yếu là do chúng tự gây ra cho mình. Chính quân Athens đã bằng cách này mà nổi đình nổi đám vì đánh bại được quân Ba Tư, phần lớn do những nguyên nhân bất ngờ, chỉ vì một sự thật đơn giản Athens lúc đó là mục tiêu tấn công của Ba Tư, và điều này rất có thể cũng sẽ lặp lại với chúng ta.

Vì vậy, chúng ta hãy tự tin bắt tay vào chuẩn bị từ đây; chúng ta hãy phái người đi và nắm chắc lấy một số dân bản địa Sicily, và tranh thủ bằng được tình hữu nghị và đồng minh của những dân khác và phái sứ giả đến tất cả những nơi còn lại của Sicily để cho họ thấy rằng đây là hiểm họa chung đối với tất cả, và đến Italy để xin họ làm đồng minh với chúng ta, hay bất luận thế nào thì họ cũng từ chối tiếp đón quân Athens. Tôi cũng nghĩ rằng tốt nhất là nên phái người tới cả Carthage nữa; họ chẳng thể nào ở nơi ấy mà không lo sợ, mà trái lại nỗi lo sợ triền miên của họ là quân Athens một ngày nào đó có thể tấn công kinh thành của họ, và chắc có lẽ họ nghĩ rằng chính bản thân họ có thể sẽ khốn đốn nếu để mặc cho Sicily làm vật hy sinh, và sẵn lòng chi viện chúng ta dù bí mật hay công khai, không bằng cách này thì bằng cách khác. Hiện thời trong tất cả các xứ dân thì họ là dân có khả năng cao nhất có thể làm như vậy nếu họ muốn, bởi họ sở hữu nhiều vàng bạc nhất, mà nhờ vào đó chiến tranh, cũng như mọi việc khác, mới có thể tiến triển tốt được. Chúng ta cũng hãy phái sứ giả đến cả Lacedaemon và Corinth, và xin họ đến đây chi viện chúng ta sớm lúc nào hay lúc đó, và cũng xin họ hãy duy trì cuộc chiến tranh ở Hy Lạp. Nhưng lúc này điều thực sự cần làm hơn cả theo quan điểm của tôi, là điều mà các

người, vốn dĩ vẫn ưa thích yên ổn thanh bình, sẽ khó nhận ra ngay, và là điều mà vì thế tôi phải đề cập đến. Nếu tất cả thực dân Hy Lạp ở Sicily chúng ta, hay chí ít là ngoài chúng ta ra thì nhiều bao nhiêu tốt bấy nhiêu, chỉ cần kéo toàn bộ lực lượng hải quân hiện có của mình cùng lương thảo dự trữ cho hai tháng đi đón đầu quân Athens tại Tarentum^[1] và vùng đất mũi Iapygia, và cho chúng thấy rằng muốn đánh chiếm Sicily thì trước tiên chúng phải đánh lấy đường vượt qua biển Ionia đã, chúng ta sẽ có thể bất ngờ giáng nỗi kinh hoàng xuống đạo quân của chúng, và khiến chúng nghĩ rằng chúng ta đã có căn cứ phòng ngự của mình – bởi Tarentum sẵn sàng tiếp nhận chúng ta – trong khi ấy chúng còn phải vượt qua một vùng biển mênh mông với toàn bộ đạo quân của mình, đạo quân đó khó lòng giữ vững đội hình trên suốt một hải trình dài như vậy, và chúng ta sẽ dễ dàng tấn công trong lúc nó từ từ tiến tới với từng phân đội nhỏ. Mặt khác, giả sử chúng định giảm tải cho tàu thuyền của mình, và tập hợp những thuyền buồm có tốc độ nhanh lại với nhau và tấn công chúng ta bằng những con thuyền đó, thì chúng ta hoặc có thể xông vào tấn công chúng khi chúng chèo thuyền đã mệt rã, hoặc nếu chúng ta không chọn cách này thì chúng ta có thể lui về Tarentum; trong khi đó bọn chúng đã vượt biển sang với rất ít lương thảo chỉ để đánh trận nên sẽ khó có khả năng cập bến ở những nơi hoang vu, và chúng hoặc là sẽ phải ở yên tại chỗ và bị phong toả, hoặc sẽ thử bơi thuyền men theo bờ biển, bỏ lại toàn bộ lực lượng còn lại của mình, và chúng sẽ càng nản chí bởi chẳng dám chắc là các kinh thành nơi đó sẽ tiếp nhận chúng. Theo tôi nghĩ thì chỉ riêng một lý do này đã đủ để khiến chúng thoái chí đến nỗi không muốn nhổ neo rời khỏi Corcyra; và rồi vì phải cân nhắc kỹ và thăm dò quân số và nơi đóng quân của chúng ta, chúng sẽ để cho thời cơ cứ thế trôi qua đến khi mùa đông thành linh ập xuống với chúng, hoặc, bị lúng túng bởi một tình huống bất ngờ đến thế, chúng sẽ phải giải tán cuộc viễn chinh, nhất là khi vị tướng chỉ huy lão luyện nhất của chúng, như tôi nghe nói, đã nhận nhiệm vụ chỉ huy trái lại với ý nguyện của ông ta, và sẽ chộp vội lấy cái cơ đầu tiên mà bất kỳ cuộc biểu dương lực lượng

đáng kể nào của chúng ta đưa đến cho ông ta để triệt thoái. Tôi chắc rằng chúng ta cũng cần phải dồn thối quân số của mình đông hơn thực lực, và đầu óc con người thường bị ảnh hưởng bởi những gì họ nghe nói, và lại những người ra đôn trước hoặc chứng tỏ rằng họ quyết chí tự vệ chống lại một cuộc tấn công sẽ khiến địch sợ hãi hơn nhiều vì chúng thấy rằng họ đã chuẩn bị sẵn sàng cho tình huống nguy cấp. Quân Athens hiện giờ đang ở đúng vào trạng huống như vậy. Lúc này chúng sắp sửa tấn công ta mà chắc mẫm rằng ta sẽ không kháng cự, chúng có quyền đánh giá ta thấp đến thế vì ta đã không giúp người Lacedaemon tiêu diệt chúng; nhưng nếu chúng thấy ta thể hiện một sự can đảm mà chúng không lường trước, chúng sẽ hoảng hồn hơn bao giờ hết vì bị bất ngờ bởi sức mạnh thực sự của chúng ta. Tôi mong sao có thể thuyết phục các người thể hiện sự can đảm này; nhưng nếu điều đó là không thể, thì bất luận thế nào cũng xin đừng bỏ phí dù chỉ một giây để chung tay chuẩn bị cho cuộc chiến này; và tất cả các người hãy nhớ rằng việc coi thường kẻ xâm lược được thể hiện hay nhất là bằng sự dũng cảm trong chiến đấu, nhưng trong lúc này thì cách tốt nhất là bắt tay vào công cuộc chuẩn bị mà nỗi sợ hãi thôi thúc ta làm vì nó cho lời hứa chắc chắn nhất về sự an toàn, và hãy hành động như thể hiểm nguy đó đang hiện hữu. Rằng quân Athens sắp đến đánh ta, và chúng đang trên hành trình vượt biển, và chỉ một sớm một chiều sẽ đến được đây – là điều mà tôi đoán chắc.”

Hermocrates đã nói những lời như thế. Lúc này dân Syracuse bắt đầu tranh cãi kịch liệt với nhau; một số cho rằng quân Athens không hề nghĩ về việc đến đây và rằng chẳng có chút sự thật nào trong những lời ông ta đã nói; một số thì hỏi vặn lại rằng nếu chúng đến thì chúng có thể gây ra tổn hại gì mà lại không bị trả đũa lại gấp mười lần; trong khi những người khác coi toàn bộ chuyện đó là chuyện tầm phào và biến nó thành trò cười. Tóm lại, chỉ có rất ít người tin vào Hermocrates và lo sợ cho tương lai. Trong khi đó

Athensgoras, thủ lĩnh phe dân chúng và lúc bấy giờ là người rất có uy lực với dân, đã tiến lên và nói như sau:

“Về quân Athens mà nói, kẻ nào mà không mong rằng chúng có thể sai lầm như chúng vốn vẫn thế, và rằng chúng có thể tới đây để làm dân lệ thuộc của chúng ta, thì hẳn hoặc là một kẻ hèn nhát hoặc là một kẻ phản bội đối với xứ sở của mình; trái lại về phần những kẻ mang đến những tin tức loại ấy và nhồi vào đầu các người nổi lo sợ đến nhường ấy, tôi lấy làm lạ về cái ý nghĩ nực cười của chúng hơn là sự táo gan của chúng nếu chúng ảo tưởng rằng chúng ta không thể nhìn thấu tâm can chúng. Sự thật là chúng có những nguyên cớ riêng để phải lo sợ, và muốn đẩy kinh thành này vào nỗi kinh hoàng để che giấu những nỗi sợ hãi riêng của mình bằng nỗi lo sợ của toàn dân. Tóm lại, bản chất của những tin đồn ấy là thế này: chúng không tự sinh ra, mà được những kẻ luôn gây rối ở Sicily này dựng chuyện.

Tuy nhiên, nếu các người sáng suốt, các người sẽ không bị dẫn dắt vào việc suy tính những khả năng có thể xảy ra bởi những gì mà bọn đó nói, mà phải được dẫn dắt bởi những gì mà những kẻ đầu óc khôn ngoan và kinh nghiệm dày mình – và tôi cho rằng người Athens là những kẻ như vậy – rất có khả năng sẽ làm. Hiện thời chẳng chắc gì chúng đã bỏ các xứ dân Peloponnese lại, và khi chúng còn chưa kết thúc thắng lợi cuộc chiến ở Hy Lạp thì đã chắc gì chúng bắt cần đến tìm kiếm một cuộc chiến không kém phần gian nan ở Sicily; kỳ thực, theo tôi nghĩ, chúng chỉ có thể vui như mở cờ trong bụng vì chúng ta không kéo quân đi đánh chúng, khi chúng ta gồm rất nhiều thành bang hùng hậu đến thế.

Tuy thế, nếu chúng có đến như tin đã đưa, tôi cho rằng Sicily có thể kinh qua cuộc chiến đó cừ hơn Peloponnese, vì được chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt, và bản thân thành bang của chúng ta còn trên tầm đạo quân xâm lược giả định này rất nhiều, cho dù chúng có hùng hậu gấp đôi chẳng nữa. Tôi biết rằng chúng sẽ chẳng có quân kỵ theo bên chúng,

hoặc kiếm được bất kỳ quân kỵ nào ở đây, ngoại trừ có thể có được một vài mống từ Egesta; hoặc chúng chẳng thể nào mang đến đây một lực lượng bộ binh hạng nặng ngang bằng số quân chúng ta có, trên những con thuyền mà đã phải xoay xở đủ đường để vượt qua cả một khoảng cách xa đến thế, cho dù chất tải nhẹ đến mức nào, chưa kể tới việc vận chuyển các dự trữ khác cần thiết để đi đánh một thành bang ở tâm cỡ này, là một khối lượng không nhẹ. Tóm lại, quan điểm của tôi với vấn đề này rõ ràng đến độ tôi không hiểu làm sao chúng có thể tránh khỏi sự diệt vong cho dù chúng có đem theo mình một kinh thành khác cũng lớn như Syracuse, và đóng quân ở đó và tiến hành chiến tranh từ biên giới của chúng ta vào; chúng càng có ít hy vọng chiến thắng hơn khi tất cả Sicily cùng thù địch với chúng, cầm chắc là thế, và với duy nhất một doanh trại được dựng dựa vào hạm đội, chỉ gồm những lều lán và những vật dụng tối thiểu, từ đó chúng sẽ chẳng thể cựa quậy đi đâu vì sợ kỵ binh của chúng ta.

Nhưng người Athens thấy rõ điều này như tôi nói với các người, và như tôi có cơ sở để biết, chúng đang trông nom tài sản của chúng ở nhà, trong khi những kẻ ở đây bịa đặt những câu chuyện chẳng những lúc này không có thật mà cũng sẽ không bao giờ xảy ra trên thực tế. Đây chẳng phải lần đầu tiên tôi thấy những kẻ này, khi chúng không thể dùng hành động thì chúng cố gắng bằng những chuyện bịa đặt như vậy và bằng những cách khác còn tồi tệ hơn nhiều để khiến dân chúng của các người hoảng sợ và đoạt chính quyền về tay mình: đó là điều tôi luôn thấy rõ. Và tôi không thể không lo ngại rằng một ngày nào đó do không ngừng cố gắng làm thế chúng có thể thành công, và chừng nào chúng ta còn chưa cảm thấy nỗi đau nhức nhối đó, chúng ta còn tỏ ra quá yếu kém trong việc đề phòng, hoặc truy bắt khi đã biết rõ kẻ phạm tội. Hệ quả là kinh thành của chúng ta chẳng mấy khi được yên bình, mà triền miên trong tình trạng bất an và tranh đấu nội bộ với nhau cũng thường xuyên như tranh đấu với kẻ thù, đó là còn chưa kể thỉnh thoảng lại có những hành động áp chế chuyên quyền và những phe phái bất hảo. Tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng, nếu các người ủng hộ tôi, để điều này

tuyệt đối không xảy ra vào thời chúng ta, bằng cách tranh thủ các người, quần chúng nhân dân, và bằng cách trừng trị những kẻ chủ mưu trong những âm mưu như vậy, không chỉ khi chúng bị bắt quả tang, thực chẳng dễ gì mà bắt được, mà còn vì những gì chúng mong muốn dù không có khả năng để thực hiện; vì cần phải trừng phạt một kẻ địch không chỉ vì những gì hắn đang làm, mà còn phải trừng phạt vì những gì hắn định làm từ trong trứng nước, nếu không thế thì người lơ lửng đề phòng trước nhất cũng sẽ là người phải gánh chịu hậu quả trước nhất. Tôi cũng sẽ khiển trách, theo dõi, và thi thoảng cảnh cáo vài người – theo tôi đây là cách hiệu quả nhất, để lái chúng ra khỏi những con đường tội lỗi của chúng. Và rốt cục, như tôi thường vẫn hỏi, các người muốn gì, hỏi những người trẻ tuổi? Các người muốn nắm quyền hành ngay lập tức ư? Luật pháp ngăn cấm điều đó, một điều luật được ban hành vì các người chưa thành tài chứ không nhằm hạ thấp các người khi các người đã thành tài. Và tạm thời các người có thể chưa được bình đẳng trước pháp luật với đa số dân chúng! Nhưng lẽ công bằng ở đâu khi mà những công dân của cùng một thành bang lại bị coi là không xứng có cùng một loại đặc quyền?

Có lẽ người ta sẽ nói rằng dân chủ chẳng phải là sáng suốt cũng không công bằng, và rằng những người sở hữu tài sản cũng là những người thích hợp nhất để cai trị. Tôi thì nói rằng trái lại, thứ nhất là từ demos^[2], hay nhân dân, bao gồm toàn bộ một thành bang, mà chính thể oligarchy chỉ là một bộ phận; thứ hai là nếu những người giám hộ tài sản công tốt nhất là người giàu có và những nhà cố vấn giỏi nhất là người thông thái, thì không ai có thể lắng nghe và quyết định tốt bằng dân chúng; và rằng tất cả những con người tài năng này, nói riêng và nói chung, đều có vị trí xứng đáng của họ trong một nền dân chủ. Nhưng một chính thể oligarchy thấy cho dân chúng cái phần nguy hiểm lẽ ra nó phải cùng chia sẻ, và không thoả mãn với phần lợi lộc lớn nhất mà chiếm lấy và giữ riêng cho mình tất cả mọi lợi lộc; và đây chính là cái mà những kẻ quyền thế và bọn thanh niên trong số các người khao khát, nhưng ở một thành bang lớn thì không thể nào có được.

Nhưng mặc dù thế, hỡi những kẻ khờ dại – những kẻ khờ dại nhất trong tất cả những người Hy Lạp mà tôi biết nếu các người không ý thức được tính nguy hại trong những mưu mô của mình, hoặc là những kẻ tội lỗi nhất nếu các người ý thức rõ điều đó và vẫn dám đeo đuổi chúng – ngay cả lúc này, nếu chẳng phải lúc để ân hận, các người vẫn có thể học được sự khôn ngoan, và như vậy sẽ làm lợi cho xứ sở này, lợi ích chung của tất cả chúng ta. Hãy nghĩ rằng trong sự phồn vinh của xứ sở này những người có công trạng trong hàng ngũ các người sẽ được dự phần và là phần lớn hơn so với đa số đồng bào của các người, nhưng nếu các người có âm mưu khác thì các người có nguy cơ bị tước đi hết thảy; và hãy ngừng đưa những tin thất thiệt như vậy, vì dân chúng đã biết mục đích của các người và sẽ không dung thứ điều đó. Nếu như quân Athens đến đây, kinh thành này sẽ đẩy lùi chúng bằng cái cách xứng đáng với chính nó; hơn nữa chúng ta còn có các vị tướng quân là những người sẽ lo liệu việc này. Và nếu như chẳng có chút sự thật nào trong chuyện này, như tôi vẫn tin là thế, thì thành bang này sẽ không bị đẩy vào cơn hoảng loạn bởi tin mật báo của các người, hoặc không áp đặt cho mình một ách nô dịch mà nó tự chọn bằng cách chọn các người làm những kẻ cai trị nó; thành bang này sẽ tự mình xem xét vấn đề đó, và sẽ xét xử những lời nói của các người như thế chúng đã được thực hiện, và thay vì để cho chính mình bị tước đoạt tự do bởi nghe theo các người, nó sẽ tranh đấu hết mình để bảo toàn sự tự do đó, bằng cách quan tâm sao cho lúc nào cũng có sẵn những phương tiện để khiến bản thân nó được tôn trọng.”

Lời lẽ của Athensgoras là thế. Một vị trong số các tướng lĩnh lúc bấy giờ bèn đứng lên và ngăn chặn bất cứ diễn giả nào khác đang tiến lên phát biểu, ông ta thêm những ý kiến của mình về vấn đề đang được bàn đến thế này: “Thật chẳng hay ho gì khi các diễn giả nói ra toàn những lời vu khống lẫn nhau, hoặc khi những thính giả của họ tiêu khiển bằng những lời như vậy; lẽ ra chúng ta phải quan tâm chú ý đến tin mật báo mà chúng ta nhận được mới

đúng, và xem có cách nào để bản thân mỗi người và toàn thể thành bang này có thể chuẩn bị sẵn sàng tốt nhất nhằm đẩy lùi quân xâm lược. Cho dù có không cần thiết thì cũng chẳng hại gì khi một thành bang trang bị người ngựa khí giới cùng tất cả những biểu hiệu khác của chiến tranh; và chúng tôi sẽ đảm nhận trách nhiệm lo liệu và chỉ đạo việc đó, và phái người đi quanh các thành bang khác để thám thính và làm mọi việc khác nếu thấy cần. Chúng tôi đã lo liệu sẵn một phần rồi, và bất cứ điều gì mà chúng tôi phát hiện ra sẽ được trình lên các vị.” Sau những lời này của vị tướng ấy, dân Syracuse rời khỏi hội nghị.

Trong khi ấy quân Athens cùng toàn thể đồng minh của mình lúc này đã đến Corcyra. Tại đây các tướng lĩnh khởi sự bằng cách duyệt quân một lần nữa, và sắp đặt thứ tự mà theo đó họ sẽ neo thuyền và hạ trại, và chia toàn bộ hạm đội thành ba hải đội, phân chế mỗi vị tướng quân vào một hải đội, để tránh việc tất cả cùng ra khơi một lúc và vì thế sẽ gặp khó khăn khi tìm nước uống, chỗ neo đậu hoặc lương thảo tại những trạm mà họ có thể ghé vào, và đồng thời toàn quân sẽ có đội ngũ trật tự hơn và chỉ huy dễ dàng hơn, do mỗi hải đội có một vị chỉ huy riêng. Tiếp theo đó họ phái ba con thuyền đi Italy và Sicily để tìm hiểu xem thành bang nào sẽ tiếp nhận họ, với chỉ thị cho các thuyền này phải đón họ trên đường đến và cho họ biết trước khi họ cập bến để đổ bộ.

Sau việc này quân Athens đã nhổ neo rời Corcyra, và xuất phát để vượt biển tới Sicily với một lực lượng quân sự giờ đây gồm có một trăm ba mươi tư thuyền ga-lê cả thảy (ngoài hai con thuyền loại năm mươi mái chèo của đảo Rhodes), một trăm trong số đó là thuyền của Athens – sáu mươi chiến thuyền và bốn mươi thuyền chuyên vận binh lính – và những thuyền còn lại của Chios và các đồng minh khác; tổng số có năm ngàn một trăm bộ binh hạng nặng, cụ thể là, một ngàn năm trăm quân là công dân Athens lấy từ các danh sách quân chính quy ở Athens và bảy trăm quân *Thetes*^[3] đều là lính thủy đánh bộ được chở trên thuyền, còn lại là quân đồng minh, một số trong đó từ những xứ dân lệ thuộc của Athens, và ngoài số này ra còn năm trăm quân Argos và hai trăm năm mươi quân Mantinea đánh thuê; cả thảy có bốn

trăm tám mươi cung thủ, tám mươi trong số đó là người Crete, bảy trăm quân bắn ná từ đảo Rhodes, một trăm hai mươi quân lưu vong Megara trang bị hạng nhẹ và một thuyền chuyên vận chở ba mươi kỵ binh.

Quân số của đạo quân đầu tiên vượt biển để tiến hành cuộc chiến tranh này là như vậy. Quân nhu quân dụng dành cho lực lượng này được chở đi bằng ba mươi con thuyền chất nặng ngũ cốc, những thuyền này chở theo cả thợ làm bánh, thợ đá, thợ mộc và các dụng cụ để dựng công sự, được hộ tống bởi một trăm con thuyền nhỏ, cũng giống như những con thuyền chở nhu yếu phẩm chúng đều bị trưng dụng và buộc phải phục vụ trong quân, ngoài ra còn có rất nhiều tàu thuyền chất tải nặng đã tự nguyện đi theo quân để buôn bán; lúc này tất cả đã rời khỏi Corcyra và cùng vượt qua biển Ionia. Toàn bộ lực lượng này sau khi đến mũi đất Iapygia và Tarentum, hầu hết đều may mắn suôn sẻ, đã bơi thuyền men theo dải bờ biển của Italy, các trấn các thành đã đóng cửa những khu họp chợ và cổng ngõ của mình không cho họ vào, và chẳng cho họ gì khác ngoài nước uống và được tự do neo đậu, riêng Tarentum và Locris thậm chí chẳng cho cả hai thứ đó, mãi đến khi họ tới được Rhegium, địa đầu của Italy. Nơi đây cuối cùng họ đã tái hợp quân, và vì không được phép vào thành nên họ đã dựng một doanh trại bên ngoài thành trong khu thánh địa thờ nữ thần Atermis, nơi một cái chợ cũng được dành riêng cho họ, và đưa thuyền của mình vào bờ và án binh tại đó. Trong lúc ấy họ bắt đầu những cuộc đàm phán với dân Rhegium, và kêu gọi dân này vì cùng là người gốc Chalcis hãy cứu giúp thân tộc Leontini của mình; với lời kêu gọi này, dân Rhegium đã trả lời rằng họ sẽ không đứng về phía bên nào cả, mà phải chờ đợi quyết định của tất cả những thực dân Hy Lạp khác ở Italy¹⁴, và sẽ làm theo họ. Khi được trả lời như thế, quân Athens lúc bấy giờ bắt đầu cân nhắc xem tốt hơn hết là nên làm gì trong cuộc chinh phạt Sicily này, và đồng thời chờ đợi những con thuyền đã được cử đi từ Egesta quay về, để biết sự thực ở đó có số tiền mà những người đưa tin tại Athens đã nói đến hay không.

Trong lúc ấy tin tức từ mọi nơi đã đến tai dân Syracuse, cũng như từ những người mà chính họ phái đi do thám, khẳng định rằng hạm đội Athens

đang đóng tại Rhegium; khi nghe tin này họ lập tức gạt nỗi hoài nghi của mình sang một bên và dốc toàn bộ tâm lực vào công cuộc chuẩn bị. Tù vào từng nơi mà lính canh hoặc sứ giả đã được phái tới khắp các dân bản địa Sicily, những đơn vị đồn trú đã được cắt đặt vào những đồn gác của lính *Peripoli* trên đất này, chiến mã và vũ khí được điểm duyệt lại ở kinh thành để bảo đảm không thiếu thứ gì, và tất cả mọi biện pháp khác đã được thực hiện để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh có thể sẽ ập đến với họ bất cứ lúc nào.

Cũng trong thời gian đó ba con thuyền được phái đi đã đi từ Egesta về đến nơi quân Athens đang đóng tại Rhegium, mang tin về rằng khác xa với khoản tiền đã được hứa hẹn ở đó, tất cả tiền bạc có thể trình ra được chỉ là ba mươi *talăng*. Các vị tướng đã nản chí không ít do bị thất ước như vậy ngay lúc vừa cử sự, và do lời từ chối tham gia vào cuộc chinh phạt của dân Rhegium, là dân đầu tiên mà họ đã cố gắng để tranh thủ được và đã có nhiều lý do nhất để trông cậy vào, vì mối quan hệ thân tộc của dân này với dân Leontini và tình hữu nghị lâu bền với Athens. Nếu như Nicias đã chuẩn bị tinh thần đối với tin tức từ Egesta, thì hai vị tướng đồng chỉ huy với ông lại hoàn toàn bị bất ngờ. Khi những sứ giả đầu tiên từ Athens đến để xem xét nguồn lực của dân Egesta, dân này đã nhờ cậy đến một mưu mẹo như sau: họ đưa những sứ giả đó đến đền thờ nữ thần Aphrodite⁵⁴ tại Eryx và trưng ra cho các sứ giả đó thấy những báu vật được ký thác ở đây: những chiếc tước, muôi múc rượu, lư hương và rất nhiều bát đĩa, mà vì bằng bạc nên đã cho một ấn tượng về sự giàu có hoàn toàn không tương xứng với giá trị thực ra rất nhỏ của chúng. Họ cũng khoản đãi riêng các thủy thủ đoàn, và thu thập tất cả những ly cốc bằng vàng và bạc mà họ có thể tìm được ở chính Egesta hay có thể mượn ở các trấn Phoenicia và các trấn Hy Lạp lân cận, và mỗi người đưa những đồ vàng bạc này đến các bữa tiệc như vật dụng riêng của mình; và vì tất cả mọi nhà đã dùng hầu như đúng một thứ đồ vàng bạc đó, và ở mọi nơi một lượng lớn bát đĩa đã được phô ra, ấn tượng đó đã hầu như làm lóa mắt các thủy thủ Athens, và khiến họ nhiệt liệt ca ngợi sự giàu có mà họ đã nhìn thấy khi họ quay về Athens. Những kẻ bị bịp đó – những kẻ mà đến lượt mình đã thuyết phục tất cả mọi người còn lại – khi tin tức lan đến hải

ngoại rằng tại Egesta không có số tiền như họ tưởng, đã bị quân lính xỉ vả thậm tệ.

Trong lúc ấy các vị tướng quân đã bàn bạc với nhau xem cần phải làm gì. Ý kiến của Nicias là lên thuyền cùng toàn bộ đạo quân đó đi Selinus, mục tiêu chính của cuộc viễn chinh đó, và nếu dân Egesta có thể cung cấp tiền bạc cho toàn bộ đạo quân, thì sẽ thảo luận theo hướng đó, bằng như họ không thể thì sẽ đòi họ phải cung cấp lương thảo cho sáu mươi chiến thuyền mà họ thỉnh cầu, rồi ở lại và giải quyết các vấn đề giữa họ và dân Selinus, hoặc bằng vũ lực hoặc bằng thoả thuận, và sau đó bơi thuyền men theo bờ biển qua các thành khác, và sau khi phô diễn sức mạnh của Athens và chứng tỏ sự sốt sắng đối với các đồng minh và bè bạn của mình, họ sẽ dong thuyền trở về quê xứ (trừ phi họ gặp dịp may bất ngờ ngoài mong đợi để giúp Leontini hoặc thu phục một số thành khác theo phe mình) và không phung phí nội lực của Athens để tránh gây nguy hiểm cho thành bang của mình.

Alcibiades nói rằng một cuộc viễn chinh vĩ đại như cuộc viễn chinh này không được tự làm ô danh nó bằng cách bỏ đi mà chưa làm nên trò trống gì; sẽ phải phái các sứ giả đến tất cả mọi kinh thành ngoại trừ Selinus và Syracuse, và phải nỗ lực bằng mọi cách để khiến một số dân bản địa Sicily nổi dậy chống lại Syracuse, và phải tranh thủ bằng được tình đồng minh của những dân khác để có được ngũ cốc và binh lính; và trên hết là phải thu phục được dân Messina, đất của họ nằm ngay trên con đường huyết mạch vào Sicily và họ sẽ cho đạo quân này một bến cảng và căn cứ tuyệt vời. Bằng cách đó, sau khi thuyết phục được các trấn về phe mình và biết rõ ai sẽ là đồng minh của họ trong cuộc chiến, cuối cùng họ có thể tấn công Syracuse và Selinus; trừ phi Selinus chịu thoả hiệp với Egesta, còn Syracuse thì không chống đối việc trả lại Leontini nữa.

Lamachus, trái lại, cho rằng họ phải dong thuyền tiến thẳng đến Syracuse, và lập tức đánh một trận ngay dưới những thành lũy của trấn ấy trong khi dân chúng còn chưa phòng bị và cơn hoảng loạn lên đến đỉnh điểm. Đạo quân nào cũng chỉ đáng sợ nhất vào lúc ban đầu; nếu nó để thời gian qua đi mà không xuất đầu lộ diện thì lòng dũng cảm của con người ta sẽ phục hồi,

và rút cục họ sẽ gần như dừng đứng khi thấy nó xuất hiện. Bằng cách tấn công bất ngờ, trong khi Syracuse vẫn còn sợ run khi thấy họ đang tiến đến gần, họ sẽ có được cơ hội tốt nhất để giành được chiến thắng về mình và đẩy kẻ địch vào cơn hoảng loạn toàn diện bởi thấy quân họ đông đến thế – số quân mà chưa bao giờ xuất hiện nhiều như lần này – bởi đoán được tai hoạ đang đến gần, và trên hết là bởi mối nguy hiểm cận kề của chiến trận. Họ cũng có thể hy vọng vào việc gây bất ngờ cho rất nhiều người trên các cánh đồng bên ngoài thành, còn đang bán tín bán nghi liệu họ có đến; và vào lúc phía địch đang chạy của nả của mình vào thành thì đạo quân này chẳng thiếu gì chiến lợi phẩm nếu đóng quân ở trước kinh thành. Những dân Hy Lạp khác ở Sicily sẽ vì thế mà lập tức bớt hăng hái gia nhập liên minh với dân Syracuse hơn, và sẽ gia nhập với quân Athens mà không ngời chờ xem bên nào sẽ là kẻ mạnh nhất. Họ phải biến Megara^[6] thành căn cứ hải quân của mình làm một nơi để rút lui về và một căn cứ để từ đó tấn công ra: đó là một nơi không có dân cư sinh sống cách Syracuse không xa cả đường bộ và đường biển.

Tuy vậy, sau khi phát biểu quan điểm là thế, Lamachus đã ủng hộ quan điểm của Alcibiades. Sau cuộc thảo luận này Alcibiades đã ra khơi trên con thuyền riêng của mình vượt biển sang Messina đề nghị dân này liên minh nhưng không thành, cư dân ở đó trả lời rằng họ không thể tiếp nhận đạo quân của y vào bên trong thành lũy của họ, nhưng họ sẽ cung cấp cho y một cái chợ ở bên ngoài. Nghe vậy, y cho thuyền quay trở lại Rhegium. Ngay khi y về đến nơi, các tướng lĩnh bèn cấp người và lương thực cho sáu mươi chiến thuyền trong toàn bộ số thuyền của hạm đội và dong thuyền men theo bờ biển tới Naxos, để lại toàn bộ đạo quân còn lại ở Rhegium với một trong số họ. Được dân Naxos tiếp nhận, sau đó họ lại bơi thuyền men theo bờ biển tới Catana, và bị các cư dân ở đó từ chối tiếp nhận vì đang có một phe thân Syracuse trong trấn đó, họ tiếp tục bơi thuyền đến con sông Terias^[7]. Tại đây họ đóng trại ngoài trời qua đêm, và ngày hôm sau đã đóng thuyền hàng một chạy đến Syracuse với toàn bộ chiến thuyền của mình ngoại trừ mười chiếc mà họ đã phái đi trước đang bơi vào Đại Cảng^[8] và xem có hạm đội nào được hạ thủy ở đó không, và để sứ truyền lệnh của họ từ trên thuyền tuyên

bố ra rằng quân Athens đến để đưa dân Leontini về lại xứ sở của mình, với tư cách vừa là đồng minh vừa là thân tộc của họ, và rằng vì vậy những người Leontini mà đang ở tại Syracuse nên rời khỏi đó mà không việc gì phải sợ hãi và hãy gia nhập với quân Athens là bạn hữu và người bảo trợ cho họ. Sau khi tuyên bố xong và do thám kinh thành cùng các bến cảng, và những đặc điểm của vùng đất mà họ sẽ phải biến nó thành căn cứ tác chiến của mình trong cuộc chiến đó, họ quay thuyền trở lại Catana.

Nơi đây đang diễn ra một cuộc hội nghị công dân, các cư dân từ chối tiếp nhận đạo quân này, nhưng mời các vị tướng vào hội nghị và nói xem họ muốn gì; và trong khi Alcibiades đang phát biểu và các công dân đang mãi chăm chú vào hội nghị thì binh lính phá sập một cổng hậu có tường lũy bên ngoài rất yếu mà không bị phát hiện ra, và khi vào được trong thành họ tràn vào khu họp chợ. Phe thân Syracuse trong trấn ngay khi trông thấy đạo quân này đã vào được bên trong lập tức hoảng sợ và rút lui vì họ rất ít người; trong khi những người còn lại biểu quyết tán thành liên minh với Athens và mời họ đưa toàn bộ lực lượng còn lại của họ từ Rhegium về. Sau sự kiện này, quân Athens dong thuyền về Rhegium rồi lại nhổ neo ra khơi, lần này với toàn bộ quân lực, đi Catana, và ngay khi đến nơi họ lập tức bắt tay vào dựng trại.

Cũng trong thời gian đó có tin từ Camarina đưa đến cho họ rằng nếu họ đi đến đó thì trấn ấy sẽ về phe với họ và dân Syracuse hiện đang cung cấp thủy thủ binh lính cho một hạm đội. Vì vậy quân Athens cho thuyền bơi dọc theo bờ biển với toàn bộ lực lượng của mình, trước tiên đến Syracuse, nơi họ chẳng thấy một hạm đội nào đang đưa người lên thuyền cả, thế nên họ lại tiếp tục bơi thuyền dọc theo bờ biển đến Camarina, nơi họ đậu thuyền lại ở bãi biển, và phái một viên sứ truyền tin đến chỗ dân chúng, tuy nhiên dân đó từ chối tiếp nhận họ mà nói rằng lời thề của họ ràng buộc họ tiếp nhận chỉ duy nhất một con thuyền của Athens, trừ phi chính họ cho mời đến nhiều hơn. Bất toại sở nguyện ở nơi này, quân Athens đành quay thuyền trở về, và sau khi đổ bộ và cướp bóc trên lãnh thổ Syracuse và tổn thất một số bộ binh hạng nhẹ tụt lại phía sau vì bị kỵ binh Syracuse bắt kịp, bèn quay về Catana.

Ở đó họ thấy linh thuyền Salaminia chở sứ giả từ Athens đến vì Alcibiades, mang mệnh lệnh cho y phải lên thuyền về Athens để trả lời những cáo buộc mà thành bang này đưa ra chống lại y, và cho một số binh lính khác cùng bị buộc tội báng bổ thần linh với y trong vụ các nghi lễ bí truyền và những bức tượng *Herma*. Vì người Athens, sau khi đội quân viễn chinh lên đường, vẫn tiếp tục tích cực như trước trong việc điều tra sự thật về các nghi lễ bí truyền và những bức tượng *Herma*, và thay vì tra vấn những kẻ chỉ điểm, trong tâm trạng nghi ngờ họ đã hoan nghênh mọi thông tin không phân biệt phải trái, bắt giữ và bỏ tù những công dân ưu tú dựa vào bằng chứng của những kẻ bất lương, và thích sàng lọc đến tận cốt lõi vấn đề hơn là bỏ sót không thăm vấn một người tốt bị buộc tội do sự bất lương của kẻ chỉ điểm. Dân chúng đã nghe nói về ách chuyên chế của Pisistratus và các con trai của ông ta đề nặng đến mức nào trước khi nó chấm dứt^[9], và hơn nữa, cuối cùng ách chuyên chế đó cũng bị lật đổ, không phải do họ và Harmodius mà do người Lacedaemon, và vì vậy họ luôn lo sợ và thấy nghi ngờ tất thảy.

Thực ra thì cái hành động táo gan mà Aristogiton và Harmodius đã liều lĩnh thực hiện là hậu quả của một chuyện tình ái, mà tôi sẽ kể khá chi tiết để thấy rằng người Athens cũng chẳng chính xác gì hơn bất kỳ ai khác trên đời này khi họ nói về những kẻ bạo chúa của họ và về những sự kiện có thật trong lịch sử của chính họ. Pisistratus đã chết lúc tuổi già khi đang nắm trong tay một chính thể chuyên chế, được trưởng nam của ông ta là Hippias kế nghiệp, mà không phải là Hipparchus như người ta thường lầm tưởng. Harmodius bây giờ đang tuổi hoa niên tươi đẹp, và Aristogiton, một thị dân trung lưu là người tình của anh ta và sở hữu anh ta. Bị Hipparchus, con trai của Pisistratus gạ gẫm chài mồi nhưng không thành, Harmodius mách lại với Aristogiton, và gã tình nhân nổi giận này sợ rằng biết đâu Hipparchus lại chẳng dùng vũ lực chiếm đoạt Harmodius, lập tức nghĩ ra một âm mưu, mà điều kiện của gã cho phép thực hiện, để lật đổ chính thể chuyên chế đó. Trong lúc ấy thì Hipparchus, sau lần thứ hai chài mồi gạ gẫm Harmodius mà vẫn chẳng nước non gì, vì không muốn sử dụng bạo lực nên đã bày cách để ngấm ngấm hạ nhục anh ta. Kỳ thực, chính thể của họ nhìn chung không quá

hà khắc với dân, hoặc bất luận thế nào trên thực tế cũng không đáng phải bị căm ghét, và những kẻ bạo chúa này cũng trau dồi kiến thức và đức hạnh chẳng kém gì ai, và tuy không đòi dân Athens phải nộp tô quá một phần hai mươi thu nhập của mình, họ đã trang hoàng tô điểm cho kinh thành này nguy nga tráng lệ, và tiến hành các cuộc chiến tranh và cung cấp những vật hiến tế cho các đền thờ. Đối với tất cả mọi người khác, kinh thành này đã được yên hưởng đầy đủ những luật lệ hiện có của nó, ngoại trừ việc họ luôn chăm lo để quyền bính về tay một ai đó trong gia tộc mình. Trong số những người thuộc gia tộc này đã từng giữ chức vụ chấp chính quan tối cao nhiệm kỳ một năm tại Athens có Pisistratus, con trai của bạo chúa Hippias và là người được đặt tên theo tên ông nội của mình, người mà trong nhiệm kỳ của mình đã cung tiến một đàn tế mười hai vị thần ở khu họp chợ và một đàn tế thần Apollo ở khu thánh địa Pytho. Dân Athens sau này đã xây nổi dài thêm đàn tế ở khu chợ và xóa sạch những lời được khắc trên đó; nhưng trên đàn tế ở khu thánh địa Pytho vẫn có thể đọc được những hàng chữ mặc dù đã phai mờ, với ý như sau:

Pisistratus, con trai của Hippias,

Dựng đàn này để chứng thực nhiệm kỳ ông chấp chính

Trong khu thánh địa Apollo ở Pytho.

Rằng Hippias là trưởng nam và được kế thừa quyền bính là việc mà tôi khẳng định chắc chắn là sự thật vì tôi đã có được những bằng chứng xác thực hơn những người khác về việc đó, và cũng có thể được xác định bằng sự kiện sau đây: ông ta xem ra là người duy nhất trong số các anh em trai hợp pháp của mình đã có con cái; như đàn tế nói trên cho thấy, và cây cột dựng tại Acropolis ở Athens để ghi tội ác của những bạo chúa đó đã không hề đề cập đến một người con nào của Thessalus hoặc của Hipparchus, nhưng lại đề cập đến năm người con của Hippias mà ông ta có với Myrrhine, con gái của Callias, ông này là con trai của Hyperechides; và đương nhiên là trưởng nam hẳn phải lấy vợ trước nhất. Lại nữa, tên của ông ta được ghi đầu tiên ngay sau tên cha mình trên cây cột đó, và cả điều này nữa cũng là đương nhiên, vì ông ta là trưởng nam nối dõi cha mình, và là bạo chúa thống

trị. Tôi cũng chẳng khi nào tin rằng Hippias có thể nắm được quyền thống trị một cách dễ dàng như thế, nếu Hipparchus đã lên cầm quyền lúc ông này bị giết, và ông ta, Hippias ấy, đã yên vị được cho mình cùng trong một ngày đó; mà chắc chắn rằng từ lâu ông ta đã quen dùng bọn vệ sĩ của mình để khiến dân chúng phải khiếp sợ và vâng lời, và nhờ thế ông ta không chỉ đã chiếm được quyền, mà còn chiếm được một cách dễ dàng, và không bị người em trai không quen với việc thực thi quyền lực gây khó dễ chút nào. Cũng chính cái số phận thâm đã làm Hipparchus nổi danh đó đã khiến hậu thế gán cho ông ta cái tiếng là kẻ bạo chúa.

Lại nói về Harmodius: Hipparchus bị cự tuyệt khi ve vãn anh ta bèn rấp tâm lãng nhục anh ta, thoát tiên ông ta mời cô em gái của anh ta, một thiếu nữ, đến để cầm một chiếc giỏ lễ trong một đám rước nào đó, và rồi từ chối cô gái, lấy cái cớ là cô chẳng khi nào được mời vì cô đâu có xứng đáng. Nếu Harmodius nổi lòng căm phẫn vì việc này, thì lúc đó Aristogiton lại vì danh dự của Harmodius mà giận sôi lên hơn bao giờ hết; và sau khi đã sắp đặt mọi việc với những kẻ định tham gia vào âm mưu đó với họ, họ chỉ còn chờ đến Đại lễ hội PanAthensea, một ngày duy nhất mà các công dân tham gia vào đám rước có thể tụ họp với nhau mang theo vũ khí mà không bị nghi ngờ. Aristogiton và Harmodius sẽ phải khởi sự, nhưng sẽ được những kẻ đồng lõa với họ hậu thuẫn ngay lập tức để đánh bọn vệ sĩ. Những kẻ âm mưu này không đông, để bảo đảm đỡ nguy hiểm hơn, ngoài ra họ còn hy vọng rằng những kẻ không dự mưu sẽ bị lôi cuốn noi gương một vài kẻ táo bạo, và dùng vũ khí sẵn trong tay để khôi phục nền tự do của họ.

Cuối cùng ngày lễ hội cũng đã đến; Hippias cùng đội vệ sĩ riêng của ông ta đang ở Ceramicus^[10] bên ngoài thành, sắp xếp hàng ngũ cho những đoàn khác nhau của đám rước xuất phát. Harmodius và Aristogiton đã thủ sẵn dao găm của họ và đang chuẩn bị sẵn sàng hành động thì nhìn thấy một trong những kẻ đồng lõa của họ đang nói chuyện rất thân mật với Hippias, người mà ai cũng có thể dễ dàng tiếp cận, họ phát hoảng và cho rằng họ đã bị phát giác và sắp bị bắt đến nơi; và nôn nóng xem liệu trước hết có thể trả thù được kẻ đã tác tệ với họ và là kẻ mà họ đã mạo hiểm đến thế vì hắn, họ liền

xông vào bên trong cổng thành trong cơn hăng hái sục sôi, và khi gặp Hipparchus ở gần Leocorium^[11] họ đã liều mạng xông tới tấn công ông ta ngay lập tức, giận quá hóa điên, Aristogiton là vì tình và Harmodius là vì bị lăng nhục, họ đánh đập ông ta một cách hung bạo và hạ sát ông ta. Aristogiton thoát được bọn vệ sĩ ngay lúc đó, lườn qua một đám đông đang chạy đến, nhưng sau đó bị bắt lại và bị giết chết một cách không thương tiếc, Harmodius thì bị giết ngay tại trận.

Khi tin đưa đến tai Hippias ở Ceramicus, ông ta lập tức đi ngay nhưng không đến hiện trường vụ án mà đến chỗ những người mang vũ khí để điều hành trong đám rước, khi họ còn cách một quãng khá xa và chưa hay biết gì về việc đó, và giữ vẻ mặt hết sức điềm tĩnh không lộ ra chút gì trong cảnh huống đó, ông ta chỉ vào một chỗ nhất định, và lệnh cho họ đi đến chỗ ấy mà không mang vũ khí theo. Họ kéo đến chỗ ấy theo lệnh ông ta, tưởng rằng ông ta có gì muốn nói; khi đó ông ta bảo đám vệ sĩ của mình tước những vũ khí đó, và rời lòi ra khỏi đám những kẻ mà ông ta nghĩ là có tội và tất cả những kẻ bị phát hiện mang theo dao găm, vì chỉ có khiên và giáo là những vũ khí thường được dùng trong một đám rước.

Như vậy, đầu tiên là tình yêu bị xúc phạm đã đẩy Harmodius và Aristogiton đến chỗ lập mưu, và nỗi hoảng sợ vào đúng thời điểm đó đã xui khiến họ phạm phải hành động khinh suất như vừa kể. Sau việc này ách chuyên chế đã áp bức dân Athens mạnh hơn, và Hippias, lúc này trở nên lo lắng hơn, đã xử quyết nhiều công dân và đồng thời cũng đôi mắt tìm kiếm một nơi tị nạn ở nước ngoài nếu cách mạng nổ ra. Chính vì lẽ đó mà mặc dầu là một người Athens, ông ta đã gả con gái mình là Archedice cho một người Lampsacus là Aeantides con trai của bạo chúa xứ Lampsacus, khi thấy rằng họ rất có ảnh hưởng đối với Vua Darius^[12]. Và ở Lampsacus vẫn còn mộ chí của người con gái này với dòng chữ khắc trên đó:

Dưới đất này Archedice yên nghỉ

Hippias là vua cha nàng, và Athens là đất mẹ của nàng

Lòng nàng chẳng bợn chút gì tự phụ kiêu căng

Dù là con gái, vợ và chị của những kẻ trên ngai vàng.

Hippias, sau khi cai trị dân Athens thêm ba năm nữa, đã bị phế truất vào năm thứ tư bởi người Lacedaemon và những quý tộc dòng dõi Alcmaeonid^[13] bị trục xuất, và được cấp giấy thông hành để an toàn đi đến Sigeum^[14], và đến với Aeantides ở Lampsacus, rồi từ đó đến triều đình của Vua Darius; từ triều đình này hai mươi năm sau, khi tuổi đã già, ông ta xuất chinh cùng quân Ba Tư đến đánh Marathon.

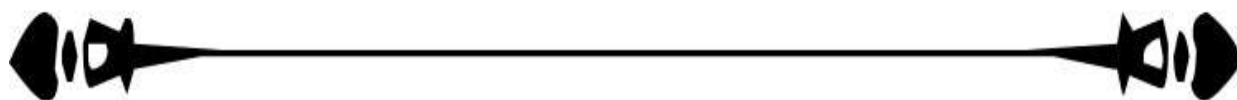
Ký ức họ còn in hằn những biến cố này, và khi nhớ lại tất cả những gì họ biết từ những lời đồn đại về chuyện đó, dân Athens càng trở nên khắt khe đối với sự hài hước và càng nghi ngờ những người bị cáo buộc trong vụ báng bổ các nghi lễ bí truyền đó hơn, và tin chắc rằng tất cả những gì xảy ra là một phần trong một âm mưu quân chủ chuyên chế và *oligarchy*. Trong tình trạng kích động phát sinh từ đó, nhiều người đáng kính đã bị tống vào tù, và dân chúng chẳng những không biểu lộ một dấu hiệu nguội dậu nào mà còn ngày càng hà khắc hơn, và bắt bớ ngày càng nhiều hơn; mãi đến khi rốt cuộc một trong những kẻ đang ngồi tù, bị coi là kẻ đầu tội, bị một bạn tù xui khiến cáo giác, việc này thật giả thế nào là vấn đề vẫn đang ở giữa hai quan điểm, vì ngay lúc đó hay từ đó cho đến nay chưa một người nào có thể nói chắc được rằng ai là kẻ đã làm việc đó. Dầu sao mặc lòng, kẻ kia đã tìm ra những lý lẽ để thuyết phục anh ta, rằng cho dù anh ta có không tham gia vào vụ việc đó thì anh ta cũng phải tự cứu lấy thân bằng cách có được một lời hứa miễn trừng phạt, và thoát khỏi được trạng huống bị nghi ngờ vì việc đó hiện thời; vì nếu thú tội sau khi đã được hứa miễn trừng phạt thì chắc chắn anh ta sẽ được an toàn hơn là nếu anh ta chối cãi và bị đưa ra xét xử. Theo lời khuyên này anh ta bèn cáo giác, khiến bản thân mình và những người khác cùng bị liên lụy vào vụ huỷ hoại các bức tượng *Herma*, và dân chúng Athens vui mừng vì rốt cục, đúng như họ nghĩ, cũng tìm ra sự thật, và đã đang tức giận sẵn vì không phát hiện được những kẻ âm mưu chống lại nhân dân, họ liền lập tức thả kẻ cáo giác cùng tất cả những người mà anh ta không tố giác ra, và sau khi đưa những kẻ bị cáo buộc ra xét xử, họ đã hành hình tất cả những người mà họ còn giam giữ, và tuyên án tử hình đối với những kẻ đã bỏ trốn và treo thưởng để lấy đầu họ. Kết cục là trong việc này chẳng rõ có phải những người thiệt mạng đã bị trừng phạt oan uổng hay không,

nhưng bất luận thế nào thì mọi người khác trong thành hiển nhiên đã trút được gánh nặng trong lòng ngay lập tức.

Lại nói về Alcibiades: công chúng cảm thấy rất thù địch đối với y, khi họ tiếp tục bị tác động bởi cùng những kẻ thù đã công kích y trước khi y viễn chinh, và giờ đây khi dân Athens tưởng rằng họ đã tìm ra sự thật về vụ phá huỷ các bức tượng *Herma* đó, thì họ càng tin chắc hơn bao giờ hết rằng vụ báng bổ các nghi lễ bí truyền mà y can dự vào cũng do một tay y bày trò với cùng một ý định như thế và gắn liền với âm mưu chống lại nền dân chủ. Trong cùng thời gian ấy, giữa lúc tình hình đang rối ren như thế, tình cờ xảy ra việc một lực lượng không lớn lắm của Lacedaemon đã tiến xa đến tận Eo Đất trong khi đeo đuổi một âm mưu nào đó với dân Boeotia. Lúc ấy người ta cho là quân này đã có hẹn trước mà đến, theo sự xúi giục của y chứ chẳng phải vì dân Boeotia, và rằng nếu các công dân đã không hành động ngay khi nhận được thông tin và ngăn chặn trước bằng cách bắt giữ những tù nhân kia thì thành bang này ắt hẳn đã bị bán đứng. Dân chúng cực đoan đến nỗi một đêm không rời vũ khí trong ngôi đền thờ Vua Theseus bên trong thành lũy. Đúng lúc đó bạn bè của Alcibiades ở Argos cũng bị nghi ngờ có âm mưu tấn công dân chúng; và những con tin người Argos bị giam cầm ở các hải đảo đã được người Athens trao trả cho dân Argos để đem ra hành hình vì tội này: nói tóm lại, nơi nào người ta cũng bới ra được điều gì đó gây nên mối nghi ngờ đối với Alcibiades. Vì vậy người ta đã quyết định là đưa y ra xét xử và hành hình y, và linh thuyền Salaminia được phái tới Sicily vì y và những kẻ có tên trong lời cáo giác kia, với chỉ thị là lệnh cho y quay về và trả lời về những cáo buộc chống lại y, nhưng không bắt giữ y, bởi họ muốn tránh để lòng quân hoang mang hoặc khiến quân địch ở Sicily để ý, và trên hết là giữ yên quân Mantinea và quân Argos tại ngũ, vì họ cho rằng những quân này đã bị ảnh hưởng của y lôi cuốn mà gia nhập đạo quân của họ. Y lệnh, Alcibiades cùng với chiến thuyền riêng của mình và những kẻ bị buộc tội cùng hội cùng thuyền với y nhổ neo rời Sicily cùng với linh thuyền Salaminia, làm ra vẻ đang trên đường trở về Athens, và đi cùng với linh thuyền Salaminia đến tận Thurii^[15], ở đó chúng bỏ linh thuyền này lại và biến mất, do sợ phải về nhà để bị xét xử khi đã có sẵn một thành kiến như vậy đối

với chúng. Thủy thủ đoàn của linh thuyền Salaminia lưu lại đó ít lâu để tìm Alcibiades và đồng bọn của y, và rốt cục, do chúng đã tuyệt mù tăm tích, họ dong buồm và rời khỏi đó. Sau đó ít lâu Alcibiades, lúc này đã thành một kẻ ngoài vòng pháp luật, đã vượt biển trên một con thuyền nhỏ từ Thurii đến Peloponnese; và dân Athens thông qua án tử hình vắng mặt dành cho y và những kẻ theo y.

Chương XX



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI BẢY VÀ MƯỜI TÁM – QUÂN ATHENS ÁN BINH BẤT ĐỘNG – ALCIBIADES Ở SPARTA – CUỘC PHONG TỎA SYRACUSE

Lúc này các vị tướng Athens còn lại ở Sicily chia đôi đạo quân, và mỗi người nắm một nửa bằng cách rút thăm rồi cùng toàn bộ lực lượng này lên thuyền đi Selinus và Egesta, vì muốn biết liệu dân Egesta có trao khoản tiền đó không, và tìm hiểu vấn đề Selinus đồng thời xác định tình hình cuộc tranh chấp giữa nó và Egesta. Bơi thuyền men theo bờ biển Sicily, bờ biển nằm bên trái họ, hướng về phía vịnh Tyrrhene, họ cập bờ tại Himera, kinh thành Hy Lạp duy nhất ở khu vực đó của đảo này, và khi bị từ chối không

cho vào, họ lại tiếp tục hành trình của mình. Trên đường đi họ đã chiếm Hyccara^[1], tuy là một trấn cảng nhỏ của dân Sicani nhưng lại đang chiến tranh với Egesta^[2], và sau khi bắt cư dân ở đó làm nô lệ, họ đã trao lại trấn đó cho dân Egesta, một số quân kỵ của Egesta lúc bấy giờ đã gia nhập với họ; sau đó đạo quân này đã tiếp tục đi xuyên qua lãnh thổ của dân bản địa Sicily cho đến tận Catania, trong khi đó hạm đội bơi thuyền dọc theo bờ biển với nô lệ trên thuyền. Trong lúc ấy, Nicias đã dong buồm từ Hyccara dọc theo bờ biển thẳng đến Egesta, và sau khi giải quyết những việc khác của mình và nhận được ba mươi *talăng*, ông đã quay trở về với đạo quân. Bấy giờ họ bán những nô lệ bắt được lấy một trăm hai mươi *talăng*, và cho thuyền bơi đến khắp những xứ đồng minh bản địa ở Sicily của mình để thúc giục họ gửi quân đến; và đồng thời cất một nửa quân của chính mình tiến đánh Hybla^[3], một trấn thù nghịch trong lãnh thổ của Gela, nhưng đã không chiếm được nó.

Mùa hạ lúc này đã qua đi. Mùa đông tiếp đến, quân Athens đã lập tức bắt tay vào chuẩn bị cho việc tiến quân đánh Syracuse, và dân Syracuse về phía mình cũng chuẩn bị cho việc hành quân nghênh địch. Kể từ quân Athens không lập tức tấn công họ ngay khi vừa đến như lúc đầu họ đã phấp phỏng chờ đợi, mỗi ngày trôi qua đã góp phần hồi phục lòng can đảm của họ; và khi họ thấy quân Athens dong thuyền rời xa đất họ sang tận phía bên kia của Sicily, và đến Hybla chỉ để thất bại trong những nỗ lực đột chiếm nó, thì họ bớt quan ngại về quân đó hơn bao giờ hết, và yêu cầu các tướng lĩnh của họ, như dân chúng thường có khuynh hướng làm thế lúc thấy vững tâm, dẫn quân tới Catania, khi mà kẻ thù có thể không tự đến chỗ họ. Các toán kỵ binh Syracuse được phái đi do thám cũng liên tục phi đến chỗ đạo quân của Athens, và giữa những lời lảng mạn khác đã hỏi quân này xem phải chăng họ đến để định cư với dân Syracuse ở miền đất lạ chứ không phải đến để tái định cư cho dân Leontini về miền đất cũ của dân này.

Thấy vậy, các tướng lĩnh Athens đã quyết định dụ tất cả quân Syracuse ra khỏi kinh thành càng xa càng tốt, và bản thân họ trong lúc đó sẽ bơi thuyền men theo bờ biển vào ban đêm và ung dung chiếm lấy một vị trí thuận lợi.

Họ biết rằng họ không thể thực hiện thành công việc này nếu phải đổ bộ từ thuyền của mình lên bờ trước mặt một lực lượng đã chuẩn bị sẵn sàng để nghênh chiến với họ, hoặc tiến quân theo đường bộ một cách công khai. Đám kỵ binh Syracuse đông đảo (một lực lượng mà bản thân họ không có) khi ấy sẽ có thể gây ra tổn thất nặng nề cho bộ binh hạng nhẹ của họ và những kẻ đi theo sau đạo quân; nhưng kế hoạch này sẽ cho phép họ chiếm lấy một vị trí mà tại đó kỵ binh của địch chẳng thể gây cho họ tổn hại nào đáng kể, vì một số kẻ lưu vong người Syracuse đi theo quân họ đã nói với họ về một địa điểm ở gần Olympieum^[5], nơi mà họ sau đó đã chiếm giữ. Bám vào ý tưởng của mình, các vị tướng đã bày ra mưu kế như sau: họ cử tới Syracuse một kẻ trung thành với họ, và theo suy nghĩ của các tướng lĩnh Syracuse thì kẻ này không kém phần trung thành với lợi ích của Syracuse; gã là một người bản địa ở Catana, và nói rằng gã được những người ở nơi ấy cử đến, những người mà tên tuổi của họ chẳng xa lạ gì đối với các tướng lĩnh Syracuse, và là những người mà các vị tướng này biết là nằm trong số các thành viên của phe thân Syracuse vẫn còn lại trong thành Catana. Gã nói với họ rằng quân Athens ngủ đêm trong trấn, cách nơi họ đóng quân một quãng, và rằng nếu quân Syracuse định ra một ngày và mang theo toàn bộ người của mình đến đó vào rạng sáng để tấn công quân Athens, thì họ, những bạn hữu của Syracuse, sẽ đóng các cánh cổng chốt quân Athens trong thành, và nổi lửa đốt các chiến thuyền, trong lúc đó quân Syracuse sẽ dễ dàng chiếm lấy doanh trại bằng một cuộc tấn công vào hàng rào cọc bao quanh. Trong cuộc tấn công này họ sẽ được rất nhiều người Catana hỗ trợ, những người đó đã chuẩn bị sẵn sàng để hành động, và chính là những người cử gã đến.

Các tướng lĩnh bên quân Syracuse, những người chẳng thiếu gì lòng tự tin, và là những người đã dự định tiến quân đến Catana ngay cả khi không có thông tin ấy, đã tin tưởng gã này mà chẳng thăm vấn cho cẩn thận, lập tức định ra một ngày mà họ sẽ đến đó và để gã đi, và vì bấy giờ quân Selinus cùng những quân đồng minh khác của họ vừa đến, họ bèn ra lệnh cho tất cả quân Syracuse đồng thời khởi hành. Công cuộc chuẩn bị của họ đã xong xuôi, và thời điểm ấn định để họ đến đó đã cận kề, họ lên đường đi Catana,

và nghỉ đêm bên sông Symaethus^[6], ở lãnh thổ của Leontini. Quân Athens ngay khi biết họ đang tới gần liền lập tức đem toàn bộ lực lượng của mình và lực lượng của các dân bản địa Sicily hoặc của các dân khác đã gia nhập với họ, đưa họ lên thuyền, và vượt biển trong đêm đến Syracuse. Như vậy, khi trời vừa hừng sáng quân Athens đang đổ bộ đối diện Olympieum và sắp sửa chiếm lấy vị trí hạ trại của mình, và kỵ binh của Syracuse phi đến Catana trước nhất và thấy rằng toàn bộ lực lượng địch đã ra khơi, bèn quay về và báo cho bộ binh, và sau đó tất cả cùng nhau quay về giải cứu kinh thành.

Trong thời gian ấy, vì trước mắt quân Syracuse là một chặng đường hành quân dài, đạo quân Athens đã yên ổn hạ trại ở một vị trí thuận lợi, nơi họ có thể bắt đầu giao chiến bất cứ lúc nào họ muốn, và là nơi mà kỵ binh Syracuse sẽ có ít cơ hội quấy nhiễu họ nhất dù là trước hay trong trận đánh, vì nó được che chắn một mặt bởi thành lũy, nhà cửa, cây cối và một đầm lầy, và mặt bên kia là những vách đá. Họ cũng đốn cây ở gần đó và mang xuống biển, rồi trồng thành một lũy cọc nhọn dọc theo những con thuyền của họ, và với gỗ và đá kiếm được họ vội vã dựng lên một pháo đài tại Daskon, điểm yếu nhất ở vị trí của họ, và họ phá huỷ cây cầu bắc qua sông Anapus^[7]. Công cuộc chuẩn bị này đã được để yên cho tiếp diễn mà không có bất kỳ sự cản trở nào từ kinh thành, lực lượng đối địch xuất hiện trước nhất là kỵ binh Syracuse, theo sau là tất cả bộ binh cùng đến. Lúc đầu họ đã tiến sát tới đạo quân Athens, và sau đó, thấy rằng quân Athens không tỏ vẻ gì là muốn giao chiến, họ đã băng ngang qua con đường đi Helorus^[8] và hạ trại nghỉ đêm hôm đó.

Ngày hôm sau quân Athens và các đồng minh của họ bắt đầu dàn trận, cách bài binh bố trận của họ như sau: cánh phải là quân Argos và quân Mantinea, trung quân là quân Athens và những vị trí còn lại trên chiến trận là các quân đồng minh khác. Một nửa đạo quân của họ đã được dàn đội hình sâu tám hàng đi tiên phong, một nửa ở gần lều của mình thành đội hình vuông rộng ở giữa, cũng sâu tám hàng, được lệnh canh chừng và sẵn sàng tiến đến yểm trợ cho những binh lính bị đánh ép nặng nhất. Những kẻ đi

theo quân doanh để phục dịch được đặt bên trong đội hình dự bị này. Trong lúc đó, quân Syracuse đã dàn bộ binh hạng nặng của mình thành đội hình sâu mười sáu hàng, gồm toàn bộ quân trưng tập từ chính dân họ và các đồng minh đã gia nhập với họ, đội quân hùng hậu nhất trong số đồng minh là quân Selinus; sau họ đến kỵ binh Gela, cả thảy hai trăm, cùng với khoảng hai mươi kỵ binh và năm mươi cung thủ từ Camarina. Kỵ binh được sắp đặt ở bên cánh phải của họ, tròn một ngàn hai trăm quân tráng kiện, và tiếp theo quân kỵ là quân ném lao. Khi quân Athens sắp sửa mở đầu tấn công, Nicias đã đi dọc theo các hàng quân, và nói những lời khích lệ này với đạo quân và với những dân tộc đã tạo nên đạo quân ấy:

“Hỡi các chiến binh, những lời cổ vũ dài dòng chẳng cần thiết là mấy đối với những người như chúng ta, những người ở đây để cùng tham gia một trận đánh, ta nghĩ rằng chính bản thân lực lượng này có khả năng truyền cho các người sự tự tin hơn là một diễn từ hoa mỹ với một đạo quân kém cỏi. Nơi mà chúng ta có quân Argos, quân Mantinea, quân Athens và những quân hàng đầu của xứ đảo này cùng chung một hàng ngũ, thì thật lạ kỳ nếu với bao nhiêu là chiến hữu dũng cảm như thế mà chúng ta lại không cảm thấy niềm tự tin chiến thắng; nhất là khi quân sĩ được tuyển chọn kỹ càng của chúng ta đối đầu với một đám quân được trưng tập ồ ạt, và hơn nữa lại là đám thực dân Hy Lạp ở Sicily, những kẻ có thể khinh thường chúng ta nhưng sẽ không thể địch lại chúng ta được, kỹ năng của chúng chẳng tương xứng chút nào với tính liều lĩnh của chúng. Có lẽ các người cũng nên nhớ rằng chúng ta đang xa nhà, và không có một miền đất thân thiện nào ở gần bên cả, trừ những nơi mà chính lưỡi gươm của các người sẽ đoạt về cho các người; và đây ta đặt trước các người một động cơ ngược lại hoàn toàn với cái động cơ mà quân địch đang hô hào giục giã; chúng hô hào rằng chúng phải chiến đấu vì xứ sở của chúng, ta kêu gọi rằng chúng ta phải chiến đấu vì một xứ sở không phải của chúng ta, xứ sở mà chúng ta buộc phải chinh phục được bằng không sẽ khó lòng mà thoát ra khỏi, vì chúng ta

sẽ bị quân kỵ đông như kiến của chúng tấn công chúng ta. Vì vậy, hãy nhớ đến danh tiếng của các người mà xông vào đánh địch thật dũng mãnh, khi biết rằng tình thế khó khăn và thiếu thốn trước mắt còn đáng sợ hơn chúng.”

Sau diễn từ này, Nicias lập tức dẫn quân xung trận. Quân Syracuse vào thời điểm ấy không ngờ đến một cuộc giao tranh ngay tức thì, và một số thậm chí còn bỏ về trấn cách đó không xa; những quân này lúc bấy giờ chạy cật lực đến nơi và mặc dầu chậm trễ nhưng cũng đã ai vào chỗ nấy trong đội hình chủ lực ngay khi họ đến nơi. Thiếu nhiệt huyết hay thiếu can đảm chắc chắn không phải khiếm khuyết của quân Syracuse, cả trong trận này cũng như trong các trận đánh khác, nhưng cho dù không kém phần dũng mãnh so với địch, chừng nào mà khả năng chiến thuật còn có thể đưa họ đến thành công, họ cũng buộc phải từ bỏ quyết tâm của mình một khi chiến thuật không còn khả năng giúp họ nữa. Ngay lúc này đây, mặc dù họ không nghĩ rằng quân Athens lại khởi cuộc tấn công ngay, và mặc dù buộc phải đứng vào vị trí phòng ngự mà chỉ vừa mới được báo động, họ đã lập tức cầm vũ khí và tiến lên nghênh địch. Trước tiên, quân ném đá, quân bắn ná và các cung thủ của hai bên bắt đầu đụng độ, và đánh tan hoặc bị đánh tan bởi bên này hoặc bên kia, kiểu giao chiến thường thấy giữa bộ binh hạng nhẹ; tiếp theo, các nhà tiên tri mang những vật tế sinh theo truyền thống ra, và lính thổi kèn thúc giục bộ binh hạng nặng xung trận, và họ tiến lên như thế, quân Syracuse chiến đấu vì xứ sở của họ, và mỗi người chiến đấu vì sự an toàn của bản thân mình cho hôm nay và vì nền độc lập cho mai sau; trong đạo quân của địch thì quân Athens chiến đấu để biến xứ sở của kẻ khác thành của mình và tự cứu mình khỏi bị đánh bại; quân Argos và các đồng minh độc lập thì chiến đấu để giúp quân Athens lấy những gì mà họ đã đến để lấy, và nếu chiến thắng thì sẽ được thấy lại quê hương mà họ để lại đằng sau; trong khi các đồng minh là xứ dân lệ thuộc hầu hết hăng hái là vì mong muốn tự bảo toàn tính mạng, điều mà họ chỉ có thể hy vọng nếu chiến thắng;

xếp sau điều đó, như động cơ thứ yếu, là cơ hội phụng sự với những điều kiện dễ thở hơn, khi đã giúp được Athens chinh phục thêm một nơi mới.

Hai đội quân lúc này đã giáp chiến, và đánh dằng dai hồi lâu mà không bên nào chịu lùi bước. Trong lúc đó trời bỗng nổi sấm chớp âm âm kèm theo một trận mưa như trút, hiện tượng này chẳng phải đã không góp phần làm cho những kẻ lần đầu đánh trận và chưa quen chinh chiến phải kinh hãi; trái lại đối với kẻ địch dày dạn kinh nghiệm hơn thì đó chỉ là hiện tượng thường xảy ra vào thời gian này trong năm, và càng cảm thấy cảnh giác hơn với sự kháng cự dai dẳng của đối thủ. Cuối cùng quân Argos đánh lấn vào cánh trái của quân Syracuse và liền sau đó quân Athens đánh tan quân đối kháng với mình, và quân Syracuse do vậy bị cắt làm đôi và bắt đầu tháo chạy. Quân Athens không truy đuổi xa, bởi bị rất đông quân kỵ còn chưa bị đánh bại của Syracuse cầm chân, những quân kỵ này đã tấn công và đẩy lùi bất kỳ bộ binh hạng nặng nào phía Athens mà họ trông thấy đang truy đuổi phía trước vượt khỏi hàng ngũ; bất chấp việc này, những kẻ chiến thắng hòa nhau đuổi theo đến hết giới hạn an toàn, rồi quay lại và dựng một đài chiến tích. Trong lúc ấy quân Syracuse tập hợp lại trên con đường đi Helorus, nơi họ dàn lại đội ngũ chỉnh tề hết mức có thể trong hoàn cảnh đó, và thậm chí còn phái cả một đội quân đồn trú toàn công dân của họ đến Olympieum vì sợ rằng quân Athens có thể đoạt mất một số báu vật ở đó. Số quân còn lại quay về trấn.

Tuy vậy, quân Athens đã không kéo đến đến đên thờ đó, mà thu thập xác binh lính của mình và đặt lên giàn thiêu, rồi qua đêm trên chiến địa. Ngày hôm sau họ trao trả xác binh lính của địch theo thoả thuận tạm đình chiến, con số này có đến khoảng hai trăm sáu mươi cả quân Syracuse và quân các đồng minh của họ, rồi thu thập hài cốt của quân mình, ước chừng năm mươi cả quân Athens lẫn đồng minh, và lên thuyền về Catana sau khi đoạt chiến lợi phẩm của địch. Lúc này trời đã sang đông, và hiện thời xem ra không thể nào tiếp tục cuộc chiến trước thành Syracuse được, cho đến khi kỵ binh được gửi đến từ Athens và được trưng tập từ các đồng minh ở Sicily – để thoát khỏi tình trạng hoàn toàn kém cạnh về kỵ binh của họ – và tiền bạc được thu thập được ở xứ này cũng như nhận được từ Athens, và cho đến khi một số thành bang, mà họ hy vọng là lúc này đã sẵn sàng nghe lời họ hơn

sau trận chiến đó, bị thuyết phục theo phe họ, và ngũ cốc cùng mọi nhu yếu phẩm khác đều được cung cấp đầy đủ cho một chiến dịch đánh Syracuse vào mùa xuân tới.

Với dự định này, họ nhổ neo ra khơi về Naxos và Catania trú đông. Trong lúc ấy dân Syracuse hỏa táng xác binh lính của họ rồi tổ chức một hội nghị công dân, trong hội nghị đó Hermocrates, con trai của Hermon, một người tài ba xuất chúng đã chứng tỏ khả năng quân sự và lòng dũng cảm phi thường trong chiến trận, tiến lên và động viên họ, và bảo họ đừng để những gì đã xảy ra khiến phải chùn bước, bởi tinh thần họ đã không bị khuất phục mà chính sự thiếu kỷ luật của họ đã gây tổn hại cho họ. Họ vẫn chưa bị đánh bại nặng nề đến mức như người ta đã tiên liệu, nhất là khi có thể nói rằng họ là những người mới tập tọng về binh pháp, một đạo quân nghiệp dư chống lại những binh lính lão luyện nhất của Hy Lạp. Điều cũng đã góp phần gây ra tổn thất lớn nhất là số tướng lĩnh quá đông (có đến mười lăm vị) và quá nhiều mệnh lệnh được ban ra, kết hợp với sự vô tổ chức và bất tuân mệnh lệnh của binh lính. Nhưng chỉ cần họ có vài vị tướng tài, và dùng cả mùa đông này để chuẩn bị cho bộ binh hạng nặng của mình, trang bị vũ khí cho những binh lính chưa có, để tăng quân số bộ binh hạng nặng đông đến hết mức có thể, và buộc họ phải tham gia rèn tập thường xuyên, thì họ sẽ có mọi cơ hội để đánh bại quân địch, can trường đã là bản tính của họ và nhờ cách rèn luyện này họ sẽ có thêm tính kỷ luật trên chiến trường. Thực tế là cả hai tổ chất này sẽ cùng được cải thiện, bởi nguy hiểm sẽ rèn cho họ vào khuôn phép, trong khi lòng can đảm của họ sẽ được dẫn dắt để vượt lên chính nó nhờ sự tự tin mà kỹ năng chiến đấu truyền cho họ. Tướng lĩnh sẽ chỉ cần vài vị thôi, và được bầu chọn để trao toàn quyền, và sẽ phải tuyên thệ để cho họ được toàn quyền chỉ huy theo ý muốn và suy xét của họ; nếu họ chấp nhận kế hoạch này thì các bí mật quân sự của họ sẽ được giữ kín hơn, mọi công cuộc chuẩn bị sẽ được thực hiện cho phù hợp, và sẽ không còn lý do gì để mà biện minh nữa.

Dân Syracuse nghe ông ta nói vậy liền biểu quyết tán thành tất cả những gì ông ta khuyến nghị, và bầu chọn ra ba vị tướng quân, gồm chính Hermocrates, Heraclides con trai của Lysimachus và Sicanus con trai của

Execestes. Họ cũng phái sứ giả tới Corinth và Lacedaemon để xin một lực lượng đồng minh tham gia với họ, và để thuyết phục người Lacedaemon hãy vì Syracuse mà công khai dốc sức vào cuộc chiến chống Athens ở đó, để Athens hoặc sẽ phải rút quân khỏi Sicily hoặc sẽ bớt khả năng gửi quân tăng viện cho đạo quân của họ ở đây.

Các lực lượng của Athens tại Catana lúc bấy giờ đã lập tức lên thuyền đi đánh Messina, vì hy vọng vào việc nó bị nội phản giao nộp cho họ. Thế nhưng âm mưu đó chẳng đi đến kết quả nào: Alcibiades, kẻ mà khi rời khỏi cương vị chỉ huy vì lệnh triệu hồi từ Athens đã tiên liệu rằng y có thể bị đặt ngoài vòng pháp luật, đã bí mật gửi thông tin về âm mưu đó cho phe thân Syracuse ở Messina, phe đó đã lập tức giết chết những kẻ chủ mưu, và lúc này đã nổi dậy cầm vũ khí đánh phe đối lập quan điểm với họ, và đã thành công trong việc ngăn cản không cho tiếp đón quân Athens. Quân Athens chờ đợi suốt mười ba ngày, và rồi, vì dãi dầu trong tiết trời đông giá và không có lương thảo mà chẳng nên công trạng gì, họ quay về Naxos, nơi họ sắp xếp chỗ neo đậu cho hạm đội, dựng một lũy cọc nhọn xung quanh doanh trại của mình, và rút về trú đông ở đó; đồng thời, họ phái một con thuyền ga-lê về Athens để yêu cầu gửi tiền bạc và kỵ binh đến tham chiến cùng họ vào mùa xuân tới. Trong mùa đông đó dân Syracuse đã xây dựng một bức thành lũy phía trên kinh thành của họ để bao được cả pho tượng Apollo Temenites^[9] vào bên trong, và chạy suốt từ đầu đến cuối bên phía kinh thành nhìn về Epipolae^[10], khiến cho công trình thành lũy này dài hơn và hiểm yếu hơn, phòng khi họ bị chiến bại, và còn dựng thêm một pháo đài ở Megara và một pháo đài khác ở Olympieum, và dựng lũy cọc nhọn dọc theo bờ biển ở bất cứ nơi nào có chỗ đổ bộ. Cùng lúc đó, khi họ biết rằng quân Athens đang trú đông ở Naxos, họ đem toàn bộ lực lượng của dân họ đi đánh Catana, và tàn phá đất đó và đốt cháy hết lều trại quân doanh của Athens, rồi quay về.

Khi biết rằng quân Athens sắp phái một sứ bộ đến Camarina và dựa vào liên minh được ký kết từ thời tướng quân Laches hầu tranh thủ thành đó về phe Athens nếu có thể, họ bèn phái một sứ bộ khác từ Syracuse đi để đối chọi với sứ bộ của Athens. Họ vẫn tinh ý ngờ rằng dân Camarina đã phái

quân đi trong trận chiến đầu tiên mà không thật sự sẵn lòng; và hiện giờ họ e rằng dân đó sẽ thẳng thừng từ chối giúp đỡ họ trong tương lai sau khi thấy quân Athens đã thắng trận này, và sẽ gia nhập với quân Athens vì mối giao hảo cũ giữa hai bên. Vì vậy Hermocrates cùng một số người đã từ Syracuse đến Camarina, và Euphemus cùng những người khác đã từ chỗ quân Athens đến; và khi một hội nghị công dân Camarina được triệu tập, với hy vọng sẽ khiến dân này mất thiện cảm đối với quân Athens, Hermocrates đã nói những lời như sau:

“Hỡi người dân Camarina, sứ bộ này của chúng tôi đến đây chẳng phải vì chúng tôi e ngại rằng các người đang hoảng sợ vì đạo quân này của Athens, mà đúng hơn là vì e ngại rằng các người bị thu phục bởi những gì mà chúng có thể nói đến tai các người trước khi các người nghe từ phía chúng tôi. Chúng đến Sicily với cái cố mà các người cũng biết rõ, và với ý định mà tất cả chúng ta đều nghi ngờ, theo chỗ tôi nghĩ là để đưa dân Leontini về lại quê hương của họ thì ít mà phần nhiều là để đuổi chúng ta ra khỏi quê xứ của chúng ta; cứ như thực tại thì thậm chí vô lý nếu chúng phải khôi phục ở Sicily những thành bang mà chúng tàn phá ở Hy Lạp, hoặc phải yêu mến dân Chalcis ở Leontini vì cùng huyết thống Ionia với nhau mà lại kìm chặt dân Chalcis ở Euboea trong ách nô lệ trong khi Leontini là thuộc địa của dân này. Không lý gì lại thế, mà chẳng qua là cùng một đường lối đã chứng tỏ rất thành công ở Hy Lạp giờ đây đang được thử áp dụng ở Sicily. Sau khi được lựa chọn làm lãnh đạo của toàn dân Ionia và các đồng minh khác cùng một dòng dõi với Athens để trừng trị quân Ba Tư, người Athens đã buộc tội một số dân vì không tham gia phục vụ quân ngũ lúc chiến tranh, một số thì vì đánh lẫn nhau, và một số khác, tùy vào hoàn cảnh, vì bất kỳ một cái cố giả tạo nào có thể tìm ra được, cho đến khi chúng thôn tính được tất cả bọn họ bằng những cái cố như thế. Nói tóm lại, trong cuộc tranh đấu chống quân Ba Tư, người Athens đã không chiến đấu vì nền độc lập của dân Hy Lạp, hay dân Hy Lạp đã chiến đấu vì nền độc lập của chính

họ, mà là người Athens chiến đấu để khiến những đồng bào của mình làm nô lệ cho chúng thay vì làm nô lệ cho Ba Tư, còn các dân kia thì để đổi chủ này lấy chủ khác, khôn ngoan hơn chủ trước thật nhưng là cái khôn của kẻ ác. Nhưng lúc này chúng tôi đến đây chẳng phải để tuyên bố với một cử tọa đã quá quen với chúng về những hành động xâm lược của một thành bang luôn sẵn sàng buộc tội người khác như Athens, mà đúng hơn cả là để tự trách chúng ta, những kẻ đã nghe tận tai những cảnh báo từ các dân Hy Lạp ở những vùng đã bị nô dịch vì không giúp đỡ lẫn nhau, và tận mắt chứng kiến những cái có trá ngụy y hệt như thế lúc này đang được thử áp dụng với chính chúng ta – như là đưa dân Leontini thân tộc của chúng hồi hương và hỗ trợ đồng minh Egesta – mà không đứng lên cùng nhau và kiên quyết cho chúng thấy rằng đây không phải là dân Ionia, hay dân Hellespont hay dân các xứ đảo, những kẻ liên tục thay đổi nhưng lúc nào cũng phải thờ một ông chủ, lúc thì chủ Ba Tư và lúc là chủ khác, mà đây là dân Doris tự do từ Peloponnese độc lập đến định cư ở Sicily. Nếu không thế thì chẳng lẽ chúng ta lại chờ để bị chiếm giữ từng nơi một, hết thành này đến thành khác khi chúng ta vẫn biết rằng chỉ duy nhất cách đó mới có thể chinh phục được chúng ta, và khi thấy rằng chúng quay sang kế sách này, hòng dùng lời ly gián chia rẽ một số trong chúng ta, và dùng miếng mồi liên minh dụ một số khác công khai đánh lẫn nhau, và huỷ hoại một số khác nữa bằng lời đường mật có thể được tán đồng trong những tình huống khác nhau? Hay chúng ta tưởng rằng khi một dân tộc đồng bào của chúng ta xa mãi tận đâu bị huỷ diệt trước thì nguy cơ đó sẽ không đến với mỗi dân chúng ta, hoặc tưởng rằng kẻ phải chịu trận trước chúng ta sẽ chỉ một mình hứng chịu?

Nếu có người Camarina nào mà nói rằng người Syracuse mới là kẻ đối địch với Athens chứ không phải anh ta, và vì thế mà nghĩ rằng tội gì phải nhọc công dẫn thân vào nguy hiểm vì xứ sở của tôi, tôi sẽ yêu cầu anh ta ghi nhớ rằng anh ta sẽ chiến đấu trên xứ sở của tôi vì chính xứ sở anh ta chẳng khác gì vì xứ sở của tôi, và bằng cách an toàn hơn rất nhiều khi mà anh ta bước vào cuộc chiến không chỉ một mình – so

với khi con đường đã dọn sạch quang khi xứ sở của tôi đã bị diệt vong – mà bước vào đó với tôi là đồng minh của anh ta, và rằng mục đích của Athens chẳng phải là để trừng phạt sự thù địch của Syracuse mà đúng hơn là dùng chúng tôi làm cái cớ để tranh thủ được tình đồng minh của dân Camarina. Nếu có kẻ ganh ghét hoặc thậm chí là sợ chúng tôi (những thế lực hùng mạnh vẫn luôn bị người ta ganh ghét và sợ hãi như vậy chẳng có gì là lạ), và vì cớ đó mà mong cho Syracuse bị hạ nhục để dạy chúng tôi một bài học, nhưng lại muốn nó vẫn tồn tại vì sự an toàn của chính anh ta thì điều mong muốn mà anh ta ấp ủ đó vượt quá khả năng của con người. Một người có thể kiểm soát những mong muốn khát khao của mình, nhưng anh ta không thể kiểm soát được hoàn cảnh; và nếu những tính toán của anh ta chứng tỏ là sai lầm, anh ta có thể sẽ phải than khóc cho nỗi bất hạnh của mình suốt đời, và lại mong được trở lại cái thời ganh tị với sự thịnh vượng của tôi. Thật là một mong muốn vô ích, nếu lúc này anh ta hy sinh chúng tôi và từ chối dự phần vào nguy hiểm, những nguy hiểm mà đối với anh ta cũng như đối với chúng tôi về thực chất là như nhau, dù trên danh nghĩa không đồng đều; điều mà trên danh nghĩa là bảo toàn quyền lực của chúng tôi thì về thực chất là để bảo vệ chính anh ta. Theo lẽ thường thì dân Camarina các người, trong tất cả mọi tộc dân trên thế giới, là láng giềng sát vách với chúng tôi và là những người sẽ gặp nguy hiểm ngay sau chúng tôi, đã phải thấy trước điều này, và thay vì ủng hộ chúng tôi một cách thiếu nhiệt tình như các người đang làm lúc này, đúng ra các người phải tự nguyện đến với chúng tôi, và lúc này phải đang xung phong giúp đỡ Syracuse, sự giúp đỡ mà các người chắc sẽ phải cầu xin cho Camarina nếu quân Athens đến xâm lược Camarina trước nhất, để khích lệ chúng tôi chống lại quân xâm lược. Thế mà cả các người lẫn những dân còn lại chưa ai buồn rục rịch theo hướng này cả.

Hoặc giả nỗi sợ sẽ khiến các người tìm cách đối xử với cả chúng tôi lẫn kẻ xâm lăng chẳng khác gì nhau, và lấy cớ rằng các người có hiệp ước liên minh với quân Athens. Nhưng các người lập nên liên minh đó không phải để chống lại những bạn đồng minh của mình mà để chống

lại những kẻ địch có thể tấn công các người, và giúp người Athens khi họ bị những kẻ khác xâm phạm họ chứ không phải khi họ đang xâm phạm láng giềng của các người như lúc này. Thậm chí ngay cả dân Rhegium, cho dù gốc gác họ là người Chalcis, cũng từ chối giúp Athens đưa dân Leontini gốc Chalcis về lại Leontini; và quả thật là lạ nếu, trong khi họ nghi ngờ ý nghĩa thực của sự trá ngụy tình vi này và họ khôn ngoan mà chẳng cần lý do nào, thì các vị, có đủ mọi lý do về phía mình, lại phải chọn con đường giúp đỡ những kẻ vốn dĩ thù địch với các người, và lại phải tham gia với những kẻ địch tàn ác nhất để làm hại những dân mà vốn dĩ là thân tộc của các người. Đây không phải chuyện đối xử bằng bạn như nhau, trái lại các người phải giúp chúng tôi mà không sợ gì đạo quân của chúng, đạo quân ấy sẽ chẳng có gì đáng sợ nếu chúng ta đoàn kết lại mà chỉ đáng sợ nếu chúng ta để chúng thành công trong nỗ lực chia cắt chúng ta; vì rằng kẻ cả có dùng chính chúng ta để tấn công chúng ta và chiến thắng trong trận chiến, chúng cũng sẽ phải ra đi mà không thực hiện được mục đích của mình.

Vì vậy, đoàn kết lại thì chẳng có lý gì chúng ta phải tuyệt vọng, mà lại có niềm khích lệ mới để liên minh với nhau; nhất là khi quân cứu viện sẽ từ Peloponnese đến giúp chúng tôi, về mặt chiến đấu thì chắc chắn là họ ưu việt hơn quân Athens. Và các người chớ nên nghĩ rằng cái sách lược khôn ngoan của các người không đứng về phía nào, vì làm đồng minh với cả hai bên, là an toàn gì đối với các người hay công bằng gì đối với chúng tôi. Thực tế sách lược đó công bằng thì ít mà giả hiệu thì nhiều. Nếu kẻ bị xâm lược bại trận và kẻ xâm lược chiến thắng, bởi các người từ chối tham gia, thì hậu quả của việc các người né tránh đó là gì nếu chẳng phải là để cho kẻ bị xâm lược phải chết mà không được cứu giúp, và cho phép kẻ xâm lược phạm tội mà không bị ngăn cản? Lại nữa, tham gia với bên không những bị xâm hại mà còn là đồng tông tộc với các người sẽ vinh dự hơn nhiều, và làm như vậy sẽ bảo vệ lợi ích chung của Sicily và giúp đồng minh Athens của các người tránh được việc làm sai trái.

Tóm lại, người Syracuse chúng tôi cho rằng trình bày những gì mà các người cũng như những người khác đã biết rõ y như chúng tôi là việc vô ích; nhưng chúng tôi khẩn khoản yêu cầu, và nếu lời khẩn cầu của chúng tôi không được chấp nhận, thì chúng tôi kháng nghị rằng chúng tôi đang bị uy hiếp bởi kẻ thù truyền kiếp của chúng tôi là người Ionia, và chúng tôi bị phản bội bởi chính thân tộc Doris của mình là các người. Nếu quân Athens chinh phục được chúng tôi, chúng sẽ hàm ơn các người vì quyết định của các người đã mang lại chiến thắng cho chúng, nhưng chúng sẽ một mình thụ hưởng niềm vinh quang chiến thắng ấy, và những xứ dân đã giúp chúng chiến thắng sẽ chính là phần thưởng mà chúng nhận được vì chiến thắng đó. Mặt khác, nếu chúng tôi là người chiến thắng, các người sẽ phải trả giá vì là nguyên nhân gây ra hiểm họa cho chúng tôi. Vậy nên các người hãy cân nhắc, và lúc này hãy quyết định lựa chọn giữa sự an toàn mà cảnh nô lệ hiện thời mang lại và viễn cảnh cùng chúng tôi chiến thắng và như vậy sẽ thoát khỏi sự hổ thẹn vì phải quy phục chủ nhân Athens và tránh được lòng thù hận vĩnh viễn của Syracuse về sau.”

Hermocrates đã nói những lời như thế; tiếp đến sứ giả của Athens là Euphemus đã phát biểu như sau:

“Mặc dù chúng tôi đến đây chỉ để ký nhắc lại hiệp ước đồng minh cũ, sự công kích của người Syracuse buộc chúng tôi phải lên tiếng về đế chế của mình và về cái quyền chính đáng mà chúng tôi có đối với nó. Bằng chứng thích hợp nhất cho điều này đã được chính người phát biểu vừa rồi cung cấp, khi ông ta gọi người Ionia là kẻ thù truyền kiếp của người Doris. Đó là sự thật, và người Doris ở Peloponnese có ưu thế hơn chúng tôi về số đông và các lân bang, nên người Ionia chúng tôi đã phải tìm kiếm những phương cách tối ưu để thoát khỏi sự thống trị của họ. Sau cuộc chiến tranh với Ba Tư chúng tôi đã có được một hạm đội, và nhờ vậy đã thoát khỏi ách đế chế và quyền bá chủ của người

Lacedaemon, những kẻ mà quyền của họ được ra lệnh cho chúng tôi chẳng hơn gì quyền của chúng tôi được ra lệnh cho họ, ngoại trừ việc họ là kẻ mạnh nhất lúc bấy giờ; và do được chỉ định làm lãnh đạo của các dân trước đó đã thần phục Nhà Vua, chúng tôi vẫn tiếp tục giữ vai trò này, khi nghĩ rằng chúng tôi ít có khả năng bị rơi vào ách thống trị của Peloponnese nhất nếu chúng tôi có một lực lượng để tự vệ, và đích xác là cho đến nay chúng tôi hoàn toàn chưa làm điều gì bất công để bắt dân Ionia và các dân xứ đảo này phải thần phục, những thân tộc mà người Syracuse nói rằng chúng tôi đã bắt họ phải làm nô lệ. Họ, những dân đồng tộc của chúng tôi ấy, đã kéo đến cùng với quân Ba Tư đánh lại mẫu quốc của họ, tức là đánh lại chúng tôi đây, và thay vì có gan nổi dậy và hy sinh điền sản của họ như chúng tôi đã làm khi chúng tôi lìa bỏ kinh thành của mình, họ đã quyết định chọn cho mình thân phận nô lệ và cố gắng kéo chúng tôi vào vòng nô lệ đó.

Thế nên chúng tôi xứng đáng với quyền cai trị vì chúng tôi đã đặt hạm đội lớn nhất và lòng yêu nước không nao núng vào công cuộc phụng sự toàn dân Hy Lạp, và vì những kẻ này, những xứ dân lệ thuộc của chúng tôi ấy, đã gây tổn hại cho chúng tôi bằng cách sẵn sàng quy lụy thần phục Ba Tư; và khi bị bỏ lại một mình, chúng tôi phải tìm cách tăng cường sức mạnh của mình hầu đối phó với người Peloponnese. Chúng tôi không khoa trương rằng chúng tôi có quyền cai trị vì một tay chúng tôi đã quét sạch di địch, hoặc vì chúng tôi đã liều mạo hiểm vì độc lập tự do của những xứ dân lệ thuộc đang được nói đến hơn là vì độc lập tự do của tất cả mọi xứ dân và của chính chúng tôi: chẳng ai bị chê trách vì lo liệu cho sự an toàn của bản thân mình cả. Nếu lúc này chúng tôi đang ở Sicily đây, thì cũng là vì lợi ích an ninh của chúng tôi, lợi ích mà chúng tôi thấy là đồng nhất với lợi ích của các người cũng. Chúng tôi chứng minh điều này bằng hành vi mà người Syracuse đã vu cáo chống lại chúng tôi và các người cũng có phần lo lắng quá mà nghi ngờ hành vi đó, vì chúng tôi biết rằng những kẻ bị nỗi lo sợ khiến cho ngờ vực sẽ có thể bị những lời hùng biện mê hoặc trong chốc lát, nhưng đến khi hành động họ sẽ bám sát lợi ích của mình.

Hiện tại, như chúng tôi đã nói, lo lắng đã khiến chúng tôi phải giữ vững đế chế của mình ở Hy Lạp, và hiện tại cũng chính lo lắng đã khiến chúng tôi đến đây, với sự trợ giúp của các đồng minh, để sắp xếp mọi việc ở Sicily cho an toàn, và ngăn cản không để ai bị nô dịch chứ không phải để nô dịch bất kỳ ai. Đồng thời để đừng ai tưởng rằng tự chúng tôi vờ các người vào trong khi các người chẳng liên quan gì đến chúng tôi, khi thấy rằng nếu các người được bảo vệ an toàn và có khả năng kháng cự thắng được quân Syracuse thì chúng sẽ bớt khả năng gây tổn hại cho chúng tôi bằng cách gửi viện binh cho Peloponnese. Các người liên quan về mọi mặt đến chúng tôi theo cách đó, và chính vì thế mà chúng tôi hoàn toàn có lý để giúp dân Leontini hồi hương và biến họ, không phải thành xứ dân lệ thuộc như những thân tộc của họ ở Euboea, mà thành một xứ dân hùng mạnh hết mức để họ giúp chúng tôi quấy rối dân Syracuse từ biên giới của họ. Ở Hy Lạp chỉ riêng chúng tôi cũng đủ để địch lại các kẻ thù của mình; và về lời đoán quyết rằng chẳng có lý gì mà chúng tôi lại giải phóng dân Sicily trong khi chúng tôi bắt dân Chalcis làm nô lệ, thì sự thực là dân Chalcis chỉ hữu dụng với chúng tôi khi họ không có binh lực và cống nộp tiền bạc; trái lại, dân Leontini và các bạn đồng minh khác của chúng tôi không thể quá lệ thuộc được^[1].

Và lại, đối với các bạo chúa và những thành bang đế chế thì chẳng điều gì bị coi là phi lý nếu có lợi, chẳng có ai là thân tộc trừ khi tin cậy được; mà tình hữu nghị hay sự thù địch ở bất kỳ đâu cũng chỉ là vấn đề thời điểm và tình thế. Ở đây, tại Sicily này, lợi ích của chúng tôi không phải ở chỗ làm những bạn đồng minh của mình suy yếu, mà ở chỗ sử dụng sức mạnh của họ để làm kẻ thù của chúng tôi tê liệt. Tại sao lại nghi ngờ điều đó? Ở Hy Lạp chúng tôi thấy các đồng minh của mình hữu dụng thế nào thì đối xử với họ đúng như thế. Dân Chios và dân Methymna được quyền tự trị và cung cấp tàu thuyền; đa phần còn lại chịu những điều kiện nghiêm ngặt hơn và cống nạp bằng tiền; trong khi những dân khác, mặc dù là dân ở các xứ đảo và chúng tôi có thể dễ dàng chinh phục được, đều được tự do vì họ chiếm cứ những vị trí

thuận lợi xung quanh Peloponnese. Thế nên trong cuộc dàn xếp của chúng tôi với các bang ở Sicily này, lẽ dĩ nhiên chúng tôi cần phải được dẫn dắt bởi lợi ích của mình và bởi nỗi lo ngại, như chúng tôi đã nói, về dân Syracuse. Tham vọng của chúng là thống trị các người, mục tiêu của chúng là lợi dụng những mối nghi ngờ mà chúng tôi gợi lên để liên kết các người lại với nhau, và rồi, khi chúng tôi đã ra đi mà chẳng làm được gì, chúng sẽ dùng vũ lực hoặc nhờ vào tình trạng cô lập của các người lúc đó để trở thành bá chủ của Sicily. Và ắt hẳn chúng sẽ trở thành bá chủ nếu các người liên kết với chúng, vì một lực lượng ở tầm cỡ ấy đối với chúng tôi sẽ không còn dễ đối phó nữa, và chúng sẽ là một địch thủ trên tầm đối với các người ngay khi chúng tôi ra đi.

“Bất kỳ quan điểm nào khác về vấn đề này đều bị thực tế loại trừ. Lúc ban đầu khi các người mời chúng tôi đến, các người đã viện ra cái cớ là các người lo rằng Athens sẽ lâm nguy nếu chúng tôi để các người rơi vào ách thống trị của Syracuse; và thật là không nên không phải nếu bây giờ lại nghi ngờ chính cái lý lẽ mà các người đã khẳng khẳng quả quyết để thuyết phục chúng tôi, hoặc đầu hàng sự nghi ngờ này vì chúng tôi đến với một lực lượng lớn hơn để chống lại sức mạnh của thành bang đó. Những kẻ mà các người thực sự cần phải nghi ngờ là dân Syracuse kia. Chúng tôi chẳng thể ở lại đây mà không có các người, và nếu chúng tôi có tỏ ra bội tín đến độ bắt các người phải lệ thuộc thì chúng tôi cũng chẳng thể giữ các người trong cảnh nô lệ, bởi hành trình thì dang dăng và khó lòng canh giữ được những trấn rộng lớn, mà về mặt quân sự chẳng khác gì một lục địa; bọn chúng, dân Syracuse ấy, sống kề cận các người, không ở trong lều trại mà ở một kinh thành lớn hơn cả lực lượng chúng tôi mang theo, lúc nào cũng mưu mô chống lại các người, chẳng bao giờ để tuột mất cơ hội nào một khi trông thấy, như chúng đã tỏ rõ trong trường hợp dân Leontini và những dân khác, và giờ đây chúng trơ tráo vác mặt đến, như thể các người là những kẻ khờ, để cầu các người giúp chúng chống lại cái thế lực đang cản trở việc này, và là cái thế lực đã giữ cho Sicily được độc lập đến tận bây giờ. Chúng tôi, trái lại với chúng, đề nghị với các người

một sự an toàn thực sự hơn thế nhiều, khi chúng tôi cầu xin các người đừng phụ bạc lại sự an toàn chung mà chúng ta đang có với nhau, và hãy ngẫm cho kỹ rằng ngay cả khi không có đồng minh, bọn chúng cậy vào số đông của mình vẫn sẽ luôn có con đường rộng mở tới chỗ các người, trong khi các người không phải lúc nào cũng có được cơ hội tự bảo vệ mình với đạo quân đồng minh trợ chiến đông như vậy; nếu như vì những nghi ngờ của mình mà các người để cho đạo quân đó ra đi chẳng làm nên công trạng gì hoặc bị đánh bại, các người sẽ ước rằng giá như chỉ một nhóm quân trong đạo quân đó quay trở lại, khi cái ngày mà sự hiện diện của nó có thể làm được gì cho các người đã qua đi mất.

Nhưng hỏi người Camarina, chúng tôi hy vọng rằng các người cũng như các dân còn lại khác sẽ không cho phép những lời vu khống của dân Syracuse làm các người dao động: chúng tôi vừa cho các người biết sự thật đầy đủ nhất về những việc mà chúng tôi bị nghi ngờ, và bây giờ chúng tôi sẽ tóm tắt lại, với hy vọng thuyết phục được các người. Chúng tôi khẳng định rằng chúng tôi là người thống trị ở Hy Lạp để không phải làm một xứ dân lệ thuộc, là người giải phóng ở Sicily để chúng tôi không bị các dân ở Sicily làm hại; rằng chúng tôi buộc lòng phải can thiệp vào nhiều việc vì chúng tôi có nhiều thứ phải đề phòng; và rằng lần này cũng không khác gì lần trước, chúng tôi đến với tư cách đồng minh để giúp những dân trong số các người đang khốn khổ vì bị xâm hại ở xứ đảo này, được mời mà đến chứ không phải là khách không mời đường đột. Vì vậy, thay vì tự biến mình thành những kẻ phán xét hoặc giám sát hành vi của chúng tôi và cố làm chúng tôi chệch hướng, là việc mà đến lúc này khó có thể làm được nữa, hãy nắm lấy và tận dụng bất kỳ điều gì trong chính sách can thiệp hoặc trong tính cách của chúng tôi chừng nào điều đó còn phù hợp với lợi ích của các người; và hãy tin chắc rằng chẳng những chính sách đó không phương hại đến bất kỳ ai mà còn có lợi cho hầu hết dân Hy Lạp nữa là khác. Nhờ có nó mà tất cả mọi người ở khắp mọi nơi, thậm chí cả những nơi mà chúng tôi không hiện diện, dù là những kẻ lo sợ bị xâm lược hay những kẻ âm mưu xâm lược vì cái viễn cảnh ngay trước mắt họ – kẻ lo sợ là vì

triển vọng sắp sửa có được sự can thiệp của chúng ta có lợi cho họ, kẻ âm mưu là vì viễn cảnh sắp sửa bị sự hiện diện của chúng ta khiến việc làm liều lĩnh của họ trở nên nguy hiểm – sẽ thấy họ được chế ngự nỗi sợ hoặc bị kiềm chế âm mưu, họ hoặc được bảo toàn mà chẳng phải nhọc công gắng sức gì hoặc cảm thấy mình bị buộc phải trở nên ôn hoà trái với mong muốn. Các người chớ nên khước từ sự an toàn đang rộng mở cho tất cả những ai khao khát nó, và hiện giờ đang được đề nghị tặng cho các người, mà hãy làm như những dân khác, và thay vì lúc nào cũng phải thủ thế chống lại bọn Syracuse các người hãy hợp nhất với chúng tôi, rồi đến lượt mình rốt cục các người cũng đe dọa được bọn chúng.”

Lời lẽ của Euphemus là thế. Dân Camarina có cảm nghĩ thế này: họ có thiện cảm với quân Athens, ngoại trừ việc họ cũng có phần e ngại rằng biết đâu quân này lại chẳng nô dịch hóa Sicily, vì họ đã luôn ở tình trạng thù địch với lân bang Syracuse của mình. Thế nhưng từ chính cái thực tế ấy, rằng dân Syracuse là lân bang với họ, nên trong hai phe đó thì họ sợ Syracuse hơn, và vì sợ rằng Syracuse sẽ chiến thắng ngay cả khi không có họ, nên ngay từ đầu họ đã gửi cho Syracuse một ít kỵ binh như trên đã nói, đồng thời quyết định sau này sẽ hỗ trợ Syracuse nhiều nhất trên thực tế, mặc dầu càng ít càng hay; nhưng ngay lúc này để không tỏ ra xem nhẹ quân Athens, nhất là khi quân này vừa chiến thắng trong trận giao tranh đó, họ phải đáp lại cả hai phe như nhau. Theo nghị quyết này, họ đã trả lời rằng vì cả hai phe đối địch tình cờ đều là đồng minh của họ, họ nghĩ rằng lúc này không đứng về phe nào cả mới là thủy chung như nhất với những lời thề của họ; với câu trả lời này sứ giả của cả hai bên đã rời khỏi đó.

Trong thời gian này, Syracuse đang bận rộn với công cuộc chuẩn bị chiến tranh của mình, còn quân Athens đóng ở Naxos, và đang cố gắng đàm phán để tranh thủ thu phục được dân bản địa Sicily nhiều bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Những dân ở vùng hạ du, và là những xứ dân lệ thuộc của Syracuse, hầu hết giữ thái độ bàng quan; nhưng những dân ở sâu trong nội địa mà trước nay

vấn độc lập, chỉ trừ vài xứ, đã lập tức tham gia với quân Athens, và mang ngũ cốc xuống cho đạo quân này, và thậm chí vài xứ còn cho cả tiền bạc. Quân Athens kéo đi đánh những dân đã từ chối không tham gia với mình, và cưỡng bách một số trong các dân này phải tham gia; với một số khác, quân Athens bị ngăn chặn bởi Syracuse gửi quân đồn trú và quân tăng viện đến.

Cũng trong thời gian ấy, quân Athens di chuyển các doanh trại trú đông của họ từ Naxos về Catana, và dựng lại các trại đã bị quân Syracuse đốt, và lưu lại đó cho đến hết mùa đông. Họ cũng phái một thuyền ga-lê đến Carthage với lời đề nghị kết đồng minh để cầu may được dân này chi viện, và một thuyền khác đến Tyrrhenia^[12] vì một số thành ở đó đã tự nguyện đề nghị tham gia với họ trong cuộc chiến này. Họ cũng phái người đi khắp các dân bản địa Sicily và đến Egesta, yêu cầu các dân này gửi quân kỵ cho họ càng nhiều càng tốt, và đồng thời họ chuẩn bị gạch, sắt thép và mọi vật liệu vật dụng cần thiết khác để xây dựng phòng tuyến, dự định đến mùa xuân sẽ khai chiến.

Cũng trong khoảng thời gian đó các sứ giả của Syracuse được phái đến Corinth và Lacedaemon khi đi ngang qua bờ biển Italy đã cố gắng thuyết phục các thực dân Hy Lạp ở đó gây trở ngại cho những hành động của Athens bởi những hành động đó cũng đe dọa Italy y như Syracuse, và khi họ đến Corinth, họ đã phát biểu kêu gọi dân Corinth chi viện họ trên cơ sở họ chung một nguồn cội. Dân Corinth ngay lập tức biểu quyết tán thành chi viện họ hết lòng hết sức, và sau đó phái sứ giả của mình đi cùng với họ tới Lacedaemon để giúp họ thuyết phục xứ này tiếp tục cuộc chiến tranh với Athens ở chính quốc một cách công khai hơn và gửi quân cứu viện đến Sicily. Các sứ giả từ Corinth vừa đến Lacedaemon thì thấy Alcibiades cùng những kẻ tị nạn đồng bọn với y đang ở đó, những kẻ này đã không chậm trễ vượt biển trên một thương thuyền từ Thurii, trước tiên cập vào Cyllene ở Elis, rồi từ đó đến Lacedaemon; y đến theo lời mời của chính người Lacedaemon sau khi đã có được giấy thông hành an toàn, bởi y sợ họ do vai trò của y trong trận Mantinea. Kết quả là các sứ giả của Corinth, của Syracuse và Alcibiades sau khi khẩn khoản thúc giục cùng một yêu cầu như

nhau trên hội nghị công dân của người Lacedaemon đã thuyết phục được họ; nhưng vì các vị đại pháp quan và những người cầm quyền, mặc dù đã quyết định phái sứ giả đến Syracuse để ngăn dân ấy đầu hàng quân Athens, chẳng tỏ ra sẵn sàng gửi chi viện cho họ chút nào, Alcibiades bèn tiến lên xúi giục và khích động người Lacedaemon bằng những lời sau:

“Trước hết tôi buộc phải nói với các vị về cái thành kiến mà tôi đang phải chịu, để nổi nghi ngờ không làm các vị chán ghét mà không muốn nghe ý kiến của tôi về những vấn đề chung. Mối quan hệ với các vị, với tư cách là những proxenus của các vị, tư cách mà tổ tiên trong gia tộc chúng tôi đã từ bỏ vì lý do không hài lòng nào đó, cá nhân tôi đã cố gắng nối lại bằng những ảnh hưởng của mình để phụng sự các vị, đặc biệt là dịp xảy ra tai hoạ ở Pylos. Nhưng mặc dầu tôi đã luôn giữ thái độ thân thiện này, các vị vẫn quyết định đàm phán hoà bình với người Athens thông qua kẻ thù của tôi, và bằng cách này đã làm tăng uy tín của chúng và làm mất uy tín của tôi. Vì thế các vị không có quyền phàn nàn nếu tôi quay sang ủng hộ dân Mantinea và dân Argos, và nắm lấy những cơ hội khác để can phá và làm các vị tổn hại; và giờ đã đến lúc mà một số người trong các vị, những ai mà trong nổi cay đắng nhất thời có thể đã nổi lòng căm hận một cách vô lý với tôi, cần phải xem xét lại bản chất của vấn đề và có cách nhìn khác đi. Ngoài ra, những người đã phán xét tôi một cách thiếu thiện chí, bởi vì tôi có phần thiên về phía dân chúng hơn, chớ nên nghĩ rằng sự ghét bỏ của họ có căn cứ vững chắc hơn. Trước nay chúng tôi vẫn luôn thù địch với những kẻ bạo chúa, và tất cả những ai chống lại quyền lực độc tài đều được gọi là dân chúng; do đó chúng tôi tiếp tục hành động với vai trò những nhà lãnh đạo của dân chúng; ngoài điều đó ra, vì chính thể ở thành bang chúng tôi là dân chủ, nên trong hầu hết mọi việc rất cần phải tuân thủ những quy ước đã được xác lập. Tuy nhiên, chúng tôi đã cố gắng ôn hoà hơn so với khuynh hướng phóng túng bừa bãi của thời đại này; và trong khi ở đó có những kẻ khác, trước đây cũng như hiện nay, luôn cố

gắng dẫn dắt dân chúng đi chệch khỏi con đường đúng đắn – cũng chính là những kẻ đã trục xuất tôi – thì phe chúng tôi là phe của toàn dân, tín điều của chúng tôi là thực hiện vai trò của mình trong việc bảo toàn hình thức chính thể mà dưới sự cai trị của nó thành bang chúng tôi đã đạt đến đỉnh cao nhất của vinh quang và tự do, và là chính thể mà chúng tôi thấy đã có sẵn từ trước. Về nền dân chủ, những người có lương tri trong chúng tôi biết rõ đó là gì, và có lẽ tôi cũng biết rõ như bất kỳ ai khác do tôi có nhiều lý do để than phiền về nó hơn; nhưng chẳng có gì mới để nói về một điều vô lý hiển nhiên; đồng thời, chúng tôi lại cho rằng sẽ không an toàn nếu thay đổi nó dưới sức ép của hành động thù địch từ phía các vị.

Nói về thành kiến đối với tôi như vậy là đủ: bây giờ tôi xin lưu ý các vị về những vấn đề mà các vị phải cân nhắc, những vấn đề mà có lẽ do tôi biết rõ hơn người khác nên tôi được phép nói đến. Chúng tôi lên thuyền đi Sicily trước hết là để chinh phạt các thực dân Hy Lạp ở Sicily, nếu có thể, và sau họ là cả các thực dân Hy Lạp ở Italy nữa, và cuối cùng là để đánh đổ chế và thành bang Carthage. Trường hợp tất cả hoặc phần lớn những mưu đồ này thành công, thì lúc đó chúng tôi sẽ tấn công Peloponnese, mang theo toàn bộ lực lượng Hy Lạp mà chúng tôi mới lấy được từ những vùng này, và đem thêm một số quân phi-Hy-Lạp mà chúng tôi sẽ trả lương, chẳng hạn như quân Iberia và các quân khác ở những xứ này, được công nhận là những quân thiện chiến nhất, và đóng rất nhiều thuyền ga-lê thêm vào số chúng tôi đã có, vì ở Italy cơ man là gỗ súc; và với hạm đội này chúng tôi sẽ bủa vây Peloponnese từ phía biển và tấn công bằng những đạo quân của chúng tôi trên đất liền, chiếm một số thành bang bằng cách đột kích, dựng phòng tuyến bao vây một số thành bang khác, chúng tôi hy vọng rằng sẽ chinh phục được nó chẳng khó khăn gì, và sau đó sẽ thống trị toàn bộ dân Hy Lạp. Trong lúc ấy tiền bạc và ngũ cốc để thực hiện những kế hoạch này thành công hơn sẽ được những nơi mới chiếm được ở các xứ này cung cấp đủ dùng, không phụ thuộc vào công khổ của chúng tôi ở bản xứ.

Vậy là các vị đã nghe đầu đuôi câu chuyện về cuộc viễn chinh hiện tại từ chính miệng người biết đích xác mục đích của chúng tôi là gì; và các tướng lĩnh còn lại ở đó sẽ, nếu họ có thể, thực hiện các kế hoạch đó chính xác như vậy. Nhưng vấn đề các thành bang ở Sicily sẽ không chống chọi nổi nếu các vị không cứu giúp họ thì bây giờ tôi sẽ trình bày. Cho dù thực dân Hy Lạp ở Sicily rất thiếu kinh nghiệm chiến đấu của họ mà thậm chí đến lúc này họ vẫn có thể được an toàn nếu lực lượng của họ liên hiệp lại, nhưng dân Syracuse đơn độc một mình, đã bị đánh bại chỉ trong một trận mà họ đã dốc toàn lực vào và bị phong tỏa từ phía biển, sẽ không thể kháng cự được đạo quân của Athens hiện đang ở đó. Nếu Syracuse thất thủ thì toàn bộ Sicily cũng thất thủ theo, và ngay sau đó là Italy; và cái nguy cơ mà tôi vừa đề cập đến ở vùng ấy chẳng mấy chốc sẽ ập xuống đầu các vị. Vì thế đừng ai tưởng rằng chỉ riêng Sicily mới là vấn đề phải bàn, mà cả Peloponnese cũng vậy, trừ phi các vị khẩn trương làm những gì tôi nói với các vị, và phái binh lính lên thuyền đi Syracuse, những binh lính mà vừa có thể tự chèo thuyền được, vừa chiến đấu như bộ binh hạng nặng ngay khi họ đổ bộ lên bờ; và cái mà tôi cho rằng còn quan trọng hơn binh lính là một vị chỉ huy người Sparta để đưa những lực lượng đã sẵn sàng vào khuôn khổ và buộc những kẻ không chịu tuân thủ nghĩa vụ quân dịch phải nhập ngũ. Những bạn đồng minh mà các vị đã có sẽ nhờ vậy mà tự tin hơn, và những kẻ còn do dự sẽ được khích lệ để liên kết với các vị. Đồng thời các vị phải xúc tiến cuộc chiến ở đây công khai hơn để dân Syracuse dốc toàn tâm toàn lực vào kháng chiến khi thấy rằng các vị không quên họ, và để Athens bớt đi khả năng tăng viện cho đạo quân của họ ở đó. Các vị cũng phải củng cố phòng vệ cho Decelea^[13] ở Attica, người Athens luôn sợ nhất là tai họa từ nơi này và là tai họa duy nhất mà họ cho là chưa phải nếm trải trong cuộc chiến hiện tại; cách chắc chắn nhất để làm kẻ địch bị tổn hại là phải tìm ra được nhược điểm mà chúng sợ nhất, và chọn nhược điểm đó để tấn công chúng, bởi vì mỗi người dĩ nhiên biết rõ nhược điểm của mình hơn ai hết và vì thế mà lo lắng về nó hơn cả. Phòng tuyến mà tôi đang bàn đây sẽ tạo thuận

lợi cho các vị nhưng lại gây khó khăn cho kẻ địch của các vị, tôi sẽ bỏ qua nhiều tiểu tiết và chỉ đề cập đến những điểm quan trọng của nó. Hầu hết mọi điền sản ở xứ đó sẽ về tay các vị, dù bằng cách đoạt lấy hay được dâng nộp; và người Athens sẽ lập tức bị tước mất thu nhập của họ từ những mỏ bạc ở Laurium, mất hoa lợi hiện có từ đất đai của họ và từ việc xử án, và trên hết là thu nhập từ khoản cống nạp của các đồng minh của họ sẽ thưa dần, khi các đồng minh ấy mất đi sự kính sợ đối với Athens và thấy các vị đang dốc toàn tâm toàn lực cho cuộc chiến đó. Toàn bộ việc này thực hiện được đến đâu là phụ thuộc hoàn toàn vào nhiệt huyết và sự nhanh nhẹn của người Lacedaemon các vị; về tính khả thi của nó thì tôi hoàn toàn tin tưởng, và khả năng tôi nhầm lẫn là rất ít.

Đồng thời, tôi hy vọng rằng không ai trong các vị sẽ nghĩ xấu hơn về tôi nếu trước đây tôi đã được coi là một người yêu quê xứ của mình mà giờ đây lại tích cực tham gia với kẻ địch tệ hại nhất của nó để tấn công nó, hoặc sẽ nghi ngờ những gì tôi nói xuất phát từ lòng hăng hái của một kẻ bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Tôi là một kẻ ngoài vòng pháp luật vì sự bất công tội độ của những kẻ đã dồn tôi đến bước này, chứ không phải vì phụng sự các vị, nếu các vị để tôi dẫn đường chỉ lối; kẻ thù tồi tệ nhất của tôi không phải là các vị, những người chỉ gây tổn hại cho kẻ thù của mình, mà là chúng, những kẻ buộc bạn hữu của mình phải trở thành kẻ thù; và tình yêu quê xứ là thứ hiện giờ tôi không còn cảm thấy khi bị đối xử bất công, mà là thứ trước đây tôi đã cảm thấy khi quyền công dân của tôi còn được bảo đảm. Kỳ thực tôi không nghĩ rằng hiện giờ tôi đang tấn công cái xứ sở vẫn còn là của tôi; mà đúng hơn là tôi đang cố giành lại cái xứ sở đã không còn là của tôi nữa; và một người yêu quê xứ chân chính không phải là kẻ đành lòng chịu mất nó một cách bất công còn hơn là tấn công nó, mà là người luôn đau đầu về nó đến nỗi anh ta sẽ không từ cách nào để giành lại nó. Vì vậy, hỡi người Lacedaemon, về phần mình, tôi xin các vị đừng quá do dự đắn đo mà hãy dùng tôi ngay vào bất kỳ việc gì dù nguy hiểm hay gian nan đến đâu, và hãy nhớ cái câu mà người ta thường nói, rằng nếu tôi đã

gây tổn hại nhiều đến thế nào cho anh khi là một kẻ thù thì tôi cũng có thể giúp ích anh nhiều đến thế ấy khi là bạn hữu, xét rằng tôi biết rõ các kế hoạch của Athens trong khi đó tôi chỉ có thể phỏng đoán kế hoạch của các vị. Về phần các vị, tôi khẩn cầu các vị hãy tin tưởng rằng những lợi ích cao nhất của các vị lúc này đang được cân nhắc kỹ lưỡng; và tôi thúc giục các vị đừng do dự mà cử ngay đạo quân viễn chinh đi Sicily và Attica; chỉ cần một phần nhỏ lực lượng quân sự của các vị hiện diện ở đó là các vị có thể cứu được những thành bang trọng yếu ở xứ đảo ấy, và các vị sẽ huỷ diệt quyền lực của Athens cả hiện tại lẫn tương lai; sau việc này các vị sẽ sống yên bình và tận hưởng quyền bá chủ đối với toàn Hy Lạp, dựa vào sự ưng thuận và lòng yêu mến mà không dựa vào vũ lực.”

Lời lẽ của Alcibiades là như vậy. Người Lacedaemon, trước đó chính bản thân họ đã có ý định cất quân chống lại Athens nhưng vẫn đang chờ đợi và đắn đo cân nhắc, tức thì trở nên sốt sắng hơn nhiều khi họ nghe được thông tin cụ thể này từ Alcibiades, và cho rằng họ đã nghe được thông tin đó từ chính người biết sự thật của vấn đề này rõ hơn ai hết. Cho nên giờ đây họ quay sang chú tâm vào việc củng cố Decelea và gửi quân cứu viện khẩn cấp cho các dân ở Sicily; và chỉ định Gylippus con trai của Cleandridas chỉ huy các lực lượng ở Syracuse, lệnh cho ông ta bàn bạc với dân ấy và với người Corinth và thu xếp để quân cứu viện đến được hải đảo này bằng cách hữu hiệu nhất và nhanh nhất có thể thực hiện được trong hoàn cảnh này. Gylippus đã yêu cầu người Corinth cắt cử ngay cho mình hai chiến thuyền tới Asine, và chuẩn bị nốt số còn lại mà họ đã dự tính cắt cử đi, và lệnh cho chúng sẵn sàng ra khơi vào thời điểm thích hợp. Thu xếp xong xuôi, các sứ giả rời khỏi Lacedaemon.

Trong lúc đó con thuyền ga-lê của Athens từ Sicily được các vị tướng phái về để yêu cầu gửi tiền bạc và kỵ binh đã về đến Athens, và người Athens sau khi đã nghe những gì họ cần đến, đã biểu quyết tán thành gửi quân nhu tiếp tế và kỵ binh cho đạo quân đó. Và mùa đông đó kết thúc, và

kết thúc cùng với nó là năm thứ mười bảy của cuộc chiến hiện tại mà Thucydides chép vào sử sách.

Mùa hạ tiếp theo, khi mới chớm vào mùa, quân Athens ở Sicily lên thuyền rời khỏi Catana, và dong thuyền dọc theo bờ biển tới Megara ở Sicily, là nơi mà, như tôi đã đề cập ở trên, dân Syracuse dưới thời bạo chúa Gelo của mình đã đuổi cư dân vùng này ra khỏi đó, và tự mình chiếm cứ lãnh thổ này. Quân Athens đã đổ bộ ở đây và tàn phá xứ sở này, và sau một cuộc tấn công bất thành lên một pháo đài của Syracuse, đã cùng hạm đội và đạo quân đi tiếp đến sông Terias, và khi tiến sâu vào nội địa họ tàn phá vùng đồng bằng và thiêu trụi ngũ cốc; và sau khi giết vài người trong một toán quân Syracuse nhỏ mà họ đụng độ và sau khi dựng lên một đài chiến tích, họ quay trở về thuyền của mình. Rồi họ nhổ neo đi Catana và nhận lương thảo dự trữ ở đó, họ kéo toàn bộ lực lượng của mình đi đánh Centoripa^[14], một trấn của dân bản địa Sicily, lấy được trấn ấy bằng một thoả ước đầu hàng có điều kiện, và rời khỏi đó, sau khi đốt cả ngũ cốc của dân Inessa^[15] và dân Hybla^[16]. Ngay khi quay về Catana họ thấy quân kỵ từ Athens đã đến, tổng số có đến hai trăm năm mươi (cùng với quân trang của họ, nhưng không có ngựa mà sẽ phải mua tại chỗ), và ba mươi quân kỵ xạ cùng ba trăm *talăng* bạc.

Cùng mùa xuân đó người Lacedaemon cất quân đi đánh Argos, và tiến xa đến tận Cleonae, khi đó một trận động đất đã xảy ra và khiến cho họ phải quay về. Sau sự việc này quân Argos đã xâm lược Thyreatid^[17], nằm sát biên giới của họ, và đoạt rất nhiều chiến lợi phẩm từ người Lacedaemon, những chiến lợi phẩm đó đã được bán lấy không dưới hai mươi lăm *talăng*. Cùng mùa hạ năm ấy, sau đó không lâu, dân chúng Thespiae đã tấn công phe cầm quyền, cuộc tấn công không thành, mà quân cứu viện từ Thebes kéo đến, và một số người bị bắt, trong khi những người khác phải chạy trốn sang Athens.

Cũng vào mùa hạ ấy quân Syracuse hay tin rằng quân Athens đã có thêm quân kỵ đến tăng viện, sắp sửa tiến đánh Syracuse; và khi thấy rằng nếu quân Athens không chiếm được Epipolae, một nơi có vách đá dựng đứng

ngay bên trên trấn ấy, thì cho dù có chiến thắng trong trận đánh đi chăng nữa quân ấy cũng chẳng thể dễ dàng bao vây họ, họ bèn quyết tâm canh gác các lối tiếp cận nơi đó, cốt để quân địch không thể đi lên theo đường này mà không bị nhìn thấy, là con đường duy nhất có thể đi lên được, vì phần còn lại là nền cao sừng sững, và dốc thẳng xuống kinh thành, và từ bên trong nhìn ra có thể bao quát được toàn cảnh; và vì nó nằm bên trên tất thảy những nơi còn lại nên nơi này được người Syracuse gọi là Epipolae hay Trấn Trên cao. Bởi vậy lúc rạng đông họ cùng kéo hết quân vào đồng cỏ dọc triền sông Anapus, các tướng lĩnh mới được bầu, Hermocrates và các vị đồng chỉ huy, vừa mới nắm quyền và đang điếm duyệt lại bộ binh hạng nặng của họ, trong số những quân này trước tiên họ kén ra một đội sáu trăm quân tinh nhuệ, đặt dưới quyền chỉ huy của Diomilus, một người Andros lưu vong, để canh gác Epipolae và sẵn sàng tập hợp ngay khi được cảnh báo để cứu ứng cho bất cứ nơi nào cần ứng cứu.

Đồng thời đúng vào sáng ngày hôm ấy đạo quân Athens cũng đang duyệt quân, sau khi đã từ Catana cập bờ với toàn bộ quân lực mà không bị phát hiện đối diện một nơi được gọi là Leon, cách Epipolae không quá nửa dặm, ở nơi đó họ đã đưa quân lên bờ, đồng thời đưa hạm đội tới neo đậu tại Thapsus, một bán đảo chạy dài ra biển khơi với một eo đất hẹp, cách kinh thành Syracuse không xa cả đường bộ lẫn đường biển.

Trong khi lực lượng hải quân của Athens dựng một lũy cọc nhọn ngang qua eo đất và án binh bất động tại Thapsus, bộ binh lập tức gấp rút chạy tới Epipolae, và đã leo lên được trên đó từ phía Euryelus^[18] trước khi quân Syracuse kịp nhận thấy bọn họ, hoặc có thể từ đồng cỏ đi lên sau cuộc duyệt quân. Diomilus cùng sáu trăm quân của mình và phần còn lại đã tiến lên nhanh hết sức mình, nhưng họ còn phải vượt gần ba dặm đồng cỏ nữa trước khi tiếp cận được quân Athens. Tấn công theo cách này với đội ngũ khá lộn xộn, quân Syracuse đã bị đánh bại trong trận đánh tại Epipolae và rút lui về thị trấn, với tổn thất khoảng ba trăm quân tử trận, và Diomilus cũng nằm trong số đó. Sau trận này quân Athens đã dựng một đài chiến tích và trả lại cho quân Syracuse xác binh lính của họ theo thoả thuận tạm đình chiến, và

ngày hôm sau quân Athens đã kéo xuống Syracuse; và khi thấy không một ai ra nghênh chiến, họ lại leo lên trên và xây một pháo đài tại Labdalum, trên gờ vách đá của Epipolae, nhìn về phía Megara, dùng làm kho cất giữ quân trang và tiền bạc của họ bất cứ khi nào họ xuất trận hoặc xây dựng phòng tuyến.

Không lâu sau, ba trăm quân kỵ từ Egesta và khoảng một trăm quân kỵ từ dân bản địa Sicily, dân Naxos và từ những nơi khác đã đến với họ; và như vậy, cùng với hai trăm năm mươi quân kỵ từ Athens – họ đã kiếm được ngựa từ dân Egesta và dân Catana ngoài một số ngựa đã mua cho toán này – giờ đây họ đã tập hợp được một đội sáu trăm năm mươi kỵ binh cả thảy. Sau khi đặt một đơn vị đồn trú ở lại Labdalum, họ đã tiến quân đến Syca, hạ trại bên ngoài nơi này và gấp rút xây dựng Vòng xuyên hay đúng hơn là tâm điểm của bức thành lũy bao vây. Quân Syracuse, thất kinh vì công trình đó tiến triển cực kỳ mau chóng, đã quyết định kéo quân ra ngoài thành đánh một trận để cản trở việc này; và khi hai đạo quân đã dàn trận để chiến đấu, thì các tướng chỉ huy của Syracuse quan sát thấy rằng binh lính của họ khó mà sắp được thành hàng ngũ chỉnh tề và đang trong tình trạng rất lộn xộn, vì thế họ đã dẫn quân quay vào trong thành, ngoại trừ phân đội kỵ binh. Toán kỵ binh này đã ở lại và cản không cho quân Athens vận chuyển đá hoặc đi tản mát ra bất kỳ khoảng cách xa nào, cho đến khi một toán bộ binh hạng nặng cùng với toàn bộ kỵ binh của Athens đã tấn công và đánh tan kỵ binh của Syracuse và giết được một số; sau đó họ đã dựng một đài chiến tích cho trận kỵ chiến này.

Ngày hôm sau quân Athens bắt tay vào xây dựng đoạn thành lũy của Vòng xuyên chạy về hướng bắc, đồng thời kiếm đá và gỗ để tiếp tục xây dựng về hướng Trogilus^[19] theo tuyến ngăn nhất đối với các công sự của họ từ Đại Cảng ra đến biển; trong lúc đó quân Syracuse, được các tướng lĩnh của họ và nhất là Hermocrates chỉ đạo, thay vì mạo hiểm thêm bất kỳ một cuộc giao chiến tổng lực nào, đã quyết định xây dựng một thành lũy đối kháng về hướng mà quân Athens sắp sửa kéo dài thành lũy của họ. Nếu họ có thể hoàn thành công trình này kịp thời thì tuyến thành lũy của quân địch

sẽ bị cắt đứt; và trong lúc đang xây dựng, giả sử quân địch có cố tấn công để cản trở thì họ sẽ cử một phần lực lượng của mình ra cự địch và sẽ bảo vệ các lối tiếp cận từ trước đó bằng lũy cọc nhọn, trái lại quân Athens sẽ phải bỏ dở công việc để mang toàn bộ lực lượng ra đối phó với họ. Do đó họ đã phá vây xông ra và khởi công một bức thành lũy bắt đầu từ kinh thành của họ chạy vắt ngang phía bên dưới Vòng xuyên của Athens, đốn những cây ô liu và dựng lên những toà tháp bằng gỗ. Do hạm đội của Athens chưa bơi vòng vào Đại Cảng, quân Syracuse vẫn kiểm soát bờ biển, và quân Athens vận lương thảo của mình bằng đường bộ từ Thapsus.

Quân Syracuse lúc này cho rằng những lũy cọc nhọn và phần công trình bằng đá của bức thành lũy đối kháng mà họ xây đã tiến đủ xa, và cũng bởi quân Athens sợ rằng nếu bị chia cắt sẽ phải chiến đấu ở thế bất lợi nên đang dốc lòng dốc sức xây thành lũy của chính mình và không xông ra để ngăn trở họ, nên đã để lại một toán quân canh giữ công trình mới xây và quay vào thành. Trong lúc đó quân Athens phá huỷ những đường ống dẫn nước uống của họ chạy ngầm vào kinh thành, và rình cho đến khi toán quân Syracuse còn lại đã vào trong lều lúc ban trưa, một số thậm chí còn bỏ về thành, và những quân canh ở chỗ lũy cọc nhọn đang lơ là việc canh gác, liền cắt cử ba trăm quân được lựa chọn của chính họ, và một số quân được lựa chọn từ những bộ binh hạng nhẹ và được vũ trang vì mục đích đó, để họ bất đồ chạy nhanh hết sức đến bức thành lũy đối kháng, trong khi tất cả số quân còn lại của đạo quân này chia làm hai mũi để tiến quân, một mũi cùng một trong hai vị tướng tiến đến thành phòng trường hợp địch xông ra phá vây, mũi kia cùng vị tướng còn lại tiến đến lũy cọc nhọn bên cạnh cổng hậu của thành. Ba trăm quân kia đã tấn công và chiếm được chỗ lũy cọc nhọn bị quân đồn trú của nó bỏ lại, những kẻ này đã chạy trốn vào các công sự phụ bên ngoài quanh bức tượng thần Apollo Temenites. Tại đây những kẻ truy đuổi đã xông vào cùng lúc với họ, nhưng sau khi vào được lại bị quân Syracuse đánh bật ra, và vài quân lính Argos và Athens đã bị giết; sau đó toàn bộ toán quân này đã rút lui, và sau khi phá huỷ công trình đối kháng và nhổ lũy cọc nhọn lên, họ mang những cọc gỗ đó về tuyền thành lũy của mình, và dựng lên một đài chiến tích.

Ngày hôm sau quân Athens từ Vòng xuyên đã tiếp tục xây thành lũy qua vách đá phía bên trên đầm lầy ở phía Epipolae nhìn về Đại Cảng; đây cũng là tuyến đường ngắn nhất để công trình của họ chạy xuống vượt qua vùng đồng bằng và đầm lầy tới bến cảng. Trong khi đó quân Syracuse kéo ra và khởi công lũy cọc nhọn thứ hai, bắt đầu từ kinh thành xuyên qua giữa đầm lầy, họ đào một con hào chạy dọc bên cạnh nó hầu khiến quân Athens không thể kéo dài thành lũy của mình xuống đến biển. Ngay khi quân Athens hoàn thành công trình của mình tại vách đá họ lại tấn công lũy cọc nhọn và con hào của quân Syracuse. Sau khi ra lệnh cho hạm đội từ Thapsus bơi vòng vào Đại Cảng của Syracuse, lúc tờ mờ sáng họ đã kéo quân từ Epipolae xuống vùng đồng bằng, và đặt các cánh cửa cùng những tấm ván lên đầm lầy ở những chỗ bùn đặc và rắn chắc nhất, băng qua trên những tấm ván này, và khi ngày vừa rạng họ đã chiếm được con hào và lũy cọc nhọn, trừ một phần nhỏ mà sau đó họ cũng chiếm nốt. Trận chiến lúc này đã mở màn, trong trận này quân Athens đã thắng thế, cánh phải của quân Syracuse chạy vào kinh thành và cánh trái chạy ra con sông. Ba trăm quân được tuyển chọn của Athens vì muốn cắt đứt đường thoát của địch đã vội vã chạy tới cây cầu, khi đó cánh quân Syracuse đang lo bị ngăn cản và nhân quân kỵ hầu hết đang ở cả bên họ, đã khép vòng vây và đánh tan đám quân này, rồi xua họ chạy ngược lại đâm nhào vào cánh phải của quân Athens, tiền đội của cánh quân này đã quá sửng sốt mà bị đẩy vào một cơn hoảng loạn. Thấy vậy, Lamachus từ cánh trái của quân Athens đã tới ứng cứu với vài cung thủ và quân Argos, và sau khi băng qua chiến hào ông ta còn lại một mình với vài binh lính đã băng qua đó cùng, và ông ta đã bị giết cùng với năm hoặc sáu người của mình. Những xác này đã bị quân Syracuse vội vã cướp lấy và đưa qua con sông vào một nơi an toàn, rồi chính họ rút lui vì toàn bộ quân Athens còn lại lúc bấy giờ đang xông tới.

Cũng trong lúc đó những quân lính lúc đầu đã chạy về thành để ẩn náu, nhận thấy trận đánh đang xoay chiều bèn tập hợp lại trước thành và dàn trận để đánh lại quân Athens trước mặt họ, và cũng cử một phần quân số của mình tới Vòng xuyên ở Epipolae, mà họ hy vọng chiếm được khi nó không còn quân bảo vệ. Những quân này đã chiếm và phá huỷ công sự phụ bên

ngoài dài một ngàn *foot* của quân Athens, nhưng Vòng xuyên đã được Nicias cứu, tình cờ ông ta được để lại trong đó vì đang ốm, và lúc bấy giờ ông ta đã ra lệnh cho những người hầu cận đốt cháy các cỗ máy và đóng gỗ súc chất đầy trước thành lũy, do ông ta biết rõ rằng mọi kế thoát thân đều bất khả thi khi không có quân lính ở bên. Kết quả đã chứng minh nước đi này là đúng, quân Syracuse đã không tiến thêm được bước nào lại vì đám cháy mà phải rút lui. Cùng lúc ấy quân cứu viện Athens từ phía dưới đang kéo lên khi đã đánh đuổi được đạo quân đối kháng chạy tan tác; và hạm đội theo mệnh lệnh cũng đang cho thuyền từ Thapsus về và tiến vào Đại Cảng. Thấy vậy, những binh lính trên các cao điểm vội vàng rút lui, và toàn bộ quân Syracuse lại vào thành, cho rằng với lực lượng hiện tại của địch như vậy họ sẽ không còn cách nào cản trở bức thành lũy đó vươn ra đến biển nữa.

Sau trận này quân Athens dựng một đài chiến tích và trả lại cho quân Syracuse xác binh lính của họ theo thoả thuận tạm đình chiến, đổi lại họ nhận xác Lamachus và những người đã ngã xuống cùng ông ta. Toàn bộ lực lượng của họ, hải quân và các quân đánh bộ, giờ đây tập hợp cùng một chỗ, họ khởi công từ Epipolae và các vách đá và bao vây dân Syracuse bằng một bức thành lũy kép chạy xuống biển. Lương thảo bấy giờ được vận đến cho đạo quân này từ mọi miền của Italy; và rất nhiều dân bản địa Sicily, những dân mà cho đến giờ vẫn đứng ngoài chờ xem binh tình ra sao, đã đến làm đồng minh với quân Athens: thêm ba chiến thuyền năm mươi tay chèo cũng từ Tyrrenia tới. Trong thời gian ấy mọi việc khác đều tiến triển thuận lợi đúng như họ hy vọng. Dân Syracuse bắt đầu tuyệt vọng về việc tìm được sự an toàn bằng quân sự, đã chẳng có một sự cứu viện nào từ Peloponnese đến được với họ, và lúc này họ bắt đầu đề xuất những điều kiện đầu hàng trong nội bộ họ với nhau và với Nicias, người mà sau cái chết của Lamachus là vị tướng chỉ huy độc nhất còn lại. Tuy chưa đi đến một quyết định nào, nhưng là lẽ đương nhiên đối với những kẻ đang gặp khó khăn và bị vây hãm ngặt nghèo hơn trước, họ đã thương nghị rất nhiều với Nicias và họ còn bàn bạc với nhau nhiều hơn thế nữa trong nội trấn. Vận rủi hiện tại của họ cũng đã khiến họ ngờ vực lẫn nhau, và họ đã đổ trách nhiệm về những tai họa của mình cho sự không may hoặc sự phản bội của các tướng lĩnh mà dưới quyền

chỉ huy của họ những tai hoạ đó đã xảy ra; và các vị tướng này đã bị hạ bệ và những kẻ khác, Heraclides, Eucles và Tellias đã được bầu lên thay họ.

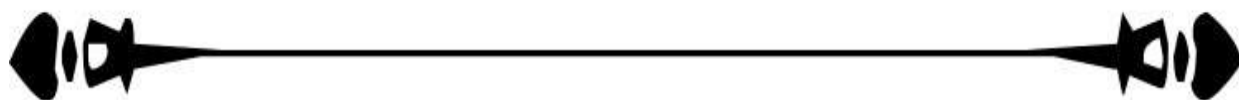
Trong lúc này Gylippus người Lacedaemon và các chiến thuyền từ Corinth mới sắp sửa rời khỏi Leucas, định đi hết sức khẩn trương để cứu viện Sicily. Những tin đồn đến tai họ là những tin khiến họ hoang mang, và nhất loạt các tin đều thất thiệt như nhau rằng Syracuse đã hoàn toàn bị phong toả, nên Gylippus đã từ bỏ mọi hy vọng về Sicily; và vì mong muốn cứu Italy, ông ta đã mau chóng cùng Pythen người Corinth mang theo hai chiến thuyền của Laconia và hai chiến thuyền của Corinth vượt biển Ionia sang Tarentum, để quân Corinth đi sau ông ta khi đã cung cấp thuỷ thủ binh lính lên mười chiến thuyền của họ xong xuôi, thêm vào số đó còn hai chiến thuyền của Leucas và hai chiến thuyền của Ambracia. Từ Tarentum trước tiên Gylippus đi sứ sang Thurii, và đòi lại quyền công dân mà cha mình đã được hưởng khi trước^[20]; khi không thể thuyết phục dân trấn đó theo mình, ông ta đã nhổ neo và dong thuyền dọc theo bờ biển Italy. Đến trước vịnh Terina^[21] ông ta gặp phải một trận gió dữ dội và dai dẳng từ phía bắc của vùng đó thổi lại, thuyền ông ta bị thổi dạt ra biển khơi; và sau khi trải qua cơn bão tố ông ta đã quay lại Tarentum, nơi đó ông ta kéo các chiến thuyền của mình lên bờ và sửa chữa lại những con thuyền bị hư hỏng nặng nhất vì cơn bão ấy. Nicias đã nghe tin Gylippus đã đến gần, nhưng cũng như dân Thurii, ông ta không coi vài con thuyền lèo tèo của địch ra gì, và cho rằng mục đích duy nhất của chuyến hải hành này chỉ có thể là truy lùng cướp biển, nên lúc này chẳng chút đề phòng.

Cũng vào khoảng thời gian ấy trong mùa hạ này, quân Lacedaemon cùng đồng minh của họ xâm lược Argos, và tàn phá hầu khắp xứ sở này. Quân Athens mang ba mươi chiến thuyền đến cứu dân Argos, và như vậy đã phá vỡ hiệp ước hoà bình với Lacedaemon một cách công khai nhất. Tính cho đến lúc đó mới chỉ có những cuộc đột nhập từ Pylos, những cuộc đột kích từ biển lên bờ ở những nơi khác thuộc Peloponnese, mà không phải bờ biển của Laconia, là nằm trong phạm vi hợp lực tác chiến giữa họ với quân Argos và quân Mantinea; và mặc dù quân Argos đã nhiều lần năn nỉ họ cho bộ binh

hạng nặng đổ bộ vào Laconia, dù chỉ trong chốc lát, cùng với quân này tàn phá xứ ấy dù chỉ là chút ít rồi ra đi, nhưng họ đã luôn từ chối việc đó. Tuy nhiên giờ đây, dưới quyền chỉ huy của Phytodorus, Laespodius và Demaratus, họ đã đổ bộ vào Epidaurus Limera, Prasiae^[22] và những nơi khác, cướp bóc xứ sở này; và bằng cách đó đã cho người Lacedaemon một cái cớ thích đáng hơn để tuyên chiến với Athens. Sau khi quân Athens cùng hạm đội của mình rút khỏi Argos, và quân Lacedaemon cũng vậy, quân Argos đã tiến hành một cuộc xâm nhập vào Phlisaid^[23], và sau khi tàn phá đất đai của dân này, giết hại một số cư dân ở đấy họ đem quân trở về.

QUYÊN THỨ BẢY

Chương XXI



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI TÁM VÀ MƯỜI CHÍN – GYLIPPUS ĐẾN SYRACUSE – CÙNG CỖ DECELEA – SYRACUSE CHIẾN THẮNG

Sau khi sửa chữa xong những chiến thuyền của mình, Gylippus và Pythen dong thuyền men theo bờ biển từ Tarentum đến Locri Epizephyrri^u. Lúc này họ đã nhận được thông tin chính xác hơn rằng Syracuse chưa hoàn toàn bị phong tỏa, mà vẫn còn khả năng để một đạo quân đến Epipolae tìm được lối vào, và theo tin này họ đã bàn bạc xem nên căn theo lộ trình bên phía tay phải là Sicily và mạo hiểm bơi thuyền từ biển vào hay nên căn theo lộ trình

bên tay trái là Sicily và trước hết sẽ đến Himera và đem theo quân Himera cùng bất kỳ quân nào khác có thể đồng ý tham gia đi đường bộ đến Syracuse với họ. Rốt cục họ quyết định đi thuyền đến Himera, nhất là khi bốn con thuyền của Athens, mà cuối cùng Nicias cũng đã phải đi khi nghe tin họ đang ở Locri, vẫn chưa đến được Rhegium. Thế nên trước khi những con thuyền ấy đến được điểm này thì quân Peloponnese đã vượt qua eo biển, và sau khi cập bến ở Rhegium và Messina họ đã đến Himera. Đến nơi này, họ đã thuyết phục được dân Himera tham chiến, và không những chỉ đi theo họ mà còn cung cấp vũ khí cho các thủy thủ trên những chiến thuyền mà họ kéo lên bờ tại Himera; và họ phải người đi và ấn định một địa điểm cho toàn bộ lực lượng quân Selinus đến gặp họ ở đó. Dân Gela cũng hứa gửi một ít binh lính đến và cả dân bản địa Sicily cũng vậy, những dân này hiện giờ đã sẵn sàng tham gia với họ với lòng hăng hái hơn trước rất nhiều do Archonidas vua của họ – một vị vua có uy lực lớn của dân bản địa Sicily ở vùng này và thân với Athens – vừa mới băng hà, và cũng do nhiệt huyết mà Gylippus thể hiện khi từ Lacedaemon đến. Gylippus lúc này đem theo bên mình khoảng bảy trăm thủy thủ và lính thủy đánh bộ, vì mới chỉ bằng này người có vũ khí, và một ngàn cả bộ binh hạng nặng lẫn hạng nhẹ của Himera, cùng một toán một trăm kỵ binh, một số bộ binh hạng nhẹ và kỵ binh của Selinus, một ít quân Gela, và quân bản địa Sicily tổng số một ngàn, và lên đường hành quân đến Syracuse.

Trong lúc ấy hạm đội của Corinth từ Leucas đang hết sức khẩn trương trên đường đến; và một trong các chỉ huy của họ là Gongylus, khởi hành cuối cùng với duy nhất một chiến thuyền đã đến Syracuse đầu tiên, trước Gylippus không lâu. Gongylus gặp đúng lúc dân Syracuse đang chuẩn bị hội nghị công dân để cân nhắc xem họ có nên chấm dứt cuộc chiến này hay không. Ông ta đã ngăn được việc này, và đoán chắc với họ lần nữa rằng có nhiều chiến thuyền nữa sắp đến nơi, và rằng Gylippus con trai của Cleandridas đã được người Lacedaemon phái đi để nắm quyền chỉ huy. Nghe tin này dân Syracuse lấy lại can đảm, và lập tức kéo toàn bộ lực lượng ra khỏi thành để đón Gylippus mà lúc đó họ thấy là đã đến rất gần. Trong lúc đó Gylippus, sau khi chiếm được Ietae, một pháo đài của dân bản địa Sicily

trên đường đi, đã dàn quân theo đội hình chiến đấu, và đến Epipolae như thế, và sau khi leo lên theo đường Euryelus, như quân Athens đã lên khi trước, ông ta cho quân mình cùng quân Syracuse tiến đánh phòng tuyến của Athens. Ông ta tình cờ đến đúng vào thời điểm then chốt. Quân Athens đã xây gần xong bức thành lũy kép dài sáu hoặc bảy fulông đến Đại Cảng, chỉ còn lại một phần nhỏ sát biển mà họ vẫn đang bận rộn xây đắp; và ở phần còn lại của Vòng xuyên chạy về hướng Trogilus phía biển bên kia thì đá đã được đặt sẵn gần như suốt khoảng cách đó để xây dựng, và một số chỗ vẫn còn đang xây dở, trong khi những chỗ khác đã hoàn thiện. Nguy cơ đối với Syracuse lúc này quả là cực kỳ nghiêm trọng.

Trong lúc đó, quân Athens đã trấn tĩnh lại sau cơn bán loạn ban đầu khi Gylippus và quân Syracuse bất thành lĩnh kéo đến, đã dàn trận để chiến đấu. Gylippus dừng quân cách một khoảng ngắn và gửi một viên sứ truyền tin đến nói với quân địch rằng nếu chúng chịu rút khỏi Sicily với toàn bộ hành trang trong vòng năm ngày thì ông ta sẵn lòng lập thoả thuận tạm đình chiến theo đó. Quân Athens khinh thường đề nghị này, và trực xuất sứ giả mà không thèm trả lời. Sau việc này cả hai bên đều chuẩn bị để lâm trận. Gylippus khi quan sát thấy quân Syracuse hỗn loạn và không dễ gì vào hàng ngũ nghiêm chỉnh được liền kéo quân của mình ra chỗ rộng rãi hơn, trái lại Nicias không dẫn quân Athens tiến lên mà án binh ở chân thành lũy của mình. Khi Gylippus thấy rằng quân địch không tiến tới, ông ta dẫn quân rời nơi đó đến thành trì ở khu vực tượng thần Apollo Temenites và qua đêm tại đó. Ngày hôm sau, ông ta dẫn đội quân chủ lực của mình ra và sau khi dàn trận phía trước thành lũy của quân Athens để ngăn không cho quân địch đi ứng cứu bất kỳ nơi nào khác, ông ta đã cắt cử một lực lượng tinh nhuệ đi đánh Pháo đài Labdalum, chiếm được pháo đài này và giết chết tất cả những kẻ mà họ tìm thấy trong đó, nơi này khuất mắt trông coi của quân Athens. Cùng ngày hôm đó một con thuyền ga-lê của Athens thả neo bên ngoài hải cảng đã bị quân Syracuse bắt.

Sau sự kiện trên, quân Syracuse và các đồng minh của họ bắt đầu xây một bức thành lũy đơn, khởi điểm từ kinh thành, chệch về hướng lên Epipolae, để quân Athens không thể phong tỏa họ được nữa trừ phi quân ấy có thể cản

trở được việc xây dựng công trình này. Trong thời gian này, quân Athens sau khi hoàn thiện bức thành lũy chạy xuống biển, đã kéo cả lên các cao điểm; và vì một đoạn thành lũy của họ không vững chắc, Gylippus đã kéo quân ra tấn công nơi đó vào ban đêm. Thế nhưng những quân Athens tình cờ đang hạ trại qua đêm ở bên ngoài đã nhận được tín hiệu báo động và xông ra nghênh địch, ngay khi nhìn thấy vậy ông ta liền mau chóng thu quân quay về. Trong binh tình đó, quân Athens đã đắp bức thành lũy lên cao hơn, và sau đó đã tự mình canh gác tại điểm này, đồng thời cắt đặt các đồng minh của mình vào các trạm canh được phân bố cho họ dọc theo phần còn lại của thành lũy. Nicias cũng quyết định củng cố Plemmyrium, mũi đất đối diện với thành, mũi đất này nhô ra biển và thu hẹp lối vào Đại Cảng. Ông ta nghĩ rằng củng cố nơi này sẽ tạo điều kiện cho việc đưa lương thảo tiếp tế vào dễ dàng hơn, cũng như giúp họ tiếp tục cuộc phong tỏa của mình từ một khoảng cách ngắn hơn, gần với bến cảng mà quân Syracuse chiếm lĩnh; thay vì buộc phải ra khơi đánh địch từ tận cuối Đại Cảng mỗi khi hải quân địch có bất kỳ động thái nào. Ngoài ra, lúc này ông ta bắt đầu chú trọng vào hải chiến hơn khi thấy rằng việc Gypippus tới đã làm tiêu tan hy vọng của họ trên bộ. Vì thế, ông ta cho di chuyển các chiến thuyền và một số binh lính của mình, và xây dựng ba công sự nơi ông ta cất giữ phần lớn quân trang quân dụng, và cho neo đậu ở đó những con thuyền lớn cùng các chiến thuyền sẽ dùng đến. Đây là nguyên nhân đầu tiên và là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những tổn thất mà các thủy thủ đoàn này phải nếm trải. Nước ngọt mà họ dùng rất khan và phải đi lấy từ xa, và các thủy thủ không thể ra ngoài kiếm củi mà không bị quân kỵ của Syracuse giết hại, những quân kỵ này đang làm chủ cả trận địa đó; một phần ba quân kỵ của địch đóng ở trấn Olympieum nhỏ bé, để ngăn chặn các cuộc xâm nhập cướp phá của cánh quân Athens ở Plemmyrium. Cùng lúc đó Nicias hay tin rằng phần còn lại của hạm đội Corinth sắp đến nơi, bèn phái hai mươi chiến thuyền đi đón lõng, với mệnh lệnh phải canh chừng hạm đội đó ở quanh Locri và Rhegium và đường vào Sicily.

Trong lúc này, Gylippus tiếp tục xây bức thành lũy vắt qua Epipolae, dùng đá tảng mà quân Athens đã đặt ở đó từ trước để dựng thành lũy của mình, và

đồng thời liên tục dẫn quân Syracuse và các đồng minh của họ ra ngoài dàn trận trước phòng tuyến đó, quân Athens cũng dàn trận đối đầu với ông ta. Cuối cùng ông ta cho rằng thời điểm đã đến, và mở màn cuộc tấn công; một trận đánh giáp lá cà nổ ra giữa hai chiến tuyến, nơi mà quân kỵ của Syracuse trở nên vô dụng, và quân Syracuse cùng các đồng minh của họ chiến bại và thu thập xác binh lính của mình theo thoả thuận tạm đình chiến, trong lúc quân Athens dựng một đài chiến tích. Sau trận này Gylippus triệu tập binh lính lại, và nói rằng sai lầm đó không phải do họ mà do ông ta; ông ta đã giữ tuyến quân của họ quá sâu bên trong thành lũy công sự, và do đó đã tước mất của họ sự yểm trợ từ quân kỵ và quân phóng lao. Vì thế nên bây giờ ông ta sẽ dẫn họ ra lần nữa. Ông ta khẩn khoản xin họ nhớ rằng về thực lực quân họ hoàn toàn chẳng kém cạnh gì quân địch, trong khi đó, về mặt lợi thế tinh thần mà nói thì quả thực không thể tha thứ được nếu quân Peloponnese và quân Doris lại không cảm thấy tự tin là sẽ đánh bại được quân Ionia và quân xứ đảo cùng với đám quân hỗn tạp đi theo chúng và đuổi chúng ra khỏi xứ này.

Sau đó ông ta đã chớp lấy thời cơ đầu tiên xuất hiện để lại dẫn họ ra đánh địch. Lúc bây giờ Nicias và quân Athens cho rằng dù quân Syracuse có không muốn nghênh chiến nữa thì họ cũng cần phải ngăn chặn việc xây bức thành lũy vắt ngang đó, vì nó đã hầu như chông lẩn lên đầu xa nhất của bức thành lũy của chính họ, và nếu nó tiếp tục kéo dài ra dù chỉ là chút ít thì từ thời điểm ấy nó sẽ khiến việc quân Athens đã từng đánh nhiều trận thắng lợi đến thế hay chưa từng đánh một trận nào cũng chẳng khác gì nhau. Do vậy họ kéo ra nghênh chiến với quân Syracuse. Gylippus dẫn bộ binh hạng nặng của mình ra xa các thành lũy công sự hơn lần trước, và giao chiến; ông ta bố trí quân kỵ và quân phóng lao của mình bên phía cánh của quân Athens tại khoảng trống giữa điểm dừng của hai bức thành lũy. Trong lúc giao tranh quân kỵ đã tấn công và đánh tan cánh trái của quân Athens, là cánh đối kháng với họ; và hậu quả là toàn bộ quân còn lại của Athens đã bị quân Syracuse đánh bại và bị dồn đuổi phải quay đầu tháo chạy vào bên trong phòng tuyến của mình. Đêm sau đó quân Syracuse tiếp tục xây kéo dài thành lũy của họ lên đến tận các thành lũy của Athens và vượt qua chúng, như vậy

họ đã đặt thành lũy của họ ra ngoài tầm kiểm soát của quân Athens khiến quân này không còn ngăn cản được họ nữa, và tước bỏ mất của địch mọi cơ hội bao vây kinh thành này trong tương lai kể cả có chiến thắng trên chiến trận đi chăng nữa.

Sau trận này mười hai chiến thuyền còn lại của Corinth, Ambracia và Leucas đã bơi vào trong hải cảng dưới quyền chỉ huy của Erasinides người Corinth, sau khi đã qua mắt được những con thuyền canh gác của Athens, và giúp quân Syracuse hoàn thành phần còn lại của bức thành lũy vắt ngang đó. Trong lúc ấy Gylippus đến những vùng còn lại của Sicily để trưng tập quân đánh bộ và hải quân, và cũng để thu phục bất kỳ thành nào mà hoặc bằng quan với chính nghĩa hoặc cho đến lúc này vẫn hoàn toàn đứng ngoài cuộc chiến. Các sứ giả của Syracuse và Corinth được phái về Lacedaemon và Corinth để xin thêm quân tăng viện, bằng bất kỳ cách nào khả dĩ, dù là theo các thương thuyền hay theo thuyền chuyên vận hoặc bằng bất cứ cách nào khác có khả năng thành công, bởi quân Athens cũng đang gửi quân tăng viện đến; trong khi đó quân Syracuse đã bắt đầu cung cấp thủy thủ binh lính cho hạm đội và tập luyện, định sẽ thử vận may của mình theo cả cách này nữa, và nhìn chung họ trở nên rất mực tự tin.

Nicias nhận thấy điều này, và thấy rằng sức mạnh của quân địch cũng như những nỗi khó khăn của chính mình mỗi ngày một tăng thêm, tự ông ta cũng phái người về Athens. Trước đó ông ta thường xuyên gửi tin báo về các sự kiện ngay khi xảy ra, và lúc này hơn lúc nào hết ông ta cảm thấy mình có bốn phận phải làm như vậy, vì nghĩ rằng họ đang ở vào một tình thế rất cam go, và rằng trừ phi nhanh chóng được triệu hồi hoặc được hậu phương tăng viện mạnh thì họ chẳng có chút hy vọng nào là sẽ được an toàn. Tuy vậy ông ta sợ rằng những người đưa tin hoặc không có tài ăn nói hoặc không ghi nhớ được vào đầu, hoặc vì mong muốn làm hài lòng dân chúng nên có thể sẽ không tường trình đúng sự thật, do đó ông ta nghĩ rằng tốt nhất là viết một bức thư để đảm bảo chắc chắn rằng người Athens biết rõ quan điểm của ông ta mà không bị rơi rớt mất ý trong lúc truyền đạt lại, và họ có thể quyết định theo những sự kiện thực tế trong tình huống này. Vậy nên những người ông ta phái đi đã lên đường với bức thư và các chỉ thị miệng cần thiết; và ông ta

chú tâm vào việc quân, coi mục đích hiện giờ của mình là giữ thế phòng thủ và tránh bất kỳ nguy hiểm nào không cần thiết.

Vào cuối mùa hạ đó vị tướng của Athens là Euetion đã cất quân phối hợp với Perdicas cùng phần lớn lực lượng của Thrace tiến đánh Amphipolis, và sau khi không chiếm được trấn đó đã mang một số thuyền ga-lê đi vòng vào sông Strymon, và phong toả trấn đó từ phía con sông, đồng thời lập căn cứ tại Himeraeum^[2].

Mùa hạ lúc này đã qua. Mùa đông nối tiếp, những người mà Nicias phái đi khi về đến Athens đã truyền đạt lại những tin báo miệng được giao phó cho họ, và trả lời bất kỳ câu hỏi nào mà mọi người hỏi, và giao bức thư ấy. Viên thư lại của kinh thành bấy giờ tiến lên phía trước và đọc to bức thư ấy cho người Athens nghe, thư viết như sau:

“Hỡi dân chúng Athens, những chiến dịch đã qua của chúng tôi đã được báo tin về để các vị biết bằng rất nhiều những bức thư khác; giờ cũng là lúc để các vị biết rõ về hiện trạng của chúng tôi, và thực hiện các biện pháp của các vị cho phù hợp. Chúng tôi đã thắng hầu như mọi trận giao chiến với quân Syracuse, những quân mà chúng tôi được phái đi để đánh chúng, và chúng tôi đã xây dựng được những công sự mà hiện giờ chúng tôi đang đóng tại đó, thì Gylippus từ Lacedaemon đến với một đạo quân từ Peloponnese và từ một số thành bang ở Sicily. Trong trận chiến đầu tiên giữa chúng tôi và hắn, chúng tôi đã chiến thắng; trong trận chiến vào ngày hôm sau chúng tôi bị áp đảo bởi một số rất đông quân kỵ và quân phóng lao, và buộc phải rút lui về bên trong phòng tuyến của mình. Vì vậy hiện giờ chúng tôi đã bị ép bởi số đông quân địch khiến phải ngừng công trình xây phòng tuyến lại và án binh bất động, thậm chí còn không thể sử dụng được toàn bộ lực lượng mà chúng tôi có, khi mà một phần lớn bộ binh hạng nặng của chúng tôi đang phải dồn lực vào việc bảo vệ phòng tuyến. Trong lúc ấy thì quân địch đã xây xong một thành lũy đơn vượt qua phòng tuyến của chúng tôi, và bằng cách đó đã khiến chúng tôi từ đây về sau không thể bao

vây chúng được nữa, trừ phi bức thành lũy cắt ngang này bị một lực lượng hùng mạnh tấn công và chiếm giữ. Vì thế cho nên kẻ đi vây hãm trên danh nghĩa đã trở thành kẻ bị vây hãm trên thực tế, chí ít là trên bộ, khi mà chúng tôi bị quân kỵ của chúng ngăn cản không tiến thêm được bước nào vào xứ sở đó.

Ngoài việc này ra, một sứ bộ đã được chúng phái đi Peloponnese để xin quân tăng viện, và Gylippus đã đi đến các thành bang khác ở Sicily, một phần là vì hy vọng thu phục những dân mà hiện tại đang đứng trung lập tham gia vào cuộc chiến tranh này với hãn, phần nữa là mang về những đội quân bổ sung từ các đồng minh của hãn cho các lực lượng bộ binh và những người thích hợp cho hải quân. Vì tôi biết rằng chúng đang mưu toan một cuộc tấn công kết hợp lên phòng tuyến của chúng tôi bằng lực lượng bộ binh và bằng hạm đội của chúng trên biển. Các vị đừng có ngạc nhiên khi tôi nói rằng cả trên biển nữa. Chúng đã phát hiện ra rằng quãng thời gian dài mà chúng tôi lúc nào cũng ở trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu cho đến giờ đã làm những con thuyền của chúng tôi mục nát và làm các thủy thủ đoàn của chúng tôi kiệt quệ, và chúng cũng biết rằng hạm đội của chúng tôi buổi đầu đã oai hùng lên đường viễn chinh với thủy thủ đoàn còn nguyên vẹn và những con thuyền vững chãi hoàn hảo. Do chúng tôi không thể kéo những con thuyền của mình lên bờ và lật nghiêng chúng ra để sửa chữa, bởi kẻ địch cũng có nhiều chiến thuyền như chúng tôi hoặc còn nhiều hơn thế nên chúng tôi lúc nào cũng ở trong tình trạng phấp phỏng chờ chúng tấn công. Trên thực tế có thể thấy chúng đang thao diễn, và chúng nắm thế chủ động hoàn toàn; và vì không phải duy trì một cuộc phong tỏa nên chúng có những điều kiện thuận lợi hơn hãn để phơi thuyền của chúng cho khô ráo.

Chúng tôi khó có thể làm được như vậy, cho dù chúng tôi có rất nhiều thuyền dự phòng và được rảnh rang không phải dốc toàn bộ sức mạnh vào cuộc phong tỏa đi chẳng nữa. Vì chỉ riêng việc vận lương thảo quân nhu vào qua đường Syracuse đã đủ khó khăn rồi; và nếu chúng tôi lơ là cảnh giác dù chỉ một giây thì việc này cũng sẽ trở thành

bất khả thi. Những tổn thất mà các thủy thủ đoàn của chúng tôi đã và đang tiếp tục phải chịu phát sinh từ những nguyên do như sau: những chuyến đi kiếm củi đun và củi cho ngựa, và cái khoảng cách để đến được nơi lấy nước uống mang về đã khiến cho thủy thủ của chúng tôi bị quân kỵ của Syracuse giết hại; việc chúng tôi mất đi thể thượng phong ban đầu đã khiến bọn nô lệ của chúng tôi bạo gan bỏ trốn; những thủy thủ ngoại bang của chúng tôi hoảng sợ bởi sự xuất hiện bất ngờ của hải quân địch và sức kháng cự bền bỉ của địch; những kẻ trong số họ bị ép phải vào quân ngũ đã chộp lấy cơ hội đầu tiên để đào ngũ trốn về quê xứ họ; những kẻ mà ban đầu bị đồng lương cao cám dỗ, và mong chiến đấu thì ít mà mong kiếm lợi thì nhiều, đang rời bỏ chúng tôi hoặc bằng cách bỏ trốn theo địch hoặc bằng cách tận dụng một trong số rất nhiều điều kiện thuận lợi mà đất Sicily rộng lớn ban cho họ để đào tẩu. Thậm chí một số còn tham gia vào việc buôn bán và thuyết phục các thuyền trưởng để mang bọn nô lệ Hyccara lên thuyền vào chỗ ở của chúng; bằng cách đó chúng đã huỷ hoại sức mạnh của hải quân ta.

Lúc này không cần tôi phải nhắc các vị cũng nhớ rằng khoảng thời gian mà một thủy thủ đoàn sung sức nhất rất ư ngắn ngủi, và rằng số lượng thủy thủ có thể lái thuyền đi đúng hướng và luôn giữ tay chèo cho đúng nhịp chẳng nhiều nhận gì. Nhưng điều làm tôi còn lo phiền hơn thế rất nhiều là ở cương vị của mình tôi đang bị tính ngang ngạnh cố hữu của các thủy thủ người Athens cản trở không sao chấm dứt được những điều tai hại đó; và là đồng thời chúng tôi không có nguồn nào để tuyển mộ thủy thủ đoàn cho mình, trong lúc quân địch có thể tuyển mộ từ rất nhiều vùng, và chúng tôi buộc phải phụ thuộc vào số người mà chúng tôi đã mang theo để vừa cung ứng thủy thủ đoàn đi chiến đấu vừa bù vào những tổn thất. Bởi vì các đồng minh hiện tại của chúng ta, Naxos và Catania, không có khả năng cung ứng cho chúng tôi. Kẻ địch của chúng ta chỉ còn thiếu một điều duy nhất, tôi muốn nói là việc các chợ đang cung cấp cho chúng tôi ở Italy từ bỏ chúng tôi. Giả dụ các chợ này thấy các vị bỏ mặc không cứu chúng tôi thoát khỏi tình

trạng hiện thời, và chạy sang theo địch, thì nạn đói sẽ buộc chúng tôi phải rút lui, và Syracuse sẽ kết thúc cuộc chiến này mà chẳng phải nhọc công đánh đấm.

Lẽ ra tôi phải viết về cho các vị điều gì đó khác và dễ chịu hơn những điều này, thực thế, nhưng chắc chắn chẳng có gì có ích hơn điều này được, nếu các vị muốn biết thực trạng mọi việc ở đây trước khi các vị tiến hành những biện pháp cần thiết. Ngoài ra tôi biết các vị vốn dĩ vẫn thích được nghe về mặt khả quan nhất của mọi việc, và để rồi trách cứ người nói nếu những kỳ vọng mà anh ta khơi ra trong tâm trí các vị không tương xứng với kết quả; chính vì vậy tôi nghĩ rằng an toàn nhất là bày tỏ sự thật với các vị.

Trong hoàn cảnh ấy các vị đừng nên nghĩ rằng cả tướng lẫn quân của các vị không còn khả năng địch nổi những lực lượng đầu tiên đã đấu với họ. Mà các vị nên nghĩ rằng một liên minh của toàn Sicily đang hình thành chống lại chúng tôi; rằng một đạo quân tràn trề sức mới sắp từ Peloponnese đến, trong khi đó lực lượng mà chúng tôi có ở đây không đủ khả năng đương đầu ngay cả với những kẻ địch hiện tại của chúng tôi; và các vị cần phải quyết định ngay hoặc là triệu hồi chúng tôi về hoặc gửi thêm cho chúng tôi một hạm đội và một đạo quân cũng đông như trước, với một khoản tiền lớn, và ai đó để kế nhiệm tôi, vì căn bệnh ở thận đã khiến tôi không còn đủ sức để giữ cương vị này nữa. Tôi cho rằng tôi có quyền yêu cầu các vị cho phép, bởi vì lúc còn ở tuổi sung sức nhất khi ở cương vị chỉ huy tôi đã phụng sự các vị cực kỳ tận tâm. Nhưng bất kể là các vị định làm gì, xin hãy tiến hành ngay khi mới sang xuân và đừng chậm trễ, vì địch sẽ sớm có được quân tăng viện từ Sicily, quân tăng viện từ Peloponnese sẽ đến sau đó ít lâu; và nếu các vị không chú tâm vào việc này thì quân tăng viện từ Sicily sẽ có mặt ở đây trước các vị, trong lúc quân tăng viện từ Peloponnese sẽ qua mặt các vị như lần trước chúng đã làm được.”

Nội dung bức thư của Nicias là thế. Sau khi người Athens nghe đọc hết bức thư đó, họ từ chối chấp thuận cho ông ta từ chức, mà quyết định chọn cho ông ta hai vị tướng đồng chỉ huy, đồng thời chỉ định Menander và Euthydemus, hai vị chỉ huy hiện đang ở chiến trường tạm thay họ cho đến khi họ tới nơi, để Nicias không bị bỏ lại một mình trong lúc ốm đau với toàn bộ gánh nặng của chiến sự. Họ cũng biểu quyết tán thành việc gửi một đạo quân và một hạm đội khác đi, được lấy một phần từ binh lính Athens nằm trong danh sách quân chính quy, một phần từ các đồng minh. Các tướng lĩnh đồng chỉ huy được lựa chọn cho Nicias là Demosthenes con trai của Alcisthenes, và Eurymedon con trai của Thucles. Eurymedon được phái đi ngay lập tức, vào khoảng tiết đông chí, với mười chiến thuyền, một trăm hai mươi *talăng* bạc, và chỉ thị báo cho đạo quân ở đó biết rằng quân tiếp viện sẽ đến, và họ sẽ được quan tâm; nhưng Demosthenes ở lại đi sau để còn tổ chức cuộc viễn chinh, tức là sẽ khởi hành ngay khi sang xuân, và phái người đến các đồng minh lấy quân, đồng thời thu gom tiền bạc, tàu thuyền và bộ binh hạng nặng ở hậu phương.

Người Athens cũng phái hai mươi thuyền tuần tiễu quanh Peloponnese để ngăn chặn bất kỳ tàu thuyền nào vượt biển từ Corinth hoặc Peloponnese sang Sicily. Vì người Corinth, trong tâm trạng tràn đầy tự tin bởi chiến sự ở Sicily xoay chiều thuận lợi như các sứ giả đã báo cáo ngay khi về đến, và tin chắc rằng cái hạm đội mà họ đã phái đi trước đó chẳng phải là vô dụng, hiện đang chuẩn bị đưa một lực lượng bộ binh hạng nặng lên các thương thuyền đi Sicily; trong khi đó người Lacedaemon cũng hành động y như vậy đối với những nơi còn lại ở Peloponnese. Người Corinth còn cung cấp thủy thủ binh lính cho một hạm đội hai mươi lăm chiến thuyền, định thử giao chiến một trận với hải đội đang canh gác ở Naupactus xem có thắng được không, và đồng thời khiến cho những chiến thuyền của Athens ở đó khó mà ngăn cản các thương thuyền của họ ra khơi, bằng cách buộc chúng luôn phải để mắt canh chừng những con thuyền ga-lê được dàn trận đối địch với chúng như vậy.

Trong lúc ấy người Lacedaemon chuẩn bị cho cuộc xâm lược Attica theo như quyết định lúc trước của họ, và theo sự xúi giục của Syracuse và

Corinth, những xứ này đang mong muốn một cuộc xâm lăng để ngăn chặn quân tăng viện mà họ nghe nói rằng người Athens đang sắp sửa gửi sang Sicily. Alcibiades cũng khẩn thiết khuyên họ nên củng cố phòng thủ ở Decelea và xúc tiến chiến tranh mạnh mẽ hơn. Nhưng người Lacedaemon tìm thấy sự khích lệ nhiều nhất từ niềm tin rằng Athens với hai cuộc chiến phải cáng đáng, vừa chống lại họ vừa chống lại thực dân ở Sicily, sẽ dễ bị đánh bại hơn, và từ sự tin chắc rằng Athens đã vi phạm hiệp ước hoà bình trước. Họ cho rằng trong cuộc chiến trước đây thì sự vi phạm phần nhiều là về phía họ, vừa do quân Thebes xâm nhập Plataea trong thời bình, vừa do chính họ đã từ chối không nghe theo đề nghị phân xử trọng tài của Athens mặc dù điều khoản trong hiệp ước hoà bình cũ quy định rằng trường hợp có yêu cầu phân xử trọng tài thì không được tiến hành chiến tranh. Vì lý do này, họ cho rằng họ đáng phải hứng chịu những tai hoạ rủi ro, và ghi tâm khắc cốt thảm hoạ ở Pylos và bất kể thảm hoạ nào khác đã ập xuống họ. Nhưng khi mà ngoài những cuộc tàn phá xuất phát từ Pylos vẫn không ngừng tiếp diễn, ba mươi chiến thuyền của Athens đã từ Argos đến và tàn phá một phần Epidaurus, Prasiae và các xứ khác; hoặc khi phát sinh các tranh chấp bất đồng liên quan đến việc diễn giải bất kỳ điều khoản không rõ ràng nào trong hiệp ước, thì đề nghị phân xử trọng tài của chính họ luôn bị người Athens bác bỏ, rồi cuộc người Lacedaemon quyết định rằng giờ đây Athens đã phạm chính cái tội mà trước đây họ đã phạm vào, và Athens đã trở thành bên gây tội; và họ bắt đầu cảm thấy bùng bùng nhiệt huyết với cuộc chiến. Họ đã dành cả mùa đông này phái người đi khắp các đồng minh để lấy sắt thép và chuẩn bị sẵn sàng những công cụ vật liệu khác để xây dựng công sự của họ, và đồng thời bắt đầu trưng tập một lực lượng ở chính xứ cũng như ra lệnh trưng binh bắt buộc cho các xứ còn lại ở Peloponnese để gửi theo các thương thuyền sang cho đồng minh của họ ở Sicily. Mùa đông đã kết thúc như vậy, và kết thúc cùng với nó là năm thứ mười tám của cuộc chiến tranh mà Thucydides chép vào sử sách.

Trong những ngày đầu xuân tiếp theo, là thời gian sớm hơn thường lệ, quân Lacedaemon và các đồng minh của họ dưới quyền chỉ huy của Agis, con trai của Archidamus và là vua của người Lacedaemon, đã xâm lược

Attica. Họ khởi sự bằng việc tàn phá những vùng tiếp giáp với đồng bằng, tiếp theo là tiến hành củng cố phòng ngự cho Decelea, họ phân chia công việc đó giữa các thành bang với nhau. Decelea cách thành Athens khoảng mười bốn hoặc mười lăm dặm đường, và cách Boeotia cũng bằng đó hoặc không xa hơn là mấy; và cái công sự nhằm quấy rối vùng đồng bằng và những nơi trù phú nhất của xứ này nằm ngay trong tầm mắt của Athens. Trong lúc quân Peloponnese và các đồng minh của họ ở Attica đang bận rộn tham gia vào việc xây dựng công sự thì đồng bào của họ ở hậu phương cũng đồng thời gửi bộ binh hạng nặng lên những thương thuyền đi Sicily; người Lacedaemon trang bị cho một lực lượng được tuyển chọn từ dân nô dịch *Helots* và dân *Neodamode* (hay dân nô dịch đã được trả tự do), cả thảy sáu trăm bộ binh hạng nặng, dưới quyền chỉ huy của Eccritus người Sparta; và ba trăm bộ binh hạng nặng người Boeotia dưới quyền chỉ huy của Xenon và Nicon người Thebes và Hegesander người Thespieae. Đó là những binh lính trong số đầu tiên lên thuyền ra khơi, khởi hành từ Taenarus ở Laconia. Sau khi họ lên đường không lâu, Corinth gửi đi một lực lượng năm trăm bộ binh hạng nặng, bao gồm một phần là người của chính Corinth, một phần là lính đánh thuê Arcadia, được đặt dưới quyền chỉ huy của Alexarchus người Corinth. Đồng thời với Corinth, Sicyon cũng phái đi hai trăm bộ binh hạng nặng dưới quyền chỉ huy của Sargeus người Sicyon. Trong khi đó hai mươi lăm chiến thuyền được Corinth cung cấp thủy thủ binh lính từ mùa đông đã dàn trận đối diện với hai mươi chiến thuyền Athens ở Naupactus cho đến khi bộ binh hạng nặng trên các thương thuyền đã từ Peloponnese ra khơi; như vậy các chiến thuyền ấy đã hoàn thành mục đích mà vì đó chúng đã được trang bị từ ban đầu, là để đánh lạc hướng chú ý của quân Athens từ các thương thuyền kia sang các chiến thuyền này.

Trong lúc này người Athens cũng chẳng ngồi không. Đồng thời với việc công sự được xây dựng ở Decelea, ngay đầu mùa xuân họ đã phái ba mươi chiến thuyền tuần tiễu quanh Peloponnese, dưới quyền chỉ huy của Charicles con trai của Apollodorus, với chỉ thị cập cảng ở Argos và đòi xứ này cung cấp một lực lượng bộ binh hạng nặng cho hạm đội ấy theo hiệp ước đồng minh. Cùng lúc họ phái Demosthenes đi Sicily, như họ đã định từ trước, với

sáu mươi chiến thuyền của Athens và năm chiến thuyền của Chios, một ngàn hai trăm bộ binh hạng nặng từ danh sách quân chính quy của Athens và các dân xứ đảo nhiều hết mức họ có thể kiếm được từ các vùng khác nhau, đồng thời thu gom từ những xứ đồng minh lệ thuộc khác của họ bất kỳ thứ gì mà các xứ này có thể cung cấp được và hữu ích cho cuộc chiến. Demosthenes được chỉ thị trước hết cùng Charicles cho thuyền tuần tiễu quanh các bờ biển của Laconia, rồi dong buồm đến Aegina và ở đó chờ đợi quân còn lại của ông ta đến, còn Charicles sẽ phải lấy quân từ Argos.

Ở Sicily, khoảng cùng thời gian ấy trong mùa xuân này, Gylippus về đến Syracuse với tất cả số binh lính mà ông ta có thể đem về từ các trấn thành mà ông ta đã thuyết phục được tham gia với mình. Triệu tập quân Syracuse lại, ông ta bảo họ rằng họ phải đưa thủy thủ binh lính lên càng nhiều thuyền càng tốt, và thử đánh trận hải chiến đầu tiên, bằng trận này ông ta hy vọng giành được một lợi thế trong cuộc chiến này, xứng đáng với sự mạo hiểm đó. Hermocrates cùng với ông ta nỗ lực thuyết phục đồng bào mình tấn công quân Athens trên biển, nói rằng quân Athens đã chẳng được kế thừa kỹ năng hải chiến mà cũng không thể giữ được kỹ năng đó vĩnh viễn; trước kia chúng đã từng là dân quen bám đất liền hơn dân Syracuse nhiều, và chỉ trở thành một thế lực hải quân khi bị quân Ba Tư bắt buộc. Và lại, đối với những kẻ có tinh thần táo bạo như quân Athens, thì một kẻ địch chẳng kém phần táo bạo xem ra sẽ là địch thủ khó nhằn nhất; và cái kế mà quân Athens hay dùng là tấn công táo bạo bất ngờ vào một lân bang thường không thua kém gì chúng về sức mạnh để khiến kẻ địch bị choáng váng tê liệt, thì giờ đây quân Syracuse có thể dùng chính kế đó để gây ông đập lưng ông là đặc sách. Ông ta cũng đoán chắc rằng cái cảnh tượng bất ngờ khi quân Syracuse dám đối đầu với hải quân Athens sẽ gây kinh hãi cho địch, những lợi ích của việc đó sẽ có giá trị và quan trọng hơn bất kỳ tổn thất nào mà chiến thuật của quân Athens có thể gây ra cho sự thiếu kinh nghiệm của họ. Vì vậy ông ta đã thúc giục họ gạt nỗi lo sợ sang một bên và thử vận may của mình trên biển; và quân Syracuse, chịu ảnh hưởng của Gylippus và Hermocrates, và có lẽ là của một số người khác nữa, đã quyết định đánh trận hải chiến đó và bắt đầu đưa thủy thủ binh lính lên các chiến thuyền của mình.

Khi hạm đội đã sẵn sàng, Gylippus dẫn toàn bộ đạo quân ra ngoài lúc đêm đã xuống; kế hoạch của ông ta là đích thân đột kích các công sự trên mũi đất Plemmyrium bằng đường bộ, trong khi ba mươi lăm con thuyền ga-lê của Syracuse theo đúng hẹn sẽ bơi từ Đại Cảng ra đối trận với hạm đội địch, và bốn mươi lăm chiếc còn lại bơi vòng ra từ Tiểu Cảng, nơi họ có kho chứa vũ khí, hầu tạo ra một điểm nối với những con thuyền ở bên trong đồng thời tấn công Plemmyrium, và như vậy sẽ khiến quân Athens phân tâm khi bị tấn công từ cả hai phía cùng một lúc. Quân Athens nhanh chóng đưa người lên sáu mươi chiến thuyền, và dùng hai mươi lăm chiến thuyền trong số đó để giao chiến với ba mươi lăm chiến thuyền của Syracuse ở Đại Cảng, đồng thời phái số còn lại đi đón đánh những con thuyền đang bơi vòng từ kho vũ khí vào; trận chiến lúc này đã nổ ra ngay trước cửa Đại Cảng, và kéo dài với sự ngoan cường của cả hai bên; bên này muốn cướp lấy lối đi, bên kia dốc sức cản lại.

Cùng lúc đó, khi quân Athens ở Plemmyrium kéo xuống biển để tham gia trận chiến, Gylippus bất thành lĩnh tấn công các công sự vào lúc rạng sáng và chiếm được công sự lớn nhất trước tiên, và sau đó là hai công sự nhỏ hơn, các đơn vị đồn trú ở hai công sự này đã không đợi ông ta đến khi trông thấy công sự lớn nhất đã bị chiếm một cách dễ dàng. Ngay khi công sự thứ nhất bị thất thủ, những người ở trong đó đã chạy được về thuyền của họ và các thương thuyền để ẩn náu thấy rằng khó mà chạy đến tận doanh trại được, vì quân Syracuse lúc đó đang thắng thế trong trận giao tranh ở Đại Cảng và đã phái một thuyền ga-lê chèo rất nhanh đi truy đuổi họ. Nhưng khi hai công sự khác thất thủ, thì lúc bấy giờ quân Syracuse lại đang thất thế; và những kẻ ẩn náu đã chèo những chiếc thuyền đó men theo bờ biển dễ dàng hơn. Những chiến thuyền của Syracuse đang chiến đấu ở cửa cảng cướp được đường xuyên qua những chiến thuyền của Athens và chèo vào bên trong cảng một cách vô tổ chức đã va đụng phải nhau, và đã giúp quân Athens chuyển bại thành thắng, quân này không chỉ đánh tan riêng hải đội đang được nói đến, mà cả hải đội lúc đầu đã đánh bại họ trong cảng, đánh đắm mười một chiến thuyền của Syracuse và giết hại hầu hết những người trên thuyền, ngoại trừ thủy thủ đoàn của ba chiến thuyền mà họ bắt làm tù binh.

Tổn thất của họ chỉ là ba chiến thuyền; và sau khi kéo những xác thuyền của Syracuse lên bờ và dựng một đài chiến tích trên hòn đảo nhỏ đối diện với mũi đất Plemmyrium, họ rút về trại của mình.

Không thành công trên biển, nhưng quân Syracuse đã chiếm được các công sự ở Plemmyrium, vì chiến công này mà họ đã dựng ba đài chiến tích. Họ san phẳng một trong hai công sự nhỏ chiếm sau, nhưng sắp xếp đầu vào đấy và cắt cử quân đồn trú ở hai công sự còn lại. Khi họ chiếm các công sự này đã có rất nhiều người bị giết hoặc bị bắt làm tù binh, và một lượng tài sản rất lớn đã bị chiếm giữ. Vì quân Athens sử dụng các công sự này làm kho tàng của mình nên trong đó có chứa một lượng lớn ngũ cốc và hàng hóa của các thương lái, và cũng còn một lượng lớn đồ dự trữ của các thuyền trưởng nữa; các cột buồm và vật dụng trang thiết bị khác cho bốn mươi con thuyền ga-lê cũng đã bị chiếm, ngoài ba con thuyền ga-lê đã được kéo lên bờ. Quả thực nguyên nhân đầu tiên và là nguyên nhân chính yếu khiến đạo quân Athens chiến bại chính là sự kiện Plemmyrium bị đoạt mất; thậm chí lối ra vào hải cảng lúc này cũng không còn an toàn để vận lương thảo vào nữa, vì các chiến thuyền của Syracuse đang đóng ở đó để ngăn chặn, và không thể mang bất kỳ thứ gì vào mà không phải đánh để lấy đường vào; hơn nữa, cảm giác mất hết nhuệ khí và ngã lòng đã nảy sinh trong khắp đạo quân Athens.

Sau trận này quân Syracuse phái đi mười hai con thuyền dưới quyền chỉ huy của Agatharchus người Syracuse. Một trong số đó đến Peloponnese cùng các sứ giả để tường trình về tình hình khả quan của họ, và xúi giục người Peloponnese đeo đuổi cuộc chiến tranh ở đó thậm chí còn quyết liệt hơn họ đang tiến hành lúc này, trong lúc đó mười một con thuyền còn lại chèo tới Italy khi nghe được tin rằng những con thuyền chất nặng quân trang quân dụng dự trữ đang trên đường đến chỗ quân Athens. Sau khi tình cờ đụng độ và phá huỷ hầu hết những con thuyền vừa nói đến, và đốt cháy rất nhiều gỗ súc để đóng thuyền trên lãnh thổ Caulonia^[3], số gỗ này đã được chuẩn bị sẵn cho quân Athens, hải đội của Syracuse kéo đến Locri và thả neo ở đó khi một trong những thương thuyền từ Peloponnese cập vào, mang

theo bộ binh hạng nặng Thespieae, họ đưa toán quân đó lên thuyền của mình và cho thuyền men theo bờ biển trở về Syracuse. Quân Athens với hai mươi chiến thuyền tại Megara đang rình chờ họ, nhưng chỉ bắt giữ được một thuyền cùng với thủy thủ đoàn của nó; số còn lại đã chạy được hết về Syracuse.

Cũng đã xảy ra một cuộc đụng độ nhỏ trong hải cảng quanh lũy cọc mà quân Syracuse đã đóng xuống biển phía trước những vũng đậu cũ để thuyền của họ có thể nằm neo đậu bên trong mà không bị tổn hại nếu quân Athens bơi thuyền đến để đánh đắm thuyền của họ. Quân Athens đem đến chỗ lũy cọc đó một con thuyền chất tải một vạn *talăng* được trang bị các tháp nhỏ bằng gỗ và các tấm chắn bảo vệ, và buộc chặt dây quanh những cây cọc đó từ thuyền của họ, kéo giật chúng lên và bẻ gãy, hoặc lặn xuống dưới và cưa chúng làm đôi. Trong lúc đó quân Syracuse ra sức bắn các vật phóng vào họ từ các vũng đậu, và họ cũng đáp trả từ chiếc thuyền lớn của họ, cho đến khi rốt cục quân Athens cũng đã nhỡ được gần hết lũy cọc đó. Nhưng phần nguy hiểm nhất của hàng cọc này là phần không nhìn thấy được: một số cọc đã được đóng xuống nhưng không chồi lên khỏi mặt nước, thế nên bơi thuyền bên trên rất nguy hiểm vì e rằng sẽ đâm phải chúng như đâm phải đá ngầm khi không nhìn thấy chúng. Tuy nhiên các thợ lặn đã lặn xuống dưới và cưa ngay cả những cây cọc đó vì tiền thưởng; dù vậy quân Syracuse lại đóng những cây cọc khác xuống. Những thủ đoạn họ dùng đến để chống lại nhau quả thực là bất tận, như vẫn thường thấy giữa hai lực lượng thù địch đang đối đầu với nhau ở một khoảng cách gần đến thế: và các trận đụng độ nhỏ và những nỗ lực tấn công bằng mọi cách không ngừng nghỉ.

Trong lúc ấy dân Syracuse phái các sứ bộ đến các kinh thành, gồm Corinth, Ambracia và Lacedaemon, để báo tiếp về việc chiếm được Plemmyrium và nói rằng chiến bại của họ trong trận hải chiến là do sức mạnh của quân địch thì ít mà phần nhiều là do đội hình của họ rối loạn; và nói chung là để báo cho họ biết rằng dân Syracuse đang tràn trề hy vọng, và mong mỏi họ mang những chiến thuyền và binh lính đến chi viện cho dân này, vì Athens cũng đang chờ một đạo quân mới tinh sắp đến, và nếu như họ

tiêu diệt được đạo quân đang có mặt ở đây trước khi đạo quân mới đến nơi thì cuộc chiến này có thể sẽ chấm dứt.

Trong khi hai phe tham chiến ở Sicily đang giao tranh như vậy, Demosthenes đã rời Aegina ra khơi sau khi tập hợp được đạo quân mà ông ta định đem đến hải đảo đó, và cho thuyền đến Peloponnese, rồi hợp quân với Charicles và ba mươi chiến thuyền của Athens. Từ Argos họ đưa bộ binh hạng nặng lên thuyền và chèo tới Laconia, và trước tiên họ cướp bóc một phần xứ Epidaurus Limera, xong xuôi họ đổ bộ lên bờ biển Laconia, đối diện Cythera, nơi có đền thờ Apollo, và sau khi tàn phá một phần xứ đó, họ củng cố phòng thủ cho một nơi đại loại như một eo đất, nơi mà dân nô dịch *Helots* của Lacedaemon có thể chạy đến khi bỏ trốn, và là nơi mà từ nơi đó có thể tiến hành những cuộc tấn công bất ngờ để cướp bóc xứ này chẳng khác nào từ Pylos. Demosthenes đã giúp chiếm lĩnh nơi này và ngay sau đó đã tiếp tục cho thuyền đến Corcyra để đón một số quân đồng minh ở đảo ấy, và rồi tiếp tục đi Sicily không chậm trễ; trong khi Charicles đợi đến khi việc củng cố phòng thủ cho nơi này hoàn tất và để một đơn vị đồn trú lại đó, rồi hồi hương cùng với ba mươi chiến thuyền của ông ta và cả quân Argos cũng vậy.

Cũng trong mùa hạ này một ngàn ba trăm quân đeo khiên đã đến Athens, đây là những kiếm thủ từ bộ tộc Dii của Thrace lẽ ra đã phải lên thuyền cùng Demosthenes đi Sicily. Do họ đến quá trễ, người Athens quyết định gửi trả họ về Thrace nơi họ đã từ đó ra đi; giữ họ lại cho cuộc chiến ở Decelea xem ra là quá tốn kém, vì tiền lương cho mỗi người là một đồng *dracma* mỗi ngày. Quả thật, kể từ khi Decelea trước hết được toàn bộ đạo quân Peloponnese củng cố phòng thủ trong mùa hạ này, và sau đó các đội quân đồn trú từ các thành luân phiên nhau đóng ở đó trong những khoảng thời gian ấn định để quấy rối Athens, nó đã và đang làm cho Athens khốn đốn; trên thực tế việc chiếm đóng này, do nó dẫn đến việc phá hoại điền sản và tổn thất về người, là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến Athens suy vong. Trước đó những cuộc xâm lăng thường ngăn ngui, và không cản trở họ hưởng lợi từ đất đai của mình trong suốt thời gian còn lại; giờ đây địch đã đóng quân thường trực ngay tại Attica; lúc này một cuộc tấn công vũ

trang, lúc khác một đơn vị đồn trú đến thay phiên đi qua xứ đó và cướp phá để kiếm ăn, và Vua Agis của Lacedaemon đích thân ở chiến trường và mẫn cán xúc tiến cuộc chiến tranh này; vì vậy đã gây tổn hại vô cùng to lớn cho Athens. Họ bị tước đoạt toàn bộ xứ sở của mình: hơn hai vạn nô lệ đã bỏ trốn, một phần lớn trong số đó là thợ thủ công, và toàn bộ cừu và súc vật thồ của họ đã bị mất; và do kỵ binh ngày ngày phải phi ra ngoài để đột kích Decelea và canh gác xứ sở, chiến mã của họ hoặc bị tập tễnh bởi luôn bị bắt chạy trên nền đá cứng, hoặc bị thương bởi quân địch.

Thêm vào đó, việc vận chuyển lương thực thực phẩm từ Euboea, mà trước đây được vận đến bằng đường bộ từ Oropus đi qua Decelea nhanh hơn rất nhiều, giờ đây phải đi bằng đường biển vòng qua Sunium^[4] rất tốn kém; mọi thứ mà kinh thành này cần đến đều phải nhập khẩu từ ngoại bang, và Athens đã trở thành một pháo đài thay vì một kinh thành. Từ hạ chí đông người Athens mỗi mòn kiệt quệ vì luôn phải túc trực canh gác các công sự, ban ngày thì luân phiên nhau, ban đêm thì ngoại trừ đội kỵ binh tất cả đều phải canh gác tại các trạm gác khác nhau hoặc trên thành lũy. Nhưng cái gánh nặng lên vai họ nhất là họ đang duy trì hai cuộc chiến tranh cùng một lúc, và như vậy họ đã lên đến đỉnh điểm của sự điên cuồng, chẳng một ai có thể tin được ngay cho dù có nghe được tận tai mà không được nhìn tận mắt. Vì ai có thể tưởng được rằng ngay cả khi đang bị vây hãm bởi quân Peloponnese đào hào đắp lũy ở Attica, lẽ ra phải rút lui khỏi Sicily thì họ vẫn bám trụ lại đó và cũng đào hào đắp lũy vây hãm Syracuse, một trấn (cứ cho là một trấn đi) chẳng thua kém Athens về mọi mặt; hay ai có thể tưởng được rằng họ sẽ đảo ngược hoàn toàn mọi ước đoán của dân Hy Lạp về sức mạnh và sự can trường của họ đến thế khi cho thấy hình ảnh của một dân tộc mà lúc cuộc chiến tranh này vừa mới bắt đầu một số người đã cho rằng có lẽ nó sẽ chỉ cầm cự được một năm, một số khác cho rằng hai năm và không ai cho rằng được quá ba năm nếu quân Peloponnese xâm lược xứ sở của họ, nhưng đến nay đã mười bảy năm kể từ cuộc xâm lược đầu tiên, sau khi đã chịu đựng đủ mọi tai họa của chiến tranh, dân tộc ấy lại sang Sicily và tiến hành một cuộc chiến mới không thua kém gì cuộc chiến mà họ đang vướng bận với người Peloponnese. Những nguyên nhân này, những tổn thất vô cùng to lớn từ

Decelea và những phí tổn nặng nề khác đã trút lên đầu họ, gây ra tình trạng túng quẫn về tài chính của họ; và chính vào lúc này, thay vì khoản cống nạp, họ đã áp lên các xứ lệ thuộc của họ thuế suất một phần hai mươi giá trị mọi chuyển hàng xuất khẩu hay nhập khẩu qua đường biển vì cho rằng khoản thuế này sẽ mang lại cho họ nhiều tiền hơn; chi tiêu của họ lúc này không còn giống như lúc ban đầu nữa, mà đã lớn dần theo cuộc chiến tranh đó trong khi thu nhập lại sụt giảm.

Thế nên, do không muốn phải chịu phí tổn trong cảnh thiếu thốn tiền bạc hiện tại của mình, họ đã ngay lập tức gửi trả lại đội quân của Thrace đã đến quá muộn để đi cùng Demosthenes, dưới quyền chỉ huy của Diitrephes, người đã nhận được chỉ thị, vì quân này sẽ vượt qua eo biển Euripus^[5], phải tận dụng chúng trên hành trình dọc theo bờ biển để gây hại cho quân địch nếu có cơ hội. Đầu tiên Diitrephes cho chúng đổ bộ xuống Tanagra và vội vã đoạt lấy một số chiến lợi phẩm, sau đó ông ta cho thuyền từ Chalcis ở Euboea vượt qua eo biển Euripus vào chiều tối và khi lên bờ ở Boeotia ông ta dẫn chúng đi đánh Mycalessus^[6]. Ông ta nghỉ đêm hôm đó ở gần đền thờ thần Hermes^[7] cách Mycalessus chưa đầy hai dặm mà không ai hay biết, và rạng ngày tấn công và chiếm trấn này, một trấn không lớn lắm; cư dân ở đó không canh gác và không ngờ rằng có kẻ từ biển xa đến tận đây để quấy nhiễu họ, thành lũy của họ cũng rất yếu và một số đoạn đã sụt lở, trong khi một số đoạn khác còn chẳng được xây cho cao lên, và những cổng trấn bỏ ngỏ do họ cảm thấy an toàn. Quân Thrace vừa ập vào Mycalessus liền cướp bóc nhà dân và đền thờ, và chém giết dân cư, trẻ không tha già không thương mà giết tuốt những ai chúng tình cờ bắt gặp, hết người này đến người khác, cả đàn bà lẫn con trẻ, và thậm chí cả súc vật thờ và bất cứ sinh vật nào khác mà chúng trông thấy; chủng tộc Thrace, giống như những tộc man di khát máu nhất, thậm chí còn khát máu hơn khi chúng không có gì phải sợ. Sự hỗn loạn ngự trị ở khắp nơi và cái chết ở mọi dạng thức; và đặc biệt là khi chúng tấn công một trường nam sinh lớn nhất ở đây, nơi mà trẻ em vừa vào lớp học, và tàn sát tất cả bọn trẻ. Nói tóm lại, thảm họa ập xuống cả trấn này là không gì có thể vượt được về độ lớn, và không gì có thể sánh bằng về tính bất ngờ và ghê rợn.

Trong lúc đó, quân Thebes nghe tin dữ và cất quân đi cứu, và khi bắt kịp quân Thrace trước khi chúng kịp đi xa, họ đoạt lại chiến lợi phẩm và dồn đuổi khiến chúng hốt hoảng chạy đến Euripus và lao xuống biển, nơi những con thuyền đưa chúng đến vãn năm đó. Cuộc chém giết tàn bạo nổ ra trong lúc chúng lên thuyền, vì chúng không biết bơi, và những kẻ trên thuyền khi nhìn thấy những gì đang diễn ra trên bờ đã neo thuyền ra xa khỏi tầm tên bắn: ở phần cuối của cuộc rút chạy này quân Thrace đã tự vệ một cách rất đáng nể chống lại kỵ binh của Thebes, lúc đầu chúng bị đội kỵ binh này tấn công rồi vượt ra được và siết chặt đội ngũ theo chiến thuật ở xứ chúng, và chỉ tổn thất có vài mống trong phần đó của trận đánh. Một số lớn những tên đi lòng chiến lợi phẩm trên thực tế đã bị bắt trong trận và bị giết. Tổng số quân Thrace bị giết là hai trăm năm mươi tên trong số một ngàn ba trăm quân của chúng, quân Thebes và những quân khác đến ứng cứu thiệt mạng khoảng hai mươi người, kỵ binh và bộ binh hạng nặng, cùng với Scirphondas, một trong các *Boeotarch*. Dân Mycalessus tổn thất phần lớn dân số của họ.

Trong khi Mycalessus với quy mô nhỏ bé của nó trải qua một tai họa thảm khốc chẳng kém bất kỳ một tai họa nào khác xảy ra trong chiến tranh, thì Demosthenes mà lúc trước chúng ta tạm gác lại khi ông ta đang đi thuyền đến Corcyra sau khi xây dựng xong pháo đài ở Laconia, đã bắt gặp một thương thuyền đậu ở cảng Phea của Elis, trên thuyền là bộ binh hạng nặng của Corinth đang định vượt biển sang Sicily. Ông ta phá huỷ chiếc thuyền đó, nhưng những người trên thuyền đã chạy thoát được, và sau đó họ kiếm được thuyền khác và tiếp tục chuyển hải hành. Sau việc này, khi đến Zacynthus và Cephallenia, ông ta bèn lấy một toán bộ binh hạng nặng lên thuyền, và phái người đi lấy thêm một số quân Messenia ở Naupactus, rồi vượt sang bờ biển Acarnania đối diện, đến Alyzia^[8], và đến Anactorium mà quân Athens đang chiếm giữ. Trong khi còn ở những nơi này, ông ta gặp Eurymedon từ Sicily trở về, ông này đã được phái đến đó từ mùa đông để mang tiền đến cho quân Athens như đã kể trên; Eurymedon báo cho ông ta biết tin tức mới, và cũng là tin mà ông ta đã nghe được từ khi còn ở ngoài khơi, rằng quân Syracuse đã chiếm được Plemmyrium. Đến đây, Conon, vị

chỉ huy ở Naupactus, cũng tới chỗ họ báo tin rằng hai mươi lăm chiến thuyền Corinth đang đóng ở vị trí đối diện với mình, chẳng những không hề từ bỏ chiến cục này, mà còn đang trù tính một trận giao tranh; và vì vậy Conon đã khẩn nài họ gửi cho ông ta một số chiến thuyền, vì mười tám con thuyền mà ông ta có không thể địch lại được với hai mươi lăm chiến thuyền của Corinth. Demosthenes và Eurymedon y lời phái mười con thuyền tốt nhất của họ theo Conon để tăng viện cho hải đội ở Naupactus, và đồng thời chuẩn bị cho việc tập hợp các lực lượng của họ; Eurymedon, người lúc này là đồng chỉ huy với Demosthenes, và vừa quay về sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao trước đó, đã lên thuyền đi Corcyra để lệnh cho họ cung cấp thủy thủ binh lính cho mười lăm chiến thuyền và chiêu mộ thêm bộ binh hạng nặng; trong lúc Demosthenes chiêu mộ quân bản ná và quân phóng lao từ các vùng lân cận Acarnania.

Cũng trong thời gian đó, các sứ giả, như trên đã kể là họ từ Syracuse đến các kinh thành sau khi chiếm được Plemmyrium, đã thành công với sứ mệnh của mình, và đang chuẩn bị đưa đạo quân mà họ đã thu thập được về, thì Nicias nghe phong thanh được tin ấy, và phái người tới gặp dân Centoripa và dân Alicyaea^[9] cùng những dân bản địa khác ở Sicily thân với Athens, là những xứ dân đang nắm giữ những con đường độc đạo, yêu cầu họ đừng cho quân địch đi qua mà phải hợp nhau lại để chặn đường địch, trong khi ở đó không còn con đường nào khác mà quân địch có thể cố thử vượt qua, vì dân Agrigentum sẽ không cho chúng mượn đường đi qua xứ họ. Thuận theo yêu cầu này dân bản địa Sicily đã cắt đặt ba toán quân mai phục đón lõng đạo quân thực dân Hy Lạp ở Sicily trên đường họ hành quân, và xuất kỳ bất ý tấn công họ trong khi họ lơ là cảnh giác, giết khoảng tám trăm quân của họ và tất cả các sứ giả, chỉ trừ sứ giả Corinth, nhờ ông ta mà một ngàn năm trăm quân chạy thoát đã được dẫn tới Syracuse.

Cùng lúc đó quân Camarina cũng đến trợ chiến cho Syracuse với năm trăm bộ binh hạng nặng, ba trăm quân phóng lao và băng ấy cung thủ, trong khi quân Gela gửi thủy thủ đoàn đến cho năm con thuyền, bốn trăm quân phóng lao và hai trăm quân kỵ. Thực tế hầu như toàn thể Sicily, ngoại trừ

dân Agrigentum là xứ dân đến lúc này vẫn đứng trung lập, giờ đây đã không còn tụ thủ bàng quan như trước, và đã tích cực tham gia với Syracuse chống lại quân Athens.

Trong khi quân Syracuse sau thảm họa do dân bản địa Sicily gây ra đã tạm hoãn mọi cuộc tấn công trước mắt vào quân Athens, thì Demosthenes và Eurymedon, với lực lượng từ Corcyra và từ đại lục lúc bấy giờ đã sẵn sàng, đã vượt qua vịnh Ionia cùng toàn bộ quân lực của họ tới mũi đất Iapygia, và sau khi khởi hành từ nơi này họ cập bờ tại các đảo Choerades nằm ngoài khơi Iapygia, ở đó họ đưa lên thuyền một trăm năm mươi quân phóng lao Iapygia thuộc tộc dân Messapii^[10], và sau khi nối lại tình thân hữu từ xưa với tộc trưởng Artas, người đã cung cấp quân phóng lao cho họ, họ đã đến Metapontium^[11] ở Italy. Tại đây họ đã thuyết phục được các đồng minh Metapontium của mình cử đi theo họ ba trăm quân phóng lao và hai con thuyền ga-lê, và cùng với nhóm quân tiếp viện này họ đã cho thuyền bơi men theo bờ biển tới Thurii, nơi họ thấy phe thù địch với Athens vừa bị trục xuất bởi một cuộc cách mạng, và vì vậy họ đã ở lại đó để tập trung và kiểm lại toàn bộ quân, để xem liệu có ai bị bỏ lại đằng sau không, và để thuyết phục dân Thurii đừng do dự tham gia vào cuộc viễn chinh của họ, và dân này trong tình hình diễn biến như vậy đã ký kết một liên minh phòng thủ và tấn công với quân Athens.

Cũng vào khoảng thời gian đó, quân Peloponnese trên hai mươi lăm chiến thuyền trấn ở đối diện hải đội của Athens ở Naupactus để bảo vệ lối đi cho những con thuyền chuyên vận đến Sicily đã chuẩn bị sẵn sàng để giao chiến, và cung cấp thủy thủ binh lính cho thêm một số chiến thuyền, để số lượng chỉ kém hải đội của Athens chút ít, đã thả neo bên ngoài Erineus^[12] của Achaia, trên lãnh thổ Rhypica^[13]. Cái nơi mà những con thuyền này nằm bên ngoài [Erineus] có hình trăng lưỡi liềm, các lực lượng bộ binh được Corinth và những đồng minh của họ cung cấp ngay tại chỗ đã tiến đến và dàn trận trên các mũi đất nhô ra ở hai bên, trong khi đó hạm đội, dưới quyền chỉ huy của Polyanthes người Corinth, chiếm giữ khoảng không ở giữa và chặn lối vào. Lúc này quân Athens với ba mươi chiến thuyền dưới quyền chỉ huy của

Diphilus đã từ Naupactus ra khơi để đánh họ, và quân Corinth thoát đầu còn bất động nhưng rồi thấy thời cơ đã đến bèn nổi hiệu và tiến lên giao chiến với quân Athens. Sau một trận chiến dằng dai, quân Corinth đã mất ba chiến thuyền, và tuy không đánh chìm được một thuyền nào nhưng đã loại khỏi vòng chiến đấu bảy thuyền của địch, những con thuyền này đã bị đâm mũi đầu mũi và phần đầu thuyền đã bị đâm thủng bởi các chiến thuyền của Corinth, chúng đã được gia cố bằng mũi chỉ vì mục đích ấy. Sau trận chiến bất phân thắng bại này, trong đó cả hai bên đều có thể tự nhận phần thắng về mình (mặc dù quân Athens đã giành được các xác thuyền khi gió đẩy chúng ra biển, trong lúc quân Corinth không ra khơi đối đầu với họ lần nữa), hai bên tham chiến đã phân ly. Không diễn ra cuộc truy đuổi nào, và cả hai bên không một ai bị bắt làm tù binh; quân Corinth và quân Peloponnese đang chiến đấu gần bờ dễ dàng chạy thoát, và không một con thuyền nào của Athens bị đánh chìm. Quân Athens lúc bấy giờ quay thuyền trở về Naupactus, và quân Corinth lập tức dựng lên một đài chiến tích như những kẻ chiến thắng, vì họ đã loại khỏi vòng chiến đấu số thuyền địch nhiều hơn. Hơn thế nữa họ không cho rằng mình đã bị đánh bại, vì chính cái lý do là địch thủ của họ đã không cho rằng mình là kẻ chiến thắng; quân Corinth cho rằng mình là những kẻ chiến thắng nếu họ không bị đánh bại một cách hiển nhiên, và quân Athens coi mình là kẻ chiến bại vì đã không chiến thắng một cách hiển nhiên. Tuy vậy, khi quân Peloponnese dong thuyền đi khỏi đó và các lực lượng bộ binh đã tản đi, quân Athens cũng đã lập một đài chiến tích như những kẻ chiến thắng ở Achaia, cách Erineus nơi đóng quân của Corinth khoảng hai dặm một phần tư.

Đây là kết cục của trận Naupactus. Lại nói về Demosthenes và Eurymedon: Thuriis lúc này đã sẵn sàng tham gia vào cuộc chinh phạt với bảy trăm bộ binh hạng nặng và ba trăm quân phóng lao, hai vị tướng đó bèn lệnh cho những con thuyền chèo dọc theo bờ biển tới lãnh thổ Croton^[14], và trong lúc đó họ tiến hành một cuộc tổng duyệt lực lượng bộ binh bên sông Sybaris^[15], và sau đó dẫn quân đi qua xứ Thuriis. Khi đến sông Hylas^[16], ngay tại đó họ đã nhận được một thông điệp từ dân Croton nói rằng dân này sẽ không cho phép đạo quân đi qua xứ sở của mình; vì vậy quân Athens đã kéo

xuống mạn bờ biển, hạ trại đêm đó ở gần biển và cửa sông Hylia, nơi mà hạm đội cũng gặp họ, và ngày hôm sau họ lên thuyền và trong khi bơi thuyền dọc theo bờ biển họ đã cập vào tất cả các thành ngoại trừ Locri, cho đến khi họ tới Petra^[17] trên lãnh thổ Rhegium.

Trong lúc đó quân Syracuse nghe tin quân tăng viện của địch đang đến rất gần liền quyết định thực hiện một cuộc tấn công thứ hai bằng hạm đội và các lực lượng trên bờ của họ, những lực lượng mà họ vẫn đang chiêu tập cho chính mục đích này hầu có thể làm nên chuyện trước khi quân tăng viện của địch đến. Ngoài những cải tiến khác được đúc rút từ kinh nghiệm trận hải chiến trước mà hiện họ đã ứng dụng vào trang thiết bị hải quân, họ đã cắt bớt đăng mũi thuyền cho ngắn hơn để làm cho chúng chắc khỏe hơn và làm cho mũi thuyền dày dặn cứng cáp hơn, và từ đó luồn những thanh xà gỗ chống vào hai bên mạn thuyền với chiều dài sáu cubit^[18] cả bên trong lẫn bên ngoài, đúng theo cái cách mà quân Corinth đã sửa lại mũi thuyền của họ trước khi giao chiến với hải đội Athens tại Naupactus. Quân Syracuse cho rằng với những cải tiến này chiến thuyền của họ sẽ có lợi thế hơn hẳn những chiến thuyền Athens, vốn không được đóng chắc chắn như của họ mà mỏng nhẹ ở phía mũi thuyền do chúng thường được dùng để bơi lượn vòng và đâm bổ vào mạn thuyền địch hơn là để đánh trực diện theo kiểu mũi đầu mũi, và rằng trận đánh diễn ra trong Đại Cảng, với số thuyền đông như nêm trong một không gian chật hẹp cũng là một việc có lợi cho mình. Khi tấn công mũi đầu mũi, họ sẽ chọc thủng đầu thuyền địch bằng cách đâm những mũi thuyền chắc khỏe vào những mũi thuyền rỗng yếu; hơn nữa, quân Athens vì thiếu không gian sẽ không thể dùng đến cái chiến thuật yêu thích của mình là thọc vào trận tuyến hoặc bơi vòng quanh, vì quân Syracuse sẽ cố hết sức mình không để quân địch làm được việc thứ nhất, và thiếu không gian sẽ ngăn cản không cho quân ấy làm được việc thứ hai. Tấn công kiểu mũi đầu mũi này, việc mà cho đến nay vẫn bị coi là do người cầm lái không thành thực, sẽ là chiến thuật chính của quân Syracuse, vì đó là chiến thuật mà họ thấy hữu dụng nhất, do quân Athens nếu bị đánh lui sẽ không thể chèo ngược về bất kỳ hướng nào ngoại trừ về bờ, mà bờ đó chỉ cách một đoạn ngắn, và trong một khoảng không gian hẹp phía trước trại của chính quân

Athens. Phần bến cảng còn lại sẽ bị quân Syracuse kiểm soát; và vì quân Athens đang chen chúc với nhau trong một khoảng không gian hẹp và tất cả cùng dồn vào một chỗ, nếu bị ép mạnh sẽ va đụng vào nhau và rối trận, là điều mà trên thực tế đã gây tổn hại nhiều nhất cho quân Athens trong tất cả các trận hải chiến, bởi không như quân Syracuse, quân kia chẳng có được toàn bộ hải cảng để rút về. Còn như việc định bơi vòng ra ngoài khơi sẽ là bất khả khi quân Syracuse đang kiểm soát cả lối ra lẫn lối vào, nhất là khi Plemmyrium đã trở thành thù địch với quân Athens, và cửa hải cảng chẳng rộng rãi gì cho cam.

Với những trù tính như vậy cho phù hợp với kỹ năng và khả năng của họ, và giờ đây đã tự tin hơn sau trận hải chiến lần trước, quân Syracuse đồng thời tấn công cả trên bộ lẫn trên biển. Gylippus dẫn lực lượng trong trấn ra ngoài sớm hơn chút ít và đưa họ tới thành lũy của quân Athens, nơi nhìn về phía kinh thành, trong khi đó lực lượng từ Olympieum, tức là bộ binh hạng nặng cùng với quân kỵ và bộ binh hạng nhẹ của Syracuse đóng ở đó, tiến đánh thành lũy từ phía đối diện; những chiến thuyền của quân Syracuse và đồng minh ngay sau đó lập tức bơi ra. Quân Athens lúc đầu ngỡ rằng chỉ bị tấn công trên bộ, và chẳng thể không phát hoảng khi thấy hạm đội địch đã bất ngờ tiến sát; và trong khi một số quân đang dàn trận trên mặt và phía trước các thành lũy để chống lại quân địch đang tiến đến, và một số đang vội vàng xuất trận để chống lại một số đông quân kỵ và quân phóng lao đang từ Olympieum và từ bên ngoài, thì những kẻ khác lên các chiến thuyền hoặc lao vội xuống bờ biển để cự địch, và khi những con thuyền đã đủ người, họ xuất bảy mươi lăm chiến thuyền ra khơi để đối trận với khoảng tám mươi chiến thuyền của quân Syracuse.

Sau khi mất gần trọn ngày hôm đó hết tiến lại lui và giao tranh với nhau mà chẳng bên nào giành được chút lợi thế đáng kể nào, ngoại trừ việc quân Syracuse đánh chìm một hoặc vài chiến thuyền của Athens, hai bên đã phân ly, lực lượng trên bộ cùng lúc đó đã rút lui khỏi phòng tuyến. Ngày hôm sau quân Syracuse án binh bất động, và không cho thấy một dấu hiệu nào là họ định làm gì; nhưng Nicias thấy rằng trận đánh hôm qua bất phân thắng bại, và nghĩ rằng địch sẽ lại tấn công nên đã thúc các thuyền trưởng sửa chữa bất

kỳ chiếc thuyền nào bị hư hại, và neo các thương thuyền ra đằng trước luỹ cọc mà họ đã đóng xuống biển phía trước những chiến thuyền của mình, để thành một bến đậu khấp kín, những con thuyền này neo đậu cách nhau khoảng hai trăm *foot*, để bất cứ chiến thuyền nào mà bị dồn ép có thể an toàn rút lui và ung dung ra khơi lại. Công cuộc chuẩn bị này chiếm của quân Athens trọn ngày đến tận lúc màn đêm buông xuống.

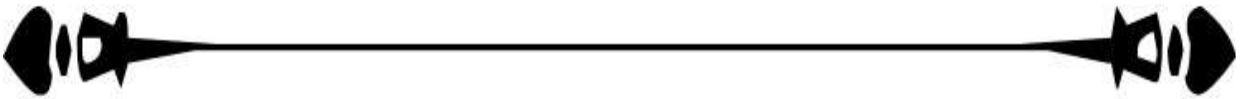
Ngày hôm sau quân Syracuse bắt đầu tác chiến từ sớm, nhưng vẫn cùng một kế hoạch tấn công trên bộ và trên biển. Hai lực lượng thù địch đã dùng gần trọn ngày hôm đó y như hôm trước, đối đầu và giao tranh với nhau; cho đến khi rốt cục Ariston con trai của Pyrrhicus, người Corinth, là hoa tiêu thiện nghệ nhất trong quân Syracuse, đã thuyết phục được các chỉ huy hải quân phái người về gặp giới chức trong thành, và nói với họ hãy di khu chợ buôn bán nhanh hết sức xuống mạn bờ biển, và lệnh cho mỗi người phải mang bất cứ thứ gì ăn được mà họ có đến bán ở đó, bằng cách này tạo điều kiện để các chỉ huy cho thủy thủ đoàn đổ bộ và ăn bữa tối cùng một lúc cạnh những con thuyền của họ, và ngay sau đó, trong cùng một ngày hôm ấy, có thể tấn công quân Athens lần nữa khi quân này không ngờ đến điều đó.

Thế theo lời khuyên này một người đưa tin đã được phái đi và khu chợ đã được chuẩn bị sẵn sàng, ngay khi ấy quân Syracuse đột ngột chèo ngược thuyền về và rút vào trấn, và lập tức đổ bộ và ăn tối ngay tại chỗ; trong khi quân Athens cho rằng địch rút về trấn vì cảm thấy đã thua trận nên đã ung dung lên bờ và sửa soạn nấu bữa tối và làm những việc khác của mình, tưởng rằng họ đã xong việc chiến đấu của ngày hôm đó. Đột nhiên quân Syracuse đưa người lên thuyền và lại chèo thuyền đến đánh họ; và quân Athens, cực kỳ bất loạn và phần đông bỏ cả ăn uống, lên thuyền và ra khơi một cách vô cùng nhọc nhằn để nghênh địch. Cả hai bên đều giữ thế thủ hồi lâu mà không giao chiến, rốt cục quân Athens quyết định không để cho mình bị mòn mỏi vì đứng yên một chỗ chờ đợi mà phải tấn công không chậm trễ, và họ vừa reo hò vừa bắt đầu xung trận. Quân Syracuse tiếp chiến, và khi tấn công mũi đầu mũi như đã dự định, họ đã đâm thủng rất nhiều mũi thuyền của quân Athens bằng những mũi thuyền cương mãnh của họ; quân phóng lao trên thuyền cũng gây tổn thất lớn cho quân Athens, nhưng những tổn

thất còn lớn hơn thế nhiều gây ra bởi những binh lính Syracuse len lỏi khắp nơi bằng những con thuyền nhỏ, lách vào giữa những mái chèo trên thuyền Athens và tiến sát vào mạn những con thuyền đó rồi từ đó phóng những mũi lao của mình vào các thủy thủ của địch.

Đánh cật lực theo cách này, rốt cục quân Syracuse đã giành được thắng lợi, và quân Athens quay thuyền chạy vào giữa các thương thuyền về bến đỗ của họ. Các chiến thuyền của Syracuse đã truy đuổi họ tới tận chỗ những thương thuyền, nơi mà chúng bị chặn lại bởi các cột buồm của những thương thuyền đó được trang bị bằng những cây cọc buộc thuyền treo lơ lửng trên lối vào. Phấn khích vì thắng lợi, hai thuyền của Syracuse đã tới quá sát và đã bị tiêu diệt, một trong hai thuyền này đã bị bắt với thủy thủ đoàn của nó. Sau khi đánh chìm bảy chiến thuyền của Athens và phá hỏng nhiều chiếc khác, bắt hầu hết quân trên đó làm tù binh và giết số còn lại, quân Syracuse đã rút về và dựng các đài chiến tích cho cả hai trận giao tranh, giờ đây họ tự tin vì có được sự ưu việt không thể phủ nhận trên biển, và chẳng có lý nào họ lại không hy vọng vào thắng lợi không kém trên bộ.

Chương XXII



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI CHÍN – DEMOSTHENES ĐÃ ĐẾN – QUÂN ATHENS CHIẾN BẠI Ở EPIPOLAE – TÍNH NGOAN CỐ CỦA NICIAS

Cùng thời gian đó, trong khi quân Syracuse đang chuẩn bị cho cuộc tấn công thứ hai cả trên bộ lẫn trên biển, Demosthenes và Eurymedon vừa kịp đến với quân tăng viện từ Athens, tất cả khoảng bảy mươi ba chiến thuyền, bao gồm cả các quân ngoại bang; xấp xỉ năm ngàn bộ binh hạng nặng, quân Athens và các đồng minh; rất nhiều quân phóng lao, cả quân Hy Lạp lẫn quân phi-Hy-Lạp, quân bắn ná và cung thủ và tất cả mọi thứ khác tương xứng với quy mô đó. Quân Syracuse và các đồng minh của họ trong thời

điểm đó đã lo sợ không ít với ý nghĩ rằng những hiểm hoạ của họ sẽ vô thời hạn hoặc không có hồi kết khi thấy rằng, bất chấp việc củng cố Decelea, một đạo quân mới đã đến cũng đông chẳng kém gì đạo quân trước, và Athens chứng tỏ một sức mạnh vĩ đại đến thế trên mọi lĩnh vực. Mặt khác, đạo quân đầu tiên của Athens đã lấy lại được sự tự tin nhất định sau những rủi ro hoạn nạn mà nó gặp phải. Demosthenes ngay khi thấy binh tình ra sao đã cho rằng ông ta không thể kéo dài và để chiến sự diễn biến theo cách mà trước đó Nicias đã làm, bởi Nicias trú đông ở Catana mà không tấn công Syracuse ngay lập tức nên đã để cho nỗi kinh sợ khi ông ta xuất hiện lần đầu biến thành sự khinh nhờn, và đã để cho Gylippus có thời gian đến được đây cùng với một lực lượng từ Peloponnese, lực lượng mà Syracuse lẽ ra chẳng thể phái người đi cầu viện được nếu ông ta tấn công ngay khi đến; vì địch những tưởng rằng chúng xứng là đối thủ của ông ta, và ắt hẳn đã chẳng phát hiện ra sự thua kém của mình cho đến khi chúng đã bị bao vây, và cho dù là lúc đó chúng có phái người đi cầu viện chẳng nữa, thì chắc chúng cũng chẳng thể còn khả năng như trước để được giúp đỡ khi đám viện quân này đến. Nhớ ra việc này, và nhận thức rõ rằng lúc này chính là ngày đầu tiên sau khi ông ta đến nên cũng như Nicias khi trước, hiện ông ta là kẻ đáng sợ nhất đối với quân địch, Demosthenes liền quyết định lập tức tận dụng hết mọi lợi thế từ nỗi kinh sợ nhất thời mà đạo quân của ông ta gây ra; và thấy rằng bức thành lũy đối kháng của quân Syracuse đã cản trở không để quân Athens bao vây mình chỉ là một thành lũy đơn, và rằng ông ta, người nhất định sẽ kiểm soát được con đường dẫn lên Epipolae và sau đó là cả doanh trại trên ấy, sẽ chiếm được thành lũy ấy chẳng chút khó khăn, vì thậm chí sẽ không một kẻ nào dám chờ cuộc tấn công của ông ta cả, ông ta bèn hết sức khẩn trương cố gắng thực hiện kế sách đó. Ông ta cho rằng đây chính là con đường ngắn nhất để kết thúc chiến tranh, vì ông ta hoặc sẽ thành công và chiếm được Syracuse, hoặc sẽ dẫn đạo quân đó quay về chứ không phí hoài sinh mạng của người Athens đang tham gia vào cuộc viễn chinh đó và cả nguồn lực của thành bang nữa.

Vậy nên trước hết quân Athens đã kéo ra tàn phá đất đai của dân Syracuse ở quanh sông Anapus và rất thành công cả trên bộ lẫn trên biển y như lúc

đầu, quân Syracuse không tỏ ý muốn đối trận với họ dù trên biển hay trên bộ, trừ phi bằng quân kỵ và quân phóng lao của họ từ Olympieum. Tiếp theo đó, Demosthenes quyết định tấn công bức thành lũy đối kháng trước hết là bằng các cỗ máy công thành. Tuy vậy khi những cỗ máy mà ông ta đưa lên đã bị đốt cháy bởi quân địch phản công từ thành lũy ra, và lực lượng còn lại bị đẩy lùi sau khi tấn công vào nhiều điểm khác nhau, ông ta liền quyết định không trì hoãn thêm nữa, và sau khi được Nicias và các chỉ huy khác đồng thuận, ông ta bắt tay vào thực hiện kế hoạch tấn công Epipolae của mình. Vì ban ngày xem ra chẳng thể lại gần và trèo lên đó mà không bị phát hiện, ông ta ra lệnh chuẩn bị lương thảo năm ngày, mang theo tất cả thợ nề, thợ mộc và những thứ khác chẳng hạn như tên nổ, và mọi vật dụng khác mà họ có thể cần đến để xây dựng công sự nếu thành công, và sau phiên gác đêm đầu tiên ông ta khởi hành với Eurymedon và Menander cùng toàn bộ đạo quân đi Epipolae, Nicias được để lại trong phòng tuyến. Khi đã lên theo đường đồi Euryelus (là nơi đạo quân thứ nhất đã leo lên từ lúc ban đầu) mà không bị lính gác của địch trông thấy, họ leo lên công sự mà quân Syracuse đang ở đó, chiếm lấy nó và tiêu diệt một phần đội quân đồn trú ở đó. Nhưng phần lớn đã mau chóng thoát được và nổi hiệu báo động cho các doanh trại, có ba doanh trại như thế trên Epipolae, được phòng vệ bằng các công sự phụ, một doanh trại của Syracuse, một của các quân khác là thực dân Hy Lạp ở Sicily, và một của các đồng minh; và cả sáu trăm quân lập thành đội quân đồn trú từ ban đầu ở địa điểm này của Eippolae nữa. Những quân này lập tức tiến lên đánh địch và, tình cờ chạm trán Demosthenes và quân Athens, đã bị đánh tan tác sau một hồi kháng cự quyết liệt, những kẻ chiến thắng lập tức xông lên, nôn nóng muốn đạt được ngay các mục tiêu của cuộc tấn công không để cho nhiệt huyết kịp nguội; trong lúc đó những quân khác ngay từ đầu cuộc tấn công đã đang đánh chiếm bức thành lũy đối kháng của Syracuse bị đội quân đồn trú ở đó bỏ lại, và phá đổ những đoạn tường thành có lỗ châu mai. Quân Syracuse và các đồng minh và Gylippus cùng với binh lính dưới quyền chỉ huy của ông ta từ các công sự phụ kéo đến giải cứu, nhưng lâm trận trong cơn hốt hoảng (một cuộc tấn công ban đêm là một hành động táo bạo mà họ không bao giờ ngờ tới) và thoát đầu đã bị đẩy lùi.

Song trong lúc đó quân Athens, phấn khích vì chiến thắng, đã xông lên một cách vô tổ chức hơn vì mong muốn mau chóng cướp đường xuyên qua toàn bộ lực lượng quân địch vẫn còn chưa lâm trận hết, và không ngớt tấn công không để cho địch có thời gian trấn tĩnh, thì quân Boeotia bắt đầu mở đợt phản công đầu tiên, tấn công, đánh tan tác và buộc quân Athens phải tháo chạy.

Lúc ấy quân Athens lâm vào tình trạng bị rối trận và cực kỳ hỗn loạn, đến đổi cả hai bên đều khó mà quan sát được những gì đang diễn ra. Vào ban ngày chắc chắn các bên tham chiến sẽ nhìn thấy rõ hơn, dù rằng kể cả ban ngày cũng chẳng có cách nào để một người biết rõ về những gì không diễn ra ngay bên cạnh mình; nhưng trong một trận giao tranh ban đêm (và là trận đánh đêm duy nhất xảy ra giữa những đạo quân lớn trong cuộc chiến này) ai mà biết chắc được điều gì? Mặc dù đêm đó trăng sáng vàng vạc nhưng họ nhìn nhau cũng chỉ như khi người ta nhìn nhau dưới ánh trăng, nghĩa là họ chỉ có thể phân biệt được hình dáng con người, nhưng không thể đoán chắc đó là ta hay địch. Cả hai bên đều có một số lượng rất đông bộ binh hạng nặng di chuyển quanh quẩn trong một khoảng chật hẹp. Một số quân Athens đã bị đánh bại, trong lúc những quân khác chưa bị đánh bại vẫn tiến lên tấn công như ban đầu. Một phần lớn những quân còn lại trong lực lượng của họ hoặc mới chỉ vừa lên đến nơi, hoặc vẫn đang trèo lên, thế nên họ chẳng biết đằng nào mà tiến. Nguyên do là sự tháo chạy ở tuyến trước lúc này đang hỗn loạn, và tiếng ồn khiến họ khó mà phân biệt được điều gì. Quân Syracuse và các đồng minh thắng thế đang khích lệ nhau bằng những tiếng hò la âm ỉ, là phương tiện liên lạc duy nhất khả dĩ trong đêm, và đồng thời tiếp chiến tất cả những kẻ va phải họ; trong lúc đó quân Athens đang tìm nhau, cho rằng tất cả những kẻ đối diện đều là quân địch, thậm chí mặc dù đó có thể là một số đồng minh của họ đang quay lại tháo chạy; và bởi liên tục hỏi nhau mật khẩu, là cách duy nhất để họ nhận ra nhau, nên không những chỉ gây ra tình trạng cực kỳ rối loạn giữa họ với nhau khi bất thành lĩnh hỏi nhau mà còn làm lộ mật khẩu cho quân địch biết, trái lại họ chẳng dễ gì khám phá ra mật khẩu của địch, bởi quân Syracuse đang chiến thắng và không tản ra, và vì vậy khó bị nhầm lẫn hơn. Hậu quả là nếu quân Athens tình cờ đụng độ với

một toán quân địch yếu thế hơn mình, thì toán đó thoát được vì biết mật khẩu của họ; trái lại nếu chính họ không trả lời được mật khẩu là họ bị tiêu diệt. Nhưng cái làm họ tổn hại cũng nhiều như thế, mà thực ra là tổn hại nhiều nhất, lại là những khúc tụng ca đang cất lên, vì sự bối rối mà nó gây ra khi mà cả bên này lẫn bên kia cùng hát; quân Argos, quân Corcyra và bất kỳ quân nào thuộc tộc Doris trong đạo quân đó đều khiến quân Athens sợ chết khiếp mỗi khi họ cất tiếng tụng ca, chẳng kém gì khi quân địch hát cả. Vậy nên, một khi đã rơi vào hỗn loạn, họ tất phải đi đến chỗ đụng độ giữa bọn họ với nhau ở nhiều nơi trên trận địa, đồng minh với đồng minh, đồng bào với đồng bào, và không chỉ làm nhau kinh hoàng, mà còn chém giết lẫn nhau và khó mà tách được họ ra khỏi nhau. Trong cuộc truy đuổi nhiều kẻ đã gieo mình xuống từ các vách đá, do con đường từ Epipolae đi xuống rất hẹp; và trong số những kẻ đã an toàn xuống được đất bằng, tuy số này khá đông và đặc biệt những kẻ thuộc về đạo quân ban đầu của Athens đã trốn thoát được vì thông thạo địa phương này hơn, một số quân mới đến đã lạc đường và lang thang khắp xứ, và sáng ngày ra đã bị quân kỵ Syracuse chặn đường và tiêu diệt.

Ngày hôm sau quân Syracuse dựng hai đài chiến tích, một ở trên đỉnh Epipolae nơi họ mở đường lên, và một ở địa điểm nơi quân Boeotia đã đánh bại quân Athens đầu tiên; và quân Athens thu thập xác binh sĩ của họ theo thoả thuận tạm đình chiến. Vô số quân Athens và quân đồng minh đã bị giết, dù vậy số lượng binh khí đoạt được còn nhiều hơn so với số xác binh sĩ, vì một số kẻ trong khi bắn bách phải nhảy từ vách đá xuống đã bỏ lại khiên của họ và toàn mạng trốn thoát và không chết như những kẻ còn lại.

Sau trận này quân Syracuse, khi đã khôi phục được lòng tự tin vốn có của mình nhờ một vận may bất ngờ đến thế, liền phái Sicanus cùng mười lăm chiến thuyền đi Agrigentum nơi đang nổ ra một cuộc cách mạng, để xem có cơ hội thì thuyết phục thành đó tham gia với họ; trong khi đó Gylippus lại một lần nữa theo đường bộ đến những xứ còn lại ở Sicily để kiểm quân tăng viện mang về, do lúc này ông ta đang hy vọng sẽ chiếm được phòng tuyến của Athens bằng một cuộc đột chiếm sau thắng lợi ở trận Epipolae.

Cũng trong thời gian đó, các vị tướng quân của Athens đã thương nghị với nhau về cuộc thảm bại vừa xảy ra và về nhược điểm chung của cả đạo quân này. Họ tự thấy không thành công với các chiến dịch của mình, và binh lính chán ghét phải ở lại đây; bệnh dịch đang hoành hành trong quân vì lúc đó đang là mùa dịch bệnh trong năm, và vì địa điểm họ đóng quân vốn là vùng đầm lầy có hại cho sức khỏe; và tình trạng của họ nhìn chung bị coi là tuyệt vọng. Trong tình hình ấy, Demosthenes cho rằng họ không nên nán lại nơi này lâu thêm nữa, mà theo ý kiến ban đầu của ông ta là liền đánh chiếm Epipolae, giờ đây khi việc đó đã thất bại, ông ta biểu quyết tán thành ra đi để không mất thêm thời gian nữa, trong khi vẫn còn có thể vượt qua biển được, và dù thế nào đi chăng nữa thì quân tăng viện mới đây của họ vẫn có thể cho họ thể thượng phong trên biển. Ông ta còn nói rằng thành bang của họ tiến hành cuộc chiến tranh chống lại những kẻ đang xây dựng phòng tuyến công sự ở Attica sẽ có lợi hơn là đi đánh dân Syracuse mà họ không còn dễ dàng chinh phục được nữa; ngoài điều này ra, lãng phí một khoản tiền lớn khi tiếp tục cuộc vây hãm này mà chẳng đạt được mục đích gì là việc làm không đúng đắn.

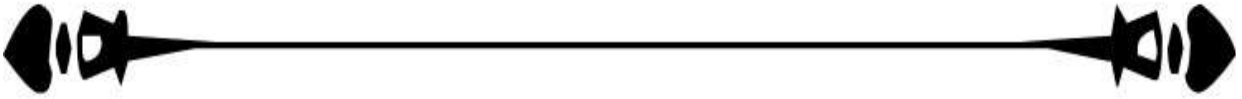
Đó là ý kiến của Demosthenes. Nicias không phủ nhận tình trạng tồi tệ của họ, nhưng không muốn thừa nhận nhược điểm của họ, hoặc để bị đồn đến tai quân địch rằng tất cả hội đồng tướng lĩnh của Athens công khai biểu quyết rút lui; vì rằng trong trường hợp đó họ sẽ khó có thể lảng lảng rút lui khi họ muốn mà không bị địch phát hiện. Hơn nữa, thông tin đặc biệt mà riêng ông ta có vẫn cho ông ta lý do để hy vọng rằng tình trạng của địch sẽ mau chóng trở nên tồi tệ hơn tình trạng của chính quân Athens nếu họ kiên trì vây hãm, bởi họ sẽ làm quân Syracuse kiệt quệ vì thiếu tiền bạc, nhất là với tầm kiểm soát trên biển xa rộng hơn nhiều mà lực lượng hải quân hiện tại vừa mang lại cho họ. Ngoài điều này ra, còn có một phe ở Syracuse muốn làm nội phản dâng thành cho quân Athens, và liên tục nhắn tin cho ông ta và bảo ông ta đừng triệt thoái cuộc bao vây đó. Vì thế, khi biết được tin này và trên thực tế là đang chờ đợi, bởi vì ông ta lưỡng lự giữa hai con đường và mong muốn nhìn thấy con đường của mình rõ ràng hơn, trong lời phát biểu công khai vào lúc này ông ta đã từ chối dẫn đạo quân đó ra đi, nói

rằng ông ta chắc chắn là người Athens sẽ chẳng khi nào chấp thuận việc họ trở về khi chưa được dân chúng biểu quyết tán thành. Những người sẽ biểu quyết về hành động của họ, thay vì phán xét bằng các sự kiện thực tế được tận mắt chứng kiến như chính bản thân họ đây chứ không phải bằng những gì họ nghe được từ những lời chỉ trích thù địch, lại rất dễ dàng bị dẫn dắt bởi những lời vu khống của diễn giả khôn khéo đầu tiên; trong khi đó rất nhiều, mà thực ra là hầu hết binh lính tại chiến trường này, những kẻ lúc này đang lớn tiếng kêu ca về tình thế nguy ngập của họ, khi về đến Athens sẽ lớn tiếng kêu ca không kém về điều ngược lại hoàn toàn, và sẽ nói rằng các vị tướng của họ đã bị hối lộ để phản bội họ và quay về. Vì vậy, về phần mình, ông ta biết rõ tính khí người Athens nên thà liều thử vận may và nếu phải chết thì chết như một người lính bởi tay quân địch còn hơn là chết vì những lời cáo buộc nhục nhã và vì một bản án bất công bởi tay người Athens. Và chẳng, xét cho cùng thì quân Syracuse đang ở trong tình trạng tồi tệ hơn là chính họ. Nào là phải trả lương cho lính đánh thuê, tiêu tốn vào các đồn lũy công sự, và từ nay phải duy trì một lực lượng hải quân to lớn trong cả một năm trời, chúng đã đang túng quẫn lắm rồi và sắp lâm vào bước đường cùng đến nơi: chúng đã tiêu tốn hai ngàn talăng và ngoài ra còn mắc nợ nần chồng chất; và chúng không thể nào để mất dù chỉ một phần rất nhỏ trong lực lượng hiện thời của chúng, vì không chỉ trả nổi, mà lại không làm đại nghiệp của chúng tiêu tan, khi phụ thuộc vào lính đánh thuê mà chúng đã thuê mượn nhiều hơn là lính nghĩa vụ mà chúng có. Vì thế cho nên ông ta nói rằng họ phải ở lại và tiếp tục công cuộc vây hãm, và không thể ra về như những kẻ chiến bại chỉ vì tiền bạc, là thứ mà họ nhiều hơn hẳn quân địch.

Nicias nói rất quả quyết vì ông ta có thông tin chính xác về tình trạng tài chính túng quẫn ở Syracuse, và cũng vì sức mạnh của phe thân Athens ở đó vẫn thường xuyên nhắc nhở ông ta đừng triệt thoái cuộc hãm thành này; thêm vào đó, ông ta tự tin vào hạm đội của mình hơn trước đây, và có cảm giác chắc chắn rằng hạm đội đó thế nào cũng phải thành công. Thế nhưng Demosthenes chẳng muốn nghe thêm lời nào về việc tiếp tục vây hãm, mà nói rằng nếu họ không thể đưa quân về khi chưa có sắc lệnh từ Athens, và nếu họ buộc phải tiếp tục ở lại, thì họ phải di quân sang Thapsus hoặc

Catana, nơi mà các lực lượng trên bộ của họ có cả một xứ rộng lớn để tung hoành, và có thể sống được bằng cách cướp bóc trên đất địch, và sẽ gây tổn hại cho địch bằng cách đó; trong lúc đó hạm đội có cả biển khơi mà tranh chiến, tức là, thay vì một khoảng không gian chật hẹp mà lợi thế hoàn toàn nghiêng về phía địch, họ sẽ có một mặt biển rộng rãi nơi chiến thuật của họ có thể đặc dụng, và là nơi mà họ có thể tiến hay lui mà không bị giới hạn hoặc ngăn trở cả khi họ ra khơi hay về bến đỗ. Bất luận thế nào thì ông ta cũng cực lực phản đối việc họ tiếp tục ở lại nơi họ đang ở, và khăng khăng đòi đưa quân đi ngay lập tức, càng nhanh và càng ít trì hoãn càng tốt; và Eurymedon nhất trí với ý kiến này. Tuy thế Nicias vẫn phản đối, đã có sự bất đồng và lưỡng lự nhất định bao trùm lên họ, với nỗi hoài nghi rằng Nicias có thể có nhiều thông tin hơn thế mới khiến ông ta lạc quan đến thế.

Chương XXIII



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI CHÍN – NHỮNG TRẬN ĐÁNH Ở ĐẠI CẢNG – ĐẠO QUÂN ATHENS TRIỆT THOÁI VÀ BẠI VONG

Trong lúc quân Athens cứ lần chần như vậy mà không di chuyển khỏi chỗ đang đóng, Gylippus và Sicanus lúc bấy giờ cũng vừa về đến Syracuse. Sicanus đã không tranh thủ được Agrigentum, phe thân Syracuse đã bị đuổi khỏi đó từ lúc ông ta vẫn còn đang ở Gela; nhưng theo về với Gylippus không những là một số đông binh lính chiêu tập được ở Sicily, mà còn cả những bộ binh hạng nặng từ Peloponnese được gửi đi theo các thương thuyền vào mùa xuân, những quân này đã từ Libya đến Selinus. Họ đã bị bão xô dạt vào Libya, và sau khi kiếm được hai thuyền ga-lê và hoa tiêu từ

dân Cyrene, trên hải trình dọc theo bờ biển của mình họ đã đứng về phía dân Euesperitae⁴¹ và đã đánh bại quân Libya đang bao vây dân này, và từ nơi đó họ chèo thuyền men theo bờ biển tới Neapolis, một trung tâm buôn bán của Carthage và là điểm gần nhất với Sicily, chỉ cách đó một hải trình hai ngày và một đêm, ở đó họ vượt biển và đến Selinus. Ngay khi họ vừa đến, quân Syracuse lập tức chuẩn bị để tấn công quân Athens lần nữa cả trên bộ lẫn trên biển. Các tướng lĩnh của Athens nhìn thấy một đạo quân sung sức đến để tăng viện cho địch, và thấy tình cảnh của chính mình chẳng những không cải thiện chút nào mà còn ngày một trở nên tồi tệ, và trên hết là lo buồn vì quân sĩ sinh đau ốm, giờ đây họ bắt đầu hối hận vì đã không ra đi từ trước; và khi Nicias đã không còn phản đối như trước nữa, chỉ năn nỉ rằng không nên biểu quyết công khai, họ đã ra các mệnh lệnh bí mật hết mức có thể cho toàn quân chuẩn bị sẵn sàng nhổ neo rời doanh trại ra khơi khi có hiệu lệnh. Cuối cùng thì tất cả binh lính cũng đã sẵn sàng, và đúng vào lúc họ đang sắp sửa chèo thuyền ra đi thì xảy ra nguyệt thực, và là nguyệt thực toàn phần. Phần đông quân Athens đều rất lo sợ vì hiện tượng này liền nài nỉ các vị tướng để hoãn lại; và Nicias, người mê tín quá mức với bói toán và những chiêm nghiệm kiểu ấy, từ lúc xảy ra hiện tượng này thậm chí đã từ chối không xem xét đến việc ra đi, cho đến khi họ đã đợi đủ ba lần chín ngày theo lời phán của các nhà tiên tri.

Những kẻ vây hãm do đó đã buộc phải ở lại xứ sở này; và quân Syracuse khi nghe phong thanh được những gì xảy ra đã trở nên hăm hở muốn đánh ép quân Athens hơn bao giờ hết, những kẻ mà giờ đây đã phải tự thừa nhận rằng họ không còn ở thế thượng phong so với quân Syracuse cả trên biển lẫn trên bộ, vì nếu không phải thế họ đã chẳng bao giờ tính kế lên thuyền ra đi. Và lại, quân Syracuse cũng không muốn quân Athens lưu lại bất kỳ vùng nào khác ở Sicily, nơi họ sẽ phải đối phó khó khăn hơn, mà mong ép được quân địch phải chiến đấu trên biển càng sớm càng hay, vì họ đang ở vị thế thuận lợi. Do đó họ đã đưa thủy thủ binh lính lên các chiến thuyền của mình và luyện tập một số ngày mà họ cho là đủ. Khi thời cơ đến, ngày đầu tiên họ đột kích phòng tuyến của quân Athens, và khi một toán nhỏ bộ binh hạng nặng và quân kỵ xông ra đánh lại họ ở một số chỗ nhất định, họ đã tiêu diệt

một số bộ binh hạng nặng, đánh tan và truy đuổi quân Athens về tận phòng tuyến, nơi mà, vì lối vào chật hẹp, quân Athens đã tổn thất bảy mươi quân kỵ và một ít bộ binh hạng nặng.

Rút quân về ngày hôm đó, hôm sau quân Syracuse xuất trận với hạm đội bảy mươi sáu chiến thuyền, và tiến đánh phòng tuyến địch đồng thời với các lực lượng trên bộ của mình. Quân Athens cho tám mươi sáu chiến thuyền ra khơi nghênh địch, tiến sát đến hạm đội của địch và giao chiến. Quân Syracuse và các đồng minh của mình trước hết đánh bại trung quân của Athens, rồi họ bắt được Eurymedon, vị tướng chỉ huy cánh phải của quân Athens, khi ông ta đang bơi thuyền tách khỏi hàng ngũ và tiến về phía gần đất liền hơn để bao vây quân địch, ở cuối bến cảng nơi hõm sâu vào đất liền, họ giết ông ta đồng thời phá huỷ những chiến thuyền đi cùng ông ta; sau đó họ truy đuổi toàn bộ hạm đội của Athens trước mặt họ và dồn hạm đội đó vào bờ.

Gylippus khi thấy hạm đội của địch bị đánh bại và bị dồn vào bờ xa khỏi lũy cọc chắn và doanh trại của Athens, bèn cùng một số binh lính của mình chạy xuống con đê chắn sóng để diệt quân địch khi chúng đổ bộ lên bờ và tạo điều kiện cho quân Syracuse kéo những con thuyền đó lên bờ dễ dàng hơn bởi bờ biển là nơi thân thiện với họ. Quân Tyrrhenia đang canh gác bảo vệ địa điểm này cho quân Athens, khi thấy họ nháo nhào xông đến đã tiến quân đánh họ, tấn công và đánh tan tác đội quân tiên phong của họ, đẩy đội này vào đầm lầy Lysimeleia. Sau đó binh lính Syracuse và các đồng minh đã đến với quân số đông hơn rất nhiều, và quân Athens vì lo lắng cho các con thuyền của mình cũng đã kịp đến để giải cứu và giao chiến với họ, và đã đánh bại rồi truy đuổi họ một quãng, và giết được một ít bộ binh hạng nặng của Syracuse. Họ đã thành công trong việc giải cứu hầu hết các chiến thuyền và đưa chúng xuống phía dưới trại của mình; tuy vậy, mười tám chiến thuyền cũng đã bị quân Syracuse và đồng minh của họ chiếm giữ, và tất cả những người trên thuyền đã bị giết. Quân Syracuse cũng cố thử phóng hỏa những con thuyền còn lại bằng cách chất những bó củi và gỗ thông lên một thương thuyền đã cũ, phóng hỏa và để cho trôi xuôi chiều gió và ngọn gió này đã thổi lửa về phía thuyền của Athens. Thế nhưng quân Athens vì lo

lăng cho thuyền của họ đã xoay xử mọi cách để chặn và đẩy nó ra xa, dập những ngọn lửa và cản cho con thuyền đó không tiến lại gần, bằng cách đó họ đã thoát khỏi hiểm họa.

Sau trận này quân Syracuse đã dựng một đài chiến tích vì trận hải chiến và vì những bộ binh hạng nặng của địch mà họ tiêu diệt trên phòng tuyến, nơi họ còn bắt được cả quân kỵ nữa; và quân Athens dựng một đài chiến tích vì quân Tyrrhenia đã đánh tan bộ binh của địch và dồn chúng vào chốn đầm lầy, và vì chiến thắng của họ đối với những quân còn lại của địch.

Quân Syracuse lúc này đã giành được một chiến thắng quyết định trên biển, là nơi mà cho đến tận lúc đó họ đã nơm nớp lo sợ đội viện binh mà Demosthenes mang tới; và vì vậy mà quân Athens chìm trong tâm trạng chán nản, nỗi thất vọng của họ cực kỳ to lớn và nỗi ân hận vì đã đi chinh phạt của họ còn lớn hơn thế rất nhiều. Đây là những thành bang duy nhất họ đã từng dựng độ cho đến giờ mà tương đồng với thành bang của họ về đặc tính, cùng trong thể chế dân chủ như họ, có chiến thuyền và kỵ binh và có tầm cỡ quy mô đáng kể. Họ đã không thể chia cắt và thu phục được những thành bang đó bằng cách chìa ra như chúng cái triển vọng là sẽ có những thay đổi dưới sự cai trị của Athens, hoặc đê bẹp chúng bằng sự ưu việt về mọi mặt của mình, mà trái lại đã thất bại trong hầu hết mọi nỗ lực của mình, và đã sẵn bản loạn từ trước, giờ lại thêm bị đánh bại trên biển, là nơi mà họ chẳng bao giờ ngờ rằng mình sẽ thất bại, nên họ lại càng ngập sâu vào bản loạn hơn bao giờ hết.

Trong khi đó quân Syracuse tức thì bắt đầu bơi thuyền dọc theo bến cảng tùy thích, và quyết định đóng lối vào hải cảng lại để về sau chiến thuyền của Athens cho dù có muốn cũng không thể nào lên ra ngoài được. Trên thực tế, quân Syracuse đã không còn phải chăm chăm lo giữ lấy thân, mà giờ họ nghĩ cách để ngăn không cho quân địch trốn chạy; họ nghĩ, và nghĩ không sai, rằng giờ đây họ là kẻ mạnh hơn nhiều, và rằng chinh phục được quân Athens và các đồng minh của chúng cả trên bộ lẫn trên biển sẽ mang lại cho họ vinh quang lừng lẫy ở Hy Lạp. Những xứ dân Hy Lạp khác nhờ đó hoặc sẽ ngay lập tức được tự do hoặc sẽ được giải thoát khỏi nỗi lo canh cánh, vì

những lực lượng còn lại của Athens kể từ nay sẽ không còn khả năng chống chọi lại cuộc chiến tranh có thể sẽ được tiến hành để chống lại nó; trong khi họ, dân Syracuse ấy, sẽ được coi như những người mang đến sự giải phóng này và sẽ được ca tụng không chỉ bởi tất cả những người đương thời mà còn bởi hậu thế nữa. Đây chưa phải là những lý do duy nhất mang lại chân giá trị cho cuộc chiến này. Vì họ sẽ đánh bại không chỉ riêng quân Athens mà còn cả các đồng minh đông đảo của chúng, và họ không đơn thương độc mã mà là cùng với các chiến hữu của mình, sánh vai chỉ huy cùng các tướng lĩnh của Corinth và Lacedaemon, đồng thời đã đem kinh thành của mình ra đứng mũi chịu sào trước hiểm họa, và trở thành những người tiên phong về thành tựu hải quân.

Quả thực chưa bao giờ có nhiều xứ dân đến thế tập hợp lại để chiến đấu trước một kinh thành, nếu chúng ta không tính tổng số các xứ dân đã tập hợp lại trong cuộc chiến này dưới cờ của Athens và Lacedaemon. Sau đây là những bang ở phe này hoặc phe kia, những bang đã đến Syracuse để chiến đấu vì Sicily hoặc đánh nó, để trợ chiến hoặc cho kẻ xâm lược hoặc cho người bảo vệ hải đảo này. Lẽ phải hay cộng đồng huyết tộc chẳng phải là mối ràng buộc để họ liên hiệp với nhau, mà có thể là vì lợi ích hoặc vì bị bắt buộc tụt vào hoàn cảnh. Người Athens có nguồn gốc là người Ionia tự ys đến đánh người Doris ở Syracuse; và những dân vẫn nói tiếng Attica và dùng luật lệ của Athens như dân Lemnos, dân Imbros và dân Aegina, hay nói đúng hơn là dân khi đó đang cư ngụ ở Aegina, là dân các thuộc địa của Athens đã đi theo họ. Cũng cần phải bổ sung thêm dân Hestiaea đang cư ngụ tại Hestiaea^[2] ở Euboea vào số này nữa. Trong các dân còn lại đã tham gia vào cuộc viễn chinh này, một số là những xứ dân lệ thuộc của Athens, số khác là những đồng minh độc lập, số khác nữa là lính đánh thuê. Trong số những xứ dân lệ thuộc phải cống nạp có dân Eretria, dân Chalcis, dân Styra^[3] và dân Carytus^[4] từ Euboea; dân Ceos^[5], Andros, và dân Tenos^[6] từ các hải đảo; và dân Miletus, dân Samos, và dân Chios từ Ionia. Tuy vậy, dân Chios đã tham gia như đồng minh độc lập, không cống nạp mà cung cấp tàu thuyền. Ngoại trừ dân ở Carystus có nguồn gốc từ tộc Dryopis^[7], hầu hết các dân này là người Ionia và dòng dõi của người Athens, và mặc dù là xứ dân

lệ thuộc và bắt buộc phải phụng sự thì vẫn là người Ionia đi đánh người Doris. Ngoài ra còn có những dân thuộc chủng tộc Aeolis gồm dân Methymna là xứ dân lệ thuộc cung cấp tàu thuyền mà không cống nạp, dân Tenedos và dân Aenos^[8] là những dân phải cống nạp. Những tộc dân Aeolis này vì bị bắt buộc mà phải chiến đấu chống lại những người đã kiến lập nên xứ Aeolis của họ là người Boeotia đang đứng trong hàng ngũ Syracuse, trái lại dân Plataea là dân gốc gác Boeotia duy nhất chống lại người Boeotia, đã làm vậy chỉ vì một mối bất hoà. Về phần dân Rhodes và dân Cythera, cả hai đều gốc người Doris; Cythera là thuộc địa của Lacedaemon chiến đấu trong hàng ngũ quân Athens chống lại những đồng bào Lacedaemon của họ và Gylippus; trong khi dân Rhodes thuộc chủng tộc Argos đã bị buộc phải caaafm vũ khí chống lại dân Syracuse gốc gác Doris và dân thuộc địa của chính họ là Gela đang phụng sự Syracuse. Trong số những dân sống ở các đảo quanh Peloponnese, dân Cephallenia và dân Zacynthus đã đi theo quân Athens như những đồng minh độc lập, cho dù địa vị dân xứ đảo của họ thực tế hầu như đã chẳng cho họ được lựa chọn trong vấn đề này vì quyền bá chủ về hải quân của Athens, trong khi đó thì dân Corcyra, không những gốc gác người Doris mà còn là người Corinth, đã công khai đứng vào hàng ngũ chống lại người Corinth và Syracuse mặc dù là thuộc địa của Corinth và đồng tộc với Syracuse, trên danh nghĩa là bị bắt buộc nhưng thực chất là tự nguyện vì căm ghét Corinth. Dân Messenia, như người ta gọi cư dân hiện sống ở Naupactus và từ Pylos đến, nơi mà lúc đó bị Athens chiếm, đã bị đem theo quân Athens để tham gia cuộc chiến tranh này. Cũng còn có một ít người Megara lưu vong mà giờ đây số phận của họ là phải đánh lại người Megara ở Selinus.

Việc tham chiến của những dân còn lại có tính tự nguyện hơn. Thực tế thì vì liên minh thì ít mà chủ yếu là vì lòng thù ghét người Lacedaemon và lợi ích sát sườn của cá nhân đã thuyết phục được dân Argos gốc người Doris tham gia với người Athens gốc gác Ionia trong cuộc chiến chống lại người Doris; trong khi quân Mantinea và những lính đánh thuê người Arcadia khác, đã quen với việc đi đánh kẻ địch được chỉ định rõ cho họ trong từng thời điểm, bị lợi ích dẫn dắt sẵn sàng coi những người Arcadia đang phục vụ

trong quân ngũ Corinth là kẻ địch của họ cũng như bất kỳ kẻ địch nào khác. Quân Crete và Aetolia cũng đi đánh thuê, trong khi đó dân Crete đã cùng với dân Rhodes kiến lập nên Gela, như vậy đã đi đến chỗ ưng thuận đánh dân thuộc địa của mình vì tiền, thay vì đứng về phía họ. Cũng có một số người Acarnania được trả tiền để phục vụ quân ngũ, mặc dù họ đến chủ yếu vì lòng quý mến Demosthenes và vì thiện chí với quân Athens mà họ là đồng minh. Những người này đều sống ở mé vịnh Ionia nhìn về Hy Lạp. Trong số các thực dân Hy Lạp ở Italy có dân Thurii và dân Metapontum^[9], bị kéo vào cuộc tương tranh bởi hoàn cảnh bắt buộc trong thời cách mạng; trong số các thực dân Hy Lạp ở Sicily có dân Naxos và Catana; và trong số các tộc dân phi-Hy-Lạp có dân Egesta, chính là những kẻ đã mời quân Athens đến, hầu hết các dân bản địa Sicily, và bên ngoài Sicily có một số người Tyrrhenia thù địch với Syracuse và lính đánh thuê Iapygia.

Đó là những dân đứng trong hàng ngũ quân Athens. Đối lại những dân này, trong hàng ngũ quân Syracuse có dân Camarina láng giềng của họ, dân Gela sống bên cạnh dân Camarina; sau đó bỏ qua dân Agrigento trung lập, rồi đến dân Selinus cư ngụ ở xa hơn nữa trên đảo này. Những dân vừa kể cư ngụ ở phía Sicily nhìn sang Libya; dân Himera đến từ mé đảo nhìn ra biển Tyrrhenia, là dân Hy Lạp duy nhất cư ngụ ở miền đó, và là dân duy nhất đã tới từ nơi đó đến trợ chiến cho quân Syracuse. Trong số những dân Hy Lạp ở Sicily, những dân kể trên đã tham gia vào cuộc chiến, thấy đều là dân có gốc Doris và độc lập, và trong số những tộc dân phi-Hy-Lạp chỉ có các dân bản địa Sicily, tức là những dân đã không theo phe Athens. Trong số những dân Hy Lạp bên ngoài Sicily có người Lacedaemon, họ đã cấp cho một vị tướng người Sparta để chỉ huy kèm theo một lực lượng từ dân *Neodamodes* hay nô lệ được trả tự do và dân *Helots* nô dịch; người Corinth là dân duy nhất tham gia bằng cả lực lượng hải quân và bộ binh, cùng với các thân tộc của họ là dân Leucas và dân Ambracia; một số lính đánh thuê được Corinth gửi đến từ Arcadia; một số người Sicyon bị cưỡng ép phải phục vụ trong quân ngũ, và dân Boeotia ở bên ngoài Peloponnese. Tuy nhiên, nếu so với những trợ thủ ngoại bang này thì những kinh thành hùng mạnh của thực dân Hy Lạp ở Sicily đã cung cấp nhiều hơn về mọi mặt – về số lượng bộ binh hạng nặng,

tàu thuyền và kỵ binh, và ngoài ra còn một số lượng binh lính rất lớn đã được trưng tập sẵn; trong khi đó, người ta có thể nói rằng nếu so sánh với hết thảy các dân kể trên gộp lại với nhau, thì chính dân Syracuse đã cung cấp nhiều hơn cả, phần là vì kinh thành đó cực kỳ hùng mạnh phần là vì thực tế họ đang ở tình trạng cực kỳ nguy ngập.

Toàn bộ các quân đồng minh đến trợ chiến với bên này hoặc bên kia là như vậy, vào thời điểm này tất cả các quân đồng minh ấy đã gia nhập, sau đó không bên nào có thêm đồng minh tham gia nữa. Vì thế cũng chẳng phải là điều đáng ngạc nhiên khi quân Syracuse và các đồng minh của họ nghĩ rằng họ sẽ đại thắng nếu họ có thể tiếp nối chiến thắng của mình trong trận hải chiến vừa rồi bằng cách truy bắt toàn bộ hạm đội của Athens không để chúng chạy thoát dù bằng đường biển hay đường bộ. Họ lập tức bắt tay vào việc vít lới vào Đại Cảng bằng những con thuyền, những thương thuyền và thuyền ga-lê dàn hàng ngang thả neo từ bên này sang bên kia cửa cảng, rộng gần một dặm, và sắp xếp chuẩn bị mọi thứ khác để phòng trường hợp quân Athens lại liều đánh thêm trận nữa trên biển. Trên thực tế, cả kế hoạch lẫn ý tưởng của họ đều chẳng phải là nhỏ.

Quân Athens khi thấy họ đang vít lới vào cửa hải cảng và được tin về những mưu đồ tiếp theo của họ liền triệu tập họp hội đồng quân sự. Các tướng lĩnh tập trung lại và thảo luận về những khó khăn trong tình hình đó; vấn đề thúc bách nhất là họ không còn lương thảo để ăn ngay trước mắt (sau khi đã phái người đi Catana bảo đừng gửi nữa vì chắc chắn rằng họ sẽ rời đi), và tương lai họ cũng sẽ chẳng có chút lương thảo nào trừ phi họ có thể kiểm soát được vùng biển đó. Vì vậy họ quyết định rút khỏi phòng tuyến trên cao, dựng một bức thành lũy vắt ngang bao bọc lấy một khoảnh đất nhỏ gần các chiến thuyền của mình và cắt đặt quân đồn trú ở đó, khoảnh đất chỉ vừa đủ để chứa kho tàng và người bệnh của họ, rồi đưa tất cả những người có thể dư dôi từ các lực lượng trên bộ của họ lên những con thuyền, còn dùng đi biển được hay không mặc lòng, để quyết một trận sống mái trên biển, và nếu thắng lợi, họ sẽ đi Catana, bằng không, họ sẽ đốt hết thuyền bè của mình, siết chặt hàng ngũ và rút lui theo đường bộ tới xứ nào thân thiện và gần nhất mà họ có thể tới được, dù là xứ dân Hy Lạp hay dân man di.

Việc quyết xong là làm liền không chậm trễ; họ kéo quân dần từ phòng tuyến bên trên xuống và cung cấp thủy thủ binh lính cho những con thuyền của mình, buộc tất cả mọi người trong độ tuổi còn dùng vào được bất kỳ việc gì đều phải lên thuyền. Bằng cách này họ đã cung cấp đủ thủy thủ binh lính cho một trăm mười chiến thuyền cả thảy, họ cũng đưa lên những chiến thuyền này rất nhiều cung thủ và quân phóng lao lấy từ quân Acarnania và các quân ngoại bang và chuẩn bị mọi thứ dự phòng khác mà về cơ bản kế hoạch của họ cho phép và nhu cầu bắt buộc phải có. Mọi thứ lúc này hầu như đã sẵn sàng, và Nicias, thấy rằng quân lính đã mất tinh thần do trận chiến bại hiển nhiên và chưa từng thấy của họ trên biển và nôn nóng quyết một trận sống mái sớm chừng nào hay chừng ấy vì lương thảo quân nhu đã cạn, bèn triệu tập họ lại và trước hết khích lệ họ bằng những lời sau:

“Hỡi các chiến binh của Athens và của các đồng minh, tất cả chúng ta đều có quyền lợi như nhau trong trận đánh sắp tới, trận đánh mà tính mạng và quê xứ của chúng ta hay của kẻ địch đều ngàn cân treo sợi tóc; vì rằng nếu hạm đội của chúng ta toàn thắng, thì mỗi người đều có thể thấy lại được quê xứ của mình, bất kể quê xứ đó ở đâu. Các người không được mất tinh thần, hoặc làm như những kẻ chưa quen trận mạc, những kẻ mà thất bại trận đầu thử thách thì từ đó về sau lúc nào cũng lo lắng dự đoán một tương lai bất hạnh. Trái lại, hãy để quân Athens đã dạn dày chinh chiến trong số các người, và những đồng minh đã tham gia vào vô số các cuộc viễn chinh của chúng ta, nhớ rằng chiến tranh đầy rẫy những bất ngờ, và với niềm hy vọng rằng vận may không phải lúc nào cũng quay lưng lại với chúng ta, hãy chuẩn bị chiến đấu lần nữa với phong độ xứng đáng với quân số đông đảo mà các người thấy là mình đang có.

Lúc này, bất kể là thứ gì mà chúng ta nghĩ là có thể giúp các chiến thuyền của chúng ta không bị chen lấn và đung trong một bến cảng hẹp như vậy, và chống lại các lực lượng trên thuyền địch, như lần trước chúng ta đã phải chịu đựng, đều đã được tính toán cân nhắc cùng các

hoa tiêu, và đã được cung ứng trong chừng mực mà nguồn lực của chúng ta cho phép. Một số cung thủ và quân phóng lao sẽ đi cùng trên thuyền, và là một quân số đông đảo mà lẽ ra chúng ta không nên sử dụng vào một trận đánh ngoài khơi nơi chiến thuật của chúng ta sẽ bị vô hiệu bởi sức nặng của những con thuyền, nhưng trong trận bộ chiến hiện tại mà chúng ta buộc phải đánh từ thuyền ra thì tất cả những quân này đều hữu ích. Chúng ta cũng đã phát hiện ra những điểm cần thay đổi trong kết cấu con thuyền để đối đầu với thuyền địch; và chống lại những mũi thuyền dày dặn của chúng, những mũi thuyền đã gây ra tai họa lớn nhất cho chúng ta, chúng ta đã dự phòng những móc sắt, những móc sắt này sẽ ngăn cản được con thuyền tấn công của địch chèo ngược lại sau khi tấn công, nếu binh lính trên sàn thuyền của chúng ta thực hiện đúng nhiệm vụ của mình; bởi chúng ta hoàn toàn bị buộc phải đánh một trận bộ chiến từ trên thuyền, và xem ra việc quan trọng nhất đối với chúng ta là bản thân chúng ta không chèo ngược lại và cũng không để cho quân địch chèo ngược lại, nhất là khi bờ biển thuộc về quân địch, ngoại trừ phần mà bộ binh của ta còn giữ được.

Các người phải nhớ lấy điều này và chiến đấu đến cùng, và chớ để mình bị dồn đuổi lên bờ, và khi cập sát mạn thuyền địch phải nhớ đừng tách rời khỏi đội ngũ cho đến khi các người quét sạch bộ binh hạng nặng khỏi thuyền địch. Ta nói điều này với các bộ binh hạng nặng thì đúng hơn là nói với thủy thủ, vì đúng hơn đó là nhiệm vụ của binh lính ở trên sàn thuyền, và lúc này các lực lượng trên bộ của chúng ta lại là lực lượng mạnh nhất toàn quân. Với các thủy thủ ta khuyên, và đồng thời cũng khẩn cầu các người, chớ nên quá thoái chí vì sự không may lần trước, vì hiện giờ chúng ta đã cho vũ trang tốt hơn trên sàn thuyền và số thuyền cũng đông hơn rất nhiều. Trong số các người, những kẻ đã cảm thấy hạnh phúc khi được coi là người Athens khi nói được tiếng của chúng ta và theo đòi cung cách của chúng ta, cho dù thực tế các người không phải người Athen, hãy ghi nhớ rằng bảo vệ niềm hạnh phúc đó là việc xứng đáng biết bao, và những người như thế được vinh danh khắp Hy Lạp, được chia sẻ đầy đủ mọi quyền lợi từ đế chế này

không kém gì chúng ta, và còn được lợi nhiều hơn thế khi được các xứ dân lệ thuộc của chúng ta kính sợ và được bảo vệ để không bị đối xử bất công. Vì vậy, với các người, những người duy nhất mà chúng ta hào phóng chia sẻ để chế này, lúc này đây chúng ta đòi hỏi một cách công bằng rằng các người không được phản bội lại cái đế chế đang ở bên bờ vực thẳm đó; và bất chấp bọn Corinth, những kẻ mà trước nay các người thường đánh bại, và cả bọn thực dân Hy Lạp ở Sicily, chẳng một kẻ nào trong số chúng lại dám ra mặt chống đối chúng ta khi hải quân của chúng ta vào thời hùng mạnh nhất, chúng ta yêu cầu các người phải đánh lui chúng, và cho thấy rằng ngay cả lúc đang ốm đau hoạn nạn thì kỹ năng chiến đấu của các người vẫn trên tài bất kỳ kẻ nào đang sung sức và hên vận.

Với quân Athens trong số các người, ta nói thêm điều này để các người suy ngẫm: Các người đã chẳng để lại sau mình những chiến thuyền như thế này trong các bến cảng quê nhà, cũng không để lại những quân lính niên tráng lực cường như thế này; bất kể các người có làm gì đi chẳng nữa nhưng chỉ cần các người không thả là kẻ địch của chúng ta ở đây sẽ lập tức vượt biển đến tận xứ sở của chúng ta, và những người mà chúng ta để lại ở Athens sẽ chẳng thể đẩy lui được những kẻ đang tấn công họ ở hậu phương khi chúng được tăng cường bởi những đồng minh mới này. Ở đây các người sẽ lập tức rơi vào tay bọn Syracuse – ta không cần phải nhắc nhở các người rằng các người đến đây tấn công chúng với những ý định gì – và đồng bào của các người ở hậu phương sẽ rơi vào tay bọn Lacedaemon. Do số phận của cả hai nơi như vậy đang treo trên đầu trận đánh duy nhất này, lúc này, hơn bao giờ hết, các người hãy quyết tâm giữ vững, mỗi người và tất cả những người đang lên thuyền đi chiến đấu phải nhớ rằng các người vừa là lực lượng bộ binh vừa là lực lượng hải quân của Athens, và là mọi thứ còn lại của bang nhà và tên tuổi vĩ đại của Athens, để bảo vệ Athens nếu bất kỳ ai có lợi thế nào về kỹ năng chiến đấu hoặc lòng can đảm thì bây giờ chính là lúc để anh ta thể hiện ra, và bằng cách đó vừa cứu giúp chính mình vừa cứu giúp tất cả.”

Sau lời khích lệ này Nicias lập tức ra lệnh đưa người lên các chiến thuyền. Cũng trong lúc đó Gylippus và quân Syracuse nhìn thấy công cuộc chuẩn bị của quân Athens đang diễn ra liền nhận ra rằng quân này định đánh một trận hải chiến. Họ cũng đã có tin báo về những cây móc sắt, và để chống lại chúng họ đã đặc biệt dự phòng bằng cách căng những tấm da sống bọc qua các mũi thuyền và chạy dọc theo hầu hết phần nổi lên ở bên mạn thuyền, để khi các móc sắt ném sang có thể bị trượt đi mà không bắt được thuyền của họ. Mọi thứ lúc đó đã sẵn sàng, các tướng lĩnh và Gylippus khích lệ quân mình bằng những lời sau:

“Hỡi binh lính Syracuse và các quân đồng minh, chúng tôi nghĩ rằng hầu hết các người đều đã biết rõ những thành tích đã qua của chúng ta vinh quang biết nhường nào và những thắng lợi cũng không kém phần vinh quang sẽ đoạt được trong trận chiến sắp tới, nếu không thì các người hẳn sẽ chẳng khi nào dấn thân vào trận đánh này với khí thế bừng bừng như vậy; và nếu có ai chưa tường tận về những sự thật cần phải biết, thì chúng ta sẽ công bố những điều đó cho anh ta hay.

Quân Athens đến xứ sở này trước tiên nhằm thôn tính Sicily, và sau đó nếu chiến thắng sẽ chinh phục Peloponnese và những xứ còn lại của Hy Lạp, khi mà chúng đã có một đế chế hùng mạnh chưa từng thấy, ở hiện tại cũng như trong quá khứ, so với các dân Hy Lạp khác.

Tại nơi này lần đầu tiên chúng mới thấy các người là những kẻ dám đương đầu với cái hạm đội đã biến chúng thành bá chủ ở khắp nơi; các người đã đánh bại chúng trong những trận hải chiến trước và bây giờ chắc chắn cũng sẽ đánh bại chúng một lần nữa. Một khi con người ta đã bị thua ở lĩnh vực mà họ coi là sở trường đặc biệt của mình, thì mọi đánh giá của họ về chính bản thân sẽ trở nên tồi tệ hơn rất nhiều so với khi họ không tin vào tính ưu việt của mình ngay từ lúc đầu, cú sốc bất ngờ đánh vào lòng tự hào của họ khiến họ dễ sụp đổ hơn so với sức mạnh thực tế của họ có thể bảo vệ họ; và đây chắc chắn là điều đang xảy ra với quân Athens trong lúc này.

Với chúng ta thì khác. Sự đánh giá ban đầu về bản thân chúng ta – cái đã cho chúng ta lòng dũng cảm trong những ngày chúng ta còn đang hoàn thiện sự thiếu kinh nghiệm của mình, đồng thời thêm vào đó là niềm tin rằng chúng ta nhất định sẽ là lực lượng hải quân thiện chiến nhất đương thời nếu chúng ta đánh bại được lực lượng hải quân thiện chiến nhất – đã nhân đôi hy vọng cho mỗi người trong chúng ta; và phần nhiều là khi hy vọng lên cao nhất thì nhiệt huyết chiến đấu cũng lên cao nhất. Những cách đánh để độ sức với chúng ta mà chúng đã cố gắng tìm tòi trong việc bắt chước quân đội của chúng ta lại quá quen thuộc với cách đánh của chúng ta, và sẽ được đối phó bằng những biện pháp thích hợp đã được chuẩn bị sẵn; trong khi đó chúng chẳng thể nào đưa lên các chiến thuyền của chúng nhiều bộ binh hạng nặng – việc trái với thói quen của chúng – cùng một số đông quân phóng lao Acarnania và các quân khác (những kẻ có thể nói là vốn dĩ chưa từng đi biển, bị đưa lên con thuyền dập dềnh chúng không biết làm sao để phóng vũ khí của mình ra khi còn đang bận giữ thăng bằng), mà lại không làm các chiến thuyền của chúng vướng víu và rơi vào hỗn loạn khi chiến đấu không theo chiến thuật của riêng chúng. Bởi vì chúng sẽ chẳng làm nên trò trống gì bằng số thuyền rất đông của chúng – ta nói điều này với những kẻ trong các người có lẽ đang lo sợ phải chiến đấu với kẻ địch đông hơn – vì một số thuyền rất đông trong một khoảng không gian hạn hẹp sẽ chỉ khiến các thao tác cần thiết càng chậm hơn, và càng phơi mình ra cho vũ khí tấn công của chúng ta đả thương mà thôi. Kỳ thực, nếu các người biết được sự thật hiển nhiên, như chúng ta đã được báo từ nguồn đáng tin cậy, những nỗi khốn khổ quá sức chịu đựng và cảnh thiếu thốn kiệt quệ của chúng hiện giờ đã khiến chúng trở nên tuyệt vọng; chúng không có niềm tin vào sức mạnh của mình, mà chỉ mong thử vận may bằng cái cách duy nhất chúng có thể, và hoặc cướp đường để bơi thuyền thoát ra, hoặc sau trận này sẽ triệt thoái bằng đường bộ, khi mà tình trạng của chúng không thể tồi tệ hơn hiện tại được nữa.

Khi vận may tự nó đã phản lại kẻ địch hùng mạnh nhất của chúng ta như vậy, và chúng đang bấn loạn như vừa nói, chúng ta hãy giao chiến

với lòng căm giận, hãy tin chắc rằng giữa những kẻ đối địch với nhau thì chẳng có gì chính đáng hơn là đòi quyền được trút hết cơn phẫn nộ trong lòng vào đòn trừng trị kẻ xâm lăng, và ngạn ngữ có câu không gì khoái bằng trút hận lên kẻ thù, mà kẻ thù đó giờ đây đang ở trong tầm tay để chúng ta bắt lấy. Rằng chúng là kẻ địch và là kẻ địch không đội trời chung của chúng ta thì các người đều chẳng lạ gì, vì chúng đến đây để nô dịch xứ sở của chúng ta, và nếu chúng thành công thì chúng đã chuẩn bị sẵn cho đàn ông của chúng ta một số phận không gì thảm khốc bằng, và cho vợ con chúng ta một số phận không gì nhục nhã bằng, và cho toàn thể kinh thành này cái tai tiếng không gì đáng khinh bằng. Thế nên không ai được mềm lòng hoặc nghĩ rằng nếu chúng ra đi mà không gây hại gì thêm cho chúng ta đã là quá tốt. Chúng cũng sẽ ra đi ngay cả khi chúng chiến thắng; trái lại nếu chúng ta thành công, như chúng ta rất có khả năng thành công, trong việc trừng phạt chúng, và trong việc trao tặng cho toàn thể Sicily nền tự do lâu đời đã được củng cố và khẳng định của nó, thì chúng ta sẽ đạt được một thắng lợi chẳng phải tầm thường. Và trên đời hiếm có nguy cơ nào mà trong đó thất bại mang đến ít tổn thất và thành công mang đến nhiều lợi ích nhất.”

Sau những lời khích lệ binh lính phía mình như trên, lúc này các tướng lĩnh Syracuse và Gylippus nhận thấy quân Athens đang đưa người lên thuyền, và chính họ cũng lập tức đưa binh lính thủy thủ lên thuyền của mình. Trong lúc đó Nicias thất kinh vì tình hình trước mắt, nhận ra rằng mỗi nguy hiểm đã lớn đến mức nào và gần kề đến thế nào đúng vào lúc thuyền của họ đang sắp sửa từ bờ biển ra khơi, và nghĩ – như người ta thường hay nghĩ trong những cơn khủng hoảng cao độ – rằng họ vẫn còn việc gì đó phải làm mặc dù mọi việc đã đầu vào đấy, và họ vẫn còn gì đó cần phải nói dù đã nói hết mọi nhẽ, liền một lần nữa kêu gọi các vị chỉ huy trên thuyền từng người một, gọi họ cả bằng phụ danh lẫn tên riêng và tên tộc của họ, và khẩn khoản yêu cầu họ đừng làm gì trái với danh tiếng mà chính họ đã gây dựng nên, hoặc làm lu mờ những phẩm chất đã làm rạng danh cha ông họ và được

truyền lại cho họ; ông ta nhắc họ nhớ về quê xứ của mình, xứ sở tự do nhất trong những xứ tự do, và về quyền tự do vô hạn cho phép tất cả mọi người ở xứ đó được sống theo ý muốn; và thêm vào đó những lý lẽ khác người ta vẫn hay dùng trong một cơn khủng hoảng như thế, mà chỉ cần thay đổi chút ít là dùng được trong mọi tình huống tương tự – viện đến những người vợ, những đứa con và các vị thần linh đất nước – chẳng buồn để ý rằng những lý lẽ đó có bị cho là khuôn sáo hay không mà chỉ lớn tiếng viện cầu đến họ với niềm tin rằng họ sẽ hữu ích trong thời khắc kinh hoàng này. Động viên quân lính bằng những lời như vậy xong, cảm thấy dù không được như ý nhưng đã làm hết sức mình, Nicias rời khỏi đó và dẫn quân ra biển, và dàn quân thành một hàng dài hết mức có thể để trợ chiến được càng xa càng tốt nhằm giữ vững tinh thần cho những binh lính đang lên đênh trên sóng nước; trong lúc đó Demosthenes, Menander và Euthydemus, những người nắm quyền chỉ huy trên hạm đội, nhổ neo rời doanh trại ra khơi và bơi thuyền thẳng ra rào cản chắn ngang cửa vào hải cảng và đến lối đi được để mở, cố gắng cướp đường ra.

Quân Syracuse và các đồng minh của họ đã ra khơi với số thuyền bằng đúng như lần trước, một phần trong số đó canh gác ở cửa cảng, và phần còn lại bơi vòng quanh cảng để tấn công quân Athens đồng thời từ mọi phía, – trong khi các lực lượng bộ binh đã dàn sẵn ở những điểm mà các chiến thuyền địch có thể cập bờ. Hạm đội Syracuse do Sicanus và Agatharchus chỉ huy, mỗi người giữ một bên cánh trong toàn bộ lực lượng, với Pythen và các chiến thuyền của Corinth ở trung quân. Khi toàn bộ chiến thuyền của Athens đã đến chỗ rào cản, bằng cuộc tấn công ồ ạt dữ dội đầu tiên họ đã áp đảo được những chiến thuyền đang giữ vị trí đó, và cố gắng phá cái rào cản đang kìm chặt này; sau đợt tấn công này, các chiến thuyền của Syracuse và đồng minh từ mọi phía xông vào họ, trận chiến lan rộng từ chỗ rào cản ra khắp hải cảng, và tranh đấu dai dẳng hơn bất kỳ trận chiến nào trước đó. Các tay chèo của cả hai bên đều thể hiện nhiệt huyết bừng bừng khi chèo thuyền tiến lên theo lệnh của viên đốc thuyền, và kỹ năng điều khiển điêu luyện của các hoa tiêu cùng sự tranh đua kịch liệt giữa họ với nhau; trong khi đó lúc những chiến thuyền cặp sát mạn nhau thì binh lính trên thuyền cố hết sức không để

kẻ khác tội hơn mình khi chiến đấu trên sàn; nói tóm lại, mỗi người gắng hết sức để chứng tỏ mình là người ưu tú nhất trên lĩnh vực riêng của mình. Và khi rất nhiều thuyền giao chiến trong một phạm vi nhỏ hẹp (vì đó là hai hạm đội lớn nhất đang đánh nhau ở chỗ chật hẹp nhất mà người ta từng thấy, tổng số cả hai bên ngót nghét hai trăm chiến thuyền), những cuộc tấn công mũi đối mũi thường lệ đã trở nên hiếm hoi, chẳng có cơ hội mà chèo lùi lại hoặc phá vỡ trận tuyến của địch; trái lại thường thấy hơn là sự va đụng của một con thuyền liêu húc vào con thuyền khác hoặc đang trốn chạy khỏi cuộc tấn công hoặc đang tấn công con thuyền thứ ba nào đó. Chỉ cần một chiến thuyền tiến đến để tấn công là những binh lính trên sàn thuyền địch phóng lao và bắn tên bắn đá như mưa vào nó; nhưng khi đã cặp sát mạn vào nhau thì bộ binh hạng nặng cố gắng trèo lên thuyền địch, đánh giáp lá cà. Ở rất nhiều chỗ xảy ra tình trạng một thuyền đang dồn dập tấn công địch ở một bên mạn và mạn bên kia lại bị thuyền khác tấn công, nguyên do là bởi chỗ ấy quá chật hẹp, và hai thuyền hoặc đôi lúc còn nhiều hơn nữa đã không tránh khỏi bị vướng vào một con thuyền khác, buộc các hoa tiêu phải chạy đôn chạy đáo chỗ này để phòng thủ, chỗ kia để tấn công, không chỉ mỗi lúc một việc, mà nhiều việc một lúc ở mọi phía; trong khi đó tiếng động rầm rầm do nhiều con thuyền đâm vào nhau cùng lúc không những làm nổi kinh hoàng lan rộng mà còn át hẳn mệnh lệnh của những viên đốc thuyền khiến không ai nghe thấy được. Những viên đốc thuyền của cả hai phía trong lúc thực hiện nhiệm vụ của mình và trong lúc chiến sự đang dầu sôi lửa bỏng đã liên tục hét lên những mệnh lệnh và lời kêu gọi với người phía họ; phía Athens thì thúc giục cướp lấy đường ra, và hơn bao giờ hết lúc này họ phải thể hiện dũng khí của mình và nắm lấy cơ hội bình an trở về quê xứ; phía Syracuse và các đồng minh thì thét bảo quân mình rằng ngăn được quân địch không cho chúng chạy thoát mới là vinh quang, và đánh thắng địch là làm rạng danh xứ sở của họ. Hơn thế nữa, các tướng lĩnh ở mỗi bên nếu thấy bất kỳ thuyền nào trong trận đang chèo lùi về bờ mà không phải vì bị ép, liền gọi to tên của thuyền trưởng và hỏi anh ta – phía Athens thì hỏi rằng có phải họ chèo lùi vì họ coi bờ biển cực kỳ thù địch kia là của mình hơn là vùng biển mà họ đã nhọc nhằn lắm mới giành được hay không; phía

Syracuse thì hỏi rằng phải chăng họ đang chạy trốn khỏi quân Athens đang trốn chạy, những kẻ mà họ biết rõ chúng đang nóng lòng đào tẩu bằng bất cứ con đường nào chúng có thể.

Cũng trong khoảng thời gian ấy, khi cuộc chiến dưới biển còn chưa phân thắng bại, hai đạo quân trên bờ đang là nạn nhân của những cảm xúc mâu thuẫn và giằng xé nhất; những quân bản xứ đã giành được vinh quang lại càng khao khát vinh quang nhiều hơn nữa, trong khi đó những kẻ xâm lược sợ rằng sẽ thấy chính mình lâm vào tình cảnh còn tồi tệ hơn trước đó. Mọi hy vọng của quân Athens được đặt vào hạm đội của họ, nỗi lo lắng của họ về trận hải chiến đó không giống bất kỳ nỗi lo nào họ đã từng cảm thấy; đồng thời những gì họ thấy về trận chiến đó lẽ đương nhiên cũng sống gió như chính trận chiến đó. Ở cận cảnh trận chiến và không phải tất cả đều đồng thời nhìn vào một chỗ, một số người thấy chiến hữu của mình đang thắng và lấy lại can đảm và cất tiếng cầu trời đừng tước đi mất của họ cơ hội được cứu thoát, trong lúc những người khác đang nhìn vào những kẻ bị thua thì lớn tiếng than vãn và gào khóc âm ỉ, và mặc dù chỉ là những kẻ quan chiêm, họ bị mất tinh thần còn hơn chính những kẻ đang thực sự tham chiến. Những người khác nữa đang chăm chú nhìn vào nơi trận đánh không phân thắng bại; khi cuộc xung đột kéo dài mà vẫn chưa ngã ngũ, thân mình họ bồn chồn lắc lư phản ánh tâm trạng bối rối lo âu của họ, và họ bị giày vò khốn khổ hơn tất cả mọi người khác, lúc thì sự an toàn đã ở trong tầm tay lúc thì lại sắp bị tiêu diệt đến nơi. Nói tóm lại, chỉ trong một đạo quân Athens này chừng nào trận đánh còn chưa ngã ngũ thì còn nghe thấy đủ mọi thanh âm đồng thời cất lên, những tiếng la hét chói tai, những tiếng hò reo, “Chúng ta thắng rồi”, “Chúng ta thua rồi” và tất cả những lời cảm thán đa dạng khác mà một đạo quân lớn tất phải thốt ra trong cơn bĩ cực; và với những người ở trong hạm đội đó tình trạng cũng chẳng khác là bao, cho đến khi rốt cục quân Syracuse và các đồng minh của họ, sau khi trận chiến dằng dai hồi lâu, đã đánh cho quân Athens phải tháo chạy, và vừa kêu la reo hò vừa dồnđuối quân ấy chạy về bờ. Lực lượng hải quân ấy tán loạn mỗi người mỗi ngã, tất cả những kẻ chưa bị bắt khi còn trên biển lúc này đang hối hả chạy khỏi thuyền về doanh trại của mình; trong lúc đạo quân trên bờ, không

còn bị chia rẽ nữa mà bị cuốn chung vào một cảm xúc mãnh liệt, tất cả cùng kêu gào và rên rỉ tiếc hận cho trận đánh, và một số chạy xuống cứu những con thuyền, số khác chạy xuống canh gác những gì còn lại ở bức thành lũy của họ, trong lúc phần còn lại và là phần đông nhất đã bắt đầu nghĩ đến việc làm sao để tự cứu mình. Quả thực chưa từng có nỗi hoảng loạn nào lớn hơn nỗi hoảng loạn trong thời điểm hiện tại. Lúc này họ đang phải chịu gần đúng những gì họ đã bắt địch phải chịu trong trận Pylos; cũng giống như lúc ấy quân Lacedaemon mất hạm đội của mình thì mất luôn cả những người đã vượt biển sang đảo đó, lúc này quân Athens cũng không có hy vọng gì thoát được bằng đường bộ trừ phi được cứu giúp bởi một sự ngẫu nhiên phi thường.

Trận hải chiến đó thật là khốc liệt, và cả hai bên đều đã tổn thất nhiều chiến thuyền cũng như sinh mạng, quân Syracuse và các đồng minh chiến thắng bấy giờ thu nhặt xác binh sĩ và xác thuyền của mình, và dong thuyền về kinh thành rồi dựng lên một đài chiến tích. Quân Athens bị nỗi bất hạnh của mình áp đảo tinh thần nên chẳng còn nghĩ gì đến việc xin phép thu nhặt xác binh sĩ hoặc xác thuyền của họ nữa mà chỉ cầu mong rút lui được ngay đêm đó. Thế nhưng Demosthenes đã đến chỗ Nicias và đưa ra ý kiến rằng họ nên cho người lên những con thuyền còn lại và cố thử một lần nữa cướp đường thoát ra vào sáng hôm sau, đồng thời nói rằng họ hãy còn nhiều thuyền có thể chiến đấu được hơn của quân địch, quân Athens còn lại khoảng sáu mươi chiến thuyền so với con số chưa đầy năm mươi của địch. Nicias nhất trí cao với ý kiến này; nhưng khi họ định đưa người lên các chiến thuyền thì các thủy thủ đã từ chối, họ đã mất hết tinh thần vì chiến bại đến nỗi không còn tin vào khả năng thành công nữa.

Vì vậy giờ đây tất cả bọn họ đành quyết định rút lui theo đường bộ. Cùng lúc ấy Hermocrates người Syracuse – ngờ rằng quân Athens có ý định như vậy, và lo lắng vì nguy cơ nếu để cho một đạo quân lớn nhường ấy rút lui theo đường bộ thì tự nó có thể củng cố lại ở một vùng nào đó khác của Sicily và từ nơi đó sẽ nổi lại cuộc chiến tranh này – bèn đến và nêu rõ quan điểm của ông ta với những người cầm quyền, và chỉ ra cho họ thấy rằng họ không được để cho quân địch trốn thoát vào ban đêm, mà cả người Syracuse

lẫn các đồng minh phải lập tức cất quân ra chặn những con đường lớn cũng như chiếm giữ và canh gác những con đường độc đạo. Những người cầm quyền hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông ta và cho rằng đó là việc cần phải làm, nhưng mặt khác họ chắc rằng dân chúng đang tràn ngập vui mừng hoan hỉ, và đang xả hơi sau trận đại hải chiến nên sẽ chẳng dễ dàng gì khiến họ tuân lệnh; vả lại, họ đang ăn mừng một lễ hội, ngày hôm đó là ngày họ dâng lễ tế sinh lên thần Heracles, và đa phần bọn họ trong cơn phấn khích vì chiến thắng đã chè chén say sưa ở lễ hội, và ắt hẳn sẽ vui lòng làm bất kỳ việc gì khác ngoài việc cầm vũ khí và hành quân vào lúc đó. Vì những nguyên do ấy nên đối với các pháp quan việc này xem ra là bất khả thi; và Hermocrates khi thấy mình không thể làm được gì hơn với họ, lúc đó đã phải viện đến một mưu chước như sau: điều mà ông ta lo sợ là quân Athens có thể ngấm ngầm qua mặt họ bằng cách vượt qua tất cả những nơi hiểm yếu khó khăn nhất ngay trong đêm đó, và vì vậy ngay lúc trời nhá nhem ông ta đã phái một số bạn hữu của chính mình tới doanh trại địch, cùng với một số kỵ mã lập tức phi gần đến tầm địch có thể nghe thấy, họ gọi một số người bên quân địch ra, và giả vờ là những người có thiện chí với quân Athens, họ bảo những người đó báo cho Nicias (trên thực tế ông ta cũng có một số kẻ thông đồng trước đó vẫn báo tin cho ông ta những gì diễn ra bên trong trấn đó) đừng dẫn đạo quân này ra đi lúc ban đêm vì quân Syracuse đã canh gác mọi ngã đường, mà hãy cứ thung dung chuẩn bị để rút lui lúc ban ngày. Nói xong họ liền rời khỏi đó; và những người nghe tin đã thông báo với các tướng lĩnh của Athens, các vị tướng này đã hoãn không ra đi ngay đêm đó dựa vào tin báo này mà chẳng ngờ vực chút nào về tính chân thực của nó cả.

Vì rằng rốt cuộc họ đã không khởi hành ngay lập tức, nên lúc này họ quyết định ở lại thêm cả ngày hôm sau để cho binh lính cũng như chính họ có thời gian gói ghém những vật dụng hữu ích nhất, và bỏ lại tất cả những thứ khác, chỉ bắt đầu với những gì cực kỳ thiết yếu để bản thân họ có thể sống được. Trong khi ấy quân Syracuse và Gylippus kéo ra khỏi thành và chặn những con đường thông qua xứ ấy mà quân Athens có thể sẽ đi qua, và canh gác tại những khúc cạn trên sông suối, bố trí quân mình để tiếp chiến và ngăn chặn đạo quân của địch ở những vị trí mà họ cho là tốt nhất; trong

lúc đó hạm đội của họ bơi vào bãi biển và kéo những con thuyền của Athens đi. Vài con thuyền đã bị quân Athens đốt cháy như đã dự định từ trước; những thuyền còn lại đã được kéo lên bờ biển liền bị quân Syracuse mặc ý buộc vào thuyền của họ mà không một ai ngăn chặn, và kéo chúng về kinh thành.

Sau sự cố này, khi Nicias và Demosthenes cho rằng chuẩn bị thế là đủ, đạo quân đó đã ra đi vào ngày thứ hai sau trận hải chiến. Đó là một cảnh tượng thê thảm, không chỉ vì tình cảnh họ phải rút lui sau khi mất hết tất cả chiến thuyền của mình, những hy vọng lớn nhất của họ đã tiêu tan và bản thân họ và thành bang của họ đang trong cơn nguy khốn, mà còn vì khi họ bỏ lại doanh trại đã có những thứ khiến họ nhìn thấy mà lòng đau như cắt. Xác các binh sĩ trận vong của họ nằm đó chưa được chôn cất, và mỗi người khi nhận ra một người bạn mình trong số đó lại rùng mình vì thương tiếc và khiếp sợ; trong lúc những người sống sót mà họ bỏ lại đằng sau, những người bị thương hoặc ốm yếu, đối với người sống còn đáng sợ hơn là những xác chết, và đáng thương hơn là những kẻ đã chết. Những kẻ này bắt đầu khẩn khoản van nài cho đến lúc bạn bè của họ phải bối rối, cầu xin hãy đem họ đi theo và la gọi từng chiến hữu hoặc người thân mà họ nhìn thấy, bám lấy cổ những người ở cùng một lán trại với họ trong lúc những người đó ra đi, và đi theo xa hết mức có thể theo được, và khi sức cùng lực kiệt, họ luôn miêng kêu trời và gào khóc vì bị bỏ lại. Bởi vậy cả đạo quân tuôn trào nước mắt và tâm trí rối bời sau thảm cảnh đó đã cảm thấy chẳng dễ dàng cất bước ra đi cho dù là đi khỏi đất địch, nơi mà họ đã phải chịu những tai ương quá khủng khiếp đến mức phải rơi lệ và trong cái tương lai mờ mịt trước mắt họ sợ rằng sẽ phải chịu đựng nhiều hơn. Tâm trạng chán nản và tự trách mình cũng lan rộng trong bọn họ. Thực ra họ chỉ có thể so sánh với cư dân của một trấn đã kiệt quệ vì đói, và không ít kẻ đã đào tẩu; toàn bộ quân số đang trên đường hành quân không dưới bốn vạn người. Tất cả đều mang theo bất kỳ thứ gì họ có thể mang được và có thể dùng được, và các bộ binh hạng nặng và quân kỵ, trái với thói quen của họ khi đang mang giáp trụ khí giới, họ còn phải đeo theo bên mình lương thực dự trữ, một số là vì thiếu kẻ phục dịch, một số khác là vì không tin tưởng vào những kẻ phục dịch, vì

những kẻ đó từ lâu đã đang bỏ trốn dần và lúc này càng bỏ trốn nhiều hơn bao giờ hết. Nhưng kể cả là như vậy thì họ vẫn mang không đủ, vì trong doanh trại lương thảo đã cạn sạch. Hơn nữa nỗi nhục nhã và những thống khổ chung của họ, dù rằng đã nhẹ bớt ở chừng mực nào đó vì được họ đồng cam, nhưng vẫn có cảm giác như một gánh nặng vào lúc đó, nhất là khi họ đem so sánh cảnh tượng huy hoàng chói lọi của ngày lên đường viễn chinh với cái kết cục bẽ bàng tủi nhục của cuộc viễn chinh này. Bởi vì đây là cuộc chiến bại lớn nhất từng xảy ra với một đạo quân Hy Lạp. Họ đã đến đây để nô dịch những kẻ khác, và đang ra đi trong nỗi sợ chính mình sẽ bị bắt làm nô lệ. Họ đã lên thuyền đi chinh chiến với những lời cầu nguyện và những bài tụng ca vang dội, và giờ đây họ lên đường trở về với những lời ta thán hoàn toàn trái ngược; phải đi đường bộ thay vì đường biển, và không trông cậy được vào hạm đội mà phải trông cậy vào bộ binh hạng nặng của mình. Ấy vậy mà nguy hiểm tột cùng vẫn còn đang lơ lửng trên đầu đã khiến cho tất cả những điều này xem ra vẫn còn có thể chịu đựng được.

Nicias thấy lòng quân chán nản và thay đổi bèn đi dọc theo hàng quân và khích lệ an ủi họ đến hết mức ông ta có thể trong hoàn cảnh đó, giọng ông ta càng lúc càng sang sảng khi ông ta đi từ đội quân này sang đội quân khác với sự sốt sắng thiết tha nhất, và mong sao những lời có ích của ông ta lọt vào tai càng nhiều người càng hay:

“Hỡi quân Athens và các đồng minh, ngay cả ở vào vị trí hiện tại của chúng ta, chúng ta vẫn phải tiếp tục hy vọng, vì rằng nhiều người trước đây từng được cứu khỏi những tình cảnh còn hiểm nghèo hơn thế này nhiều; và các người đừng tự chỉ trích mình quá khắt khe dù là về những tai hoạ đã giáng xuống các người hay những nỗi khổ hiện tại mà các người không đáng phải chịu. Bản thân ta, chẳng mạnh mẽ gì hơn bất cứ ai trong số các người – trên thực tế các người đã thấy ta đau ốm thế nào – và ta nghĩ rằng về vận may ta được trời phú ngang bằng với bất kỳ ai dù là trong cuộc sống riêng hay sự nghiệp chung, song giờ đây cũng bị đặt vào tình thế nguy hiểm y như kẻ thấp kém nhất trong số các

người; thế nhưng cuộc đời ta cho đến nay vẫn rất thành tâm sùng kính các đấng thần linh, và rất công bằng và không làm hại con người. Vì vậy ta vẫn tràn trề hy vọng vào tương lai, và những tai hoạ của chúng ta không làm ta sợ hãi nhiều như lẽ ra chúng có thể. Thực ra chúng ta có thể hy vọng rằng những tai hoạ đó sẽ bớt đi: kẻ địch của chúng ta đã có đủ may mắn rồi, và nếu như đã có bất kỳ vị thần nào nổi giận vì cuộc viễn chinh của chúng ta thì chúng ta cũng đã bị trừng phạt đủ. Những kẻ khác trước thời chúng ta đã tấn công các lân bang của mình và đã làm những điều mà người ta vẫn làm mà không bị gieo tai giáng hoạ quá mức họ có thể chịu được, và hiện giờ theo lẽ công bằng chúng ta có thể mong chờ để thấy chư vị thần linh khoan dung hơn đối với chúng ta, vì chúng ta đã trở thành những đối tượng đáng được các vị rủ lòng thương hơn là ghen ghét. Và hãy nhìn vào chính bản thân các người, hãy lưu ý đến quân số đông đảo và sức mạnh của lực lượng bộ binh hạng nặng đang hành quân trong hàng ngũ các người, và chớ để sự nản lòng lấn át mình, mà hãy thấy rằng chính các người ngay lập tức là một kinh thành ở bất kỳ nơi đâu các người hạ trại, và rằng không có kinh thành nào khác ở Sicily có thể dễ dàng kháng cự lại cuộc tấn công của các người hoặc đẩy bật được các người đi một khi các người đã ổn định. Sự an toàn và kỷ luật của cuộc hành quân này là để chính các người trông cậy vào; mỗi người hãy tâm niệm rằng nơi nào mà anh ta có thể bị buộc phải chiến đấu thì anh ta phải chiếm được nơi đó và giữ vững như xứ sở và thành trì của mình. Đồng thời chúng ta sẽ phải gấp rút đi cả ngày lẫn đêm, vì lương thảo của chúng ta đã gần cạn; và nếu chúng ta có thể đến được nơi nào đó có dân bản địa Sicily hữu hảo với chúng ta, những người mà nỗi khiếp sợ bọn Syracuse vẫn còn giữ họ trung thành với chúng ta ấy, thì ngay lúc đó các người có thể coi là mình đã được an toàn. Một thông báo đã được gửi đi cho họ với những chỉ thị mang lương thảo ra đón chúng ta. Nói tóm lại, hỡi các chiến binh, hãy định ninh ghi nhớ rằng các người phải dũng cảm, vì rằng chẳng có nơi nào gần để cho sự hèn nhát của các người ẩn náu vào, và rằng lúc này nếu các người thoát được tay kẻ địch thì tất cả các người

còn có thể thấy được những gì mà tâm trí các người khao khát hướng về, trong khi đó những ai là người Athens trong số các người sẽ chấn hưng quyền lực vĩ đại của thành bang chúng ta đầu lúc này nó có bị suy vi. Con người mới làm nên kinh thành chứ chẳng phải những thành lũy hay chiến thuyền không người.”

Trong lúc nói những lời này, Nicias đi dọc theo những hàng quân, và chỉnh đốn lại vị trí bất kỳ tên lính nào mà ông ta thấy đang chệch choạc khỏi hàng ngũ; đồng thời Demosthenes cũng làm những việc như vậy với đội quân của mình trong đạo quân đó, nói với họ những lời tương tự. Đạo quân này hành quân theo đội hình vuông rộng, đội quân dưới quyền chỉ huy của Nicias đi tiên phong và đội quân của Demosthenes nối tiếp, bộ binh hạng nặng ở vòng ngoài và những xe chở quân trang quân dụng và phần chính đạo quân ở giữa. Khi đến chỗ nước cạn trên sông Anapus họ thấy một đội quân Syracuse và đồng minh dàn trận ở đó, và sau khi đánh đuổi đội quân này tan tác họ đã chiếm được lối đi qua và vội vàng đi tiếp, không ngừng bị quân kỵ Syracuse tấn công và bộ binh hạng nhẹ của Syracuse phóng tên, đá, mác, lao về phía họ. Ngày hôm đó họ tiến được khoảng bốn dặm rưỡi, họ ngừng lại nghỉ đêm trên một ngọn đồi nào đó. Ngày hôm sau họ lên đường rất sớm và đi tiếp được chừng hai dặm, rồi kéo xuống một nơi đồng bằng và hạ trại hòng kiếm chút gì ăn được từ những ngôi nhà xung quanh, vì ở đây có dân cư sinh sống, và lấy nước từ nơi này để mang theo, vì chặng đường dài trước mặt theo hướng mà họ đang đi khan hiếm nước. Trong lúc ấy quân Syracuse tiếp tục tiến và lập công sự trên con đường độc đạo phía trước, nơi có một quả đồi dốc đứng và khe đá ở hai bên đồi, được gọi là vách đá Acraea. Ngày hôm sau quân Athens đang tiến lên thì thấy mình bị ngăn cản bởi những tên, đá, mác, lao và những cuộc tấn công ồ ạt của quân kỵ và quân phóng lao của Syracuse cùng các đồng minh, cả hai đều đông nghịt; và sau khi chiến đấu hồi lâu, rốt cục họ lại rút về đúng nơi trại cũ, nơi họ không kiếm được lương thảo như trước đó do quân kỵ của Syracuse không để cho họ rời vị trí của họ.

Sáng sớm hôm sau họ khởi sự lại từ đầu và cướp đường chạy lên đồi, nơi đã bị quân địch lập công sự, ở đó họ thấy trước mặt là bộ binh hạng nặng của địch đã dàn thành nhiều hàng khiên để bảo vệ công sự, mà con đường độc đạo thì rất hẹp. Quân Athens tấn công công sự ấy, nhưng được đón chào bằng một trận tên, đá, mác, lao phóng ra như mưa từ ngọn đồi, ngọn đồi này khiến các vật phóng hiệu quả hơn nhiều vì nó dốc đứng, và khi không thể cướp đường vượt qua được họ bèn lại rút lui và nghỉ ngơi. Cùng lúc ấy tiếng sấm vang rền và mưa trút xuống, như thường thấy khi sắp vào thu, trời đất này càng làm nhụt chí quân Athens, những kẻ coi đó là những điềm báo rằng họ đang tiến gần đến chỗ bại vong. Trong lúc quân này đang nghỉ ngơi, Gylippus và quân Syracuse phái một phần đạo quân của họ đi đắp công sự ở phía sau trên con đường mà họ đã đi qua; nhưng quân Athens ngay lập tức phái người của họ đi và ngăn chặn được; sau đó quân này rút lui sâu hơn về phía đồng bằng và tạm nghỉ đêm tại đó. Ngày hôm sau khi họ tiếp tục tiến lên thì quân Syracuse bao vây và tấn công họ tứ phía và loại khỏi vòng chiến đấu rất nhiều người trong số họ, quân Syracuse lùi lại nếu quân Athens tiến, và tiến nếu quân Athens lùi lại, và đặc biệt họ tập hậu quân Athens với hy vọng đánh tan từng nhóm, và bằng cách đó gieo rắc sự hoảng loạn vào toàn đạo quân của địch. Quân Athens trì trệ theo cách này hồi lâu, nhưng sau khi tiến được chừng bốn hoặc năm fulông thì tạm dừng lại nghỉ trên đồng bằng, quân Syracuse cũng rút về doanh trại của mình.

Trong đêm hôm đó, Nicias và Demosthenes thấy rằng quân mình đang khốn đốn vì thiếu thốn đủ đường và một số đông đã bị loại khỏi vòng chiến đấu trong rất nhiều cuộc tấn công của địch bèn quyết định sẽ đốt thật nhiều đồng lúa và dẫn đạo quân của mình ra đi, không noi theo lộ trình cũ như trước đó họ đã định nữa, mà về phía biển đối diện với hướng mà quân Syracuse đang canh phòng. Toàn bộ lộ trình này không dẫn đạo quân đó tới Catana mà tới một phía khác của Sicily, về phía Camarina, Gela và những trấn khác của Hy Lạp và của dân phi-Hy-Lạp ở miền đó. Theo kế hoạch này, họ đốt rất nhiều đồng lúa và lên đường giữa lúc đêm hôm. Trong tình cảnh đó thì mọi đạo quân, và đặc biệt là những đạo quân đông nhất, đều có nguy cơ phạm phùng hốt hoảng, nhất là khi họ đang hành quân trong đêm qua

vùng đất địch và quân địch đang ở gần kề; và quân Athens đã rơi vào một trong những cơn thần hồn nát thần tính như thế, đội quân tiên phong của Nicias hàng ngũ chỉnh tề đã tiến được một quãng xa phía trước, trong khi đội quân của Demosthenes, gồm hơn nửa đạo quân, đã bị cách quãng khá xa và hành quân với đội ngũ chệch choạc. Tuy thế sáng ngày ra họ đã đến được biển, và khi bắt đầu đi vào con đường đi Helorus họ tiến gấp hầu đến được sông Cacyparis^[10] và đi ngược dòng sông xuyên qua nội địa của xứ đảo này nơi họ hy vọng được dân bản địa Sicily mà họ đã phái người đến báo trước đón tiếp. Khi đến con sông đó họ thấy một toán quân Syracuse đang chặn đường đi qua chỗ nước cạn bằng một bức tường lũy và một lũy cọc nhọn, và họ đánh bật được toán quân canh gác này rồi vượt qua sông và tiếp tục đi đến một con sông khác tên là Erineus theo lời khuyên của những kẻ dẫn đường cho họ.

Trong lúc đó, khi ngày đã rạng và quân Syracuse cùng các đồng minh thấy quân Athens đã đi mất, hầu hết bọn họ buộc tội Gylippus là đã chủ tâm để cho địch trốn thoát, và vội vã truy đuổi trên con đường mà họ chẳng khó khăn gì cũng nhận thấy là quân Athens đã đi qua, và bắt kịp quân này vào quãng giờ ăn. Đầu tiên họ bắt kịp đội quân dưới quyền chỉ huy của Demosthenes, đội quân tụt hậu này chậm chạp lê bước và hàng ngũ chệch choạc vì cơn thần hồn nát thần tính đem qua như trên đã nói, và họ lập tức tấn công và giao chiến với đội quân này, quân kỵ Syracuse vây bọc địch dễ dàng hơn nhiều, vì lúc ấy quân địch bị tách rời khỏi đội quân còn lại, và lừa vây quân địch vào một nơi. Đội quân của Nicias lúc bấy giờ đang ở phía trước cách chừng năm sáu dặm đường, ông ta dẫn quân đi gấp hơn vì nghĩ rằng trong hoàn cảnh này thì sự an toàn của họ không nằm ở chỗ dừng lại và chiến đấu, trừ phi bị bắt buộc, mà nằm ở chỗ rút lui càng nhanh càng tốt, và chỉ chiến đấu khi nào buộc phải chiến đấu. Mặt khác, nhìn chung Demosthenes đã bị tấn công liên tục hơn Nicias, và vị trí đoạn hậu của ông ta đã khiến ông ta phải hứng chịu những cuộc tấn công của địch đầu tiên; và lúc này, khi thấy quân Syracuse đang đuổi đến, ông ta đã không thúc quân đi tiếp, để dàn quân chiến đấu, và lẩn cấn cho đến khi ông ta bị những kẻ truy đuổi bao vây, và thế là cả quân lẫn tướng bị đặt vào tình thế khốn đốn nhất,

bị dồn vào trong một vòng vây có lũy bao bên ngoài, một con đường chạy về hai ngã và những hàng cây ô liu dày đặc, nơi tên, đá, mác, lao giội mưa xuống họ từ mọi phía. Quân Syracuse có lý do chính đáng để sử dụng cách đánh này hơn là đánh giáp lá cà, bởi đánh liều mạng thì những kẻ cùng đường tuyệt vọng như quân Athens lúc này sẽ mạnh hơn họ; vả lại giờ đây họ cầm chắc chiến thắng cho nên họ lo giữ thân một chút để khỏi bị giết chết đúng vào lúc chiến thắng, họ cũng nghĩ rằng, mà quả thế thật, bằng cách này họ sẽ có thể đánh bại và bắt được quân địch.

Thực tế là sau khi dồn dập tấn công quân Athens và các đồng minh suốt cả ngày từ mọi phía bằng các vật phóng như thế, rốt cục họ thấy rằng quân địch đã kiệt sức vì những vết thương và những nỗi khổ khác; và Gylippus cùng với quân Syracuse và các đồng minh của họ bèn ra tuyên bố rằng bất kỳ ai là dân đảo này mà quyết định theo về phe họ sẽ được tự do; và vài thành đã chịu chiêu hồi. Sau đó một thoả ước đầu hàng có điều kiện đã được thoả thuận để toàn bộ những quân còn lại cùng với Demosthenes giải giáp với điều kiện không kẻ nào bị buộc phải chết dù là vì bạo lực hoặc vì bị cầm tù hoặc bị thiếu nhu yếu phẩm. Theo thoả ước này, họ đã đầu hàng cả thảy đến sáu ngàn quân, và nộp ra tất cả số tiền mà họ có, số này lấp đầy mặt lồm của bốn chiếc khiên, và quân Syracuse đã lập tức giải họ về trấn.

Trong khi ấy Nicias cùng đội quân của mình ngày hôm sau đã đến được sông Erineus, băng qua sông và đóng quân tại một nền đất cao nào đó trên bờ sông bên kia. Ngày hôm sau quân Syracuse đã bắt kịp ông ta và bảo ông ta rằng binh lính dưới quyền Demosthenes đã đầu hàng, và kêu gọi ông noi gương họ. Nghi ngờ việc này, Nicias đã yêu cầu tạm thời đình chiến để phái một tên quân kỵ đi thám thính binh tình, và khi kẻ đưa tin này quay về mang tin họ đã đầu hàng, ông ta đã phái một sứ giả tới chỗ Gylippus và quân Syracuse nói rằng thay mặt quân Athens ông ta sẵn sàng thoả thuận với họ là sẽ hoàn lại bất cứ khoản tiền nào quân Syracuse đã tiêu tổn trong cuộc chiến tranh này nếu họ cho phép đạo quân của ông ta ra đi; và đề nghị giao binh lính Athens làm con tin cho tới khi khoản tiền đó được trả, mỗi người là một *talăng*. Quân Syracuse và Gylippus đã từ chối đề nghị này, và tấn công đội quân này bằng cái cách họ đã tấn công đội quân kia, dàn quân bao vây và

tấn công họ dồn dập bằng những vật phóng đến tận chiều tối. Lương thực và các nhu yếu phẩm đã thiếu thốn đến cùng cực với quân binh của Nicias hết như với những đồng đội của họ trước đó; tuy vậy họ đã rình chờ lúc đêm hôm bình lặng để lại tiếp tục cuộc hành quân của mình. Nhưng khi họ vừa cầm vũ khí lên thì quân Syracuse đã phát hiện ra và cất lên khúc tụng ca của họ, khi đó quân Athens biết rằng mình đã bị phát hiện nên lại đặt vũ khí xuống, ngoại trừ khoảng ba trăm người đã cướp được đường xuyên qua lính gác và tiếp tục đi suốt đêm đó chừng nào họ còn đi được.

Ngay khi trời vừa sáng Nicias đã dẫn đạo quân của mình tiến lên, vẫn bị ép bởi quân Syracuse và các đồng minh của họ như hôm trước, bị tấn công từ mọi phía bởi những vật phóng của họ, và bị hạ gục bởi những mũi lao của họ. Quân Athens hối hả tiến đến sông Assinarus^[1], phần vì bị một đám đông quân kỵ và các quân vũ trang khác đông như kiến tấn công từ mọi phía đẩy về đằng trước, phần vì tưởng rằng một khi vượt qua được con sông này sẽ dễ thở hơn, và cũng vì kiệt lực và bị cơn khát nước thôi thúc. Ngay khi đến nơi họ đã đổ xô vào, và mọi quy củ trật tự đến đó là hết, ai cũng muốn vượt qua trước, và những cuộc tấn công của quân địch đã khiến khó mà vượt qua được bất kể bằng cách nào; bị ép phải túm tụm lại với nhau, họ đã va đụng vào nhau và giẫm đạp lên lẫn nhau, một số người chết tức thì bởi những mũi lao, những người khác bị vướng vào nhau và vấp vào đồng đồ đạc hành trang mà không thể đứng dậy được nữa. Trong khi ấy quân Syracuse đã dàn ra chờ sẵn ở bờ bên kia dốc đứng, họ đã phóng tên, đá, mác, lao như mưa xuống quân Athens, hầu hết quân này đang uống lấy uống để và túm tụm lại một cách vô trật tự ở lòng chảo của con sông. Quân Peloponnese cũng kéo xuống sông và tàn sát họ, nhất là những kẻ đang lội dưới nước, nước sông mà vì thế đã nhanh chóng đục ngầu, nhưng họ vẫn tiếp tục uống như trước, dù vẫn bùn, dù loang máu, nhiều kẻ thậm chí còn đánh nhau để được uống.

Cuối cùng, khi rất nhiều xác chết đã nằm chồng chất lên nhau trong dòng nước, và một phần của đạo quân đó đã bị tiêu diệt tại con sông này, và vài kẻ trốn thoát từ chỗ đó đã bị kỵ binh giết chết, Nicias đã tự nộp mình cho Gylippus, người mà ông ta tin tưởng hơn quân Syracuse, và bảo Gylippus và

quân Lacedaemon muốn làm gì ông ta cũng được, nhưng hãy dừng việc tàn sát binh lính lại. Ngay sau đó Gylippus đã ra lệnh bắt quân địch làm tù binh; theo lệnh này những kẻ còn sống được gom hết lại với nhau, trừ một số đông đã bị binh lính đem giấu đi, và một toán quân được phái đi truy đuổi ba trăm quân Athens đã vượt qua được quân canh đêm trước, và lúc này đã bị bắt giữ cùng với tất cả những kẻ khác. Số quân địch được thu gom về làm tài sản công không đáng kể; nhưng số bị đem giấu đi làm của riêng rất nhiều, và cả đất Sicily tràn ngập bọn họ, không như những người bị bắt cùng với Demosthenes, đã không có một thoả ước nào được lập trong trường hợp của họ. Ngoài ra, một phần lớn đã bị giết ngay tại trận, cuộc thảm sát cực kỳ lớn, và không một cuộc thảm sát nào khác trong cuộc chiến ở Sicily này có thể vượt được nó. Trong rất nhiều cuộc đụng độ khác khi quân Athens hành quân rời khỏi Syracuse cũng có không ít người đã ngã xuống. Tuy vậy nhiều người đã trốn thoát, một số trốn được ngay lúc đó, những người khác đã bị bắt làm nô lệ và rồi sau đó trốn đi. Những người này đã tìm được nơi ẩn náu ở Catana.

Quân Syracuse và những đồng minh của họ lúc đó tập hợp lại, họ thu gom chiến lợi phẩm và nhiều tù binh hết mức có thể, và quay trở lại kinh thành. Phần còn lại trong số tù binh Athens và đồng minh của họ đã bị để lại trong các mỏ đá, xem ra đây là cách an toàn nhất để giam giữ tù binh; nhưng Nicias và Demosthenes đã bị giết, trái với ý Gylippus, ông này nghĩ rằng nếu đưa được các vị tướng ấy của địch đến Lacedaemon thì đó sẽ là đỉnh cao chiến thắng của mình. Thật tình cờ, một trong hai người đó, Demosthenes, là một trong những kẻ thù lớn nhất của Lacedaemon vì đã đến đánh hải đảo này và vì trận Pylos; trái lại người kia, Nicias, cùng vì những lý do đó lại là một trong những người bạn lớn nhất với Lacedaemon, bởi vì ông ta đã nỗ lực để giải phóng các tù binh của Lacedaemon bằng cách thuyết phục người Athens ký hiệp ước hoà bình. Chính vì những lý do này mà quân Lacedaemon có thiện cảm với ông ta; và bản thân Nicias đã trông đợi vào điều này là chính khi ông ta đầu hàng Gylippus. Nhưng nghe đồn rằng một số người Syracuse trước đó đã thông đồng với ông ta sợ rằng nếu ông ta bị đưa ra tra tấn và khai báo tiết lộ sẽ khiến chúng chẳng được yên hưởng

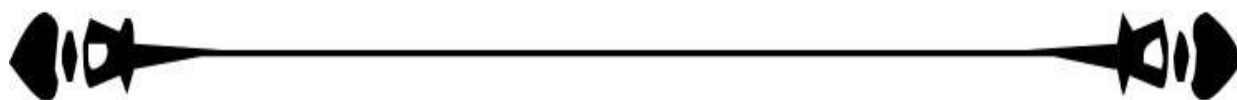
thắng lợi; những kẻ khác, đặc biệt là quân Corinth, thì sợ ông ta trốn thoát bằng cách hối lộ vì ông ta giàu có, và sẽ sống để gây tai giáng hoạ thêm cho họ; và thế là những kẻ này đã thuyết phục các đồng minh và giết ông ta. Vì cố này hay cố khác tương tự đã dẫn đến cái chết của một con người mà, trong hết thảy mọi người Hy Lạp ở thời đại tôi, không đáng phải chịu một số phận như thế nhất, bởi suốt cuộc đời mình ông đã luôn nghiêm cẩn chuyên tâm vào việc trau dồi đức hạnh.

Những tù binh ở trong các hầm đá ngay từ đầu đã bị quân Syracuse đối xử tàn tệ. Chen chúc trong một khe trống hẹp, mà không có nóc mái nào che chở cho họ, hơi nóng mặt trời và không khí bí bức ngột ngạt đã giày vò họ suốt ban ngày, và rồi màn đêm ập xuống với hơi thu lạnh giá đã khiến cho họ đổ bệnh vì sự thay đổi cực đoan giữa ngày và đêm; ngoài ra, do họ phải ẩm thực khởi cư ở cùng một chỗ vì thiếu không gian, và xác của những người đã chết vì bị thương hoặc vì nhiệt độ thay đổi, hoặc vì những nguyên nhân tương tự, bị bỏ mặc chồng chất lên nhau, mùi hôi thối không thể chịu nổi bốc lên; trong khi cái đói cái khát không ngừng giày vò họ, đã tám tháng nay mỗi người chỉ được nửa *pint* nước và một *pint* ngũ cốc mỗi ngày. Tóm lại, không một nỗi thống khổ nào mà những người bị đày vào một nơi như vậy từng phải trải qua chưa họ ra. Tất cả bọn họ đã sống cùng một chỗ như vậy trong khoảng bảy mươi ngày, sau đó ngoại trừ người Athens và các thực dân Hy Lạp ở Sicily hoặc ở Italy tham gia vào cuộc chinh phạt này, tất cả những tù binh còn lại bị bán đi. Khó có thể nói chính xác tổng số tù binh bị bắt là bao nhiêu, nhưng chắc hẳn không thể dưới bảy ngàn.

Đây là thành tích lớn nhất trong mọi thành tích của Hy Lạp trong cuộc chiến này, hoặc, theo quan điểm của tôi, trong lịch sử của Hy Lạp; thành tích này đồng thời vừa mang lại vinh quang lớn nhất cho những kẻ chiến thắng, vừa gây ra tai hoạ nặng nề nhất cho những kẻ chiến bại. Họ đã bị đánh bại toàn diện và toàn bộ, tất thảy những gì họ phải gánh chịu cực kỳ trầm trọng; họ đã bị huỷ diệt, như người ta thường nói là bị diệt tận gốc, hạm đội của họ, đạo quân của họ, hết thảy mọi thứ đã bị tiêu diệt, và chỉ còn vài người trong số rất nhiều người về lại được quê nhà. Những sự kiện ở Sicily là như thế đó.

QUYÊN THỨ TÁM

Chương XXIV



NĂM CHIẾN TRANH THỨ MƯỜI CHÍN VÀ HAI MƯỜI – IONIA DÃY LOẠN – SỰ CAN THIỆP CỦA BA TƯ – CUỘC CHIẾN Ở IONIA

Khi tin đưa về đến Athens, rất lâu sau họ vẫn không thể tin được ngay cả những người đáng trọng nhất trong số binh lính, chính là những người đã trốn thoát được khỏi chiến trường và tường thuật rành mạch lại việc này, không ai nghĩ rằng sự huỷ diệt hoàn toàn đến thế lại có thể xảy ra được. Khi đã buộc phải tin vào điều này, họ nổi giận với các diễn giả đã tham gia vào việc thúc đẩy cuộc viễn chinh đó, cứ như chính bản thân họ đã chẳng biểu quyết tán thành việc ấy không bằng, và cũng phần nộ vì những lời sấm truyền của các thầy bói và những nhà tiên tri, và tất cả những kẻ buôn thần

bán thánh khác lúc đó đã khuyến khích họ hy vọng rằng họ nhất định sẽ chinh phục được Sicily. Vốn đã đang khốn đốn về mọi mặt và mọi nơi, sau những gì vừa xảy ra họ lại bị xâm chiếm bởi nỗi lo sợ và khiếp đảm chưa từng thấy. Đó là một đòn quá nặng đối với thành bang này và đối với mỗi cá nhân khi mất đi số bộ binh hạng nặng, kỵ binh và các binh lính dũng mãnh nhiều đến thế, và khi thấy rằng không còn ai để thay thế họ nữa; nhưng khi họ thấy rằng ngoài mất mát đó ra họ còn không có đủ chiến thuyền trong bến, hoặc tiền bạc trong ngân khố, hay thủy thủ đoàn cho những chiến thuyền đó, họ bắt đầu mất hết hy vọng được cứu giúp. Họ nghĩ rằng kẻ địch của họ ở Sicily hừng hực khí thế vì chiến thắng lẫy lừng đến như vậy sẽ lập tức mang hạm đội đi đánh Piraeus; trong lúc kẻ địch ở chính xứ sở của họ đang tăng cường gấp đôi công cuộc chuẩn bị của chúng và sẽ tấn công họ dữ dội đồng thời cả trên biển lẫn trên bộ, khi được chi viện bởi các thành bang liên minh của họ đã dấy loạn. Tuy vậy, với những phương tiện trong tầm tay mình, họ quyết tâm kháng cự đến cùng, và cung cấp gỗ khối và tiền bạc, trang bị một hạm đội với khả năng cao nhất của họ, để từng bước giành lại những thành bang liên minh với họ mà trên hết là Euboea, cải cách mọi công việc trong kinh thành trên cơ sở tiết kiệm hơn, và bầu ra một hội đồng trưởng lão để tham mưu về các vấn đề chung của thành bang trong trường hợp cần thiết. Tóm lại, theo đúng lẽ thói dân chủ, trong cơn hoảng loạn nhất thời họ sẵn sàng làm những kẻ khôn ngoan hết mức có thể.

Những quyết định này được thi hành ngay lập tức. Lúc bấy giờ mùa hạ đã qua. Mùa đông kế tiếp chứng kiến toàn bộ Hy Lạp náo động bởi ám ảnh về thảm họa kinh hoàng của Athens ở Sicily. Những thành bang trung lập trong tình thế đó cảm thấy rằng dù có không được mời thì họ cũng không được đứng ngoài cuộc chiến nữa, mà phải tự nguyện cất quân đi đánh người Athens, những kẻ mà – như mỗi bang đều nghĩ – ắt hẳn đã đến đánh họ nếu như chiến dịch ở Sicily thành công. Và lại, họ cho rằng cuộc chiến giờ đây sẽ không còn dài nữa, và rằng việc tham chiến sẽ đem lại danh tiếng họ. Trong khi đó hết thảy các đồng minh của Lacedaemon đều nóng lòng được thấy một kết cục chóng vánh cho công cuộc chiến đấu gian khổ của họ hơn bao giờ hết. Nhưng đặc biệt là các xứ lệ thuộc của Athens đã cho thấy sự sẵn

sàng nổi dậy thậm chí là vượt quá khả năng của họ, khi họ nhận định tình thế bằng cảm xúc bùng bột, và thậm chí còn bỏ ngoài tai khi nghe nói người Athens có khả năng cầm cự được hết mùa hạ tới. Trên hết cả là Lacedaemon, được khích lệ bởi viễn cảnh ngay trước mắt về việc các đồng minh của mình ở Sicily sẽ gia nhập với mình thành một lực lượng hùng hậu vào mùa xuân, mới đây đã buộc phải kiểm lực lượng hải quân cho mình vì những sự kiện này. Với những lý do này để tự tin hơn về mọi mặt, người Lacedaemon lúc bấy giờ quyết tâm dấn thân vào cuộc chiến không chút do dự vì nghĩ rằng một khi nó chấm dứt có hậu, rốt cục họ sẽ được giải thoát khỏi những nguy cơ mà Athens lẽ ra đã có thể đe dọa họ nếu nó thống trị được Sicily, và rằng việc đánh bại Athens sẽ cho họ được yên ổn tận hưởng quyền bá chủ trên toàn Hy Lạp.

Agis vua của họ theo tinh thần đó đã xuất chinh ngay trong mùa đông này với một số binh lính từ Decelea, và thu được các khoản đóng góp của các đồng minh cho hạm đội, và khi quay về hưởng vịnh Malis ông ta đã ép dân Oetaea phải trả một khoản tiền bằng cách bắt đi gần hết gia súc của dân này để trả đũa sự thù nghịch ngày trước của họ, và bất chấp sự phản kháng và chống đối của người Thessaly, đã buộc dân Achaea ở Phthiotis và những xứ dân lệ thuộc khác của người Thessaly ở những vùng đó nộp tiền bạc và con tin cho ông ta, giam giữ các con tin tại Corinth, và cố kéo những đồng bào của họ vào liên minh. Quân Lacedaemon lúc bấy giờ ra lệnh cho các kinh thành phải đóng một trăm chiến thuyền, đặt định mức cho chính họ và Boeotia mỗi xứ hai mươi lăm chiến thuyền; cho Phocis và Locris cộng lại là mười lăm; cho Corinth mười lăm; cho Arcadia, Pellene và Sicyon cộng lại là mười; và cho Megara, Troezen, Epidaurus và Hermione cộng lại cũng là mười chiến thuyền; và đồng thời thực hiện mọi việc chuẩn bị khác để khai chiến vào mùa xuân.

Trong khi đó người Athens cũng chẳng chịu ngồi im. Cùng trong mùa đông này, như đã quyết định, họ quyên góp gỗ khối và đẩy nhanh việc đóng thuyền của mình, và củng cố phòng vệ ở mũi đất Sunium để thuyền chở ngũ cốc của họ có thể bơi vòng qua đó an toàn, và rút quân khỏi pháo đài ở Laconia mà họ đã xây dựng trên đường đi Sicily; đồng thời để tiết kiệm họ

cũng cắt giảm bất kỳ chi phí nào khác mà họ cảm thấy là không cần thiết, và quan trọng hơn hết là để mắt canh chừng cẩn thận để phòng những thành bang liên minh với họ dấy loạn.

Trong khi cả hai phe đều đang bận rộn như vậy, và hăng hái chuẩn bị cho chiến tranh y như lúc họ vừa mới mở màn cuộc chiến, dân Euboea là dân đầu tiên đã phái các sứ giả tới để gặp Vua Agis trong mùa đông này để thương nghị về việc họ nổi dậy chống Athens. Agis đã chấp nhận đề xuất của họ, và phái người đi triệu Alcámenes, con trai của Sthenelaidas, và Melanthus từ Lacedaemon đến để nắm quyền chỉ huy ở Euboea. Những người này theo lệnh triệu đã tới cùng với khoảng ba trăm quân *Neodamodes*, và Agis đã bắt đầu sắp xếp cho họ vượt biển. Nhưng cùng lúc đó một số người Lesbos, dân nơi này cũng đang muốn dấy loạn, đã đến gặp họ; và vì những kẻ này được người Boeotia hậu thuẫn, Agis đã bị thuyết phục hoãn việc của Euboea lại, và chuẩn bị cho cuộc nổi dậy của dân Lesbos, đồng thời cử Alcámenes, người lẽ ra đã lên thuyền đi Euboea, làm tổng trấn của họ, và bản thân ông ta hứa hẹn cho họ mười chiến thuyền, và người Boeotia cũng hứa cho một số lượng tương đương. Toàn bộ việc này được thực hiện mà không có chỉ thị từ hậu phương, vì Agis trong lúc ở Decelea cùng đạo quân mà ông ta chỉ huy có quyền phái quân sĩ tới bất cứ đâu ông ta muốn, và trưng quân hay trưng thu tiền bạc. Có thể nói là trong thời kỳ này các đồng minh tuân phục ông ta hơn là tuân phục người Lacedaemon ở kinh thành nhiều, bởi lực lượng mà ông ta có bên mình làm ông ta lập tức được nể sợ ở bất cứ đâu ông ta đến. Trong lúc Agis giao ước với dân Lesbos, thì dân Chios và dân Erythraeid, những xứ dân cũng đã sẵn sàng nổi dậy, đã đến cầu viện Lacedaemon mà không cầu viện ông ta; họ đã đến đó cùng với một sứ giả của Tissaphernes^[1], vị tướng thống lĩnh quân đội ở những hạt duyên hải của Vua Darius^[2] con trai Vua Artaxerxes^[3], và là người chiêu dụ người Peloponnese về với Ba Tư, và hứa hẹn sẽ chu cấp nuôi đạo quân của họ. Nhà vua mới đây vừa lệnh cho Tissaphernes phải nộp khoản cống nạp từ vùng ông ta cai trị, khoản này ông ta vẫn chưa nộp được do không thể thu được từ các trấn của Hy Lạp chỉ vì người Athens; và vì vậy ông ta đã tính rằng nếu làm người Athens suy yếu đi thì ông ta sẽ thu được khoản cống nạp

của các trấn dễ dàng hơn, và cũng sẽ kéo được người Lacedaemon vào liên minh với Nhà vua; và bằng cách này bắt sống hoặc giết chết Amorges, đưa con hoang của Pissuthnes^[4], kẻ đang nổi loạn trên bờ biển Caria, như Nhà vua đã lệnh cho ông ta.

Vì vậy trong khi dân Chios và Tissaphernes kết hợp để thực hiện cùng một mục đích, thì khoảng cùng thời gian đó Calligeitus người Megara, con trai của Laophon, cùng với Timagoras người Cyzicus^[5], con trai của Athensgoras, cả hai đều là người bị trục xuất khỏi quê xứ của họ và đang sống tại dinh thự của phó vương Pharnabazus^[6] con trai của Pharnaces, đã đến Lacedaemon theo một sứ mệnh mà Pharnabazus giao phó là kiểm về cho Hellespont một hạm đội; với hạm đội này, nếu có được, ông ta có thể tự mình thực hiện mục đích mà Tissaphernes tham vọng đạt được và khiến các thành dưới quyền cai trị của ông ta dấy loạn chống lại Athens, và như vậy sẽ thu được các khoản cống nạp, và bằng vào sự trung gian của chính ông ta để tranh thủ được người Lacedaemon làm đồng minh cho Nhà vua.

Các sứ giả của Pharnabazus và Tissaphernes thương lượng riêng rẽ, ở Lacedaemon lúc bấy giờ đã nảy ra một cuộc cạnh tranh quyết liệt về việc một hạm đội và đạo quân trước nhất sẽ phải được gửi tới Ionia và Chios hay tới Hellespont. Nhưng người Lacedaemon đã quyết định thiên vị dân Chios và Tissaphernes, là những người được Alcibiades ủng hộ, gia đình y là chỗ bạn bè thân hữu với Endius, một trong các đại pháp quan của năm đó. Thực ra là vì vậy mà gia tộc y mang họ của người Laconia, vì Alcibiades chính là họ của Endius. Dù vậy người Lacedaemon trước hết phái Phrynus, một trong những người *Perioeci* tự trị, đi Chios để xem họ có nhiều chiến thuyền như họ nói hay không, và nhìn chung thành bang của họ có hùng mạnh như người ta đồn đại hay không; và ngay khi ông ta mang tin về rằng dân đó đã nói đúng sự thật, họ lập tức kết đồng minh với dân Chios và dân Erythraeid, và biểu quyết nhất trí gửi cho họ bốn mươi chiến thuyền, theo lời dân Chios thì ở đảo đó đã có sẵn không dưới sáu mươi chiến thuyền. Thoạt đầu người Lacedaemon định gửi cho họ mười trong số bốn mươi chiến thuyền này do Melanchridas làm đô đốc; nhưng sau đó một trận động đất xảy ra, họ phái

Chalcideus đi thay Melanchridas, và thay vì mười chiến thuyền họ chỉ trang bị được năm chiếc ở Laconia. Và mùa đông đó đã hết, và năm thứ mười chín của cuộc chiến tranh mà Thucydides ghi vào sử sách cũng chấm hết cùng với nó.

Đầu mùa hạ tiếp theo dân Chios hối thúc Lacedaemon gửi hạm đội đi ngay vì dân này sợ rằng dù tất cả các sứ bộ kể trên vẫn đang được giữ bí mật với người Athens nhưng họ có thể phát hiện được những gì đang diễn ra, và người Lacedaemon tức tốc phái ngay ba người Sparta đến Corinth để hết sức khẩn trương cho kéo các chiến thuyền bang qua Eo đất từ bên kia biển sang bên này biển ở phía Athens, và ra lệnh cho tất cả số thuyền đó nhổ neo đi Chios, kể cả những con thuyền mà Agis đang trang bị cho Lesbos cũng không ngoại lệ. Số chiến thuyền từ các bang đồng minh là ba mươi chín chiếc cả thảy.

Trong khi đó Calligeitus và Timagoras đã không nhân danh Pharnabazus tham gia vào cuộc viễn chinh sang Chios hoặc đóng góp số tiền hai mươi lăm *talăng* mà họ mang theo để giúp gửi một lực lượng đi, mà quyết định sau đó chính họ sẽ lên thuyền ra đi cùng với một lực lượng khác. Mặt khác, Agis thấy rằng người Lacedaemon quyết ý đi Chios trước bèn tự mình đến gặp họ; và các đồng minh tập hợp ở Corinth và tổ chức một cuộc họp hội đồng, trong cuộc họp đó họ quyết định trước tiên sẽ cho thuyền đi Chios dưới quyền chỉ huy của Chalcideus, người đang trang bị cho năm chiến thuyền ở Laconia, rồi sau đó đến Lesbos dưới sự chỉ huy của Alcamenes, chính là người mà Agis đã chọn, và cuối cùng sẽ đến Hellespont, nơi mà quyền chỉ huy sẽ được trao cho Clearchus con trai của Ramphias. Đồng thời trước hết họ sẽ chỉ kéo nửa số chiến thuyền qua Eo đất để quân Athens có thể bớt chú ý đến hải đội đang khởi hành vì mãi chú ý vào những con thuyền được kéo qua sau, khi mà chưa có một biện pháp đề phòng nào được thực hiện để giữ bí mật chuyến đi này do khinh thường sự bất lực của người Athens, những kẻ mà cho đến bấy giờ vẫn chưa có được một hạm đội nào đáng kể ở trên biển. Theo quyết định này, hai mươi một chiến thuyền ngay lập tức được kéo sang bên kia Eo đất.

Giờ đây họ nóng lòng lên thuyền ra khơi, nhưng người Corinth không muốn đi cùng họ trước khi ăn mừng xong lễ hội Isthmus^[2] trùng vào thời gian đó. Trước tình hình này Agis đề nghị họ đừng dẫn đo do dự gì về việc phá vỡ thoả thuận tạm đình chiến ở Eo đất bởi ông ta sẽ tự nhận trách nhiệm về mình. Người Corinth không đồng ý với đề nghị này, và đã xảy ra việc trì hoãn mà trong thời gian trì hoãn đó người Athens đã bắt đầu nghi ngờ những gì đang được chuẩn bị tại Chios, và phái Aristocrates, một trong các tướng lĩnh của họ, đến đó và cáo buộc dân Chios về việc này, và khi dân Chios phủ nhận ông ta bèn ra lệnh cho họ phái một hải đội đóng góp cho liên minh đi cùng với ông ta để chứng tỏ là một đồng minh trung thành. Vì vậy bảy con thuyền đã được phái đi. Nguyên do việc phái những con thuyền đó đi là vì trên thực tế đa số dân chúng Chios không tham gia vào những cuộc thương lượng đó, trong khi thiểu số bí mật thương lượng lại không muốn tiết lộ cho đa số dân chúng biết cho đến khi họ có được điều gì đó chắc chắn để dựa vào, và họ đã không còn trông đợi quân Peloponnese đến bởi quân này trì hoãn mãi.

Trong khi đó lễ hội Isthmus diễn ra, và người Athens, vì cũng được mời, đã đến tham dự lễ hội này, và lúc bấy giờ đã thấy rõ hơn những âm mưu của dân Chios, ngay khi họ trở về Athens liền thực hiện những biện pháp để phòng hạm đội đó từ Cenchreae ra khơi mà họ không hay biết. Sau lễ hội quân Peloponnese ra khơi cùng hai mươi một chiến thuyền đi Chios, dưới quyền chỉ huy của Alcamenes. Thoạt đầu quân Athens bởi một số thuyền cũng bằng như thế đón đánh họ, dụ thuyền địch ra ngoài khơi. Tuy nhiên khi quân địch quay về mà không đuổi theo xa, quân Athens cũng quay về vì không tin tưởng bảy chiến thuyền của Chios là một phần trong hạm đội của họ, và sau đó đã cung cấp thuỷ thủ binh lính cho cả bảy chiến thuyền và đuổi theo hạm đội địch trên đường đi dọc theo bờ biển vào Spiraenum, một hải cảng hoang vắng của Corinth sát biên giới Epidaurus. Sau khi bị mất một chiến thuyền ngoài biển, hạm đội Peloponnese tập hợp những chiến thuyền còn lại và đưa chúng vào neo đậu trong cảng. Lúc đó Quân Athens không những chỉ tấn công bằng hạm đội của họ từ biển vào, mà còn đổ bộ lên bờ; và cuộc hỗn chiến đã nổ ra một cách loạn xạ ngẫu và bạo liệt

nhất, trong trận chiến này quân Athens đã phá huỷ hầu hết chiến thuyền của địch và giết Alcámenes chỉ huy của hạm đội này, họ cũng tổn thất một ít người.

Sau trận chiến này hai bên tách ra, và quân Athens cắt cử một số chiến thuyền đủ để ngăn chặn những chiến thuyền của địch rồi thả neo và trú đậu ở một đảo nhỏ gần kề, ngay khi neo đậu họ bắt đầu dựng trại, và phái người về Athens xin tăng viện; quân Peloponnese vào ngày hôm sau trận chiến đó đã được quân Corinth đến hợp quân cùng, họ đến để cứu các chiến thuyền, và sau đó không lâu những cư dân ở vùng lân cận cũng gia nhập với họ. Những quân này thấy thật khó có thể canh phòng ở một nơi hoang vắng như thế, và trong lúc bối rối thoát đầu đã nghĩ đến việc đốt cháy những chiến thuyền, nhưng cuối cùng quyết định kéo chúng lên bờ và hạ trại, canh gác chúng bằng các lực lượng bộ binh cho đến khi thời cơ trốn thoát tự xuất hiện. Agis khi được tin về thất bại đó cũng đã gửi đến cho họ một người Sparta tên là Thermon. Người Lacedaemon ban đầu đã nhận được tin hạm đội đã rời Eo đất ra khơi, vì các đại pháp quan đã lệnh cho Alcámenes phái một kỵ mã đi khi việc này diễn ra, và ngay lập tức quyết định gửi đi năm chiến thuyền của chính họ dưới quyền chỉ huy của Chalcideus, và Alcibiades cùng đi với ông ta. Nhưng trong khi họ đang đầy quyết tâm như thế thì tin báo thứ hai đã đến về việc hạm đội đang phải trốn tránh ở Spiraëum, và ngã lòng vì bước đầu tiên của họ trong cuộc chiến Ionia đã chứng tỏ là thất bại, họ gạt sang một bên ý định gửi các chiến thuyền từ xứ sở của mình đi, và thậm chí còn muốn triệu hồi cả một số thuyền đã ra khơi.

Nhận thấy điều này, Alcibiades lại một lần nữa thuyết phục Endius và các vị đại pháp quan khác kiên trì với cuộc viễn chinh, y nói rằng chuyến hải hành đó phải được thực hiện trước khi dân Chios nghe tin về rủi ro xảy đến với hạm đội đó, và rằng ngay khi y đặt chân lên đất Ionia, bằng cách đoán chắc với họ về tình trạng suy vi của Athens và nhiệt huyết của Lacedaemon y sẽ chẳng khó khăn gì để thuyết phục được các kinh thành đó dấy loạn bởi họ sẽ dễ dàng tin vào lời chứng của y. Y cũng đích thân đến gặp riêng và nói với Endius rằng sẽ là vinh dự cho ông ta nếu ông ta làm trung gian xúc tác khiến Ionia dấy loạn và Nhà vua trở thành đồng minh của Lacedaemon, thay

vì để vinh dự đó cho Agis (nên nhớ rằng Agis là kẻ thù của Alcibiades); và bằng cách đó đã thuyết phục được Endius và các vị đại pháp quan đồng nhiệm với ông ta, y ra khơi cùng năm chiến thuyền và Chalceus người Lacedaemon, và hết sức gấp rút với chuyến hải hành này.

Trong khoảng thời gian này mười sáu chiến thuyền của Peloponnese, những con thuyền đã phục vụ suốt cuộc chiến ở Sicily cùng với Gylippus, trên đường từ Sicily trở về đã bị bắt gặp ở ngoài khơi Leucas và bị đánh rất bởi hai mươi bảy chiến thuyền của Athens, dưới quyền chỉ huy của Hippocles con trai của Menippus, trong lúc chúng đang rình chờ hạm đội đó từ Sicily về. Sau khi mất một chiến thuyền trong số đó, những chiến thuyền còn lại thoát được hạm đội Athens và bơi về Corinth.

Cùng trong thời gian đó Chalcideus và Alcibiades bắt giữ tất cả những ai họ gặp trên hải trình của mình để ngăn chặn tin tức về việc họ đang tới, và thả những người đó ở Corycus^[8], điểm đầu tiên họ cập vào trên đại lục này. Nơi đây một số người Chios thông đồng với họ đã đến gặp họ và giục giã họ bơi thuyền tới trấn mình mà đừng loan báo rằng họ đến, nên họ đã bất thành lĩnh xuất hiện ở Chios. Phe dân chúng kinh ngạc và luống cuống, trong lúc phe thiểu số đã dàn xếp trước để một hội đồng nhóm họp vào lúc đó; và sau lời phát biểu của Chalcideus và Alcibiades tuyên bố rằng còn nhiều chiến thuyền nữa đang sắp đến mà không hé một lời về hạm đội đang bị phong tỏa ở Spiraenum, dân Chios đã nổi loạn chống lại Athens, và liền sau họ là dân Erythraeid. Sau việc này ba chiến thuyền đã bơi sang Clazomenae^[9], và cũng khiến cho thành đó dấy loạn; và dân Clazomenae ngay tức khắc vượt biển sang lục địa và bắt đầu củng cố phòng vệ cho Polichna^[10] để khi cần có thể từ hải đảo mà họ sinh sống rút về nơi đó.

Trong khi những nơi nổi loạn đang bận bịu với việc củng cố phòng vệ và chuẩn bị cho cuộc chiến, tin tức về Chios đã nhanh chóng bay tới Athens. Người Athens cho rằng cái nguy cơ lúc này đang đe dọa họ đã hiển hiện và cực kỳ to lớn, và rằng các đồng minh còn lại sẽ không chịu ngồi yên sau sự ly khai của những đồng minh lớn nhất trong số họ. Trong cơn hoảng hốt họ lập tức bãi bỏ hình phạt trước đây áp đặt cho bất kỳ kẻ nào đề xuất hoặc đưa

ra biểu quyết một đề xuất về việc sử dụng một ngàn *talăng* mà từ đầu cuộc chiến tranh này cho đến giờ họ vẫn cẩn trọng tránh không động đến, và biểu quyết đem số tiền đó ra dùng để cung cấp thủy thủ binh lính cho rất nhiều chiến thuyền, và ngay lập tức gửi đi tám chiến thuyền dưới quyền chỉ huy của Strombichides con trai của Diotimus, là một phần của hải đội phong toả địch ở Spiraenum, hải đội này đã rời bỏ cuộc phong toả và trở về sau khi truy đuổi và không bắt kịp các chiến thuyền đi cùng Chalcideus. Ngay sau đó họ gửi thêm mười hai chiến thuyền nữa dưới quyền chỉ huy của Thrasyclus đi theo những chiến thuyền trên, số này cũng được rút ra từ lực lượng phong toả đó. Họ cũng triệu hồi bảy chiến thuyền của Chios, là một phần trong hải đội của họ đang phong toả hạm đội ở Spiraenum, và trả tự do các nô lệ trên thuyền đồng thời giam giữ những người tự do trên thuyền lại, và gấp rút cung cấp thủy thủ binh lính lên thuyền và phái đi mười chiến thuyền mới để phong toả quân Peloponnese ở nơi mà các chiến thuyền trên vừa rút về, và quyết định cung cấp thủy thủ binh lính lên thêm ba mươi chiến thuyền nữa. Chẳng thiếu gì nhiệt huyết, và không chừa một nỗ lực nào để gửi cứu viện sang Chios.

Trong lúc đó Strombichides cùng với tám chiến thuyền của ông ta đã đến Samos, và sau khi chiếm đoạt một thuyền của Samos, ông ta cho thuyền đến Teos và yêu cầu dân đó không được loạn động. Chalcideus cũng từ Chios ra khơi đi Teos với hai mươi ba chiến thuyền, các lực lượng bộ binh của Clazomenae và Erythraeid hành quân dọc theo bờ biển để yểm trợ cho ông ta. Hay tin đó kịp thời, Strombichides lên thuyền rời khỏi Teos trước khi họ đến đó, và trong lúc còn ở ngoài khơi khi nhìn thấy đoàn thuyền đông đảo từ Chios bèn chạy trốn về phía Samos, và bị quân địch đuổi theo. Thoạt tiên dân Teos không muốn tiếp nhận các lực lượng bộ binh ấy, nhưng ngay khi thấy quân Athens chạy trốn bèn đưa các lực lượng bộ binh đó vào trấn. Ở đó họ chờ ít lâu để Chalcideus từ cuộc truy đuổi địch quay về, và vì thời gian trôi đi mà không thấy ông ta quay trở lại, họ tự bắt tay vào phá huỷ bức thành lũy mà Athens đã xây dựng bên phía đất liền của thành Teos, họ được một số quân phi-Hy-Lạp dưới quyền chỉ huy của Stages, phó tướng của Tissaphernes, đến giúp.

Cùng lúc ấy Chalcideus và Alcibiades, sau khi truy đuổi Strombichides vào Samos, đã vũ trang cho các thủy thủ đoàn của những chiến thuyền từ Peloponnese và để họ lại Chios, và sau khi lấy người Chios thế vào đó và cung cấp thủy thủ binh lính cho hai mươi chiến thuyền khác, họ nhổ neo đi Miletus để phát động xứ đó nổi dậy. Mong muốn của Alcibiades, kẻ có bạn bè trong số những người đứng đầu Miletus, là chiêu hồi trấn đó sang phe mình trước khi những chiến thuyền từ Peloponnese kịp đến, và như vậy, bằng việc xui khiến được các thành nổi dậy càng nhiều càng tốt với sự trợ giúp của lực lượng Chios và Chalcideus, y sẽ giành được vinh dự cho quân Chios và cho chính y cùng với Chalcideus, và, như y đã hứa, cho cả Endius người đã phái họ đi. Không bị phát hiện ra tận đến lúc chuyển hải hành của họ đã sắp hoàn thành, họ đến nơi trước Strombichides và Thrasyclus (ông này vừa từ Athens đến với mười hai chiến thuyền và nhập vào hải đội của Strombichides để truy kích họ), và đã kịp phát động cuộc nổi loạn của Miletus. Khi quân Athens với mười chín chiến thuyền bơi đến sát nút họ và thấy Miletus đã đóng cửa không cho mình vào, bèn chiếm đóng một vị trí ở đảo Lade^[1] kế bên. Liên minh đầu tiên giữa Nhà vua và người Lacedaemon lúc bấy giờ được ký kết ngay khi dân Miletus nổi loạn, do Tissaphernes và Chalcideus đại diện, với nội dung như sau:

“Người Lacedaemon và các đồng minh của họ lập một hiệp ước với Nhà vua và Tissaphernes với những điều khoản như sau:

1. Bất kể xứ nào hoặc thành bang nào mà Nhà vua hiện sở hữu, hoặc tổ tiên Nhà vua đã sở hữu, sẽ là của Nhà vua: và bất kể thứ gì mà Athens thu được từ những thành bang đó, dù là tiền bạc hay bất kỳ thứ gì khác, thì Nhà vua và người Lacedaemon cùng các đồng minh của họ sẽ cùng hợp lực ngăn chặn không để Athens nhận được dù là tiền bạc hay bất kỳ thứ gì khác đó.
2. Cuộc chiến tranh với Athens sẽ được Nhà vua và người Lacedaemon và các đồng minh của họ cùng hợp lực tiến hành: và

không bên nào được phép ký kết hoà bình với Athens trừ phi được cả hai bên nhất trí, Nhà vua là một bên và người Lacedaemon và các đồng minh của họ là bên kia.

3. Nếu bất kỳ nơi nào dấy loạn chống lại Nhà vua, nơi đó sẽ là kẻ địch của người Lacedaemon và các đồng minh của họ. Và tương tự như vậy, nếu bất kỳ nơi nào dấy loạn chống lại người Lacedaemon và các đồng minh của họ, nơi đó sẽ là kẻ địch của Nhà vua.”

Đó là các điều khoản liên minh. Sau việc này, dân Chios lập tức cung cấp thuỷ thủ binh lính cho mười chiến thuyền nữa và nhổ neo đi Anaia để thám thính tin tức về những người ở Miletus, và cũng để xui khiến các thành bang ở vùng đó nổi loạn. Song một thông báo do Chalcideus gửi đã đến với họ để bảo họ quay về, và rằng Amorges cùng một đạo quân theo đường bộ đã đến gần trong gang tấc, họ bèn dong thuyền về đến thờ thần Zeus và nơi đó họ đã trông thấy mười chiến thuyền nữa đang chèo tới, những con thuyền này cùng Diomedon khởi hành từ Athens sau Thrasyclus, họ liền bỏ chạy, một thuyền chạy đến Ephesus, các thuyền còn lại chạy đến Teos. Quân Athens bắt được bốn con thuyền trống của họ, người trên thuyền đã có đủ thời gian để chạy trốn lên bờ; những thuyền khác trú ẩn trong thành Teos; sau sự việc này quân Athens nhổ neo đi Samos, trong khi đó quân Chios đã ra khơi cùng với tất cả những chiến thuyền còn lại của họ, và được hộ tống bởi lực lượng bộ binh kia, và xui khiến Lebedos^[12] nổi loạn, và sau nó là Erae^[13]. Sau việc này, cả hạm đội và lực lượng bộ binh đó cùng hồi hương.

Cũng vào khoảng thời gian này hai mươi chiến thuyền của Peloponnese ở Spiraenum, những chiến thuyền mà chúng ta đã gác lại bên trên khi chúng bị truy đuổi phải lên bờ và bị phong toả bởi một số lượng thuyền Athens tương đương với chúng, bất đồ xông ra phá vây và đánh bại hải đội đang vây hãm, chiếm được bốn con thuyền của địch, và khi chèo về Cenchreae, lại một lần nữa chuẩn bị cho chuyến hải hành đi Chios và Ionia. Nơi đây Astyochus đô đốc hạm đội từ Lacedaemon đã đến nhập vào với họ, từ lúc này ông ta được

trao quyền chỉ huy tối cao của hải quân. Lực lượng bộ binh kia lúc bấy giờ đang rút khỏi Teos, Tissaphernes đích thân tới đó với một đạo quân và phá huỷ nốt những gì còn lại của bức thành lũy ở đó, rồi rời khỏi. Ít lâu sau khi ông ta đi khỏi, Diomedon đến cùng với mười chiến thuyền của Athens, và sau khi đã lập một hiệp ước mà bằng vào đó dân Teos đã tiếp nhận ông ta y như họ đã tiếp nhận kẻ địch của ông ta, ông ta cho thuyền bơi men theo bờ biển đến Erae, và sau khi đánh chiếm trấn này không thành, ông ta lại bơi thuyền trở về.

Cũng vào khoảng thời gian này đã xảy ra một cuộc nổi dậy của dân chúng ở Samos chống lại các tầng lớp trên, phối hợp với một số quân Athens trên ba chiến thuyền ở đó. Dân chúng Samos hành quyết cả thảy khoảng hai trăm người thuộc các tầng lớp trên, và trục xuất khoảng bốn trăm người nữa, và tự mình chiếm lấy đất đai nhà cửa của họ; sau sự kiện này người Athens tuyên bố cho họ độc lập vì giờ đây họ đã chắc chắn rằng dân này sẽ trung thành với họ, và từ đó trở đi dân chúng tự quản thành này, loại tất cả các chủ đất ra tuyệt đối không cho dự phần vào chính sự, và từ đó về sau cấm bất kỳ thường dân nào gả con gái của mình cho những kẻ ấy hoặc lấy vợ trong số những kẻ ấy.

Sau biến cố đó, cũng trong mùa hạ năm ấy, dân Chios, là dân vẫn bình bình nhiệt huyết y như trước, và ngay cả khi không có quân Peloponnese vẫn thấy mình đủ lực để tác động các kinh thành ở đó dấy loạn và đồng thời cũng mong muốn có càng nhiều kẻ đồng hành trong nguy hiểm càng tốt, đã làm một cuộc viễn chinh tới Lesbos với mười ba chiến thuyền của riêng mình; chỉ thị của Lacedaemon là hạm đội của Lacedaemon và đồng minh sẽ đến đảo đó tiếp sau Chios, và rồi từ đó đến Hellespont. Trong lúc này, lực lượng bộ binh của Peloponnese đang ở cùng với quân Chios và các quân đồng minh ngay tại đó, đã di chuyển dọc theo bờ biển đến Clazomenae và Cuma, dưới quyền chỉ huy của Eualas người Sparta; trong lúc hạm đội dưới quyền chỉ huy của Diniadas, một trong những người *Perioeci* tự trị, trước hết dong thuyền đến Methymna và khiến nơi này nổi loạn, và sau khi để lại bốn chiến thuyền ở đó, với số chiến thuyền còn lại họ đã khiến được xứ Mytilene dấy loạn.

Trong khi đó thì Astyochus, đô đốc của Lacedaemon, theo dự định của mình đã khởi hành cùng bốn chiến thuyền từ Cenchreae, và đã đến Chios. Vào ngày thứ ba sau khi ông ta tới đó, các chiến thuyền của Athens, cả thảy là hai mươi lăm, bơi tới Lesbos dưới quyền chỉ huy của Diomedon và Leon, người vừa tới cùng với mười chiến thuyền tăng viện từ Athens. Cùng ngày hôm đó nhưng muộn hơn, Astyochus ra khơi và mang theo một chiến thuyền của Chios đi Lesbos để giúp bất kỳ việc gì ông ta có thể giúp. Đến Pyrrha, và từ đó ngày hôm sau đến Eresus, ở đây ông ta biết tin rằng Mytilene đã bị quân Athens chiếm mà hầu như chẳng phải đánh đấm gì, quân này bơi thuyền đến và bắt đầu bơi vào hải cảng, đánh bại những chiến thuyền của Chios, và đổ bộ và đánh thẳng đội quân đối địch với họ và nắm quyền làm chủ thành này. Astyochus hay tin này từ dân Eresus và các chiến thuyền của Chios, những chiến thuyền đã được để lại cùng với Eubulus tại Methymna và đã chạy trốn ngay khi Mytilene bị chiếm mà ba trong số đó lúc này ông ta tình cờ gặp còn một chiếc khác đã bị quân Athens bắt mất, ông ta thôi không đi Mytilene nữa mà phát động dân Eresus nổi loạn và vũ trang cho họ, và sau khi phái bộ binh hạng nặng từ các chiến thuyền của ông ta dưới quyền chỉ huy của Eteonicus theo đường bộ đi Antissa và Methymna, chính ông ta đã cùng với những chiến thuyền mà ông ta có và ba chiến thuyền của Chios tiếp tục men theo bờ biển tới đó, với hy vọng rằng dân Methymna khi trông thấy họ sẽ được khích lệ mà kiên trì trụ vững trong cuộc nổi dậy của họ. Nhưng do mọi việc ở Lesbos đều trái lại với ý định của ông ta, ông ta bèn dẫn lực lượng của riêng mình bơi thuyền trở về Chios; lực lượng bộ binh trên thuyền, nhẽ ra phải đi Elellespont, cũng được thuyền chở ai về xứ nấy. Sau sự kiện này, sáu trong số chiến thuyền đồng minh của Peloponnese ở Cenchreae nhập vào với các lực lượng tại Chios. Quân Athens sau khi lập lại trật tự ở Lesbos đâu vào đấy như cũ đã dong thuyền khỏi đó và chiếm Polichna, nơi mà dân Clazomenae đang củng cố phòng vệ trên lục địa này, và đưa dân cư ở đó trở lại trấn của họ trên đảo, ngoại trừ những kẻ chủ mưu gây loạn đã rút lui về Daphnus^[14]; và vì vậy Clazomenae một lần nữa lại thuộc về Athens.

Cùng mùa hạ năm đó quân Athens trên hai mươi chiến thuyền đóng tại Lade, đang phong toả Miletus, đã đột ngột tấn công Panormus trên lãnh thổ Miletus, và giết Chalcideus vị tướng của Lacedaemon, ông này đã cùng với một số ít người ra đánh lại họ, và ba ngày sau quân này lại bơi thuyền sang và dựng một đài chiến tích, tuy nhiên nó đã bị dân Miletus phá đổ do quân Athens không nắm quyền làm chủ ở xứ này. Cũng trong thời gian này, Leon và Diomedon cùng với hạm đội của Athens ở Lesbos xuất phát từ Oenussae, những đảo nhỏ ở ngoài khơi Chios, và từ các công sự của họ ở Sidussa^[15] và Pteleum tại Erythraeid, và từ Lesbos, đã tiếp tục đánh Chios từ các chiến thuyền của họ, trên thuyền có bộ binh hạng nặng từ các danh sách quân chính quy bị buộc phải làm lính thủy đánh bộ. Đổ bộ ở Cardamyle và Bolissus^[16], họ đã đánh bại và khiến quân Chios ra giao chiến với họ bị tổn thất nặng, và sau khi phá huỷ những nơi ở vùng lân cận đó, họ lại đánh bại quân Chios trong trận chiến khác tại Phanae^[17], và trong trận thứ ba ở Leuconium^[18]. Sau đó, quân Chios thôi không đương đầu với họ trên chiến trường nữa, trong lúc đó quân Athens tàn phá xứ này, một xứ sở được giữ gìn rất đẹp đẽ và nguyên vẹn không bị hư hại suốt từ thời Chiến tranh Ba Tư đến nay. Quả thật, sau người Lacedaemon thì dân Chios là dân tộc duy nhất mà tôi từng biết đã biết cách để khôn ngoan sáng suốt khi thịnh vượng, và đã biết cách thu xếp để kinh thành của họ càng lớn mạnh thì càng an toàn hơn. Cuộc nổi dậy này, mà xem ra họ đã phạm sai lầm vì chưa tính kỹ, lẽ ra đã không được mạo hiểm thực hiện nếu họ không có được nhiều đồng minh dũng cảm chia sẻ nguy hiểm với họ đến thế, và nếu họ đã không nhận thấy chính người Athens sau thất bại ở Sicily đã thôi không che giấu tình trạng hoàn toàn tuyệt vọng của mình nữa. Và nếu họ bị đánh bại bởi một trong những yếu tố bất ngờ khiến sự tính toán của con người đảo lộn, thì họ thấy sai lầm của mình bên cạnh sai lầm của rất nhiều dân khác, những dân cũng như họ tin tưởng rằng quyền lực của Athens sẽ mau chóng sụp đổ. Trong khi họ bị phong toả từ phía biển và bị tàn phá trên đất liền như vậy, một số công dân đã hứa hẹn đem thành của họ theo phe Athens. Biết được điều này, những người cầm quyền đã không tự mình hành động, mà đưa đô đốc Astyochnus từ Erythrae^[19] cùng với bốn chiến thuyền mà ông ta có đến Chios

và cân nhắc xem làm thế nào họ có thể chấm dứt âm mưu này một cách êm thấm nhất, dù là bằng cách bắt giữ con tin hoặc bằng cách nào đó khác.

Trong khi dân Chios đang bận rộn như thế thì vào cuối mùa hạ đó một ngàn bộ binh hạng nặng của Athens và một ngàn năm trăm quân Argos (năm trăm trong số này là bộ binh hạng nhẹ được Athens trang bị giáp trụ), và một ngàn quân đồng minh đã lên bốn mươi tám con thuyền từ Athens ra khơi, trong đó có một số là thuyền chuyên vận, dưới sự chỉ huy của Phrynichus, Onomacles và Scironides, và sau khi cập vào Samos, họ vượt qua đó và lập trại ở Miletus. Ngay khi đó tám trăm bộ binh hạng nặng của Miletus ra ngoài thành, với quân Peloponnese đến cùng Chalcideus và một số lính đánh thuê ngoại bang của Tissaphernes, đích thân Tissaphernes và kỵ binh của ông ta nữa, và giao chiến với quân Athens và các đồng minh của họ. Trong lúc quân Argos vội vã xông lên từ phía cánh của mình với vẻ nghênh ngang bất cần của những kẻ đang tiến đánh những quân Ionia mà thường chẳng khi nào trụ nổi với cuộc tấn công ồ ạt của họ, và bị quân Miletus đánh bại với tổn thất suýt soát ba trăm quân, thì quân Athens thoát đầu đánh bại quân Peloponnese, rồi đẩy lui quân man di và tốp quân rời rạc phía trước mà không giao chiến với quân Miletus, quân này sau khi đánh tan quân Argos đã rút vào trong thành khi thấy các đồng đội của họ bị đánh bại, họ tôn vinh chiến thắng của họ bằng cách đặt vũ khí của họ xuống ngay dưới chân những thành lũy của Miletus. Như vậy, trong trận này, quân Ionia ở cả hai phe đã chiến thắng quân Doris: quân Athens thắng quân Peloponnese đối địch với họ, và quân Miletus thắng quân Argos. Sau khi dựng một đài chiến tích, quân Athens chuẩn bị xây một thành lũy bao vây nơi này, thành lũy này sẽ đứng trên một eo đất; họ cho rằng nếu họ giành được Miletus thì các thành khác cũng sẽ dễ dàng chạy sang phe họ.

Trong khi đó lúc trời chạng vạng có tin đến với họ là năm mươi lăm chiến thuyền từ Peloponnese và Sicily rất có thể sẽ đến ngay trong chốc lát. Trong lực lượng này, thực dân Hy Lạp ở Sicily, mà đa phần do Hermocrates người Syracuse thuyết phục liên kết để giáng vào quyền lực của Athens một đòn tối hậu, đã cung cấp trang bị hai mươi hai chiến thuyền – hai mươi chiếc của Syracuse và hai chiếc của Silenus; và những chiến thuyền mà chúng ta đã

nhắc đến bên trên là đang được chuẩn bị ở Peloponnese giờ đây đã sẵn sàng, cả hai hải đội này đã được tin tưởng giao phó cho Therimenes người Lacedaemon đưa đến cho đô đốc Astyochus. Lúc bấy giờ trước hết họ cập vào Leros, một đảo ngoài khơi Miletus, và từ nơi đó khi phát hiện ra rằng quân Athens đang vây trước trấn này, họ bèn dong thuyền vào vịnh Iasus^[20], để thám thính xem binh tình ở Miletus diễn biến ra sao. Cùng lúc đó Alcibiades phi ngựa đến Teichiussa trên lãnh thổ Miletus, một điểm ở vịnh mà họ đã cập vào để nghỉ đêm, và kể cho họ về trận chiến mà chính y đã sát cánh với quân Miletus và Tissaphernes chiến đấu, và khuyên họ rằng nếu họ không muốn hy sinh Ionia và đại nghiệp của họ thì nên nhanh chân đến cứu viện Miletus và ngăn không để nó bị bao vây.

Y lời, họ quyết định đi giải vây cho Miletus vào sáng hôm sau. Trong khi ấy vị tướng của Athens là Phrynichus đã nhận được mật báo chính xác về hạm đội từ Leros, và khi các tướng lĩnh đồng chỉ huy với ông ta bày tỏ mong muốn giữ vùng biển đó và đánh đuổi hạm đội kia, ông ta đã thẳng thừng từ chối không để ngay cả chính ông ta hoặc họ hoặc bất kỳ ai khác ở lại đây nếu ông ta có thể ngăn được việc đó. Khi mà từ nay về sau họ có thể chiến đấu, sau khi đã được yên ổn chuẩn bị đầy đủ, với thông tin chính xác về số chiến thuyền trong chiến hạm của địch và quân số của lực lượng mà họ sẽ phải đương đầu, thì ông ta chẳng bao giờ để lời chỉ trích về việc mất thể diện đẩy mình đến nước phải liều lĩnh một cách phi lý. Chẳng có gì là mất thể diện khi một hạm đội của Athens phải rút lui nếu điều đó là hợp lý: cứ cho là họ sẽ mất thể diện đi chẳng nữa, nhưng nếu bị đánh bại sẽ còn mất thể diện hơn nhiều, và đây kinh thành của họ không chỉ vào chỗ mất thể diện, mà còn vào mối nguy hiểm đáng sợ nhất. Sau tai hoạ gần đây của họ thì khó có lý do chính đáng để chủ động tấn công ngay cả với lực lượng hùng mạnh nhất, ngoại trừ trường hợp tối cần thiết: nếu không bị bắt buộc thì càng không thể vội vã xông vào để tự chuốc lấy hiểm nguy. Ông ta bảo họ phải hết sức mau chóng thu gom những người bị thương và binh lính cùng những đồ dự trữ mà họ đã mang theo mình và bỏ lại những gì họ chiếm được trên đất địch, hầu làm nhẹ các chiến thuyền, rồi nhổ neo rời khỏi đó đi Samos, và ở đó họ sẽ tập trung toàn bộ chiến thuyền của họ để tấn

công khi thời cơ xuất hiện. Ông ta nói là làm; và vì vậy không chỉ riêng lúc này mà còn cả về sau, không chỉ riêng trong việc này mà trong mọi việc mà ông ta có liên quan đến, Phrynichus đã cho thấy ông ta là một người khôn ngoan sáng suốt. Theo kế này ngay chiều tối hôm đó quân Athens từ phía trước trấn Miletus đã rời đi, bỏ lại chiến thắng dang dở của mình, và quân Argos mất mặt vì bị chiến bại đã lập tức nhổ neo rời khỏi Samos hồi hương.

Hôm sau khi trời vừa hừng đông quân Peloponnese nhổ neo từ Teichiussa và cập vào Miletus sau khi quân Athens đã ra đi; họ ở đó một ngày, và ngày hôm sau mang theo các chiến thuyền của Chios trước đó đã bị dồn đuổi vào cảng cùng với Chalcideus, và quyết định chèo ngược về để lấy các dụng cụ hàng hải mà họ bỏ lại trên bờ biển ở Teichiussa. Khi họ vừa đến nơi thì Tissaphernes đến chỗ họ cùng với lực lượng bộ binh của ông ta và thuyết phục họ quay thuyền đi Iasus^[21], nơi kẻ thù của ông ta là Amorges đang chiếm giữ. Theo lời ông ta họ đã xuất kỳ bất ý tấn công và chiếm được Iasus, nơi mà cư dân chẳng thể tưởng tượng được rằng những chiến thuyền đó lại không phải là của Athens. Quân Syracuse nổi trội nhất trong trận đánh này. Amorges, con hoang của Pissuthnes và là kẻ nổi loạn chống lại Nhà vua, đã bị bắt sống và trao cho Tissaphernes để ông ta tùy ý giải về nộp Nhà vua^[22] theo lệnh của ngài; Iasus thì bị đạo quân này cướp phá, họ kiếm được rất nhiều chiến lợi phẩm ở đó vì nơi này vốn rất giàu có từ xưa. Quân lính đánh thuê phục vụ cho Amorges đã được quân Peloponnese thu nhận và sung vào đạo quân của họ mà không làm hại gì chúng, vì phần lớn chúng từ Peloponnese đến, và họ giao lại trấn này cho Tissaphernes với tất cả những kẻ bị bắt giữ, nô lệ cũng như người tự do, với giá được định là mỗi đầu người một đồng *xtator* Daric^[23], sau việc đó họ quay về Miletus. Pedaritus con trai của Leon, người đã được người Lacedaemon cử đi để nắm quyền chỉ huy tại Chios, thì họ phái đi đường bộ đến tận Erythrae cùng với những lính đánh thuê họ bắt của Amorges, sau khi bổ nhiệm Philip ở lại làm tổng trấn của Miletus.

Mùa hạ bấy giờ đã tàn. Mùa đông tiếp tới, Tissaphernes cắt đặt quân đồn trú phòng thủ cho Iasus rồi tiếp tục đi Miletus cấp phát một tháng lương cho

tất cả các chiến thuyền như ông ta đã hứa ở Lacedaemon, với mức một đồng *dracma Attica*^[24] mỗi ngày cho mỗi người. Tuy nhiên ông ta đã quyết sau này không phát quá ba đồng *ô-bôn* cho đến khi ông thỉnh thị được Nhà vua; ông ta nói rằng nếu Nhà vua ra lệnh cho trả như vậy thì ông ta sẽ phát đủ một đồng *đracma*. *Thế nhưng khi bị vị tướng Syracuse là Hermocrates phản đối (vì Therimenes không phải là đô đốc hạm đội mà chỉ đi cùng với họ để giao hạm đội cho Astyochus nên ông ta không gây khó dễ gì về việc lương tiền này), hai bên đã đi đến thoả thuận rằng khoản tiền lương cho mỗi năm chiến thuyền phải được trả hơn ba *ô-bôn* mỗi ngày cho mỗi người; Tissaphernes đang trả ba mươi *talăng* mỗi tháng cho năm mươi lăm chiến thuyền, và đối với số chiến thuyền còn lại, trả cho tất cả các thuyền mà họ có ngoài năm mươi lăm chiến thuyền đó ra cùng một mức như thế.*

Cùng mùa đông đó, quân Athens ở Samos, sau khi đã có thêm ba mươi lăm chiến thuyền dưới quyền Charminus, Strombichides và Euctemon từ Athens đến nhập vào, đã triệu tập hải đội của họ tại Chios và mọi chiến thuyền còn lại về đó với dự định phong toả Miletus bằng lực lượng hải quân của họ và cử một hạm đội và một đạo quân đi đánh Chios; họ đã rút thăm cho từng nhiệm vụ một. Họ bắt tay vào thực hiện dự định này: Strombichides, Onamacles và Euctemon đưa hạm đội đi đánh Chios, là nơi trúng vào lá thăm của họ, với ba mươi chiến thuyền và một phần trong số một ngàn bộ binh hạng nặng, những bộ binh này đã đến Miletus trên các thuyền chuyên vận; trong khi phần còn lại cùng với bảy mươi tư chiến thuyền ở lại để làm chủ vùng biển tại Samos, và tiến công Miletus.

Cùng lúc đó Astyochus, người mà chúng ta đã gác lại bên trên lúc ông ta đang ở Chios để thu tập những con tin cần thiết để phòng âm mưu làm phản, đã ngừng việc đó lại ngay khi biết rằng hạm đội đi cùng với Therimenes đã đến và rằng quan hệ liên minh đang ở trong tình trạng khởi sắc hơn, và đã đưa mười chiến thuyền Peloponnese và cũng bằng ấy chiến thuyền của Chios ra khơi; sau một cuộc tấn công bất thành lên Pteleum, ông ta đã cho thuyền đi men bờ tới Clazomenae, và ra lệnh cho phe thân Athens phải rời vào Daphnus trong đất liền và gia nhập với quân Peloponnese, một mệnh

lệnh mà Tamos thống đốc^[25] của Nhà vua tại Ionia cũng can dự vào. Khi mệnh lệnh này bị phớt lờ, Astyochus đã tấn công vào trấn đó, nơi không có thành lũy bảo vệ, và đã chẳng chiếm được nó mà chính thuyền của ông ta lại bị một cơn gió dữ cuốn tới Phocaea và Cuma, trong khi số thuyền còn lại đã cập vào bờ tại những hòn đảo lân cận với Clazomenae là Marathussa, Pele và Drymussa. Tại đây họ đã bị những trận gió cầm chân lại tám ngày ròng, và sau khi cướp bóc và huỷ hoại toàn bộ của cải của người Clazomenae cất giữ ở đó, họ đưa phần còn lại lên thuyền và ra khơi đến Phocaea và Cuma để hợp quân với Astyochus.

Trong khi ông ta đang ở nơi này, các sứ giả đã từ Lesbos đến gặp ông ta, dân đó lại một lần nữa muốn nổi loạn. Họ đã thuyết phục được Astyochus; nhưng quân Corinth và những đồng minh khác đã phản đối vì lần trước họ đã thất bại, nên ông ta đã nhổ neo và dong buồm đi Chios, nơi mà rốt cục họ đến từ những hướng khác nhau do hạm đội đã bị một cơn bão xô dạt đi tán loạn. Sau sự kiện này Pedaritus, người mà chúng ta đã gác lại bên trên khi đang tiến quân dọc theo bờ biển từ Miletus, đã tới được Erythrae, và từ nơi ấy cùng với đạo quân của mình vượt biển sang Chios, nơi ông ta cũng thấy khoảng năm trăm binh lính với đầy đủ vũ khí quân trang mà Chalcideus đã cắt từ năm chiến thuyền của ông ta để lại đó. Trong lúc ấy một số người Lesbos vẫn đang đề nghị nổi loạn nên Astyochus đã thúc giục Pedaritus và quân Chios rằng họ phải ra đi cùng với các chiến thuyền của mình và phát động cuộc nổi loạn của Lesbos, và bằng cách đó làm tăng thêm số lượng đồng minh của họ, hoặc, nếu không thành công thì chí ít cũng gây thiệt hại cho quân Athens. Thế nhưng dân Chios đã đắp tai ngoảnh mặt với việc này, và Pedaritus đã thẳng thừng từ chối trao cho ông ta những chiến thuyền của Chios.

Thấy vậy Astyochus liền lấy năm chiến thuyền của Corinth, một chiến thuyền của Megara, một chiến thuyền nữa của Hermione và những chiến thuyền đã cùng với ông ta từ Laconia đến, và dong buồm đi Miletus để nắm quyền chỉ huy ở cương vị đô đốc của ông ta, sau khi đã đe dọa dân Chios không tiếc lời rằng chắc chắn ông ta sẽ không đến và giúp đỡ họ nếu họ lâm

vào hoạn nạn. Ông ta đã cập thuyền vào để nghỉ đêm tại Corycus thuộc lãnh thổ Erythraeid; đạo quân của Athens vượt biển từ Samos để tiến đánh Chios chỉ cách ông ta một ngọn đồi, đạo quân này đã cập vào phía bên kia ngọn đồi đó, thế nên bên nọ chẳng thấy được bên kia. Nhưng đang đêm một bức thư của Pedaritus đã đến báo rằng một số tù nhân Erythrae được phóng thích đã từ Samos đến để tạo phản dâng nộp Erythrae, Astyochus lập tức rút về Erythrae, và như vậy thoát được cuộc chạm trán tình cờ với quân Athens trong gang tấc. Pedaritus đã đưa thuyền đến đây để hợp quân với ông ta; và sau khi điều tra về cuộc tạo phản không có thật, họ phát hiện ra rằng toàn bộ câu chuyện đã được dựng lên để tìm cách cho những người ở Samos đào thoát khỏi đó, họ đã miễn tội cho những người này, và lên thuyền ra đi, Pedaritus về Chios và Astyochus đến Miletus như ông ta đã định.

Trong khi đó đạo quân của Athens bơi thuyền vòng qua Corycus đã tình cờ đụng độ với ba chiến thuyền Chios ở ngoài khơi Arginus^[26], và truy đuổi sát sạt. Một cơn bão lớn bất thành linh nổi lên, thuyền của Chios gian nan lắm mới vào được trong cảng để trú bão; ba con thuyền của Athens truy đuổi xa nhất đã bị bão đánh dạt và ném lên gần thành Chios, và thủy thủ đoàn hoặc bị giết hoặc bị bắt làm tù binh. Phần còn lại của hạm đội Athens đã lánh ở trong bến cảng có tên là Phoenicus, dưới chân núi Mimas^[27], và sau đó từ cảng này đã cập vào Lesbos và chuẩn bị cho việc xây dựng công sự.

Cùng mùa đông năm đó Hippocrates người Lacedaemon từ Peloponnese ra khơi cùng mười chiến thuyền của Thurii dưới sự chỉ huy của Dorieus con trai của Diagoras, và hai vị tướng đồng chỉ huy, cùng với một chiến thuyền của Laconia và một của Syracuse, và đến Cnidus, nơi đã nổi loạn theo sự xúi giục của Tissaphernes. Khi ở Miletus biết về chuyến đi của họ, mệnh lệnh đã được gửi cho họ là để lại một nửa hải đội của họ để canh giữ Cnidus, và cùng nửa hải đội còn lại tuần tiễu quanh Triopium và bắt giữ tất cả các thương thuyền từ Ai Cập đến. Triopium là một mũi đất của Cnidus và là nơi thờ phụng thần Apollo. Việc này đã đến tai quân Athens, họ đã bơi thuyền từ Samos đến và bắt giữ sáu con thuyền đang canh gác tại Triopium, thủy thủ đoàn đã trốn thoát khỏi những con thuyền đó. Sau đó quân Athens bơi

thuyền vào Cnidus và thực hiện một cuộc đột kích lên trấn đó, nơi không được củng cố phòng vệ, và đã sắp chiếm được nó; và ngày hôm sau họ lại tấn công nó một lần nữa nhưng kém hiệu quả hơn vì trong đêm cư dân ở đó đã tăng cường các biện pháp phòng thủ, và đã được tăng viện bằng các thủy thủ đoàn đã trốn thoát từ những con thuyền ở Triopium. Quân Athens liền rút lui, và sau khi cướp bóc lãnh thổ Cnidus đã quay thuyền về Samos.

Cũng trong khoảng thời gian đó Astyochus đã đến hạm đội tại Miletus. Doanh trại của quân Peloponnese vẫn được tiếp tế dồi dào, được nhận đầy đủ lương bổng, và binh lính vẫn nắm giữ rất nhiều chiến lợi phẩm đoạt được tại Iasus. Dân Miletus cũng thể hiện nhuệ khí hùng hực với cuộc chiến. Tuy vậy quân Peloponnese đã nghĩ rằng hiệp ước đầu tiên với Tissaphernes, được lập với Chalcideus, là thiếu sót và có lợi cho ông ta hơn là cho họ, và vì thế trong khi Therimenes vẫn còn đang ở đó họ đã ký kết một hiệp ước khác như sau:

“Hiệp ước của người Lacedaemon và các đồng minh với Vua Darius và các con trai của Nhà vua, và với Tissaphernes về liên minh và quan hệ hữu nghị, như sau:

1. Người Lacedaemon cũng như các đồng minh của Lacedaemon sẽ không tiến hành chiến tranh chống lại hoặc gây tổn hại cho bất kỳ xứ sở hoặc kinh thành nào thuộc về Vua Darius hay từng thuộc về cha ông hoặc tổ tiên của ngài; người Lacedaemon cũng như các đồng minh của Lacedaemon sẽ không đòi những kinh thành đó cống nạp. Vua Darius cũng như bất kỳ chư hầu nào của ngài sẽ không tiến hành chiến tranh chống lại hoặc gây tổn hại cho người Lacedaemon hay các đồng minh của họ.
2. Nếu người Lacedaemon hay các đồng minh của họ cần bất kỳ sự hỗ trợ nào từ Nhà vua, hoặc Nhà vua cần hỗ trợ từ người Lacedaemon hay các đồng minh của họ, bất kể là gì mà cả hai bên cùng nhất trí thì những điều đó sẽ có hiệu lực thực hiện.

3. Hai bên sẽ hợp lực xúc tiến cuộc chiến chống lại người Athens và các đồng minh của họ; và nếu như họ ký kết hiệp ước hoà bình thì cả hai bên sẽ cùng ký kết.
4. Chi phí cho mọi quân binh trên đất của Nhà vua mà do Nhà vua phái đi sẽ do Nhà vua chi trả.
5. Nếu bất kỳ thành bang nào nằm trong hiệp ước này với Nhà vua mà tấn công xứ sở của Nhà vua, thì tất cả những thành bang còn lại sẽ phải ngăn chặn thành bang đó và trợ giúp Nhà vua bằng hết sức mình. Và nếu bất kỳ thành bang nào trong xứ sở của Nhà vua hoặc trong các xứ sở dưới quyền thống trị của Nhà vua mà tấn công xứ sở của người Lacedaemon hoặc đồng minh của họ, thì Nhà vua sẽ phải ngăn chặn thành bang đó và trợ giúp họ bằng hết sức mình.”

Sau hiệp ước này, Therimenes đã trao hạm đội cho Astyochus rồi lên một con thuyền nhỏ ra đi, và tuyệt mù tăm tích. Lực lượng của Athens lúc bấy giờ đã từ Lesbos vượt biển sang Chios, và khi đã nắm quyền thống trị trên biển và trên bộ họ bắt đầu củng cố phòng vệ cho Delphinium, một nơi địa hình tự nhiên ở phía đất liền vốn đã kiên cố, có nhiều hải cảng, lại cách kinh thành Chios chẳng bao xa. Trong khi đó quân Chios vẫn án binh bất động. Đã bị thất trận nhiều lần đến thế, lại thêm nội bộ của họ giờ đây cũng đang bất hoà: việc Pedaritus hành hình phe phái Tydeus, con trai của Ion, vì lời cáo buộc thân Athens, và tiếp theo đó là việc dùng vũ lực áp đặt một chính thể *oligarchy* lên tất cả những người còn lại ở thành này đã khiến họ nghi ngờ lẫn nhau; và vì vậy họ cho rằng cả quân của họ lẫn quân đánh thuê dưới quyền Pedaritus đều chẳng thể độ được với quân địch. Song họ đã phái người tới Miletus để cầu xin Astyochus chi viện cho họ, ông này đã từ chối không cho và do vậy đã bị Pedaritus tố giác tại Lacedaemon như một kẻ phản bội. Tình hình của quân Athens tại Chios là như vậy; trong khi đó hạm đội của họ tại Samos vẫn cứ tiếp tục ra khơi đi đánh quân địch ở Miletus,

mãi đến khi họ biết rằng quân địch không nhận lời thách đấu của họ, và rồi họ lại rút lui về Samos và án binh bất động.

Cùng trong mùa đông ấy, hai mươi bảy chiến thuyền được người Lacedaemon trang bị cho Pharnabazus qua sự trung gian của Calligeitus người Megara, và Timagoras người Cyzicus, vào khoảng tiết đông chí đã từ Peloponnese ra khơi và vượt biển sang Ionia, dưới quyền chỉ huy của Antisthenes người Sparta. Người Lacedaemon còn cử thêm mười một người Sparta đi cùng với họ làm cố vấn cho Astyochus; Lichas con trai của Arcesilaus cũng ở trong số đó. Đến Miletus, họ được chỉ thị hỗ trợ giám sát chung việc chỉ tạo chiến sự cho đúng đường lối; và gửi những con thuyền nói trên, hoặc nhiều hoặc ít tùy theo nhận định của họ, đến Hellespont cho Pharnabazus, bổ nhiệm Clearchus con trai của Ramphias, người đã đi cùng với họ, làm chỉ huy; và hơn nữa nếu họ thấy là phù hợp thì đưa Antisthenes lên làm đô đốc đồng thời bãi nhiệm Astyochus, người mà những bức thư của Pedaritus đã khiến bị coi là đáng ngờ. Theo các chỉ thị đó, sau khi bơi thuyền từ đất mũi Malea^[28] băng qua vùng biển rộng, hạm đội này cập bờ tại Melos và tình cờ đụng độ với mười chiến thuyền Athens ở đó, họ chiếm được ba con thuyền trống trong số đó và đốt cháy chúng. Sau đó, vì e rằng những con thuyền của Athens đã chạy thoát từ Melos sẽ – mà thực tế là đã – báo tin rằng hạm đội của họ sắp đến chỗ quân Athens ở Samos, nên họ đã dong thuyền đến Crete, và để đề phòng họ đã kéo dài hải trình của mình rồi cập bờ tại Caunus ở châu Á, từ nơi này khi cho rằng mình đã được an toàn, họ gửi một tin báo tới hạm đội ở Miletus xin một đoàn hộ tống dọc theo bờ biển.

Trong khi đó dân Chios và Pedaritus, không nản vì sự chần chừ của Astyochus, vẫn tiếp tục phái những người đưa tin đến thúc giục ông ta mang cả hạm đội đến để giúp họ đánh những kẻ đang vây hãm họ, và đừng để mặc bang lớn nhất trong những bang đồng minh ở Ionia bị kiểm soát trên biển và bị tàn phá và cướp bóc trên đất liền. Ở Chios có nhiều nô lệ hơn ở bất cứ kinh thành nào khác ngoại trừ Lacedaemon, và cũng vì số lượng đông đúc này mà họ bị trừng phạt một cách khắc nghiệt hơn khi phạm lỗi, phần đông

nô lệ khi thấy đạo quân của Athens đã chắc chân trên hải đảo đó với một vị trí đã được củng cố phòng vệ thì lập tức bỏ trốn sang với quân địch, và bằng vào sự thông thạo của họ về xứ này đã gây ra mối nguy hại vô cùng lớn. Dân Chios vì vậy đã cố thuyết phục Astyochus rằng trách nhiệm của ông ta là phải chi viện họ, một khi vẫn còn hy vọng và khả năng ngăn cản tiến trình của địch, trong khi Delphinium vẫn đang trong quá trình xây dựng công sự chưa xong, và trước khi những kẻ bao vây họ hoàn công một thành lũy cao hơn đang được xây dựng bổ sung để bảo vệ doanh trại và hạm đội của chúng. Astyochus lúc này thấy rằng các đồng minh cũng mong muốn như vậy nên chuẩn bị sẵn sàng để lên đường, mặc dù ý định của ông ta trái lại với việc này vì mối đe dọa đã nói ở trên.

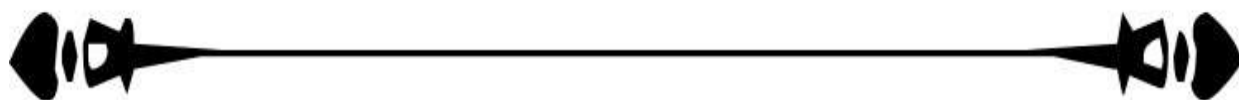
Trong lúc ấy có tin từ Caunus rằng hai mươi bảy chiếc thuyền cùng các đặc phái viên của Lacedaemon sắp đến; và Astyochus, sau khi hoãn mọi việc lại vì ưu tiên nhiệm vụ hộ tống cho một hạm đội quan trọng như vậy, để có thêm năng lực kiểm soát vùng biển đó, và cũng vì ưu tiên dẫn đường an toàn cho những người Lacedaemon được phái đến để theo dõi giám sát hành vi của ông ta, bèn lập tức gạt việc đi Chios sang bên và khởi thuyền đi Caunus. Trong khi dong thuyền men theo bờ biển ông ta đã cho quân đổ bộ tại Meropid Cos^[29] và cướp phá kinh thành này, nơi không được phòng vệ và vừa mới bị một trận động đất huỷ hoại nghiêm trọng, đó là trận động đất dữ dội nhất vượt xa mọi trận động đất khác mà người ta còn nhớ được, và, do cư dân ở đó đã chạy lên những ngọn núi, quân này đã tàn phá xứ đó và chiếm lấy mọi thứ có trong thành làm chiến lợi phẩm, tuy vậy họ đã tha không bắt những người tự do. Từ Cos đến Cnidus trong đêm ông ta đã bị đại diện của người Cnidus ép không cho các thủy thủ lên bờ, mà cứ cho thuyền thẳng tiến để tấn công hai mươi con thuyền của Athens, những con thuyền đang cùng với Charminus – một trong các tướng lĩnh ở Samos – rình chờ chính hai mươi bảy chiến thuyền của Peloponnese mà Astyochus đang đưa thuyền tới để hợp lực với họ; quân Athens ở Samos đã nghe tin từ Melos rằng họ đang đến gần, và Charminus đang canh chừng ngoài khơi Syme^[30], Chalce^[31], Rhodes và Lycia, vì bấy giờ ông ta đã hay tin rằng họ đang ở Caunus.

Thế nên Astyochus đã tiếp tục cho thuyền đi thẳng một lèo tới đảo Syme, trước khi ở đó nghe được tin ông ta đến, với hy vọng bắt gặp quân địch ở nơi nào đó trên biển. Thế nhưng ông ta đã bất ngờ gặp mưa và thời tiết mù sương, khiến những con thuyền của ông ta mất phương hướng và hỗn loạn trong đêm tối. Khi trời sáng hạm đội của ông ta đã bị tách khỏi nhau và phần đông vẫn đang chạy lộn xộn quanh đảo, duy chỉ cánh trái là lọt vào tầm quan sát của Charminus và quân Athens, những kẻ này đã tưởng đó là hải đội mà họ đang rình chờ từ Caunus đến, và vội vã ra khơi đánh nó chỉ với một phần trong hai mươi chiến thuyền của họ, và lập tức tấn công, đánh chìm ba con thuyền và loại khỏi vòng chiến đấu những thuyền khác, và đã chiếm được lợi thế trong trận chiến cho đến lúc bộ phận chủ lực của hạm đội bất thần hiện ra trước mắt, khi mà họ đã bị bao vây tứ phía. Ngay khi đó họ đã tháo chạy, và sau khi mất sáu chiến thuyền, số còn lại chạy thoát đến Teutlussa^[32] còn gọi là đảo Củ Cải Đường, và từ đó đi Halicarnassus. Sau trận đụng độ này quân Peloponnese đã cập bến ở Cnidus và, hợp lực với hai mươi bảy chiến thuyền từ Caunus, họ đã cùng nhau lên thuyền đi dựng một đài chiến tích ở đảo Syme, và sau đó trở về neo đậu tại Cnidus.

Ngay khi quân Athens hay tin về trận hải chiến này, họ đã mang toàn bộ chiến thuyền ở Samos vượt biển tới Syme, và, không tấn công mà cũng chẳng bị hạm đội ở Cnidus tấn công, họ đã đoạt lấy những dụng cụ hàng hải của những con thuyền bị bỏ lại tại Syme, và sau khi cập bờ tại Lorymi^[33] trên lục địa họ chèo thuyền trở về Samos. Cùng lúc ấy những con thuyền của quân Peloponnese, lúc bây giờ đang tập trung hết ở Cnidus, đã phải trải qua những sửa chữa cần thiết; trong khi mười một vị đặc phái viên của Lacedaemon thảo luận với Tissaphernes, người đã đến đó để gặp họ, về những vấn đề mà họ không hài lòng trong những vụ giao dịch vừa qua, và về phương thức tốt nhất và có lợi nhất cho cả hai bên để kiểm soát cuộc chiến trong tương lai. Người chỉ trích gay gắt nhất những hoạt động hiện đang diễn ra là Lichas, ông ta nói rằng cả hai bản hiệp ước đều vô giá trị, cả bản của Chalcideus lẫn bản của Therimenes; thật vô lý là cho đến lúc này mà Nhà vua vẫn còn đòi hỏi quyền sở hữu đối với toàn bộ xứ sở mà trước kia do chính ngài hoặc tổ tiên của ngài cai trị – một đòi hỏi mặc nhiên sẽ áp

đặt lại ách thống trị lên mọi hải đảo, Thessaly, Locris và tất cả những nơi khác cho tới tận Boeotia – và khiến người Lacedaemon phải mang lại ách thống trị của Ba Tư cho người Hy Lạp thay vì mang lại tự do cho họ. Do vậy ông ta đã đề nghị Tissaphernes ký kết một hiệp ước khác hợp lý hơn, vì chắc chắn họ sẽ không thừa nhận những hiệp ước đang tồn tại và chẳng cần bất kỳ khoản chi trả lương bổng nào của ông ta theo những điều kiện như vậy. Việc này đã xúc phạm Tissaphernes đến nỗi ông ta đã bỏ đi trong cơn giận dữ mà không giải quyết được gì.

Chương XXV



NĂM CHIẾN TRANH THỨ HAI MƯƠI VÀ HAI MƯƠI MỐT – MƯU CỦA ALCIBIADES – BA TƯ CẮT TÀI TRỢ – CUỘC ĐẢO CHÍNH CỦA CÁC PHẦN TỬ OLIGARCHY Ở ATHENS – LÒNG YÊU NƯỚC CỦA ĐẠO QUÂN Ở SAMOS

Lúc bấy giờ quân Peloponnese quyết định đưa hạm đội sang đảo Rhodes theo lời mời của một số người đứng đầu ở đó, hy vọng sẽ tranh thủ được một hải đảo hùng mạnh vì có nhiều thủy thủ và bộ binh, và cũng vì cho rằng

họ có thể chu cấp cho hạm đội của họ ở đó nhờ vào đồng minh của chính họ mà không phải cầu Tissaphernes trợ cấp tiền bạc. Vì vậy cũng trong mùa đông ấy họ lập tức từ Cnidus ra khơi, và trước tiên chín mươi hai chiến thuyền của họ cập vào Camirus^[1] ở xứ Rhodes, khiến dân cư ở đó phát hoảng, những cư dân này không can dự gì vào âm mưu đó cả, và vì thế họ đã bỏ chạy, nhất là khi trấn ấy không được củng cố phòng vệ. Thế nhưng sau đó quân Lacedaemon đã tập hợp họ lại cùng với cư dân của hai trấn khác là Lindus^[2] và Ialysus^[3], và họ đã thuyết phục được dân đảo Rhodes nổi dậy chống Athens và đảo này đã theo phe quân Peloponnese. Cùng trong khoảng thời gian đó quân Athens đã nhận được tín hiệu báo động và đưa hạm đội từ Samos sang để chặn trước, và đã đến gần hải đảo này trong tầm mắt, nhưng đã quá muộn nên tạm thời đành phải quay thuyền sang đảo Chalce, và từ nơi đó về Samos, rồi sau đó mới đi đánh đảo Rhodes, xuất chiến từ Chalce, Cos và Samos.

Lúc bấy giờ quân Peloponnese vừa thu một khoản đóng góp ba mươi hai *talăng* từ dân đảo Rhodes, rồi họ kéo các chiến thuyền của mình lên bờ biển và án binh bất động tám mươi ngày rông. Trong khoảng thời gian này, và thậm chí còn sớm hơn, trước cả khi họ khởi hành đi Rhodes, đã xảy ra những âm mưu này: sau khi Chalcideus chết và sau trận Miletus, Alcibiades bắt đầu bị người Peloponnese nghi ngờ; và Astyochus nhận được mật lệnh từ Lacedaemon là phải giết y, bởi y vừa là kẻ thù riêng của Agis, và vừa bị coi là kẻ không đáng tin cậy về những mặt khác. Alcibiades trong cơn nguy cấp trước hết đã chạy sang với Tissaphernes, và ngay lập tức bắt tay vào làm tất cả mọi việc y có thể để gây tổn hại cho đại nghiệp của Peloponnese. Rồi từ đó y trở thành cố vấn của ông ta trong mọi việc, y hạ mức lương từ một đồng *dracma Attica* xuống còn ba *ô-bôn* mỗi ngày, và ngay cả khoản này cũng không được chi trả đều; và y xui Tissaphernes bảo với người Peloponnese rằng người Athens, với kinh nghiệm hàng hải lâu đời hơn người Peloponnese, chỉ trả cho người của mình ba *ô-bôn*, không phải vì nghèo khổ mà chính ra là để ngăn ngừa không để thủy thủ hư hỏng vì quá rủng rỉnh tiền bạc, và không gây tổn hại thể trạng của họ khi vung phí tiền bạc vào những thú vui khiến họ kiệt sức, và cũng trả lương cho họ không

đều hầu có được sự đảm bảo phòng khi họ đào ngũ thì sẽ phải bỏ lại khoản tiền họ chưa được thanh toán. Y cũng nói với Tissaphernes hối lộ các thuyền trưởng và các tướng lĩnh của các thành bang, và như vậy sẽ tranh thủ được sự bao che đồng lõa của họ – một thủ đoạn đã thành công với tất cả mọi người trừ người Syracuse, chỉ mình Hermocrates đã nhân danh cả khối liên minh chống lại y. Trong lúc đó, khi các thành bang yêu cầu chi tiền, Alcibiades đã đuổi họ đi bằng cách nhân danh Tissaphernes nói thẳng với họ rằng dân Chios thật trơ trẽn, là dân giàu có nhất Hy Lạp, không những họ chưa hài lòng với việc được một lực lượng ngoại bang bảo vệ mà còn trông đợi các xứ dân khác mạo hiểm cả tính mạng lẫn tiền bạc vì tự do của họ; trong khi đó những thành bang khác đã phải cống nạp rất nhiều cho Athens trước khi họ dấy loạn, y bảo, thì không lý gì lúc này lại có thể từ chối đóng góp cũng bằng thể hoặc thậm chí là nhiều hơn thế vì chính bản thân họ. Y cũng chỉ ra cho mọi người thấy rằng hiện thời Tissaphernes đang tiến hành chiến tranh bằng chi phí của riêng ông ta, và có lý do chính đáng để tiết kiệm, nhưng ngay khi ông ta nhận được tiền từ Nhà vua gửi đến thì ông ta sẽ chi trả lương bổng cho họ đầy đủ và làm bất kỳ điều gì hợp lý cho các kinh thành đó.

Alcibiades còn xúi thêm Tissaphernes đừng vội kết thúc chiến tranh, hoặc đừng để chính mình bị thuyết phục mà đưa hạm đội Phoenicia mà ông ta đang trang bị đến, hoặc trợ cấp lương cho nhiều thủy thủ Hy Lạp hơn, vì như vậy sẽ trao quyền lực trên bộ cũng như trên biển vào tay một bên; mà hãy để cho mỗi bên tham chiến sở hữu được một sức mạnh, như vậy sẽ giúp Nhà vua nếu ngài thấy một bên gây phiền hà thì sẽ triệu đến bên kia. Bởi chừng nếu quyền kiểm soát cả trên biển lẫn trên bộ hợp nhất về tay một bên, ngài sẽ chẳng biết phải cầu viện ở đâu để lật đổ cái thế lực chi phối đó; trừ phi rốt cục ngài định đích thân đứng ra, và gian nan vất vả chiến đấu đến cùng với chi phí khổng lồ và mạo hiểm cao độ. Kế hoạch ít tổn kém nhất là để các dân Hy Lạp tự làm cho nhau kiệt quệ, với một phần đóng góp nhỏ và không nguy hiểm rủi ro gì cho riêng ngài. Ngoài ra, ngài sẽ thấy người Athens là đối tác có lợi nhất trong việc thống trị vì họ không nhằm vào việc xâm chiếm trên đất liền, và tiến hành chiến tranh theo những

nguyên tắc và với một thực tiễn có lợi nhất cho Nhà vua; vì người Athens sẵn sàng kết hợp để chinh phục mặt biển cho Athens, và cho Nhà vua hết thảy các dân Hy Lạp sinh sống trên đất đai của ngài, những dân mà người Peloponnese, trái lại, đã đến để giải phóng họ. Cứ như lúc này đã chắc gì người Lacedaemon sẽ giải thoát các dân Hy Lạp khỏi người Athens gốc Hy Lạp mà lại không giải thoát các dân ấy khỏi xứ Ba Tư phi-Hy-Lạp, trừ phi chính trong lúc ấy cũng bị ngài đánh bại hoàn toàn. Vì vậy Alcibiades thuyết phục ông ta trước hết làm cho cả hai bên kiệt quệ, và sau đó hạn chế bớt quyền lực của Athens hết mức ông ta có thể, rồi ngay lập tức đuổi người Peloponnese ra khỏi xứ sở đó. Nhìn chung Tissaphernes đã tán thành đường lối này, chí ít là theo suy đoán từ cách hành xử của ông ta; bởi giờ đây ông ta đã thể hiện sự tin tưởng vào Alcibiades bằng cách tiếp nhận lời khuyên chí lý của y, và để mặc quân Peloponnese thiếu thốn tiền bạc, và không để cho họ chiến đấu trên biển mà phá hoại đại cục của họ bằng cách nói dối rằng hạm đội Phoenicia sẽ đến, và rằng như vậy họ sẽ có khả năng tranh đấu với lợi thế về phía mình, và bằng cách đó ông ta đã khiến hải quân của họ mất đi cái năng lực mà trước đó đã từng rất xuất sắc, và nhìn chung ông ta đã tỏ lộ sự lãnh đạm thờ ơ với cuộc chiến rõ đến mức không thể nhầm lẫn được.

Alcibiades đưa ra lời khuyên này cho Tissaphernes và Nhà vua, là những người mà lúc ấy y, không chỉ vì y nghĩ rằng lời khuyên đó thực sự là chí lý nhất, mà vì y đang nghĩ cách để hồi hương, y biết rõ rằng nếu y không phá hoại quê xứ của mình thì y còn có thể hy vọng một ngày kia thuyết phục được người Athens triệu y về, và nghĩ rằng cơ may lớn nhất để y thuyết phục được họ là ở chỗ để cho họ thấy rằng y có được sự ủng hộ của Tissaphernes. Thực tế đã chứng minh rằng y không nhầm. Khi quân Athens ở Samos thấy rằng y có ảnh hưởng với Tissaphernes, phần lớn vì cơn bốc đồng thôi thúc họ (mặc dù một phần cũng vì Alcibiades đã tự mình gửi lời nhắn nhủ đến những người đứng đầu đạo quân này để họ nói với những người tin cẩn nhất trong đạo quân đó rằng nếu ở Athens chỉ có duy nhất một chính thể *oligarchy* thay vì cái chính thể dân chủ bất lương đã trực xuất y đi, thì y sẽ vui mừng được trở về quê xứ của mình và khiến Tissaphernes kết

đồng minh với họ), các thuyền trưởng và những người đứng đầu đạo quân đó ngay lập tức chớp lấy ý tưởng lật đổ nền dân chủ.

Âm mưu này lúc đầu được bàn thảo trong doanh trại, và sau đó đã từ đây về đến tận kinh thành. Một vài kẻ đã từ Samos vượt biển sang và hội kiến với Alcibiades, y đã lập tức đề nghị trước hết sẽ biến Tissaphernes và sau đó là Nhà vua thành đồng minh của họ, nếu họ chịu từ bỏ chính thể dân chủ và lật đổ nó để Nhà vua tin tưởng họ. Tầng lớp thượng lưu, cũng là tầng lớp phải chịu tổn thất nặng nề nhất vì cuộc chiến này, giờ đây ấp ủ những hy vọng to lớn về việc giành chính quyền vào tay mình và chiến thắng kẻ thù. Khi trở về Samos, những kẻ được phái đi đó đã tổ chức những người theo phe họ thành một hội, và công khai nói với đại đa số binh lính rằng Nhà vua sẽ là đồng minh với họ, và sẽ chu cấp tiền bạc cho họ, nếu như Alcibiades được phục chức và chính thể dân chủ bị bãi bỏ. Phần đông binh lính, cho dù ban đầu có phần nộ vì những âm mưu đó thì lúc này đã bị bưng kín miệng bình vì viễn cảnh có lợi khi tiền lương được Nhà vua chu cấp; và những kẻ lập mưu vì chính thể *oligarchy*, sau khi công bố việc thông đồng này cho dân chúng, bây giờ mới cùng nhau xem xét lại những đề xuất của Alcibiades, với sự tham dự của hầu hết những kẻ đồng mưu với họ. Không như mọi người khác, những kẻ cho rằng những đề xuất đó có lợi và đáng tin cậy, Phrynichus, người vẫn đang là tướng chỉ huy, chẳng chút tán thành những đề xuất đó. Ông ta đã nghĩ rất đúng rằng Alcibiades chẳng ưa thích gì một chính thể *oligarchy* hơn một chính thể dân chủ, và chỉ kiếm cách thay đổi thể chế của xứ mình để chính y được những kẻ đồng hội đồng thuyền với mình triệu hồi; trong khi đó đối với bản thân họ, mục tiêu trước sau như một là tránh được bất hoà nội bộ. Nhà vua cũng chẳng lợi lộc gì, khi mà người Peloponnese giờ đã là những kẻ băng vai với họ trên biển và lại đang nắm giữ một số kinh thành trọng yếu trong đế quốc của ngài, để ngài phải cất công đứng về phía người Athens mà ngài không tin tưởng, trong khi ngài có thể kết đồng minh với người Peloponnese trước nay chưa từng làm hại ngài. Và đối với các thành bang đồng minh mà chính thể *oligarchy* giờ đây được đưa ra đề nghị với họ vì chính thể dân chủ sẽ phải bị loại bỏ tại Athens, ông ta biết rõ rằng việc này sẽ chẳng khiến những bang nổi loạn trở

về với họ sớm hơn chút nào, hoặc củng cố được lòng trung thành gắn bó với họ; bởi chừng các đồng minh sẽ chẳng khi nào thích sự nô dịch với một chính thể *oligarchy* hoặc chính thể dân chủ bằng sự tự do với một thể chế thực sự là của họ, cho dù nó thuộc bất kỳ loại nào. Ngoài ra, các thành bang đó cho rằng cái được gọi là các tầng lớp ưu trội hơn đó cũng sẽ tỏ ra là áp chế đối với họ chẳng khác gì phe dân chúng, vì đó chính là những kẻ lập mưu, đề xuất, và đa phần được hưởng lợi từ những hành vi mà dân chúng thực hiện gây hại cho các xứ liên minh. Thật vậy, nếu bị lệ thuộc vào các tầng lớp ưu trội hơn đó, thì các xứ liên minh sẽ có thể bị khai tử bằng bạo lực mà không cần xét xử; trong khi ấy dân chúng lại là nơi nương náu của họ và là người trừng phạt những kẻ đó. Ông ta biết rõ rằng các thành bang đã rút ra điều này từ kinh nghiệm thực tế, và rằng quan điểm của họ chính là như vậy. Những đề xuất của Alcibiades và các âm mưu hiện đang được tiến hành vì vậy sẽ chẳng khi nào được ông ta chấp thuận cả.

Tuy nhiên, các thành viên của cái hội đó đã nhóm họp lại, theo quyết định ban đầu của họ, chấp thuận những gì được đề xuất, và chuẩn bị cử Pisander và những kẻ khác vào một sứ bộ về Athens để thương nghị việc phục chức cho Alcibiades và việc bãi bỏ nền dân chủ ở kinh thành, và như vậy sẽ biến Tissaphernes thành đồng minh với người Athens.

Lúc bấy giờ Phrynichus thấy rằng sẽ có một đề nghị phục chức cho Alcibiades, và rằng người Athens có thể sẽ tán thành đề nghị đó; và sợ rằng sau những điều ông ta đã phát biểu chống lại đề nghị đó thì Alcibiades, nếu như được phục chức, sẽ đích thân trả thù ông ta vì sự chống đối này, nên đã cậy đến một mưu chước như sau. Ông ta gửi một mật thư đến Astyochus đô đốc của Lacedaemon hiện vẫn đang ở khu vực lân cận Milctus, nói với Astyochus rằng Alcibiades đang phá hoại đại cục của họ bằng cách hiến Tissaphernes thành đồng minh với người Athens, và tiết lộ hết những chi tiết còn lại của mưu đồ đó, ông ta mong được miễn trách nếu ông ta tìm cách hãm hại kẻ thù dù phải trả giá bằng lợi ích của xứ sở mình. Thế nhưng Astyochus, thay vì nghĩ đến việc trừng phạt Alcibiades – và lại y không còn dám chường mặt ra trước ông ta nữa – lại đến gặp y và Tissaphernes ở

Magnesia⁴¹, báo cho những kẻ này nội dung bức thư từ Samos, và tự biến mình thành kẻ chỉ điểm, và nếu lời đồn đại có thể tin được thì ông ta đã trở thành kẻ ăn tiền của Tissaphernes, khi nhận lời thông báo tin tức cho Tissaphernes về việc này và về mọi vấn đề khác nữa; đó cũng là lý do vì sao ông ta đã không phản ứng mạnh hơn đối với khoản lương không được trả đầy đủ. Khi được tin này Alcibiades đã ngay lập tức gửi đến những người đang nằm quyền bính ở Samos một bức thư đập lại Phrynichus, tuyên bố rõ những việc ông ta đã làm, và đòi phải xử tử ông ta. Phrynichus quẫn trí, và bị đặt vào tình thế hết sức nguy nan vì lời tố cáo đó, lại gửi thư tới Astyochus, trách cứ ông ta đã không giữ kín bí mật về bức thư trước đó của mình, và nói rằng giờ đây mình đã sẵn sàng cho họ một cơ hội tiêu diệt toàn bộ đạo quân Athens tại Samos; đồng thời cho biết chi tiết về những cách thức mà ông ta sẽ dùng, khi mà Samos không được phòng thủ kiên cố, và biện bạch rằng do mạng sống của mình đang lâm nguy vì lợi ích của họ nên giờ đây ông ta không thể bị khiển trách vì làm việc này hay bất kỳ việc nào khác để khỏi bị kẻ tử thù của mình trừ khử. Cả việc này nữa cũng bị Astyochus tiết lộ cho Alcibiades.

Trong khi đó Phrynichus đã kịp thời nhận ra rằng Astyochus đi bán đứng mình, và rằng một bức thư của Alcibiades về vấn đề này đang trên đường đến, nên ông ta đã tự mình chặn trước tin này và nói với đạo quân rằng quân địch đã nhận thấy Samos không được củng cố phòng vệ kiên cố và hạm đội chưa được đưa hết vào trong bến cảng nên chúng đang định tấn công doanh trại, rằng ông ta rất chắc chắn về tin mật báo này, và rằng họ phải hết sức khẩn trương củng cố phòng vệ cho Samos, và phải chú ý tới việc phòng thủ của mình nói chung. Nên nhớ rằng ông ta là vị tướng chỉ huy, và bản thân ông ta có quyền ra lệnh thực hiện những biện pháp này. Vì vậy đạo quân đã chuyên tâm vào việc xây đắp phòng tuyến công sự, và Samos vì thế đã được củng cố mau chóng hơn trong bất kỳ tình huống nào khác. Không lâu sau đó bức thư của Alcibiades đã tới, nói rằng đạo quân đó đã bị Phrynichus phản bội, và kẻ thù sắp sửa tấn công họ. Tuy vậy, Alcibiades đã chẳng lấy được lòng tin của ai, người ta cho rằng y tham gia vào những âm mưu bí mật của địch, và đã cố gắng quàng cho Phrynichus những âm mưu đó, và vu cho ông

ta đồng lõa với địch vì thù ghét; và vì vậy chẳng những y không thể làm hại được ông ta chút nào mà thậm chí còn cung cấp bằng chứng cho điều mà ông ta đã nói trước đó bằng tin mật báo này.

Sau đó Alcibiades bắt đầu cố gắng thuyết phục để Tissaphernes kết đồng minh với người Athens. Tissaphernes, mặc dù sợ người Peloponnese vì họ có nhiều chiến thuyền ở châu Á hơn người Athens, nhưng lại dễ dàng bị thuyết phục trong tình huống có thể, nhất là sau cuộc tranh cãi giữa ông ta và quân Peloponnese tại Cnidus về hiệp ước của Therimenes. Cuộc tranh cãi ấy đã nảy ra từ trước đó, vì thực ra vào lúc này quân Peloponnese đã ở Rhodes; và trong cuộc tranh cãi đó cái lý lẽ ban đầu của Alcibiades về việc quân Lacedaemon giải phóng toàn bộ các trấn đã được xác nhận bằng tuyên bố của Lichas rằng không thể tuân thủ một bản hiệp ước khi mà bản hiệp ước đó biến Nhà vua thành chủ nhân của mọi thành bang mà bất kỳ thời nào trước đó từng được chính ngài hoặc tổ tiên ngài cai trị.

Trong khi Alcibiades đang đeo bám xin đặc ân của Tissaphernes với sự sốt sắng tương xứng với tầm quan trọng của vấn đề đó, các phái viên của Athens được phái đi cùng với Pisander từ Samos đã về đến Athens, và khi phát biểu trước dân chúng, họ đã tóm tắt ngắn gọn về quan điểm của mình, và đặc biệt khẳng định quả quyết rằng nếu Alcibiades được triệu hồi và thể chế dân chủ được thay thế, họ có thể tranh thủ được Nhà vua làm đồng minh với họ, và sẽ có khả năng đánh bại được người Peloponnese. Một số diễn giả đã phản đối họ về vấn đề dân chủ, những kẻ thù của Alcibiades thì la ó phản đối vụ phục chức bê bối sắp được thực hiện theo cách vi hiến đó, và Eumolpidae cùng với Ceryces phản đối vì những nghi lễ bí truyền, nguyên nhân của việc y bị trục xuất, và cầu các vị thần ngăn chặn việc triệu hồi y; khi đó Pisander, giữa rất nhiều lời phản đối và xỉ vả, tiến lên và gọi riêng từng người phản đối mình lên mà hỏi đúng một câu như sau: “Đứng trước thực tế là quân Peloponnese có nhiều chiến thuyền chẳng kém gì họ đang đối địch với họ trên biển, có nhiều thành bang liên minh với chúng hơn, và được Nhà vua và Tissaphernes chu cấp tiền bạc, mà tiền bạc thì Athens đã cạn sạch, thì anh ta có hy vọng gì cứu được bang mình không, trừ phi một ai đó có thể thuyết phục Nhà vua sang phe họ?” Khi họ trả lời là họ không có

hy vọng nào, hẳn bèn nói thẳng với họ: “Chúng ta không thể có hy vọng trừ phi chúng ta có một hình thức chính thể ôn hoà hơn, và trao quyền lực vào tay ít người hơn, và như vậy sẽ tranh thủ được sự tin cậy của Nhà vua, và hãy lập tức phục chức cho Alcibiades, người duy nhất trên đời có thể thuyết phục được Nhà vua. Sự an nguy của thành bang này hiện là vấn đề cấp thiết nhất chứ không phải hình thức chính thể của nó, vì sau này bất cứ lúc nào chúng ta cũng có thể thay đổi bất kỳ điều gì chúng ta không thích.”

Dân chúng thoát đầu rất phần nộ khi nghe nói đến một chính thể *oligarchy*, nhưng rồi được Pisander khai sáng cho rằng đây là kế sách duy nhất còn lại, họ đã chấp nhận lời khuyên vì lo sợ, và tự hứa với mình một ngày kia sẽ thay đổi lại chính thể, và nhượng bộ. Vì vậy họ biểu quyết rằng Pisander sẽ lên thuyền đi cùng với mười người khác và hết sức khéo léo dàn xếp với Tissaphernes và Alcibiades. Đồng thời dân chúng, theo lời cáo buộc giả trá của Pisander, đã truất Phrynichus khỏi chức vụ cùng với vị tướng đồng chỉ huy với ông ta là Scironides, và phái Diomedon và Leon đi thay họ để chỉ huy hạm đội. Nội dung lời cáo buộc ấy là Phrynichus đã bội phản giao nộp Iasus và Amorges cho địch; và Pisander đưa ra lời cáo buộc này vì hẳn coi Phrynichus là người không phù hợp với vấn đề mà lúc này đang nằm trong tay Alcibiades. Pisander còn đi khắp các hội đã tồn tại trong kinh thành để yêu cầu giúp đỡ việc tổ tụng và bầu cử, và thúc giục họ liên hiệp lại và cùng nỗ lực để lật đổ nền dân chủ; và sau khi thực hiện mọi biện pháp cần thiết trong tình hình đó để không uổng phí chút thời gian nào, hẳn lên đường cùng với mười bạn đồng hành đi gặp Tissaphernes.

Cũng trong mùa đông năm đó, Leon và Diomedon, lúc này đã gia nhập hạm đội, thực hiện một cuộc tấn công lên đảo Rhodes. Họ thấy các chiến thuyền của Peloponnese được kéo lên bờ, và sau khi đột kích bờ biển ấy và đánh bại quân Rhodes đã xuất trận để chống lại họ, họ rút về Chalce và biển nơi đó thành căn cứ tác chiến thay cho Cos, vì từ nơi đó họ có thể theo dõi quan sát tốt hơn khi hạm đội Peloponnese ra khơi. Cùng thời gian đó một người Laconia là Xenophantes do Pedaritus phái từ Chios đến đảo Rhodes, đưa tin rằng công sự của Athens lúc này đã hoàn thành, và rằng đại cục của Chios sẽ hỏng nếu không được toàn bộ hạm đội của Peloponnese đến cứu

trợ. Ngay khi hay tin này họ quyết định đi cứu viện cho ông ta. Trong lúc ấy Pedaritus cùng với những lính đánh thuê mà ông ta có bên mình và toàn bộ lực lượng của Chios đã đột kích công sự bao quanh các chiến thuyền của Athens và đã chiếm được một phần công sự đó, và đoạt được một số chiến thuyền đã được kéo lên bờ, quân Athens liền xông ra phá vây để giải cứu, và trước hết đánh tan tác quân Chios, rồi sau đó đánh bại lực lượng còn lại bên cạnh Pedaritus, bản thân ông này bị giết cùng với rất nhiều quân Chios, một số lớn vũ khí cũng bị đoạt mất.

Sau trận này dân Chios bị phong toả còn ngặt nghèo hơn trước cả trên bộ lẫn trên biển. Đồng thời các sứ giả của Athens cùng với Pisander đã đến dinh thự của Tissaphernes, và bàn thảo với ông ta về thoả thuận được đề xuất. Thế nhưng Alcibiades, do chẳng lấy gì làm chắc về Tissaphernes (ông ta sợ người Peloponnese hơn là sợ người Athens, và ngoài ra còn mong muốn làm cả hai bên cùng kiệt quệ, theo lời khuyên của chính Alcibiades), nên đã cậy vào mưu sau để khiến thoả thuận giữa người Athens và Tissaphernes không thành vì lý do là những đòi hỏi của ông ta quá cao. Theo như tôi nghĩ thì Tissaphernes cũng mong muốn kết quả này, mà động cơ của ông ta là nỗi lo sợ; trái lại Alcibiades lúc này đã thấy rằng Tissaphernes nhất quyết không thương lượng bất kỳ điều kiện nào thì lại muốn người Athens nghĩ rằng không phải y không có khả năng thuyết phục được Tissaphernes mà là sau khi ông ta đã bị thuyết phục rồi và đã sẵn sàng kết đồng minh với họ thì họ đã không nhân nhượng ông ta đủ mức. Bởi vì những yêu sách mà Alcibiades nhân danh Tissaphernes đưa ra, ngay trước mặt ông ta, quá đáng đến nỗi những sứ giả Athens đó mặc dù hầu như từ đầu đến cuối đã đồng ý bất kỳ điều gì ông ta đòi hỏi nhưng rốt cục họ đành chịu mang tiếng là không đáp ứng được: y đòi hỏi họ phải nhường lại toàn bộ xứ Ionia, và tiếp theo là những hải đảo lân cận, ngoài những nhân nhượng khác ra, và những đòi hỏi đó đã được chấp nhận không một lời phản đối; cuối cùng, trong buổi hội kiến thứ ba, Alcibiades lúc này sợ bị phát hiện ra rằng mình hoàn toàn chẳng có khả năng thực hiện những gì đã hứa, đã đòi họ phải để Nhà vua được đóng thuyền và dong buồm dọc theo bờ biển của ngài đi bất cứ đâu và với bao nhiêu thuyền tùy ý. Khi nghe điều này các sứ giả Athens không

muốn nhân nhượng thêm nữa, và kết luận rằng việc sẽ chẳng đi đến đâu, mà chẳng qua là họ đã bị Alcibiades lừa, họ đã tức giận bỏ về Samos.

Cùng trong mùa đông đó ngay sau khi xảy ra việc này, Tissaphernes tiến dọc theo bờ biển đến Caunus, hầu mong đưa hạm đội Peloponnese trở lại Miletus, và khi chu cấp lương cho họ ông ta sẽ đồng thời lập một hiệp ước mới với những điều khoản mà ông ta có thể đạt được để không đẩy việc này đến chỗ hai bên phải tuyệt giao hẳn với nhau. Ông ta sợ rằng nếu nhiều chiến thuyền của họ không được trả lương thì họ sẽ buộc phải giao chiến và sẽ bị đánh bại, hoặc nếu các chiến thuyền của họ bị bỏ mặc không có thủy thủ thì người Athens sẽ đạt được mục đích của họ mà chẳng cần đến sự hỗ trợ của ông ta. Điều khiến ông ta lo sợ hơn nữa là quân Peloponnese có thể sẽ tàn phá cả lục địa này để kiếm lương thảo nhu yếu phẩm. Sau khi tính toán và cân nhắc mọi nhẽ, theo đúng dự định của ông ta là giữ cả hai lực lượng cân bằng với nhau, lúc bấy giờ ông ta phái người đi mời người Peloponnese đến và trả lương cho họ, và cùng với họ lập hiệp ước thứ ba với nội dung như sau:

“Vào năm thứ mười ba triều Vua Darius, khi Alexippidas là Đại pháp quan ở Lacedaemon, hiệp ước này được lập tại đồng bằng sông Maeander^[5] giữa người Lacedaemon và các đồng minh của họ với Tissaphernes, Hieramenes và các con trai của Pharnaces, về quan hệ bang giao giữa Nhà vua và Lacedaemon và các đồng minh của họ.

1. Xứ sở của Nhà vua ở châu Á sẽ thuộc về Nhà vua, và được Nhà vua tùy quyền xử lý.
2. Người Lacedaemon và các đồng minh của họ sẽ không xâm lược hoặc làm tổn hại đến xứ sở của Nhà vua, Nhà vua cũng sẽ không xâm lược hoặc làm tổn hại đến xứ sở của người Lacedaemon hoặc của các đồng minh của họ. Nếu bất kỳ kẻ nào trong số người Lacedaemon hoặc trong số đồng minh của họ xâm lược hay làm tổn hại đến xứ sở của Nhà vua thì người

Lacedaemon và các đồng minh của họ phải ngăn chặn việc đó, và nếu bất kỳ kẻ nào từ xứ sở của Nhà vua xâm lược hoặc làm tổn hại xứ sở của người Lacedaemon hoặc của đồng minh của họ thì Nhà Vua phải ngăn chặn việc đó.

3. Tissaphernes sẽ chu cấp lương cho những chiến thuyền hiện có theo thoả thuận cho đến khi những chiến thuyền của Nhà vua đến, nhưng sau khi những chiến thuyền của Nhà vua đã đến người Lacedaemon và các đồng minh của họ có thể tự trả lương cho các chiến thuyền của mình nếu họ muốn. Tuy vậy, nếu họ quyết định nhận lương từ Tissaphernes thì Tissaphernes sẽ phải chu cấp khoản đó; và người Lacedaemon và các đồng minh của họ sẽ phải hoàn lại cho ông ta số tiền đúng bằng khoản mà họ đã nhận khi cuộc chiến tranh này chấm dứt.
4. Sau khi các chiến thuyền của Nhà vua đến nơi, hạm đội của Lacedaemon với các đồng minh của họ và hạm đội của Nhà vua sẽ cùng nhau tiến hành cuộc chiến tranh này, theo cách mà Tissaphernes và người Lacedaemon và các đồng minh của họ thấy là tốt nhất. Nếu họ muốn ký kết hoà ước với Athens, họ cũng sẽ cùng nhau ký kết.”

Hiệp ước của họ là như vậy. Sau đó Tissaphernes chuẩn bị đưa hạm đội Phoenicia đến như thoả thuận, và thực hiện những lời hứa khác của ông ta, hoặc ít nhất thì cũng làm ra vẻ như ông ta đang chuẩn bị như vậy.

Mùa đông đang dần khép lại vào lúc quân Boeotia chiếm được Oropus do nội phản, mặc dù đã được một đơn vị đồn trú Athens trấn thủ. Những kẻ đồng lõa với họ trong việc này là một số người Eretria và Oropus, những kẻ này đang mưu tính cuộc nổi dậy của Euboea, vì Oropus nằm đối diện với Eretria, và khi mà nó còn nằm trong tay Athens thì tất sẽ là một phiền toái ghê gớm với Eretria và những nơi khác của Euboea. Khi Oropus đã về tay họ, người Eretria bèn đến đảo Rhodes để mời quân Peloponnese vào Euboea. Thế nhưng quân Peloponnese lại muốn đi cứu trợ dân Chios đang

khốn đốn hơn, và vì vậy đã từ Rhodes ra khơi và mang tất cả những chiến thuyền của họ vượt biển. Ngoài khơi Triopium họ trông thấy hạm đội của Athens ở giữa biển đang rời khỏi Chalce, và, không bên nào tấn công bên nào, họ đã đến đích, quân Athens đến Samos, quân Peloponnese đến Miletus, họ nhận thấy rằng không còn khả năng giải cứu Chios mà không phải đánh một trận được nữa. Và mùa đông này đã hết, và kết thúc cùng với nó là năm thứ hai mươi của cuộc chiến tranh này mà Thucydides chép vào sử sách.

Đầu mùa xuân của mùa hạ tiếp theo, Dercyllidas người Sparta đã được phái đi cùng một lực lượng nhỏ theo đường bộ tới Hellespont để phát động cuộc nổi loạn của Abydos^[6], một thuộc địa của Miletus; và quân Chios, khi Astyochochus còn đang lưỡng lự chưa biết làm sao để cứu giúp họ, đã buộc phải đánh một trận hải chiến do tình cảnh quẫn bách của cuộc vây hãm. Trong khi Astyochochus vẫn đang ở Rhodes, sau cái chết của Pedaritus họ đã tiếp nhận từ Miletus một người Sparta có tên Leon làm chỉ huy của họ, ông này đã đến cùng với Antisthenes và mười hai chiến thuyền trước đó đang làm nhiệm vụ canh gác Miletus, năm trong số đó là của Thurii, bốn thuyền của Syracuse, một thuyền từ Anaia, một thuyền của Miletus và một con thuyền của riêng Leon. Vì thế quân Chios từ thành đã ồ ạt xuất kích và chiếm được một vị trí thế mạnh, cùng lúc đó ba mươi sáu chiến thuyền của họ đã kéo ra khơi và giao chiến với ba mươi hai chiến thuyền của quân Athens; và sau một trận chiến khốc liệt mà quân Chios và các đồng minh của họ có phần thắng thế hơn, vì lúc bấy giờ chiều đã muộn nên họ rút lui về kinh thành của mình.

Ngay sau trận này Dercyllidas đã theo đường bộ từ Miletus đến; và Abydos ở Hellespont đã nổi dậy theo về với ông ta và Pharnabazus, hai ngày sau đó Lampsacus cũng nổi dậy. Ngay khi được tin này Strombichides đã vội vã cùng hai mươi tư con thuyền của Athens từ Chios vượt biển sang, một số thuyền chuyên vận bộ binh hạng nặng cũng nằm trong số này, và đánh bại quân Lampsacus khi họ xuất trận chống lại ông ta, chiếm Lampsacus, nơi không được củng cố phòng vệ, ngay trong trận đột kích đầu

tiên, và đoạt nô lệ và của cải làm chiến lợi phẩm và trả những người tự do về quê hương họ, rồi tiến đến Abydos. Tuy vậy, những cư dân ở đó đã không chịu đầu hàng, và cuộc tấn công của ông ta đã không thành, ông ta đã cho thuyền vượt sang bờ biển đối diện, và chọn Sestos, một trấn ở Chersonese^[2] do Ba Tư chiếm giữ từ trước đó, làm trung tâm phòng thủ của toàn Hellespont.

Trong lúc đó quân Chios đã nắm quyền kiểm soát vùng biển rộng hơn trước; và quân Peloponnese tại Miletus và Astyochoi, khi nghe tin về trận hải chiến và việc hải đội của Strombichides bỏ đi, đã lấy lại được dũng khí. Cùng với hai chiến thuyền men theo bờ biển tới Chios, Astyochoi đã lấy những chiến thuyền từ nơi đó, và lúc này cùng toàn bộ hạm đội tiến đánh Samos, tuy vậy từ nơi đó ông ta đã cho thuyền về lại Miletus do quân Athens đã không xuất trận nghênh chiến vì nội bộ họ đang nghi kỵ lẫn nhau. Vì rằng vào khoảng thời gian này, hoặc thậm chí là trước đó, chính thể dân chủ đã bị hạ bệ tại Athens. Khi Pisander và các sứ giả từ chỗ Tissaphernes trở về Samos, họ đã đồng thời tăng cường hơn nữa sự quan tâm của họ đối với chính đạo quân này, và xúi giục tầng lớp thượng lưu ở Samos tham gia với họ để thiết lập một chính thể *oligarchy*, chính là hình thức chính thể mà một phe của họ vừa mới nổi dậy để thoát khỏi nó. Cùng lúc ấy quân Athens tại Samos, sau khi bàn bạc giữa họ với nhau, đã quyết định gạt Alcibiades ra, vì y đã từ chối tham gia với họ, và lại y không phải là người phù hợp với một chính thể *oligarchy*; và giờ đây khi họ đã dấn thân vào, họ quyết định phải tự mình xem có cách nào tốt nhất để có thể tránh cho đại cục của họ khỏi bị tiêu vong, và đồng thời duy trì cuộc chiến tranh này, cũng như đóng góp một cách hào phóng tiền bạc và mọi thứ cần thiết khác từ điền sản của riêng họ, vì từ đây về sau họ sẽ chỉ dốc sức cho chính mình mà thôi.

Sau khi khích lệ lẫn nhau trong những quyết định này, họ liền gửi một nửa sứ bộ và Pisander về Athens để làm những gì cần thiết tại đó (với chỉ thị phải thiết lập chính thể *oligarchy* ở mọi kinh thành dưới quyền cai trị của Athens mà họ có thể ghé vào trên hải trình của họ), và phái nửa sứ bộ còn lại theo những hướng khác nhau tới những xứ phụ thuộc khác. Diitrephes,

người đang ở gần Chios, và đã được bầu để cai quản các trấn của Thrace, cũng đã được phái về địa hạt mà ông ta cai quản, và khi về đến Thasos ông ta đã bãi bỏ nền dân chủ ở đây. Thế nhưng chưa đầy hai tháng sau khi ông ta rời khỏi đó, dân Thasos đã bắt đầu củng cố phòng vệ cho trấn của họ, vì đã chán ngán chế độ quý tộc thống trị của Athens, và đang mong đợi từng ngày vào nền tự do từ Lacedaemon. Thực ra đã có một phe của họ (những kẻ mà trước đây quân Athens đã trục xuất), phối hợp với người Peloponnese, họ đang cùng với các bạn hữu của mình trong trấn nỗ lực bằng mọi cách để đưa một hải đội đến, và để phát động cuộc nổi dậy của Thasos; và như vậy phe phái này đã thấy những điều mà mình mong mỏi nhất được thực hiện, tức là cải cách chính thể mà không gặp rủi ro nguy hiểm gì, và việc bãi bỏ cái chính thể dân chủ mà lẽ ra đã có thể chống lại họ. Như vậy những sự kiện ở Thasos hóa ra lại trái ngược hẳn với điều mà những kẻ mưu đồ chính thể *oligarchy* ở Athens trông đợi; và theo quan điểm của tôi thì ở nhiều xứ lệ thuộc khác tình thế cũng y hệt như vậy; bởi vì ngay khi các thành bang đó có một chính quyền ôn hoà và quyền tự do hành động, họ đã tiến tới nền tự do tuyệt đối mà không hề bị dẫn dụ bởi sự cải cách mẽ ngoài được người Athens chìa ra mời mọc.

Pisander và các đồng sự của mình trên hành trình dọc theo bờ biển đã bãi bỏ những nền dân chủ ở các thành bang như đã định, và cũng lấy một số bộ binh hạng nặng từ một số vùng là đồng minh của họ, và đã về đến Athens cùng với số quân này. Tại đây họ thấy hầu hết mọi việc đã xong xuôi đầu vào đây nhờ tay những kẻ đồng lõa với mình. Một số thanh niên trai tráng đã tập hợp thành một băng đảng, và bí mật ám sát Androcles, thủ lĩnh của dân chúng, và là người chịu trách nhiệm chính trong việc trục xuất Alcibiades; Androcles bị nhằm vào phần vì ông ta là một nhà lãnh đạo được dân chúng mến mộ phần vì chúng mưu toan dùng cái chết của ông ta để lấy lòng Alcibiades, người mà chúng nghĩ rằng sẽ được triệu hồi, và để biến Tissaphernes thành đồng minh với họ. Có một vài kẻ mà chúng căm ghét cũng đã bị chúng bí mật thủ tiêu theo kiểu đó. Đồng thời chúng công khai hô hào không chi trả lương bổng cho bất kỳ ai ngoại trừ những người tham gia chiến đấu ngoài mặt trận, và rằng số thành viên tham dự vào chính quyền

không được quá năm ngàn, và những thành viên đó phải có năng lực cao nhất cả về con người họ cũng như về tiền bạc để phụng sự quốc gia.

Nhưng chẳng qua đây chỉ là khẩu hiệu hô lên với dân chúng, khi mà những kẻ chủ mưu của cuộc lật đổ đó thực ra đã định nắm quyền bính vào tay mình. Tuy thế Hội nghị công dân và Hội đồng Hạt đậu^[8] vẫn nhóm họp, mặc dù họ chẳng thảo luận điều gì mà không được những kẻ chủ mưu thông qua trước, những kẻ này đã cung cấp cả các diễn giả và kiểm duyệt trước những gì họ chuẩn bị phát biểu. Sợ hãi và nhìn thấy những kẻ dự mưu chiếm số đông, những người còn lại đã không dám mở miệng; hoặc nếu bất kỳ ai dám đứng lên phản đối, thì người đó sẽ bị thủ tiêu ngay bằng cách nào đó dễ dàng, và nếu kẻ giết người có bị nghi ngờ đi chẳng nữa thì cả việc truy tìm lẫn công lý để chống lại chúng đều không được thực thi; nhưng dân chúng vẫn im phắc không động tĩnh gì vì bị dọa cho khiếp vía đến nỗi mọi người tự cho rằng mình may mắn thoát được bạo lực, ngay cả khi họ giữ mồm giữ miệng kín như bưng. Sự tin tưởng vào con số những kẻ dự mưu đã bị phóng đại lên rất nhiều cũng khiến dân chúng mất tinh thần, bị bắt lực bởi kinh thành quá rộng và bởi họ không thể thông tin cho nhau, và chẳng có cách nào để biết được con số đó thực tế là bao nhiêu. Bởi cùng lý do ấy không ai có thể cởi mở nỗi đau buồn với láng giềng và bàn cách để bảo vệ chính mình, vì nếu có nói thì chắc anh ta sẽ phải nói hoặc là với người mà anh ta không biết, hoặc là với người anh ta biết mà không tin tưởng. Kỳ thực tất cả phe dân chúng tiếp xúc với nhau trong nghi ngại, mỗi người đều nghĩ rằng người bên cạnh mình liên can đến những gì đang xảy ra, khi mà những kẻ chủ mưu có trong hàng ngũ của chúng những người mà không ai ngờ được rằng có thể tham gia vào một chính thể *oligarchy*; và những kẻ này đã khiến cho phần đông dân chúng sinh lòng nghi ngại đến thế, và vì vậy đã giúp cho cái thiểu số đó được miễn trừng phạt, bằng cách khiến cho dân chúng lún sâu vào nỗi ngờ vực lẫn nhau.

Giữa lúc tình hình như vậy thì Pisander và các đồng sự của mình về đến nơi, những kẻ này đã không bỏ lỡ chút thời gian nào để làm nốt phần việc còn lại. Đầu tiên họ đã triệu tập dân chúng lại, và đề nghị bầu ra mười đại

biểu có toàn quyền để soạn thảo một hiến pháp, và rằng khi xong việc này thì vào một ngày định trước họ sẽ phải trình bày trước dân chúng về phương thức cai quản thành bang này mà họ cho là tốt nhất. Sau đó, khi ngày ấy đến, những kẻ âm mưu đã triệu tập hội nghị công dân ở Colonus, ngôi đền thờ thần Poseidon, cách kinh thành khoảng hơn một dặm đường; khi ấy các đại biểu đó chỉ đơn thuần đưa ra một kiến nghị duy nhất, rằng bất cứ người Athens nào cũng có thể được miễn trừng phạt khi đề xuất bất kỳ phương thức nào anh ta muốn, đồng thời những hình phạt nặng sẽ được áp cho bất kỳ kẻ nào quy cho anh ta tội phi pháp, hoặc quấy rầy anh ta vì đã làm như vậy. Bằng cách đó con đường đã được dọn sẵn, giờ đây chúng thẳng thừng tuyên bố rằng nhiệm kỳ chấp chính và việc lĩnh lương bổng theo thể chế hiện hành tất cả đã đến lúc chấm dứt, và rằng phải bầu ra năm vị chủ tịch, năm vị chủ tịch này đến lượt họ sẽ phải chọn lấy một trăm người, và mỗi người trong số một trăm người này lại chọn thêm ba người; và rằng theo cách ấy cái hội đồng được cấu thành từ bốn trăm người này sẽ bước vào phòng họp hội đồng với đầy đủ mọi quyền lực và lãnh đạo theo cách họ thấy là tốt nhất, và sẽ triệu tập năm ngàn người^[9] bất kỳ khi nào họ muốn.

Người đã đề xuất ra quyết nghị này là Pisander, kẻ mà bề ngoài từ đầu đến cuối ra vẻ là tác nhân chính trong cuộc lật đổ nền dân chủ. Nhưng kẻ đã sắp đặt toàn bộ vụ việc và mở đường cho tai họa này, và kẻ đã dồn hết tâm trí cho việc này là Antiphon, một trong những kẻ mưu lược nhất thời đó ở Athens, là kẻ có đầu óc để bày mưu tính kế và có miệng lưỡi để đề xuất những mưu kế đó nhưng lại chẳng bao giờ muốn xuất đầu lộ diện trong hội nghị công dân hoặc trước mắt công chúng vì bị dân chúng ác cảm với tiếng tăm về tài năng của mình; và đồng thời cũng là người có khả năng xuất sắc nhất để trợ giúp trong các phiên toà hay trước hội nghị cho những đương sự cần đến ý kiến của ông ta. Thật vậy, sau này khi chính ông ta bị xử tội chết vì bị cáo buộc đã can dự vào việc dựng nên chính cái chính quyền này, khi bè lũ Bốn Trăm bị lật đổ và bị dân chúng trừng trị nghiêm khắc, ông ta đã tự biện hộ với những lời được coi là hùng biện nhất mà cho đến thời tôi chưa một ai sánh bằng. Phrynichus cũng vượt trên tất cả những người khác về lòng sốt sắng đối với chính thể *oligarchy*. Lo ngại Alcibiades, và chắc hẳn

là y không lạ gì việc ông ta thông đồng với Astyochus ở Samos, ông ta cho rằng không một chính thể *oligarchy* nào lại phục chức cho y cả, và một khi đã tham gia vào công cuộc đó, khi đối mặt với nguy hiểm ông ta đã tỏ ra là kẻ đáng tin cậy nhất vượt xa tất cả bọn họ. Theramenes con trai của Hagnon cũng là một trong những kẻ cầm đầu việc lật đổ nền dân chủ – một kẻ có tài trong lãnh đạo cũng như trong tranh luận. Được chỉ đạo bởi nhiều người đến thế và bởi những bộ óc thông thái đến nhường ấy, công cuộc này, vĩ đại như thực tế cho thấy, tiến triển được cũng không phải là lạ; mặc dù không dễ dàng gì mà tước đi tự do của dân chúng Athens sau gần một trăm năm kể từ khi họ phứt truất các bạo chúa, khi họ chẳng những không phải là xứ lệ thuộc của bất kỳ bang nào trong suốt thời gian đó, mà trong hơn nửa thời gian ấy đã quen thống trị các xứ lệ thuộc của chính họ.

Hội nghị công dân đã phê chuẩn bản hiến pháp được đề xuất mà không một ai lên tiếng phản đối, và rồi giải tán; sau đó bè lũ Bốn Trăm đã được đưa vào phòng họp hội đồng bằng cách như thế này: vì quân địch đang đóng ở Decelea, toàn bộ dân Athens luôn túc trực trên thành lũy hoặc trong đội ngũ tại nhiều vị trí đóng quân khác nhau. Vào ngày hôm ấy những người không tham dự vào âm mưu này được phép trở về nhà như thường lệ, trong khi đó đã có mật lệnh cho những đồng lõa của bọn chủ mưu để quanh quẩn ở gần đó mà không phô trương lực lượng lộ liễu, cách các điểm đóng quân một quãng ngắn, và nếu có bất cứ sự phản đối nào với những gì đang được thực hiện thì mang vũ khí đến trấn áp. Có một số quân Andros và Tenos, ba trăm quân Carystus, và một số người định cư ở Aegina đã đến mang theo vũ khí của riêng mình cũng để phục vụ cho chính mục đích đó, những kẻ này đã nhận được các chỉ thị tương tự từ trước. Sắp xếp xong đâu vào đó, bè lũ Bốn Trăm khởi sự, mỗi tên mang một con dao găm giấu trong người, được hộ tống bởi một trăm hai mươi thanh niên Hy Lạp, những kẻ mà chúng sử dụng ở bất kỳ nơi nào cần đến bạo lực, và xuất hiện trước các thành viên Hội đồng Hạt đậu trong phòng họp hội đồng, và bảo họ hãy nhận tiền lương của mình rồi cuốn xéo; chúng đã tự mình đem lương cho toàn bộ thời gian còn lại trong nhiệm kỳ của họ đến đó và đưa cho họ khi họ đi ra.

Khi Hội đồng rút lui theo cách này mà không dám tỏ ra phản đối chút nào, và tất cả các công dân còn lại cũng lặng yên không có hành động gì, thì bè lũ Bốn Trăm bước vào phòng họp hội đồng, và trong lúc ấy chúng hài lòng với việc rút thăm để chọn ra các *Prytanis* của mình, và cầu nguyện và dâng tế vật lên các vị thần khi nhậm chức, nhưng sau đó chúng chệch hướng rất xa khỏi thể chế dân chủ, và ngoài việc vì Alcibiades mà chúng không triệu hồi những người bị trục xuất ra, chúng đã cai trị kinh thành bằng vũ lực; chúng đã giết một số người, dù không nhiều lắm, là những người chúng cho rằng cần phải trừ khử, và tống giam và trục xuất những người khác. Chúng cũng phái người đến gặp Agis vua của Lacedaemon ở Decelea để nói rằng chúng muốn giảng hoà, và rằng giờ đây ông ta có thể sẵn sàng thương lượng hơn trước vì ông ta giao thiệp với chúng chứ không phải với đám dân chúng tiền hậu bất nhất kia.

Thế nhưng Agis chẳng tin vào sự bình lặng của kinh thành đó, hoặc tin rằng dân chúng ở đó có thể từ bỏ nền tự do lâu đời của họ trong chốc lát như vậy, mà ông ta nghĩ rằng chỉ cần trông thấy một đạo quân Lacedaemon rất đông là đủ để khích động họ nếu họ còn chưa bạo động, việc mà ông ta cũng chưa lấy gì làm chắc. Vì vậy ông ta đã cho các sứ giả của bè lũ Bốn Trăm một câu trả lời mà không cho họ chút hy vọng nào về việc ông ta sẽ thoả hiệp cả, và phái người về Peloponnese để xin thật nhiều quân tăng viện, sau đó không lâu, với số quân tăng viện này và đội quân đồn trú của ông ta ở Decelea, ông ta đã đột kích vào tận thành lũy của Athens, hy vọng rằng những cuộc nội loạn có thể giúp ông ta khuất phục được họ theo những điều kiện của mình, hoặc giả, trong sự rối ren hỗn loạn có thể xảy ra cả bên trong và bên ngoài kinh thành, biết đâu thậm chí họ sẽ đầu hàng mà chẳng phải mất công đánh đấm gì; trong bất kỳ tình huống nào, ông ta cho rằng ông ta sẽ thành công trong việc chiếm được các Trường thành, nơi tuyệt không có một mống nào bảo vệ. Tuy vậy, người Athens thấy ông ta đến gần, mà họ chẳng gây náo loạn chút nào trong kinh thành; và cử kỵ binh, một số bộ binh hạng nặng, bộ binh hạng nhẹ và cung thủ của họ xuất trận, bắn hạ một số binh lính của ông ta khi họ tiến đến quá sát, và chiếm được một số vũ khí và xác binh sĩ tử trận. Thấy vậy, Agis rốt cục đã biết chắc được nội tình bèn dẫn

đạo quân quay trở về, và cùng với binh lính của riêng ông ta yên vị ở Decelea đồng thời cho quân tăng viện hồi hương, chỉ vài ngày sau khi họ đến Attica. Sau đó bè lũ Bốn Trăm kiên trì phái một sứ bộ khác đến gặp Agis, và lúc bấy giờ đã được tiếp đón một cách tử tế hơn, với sự gợi ý của ông ta chúng đã phái các sứ giả tới Lacedaemon để thương lượng một hiệp ước, mong mỗi khát khao được giảng hoà.

Chúng cũng cử mười người đến Samos để trấn an đạo quân ở đó, và để giải thích rằng chính thể *oligarchy* được lập ra không phải để gây hại cho kinh thành này hoặc các công dân, mà để bảo vệ toàn bộ xứ sở của họ; và rằng có năm ngàn người chứ không phải chỉ bốn trăm tham gia vào; đầu rằng nào là vì những cuộc viễn chinh, nào là vì những công việc ở ngoại bang, nhưng từ trước tới nay dân Athens chưa từng nhóm họp để thảo luận một vấn đề nào có tầm quan trọng đến mức phải triệu tập năm ngàn người trong số họ ngồi lại với nhau. Các phái viên còn được dặn dò những điều cần phải nói về mọi vấn đề khác, và họ được phái đi ngay sau khi chính quyền mới được thành lập, vì chúng sợ rằng, mà thực tế hóa ra lại đúng là như vậy, đại đa số thủy thủ sẽ không chịu ở lại dưới chính thể *oligarchy*, và nếu rủi ro bắt đầu ở đó, có thể họ sẽ là công cụ để lật đổ chúng.

Quả thực ở Samos vấn đề chính thể *oligarchy* đã đi vào một giai đoạn mới, những sự kiện sau đây đã xảy ra đúng vào lúc mà bè lũ Bốn Trăm đang thực hiện mưu đồ của chúng. Một bộ phận trong dân chúng Samos mà đã được kể bên trên là đang nổi dậy chống lại tầng lớp thượng lưu ở đó, và đang thuộc phe dân chủ, lúc bấy giờ quay ngoắt lại và để cho Pisander xúi giục khi hấn đến nơi này, và cả những người Athens đồng mưu với hấn ở Samos nữa, cả thầy có đến ba trăm người đã tự lập thế với nhau, và đang sắp sửa tấn công tất cả những đồng bào còn lại của chúng, những người mà giờ đây đến lượt chúng coi họ là phe dân chủ. Trong lúc ấy chúng hành hình một người Athens nào đó tên là Hyperbolus, một kẻ gây hại đã bị tẩy chay từ trước, không phải vì sợ ảnh hưởng hay vị trí của hấn, mà vì hấn là một kẻ bất lương và làm ô danh kinh thành đó; được một trong các tướng lĩnh là Charminus và thêm một số người Athens, mà chúng đã phát thế kết giao và cùng nhau phạm vào những hành vi khác tương tự như vậy, hỗ trợ trong việc

này, giờ đây chúng quyết định tấn công vào dân chúng. Dân chúng nghe phong thanh về những gì sắp xảy đến bèn báo cho hai trong số các vị tướng ở đó là Leon và Diomedon, những vị tướng này do rất được lòng dân nên chỉ là những người bất đắc dĩ phải tán thành chính thể *oligarchy*, và báo cho cả Thrasybulus thuyền trưởng của một chiến thuyền và Thrasyllus một trong số các bộ binh hạng nặng, thêm vào đó là những người khác mà họ nghĩ là chống đối bọn âm mưu kia mạnh nhất, họ kêu gọi những người này đừng tự thủ bàng quan nhìn họ bị tiêu diệt và Samos, chỗ dựa duy nhất còn lại cho đế chế của họ, bị mất vào tay những người Athens đó. Khi nghe tin này, những người mà họ đã kêu gọi liền đi khắp lượt từng binh lính một và thuyết phục họ chống đối, nhất là thủy thủ đoàn trên linh thuyền Paralus gồm toàn người Athens và là những người tự do, và đã thù địch với chính thể *oligarchy* từ tận thuở nào, thậm chí ngay cả khi chính thể này không tồn tại; và Leon và Diomedon để lại cho họ vài chiến thuyền để bảo vệ họ trong trường hợp bản thân hai vị tướng này phải lên thuyền rời khỏi đảo đi bất kỳ đâu. Vì vậy, khi bè lũ Ba Trăm tấn công dân chúng, tất cả những quân đó đã đến giải cứu, và dẫn đầu là toàn bộ thủy thủ đoàn của linh thuyền Paralus; dân chúng Samos đã chiến thắng, họ xử tử khoảng ba mươi trong số bè lũ Ba Trăm và trục xuất ba tên khác trong số những tên đầu sỏ, và chấp thuận ân xá cho tất cả những tên còn lại, và từ đó về sau họ chung sống dưới một chính thể dân chủ.

Linh thuyền Paralus, cùng với Chaereas con trai của Archestratus, một người Athens đã rất tích cực tham gia vào cuộc cách mạng ấy, liền được dân Samos và đạo quân ở đó phái về Athens để tường trình về những gì đã xảy ra; họ vẫn chưa hay biết sự kiện bè lũ Bốn Trăm đang nắm quyền. Khi họ cập thuyền vào cảng bè lũ Bốn Trăm lập tức bắt giữ hai hoặc ba người trong thủy thủ đoàn và sau khi đoạt lại con thuyền từ những người còn lại, chúng chuyển họ sang một thuyền chuyên vận binh lính và bắt họ đi canh gác xung quanh Euboea. Thế nhưng Chaereas đã tự xoay sở lẩn trốn được ngay khi ông ta thấy binh tình ấy, và khi quay trở về Samos, ông ta đã mô tả cho binh lính ở đó những sự kinh hoàng đang diễn ra ở đó, mà trong lời mô tả tất cả mọi thứ đều được phóng đại lên; ông ta nói rằng tất cả mọi người đều bị

trừng phạt bằng roi, rằng không ai thốt ra được một lời chống lại những kẻ cầm quyền, rằng vợ con của những người lính đó bị lãng nhục, và rằng chúng dự định sẽ bắt giam họ hàng thân quyến của tất cả những ai trong đạo quân ở Samos mà không theo chính quyền mới, và hành hình họ nếu họ không tuân lệnh; ngoài ra còn thêm mắm dặm muối vào đó rất nhiều sự bất công khác nữa.

Khi nghe chuyện này ý nghĩ đầu tiên của đạo quân ở đây là tấn công những kẻ chủ mưu chính thể *oligarchy* và tất cả những kẻ khác có liên can. Nhưng rốt cục họ thôi không nghĩ đến việc đó nữa khi những người có quan điểm ôn hoà phản đối việc ấy và cảnh báo họ đừng huỷ hoại đại cục của họ, khi mà quân địch đang kè kè bên cạnh và sắp sửa đánh họ đến nơi. Sau việc đó, Thrasybulus con trai của Lycus, và Thrasyllus, hai thủ lĩnh trong cuộc cách mạng đó, lúc bấy giờ do mong muốn thay đổi chính thể tại Samos thành chính thể dân chủ một cách công khai nhất nên đã ràng buộc tất cả binh lính bằng lời tuyên thệ thiêng liêng nhất, và đặc biệt là những kẻ thuộc phe ủng hộ chính thể *oligarchy*, rằng họ thừa nhận chính thể dân chủ, đoàn kết với nhau, tích cực theo đuổi cuộc chiến với quân Peloponnese và là kẻ thù của bè lũ Bốn Trăm, và sẽ không thông đồng với chúng. Toàn bộ dân chúng Samos đủ tuổi thành niên cũng tuyên thệ y như vậy; và binh lính ở đó sát cánh với dân Samos trong nội vụ cũng như trong lúc lâm nguy, với lòng tin rằng cả họ lẫn dân chúng đã không còn lối thoát, nếu bất kể bè lũ Bốn Trăm hoặc quân địch ở Miletus mà chiến thắng thì họ sẽ bị diệt vong.

Cuộc tranh đấu lúc bấy giờ nảy ra giữa đạo quân đang cố áp đặt một chính thể dân chủ lên kinh thành và bè lũ Bốn Trăm đang cố áp đặt một chính thể *oligarchy* lên đại bản doanh của đạo quân này. Trong lúc ấy binh lính lập tức tổ chức một cuộc họp toàn thể, trong cuộc họp đó họ phế truất những tướng lĩnh cũ và bất kỳ một thuyền trưởng nào mà họ nghi ngờ, và chọn những tướng lĩnh và thuyền trưởng mới để thay thế, ngoại trừ Thrasybulus và Thrasyllus là những người đứng về phía họ. Họ cũng đứng lên và khích lệ lẫn nhau, và giữa những vấn đề khác họ nhấn mạnh rằng họ không được nao núng tinh thần vì kinh thành đã nổi dậy chống lại họ, bởi phe ly khai ít người hơn và nghèo nguồn lực hơn họ về mọi mặt. Họ có nguyên cả một

hạm đội mà bằng vào đó có thể bắt các thành khác trong đế chế của họ cống nộp tiền bạc cho họ cũng chẳng khác gì khi họ có căn cứ ở kinh đô, khi họ có một thành ở Samos, thành ấy chẳng những không thiếu sức mạnh mà trong chiến tranh còn suýt đoạt mất quyền thống trị trên biển của Athens, trong lúc đối với địch thì họ vẫn có căn cứ tác chiến như trước. Quả thực, với hạm đội trong tay, họ có năng lực tự cung tự cấp lương thảo nhu yếu phẩm cho bản thân hơn hẳn cái chính quyền ở hậu phương. Chính là vị trí tiền tiêu của họ ở Samos bấy lâu nay đã cho phép những người cầm quyền bính ở hậu phương kiểm soát lối vào Piraeus; và nếu những kẻ hiện đang nắm quyền từ chối trả lại thể chế cho Samos, thì chúng sẽ thấy rằng đạo quân này đang ở vào vị thế có thể loại chúng ra khỏi vùng biển này hơn là chúng có thể loại đạo quân này ra. Và lại, kinh thành chẳng giúp ích là mấy hoặc chẳng giúp ích chút nào để họ đánh bại quân địch, và họ chẳng thiệt thòi gì nếu mất đi những kẻ đã không còn tiền bạc để gửi cho họ nữa (binh lính đang phải tự kiếm sống) mà cũng chẳng có lời khuyên đặc dụng nào cho họ cả, là những thứ vẫn cho các thành bang quyền chỉ huy quân đội. Trái lại, ngay cả trong việc này chính quyền ở hậu phương đã làm điều sai trái khi bãi bỏ những chế định của tổ tiên họ, trong khi đạo quân này vẫn giữ gìn những chế định đó, và sẽ cố gắng buộc chính quyền hậu phương cũng phải làm như thế. Thế nên thậm chí về lời khuyên hữu dụng thì doanh trại này cũng có những người tham mưu giỏi chẳng kém gì ở kinh thành. Hơn thế nữa, chỉ cần họ đảm bảo an toàn tính mạng và triệu hồi Alcibiades, nhất định y sẽ quá vui mừng mà mang lại cho họ tình đồng minh với Nhà vua. Và trên hết là nếu họ hoàn toàn thất bại thì với hạm đội mà họ đang nắm giữ, họ có vô khối chỗ để rút về, những nơi mà họ sẽ tìm được các trấn thành và đất đai cho mình.

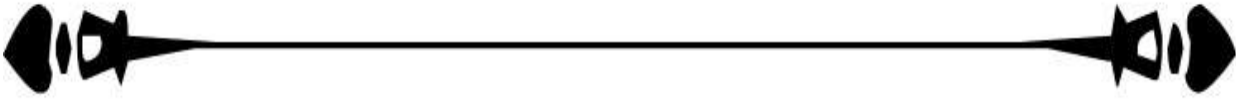
Sau khi bàn luận với nhau và tự an ủi mình theo cái cách như thế, họ đẩy mạnh các biện pháp chiến tranh tích cực y như trước; và mười phái viên được bề lũ Bốn Trăm cử đi Samos, khi biết được binh tình ở đó ra sao trong lúc họ còn đang ở Delos, đã ở yên lại đó.

Vào khoảng thời gian này nổi lên dư luận trong binh lính của hạm đội Peloponnese đóng ở Miletus rằng Astyochochus và Tissaphernes đang phá hoại

đại cục của họ. Astyochus cho đến nay vẫn không muốn giao chiến trên biển – cả trước đây trong khi họ vẫn còn hăng hái sung sức và hạm đội của Athens còn nhỏ, cũng như bây giờ khi mà quân địch đang trong tình trạng nội loạn và các chiến thuyền của chúng còn chưa hợp nhất, như họ được báo cho biết – mà bắt họ phải chờ đợi hạm đội Phoenicia của Tissaphernes, cái hạm đội chỉ tồn tại trên danh nghĩa đó, với nguy cơ họ mòn mỏi đi vì trì trệ. Trong khi đó thì Tissaphernes chẳng những đã không đưa cái hạm đội đó đến mà còn phá hoại hạm đội của họ bằng cách trả lương bổng không đều, và đã thế lại còn trả không đủ nữa. Vì vậy họ nhất định đòi không được trì hoãn lâu hơn nữa mà phải quyết một trận sống mái trên biển. Quân Syracuse giục giã hơn ai hết.

Các đồng minh và Astyochus nghe được những lời xì xầm đó, bèn quyết định trong hội đồng là sẽ quyết chiến một trận; và khi tin tức về tình hình rối ren ở Samos đến với họ, họ đã đưa cả hạm đội ra khơi, gồm một trăm mười chiến thuyền, và lệnh cho quân Miletus di chuyển bằng đường bộ đến Mycale, rồi họ dong thuyền tới đó. Hạm đội của Athens với tám mươi hai chiến thuyền lúc bấy giờ đang thả neo tại Glauce trên lãnh thổ Mycale, nơi mà Samos vươn đến gần lục địa; và khi thấy hạm đội của Peloponnese đang tiến đánh họ, họ rút về Samos vì cho rằng họ không địch lại được về số lượng nên không dám liều đặt cả vào một trận. Và lại họ được tin từ Miletus báo rằng quân địch đang muốn giao chiến, và họ đang chờ Strombichides từ Hellenpont mang những chiến thuyền đã từ Chios đến Abydos về hợp lực với họ, họ đã phái một người đi báo tin cho ông này. Vì vậy hạm đội Athens đã rút về Samos, và hạm đội Peloponnese cập vào Mycale, và hạ trại cùng với lực lượng bộ binh của Miletus và dân chúng vùng lân cận. Ngày hôm sau họ sắp sửa ra khơi đi đánh Samos thì tin báo đến với họ rằng Strombichides đã cùng hải đội từ Hellespont về đến nơi, ngay khi nghe tin đó họ liền quay thuyền trở về Miletus. Hạm đội Athens, đã được tăng viện như vậy, giờ đến lượt họ tiến đánh Miletus với một trăm mười tám chiến thuyền, mong đánh một trận quyết định, nhưng vì không ai ra khơi nghênh chiến với họ cả, họ lại bơi thuyền trở về Samos.

Chương XXVI



NĂM CHIẾN TRANH THỨ HAI MƯỜI MỐT – ALCIBIADES ĐƯỢC TRIỆU HỒI VỀ SAMOS – EUBOEA DÃY LOẠN VÀ BÈ LỮ BỐN TRĂM SỤP ĐỔ – TRẬN CYNOSSEMA

Cũng trong mùa hạ ấy, ngay sau sự kiện vừa kể bên trên, quân Peloponnese đã khước từ chiến đấu bằng cả hạm đội hợp nhất lại của mình vì cho rằng bên họ không cân sức với kẻ thù, và khi đang bối rối không biết kiếm đâu ra tiền để nuôi một số tàu thuyền đông như vậy, nhất là khi Tissaphernes đã tỏ ra là một ông chủ trả lương tồi tệ đến thế, họ đã phái Clearchus con trai của Ramphias cùng với bốn mươi chiến thuyền đến chỗ Pharnabazus theo chỉ thị từ ban đầu của Peloponnese; Pharnabazus đang lôi

kéo họ và sẵn sàng chu cấp lương bổng, và ngoài ra Byzantium cũng gửi đến họ đề nghị về việc nổi dậy để theo họ. Những con thuyền Peloponnese này vì vậy đã bơi ra ngoài khơi xa để thoát khỏi sự theo dõi của quân Athens, và bất ngờ bị rơi vào một cơn bão, phần lớn hải đội cùng với Clearchus chạy được vào Delos, và sau đó quay lại Miletus, từ đó Clearchus đã tiếp tục đi bằng đường bộ tới eo biển Hellespont để nắm quyền chỉ huy; tuy vậy, mười chiếc thuyền trong số đó dưới quyền chỉ huy của Helixus người Megara đã tìm được đường đến thẳng Hellespont, và phát động cuộc nổi dậy của Byzantium. Sau đó, các tướng chỉ huy tại Samos đã được tin về việc này, và cử một hải đội đi đánh họ để bảo vệ Hellespont, và một cuộc đụng độ đã xảy ra trước Byzantium giữa hai bên, mỗi bên gồm tám chiến thuyền.

Trong khi đó những người đứng đầu tại Samos, và đặc biệt là Thrasybulus, người mà từ lúc thay đổi chính thể đến giờ vẫn quyết một lòng triệu hồi Alcibiades, rốt cục trong một cuộc hội nghị đã thuyết phục được phần đông binh lính, và khi họ biểu quyết tán thành về việc triệu hồi và ân xá cho Alcibiades, liền vượt biển sang chỗ Tissaphernes và đưa Alcibiades về Samos, vì họ tin chắc rằng cơ hội duy nhất cứu được họ nằm ở việc thuyết phục Tissaphernes bỏ quân Peloponnese để về phe với họ. Một hội nghị sau đó đã được nhóm họp và trên hội nghị này Alcibiades đã kêu ca về nỗi bất hạnh của mình khi bị trục xuất, và vừa diễn thuyết rất dài dòng về chính sự, y vừa ra sức khơi gợi niềm hy vọng vào tương lai của họ, và phóng đại tô màu về ảnh hưởng cá nhân của mình đối với Tissaphernes. Mục đích của y trong việc này là khiến chính thể *oligarchy* tại Athens phải sợ y, khiến các hội do chính thể đó lập ra phải nhanh chóng tan rã, để tăng uy tín của y đối với đạo quân tại Samos và nâng cao lòng tự tin cho chính họ, và cuối cùng là khiến bên địch có thành kiến đối với Tissaphernes càng nặng nề càng tốt, và làm tiêu tan những hy vọng mà địch đang ấp ủ. Vì những lẽ đó Alcibiades đã chìa ra cho đạo quân ấy những lời hứa hẹn viễn vông như sau: rằng Tissaphernes đã long trọng cam đoan với y là chỉ cần ông ta tin tưởng được vào người Athens thì họ sẽ không bao giờ thiếu nguồn cung ứng khi mà ông ta vẫn còn mọi thứ, cũng không thiếu ngay cả khi ông ta phải lấy chính chiếc tràng kỷ bằng bạc của mình ra để đúc thành tiền, và rằng ông ta

sẽ mang hạm đội Phoenicia hiện giờ đang ở Aspendus^u đến cho quân Athens thay vì cho quân Peloponnese; nhưng ông ta chỉ có thể tin tưởng người Athens nếu Alcibiades được triệu hồi để làm người bảo chứng giữa ông ta và họ.

Khi nghe điều này và rất nhiều điều khác nữa, quân Athens đã lập tức bầu y làm tướng quân cùng với những tướng lĩnh cũ, và giao phó tất thảy mọi việc của họ vào tay y. Lúc bấy giờ không một người nào trong đạo quân này lại muốn đánh đổi những hy vọng hiện thời của mình về sự an toàn và trả thù bè lũ Bốn Trăm lấy bất kỳ phần thưởng nào; và sau những gì họ vừa được nghe, lúc này họ quay ra coi thường kẻ địch trước mắt, và sẵn sàng dong thuyền đi Piraeus ngay lập tức. Đối với kế hoạch vượt biển về Piraeus bỏ kẻ địch đích thực lại đằng sau, Alcibiades đã phản đối bằng lời từ chối thẳng thừng nhất, bất chấp rất nhiều người nài nỉ, y nói rằng giờ đây khi y đã được bầu làm tướng quân thì trước tiên y sẽ vượt biển đến gặp Tissaphernes và bàn định với ông ta những biện pháp để xúc tiến cuộc chiến này. Thế nên ngay khi rời khỏi hội nghị đó, y lập tức lên đường nhằm gây ra cảm tưởng rằng giữa hai người có một sự tin cậy hoàn toàn, và đồng thời cũng muốn nâng cao thể diện của mình với Tissaphernes, và để cho ông ta thấy rằng giờ y đã được bầu làm tướng quân và đang ở vào vị thế có thể làm lợi hoặc gây hại cho ông ta tùy ý; bằng cách đó y đã lấy Tissaphernes ra để đe dọa quân Athens và lấy quân Athens để đe dọa Tissaphernes.

Trong khi đó quân Peloponnese tại Miletus đã nghe tin về việc triệu hồi Alcibiades và vì họ đã chẳng tin tưởng gì vào Tissaphernes nên lúc này càng căm ghét ông ta hơn bao giờ hết. Thực ra là sau khi họ từ chối xuất trận và giao chiến với quân Athens khi quân này kéo hạm đội đến trước Miletus, Tissaphernes đã bỏ bê việc chi trả tiền lương hơn bao giờ hết; và thậm chí còn trước cả sự kiện ấy nữa, chính vì Alcibiades mà sự căm ghét đối với ông ta đã ngày càng tăng. Tụ tập lại với nhau, như lần trước, binh lính và cả một số người có vai vế bên ngoài quân đội nữa bắt đầu tính sổ xem vì sao cho đến nay họ chưa bao giờ nhận được đủ tiền lương của họ; rằng những gì họ nhận được đã quá ít ỏi về số lượng, mà thậm chí cả cái khoản ít ỏi đó cũng

bị trả rất thất thường, và rằng nếu họ không quyết một trận sống mái hoặc rút về một căn cứ nào đó nơi họ có thể kiếm được nhu yếu phẩm thì thủy thủ đoàn trên những chiến thuyền sẽ bỏ trốn; và rằng đó hoàn toàn là tội của Astyochus, kẻ đã chiều theo Tissaphernes vì lợi ích riêng của chính mình.

Trong khi đạo quân ấy đang bận tâm với những suy nghĩ này, thì cuộc náo loạn sau đây đã xảy ra chính vì nhân phẩm của Astyochus: Hầu hết các thủy thủ Syracuse và Thurii là người tự do, và đây là những thủy thủ đoàn tự do nhất trong đạo quân này và cũng là những người căm gan công kích Astyochus và đòi hỏi tiền lương của mình nhiều nhất. Astyochus đã trả lời có vẻ khá thô lỗ và đe dọa họ, và khi Dorieus lên tiếng bênh vực các thủy thủ của mình thì ông ta thậm chí còn quá đáng đến mức giơ cây gậy chỉ huy của mình lên đe dọa anh ta; thấy thế, phần đông cánh này, với tính cách thủy thủ, đã bừa bừa phần nộ xông đến tấn công Astyochus. Tuy vậy, ông ta đã kịp thời trông thấy họ và chạy tháo thân tới một bệ thờ để nấp; và vì thế bọn họ đã bỏ đi mà không đánh ông ta. Trong thời gian xảy ra việc này, cái pháo đài được Tissaphernes cho xây dựng ở Miletus đã bị quân Miletus đánh úp và bị chiếm giữ, và đơn vị đồn trú trong pháo đài đã bị đuổi khỏi đó – một hành động được tất cả các đồng minh khác ủng hộ, nhất là quân Syracuse, nhưng lại không nhận được sự tán thành nào của Lichas, hơn thế nữa ông ta còn nói rằng quân Miletus và những kẻ khác ở trên đất của Nhà vua phải thể hiện một sự quy thuận đúng mực đối với Tissaphernes và phải bợ đỡ lấy lòng ông ta, cho đến khi cuộc chiến tranh kết thúc một cách tốt đẹp. Dân Miletus đã nổi giận với ông ta vì việc này và vì một số việc khác tương tự như thế, nên sau này khi ông ta ngã bệnh rồi chết, họ không cho phép chôn cất ông ta ở nơi mà người Lacedaemon cùng đạo quân ấy muốn chôn.

Sự bất bình của đạo quân này với Astyochus và Tissaphernes đã lên đến đỉnh điểm, khi Mindarus từ Lacedaemon đến nơi để kế nhiệm chức vụ đô đốc của Astyochus, và nắm quyền chỉ huy. Astyochus lúc bấy giờ đã dong buồm hồi hương; và Tissaphernes phải đi theo ông ta một trong những kẻ thân tín của mình là Gaulites, một người Caria nói được cả hai thứ tiếng, để tổ dân Miletus về vụ pháo đài đó, và đồng thời tự biện hộ cho ông ta chống lại những người Miletus mà ông ta biết rằng họ đang trên đường đi Sparta

chỉ để tố giác hành vi của ông ta, và họ có Hermocrates đi cùng – ông này định cáo buộc Tissaphernes bắt tay với Alcibiades để phá hoại đại cục của Peloponnese và chơi trò hai mang. Sự thật là Hermocrates vẫn luôn căm ghét ông ta về chuyện lương tiền không được trả đầy đủ; và cuối cùng khi Hermocrates bị trục xuất khỏi Syracuse, và các tướng lĩnh mới Potamis, Myscon và Demarchus đã có mặt ở Miletus để chỉ huy các chiến thuyền của Syracuse, thì Tissaphernes đã công kích ông ta mạnh hơn trước đó nhiều trong khi ông ta lưu vong, và trong những cáo buộc của ông ta đối với Hermocrates có cả lời cáo buộc rằng một lần Hermocrates đã vò tiền ông ta, và vì không được nên đã tự coi mình là kẻ thù của ông ta.

Trong khi Astyochus và người Miletus và Hemocrates đang trên thuyền về Lacedaemon thì Alcibiades lúc đó đã từ chỗ Tissaphernes vượt biển trở lại Samos. Sau khi y trở về, các phái viên do bè lũ Bốn Trăm phái đi, như trên đã đề cập, để trấn an và giải thích mọi vấn đề cho những lực lượng ở Samos, đã từ Delos đến đó; và một hội nghị đã được tổ chức mà ở đó họ đã cố gắng lên tiếng. Binh lính thoát tiên không muốn nghe họ, và hô hào đòi xử tử những kẻ lật đổ chính thể dân chủ, nhưng rốt cục, sau trở ngại nhất định, họ đã lắng dịu và bắt đầu lắng nghe. Khi đó các phái viên bắt đầu thông báo cho họ biết rằng sự thay đổi gần đây được thực hiện để cứu lấy kinh thành mà không phải để huỷ hoại nó hoặc giao nộp nó cho kẻ địch, bởi vì họ đã có cơ hội để làm điều đó khi kẻ địch xâm lăng xứ sở của họ trong thời gian họ nắm quyền; rằng tất cả Năm Ngàn ấy sẽ dự phần vào chính quyền như nhau; và rằng gia đình thân quyến của cử tọa ở đây đã không hề bị lãng nhục xúc phạm như Chaereas đã thuật lại một cách vu khống, cũng chẳng bị đối xử tàn tệ để phải kêu ca, mà tất cả đều đang yên ổn thụ hưởng gia sản của họ y như lúc họ rời gia đình xuất chinh. Ngoài những điều trên, họ còn tuyên bố nhiều điều khác mà chẳng thành công gì hơn với đám cử tọa đang nhao nhao giận dữ của mình; và trong rất nhiều ý kiến khác nhau thì ý kiến được tán thành nhiều nhất là lên thuyền tiến về Piraeus. Lúc bấy giờ mới thấy Alcibiades lần đầu tiên làm một việc vì lợi ích của tổ quốc, và là một việc đặc biệt nổi bật. Vì trong lúc quân Athens tại Samos đang bừng bừng nhiệt huyết muốn lên thuyền đi đánh đồng bào của mình, mà nếu vậy

Ionia và Hellespont cầm chắc sẽ rơi vào tay địch, thì Alcibiades chính là người đã ngăn họ lại. Vào lúc đó, khi mà không một ai khác có thể kiềm chế được đám đông, y đã ngăn chặn được cuộc chinh phạt họ định tiến hành, và khiến trách và gạt sang một bên sự oán giận, đang trút lên những phái viên vì những lý do cá nhân; y giải tán họ với câu trả lời của chính y, đại để là y không phản đối chính quyền Năm Ngàn, nhưng yêu cầu rằng bè lũ Bốn Trăm kia phải bị phế truất và Hội đồng Năm Trăm^[2] phải được khôi phục; đồng thời bất kỳ sự cắt giảm chi tiêu nào vì kinh tế mà nhờ đó lương bổng cho quân đội có thể được chu cấp tốt hơn y đều tuyệt đối tán thành. Với tất cả những người khác, y bảo họ phải trụ vững và phải can đảm đối mặt với quân địch, vì rằng nếu kinh thành được bảo vệ an toàn thì còn có nhiều hy vọng rằng một ngày kia hai phe sẽ hoà giải, trái lại một khi phe này hoặc phe kia đã bị tiêu diệt, dù là phe ở Samos hay ở Athens, thì có thể sẽ chẳng còn lại một ai mà hoà giải được nữa.

Trong lúc ấy thì các sứ giả từ Argos đã đến với đề nghị hỗ trợ cho dân chúng Athens ở Samos: Alcibiades đã cảm ơn các sứ giả này, và cho họ về với yêu cầu hãy đến giúp khi nào được gọi đến. Các sứ giả Argos được hộ tống bằng đoàn thuỷ thủ của linh thuyền Paralus, những người mà chúng ta gác lại bên trên khi họ bị bè lũ Bốn Trăm đưa lên một thuyền chuyên vận binh lính với mệnh lệnh đi tuần tra canh gác quanh Euboea, và là những người đã được dùng để đưa các sứ giả của Athens là Laespodias, Aristophon và Melesias do bè lũ Bốn Trăm phái đến Lacedaemon, khi họ bơi thuyền qua Argos họ đã bắt các sứ giả đó và giao chúng cho dân Argos như những kẻ chủ mưu lật đổ nền dân chủ, rồi thay vì trở về Athens, họ đưa các sứ giả của Argos lên thuyền và đến Samos trên một con thuyền ga-lê đã được giao phó cho họ.

Cùng mùa hạ năm đó, vào thời điểm mà việc trở về của Alcibiades gắn liền với cách xử sự của Tissaphernes về mọi mặt đã khiến mối bất bình của quân Peloponnese lên đến đỉnh điểm do họ chẳng còn nghi ngờ gì nữa việc ông ta câu kết với người Athens, Tissaphernes ý chừng muốn thanh minh với họ về những lời cáo buộc đó, ông ta chuẩn bị đi Aspendus để kiểm hạm

đội Phoenicia đem về và mời Lichas đi cùng với ông ta; bảo rằng ông ta sẽ bổ nhiệm Tamos làm cấp phó của mình để cung ứng lương tiền cho đạo quân trong khi ông ta vắng mặt. Người ta thuật lại chuyện này rất khác nhau, và không dễ gì mà tìm hiểu được ông ta đi Aspendus với ý định gì, và rốt cục cũng vẫn không đem hạm đội đó về. Việc một trăm bốn mươi bảy chiến thuyền Phoenicia đã đi đến tận Aspendus là đích xác, nhưng vì sao mà chúng không đi tiếp là việc đã được giải thích bằng nhiều cách khác nhau. Một số người cho rằng ông ta ra đi để theo đuổi âm mưu của ông ta khiến nguồn lực của Peloponnese kiệt quệ đi, bởi vì dù sao chẳng nữa thì Tamos, cấp phó của ông ta, chẳng những không hề tử tế hơn mà còn tỏ ra là một kẻ phát lương tác tệ hơn ông ta; những người khác thì cho rằng ông ta đưa hạm đội Phoenicia đến Aspendus để đòi tiền của họ mới cho họ giải ngũ, vì chưa bao giờ có ý định sử dụng họ; những người khác nữa thì cho rằng xét vì ở Lacedaemon ông ta đã bị phản đối kịch liệt, ông ta ra đi để người ta có thể nói rằng ông ta không có lỗi mà rằng những chiến thuyền quả thực đã được cung cấp thủy thủ binh lính và rằng ông ta chắc chắn đã đi để đem chúng về. Đối với tôi sự thật dường như đã rất hiển nhiên là ông ta đã không mang hạm đội đó về bởi vì ông ta mong muốn làm kiệt quệ và tê liệt các lực lượng vũ trang của Hy Lạp, nghĩa là khiến sức mạnh của họ mòn mỏi phí hoài đi vì mất thời gian chờ đợi trong suốt chuyến đi đến Aspendus của ông ta, và giữ cho hai thế lực thù địch cân bằng khi không ném quả cân của mình lên bàn cân của bên nào cả. Giả sử ông ta mong muốn chấm dứt cuộc chiến tranh này thì ông ta đã có thể làm được ngay, dĩ nhiên ông ta đã đến theo cái cách mà không ai nghi ngờ vào đâu được; vì chỉ cần đưa hạm đội đó đến thì chắc chắn mười mươi là ông ta trao chiến thắng vào tay quân Lacedaemon, ngay như hiện trạng thì hạm đội của quân này đã ngang sức với quân Athens chứ không hề thua kém. Nhưng điều đã vạch mặt ông ta rõ nhất chính là lý do mà ông ta viện ra để biện minh cho việc không đưa hạm đội đó về. Ông ta nói rằng số thuyền tập hợp được ít hơn số Nhà vua đã ra lệnh; nhưng điều đó chắc chắn sẽ chỉ làm tăng thêm uy tín cho ông ta nếu ông ta chỉ dùng chút ít tiền của Nhà vua và đạt được cùng một mục đích đó với phí tổn ít hơn. Bất luận ý định của Tissaphernes là thế nào đi chẳng nữa, thì ông ta cũng đã đi

Aspendus và gặp hạm đội Phoenicia; và theo yêu cầu của ông ta, quân Peloponnese đã phái một người Lacedaemon tên gọi Philip cùng với hai con thuyền ga-lê đến đưa hạm đội đó về.

Alcibiades thấy rằng Tissaphernes đã đi Aspendus thì chính y cũng ra khơi cùng với mười ba con thuyền tới đó, hứa hẹn sẽ cố gắng mang lại lợi ích to lớn và chắc chắn cho quân Athens ở Samos, vì y sẽ hoặc mang được hạm đội Phoenicia về cho quân Athens, hoặc bất luận thế nào cũng sẽ ngăn cản không để hạm đội đó hợp lực với quân Peloponnese. Rất có thể là y đã biết từ lâu rằng Tissaphernes chẳng đời nào định mang hạm đội đó về cả, và y chỉ mong hạ thấp ông ta càng nhiều càng tốt trong con mắt của quân Peloponnese qua việc phô trương tình hữu hảo của ông ta với chính y và với quân Athens, và bằng cách đó buộc ông ta phải liên kết với phe họ.

Trong lúc Alcibiades nhổ neo và cho thuyền đi về hướng đông trực chỉ Phaselis và Caunus thì các phái viên do bè lũ Bốn Trăm cử đến Samos đã về đến Athens. Khi họ chuyển lời của Alcibiades, bảo dân họ phải trụ vững và cho quân địch thấy một mặt trận kiên cường, và nói rằng y có rất nhiều hy vọng sẽ hoà giải được họ với đạo quân ở đó và sẽ chiến thắng quân Peloponnese, thì đa số thành viên trong chính thể *oligarchy* đó, là những kẻ đã cảm thấy bất mãn và đang dao động chỉ chực thoát khỏi chính thể ấy bằng bất kỳ cách nào êm thấm nếu có cơ hội, đã lập tức được củng cố thêm rất nhiều về mặt quyết tâm của mình. Những kẻ đó lúc bấy giờ tụ tập bè đảng với nhau và chỉ trích chính quyền rất mạnh mẽ, thủ lĩnh của chúng là một số tướng lĩnh đứng đầu và những kẻ đang cầm quyền dưới chính thể *oligarchy* như Theramenes con trai của Hagnon, Aristocrates con trai của Scellias và những người khác nữa; những kẻ này, tuy nằm trong số những thành viên cao cấp nhất của chính quyền (theo lời chúng thì do chúng sợ đạo quân tại Samos, và nhất là Alcibiades, và cũng sợ rằng những sứ giả chúng phái đi Lacedaemon mà không được phép của dân biết đâu chẳng gây tổn hại nào đó cho thành bang này), chúng không khăng khăng một mực phản đối việc quyền lực tập trung quá mức vào tay một số ít, mà lại hối thúc rằng hội đồng Năm Ngàn phải được thể hiện là đang tồn tại trên thực tế chứ

không phải chỉ trên danh nghĩa, và hiến pháp phải được đặt trên một cơ sở công bằng hơn.

Nhưng đây đơn thuần chỉ là lời hô hào chính trị của chúng; đa phần bọn chúng bị tham vọng cá nhân dẫn dắt vào cách hành xử chắc chắn sẽ gây tai họa cho chính thể *oligarchy* nảy sinh từ nền dân chủ. Bởi tất cả bọn chúng đồng thời đòi hỏi không chỉ ngang hàng với nhau mà mỗi tên phải là lãnh đạo tối cao và là chủ nhân của những đồng bào của hắn; trong khi đó dưới một chính thể dân chủ thì một ứng cử viên không được bầu sẽ dễ dàng chấp nhận sự thất bại của mình hơn, bởi vì anh ta không phải chịu nỗi bẽ bàng bị đánh bại bởi những người ngang hàng với mình. Nhưng yếu tố khuyến khích những kẻ bất mãn đó rõ rệt nhất là quyền lực của Alcibiades ở Samos, và sự hoài nghi của bản thân chúng vào tính ổn định lâu dài của chính thể *oligarchy*, và lúc này giữa bọn chúng đang có một cuộc đua tranh xem ai sẽ là người đầu tiên trở thành thủ lĩnh của dân chúng.

Trong lúc ấy những tên cầm đầu và thành viên của bè lũ Bốn Trăm phản đối hình thức chính thể dân chủ nhiều nhất – Phrynichus người đã tranh cãi với Alcibiades trong khi còn là tướng chỉ huy ở Samos, Aristarchus kẻ thù hiểm độc từ lâu của dân chúng, và Pisander cùng Antiphon và những kẻ có quyền hành cao nhất khác mà ngay khi chúng vừa lên nắm quyền, cộng thêm lần nữa khi đạo quân ở Samos ly khai và tuyên bố theo chính thể dân chủ, đã phái sứ giả của riêng chúng đi Lacedaemon và cố giảng hoà bằng mọi cách, và đã xây bức thành lũy ở Eetionia^[3] – lúc này đang nỗ lực gấp đôi khi các phái viên mà chúng phái đi đã từ Samos trở về, và là khi chúng thấy không chỉ dân chúng mà cả những đồng đảng đáng tin cậy nhất của chúng đang quay sang chống lại chúng. Lo sợ vì tình hình ở Athens cũng như ở Samos, chúng liền vội vã cử Antiphon và Phrynichus cùng mười người khác với chỉ thị phải giảng hoà bằng được với Lacedaemon bất kể là với điều kiện nào miễn là có thể chấp nhận được. Đồng thời, chúng tích cực đẩy nhanh việc xây dựng thành lũy ở Eetionia hơn bao giờ hết. Giờ đây ý nghĩa của thành lũy này, theo lời Theramenes và những kẻ ủng hộ ông ta, không phải để ngăn chặn đạo quân ở Samos nếu nó cố cướp đường vào Piraeus, mà

đúng hơn là để chúng có thể tùy ý cho hạm đội và đạo quân của địch vào khi chúng muốn. Vì Eetionia là con đê chắn sóng cho Piraeus, nằm kế sát cửa cảng và lúc này đã được củng cố thêm cho nối liền với bức thành lũy có sẵn ở phía đất liền, để chỉ cần đặt ở đó một ít quân là có thể kiểm soát lối vào cảng; cả thành lũy cũ ở phía đất liền lẫn thành lũy mới ở phía biển đang được xây dựng bên trong thành lũy cũ đều chạy đến một trong hai toà tháp đứng bên lối vào chật hẹp của hải cảng đó. Chúng cũng xây thành lũy bao bọc công vòm lớn nhất ở Piraeus nối trực tiếp vào bức thành lũy đang xây dựng kia, và khi nắm giữ nơi ấy rồi chúng liền bắt tất cả mọi người dỡ ngũ cốc từ các thuyền cập cảng này xuống đó, và cả những gì mà họ đang tồn trữ trong kho vào đó, và khi bán thì họ phải lấy từ đây ra.

Biện pháp này đã khiến Theramenes phải ta thán từ lâu, và khi các sứ giả từ Lacedaemon trở về mà không đạt được một hoà ước chung nào, ông ta đã quả quyết rằng bức thành lũy này chẳng khác nào bằng chứng cho sự bại vong của thành bang họ. Vào lúc đó bốn mươi hai chiến thuyền từ Peloponnese, bao gồm cả một số thuyền của thực dân ở Sicily và Italy từ Locri và Tarentum, đã được dân Euboea mời đến và đã đang từ Las^[4] thuộc Laconia ra khơi chuẩn bị cho hành trình tới Euboea, dưới quyền chỉ huy của Agesandridas người Sparta, con trai của Agesander. Theramenes thấy vậy bèn quả quyết rằng hải đội này được dự định chẳng phải để chi viện cho Euboea mà đúng hơn là để chi viện cho bè lũ đang củng cố phòng vệ Eetionia, và rằng nếu không mau chóng thực hiện các biện pháp đề phòng thì kinh thành này sẽ bị đánh úp và thất thủ. Đó không phải là một lời vu khống, vì có một âm mưu nào đó như thế đang được những kẻ bị cáo buộc đó ấp ủ. Mong muốn trước nhất của chúng là vẫn duy trì được chính thể *oligarchy* mà không phải từ bỏ chế độ này; nếu không được thế thì giữ lấy những chiến thuyền và các thành lũy công sự của mình và tồn tại độc lập; trái lại, nếu cả việc này cũng bất thành, chúng sẽ không cam tâm là nạn nhân đầu tiên của chính thể dân chủ được khôi phục lại đó, mà quyết tâm mời kẻ thù vào và lập hoà ước, giao nộp thành lũy và tàu thuyền, và bằng mọi giá phải giữ lại được chính quyền trong tay nếu chúng bảo toàn được tính mạng của mình.

Nguyên ủy là thế nên chúng đẩy mạnh việc xây dựng pháo đài của chúng với các cửa hậu và lối vào và các phương tiện để đưa quân địch vào, nôn nóng để nó được hoàn thành đúng lúc. Trong lúc ấy, những lời xì xầm về chúng thoát đầu chỉ giới hạn trong một số ít người bí mật rỉ tai nhau, cho đến khi Phrynichus cùng với sứ bộ từ Lacedaemon trở về, rồi bị một trong số binh lính *Peripoli* rình đợi và đâm ở khu chợ rất đông đúc, đã gục xuống chết khi rời khỏi phòng họp hội đồng chưa được bao xa. Kẻ ám sát đã chạy thoát, nhưng đồng bọn của anh ta, một người Argos, đã bị bè lũ Bốn Trăm bắt và đem ra tra tấn, nhưng chúng không thể khai khẩu được tên của kẻ thuê anh ta hoặc bất cứ điều gì ngoài điều anh ta biết rằng nhiều người thường tụ tập ở nhà riêng của vị chỉ huy lính *Peripoli* và ở các nhà khác. Đến đây thì sự việc bị bỏ qua không truy cứu tiếp. Việc này đã khiến Theramenes và Aristocrates cùng với tất cả những người theo phe họ trong bè lũ Bốn Trăm và cả ở bên ngoài trở nên táo bạo đến mức họ quyết định hành động ngay. Vì rằng vào lúc đó những chiến thuyền địch đã bơi vòng qua Las đến, và trong khi thả neo ở Epidaurus chúng đã tàn phá Aegina; và Theramenes cả quyết rằng nếu đã định đi Euboea thì chẳng khi nào những chiến thuyền đó lại cập vào Aegina rồi trở về neo đậu ở Epidaurus cả, trừ phi chúng được mời đến trợ giúp trong những mưu đồ mà đến nay ông ta vẫn luôn cáo buộc chính quyền. Vì vậy lúc này không thể tiếp tục ngồi yên được nữa. Cuối cùng, sau vô số những ngờ vực và kêu gọi dấy loạn, họ thực sự sốt sắng bắt tay vào hành động. Bộ binh hạng nặng ở Piraeus đang xây dựng thành lũy ở Eetionia, trong quân này có phó tướng^[5] Aristocrates cùng với nhóm thân tín của ông ta, đã bắt giữ Alexicles, một viên tướng thuộc chính thể *oligarchy* và là kẻ trung thành tận tụy với bè lũ ấy, và đưa hẳn đến một ngôi nhà và giam giữ hẳn ở đó. Trong việc này họ được sự trợ giúp của Hermon, vị chỉ huy lính *Peripoli* ở Munychia, và những người khác, và trên hết là họ có bên mình một lực lượng bộ binh hạng nặng hùng hậu. Ngay khi tin này đến tai bè lũ Bốn Trăm, tình cờ lúc đó chúng đang tụ họp trong phòng họp hội đồng, cả bọn ngoại trừ những người chống đối muốn chạy ngay đến những vị trí đóng quân nơi có vũ khí, và đe dọa Theramenes và phe của ông ta. Theramenes tự biện bạch cho mình, và nói rằng ông ta sẵn

sàng đi ngay lập tức để giải cứu Alexicles, và mang theo một trong số các tướng lĩnh thuộc phe mình, ông ta chạy xuống Piraeus, theo sau là Aristarchus và một số kỵ binh trẻ. Lúc này tất cả mọi người hoảng loạn nhốn nháo cả lên.

Những người ở trong thành thì tưởng rằng Piraeus đã bị chiếm và tên tù nhân kia đã bị hành hình, trong khi những người ở Piraeus đang phấp phỏng từng giây là sắp bị phe phái ở kinh thành tấn công. Tuy vậy, những người già dặn hơn đã chặn những người đang cầm vũ khí chạy tới chạy lui trong trấn để kháng cự; và Thucydides người Pharsalus, *proxenus* của kinh thành, xông lên và liều mình cản đường hai phe thù địch, và kêu gọi họ đừng huỷ hoại thành bang của mình trong lúc kẻ địch vẫn đang gài trong gang tấc rình chờ cơ hội, và cuối cùng cũng đã khiến được họ dịu xuống và buông nhau ra. Vừa hay Theramenes kéo đến Piraeus, là một trong số các tướng lĩnh nên ông ta nổi cơn thịnh nộ và quát mắng các bộ binh hạng nặng, trong lúc Aristarchus và những kẻ thù địch với dân chúng cũng cực kỳ tức giận. Thế nhưng hầu hết bộ binh hạng nặng vẫn tiếp tục công việc của mình mà không hề nao núng, và họ hỏi Theramenes rằng ông ta có cho là thành lũy đó được xây dựng vì bất kỳ mục đích tốt đẹp nào không, và nếu phá nó đi thì có tốt hơn không. Trả lời câu hỏi đó, ông ta bảo nếu họ cho rằng tốt hơn hết là phá nó đi thì về phần mình ông ta nhất trí với họ. Nghe thấy vậy bộ binh hạng nặng và số đông dân chúng ở Piraeus ngay lập tức trèo lên thành lũy công sự và bắt đầu phá huỷ nó. Lúc ấy họ hô hào dân chúng rằng tất cả những ai mong muốn Năm Ngàn người lãnh đạo thay vì bè lũ Bốn Trăm hãy tham gia vào công việc đó. Vì họ vẫn núp dưới danh nghĩa Năm Ngàn người mà không nói rõ ra rằng “tất cả những ai mong muốn dân chúng lãnh đạo”; họ sợ rằng Năm Ngàn người này có thể là đã có thực, và rằng họ có thể đang nói với một trong số đó và sẽ gặp chuyện chẳng lành vì đã không biết. Kỳ thực đây là lý do mà bè lũ Bốn Trăm không mong muốn Năm Ngàn người đó tồn tại, cũng không muốn để ai biết là họ không tồn tại; chúng cho rằng khi tự cho mình nhiều cộng sự đến thế trong chính quyền thì đó mới đích thực là dân chủ, trong khi đó điều bí ẩn này sẽ khiến dân chúng phải dè chừng lẫn nhau.

Ngày hôm sau bè lũ Bốn Trăm mặc dầu đang lo sợ nhưng vẫn tụ họp ở phòng họp hội đồng, trong lúc đó bộ binh hạng nặng ở Piraeus, sau khi đã thả Alexicles tù nhân của họ ra và đập đổ thành lũy công sự, đã mang vũ khí đến nhà hát Dionysus, gần Munychia, và hội họp ở đó, trong cuộc họp này họ quyết định tiến về kinh thành, và theo quyết định đó họ lên đường và dừng chân ở Anaceum^[6]. Ở đó một vài đại diện của bè lũ Bốn Trăm đã gặp gỡ với họ, những kẻ này đã tranh luận với từng người trong bọn họ, và thuyết phục những người mà chúng thấy là ôn hoà nhất hãy tự mình giữ bình tĩnh và kiềm chế những người khác lại; chúng nói rằng chúng sẽ công khai hội đồng Năm Ngàn, và sẽ để hội đồng Bốn Trăm được lựa chọn tuân tự từ số họ, theo quyết định của hội đồng Năm Ngàn này, và đồng thời khẩn khoản van nài họ đừng huỷ hoại thành bang này hoặc đẩy nó vào tay địch. Sau khi rất nhiều kẻ đã thuyết phục và rất nhiều người đã bị thuyết phục, toàn thể bộ binh hạng nặng đã lắng dịu hơn trước, bắt đầu thăm thía nỗi lo cho quê xứ chung của họ, và lúc ấy đã đồng ý tổ chức một cuộc hội nghị công dân vào một ngày định trước ở nhà hát Dionysus để khôi phục lại tình hoà hảo.

Khi cái ngày họp hội nghị ở nhà hát đó đến, và họ đang sắp sửa nhóm họp, thì có tin rằng bốn mươi hai chiến thuyền dưới quyền chỉ huy của Agesandridas đang từ Megara bơi dọc theo bờ biển Salamis. Lúc đó toàn thể dân chúng ai ai cũng nghĩ rằng đây chính là điều mà Theramenes và phe ông ta đã rất hay nói đến, rằng những chiến thuyền ấy đang bơi đến công sự của họ, và kết luận rằng thật may là họ đã phá bỏ nó. Nhưng nếu có khả năng Agesandridas vì đã có hẹn từ trước mà lảng vảng quanh Epidaurus và khu vực phụ cận, thì đương nhiên cũng có khả năng ông ta đang nấn ná ở đó vì hy vọng vào cơ hội nảy sinh từ tình trạng nội loạn trong trấn. Bất luận thế nào thì ngay khi nghe tin này người Athens đã ngay lập tức kéo nhau ùn ùn chạy xuống Piraeus, họ thấy rằng mình đang bị ngoại địch đe dọa bằng một cuộc chiến khốc liệt hơn cuộc chiến giữa họ với nhau, không còn xa xôi gì nữa mà ngay sát sườn hải cảng của Athens. Một số người lên những con thuyền đã hạ thủy chờ sẵn, trong lúc những người khác hạ thủy những con thuyền mới, hoặc chạy vội đến để bảo vệ các thành lũy và cửa cảng.

Trong khi ấy những chiến thuyền của Peloponnese bơi qua nơi ấy, và vòng qua Sunium rồi thả neo ở lưng chừng giữa Thoricus^[2] và Prasiae, và sau đó về Oropus. Người Athens, với cuộc cách mạng đang diễn ra trong kinh thành, và không muốn bỏ lỡ một giây nào để đi giải cứu thuộc địa quan trọng nhất của họ (vì Euboea lúc này là tất cả đối với họ khi họ bị chia cắt khỏi Attica), đã buộc phải cập rập ra khơi với những thủy thủ đoàn chưa được huấn luyện, và phái Thymochares cùng một số chiến thuyền đi Eretria. Những chiến thuyền này khi đến đó gộp với những thuyền đã có sẵn ở Euboea thành một hải đội tổng số ba mươi sáu con thuyền, và ngay lập tức buộc phải giao chiến. Vì rằng Agesandridas sau khi cho thủy thủ đoàn của ông ta ăn uống xong xuôi đã từ Oropus ra khơi, nơi cách Eretria khoảng bảy dặm trên biển^[8]; và quân Athens khi nhìn thấy ông ta đang bơi thuyền đến đã lập tức đưa người lên các chiến thuyền của mình. Thế nhưng các thủy thủ thay vì tức trực sẵn sàng bên thuyền của mình theo bốn phận, lại tản đi mua đồ ăn thức uống trong những căn nhà ở ngoại ô của trấn đó; dân Eretria đã sắp đặt từ trước để trong khu chợ không bán một thứ gì, nhằm khiến quân Athens phải tốn nhiều thời gian vào việc đưa người lên thuyền và nếu quân địch bất đồ tấn công thì họ có thể buộc phải ra khơi trong tình trạng cập rập. Ở Eretria còn nổi hiệu để báo thời điểm ra khơi cho hạm đội của địch tại Oropus. Quân Athens bị buộc phải ra khơi trong tình trạng hầu như không được chuẩn bị như vậy, đã giao chiến bên ngoài hải cảng Eretria, và tuy cũng trụ chiến được một lúc nhưng rốt cục cũng phải tháo chạy và bị đuổi đến tận bờ. Những kẻ trong số họ chạy về ẩn náu ở Eretria, mà họ tưởng là thân thiện với họ, đã nhận lấy số phận thảm khốc của mình tại thành này khi bị cư dân ở đó tàn sát; trong khi những kẻ chạy về pháo đài của Athens trên lãnh thổ Eretria và những chiến thuyền chạy được về Chalcis đã thoát nạn. Quân Peloponnese sau khi đã chiếm được hai mươi hai chiến thuyền của Athens và giết hoặc bắt thủy thủ đoàn làm tù binh, đã lập một đài chiến tích, và sau đó ít lâu đã phát động cuộc nổi dậy trên khắp xứ Euboea (trừ Oreus^[9] nơi quân Athens đang tự mình chiếm giữ), và ổn định tình hình chung của đảo này.

Khi tin tức về những gì đã xảy ra tại Euboea về đến Athens, nỗi hoảng loạn mà nó kéo theo khủng khiếp chưa từng thấy. Thảm họa ở Sicily, mà lúc xảy ra tưởng như đã là khủng khiếp lắm, hay bất kỳ thảm họa nào khác cũng chưa bao giờ khiến họ hoang mang lo sợ đến thế. Doanh trại ở Samos đang nổi loạn; họ không còn con thuyền nào mà cả người để đưa lên thuyền cũng không; nội bộ họ đang lục đục và bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra nội chiến, và một thảm họa tâm cỡ này đã lên đến đỉnh điểm, vì nó mà họ đã mất hạm đội của mình và tệt hại nhất là mất cả Euboea mà đối với họ còn quý giá hơn cả Attica, thảm họa ấy chẳng thể xảy ra mà không ném họ vào cơn tuyệt vọng dữ dội nhất. Trong lúc đó, mối lo lớn nhất và ngay trước mắt của họ là quân địch được chiến thắng khích lệ biết đâu lại chẳng thừa thắng đưa hạm đội tiến thẳng đến đánh Piraeus, nơi họ không còn chiến thuyền nào để phòng vệ cả; và họ phấp phỏng trông chừng quân địch từng giây phút. Chỉ thêm một chút dũng khí là địch đã có thể dễ dàng làm được điều này, trong tình huống ấy địch chỉ cần hiện diện ở đó cũng đủ làm tăng sự chia rẽ trong thành, hoặc nếu ở lại để hãm thành thì đã ép được hạm đội từ Ionia mặc dù đang thù địch với chính thể *oligarchy* cũng phải về để cứu quê xứ và thân bằng quyến thuộc của mình, và trong lúc đó địch đã có thể trở thành chủ nhân của Hellespont, Ionia, các hải đảo và tất cả mọi nơi đến tận Euboea, hoặc nói thẳng ra là của toàn bộ đế chế Athens. Nhưng trong dịp này, cũng như trong rất nhiều dịp khác, người Lacedaemon đã chứng tỏ là những địch thủ dễ dãi nhất trên đời này để người Athens đối địch với họ. Sự khác biệt rất xa giữa hai tính cách, tính chậm chạp và thiếu nhiệt tình của người Lacedaemon tương phản với tính năng nổ và táo bạo của đối thủ của họ, đã chứng tỏ là mang lại rất nhiều thuận lợi, nhất là cho một đế chế hải quân như Athens. Quả thật điểm này đã được thể hiện rõ ở người Syracuse, tính cách của họ giống người Athens nhất, và họ cũng thành công nhất khi đọ sức với người Athens.

Tuy nhiên, ngay khi nhận được tin ấy, người Athens đã cung cấp thủy thủ binh lính cho hai mươi chiến thuyền và lập tức triệu tập cuộc hội nghị công dân đầu tiên trên đồi Pnyx, nơi mà trước đó họ vẫn thường hội họp, và phế truất bè lũ Bốn Trăm và biểu quyết tán thành trao lại chính quyền cho hội

đồng Năm Ngàn, tất cả những ai tự trang bị được một bộ giáp trụ sẽ là thành viên của hội đồng này, đồng thời còn ra sắc lệnh rằng không ai được nhận lương bổng khi làm việc dù ở bất kỳ chức vụ nào, hoặc nếu nhận thì sẽ bị nguyên rủa. Sau đó nhiều hội nghị công dân khác đã được tổ chức, trong đó những nhà lập pháp đã được bầu chọn và tất cả mọi biện pháp khác đã được thực hiện để lập ra hiến pháp. Xem ra chính trong thời kỳ đầu của hiến pháp này người Athens đã có được chính thể tốt đẹp nhất mà họ từng có, ít nhất cũng là trong thời đại của tôi. Vì sự hợp nhất giữa tầng lớp trên và tầng lớp dưới đã được thực hiện một cách có cân nhắc suy xét, và đó chính là điều đầu tiên đã làm cho thành bang này có thể ngẩng cao đầu sau vô vàn thảm họa đã đến với nó. Họ cũng đã biểu quyết tán thành việc triệu hồi Alcibiades và những kẻ lưu vong khác, và cử người đến gặp y và đến doanh trại ở Samos, và thúc giục những kẻ đó dốc lòng dốc sức cho cuộc chiến.

Khi cuộc cách mạng này nổ ra, phe phái Pisander và Alexicles cùng những kẻ đứng đầu chính thể *oligarchy* lập tức rút về Decelea, ngoại trừ một mình Aristarchus, một trong số các tướng lĩnh, kẻ đã vội vàng đem một số cung thủ mà hầu hết là quân phi-Hy-Lạp theo và hành quân đến Oenoe. Đây là một pháo đài của Athens nằm trên biên giới với Boeotia, vào thời điểm đó đang bị quân Corinth vây hãm, quân này nổi giận vì thiệt hại mất một toán quân của mình đang trên đường từ Decelea trở về do bị đội quân đồn trú ở đó tiêu diệt. Quân Corinth tự nguyện đi đánh pháo đài này, và gọi quân Boeotia đi trợ chiến cho họ. Sau khi thông đồng với họ, Aristarchus đã đổi gạt đội quân đồn trú ở Oenoe rằng những người đồng xứ với họ ở kinh thành đã dàn xếp được thoả thuận với người Lacedaemon, và rằng một trong những điều kiện của thoả thuận đầu hàng là họ phải giao nộp pháo đài này cho Boeotia. Đội quân đồn trú đã tin lời hãn vì hãn là một viên tướng, và lại do bị vây hãm họ đã chẳng hề hay biết về những gì đã xảy ra, và vì vậy đã rút quân khỏi pháo đài theo thoả thuận tạm đình chiến. Theo cách này Boeotia đã giành được quyền sở hữu Oenoe, và chính thể *oligarchy* cùng tình trạng rối ren tại Athens đã chấm dứt.

Lại nói về quân Peloponnese ở Miletus. Chẳng có khoản tiền lương nào sắp được phát bởi bất kỳ đại diện nào mà Tissaphernes đã bổ nhiệm để làm

việc đó khi ông ta đi Aspendus; cả hạm đội của Phoenicia và Tissaphernes đều bắt vô âm tín, và Philip, người đã được cử đi cùng với ông ta, và Hippocrates, một người Sparta khác lúc ấy đang ở Phaselis, đã viết thư về báo cho đô đốc Mindarus rằng những chiến thuyền đó sẽ chẳng đời nào đến, và rằng bọn họ đang bị Tissaphernes lạm dụng một cách trắng trợn. Trong lúc ấy thì Pharnabazus đang mời mọc họ tới, và xoay sở mọi cách để có được hạm đội đó và – cũng như Tissaphernes – gây ra những cuộc nổi dậy của các trấn thành thuộc quyền cai trị của ông ta nhưng lại đang phụ thuộc vào Athens, ông ta đang rất hy vọng vào sự thành công của mình; cho đến khi rốt cục, áng chừng lúc ấy vừa vào mùa hạ, Mindarus cũng nhượng bộ trước những lời nài nỉ của Pharnabazus, và, với đội ngũ chỉnh tề và không báo trước, để qua mắt được quân địch tại Samos, ông ta đã nhổ neo cùng bảy mươi ba chiến thuyền từ Miletus và lên đường đi Hellespont. Nơi đó mười sáu chiến thuyền đã tới trước ông ta trong cùng mùa hạ này, và đã tàn phá một phần bán đảo Chersonese. Bị cuốn vào một cơn bão, Mindarus đã buộc phải chạy vào Icarus và, sau khi bị cầm chân năm hoặc sáu ngày ở đó vì thời tiết xấu, ông ta đã đến Chios.

Trong khi đó Thrasyllus đã hay tin ông ta đã từ Miletus ra khơi, và lập tức cùng năm mươi lăm chiến thuyền nhổ neo từ Samos, chèo gập rút để đến được eo biển Hellespont trước ông ta. Nhưng khi thấy rằng ông ta đang ở Chios, và cho rằng ông ta sẽ ở lại đó, Thrasyllus đã bố trí quân do thám ở Lesbos và ở trên lục địa đối diện để phòng hạm đội đó ra đi mà mình không hay biết, còn ông ta đích thân cho thuyền men theo bờ biển tới Methymna, và ra lệnh chuẩn bị đồ ăn và các nhu yếu phẩm khác, để tấn công từ Lesbos trong trường hợp địch ở lại Chios lâu. Đồng thời Thrasyllus quyết định đưa thuyền đi đánh Eresus, một trấn thuộc Lesbos đã nổi loạn, và nếu có cơ hội thì chiếm luôn nó. Vì rằng một số người Methymna lưu vong cầm đầu đã khởi hành từ Cuma mang sang đảo này khoảng năm mươi bộ binh hạng nặng, là những đồng minh đã thề trung thành với họ, và thuê thêm những quân khác từ lục địa để gộp thành ba trăm quân cả thủy, chọn Anaxander người Thebes làm chỉ huy của họ, do người Thebes và người Lesbos có mối quan hệ huyết tộc, và tấn công Methymna trước nhất. Bị các

vệ binh Athens từ Mytilene đến cản lại trong cuộc tấn công này, và bị đẩy lùi lần thứ hai trong một trận chiến bên ngoài thành, họ bèn vượt núi và phát động cuộc nổi dậy của Eresus. Vì thế Thrasyllus đã quyết định mang toàn bộ chiến thuyền của mình đến và tấn công nơi ấy. Trong khi đó Thrasybulus cùng với năm chiến thuyền từ Samos đã đến trước ông ta, ngay khi hay tin những kẻ lưu vong đã vượt núi sang, và vì đến quá trễ để cứu Eresus nên đã tiếp tục tiến lên và thả neo phía trước trấn này. Tại đây hai chiến thuyền đang trên đường từ Hellespont hồi hương cũng đã nhập vào với họ, và cả những chiến thuyền của quân Methymna nữa, tổng số lên đến sáu mươi bảy chiến thuyền cả thảy; và những lực lượng trên thuyền lúc này đã được chuẩn bị sẵn sàng cùng với những cỗ máy công thành và mọi phương tiện khác mà họ có để cố đột chiếm Eresus cho bằng được.

Trong khoảng thời gian này Mindarus và hạm đội Peloponnese tại Chios, sau hai ngày ở lại lấy lương thảo và mỗi người nhận ba đồng tiền Chios từ dân Chios, hôm thứ ba đã cấp tập từ hải đảo đó ra khơi; để tránh tình cờ đụng độ với những chiến thuyền tại Eresus họ đã không ra tận ngoài khơi xa, mà noi theo Lesbos bên tay trái họ dong thuyền về lục địa. Sau khi cập vào cảng Carteria ở Phocaeid^[10] và ăn uống xong xuôi, họ tiếp tục bơi thuyền dọc theo bờ biển của trấn Cyme và ăn bữa tối tại Arginusae^[11] trên lục địa đối diện với Mytilene. Từ đây họ tiếp tục hải trình của mình dọc theo bờ biển, mặc dù đêm đã khuya, và đến Harmatus^[12] trên lục địa đối diện với Methymna, rồi ăn uống ở đó; và nhanh chóng băng qua Lectum^[13], Larisa^[14], Hamaxitus^[15], và những trấn lân cận, đến thành Rhoeteum ngay trước nửa đêm. Lúc này họ đã ở trong eo biển Hellespont. Một số thuyền cũng đã cập bến tại Sigeum^[16] và tại những nơi khác lân cận.

Trong khi đó những đám lửa hiệu nổi lên báo động và số lượng những đám lửa trại ở phía bờ biển của quân địch đột ngột gia tăng đã báo cho mười tám chiến thuyền của Athens tại Sestos rằng hạm đội Peloponnese đang đến gần. Ngay đêm đó họ đã vội vàng căng buồm, và cho thuyền bơi sát bờ bán đảo Chersonese tới Elaeus^[17] để ra ngoài khơi tránh khỏi hạm đội địch.

Sau khi đã bơi ngang qua mà không bị mười sáu chiến thuyền tại Abydos phát hiện, mặc dù những chiến thuyền đó đã được các thuyền đồng bạn tới gần cảnh báo trước phải canh chừng để chặn thuyền Athens bơi ra khơi, vào lúc bình minh họ trông thấy hạm đội của Mindarus, hạm đội đó đã lập tức truy đuổi họ. Không phải tất cả đều có đủ thời gian để chạy tránh; tuy nhiên phần lớn số này đã thoát được đến Imbros và Lemnos, trong khi bốn thuyền đi sau cùng đã bị bắt kịp ngoài khơi Elaeus. Một trong số đó đã bị mắc cạn ở chỗ đối diện đền thờ Protesilaus^[18] và bị bắt giữ cùng với thủy thủ đoàn của nó, hai thuyền khác bị bắt không có thủy thủ đoàn; thuyền thứ tư đã bị bỏ lại trên bờ biển Imbros và bị quân địch thiêu hủy.

Sau sự kiện này hạm đội Peloponnese có thêm hải đội thuyền từ Abydos nhập vào, nâng tổng số thuyền của hạm đội này lên đến tám mươi sáu thuyền; họ mất một ngày bao vây Elaeus mà không thành, và sau đó bơi thuyền trở lại Abydos.

Trong khi đó, bị quân do thám của mình báo tin sai và chẳng bao giờ có thể tưởng được rằng hạm đội địch có thể đi qua ngay trước mắt mình mà không bị phát hiện, hạm đội Athens đang bình tĩnh bao vây Eresus. Ngay khi nghe tin trận đánh đó họ lập tức bỏ Eresus và chèo hết tốc lực về Hellespont, và sau khi bắt giữ được hai chiến thuyền của Peloponnese đã chạy quá đà ra tít ngoài khơi khi đang hăng hái truy đuổi địch và lúc bấy giờ tình cờ chạm trán trên đường họ đến, ngày hôm sau họ thả neo ở Elaeus, và sau khi đưa những chiến thuyền đang trốn tránh ở Imbros trở về, họ đã chuẩn bị cho cuộc giao tranh sắp tới trong năm ngày.

Sau đó hai bên đã giao chiến theo cách sau: hạm đội của Athens xếp thành hàng dọc và bơi men theo bờ biển đến Sestos, và ngay khi thấy bóng quân địch, hạm đội Peloponnese liền từ Abydos ra khơi nghênh chiến. Nhận thấy rằng lúc này trận chiến sắp nổ ra đến nơi, cả hai bên tham chiến đều mở rộng đội hình bên cánh của họ ra; hạm đội Athens dọc theo Chersonese từ Idacus đến Arrhiani^[19] với bảy mươi sáu chiến thuyền; hạm đội Peloponnese từ Abydos đến Dardanus^[20] với tám mươi sáu chiến thuyền. Cánh bên phải của hạm đội Peloponnese do các chiến thuyền của Syracuse trấn thủ, cánh

trái do Mindarus đích thân chỉ huy với những thuyền buồm tốt nhất trong hạm đội; cánh trái của hạm đội Athens do Thrasyllus chỉ huy, cánh phải do Thrasybulus, các chỉ huy khác được bố trí ở những vị trí khác nhau trong hạm đội. Quân Peloponnese vội vã xông lên giao chiến trước, và cánh trái của họ đánh thọc sườn vào cánh phải của quân Athens, cố gắng tìm cách để có thể cắt rời cánh này không cho bơi ra khỏi eo biển, và dồn trung quân của địch lên bờ cách đó không xa. Quân Athens đoán được ý định này của họ liền dẫn rộng đội hình cánh phải của mình ra và bơi vượt lên trên, cùng lúc đó thì cánh trái của họ đã vượt qua mũi Cynossema^[21]. Vì vậy hành động này đã buộc họ phải dàn mỏng và khiến trung quân của họ yếu đi, nhất là khi họ có ít chiến thuyền hơn địch, và bờ biển quanh mũi Cynossema tạo thành một hình tam giác nhọn đã cản trở không cho họ thấy được những gì đang diễn ra ở phía bên kia.

Quân Peloponnese lúc này tấn công vào trung quân của địch và dồn những chiến thuyền của Athens lên bờ, và đổ bộ để thừa thắng truy kích. Hải đội của Thrasybulus bên cánh phải đã chẳng thể ứng cứu, vì ông ta đang bị số đông thuyền địch tấn công, mà hải đội của Thrasyllus bên cánh trái cũng không nổi, vì mũi Cynossema che khuất tầm mắt không cho ông ta thấy diễn tiến của trận đánh, thêm vào đó ông ta lại đang bị quân Syracuse và các địch thủ khác cản lại, mà số lượng thuyền địch thì bằng đúng với số lượng thuyền của ông ta. Song rốt cục quân Peloponnese trong niềm tin chiến thắng bắt đầu tản ra để truy đuổi thuyền địch, và để cho một phần đáng kể của hạm đội mình bị rối trận. Thấy vậy hải đội của Thrasybulus liền ngừng ngay việc mở rộng cánh và quay lại đối đầu, tấn công và đánh tan tác những chiến thuyền đối địch với mình, và tiếp đó xông lên đâm bổ vào những chiến thuyền Peloponnese đang thừa thắng chạy tán ra truy kích, và buộc phần lớn những chiến thuyền đó chưa kịp đánh đã phải tháo chạy. Quân Syracuse vào lúc ấy cũng đã chịu thua trước hải đội của Thrasyllus, và bấy giờ cũng bắt đầu dông thẳng khi thấy các đồng đội của mình tháo chạy.

Lúc này quân Peloponnese đã bị đánh bại hoàn toàn. Phần lớn thuyền họ trước hết chạy trốn về sông Midius, và sau đó về Abydos. Chỉ vài chiến

thuyền của họ bị quân Athens chiếm đoạt, vì eo biển Hellespont rất hẹp nên quân Athens chẳng thể đi xa mà vẫn được an toàn.

Tuy vậy đối với họ chẳng có gì đến đúng lúc hơn chiến thắng này. Cho đến lúc đó họ đã sợ hạm đội Peloponnese, bởi nhiều tổn thất không đáng kể và thảm họa ở Sicily; nhưng lúc này họ đã thôi ngờ vực bản thân mình hoặc không còn cho rằng kẻ địch của họ giỏi giang gì trên biển nữa. Đồng thời họ chiếm được tám chiến thuyền của Chios, năm chiến thuyền của Corinth, hai của Ambracia, hai của Boeotia, Leucas, Lacedaemon, Syracuse và Pellene mỗi nơi đều mất một chiếc, tổng cộng quân Peloponnese mất mười lăm chiến thuyền cả thảy. Sau khi dựng một đài chiến tích trên mũi Cynossema, lấy lại những xác thuyền và trả lại xác binh lính trận vong của địch theo thoả thuận tạm đình chiến, họ phái một thuyền ga-lê về Athens báo tiệp. Con thuyền này về đến nơi với tin vui mà họ không dám mơ đến sau trận thảm bại ở Euboea và thảm họa của cuộc cách mạng ở Athens, nó đã cho người Athens một dũng khí mới, và khiến họ tin rằng nếu họ nỗ lực đưa vai ra gánh vác thì biết đâu đại nghiệp của họ lại chẳng thành.

Vào ngày thứ tư sau trận hải chiến đó, quân Athens ở Sestos sau khi vội vàng sửa chữa xong các chiến thuyền của mình đã lên thuyền đi đánh Cyzicus, nơi vừa nổi loạn. Ngoài khơi Harpagium^[22] và Priapus^[23] họ trông thấy tám chiến thuyền từ Byzantium đang neo đậu, và họ bơi thuyền đến và đánh đuổi quân lính lên bờ, chiếm các thuyền này, rồi tiếp tục lên đường và chiếm lại trấn Cyzicus, trấn này không được củng cố phòng thủ, và trưng thu tiền bạc của các công dân ở đó.

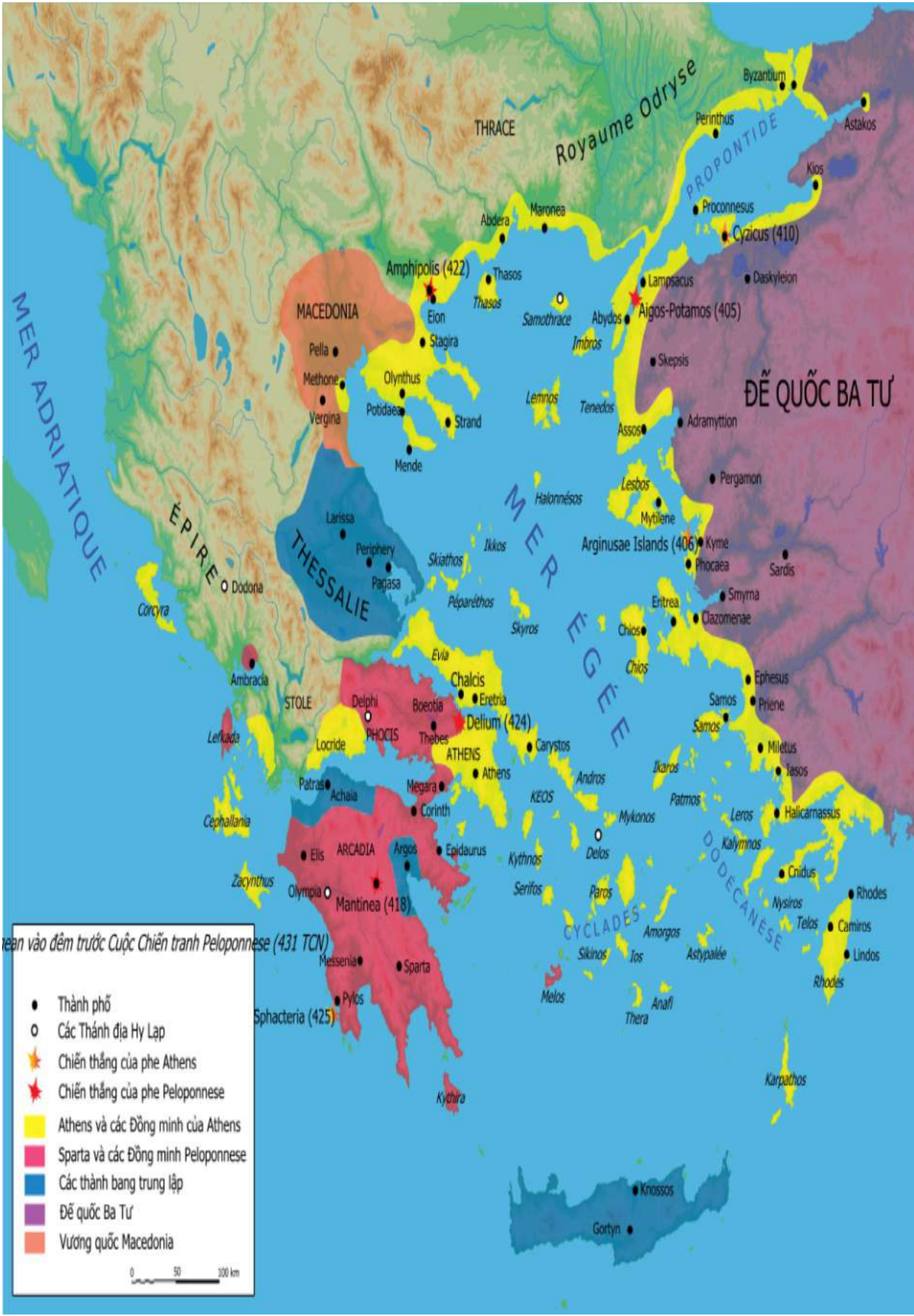
Trong lúc đó quân Peloponnese lên thuyền từ Abydos đi Elaeus, và giành lại được những con thuyền ga-lê bị chiếm mà vẫn còn lành lặn của họ, số còn lại đã bị dân Elaeus đốt sạch, và họ phái Hippocrates và Epicles đến Euboea để mang hải đội từ đảo ấy về.

Cũng trong khoảng thời gian này Alcibiades cùng với mười ba chiến thuyền của y từ Caunus và Phaselis về đến Samos, mang tin về rằng y đã ngăn chặn không để hạm đội Phoenicia hợp lực với quân Peloponnese, và đã khiến Tissaphernes trở nên hữu hảo với người Athens hơn trước. Lúc bấy

giờ Aldbiades cung cấp thủy thủ binh lính cho thêm chín chiến thuyền và thu một khoản tiền lớn của dân Halicarnassus^[24] và củng cố phòng thủ cho đảo Cos. Sau khi củng cố xong và đặt một viên tổng trấn ở Cos, y lên thuyền trở về Samos, lúc này trời đã sắp vào thu. Cùng trong khoảng thời gian đó, Tissaphernes khi nghe tin hạm đội Peloponnese đã từ Miletus ra khơi đi Hellespont bèn lại lên đường trở về Aspendus, và vội vã lên thuyền đi Ionia. Trong khi quân Peloponnese ở Hellespont, dân Antandrus là dân có gốc gác từ dân Aeolis, đã đem một số bộ binh hạng nặng từ Abydos theo đường bộ vượt qua núi Ida và đưa quân này vào trấn; đám quân này đã bị Arsaces, cấp phó người Ba Tư của Tissaphernes bạc đãi. Cũng chính tên Arsaces này, giả bộ là có một vụ tranh chấp bí mật, đã mời các thủ lĩnh của dân Delos đến nhập vào quân ngũ (dân Delos này là dân đã định cư ở Atramyttium sau khi đã bị người Athens đuổi ra khỏi quê xứ của họ vì mục đích thanh tẩy Delos); và sau khi đã dụ họ ra khỏi trấn của họ như bạn hữu và đồng minh của mình, hẳn đã rình chờ lúc họ dùng bữa, và cho binh lính của mình vây họ và dùng cung tên bắn gục họ. Hành vi này khiến dân Antandrus sợ rằng một ngày kia hẳn có thể gieo tai giáng họa cho họ; và vì hẳn còn dè dặt cười cổ họ quá quắt khiến họ không thể chịu được, nên họ đã đuổi đội quân đồn trú của hẳn ra khỏi thành của họ.

Khi nghe tin về hành động này của người Peloponnese thêm vào những gì đã xảy ra trước đó ở Miletus và Cnidus, nơi những đội quân đồn trú của ông ta cũng bị đuổi khỏi đó, Tissaphernes lúc này đã nhận thấy rằng mối bất hoà giữa hai bên rất nghiêm trọng; và lo sợ rằng họ sẽ gây thêm tổn hại cho mình, và cũng rất bức bối khi nghĩ rằng Pharnabazus tiếp đón họ, biết đâu Pharnabazus lại chẳng tốn nhiều thời gian và tiền bạc như ông ta mà lại thành công trong việc chống lại Athens hơn ông ta, nên đã quyết định quay trở lại với họ ở Hellespont, để kêu ca về những việc xảy ra ở Antandros^[25] và hết sức khéo léo tự biện bạch cho mình về vụ việc hạm đội Phoenicia và về những cáo buộc khác chống lại ông ta. Thế nên trước tiên ông ta đi Ephesus và dâng tế vật lên nữ thần Artemis...

[Cuối mùa đông tiếp sau mùa hạ đó cũng vừa tròn hai mươi một năm của cuộc chiến tranh này^[26].]



trên vào đêm trước Cuộc Chiến tranh Peloponnese (431 TCN)

- Thành phố
- Các Thánh địa Hy Lạp
- ★ Chiến thắng của phe Athens
- ★ Chiến thắng của phe Peloponnese
- Athens và các Đồng minh của Athens
- Sparta và các Đồng minh Peloponnese
- Các thành bang trung lập
- Đế quốc Ba Tư
- Vương quốc Macedonia



Ancient World Mapping Center 2003

Chú thích chương I.

^[1] Peloponnese, hay còn gọi là Peloponnesus, là bán đảo lớn ở miền nam Hy Lạp, tách rời khỏi miền trung Hy Lạp bởi vịnh Corinth và nối liền với Hy Lạp lục địa bởi eo đất Corinth, là nơi nền văn minh Mycenaea phát triển cực thịnh (khoảng năm 1600-1100 trước CN) và là nơi có nhiều thành bang hùng mạnh như Argos, sparta, Corinth... Chủ đề của cuốn lịch sử này là cuộc Chiến tranh Peloponnese II giữa Sparta và Athens, nổ ra năm 431 trước CN và kéo dài đến năm 404 trước CN (trong sách này được gọi tắt là cuộc Chiến tranh Peloponnese). (ND)

^[2] Athens là một trong những thành bang hùng mạnh nhất của Hy Lạp cổ đại, nằm ở miền đông Hy Lạp, gần vịnh Saronikos (vịnh Aegina), trải dài trên vùng đồng bằng của bán đảo Attica. Athens có lịch sử từ thời đồ đá mới và được coi là cái nôi của nền văn minh phương Tây. Athens là nơi sinh ra nền dân chủ đầu tiên trên thế giới, vào khoảng thế kỷ V trước CN Athens đã đạt đến đỉnh cao về văn minh và quyền lực đế chế, và trở thành thành bang hùng mạnh nhất ở Hy Lạp. (ND)

^[3] Từ tiếng Anh ‘*barbarian*’ (từ có gốc Hy Lạp ‘*barbaros*’): chỉ những tộc dân thời cổ đại không phải dân Hy Lạp và bị người Hy Lạp cổ coi là kém văn minh hơn (man di), hoặc đơn giản là những tộc dân không phải dân Hy Lạp và không nói tiếng Hy Lạp. Nghĩa ‘*không phải dân Hy Lạp*’ sẽ được gọi tắt là ‘*phi-Hy-Lạp*’. (ND)

^[4] Thessaly, còn gọi là Thessalia, là miền đất rộng lớn nhất của Hy Lạp, nằm ở miền bắc Hy Lạp, phía nam Macedonia, giữa xứ Epirus và biển Aegea (một nhánh của Địa Trung Hải). Thessaly được bao quanh bởi nhiều rặng núi; vùng đồng bằng của Thessaly chia làm 4 xứ: Pelasgiotis, Phthiotis, Thessaliois, Hestiaiotes, và bao gồm một số trấn phụ thuộc hoặc tự trị xung quanh. Các thành lớn nhất của Thessaly là Larissa và Pherae ở Pelasgiotis và Pharsalos ở Phthiotis. (BT)

^[5] Boeotia là một xứ ở miền trung Hy Lạp, phía đông nam tiếp giáp với Attica, phía nam tiếp giáp vịnh Corinth, phía tây tiếp giáp Phocis, phía đông tiếp giáp vịnh Euboea và phía bắc tiếp giáp trấn Phthiotis; thời bấy giờ

Boeotia có tầm quan trọng đặc biệt về chính trị vì nằm ở vị trí chiến lược và điều kiện giao thông rất thuận lợi. Thebes là thành lớn nhất của xứ này. (BT)

^[6] Arcadia là một xứ miền núi ở giữa bán đảo Peloponnese, phía bắc giáp Achaea, phía nam giáp Messenia và Laconia, phía đông giáp xứ Argolis (lãnh thổ của Argos) và phía tây giáp Elis.(ND)

^[7] Attica là một bán đảo hình tam giác ở miền trung đông Hy Lạp, phía nam và đông giáp biển Aegea, phía bắc chia tách khỏi Boeotia bởi các núi Cithaeron và Parnes, phía tây bắc giáp Megaris; Athens là trung tâm xứ này, khoảng thế kỷ VIII-VII trước CN các trấn ở Attica hợp nhất với Athens thành một thành bang duy nhất mà Athens nắm quyền kiểm soát và là thủ phủ của nó. (BT)

^[8] Ionia là một xứ nằm ở bờ biển phía tây của Anatolia (tức Tiểu Á), phía bắc giáp Aeolis và phía nam giáp Caria, bao gồm một số đảo lân cận. Xứ này mang tên tộc dân Ionia, cư ngụ ở miền đông Hy Lạp và là một trong 4 tộc dân chính của Hy Lạp; tộc này từ Attica di cư sang vùng bờ biển Aegea vào khoảng năm 1060-1040 trước CN do ảnh hưởng từ cuộc xâm lăng Peloponnese của người Doris; đến thế kỷ VIII trước CN họ đã kiến lập ở đây 12 thành là Phocaea, Erythrae, Clazomenae, Teos, Lebedus, Colophon, Ephesus, Priene, Myus và Miletus (trên lục địa), và Chios cùng Samos (trên 2 đảo lân cận); 12 thành này hợp thành Liên minh Ionia. Ionia cũng kiến lập nhiều thuộc địa ở các vùng Pontus Euxinos (biển Euxine), Địa Trung Hải... từ thế kỷ VII trước CN. (BT)

^[9] Chiến tranh thành Troy là cuộc chiến tranh lừng lẫy trong thần thoại Hy Lạp, giữa một bên là quân Hy Lạp do Agamemnon cầm đầu và một bên là quân dân thành Troy ở miền tây Anatolia, được Homer thuật lại trong sử thi *Iliad* và *Odyssey*. Cuộc chiến tranh này diễn ra trong khoảng năm 1194-1184 trước CN. Thành Troy còn có tên gọi khác là Ilium được đề cập đến ở phần sau. (BT)

^[10] Hellen theo truyền thuyết là thủy tổ của người Hy Lạp, vua của xứ Phthia ở Thessaly, con trai của Deucalion và Pyrrha, và là cháu nội của vị thần khổng lồ Prometheus. Từ thời cổ tên ông đã được dùng để gọi nước Hy

Lạp (*Hellas*) và gọi chung toàn thể các dân Hy Lạp (*Hellenes*), gồm 4 tộc dân chính là Aeolis, Doris, Ionia và Achaea, họ là hậu duệ và được gọi theo tên các con trai của ông là Aeolus và Dorus, và các cháu nội của ông là Ion và Achaeus. (ND)

^[11] Pelasgi (hoặc *Pelasgoi*) là bộ tộc nguyên thủy ở Hy Lạp sống tản mát nhiều nơi như Thrace, Argos, Crete và Chalcidice từ nhiều thế kỷ trước. Nhà sử học Herodotus (484-425 trước CN?) cho rằng tên đầu tiên của Hy Lạp là Pelasgia, và bộ tộc Pelasgi là thủy tổ của các tộc dân ở Hy Lạp như người Arcadia, người Athens, người Aeolis, v.v.. Về sau tên này được dùng để chỉ chung các bộ tộc nguyên thủy sống quanh vùng biển Aegea. (BT)

^[12] Phthiotis (còn gọi là Achaea Phthiotis hoặc Phthia) là một xứ nằm ở phía nam Thessaly, trải dài từ vịnh Malis ở phía đông đến Dolopia và núi Pindus ở phía tây, từ Pharsalus và vùng đồng bằng Thessalia ở phía bắc đến vịnh Pagasaea ở phía nam; Phthiotis là quê hương của Achilles trong sử thi *Iliad* của Homer. (BT)

^[13] Theo thần thoại Hy Lạp, Achilles là con của nữ thần biển Thetis và vua Peleus xứ Myrmidon, và là vị anh hùng Hy Lạp trong cuộc Chiến tranh thành Troy. (ND)

^[14] Theo thần thoại Hy Lạp, các tộc dân Hy Lạp được đặt tên theo thủy tổ của mình: Achaeus là thủy tổ của người Achaea, Danaus là thủy tổ của người Danaoi, Cadmus là thủy tổ của người Cadmeia (tức người Thebes), Hellen là thủy tổ của người Hy Lạp, Aeolus là thủy tổ của người Aeolis, Ion là thủy tổ của người Ionia, và Dorus là thủy tổ của người Doris. (BT)

^[15] Theo thần thoại Hy Lạp, Minos là vị vua của đảo Crete, con trai của thần Zeus, chúa tể của các thần trên đỉnh Olympus, và Europa – một phụ nữ dòng dõi cao quý ở Phoenicia. Ông là vị vua cai trị Crete và các đảo trên biển Aegea trước cuộc Chiến tranh thành Troy 3 thế hệ. Minos đã lập ra hiến pháp của Crete và sau khi chết ông trở thành một trong các vị phán quan ở âm phủ vì có công thiết lập luật pháp trên trần. (BT)

^[16] Cyclades là tên một nhóm đảo của Hy Lạp trên biển Aegea, nằm ở phía đông nam Hy Lạp đại lục; nhóm đảo này gồm 12 đảo chính là Ceos,

Cythnos, Seriphos, Melos, Siphnos, Cimolos, Paros, Naxos, Syros, Myconos, Tenos, Andros và một số đảo nhỏ khác. Đây là một trong các nhóm đảo tạo nên quần đảo Aegea. (BT)

^[17] Caria là một xứ ở phía tây nam Tiểu Á, gồm các thành nằm dọc bờ biển Aegea và vùng núi trong nội địa giáp Lydia ở phía bắc, Lycia và Phrygia ở phía đông. (BT)

^[18] Locri Ozoli là một trong 3 tộc dân Locris (còn gọi là Locri) cư ngụ tại Locris ở miền trung Hy Lạp. Lãnh thổ Locris bị Doris và Phocis chia tách làm 3 phần: phía tây nam Phocis là Ozolian Locris (tức Locris của tộc Locri Ozoli, ở Tây Loris), nằm trên bờ bắc vịnh Corinth, giữa Naupactus và Crisa; phía đông bắc Phocis là opuntian Locris (tức Locris của tộc Locri Opuntii, ở Đông Locris); cuối cùng là Epicnemidian Locris (tức Locris của tộc Locri Epicnemidii, cũng ở Đông Locris) nằm ở phía bắc Phocis, gần Thermopylae. 3 tộc dân này được gọi chung là dân Locris. (Chú thích này chung cho cả 3 xứ của Locris – BT.)

^[19] Aetolia là một xứ miền núi ở phía tây Hy Lạp, phía nam giáp cửa vịnh Corinth, phía bắc giáp Epirus và Thessaly, phía đông giáp lãnh thổ của dân Locri Ozoli, phía tây giáp Acarnania. (BT)

^[20] Acarnania là một xứ ở phía tây Hy Lạp, phía bắc giáp vịnh Ambracia, phía đông bắc giáp Amphilochia, phía tây và tây nam giáp biển Ionia (một phần của Địa Trung Hải), phía đông giáp Aetolia. Vào thế kỷ VII-VI trước CN, Corinth đã kiến lập một số thuộc địa ở miền duyên hải của Acarnania như Anactorium, Sollium và Leucas. (BT)

^[21] Lacedaemon, thường được gọi là Sparta, là thủ phủ của Laconia ở đông nam bán đảo Peloponnese, và là một trong những thành bang hùng mạnh nhất của Hy Lạp thời bấy giờ. Thành bang Sparta được cho là được kiến lập năm 900 trước CN; trong khoảng thế kỷ VIII-VI trước CN Sparta liên tục chinh chiến mở mang lãnh thổ, đến cuối thế kỷ VII trước CN thành bang này trở thành thế lực quân sự hàng đầu ở Hy Lạp, và khoảng thế kỷ VI trước CN Sparta đứng ra thành lập Liên minh Peloponnese, gồm toàn bộ các thành bang ở Peloponnese ngoại trừ Argos và Achaea. Sparta có chính thể quyền

lực tập trung (*oligarchy*). Sự kình địch của Sparta với Athens là nguyên nhân chính dẫn đến cuộc chiến tranh này. (BT)

^[22] Tức ‘*Olympiad*’, từ có gốc Hy Lạp, chỉ đại hội thi đấu điền kinh giữa đại diện của các thành bang trên toàn Hy Lạp ở thời cổ đại. Đại hội này được tổ chức 4 năm một lần, bắt đầu từ năm 776 trước CN để vinh danh thần Zeus, cho đến năm 393 sau CN bị Hoàng đế Theodosius I của La Mã bãi bỏ khi Hy Lạp bị La Mã cai trị. (BT)

^[23] Phoenicia là một xứ ở Tiểu Á nằm trên bờ biển Syria, được bao quanh bởi sông Eleutherus ở phía bắc, núi Carmel ở phía nam, phía đông giáp Palestine và Coelesyria (tức Syria). Dân xứ này nổi tiếng về thương mại hàng hải và đóng thuyền ở vùng Địa Trung Hải từ thiên niên kỷ II trước CN; họ cũng kiến lập thuộc địa ở các vùng Bắc Phi, Tiểu Á và đảo Cyprus. Tương tự như Hy Lạp cổ đại, Phoenicia bao gồm các thành bang tự trị, và các thành bang này thời bấy giờ đều là những thế lực hải quân hùng mạnh. (BT)

^[24] Delos là một trong những đảo nhỏ nhất nằm gần chính giữa nhóm đảo Cyclades và là một trung tâm tôn giáo, chính trị và thương mại ở vùng biển Aegea. Theo thần thoại Hy Lạp, đảo này là nơi Leto sinh đôi ra thần Apollo và nữ thần Artemis con của thần Zeus, nên đảo này trở thành một trong những nơi chính thờ phụng Apollo. Cuộc thanh tẩy được đề cập bên trên diễn ra vào năm 426 trước CN. (BT)

^[25] Theo thần thoại Hy Lạp, Agamemnon là vua của Mycenae hoặc Argos và là một trong những nhân vật chính của sử thi *Iliad* và *Odyssey*. Agamemnon là con trai của vua Atreus xứ Mycenae và là anh trai của Menelaus (vua Sparta), khi nàng Helen vợ Vua Menelaus bỏ trốn với hoàng tử Paris thành Troy, Agamemnon đã kêu gọi các hoàng tử ở xứ này liên minh lại đi đánh Troy để trả thù; ông ta đóng góp 100 chiến thuyền, và được bầu làm chỉ huy liên quân Hy Lạp trong cuộc viễn chinh kéo dài 10 năm này. (ND)

^[26] Theo thần thoại Hy Lạp, Tyndareus là vua xứ Sparta và là cha đẻ của nàng Clytemnestra (được gả cho Agamemnon) và cha dượng của nàng

Helen (được gả cho Melenaus); trước khi gả Helen cho Menelaus, Tyndareus đã buộc tất cả những người cầu hôn phải thề sẽ bảo vệ người được chọn làm chồng nàng chống lại bất kỳ kẻ nào tranh chấp với người đó. (ND)

^[27] Theo thần thoại Hy Lạp, Pelops là con trai của Tantalus và là cháu nội thần Zeus, sinh ra ở xứ Phrygia hoặc Lydia (thuộc Tiểu Á), ông rời quê hương sang Hy Lạp và giành được ngôi vua của Oenomaus xứ Pisa (một xứ ở Peloponnese, bao gồm Olympia) trong một cuộc đua xe ngựa. Ông là người khởi xướng các cuộc đua xe ngựa tại Olympia và Đại hội Olympic bắt đầu từ những cuộc đua đó. Pelops là người sáng lập ra vương triều Pelopid ở Mycenae. Atreus là con trai ông, Agamemnon và Menelaus là cháu nội ông. (BT)

^[28] Chỉ Peloponnese. (ND)

^[29] Theo thần thoại Hy Lạp, Eurystheus là vua của Mycenae ở Argolis, và là cháu nội của Perseus (con trai thần Zeus và Danae). Tức giận vì bị Heracles sỉ nhục, sau khi Heracles chết, ông ta cố tìm cách giết các con của Heracles; họ bỏ chạy sang Athens, ông ta tấn công thành Athens nhưng đại bại và bị giết tại trận cùng con trai mình. (BT)

^[30] Heracles là một trong những anh hùng Hy Lạp huyền thoại nổi tiếng nhất, là con trai của thần Zeus và Alcmene (bà lại là cháu nội của Perseus). Dũng cảm, mưu trí và có sức mạnh vô địch, Heracles là vị anh hùng bảo vệ dân Hy Lạp và lập nên những chiến công hiển hách; ông là thủy tổ của các tộc tự coi là hậu duệ của ông (*'Heraclids'*). Thần thoại La Mã gọi ông là Hercules. (ND)

^[31] Theo thần thoại Hy Lạp, Atreus là vua Mycenae. Ông là con trai của Pelops và Hippodamia (con gái vua Oenomaus), và là cha của Agamemnon và Menelaus. (BT)

^[32] Theo thần thoại Hy Lạp, Chrysippus là con hoang của Pelops và nữ thần Axioche, Pelops rất yêu quý và định truyền ngôi cho. Chrysippus bị 2 người anh cùng cha khác mẹ của mình là Atreus và Thyestes ghen tức và ném xuống một cái giếng. (BT)

^[33] Mycenae là một thành nằm ở đầu đồng bằng Argolis, phía đông bắc bán đảo Peloponnese. Trong thiên niên kỷ thứ hai trước CN, Mycenae là một trong các trung tâm chính của nền văn minh Hy Lạp, đồng thời thống trị phần lớn phía nam Hy Lạp. Khoảng thế kỷ XII trước CN nó suy tàn, đến năm 468 trước CN, nó bị Argos chiếm. (BT)

^[34] Theo thần thoại Hy Lạp, Perseus là con trai của thần Zeus và Danae (một phụ nữ phàm trần), là người kiến lập Mycenae và triều đại Perseid của tộc Danaoi. Ông là một trong các anh hùng vĩ đại nhất của Hy Lạp, và là người đã chém đầu nữ thần tóc rắn Medusa và cứu nàng Andromeda khỏi quỷ biển Cetus. Eurystheus và Heracles đều là hậu duệ của Perseus. (BT)

^[35] Trong sử thi của Homer đề cập đến Pelasgic Argos – là một trấn hoặc một xứ của Thessaly, và Achaean Argos – một địa danh mà Homer dùng để chỉ hoặc toàn bộ bán đảo Peloponnese, hoặc vương quốc Argos của Agamemnon mà Mycenae là kinh thành của nó, hoặc thành Argos nơi Diomedes, một anh hùng trong cuộc chiến thành Troy, trị vì trước khi tham gia cuộc viễn chinh Troy (thời bây giờ thành Argos này nhỏ hơn và không quan trọng bằng Mycenae). (BT)

^[36] Theo thần thoại Hy Lạp, Philoctetes là con trai của vua Poeas xứ Meliboea ở Thessaly. Ông là một vị anh hùng, được kế thừa cây cung và tên của Heracles và nhờ đó trở nên nổi tiếng vì tài cung tiễn, trong giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh thành Troy ông đã bắn chết hoàng tử Paris của Troy, mở đường cho chiến thắng của quân Hy Lạp. (ND)

^[37] Chersonese (hay Chersonesus) là từ có gốc Hy Lạp có nghĩa là ‘bán đảo’, từ này được dùng như địa danh để gọi một số nơi thời cổ đại, theo ngữ cảnh ở đoạn này thì đây là bán đảo Chersonese của Thrace, nằm ở phía châu Âu của eo biển Hellespont; ở đó có trấn Elaeus nằm đối diện với thành Troy. Chersonese này là trục đường thông thương chính giữa châu Âu và châu Á. (BT)

^[38] Ilium (tên gọi khác của thành Troy) là một thành cổ ở tây bắc Tiểu Á, nằm ở trên đồng bằng giữa hai con sông Seamander và Simois cách Hellespont khoảng gần 5 dặm. (BT)

^[39] Arne là tên được đặt cho một trấn của Thessaly và một trấn của Beotia. Trấn được đề cập ở đây là trấn thủ phủ của dân Boeotia gốc Aeolis ở Thessaly. (BT)

^[40] Người Doris là một trong 4 dân tộc chính của Hy Lạp thời bấy giờ, quê hương chính của họ là xứ Doris ở miền trung Hy Lạp, nằm giữa núi Oeta và rặng núi Parnassus, họ cũng cư ngụ ở nhiều nơi khác trên triền núi Oeta. Người Doris được cho là đã xâm lược bán đảo Peloponnese khoảng năm 1100 trước CN, họ kiến tập các trung tâm ở Laconi (và thủ phủ Sparta), Messenia, Argolis và eo đất Corinth họ định cư ở các đảo trên biển Aegea, các trấn ở miền duyên hải Tiểu Á, Sicily, Italy, Bắc Phi... vào thế kỷ V trước CN, tộc Doris và tộc Ionia là 2 tộc dân có quyền lực nhất ở Hy Lạp, người Athens thuộc tộc Ionia, người Sparta thuộc tộc Doris. (ND)

^[41] Chỉ sự kiện được gọi là ‘*Cuộc xâm lược của người Doris*’ (nhiều học giả về sau cho rằng đây chỉ là cuộc di cư ồ ạt của dân Doris từ vùng núi xuống Peloponnese), đi đôi với sự kiện ‘*Sự trở về của các hậu duệ Heracles*’ vào khoảng năm 1104 trước CN – các hậu duệ này bị Eurystheus truy đuổi đến Athens và sau khi Eurystheus chết trận họ quay về đòi lại lãnh thổ trước đó đã được ban tặng cho Heracles. (BT)

^[42] Trong khoảng thế kỷ VIII-VII trước CN, Hy Lạp đã kiến lập nhiều thuộc địa dọc theo bờ biển đảo Sicily và bờ biển phía nam bán đảo Italy, những nơi đó được gọi chung là Magna Graecia (Đại Hy Lạp). (BT)

^[43] Corinth, còn gọi là Corinthus, là một thành bang ở Peloponnese, nằm trên Eo đất Corinth, eo đất này nối Peloponnese với phía bắc của Hy Lạp đại lục, phía tây có cảng Lechaion trên vịnh Corinth, phía đông có cảng Cenchreae trên vịnh Saronikos. Lãnh thổ của thành bang này là xứ Corinthia bao quanh kéo dài về phía nam và phía bắc Eo đất. Nằm ở giữa 2 biển Ionia và Aegea, Corinth có lợi thế tự nhiên để trở thành một thế lực hải quân hùng mạnh; thế kỷ VIII trước CN Corinth trở thành một trung tâm thương mại giữa phương Đông và phương Tây, người Corinth đã kiến lập các thuộc địa ở Corcyra và Syracuse, và nhờ đó thông thương sang phía tây Địa Trung Hải. (ND)

^[44] Bản gốc Hy Lạp là ‘*trireme*’, chỉ loại chiến thuyền với 3 tầng chèo được phát triển từ loại thuyền ‘*pentecoster*’ (thuyền ga-lê 1 tầng với 50-60 tay chèo thời cổ) và ‘*bireme*’ (chiến thuyền 2 tầng với 120 tay chèo); vì chạy nhanh và linh hoạt nên trireme là loại chiến thuyền ưu việt ở vùng Địa Trung Hải trong khoảng thế kỷ VII-IV trước CN. Bản dịch tiếng Anh dùng từ ‘*galley*’, chỉ chung loại thuyền buồm lớn nhiều tay chèo, xuất xứ từ vùng Địa Trung Hải vào đầu thiên niên kỷ I trước CN. (BT)

^[45] Samos là một trong những đảo lớn thuộc nhóm đảo Sporades, nằm ở phía đông biển Aegea, phía nam đảo Chios, phía bắc các đảo Patmos và Dodecanese, và cách bờ biển Tiểu Á bởi eo biển Samos rất hẹp. Vào khoảng thế kỷ XI trước CN, người Ionia đã đến định cư ở đây; đến thế kỷ VII trước CN đảo này trở thành một trong 12 thành viên của Liên minh Ionia, và một trong những trung tâm thương mại hàng đầu của Hy Lạp. (BT)

^[46] Corcyra là một hải đảo trên biển Ionia, nằm ngoài khơi Epirus; thành Corcyra thủ phủ của đảo này nằm ở bờ biển phía đông của đảo. Năm 734 trước CN thực dân từ Corinth đến đây và đuổi dân Eretria từ Euboea đã định cư ở đảo này để chiếm giữ. Trận hải chiến giữa Corinth và Corcyra nói trên xảy ra vào khoảng năm 665 trước CN, khi Corcyra trở thành kinh địch với chính Corinth; kết cục nó đã bị Periander, bạo chúa Corinth, chinh phục. Sau khi Periander chết (năm 584 trước CN), Corcyra lại giành được độc lập cho đến cuộc chiến tranh này. (BT)

^[47] Vua Cyrus II của Ba Tư (khoảng 590-529 trước CN), thường được gọi là Cyrus Đại đế, là vị vua sáng lập ra Đế quốc Achaemenid (tức Đế nhất Đế quốc Ba Tư), trung tâm là Ba Tư và bao gồm vùng Cận Đông từ biển Aegea cho đến sông Indus ở phía Đông; Cyrus Đại đế đã tạo lập nên một đế quốc lớn nhất tính đến thời ấy. Ông nổi tiếng là một nhà chinh phục và cai trị thiên tài, là cha đẻ của nền văn hoá và văn minh Achaemenid. (BT)

^[48] Cambyses II (không rõ năm sinh, băng hà năm 522 trước CN), con trai của Cyrus II, được phong làm vua Babylon vào năm 539 trước CN khi Cyrus II chinh phục xứ này, nhưng thực tế chỉ kế vị vua cha từ năm 530 trước CN. (BT)

^[49] Biển Ionia là một phần Địa Trung Hải, nằm giữa Hy Lạp (phía đông), Sicily (phía tây nam) và Italy (phía tây và tây bắc). Các đảo lớn trên biển này (gồm Corcyra, Cephallenia, Zacynthus, Leukadia, Cythera và Paxos) đều thuộc Hy Lạp và được gọi chung là nhóm đảo Ionia. Tên biển và nhóm đảo Ionia có thể bắt nguồn từ tên tộc dân Ionia của Hy Lạp. (BT)

^[50] Polycrates là con trai của Aeaces, cai trị Samos trong khoảng năm 538-522 trước CN, là người đã thiết lập bá quyền hải quân của Samos ở phía đông biển Aegea và nỗ lực giành quyền kiểm soát nhóm đảo Ionia và các thành Ionia trên đất liền, sau bị Oroetus Phó vương xứ Sardis (Ba Tư) giết. (BT)

^[51] Rhenea là một đảo trong nhóm đảo Cyclades của Hy Lạp, nằm ở phía chính tây đảo Delos và phía tây nam đảo Mykonos. (BT)

^[52] Cũng như nhiều vị thần khác trong thần thoại Hy Lạp, Apollo – vị thần của ánh sáng và mặt trời, của sự thật và tiên tri, của âm nhạc và thi ca... – có nhiều biệt danh gắn với điển tích hoặc địa danh; biệt danh này của Apollo gắn với đảo Delos nơi thần được sinh ra. Đền thờ Apollo ở Delos và ở Delphi là 2 ngôi đền chính thờ vị thần này ở Hy Lạp. (ND)

^[53] Phocaea là thành ở tận cùng phía bắc trong số các thành Ionia ở Tiểu Á, nằm trên một bán đảo giữa vịnh Cymaeus và vịnh Hermaeus. Thành này được cho là do dân Phocis di cư dưới sự dẫn dắt của 2 thủ lĩnh Athens là Philogenes và Damon kiến lập vào khoảng thế kỷ X hoặc IX trước CN, thế kỷ VII trước CN nó trở thành một trong những thế lực hải quân hùng hậu của Hy Lạp. (BT)

^[54] Marseilles (hay Massalia theo bản gốc Hy Lạp), là một thuộc địa do thực dân Hy Lạp từ Phocaea đến kiến lập ở Pháp vào khoảng năm 600 trước CN. (BT)

^[55] Carthage là một thành rất lớn được thực dân Phoenicia kiến lập tại bờ biển Bắc Phi năm 814 trước CN. (BT)

^[56] Cuộc Chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư (trong cuốn này được gọi tắt là ‘*cuộc Chiến tranh Ba Tư*’), kéo dài từ năm 492 đến năm 449 trước CN, gồm

nhều trận đánh diễn ra trong gần nửa thế kỷ. Chiến sự diễn ra ác liệt nhất trong 2 cuộc xâm lược của Ba Tư vào Hy Lạp khoảng năm 490-479 trước CN, nổi bật là các Trận Marathon (490 trước CN), Trận Thermopylae, Trận Artemisium, Trận Salamis (480 trước CN), Trận Plataea (479 trước CN). (ND)

^[57] Tức Darius I (550-486 trước CN), vị vua thứ ba của Đế quốc Achaemenid trị vì trong khoảng năm 522-486 trước CN. Nổi tiếng vì tài trị quốc và mở mang bờ cõi, Darius Đại đế đã đưa Đế quốc Ba Tư đến cực thịnh. Ông đã chinh phạt Hy Lạp để trừng phạt Athens và Eretria vì họ giúp các trấn Ionia nổi loạn lật đổ ách đô hộ Ba Tư. Mặc dù chung cuộc bị chiến bại tại Trận Marathon, nhưng ông đã thành công trong việc tái chinh phục Thrace, Macedonia, các đảo Lemnos và Imbros, đánh bại và nô dịch Eretria. (BT)

^[58] Tức vua Xerxes I của Ba Tư (khoảng 519-465 trước CN), là con trai và là người kế vị Darius Đại đế. Ông là vị vua thứ tư của Đế quốc Achaemenid, trị vì trong khoảng năm 486-465 trước CN. Ông đã xâm lược Hy Lạp năm 480 trước CN và chiến thắng tại Trận Thermopylae và Trận Artemisium, kéo quân tràn vào Attica, Boeotia, Euboea, Thessaly và các vùng còn lại của Hy Lạp đại lục đến tận phía bắc Eo đất Corinth, cho đến khi chiến bại tại Trận Salamis và Trận Plataea đảo ngược cục diện thắng lợi đó và chấm dứt cuộc xâm lăng thứ hai của ông. (BT)

^[59] Aegina là một hải đảo của Hy Lạp trên vịnh Saronikos, bao quanh nó trong khoảng cách khoảng 11,5 dặm là Attica, Megaris, Epidaurus. Khoảng thế kỷ VI trước CN, đảo này nổi lên thành một thế lực hải quân hàng đầu vì vị trí chiến lược của mình. Trong cuộc chiến chống Ba Tư (Xerxes I), Aegina đã góp 30 chiến thuyền vào liên quân Hy Lạp và chiến đấu với sự quả cảm nổi bật tại Trận Salamis (BT)

^[60] Tiếng Anh ‘Polis’ (từ gốc Hy Lạp) có nghĩa là ‘thành’, thường được dùng để chỉ một thành bang ở Hy Lạp cổ có nguồn gốc là các khu vực được phân chia theo địa hình tự nhiên và theo sự phân hoá bộ tộc cũng như tín ngưỡng nguyên thủy. Các polis có trung tâm là một trấn hoặc thành (thường

có thành lũy bao bọc), bao gồm các làng mạc xung quanh; trong trấn có vệ thành được xây dựng trên một nền đất cao và một khu chợ. Vào thời cuộc chiến tranh này ở Hy Lạp có rất nhiều thành bang như vậy, điển hình là Athens, Sparta, Corinth, Thebes... R. Crawley dịch chung là 1 'city' ('thành'), từ này được chuyển ngữ sang tiếng Việt là 'thành' hoặc 'thành bang' tùy theo ngữ cảnh. (ND)

^[61] Chỉ cuộc chiến giữa Aegina và Athens vào khoảng năm 505 trước CN, do thù địch với Athens về thương mại, Aegina đã cử hạm đội giúp Thebes tàn phá dải bờ biển Attica khi Athens còn chưa có hạm đội để đối địch. Cuộc chiến này bị gián đoạn vì cuộc xâm lược Hy Lạp của Xerxes Đại đế. Hai bên tái chiến vào đầu cuộc Chiến tranh Peloponnese I, vào năm 460 trước CN Aegina bị Athens đánh bại trong một trận đại hải chiến và bị Athens bao vây, đến năm 456 trước CN Aegina đầu hàng và trở thành một xứ lệ thuộc của Athens (BT)

^[62] Chỉ cuộc xâm lược Hy Lạp của Xerxes Đại đế. (BT)

^[63] Themistocles (524-459 trước CN) là một chính trị gia và một vị tướng kiệt xuất của Athens. Ông thuộc thế hệ các chính trị gia không xuất thân từ dòng dõi quý tộc nổi lên từ những năm đầu tiên của nền dân chủ Athens. Ông được bầu làm chấp chính quan của Athens năm 493 trước CN. Trong cuộc xâm lược Hy Lạp lần thứ nhất của Ba Tư (492-490 trước CN), ông là một trong 10 vị tướng tham gia Trận Marathon. Trong cuộc xâm lược lần thứ hai của Ba Tư (480-478 trước CN), ông chỉ huy toàn hạm đội của Liên quân Hy Lạp ở các trận hải chiến quan trọng Artemisium và Salamis, nhờ mưu trí của ông mà Liên quân đã có một chiến thắng quyết định. (BT)

^[64] Salamis là một hải đảo ngoài khơi bờ biển phía tây của Attica, nằm trong vịnh Saronikos. Trận Salamis diễn ra vào năm 480 trước CN, tại eo biển giữa lục địa và đảo Salamis, giữa hạm đội của Liên quân Hy Lạp dưới sự chỉ huy của Themistocles và hạm đội Ba Tư dưới sự chỉ huy của Xerxes Đại đế. Hạm đội Ba Tư mắc mưu Themistocles bơi thuyền vào eo biển Salamis và ở nơi chật hẹp đó các chiến thuyền Ba Tư bị vướng vào nhau,

đội hình rối loạn; chớp thời cơ, hạm đội của Liên quân Hy Lạp tấn công và đại thắng. (BT)

^[65] Chalcis là trấn thủ phủ đảo Euboea của Hy Lạp, nằm ở điểm hẹp nhất của eo biển Euripus và nối với lục địa bằng một cây cầu. Trong khoảng thế kỷ VIII-VII trước CN, Chalcis đã kiến lập rất nhiều thành bang thuộc địa ở Sicily, Italy, Syria và ở bán đảo Chalcidice tại Macedonia; năm 750 trước CN Chalcis cùng với Eretria kiến lập thuộc địa Cumae ở Italy. Cuối thế kỷ VIII trước CN Chalcis và Eretria tranh chấp chủ quyền đồng bằng Lelantine nằm giữa hai trấn này, Hy Lạp đã chia thành 2 phe: Samos, Corinth, Thessaly, và có lẽ cả Erythrae đứng về phía Chalcis, trong khi đó Miletus, Megara, và có lẽ cả Chios đứng về phía Eretria; cuộc chiến này Chalcis đã thắng. (BT)

^[66] Eretria là một trấn trên đảo Euboea, nằm bên bờ eo biển Euripus, ở phía đông nam Chalcis; Eretria là trấn hùng mạnh thứ hai ở Euboea sau Chalcis; ngoài Cumae ở Italy, Eretria còn kiến lập nhiều thuộc địa khác ở Chalcidice và Macedonia. Năm 490 trước CN Eretria bị quân Ba Tư tàn phá để trừng phạt tội giúp các thành Ionia nổi dậy, tuy sau này nó được tái thiết nhưng không thể hồi phục quyền lực như trước. (BT)

^[67] Croesus (595-546 trước CN) con trai của Alyattes II (vị vua sáng lập Lydia – một vương quốc ở phía tây Tiểu Á); Croesus là vị vua cuối cùng của Lydia, trị vì trong khoảng năm 560-546 trước CN cho đến khi bị Cyrus Đại đế đánh bại. Trong thời gian trị vì, ông đã kế tục cha mình đánh chiếm nốt một số thành Ionia ở miền duyên hải phía tây Tiểu Á. (BT)

^[68] Halys là con sông lớn nhất ở Tiểu Á (dài khoảng 734 dặm), bắt nguồn từ rặng núi Anti-Taurus và đổ vào biển Euxine (Hắc Hải); thời cổ đại con sông này là ranh giới giữa Tiểu Á và phần còn lại của châu Á. (BT)

^[69] Chỉ Hy Lạp trong quan hệ với Sicily. (BT)

^[70] Marathon là tên một thị trấn ở đông bắc Attica. Trận Marathon diễn ra vào năm 490 trước CN, trong cuộc xâm lược Hy Lạp do Darius Đại đế đích thân cầm quân nhằm trừng phạt Athens và Eretria đã giúp các thành Ionia nổi loạn chống lại Ba Tư. Dù quân số đông áp đảo nhưng quân Ba Tư đã bị

quân Hy Lạp đánh bại, chấm dứt cuộc xâm lược Hy Lạp lần thứ nhất của Ba Tư. (BT)

^[71] Nhà vua ở đây chỉ Darius Đại đế của Ba Tư. Danh tự của các vua Ba Tư trong cuốn này hầu hết được lược đi và từ ‘Nhà vua’ (*King*) được viết hoa như một danh từ riêng, hàm ý một vị vua cụ thể của Ba Tư trong bối cảnh lịch sử tương quan. (ND)

^[72] Chỉ cuộc Chiến tranh Peloponnese I giữa Sparta đứng đầu Liên minh Peloponnese và Athens đứng đầu Liên minh Delos, nổ ra năm 460 trước CN và kết thúc năm 445 trước CN khi 2 bên ký kết bản Hòa ước 30 năm (phân biệt với cuộc Chiến tranh Peloponnese II ở cuốn này được gọi vắn tắt là ‘*cuộc Chiến tranh Peloponnese*’). (BT)

^[73] *Oligarchy* là từ có gốc Hy Lạp, được ghép từ ‘*oligos*’, có nghĩa là ‘số ít’, và ‘*arkho*’ có nghĩa là ‘cai trị’ hoặc ‘làm chủ’, chỉ một hình thức chính thể mà quyền lực cai trị tập trung vào tay một số ít thuộc tầng lớp trên (một số văn bản của Việt Nam dịch là ‘*chính thể đầu số*’ hoặc ‘*tập quyền*’), mà điển hình là chính thể của Sparta, đối lập với chính thể dân chủ của Athens. Từ ‘*oligarchy*’ trong bản dịch tiếng Việt này được chuyển ngữ là ‘*chính thể oligarchy*’. (ND)

^[74] Chios là một trong những đảo lớn nhất ở vùng biển Aegea, nằm cách bờ biển Tiểu Á khoảng 5 dặm, thủ phủ của đảo là Chios nằm ở phía đông của đảo. Là một trong 12 thành bang đầu tiên của Liên minh Ionia, vào thế kỷ VI trước CN, Chios đã có hiến pháp dân chủ. Năm 499 trước CN Chios tham gia cuộc nổi dậy của Ionia chống Ba Tư, cuộc nổi dậy thất bại, Chios lại bị Ba Tư đô hộ. Khi liên quân Hy Lạp thắng quân xâm lược Ba Tư tại Trận Mycale năm 479 trước CN, Chios giành độc lập và gia nhập Liên minh Delos do Athens đứng đầu. (BT)

^[75] Lesbos là một đảo lớn của Hy Lạp ở vùng biển Aegea, ngoài khơi xứ Mysia ở Tiểu Á; thủ phủ của Lesbos là Mytilene. Lesbos cũng tham gia cuộc nổi dậy của Ionia chống Ba Tư, và lịch sử giai đoạn này của Lesbos cũng tương tự như Chios. (BT)

^[76] Hipparchus (chết năm 314 trước CN) là bạo chúa cai trị Athens trong khoảng năm 527-514 trước CN và là một trong các con trai của Peisistratus. (BT)

^[77] Harmodius và Aristogiton là 2 người Athens đồng tính đã ám sát Hipparchus, cả hai đều chết năm 515 trước CN (xem chương XIX bên dưới). (BT)

^[78] Hippias là anh trai của Hipparchus và là một bạo chúa ở Athens, kế vị cha năm 527 trước CN, được cho là cùng Hipparchus cai trị Athens cho đến khi Hipparchus bị giết; khoảng năm 510, Cleomenes vua sparta xâm lược Athens và buộc Hippias phải rời khỏi Athens. (BT)

^[79] Pisistratus (chết khoảng năm 528/7 trước CN), là bạo chúa cai trị Athens gần như suốt khoảng thời gian 561-527 trước CN, cha của Hipparchus và Hippias. (BT)

^[80] Leos là con trai của Orpheus – một nhạc sĩ, nhà thơ và nhà tiên tri trong thần thoại Hy Lạp. Leos đã hiến tế 3 nàng con gái của mình là Praxithea, Theope và Eubule theo lời tiên tri của đền Delphi để cứu Athens khỏi nạn đói. Đền thờ 3 nàng con gái Leos ở Attica. (BT)

^[81] Đại Lễ hội PanAthensea (*PanAthensic Games*) là một lễ hội gồm các cuộc thi đấu điền kinh, các nghi lễ tôn giáo và văn hoá vào thời Peisistratus cai trị, được tổ chức 4 năm 1 lần tại Sân vận động PanAthensea, Hy Lạp từ năm 566 trước CN; đại lễ hội này là hình mẫu cho Đại hội Thể thao Olympic. (ND)

^[82] Chính thể ở Lacedaemon thời cổ là chính thể *oligarchy* do 2 vị vua của 2 hoàng tộc Agiad và Eurypontid đồng cai trị; các vị vua này nắm trọng trách về tôn giáo, pháp luật và quân sự. Từ khoảng năm 450 trước CN, vai trò chủ yếu của các vị vua là đứng đầu quân đội; ngoài ra họ có quyền xét xử trong những vấn đề có liên quan đến người kế vị và đường giao thông công cộng; quyền xử án thuộc về 5 vị đại pháp quan (*ephor*) và Hội đồng Trưởng lão Sparta (tức *Gerousia* theo tiếng Hy Lạp – là hội đồng gồm 28 thành viên tuổi từ 60 trở lên được công dân bầu lên, và 2 vị vua của Sparta bất kể tuổi tác). Quyền biểu quyết nói trên là quyền biểu quyết tại *Gerousia*. (ND)

^[83] Herodotus trong cuốn *The Histories* của mình có đề cập đến đội quân của Pitane (hay Pitana, một trấn ở Sparta) trong đạo quân Sparta dưới quyền chỉ huy của Pausanias (chương 9. tr. 53). (BT)

^[84] Euboea là đảo lớn nhất ở vùng biển Aegea, nằm dọc theo bờ biển của Attica, Boeotia, Locris và miền nam Thessaly. Lãnh thổ Euboea chia thành một số thành bang, trong đó Chalcis và Eretria là lớn nhất và là thuộc địa của Athens. Trong cuộc kháng chiến chống Ba tư, Euboea gia nhập Liên minh Delos và giúp liên quân giành chiến thắng hải quân lớn trong trận Artemisium. Sau cuộc chiến này, Euboea lại trở thành xứ phụ thuộc Athens, nó nổi dậy chống lại Athens năm 446 trước CN và bị Pericles đưa quân Athens sang tái chiếm. Hòa ước 30 năm đề cập bên trên được ký kết giữa Athens và Sparta mùa đông năm 446-445 trước CN, đánh dấu chấm hết cho cuộc Chiến tranh Peloponnese I. (BT)

Chú thích chương II.

^[1] Epidamnus là một trấn của Hy Lạp ở Illyria, nằm trên một bán đảo ở biển Adria (Adriatic), do thực dân từ Corinth và Corcyra kiến lập vào khoảng năm 627 trước CN; trấn này là một trung tâm thương mại quan trọng ở vùng biển Adria. (ND)

^[2] Taulantii là tên một chi trong các bộ tộc Illyria, sống gần Epidamnus. Theo thần thoại Hy Lạp, chi tộc này được đặt theo tên của Taulas, một trong 6 người con trai của Illyrius, vua của xứ Illyria và các bộ tộc Illyria. (ND)

^[3] Illyria (còn gọi là Illyricum) là miền đất rộng lớn nằm trên bờ phía đông biển Adria, nơi cư ngụ của các tộc dân Illyria có nguồn gốc Ấn – Âu; thời thịnh vượng nhất, lãnh thổ Illyria trải dài về phía nam đến tận Epirus, phía bắc đến châu thổ sông Savus và Dravus và nơi giao cắt của 2 con sông này với sông Ister (tức hạ lưu sông Danube). (BT)

^[4] Theo thần thoại Hy Lạp, Hera là con gái của các thần khổng lồ (Titan) Cronus và Rhea, là chị ruột đồng thời cũng là vợ của thần Zeus và là nữ chúa ở Olympia; bà là nữ thần của hôn nhân và đời sống của phụ nữ, và là nữ thần bảo hộ của Argos và Samos. (BT)

^[5] Delphi là một trấn ở Phocis (miền trung Hy Lạp), là nơi tọa lạc của ngôi đền thờ Gaia thời tiền cổ đại Hy Lạp và đến thời cổ đại trở thành đền thờ thần Apollo sau khi thần diệt rắn thần khổng lồ Python – con trai của Gaia – canh giữ ngôi đền đó. Apollo là vị thần ban lời tiên tri ở đền Delphi, trong cuốn sách này khi đề cập đến vị thần ở Delphi là ngụ ý thần Apollo. (BT)

^[6] Phaeacia (hay còn gọi là Scheria) là một xứ sở trong thần thoại Hy Lạp, được Homer nhắc đến trong sử thi *Odyssey*, là quê xứ của dân Phaeacia, và là nơi cuối cùng Odysseus (nhân vật chính của *Odyssey*) cập bến trong cuộc hành trình 10 năm trước khi về đến quê hương Ithaca của mình. (BT)

^[7] Ambracia nằm ở phía bắc vịnh Ambracia, bên bờ đông sông Arachthos, nguyên là một trấn của Thesprotia ở Epirus, vào thế kỷ VII trước CN bị người Corinth chiếm làm thuộc địa, và phát triển nhanh chóng thành thuộc địa quan trọng nhất của Corinth tại vùng vịnh Ambracia. (BT)

^[8] Leucas (còn gọi là Leucadia) là một đảo trên biển Ionia, ở ngoài khơi bờ biển phía tây của Acarnania; người Corinth kiến lập thuộc địa ở đây từ thế kỷ VII trước CN. (BT)

^[9] Apollonia được đề cập bên trên là một trấn quan trọng của Illyria, nằm ở tả ngạn sông Aous và cách biển không xa, được kiến lập bởi các thực dân từ Corcyra và Corinth năm 588 trước CN (phân biệt với Apollonia ở nhiều nơi khác của Hy Lạp và các khu vực lân cận). (BT)

^[10] Tiếng Anh ‘*Drachma*’ (từ có gốc Hy Lạp), chỉ một đơn vị tiền tệ được sử dụng ở thời Hy Lạp cổ đại; đồng *dracma* bằng bạc được cho là có niên đại từ khoảng giữa thế kỷ thứ VI trước CN, ở mỗi thành bang có trọng lượng khác nhau, trọng lượng chuẩn đồng *dracma* của Athens (Attica) là thông dụng nhất, vào khoảng 4,4 gam. Giá trị các đơn vị tiền tệ cơ bản thời ấy như sau: 6 ô-bôn (‘*oboli*’) = 1 *dracma*, 100 *dracma* = 1 *mina* (*mina*), 60 *mina* = 1 *talăng* (‘*talent*’ theo chuẩn Athens). Các đơn vị này còn là đơn vị đo trọng lượng thời Hy Lạp cổ đại. (ND)

^[11] Megara là trấn thủ phủ của Megaris (một xứ nằm giữa vịnh Corinth và vịnh Saronikos), phía bắc Megara tiếp giáp Boeotia, phía đông và đông bắc giáp Attica, phía nam giáp Corinth, đối diện với đảo Salamis. Thời thịnh vượng Megara đã kiến lập một số thuộc địa như Selymbria, Chalcedon, Byzantium, và Megara Hyblaea ở Sicily... (BT)

^[12] Pale là một trấn nằm ở tây bắc đảo Cephallenia, đảo lớn nhất trong vùng biển Ionia nằm đối diện vịnh Corinth và bờ biển Acarnania. (BT)

^[13] Epidaurus là một trấn nằm bên bờ vịnh Saronikos, cùng với lãnh thổ Epidauria của nó tạo thành một xứ trên lãnh thổ Argolis nhưng độc lập với Argolis. (BT)

^[14] Hermione (hay còn gọi là Ermioni) là một trấn nằm ở điểm cực nam của xứ Argolis. Là một trấn độc lập, nó bị Argos thôn tính vào khoảng năm 464 trước CN; như được đề cập bên trên thì trong cuộc chiến tranh này nó lại được độc lập và đứng về phía Sparta và Corinth. (BT)

^[15] Troezen là trấn thủ phủ của xứ Troezenia ở vùng đông nam Argolis, trên vịnh Saronikos, đối diện với đảo Aegina. Trấn này nằm dịch vào bên trong bờ biển. (BT)

^[16] Thebes là thành bang lớn nhất của Boeotia, nằm ở giữa hồ Hylica và núi Cithaeron, ngọn núi chia cắt Boeotia và Athens. Là một trong những thành bang cường thịnh nhất thời Hy Lạp cổ đại, vào thời cuộc chiến tranh này, Thebes thống trị Liên minh Boeotia bao gồm 11 thành bang. (BT)

^[17] Phlius là một thành độc lập ở đông bắc Peloponnese, thủ phủ của xứ Phliasia, xứ này phía bắc tiếp giáp với Scyon, phía tây giáp Arcadia, phía đông giáp Cleonae và phía nam giáp Argolis. (BT)

^[18] Elis (còn gọi là Eleia hoặc Ilia) là một xứ nằm ở tây bắc bán đảo Peloponnese, phía bắc tiếp giáp Achaea, phía nam giáp Messenia, phía đông giáp dãy núi Arcadia, phía tây giáp biển Ionia. Elis là nơi đầu tiên tổ chức Đại hội Olympic từ năm 776 trước CN (tại khu thánh địa Olympia). (BT)

^[19] Tiếng Anh '*heavy infantry*' chỉ bộ binh được trang bị giáp trụ vũ khí nặng, trái với bộ binh hạng trung và hạng nhẹ được trang bị giáp trụ vũ khí nhẹ hơn. (ND)

^[20] Sicyon là một thành bang quan trọng ở phía bắc bán đảo Peloponnese, nằm giữa Corinth và Achaea, cách phía tây bắc Corinth khoảng 11 dặm. (ND)

^[21] Actium là một doi đất ở tây bắc Acarnania, miền tây Hy Lạp, tại cửa vịnh Ambracia. Thời kỳ đầu Actium thuộc về các thực dân Corinth ở Anactorium. (BT)

^[22] Anactorium là một trấn ở Acarnania, nằm trên vịnh Ambracia, có vị trí thuận lợi cho thương mại hàng hải. Anactorium được Corinth và Corcyra đồng kiến lập. (BT)

^[23] Ở Hy Lạp hoặc La Mã cổ đại, vũ khí của bên chiến bại hoặc các chiến lợi phẩm thường được bên thắng trận chất lên thành đài kỷ niệm chiến thắng. (ND)

^[24] Cyllene là một trấn cảng thuộc Elis, nằm trên bờ biển Ionia, cách Elis khoảng gần 14 dặm, cách phía đông bắc Zakynthos khoảng 18 dặm, cách phía tây bắc Pyrgos khoảng 34 dặm. (BT)

^[25] Đây là cách tính thời gian của riêng Thucydides, vì thời bấy giờ năm tháng được gọi theo tên các quan chấp chính, pháp quan, các lễ hội hoặc các sự kiện trong năm..., và ở mỗi xứ lại khác nhau nên không có một lịch thống nhất. Thucydides vì vậy đã lấy mùa hạ (là mùa chiến sự bắt đầu) và mùa đông (là mùa chiến sự thường đình lại vì giá rét) để làm mốc cho các năm chiến tranh. (ND)

^[26] Thesprotis, còn được gọi là Thesprotia, là một xứ ở Epirus, trải dài theo bờ vịnh Ambracia về phía bắc đến sông Thyamis, phía trong nội địa đến giáp lãnh thổ của dân Molossi. Địa danh này được đặt theo tên của tộc dân Thesproti, là tộc dân cổ nhất ở Epirus. (BT)

^[27] Tức hội nghị dân chủ của Athens (hay ‘*ecclesia*’ trong tiếng Hy Lạp), chính thức được lịch sử ghi nhận từ khoảng năm 621 trước CN, cải cách năm 594 trước CN của Solon (nhà lập pháp và đặt nền tảng dân chủ cho Athens) quy định tất cả nam công dân Athens từ 18 tuổi trở lên đều được tham dự hội nghị này; hội nghị này biểu quyết để quyết định những vấn đề trọng đại của thành bang như thông qua hiến pháp, xử án, bầu ra các vị chấp chính quan và các tướng lĩnh, tuyên bố chiến tranh... Hầu hết các thành bang của Hy Lạp đều có hình thức hội nghị công dân như *ecclesia* của Athens. (ND)

^[28] Sông Acheron này ở Thesprotis, Epirus; theo thần thoại Hy Lạp, nó là con sông chảy xuống âm phủ. Một số con sông khác ở Hy Lạp cũng có tên là Acheron, tất cả đều được cho là có liên quan đến cõi âm. (BT)

^[29] Kestrine, còn được gọi là Cestrine, là một xứ ở Epirus, nằm ở phía nam Chaonia. (BT)

^[30] Sybota là tên một nhóm đảo nhỏ ở ngoài khơi Epirus, đối diện với mũi Leucimme của Corcyra. (BT).

^[31] Zacynthus (còn gọi là Zakynthos), một đảo ở ngoài khơi xứ Elis, nằm ở điểm cực nam và là đảo lớn thứ ba trong nhóm đảo Ionia. Thủ phủ của đảo này là trấn Zacynthus. (BT)

^[32] Hải cảng này trùng tên với với nhóm đảo Sybota ở ngoài khơi Epirus, nhưng nằm trên bờ biển Thesprotis thuộc Epirus. (BT)

^[33] Potidaea là một trấn thuộc địa do Corinth kiến lập khoảng năm 600 trước CN, tọa lạc trên eo đất hẹp ở bán đảo Pallene trên lãnh thổ Chalcidice. (BT)

^[34] Pallene là bán đảo ở phía cực tây nhô ra biển Aegea của Chalcidice ở Macedonia. (BT)

^[35] Tiếng Anh ‘*magistrate*’ (từ có gốc Latinh ‘*magistratus*’) có nghĩa ‘*người cai trị*’ chỉ chức vụ quan cai trị cấp cao có cả quyền tư pháp lẫn quyền hành pháp, trong ngữ cảnh này là do thành bang mẹ phái sang các thuộc địa để cai trị. (BT)

^[36] Tức Perdiccas II, vua Macedonia trị vì vào khoảng năm 448-413 trước CN. (BT)

^[37] Thrace, còn được gọi là Thracia, là một xứ rất rộng lớn ở điểm cực đông nam của châu Âu tách khỏi châu Á bởi biển Propontis và hai eo biển Hellespont và Bosphorus. Thời Hy Lạp cổ đại ranh giới của Thrace được xác định như sau: phía bắc giáp sông Ister (tên gọi hạ lưu sông Danube); phía nam giáp biển Aegea, biển Propontis, eo biển Hellespont và miền bắc của Macedonia; phía đông giáp biển Euxine và eo biển Bosphorus; phía tây giáp sông Strymon và các xứ của dân Illyria. Thrace gồm nhiều tộc dân khác nhau có gốc Ấn-Âu, rất thiện chiến. Người Hy Lạp đã kiến lập một số thuộc địa ở Thrace trước cuộc chiến tranh này, nổi bật nhất là Byzantium. (BT)

^[38] Tức Alexander I, vua Macedonia trị vì trong khoảng năm 498-454 trước CN. Khi ông băng hà, con trai cả của ông là Alcetas II lên nối ngôi, 6 năm sau Alcetas bị Archelaus, cháu ruột và là con trai của Perdicas II giết chết, sau đó Perdicas II lên ngôi. Năm 434 trước CN, Philip em trai út của Perdiccas II đã khởi tranh ngôi báu với Perdicas khi tranh thủ được sự ủng

hộ của Athens và Derdas vua xứ Elimeia. Vì vậy Perdiccas đã xúi giục một số thành bang cống nạp cho Athens dấy loạn. (BT)

^[39] Macedonia là một vương quốc ở bán đảo Haemus phía bắc Hy Lạp, phía nam giáp các núi Olympus và Cambunian, các núi này chia cắt Macedonia khỏi Thessaly và Epirus; phía đông giáp sông Strymon, con sông chia cắt Macedonia khỏi Thrace, phía bắc giáp Illyria và Paeonia. (BT)

^[40] Tức dân Chalcis ở Chalcidice. Dân Chalcis nguyên cư ngụ ở Chalcis và một số nơi khác trên đảo Euboea, khoảng thế kỷ VII trước CN thực dân Chalcis sang một bán đảo ở Macedonia, gần Thrace, nơi họ đã kiến lập rất nhiều thuộc địa và vì vậy bán đảo này được gọi là Chalcidice; dân ở Chalcidice cũng được gọi là dân Chalcis, nhưng có thể phân biệt được nhờ ngữ cảnh gần với Thrace hoặc khu vực này. (ND)

^[41] Bottiaea, còn được gọi là Bottia, là một xứ ở vương quốc Macedonia, nằm trên bờ biển của Thrace, bên hữu ngạn sông Axios, thời Thucydides xứ này trải đến xứ Pieria về phía tây; dân bản địa ở Bottiaea là một tộc dân của Thrace, sau bị người Macedonia đuổi, họ sang định cư tại một vùng có tên là Bottice ở Chalcidice. (BT)

^[42] R. Crawley dịch là ‘*colleague*’, bản gốc tiếng Hy Lạp là ‘*strategos*’, chỉ chức vụ chỉ huy hoặc lãnh đạo quân đội của các thành bang ở Hy Lạp thời cổ đại, tương đương với cấp ‘tướng’; riêng Athens sau cuộc cải cách dân chủ năm 508-307 trước CN của Cleisthenes (người đặt nền móng dân chủ cho Athens), Athens hình thành 10 thị tộc, mỗi thị tộc đóng góp một đội quân (‘*taxis*’) do 1 vị *strategos* chỉ huy; chức vụ *strategos* được bầu hằng năm và cấu thành hội đồng gồm 10 vị *strategos* có quyền lực ngang nhau; thông thường, một số *strategos* được chỉ định để đồng chỉ huy một chiến dịch cụ thể. Ngoài quân sự các *strategos* còn tham gia vào chính sự và ngoại giao của thành bang. (BT)

^[43] Olynthus là một trấn ở bán đảo Chalcidice, nằm ở địa đầu vịnh Torone, giữa Pallene và Sithonia, cách Potidaea khoảng 7 dặm; nguyên là một trấn được Chalcis kiến lập trong khoảng thế kỷ VIII-VI trước CN, đến năm 480

trước CN nó bị quân Ba Tư chiếm và trao cho dân Chalcis ở Chalcidice. (BT)

^[44] Mygdonia là một xứ của Thrace thời cổ, sau này bị Macedonia chinh phục, xứ này bao gồm các đồng bằng xung quanh Therme (Therma), cùng các châu thổ Klisali và Besikia, phía đông chạy đến tận sông Axios và bao gồm cả hồ Bolbe; phía bắc giáp Crestonia. (BT)

^[45] Therme, còn được gọi là Therma, là một trấn ở Mygdonia do thực dân Eretria hoặc Corinth kiến lập cuối thế kỷ VII trước CN (sau này bị sáp nhập vào Macedonia), nằm ở cực đông bắc của vịnh Therma trên biển Aegea. (BT)

^[46] Pydna là một trấn ở xứ Pieria của Macedonia, nằm cách vịnh Therma không xa. Trấn này nguyên là thuộc địa của Hy Lạp, sau đó bị Macedonia thôn tính. (BT)

^[47] Bản dịch tiếng Anh dùng từ '*missiles*', chỉ các vật hoặc vũ khí để phóng, quăng, ném hoặc bắn về phía địch như tên, đá, mác, lao... (ND)

^[48] 1 dặm Anh = 1,6093 km. Trong bản dịch của R. Crawley các đơn vị đo lường của Hy Lạp cổ đã được đổi sang đơn vị đo lường của Anh và có dung sai không đáng kể so với bản gốc, trong bản gốc tiếng Hy Lạp khoảng cách này là '*60 stadions*' – '*stadion*' là một đơn vị đo chiều dài của Hy Lạp cổ, 1 *stadion* (Attica) = 184,9 m, như vậy 60 *stadion* tương đương với 6,9 dặm Anh (trong khi đó đơn vị *dặm* của Hy Lạp cổ được gọi là '*milion*', 1 *milion* = 1,479 km). Bản dịch tiếng Việt theo đơn vị đo của Anh. (BT)

^[49] Phormio (hay Phormion, không rõ năm sinh, chết khoảng năm 428 trước CN) là một vị tướng và đô đốc tài ba của Athens đã thắng nhiều trận trước và trong cuộc chiến tranh này và được coi là vị đô đốc vĩ đại đầu tiên trong lịch sử. (BT)

^[50] Chi dân Chalcis ở Chalcidice. (BT)

^[51] Sermylia là một thành của Hy Lạp ở Chalcidice. (BT)

^[52] Chalcidice là một bán đảo lớn ở Macedonia, nằm ở phía nam rặng núi Cissus, giữa vịnh Therma và vịnh Strymon, bao gồm cả 3 tiểu bán đảo (hoặc

mũi đất) là Acte, Sithonia và Pallene nhô ra biển Aegea. Thực dân Chalcis từ Euboea sang và kiến lập nhiều thuộc địa trên bán đảo này vào khoảng thế kỷ VII trước CN nên bán đảo này được gọi là Chalcidice. (BT)

^[53] Bottica, còn gọi là Bottice hoặc Bottike, là một vùng ở Chalcidice, nằm ở phía bắc Olynthus; đây là nơi dân Bottiaea đến cư ngụ sau khi bị dân Macedonia đuổi khỏi Bottiaea. (BT)

Chú thích chương III.

^[1] Liên minh Peloponnese, còn được gọi là Liên minh Sparta, là liên minh quân sự của các thành bang Hy Lạp ở Peloponnese (ngoại trừ Argos và Achaean) do Sparta đứng đầu, được thành lập vào thế kỷ thứ VI trước CN và tồn tại đến thế kỷ IV trước CN. Đại hội Liên minh do Sparta triệu tập, đại hội biểu quyết các vấn đề chiến tranh, hòa bình hoặc liên minh, mỗi thành bang có một phiếu biểu quyết. Liên minh này là hạt nhân đối kháng trong các cuộc xâm lược của Ba Tư (480-479) và đối địch với Liên minh Delos do Athens cầm đầu trong cuộc Chiến tranh Peloponnese. (BT)

^[2] Chỉ đại hội liên minh Peloponnese. (BT)

^[3] Tức Archidamus II, vị vua Sparta thuộc hoàng tộc Euripontid, trị vì trong khoảng năm 476-427 trước CN. Khi dân *Helots* nổi loạn chống lại Sparta sau trận động đất lớn năm 464 trước CN, Archidamus đã tổ chức phòng thủ cho Sparta đánh lui dân *Helots*. Năm 446 trước CN, ông đàm phán và ký bản Hòa ước 30 năm với Pericles – vị tướng kiêm chính khách Athens đương thời. Sau khi cố gắng ngăn cuộc Chiến tranh Peloponnese nổ ra nhưng không thành, Archidamus cầm quân xâm lược Attica vào các năm 431, 430, 428 trước CN, và chỉ huy một chiến dịch đánh Plataea năm 429 trước CN. Ông băng hà năm 427 trước CN. (BT)

^[4] Tức ‘*ephor*’, từ có gốc Hy Lạp, chỉ chức pháp quan tối cao của Lacedaemon, hội đồng gồm 5 vị, các vị đại pháp quan này được các công dân bầu hằng năm và tên của vị pháp quan đứng đầu hội đồng được lấy làm tên của năm mà vị đó đương chức; các đại pháp quan chủ trì các cuộc hội nghị của hội đồng trưởng lão (*Gerousia*) và hội nghị công dân (*apella*), và chịu trách nhiệm thực thi các sắc lệnh do các hội nghị này ban hành. Quyền lực của họ bao gồm tuyên chiến với dân nô lệ (*Helots*), và trong trường hợp khẩn cấp có quyền bắt giữ, bỏ tù và tham gia xét xử cả các vua. Nhiều thành bang của tộc Doris có hội đồng *ephor* tương tự Lacedaemon. (ND)

^[5] Hội nghị công dân của Lacedaemon (‘*apella*’ – từ có gốc Hy Lạp) là hội nghị mà mọi nam công dân đủ 30 tuổi đã phục vụ quân ngũ đều được quyền dự để tham nghị chính sự và biểu quyết những vấn đề trọng đại của thành

bang này do các pháp quan hoặc hội đồng trưởng lão đề xuất, song từ khoảng thế kỷ VII trước CN quyền này của các công dân bị hạn chế bớt và mọi quyết định mà *apella* biểu quyết có thể bị *Gerousia* phủ quyết. *Apella* tương tự *ecclesia* của Athens. (ND)

Chú thích chương IV.

^[1] Mycale là một ngọn núi ở phía nam Ionia (Tiểu Á), phía bắc cửa sông Maeander và đối diện với đảo Samos. (BT)

^[2] Leotychides, hay Leotychidas, (khoảng 545-469 trước CN), là vị vua Sparta thuộc hoàng tộc Eurypontid, và là vị chỉ huy hạm đội Hy Lạp đánh thắng Trận Mycale (năm 479 trước CN) trong cuộc Chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư. Khoảng năm 476 trước CN, ông cầm quân đi trừng phạt gia tộc Aleuad ở Thessaly vì tội theo Ba Tư, nhưng rút quân về sau khi được cho là nhận hối lộ của họ. Ông bị kết án lưu đày và chạy sang Tegea, vì vậy cháu nội của ông là Achidamus II lên nối ngôi. (BT)

^[3] Hellespont là một eo biển hẹp ở tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ, nối thông biển Aegea với biển Propontis. Eo biển này nằm giữa châu Âu và lục địa Tiểu Á như một ranh giới tự nhiên, có vị trí chiến lược và kinh tế rất quan trọng trong lịch sử. (BT).

^[4] Chỉ Darius Đại đế của Ba Tư. (ND)

^[5] Sestos là một trấn của Hy Lạp ở bán đảo Chersonese thuộc lãnh thổ Thrace, nằm bên eo biển Hellespont. Trấn này là thuộc địa của Aeolis, do Lebos kiến lập. (BT)

^[6] Piraeus là trấn cảng trọng yếu của Athens nằm trên vịnh Phalerum cách Athens khoảng 6 dặm về phía tây nam. Thành này gồm 3 cảng: cảng lớn Cantharus và 2 cảng nhỏ Zea và Munichia. Ngay sau năm 460 trước CN, người Athens xây Trường thành từ Munychia đến Athens để Athens liên thông với Piraeus. (ND)

^[7] Tức ‘*archon*’, từ có gốc Hy Lạp, chỉ chức chấp chính quan hoặc chấp chính quan tối cao ở nhiều thành bang Hy Lạp, điển hình là Athens; vào giữa thế kỷ VII trước CN, quyền hành pháp ở Athens nằm trong tay hội đồng gồm 9 vị chấp chính quan, họ cai quản các lĩnh vực quân sự, tôn giáo và tư pháp mà trước đó chỉ thuộc về riêng nhà vua. Ban đầu, chức vụ *archon* chỉ dành cho các quý tộc và là chức vụ suốt đời; từ năm 753-683 trước CN, nhiệm kỳ của các chấp chính quan là 10 năm, và từ năm 682 trước CN trở đi

chức vụ này được bầu mới hằng năm; tên của vị chấp chính quan tối cao được lấy làm tên của năm mà vị này đương nhiệm. Từ thế kỷ V trước CN quyền lực của các *archon* đã suy giảm, chủ yếu chỉ còn quyền xử án. (ND)

^[9] Pausanias (mất khoảng năm 470-465 trước CN) là vị tướng dòng dõi hoàng tộc Agiads của Sparta, chỉ huy quân Hy Lạp thắng trận Plataea trong Chiến tranh Ba Tư (479 trước CN). Là cháu trai của Vua Leonidas I, ông ta trở thành nhiếp chính cho Pleistarchus con trai của Vua Leonidas I khi ngài hy sinh tại trận Thermopylae (năm 480 trước CN). Trận đánh chiếm Byzantium đề cập ở đây xảy ra năm 478 trước CN. (BT)

^[9] Cyprus là một đảo ở phía đông Địa Trung Hải, nằm ngoài khơi Phoenicia, phía nam Sicilia, phía tây Syria. Năm 545 trước CN Cyprus rơi vào ách đô hộ của Ba Tư, Cyprus tham gia với các thành bang Ionia trong cuộc nổi dậy năm 499 trước CN chống lại Đế quốc Ba Tư; cuộc nổi dậy bị đàn áp nhưng Cyprus vẫn duy trì được vị thế tự trị của mình và vẫn có khuynh hướng thân Hy Lạp. (BT)

^[10] Byzantium là một thành nổi tiếng nằm trên bờ eo biển Bosphorus của Thrace; Megara đã kiến lập thuộc địa này năm 657 trước CN. Năm 512 trước CN Darius Đại đế chiếm thành này; sự kiện đề cập bên trên xảy ra năm 479 trước CN. (BT)

^[11] Chỉ quân Ba Tư. (BT)

^[12] Chỉ Xerxes Đại đế của Ba Tư. (ND)

^[13] Tiếng Anh ‘*talent*’ (từ có gốc Hy Lạp ‘*talanton*’) là một đơn vị đo khối lượng, trọng lượng và cũng là đơn vị đo khối lượng các kim loại quý được sử dụng như tiền tệ ở một số quốc gia thời cổ đại; 1 *talent* Attica tương đương với khoảng 25,86 kg. Thời Chiến tranh Peloponnese, 1 *talent* bạc tương đương với tiền lương 1 tháng cho một thủy thủ đoàn 200 người. (ND)

^[14] Tức Liên minh Delos do Athens đứng đầu, được thành lập tại Delos năm 478 trước CN trong thời kỳ Chiến tranh Ba Tư – Hy Lạp, với mục đích ban đầu là chống Ba Tư. Công khổ của Liên minh do 10 vị thủ khố của Athens quản lý. Sau khi chiến thắng quân Ba Tư, nhiều thành bang tán thành

việc giải tán Liên minh, nhưng Athens do đang hưởng lợi từ nguồn lực của Liên minh đã không cho phép giải tán và đàn áp các thành viên ly khai như Naxos và Thasos. Athens vừa sử dụng vũ lực vừa thuyết phục đã mở rộng Liên minh lên đến 140 thành viên năm 454 trước CN, và trên thực tế Liên minh đã trở thành đế chế của Athens. Liên minh Delos tan rã năm 404 trước CN vào cuối cuộc Chiến tranh Peloponnese. (BT)

^[15] Chỉ đền thờ Apollo ở Delos. (BT)

^[16] Hellanicus (480-395 trước CN) là nhà sử học Hy Lạp, các tác phẩm của ông đánh dấu một sự cách tân trong nghệ thuật chép sử. Khoảng 30 tác phẩm được cho là của ông, bao gồm cả tác phẩm *The Priestesses of Hera at Argos* (tạm dịch: *Các Nữ Tư tế đền Hera ở Argos*). (BT)

^[17] Cimon (khoảng năm 510-451 trước CN), là danh tướng đồng thời là chính khách của Athens, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng đế chế Athens sau chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư. Chiến công lớn nhất của ông là đánh bại hạm đội Ba Tư tại cửa sông Eurymedon năm 466 trước CN. (BT)

^[18] Miltiades (khoảng năm 554-489 trước CN) cha của Cimon, là một danh tướng của Athens, ông chỉ huy các lực lượng Athens đánh thắng quân Ba Tư tại Trận Marathon năm 490 trước CN. (BT)

^[19] Eion là một trấn thuộc địa của Eretria ở Macedonia, Thrace, nằm ở cửa sông Strymon, cách trấn Amphipolis gần 3 dặm; Eion chính là cảng của Amphipolis. (BT)

^[20] Biển Aegea là một nhánh của Địa Trung Hải, nằm giữa Hy Lạp ở phía tây và Tiểu Á ở phía đông. Biển này nối thông qua các eo biển Hellespont, biển Propontis và eo biển Bosphorus chạy vào biển Euxine. (BT)

^[21] Dolopia là một xứ miền núi ở phía tây Hy Lạp, nằm ở phía bắc Aetolia, giữa Epirus và Thessaly. (BT)

^[22] Carytus là một thành bang của Euboea. (BT)

^[23] Naxos là đảo lớn nhất trong nhóm đảo Cyclades của Hy Lạp, là trung tâm của nền văn hóa Cyclades cổ và là hải cảng quan trọng trong khu vực (phân biệt với thành Naxos ở Sicily). Năm 490 trước CN, đảo này bị Ba Tư

chiếm; Naxos ly khai khỏi Ba Tư năm 480 trước CN và tham gia liên quân Hy Lạp trong Trận Salamis, sau đó gia nhập Liên minh Delos. Sự kiện Naxos ly khai Liên minh Delos nêu trên xảy ra năm 471 trước CN. (BT)

^[24] Sông Eurymedon bắt nguồn từ Antalya ở Tiểu Á, chảy về hướng nam qua các xứ Pisidia và Pamphylia rồi đổ ra Địa Trung Hải. Đây là nơi diễn ra Trận Eurymedon vào khoảng năm 469 trước CN. (BT)

^[25] Thasos là một hải đảo rộng lớn của Hy Lạp ở cực bắc biển Aegea, nằm ngoài khơi phía tây nam đồng bằng sông Nestos của Thrace; đảo này có nhiều mỏ vàng. Thế kỷ VII trước CN, thực dân Hy Lạp từ Paros chiếm đảo này làm thuộc địa và khai thác những mỏ vàng ở đây. Thasos gia nhập Liên minh Delos sau chiến thắng cuộc xâm lược của Xerxes Đại đế. Sự kiện Thasos ly khai Liên minh Delos xảy ra vào năm 465 trước CN. (BT)

^[26] Amphipolis là một trấn của Macedonia bên bờ đông sông Strymon, cách biển Aegea khoảng 3 dặm; trấn này kiểm soát cây cầu bắc qua sông Strymon và con đường từ bắc Hy Lạp đến Hellespont, bao gồm cả lối tiếp cận phía tây vào vùng núi Pangaeum nơi có nhiều rừng già và các mỏ vàng và bạc của Thrace. Sự kiện nói trên xảy ra vào khoảng năm 465 trước CN. (BT)

^[27] Edonia, còn gọi là Edonis, là một xứ nằm ở phía đông Chalcidice, giữa sông Netus và sông Strymon. Dân Edonia là một tộc dân của Thrace. Sau này Edonia bị người Hy Lạp chiếm làm thuộc địa và kiến lập các thuộc địa bao gồm cả Amphipolis, Eion. (BT)

^[28] Trận động đất này xảy ra năm 464 trước CN. (BT)

^[29] *Helots* (số nhiều) chỉ nhóm dân bị nô dịch (còn gọi là nô lệ công), nhóm dân này được coi là cư dân đầu tiên của Laconia. Thế kỷ VIII trước CN, Sparta xâm chiếm Messenia và biến dân Messenia thành *Helots*. Họ được giao cho những chủ nhân người Sparta để canh tác trên đất mà họ thuê lại. Chủ của họ không thể bán cũng không thể trả tự do cho họ, và họ được phép tích lũy của cải sau khi đã trả phần tô tức trên đất canh tác thuê. Cuộc nổi dậy ly khai của dân *Helots* và dân *Perioeci* nói trên nổ ra năm 464 trước CN, được gọi là cuộc Chiến tranh Messenia III. (ND)

^[30] *Perioeci* (số nhiều) chỉ nhóm dân tự trị gồm những cư dân tự do nhưng không có quyền công dân của Sparta, sống ở các vùng duyên hải và cao nguyên của Laconia. Khi Sparta mới kiến lập (thời Tiền Trung cổ Hy Lạp, khoảng năm 1100-800 trước CN) và chiếm cứ các đồng bằng quanh sông Eurotas, các cộng đồng dân cư đã sinh sống ở vùng này không thể đồng hóa với người Sparta cũng không bị nô lệ hóa như *Helots*, họ trở thành dân *Perioeci* và định cư trong những khu vực riêng mà hầu hết thuộc quyền kiểm soát của Sparta nhưng có quyền tự trị trong công việc nội bộ. Lại có thuyết cho rằng người Doris định cư ở Laconia gồm 5 tộc dân, tộc Sparta sau này hùng mạnh hơn cả đã đánh bại các tộc khác, các tộc còn lại trở thành *Perioeci*. (ND)

^[31] Thuria là một trấn ở Messenia, Peloponnese; trấn này nằm ở đồng bằng phía nam Messenia, trên sông Aris. Đây là một trong những trấn lớn của dân *Perioeci* ở Lacedaemon sau khi Messenia bị chinh phục. (BT)

^[32] Aethaea là một trấn của Messenia nhưng không rõ vị trí địa lý. (ND)

^[33] Ithome là tên một pháo đài ở núi Ithome, một ngọn núi ở phía bắc của Messenia; đây là nơi dân Messenia nổi dậy lần cuối chống Sparta trong cuộc ly khai nói trên. (BT)

^[34] Messenia là một xứ ở tây nam bán đảo Peloponnese, phía đông giáp Laconia mà ranh giới là dãy núi Taygetos, phía bắc giáp Elis và Arcadia, phía nam giáp vịnh Messenia và phía tây giáp biển Ionia. (BT)

^[35] Chỉ cuộc Chiến tranh Messenia I (743-724 trước CN) giữa Messenia và Sparta khởi phát từ cuộc xâm lược của người Doris, sau 2 thập kỷ chiến tranh dân Messenia thua trận bị nô lệ hóa trở thành dân *Helots*. (BT)

^[36] Argos là thành bang thủ phủ của xứ Argolis, nằm cách biển khoảng 2 hoặc 3 dặm, bắc giáp Phlius, Cleonae và Corinth, nam giáp vịnh Argolis và Cynuria, tây giáp Epidaurus, đông giáp Arcadia. Argos từng là thành bang bá chủ ở Peloponnese và đánh bại Sparta khoảng đầu thế kỷ vp trước CN, cho đến khi Sparta quật khởi và đánh bại Argos (khoảng năm 547 và 494 trước CN). (BT)

^[37] Những sự kiện kể trên là nguyên nhân chính dẫn đến cuộc Chiến tranh Peloponnese I. (BT)

^[38] Naupactus là một trấn quan trọng trên lãnh thổ của dân Locri Ozoli, và là hải cảng tốt nhất ở bờ bắc vịnh Corinth, nằm ngay cửa vịnh, gần mũi Antirrhium. Trấn này bị Athens chiếm năm 455 trước CN, sau cuộc Chiến tranh Messenia III. (BT)

^[39] Pegae là một trấn cảng thuộc Megara, nằm ở phía tây Megara, trên vịnh Corinth. Sự kiện Megara theo phe Athens xảy ra năm 455 trước CN. (BT)

^[40] Nisaea là cảng chính của Megara, nằm cách Megara khoảng 1,5 dặm. (BT)

^[41] Libya là một xứ ở châu Phi, nằm giữa Ai Cập, Ethiopia và bờ biển Atlantic, phía bắc giáp Địa Trung Hải, phía nam giáp sông Oceanus. (BT)

^[42] Marea là một trấn nằm trên vị trí tiền đồn trọng yếu ở Hạ Ai Cập, cách Alexandria không xa và giáp ranh với Libya. (BT)

^[43] Pharos là một hải đảo của Ai Cập. (BT)

^[44] Tức vua Artaxerxes I (băng hà năm 425 trước CN), trị vì Ba Tư từ năm 465-425 trước CN, con trai của Xerxes Đại đế và là cha của các vua Xerxes II, Secydianus và Darius II. Cuộc Chiến tranh Peloponnese diễn ra trong khoảng năm 431-404 trước CN có liên quan đến các triều đại Ba Tư từ Vua Artaxerxes I đến Vua Darius II. (BT)

^[45] Memphis là một thành lớn thứ hai của Hạ Ai Cập thời cổ đại, sau Thebes ở Thượng Ai Cập. Memphis nằm ở phía nam đồng bằng sông Nile và là một trung tâm quan trọng suốt một thời gian dài trong lịch sử Ai Cập. (BT)

^[46] Media là một xứ trù mật ở Tiểu Á, nằm phía trên Ba Tư; Media là một xứ quan trọng thuộc Đế quốc Ba Tư dưới triều đại Achaemenid. Dân ở đây có gốc Ấn-Âu và cùng dòng giống với dân Ba Tư. (BT)

^[47] Haliae còn được gọi là Halieis, một trấn của xứ Halias trên bờ biển Argolis, giữa Hermione và Asine. (ND)

^[48] Cecruphalia còn được gọi là Cecryphaleia, một hải đảo nhỏ nằm giữa Aegina và bờ biển của Epidaurus. (ND)

^[49] Geraneia là rặng núi ở xứ Corinthia và ở phía tây Attica. (BT)

^[50] Megarid, còn gọi là Megaris, là một xứ nhỏ nhưng trù mật ở phía tây Attica và phía bắc Corinthia, nằm giữa vịnh Saronikos và vịnh Corinth; Megara là thủ phủ của xứ này. (BT)

^[51] Phalerum là một hải cảng của Athens, nằm cách Athens khoảng hơn 3 dặm về phía tây nam, trên vịnh Saronikos. Cảng này là cảng chính của Athens trước khi Themistocles phát triển cụm 3 cảng tự nhiên ở Piraeus năm 491 trước CN. (BT)

^[52] Phocis là một xứ ở miền trung Hy Lạp, phía bắc giáp lãnh thổ của các tộc Locri Epicnemidii và Locri Opuntii, phía đông giáp Boeotia, phía tây giáp lãnh thổ của tộc Locri Ozoli và Doris, phía nam giáp vịnh Corinth; xứ này có tầm quan trọng nhờ có ngôi đền Delphi. (BT)

^[53] Doris là một xứ không lớn lắm ở miền trung Hy Lạp, giáp giới với Aetolia, nam Thessaly, Phocis và lãnh thổ của dân Locri Ozoli; nằm giữa rặng núi Oeta và Parnassus, bao gồm 4 trấn nhỏ là Erinium, Boeum, Kytinium và Pindus. Doris được coi là quê hương của tộc Doris đã xâm lược Peloponnese, có tầm quan trọng vì kiểm soát con đường từ Heraclea ở Itrachis đến Amphissa. Sự kiện Phocis xâm lược Doris xảy ra khoảng năm 437 trước CN, trong cuộc Chiến tranh Peloponnese I. (BT)

^[54] Nicomedes là một vị tướng dòng dõi hoàng tộc Agiad của Sparta, anh em ruột với Pausanias – vị tướng Sparta tư thông với Ba Tư, và là chú ruột của Pleistoanax – vị vua của hoàng tộc Agiad ở Sparta. Nicomedes là vị tướng chỉ huy chiến dịch giải cứu Doris và Trận Tanagra (năm 457 trước CN) trong cuộc Chiến tranh Peloponnese I. (ND)

^[55] Vịnh Crisae (hay vịnh Crissa) được gọi theo tên trấn Crisae (hay Crissa) của Phocis, nằm ở phía tây nam Delphi; tên này được lấy đặt cho vịnh nằm dưới chân trấn, và tên này còn được dùng để gọi vùng vịnh này mở rộng đến toàn bộ vịnh Corinth hầu như suốt thời cổ đại. (BT)

^[56] Từ ‘*Dân chủ*’ (*Democracy*) có gốc Hy Lạp ‘*dēmokratía*’, có nghĩa ‘*sự cai trị của toàn dân*’, được ghép từ ‘*dēmos*’ tức là ‘*nhân dân*’ và ‘*krátos*’ tức là ‘*cai trị*’. Ở thế kỷ thứ V trước CN, từ này chỉ thể chế chính trị ở một số thành bang Hy Lạp, nổi bật là Athens. (ND)

^[57] Chỉ 2 thành lũy chạy dài từ Athens đến Phalerum và Piraeus, riêng ‘*Trường Thành*’ của Athens được viết hoa như một địa danh. (ND)

^[58] Tanagra là một trấn của Boeotia, nằm ở tả ngạn sông Asopus, cách Oropus không xa. Trận đánh đề cập bên trên là Trận Tanagra diễn ra năm 457 trước CN. (BT)

^[59] Túc Eo đất Corinth, chia tách vịnh Saronikos ra khỏi vịnh Corinth và nối bán đảo Peloponnese với Hy Lạp đại lục. Riêng Eo đất Corinth trong sách này được viết tắt là ‘*Eo đất*’ và viết hoa như địa danh. (BT)

^[60] Oenophyta là một trấn của Boeotia nằm ở tả ngạn sông Asopus, giữa núi Teumessus và Attica. Trận đánh đề cập bên trên diễn ra năm 456 trước CN. (BT)

^[61] Chỉ vua Artaxerxes I của Ba Tư. (ND)

^[62] Megabazus, còn gọi là Megabyzus, là một trong những vị tướng nổi tiếng nhất của Đế chế Achaemenid Ba Tư từ thời Darius Đại đế; là con trai của Zopyrus và anh vợ của Xerxes Đại đế, Megabazus đã theo Xerxes Đại đế đi chinh phạt Hy Lạp và lập nhiều công trạng. Dưới triều đại của Artaxerxes I con trai của Xerxes I, Megabazus được phong làm Phó vương Syria. (BT)

^[63] Cyrene là một thành quan trọng của Hy Lạp ở Bắc Phi, nằm giữa Alexandria và Carthage; thành này do Battus dẫn đoàn thực dân từ Thera (một đảo trong nhóm đảo Sporades ở biển Aegea) sang đó kiến lập năm 631 trước CN. (BT)

^[64] Cuộc viễn chinh Ai Cập của Liên minh Delos được cho là bắt đầu khoảng năm 461 hoặc 460 trước CN, kể từ sự kiện Vua Iranos của Libya dấy loạn. (BT)

^[65] Pharsalus, còn được gọi là Pharsalos, là một trong những thành quan trọng của Thessaly, nằm ở xứ Thessalotis gần biên giới với Phthiotis, bên tả ngạn sông Enipeus và dưới chân núi Narthacium. (BT)

^[66] Pericles (495-429 trước CN), hậu duệ của gia tộc Alcmaeonid, là chính khách, nhà hùng biện đồng thời là vị tướng quân nổi tiếng và có ảnh hưởng nhất của Athens trong thời Chiến tranh Ba Tư và 2 cuộc Chiến tranh Peloponnese; ông còn là người ủng hộ và góp phần biến Athens thành trung tâm văn hóa, giáo dục và đạt đỉnh cao về kiến trúc; ông cũng là người nhiệt thành cổ vũ nền dân chủ Athens. (BT)

^[67] Achaea, còn được gọi là Achaia, là một xứ nằm ở bờ biển phía bắc Peloponnese, phía bắc giáp vịnh Corinth và biển Ionia, phía nam giáp Elis và Arcadia, phía tây giáp biển Ionia, phía đông giáp Sycion (phân biệt với Achaea Phthiotis ở Thessaly). (BT)

^[68] Oeniadae là một trấn cảng ở cửa sông Achelous, và là một trong những trấn quan trọng trong lãnh thổ Acarnania. (BT)

^[69] Kitium, còn gọi là Citium, là một trấn ở bờ biển phía nam đảo Cyprus, cách Salamis khoảng 23 dặm. (BT)

^[70] Salamis là một thành bang quan trọng của Cyprus, nằm ở bờ biển phía đông của đảo này (phân biệt với đảo Salamis ở phía tây Attica của Hy Lạp nơi diễn ra Trận Salamis). (BT)

^[71] Cilicia, còn gọi là Kilikia, là một vùng duyên hải phía đông nam Tiểu Á, phía tây giáp núi Taurus, phía đông giáp núi Amanus, phía nam giáp Địa Trung Hải. Vào thời Chiến tranh Peloponnese, nơi này thuộc quyền kiểm soát của Ba Tư nhưng là lãnh thổ bán tự trị. (BT)

^[72] Orchomenus là một thành giàu có và hùng mạnh ở phía bắc Boeotia, thời tiền sử là kinh thành của Minya ở Thessaly, thường được gọi là Orchomenus của Minya để phân biệt với Orchomenus của Arcadia. (BT)

^[73] Chaeronea là một trấn trên núi Petrachus, gần biên giới Phocis, canh gác lối vào đồng bằng phía bắc Boeotia. (BT)

^[74] Coronea, còn gọi là Coroneia, là một trấn của Boeotia và là thành viên trong Liên minh Boeotia, trấn này nằm trên ngọn đồi gần núi Helicon (phân biệt với trấn Coronea ở Phthiotis của Thessaly). (BT)

^[75] Eulexis là một thành nằm trên đồng bằng Thria cách Athens khoảng 14,5 dặm về phía tây, đối diện với đảo Salamis. Thành này độc lập cho đến thế kỷ VII trước CN mới bị Athens sáp nhập. (BT)

^[76] Thrius, còn gọi là Thria, là tên một đồng bằng màu mỡ ở Attica. (BT)

^[77] Pleistoanax (trị vì năm 458-409 trước CN) là vị vua thuộc hoàng tộc Agiad của Sparta, đồng cai trị với Vua Archidamus, và là con của Pausanias, kẻ bị kết tội tư thông với Ba Tư. (BT)

^[78] Histiaea, còn được gọi là Oreus, là một trấn trên đảo Euboea, nằm gần bờ biển phía bắc của đảo, trên sông Callas, dưới chân núi Telethrium; là một trấn quan trọng vì vị trí chiến lược của nó ở cửa vịnh Bắc Euboea, giữa trung tâm của một đồng bằng rộng lớn và màu mỡ. (BT)

^[79] Hòa ước này được ký vào mùa đông năm 446-445 trước CN, đánh dấu chấm hết cho cuộc Chiến tranh Peloponnese I giữa Athens và Sparta. (BT)

^[80] Tức Achaea. (BT)

^[81] Miletus là một thành phồn thịnh nhất trong 12 thành Ionia ở phía tây Tiểu Á, nằm đối diện cửa sông Maeander, trên lãnh thổ Caria. Khi thực dân Ionia sang Tiểu Á, Miletus đã là một trấn có dân Caria sinh sống. Năm 499 trước CN Miletus đứng đầu các thành Ionia nổi dậy chống Ba Tư, mở màn cuộc Chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư, và bị quân Ba Tư phá hủy năm 494 trước CN. Sau khi liên quân Hy Lạp thắng cuộc chiến này (479 trước CN), Miletus gia nhập Liên minh Delos của Athens. (BT)

^[82] Priene là một trong 12 thành Ionia nằm ở góc tây bắc Caria, dưới chân núi Mycale, về phía bắc sông Maeander. Cũng như các thành Ionia khác, Priene tham gia cuộc nổi dậy chống Ba Tư và gia nhập Liên minh Ionia. (BT)

^[83] Lemnos là một đảo của Hy Lạp ở biển Aegea nằm ở khoảng giữa núi Athos ở phía đông bắc lục địa Hy Lạp và eo biển Hellespont. Năm 477 trước

CN, đảo này gia nhập Liên minh Delos. (BT)

^[84] Pissuthnes là Phó vương của Sardis (hoặc Lydia) vào khoảng trước năm 440-415 trước CN. (BT)

^[85] Sardis, còn gọi là Sardes, là một trong những thành cổ nhất và nổi tiếng nhất ở Tiểu Á, kinh đô của vương quốc Lydia; vào thế kỷ VII trước CN, khoảng năm 546 trước CN Sardis bị Ba Tư chiếm. (BT)

^[86] Tragia là một đảo nhỏ nằm ở điểm cực bắc của nhóm đảo Dodecanese của Hy Lạp ở biển Aegea, ngoài khơi bờ biển phía nam của Samos. (BT)

^[87] Caunus, còn được gọi là Kaunos, là một thành của xứ Caria ở Tiểu Á. (BT)

^[88] Stesagoras là vị tướng chỉ huy quân Samos. (BT)

^[89] Nhân vật trùng tên với tác giả nhưng không tìm được thông tin tiểu sử. Cuộc chiến ở Samos xảy ra khoảng năm 440-439 trước CN, tác giả sinh khoảng năm 460 trước CN, đến năm 424 trước CN ông mới được bầu làm một trong 10 vị tướng của Athens trong năm đó. (BT)

^[90] Hagnon là vị tướng và chính khách của Athens, năm 437-436 trước CN ông đã dẫn một đoàn thực dân đi kiến lập thành Amphipolis ở Thrace. (BT)

Chú thích chương V

^[1] Chỉ sự kiện Xerxes Đại đế triệt thoái phần lớn quân Ba Tư khỏi Hy Lạp sau khi bị Liên quân Hy Lạp đánh bại tại Trận Salamis (năm 480 trước CN). (BT)

^[2] Chỉ đền thờ thần Zeus ở thánh địa Olympia. Olympia là một địa điểm nằm gần bờ biển phía tây của Peloponnese, ban đầu thuộc về Pisa (thủ phủ của xứ Elis ở Peloponnese), sau khi Elis phá hủy thành này (năm 572 trước CN), cái tên Olympia được mở rộng đến toàn bộ địa hạt đó, nhưng Olympia không phải là một trấn riêng biệt. Olympia là khởi nguồn của Đại hội Olympic mà ban đầu là lễ hội tôn vinh thần Zeus. (BT)

^[3] Tức nữ thần Athene (hay Athens), vị thần bảo hộ của Athens. Theo thần thoại Hy Lạp, Athene là nữ thần của trí tuệ, lòng dũng cảm, luật pháp và công lý, toán học, sức mạnh, chiến thuật, nghệ thuật...; tên của thành Athens được cho là đặt theo tên vị nữ thần này. Đền thờ Athene ở Acropolis của Athens là một trong những ngôi đền chính thờ vị nữ thần này. (Giải lời nguyền trong ngữ cảnh này có nghĩa là đuổi những kẻ bị nguyền rủa ra khỏi xứ). (BT)

^[4] Nguyên từ ‘*acropolis*’ thường được dịch ra tiếng Việt là *vệ thành* (từ này có gốc Hy Lạp ghép từ ‘*akros*’ hoặc ‘*akron*’ với nghĩa ‘*cao nhất*’, và ‘*polis*’ với nghĩa ‘*thành*’, ‘*acropolis*’ dịch nghĩa từ là ‘*thượng thành*’, được mô tả là một tòa thành vì mục đích phòng vệ mà được xây dựng trên một khu vực cao như quả đồi dốc đứng xung quanh, ở nhiều nơi *acropolis* trở thành hạt nhân của các thành lớn thời cổ, như *Acropolis* của Athens (được dùng như một danh từ riêng chỉ địa danh), hoặc của Argos, Corinth, Thebes... (ND)

^[5] *Zeus Meilichios* là một trong những danh hiệu của thần Zeus, từ ‘*Meilichios*’ có nghĩa ‘*độ lượng*’, ‘*nhân từ*’. (ND)

^[6] Taenarus là một mũi đất ở Laconia, tạo thành điểm cực nam của Peloponnese, tên này được đặt tên theo tên của Taenarus con trai thần Zeus,

người đã cùng các anh em trai là Calabrus và Geraestus đến đây và dựng ngôi đền thờ thần Poseidon được gọi là đền Taenarum. (BT)

^[7] Chỉ ngôi đền bằng đồng thờ nữ thần Athene ở Sparta, là ngôi đền lớn nhất nằm trong thành Sparta; trong cuốn ‘*Mô tả Hy Lạp*’ của nhà địa lý Hy Lạp Pausanias (khoảng năm 110-180 sau CN) có viết: “... Ở đây [*Sparta*] có một đền thờ Athene, vị nữ thần vừa được gọi là *Polioukhos* (Nữ thần bảo hộ thành) vừa được gọi là *Khalkionkon* (Nữ thần Ngôi Đền Đồng...)”. (ND)

^[8] Chỉ Xerxes Đại đế của Ba Tư. (ND)

^[9] Byzantium nằm ở bờ eo biển Bosphorus, eo biển này tạo thành một phần ranh giới giữa châu Âu và châu Á. (ND)

^[10] Daskylion, còn gọi là Dascylium, là trấn thủ phủ của Hellespontine Phrygia (một xứ của Ba Tư ở tây bắc Tiểu Á), trấn này nằm bên hồ Dascylitis, ở khoảng giữa bờ biển Propontis và hồ Apolloniatis. (ND)

^[11] Plataea là một thành nằm ở phía đông nam Boeotia, phía nam Thebes. Trận Plataea là trận chiến giữa Hy Lạp và Ba Tư diễn ra năm 479 trước CN, trên sườn núi Cithareon gần Plataea, quân Sparta do Pausanias chỉ huy đã thắng trận này, đánh dấu chấm hết cho nỗ lực xâm lược Hy Lạp của Ba Tư. (BT)

^[12] Coloniae, còn được gọi là Kolonai, là một trấn nhỏ của Hy Lạp ở tây nam Troad (Tiểu Á). (BT)

^[13] Troad, hay còn gọi là Troas, là lãnh thổ của Troy (Ilium), nằm ở vùng đông bắc của Mysia (Tiểu Á), phía tây giáp biển Aegea, phía tây bắc giáp eo biển Hellespont, phía nam giáp bờ vịnh Adramyttium, phía đông bắc và đông giáp eo biển Hellespont và một phần của Propontis; thành Troy nằm trên vùng đồng bằng của lãnh thổ này. (BT)

^[14] *Scytale* là một đoạn gỗ thuôn một đầu, có cuốn một dải băng bằng da, thông điệp được viết lên dải băng da đó, khi mở ra các chữ sẽ rối loạn và tạo thành dạng mã hóa; để đọc được thông điệp, dải da này phải được cuốn lên một đoạn gỗ khác có đường kính hệt như đoạn gỗ được gửi, nội dung văn bản sẽ tái hiện. Cách thức truyền tin mật này được gọi là mã hóa chuyển vị,

và được người Hy Lạp thời bấy giờ, đặc biệt là người Sparta, sử dụng rộng rãi trong quân sự. (ND)

^[15] Một tên khác của thần Apollo, được cả thần thoại Hy Lạp lẫn La Mã sử dụng, với ý nghĩa ‘*vị thần của ánh sáng*’. (ND)

^[16] Argilus là trấn quan trọng nhất ở xứ Bisaltia, nguyên của Thrace, vào thời cuộc chiến tranh này đã bị Macedonia thôn tính; Argilus nằm giữa Amphipolis và Bromiscus, trải dài đến hữu ngạn sông Strymon. Trấn này do thực dân từ Andros đến kiến lập. (BT)

^[17] Molossia, còn gọi là Molossis, là một xứ ở Epirus, trải từ phía tây bờ sông Arachthus đến vịnh Ambracia; theo thần thoại Hy Lạp tộc dân Molossia là hậu duệ của Achilles, vị anh hùng trong Chiến tranh thành Troy. (BT)

^[18] Vua Alexander I, vị vua thứ 10 của vương quốc Macedonia, trị vì từ khoảng năm 498-454 trước CN; khi ông lên ngôi thì Macedonia đã là một xứ chư hầu của Ba Tư. Ông băng hà năm 454 trước CN. (BT)

^[19] Ephesus là một trong 12 thành Ionia, nằm ở Lydia, Tiểu Á. Vào thời kỳ đầu cuộc nổi dậy của các thành Ionia chống Ba Tư, Ephesus là căn cứ cho một cuộc tấn công của Ionia vào Sardis; sau đó thành này lại theo Ba Tư một thời gian dài, đến năm 454 trước CN Ephesus trở thành một thành phải cống nạp cho Athens. Themistocles bị trục xuất khoảng năm 470 trước CN, ông sống ở Argos ít lâu rồi mới xảy ra cuộc truy đuổi nói trên, vì Artaxerxes I lên ngôi năm 465 trước CN nên có thể suy luận ông đến Ephesus cũng khoảng năm đó. (BT)

^[20] Sau khi thua trận Salamis, Xerxes I rút quân về lập trại nghỉ đông ở Thessaly; sợ rằng quân Hy Lạp sẽ phá những cây cầu phao (mà ông đã cho bắc từ Hellespont sang Thrace để lấy đường cho quân Ba Tư từ châu Á sang Hy Lạp), cắt đứt đường về và giam quân Ba Tư ở châu Âu, Xerxes quyết định rút phần lớn đạo quân của mình về nước. Theo Thucydides thuật lại bên trên thì Themistocles tự nhận là đã giúp Xerxes trong việc bảo vệ những cây cầu này. (BT)

^[21] Asiatic Magnesia (tức là *Magnesia thuộc châu Á*): ở Tiểu Á có 2 thành có tên là Magnesia là Magnesia ad Meandrum ở tây nam Lydia và Magnesia ad Sipylum ở tây bắc Lydia; Themistocles được phong làm phó vương của Magnesia ad Meandrum, một thành nằm bên sông Lethaeus, phụ lưu của con sông Maeander. (BT)

^[22] Lampsacus là một thành quan trọng của Mysia ở Tiểu Á, nằm trên bờ eo biển Hellespont; là thuộc địa của Phocaea và nổi tiếng về rượu vang. (BT)

^[23] Myos, còn được gọi là Myus, là thành nhỏ nhất trong Liên minh Ionia, nằm trên lãnh thổ Caria, bên bờ sông Maeander. (BT)

Chú thích chương VI.

^[1] Chrysis là nữ tư tế ở đền thờ nữ thần Hera ở Argos vào thời cuộc chiến tranh này. (BT)

^[2] Tức là năm 431 trước CN, thời điểm nổ ra cuộc Chiến tranh Peloponnese. (BT)

^[3] ‘*Boeotarch*’ (từ có gốc Hy Lạp) chỉ chức tướng quân đồng thời là thành viên hội đồng chấp chính của Liên minh Boeotia, do mỗi bang bầu ra và đại diện cho bang đó tham gia Liên minh (là liên minh của các bang có chủ quyền ở Boeotia do Thebes đứng đầu, được thành lập vào khoảng năm 550 trước CN, đến khoảng năm 431 trước CN phát triển thành một liên bang bao gồm 11 bang). Các *boeotarch* được bầu lại hằng năm, vào thời Chiến tranh Peloponnese, mỗi bang bầu một *boeotarch* vào hội đồng chiến tranh, riêng Thebes bầu 2 vị; nhiệm vụ chính của các *boeotarch* là lãnh đạo quân sự: họ quyết định bằng cách biểu quyết các vấn đề liên quan, họ cũng tham gia công việc điều hành Liên minh như các *strategos* của Athens. (ND)

^[4] Ở Hy Lạp thời cổ đại, 1 ngày (24 tiếng) được tính từ lúc mặt trời lặn hôm trước đến lúc mặt trời lặn hôm sau, đêm được tính là 12 tiếng ($\frac{1}{2}$ ngày), chia làm 4 phiên gác, mỗi phiên 3 tiếng. (BT)

^[5] Chỉ con sông Asopus ở Boeotia, bắt nguồn từ núi Cithaeron và chảy qua Plataea đổ ra eo biển Euripus. Ở thượng nguồn, con sông này tạo thành ranh giới giữa Thebes và Plataea. Ở Hy Lạp có một số sông khác cũng mang tên Asopus. (BT)

^[6] Chỉ Artaxerxes I của Ba Tư. (BT)

^[7] Cephallenia, còn gọi là Cephalonia hay Kefalonia, là hải đảo lớn nhất trong nhóm đảo Ionia ở biển Ionia, nằm đối diện với vịnh Corinth và bờ biển của Acarnania, ở phía tây vịnh Patras (một nhánh của biển Ionia). (BT)

^[8] Pellene là một trong 12 thành của Achaean, nằm ở phía cực đông của xứ này, phía đông giáp Sicyon, phía tây giáp Aegeira (phân biệt với trấn Pellene ở Laconia). (BT)

^[9] Crete là một đảo nằm ở phía đông Địa Trung Hải và là đảo lớn thứ 5 trong vùng biển này, đồng thời là đảo lớn nhất và đông dân nhất của Hy Lạp. (BT)

^[10] Melos là một hải đảo thuộc nhóm đảo Cyclades, nằm ở cực tây nam của nhóm đảo này. (BT)

^[11] Thera là đảo quan trọng nhất trong nhóm đảo Sporades, nằm ở cực nam của nhóm đảo này (một số từ điển mới hơn cho rằng Thera nằm trong nhóm đảo Cyclades). (BT)

^[12] Munychia là quả đồi dốc đứng ở Piraeus, tạo thành thành trì cho các hải cảng của Athens. (BT)

^[13] Theo thần thoại Hy Lạp, Cecrops được coi là vị vua đầu tiên của Attica, ông cưới con gái của Vua Actaeus và nối ngôi vị vua này. Truyền thuyết kể rằng ông là người đặt ra các luật hôn nhân và sở hữu tài sản cùng hình thức thờ phụng mới; việc bãi bỏ tục hiến tế bằng người, đặt ra tục chôn người chết và sáng tạo ra chữ viết đều được cho là công của ông. Ông được cho là nảy sinh từ lòng đất Attica và vì vậy có hình dạng nửa trên là người, nửa dưới là rắn. (BT)

^[14] Theseus là một anh hùng vĩ đại của Attica, theo thần thoại Hy Lạp, ông là con trai vua Aegeus của Athens và Aethra con gái vua Pitheus xứ Troezen (hoặc con trai của thần biển Poseidon và Aethra). Chiến công huyền thoại của ông là giết Minotaur, quái vật mình người đầu trâu canh mê cung ở đảo Crete. Ông đã mở rộng lãnh thổ Attica đến tận Eo đất Corinth. (BT)

^[15] Theo thần thoại, Eumolpus là thủy tổ của một thị tộc gồm các đại tư tế được gọi là các *Eumopid* ở trấn Eulexis ở phía tây Athens, truyền thuyết cho rằng ông là con của thần biển Poseidon và Chion (cô gái Tuyết, con gái của vị thần Gió Bắc Boreas), và là vua của xứ Thrace, ông bị Erechtheus giết khi giúp dân Eulexis trong cuộc chiến tranh với Erechtheus. (BT)

^[16] Erechtheus là vị vua thần thoại và có lẽ là một vị thần của Athens. Theo *Iliad* ông do cánh đồng ngô sinh ra, được nữ thần Athene nuôi nấng và đưa vào ngôi đền thờ của mình ở Athens. (BT)

^[17] Tức ‘*Bouleuterion*’ (từ gốc Hy Lạp), tòa nhà nơi Hội đồng *Boule* hội họp nghị sự và quyết định các vấn đề công (về Hội đồng *Boule*, xin xem chú thích ở chương IX). (BT)

^[18] Tức *Prytaneion*, tòa nhà nơi Ủy ban chấp hành (*‘Prytany’*) hội họp (xem chú thích về *Prytany* ở chương XIV). (BT)

^[19] Olympus là đỉnh núi cao nhất của Hy Lạp và cao thứ nhì ở vùng Balkans, thuộc rặng núi Olympus ở biên giới giữa Thessaly và Macedonia. Theo thần thoại Hy Lạp, 12 vị thần của Hy Lạp ngự trên đỉnh núi này (phân biệt với nhiều ngọn núi khác cùng tên ở Hy Lạp và nhiều nơi khác trên thế giới). (BT)

^[20] Một trong các biệt danh của thần Apollo, gắn với điển tích Apollo tiêu diệt rắn thần khổng lồ Python; Pytho là tên gọi trước của Delphi. (ND)

^[21] Dionysus là tửu thần mà thần thoại La Mã gọi là Bacchus, và là thần của cây quả sinh sôi và lạc thú. (BT)

^[22] Tiếng Hy Lạp ‘*Dionysus en límnais*’ được dịch ra tiếng Anh là ‘*Dionysus in the Marshes*’ (*Dionysus ở các Đầm lầy*); cho dù địa danh là thế nhưng xung quanh Athens thực tế không có vùng đầm lầy nào, và ngôi đền thờ thần Dionysus nằm ở khu vực *Bouleuterion* (Tòa nhà Hội đồng *Boule*) của Athens thời bấy giờ. (BT)

^[23] Tháng Anthesterion rơi vào khoảng giữa tháng Hai – tháng Ba, là tháng được tính theo lịch lễ hội của Attica cổ (lễ hội Dionysia còn được gọi là *Anthesteria*); theo lịch này mỗi năm có 12 tháng được đặt theo tên các lễ hội trong năm, các tháng rơi vào khoảng giữa tháng này sang giữa tháng kia theo dương lịch. (ND)

^[24] Demeter là nữ thần mùa màng, cai quản ngũ cốc và sự sinh sôi nảy nở trên đất, đền thờ chính thờ vị nữ thần này ở Eleusis. (BT)

^[25] Pelasgia là địa danh chỉ chung ‘*đất của dân Pelasgi*’, ngoài nơi đề cập ở đây, một số nơi khác cũng đã từng được gọi bằng tên này như Epirus, Hy Lạp, Arcadia, Peloponnese... (BT)

^[26] Pythia là danh hiệu của vị nữ tư tế đền Apollo ở Delphi bắt nguồn từ tên gọi Pytho của Delphi trước đó. Danh hiệu này chính thức có từ thế kỷ VIII trước CN và được truyền đến tận thế kỷ IV sau CN, trong khoảng thời gian này Pythia đền Delphi là nữ tư tế có quyền lực cao nhất ở Hy Lạp; những lời tiên tri của Pythia rất được tin tưởng vì được cho là do thần Apollo nhập vào Pythia để phán truyền. (BT)

^[27] Oenoe là trấn nằm ở phía tây bắc Attica, thuộc thị tộc Hippothontis, một trong 10 thị tộc của Athens sau cải cách dân chủ của Cleisthenes (10 thị tộc gồm Erechtheis, Aegeis, Pandionis, Leontis, Acamantis, Oeneis, Cecropis, Hippothontis, Aeantis và Antiochis). (BT)

^[28] Bản dịch tiếng Anh dùng từ ‘engines’: chỉ những cỗ máy chế bằng gỗ có máy móc bên trong dùng để lừng đá, phóng gỗ súc, phóng lửa hoặc bắn những vật phóng khác để phá thành lũy, cửa thành hoặc những công trình phòng thủ khác, có loại tấn công tầm gần và có loại tầm xa. Cỗ máy ra đời sớm nhất là máy phóng gỗ súc do người Assyria (ở Trung Đông) chế tạo ra, sau đó đến máy lừng đá của người Hy Lạp. (ND)

^[29] Rheiti (dịch ra tiếng Anh là ‘Brooks’, tức là ‘những dòng suối’) là những dòng suối nước mặn ở Thria, nằm gần biển, dưới chân đèo giữa Eleusis và đồng bằng Thria, tạo thành ranh giới giữa Athens và Eleusis. (BT)

^[30] Aegaleus là ngọn núi ở phía tây Athens, phía đông nam Eleusis, phía đông đảo Salamis và phía tây bắc Piraeus. (BT)

^[31] Cropia là một trấn ở Attica thuộc thị tộc Leontis của Athens. (BT)

^[32] Acharnae là trấn chính ở tây bắc đồng bằng Attica, phía nam núi Parnes, cách phía bắc Athens khoảng 6 dặm; trấn này thuộc thị tộc Oeneis. (BT)

^[33] Sự kiện này xảy ra vào khoảng năm 445 trước CN. (BT)

^[34] Phrygia là một trấn ở Attica, trấn này gần Athens nhưng không rõ vị trí chính xác; (phân biệt với Phrygia ở Tiểu Á). (BT)

^[35] Larissa là trấn quan trọng ở xứ Pelasgiotis của Thessaly, nằm bên bờ sông Peneus (phân biệt với một số thành trùng tên ở Hy Lạp và Tiểu Á). (BT)

^[36] Pharsalos, còn gọi là Pharsalus, là một thành lớn của xứ Thessalotis ở phía nam Thessaly, gần biên giới Phthiotis. (BT)

^[37] Cranon là một thành của Thessaly, nằm ở phía đông nam Pharsalus, bên sông Onchestus. (BT)

^[38] Pyrasos là trấn cảng ở Thebes của Thessaly (phân biệt với Thebes của Boeotia). (BT)

^[39] Gyrtion là thành ở xứ Pelasgiotis của Thessaly, bên bờ sông Peneus. (BT)

^[40] Pherae là một thành ở góc đông nam xứ Pelasgiotis của Thessaly. (BT)

^[41] Parnes là ngọn núi ở đông bắc Attica, là phần nối tiếp của rặng núi Cithaeron, tạo thành một phần biên giới giữa Attica và Boeotia. (BT)

^[42] Brilessus (còn gọi là Pentelicus hay Brilettos) là rặng núi bao quanh đồng bằng đông bắc Attica, cách Athens khoảng 10 dặm. (BT)

^[43] Oropus là một trấn ở phía đông Attica, thủ phủ của xứ Oropia, nằm trên biên giới giữa Boeotia và Attica, hai xứ luôn tranh chấp quyền sở hữu trấn này. (BT)

^[44] Graea là một thành nằm trên bờ biển Boeotia, là lãnh thổ của Oropus nhưng phụ thuộc Athens. (BT)

^[45] Laconia là một xứ ở đông nam bán đảo Peloponnese, phía bắc giáp Arcadia và Argolis, phía tây tiếp giáp Messenia, Sparta là kinh đô của xứ này. (BT)

^[46] Bản dịch của R. Crawley chỉ nêu địa danh, trong lúc bản của B. Jowett dịch là ‘*Methone, một pháo đài ở Laconia*’, và bản của T. Hobbes dịch là ‘*Methone, một trấn ở Laconia*’; bản gốc Hy Lạp ‘*Μεθώνην τῆς Λακωνικῆς*’ (*Methone của Laconia*), một số nơi ở Hy Lạp có tên là Methone song không tìm ra địa danh Methone nào gắn với Laconia. Có khả năng đây là trấn

Methone ở Messenia, giáp Laconia, trấn này có một hải cảng đẹp được rặng đá ngầm che chở, tảng đá lớn nhất có tên là Mothon. (BT)

^[47] Brasidas (không rõ năm sinh, mất năm 422 trước CN) là vị tướng được cho là thiên tài quân sự duy nhất của Sparta trong thập kỷ đầu tiên của cuộc Chiến tranh Peloponnese. Là người hùng biền có sức thu hút, ông được các xứ đồng minh của Athens tôn kính và ngưỡng mộ, mở đường cho những cuộc nổi dậy của họ chống lại Athens trong thập kỷ sau của cuộc chiến tranh này. Ông được coi là vị anh hùng của Sparta và sau khi hy sinh ông được dựng đài tưởng niệm bên cạnh lăng mộ Vua Leonidas và Pausanias; Sparta và Amphipolis hằng năm đều tổ chức lễ hội vinh danh ông. (BT)

^[48] Pheia là một trấn nhỏ ở Elis. (BT)

^[49] Ichthys là mũi đất kề Pheia, nhô hẳn ra biển về phía tây. Pheia nằm trên một eo đất nối Ichthys với lục địa. (BT)

^[50] Thronium là trấn thủ phủ của tộc Locri Epicnemidii ở Epirus, nằm bên sông Boagrius và cách biển không xa. (BT)

^[51] Alope là một trấn của tộc dân Locri Opuntii, nằm đối diện đảo Euboea. (BT)

^[52] Thyrea là trấn thủ phủ của Cynuria, một xứ nằm trên biên giới giữa Laconia và Argolis; trấn này nằm trên cao nguyên bên trên vịnh Thyrea (được đặt theo tên trấn). (BT)

^[53] Xứ Argolis (cũng được gọi là Argos, Argolid, hoặc Argia hay Argeia) là một bán đảo nhô ra biển Aegea, nằm ở đông bắc Peloponnese, giữa vịnh Saronikos và vịnh Argolis, phía bắc giáp Corinth, phía tây chia tách khỏi Arcadia bởi các núi Artemisium và Parthenium, phía đông chia tách khỏi Epidaurus bởi dãy núi Arachnaeum. Argos là thủ phủ của xứ này. (BT)

^[54] Abdera là một trấn ở vùng duyên hải Thrace gần cửa sông Nestos, nằm sau eo biển Thasos. Tộc dân Teos khi di tản khỏi Ionia trong cuộc xâm lược của Ba Tư dưới triều Cyrus I (540 trước CN) đã kiến lập thuộc địa ở đây và phát triển thương mại với nội địa xứ Thrace. Abdera là một thành viên thịnh vượng của Liên minh Delos vào thế kỷ V trước CN. (BT)

^[55] Sitalces (trị vì trong khoảng năm 431-424 trước CN) là một trong những vị vua hùng mạnh của vương quốc Odrysae (vương quốc thống nhất các tộc dân Odrysae cư ngụ ở vùng đồng bằng sông Hebrus của Thrace). Là con trai của Vua Teres I, sau khi nối ngôi Sitalces đã mở rộng vương quốc này bằng những cuộc chinh phạt, và mau chóng bành trướng toàn bộ lãnh thổ từ Abdera ở phía nam đến cửa sông Ister ở phía bắc, và từ biển Euxine ở phía đông đến đầu nguồn con sông Strymon ở phía tây. (BT)

^[56] *Proxenus* (từ có gốc Hy Lạp) chỉ công dân của một thành bang được một thành bang khác chỉ định để làm đại diện chính thức và bảo vệ quyền lợi cho bang ấy tại thành bang quê hương mà công dân đó đang sinh sống. Một *Proxenus* phải tiếp đón khoản đãi các sứ giả của thành bang mà ông ta đại diện bằng chi phí riêng của mình để đổi lại danh hiệu này, sử dụng mọi ảnh hưởng mà ông ta có trong thành bang của mình để thúc đẩy tình hữu nghị hay tình đồng minh với thành bang mà ông ta tình nguyện đại diện cho nó. Có thể coi *proxenus* như đại sứ danh dự nhưng hoạt động của *proxenus* chủ yếu là ở chính quê hương của mình. (ND)

^[57] Tereus này là vị vua của xứ Thrace, con trai của Ares (vị thần chiến tranh trong thần thoại Hy Lạp), ông ta cưới Procne và hai người sinh được một con trai là Itys. Tereus thích Philomela – em gái vợ, ông ta cưỡng bức rồi cắt lưỡi và giam giữ nàng để nàng không thể kể cho ai, Philomela bèn dệt chữ lên tấm thảm kể tội Tereus và bí mật gửi cho Procne. Để trả thù, Procne giết con trai là Itys và lấy thịt làm thức ăn cho Tereus. Tereus phát hiện ra bèn cố giết 2 chị em nhưng cả 3 người bị các thần ở Olympia biến thành chim: Tereus biến thành chim đầu rìu, Procne biến thành sơn ca và Philomela biến thành chim én. (BT)

^[58] Daulis là một trấn của Phocis, nằm gần biên giới Boeotia và trên con đường từ Orchomenus và Chaeronea đến Delphi. Khu vực rừng xung quanh trấn nổi tiếng vì nhiều chim sơn ca. (BT)

^[59] Sollium là trấn ở tây bắc Corinth do người Corinth kiến lập vào giữa thế kỷ VII trước CN. (BT)

^[60] Palaira, còn gọi là Palaerus, là trấn nằm bờ biển phía tây của Acarnania, trên biển Ionia, giữa Leucas và Alyzia. Trấn này nằm trong liên minh với Athens. (BT)

^[61] Astacus là một trấn nằm trên bờ biển phía tây của Acarnania, được cho là thuộc địa của Cephallenia. (BT)

^[62] Bạo chúa Evarchus cai trị Artacus, sự kiện Evarchus bị Athens trục xuất xảy ra vào năm 431 trước CN. (BT)

^[63] Atalanta là đảo nhỏ nằm ngoài khơi Locris, thuộc vịnh Opus. (BT)

^[64] Opus là thủ phủ của dân Locri Opuntii ở Đông Locris, tên của nó được đặt cho tộc dân Locri Opuntii và vịnh Opus ở biển Euboea. (BT)

^[65] Cranii, còn gọi là Kranioi, là một trấn trên bờ biển phía tây của đảo Cephallenia. (BT)

Chú thích chương VII.

^[1] Chỉ Vua Artaxerxes I. (ND)

^[2] Chỉ Athens, nằm cao hơn Pireus so với mực nước biển. (BT)

^[3] Chỉ thần Apollo. (BT)

^[4] Paralia, hay còn gọi là Paralus, là một vùng ở miền duyên hải bao gồm toàn bộ miền nam của Attica, trải từ mũi đất Zoster ở phía tây và từ Brauron ở phía đông đến mũi Sunium ở cực nam của bán đảo Attica. (BT)

^[5] Laurium là một vùng đồi núi thuộc Paralia, nằm ở đông nam Attica, phía bắc mũi Sunium; đây là nơi nổi tiếng nhiều mỏ bạc. (BT)

^[6] Andros là đảo lớn thứ hai trong nhóm đảo Cyclades, nằm ở cực bắc nhóm đảo này, cách Euboea khoảng 6 dặm về phía đông nam. (BT)

^[7] Tức Haliae (xem chú thích chương IV). (BT)

^[8] Prasiai còn được gọi là Prasiae hoặc Brasiae, là trấn nằm trên bờ biển phía đông của Laconia, phân biệt với Prasiae – một tiểu khu của Attica. (BT)

^[9] Chỉ việc sau đó Pericles bị bãi chức tướng quân, bị xét xử và phạt tiền vì tổn thất sau 2 lần Athens bị xâm lược và đại dịch hạch; sự kiện này xảy ra năm 430 trước CN; đến năm 429 trước CN Pericles được bầu lại làm tướng quân, nhưng ông mất vì bệnh dịch vào mùa thu cùng năm đó. (BT)

^[10] Tức Cyrus Trẻ (khoảng năm 423-401 trước CN), hoàng tử thứ của Vua Darius II của Ba Tư; khi Darius II quyết định tiếp tục chiến tranh với Athens, Cyrus được cha phong làm phó vương Lydia, Phrygia và Cappadocia và tổng chỉ huy các lực lượng của Đế chế Achaemenid ở Tiểu Á (năm 407 trước CN) để hỗ trợ Sparta chống Athens và đã thành công; năm 401 trước CN Cyrus khởi binh tranh ngôi báu với anh ruột là vua Artaxerxes II và bị giết trong Trận Cuxana phía bắc Babylon. Những việc tác giả đề cập bên trên là vào cuối cuộc Chiến tranh Peloponnese. (BT)

^[11] Tegea là một thành quan trọng ở Arcadia, thủ phủ của xứ Tegeatis, phía đông giáp Argolis và Laconia, nam giáp Laconia, tây giáp Maenalia, bắc giáp Mantinea. (BT)

- ^[12] Chỉ vua Artaxerxes I của Ba Tư. (BT)
- ^[13] Tức Pharnabazus I, phó vương của Ba Tư ở Phrygia, Hellespont. (BT)
- ^[14] Argos ở Amphilochia là thủ phủ của Amphilochia ở Acarnania, nằm ở cực đông vịnh Ambracia, bên sông Inachus. (BT)
- ^[15] Amphilochia là một xứ nằm ở đầu phía đông vịnh Ambracia, phía bắc giáp Ambracia, phía nam giáp lãnh thổ Agraea. (BT)
- ^[16] Chaonia hay còn gọi là Chaon, là một vùng ở tây bắc xứ Epirus, quê hương của tộc dân Chaonia. Thủ phủ của vùng này là trấn Phoenice. (BT)
- ^[17] Lycia là một xứ ở phía nam Tiểu Á trên bờ Địa Trung Hải, nằm giữa Caria và Pamphylia, ăn sâu vào nội địa đến rặng núi Taurus. Dân xứ này thiện nghệ hàng hải. (BT)
- ^[18] Phaselis là thành cảng quan trọng nhất trên bờ biển của Lycia và là trung tâm thương mại quan trọng giữa Hy Lạp, châu Á, Ai Cập và Phoenicia. (BT)

Chú thích chương VIII

^[1] Chi Trận Plataea năm 479 trước CN, nơi Pausanias chỉ huy liên quân Hy Lạp đánh bại quân Ba Tư của Xerxes Đại đế. (BT)

^[2] Một trong các danh hiệu của thần Zeus (*Zeus Eleutherios* – tiếng Hy Lạp “*Eleutherios*” có nghĩa “*Người giải phóng/giải thoát/cứu nguy*”. Người Hy Lạp tôn xưng Zeus là “*Người giải phóng*” sau khi chiến thắng quân xâm lược Ba Tư. (BT)

^[3] R. Crawley dùng từ “*thành*” ở vế trước của câu đề chỉ Plataea, chỗ này lại dùng “*trấn*” (không chỉ riêng với địa danh này mà nhiều địa danh khác cũng như vậy), trong khi bản gốc ở đoạn này dùng nhất quán là “*πόλις*” (“*polis*” – “*thành*” hoặc “*thành bang*”), bản dịch tiếng Việt sẽ dùng theo bản gốc ở những chỗ có thể đối chiếu được. (ND)

^[4] Cithaeron là rặng núi chia cắt Boeotia khỏi Megaris và Attica; rặng núi này mang tên vị vua Cithaeron của dân Plataea trong thần thoại Hy Lạp, và là nơi diễn ra trận Plataea (Plataea nằm ở triền phía bắc của rặng núi này). (BT)

^[5] Arcturus là một ngôi sao trong chòm sao “*Boötes*” (“*Mục đồng*”) và là một trong những ngôi sao sáng nhất trên bầu trời. Thời gian đề cập bên trên là thời gian sao Arcturus lên gần mặt trời nhất, vào khoảng giữa tháng Chín. (BT)

^[6] Theo bản dịch của R. Crawley thì Spartolus là của Bottiaea, theo bản gốc thì nó là của Bottice (hay Bottike), là nơi dân Bottiaea khi bị Macedonia đuổi đã chạy sang cư trú; Spartolus là thủ phủ của Bottice, nằm ở phía tây bán đảo Chalcidice, gần Olynthus, Scolus. (BT)

^[7] Crusis, còn gọi là Crusaea hoặc Crosaea, là một xứ ở phía tây Chalcidice, trải dài từ Potiaeda đến bờ vịnh Therma. (BT)

^[8] Atintania là một xứ miền núi của Illyria, nằm ở phía bắc Molossis và phía đông Parauaena. (BT)

^[9] Parauaea là một xứ ở Epirus, nằm cạnh con sông Aous. (BT)

^[10] Orestis là một vùng gần Epirus. Dân Orestis là một phần của tộc dân Molossis. (BT)

^[11] Limnaea hay limnaia là một làng hoặc một trấn miền quê của Acarnania, nằm ở góc đông nam vịnh Ambracia, trên biên giới của Acarnania về hướng Argos. Thucydides gọi Limnaea là “*Κώμην*” (“*kome*” – “*làng*” hoặc “*trấn miền quê*”), R. Crawley và B. Jowett dịch là “*làng*”, T. Hobbes dịch là “*trấn*”. (BT).

^[12] Stratus là trấn thủ phủ của Acarnania nằm trên vùng đồng bằng hữu ngạn sông Achelous, nó kiểm soát những con đường chính từ phía bắc vào vùng đồng bằng này nên giữ vị trí chiến lược quan trọng. (BT)

^[13] Patrae là một trong 12 trấn, thành của Achaea, nằm ở phía tây mũi đất Rhium, gần cửa vịnh Corinth. (BT)

^[13] Patrae là một trong 12 trấn, thành của Achaea, nằm ở phía tây mũi đất Rhium, gần cửa vịnh Corinth. (BT)

^[14] Dyme là một trấn nằm ở điểm cực tây của Achaea và là một trong 12 trấn, thành của xứ này. (BT)

^[15] Molycrium là một trấn ở miền nam Aetolia, cửa vịnh Corinth. (BT)

^[16] Rhium này là một doi đất nằm trên biên giới giữa Aetolia và Locris, thường được gọi là Rhium của Molycrium để phân biệt với Rhium của Achaea. (BT)

^[17] Theo thần thoại Hy Lạp, Poseidon là vị thần biển và là một trong 12 vị thần trên đỉnh Olympus. (ND)

^[18] Gortys, còn gọi là Gortyna, là một thành nằm ở đầu phía tây đồng bằng Mesara của đảo Crete trên Địa Trung Hải. (BT)

^[19] Cydonia, còn gọi là Kydonia, là một trong những thành lớn nhất trên bờ biển phía tây bắc của đảo Crete. (BT)

^[20] Polichna là một trấn ở Crete, giáp giới với Cydonia. (BT)

^[21] Panormus là một trấn trên bờ biển của Achaea. Có khá nhiều địa danh cùng tên ở Hy Lạp và Italy nên nơi này thường được gọi là Panormus ở

Achaea. (BT)

^[22] Rhium của Achaea là một doi đất nằm giữa Patrae và Aegium, và là nơi có đền thờ Poseidon. (BT)

^[23] Haemus là rặng núi lớn ở phía bắc Thrace, chia tách Thrace và Moesia. (BT)

^[24] Rhodope là một trong những dãy núi cao nhất ở Thrace, nó kéo dài từ núi Scomius ở phía đông sông Nestus và biên giới giữa Thrace và Macedonia đến bờ biển về phía đông nam. Theo thần thoại, vua Haemus và hoàng hậu Rhodope xứ Thrace bị thần Zeus và nữ thần Hera trừng phạt biến thành 2 dãy núi này vì tội tự coi mình là hai vị thần đó. (BT)

^[25] Biển Euxine (tức Pontus Euxinos, còn được gọi tắt là Pontus, nay là Hắc Hải hoặc Biển Đen), là một biển nằm trong nội địa giữa châu Âu và châu Á, nó thông với biển Marmara qua eo biển Bosphorus, thông với biển Aegea và Địa Trung Hải qua eo biển Hellespont. (BT)

^[26] Getae là tên một tộc dân ở Thrace cư ngụ ở phía nam sông Ister (Danube). (BT)

^[27] Danube là con sông dài thứ hai ở châu Âu, sau sông Volga, dài khoảng 1.770 dặm; bắt nguồn từ dãy núi Mons Abnoba và đổ ra biển Euxine; người Hy Lạp cổ đại gọi nó là sông Istros, tên này trong tiếng Latinh là Ister hoặc Danubius; trong tiếng Thrace đoạn hạ lưu sông Danube được gọi là Istros và đoạn thượng lưu là Donaris (Bản dịch của R. Crawley dùng tên Danube trong khi bản gốc dùng tên Istros). (BT)

^[28] Scythia là vùng đất nằm giữa dãy núi Carpat và sông Tanai (Don), dân Scythia là dân du mục có gốc Mông cổ. (BT)

^[29] Agrianes là một trong các tộc dân ở xứ Paeonia, cư ngụ gần núi Rhodope, trên vùng thượng lưu sông Strymon ở Thrace, giáp Macedonia. (BT)

^[30] Laeaea là một tộc dân trong số các tộc dân ở xứ Paeonia, cư ngụ ở vùng thượng lưu sông Strymon, sát với tộc Agrianes. (BT)

^[31] Paeonia là một xứ và một vương quốc của các tộc dân Paenia ở Thrace, tiếp giáp với Macedonia. Các tộc dân này tự coi mình là dòng dõi của vua Teucris xứ Troy. (BT)

^[32] Scombrus là ngọn núi nằm ngoài rìa rừng núi Hacmus. (BT)

^[33] Triballi là tộc dân hùng mạnh ở Thrace, cư ngụ ở vùng đồng bằng Triballi bên sông Angus, con sông này đổ vào sông Brongus, một phụ lưu của sông Ister. (BT)

^[34] Treres và Tilataei là tên những tộc dân Thrace. (BT)

^[35] Tức vua Seuthes I, cháu ruột của Sitalces, nổi ngôi năm 424 trước CN sau khi Sitalces đi đánh tộc dân Triballi và tử trận. (BT)

^[36] Sinti là một tộc dân của Thrace cư ngụ ở Sintica, một xứ ở Macedonia, trải dài từ phía đông Crestonia và phía bắc Bisaltia xa đến tận sông Strymon và hồ Prasias. (ND)

^[37] Maedi là một tộc dân hùng mạnh cư ngụ tại xứ Maedica ở phía tây Thrace, trên bờ tây sông Strymon. (ND)

^[38] Doberus là một trấn ở Paeonia, nằm ở phía đông sông Echedorus. (BT)

^[39] Lyncestis là một xứ ở tây nam Macedonia, giáp ranh với Illyria; đây là xứ sở của dân Lyncestis, một trong các tộc dân của Illyria. (BT)

^[40] Elimeia là một xứ ở phía tây nam Macedonia, tiếp giáp Eordaea và Pieria, chạy về phía tây đến tận rừng núi Pindus, có vị trí chiến lược quan trọng; thời bấy giờ Derdas là hoàng tử xứ này. (BT)

^[41] Temenus là dòng dõi của Heracles và là vua của Argos ở Peloponnese, đồng thời là cha của Kranos, vị vua đầu tiên của Macedonia và là vị vua khai quốc của triều đại Agread cai trị Macedonia từ khoảng năm 700-311 trước CN. Các hậu duệ của Temenus (được gọi là “*Temenids*” hoặc “*Temenidae*”), bị đuổi khỏi Argos đã đến Macedonia chiếm đất đai và lập ra vương quốc Macedonia. (BT)

^[42] Pieria là một xứ nằm trên bờ biển đông nam của Macedonia, trải dài từ cửa vịnh Peneus ở Thessaly đến sông Haliacmon ở Macedonia, phía tây giáp

núi Olympus: là xứ sở của dân Pieria là một tộc dân của Thrace. (BT)

^[43] Phagres là một trấn của Pieria ở Macedonia. (BT)

^[44] Pangaeus, còn gọi là Pangaion hay Pangacum, là rặng núi nằm giữa sông Strymon và sông Nestus. (BT)

^[45] Tức Bottiaea. (BT)

^[46] Axios, còn gọi là Axios, là con sông chính ở Macedonia, bắt nguồn từ núi Scardus chảy theo hướng đông nam ra vịnh Therma ở biển Aegea. (BT)

^[47] Pella là một trấn ở xứ Bottiaea của Macedonia. (BT)

^[48] Eordia, còn gọi là Eordaea, là một tiểu vùng ở thượng Macedonia. Tuy dân Eordia bị các *Tenamids* đuổi đi nhưng vùng đó vẫn mang tên là Eordia. (BT)

^[49] Physca là trấn duy nhất được sử sách ghi lại của Eordia. (BT)

^[50] Almopia là một xứ ở Macedonia, được cho là một trong những trấn đầu tiên bị các *Tenamids* từ Argos đến xâm chiếm. (BT)

^[51] Anthemus là một trấn quan trọng của Macedonia, nằm ở phía đông nam Therme (Therma) và phía bắc Chalcidice. (BT)

^[52] Crestonia là một xứ của Macedonia, giáp Mygdonia ở phía bắc. (BT)

^[53] Bisaltia là một xứ của Macedonia, trải dài từ sông Strymon và hồ Cercinitis ở phía đông đến Crestonia ở phía tây. (BT)

^[54] Tức Archelaus I trị vì Macedonia trong khoảng năm 413-399 trước CN. (BT)

^[55] Idomene, hay còn gọi là Idomenia, là một trấn của Macedonia, nằm bên hữu ngạn sông Axios. (BT)

^[56] Gortynia, còn gọi là Gordynia hoặc Gortynium, là một thành ở Macedonia, nằm ở phía nam thung lũng sông Axios, phía đông bắc Bottiaea. (BT)

^[57] Atalanta là một trấn của Macedonia ở vùng thượng thung lũng sông Axios (phân biệt với Atalanta ở những nơi khác). (BT)

^[58] Europus là một trấn của Emathia, nằm giữa Idomene và đồng bằng Cyrrhus và Pella. (BT)

^[59] Cyrrhus là một trấn ở Macedonia, gần Pella. (BT)

^[60] Magnesia là một xứ ở bờ biển của Thessaly, chạy từ thung lũng Tempe đến vịnh Pagasae, nằm giữa các núi Ossa và Pelion và biển. Thực dân ở Magnesia được cho là đã kiến lập 2 thành Magnesia Ad Sipylum và Magnesia Ad Maeandrum ở Lydia, Tiểu Á. (BT)

^[61] Thermopylae là một đèo hẹp và hiểm trở chạy từ Thessaly đến Locris, là con đường độc đạo để thâm nhập từ phía bắc vào phía nam Hy Lạp; nó nằm giữa núi Oeta và một đầm lầy không thể vào được, tạo thành gờ vịnh Malis. Tại đây năm 480 trước CN đã diễn ra Trận Thermopylae nổi tiếng giữa quân Ba Tư và quân Hy Lạp. (BT)

^[62] Panaei được cho là một trong các tộc dân Edonia ở Thrace. (BT)

^[63] Odomanti là một trong các tộc dân Paeonia, cư ngụ ở xứ Odomantice (được đặt theo tên tộc dân này). Tộc dân này sinh sống ở toàn bộ vùng núi Orbelus, trải dài về phía đông bắc đồng bằng hạ lưu sông Strymon. (BT)

^[64] Dersaei là một tộc nhỏ thuộc nhóm Thracian, tộc này cư trú ở khu vực phía bắc Dersaei, hai bên bờ sông Nestus, giữa hai dãy núi Pangaeus và Rhodope; họ cũng chiếm đóng những khu vực lân cận của núi Pangaeus, một phần của vùng phía bắc và phía đông Edonis. (theo Herodotus tộc Dersaei cư trú tại khu vực lân cận dãy Pangaeus, còn theo Thucydides thì tộc Dersaei cư trú ở vùng đồng bằng hạ lưu của sông Strymon)

Droi hay Droans cũng là một tộc nhỏ thuộc nhóm Thracian như Dersaei, ngoài Herodotus thì về sau không có tác giả nào nhắc đến hai tộc này nữa. (*)

^[65] Coronta là một trấn nhỏ của Acarnania, nằm giữa Metropolis và Oeniadae. (BT)

^[66] Achelous là con sông rộng nhất và nổi tiếng nhất ở Hy Lạp, bắt nguồn từ núi Pindus và chảy về hướng nam, tạo thành biên giới giữa Acarnania và Aetolia, và đổ vào biển Ionia. Con sông này dài khoảng 130 dặm. (BT)

^[67] Agraea là một xứ ở Aetolia. (BT)

^[68] Echinades là một nhóm gồm nhiều đảo nhỏ ở ngoài khơi phía tây Acarnania. (BT)

^[69] Alcmaeon là nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, có bà mẹ là Eriphile bị mua chuộc bằng bộ váy của Harmonia – vị nữ thần của hòa bình và hòa thuận – nên đã thuyết phục Alcmaeon lãnh đạo quân Argos đi đánh Thebes, như trước đó bà ta đã bị mua chuộc bằng chiếc vòng cổ của vị nữ thần này và đã thuyết phục cha của Alcmaeon đi đánh Thebes khiến ông ta tử trận. Sau khi đánh trận trở về, Alcmaeon đã giết mẹ khi phát hiện ra sự việc. (BT)

Chú thích chương IX

^[1] Mytilene là thành quan trọng nhất của Lesbos, được kiến lập trên bờ phía đông của hòn đảo nhỏ đối diện với Lesbos (về sau đảo này nối liền với Lesbos), vị trí đó hình thành nên 2 cảng tự nhiên ở phía nam và phía bắc rất thuận lợi của Mytilene. Thế kỷ VII trước CN Mytilene trở thành trung tâm phồn thịnh nhất đảo này. (BT)

^[2] Methymna là một thành nằm ở điểm cực bắc đảo Lesbos; là thành quan trọng thứ hai trên đảo này sau Mytilene. (BT)

^[3] Pontus là một xứ rộng lớn ở phía đông bắc Tiểu Á, nằm trên bờ Pontus Exinos (biển Euxine), nên có tên là Pontus (“*Pontus*” tiếng Hy Lạp là “*biển*”) xứ này trải từ biên giới Colchis ở phía đông đến sông Halys ở phía tây. (BT)

^[4] Tenedos là một đảo nhỏ ở biển Aegea, ngoài khơi xứ Troad, có vị trí rất quan trọng vì nằm ở gần cửa eo biển Hellespont. (BT)

^[5] Một biệt danh của thần Apollo, gắn với địa danh Malea, một doi đất trên bờ biển của Lesbos, nơi có đền thờ vị thần này. (BT)

^[6] Geraestus là một mũi đất và là hải cảng ở Euboea, tạo thành điểm cực tây nam của đảo này. (BT)

^[7] Imbros là một đảo nằm ở phía bắc biển Aegea, gần bán đảo Chersonesus của Thrace và đảo Samothrace. (BT)

^[8] Nericus là một trấn ở đảo Leucas, được coi là vệ thành cổ của Leucas khi Corinth kiến lập trấn Leucas trên đảo này giữa thế kỷ VII trước CN. (BT)

^[9] “*Pentacosiomedimni*” chỉ tầng lớp công dân cao nhất trong 4 tầng lớp do Solon đặt ra trong cuộc cải cách hệ thống chính trị của ông ở Athens năm 594 trước CN. 4 tầng lớp này được phân theo mức thu nhập hằng năm tính từ cao xuống thấp, gồm: “*Pentacosiomedimni*” là tầng lớp cao nhất, mỗi *Pentacosiomedimni* hàng năm 500 *medimno* ngũ cốc (1 *medimno* = 52 kg, 500 *medimno* = 26 tấn) hay 500 *metreta* rượu hoặc dầu (1 *metreta* = khoảng 39 lít, 500 *metreta* = 19.500 lít). Nhóm *Pentacosiomedimni* là những công

dân có đặc quyền về chính trị như làm đại thẩm phán, chánh án, hội đồng nhà nước tối cao hay tướng lĩnh trong quân đội Athens. Tầng lớp thứ hai là *Hippeis*, mỗi *hippeis* phải có thu nhập hàng năm từ 300 *medimno* ngũ cốc (khoảng 15,6 tấn) hay 300 lít rượu hoặc dầu (11.700 lít), các *hippeis* đa phần là các hiệp sĩ hay chỉ huy quân đội chuyên nghiệp. Tầng lớp thứ ba là các *Zeugitae*, mỗi *Zeugitae* là các chủ đất nhỏ, thu nhập hàng năm phải đạt 200 *medimno* ngũ cốc hoặc 200 *metreta* dầu hoặc rượu, các *Zeugitae* được tham gia vào hội đồng cấp thấp, các văn phòng hành chính công địa phương, nhà thờ và có đặc quyền sở hữu. Tầng lớp thứ tư là *Thetes*, là những công dân bình thường, làm công ăn lương và có thu nhập dưới 200 *medimno* hoặc 200 *metreta* dầu hoặc rượu, các *Thetes* có quyền bầu cử, tham gia vào hội nghị mở rộng Athens, và tuy nhiên không được tham gia vào Hội đồng 400 (chỉ dành riêng cho ba tầng lớp trên), nếu tham gia vào sự vụ dân sự hoặc quân sự họ sẽ được trả lương. (*)

^[10] Antissa là một trấn trên bờ biển phía tây đảo Lesbos, gần mũi Sigrium ở điểm cực tây đảo này. Ban đầu, trấn này nằm trên một đảo nhỏ đối diện Lesbos, về sau đảo đó nối liền với Lesbos. (BT)

^[11] Pyrrha là một trấn trên bờ vịnh nước sâu ở phía tây đảo Lesbos, cách Mytilene khoảng 9 dặm và cách mũi Malea hơn 11 dặm (phân biệt với trấn Pyrrha đối diện với Miletus, Tiểu Á). (BT)

^[12] Eresus là một thành nằm trên một ngọn đồi phía tây đảo Lesbos, chạy xuống tận biển. (BT)

^[13] Myus là thành nhỏ nhất trong số 12 thành thuộc Liên minh Ionia, thành này ở Caria, nằm bên bờ sông Maeander ở vùng Tiểu Á. (BT)

^[14] Caria là một xứ ở góc tây nam Tiểu Á, phía bắc giáp Lydia, phía đông giáp Phrygia và Lycia; lãnh thổ xứ này bao gồm các thành của Hy Lạp ở bờ biển Aegea. (BT)

^[15] Meander, còn gọi là Maeander, là con sông nổi tiếng vì quanh co uốn khúc ở Tiểu Á, bắt nguồn từ miền nam Phrygia, chảy qua Lydia và Caria tạo thành ranh giới giữa 2 xứ này tại đồng bằng sông Maeander, và cuối cùng đổ ra biển Icaria giữa Myus và Priene. (BT)

^[16] Anaia, còn gọi là Anaea, là một địa danh mà theo mô tả của Thucydides có thể nằm ở bên hoặc gần bờ biển hay trong hoặc gần châu thổ sông Maeander; theo Pausanias thì trấn này nằm đối diện với đảo Samos. (BT)

^[17] Bản dịch tiếng Anh dùng đơn vị ‘foot’; bản gốc tiếng Hy Lạp dùng ‘pous’ là đơn vị đo chiều dài của Hy Lạp cổ được cho là tương đương với chiều dài bàn chân người, giống với đơn vị ‘foot’ của Anh nhưng khác nhau về độ dài, 1 *pous* = 30,82 cm, trong khi 1 *foot* Anh = 30,48 cm. (ND)

^[18] Androcrates là một vị tướng và là một vị anh hùng của Plataea. (BT)

^[19] Druoskephalai, hay còn gọi là Dryoscephalae (được dịch ra tiếng Anh là *Oakheads*), là một đường đèo trên rặng núi Cithaeron. (BT)

^[20] Erythrae là một trấn của Boeotia, nằm chệch phía nam sông Asopus, dưới chân núi Cithaeron (phân biệt với Erythrae ở Ionia và Erythrae trên lãnh thổ của dân Locri Ozoli). (BT).

^[21] Hysiae là một trấn của Boeotia, nằm ở chân núi Cithaeron, trên con đường từ Thebes đến Athens (phân biệt với Hysiae ở Argolis). (BT)

^[22] Icarus, còn gọi là Icaria, là một đảo ở biển Aegea, nằm về phía tây đảo Samos; thực dân Miletus đã kiến lập thuộc địa ở đây khoảng năm 750 trước CN. (BT)

^[23] Myconus là một đảo nhỏ ở biển Aegea, nằm về phía đông đảo Delos và phía bắc đảo Naxos. (BT)

^[24] Embatum là một nơi nằm trên bờ biển của Erythraeid. (BT)

^[25] Erythraeid, còn gọi là Erythrae, là 1 trong 12 thành quan trọng của Ionia ở Tiểu Á, nằm ở phía đông bắc cảng Cyssus, trên một bán đảo nhỏ chạy đến vịnh Erythrae, đối diện với đảo Chios. (BT)

^[26] Cyme là trấn lớn nhất của xứ Aeolis nằm bên bờ biển của Tiểu Á, trên vịnh Cumae. Thực dân từ trấn này đã kiến lập trấn thuộc địa Cumae ở Campania, Italy. (BT)

^[27] Aeolis, còn gọi là Aeolia, là một xứ ở bờ biển phía tây Tiểu Á, trải dài từ sông Hermus đến mũi đất Lectum và cửa phía bắc vịnh Adramyttium;

một nhóm dân Aeolis của Hy Lạp đã đến kiến lập thuộc địa ở đó vào khoảng năm 1130-1000 trước CN. 12 trấn, thành quan trọng nhất của xứ này ban đầu độc lập và liên minh với nhau gồm: Cyme, Larissa, Neontichos, Temnus, Cilla, Notium, Aegirusa, Pitane, Aegaea, Myrina, Grynea và Smyrna; khoảng cuối thế kỷ VI trước CN, Aeolis bị sáp nhập thành một tỉnh của Đế quốc Ba Tư. (BT)

^[28] Teos là một thành Ionia trên bờ biển của Tiểu Á, nằm giữa 2 mũi đất Coryceum và Myonnesus, ở mặt phía nam của eo đất nối bán đảo Ionia với lục địa. (BT)

^[29] Salaminia và Paralus là 2 thuyền ga-lê loại 3 tầng chèo (*trireme*) của Athens, được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo, chiến tranh và để đưa tin; chúng đóng vai trò quan trọng trong cuộc Chiến tranh Peloponnese và được coi là linh thiêng, chỉ riêng công dân của Athens mới được phép phục vụ trên những con thuyền này. (BT)

^[30] Clarus là một trấn nhỏ nằm trên bờ biển Ionia, gần Colophon, nơi có ngôi đền thờ Apollo nổi tiếng. (BT)

^[31] Patmos là một đảo nhỏ trong nhóm đảo Sporades, nằm ở phía đông nam biển Aegea, về phía tây đảo Lepsia và phía nam đảo Samos. (BT)

^[32] Colophon là một trong 12 thành Ionia ở Tiểu Á, nằm ở tây bắc thành Ephesus. (BT)

^[33] Itamenes là một viên chỉ huy của Ba Tư, thuộc cấp của Pissuthnes Phó vương Lydia. (BT)

^[34] Tức *Boule* (từ có gốc Hy Lạp), hội đồng tham nghị ở hầu hết các thành bang lập hiến của Hy Lạp, xuất hiện ở thời kỳ dân chủ, tiêu biểu là *Boule của Athens*. Thời cải cách Solon lập ra *Boule* gồm 400 đại biểu (tức *Boule 400*, hay *Hội đồng 400*) để chỉ đạo công việc của *ecclesia* (hội nghị công dân). Đến cải cách Cleisthenes, Athens hình thành 10 thị tộc, mỗi thị tộc cử ra 50 đại biểu tham gia *Boule* (tức *Boule 500*, hay *Hội đồng 500*), các thành viên tuổi từ 30 trở lên và được bầu với nhiệm kỳ 1 năm. Hội đồng *Boule* nhóm họp hằng ngày trừ ngày lễ, nhiệm vụ quan trọng nhất của *Boule*

là dự thảo các chương trình nghị sự để thảo luận và thông qua trên hội nghị công dân; *Boule* cũng quản lý và giám sát các vấn đề quan trọng của thành bang như tài chính, quân sự, ngoại giao, tôn giáo... *Boule* được coi là nền móng của thể chế dân chủ. Trong cuốn này *Boule* thường được dịch tắt ra tiếng Anh là ‘*Council*’ (*Hội đồng*). (BT)

Chú thích chương X

^[1] Nicias (470-413 trước CN), là một chính trị gia xuất thân từ gia đình quý tộc giàu có và là một vị tướng của Athens trong cuộc Chiến tranh Peloponnese. Ông là người có quan điểm chính trị ôn hoà và phản đối quan điểm đế quốc của phe dân chủ ở Athens; triết gia Hy Lạp Aristotle cho rằng Nicias con trai của Niceratus, Thucydides con trai của Melesias, và Theramenes con trai của Hagnon là 3 công dân ưu tú nhất của Athens. (BT)

^[2] Minoa là một đảo nhỏ nằm đối diện với hải cảng Nisaea của Megara. (BT)

^[3] Trận Artemisium là trận hải chiến giữa Liên quân Hy Lạp và quân Ba Tư vào năm 480 trước CN, diễn ra đồng thời với trận Thermopylae (Cổng Lửa) nổi tiếng theo chiến lược của Themistocles; trong trận hải chiến này Liên quân Hy Lạp giao tranh với quân Ba Tư 3 ngày liền bất phân thắng bại ở mũi Artemisium, bờ biển phía bắc của Euboea, và rút lui khi nghe tin chiến bại từ Thermopylae, do chiến lược của Themistocles đòi hỏi phải giữ vững được cả hai mặt trận. (ND)

^[4] Trận Coronea (còn được gọi là Trận Coronea I) diễn ra năm 447 trước CN giữa Liên minh Delos và Liên minh Boeotia trong cuộc Chiến tranh Peloponnese I. Năm 457 trước CN Athens nắm quyền kiểm soát Boeotia sau chiến thắng Trận Oenophyta. Năm 447 trước CN một số người bị trục xuất khỏi Boeotia sau khi Athens chiếm xứ này đã hồi hương và bắt đầu chiếm lại một số trấn của Boeotia. Athens cùng các đồng minh đã kéo quân đến Boeotia để giành lại những trấn bị tái chiếm đó. Họ lấy được Chaeronea nhưng bị quân Boeotia tấn công và đánh bại tại Trận Coronea. Athens buộc phải từ bỏ quyền kiểm soát Boeotia, và Boeotia được phép rời khỏi Liên minh Delos đổi lại việc để Athens an toàn rút quân khỏi Boeotia. (BT)

^[5] Plataea liên minh với Athens năm 519 trước CN, sự kiện Plataea đầu hàng Sparta và bị phá huỷ xảy ra vào năm 427 trước CN. (BT)

^[6] Cuộc cách mạng này nổ ra ở Corcyra năm 427 trước CN. (BT)

^[7] Bản dịch của B. Jowett nói rõ đây là cọc dòn nho. (BT)

^[8] Theo thần thoại Hy Lạp, Alcinous là cháu nội của thần biển Poseidon và Corcyra (con gái của vị thần sông Asopos mà tên được đặt cho đảo Corcyra) và là vua của xứ Phaeacia. (BT)

^[9] *Xtato* là phiên âm của ‘*stater*’ (từ có gốc Hy Lạp), một đơn vị tiền tệ cổ của nhiều thành bang ở Hy Lạp, Ba Tư và một số quốc gia khác trong khu vực; *xtato* được đúc bằng kim loại quý như vàng, bạc, có trọng lượng và giá trị khác nhau ở các thành bang, quốc gia khác nhau. 1 *xtato* vàng của Athens = 20 __đracma__, 1 *xtato* bạc của Athens = 2 *đracma*; trong khi đó 1 *xtato* của Corinth = 3 *đracma* bạc của xứ này, v.v.. (BT)

^[10] Tức Hội đồng *Boule*; ở một số chỗ, các bản dịch tiếng Anh chuyển ngữ ‘*Boule*’ thành ‘*senate*’ (‘nguyên lão viện’ hoặc ‘nghị viện’). (BT)

^[11] Hylleicus là một trong 2 hải cảng tự nhiên của Corcyra được Thucydides đề cập đến, nằm ở đầu phía tây đảo này; cảng còn lại là Alkinoos, nằm ở đầu phía đông hoặc đông bắc của đảo. (BT)

^[12] ‘*Oligarch*’ là từ có gốc Hy Lạp, phái sinh từ ‘*oligarchy*’, chỉ thành viên của chính thể *oligarchy*, trong ngữ cảnh này chỉ những kẻ ở phe *oligarchy* đối lập với phe dân chúng. (ND)

^[13] Dioscuri là tên gọi chung của 2 anh em song sinh là Castor và Polydeuces (còn gọi là Pollux) thường giúp đỡ các thủy thủ bị đắm thuyền và nhận lễ vật cúng tế để ban gió thuận. Theo truyền thuyết, 2 anh em là con của Leda nhưng Castor là con của Tynradreus vua sparta và Pollux là con của thần Zeus. Nhiều nơi ở Hy Lạp có đền thờ 2 vị thần này. (BT)

^[14] Eo biển chia tách đảo Corcyra khỏi Hy Lạp đại lục có chỗ chỉ rộng chừng 2 dặm. (BT)

^[15] Laches là một vị tướng dòng dõi quý tộc của Athens (khoảng 475-418 trước CN). Ông là người ủng hộ nỗ lực gìn giữ hoà bình của Nicias sau khi Hòa ước Nicias được ký kết giữa Athens và sparta năm 421 trước CN. (BT)

^[16] Syracuse là một thành bang thuộc địa do người Corinth kiến lập ở bờ đông của Sicily và là thành bang lớn nhất của Hy Lạp trên đảo này, nằm cách thành Catana khoảng 33 dặm về phía nam. (BT)

^[17] Leontini, còn gọi là Lentini, là một trấn thuộc địa của Hy Lạp ở Sicily do dân Chalcis từ Naxos sang kiến lập năm 730 trước CN, nằm ở phía đông nam đảo này, giữa Syracuse và Catana, cách Syracuse khoảng 22 dặm về phía tây bắc! (BT)

^[18] Camarina là một thành trên bờ biển phía nam của đảo Sicily, cách Gela khoảng 20 dặm về phía đông. Camarina là thuộc địa do Syracuse kiến lập lần đầu năm 599 trước CN. (BT)

^[19] Locris ở Italy, còn gọi là Locri, là một thành của dân Locri Epizephyrii ở Hạ Italy do dân Locris từ Hy Lạp sang kiến lập năm 680 trước CN, dân ở đây tự gọi mình là Locri Epizephyrii để phân biệt với các dân Locris khác ở Hy Lạp. (BT)

^[20] Rhegium là một thành quan trọng của Hy Lạp ở Italy do dân Chalcis từ Euboea và dân Doris từ Messenia sang kiến lập năm 743 trước CN, nằm gần đầu phía nam của bán đảo Bruttium, phía đông eo biển Sicily và đối diện với Messina (Messana) ở Sicily. (BT)

Chú thích chương XI

^[1] Các đảo Aeolus là một quần đảo núi lửa ở biển Tyrrhenia (một nhánh của Địa Trung Hải), phía bắc Sicily. Đảo lớn nhất trong các đảo này là Lipari nên còn được gọi là nhóm đảo Lipari. (BT)

^[2] Cnidus là một thành của người Doris ở xứ Caria của Tiểu Á. (BT)

^[3] Lipara tức là Lipari, đảo lớn nhất thuộc nhóm đảo Aeolus, nằm gần bờ biển Sicily và ở khoảng giữa Sicily và Italy. (BT)

^[4] Didyme, còn gọi là Salina, là đảo lớn thứ hai trong nhóm đảo Aeolus. (BT)

^[5] Strongyle, còn gọi là Stromboli, một đảo trong nhóm đảo Aeolus. (BT)

^[6] Hiera, còn gọi là Vulcano hoặc Thermessa, là một đảo trong nhóm đảo Aeolus, nơi có nhiều trung tâm núi lửa. (BT)

^[7] Tiếng Anh ‘*Sicels*’ (từ gốc Hy Lạp là ‘*Sikeloi*’ tiếng Latinh là ‘*Siculi*’): một tộc dân cổ của Sicily cư ngụ ở miền đông Sicily từ Thời kỳ Đồ sắt, tên của tộc dân này đã được đặt cho Sicily từ thời cổ đại; truyền thuyết cho rằng tộc dân này nguyên cư ngụ ở miền trung Italy nhưng bị đuổi khỏi đó và vượt biển sang Sicily. (ND)

^[8] Messina, còn gọi là Messana hay Zancle, là một trấn quan trọng có hải cảng nằm ở điểm cực đông bắc Sicily, trên eo biển Messina và đối diện với Rhegium. (BT)

^[9] Tức Agis II, vua Sparta, lên ngôi năm 427 trước CN, băng hà khoảng năm 400 hoặc năm 398 trước CN, đã chỉ huy hầu hết các chiến dịch xâm lược Attica trong cuộc chiến tranh này. (BT)

^[10] Orobiae là một trấn ở bờ biển phía tây của Euboea, nằm giữa trấn Aedepeus và trấn Aegae. (BT)

^[11] Peparerthus là một hải đảo ở vùng biển Aegea, nằm ngoài khơi Thessaly, về phía đông đảo Halonnesus. (BT)

^[12] Tiếng Anh ‘*Siceliots*’: chỉ những thực dân từ Hy Lạp (thường có gốc Doris) và hậu duệ của họ đến sinh sống ở Sicily và hình thành nên nhóm sắc

tộc văn hóa ở Sicily từ khoảng thế kỷ VIII trước CN khi Hy Lạp thuộc địa hóa Sicily và nhiều vùng khác ở bờ biển phía nam Italy; họ nói tiếng Hy Lạp và tham gia vào các hoạt động chính trị-văn hóa ở Magna Graecia (miền nam Italy) và của thế giới Hy Lạp nói chung. (ND)

^[13] Mylae là một trấn nằm ở phía bắc Sicily, cách đảo Hiera không xa, thuộc địa của Messina, được kiến lập vào khoảng năm 716 trước CN. (BT)

^[14] Demosthenes (không rõ năm sinh, mất năm 413 trước CN) là một danh tướng của Athens chỉ huy nhiều chiến dịch trong cuộc chiến tranh này. (BT)

^[15] Trachis, còn gọi là Trachin, là một thành ở Trachinia của Malis, có vị trí chiến lược rất quan trọng vì nắm giữ đường tiếp cận Thermopylae từ Thessaly. Heraclea ở Trachis còn gọi là Heraclea Trachinia, là thuộc địa được Lacedaemon kiến lập năm 426 trước CN, nằm ở phía tây Thermopylae và phía nam vịnh Malis, cách Trachis khoảng hơn nửa dặm. (BT)

^[16] Malis là một xứ ở miền nam Thessaly, nằm trên bờ vịnh Malis, đối diện với mũi tây bắc của đảo Euboea và trải dài đến đèo Thermopylae. (BT)

^[17] Paralii trong tiếng Hy Lạp chỉ cư dân vùng duyên hải. Lãnh thổ của dân Paralii ở Malis trải từ Larissa Cremaste ở Phthiotis đến cửa sông Sperchius. (BT)

^[18] Dân Hierii (hay Hieres) được cho là cư ngụ ở Oeta, một thành được coi là linh thiêng ở xứ Oeta trong vùng châu thổ sông Sperchius. (BT)

^[19] Trachinii là cư dân ở Trachis. (BT)

^[20] Oetaea là một xứ vùng cao ở miền nam Thessaly, được đặt tên theo tên rặng núi Oeta ở Thessaly. Dân ở xứ này gồm nhiều tộc dân cướp bóc cư ngụ ở triền núi Oeta. (BT)

^[21] Cenaenum là một mũi đất của Euboea, tạo thành điểm cực tây bắc của đảo này, nằm đối diện với vịnh Malis. (BT)

^[22] Ngụ ý binh lính là công dân Athens (phân biệt với lính đánh thuê hoặc các quân đồng minh khác trong liên quân của Athens). (BT)

^[23] Leucadia là một tên gọi khác của đảo Leucas. (BT)

^[24] Leucas là trấn thủ phủ của đảo Leucas, nằm ở góc đông bắc đảo, thời bấy giờ trấn này bị tách khỏi đảo bởi một doi đất lầy. Trấn này do Corinth kiến lập trong khoảng năm 665-623 trước CN. (BT)

^[25] Apodotia là một vùng ở trung tâm xứ Aetolia, nằm trên triền núi phía trên Naupactus và trên biên giới với Locris, dân Apodotia (*Apodoti*) là một trong 3 tộc chính ở Aetolia. (BT)

^[26] Ophionea là một vùng của Aetolia ở vùng núi trên biên giới tiếp giáp Doris và Thessaly, dân Ophionea (*Ophionenses*) là một trong 3 tộc chính ở Aetolia. (BT)

^[27] Eurytania là một vùng của Aetolia nằm ở vùng núi phía tây tiếp giáp biên giới Acarnania, tây nam và nam giáp sông Achelos, phía bắc giáp Karditsa, phía đông tiếp giáp Phthiotis. Dân Eurytania (*Eurytanes*) là một trong 3 tộc chính ở Aetolia. (BT)

^[28] Kytinium, còn gọi là Cytinium hoặc Kytinion, là thành quan trọng nhất trong 4 thành của xứ Doris, nằm ở phía tây dãy núi Parnassus và giáp ranh với lãnh thổ của dân Locri Ozoli; Kytinium có vị trí chiến lược rất quan trọng. (BT)

^[29] Sollium là một trấn nằm trên bờ biển Acarnania, ở vùng biển Ionia. (BT)

^[30] Oeneon là một trấn trên lãnh thổ của dân Locri Ozoli, nằm ở phía đông Naupactus, trấn này có một hải cảng. (BT)

^[31] Nemea là một biệt danh của thần Zeus, khu thánh địa này ở Oeneon; phân biệt với thánh địa thờ thần Zeus ở Nemea, một thung lũng ở Argolis. (BT)

^[32] Hesiod là một trong những nhà thơ đầu tiên của Hy Lạp, nổi tiếng vào khoảng năm 700 trước CN; ông được coi là cha đẻ của dòng thơ luân lý, 2 trong số các sử thi hoàn chỉnh của ông còn lại đến nay là ‘*Theogony*’ (tạm dịch: ‘*Thần hệ*’), về nguồn gốc các vị thần, và ‘*Works and Days*’ (tạm dịch: ‘*Công việc và Ngày tháng*’), mô tả cuộc sống của người nông dân. (BT)

^[33] Potidania là một trấn của Aetolia, nằm trên biên giới giữa xứ này với Locris, cách Oeneon khoảng một ngày đường. (BT)

^[34] Krokyle, còn được gọi là Crocyleium, là một trấn của Aetolia trên biên giới với Locris, cách Potidania khoảng 1 ngày đường. (BT)

^[35] Tichium, còn gọi là Techium, là một trấn của Aetolia trên biên giới với Locris, cách Krokyle khoảng 1 ngày đường. (BT)^{@317}

^[36] Eupalium là một trong những trấn quan trọng ở miền tây Locris, nằm gần biển, giữa Naupactus và Oeantheia. (BT)

^[37] Dân Bomi (*Bomienses*) và dân Callium (*Callienses*) là 2 chi tộc của tộc dân Ophionia, các tộc này cư ngụ ở triền núi Oeta chạy xuống vịnh Malis tại những nơi được đặt theo tên tộc của họ: Bomi là một nơi ở cực tây núi Oeta trên biên giới phía đông bắc của Aetolia, Callium là trấn thủ phủ của dân Callium ở biên giới phía đông của Aetolia, nằm trên con đường từ lưu vực sông Spercheus đến Aetolia và trên con đường từ Pyra (đỉnh núi Oeta) đến Naupactus. (BT)

^[38] Vịnh Malis nằm ở phía tây biển Aegea tạo thành một phần bờ biển của Phthiotis ở đông nam Thessaly. (BT)

^[39] Aegitium là một trấn ở Aetolia, giáp ranh với Locris, nằm giữa các rặng núi. (BT)

^[40] Halex là con sông nhỏ tạo thành ranh giới giữa Locris và Rhegium. (BT)

^[41] Amphissa là trấn thủ phủ của dân Locri Ozoli, nằm giáp ranh với Phocis, trên con đèo ở phía đầu đồng bằng Crissa, cách Delphi không xa. (BT)

^[42] Các trấn này đều nằm trên lãnh thổ của dân Locri Ozoli: Ipnus, Hesus và Messapia nằm ở triền phía tây núi Parnassus; Myonia và Tritaea nằm ở chân núi Aselinon Oros phía tây nam Amphissa; Chalaenum nằm ở bờ biển về phía tây Phocis, Oeantheia nằm ở rìa phía tây vịnh Crisae và Tolophon nằm xa hơn nữa về phía tây. (BT)

^[43] Olpae và Hyle là các trấn nằm sâu trong nội địa của dân Locri Ozoli; Olpae còn là tên một pháo đài ở xứ này (phân biệt với trấn Olpae ở Amphilochia). (BT)

^[44] Calydon và Pleuron là 2 thành liên kề nhau trên lãnh thổ Aetolia (giáp lãnh thổ của dân Locri Ozoli), cách bờ biển không xa; như vậy Aelolis này nằm ở Aetolia và khác với Aeolis ở vùng Tiểu Á. (BT)

^[45] Proschium là một trấn của Aetolia, nằm giữa 2 con sông Achelous và Evenus. (BT)

^[46] Inessa, còn gọi là Aetna, là một trấn ở Sicily, nằm ở chân dãy núi Aetna; trấn này có địa hình tự nhiên hiểm yếu. (BT)

^[47] Caicinus, còn gọi là Caiecinus, là con sông ở Bruttium trên lãnh thổ Locris ở Italy; con sông bắt nguồn từ dãy núi Sila và đổ ra Địa Trung Hải giữa 2 trấn Rhegium và Locris. (BT)

^[48] Rhenea là một đảo nhỏ trong nhóm đảo Cyclades ở biển Aegea, nằm cách đảo Delos một eo biển hẹp chừng nửa dặm. (BT)

^[49] Scio là tên gọi đảo Chios của Hy Lạp theo tiếng Genoa (một thành ở bắc Italy). (BT)

^[50] Olpae còn là tên trấn ở Amphilochia bên vịnh Ambracia. (BT)

^[51] Phytia, hay còn gọi là Phoeteiae, là một trấn trong nội địa của Acarnania, nằm trên cao nguyên phía tây Stratus và trên con đường từ Stratus đến Medeon và Limnaea. (BT)

^[52] Medeon là trấn nằm sâu trong nội địa Acarnania, trên đường từ Stratus và Phytia đến Limnaea. (BT)

^[53] Metropolis này nằm ở phía đông bắc trấn Olpae của Amphilochia. Ở Hy Lạp và Tiểu Á có một số thành được gọi là ‘Metropolis’ (từ ‘Metropolis’ trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là ‘thành bang mẹ’, chỉ mối quan hệ giữa một thành bang và các xứ thuộc địa của nó). (BT)

^[54] Mantinea, còn được gọi là Mantinea, là một trong những trấn cổ kính nhất và quan trọng nhất ở Arcadia, nằm bên con sông nhỏ ophis, trên biên

giới với Argolis, phía nam Orchomenus và phía bắc Tegea. Mantinea tham gia cuộc chiến chống Ba Tư xâm lược với tư cách đồng minh của Sparta; trong Chiến tranh Peloponnese, Mantinea thoát đầu tham gia Liên minh Peloponnese, nhưng về sau do là một trấn có thể chế dân chủ lại luôn tranh chấp với Tegea, Mantinea đã tiến tới thiết lập hên minh với Athens, Argos và Elis, và tham gia cuộc chiến chống lại Sparta. (BT)

^[55] Idomene là tên 2 ngọn đồi ở đường đèo phía trên Olpae của Amphilochia, phân biệt với Idomene của Macedonia. (BT)

^[56] Himera là một thành quan trọng của Hy Lạp ở Sicily, nằm trên bờ biển phía bắc của đảo này, bên cửa con sông Himera, giữa thành Panormus và trấn Cephaloedium. Thành này do thực dân Chalcis từ Zancle và một số người Syracuse lưu vong kiến lập năm 648 trước CN. (BT)

^[57] Chi pháo đài bên sông Halex. (BT)

^[58] Catana, còn được gọi là Catania, là một thành ở phía bờ biển phía đông Sicily, nằm ở phía nam chân núi Etna, giữa Tauromenium và Syracuse. Thành này do thực dân Chalcis từ Naxos đến kiến lập vào khoảng năm 730 hoặc 729 trước CN. (BT)

Chú thích chương XII.

^[1] Pylos, còn được gọi là Pylus, là một trấn ở phía tây nam xứ Messenia, nằm trên bờ biển Peloponnese, dưới chân núi Aegaleos, trên mũi đất Coryphasium ở cửa phía bắc vịnh Pylos, và là hải cảng chính trên vịnh này. (BT)

^[2] Mende là một trấn thuộc Pallene, nằm ở phía tây nam của tiểu bán đảo này và trên vịnh Therma. Là thuộc địa của Eretria ở Euboea, Mende đã trở thành trấn lệ thuộc của Athens cùng với các thành bang khác ở Pallene và Chalcidice. (BT)

^[3] Sphacteria là một đảo nhỏ ở cửa vịnh Pylos, có chức năng như một con đê chắn sóng che chắn cho vịnh và cảng Pylos. (BT)

^[4] Bản dịch tiếng Anh dùng ‘*furlong*’ đơn vị đo chiều dài của Anh, 1 *furlong* = $\frac{1}{8}$ dặm (khoảng 201 m); *furlong* được coi là tương đương với *stadion* của Hy Lạp; theo bản gốc tiếng Hy Lạp chiều dài đảo này là 15 *stadion* (khoảng 1,7 dặm). (ND)

^[5] Asine là một trấn ở Messenia, do tộc dân Dryopis lập khi họ bị đuổi khỏi trấn Asine ở Argos. Trấn này nằm ở phía tây vịnh Messenia. (BT)

^[6] Prote là một đảo ở ngoài khơi bờ biển phía tây Messenia. (BT)

^[7] Trận Pylos diễn ra vào năm 425 trước CN. (BT)

^[8] *Quart* là đơn vị đo thể tích của Anh, 1 *quart* (1 lít Anh) = $\frac{1}{4}$ *gallon* = 1,14 lít; bản gốc Hy Lạp ở đây là ‘2 *choenix*’, *choenix* là đơn vị đo thể tích của Hy Lạp, 1 *choenix Attica* = 1,09 lít. (ND)

^[9] *Pint* là đơn vị đo thể tích của Anh, 1 *pint* = $\frac{1}{2}$ *quart* = 0,57 lít; bản gốc Hy Lạp là ‘2 *kotyle*’, *kotyle* là đơn vị đo thể tích của Hy Lạp, 1 *kotyle Attica* = 272,8 ml. (ND)

^[10] Theo sử thi *Odyssey* của Homer, Charybdis và Scylla là tên 2 quái vật khổng lồ chặn ngang eo biển nơi thuyền của Odysseus – nhân vật chính trong sử thi – đi qua khi trở về nhà sau cuộc chiến thành Troy, khiến con thuyền này bị đắm. (BT)

^[11] Biển Tyrrhenia (Tyrrhenum trong tiếng Latinh) là một phần của Địa Trung Hải ở ngoài khơi bờ biển phía tây của Italy. (BT)

^[12] Biển Sicily, hay còn gọi là eo biển Sicily, là một eo biển rộng khoảng 90 dặm, chia cắt biển Tyrrhenia và phía tây Địa Trung Hải ra khỏi phía đông Địa Trung Hải. (BT)

^[13] Pelorus là mũi đất tạo thành điểm cực đông bắc của đảo Sicily, và là một trong 3 mũi đất tạo nên hình tam giác cho đảo này, đồng thời cũng là mũi đất nhô ra biển xa nhất về phía bờ biển đối diện của Italy. (BT)

^[14] Naxos là một thành do thực dân Chalcis từ Euboea sang Sicily kiến lập năm 735 trước CN ở bờ biển phía đông đảo Sicily, nằm giữa Cantana và Messina, phân biệt với đảo Naxos thuộc nhóm đảo Cyclades ở Hy Lạp. (ND)

^[15] Aenus là một trấn của Thrace, nằm gần cửa sông Hebrus. Aenus là thuộc địa của Aeolis. (BT)

^[16] Chỉ trận giao tranh gần trấn Aegitium (chương XI), quân Athens do Demosthenes chỉ huy thua chạy vào rừng bị quân Aetolia phóng hỏa giết hầu hết quân Athens trong đó. (BT)

^[17] Trận Thermopylae diễn ra trên đèo Thermopylae trong cuộc Chiến tranh Ba Tư – Hy Lạp (năm 480 trước CN), đồng thời với trận hải chiến Artemisium. Lực lượng Hy Lạp gồm 4000 quân, trong đó có 300 quân Sparta, do Leonidas (vua Sparta) chỉ huy đã giữ vững vị trí được vài ngày chống lại Xerxes Đại đế và đạo quân Ba Tư được cho là có đến trăm vạn; song quân Ba Tư được một kẻ người Trachinii tình nguyện dẫn đường đã đánh bọc hậu họ. Thấy vậy, Leonidas bèn cho hầu hết quân Hy Lạp rút lui, ông và 300 quân Sparta cùng một số ít quân đồng minh khác ở lại để cự địch và đã hi sinh đến người cuối cùng (theo *Library* của Diodorus Siculus – sử gia Hy Lạp). (BT)

Chú thích chương XIII.

^[1] Chersonese ở đoạn này là một bán đảo (hoặc doi đất) ở Corinth, được hình thành tại phía nam cảng Cenchreae nơi dãy núi Oneium chạy xuống vịnh Saronikos (phân biệt với Chersonese ở Thrace trong chương I). (BT)

^[2] Rheitus (tiếng Hy Lạp có nghĩa 'suối') là một dòng suối cách Chersonese khoảng 2 dặm về phía nam. (BT)

^[3] Solygia còn được gọi là Solygeia hoặc Solygeius. (BT)

^[4] Dân Aeolis là một trong 4 tộc chính của Hy Lạp, có gốc từ Thessaly, thời sơ khai tộc này đông dân nhất và sống rải rác ở nhiều vùng của Hy Lạp như Aetolia, Locris, Corinth, Elis và Messenia. Trong cuộc xâm lược của Doris, dân Aeolis từ Thessaly vượt biển Aeagea sang định cư ở đảo Lesbos và vùng Aeolis ở Tiểu Á, một vùng được đặt tên theo tên tộc dân của họ. (BT)

^[5] Cenchreae là một hải cảng quan trọng ở phía đông Corinth, trên vịnh Saronikos. (BT)

^[6] Crommyon là một trấn của Corinth, nằm trên bờ vịnh Saronikos. (BT)

^[7] Methana là một bán đảo đá nối liền với lãnh thổ Troezen ở Argolis bằng một eo đất, trên bán đảo này có một trấn Methana hay còn gọi là Methone. (BT)

^[8] Prychia là một đảo nhỏ ở phía đông Corcyra. (BT)

^[9] Cuộc cách mạng này kết thúc năm 425 trước CN. (BT)

^[10] Chỉ vua Artaxerxes I của Ba Tư. (BT)

^[11] Tiếng Assyria là ngôn ngữ của người Assyria, tộc dân có nguồn gốc từ Assyria, một trong những nền văn minh cổ nhất thế giới. Assyria là một xứ ở châu Á, nằm trải dài theo sông Tigris, gần Lưỡng Hà, Babylonia, Armenia, Media và Susiana. (BT)

^[12] Rhoeteum là một doi đất hoặc một dải bờ biển sỏi đá ở Mysia (một xứ ở tây bắc Tiểu Á), nhô ra biển thành một số mũi nhỏ, tại lối vào eo biển Hellespont, với một trấn nhỏ cùng tên trên đó. (BT)

^[13] Đồng *xtator* được đúc bằng hợp kim vàng bạc của Phocaea có trọng lượng khoảng 256-248 gam (vào khoảng năm 602-560 trước CN, thời kỳ người Phocaea bá chủ trên biển), theo Demosthenes 1 *xtator* của Phocaea tương đương với khoảng 28 *dracma* của Attica. (BT)

^[14] Antandrus là một thành thuộc địa của Aeolis trên vịnh Adramyttium ở vùng Troad của Tiểu Á, dưới chân núi Ida. (BT)

^[15] Các trấn, thành Actaea nằm trên bờ biển Troad, gồm: Achilleion, Hamaxitus, Antandros, Kolonai, Larisa, Nesos, Ophryneion, Palamedeion, Rhoiteion, Pordoselene, Petra, Thymbra. (BT)

^[16] Biển Crete là vùng biển nằm ở điểm cực nam của biển Aegea, kéo dài đến phía bắc đảo Crete, phía đông các đảo Kythera và Antikythera, phía nam nhóm đảo Cyclades, phía tây các đảo Dodecanese. (BT)

^[17] Scandea là trấn cảng của Cythera cách Cythera khoảng hơn 1 dặm. (BT)

^[18] Helus, còn gọi là Helos, là một trấn ở Laconia, nằm ở phía đông cửa sông Eurotas, gần biển. (BT)

^[19] Chi đảo Sphacteria và thất bại của quân Sparta trong trận Pylos, thường được ngụ ý hoặc đề cập đến vẫn tắt như trên. (ND)

^[20] Cotyrta là một trấn ở phía nam Laconia, gần mũi đất Malea. (BT)

^[21] Aphrodisia là một thành ở vùng đồng bằng giữa Cotyrta và Boiae, phía đông nam Laconia. (BT)

^[22] Epidaurus Limera là một trấn trên bờ biển phía đông của Laconia, nằm gần Cythera, là thuộc địa do người Epidaurus ở Argolis kiến lập. (BT)

^[23] Cynuria là một xứ ở bờ biển phía đông của Peloponnese, giữa Argolis và Laconia, được gọi theo tên tộc dân Cynuria, một trong những tộc dân cổ nhất ở bán đảo này. (BT)

^[24] Gela là một trong những thành quan trọng của Hy Lạp ở Sicily, nằm ở bờ biển phía nam của đảo này, giữa Agrigentum và Camarina, và ở cửa con

sông Gela; thành này do thực dân Hy Lạp từ Rhodes và Crete đến kiến lập tại Sicily năm 690 trước CN. (BT)

^[25] Morgantina, còn gọi là Morgantium, là một trấn ở Sicily, nằm ở phía đông nam Agyrium, gần con sông Symaethus. (BT)

^[26] *Peripoli* là binh lính làm nhiệm vụ tuần tra của Athens, gồm những thanh niên trong 2 năm đầu nhập ngũ còn đang trong thời kỳ tập luyện. (ND)

^[27] Enyalios là một tên khác của thần Ares, vị thần chiến tranh trong thần thoại Hy Lạp, tuy có thuyết cho rằng đây là hai vị thần khác nhau. (BT)

^[28] Cuộc cách mạng này của Megara kết thúc năm 424 trước CN, tức là năm thứ 8 của cuộc chiến tranh này. (BT)

Chú thích chương XIV.

^[1] Heraclea ở đây là Heraclea Pontica, là một thành trên bờ biển của Bithynia, cách sông Lycus hơn 1 dặm. Thành này được một thuộc địa của Megara kiến lập vào khoảng năm 560 trước CN. (BT)

^[2] Bithynia là một xứ ở Tiểu Á, bao gồm phía đông bờ biển Propontis, phía đông bờ eo biển Bosphorus của Thrace và phần lớn bờ biển Euxinos. Phía tây xứ này giáp Mysia, phía bắc giáp biển Euxine, phía đông giáp xứ Paphlagonia và phía nam giáp Phrygia Epictetus. (BT)

^[3] Chalcedon là một thành của Hy Lạp ở Bithynia, trên bờ biển Propontis, ở lối vào eo biển Bosphorus của Thrace, gần đối diện với Byzantium, được thực dân từ Megara kiến lập năm 685 trước CN. (BT)

^[4] Siphae là một trấn của Boeotia, nằm trên vịnh Corinth. (BT)

^[5] Thespieae là một thành ở Boeotia, nằm dưới chân núi Helicon, nhìn về hướng vịnh Crisae. (BT)

^[6] Đền thờ Delium này được đặt theo tên đền thờ Apollo ở Delos, và tên của đền Delium này lại được đặt cho địa phương nơi có đền thờ đó, nằm trên bờ biển của Tanagra, cách lãnh thổ Oropus khoảng 1 dặm, gần biên giới Attica. (BT)

^[7] Cuộc viễn chinh này của Brasidas đến các xứ Thrace, vì vậy quân dân Chalcis trong cuộc viễn chinh này là quân dân ở Chalcidice. (BT)

^[8] Melitia, còn được gọi là Melitaea hoặc Melitea, là một trấn ở Phthiotis trên lãnh thổ Thessaly, nằm trên triền phía bắc núi Othrys. (ND)

^[9] Tức là Achaea Phthiotis. (ND)

^[10] Enipeus là một con sông ở Thessaly, bắt nguồn từ núi Othrys, hợp hâu với con sông Apidanus và chảy vào dòng sông cả Peneus, đều ở Thessaly. (BT)

^[11] Phacium là một trấn ở Thessaly, nằm trong địa hạt Pelasgiotis. (BT)

^[12] Perrhaebia là một vùng ở cực bắc của Thessaly, là một phần của xứ Hestiaetis, nơi cư ngụ tộc dân Perrhaebia hùng mạnh và thiện chiến. (BT)

^[13] Lynceus là thủ phủ của Lyncestis. (BT)

^[14] Acanthus là một trấn nằm ở phía đông eo đất nối bán đảo Acte với Chalcidice. (BT)

^[15] Stagirus, còn gọi là Stagira, là một trấn của Macedonia ở Chalcidice, trên bờ vịnh Strymon; là thuộc địa do Andros kiến lập năm 656 trước CN. (BT)

^[16] Phanotis, còn gọi là Phanoteus hay Panopeus, là một trấn của Phocis, nằm gần biên giới Boeotia và trên con đường từ Daulis tới Chaeronea. (BT)

^[17] Oropia là một xứ ở Boeotia, gần Tanagra; trấn Oropus là thủ phủ của xứ này. (BT)

^[18] Coronae, còn gọi là Coroneia, là một trấn của Boeotia và là thành viên của liên minh Boeotia, nằm ở vùng cao dưới chân núi Helicon. Nơi đây năm 447 trước CN đã diễn ra Trận Coronae, quân Athens dưới quyền chỉ huy của Tolmides đã bị Boeotia đánh bại, và vì thế người Athens đã mất chủ quyền với Boeotia mà họ đã giành được từ năm 457 trước CN khi thắng Boeotia tại Trận Oenophyta. (BT)

^[19] Haliartus là một trấn quan trọng của Boeotia, và là một thành viên của liên minh Boeotia, nằm bên bờ phía nam hồ Copais. (BT)

^[20] Copae là một trấn của Boeotia, và là một thành viên của liên minh Boeotia, nằm ở điểm cực bắc của hồ Copais. (BT)

^[21] Copais là một hồ lớn hình thành chủ yếu do con sông Cephissus, hồ này liên thông với biển Euboea bằng những con kênh ngầm dưới đất, và được đặt tên theo trấn Copae. (BT)

^[22] Trận Delium diễn ra năm 424 trước CN. (BT)

^[23] Chi Apollo. (BT)

^[24] Không tìm được thông tin về địa danh Oropid; B. Jowett dịch là ‘*Oropus*’, trong khi đó T. Hobbes dịch là ‘*Oropia*’ (xứ Oropia nằm trên biên giới Attica và Beotia, trấn Oropus là thủ phủ của xứ này). (BT)

^[25] Aristagoras là Phó Tổng trấn của Miletus vào khoảng cuối thế kỷ VI, đầu thế kỷ V trước CN, và là người đóng vai trò chủ chốt trong cuộc nổi dậy của các thành Ionia chống lại Đế chế Ba Tư. Cuộc nổi dậy thất bại sau một thời gian ngắn, Aristagoras trốn chạy về Thrace và gắng sức kiến lập một thuộc địa bên sông Strymon, chính tại địa điểm mà sau đó Athens kiến lập thành Amphipolis; ông ta đã chiếm được vùng lãnh thổ này, nhưng sau đó khi bao vây một trấn láng giềng, ông ta đã bị quân Thrace giết. (BT)

^[26] Ennea Hodoi là nơi có nhiều con đường giao nhau tại đó, và là tên mà dân Edonia đặt cho nơi này. (BT)

^[27] Arne, còn được gọi là Arnae, là một trấn của Chalcidice nhưng không rõ địa điểm, phân biệt với trấn Arne của Thessaly. (BT)

^[28] Aulon là tên một đường đèo ở Mygdonia thuộc Macedonia, và cũng có thể là tên một nơi nằm trên đèo này. (BT)

^[29] Bromiscus là một trấn ở Mygdonia thuộc Macedonia. (BT)

^[30] Paros là một hòn đảo ở biển Aegea và là một trong những hòn đảo lớn nhất của quần đảo Cyclades, nằm ở phía tây Naxos và tách khỏi Naxos bởi một eo biển rộng khoảng 6 dặm. (BT)

^[31] Chỉ Amphipolis; Eion nằm ở cửa sông Strymon đổ ra biển, nó là một trấn, đồng thời là hải cảng của Amphipolis. (BT)

^[32] Trấn Myrcinus nằm ở tả ngạn sông Strymon, nơi có nhiều mỏ bạc và gỗ súc. (BT)

^[33] Galepsus là một thành nằm trên bờ biển Thrace, gần cửa sông Strymon. (BT)

^[34] Oesime, còn gọi là Oesyne, là một thành ở Thrace, nằm gần cửa sông Strymon. (BT)

^[35] Con kênh này do Xerxes Đại đế của Ba Tư cho đào vào thế kỷ V trước CN, chạy qua chân núi Athos ở Chalcidice. Acte là một trong 3 mũi đất lớn nhô ra biển (thường được gọi là các bán đảo) của Chalcidice. (BT)

^[36] Phân biệt với trấn Dium ở Macedonia. (BT)

^[37] Tức là tiếng Hy Lạp và tiếng địa phương. (BT)

^[38] Có thể hiểu là dân Tyrrhenia gốc Pelasgi; theo Herodotus, dân Tyrrhenia nguyên là dân vương quốc Lydia ở Tiểu Á, vào khoảng thế kỷ XI-II trước CN, vì nạn đói kéo dài dân xứ này bị chia đôi, một nửa ở lại Lydia và một nửa theo hoàng tử Tyrrhenus rời quê hương đi tìm đất mới; họ đóng thuyền vượt biển và khi đến chỗ dân Ombria (hay Umbria, Italy) họ dừng lại đó, kiến lập một số thành và tự gọi mình là dân Tyrrhenia; xứ Iyrrhenia (tức Etruria ở miền trung Italy) cũng là thuộc địa do họ kiến lập. (BT)

^[39] Torone là một trấn thuộc địa do dân Chalcis kiến lập ở Macedonia, trên bán đảo Chalcidice, nằm trên bờ tây nam bán đảo Sithonia. (BT)

^[40] Canastraeum là mũi đất ở Pallene, trên bán đảo Chalcidice. (BT)

^[41] Như Thucydides đã giải thích ở chương VI, ông ghi chép lại cuộc chiến tranh này theo thứ tự thời gian của các sự kiện xảy ra vào các mùa hạ và mùa đông. Mùa hạ kế tiếp ở đây có nghĩa là năm thứ chín của cuộc chiến tranh này. (ND)

^[42] Chỉ đền Delphi. (BT)

^[43] Coryphasium là một mũi đất ở Messenia, bao gồm cả hải cảng Pylos ở phía bắc và một trấn có cùng tên Coryphasium; tuy vậy, ở chương XII, Thucydides có viết rằng người Lacedaemon gọi Pylos là Coryphasium. (BT)

^[44] Buphras và Tomeus là hai địa danh ở vùng núi phía nam Messenia, gần Pylos. (BT)

^[45] Acamantis là một thị tộc trong số 10 thị tộc của Athens. (ND)

^[46] *Prytany* (từ có gốc Hy Lạp) chỉ nhóm đại biểu thị tộc của Athens đang nắm quyền chủ tọa *Boule* và đồng thời chỉ nhiệm kỳ chủ tọa của nhóm đó. Hội đồng *Boule* của Athens sau cải cách của Cleisthenes gồm 10 nhóm đại biểu của 10 thị tộc, mỗi nhóm 50 người, luân phiên làm chủ tọa *Boule* với nhiệm kỳ khoảng 5 tuần; chức năng chính của *prytany* là triệu tập các hội nghị công dân và các hội nghị của toàn bộ thành viên hội đồng tham nghị, lập chương trình nghị sự cho các kỳ họp này, tiếp các sứ giả ngoại bang,

điều hành mọi công việc hằng ngày của thành bang này. Những đại biểu đang trong nhiệm kỳ *prytany* được gọi là *Prytanis*. Mỗi ngày, một trong 50 *Prytanis* đó được chọn bằng cách bốc thăm để làm chủ tịch của *prytany* trong ngày hôm đó, và không ai được phép giữ vị trí này 2 lần. (ND)

^[47] Athens bấy giờ sử dụng một số loại lịch khác nhau, tháng Elaphebolion thuộc lịch lễ hội của thành bang này, rơi vào giữa tháng Ba và tháng Tư dương lịch. (ND)

^[48] Không tìm được tài liệu về tháng Gerastius, nhưng một số học giả cho rằng tháng này trùng với tháng Elaphebolion của Athens. (ND)

^[49] Scione là trấn quan trọng nhất nằm ở bờ biển phía tây bán đảo Pallene, thuộc lãnh thổ Macedonia. (BT)

^[50] Arnisa, hay Arnissa, là một trấn ở Eordaea của Macedonia, ở lối vào đường đèo trên rặng núi chia cắt Lyncestis với Eordaea. (BT)

^[51] Methone là trấn thuộc địa của Hy Lạp ở Macedonia, nằm bên vịnh Therma (phân biệt với Methone hay Methana ở Argolis). (BT)

^[52] Laodicium, hay Ladocchia, là một địa điểm thuộc xứ Maenalia ở Arcadia, nằm trên con đường từ Megalopolis đi Pallantium và Tegea. (BT)

^[53] Oresthid, hay Oresthis hoặc Orestheum, là một trấn thuộc xứ Maenalia ở miền nam Arcadia, nằm trên con đường từ Megalopolis đi Pallantium và Tegea. (BT)

^[54] Bucolion là một địa điểm ở Arcadia, tuy vị trí không rõ nhưng suy luận từ nơi diễn ra trận đánh này thì Bucolion nằm gần Laodicium và Oresthid. (BT)

Chú thích chương XV

^[1] Đại lễ hội Pythia (*Pythian Games*) là một trong các đại lễ hội ở Hy Lạp cổ đại được tổ chức tại Delphi nhằm tôn vinh thần Apollo, trong đó có các cuộc thi đấu thể thao và âm nhạc. Từ năm 582 trước CN đại lễ hội này được tổ chức 4 năm 1 lần, và các cuộc thi đấu thể thao bao gồm cả đua xe ngựa, thi chạy điền kinh, được bổ sung vào lễ hội này để cạnh tranh với Olympic Games. Đại lễ hội này được tiếp tục cho đến thế kỷ IV sau CN. (ND)

^[2] Atramyttium, hay Adramyttium, là một trấn nằm ở đầu vịnh Adramyttium, bên bờ sông Caicus ở Mysia, và nằm trên con đường từ Hellespont đi Pergamum, vệ thành của Ilium (tức Troy). (BT)

^[3] Agrigentum là một trong những thành hùng mạnh và nổi tiếng nhất của Hy Lạp ở Sicily, nằm ở bờ biển tây nam của đảo này, ở khoảng giữa Selinus và Gela. (BT)

^[4] Catana là một thành do thực dân từ Chalcis từ Euboea kiến lập trên bờ biển phía đông Sicily, dưới chân núi Aetna, ở khoảng giữa Tauromenium và Syracuse. (BT)

^[5] Hipponium là một thành quan trọng của Hy Lạp trên bờ biển phía tây Bruttium, Italy, nằm bên bờ vịnh Hipponiates. (BT)

^[6] Medma là một thành của Hy Lạp ở miền nam Italy, trên bờ biển phía tây Bruttium, giữa Hipponium và cửa sông Metaurus. (BT)

^[7] Stagirus là một trấn của Macedonia ở Chalcidice, nằm bên bờ vịnh Strymon và ở phía bắc eo đất nối bán đảo Acte với Chalcidice. Stagirus là thuộc địa của đảo Andros, được kiến lập năm 656 trước CN. (BT)

^[8] Cerdylum theo *Dictionary of Greek and Roman Geography* (1854) và chú thích ở bản dịch của B. Jowett là một ngọn núi. (BT)

^[9] Pierium, hay còn gọi là Cierium, là một trấn ở Thessaly, nằm ở khoảng giữa con sông Enipeus và một phụ lưu của con sông này; lãnh thổ Pierium liền kề lãnh thổ Metropolis. (BT)

^[10] Pleistoanax bị trục xuất khoảng năm 445 trước CN và được phục vị năm 426 trước CN. (BT)

^[11] Lycaeum là một ngọn núi lớn nổi tiếng ở Arcadia. (BT)

^[12] Aristides (530-468 trước CN), còn được gọi là Aristides Công minh, là chính trị gia và là một vị tướng của Athens, đã tham gia cuộc chiến chống Ba Tư và lập nhiều công trạng trong các Trận Marathon, Trận Salamis, Trận Plataea. Năm 489 trước CN ông được bầu làm vị chấp chính quan tối cao của Athens. Năm 478 trước CN khi Liên minh Delos thành lập, ông là người được giao nhiệm vụ ấn định các khoản đóng góp của các đồng minh; do sự ấn định công bằng của ông mà các đồng minh thấy đều chấp nhận và lấy đó làm cơ sở đóng góp trong hầu hết thời gian Liên minh tồn tại. Herodotus ca ngợi Aristides là công dân ưu tú và công bằng nhất của Athens. (BT)

^[13] Scolus là một thành (hoặc trấn) ở Chalcidice, gần Olynthus. (BT)

^[14] Micyberna là một trấn nằm ở đầu vịnh Torone, là cảng của Olynthus và nằm giữa trấn Olynthus và trấn Sermyle. (BT)

^[15] Singus là một địa điểm ở tiểu bán đảo Sithonia trên bán đảo Chalcidice. (BT)

^[16] Pteleum là một địa danh chưa xác định được; có ít nhất 3 địa điểm cùng tên này: (i) một trấn cảng ở Phthiotis thuộc Thessaly; (ii) một trấn của Triphylia ở Elis; (iii) một pháo đài của Erythraeid ở Ionia (được đề cập ở chương XXIV). (BT)

^[17] Atalanta là một đảo nhỏ ngoài khơi Locris, trong vịnh Opus; phân biệt với đảo Atalanta ngoài khơi Attica hoặc trấn Atalanta ở Macedonia. (BT)

^[18] Sermyleum, còn gọi là Sermyle, là một trấn của Chalcidice, nằm giữa Galepsus và Micyberna. (BT)

^[19] Amyclae là một trấn của Laconia, nằm bên hữu ngạn con sông Erotas, cách Sparta khoảng hơn 2 dặm. Ngôi đền được đề cập ở đây là đền thờ thần Apollo, còn được gọi là Amyclaeum. (BT)

^[20] Tháng Artemisium, hay Artemisios, theo lịch của Lacedaemon và một số thành bang Hy Lạp khác rơi vào khoảng tháng 4 dương lịch. (ND)

^[21] Thực tế đây là giai đoạn thứ nhất của cuộc chiến tranh này, nếu tính cả cuộc Chiến tranh Peloponnese I (460-445 trước CN). (BT)

^[22] Tức Đại lễ hội Dionysia, nằm trong chuỗi 5 lễ hội Dionysia ở Athens để tôn vinh tửu thần Dionysus; Đại lễ này kéo dài 6 ngày, diễn ra vào tháng Elaphebolion là một lễ hội của toàn dân Athens và dân các xứ khác của Hy Lạp cũng đến dự. (BT)

^[23] Hyacinthia là lễ hội kéo dài 3 ngày được tổ chức vào mùa hạ hằng năm tại Amyclae để kỷ niệm mối tình bất hạnh của thần Apollo và Hyacinthus, vị hoàng tử Sparta là tình nhân đồng giới của vị thần này bị chết trong khi thi ném đĩa với thần Apollo do thần gió Zephyrus ghen tuông đã khiến chiếc đĩa của thần Apollo ném trúng đầu Hyacinthus. (BT)

Chú thích chương XVI.

^[1] Lepreum là trấn thủ phủ của Triphylia ở phía bắc xứ Elis. (BT)

^[2] Parrhasia là một xứ ở miền nam Arcadia, tộc dân Parrhasia được coi là một trong các tộc dân lâu đời nhất ở Hy Lạp. (BT)

^[3] Sciritis là một vùng miền núi ở phía bắc Laconia, tiếp giáp với Arcadia; trấn duy nhất của vùng này là Scirus. (BT)

^[4] *Neodamodes* là dân nô dịch *Helots* đã được trả tự do sau khi đã chiến đấu trong quân ngũ Sparta như bộ binh hạng nặng một thời gian nhất định. (ND)

^[5] R. Crawley dùng tính từ '*Dians*' để chỉ tộc dân này, B. Jowett dùng '*Dictidians*', T. Hobbes dùng '*Dictideans*', và có thuyết cho rằng đây không phải dân Dium; tuy vậy, bản *The Landmark Thucydides A Comprehensive Guide to the Peloponnesian War* do Robert B. Strassler biên tập trên bản dịch của R. Crawley có chú thích chỗ này là '*dân Dians sống tại trấn Dium trên bán đảo Acte ở Chalcidice*'. (BT)

^[6] Vào thời cuộc chiến tranh này, mỗi thành bang trong Liên minh Boeotia cử 60 đại biểu tham gia hội đồng liên minh tại Thebes. Hội đồng liên minh gồm 660 đại biểu từ 11 thành bang được chia làm 4 ủy ban, 4 ủy ban này lần lượt chủ tọa hội đồng với nhiệm kỳ 1 năm. Các ủy ban này có quyền biểu quyết thông qua mọi vấn đề quan trọng về chính sách và các vấn đề mới. (BT)

^[7] Anthene là một trấn ở Cynuria và cùng với Thyrea là hai trấn quan trọng của Cynuria. (BT)

^[8] Tức *Boule*. (BT)

^[9] Vào thời Chiến tranh Peloponnes, Argos là một thành bang Doris nhưng có thể chế dân chủ, với Hội đồng *Boule*, một cơ quan tham nghị và điều hành là *Artynoi* mà thành viên của nó là các *Artynas*, và một ủy ban 80 thành viên; Ủy ban 80 này được cho là của giới quý tộc, và các vị *Artynas* được cho là các chủ tịch của nó. (BT)

^[10] *Demiurgus* là chức pháp quan ở một số thành bang Peloponnese, ở Elis và Mantinea, *Demiurgus* dường như là chức đại pháp quan. (ND)

^[11] *Theori*, hay *Theoroi*, là các sứ giả được các thành bang Hy Lạp cử làm nhiệm vụ tôn giáo đặc biệt như lễ hiến tế, các đại lễ hội, hoặc xin lời tiên tri của các vị thần, ở một số thành bang Doris như Mantinea, Messenia... , các vị *Theori* là giới chức tôn giáo đặc biệt thường xin và luận giải những lời tiên tri hoặc những lời phán bảo của thần linh. (ND)

^[12] *Polemarch* là chức vụ chỉ huy cao cấp trong quân đội ở nhiều thành bang Hy Lạp. *Polemarch* được ghép từ *polemos* (*chiến tranh*) với từ *archon* (*nhà cai trị/lãnh đạo*). (ND)

^[13] Hội đồng 600 của Elis tương tự *Boule 500* của Athens. (BT)

^[14] *Thesmophylace* theo bản dịch của T. Hobbes là ‘*người bảo vệ luật pháp*’; theo S. T. Bloomfield, những vị này không chỉ là luật gia hoặc luật sư mà còn trông nom cả hai lĩnh vực luật lệ của con người và của thần thánh. (ND)

^[15] Pháo đài Phyrus nằm gần trấn Lepreum ở miền nam Elis. (BT)

^[16] Chỉ thần Zeus. (BT)

^[17] Harpina là một trấn của Pisatis ở Elis, nằm bên hữu ngạn sông Alpheius, trên con đường dẫn đến trấn Heraea của Arcadia, cách trường đua xe ngựa Olympia khoảng hơn 2 dặm. (BT)

^[18] Tức là Heraclea ở Trachis. (ND)

^[19] Aeniania là một xứ ở phía nam Thessaly, gần Oetaea, cả hai đều nằm ở đồng bằng châu thổ sông Spercheios; tên xứ này có nghĩa là “*đất của dân Aeniania*” là tộc dân cư ngụ lâu đời ở đây. (BT)

^[20] Apollo Pythaeus là tên gọi ghép tên thần Apollo với tên con trai của thần là Pythaeus, người được cho là đã xây dựng ngôi đền thờ Apollo ở Argos khi từ Delphi đến Argos. Apollo Pythaeus là vị thần bảo hộ của Argos. (BT)

^[21] Scyllaeum là một mũi đất ở Argolis, trên bờ biển Troezen, cùng với mũi đất Sunium ở Attica tạo thành cửa vịnh Saros. (BT)

^[22] Leuctra, còn gọi là Lectrum, là một pháo đài ở Aegyptis, trên biên giới giữa Arcadia và Laconia. (BT)

^[23] Tức tháng tổ chức Lễ hội Carneia, một lễ hội lớn của dân Doris để vinh danh thần Apollo Carneus (có nghĩa ‘*vị thần bảo hộ đàn gia súc*’). Lễ hội này kéo dài từ ngày 7-15 tháng Carneus (tháng này rơi vào giữa tháng Tám và Chín dương lịch) hằng năm. (BT)

^[24] Bản dịch của B. Jowett là ngày 27 của tháng trước lễ hội Carneia, bản dịch của T. Hobbes là ngày 26 trước lễ hội Carneia, nhưng cách dịch của R. Crawley có vẻ sát hơn. (ND)

^[25] Caryae là một trấn của Laconia, gần biên giới với Arcadia, nguyên trước thuộc lãnh thổ Tegea của Arcadia, sau đó bị Sparta chiếm và sáp nhập với lãnh thổ của mình. (BT)

^[26] Methydrium là một trấn ở miền trung Arcadia, nằm cách phía bắc Megalopolis hơn 24 dặm. (BT)

^[27] Saminthus là một trấn của Argos, nằm ở rìa tây đồng bằng Argos. (BT)

^[28] Nemea ở đây là một thung lũng ở Argolis, nằm giữa Cleonae và Phlius. (BT)

^[29] Orchomenos là một thành của Arcadia, nằm ở tây bắc Mantinea (phân biệt với Orchomenos của Boeotia). (BT)

^[30] Orestheum, còn gọi là Oresthasium, là một trấn nằm trong xứ Maenalia ở miền nam Arcadia, phía bên phải con đường từ Megalopolis đi Pallantium và Tegea. (BT)

^[31] Maenalia là một xứ ở Arcadia, thủ phủ của xứ này là trấn Maenalia. (ND)

^[32] *Lochage*, hay *Lochagos*, là chức chỉ huy của một *Lochos* trong quân đội Hy Lạp thời cổ đại. Về phiên chế trong các đơn vị quân đội của

Lacedaemon, trong cuốn *The History of Greece* của mình, nhà sử học William Midford tóm lược: “Theo Xenophon (sử gia Hy Lạp, 450-345 trước CN), nhà lập pháp Lyncurgus của Sparta phiên chế lực lượng Lacedaemon thành 6 đơn vị bộ binh và 6 đơn vị kỵ binh, mỗi đơn vị này được gọi là 1 Mora, các cấp chỉ huy trong mỗi Mora bộ binh hạng nặng gồm 1 vị Polemarch, 4 vị Lochage, 8 vị Pentecoster và 16 vị Enomotarch, nhưng ông không nêu rõ quân số. Thucydides không đề cập đến Mora mà mô tả bộ binh hạng nặng Lacedaemon như sau: mỗi Lochos gồm 4 Pentecostys, mỗi Pentecostys gồm 4 Enomoty, mỗi Enomoty gồm 4 hàng, số quân lính ở mỗi hàng khác nhau tùy theo tình huống nhưng thông thường là 8. Như vậy thông thường mỗi Enomoty có thể có 32 quân lính, mỗi Pentecostys có 128 quân, mỗi Lochos có 520 quân, mỗi Mora có 2048 quân...” Theo Midford, mô tả tổ chức quân đội Lacedaemon của Thucydides chính xác và đơn giản hơn, tuy các nhà nghiên cứu Hy Lạp cổ đại thường thiên về Xenophon hơn. (ND)

^[33] Pentecoster là chức chỉ huy của một Pentecostys. (ND)

^[34] Enomotarch là chức chỉ huy của một Enomoty. (ND)

^[35] Dân Sciritis cư ngụ ở vùng núi Sciritis của Laconia, họ là xứ dân lệ thuộc của Sparta, thân phận tương đương với dân tự trị Perioeci. (BT)

^[36] Heraea là một trấn ở Arcadia, nằm bên hữu ngạn sông Alpheus, gần biên giới Elis. (BT)

^[37] Cleonae là một trấn ở Argolis, nằm trên con đường từ Corinth đi Argos, bên dòng sông Cleonae chảy vào vịnh Corinth. (BT)

^[38] Orneae là một trấn ở Argolis, gần biên giới với Phlius, trấn này bị Argos chinh phục năm 418 trước CN trong cuộc chiến tranh này. (BT)

^[39] Heraeum là tên gọi tất cả các đền thờ nữ thần Hera, Mũi Heraeum ở đây là một mũi đất ở Argos nơi đền thờ Hera tọa lạc; đây là đền thờ Hera nổi tiếng nhất. (BT)

^[40] Gymnopaediae là một lễ hội kèm theo những cuộc thi đấu thể thao ở Sparta, được tổ chức hằng năm vào tháng Hecatombaeon theo lịch Attica

(rơi vào khoảng giữa tháng Bảy – tháng Tám dương lịch) và kéo dài khoảng 10 ngày, để vinh danh thần Apollo, hoặc nữ thần Artemis và Leto; thanh niên Sparta biểu diễn võ thuật và thể thao với những vũ điệu chiến tranh và các bài đồng ca trong lễ hội này. (ND)

Chú thích chương XVII

^[1] Là thuộc địa của Lacedaemon, Melos theo chính thể *oligarchy*, quyền lực tập trung trong tay thiểu số. (BT)

^[2] Câu này ở bản dịch của R. Crawley diễn đạt cầu kỳ hơn bản dịch của B. Jowett và T. Hobbes, lấy ý từ câu ngạn ngữ Latinh '*Nemo judex in causa sua,*' có nghĩa '*Không ai được làm người phân xử trong vụ án của chính mình,*' đây là nguyên tắc công bằng căn bản, một người không thể phân xử vụ án công bằng khi chính mình có quyền lợi trong đó. (BT)

Chú thích chương XVIII

^[1] Cuộc viễn chinh Sicily này diễn ra trong khoảng năm 415-413 trước CN. (BT)

^[2] Số đo này trong bản gốc Hy Lạp tương đương 2 hải lý (1 hải lý = 1,852 km). (BT)

^[3] Cyclops là giống người khổng lồ một mắt trong thần thoại Hy Lạp; trong sử thi *Odyssey* của Homer, khi Odysseus ghé vào Sicily đã gặp giống người khổng lồ Cyclop có 1 mắt trên trán cư ngụ. (BT)

^[4] Laestrygones là giống người khổng lồ ăn thịt người trong thần thoại Hy Lạp, Odysseus cũng gặp giống người này trên hành trình trở về từ Troy. (BT)

^[5] Dân Sicani theo truyền thuyết là một trong những tộc dân cổ xưa nhất ở đảo Sicily. (BT)

^[6] Dân Iberia là một nhóm các tộc dân được cho là đã sinh sống ở bờ biển phía nam và phía đông bán đảo Iberia ở phía tây nam châu Âu (nay là Tây Ban Nha). (BT)

^[7] Liguria là một xứ ở Italy, xứ này phía tây giáp với sông Varus và phần tây nam dãy Alps, phía đông nam giáp sông Macra, phía bắc giáp sông Po, và phía nam giáp biển Ligusticum. Dân Liguria thời sơ khai sống rải rác ở các bờ biển xứ Gaul và Italy từ cửa sông Rhone đến thành Pisae ở Etruria (BT)

^[8] Eryx là tên trấn và cũng là tên ngọn núi nằm ở phía tây Sicily, cách cảng Drepana khoảng 6 dặm và cách bờ biển khoảng 2 dặm. (BT)

^[9] Egesta, còn gọi là Segesta, là thành nằm ở phía tây bắc Sicily, cách biển khoảng 6 dặm và cách thành Panormus khoảng 34 dặm. (BT)

^[10] Dân Opici, hay còn gọi là Osci, là tộc dân ở miền trung Italy từ Campania và các biên giới của Latium đến biển Adria. (BT)

^[11] Motye, hay còn gọi là Motya, là một thành ở bờ biển phía tây Sicily, nằm trên một hòn đảo nhỏ cách Sicily khoảng $\frac{3}{4}$ dặm, được nối với Sicily

bằng một con dê chẵn sừng. (BT)

^[12] Soloeis là một thành ở Sicily, cách phía đông Panormus khoảng 10 dặm. (BT)

^[13] Panormus là một trấn quan trọng ở bờ biển phía bắc Sicily (phân biệt với một số nơi trùng tên ở Hy Lạp). (BT)

^[14] Carthage là một thành lớn nằm trên bờ biển phía bắc của châu Phi. Theo truyền thuyết, thành này được người Phoenicia từ Tyre (một trấn cảng của Phoenicia trên bờ Địa Trung Hải) sang kiến lập năm 814 trước CN. (BT)

^[15] *Apollo Archegetes* là một biệt danh của thần Apollo; *Archegetes* là từ gốc Hy Lạp có nghĩa ‘*Người kiến lập*’ hoặc ‘*Người sáng lập*’. (ND)

^[16] Các đại diện ở đây chính là các ‘*theoroi*’ như đã chú thích ở chương XVI, được cử đi thực hiện các sứ mệnh về tôn giáo tại các đại lễ hội của Hy Lạp. (BT)

^[17] Thapsus là một thành ở bờ biển phía đông Sicily (phân biệt với Thapsus ở châu Phi). (BT)

^[18] Megara Hyblaea nằm gần trấn Augusta, trên bờ phía đông của Sicily, cách phía tây bắc Syracuse khoảng 12 dặm. (BT)

^[19] Selinus là một trong những trấn quan trọng nhất ở Sicily, nằm trên một ngọn đồi bên bờ biển tây nam Sicily và bên bờ sông Selinus. (BT)

^[20] Tức là trấn Megara ở Hy Lạp. (ND)

^[21] Rhodes là đảo lớn nhất trong quần đảo Dodecanese ở biển Aegea, nằm ở phía đông bắc Crete, phía đông nam Athens và ngay ngoài khơi bờ biển Anatolia. (BT)

^[22] Tức Messina hoặc Messana (xem chú thích về Messina ở chương XI). (BT)

^[23] Acrae là một thành nằm ở miền nam Sicily, nằm trên một quả đồi dốc đứng, phía tây Syracuse. (BT)

^[24] Casmeneae là một thành nằm ở rặng núi Hyblaea phía đông nam Sicily, được kiến lập vào khoảng năm 644-643 trước CN. (BT)

^[25] Tức là cuộc chiến tranh giữa Leontini và Syracuse được đề cập ở cuối chương X. (BT)

^[26] “*Herma*” là từ có gốc Hy Lạp, chỉ các khối đá có tạc đầu và có thể là một vài bộ phận khác của các vị thần hoặc các anh hùng, các nhân vật nổi tiếng, bên dưới thường là khối chữ nhật trơn không điêu khắc, đặc trưng ở Hy Lạp cổ và được cho là có liên quan đến tên thần Hermes. (ND)

^[27] Iapygia, còn được gọi là Messapia, là tên mà người Hy Lạp đặt cho vùng đông nam của Italy; địa giới của Iapygia khá mơ hồ và thay đổi theo thời gian. (BT)

Chú thích chương XIX

^[1] Tarentum là một thành lớn và quan trọng của Hy Lạp ở miền nam Italy, nằm trên bờ biển phía bắc của vịnh Taranto (còn gọi là vịnh Tarentum). (BT)

^[2] Ở đây diễn giả chiết tự từ ‘*democracy*’ (dân chủ), như đã chú thích ở chương IV, từ ‘*democracy*’ trong tiếng Hy Lạp được ghép từ ‘*demos*’ tức là ‘nhân dân’ và ‘*kratos*’ tức là ‘cai trị’. (BT)

^[3] *Thetes* là tầng lớp dân thấp nhất của Athens thời bấy giờ, được định nghĩa là những người không có tài sản. (ND)

^[4] Tiếng Anh “*Italiots*”, chỉ những cư dân thời kỳ tiền La Mã nói tiếng Hy Lạp ở bán đảo Italy giữa Naples và Sicily. Hy Lạp thuộc địa hóa những miền bờ biển ở nam Italy và Sicily từ thế kỷ VIII trước CN, vùng bị Hy Lạp hóa rộng đến nỗi được gọi là Magna Graecia (có nghĩa ‘*Hy Lạp lớn hơn*’, hoặc *Đại Hy Lạp*), các dân *Siceliots* và *Italiots* đều là thực dân Hy Lạp ở những vùng này. (BT)

^[5] Aphrodite theo thần thoại Hy Lạp là nữ thần của tình yêu, sắc đẹp, khoái lạc và sinh sôi. (BT)

^[6] Tức Megara Hyblaea ở Sicily, phân biệt với Megara thủ phủ của Megaris ở Hy Lạp. (BT)

^[7] Terias là con sông ở phía đông đảo Sicily, đổ ra biển giữa Catania và Syracuse. (BT)

^[8] Syracuse bao gồm cả đảo Ortygia ngoài khơi, đảo này tạo thành nhánh phía bắc của cảng nước sâu tự nhiên rất lớn của Syracuse là Đại Cảng; ngoài Đại Cảng (ở phía nam đảo Ortygia), việc xây dựng các đê chắn sóng ở phía bắc đảo Ortygia đã tạo thành một cảng nhỏ hơn là Tiểu Cảng, còn được gọi là Lakkios. Hai cảng này biến Syraciote thành một trong những trấn cảng quan trọng nhất ở phía tây Địa Trung Hải. (BT)

^[9] Ba cha con bạo chúa này được gọi chung là Peisistratids và thời kỳ họ cai trị Athens là từ năm 546-510 trước CN; tuy vậy Pisistratus thực tế đã cai trị Athens từ khoảng năm 564 trước CN và đã 2 lần bị trục xuất khỏi Athens

cho đến năm 546 trước CN ông ta quay lại nắm quyền cai trị lần cuối và chết vào năm 527 trước CN. (BT)

^[10] Ceramicus là một trong những khu vực quan trọng nhất của thành Athens, nằm ở phía tây bắc Acropolis, bao gồm Agora (nơi hội họp), cổng vòm Basileios, cổng vòm Poekile, nhiều đền thờ và các công thự. (BT)

^[11] Leocorium là ngôi đền thờ các con gái của Leo (tham khảo chú thích ở chương I). (BT)

^[12] Tức Darius Đại đế của Ba Tư. (ND)

^[13] Gia tộc Alcmaeonid là gia tộc quý tộc rất quyền lực ở Athens cổ đại; gia tộc này tự nhận là hậu duệ của Alcmaeon, cháu của Nestor vị vua của Pylos và một trong những anh hùng đi tìm bộ lông cừu vàng trong thần thoại Hy Lạp. (BT)

^[14] Sigeum là một mũi đất ở Troad, tạo thành điểm cực tây bắc của Tiểu Á, nằm ở cửa eo biển Hellespont và đối diện với trấn Elaeus ở Chersonesus của Thrace. (BT)

^[15] Thurii, hay còn gọi là Thurium theo tiếng Latinh, là một thành của Magna Graecia, nằm bên vịnh Taranto ở biển Ionia, phía nam Italy. (BT)

Chú thích chương XX.

^[1] Hycara là một trấn nhỏ phía bờ biển bắc đảo Sicily, nằm ở khoảng giữa thành Panormus và hải cảng của Segesta (hay Egesta). (BT)

^[2] Như chương trước đã đề cập, dân thành Troy trốn sang Sicily định cư cùng với dân Sicani dưới một tên chung là dân Elymi và kiến lập các trấn Eryx và Egesta. (BT)

^[3] Có ít nhất là 3 trấn/thành ở Sicily cùng có tên là Hybla: Hybla Major (hay Magna), Megara Hyblaea và Hybla Heraea. Trên bản đồ Sicily cổ thì thuộc lãnh thổ Gela là Hybla Heraea; tuy vậy, William Smith, tác giả của *Dictionary of Greek and Roman Geography* (1854) lại cho rằng nhiều khả năng trong ngữ cảnh này là Hybra Major ở chân núi Aetna. (BT)

^[4] Olympieum là một trấn nhỏ phía nam Syracuse, nằm bên bờ Đại Cảng, *Olympieum* là từ có gốc Hy Lạp, chỉ chung đền thờ thần Zeus chúa tể Olympus, sách *A History of Greece* của Connop Thirlwall mô tả gần Đại Cảng có đền thờ thần Zeus chúa tể Olympus, cách kinh thành Syracuse gần 1 dặm. (BT)

^[5] Symaethus là một trong những sông lớn nhất ở Sicily, bắt nguồn từ rừng núi Mons Nebrodes và đổ ra biển cách phía Nam Catania khoảng 8 dặm. (BT)

^[6] Anapus là một trong những con sông lớn ở Sicily, đổ ra biển qua Đại Cảng của Syracuse (phân biệt với sông Anapus đổ vào sông lớn Achelous ở Acarnania). (BT).

^[8] Là con đường nối Syracuse và thành Helorus (hay còn gọi là Helorum), cách Syracus khoảng 25 dặm về phía nam. (ND)

^[9] Biệt danh ‘*Temenites*’ của thần Apollo phái sinh từ ‘*temenus*’ (có nghĩa ‘*thánh thất*’ hoặc ‘*thánh địa*’, chỉ nơi thờ phụng Apollo ở Syracuse); pho tượng Apollo Temenites ở Syracuse nằm trong khu vực ngoại ô của Syracuse. (ND)

^[10] Epipolae là một vùng cao nguyên ở phía tây Syracuse. (BT)

^[11] Cụm *'không thể quá lệ thuộc được'* ở cuối câu này được R. Crawley dịch là *'cannot be too independent'*, nếu bám sát nghĩa này thì phải dịch là *'không thể quá độc lập được'*, nhưng sẽ không logic với ý toàn đoạn và không thấy nghĩa tương phản với vế trước của câu, trong khi đó B. Jowett dịch là *'should be as independent as possible'* (*'phải được độc lập hết mức'*) và T. Hobbes dịch là *'when they are most in liberty'* (*'khi họ được tự do nhất'*). (ND)

^[12] Tyrrhenia, còn gọi là Etruria, là một xứ ở miền trung Italy, bắc giáp dãy núi Apennine, đông giáp sông Tiber, tây giáp biển Tyrrhenia. (BT)

^[13] Decelea là một phân khu của Attica, ở phía tây bắc Athens, trên biên giới Boeotia. (BT)

^[14] Centoripa là trấn nằm bên trên Catana, tiếp giáp với dãy núi Aetna và nằm bên bờ sông Symaethus, con sông chảy vào lãnh thổ Catana. (BT)

^[15] Trấn Inessa (hay Aetna) nằm gần Centoripa và trên con đường đi Catana (xem thêm chú thích chương XI). (BT)

^[16] Theo bản đồ Sicily thì gần Centoripa, Inessa và Catana là Hybla Major. (BT)

^[17] Thyreatid là một vùng của xứ Cynuria ở Peloponnese. (BT)

^[18] Euryelus là điểm cao nhất của Epipolae. (BT)

^[19] Trogilus là một hải cảng của Syracuse. (BT)

^[20] Cha của Gylippus là Cleandridas, một vị tướng của Sparta kiêm cố vấn của vua Pleistoanax và khi cùng bị trục xuất với vị vua này trong vụ nhận hối lộ của Athens để triệt thoái quân khỏi Attica, ông ta đã chạy sang Thuri; Cleandridas đã từng là tướng của Thuri trong cuộc tranh chấp giữa Tarantum và Thuri. (BT)

^[21] Terina là một vịnh rộng ở Bruttium của Italy, nằm bên phía tây mũi đất Lacinium. (BT)

^[22] Tức là trấn Prasiai (xem chú thích chương VII). (BT)

^[23] Không tìm ra địa danh Phlisaid, nhưng theo bản dịch của B. Jowett và bản dịch của T. Hobbes thì đây là *Phlissia* (hay còn gọi là *Phlius*), một thành ở đông bắc Peloponnese, như chú thích ở chương II. (BT)

Chú thích chương XXI.

^[1] Túc Locris ở Italy (xem chú thích ở chương X). (BT)

^[2] Himeraeum là một địa điểm ở Thrace, gần Amphipolis. (BT)

^[3] Caulonia, còn gọi là Caulon, là một trấn ở bờ biển phía đông của Bruttium, nằm giữa Locri Epizephyrii và vịnh Scyllacium. (BT)

^[4] Sunium là một mũi đất tạo thành điểm cực nam của Attica, trên mũi đất này có trấn Sunium. (BT)

^[5] Euripus là eo biển trên biển Aegea, chia tách Euboea khỏi Boeotia. (BT)

^[6] Mycalessus là một thành của Boeotia, nằm trên con đường từ Aulis đi Thebes. (BT)

^[7] Theo thần thoại Hy Lạp, Hermes là vị thần của ranh giới, trung gian giữa người trần và các vị thần, dẫn dắt các linh hồn sau khi chết, bảo vệ các mục đồng, kẻ trộm, bảo trợ văn chương, thi ca, thuật hùng biện, thể thao... (BT)

^[8] Alyzia là một trấn ở Acarnania, nằm gần biển và đối diện với Leucas. (BT)

^[9] Alicyaea, có thể là Halicyae, là một thành ở phía tây Sicily, cách phía nam Segesta khoảng 10 dặm. Theo William Smith, địa danh này lần đầu xuất hiện là ở đoạn này của Thucydides, nhưng khó khẳng định đó chính là Halicyae; tuy vậy, T. Hobbes đã dịch là *Halicyaeans* ('dân Halicyae'). (BT)

^[10] Messapii là tộc dân sống ở bán đảo Calabria ở cực đông nam của Italy mà người Hy Lạp gọi là Messapia. Dân Messapii được coi là tộc dân cư trú sớm nhất ở đây và có lẽ là những người Hy Lạp đầu tiên di cư sang Italy, họ cũng được gọi chung là dân Iapygia (phân biệt với Messapia ở Hy Lạp). (BT)

^[11] Metapontium là một thành nổi tiếng bên vịnh Taranto, miền nam Italy, do người Achaea từ thuộc địa Sybaris và Croton kiến lập năm 700 trước CN. (BT)

^[12] Erineus là một hải cảng hoặc một vịnh của Rhypica (hoặc Rhypes) ở Achaia. (BT)

^[13] Địa danh Rhypica được dịch giả R. Crawley và T. Hobbes dùng, dịch giả B. Jowett dùng Rhypae; tuy vậy, 2 từ điển *Dictionary of Greek and Roman Geography* (1854) và *Harpers Dictionary of Classical Antiquities* (1898) đều chỉ ra địa danh này là Rhypes, một trong 12 thành của Achaia (Liên minh Achaia), nằm giữa Aegium và Patrae. (BT)

^[14] Croton, còn gọi là Crolona, là một trong những thuộc địa nổi tiếng nhất của Hy Lạp, nằm bên bờ đông của bán đảo Bruttium ở miền nam Italy, do thực dân Achaia kiến lập khoảng năm 710 trước CN. (BT)

^[15] Sybaris là con sông ở vùng Lucania của Italy, chảy qua trấn Sybaris và đổ vào sông Crathis. (BT)

^[16] Hylas là con sông ở Bruttium, Italy, chia tách lãnh thổ Sybaris và Croton. (BT)

^[17] Petra thuộc lãnh thổ Rhegium là một thành ở phía đông Sicily (tránh nhầm với một số trấn, thành cùng tên ở Hy Lạp và khu vực lân cận). (BT)

^[18] Cubit: đơn vị đo chiều dài được dùng ở nhiều quốc gia thời cổ đại, dựa trên chiều dài cánh tay tính từ đầu ngón giữa đến hết cùi chỏ; đơn vị này không đồng nhất ở các quốc gia khác nhau: ở Hy Lạp cổ đại, 1 cubit (tiếng Hy Lạp là *pechys*) = 46,24 cm (bản gốc Hy Lạp cũng dùng đơn vị này); ở vùng Cận Đông 1 cubit = 45,72 cm, ở La Mã 1 cubit = 44,38 cm... (ND)

Chú thích chương XXIII.

^[4] Tộc dân Euesperitae là một tộc dân ở Lybia. (BT)

^[2] Hestiaea là một trong các thành độc lập của Euboea, nằm ở điểm cực bắc của đảo này, bên bờ sông Callas, dưới chân núi Telethrium và đối diện với trấn Antrpn trên bờ biển Thessaly. (BT)

^[3] Styra là một trấn ở bờ biển phía tây của Euboea, nằm ở phía bắc Carystus. (BT)

^[4] Carystus là một trấn ở bờ biển phía nam của Euboea, dưới chân núi Oche. (BT)

^[5] Ceos là một đảo trong quần đảo Cyclades, nằm giữa mũi đất Sunium của Attica và đảo Cythnus. (BT)

^[6] Tenos là một đảo thuộc quần đảo Cyclades, nằm giữa Delos và Andros. (BT)

^[7] Dryopis là tộc dân cổ xưa của Hy Lạp, ban đầu cư trú ở Dryopis, một xứ bắc giáp Thessaly, nam giáp Locris, tây giáp Aetolia, đông giáp Phocis; xứ này bao gồm 4 trấn Boum, Citinium, Erineus và Pindus mà sau này hình thành nên lãnh thổ Doris. (BT)

^[8] Aenos là một trấn trên bờ biển phía nam của Thrace, gần con sông Hebrus. (BT)

^[9] Metapontum là một thành quan trọng ở Magna Graecia, Italy, nằm bên vịnh Taranto, gần cửa sông Bradanus. (BT)

^[10] Cacyparis là con sông ở bờ biển phía đông của Sicily. (BT)

^[11] Assinarus là con sông nhỏ ở bờ biển phía đông của Sicily, chảy giữa Syracuse và Helorus. (BT)

Chú thích chương XXIV.

^[1] Tissaphernes (445-395 trước CN) là một chỉ huy quân sự và chính trị gia của Ba Tư, từng giữ chức chỉ huy Binh đoàn Bất tử của Ba Tư trong cuộc xâm lược Hy Lạp của Xerxes. Sự kiện đề cập bên trên xảy ra khoảng năm 413 trước CN, vào thời Darius II trị vì, Tissaphernes lúc ấy là phó vương của Lydia và Caria đồng thời thống lĩnh quân đội Ba Tư ở Ionia, và là người đóng vai trò quan trọng trong những nỗ lực của Ba Tư nhằm tái chinh phục các thành Ionia của Hy Lạp ở Tiểu Á mà Athens nắm giữ từ năm 449 trước CN. (BT)

^[2] Tức Darius II của Ba Tư, trị vì từ năm 423-404/05 trước CN. (BT)

^[3] Tức Artaxerxes I của Ba Tư. (BT)

^[4] Pissuthnes là phó vương của Ba Tư ở Lydia. (BT)

^[5] Cyzicus là tên một hòn đảo ở ngoài khơi bờ biển phía bắc của Mysia ở Tiểu Á, đồng thời là tên một thành nổi tiếng ở đảo này; thành Cyzicus được cho là thuộc địa do dân Pelasgi từ Thessaly dưới sự dẫn dắt của Cyzicus con trai thần Apollo sang kiến lập ở Tiểu Á. (BT)

^[6] Tức Pharnabazus II, cháu nội của Pharnabazus I, phó vương của Ba Tư ở Phrygia, Hellespont. (BT)

^[7] Lễ hội Isthmus (Eo đất) được tổ chức hai năm một lần ở Eo đất của Corinth, được cho là bắt đầu tổ chức vào năm 582 trước CN, trong lễ hội có thi đấu thể thao và thi ca, âm nhạc. (BT)

^[8] Corycus là một ngọn núi dốc đứng ở Tiểu Á, nằm trên một bán đảo nơi thành Erythrae tọa lạc. (BT)

^[9] Clazomenae là một thành quan trọng trong 12 thành của Ionia ở Tiểu Á, nằm ở bờ biển phía bắc bán đảo Ionia, trên bờ vịnh Smyrna. Lãnh thổ của nó bao gồm một đảo nhỏ gần bên. (BT)

^[10] Polichna có thể là một trấn ở vùng thượng lưu sông Aesepus ở Mysia Tiểu Á. (BI)

^[11] Lade là đảo lớn nhất trong nhóm đảo nhỏ ở vịnh Latmicus, và là bình phong bảo vệ các cảng của Miletus. (BT)

^[12] Lebedos, hoặc Lebedus, là một trong 12 thành Ionia ở bờ biển phía tây Tiểu Á, cách mũi Myonensus và Colophon không xa. (BT)

^[13] Erae là một trấn ở bờ biển Ionia, gần Lebedos và Teos. (BT)

^[14] Daphnus là một nơi thuộc lãnh thổ Clazomenae.

^[15] Sidussa là một trấn nhỏ của Ionia trên lãnh thổ Erythrae. (BT)

^[16] Cardamyle và Bolissus là hai địa danh ở Chios; Cardamyle cách bờ phía đông bắc của đảo Chios một quãng, Bolissus nằm ở bờ biển tây bắc của Chios. (BT)

^[17] Phanae là mũi đất phía nam đảo Chios. (BT)

^[18] Leuconium cũng thuộc Chios nhưng không rõ vị trí. (BT)

^[19] Tức Erythraeid, như chú thích ở chương IX; dịch giả R. Crawley dùng cả hai địa danh Erythrae và Erythraeid để chỉ cùng một nơi trong chiến sự ở vùng Tiểu Á. (BT)

^[20] Vịnh Iasus, hay Iasos, nằm trên bờ biển xứ Caria ở góc tây nam Tiểu Á. (BT)

^[21] Iasus (hay Iasos) là một trấn duyên hải của Caria, nằm bên bờ vịnh Iasus. (BT)

^[22] Tức Darius II của Ba Tư. (BT)

^[23] Tiếng Anh là ‘*Daric stater*’, còn được gọi đơn giản là đồng Daric, một đồng tiền vàng của Đế quốc Ba Tư được đưa vào sử dụng từ thời vua Darius I, có trọng lượng khoảng 8,4 gam vàng. Giá trị đồng vàng này tương đương với 4 *dracma* của Attica. (ND)

^[24] *Dracma Attica* là đồng *dracma* thông dụng nhất ở Hy Lạp thời bấy giờ, có trọng lượng khoảng 4,4 gam bạc. (ND)

^[25] Chức vụ này trong bản dịch của R. Crawley và B. Jowett dùng từ ‘*lieutenant*’, bản của T. Hobbes dùng ‘*deputy lieutenant*’ – đều chỉ nghĩa cấp phó; trong khi chức vụ này ở bản gốc Hy Lạp là ‘*ὑπαρχος*’ (‘*hyparchos*’)

tương đương với ‘*governor*’ (‘*thống đốc*’); theo một số chú giải của các học giả về Ba Tư và Hy-La, chức vụ của Tamos là ‘*governor*’ của Ionia, song bên dưới có tình tiết Tamos được Tissaphernes bổ nhiệm làm phó của mình, hoặc giả từ ‘*lieutenant*’ được dùng với ý đó chăng? (BT)

^[26] Arginus (còn gọi là Arginum hoặc Argenus) là một mũi đá ở góc tây nam bán đảo Erythrae, gần Chios. (BT)

^[27] Mimas là rặng núi ở Ionia, vắt ngang bán đảo Erythrae từ nam tới bắc. (BT)

^[28] Mũi Malea này ở đông nam Laconia, phân biệt với mũi Malea trên bờ biển Lesbos. (BT)

^[29] Meropid Cos, còn gọi là Meropis Cos hoặc Cos, là một hải đảo ở vùng biển Myrtoan (một phần của Địa Trung Hải), gần bờ biển của Tiểu Á; Meropis là một trong những tên gọi trước đó của đảo này. (BT)

^[30] Syme là một hải đảo bên ngoài bờ biển của Caria, nằm giữa bán đảo Cnidus và đảo Rhodes. (BT)

^[31] Chalce, còn gọi là Chalcia, là một đảo nhỏ ở gần đảo Rhodes. (BT)

^[32] Đảo Teutlussa, hay Teuglussa, được cho là nằm giữa Syme và Halicarnassus (một thành thuộc địa lớn của Doris ở Tiểu Á). (BT)

^[33] Lorymi, hay Loryma, là một địa điểm được củng cố phòng vệ ở Caria, nơi này có một hải cảng. (BT)

Chú thích chương XXV.

^[1] Camirus là một trong ba trấn Doris ở đảo Rhodes, nằm ở bờ biển phía tây của đảo này. (BT)

^[2] Lindus là một trong ba trấn Doris ở đảo Rhodes, nằm ở bờ biển phía đông của đảo này. (BT)

^[3] Ialysus là một trong ba trấn Doris ở đảo Rhodes, nằm ở bờ biển phía bắc của đảo này. (BT)

^[4] Một trong hai thành ở Lydia: Magnesia Atl Sipylum hay Magnesia (dưới chân mu Sipylus) ở phía tây bắc Lydia, hoặc Magnesia Ad Meandrum (hay Magnesia bên sông Maeander) ở phía tây nam Lydia. (BT)

^[5] Maeander, hay Meander, là con sông nổi tiếng vì quanh co uốn khúc ở Tiểu Á, bắt nguồn từ miền nam Phrygia, chảy qua Lydia và Caria tạo thành ranh giới giữa 2 xứ này tại đồng bằng sông Maeander. (BT)

^[6] Abydos là một trấn trên lãnh thổ Troad bên eo biển Hellespont. (BT)

^[7] Chersonese ở đây là một bán đảo ở Thrace, nằm giữa vịnh Melas và Hellespont. (BT)

^[8] *Hội đồng Hạt đậu* ('*Council of the Bean*') là một tên gọi khác của *Boule*, do các thành viên Hội đồng này được bầu bằng cách bỏ hạt đậu tằm màu đen và trắng (bean) vào một chiếc hộp, căn cứ vào màu hạt đậu mà một ứng cử viên thu được để quyết định họ có được lựa chọn vào vị trí đó hay không. Ở ngữ cảnh này là *Boule 500* của Athens (xem thêm chú thích chương II). (ND)

^[9] Năm ngàn người này là thành phần mở rộng của Hội đồng Bốn trăm nói trên và sau đó thay thế hội đồng này; Encyclopedia Britannica chú giải như sau: "*Hội đồng Bốn trăm (năm 411 trước CN) là hội đồng oligarchy đã nắm quyền một thời gian ngắn ở Athens trong thời Chiến tranh Peloponnese, trong một cuộc đảo chính do Antiphon và Alcibiades khởi xướng. Đây là một hội đồng phản dân chủ cực đoan, và theo đòi hỏi của hạm đội Athens đã mau chóng được thay thế bằng một chính thể oligarchy ôn hoà hơn là [Hội đồng] Năm ngàn người. Hội đồng mới này tồn tại chỉ 10 tháng, nền dân chủ*

toàn vẹn được khôi phục lại vào năm 410 trước CN và một ủy ban được thành lập để ngăn chặn tái diễn việc này”. (ND)

Chú thích chương XXVI

^[1] Aspendus là một thành của xứ Pamphylia (Tiểu Á), nằm bên bờ sông Eurymedon. (BT)

^[2] Tức *Boule 500*. (ND)

^[3] Eetionia, hay Eetioneia, là một dải đất nhỏ nhô ra ở phía tây trấn cảng Pireaus của Athens. (BT)

^[4] Las là một trấn nằm ở phía đông vịnh Laconia. (BT)

^[5] Chức vụ này trong bản dịch của R. Crawley dùng từ ‘*colonel*’ (‘đại tá’), bản gốc Hy Lạp dùng ‘*taxiarchos*’, là cấp dưới trực tiếp của ‘*strategos*’ (‘tướng quân’). (BT)

^[6] Anaceum là đền thờ Dioscuri ở tây bắc Acropolis của Athens. (BT)

^[7] Thoricus là một trong 12 trấn của Attica và là địa hạt của tộc Acamantis, nằm bên bờ biển đông nam, phía trên Sunium. (BT)

^[8] Bản gốc là 60 *stadion*, tương đương với 6,9 dặm Anh (11,1 km), như vậy đơn vị ở đây không phải dặm biển hoặc hải lý. (BT)

^[9] Oreus là tên gọi khác của trấn Hestiaea (xem chú thích chương XXIII). (BT)

^[10] Không tìm ra địa danh Phocaeid, nhưng B. Jowett và T. Hobbes đều dịch là Phocaea, một thành Ionia ở bờ biển phía tây Tiểu Á (xem chú thích chương I). (BT)

^[11] Arginusae là tên ba hòn đảo nhỏ ở ngoài khơi Aeolis, đối diện với Mytilene; tuy vậy ở đây tác giả mô tả là lục địa, điều mà William Smith, tác giả của *Dictionary of Greek and Roman Geography* (1854) cũng lấy làm băn khoăn. (BT)

^[12] Harmatus là một thành và đồng thời là một mũi đất ở Aeolis, Tiểu Á. (BT)

^[13] Lectum là một mũi đất ở tây nam Troad, đối diện với đảo Lesbos. (BT)

^[14] Larisa, hay Larissa, là một thành ở bờ biển Troad (phân biệt với Larissa ở Thessaly). (BT)

- ^[15] Hamaxitus là một trấn ở bờ biển tây nam của Troad, gần Larissa. (BT)
- ^[16] Sigeum là một mũi đất ở Troad, tạo thành điểm cực tây bắc của Tiểu Á, ngay cửa vào eo biển Hellespont và đối diện trấn Elaeus. (BT)
- ^[17] Elaeus là một trấn ở đông nam Chersonese của Thrace. (BT)
- ^[18] Protesilaus là một anh hùng trong Chiến tranh Thành Troy, là người đầu tiên đổ bộ lên bờ biển Troy và bị Hector giết, theo lời tiên tri người Hy Lạp đầu tiên đổ bộ lên bờ biển Troy sẽ là người đầu tiên phải chết trong cuộc chiến tranh này. (BT)
- ^[19] Idacus và Arrhiani là hai trấn cạnh nhau ở Chersonese của Thrace. (BT)
- ^[20] Dardanus là một thành ở Troad. (BT)
- ^[21] Cynossema là mũi đất ở bờ biển phía đông Chersonese của Thrace. (BT)
- ^[22] Harpagium, còn gọi là Harpagia, là một tiểu trấn ở Mysia, giữa Cyzicus và Priapus. (BT)
- ^[23] Priapus là một trấn ở Mysia, nằm trên bờ biển Propontis (biển giữa Thrace và Tiểu Á). (BT)
- ^[24] Halicarnassus là một thành của Hy Lạp bên bờ biển Tiểu Á, trên vịnh Cos (hoặc vịnh Kerme). (BT)
- ^[25] Antandros là một tên gọi khác của Antandrus. (ND)
- ^[26] Năm thứ 21 của cuộc chiến tranh này tức là năm 410 trước CN. Cuộc chiến tranh kết thúc năm 404 trước CN và chiến thắng tối hậu thuộc về Sparta; nguyên nhân tại sao Thucydides không viết tiếp và đến nay nó vẫn là một bí ẩn dù có nhiều giả định. (BT)

Table of Contents

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

QUYỂN THỨ NHẤT

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

QUYỂN THỨ HAI

Chương VI

Chương VII

Chương VIII

QUYỂN THỨ BA

Chương IX

Chương X

Chương XI

QUYỂN THỨ TƯ

Chương XII

Chương XIII

Chương XIV

QUYỂN THỨ NĂM

Chương XV

Chương XVI

Chương XVII

QUYỂN THỨ SÁU

Chương XVIII

Chương XIX

Chương XX

QUYỂN THỨ BẢY

Chương XXI

Chương XXII

Chương XXIII

QUYỂN THỨ TÁM

Chương XXIV

Chương XXV

Chương XXVI